

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO TUỆ QUANG TẬP 26/4

PHẬT LỊCH 2560 - 2016

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO
TUỆ QUANG

TẬP 26/4

No. 1541-1543

SỐ 1541/12
LUẬN CHÚNG SỰ PHẦN A TỶ ĐÀM

*Tác giả: Tôn giả Thế Hữu.
Hán dịch: Đời Lưu Tống, Đại sư Cầu Na Bạt Đà La và Bồ Đề Đa Xá.
Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.*

QUYỂN 5
Phẩm 6: PHÂN BIỆT THẬU TÓM, phần 2

Thế nào là pháp thiện? Là năm ấm thiện và số diệt.

Thế nào là pháp bất thiện? Là năm ấm bất thiện.

Thế nào là pháp vô ký? Là năm ấm vô ký và hư không, phi số diệt.

*

Thế nào là pháp học? Là năm ấm học.

Thế nào là pháp vô học? Là năm ấm vô học.

Thế nào là pháp phi học phi vô học? Là năm ấm hữu lậu và vô vi.

*

Thế nào là pháp do kiến đoạn? Là như pháp nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành, nhẫn vô gián cùng đoạn. Người ấy đoạn thế nào? Là bậc kiến đạo đoạn trừ tám mươi tám sử, do tương ưng với pháp, đã khởi tâm bất tương ưng hành.

Thế nào là pháp do tu đoạn? Là như pháp học, thấy dấu đạo, tu đoạn. Người kia đoạn thế nào? Là bậc tu đạo đoạn trừ mười sử, do tương ưng với pháp, đã đầy khởi nghiệp thân, khẩu, đã khởi tâm bất tương ưng hành và pháp hữu lậu không cấu uế.

Thế nào là pháp không đoạn? Là pháp vô lậu.

*

Thế nào là pháp do kiến đoạn nhân? Là pháp cấu uế, như báo của pháp do kiến đã đoạn.

Thế nào là pháp do tu đoạn nhân? Là pháp do tu đạo đoạn trừ, là đoạn trừ pháp như vậy.

Thế nào là pháp không đoạn nhân? Là pháp hữu vi vô lậu.

*

Thế nào là pháp có thể thấy có đối? Là một nhập.

Thế nào là pháp không thể thấy có đối? Là chín nhập.

Thế nào là pháp không thể thấy không đối? Là hai nhập.

*

Thế nào là pháp báo? Là như báo được phần ít của mười một nhập, trừ thanh nhập.

Thế nào là pháp không báo? Là pháp hữu lậu thiện, bất thiện, và thanh nhập.

Thế nào là pháp phi báo phi phi báo? Là trừ pháp báo vô ký, như còn lại là vô ký và pháp vô lậu.

*

Thế nào là pháp hạ? Là pháp bất thiện, pháp ẩn một (hữu phú) vô ký.

Thế nào là pháp trung? Là pháp hữu lậu thiện và pháp không ần một (vô phú) vô ký.

Thế nào là pháp thượng? Là pháp hữu vi vô lậu và số diệt.

*

Thế nào là pháp nhỏ? Là tin ít, mong muốn ít, ý hiểu ít, là pháp tương ưng, là pháp cùng có các thứ ấy, là pháp sắc, là ít, là mỏng, không nhiều, không rộng. Đó gọi là pháp nhỏ.

Thế nào là pháp lớn? Là tin lớn, mong muốn lớn, hiểu biết lớn, là pháp tương ưng, là pháp cùng có các thứ ấy, là pháp sắc, là nhiều, là rộng, là vô lượng, vô biên, không bờ bến, cùng hư không, phi số diệt. Đó gọi là pháp lớn.

Thế nào là pháp vô lượng? Là tin vô lượng, mong muốn vô lượng, hiểu biết vô lượng, là pháp tương ưng, là pháp cùng có các thứ ấy, là pháp sắc, là nhiều, là rộng, là vô lượng, vô biên, không bờ bến, cùng hư không, số diệt, phi số diệt. Đó gọi là pháp vô lượng

*

Thế nào là pháp ý lạc? Là pháp được ý ưa thích.

Thế nào là pháp không ý lạc? Là pháp không được ý ưa thích.

Thế nào là pháp phi ý lạc phi phi ý lạc? Là ý đối với pháp xả.

*

Thế nào là pháp lạc kết hợp? Là pháp tương ưng với lạc thọ.

Thế nào là pháp khổ kết hợp? Là pháp tương ưng với khổ thọ.

Thế nào là pháp không khổ không lạc kết hợp? Là pháp tương ưng với thọ không khổ, không vui.

*

Thế nào là pháp cùng khởi? Là hết thấy tướng sinh của pháp hữu vi.

Thế nào là pháp cùng trụ? Là hết thấy tướng trụ của pháp hữu vi.

Thế nào là pháp cùng diệt? Là hết thấy tướng diệt của pháp hữu vi.

*

Thế nào là pháp không cùng khởi? Là pháp vô vi không có tướng sinh.

Thế nào là pháp không cùng trụ? Là pháp vô vi không có tướng trụ.

Thế nào là pháp không cùng diệt? Là pháp vô vi không có tướng diệt.

*

Thế nào là pháp tâm cùng khởi? Là như tâm cùng khởi phần ít của mười một nhập, trừ ý nhập.

Thế nào là pháp tâm cùng trụ? Là như pháp tâm tùy chuyển.

Thế nào là pháp tâm cùng diệt? Là như tâm cùng diệt nơi phần ít của mười nhập, trừ thanh nhập và ý nhập.

*

Thế nào là pháp không phải tâm cùng khởi? Là ý nhập, như không phải tâm cùng khởi phần ít của mười một nhập.

Thế nào là pháp không phải tâm cùng trụ? Là như pháp không phải là tâm tùy chuyển.

Thế nào là pháp không phải tâm cùng diệt? Là thanh nhập, ý nhập, như không phải tâm cùng diệt nơi phần ít của mười nhập.

*

Thế nào là cảnh giới dục? Là dục tham tương ưng với dục tham. Như thọ tưởng hành thức đã phát khởi nghiệp thân, khẩu, đã khởi tâm bất tương ưng hành.

Thế nào là cảnh giới sân? Là giận dữ tương ưng với giận dữ. Như thọ tưởng hành thức đã dậy khởi nghiệp thân, khẩu, đã khởi tâm bất tương ưng hành.

Thế nào là cảnh giới hại? Là hại tương ưng với hại. Như thọ tưởng hành thức đã dậy khởi nghiệp thân, khẩu, đã khởi tâm bất tương ưng hành.

*

Thế nào là cảnh giới xuất yếu? Là xuất yếu tương ưng với xuất yếu. Như thọ tưởng hành thức đã dậy khởi nghiệp thân, khẩu, đã khởi tâm bất tương ưng hành và số diệt.

Thế nào là cảnh giới không sân? Là không giận dữ tương ưng với không giận dữ. Như thọ tưởng hành thức đã khởi nghiệp thân, khẩu, đã khởi tâm bất tương ưng hành.

Thế nào là cảnh giới không hại? Là không hại tương ưng với không hại. Như thọ tưởng hành thức đã khởi nghiệp thân, khẩu, đã khởi tâm bất tương ưng hành.

*

Thế nào là cõi Dục? Là như chốn sai khiến của pháp sử dục tham.

Thế nào là cõi Sắc? Là như chốn sai khiến của pháp sử sắc tham.

Thế nào là cõi Vô sắc? Là như chốn sai khiến của pháp sử vô sắc tham.

*

Thế nào là cảnh giới sắc? Là cảnh giới của sắc nơi cõi Dục. Đó gọi là cảnh giới của sắc.

Thế nào là cảnh giới vô sắc? Là bốn vô sắc. Đó gọi là cảnh giới của vô sắc.

Thế nào là cảnh giới diệt? Là số diệt và phi số diệt. Đó gọi là cảnh giới của diệt.

Lại nữa, hết thấy sắc pháp, đó gọi là sắc giới. Trừ số diệt, phi số diệt, hết thấy không phải là sắc pháp còn, đó gọi là vô sắc giới. Số diệt và phi số diệt, đó gọi là diệt giới.

*

Thế nào là dục hữu? Là như nghiệp thuộc cõi Dục, nhận duyên chuyển khởi nghiệp báo kia vào đời vị lai.

Thế nào là sắc hữu? Là như nghiệp thuộc cõi Sắc, nhận duyên chuyển khởi nghiệp báo kia vào đời vị lai.

Thế nào là vô sắc hữu? Là như nghiệp thuộc cõi Vô sắc, nhận duyên chuyển khởi nghiệp báo kia vào đời vị lai.

*

Thế nào là dục lậu? Là trừ vô minh thuộc cõi Dục, còn lại là phiền não triền tương ưng với kiết sử trói buộc thuộc cõi Dục. Đó gọi là dục lậu.

Thế nào là hữu lậu? Là trừ vô minh thuộc cõi Sắc, Vô sắc, còn lại là phiền não triền tương ưng với kiết sử trói buộc thuộc cõi Sắc, Vô sắc. Đó gọi là hữu lậu.

Thế nào là vô minh lậu? Là ngu tối không biết gì trong ba cõi. Đó gọi là vô minh lậu.

*

Thế nào là đời quá khứ? Là như hành đã khởi, cùng khởi, sinh, cùng sinh, chuyển, đã chuyển, đã có, đã đi qua, đã biến

chuyên, đi qua hết, hoàn toàn là quá khứ, thuộc về quá khứ. Đó gọi là đời quá khứ.

Thế nào là đời vị lai? Là như hành chưa khởi, chưa cùng khởi, chưa sinh, chưa cùng sinh, chưa chuyển, chưa đã chuyển, chưa có, chưa hiện tại, chưa đến, hoàn toàn chưa đến, thuộc về đời vị lai. Đó gọi là đời vị lai.

Thế nào là đời hiện tại? Là như hành đang khởi, cùng khởi, sinh, cùng sinh, chuyển, đã chuyển, đã có, đã trụ trong hiện tại, chưa chuyển biến hết nơi hiện tại, hoàn toàn là hiện tại, thuộc về đời hiện tại. Đó gọi là đời hiện tại.

*

Thế nào là nói sự việc quá khứ? Là hành quá khứ.

Thế nào là nói sự việc vị lai? Là hành vị lai.

Thế nào là nói sự việc hiện tại? Là hành hiện tại.

*

Thế nào là khổ của khổ khổ, khổ của biến khổ, khổ của hành khổ? Là khổ của khổ khổ thuộc cõi Dục, khổ của biến khổ thuộc cõi Sắc, khổ của hành khổ thuộc cõi Vô sắc.

Lại nữa, khổ của khổ khổ nơi khổ thọ, khổ của biến khổ nơi lạc thọ, khổ của hành khổ nơi không khổ không lạc thọ.

Lại nữa, khổ của khổ khổ nơi không phải hành ý lạc, khổ của biến khổ nơi hành ý lạc, khổ của hành khổ nơi hành phi ý lạc phi phi ý lạc.

*

Thế nào là pháp có giác có quán? Là như giác, quán tương ưng nhau.

Thế nào là pháp không giác có quán? Là như pháp quán tương ưng nhưng giác không tương ưng.

Thế nào là pháp không giác không quán? Là như pháp giác, quán không tương ưng nhau.

*

Thế nào là địa có giác có quán? Là cõi Dục cho đến cõi Phạm thế và pháp vô lậu.

Thế nào là địa không giác có quán? Là tu thiền trung gian rồi, có thể đạt đến cõi Đại Phạm và pháp vô lậu.

Thế nào là địa không giác không quán? Là hết thấy cõi Quang âm, Biến tịnh, Quả thật, vô sắc và pháp vô lậu.

*

Thế nào là nghiệp thân? Là thân tạo tác cùng không tạo tác.

Thế nào là nghiệp miệng? Là miệng hành tác và không hành tác.

Thế nào là nghiệp ý? Là nghiệp tư duy.

*

Thế nào là nghiệp thiện? Là nghiệp thân, khẩu thiện và nghiệp tư duy thiện.

Thế nào là nghiệp bất thiện? Là nghiệp thân, khẩu bất thiện và nghiệp tư duy bất thiện.

Thế nào là nghiệp vô ký? Là nghiệp thân, khẩu vô ký và nghiệp tư duy vô ký.

*

Thế nào là nghiệp học? Là nghiệp thân, khẩu học và nghiệp tư duy học .

Thế nào là nghiệp vô học? Là nghiệp thân, khẩu vô học và nghiệp tư duy vô học.

Thế nào là nghiệp phi học phi vô học? Là nghiệp thân, khẩu hữu lậu và nghiệp tư duy hữu lậu.

*

Thế nào là nghiệp do kiến đoạn? Là như nghiệp nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành, nhẫn vô gián, cùng đoạn trừ. Đoạn trừ những gì? Là bậc kiến đạo đoạn trừ tám mươi tám sử tương ưng với nghiệp tư duy.

Thế nào là nghiệp do tu đoạn? Là như nghiệp học, thấy dấu đạo do tu đoạn. Đoạn trừ những gì? Là bậc tu đạo đoạn trừ mười sử tương ưng với nghiệp tư duy, do đã khởi nghiệp thân, khẩu và nghiệp hữu lậu không cấu uế.

Thế nào là nghiệp không đoạn? Là nghiệp thân, khẩu vô lậu và nghiệp tư duy vô lậu.

*

Thế nào là nghiệp hiện pháp thọ? Là như nghiệp nơi đời này hành tác, nuôi lớn, nghiệp ấy tức nơi đời này thọ báo hiện pháp, không phải thọ báo nơi đời khác. Đó gọi là nghiệp hiện pháp thọ.

Thế nào là nghiệp sinh pháp thọ? Là như nghiệp nơi đời này sinh khởi, nuôi lớn, nhưng nghiệp ấy đến đời thứ hai mới nhận báo. Đó gọi là nghiệp sinh pháp thọ.

Thế nào là nghiệp hậu pháp thọ? Là như nghiệp nơi đời này tạo tác, nuôi lớn, nhưng nghiệp ấy đến đời thứ ba, thứ tư mới nhận báo, hoặc lại trải qua nhiều đời nữa, về sau mới nhận báo. Đó gọi là nghiệp hậu pháp thọ.

*

Thế nào là nghiệp lạc thọ? Là nghiệp thiện tương ưng với cõi Dục, cho đến nghiệp thiện của thiên thứ ba.

Thế nào là nghiệp khổ thọ? Là nghiệp bất thiện.

Thế nào là nghiệp thọ không khổ không lạc? Là nghiệp thiện thuộc địa của thiên thứ tư, cho đến nghiệp thiện tương ưng với cõi Vô sắc.

(Đã nói xong ba pháp).

**

Thế nào là thân niệm xứ? Là mười sắc nhập và sắc thuộc về pháp nhập. Đó gọi là thân niệm xứ.

Thế nào là thọ niệm xứ? Là sáu thọ thân, là thọ do nhãn xúc sinh, cũng như thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc sinh. Đó gọi là thọ niệm xứ.

Thế nào là tâm niệm xứ? Là sáu thức thân, là thân nơi nhãn thức, thân nơi nhĩ, tỷ thiệt, thân, ý thức. Đó gọi là tâm niệm xứ.

Thế nào là pháp niệm xứ? Là những gì thuộc pháp nhập nhưng không phải sắc pháp và thọ không gồm thân. Đó gọi là pháp niệm xứ.

Lại nữa, thân tăng thượng, thiện hữu lậu và vô lậu sinh từ đạo. Đó gọi là thân niệm xứ. Thọ nơi tâm pháp tăng thượng, thiện hữu lậu và vô lậu sinh từ đạo. Đó gọi là pháp niệm xứ. Lại nữa, duyên nơi tuệ của thân là thân niệm xứ. Duyên nơi tuệ của thọ tâm pháp là pháp niệm xứ.

*

Thế nào là pháp ác bất thiện đã khởi, dùng chánh cần làm phương tiện khiến chúng đoạn trừ? Là pháp ác bất thiện đã sinh, tu tập khiến chúng đoạn trừ, khiến cho thiện hữu lậu, vô lậu do đạo tăng thượng phát sinh. Đó gọi là pháp ác bất thiện đã khởi, dùng chánh cần làm phương tiện khiến chúng đoạn trừ.

Thế nào là pháp ác bất thiện chưa khởi, dùng chánh cần làm phương tiện khiến chúng không khởi? Là pháp ác bất thiện chưa khởi, tu tập khiến chúng không khởi, khiến cho thiện hữu lậu, vô lậu do đạo tăng thượng phát sinh. Đó gọi là pháp ác bất thiện chưa khởi, dùng chánh cần làm phương tiện khiến chúng không khởi.

Thế nào là pháp thiện chưa sinh, dùng chánh cần làm phương tiện khiến chúng sinh? Là pháp thiện chưa sinh, siêng năng tu tập khiến chúng sinh, khiến cho thiện hữu lậu, vô lậu do đạo tăng thượng phát sinh. Đó gọi là pháp thiện chưa sinh, dùng chánh cần làm phương tiện khiến chúng sinh.

Thế nào là pháp thiện đã sinh, dùng chánh cần làm phương tiện tu tập khiến chúng an trụ, không quên mất, tu tập đầy đủ, trí chứng thêm rộng? Là pháp thiện đã khởi, siêng tu tập khiến chúng an trụ, không quên mất, tu tập đầy đủ, trí chứng thêm rộng, khiến cho thiện hữu lậu, vô lậu do đạo tăng thượng phát sinh. Đó gọi là pháp thiện đã sinh, dùng chánh cần làm phương tiện tu tập khiến chúng an trụ, không quên mất, tu tập đầy đủ, trí chứng thêm rộng.

*

Thế nào là như ý túc dục định tịnh hành thành tựu? Là các thiện hữu lậu, vô lậu sinh khởi từ đạo do dục tăng thượng.

Thế nào là như ý túc tinh tấn, tâm, tuệ định tịnh hành thành tựu? Là các thiện hữu lậu, vô lậu sinh khởi từ đạo do tuệ tăng thượng.

*

Thế nào là thiên thứ nhất (sơ thiên)? Là năm ấm thiện thuộc về thiên thứ nhất.

Thế nào là thiên thứ hai, thiên thứ ba, thiên thứ tư? Nghĩa là năm ấm thiện thuộc về thiên thứ hai, thiên thứ ba, thiên thứ tư.

*

Thế nào là khổ Thánh đế? Là năm thanh âm.

Thế nào là khổ tập Thánh đế? Là nhân hữu lậu.

Thế nào là khổ diệt Thánh đế? Là diệt của số diệt.

Thế nào là khổ diệt đạo Thánh đế? Là pháp học, pháp vô học.

*

Thế nào là Từ? Là từ tương ưng với từ. Như thọ tướng hành thức, đã dấy khởi nghiệp thân, khẩu, cùng khởi tâm bất tương ưng hành.

Bi, Hỷ cũng như vậy.

Thế nào là Xả? Là xả tương ưng với xả. Như thọ tướng hành thức đã dấy khởi nghiệp thân, khẩu, cùng khởi tâm bất tương ưng hành.

*

Thế nào là Không nhập xứ? Nghĩa là hư không nhập xứ có hai thứ: Là chánh thọ (định) và thọ sinh pháp tương ưng kia, như thọ tướng hành thức.

Như Không nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu nhập xứ cũng như vậy.

Thế nào là Phi tướng phi phi tướng nhập xứ? Nghĩa là Phi tướng phi phi tướng nhập xứ có hai thứ: Là chánh thọ (định) và thọ sinh pháp tương ưng kia, như thọ tướng hành thức. Đó gọi là Phi tướng phi phi tướng nhập xứ.

*

Thế nào là Thánh chủng biết đủ khi xin được y phục? Là nghiệp biết đủ khi xin được y phục, khiến thiện hữu lậu, vô lậu sinh khởi do đạo kia tăng thượng. Đó gọi là Thánh chủng biết đủ khi xin được y phục.

Thế nào là Thánh chủng ưa thích nơi chốn thanh vắng để tu tập, biết đủ khi xin được thức ăn, cũng như các thứ ngọa cụ ngủ nghỉ? Là nghiệp ưa thích tu tập nơi thanh vắng, biết đủ theo chỗ xin được thức ăn uống, các thứ ngọa cụ ngủ nghỉ, khiến cho các thiện hữu lậu, vô lậu được sinh khởi do đạo kia tăng thượng.

*

Thế nào là quả Sa-môn Tu-đà-hoàn? Là quả Tu-đà-hoàn có hai thứ: Hữu vi và vô vi.

Thế nào là quả Tu-đà-hoàn hữu vi? Là chứng quả Tu-đà-hoàn như pháp học đã được, nay được, sẽ được.

Thế nào là quả Tu-đà-hoàn vô vi? Là chứng quả Tu-đà-hoàn như các kiết sử đã đoạn, đã được, nay được, sẽ được.

Như quả Sa-môn Tu-đà-hoàn, quả Sa-môn Tư-đà-hàm, quả Sa-môn A-na-hàm cũng như vậy.

Thế nào là quả Sa-môn A-la-hán? Là quả A-la-hán có hai thứ: Hữu vi và vô vi.

Thế nào là quả A-la-hán hữu vi? Là chứng quả A-la-hán như pháp vô học đã được, nay được, sẽ được.

Thế nào là quả A-la-hán vô vi? Là chứng quả A-la-hán như các kiết sử đã đoạn, đã được, nay được, sẽ được.

*

Thế nào là pháp trí? Là trí vô lậu nhận biết các hành thuộc cõi Dục, nói rộng như trong Phẩm Năm Pháp ở trước. Cho đến vô sinh trí cũng như vậy.

*

Thế nào là nghĩa biện? Là trí bất động đối với đệ nhất nghĩa khéo có thể phân biệt.

Thế nào là pháp biện? Là trí bất động đối với danh, vị, cú thân khéo có thể phân biệt.

Thế nào là từ biện? Là trí bất động đối với mọi nẻo ngôn thuyết đều không bị trở ngại.

Thế nào là tùy ứng biện? Là trí bất động quyết định tự tại, không bị gián đoạn, không bị tán loạn.

*

Thế nào là nhân duyên? Là pháp hữu vi.

Thế nào là thứ đệ duyên? Là quá khứ, hiện tại, trừ tâm, tâm pháp của bậc A-la-hán thọ mạng tối hậu, còn lại là tâm, tâm pháp quá khứ hiện tại.

Thế nào là duyên duyên, tăng thượng duyên? Là hết thảy pháp nơi cảnh giới.

*

Thế nào là thô đoàn thực? Là tính chất của ăn từng nắm, nhân nơi ăn ấy nên các căn tăng trưởng, bốn đại thêm lớn, theo đầy mà nuôi dưỡng, che chở, sung túc, trong sáng.

Thế nào là tế xúc thực? Là duyên nơi xúc hữu lậu, khiến các căn tăng trưởng, bốn đại thêm lớn, các căn được nuôi dưỡng, theo đầy được che chở nuôi lớn, cũng như trước đã nêu.

Thế nào là ý tư thực? Là duyên nơi tư hữu lậu, khiến các căn tăng trưởng, bốn đại thêm lớn, như trước đã nói.

Thế nào là thức thực? Là duyên nơi thức hữu lậu, khiến các căn tăng trưởng, bốn đại thêm lớn, như trước đã nói.

*

Thế nào là dục lưu? Là trừ năm kiến và vô minh thuộc cõi Dục, còn lại là phiền não triền, kiết sử trói buộc thuộc cõi Dục.

Thế nào là hữu lưu? Là trừ năm kiến và vô minh thuộc cõi Sắc, Vô sắc, còn lại là phiền não triền, kiết sử trói buộc thuộc cõi Sắc, Vô sắc.

Thế nào là kiến lưu? Là năm kiến.

Thế nào là vô minh lưu? Là ngu tối, không biết gì trong ba cõi.

*

Như lưu, ách cũng vậy. (Ách dục, ách hữu, ách kiến và ách vô minh)

*

Thế nào là dục thủ? Là trừ năm kiến thuộc cõi Dục, còn lại là phiền não triền, kiết sử trói buộc thuộc cõi Dục.

Thế nào là kiến thủ? Là bốn kiến, trừ một kiến. Nghĩa là thân kiến, biên kiến, tà kiến, thủ kiến.

Thế nào là giới thủ? Là một kiến, trừ bốn kiến. Nghĩa là thủ giới kiến (giới cấm thủ). Việc này lại là thế nào? Là như kẻ giữ lấy tướng giới sai lầm, cho là thanh tịnh, là giải thoát, khởi kiến chấp, nhận chịu.

Thế nào là ngã thủ? Là trừ năm kiến thuộc cõi Sắc, Vô sắc, còn lại là phiền não triền, kiết sử trói buộc thuộc cõi Sắc, Vô sắc.

*

Thế nào là pháp quá khứ? Là năm ám quá khứ.

Thế nào là pháp vị lai? Là năm ám vị lai.

Thế nào là pháp hiện tại? Là năm ám hiện tại.

Thế nào là pháp không phải quá khứ, vị lai, hiện tại? Là pháp vô vi.

*

Thế nào là pháp thuộc cõi Dục? Là năm ấm thuộc cõi Dục.

Thế nào là pháp thuộc cõi Sắc? Là năm ấm thuộc cõi Sắc.

Thế nào là pháp thuộc cõi Vô sắc? Là bốn ấm thuộc cõi Vô sắc.

Thế nào là pháp không hệ thuộc? Là năm ấm vô lậu và vô vi.

*

Thế nào là pháp nhân thiện? Là pháp hữu vi thiện và báo của pháp thiện.

Thế nào là pháp nhân bất thiện? Là pháp cấu uế thuộc cõi Dục và báo của pháp bất thiện.

Thế nào là pháp nhân vô ký? Là pháp hữu vi vô ký và pháp bất thiện.

Thế nào là pháp không phải nhân thiện, không phải nhân bất thiện, không phải nhân vô ký? Là pháp vô vi.

*

Thế nào là pháp có duyên duyên? Là ý thức tương ưng duyên nơi tâm, tâm pháp.

Thế nào là pháp không duyên duyên? Là năm thức tương ưng, hoặc ý thức tương ưng với sắc, vô vi duyên nơi tâm bất tương ưng hành.

Thế nào là pháp có duyên duyên không duyên duyên? Là như ý thức tương ưng, duyên nơi tâm, tâm pháp, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành duyên hợp.

Thế nào là pháp phi hữu duyên duyên phi vô duyên duyên? Là sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

(Đã nói xong bốn pháp).

**

Thế nào là năm ấm, năm thanh ấm? Như đã nói rộng trong Phẩm Phân Biệt Về Bảy Sự ở trước.

*

Thế nào là nẻo (thú) địa ngục? Là chúng sinh trong địa ngục, tự phần hoặc một thân, một tánh, một chủng loại, được xứ, được sự, được nhập. Nếu chúng sinh trong địa ngục sinh vào chốn đó, sắc thọ tưởng hành thức là không ẩn mất (vô phú) vô ký. Đó gọi là nẻo địa ngục.

Nẻo súc sinh, nẻo ngạ quỷ cũng như vậy.

Thế nào là nẻo trời, nẻo người? Là hoặc trời hoặc người, tự phần hoặc một thân, một tánh, một chủng loại, được xứ, được sự, được nhập. Hoặc trời hoặc người sinh vào xứ ấy, sắc thọ tưởng hành thức là không ẩn một (vô phú) vô ký. Đó gọi là nẻo trời, nẻo người.

*

Thế nào là thân phiền não do kiến khổ đoạn? Là thân phiền não, như nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành nhĩ khổ vô gián cùng đoạn trừ. Đoạn trừ thế nào? Là do kiến khổ đoạn hai mươi tám sử tương ưng với thân phiền não.

Thế nào là thân phiền não do kiến tập đoạn? Là thân phiền não, như nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành nhĩ tập vô gián cùng đoạn trừ. Đoạn trừ thế nào? Là do kiến tập đoạn mười chín sử tương ưng với thân phiền não.

Thế nào là thân phiền não do kiến diệt đoạn? Là thân phiền não, như nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành nhẫn diệt vô gián cùng đoạn trừ. Đoạn trừ thế nào? Là do kiến diệt đoạn mười chín sử tương ưng với thân phiền não.

Thế nào là thân phiền não do kiến đạo đoạn? Là thân phiền não, như nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành nhẫn đạo vô gián cùng đoạn trừ. Đoạn trừ thế nào? Là do kiến đạo đoạn hai mươi hai sử tương ưng với thân phiền não.

Thế nào là thân phiền não do tu đoạn? Là thân phiền não do học, thấy dấu vết đạo nên tu đoạn. Đoạn trừ thế nào? Là bậc tu đạo đoạn mười sử tương ưng với thân phiền não.

*

Thế nào là sắc pháp? Là tất cả bốn đại và những gì do bốn đại tạo ra.

Thế nào là tâm pháp? Là sáu thức thân, tức nhãn thức thân cho đến ý thức thân.

Thế nào là pháp tâm pháp? Là như tâm pháp tương ưng. Việc ấy lại như thế nào? Là thọ, tưởng, tư, xúc, ức, dục, giải thoát, niệm, định, tuệ, tín, tinh tấn, giác quán, cho đến phiền não kiết triền, như đã nói rộng nơi Phẩm Năm Pháp ở trước.

Thế nào là tâm bất tương ưng hành pháp? Là như pháp, tâm không tương ưng. Việc này lại là thế nào? Là các đặc cho đến danh, cú, vị, thân, như đã nói rộng nơi Phẩm Năm Pháp ở trước.

Thế nào là vô vi pháp? Là ba thứ vô vi: Hư không, số diệt, phi số diệt.

(Đã nói xong năm pháp).

**

Thế nào là địa giới? Là tướng cứng chắc.

Thế nào là thủy giới? Là tướng ẩm ướt.

Thế nào là hỏa giới? Là tướng nóng.

Thế nào là phong giới? Là tướng chuyển động.

Thế nào là hư không giới? Là biên vực sắc của không.

Thế nào là thức giới? Là năm thức thân và ý thức hữu lậu.

*

Thế nào là pháp do kiến khổ đoạn? Là như người tùy tín hành, tùy pháp hành nhẫn khổ vô gián cùng đoạn trừ, như đã nói rộng nơi phẩm Phân biệt các nhập ở trước.

Như pháp do kiến khổ đoạn, pháp do kiến tập đoạn, pháp do kiến diệt đoạn, pháp do kiến đạo đoạn, pháp do tu đoạn cũng như vậy.

Thế nào là pháp không đoạn? Là pháp vô lậu.

(*Đã nói xong sáu pháp*).

**

Thế nào là sử dục tham? Như đã nói trong phần dục tham.

Thế nào là sử giận dữ? Nghĩa là nhằm não hại chúng sinh.

Thế nào là sử hữu ái? Là ái nơi cõi Sắc, Vô sắc.

Thế nào là sử mạn? Là nhận lấy tâm kiêu mạn về cao, thấp.

Thế nào là sử vô minh? Là ngu tối, không biết gì trong ba cõi.

Thế nào là sử kiến? Là năm tà kiến.

Thế nào là sử nghi? Là nghi hoặc không biết rõ về sự thật (đế).

*

Thế nào là thức trụ thứ nhất? Là chúng sinh có sắc, đủ các loại thân, đủ thứ tướng, tức là hàng trời người. Đó gọi là xứ thức trụ thứ nhất.

Thế nào là số tương tục của thứ lớp thứ nhất? Là thức trụ thứ nhất tương ưng hay không tương ưng, như sắc thọ tướng hành thức. Đó gọi là xứ thức trụ thứ nhất.

Chúng sinh có sắc, có đủ loại thân, một thứ tướng, là thân Phạm thiên, mới được chuyển lên. Đó gọi là xứ thức trụ thứ hai.

Thế nào là số tương tục của thứ lớp thứ hai? Là thức trụ thứ hai tương ưng hay không tương ưng, như sắc thọ tướng hành thức. Đó gọi là thức trụ thứ hai.

Chúng sinh có sắc, một thứ thân, nhiều thứ tướng, là cõi trời Quang âm. Đó gọi là xứ thức trụ thứ ba, cho đến đó gọi là thức trụ thứ ba, nói rộng như trên.

Chúng sinh có sắc, một thứ thân, một thứ tướng, là cõi trời Biến tịnh. Đó gọi là xứ thức trụ thứ tư, cho đến đó gọi là thức trụ thứ tư, nói rộng như trên.

Chúng sinh không có sắc, lìa hết thấy tướng sắc, lìa tướng ngại, hoàn toàn không còn chút tướng nào, tư duy về xứ vô biên không, trụ nơi xứ vô biên không nhập, gọi là cõi trời Không nhập xứ. Đó gọi là thức trụ thứ năm.

Thế nào là số tương tục của thứ lớp thứ năm? Là nơi thức trụ thứ năm hoàn toàn tương ưng, như thọ tướng hành thức. Đó gọi là thức trụ thứ năm.

Chúng sinh vô sắc, đã lìa hết thấy xứ hư không nhập, trụ nơi vô lượng thức, vô lượng thức nhập xứ, là cõi trời Thức nhập xứ. Đó gọi là thức trụ thứ sáu, cho đến đó gọi là thức trụ thứ sáu, nói rộng như trên.

Chúng sinh không có sắc, đã lìa hết thấy xứ thức nhập, trụ vào vô sở hữu, xứ vô sở hữu nhập, gọi là cõi trời Vô sở hữu nhập xứ. Đó gọi là thức trụ thứ bảy, cho đến gọi là thức trụ thứ bảy, nói rộng như trên.

*

Thế nào là niệm giác chi? Là đệ tử Hiền Thánh đối với khổ tư duy là khổ, đối với tập tư duy là tập, đối với diệt tư duy là diệt, đối với đạo tư duy là đạo. Ý vô lậu tương ưng với tư duy. Như niệm, tùy niệm, niệm không quên mất, không tán loạn, luôn không phể bỏ. Đó gọi là niệm giác chi.

Thế nào là trạch pháp giác chi? Là đệ tử Hiền Thánh đối với khổ tư duy là khổ, đối với tập tư duy là tập, đối với diệt tư duy là diệt, đối với đạo tư duy là đạo. Ý vô lậu tương ưng với tư duy. Ở nơi pháp cần lựa chọn, xét chọn, lựa chọn về tướng, quyết định về tướng, tuệ giác thông sáng, tuệ hành quan sát. Đó gọi là trạch pháp giác chi.

Thế nào là tinh tấn giác chi? Là đệ tử Hiền Thánh đối với khổ tư duy là khổ, cho đến đối với đạo tư duy là đạo. Ý vô lậu tương ưng với tư duy. Như muốn lấy tinh tấn làm phương tiện xuất yếu, tâm dũng mãnh thâm nhận, nhanh nhẹn không gián đoạn. Đó gọi là tinh tấn giác chi.

Thế nào là hỷ giác chi? Là đệ tử Hiền Thánh đối với khổ tư duy là khổ v.v... cho đến ý vô lậu tương ưng với tư duy. Như tâm hoan hỷ tột bậc, hoan hỷ tăng thượng, tâm quyết định vui thích, có thể hoan hỷ nên khả năng gánh vác mọi chuyện. Đó gọi là hỷ giác chi.

Thế nào là ý giác chi (Khinh an giác chi)? Là đệ tử Hiền Thánh đối với khổ tư duy là khổ v.v... cho đến ý vô lậu tương ưng với tư duy. Như thân khinh an, tâm khinh an, ưa thích khinh an. Đó gọi là ý giác chi.

Thế nào là định giác chi? Là đệ tử Hiền Thánh đối với khổ tư duy là khổ v.v... cho đến ý vô lậu tương ưng với tư duy. Như tâm trụ, cùng trụ, vui trụ vào nơi trụ, không tán loạn, thâm nhận về một tâm. Đó gọi là định giác chi.

Thế nào là xả giác chi? Là đệ tử Hiền Thánh đối với khổ tư duy về khổ v.v... cho đến ý vô lậu tương ưng với tư duy. Như tâm bình đẳng, tâm cùng thâm nhận, không trụ nơi thọ dụng. Đó gọi là xả giác chi.

(Đã nói xong bảy pháp).

**

Thế nào là xứ giải thoát thứ nhất? Là trong có tướng sắc, ngoài quán sắc. Đó gọi là xứ giải thoát thứ nhất. Thế nào là số tương tục của thứ lớp thứ nhất, thứ lớp nơi chánh thọ? Là xứ giải thoát thứ nhất, như nhập chánh thọ nơi sắc thọ tướng hành thức thiện. Đó gọi là xứ giải thoát thứ nhất.

Trong không có tướng sắc, ngoài quán sắc. Đó gọi là xứ giải thoát thứ hai. Thế nào là số tương tục của thứ lớp thứ hai, thứ lớp nơi chánh thọ? Là xứ giải thoát thứ hai, như nhập chánh thọ nơi sắc thọ tướng hành thức thiện. Đó gọi là xứ giải thoát thứ hai.

Xứ tịnh giải thoát, thân chứng trụ, đó gọi là xứ giải thoát thứ ba, cho đến thứ lớp chánh thọ thứ ba, nói rộng như trên.

Lìa hết thấy tướng sắc, tướng ngăn ngại hoàn toàn hết sạch, tư duy nơi xứ vô biên không, nhập xứ vô biên không. Đó gọi là xứ giải thoát thứ tư. Thế nào là số tương tục của thứ lớp thứ tư, thứ lớp nơi chánh thọ? Là xứ giải thoát thứ tư, như nhập chánh thọ nơi sắc thọ tướng hành thức thiện. Đó gọi là xứ giải thoát thứ tư.

Lìa hết thấy xứ không nhập, nhập xứ vô biên thức. Đó gọi là xứ giải thoát thứ năm, cho đến thứ lớp thứ năm nơi chánh thọ, nói rộng như trên. (không thấy thứ sáu)

Xứ vô sở hữu, xứ phi tướng phi phi tướng, cho đến chánh thọ thứ bảy, nói rộng như trên. Đó gọi là xứ giải thoát thứ bảy.

Lìa hết thấy xứ phi tướng phi phi tướng, tướng thọ diệt, thân chứng trụ. Đó gọi là xứ giải thoát thứ tám. Thế nào là số tương tục của thứ lớp thứ tám, thứ lớp nơi chánh thọ? Là xứ giải thoát thứ tám, như nhập chánh thọ, như chứng đạt giải thoát, như tướng pháp, tướng nhân vi tế, tướng thứ đệ vi tế, không tương tục, không thành tựu. Đó gọi là xứ giải thoát thứ tám.

*

Thế nào là nhập thắng xứ thứ nhất? Là trong có tướng sắc, ngoài quán ít sắc, hoặc sắc tốt hoặc sắc xấu, nghĩa là từ thắng xứ kia sinh quán tướng. Đó gọi là nhập thắng xứ thứ nhất. Thế nào là theo số tương tục của thứ lớp, như thứ lớp nơi chánh thọ? Là thắng xứ thứ nhất, như nhập chánh thọ (định), sắc thọ tướng hành thức thiện. Đó gọi là nhập thắng xứ thứ nhất.

Bên trong có tướng sắc, ngoài quán nhiều sắc, hoặc sắc tốt, hoặc sắc xấu, tức là từ thắng xứ ấy sinh quán tướng. Đó gọi là nhập thắng xứ thứ hai, cho đến chánh thọ thứ hai, nói rộng như trên. Cho đến chánh thọ của thắng xứ thứ bảy, nói rộng như trên. Đó gọi là nhập thắng xứ thứ bảy.

Bên trong không tướng sắc, bên ngoài quán màu trắng, màu trắng quán trắng, ánh sáng trắng ví như sắc hoa Ưu-tu-đa-la làm thành màu áo trắng xứ Ba-la-nại. Màu trắng, quán trắng ánh sáng trắng, như vậy, Tỳ-kheo bên trong không tướng sắc, bên ngoài quán màu trắng, là màu trắng quán trắng ánh sáng trắng sáng. Tức từ thắng xứ này sinh quán tướng. Đó gọi là nhập thắng xứ thứ tám. Thế nào là theo số tương tục của thứ lớp thứ tám, là thứ lớp chánh thọ? Tức thắng xứ thứ tám như nhập chánh thọ, sắc thọ tướng hành thức thiện. Đó gọi là nhập thắng xứ thứ tám.

*

Thế nào là chánh kiến? Là đệ tử Hiền Thánh đối với khổ tư duy là khổ, đối với tập tư duy là tập, đối với diệt tư duy là diệt, đối với đạo tư duy là đạo, ý vô lậu tương ưng với tư duy. Đối với pháp cần xét chọn, tuyển chọn tướng, cùng chọn tướng, quyết định tướng, tuệ giác thông sáng, tuệ hành quan sát. Đó gọi là chánh kiến.

Thế nào là chánh tư duy? Là đệ tử Hiền Thánh đối với khổ tư duy là khổ v.v..., cho đến đối với đạo tư duy là đạo, ý vô lậu tương ưng với tư duy. Như tâm tỉnh biết, tùy biết về sắc, biết sắc tăng thượng, biết những gì cần biết, biết do tư duy, cùng tư duy. Đó gọi là chánh tư duy.

Thế nào là chánh ngữ? Là đệ tử Hiền Thánh đối với khổ tư duy là khổ v.v..., cho đến đối với đạo tư duy là đạo, ý vô lậu tương ưng với tư duy. Trừ bỏ tà mạng cùng bốn lỗi của miệng và các hành ác khác nơi miệng, số vô lậu diệt, không hành, không tạo, thâm giữ luật nghi, cùng tự phòng hộ, không làm hành ác, không gây tội lỗi, như chống giữ đê ao chắc chắn, trụ vào đó, trụ vào kiên cố không phạm. Đó gọi là chánh ngữ.

Thế nào là chánh nghiệp? Là đệ tử Hiền Thánh đối với khổ tư duy là khổ v.v..., cho đến đối với đạo tư duy là đạo, ý vô lậu tương ưng với tư duy. Trừ bỏ tà mạng cùng ba thứ ác của thân, và các hành ác khác nơi thân, số vô lậu diệt, không hành, không tạo, cho đến trụ vào chỗ kiên cố, không phạm, như phần chánh ngữ đã nói. Đó gọi là chánh nghiệp.

Thế nào là chánh mạng? Là đệ tử Hiền Thánh đối với khổ tư duy là khổ v.v..., cho đến đối với đạo tư duy là đạo, ý vô lậu tương ưng với tư duy, như nói ở trước. Trừ bỏ tà mạng cùng thân, khẩu ác, số vô lậu diệt, không hành, không tạo, nói rộng như trước. Đó gọi là chánh mạng.

Thế nào là chánh phương tiện? Là đệ tử Hiền Thánh đối với khổ tư duy là khổ v.v..., cho đến đối với đạo tư duy là đạo, ý vô lậu tương ưng với tư duy, nói rộng như nơi phần Tinh tấn giác chi. Đó gọi là chánh phương tiện.

Chánh mạng nói rộng như nơi phần Niệm giác chi. Đó gọi là chánh niệm.

Thế nào là chánh định? Là đệ tử Hiền Thánh đối với khổ tư duy là khổ v.v..., cho đến đối với đạo tư duy là đạo, ý vô lậu tương ưng với tư duy, nói rộng như ở phần Định giác chi. Đó gọi là chánh định.

(Đã nói xong tám pháp).

**

Thế nào là kiết tham dục? Là tham trong ba cõi.

Thế nào là kiết giận dữ? Là gây náo hại cho chúng sinh.

Thế nào là kiết mạn? Là bảy thứ mạn.

Thế nào là kiết vô minh? Là ngu tối, không biết gì trong ba cõi.

Thế nào là kiết kiến? Là ba kiến: Thân kiến, Biên kiến, Tà kiến.

Thế nào là kiết tha thủ? Là hai kiến: kiến thủ, giới thủ.

Thế nào là kiết nghi? Là nghi hoặc, không hiểu rõ về chân lý (đế).

Thế nào là kiết tật? Là tâm ganh ghét tăng rộng.

Thế nào là kiết xan? Là tâm thâm nhận chấp chặt.

*

Thế nào là xứ cư trú thứ nhất của chúng sinh? Là chúng sinh có sắc, nhiều thân, nhiều tướng, tức là hàng trời, người. Đó gọi là xứ cư trú thứ nhất của chúng sinh. Đây gọi là số nối tiếp của thứ lớp thứ nhất.

Thế nào là xứ cư trú của chúng sinh? Là chúng sinh ở trong ấy đã dừng trụ, đã nhập vào sự thọ sinh. Đó gọi là xứ cư trú của chúng sinh.

Thế nào là xứ cư trú thứ hai, thứ ba, thứ tư của chúng sinh? Là như đã nói rộng nơi phần xứ thức trụ.

Thế nào là xứ cư trú thứ năm của chúng sinh? Là chúng sinh có sắc, không tướng, là cõi trời Vô tướng, là xứ cư trú thứ năm của chúng sinh. Số nối tiếp của thứ lớp thứ năm, như đã nói ở trên.

Thế nào là xứ cư trú thứ sáu của chúng sinh? Là chúng sinh vô sắc, lìa mọi tướng sắc, tướng ngăn ngại, hết sạch mọi tướng, cho đến xứ cư trú thứ tám của chúng sinh, nói rộng như nơi xứ ba thức trụ sau.

Thế nào là xứ cư trú thứ chín của chúng sinh? Là chúng sinh vô sắc, lìa hết thảy xứ vô sở hữu, nhập vào xứ phi tướng phi phi tướng trụ, là cõi trời Phi tướng phi phi tướng, là xứ cư trú thứ chín của chúng sinh. Số nối tiếp của thứ lớp nói rộng như trước. Đó gọi là xứ cư trú thứ chín của chúng sinh.

(Đã nói xong chín pháp).

**

Thế nào là xứ nhất thiết nhập thứ nhất? Là nhất thiết nhập của địa, một tướng sinh, các phương trên dưới, không hai, không lường. Đó gọi là xứ nhất thiết nhập thứ nhất.

Thế nào là số nối tiếp của thứ lớp nơi thứ lớp chánh thọ? Là xứ nhất thiết nhập thứ nhất, như nhập chánh thọ, sắc thọ tướng hành thức thiện. Đó gọi là xứ nhất thiết nhập của địa.

Như xứ nhất thiết nhập của địa, xứ nhất thiết nhập của thủy, hỏa, phong, xanh, vàng, đỏ, trắng cũng như vậy.

Xứ nhất thiết nhập của không, xứ nhất thiết nhập của thức, một tướng sinh, các phương trên dưới, không hai, không lường. Đó gọi là xứ nhất thiết nhập thứ mười.

Thế nào là số thứ số thứ nối nhau của xứ nhất thiết nhập thứ mười, như thứ lớp nơi chánh thọ? Là xứ nhất thiết nhập thứ mười, như nhập chánh thọ, sắc thọ tướng hành thức đều thiện. Đó gọi là xứ nhất thiết nhập thứ mười.

*

Chánh kiến vô học cho đến chánh định vô học, như đã nói trong phần chi đạo.

Thế nào là chánh giải thoát vô học? Là đệ tử Hiền Thánh đối với khổ tư duy là khổ v.v..., cho đến đối với đạo tư duy là đạo, ý vô học tương ưng với tư duy. Như tâm đã giải thoát, sẽ giải thoát. Đó gọi là chánh giải thoát vô học.

Thế nào là chánh tri kiến giải thoát vô học? Là tận trí, vô sinh trí.

(Đã nói xong mười pháp).

**

Thế nào là sắc hữu lậu? Là như sắc hữu lậu từ thủ sinh, là sắc quá khứ, hiện tại, vị lai ấy đã khởi dục, đang khởi, sẽ khởi. Như giận, như si, mỗi mỗi thứ tâm số, khởi lên các phiền não, đang khởi, sẽ khởi. Đó gọi là sắc hữu lậu. Như thế cho đến thức hữu lậu cũng như vậy.

Thế nào là sắc vô lậu? Là như sắc vô lậu chẳng từ thủ sinh, là sắc quá khứ, hiện tại, vị lai ấy như dục nên sinh, nhưng không sinh. Như giận, si, các tâm số phiền não khác nên sinh, nhưng không sinh. Đó gọi là sắc vô lậu. Như thế cho đến thức vô lậu cũng như vậy.

Thế nào là pháp vô vi? Là ba thứ vô vi: hư không, số diệt, phi số diệt.

(Đã nói xong mười một pháp).

**

Thế nào là mười hai nhập? Là như đã nói rộng trong Phẩm Phân Biệt Bảy Sự ở trước.

(Đã nói xong mười hai pháp).

**

Thế nào là mười tám giới? Là như đã nói rộng trong Phẩm Phân Biệt Bảy Sự ở trước.

(Đã nói xong mười tám pháp).

**

Thế nào là Nhãn căn? Là như nhãn nhập. Như thế cho đến Thân căn như thân nhập.

Thế nào là Nữ căn? Là phần ít của thân căn. Nam căn cũng như vậy.

Thế nào là Mạng căn? Là thọ mạng trong ba cõi.

Thế nào là Ý căn? Là như tâm, ý, thức. Việc này lại là thế nào? Là sáu thức thân. Đó là nhãn thức cho đến ý thức.

Lạc căn, Khổ căn, Hỷ căn, Ưu căn, Xả căn đã nói rộng nơi Phẩm Phân Biệt Bảy Sự ở trước.

Thế nào là Tín căn? Là dựa vào nẻo xuất yếu tịch tĩnh, sinh tin pháp thiện. Tin tăng thượng nên chánh tư duy về vô số hành, vô số tạo tác, vô số tư duy về tâm thanh tịnh. Đó gọi là tín căn.

Thế nào là Tinh tấn căn? Là dựa vào nẻo xuất yếu tịch tĩnh sinh các pháp thiện, như dùng phương tiện tinh tấn nên dững mãi, thâm giữ tâm luôn không biếng nhác, từ bỏ. Đó gọi là tinh tấn căn.

Thế nào là Niệm căn? Là từ nẻo xuất yếu tịch tĩnh sinh pháp thiện, như niệm, tùy niệm. Đó gọi là niệm căn.

Thế nào là Định căn? Là từ nẻo xuất yếu tịch tĩnh sinh pháp thiện, tâm lìa hết loạn động, khéo trụ cùng trụ. Đó gọi là định căn.

Thế nào là Tuệ căn? Là từ nẻo xuất yếu tịch tĩnh sinh pháp thiện, chọn lựa pháp, xét rõ, quyết đoán kỹ. Đó gọi là tuệ căn.

Thế nào là Vị tri đương tri căn? Đó là vượt lên, lìa khỏi sinh nhân, như tuệ căn học, căn này nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành chưa đạt vô gián với bốn Thánh đế, nay vô gián cùng sinh. Đó gọi là vị tri đương tri căn.

Thế nào là Dĩ tri căn? Là người kiến đế không gián đoạn, như tuệ căn học, căn này nơi tín giải thoát, kiến chí thân chứng đã không gián đoạn nơi bốn Thánh đế, nên vô gián tăng thượng sinh khởi. Đó gọi là dĩ tri căn.

Thế nào là Cụ tri căn? Là bậc A-la-hán hết sạch các kiết lậu, như tuệ căn vô học, căn này là tuệ giải thoát, câu giải thoát, trụ trong hiện pháp lạc, nên vô gián tăng thượng sinh khởi. Đó gọi là cụ tri căn.

(Đã nói xong hai mươi hai pháp).

**

Thế nào là chín mươi tám sử? Là ba mươi sáu sử thuộc cõi Dục, ba mươi một sử thuộc cõi Sắc, ba mươi một sử thuộc cõi Vô sắc.

(Đã nói xong chín mươi tám pháp).

HẾT - QUYỂN 5

LUẬN CHỨNG SỰ PHÂN A TỶ ĐÀM

QUYỀN 6

Phẩm 6: PHÂN BIỆT THÂU TÓM, phần 3

* *Pháp nhĩ diệm (Pháp cảnh giới), pháp thức, pháp thông nhĩ diệm, pháp duyên, pháp tăng thượng thân tóm:* mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp sắc thân tóm: mười một giới, mười một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ tri tha tâm trí và diệt trí, sáu thức nhận biết. Khắp hết thấy sử nơi hai cõi Dục, Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Pháp không phải sắc thân tóm: tám giới, hai nhập, bốn âm, mười trí nhận biết, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp có thể thấy thân tóm: một giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, diệt trí và đạo trí, hai thức nhận biết. Khắp hết thấy sử nơi hai cõi Dục, Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Pháp không thể thấy thân tóm: mười bảy giới, mười một nhập, năm âm, mười trí nhận biết, năm thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp có đôi thâm tóm: mười giới, mười nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết. Hết thấy sử nơi hai cõi Dục, Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Pháp không đôi thâm tóm: tám giới, hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp hữu lậu thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp vô lậu thâm tóm: ba giới, hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ khổ trí và tập trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp hữu vi thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp vô vi thâm tóm: một giới, một nhập, không thâm tóm âm, sáu trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, khổ trí, tập trí, đạo trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp có tranh thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không tranh thâm tóm: ba giới, hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ khổ trí và tập trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Như pháp có tranh, pháp không tranh, các thứ pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp nhập, pháp bất nhập, pháp nhiễm ô, pháp

không nhiễm ô, pháp dựa vào tại gia, pháp dựa vào nẻo xuất ly cũng như vậy.

*

Pháp tâm thâm tóm: bảy giới, một nhập, một âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không phải tâm thâm tóm: mười một giới, mười một nhập, bốn âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp tâm pháp thâm tóm: một giới, một nhập, ba âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không phải tâm pháp thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, ba âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Như pháp tâm pháp, pháp không phải tâm pháp, các thứ pháp tâm tương ưng, pháp tâm không tương ưng cũng như vậy.

*

Pháp tâm cộng hữu thâm tóm: mười một giới, mười một nhập, bốn âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không phải tâm cộng hữu thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, ba âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp tâm tùy chuyển thâm tóm: một giới, một nhập, bốn âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không phải tâm tùy chuyển thân tóm: mười tám giới, mười hai nhập, ba ấm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp tâm nhân thân tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không phải tâm nhân thân tóm: mười ba giới, mười hai nhập, năm ấm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

*

Pháp tâm thứ lớp thân tóm: tám giới, hai nhập, bốn ấm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không phải tâm thứ lớp thân tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp duyên tâm thân tóm: ba giới, hai nhập, bốn ấm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hữu vi duyên sử sai khiến.

Pháp không duyên tâm thân tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp tâm tăng thượng thân tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không phải tâm tăng thượng thân tóm: một giới, một nhập, ấm không thân tóm, sáu trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, khổ trí, tập trí, đạo trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp tâm quả thân tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không tâm quả thân tóm: một giới, một nhập, âm không thân tóm, một trí nhận biết là đẳng trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp tâm báo thân tóm: mười bảy giới, mười một nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, năm thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Pháp không tâm báo thân tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp nghiệp thân tóm: ba giới, ba nhập, hai âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, ba thức nhận biết là nhãn nhĩ ý, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không phải nghiệp thân tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp nghiệp tương ưng thân tóm: tám giới, hai nhập, bốn âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không phải nghiệp tương ưng thân tóm: mười một giới, mười một nhập, hai âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp nghiệp cộng hữu thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không phải nghiệp cộng hữu thâm tóm: mười một giới, mười một nhập, hai âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp nghiệp tùy chuyển thâm tóm: tám giới, hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không phải nghiệp tùy chuyển thâm tóm: mười một giới, mười một nhập, hai âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp nghiệp nhân thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không nghiệp nhân thâm tóm: mười một giới, mười một nhập, hai âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

*

Pháp nghiệp thứ lớp thâm tóm: tám giới, hai nhập, bốn âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không phải nghiệp thứ lớp thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp duyên nghiệp thâm tóm: năm giới, hai nhập, bốn âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hữu vi duyên sử sai khiến.

Pháp không duyên nghiệp thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thủy sử sai khiến.

*

Pháp nghiệp tăng thượng thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, hết thủy sử sai khiến.

Pháp không phải nghiệp tăng thượng thâm tóm: một giới, một nhập, âm không thâm tóm, sáu trí nhận biết trừ tri tha tâm trí và khổ tập đạo trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp nghiệp quả thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thủy sử sai khiến.

Pháp không nghiệp quả thâm tóm: một giới, một nhập, âm không thâm tóm, một trí nhận biết là đẳng trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp nghiệp báo thâm tóm: mười bảy giới, mười một nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, năm thức nhận biết, khắp hết thủy sử nơi ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Pháp không nghiệp báo thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thủy sử sai khiến.

*

Pháp hữu thân tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không hữu thân tóm: ba giới, hai nhập, năm ấm, tám trí nhận biết trừ khổ trí và tập trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp có tương ưng thân tóm: tám giới, hai nhập, bốn ấm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không có tương ưng thân tóm: mười ba giới, mười hai nhập, năm ấm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hữu lậu duyên sử sai khiến.

*

Pháp có cộng hữu thân tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không có cộng hữu thân tóm: ba giới, hai nhập, năm ấm, tám trí nhận biết trừ khổ trí và tập trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp có tùy chuyển có nhân thân tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không có tùy chuyển không có nhân thân tóm: ba giới, hai nhập, năm ấm, tám trí nhận biết trừ khổ trí và tập trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp có thứ lớp thâm tóm: tám giới, hai nhập, bốn âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không có thứ lớp thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp duyên hữu thâm tóm: tám giới, hai nhập, bốn âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hữu lậu duyên sử sai khiến.

Pháp không duyên hữu thâm tóm: mười ba giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp có tăng thượng thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không có tăng thượng thâm tóm: một giới, một nhập, âm không thâm tóm, sáu trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, khổ trí, tập trí, đạo trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp có quả thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không có quả thâm tóm: ba giới, hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ khổ trí và tập trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp có báo thâm tóm: mười bảy giới, mười một nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, năm thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Pháp không có báo thân tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp trí sở tri thân tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không phải trí sở tri thân tóm: Giới, nhập, ấm không thân tóm, trí không nhận biết, thức không nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp đoạn tri sở đoạn thân tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không phải đoạn tri sở đoạn thân tóm: ba giới, hai nhập, năm ấm, tám trí nhận biết trừ khổ trí và tập trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp tu thân tóm: mười giới, bốn nhập, năm ấm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, ba thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Pháp không tu thân tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, chín trí nhận biết trừ đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp trí chứng thân tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không phải trí chứng thân tóm: Không thuộc về giới, nhập, ấm, trí không nhận biết, thức không nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp đặc chứng thâm tóm: mười hai giới, sáu nhập, năm âm, mười trí nhận biết, ba thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Pháp không phải đặc chứng thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp tập thâm tóm: mười giới, bốn nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, ba thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Pháp không tập thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp có tội thâm tóm: mười giới, bốn nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, ba thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không tội thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

*

Như pháp có tội, pháp không tội, các thứ pháp đen, pháp trắng, pháp thoái, pháp không thoái, pháp ản mắt, pháp không ản mắt cũng như vậy.

*

Pháp ký thâm tóm: mười giới, bốn nhập, năm âm, tám trí nhận biết, ba thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến, khắp hết thấy sử nơi cõi Sắc, Vô sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Pháp vô ký thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Sắc, Vô sắc, cõi Dục cùng hai thân do kiến tập đoạn thuộc cõi Dục sai khiến.

*

Pháp đã khởi thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không khởi thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Như pháp đã khởi, pháp không khởi, các thứ pháp nay khởi, pháp không phải nay khởi, pháp đã diệt, pháp không phải đã diệt, pháp đang diệt, pháp không phải đang diệt cũng như vậy.

*

Pháp duyên khởi thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không phải duyên khởi thâm tóm: một giới, một nhập, ấm không thâm tóm, sáu trí nhận biết trừ tha tâm trí, khổ trí, tập trí, đạo trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Như pháp duyên khởi, pháp không phải duyên khởi, các thứ pháp duyên sinh, pháp không phải duyên sinh, pháp nhân, pháp không nhân, pháp có nhân, pháp không có nhân, pháp nhân khởi, pháp không phải nhân khởi cũng như vậy.

*

Pháp nhân tương ưng thâm tóm: tám giới, hai nhập, bốn âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không phải nhân tương ưng thâm tóm: mười một giới, mười một nhập, hai âm, chín trí nhận biết trừ tha tâm trí, sáu thức nhận biết, hữu lậu duyên sử sai khiến.

*

Pháp kiết thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, trừ vô lậu duyên vô minh xúc, còn lại là hết thấy sử sai khiến.

Pháp không phải kiết thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp sinh kiết thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không phải sinh kiết thâm tóm: ba giới, hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ khổ trí và tập trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp thủ thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không phải thủ thâm tóm: ba giới, hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ khổ trí và tập trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp thọ thân tóm: chín giới, chín nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, diệt trí, đạo trí, năm thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi cõi Dục, Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Pháp không phải thọ thân tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp thủ sinh thân tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không phải thủ sinh thân tóm: ba giới, hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ khổ trí và tập trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp phiền não thân tóm: một giới, một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không phiền não thân tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp cấu uế thân tóm: mười giới, bốn nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, ba thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không cấu uế thân tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp có cấu uế thân tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không có câu uế thâm tóm: ba giới, hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ khổ trí và tập trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp triền thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không triền thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp triền trụ thâm tóm: tám giới, hai nhập, bốn âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không phải triền trụ thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hữu lậu duyên sử sai khiến.

*

Pháp triền sinh thâm tóm: Nói rộng như pháp hữu lậu.

Pháp không phải triền sinh thâm tóm: Nói rộng như pháp vô lậu.

*

Pháp có duyên thâm tóm: tám giới, hai nhập, bốn âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không duyên thâm tóm: mười một giới, mười một nhập, hai âm, chín trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, sáu thức nhận biết, hữu lậu duyên sử sai khiến.

*

Pháp có giác thân tóm: tám giới, hai nhập, bốn âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử nơi hai cõi Dục, Sắc sai khiến.

Pháp không có giác thân tóm: mười ba giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Như pháp có giác, pháp không có giác, các thứ pháp có quán, pháp không có quán cũng như vậy.

*

Pháp đáng vui thân tóm: ba giới, hai nhập, ba âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Sắc sai khiến, trừ vô lậu duyên nghi tương ưng với vô minh thuộc cõi Dục, còn lại là hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến.

Pháp không đáng vui thân tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp thọ dụng thân tóm: tám giới, hai nhập, bốn âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không thọ dụng thân tóm: mười một giới, mười một nhập, hai âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp có sự có duyên thân tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không sự không duyên thân tóm: một giới, một nhập, âm không thân tóm, sáu trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, khổ trí, tập trí, đạo trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp hữu thượng thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp vô thượng thâm tóm: một giới, một nhập, âm không thâm tóm, sáu trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, khổ trí, tập trí, đạo trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp xa thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp gần thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Như pháp xa, pháp gần, các thứ pháp hữu lượng, pháp vô lượng cũng như vậy.

*

Pháp kiến thâm tóm: hai giới, hai nhập, hai âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hữu lậu duyên sử sai khiến và vô lậu duyên kiến tương ưng với vô minh.

Pháp không phải kiến thâm tóm: mười bảy giới, mười một nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp kiến xứ thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không kiến xứ thâm tóm: ba giới, hai nhập, năm ấm, tám trí nhận biết trừ khô trí và tập trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp kiến tương ưng thâm tóm: ba giới, hai nhập, bốn ấm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hữu lậu duyên sử sai khiến và vô lậu duyên kiến tương ưng với vô minh.

Pháp không phải kiến tương ưng thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, trừ vô lậu duyên kiến, còn lại là hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp phạm phu thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử nơi ba cõi sai khiến.

Pháp không phải phạm phu thâm tóm: mười một giới, mười nhập, năm ấm, mười trí nhận biết, bốn thức nhận biết, hết thấy sử nơi ba cõi sai khiến.

*

Pháp phạm phu cộng thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử nơi ba cõi sai khiến.

Pháp không phải phạm phu cộng thâm tóm: mười một giới, mười nhập, năm ấm, mười trí nhận biết, bốn thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

*

Pháp định thân tóm: năm giới, bốn nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, ba thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Pháp không định thân tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp não thân tóm: mười giới, bốn nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, ba thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không não thân tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

*

Pháp căn thân tóm: mười ba giới, bảy nhập, bốn âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không phải căn thân tóm: sáu giới, sáu nhập, ba âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp thuộc Thánh đế thân tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không thuộc Thánh đế thân tóm: một giới, một nhập, âm không thân tóm, một trí nhận biết là đẳng trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp cộng hữu thân tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không cộng hữu thâm tóm: một giới, một nhập, âm không thâm tóm, sáu trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, khổ trí, tập trí, đạo trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp tương ưng thâm tóm: tám giới, hai nhập, bốn âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không tương ưng thâm tóm: mười một giới, mười một nhập, hai âm, chín trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, sáu thức nhận biết, hữu lậu duyên sử sai khiến.

*

Pháp quả thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không quả thâm tóm: một giới, một nhập, âm không thâm tóm, một trí nhận biết là đẳng trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp có quả thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không có quả thâm tóm: một giới, một nhập, âm không thâm tóm, sáu trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, khổ trí, tập trí, đạo trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp báo thâm tóm: mười bảy giới, mười một nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, năm thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Pháp không báo thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp có báo thâm tóm: mười giới, bốn nhập, năm âm, tám trí nhận biết, ba thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến, khắp hết thấy sử nơi cõi Sắc, Vô sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Pháp không có báo thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Sắc, Vô sắc, cùng cõi Dục và hai thân do kiến tập đoạn nơi cõi Dục sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

*

Pháp nhân duyên thâm tóm: Nói rộng như nơi pháp trí sở tri.

Pháp không nhân duyên thâm tóm: Nói rộng như nơi pháp không trí sở tri.

*

Pháp có nhân duyên thâm tóm: Nói rộng như nơi pháp hữu quả.

Pháp không có nhân duyên thâm tóm: Nói rộng như nơi pháp không hữu quả.

*

Pháp xuất thâm tóm: năm giới, bốn nhập, năm âm, mười trí nhận biết, ba thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Pháp không xuất thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp có xuất thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không có xuất thâm tóm: một giới, một nhập, âm không thâm tóm, sáu trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, khổ trí, tập trí, đạo trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp tương tục thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không tương tục thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Như pháp tương tục, pháp không tương tục, các thứ pháp có tương tục, pháp không có tương tục cũng như vậy.

(Đã nói xong hai pháp).

**

Pháp thiện thâm tóm: mười giới, bốn nhập, năm âm, mười trí nhận biết, ba thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Pháp bất thiện thâm tóm: mười giới, bốn nhập, năm âm, bảy trí nhận biết trừ tỷ trí, diệt trí, đạo trí, ba thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến.

Pháp vô ký thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Sắc, Vô sắc, cùng cõi Dục và hai thân do kiến tập đoạn thuộc cõi Dục đều sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

*

Pháp học thâm tóm: ba giới, hai nhập, năm âm, bảy trí nhận biết trừ khổ trí, tập trí, diệt trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

Pháp vô học cũng như vậy.

Pháp phi học phi vô học thâu tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp do kiến đoạn thâu tóm: ba giới, hai nhập, bốn âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử do kiến đoạn sai khiến.

Pháp do tu đoạn thâu tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử do tu đoạn sai khiến và khắp hết thấy sử sai khiến.

Pháp không đoạn thâu tóm: ba giới, hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ khổ trí và tập trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp do kiến đoạn nhân thâu tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp do tu đoạn nhân thâu tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử do tu đoạn sai khiến và khắp hết thấy sử sai khiến.

Pháp không đoạn nhân thâu tóm: ba giới, hai nhập, năm âm, bảy trí nhận biết trừ khổ trí, tập trí, diệt trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp có thể thấy có đối thâu tóm: một giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, diệt trí và đạo trí, hai thức nhận

biết, khắp hết thấy sử nơi hai cõi Dục, Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Pháp không thể thấy có đối thâm tóm: chín giới, chín nhập, một ấm, bảy trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, diệt trí và đạo trí, hai thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi hai cõi Dục, Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Pháp không thể thấy không đối thâm tóm: tám giới, hai nhập, năm ấm, mười trí nhận biết, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp báo thâm tóm: mười bảy giới, mười một nhập, năm ấm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, năm thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Pháp không báo thâm tóm: mười giới, bốn nhập, năm ấm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, ba thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến, khắp hết thấy sử nơi cõi Sắc, Vô sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Pháp phi báo phi thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử nơi hai cõi Sắc, Vô sắc, cùng khắp hết thấy sử nơi cõi Dục và hai thân do kiến tập đoạn thuộc cõi Dục đều sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

*

Pháp hạ thâm tóm: mười giới, bốn nhập, năm ấm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, ba thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp trung thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, khắp hết thấy sử nơi ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Pháp thượng thâm tóm: ba giới, hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ khổ trí và tập trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp nhỏ và pháp lớn thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp vô lượng, pháp ý lạc, pháp không ý lạc, pháp phi ý lạc phi bất ý lạc thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp cùng hợp với lạc thâm tóm: tám giới, hai nhập, ba âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Sắc sai khiến, trừ vô lậu duyên nghi tương ưng với vô minh, còn lại là hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến.

Pháp cùng hợp với khổ thâm tóm: tám giới, hai nhập, ba âm, bảy trí nhận biết trừ tử trí, diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến.

Pháp cùng hợp với không khổ không lạc thâm tóm: tám giới, hai nhập, ba âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp cùng khởi, pháp cùng trụ, pháp cùng diệt thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp không cùng khởi, pháp không cùng trụ, pháp không cùng diệt thâm tóm: một giới, một nhập, một âm không thâm tóm, sáu trí

nhận biết trừ tri tha tâm trí, khổ trí, tập trí, đạo trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp tâm cùng khởi thân tóm: mười một giới, mười một nhập, bốn âm, chín trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp tâm cùng trụ thân tóm: một giới, một nhập, bốn âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp tâm cùng diệt thân tóm: mười giới, mười nhập, bốn âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, năm thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp không phải tâm cùng khởi, pháp không phải tâm cùng trụ, pháp không phải tâm cùng diệt thân tóm: mười tám giới, mười hai nhập, ba âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Giới dục thân tóm: mười giới, bốn nhập, năm âm, bảy trí nhận biết trừ tỷ trí, diệt trí và đạo trí, ba thức nhận biết, hữu lậu cõi Dục duyên sử sai khiến.

Như giới dục, giới sân cũng như vậy.

Giới hại thân tóm: năm giới, bốn nhập, năm âm, bảy trí nhận biết trừ tỷ trí, diệt trí và đạo trí, ba thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

*

Giới xuất yếu thân tóm: mười giới, bốn nhập, năm âm, mười trí nhận biết, ba thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Giới không sân, giới không hại thân tóm: mười giới, bốn nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, ba thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

*

Dục giới thân tóm: mười tám giới, một nhập, năm âm, bảy trí nhận biết trừ tử trí, diệt trí, đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử nơi Dục giới sai khiến.

Sắc giới thân tóm: mười bốn giới, mười nhập, năm âm, bảy trí nhận biết trừ pháp trí, diệt trí, đạo trí, bốn thức nhận biết, hết thấy sử nơi Sắc giới sai khiến.

Vô sắc giới thân tóm: ba giới, hai nhập, bốn âm, sáu trí nhận biết trừ pháp trí, tri tha tâm trí, diệt trí, đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử nơi Vô sắc giới sai khiến.

*

Dục giới, sắc giới đó gọi là cảnh giới sắc thân tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử nơi hai cõi Dục, sắc sai khiến.

Bốn vô sắc gọi là cảnh giới vô sắc thân tóm: ba giới, hai nhập, bốn âm, sáu trí nhận biết trừ pháp trí, tri tha tâm trí, diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử nơi Vô sắc giới sai khiến.

Số diệt và phi số diệt đó gọi là cảnh giới diệt thân tóm: một giới, một nhập, âm không thân tóm, sáu trí nhận biết trừ tha tâm trí, khổ trí, tập trí, đạo trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Hết thấy sắc pháp đó gọi là cảnh giới sắc thân tóm: mười một giới, mười một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ tha tâm trí và diệt trí, sáu thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi hai cõi Dục, Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Trừ số diệt và phi số diệt, còn lại tất cả không phải là sắc pháp, đó gọi là cảnh giới vô sắc thô tóm: tám giới, hai nhập, bốn âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sự sai khiến.

Số diệt và phi số diệt, đó gọi là cảnh giới diệt thô tóm: một giới, một nhập, âm không thô tóm, sáu trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, khổ trí, tập trí, đạo trí, một thức nhận biết, sự không sai khiến.

*

Dục hữu thô tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, bảy trí nhận biết trừ tỷ trí, diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sự nơi cõi Dục sai khiến.

Sắc hữu thô tóm: mười bốn giới, mười nhập, năm âm, bảy trí nhận biết trừ pháp trí, diệt trí, đạo trí, bốn thức nhận biết, hết thấy sự nơi cõi Sắc sai khiến.

Vô sắc hữu thô tóm: ba giới, hai nhập, bốn âm, sáu trí nhận biết trừ pháp trí, tri tha tâm trí, diệt trí, đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sự nơi cõi Vô sắc sai khiến.

*

Dục lậu thô tóm: một giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tỷ trí, diệt trí, đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sự nơi cõi Dục sai khiến.

Hữu lậu thô tóm: một giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ pháp trí, diệt trí, đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sự nơi cõi Sắc, Vô sắc sai khiến.

Vô minh lậu thô tóm: một giới, một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, trừ vô lậu duyên vô minh, còn lại là hết thấy sự sai khiến.

HẾT - QUYỂN 6

LUẬN CHỨNG SỰ PHẢN A TỶ ĐÀM

QUYỀN 7

Phẩm 6: PHÂN BIỆT THÂU TÓM, phần 4

Ba đời và nói sự việc của ba đời thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Khổ của khổ khổ thuộc Dục giới thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, bảy trí nhận biết trừ tử trí, diệt trí, đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến.

Khổ của biên khổ thuộc Sắc giới thâm tóm: mười bốn giới, mười nhập, năm âm, bảy trí nhận biết trừ pháp trí, diệt trí, đạo trí, bốn thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Sắc sai khiến.

Khổ của hành khổ thuộc Vô sắc giới thâm tóm: ba giới, hai nhập, bốn âm, sáu trí nhận biết trừ tử trí, tri tha tâm trí, diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Vô sắc sai khiến.

*

Lại nữa, khổ của khổ khổ nơi khổ thọ thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tử trí, diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến.

Khổ của biến khổ nơi lạc thọ thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, chín trí nhận biết, một thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Sắc sai khiến, trừ vô lậu duyên nơi nghi và tương ưng với vô minh thuộc cõi Dục, còn lại là hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến.

Khổ của hành khổ nơi thọ không khổ không vui thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp có giác có quán thâm tóm: tám giới, hai nhập, bốn âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử nơi hai cõi Dục, Sắc sai khiến.

Pháp không giác có quán thâm tóm: ba giới, hai nhập, bốn âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử nơi hai cõi Dục, Sắc sai khiến.

Pháp không giác không quán thâm tóm: mười ba giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử nơi hai cõi Sắc, Vô sắc sai khiến, hữu lậu duyên sử nơi cõi Dục sai khiến.

*

Địa có giác có quán thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử nơi hai cõi Dục, Sắc sai khiến.

Địa không giác có quán thâm tóm: ba giới, hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi cõi Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Địa không giác không quán thâm tóm: mười một giới, mười nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, bốn thức nhận biết, hết thấy sử nơi hai cõi Sắc, Vô sắc sai khiến.

*

Nghiệp thân thâm tóm: hai giới, hai nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ tri tha tâm trí và diệt trí, hai thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi hai cõi Dục, Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Như nghiệp thân, nghiệp khẩu cũng như vậy.

Nghiệp ý thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, ba thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Nghiệp thiện thâm tóm: ba giới, hai nhập, hai âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, ba thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Nghiệp bất thiện thâm tóm: ba giới, ba nhập, hai âm, bảy trí nhận biết trừ tử trí, diệt trí, đạo trí, ba thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến.

Nghiệp vô ký thâm tóm: ba giới, ba nhập, hai âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, ba thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Sắc, Vô sắc, khắp hết thấy sử nơi cõi Dục cùng hai thân do kiến tập đoạn thuộc cõi Dục đều sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

*

Nghiệp học thâm tóm: một giới, một nhập, hai âm, bảy trí nhận biết trừ khỗ trí, tập trí, diệt trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

Như nghiệp học, nghiệp vô học cũng như vậy.

Nghiệp phi học phi vô học thâm tóm: ba giới, ba nhập, hai âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, ba thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Nghiệp do kiến đoạn thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử do kiến đoạn sai khiến.

Nghiệp do tu đoạn thâm tóm: ba giới, ba nhập, hai âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, ba thức nhận biết, hết thấy sử do tu đoạn sai khiến cùng khắp hết thấy sử sai khiến.

Nghiệp không đoạn thâm tóm: một giới, một nhập, hai âm, bảy trí nhận biết trừ khổ trí, tập trí, diệt trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Nghiệp hiện pháp thọ, nghiệp sinh pháp thọ, nghiệp hậu pháp thọ thâm tóm: ba giới, ba nhập, hai âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, ba thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến, khắp hết thấy sử nơi cõi Sắc, Vô sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

*

Nghiệp lạc thọ thâm tóm: ba giới, ba nhập, hai âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, ba thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi hai cõi Dục, Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Nghiệp khổ thọ thâm tóm: ba giới, ba nhập, hai âm, bảy trí nhận biết trừ tử trí, diệt trí, đạo trí, ba thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến.

Nghiệp thọ không khổ không lạc thâm tóm: một giới, một nhập, hai âm, bảy trí nhận biết trừ pháp trí, diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi hai cõi Sắc, Vô sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

(Đã nói xong ba pháp).

**

Thân niệm xứ thâm tóm: mười một giới, mười một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ tri tha tâm trí và diệt trí, sáu thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi hai cõi Dục, Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Thọ niệm xứ thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Tâm niệm xứ thâm tóm: bảy giới, một nhập, một âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp niệm xứ thâm tóm: một giới, một nhập, hai âm, mười trí nhận biết, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Lại nữa, thân tăng thượng do đạo ấy sinh thiện hữu lậu và vô lậu. Thọ tâm pháp tăng thượng do đạo ấy sinh thiện hữu lậu và vô lậu.

*

Bốn chánh cần, bốn thần túc thâm tóm: ba giới, hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

*

Bốn thiền thâm tóm: ba giới, hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi cõi Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

*

Khổ đế thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Như khổ đế, tập đế cũng vậy.

Diệt đế thâm tóm: một giới, một nhập, âm không thâm tóm, sáu trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, khổ trí, tập trí, đạo trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

Đạo đế thâm tóm: ba giới, hai nhập, năm âm, bảy trí nhận biết trừ khổ trí, tập trí, diệt trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Bốn vô lượng Từ Bi Hỷ Xả thâm tóm: ba giới, hai nhập, năm âm, bảy trí nhận biết trừ pháp trí, diệt trí, đạo trí, một thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi cõi Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

*

Không nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu nhập xứ thâm tóm: ba giới, hai nhập, bốn âm, bảy trí nhận biết trừ pháp trí, tri tha tâm trí và diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử nơi hai cõi Sắc, Vô sắc sai khiến.

Phi tướng phi phi tướng nhập xứ thâm tóm: ba giới, hai nhập, bốn âm, sáu trí nhận biết trừ pháp trí, tri tha tâm trí, diệt trí, đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Vô sắc sai khiến.

*

Bốn Thánh chủng thâm tóm: ba giới, hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

*

Quả Sa-môn hữu vi thâm tóm: ba giới, hai nhập, năm âm, bảy trí nhận biết trừ khổ trí và tập trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

Quả Sa-môn vô vi thâm tóm: một giới, một nhập, âm không thâm tóm, sáu trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, khổ trí, tập trí, đạo trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp trí thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, sáu trí nhận biết trừ tỷ trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

Tỷ trí thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, sáu trí nhận biết trừ pháp trí, khổ trí, tập trí và diệt trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

Tri tha tâm trí thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi cõi Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Đẳng trí thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, trừ kiến duyên vô lậu, còn lại là hết thấy sử sai khiến.

*

Trí còn lại thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ khổ trí, tập trí, diệt trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Nghĩa biện và Ứng biện thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Pháp biện và Từ biện thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi hai cõi Dục, Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

*

Nhân duyên thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Thứ đệ duyên thâm tóm: tám giới, hai nhập, bốn ấm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Đoàn thực thâm tóm: ba giới, ba nhập, một ấm, sáu trí nhận biết trừ tử trí, tri tha tâm trí, diệt trí, đạo trí, bốn thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Xúc thực và Ý tư thực thâm tóm: một giới, một nhập, một ấm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Thức thực thâm tóm: bảy giới, một nhập, một ấm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Dục lưu thâm tóm: một giới, một nhập, một ấm, bảy trí nhận biết trừ tử trí, diệt trí, đạo trí, một thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến.

Hữu lưu thâm tóm: một giới, một nhập, một ấm, bảy trí nhận biết trừ pháp trí, diệt trí, đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử nơi hai cõi Sắc, Vô sắc sai khiến.

Kiến lưu thâm tóm: một giới, một nhập, một ấm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hữu lậu duyên nơi sử do kiến đoạn sai khiến, trừ kiến tương ưng với vô lậu duyên nơi vô minh.

Vô minh lưu thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, trừ vô lậu duyên nơi vô minh, còn lại là hết thấy sử sai khiến.

*

Như Lưu, Ách cũng vậy.

*

Dục thủ thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tử trí, diệt trí, đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến.

Kiến thủ thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hữu lậu duyên nơi sử do kiến đoạn sai khiến, trừ kiến tương ưng với vô lậu duyên nơi vô minh.

Giới thủ thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử do kiến khổ đoạn sai khiến, hết thấy sử do kiến tập đoạn sai khiến, và hữu lậu duyên nơi sử do kiến đạo đoạn sai khiến.

Ngã thủ thâm tóm: Nói rộng như nơi hữu lưu.

*

Pháp quá khứ, vị lai, hiện tại thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không phải quá khứ, vị lai, hiện tại thâm tóm: một giới, một nhập, âm không thâm tóm, sáu trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, khổ trí, tập trí và đạo trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp thuộc cõi Dục thô tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, bảy trí nhận biết trừ tỷ trí, diệt trí, đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến.

Pháp thuộc cõi Sắc thô tóm: mười bốn giới, mười nhập, năm âm, bảy trí nhận biết trừ pháp trí, diệt trí, đạo trí, bốn thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Sắc sai khiến.

Pháp thuộc cõi Vô sắc thô tóm: ba giới, hai nhập, bốn âm, sáu trí nhận biết trừ pháp trí, tri tha tâm trí, diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Vô sắc sai khiến.

Pháp không hệ thuộc thô tóm: ba giới, hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ khổ trí và tập trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp nhân thiện thô tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử nơi ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Pháp nhân bất thiện thô tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, bảy trí nhận biết trừ tỷ trí, diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến.

Pháp nhân vô ký thô tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp không phải nhân thiện, không phải nhân bất thiện, không phải nhân vô ký thô tóm: một giới, một nhập, âm không thô tóm, sáu trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, khổ trí, tập trí, đạo trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

*

Pháp có duyên duyên thâm tóm: ba giới, hai nhập, bốn âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hữu vi duyên nơi sử sai khiến.

Pháp không duyên duyên thâm tóm: tám giới, hai nhập, bốn âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp có duyên duyên không duyên duyên thâm tóm: ba giới, hai nhập, bốn âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp phi hữu duyên duyên phi vô duyên duyên thâm tóm: mười một giới, mười một nhập, hai âm, chín trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, sáu thức nhận biết, hữu lậu duyên nơi sử sai khiến.

(Đã nói xong bốn pháp).

**

Sắc âm thâm tóm: mười một giới, mười một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ tri tha tâm trí và diệt trí, sáu thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi hai cõi Dục, Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Thọ âm, tưởng âm, hành âm thâm tóm: một giới, một nhập, ba âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Thức âm thâm tóm: bảy giới, một nhập, một âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Sắc thanh âm thâm tóm: mười một giới, mười một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, diệt trí, đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử nơi hai cõi Sắc, Dục sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Thọ thanh âm, tướng thanh âm, hành thanh âm thâm tóm: một giới, một nhập, ba âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Thức thanh âm thâm tóm: bảy giới, một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Nẻo (thú) địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và nẻo người thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, bảy trí nhận biết trừ tử trí, diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến.

Nẻo trời thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi ba cõi sai khiến.

*

Thân phiền não do kiến khổ đoạn thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử do kiến khổ đoạn sai khiến và khắp hết thấy sử do kiến tập đoạn sai khiến.

Thân phiền não do kiến tập đoạn thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử do kiến tập đoạn sai khiến và khắp hết thấy sử do kiến khổ đoạn sai khiến.

Thân phiền não do kiến diệt đoạn thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hữu lậu duyên nơi sử do kiến diệt đoạn sai khiến và khắp hết thấy sử sai khiến.

Thân phiền não do kiến đạo đoạn thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết,

hữu lậu duyên nơi sử do kiến đạo đoạn sai khiến và khắp hết thủy sử sai khiến.

Thân phiền não do tu đoạn thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thủy sử do tu đoạn sai khiến và khắp hết thủy sử sai khiến.

*

Sắc pháp như sắc âm, tâm pháp như thức âm.

Tâm pháp pháp thâm tóm: một giới, một nhập, ba âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thủy sử sai khiến.

Tâm bất tương ưng hành thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ tri tha tâm trí và diệt trí, một thức nhận biết, hữu lậu duyên nơi sử sai khiến.

Pháp vô vi thâm tóm: Nói rộng như nơi pháp quả, phi quả.

(Đã nói xong năm pháp).

**

Địa giới thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, diệt trí, đạo trí, hai thức nhận biết, khắp hết thủy sử nơi hai cõi Dục, Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Như địa giới, các thứ giới thủy, hỏa, phong, hư không cũng như vậy.

Thức giới thâm tóm: bảy giới, một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thủy sử sai khiến.

*

Pháp do kiến khổ đoạn thâm tóm: ba giới, hai nhập, bốn âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thủy sử do kiến khổ đoạn sai khiến và khắp hết thủy sử do kiến tập đoạn sai khiến.

Pháp do kiến tập đoạn thâm tóm: ba giới, hai nhập, bốn âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử do kiến tập đoạn sai khiến và khắp hết thấy sử do kiến khổ đoạn sai khiến.

Pháp do kiến diệt đoạn thâm tóm: ba giới, hai nhập, bốn âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử do kiến đạo đoạn sai khiến và khắp hết thấy sử sai khiến.

Pháp do kiến đạo đoạn thâm tóm: ba giới, hai nhập, bốn âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử do kiến đạo đoạn sai khiến và khắp hết thấy sử sai khiến.

Pháp do tu đoạn thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử do tu đoạn sai khiến và khắp hết thấy sử sai khiến.

Pháp không đoạn thâm tóm: ba giới, hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ khổ trí và tập trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

(Đã nói xong sáu pháp).

**

Sử tham dục và sử giận dữ thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tử trí, diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hữu lậu duyên nơi sử thuộc cõi Dục sai khiến.

Sử hữu ái thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ pháp trí, diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hữu lậu duyên nơi sử thuộc hai cõi Sắc, Vô sắc sai khiến.

Sử mạn thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hữu lậu duyên nơi sử nơi ba cõi sai khiến.

Sử vô minh thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, trừ vô minh lậu duyên nơi vô minh, còn lại là hết thấy sử sai khiến.

Sử kiến thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hữu lậu duyên nơi sử do kiến đoạn sai khiến và kiến tương ưng với vô lậu duyên nơi vô minh.

Sử nghi thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hữu lậu duyên nơi sử do kiến đoạn sai khiến và nghi tương ưng với vô lậu duyên nơi vô minh.

*

Xứ thức trụ thứ nhất thâm tóm: mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, bảy trí nhận biết trừ tử trí, diệt trí, đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến.

Xứ thức trụ thứ hai thâm tóm: mười bốn giới, mười nhập, năm âm, bảy trí nhận biết trừ pháp trí, diệt trí và đạo trí, bốn thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Sắc sai khiến.

Xứ thức trụ thứ ba, thứ tư thâm tóm: mười một giới, mười nhập, năm âm, bảy trí nhận biết trừ pháp trí, diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Sắc sai khiến.

Xứ thức trụ thứ năm, thứ sáu, thứ bảy thâm tóm: ba giới, hai nhập, bốn âm, sáu trí nhận biết trừ pháp trí, tri tha tâm trí, diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Vô sắc sai khiến.

*

Bảy giác chi thâm tóm: một giới, một nhập, hai âm, bảy trí nhận biết trừ khổ trí, tập trí, diệt trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

(Đã nói xong bảy pháp).

**

Xứ giải thoát thứ nhất và xứ giải thoát thứ hai, thứ ba thâm tóm: ba giới, hai nhập, năm âm, bảy trí nhận biết trừ pháp trí, diệt trí

và đạo trí, một thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi cõi Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Xứ không nhập giải thoát, xứ thức nhập giải thoát, xứ vô sở hữu nhập giải thoát thâu tóm: ba giới, hai nhập, bốn ấm, bảy trí nhận biết trừ pháp trí, tri tha tâm trí, diệt trí, một thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi cõi Vô sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Xứ phi tướng phi phi tướng nhập giải thoát thâu tóm: ba giới, hai nhập, bốn ấm, sáu trí nhận biết trừ pháp trí, tri tha tâm trí, diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Vô sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Xứ tướng thọ diệt nhập giải thoát thâu tóm: một giới, một nhập, một ấm, sáu trí nhận biết trừ pháp trí, tri tha tâm trí, diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi cõi Vô sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

*

Tám thắng xứ nhập và tám xứ nhất thiết nhập thâu tóm: ba giới, hai nhập, năm ấm, bảy trí nhận biết trừ pháp trí, diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi cõi Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

*

Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng trong tám chi đạo thâu tóm: một giới, một nhập, một ấm, sáu trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, khổ trí, tập trí và diệt trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

Các chi đạo còn lại thâu tóm: một giới, một nhập, một ấm, bảy trí nhận biết trừ khổ trí, tập trí và diệt trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

(Đã nói xong tám pháp).

**

Kiệt tham dục và kiết mạn thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hữu lậu duyên nơi sử nơi ba cõi sai khiến.

Kiệt giận dữ thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tử trí, diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hữu lậu duyên nơi sử nơi cõi Dục sai khiến.

Kiệt vô minh thâm tóm: Như sử vô minh.

Kiệt kiến thâm tóm: Như sử kiến.

Kiệt tha thủ thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hữu lậu duyên nơi sử do kiến đoạn sai khiến.

Kiệt nghi thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hữu lậu duyên nơi sử do kiến đoạn sai khiến và nghi tương ưng với vô lậu duyên nơi vô minh.

Kiệt tật, kiết xan thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tử trí, diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

*

Xứ cư trú thứ nhất của chúng sinh thâm tóm: Như xứ thức trụ thứ nhất.

Xứ cư trú thứ hai của chúng sinh thâm tóm: Như xứ thức trụ thứ hai.

Xứ cư trú thứ ba, thứ tư, thứ năm của chúng sinh thâm tóm: Như xứ thức trụ thứ ba, thứ tư, thứ năm.

Các xứ cư trú còn lại của chúng sinh thâm tóm: Như những xứ thức trụ còn lại.

(Đã nói xong chín pháp).

**

Xứ không nhất thiết nhập và xứ thức nhất thiết nhập thâm

tóm: ba giới, hai nhập, bốn âm, sáu trí nhận biết trừ pháp trí, tri tha tâm trí, diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi cõi Vô sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

*

Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng trong pháp vô học thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, sáu trí nhận biết trừ tri tha tâm trí và khổ tập diệt trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

Các pháp vô học còn lại như các chi đạo còn lại.

(Đã nói xong mười pháp).

**

Sắc hữu lậu thâm tóm: mười một giới, mười một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi hai cõi Dục, Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Thọ, tưởng, hành hữu lậu thâm tóm: một giới, một nhập, ba âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Thức hữu lậu thâm tóm: Như thức giới.

Sắc vô lậu thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, sáu trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, khổ trí, tập trí và diệt trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

Thọ, tưởng, hành vô lậu thâm tóm: một giới, một nhập, ba âm, bảy trí nhận biết trừ khổ trí, tập trí và diệt trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

Thức vô lậu thâm tóm: hai giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ khổ trí, tập trí và diệt trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

Pháp vô vi thâm tóm: Nói rộng như nơi pháp quả không quả.

(Đã nói xong mười một pháp).

**

Nhãn nhập thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi hai cõi Sắc, Dục sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Như nhãn nhập, các thứ nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn cũng như vậy.

Sắc nhập thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, diệt trí, đạo trí, hai thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi hai cõi Dục, Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Như sắc nhập, các thứ thanh nhập, xúc nhập, sắc giới, thanh giới, xúc giới cũng như vậy.

Hương nhập thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, sáu trí nhận biết trừ tỷ trí, tri tha tâm trí, diệt trí và đạo trí, hai thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi hai cõi Dục, Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Như hương nhập, các thứ vị nhập, hương giới, vị giới cũng như vậy.

Ý nhập thâm tóm: bảy giới, một nhập, một âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Như ý nhập, ý căn cũng như vậy.

Pháp nhập thâm tóm: một giới, một nhập, bốn âm, mười trí nhận biết, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Như pháp nhập, pháp giới cũng như vậy.

(Đã nói xong mười hai pháp).

**

Nhãn thức giới thân tóm: hai giới, một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi hai cõi Dục, Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Như nhãn thức giới, nhĩ thức giới, thân thức giới cũng như vậy.

Tỷ thức giới thân tóm: hai giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tỷ trí, diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Như tỷ thức giới, thiệt thức giới cũng như vậy.

Ý thức giới thân tóm: hai giới, một nhập, một âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

(Đã nói xong mười tám pháp).

**

Nữ căn thân tóm: một giới, một nhập, một âm, sáu trí nhận biết trừ tỷ trí, tri tha tâm trí, diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Như nữ căn, nam căn cũng như vậy.

Mạng căn thân tóm: một giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Lạc căn thân tóm: một giới, một nhập, một âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Sắc sai khiến, khắp hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Khô căn thân tóm: một giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tỷ trí, diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Hỷ căn thân tóm: một giới, một nhập, một âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Sắc sai khiến, trừ

vô lậu duyên nơi nghi và tương ưng với vô minh nơi cõi Dục, còn lại là hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến.

Ưu căn thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tử trí, diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến.

Xả căn thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Tín căn thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, khắp hết thấy sử nơi ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến.

Như tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn cũng như vậy.

Vị tri đương tri căn (Căn chưa biết sẽ biết) thâm tóm: ba giới, hai nhập, ba âm, bảy trí nhận biết trừ khổ trí, tập trí và diệt trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến.

Như vị tri đương tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn cũng như vậy.

(Đã nói xong hai mươi hai pháp).

**

Sử thuộc cõi Dục do kiến khổ đoạn thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tử trí, diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử thuộc cõi Dục do kiến khổ đoạn sai khiến và khắp hết thấy sử do kiến tập đoạn sai khiến.

Sử thuộc cõi Dục do kiến tập đoạn thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tử trí, diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử thuộc cõi Dục do kiến tập đoạn sai khiến và khắp hết thấy sử do kiến khổ đoạn sai khiến.

Sử thuộc cõi Dục do kiến diệt đoạn thâm tóm: một giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tử trí, diệt trí và đạo trí, một thức

nhận biết, trừ vô lậu duyên nơi vô minh bất cộng thuộc cõi Dục do kiến diệt đoạn, còn lại là hết thấy sử thuộc cõi Dục do kiến diệt đoạn sai khiến và khắp hết thấy sử sai khiến.

Sử thuộc cõi Dục do kiến đạo đoạn thu tóm: một giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tỷ trí, diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, trừ vô lậu duyên nơi vô minh bất cộng thuộc cõi Dục do kiến đạo đoạn, còn lại là hết thấy sử thuộc cõi Dục do kiến đạo đoạn sai khiến và khắp hết thấy sử sai khiến.

Sử thuộc cõi Dục do tu đoạn thu tóm: một nhập, một giới, một âm, bảy trí nhận biết trừ tỷ trí, diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử thuộc cõi Dục do tu đoạn cùng khắp hết thấy sử sai khiến.

Như thuộc cõi Dục, thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng như vậy.

Sự khác biệt nơi cõi Sắc là trừ pháp trí.

Sự khác biệt nơi cõi Vô sắc là sáu trí nhận biết trừ pháp trí, tri tha tâm trí, diệt trí, đạo trí, ngoài ra như trên đã nêu.

(Đã nói xong chín mươi tám pháp).

HẾT - QUYỂN 7

LUẬN CHỨNG SỰ PHẦN A TỶ ĐÀM

QUYỀN 8

Phẩm 7: THIÊN VẤN LUẬN (Biện về ngàn câu hỏi), phần 1

A. Gồm có: 1. Giới. 2. Tịnh. 3. Quả. 4. Thông. 5. Chủng. 6. Đoạn. 7. Như ý túc. 8. Niệm. 9. Đế.

**

** Giới: Là năm giới của hàng Ưu-bà-tắc.*

*

Năm giới của hàng Ưu-bà-tắc này: Bao nhiêu thứ là sắc, bao nhiêu thứ là không phải sắc?

Bao nhiêu thứ là có thể thấy, bao nhiêu thứ là không thể thấy?

Bao nhiêu thứ là có đối, bao nhiêu thứ là không đối?

Bao nhiêu thứ là hữu lậu, bao nhiêu thứ là vô lậu?

Bao nhiêu thứ là hữu vi, bao nhiêu thứ là vô vi?

Bao nhiêu thứ là có báo, bao nhiêu thứ là không báo?

Bao nhiêu thứ là từ nhân duyên sinh thuộc về thế gian, bao nhiêu thứ là không từ nhân duyên sinh không thuộc về thế gian?

Bao nhiêu thứ thuộc về sắc, bao nhiêu thứ thuộc về danh?

Bao nhiêu thứ thuộc về nội nhập, bao nhiêu thứ thuộc về ngoại nhập?

Bao nhiêu thứ là trí nhận biết, bao nhiêu thứ là không phải trí nhận biết?

*

Năm giới của hàng Ưu-bà-tắc này: Bao nhiêu thứ là đoạn tri nhận biết, bao nhiêu thứ là không phải đoạn tri nhận biết?

Bao nhiêu thứ là đoạn, bao nhiêu thứ là không đoạn?

Bao nhiêu thứ là nên tu, bao nhiêu thứ là không nên tu?

Bao nhiêu thứ là cấu uế, bao nhiêu thứ là không cấu uế?

Bao nhiêu thứ là quả, bao nhiêu thứ không phải là quả? Bao nhiêu thứ là có quả, bao nhiêu thứ là không có quả? Bao nhiêu thứ là quả cũng có quả, bao nhiêu thứ là không quả cũng không có quả?

Bao nhiêu thứ là thọ, bao nhiêu thứ là không thọ?

Bao nhiêu thứ là do bốn đại tạo, bao nhiêu thứ là không phải do bốn đại tạo?

Bao nhiêu thứ là hữu thượng, bao nhiêu thứ là vô thượng?

Bao nhiêu thứ là hữu, bao nhiêu thứ không phải là hữu?

Bao nhiêu thứ là nhân tương ưng, bao nhiêu thứ là nhân không tương ưng?

*

Năm giới của hàng Ưu-bà-tắc này: Có sáu xứ thiện gồm thân là sắc thiện, thọ tướng hành thức thiện và số diệt: Là xứ thiện gồm thân năm giới hay là năm giới gồm thân xứ thiện?

Có năm xứ bất thiện gồm thân là sắc bất thiện, thọ tướng hành thức bất thiện: Là xứ bất thiện gồm thân năm giới hay là năm giới gồm thân xứ bất thiện?

Có bảy xứ vô ký gồm thân là sắc vô ký, thọ tướng hành thức vô ký và hư không, phi số diệt: Là xứ vô ký gồm thân năm giới hay là năm giới gồm thân xứ vô ký?

Có ba xứ lậu gồm thân là dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu: Là xứ lậu gồm thân năm giới hay là năm giới gồm thân xứ lậu?

Có năm xứ hữu lậu gồm thân là sắc hữu lậu, thọ tướng hành thức hữu lậu: Là xứ hữu lậu gồm thân năm giới hay năm giới gồm thân xứ hữu lậu?

Có sáu xứ vô lậu gồm thân là sắc vô lậu, thọ tướng hành thức vô lậu và số diệt: Là xứ vô lậu gồm thân năm giới hay năm giới gồm thân xứ vô lậu?

Bao nhiêu thứ là quá khứ, bao nhiêu thứ là vị lai, bao nhiêu thứ là hiện tại, bao nhiêu thứ không phải là quá khứ, bao nhiêu thứ không phải là vị lai, bao nhiêu thứ không phải là hiện tại?

Bao nhiêu thứ là thiện, bao nhiêu thứ là bất thiện, bao nhiêu thứ là vô ký?

Bao nhiêu thứ thuộc cõi Dục, bao nhiêu thứ thuộc cõi Sắc, bao nhiêu thứ thuộc cõi Vô sắc, bao nhiêu thứ không hệ thuộc?

Bao nhiêu thứ là học, bao nhiêu thứ là vô học, bao nhiêu thứ là phi học phi vô học?

*

Năm giới của hàng Ưu-bà-tắc này: Bao nhiêu thứ do kiến đế đoạn, bao nhiêu thứ do tu đoạn, bao nhiêu thứ không đoạn?

Bao nhiêu thứ là tâm, bao nhiêu thứ là tâm pháp, bao nhiêu thứ là không phải tâm, bao nhiêu thứ là không phải tâm pháp, bao nhiêu thứ là tâm tương ưng, bao nhiêu thứ chỉ là tâm?

Bao nhiêu thứ là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ? Bao nhiêu thứ là tương ưng với thọ không phải là tâm tùy chuyển? Bao nhiêu thứ là tâm tùy chuyển cũng tương ưng với thọ? Bao nhiêu thứ không phải là tâm tùy chuyển cũng không tương ưng với thọ?

Bao nhiêu thứ là tâm tùy chuyển không tương ưng với tưởng, hành? Bao nhiêu thứ là tương ưng với tưởng, hành không phải là tâm tùy chuyển? Bao nhiêu thứ là tâm tùy chuyển cũng tương ưng với tưởng, hành? Bao nhiêu thứ không phải là tâm tùy chuyển cũng không tương ưng với tưởng, hành?

Bao nhiêu thứ là giác tùy chuyển không tương ưng với quán? Bao nhiêu thứ là tương ưng với quán không phải là giác tùy chuyển? Bao nhiêu thứ là giác tùy chuyển cũng tương ưng với quán? Bao nhiêu thứ không phải là giác tùy chuyển cũng không tương ưng với quán?

Bao nhiêu thứ là kiến không phải là xứ kiến? Bao nhiêu thứ là xứ kiến không phải là kiến? Bao nhiêu thứ là kiến cũng là xứ kiến? Bao nhiêu thứ không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến?

Bao nhiêu thứ là nhân của thân kiến không phải là thân kiến? Bao nhiêu thứ là thân kiến không phải là nhân của thân kiến? Bao nhiêu thứ là nhân của thân kiến cũng là thân kiến? Bao nhiêu thứ không phải là nhân của thân kiến cũng không phải là thân kiến?

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là nghiệp báo? Bao nhiêu thứ là nghiệp báo không phải là nghiệp? Bao nhiêu thứ là nghiệp cũng là nghiệp báo? Bao nhiêu thứ không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp báo?

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là nghiệp tùy duyên? Bao nhiêu thứ là nghiệp tùy duyên không phải là nghiệp? Bao nhiêu thứ là nghiệp cũng là nghiệp tùy duyên? Bao nhiêu thứ không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp tùy duyên?

Bao nhiêu thứ là sắc tạo sắc không phải là sắc có thể thấy? Bao nhiêu thứ là sắc có thể thấy không phải là sắc tạo sắc? Bao nhiêu thứ là sắc tạo sắc cũng là sắc có thể thấy? Bao nhiêu thứ không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có thể thấy?

*

Năm giới của hàng Ưu-bà-tắc này: Bao nhiêu thứ là sắc tạo sắc không phải là sắc có đối? Bao nhiêu thứ là sắc có đối không phải là sắc tạo sắc? Bao nhiêu thứ là sắc tạo sắc cũng là sắc có đối? Bao nhiêu thứ không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có đối?

Bao nhiêu thứ là rất thâm diệu vì khó hiểu rõ? Bao nhiêu thứ là khó hiểu rõ vì rất thâm diệu?

Bao nhiêu thứ là thiện không phải là nhân thiện? Bao nhiêu thứ là nhân thiện không phải là thiện? Bao nhiêu thứ là thiện cũng là nhân thiện? Bao nhiêu thứ không phải là thiện cũng không phải là nhân thiện?

Bao nhiêu thứ là bất thiện không phải là nhân bất thiện? Bao nhiêu thứ là nhân bất thiện không phải là bất thiện? Bao nhiêu thứ là bất thiện cũng là nhân bất thiện? Bao nhiêu thứ không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện?

Bao nhiêu thứ là vô ký không phải là nhân vô ký? Bao nhiêu thứ là nhân vô ký không phải là vô ký? Bao nhiêu thứ là vô ký cũng là nhân vô ký? Bao nhiêu thứ không phải là vô ký cũng không phải là nhân vô ký?

Bao nhiêu thứ là duyên của nhân duyên không có nhân? Bao nhiêu thứ là có nhân không phải là duyên của nhân duyên? Bao nhiêu

thứ là duyên của nhân duyên cũng có nhân? Bao nhiêu thứ không phải là duyên của nhân duyên cũng không có nhân?

Bao nhiêu thứ là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên? Bao nhiêu thứ là duyên của thứ đệ duyên không phải là thứ đệ? Bao nhiêu thứ là thứ đệ cũng là duyên của thứ đệ duyên? Bao nhiêu thứ không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của thứ đệ duyên?

Bao nhiêu thứ là duyên của duyên duyên không có duyên? Bao nhiêu thứ là có duyên không phải là duyên của duyên duyên? Bao nhiêu thứ là duyên của duyên duyên cũng có duyên? Bao nhiêu thứ không phải là duyên của duyên duyên cũng không có duyên?

Bao nhiêu thứ là duyên của tăng thượng duyên không có tăng thượng? Bao nhiêu thứ là có tăng thượng không phải là duyên của tăng thượng duyên? Bao nhiêu thứ là duyên của tăng thượng duyên cũng có tăng thượng? Bao nhiêu thứ không phải là duyên của tăng thượng duyên cũng không có tăng thượng?

Bao nhiêu thứ là lưu không phải là tùy lưu? Bao nhiêu thứ là tùy lưu không phải là lưu? Bao nhiêu thứ là lưu cũng là tùy lưu? Bao nhiêu thứ không phải là lưu cũng không phải là tùy lưu?

**

** Hết thấy Tu-đa-la đã rộng hỏi như thế.*

1. Giới: Là năm giới của hàng Ưu-bà-tắc.

Hỏi: Thế nào là Năm giới?

Đáp: Ưu-bà-tắc thọ: Suốt đời không sát sinh, là học tích của Ưu-bà-tắc. Suốt đời không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, là học tích của Ưu-bà-tắc.

*

Hỏi: Năm giới của hàng Ưu-bà-tắc này: Bao nhiêu thứ là sắc, bao nhiêu thứ là không sắc v.v...?

Đáp: Hết thấy là sắc.

Một thứ là không thể thấy, bốn thứ cần phân biệt: Tức bốn thứ tạo tác là có thể thấy, không tạo tác là không thể thấy.

Năm giới đó có tạo tác là có đối, không tạo tác là không đối.

Hết thấy là hữu lậu.

Hết thấy là hữu vi.

Hết thấy là có báo.

Hết thấy là từ nhân duyên sinh thuộc về thế gian.

Hết thấy là thuộc về sắc.

Hết thấy là thuộc về ngoại nhập.

Hết thấy là trí nhận biết.

*

** Năm giới của hàng Ưu-bà-tắc này: Hết thấy là đoạn tri nhận biết.*

Hết thấy là đoạn.

Hết thấy là nên tu.

Hết thấy là không cầu ướ.

Hết thấy là quả cũng là có quả.

Hết thấy là không thọ.

Hết thấy là do bốn đại tạo.

Hết thấy là hữu thượng.

Hết thấy là hữu.

Hết thủy là nhân không tương ưng.

*

* *Năm giới của hàng Ưu-bà-tắc này*: Phần ít của một xứ thiện gồm sáu giới, năm giới cũng gồm sáu phần ít của một xứ thiện.

Không gồm sáu xứ bất thiện.

Không gồm sáu xứ vô ký.

Không gồm sáu xứ lậu.

Phần ít của một xứ hữu lậu gồm sáu giới, năm giới cũng gồm sáu phần ít của một xứ hữu lậu.

Không gồm sáu xứ vô lậu.

Hết thủy hoặc là quá khứ, hiện tại, vị lai.

Hết thủy đều là thiện.

Hết thủy là thuộc cõi Dục.

Hết thủy là phi học phi vô học.

*

* *Năm giới của hàng Ưu-bà-tắc này*: Hết thủy là do tu đoạn.

Hết thủy là không phải tâm, không phải tâm pháp, không phải tâm tương ưng.

Hết thủy là không phải tâm tùy chuyển cũng không tương ưng với thọ.

Hết thủy là không phải tâm tùy chuyển cũng không tương ưng với tưởng, hành.

Hết thủy là không phải giác tùy chuyển cũng không tương ưng với quán.

Hết thấy là xứ kiến không phải là kiến.

Hết thấy không phải là nhân của thân kiến, thân kiến cũng không phải là nhân ấy.

Hết thấy là nghiệp không phải là nghiệp báo.

Hết thấy là nghiệp không phải là nghiệp tùy duyên.

Một thứ là sắc tạo sắc không phải là sắc có thể thấy, bốn thứ cần phân biệt: Nghĩa là bốn thứ nếu tạo tác là sắc tạo sắc cũng là sắc có thể thấy, nếu không tạo tác là sắc tạo sắc không phải là sắc có thể thấy.

*

* *Năm giới của hàng Ưu-bà-tắc này*: Hết thấy nếu tạo tác là sắc tạo sắc cũng là sắc có đối, nếu không tạo tác là sắc tạo sắc không phải là sắc có đối.

Hết thấy là rất thâm diệu khó hiểu rõ, khó hiểu rõ vì rất thâm diệu.

Hết thấy là thiện cũng là nhân thiện.

Hết thấy không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện.

Hết thấy không phải là vô ký cũng không phải là nhân vô ký.

Hết thấy là duyên của nhân duyên cũng có nhân.

Hết thấy không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của thứ đệ duyên.

Hết thấy là duyên của duyên duyên không có duyên.

Hết thấy là duyên của tăng thượng duyên cũng có tăng thượng.

Hết thấy là tùy lưu không phải là lưu.

**

2. Tịnh: Là bốn thứ tịnh bất hoại.

Hỏi: Những gì là bốn thứ tịnh bất hoại?

Đáp: (1) Phật là tịnh bất hoại. (2) Pháp là tịnh bất hoại. (3) Tăng là tịnh bất hoại. (4) Thánh giới là tịnh bất hoại.

*

Hỏi: Bốn thứ tịnh bất hoại này: Bao nhiêu thứ là sắc, bao nhiêu thứ là không phải sắc v.v...?

Đáp: Một thứ là sắc, ba thứ là không phải sắc.

Hết thấy là không thể thấy.

Hết thấy là không đối.

Hết thấy là vô lậu.

Hết thấy là hữu vi.

Hết thấy là không báo.

Hết thấy là từ nhân duyên sinh thuộc về thế gian.

Một thứ là thuộc về sắc, ba thứ còn lại thuộc về danh.

Hết thấy là thuộc về ngoại nhập.

Hết thấy là trí nhận biết.

*

* *Bốn thứ tịnh bất hoại này:* Hết thấy là không phải đoạn tri nhận biết.

Hết thấy là không đoạn.

Hết thấy là nên tu.

Hết thấy là không cấu uế.

Hết thấy là quả cùng có quả.

Hết thấy là không thọ.

Một thứ là do bốn đại tạo, ba thứ là không phải do bốn đại tạo.

Hết thấy là hữu thượng.

Hết thấy là không phải hữu.

Một thứ là nhân không tương ưng, ba thứ là nhân tương ưng.

*

* *Bốn thứ tịnh bất hoại này*: Phần ít của hai xứ thiện gồm sáu bốn thứ tịnh bất hoại, bốn thứ tịnh bất hoại cũng gồm sáu phần ít của hai xứ thiện.

Không gồm sáu xứ bất thiện.

Không gồm sáu xứ vô ký.

Không gồm sáu xứ lậu.

Không gồm sáu xứ hữu lậu.

Một xứ vô lậu cùng phần ít của một xứ vô lậu gồm sáu bốn thứ tịnh bất hoại, bốn thứ tịnh bất hoại cũng gồm sáu một xứ vô lậu cùng phần ít của một xứ vô lậu.

Hết thấy hoặc là quá khứ, hiện tại, vị lai.

Hết thấy đều là thiện.

Hết thấy là không hệ thuộc.

Hỏi: Bốn thứ tịnh bất hoại này: Bao nhiêu thứ là học, bao nhiêu thứ là vô học, bao nhiêu thứ là phi học phi vô học v.v...?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Tịnh bất hoại của Phật hoặc là học, hoặc là vô học. Thế nào là học? Là ý học tư duy tương ưng với tịnh bất hoại của Phật. Thế nào là vô học? Là ý vô học tư duy tương ưng với tịnh bất hoại của Phật.

Như tịnh bất hoại của Phật, tịnh bất hoại của Pháp, Tăng cũng như vậy.

Tịnh bất hoại của Thánh giới hoặc là học, hoặc là vô học. Thế nào là học? Là nghiệp thân, khẩu học. Thế nào là vô học? Là nghiệp thân, khẩu vô học.

*

* *Bốn thứ tịnh bất hoại này*: Hết thầy là không đoạn.

Một thứ là không phải tâm, không phải tâm pháp, không phải tâm tương ưng. Ba thứ là tâm, là tâm pháp, là tâm tương ưng.

Một thứ là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ. Ba thứ là tâm tùy chuyển cũng tương ưng với thọ.

Một thứ là tâm tùy chuyển không tương ưng với tưởng, hành. Ba thứ là tâm tùy chuyển cũng tương ưng với tưởng, hành, trừ tự tánh của nó.

Hỏi: Bốn thứ tịnh bất hoại này: Bao nhiêu thứ là giác tùy chuyển không tương ưng với quán v.v...?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Tịnh bất hoại của Phật hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán. Thế nào là có giác có quán? Là ý tư duy có giác có quán tương ưng với tịnh bất hoại của Phật. Thế nào là không giác có quán? Là ý tư duy không giác có quán tương ưng với tịnh bất hoại của Phật. Thế nào là không giác không quán? Là ý tư duy không giác không quán tương ưng với tịnh bất hoại của Phật.

Như tịnh bất hoại của Phật, tịnh bất hoại của Pháp, Tăng cũng như vậy.

Tịnh bất hoại của Thánh giới hoặc là giác tùy chuyển không tương ưng với quán, hoặc không phải là giác tùy chuyển cũng không

tương ưng với quán. Thế nào là giác tùy chuyên không tương ưng với quán? Là giác tùy chuyên nơi nghiệp thân, khẩu. Ngoài ra không phải là giác tùy chuyên cũng không tương ưng với quán.

Hết thủy không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến.

Hết thủy không phải là nhân của thân kiến, thân kiến cũng không phải là nhân ấy.

Một thứ là nghiệp không phải là nghiệp báo, ba thứ không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp báo.

Một thứ là nghiệp cũng là nghiệp tùy chuyên, ba thứ là nghiệp tùy chuyên không phải là nghiệp.

Một thứ là sắc tạo sắc không phải là sắc có thể thấy, ba thứ không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có thể thấy.

*

* *Bốn thứ tịnh bất hoại này*: Một thứ là sắc tạo sắc không phải là sắc có đối, ba thứ không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có đối.

Hết thủy là rất thâm diệu, khó hiểu rõ, khó hiểu rõ vì rất thâm diệu.

Hết thủy là thiện cũng là nhân thiện.

Hết thủy không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện.

Hết thủy không phải là vô ký cũng không phải là nhân vô ký.

Hết thủy là duyên của nhân duyên cũng có nhân.

Hỏi: Bốn thứ tịnh bất hoại này: Bao nhiêu thứ là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên v.v...?

Đáp: Một thứ không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của thứ đệ duyên. Ba thứ cần phân biệt: Tịnh bất hoại của Phật

hoặc là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên, tạo thành ba trường hợp:

Là thứ đệ không phải duyên của thứ đệ duyên: Là hiện tiền, vị lai tất khởi tịnh bất hoại của Phật.

Là thứ đệ cũng là duyên của thứ đệ duyên: Là tịnh bất hoại của Phật ở quá khứ hay hiện tại.

Là không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là trừ hiện tiền, vị lai tất khởi tịnh bất hoại của Phật. Còn lại là tịnh bất hoại của Phật nơi vị lai.

Như tịnh bất hoại của Phật, tịnh bất hoại của Pháp, của Tăng cũng như vậy.

Một thứ là duyên của duyên duyên không có duyên, ba thứ là duyên của duyên duyên cũng có duyên.

Hết thấy là duyên của tăng thượng duyên cũng có tăng thượng.

Hết thấy không phải là lưu cũng không phải là tùy lưu.

**

3. Quả: Là bốn quả Sa-môn.

Hỏi: Những gì là bốn quả?

Đáp: Đó là: (1) Quả Tu-đà-hoàn. (2) Quả Tu-đà-hàm. (3) Quả A-na-hàm. (4) Quả A-la-hán.

*

Hỏi: Bốn quả Sa-môn này: Bao nhiêu thứ là sắc, bao nhiêu thứ là không phải sắc v.v...?

Đáp: Quả Sa-môn thuộc nghiệp thân, khẩu là sắc. Ngoài ra là không phải sắc.

Hết thấy là không thể thấy.

Hết thấy là không đối.

Hết thấy là vô lậu.

Hỏi: Bốn quả Sa-môn này: Bao nhiêu thứ là hữu vi, bao nhiêu thứ là vô vi v.v...?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Quả Tu-đà-hoàn hoặc là hữu vi, hoặc là vô vi. Thế nào là hữu vi? Là quả Tu-đà-hoàn có năm ấm hữu vi. Thế nào là vô vi? Là quả Tu-đà-hoàn thuộc về số diệt.

Như quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán cũng như vậy.

Hết thấy là không báo.

Quả nếu hữu vi là từ nhân duyên sinh thuộc về thế gian, nếu vô vi là không từ nhân duyên sinh không thuộc về thế gian.

Quả Sa-môn gồm thân nghiệp thân, khẩu là thuộc về sắc, ngoài ra là thuộc về danh.

Quả Sa-môn gồm thân tâm ý thức là thuộc về nội nhập, ngoài ra là thuộc về ngoại nhập.

Hết thấy là trí nhận biết.

*

* *Bốn quả Sa-môn này:* Hết thấy là không phải đoạn tri nhận biết.

Hết thấy là không đoạn.

Nếu là hữu vi thì nên tu. Nếu là vô vi thì không nên tu.

Hết thấy là không cấu ứ.

Nếu là hữu vi là quả cũng là có quả. Nếu là vô vi là quả không phải là có quả.

Hết thấy là không thọ.

Quả Sa-môn gồm thân nghiệp thân, khẩu là do bốn đại tạo, ngoài ra là không phải do bốn đại tạo.

Nếu là hữu vi là hữu thượng. Nếu là vô vi là vô thượng.

Hết thấy là không phải hữu.

Quả Sa-môn gồm thân nghiệp thân, khẩu và tâm bất tương ưng hành cùng số diệt là nhân không tương ưng, ngoài ra là nhân tương ưng.

*

* *Bốn quả Sa-môn này*: Phần ít của sáu xứ thiện gồm thân bốn quả Sa-môn, bốn quả Sa-môn cũng gồm thân phần ít của sáu xứ thiện.

Không gồm thân xứ bất thiện. Không gồm thân xứ vô ký.

Không gồm thân xứ lậu. Không gồm thân xứ hữu lậu.

Phần ít của sáu xứ vô lậu gồm thân bốn quả Sa-môn, bốn quả Sa-môn cũng gồm thân phần ít của sáu xứ vô lậu.

Nếu là hữu vi thì hoặc là quá khứ hiện tại vị lai. Nếu là vô vi thì không phải quá khứ hiện tại vị lai.

Hết thấy đều là thiện.

Hết thấy là không hệ thuộc.

Hỏi: Bốn quả Sa-môn này: Bao nhiêu thứ là học, bao nhiêu thứ là vô học, bao nhiêu thứ là phi học phi vô học v.v...?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Quả Tu-đà-hoàn hoặc là học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học? Là quả Tu-đà-hoàn hữu vi. Thế nào là phi học phi vô học? Là quả Tu-đà-hoàn vô vi.

Như quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm cũng như vậy.

Quả A-la-hán hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là vô học? Là quả A-la-hán hữu vi. Thế nào là phi học phi vô học? Là quả A-la-hán vô vi.

*

* *Bốn quả Sa-môn này*: Hết thấy là không đoạn.

Quả Sa-môn gồm thân nghiệp thân, khẩu cùng tâm bất tương ưng hành và số diệt là không phải tâm, không phải tâm pháp, không phải tâm tương ưng. Quả Sa-môn gồm thân thọ ẩm, tưởng ẩm, tương ưng với hành ẩm, là tâm, tâm pháp, tâm tương ưng. Tâm ý thức tức là tâm.

Hỏi: Quả Tu-đà-hoàn có bao nhiêu thứ là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ v.v...?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ: Là tâm tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành và thọ. 2. Là thọ tương ưng không phải là tâm tùy chuyển: Là tâm, ý, thức. 3. Là tâm tùy chuyển cũng tương ưng với thọ: Là tưởng ẩm tương ưng với hành ẩm. 4. Không phải là tâm tùy chuyển cũng không tương ưng với thọ: Là trừ tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, còn lại tâm bất tương ưng hành và số diệt.

Như quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán cũng như vậy.

Như thọ, tưởng, hành cũng như thế, trừ tự tánh của nó.

Hỏi: Quả Tu-đà-hoàn có bao nhiêu là giác tùy chuyển không tương ưng với quán v.v...?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Là giác tùy chuyển không tương ưng với quán: Là giác tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành và giác tương ưng với quán. 2.

Là quán tương ưng không phải là giác tùy chuyển: Là giác. 3. Là giác tùy chuyển cũng tương ưng với quán: Là giác quán tương ưng với tâm, tâm pháp. 4. Không phải là giác tùy chuyển cũng không tương ưng với quán: Là trừ giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, còn lại là tâm bất tương ưng hành và số diệt.

Như quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm cũng như vậy.

Quả A-na-hàm hoặc là giác tùy chuyển không tương ưng với quán. Có bốn trường hợp: 1. Là giác tùy chuyển không tương ưng với quán: Là giác tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành và giác tương ưng với quán. 2. Là quán tương ưng không phải là giác tùy chuyển: Là giác, như giác không tương ưng với quán, tương ưng với tâm, tâm pháp. 3. Là giác tùy chuyển cũng tương ưng với quán: Là giác quán tương ưng với tâm, tâm pháp. 4. Không phải là giác tùy chuyển cũng không tương ưng với quán: Là trừ giác tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, như nghiệp thân, khẩu còn lại, trừ giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành. Như còn lại là tâm bất tương ưng hành cùng giác không tương ưng với quán và không phải là giác quán tương ưng với tâm, tâm pháp, số diệt.

Như quả A-na-hàm, quả A-la-hán cũng như vậy.

Quả Tu-đà-hoàn gồm thân tuệ là kiến không phải là xứ kiến. Ngoài ra không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến.

Như quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm cũng như vậy.

Quả A-la-hán gồm thân tận trí, vô sinh trí, không gồm thân tuệ vô lậu, là kiến không phải là xứ kiến, còn lại không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến.

Hết thầy không phải là nhân của thân kiến. Thân kiến cũng không phải là nhân kia.

Quả Sa-môn gồm thân nghiệp thân, khẩu và tư là nghiệp không phải là nghiệp báo, còn lại không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp báo.

Hỏi: Quả Tu-đà-hoàn có bao nhiêu là nghiệp không phải là nghiệp tùy chuyển v.v...?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Là nghiệp không phải là nghiệp tùy chuyển: Là tư nghiệp. 2. Là nghiệp tùy chuyển không phải là nghiệp: Là thọ ẩm, tưởng ẩm, thức ẩm, hoặc tư không gồm thân hành ẩm của nghiệp tùy chuyển. 3. Là nghiệp cũng là nghiệp tùy chuyển: Là nghiệp tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu. 4. Không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp tùy chuyển: Là trừ nghiệp tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, như còn lại là tâm bất tương ưng hành và số diệt.

Như quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán cũng như vậy.

Quả Sa-môn gồm thân nghiệp thân, khẩu là sắc tạo sắc không phải là sắc có thể thấy, còn lại không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có thể trông thấy.

*

** Bốn quả Sa-môn này:* Quả Sa-môn gồm thân nghiệp thân, khẩu là sắc tạo sắc không phải là sắc có đối, còn lại không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có đối.

Hết thầy là rất thâm diệu khó biết rõ, khó biết rõ vì rất thâm diệu.

Quả Sa-môn nếu là hữu vi là thiện cũng là nhân thiện. Nếu là vô vi là thiện không phải là nhân thiện.

Hết thầy không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện.

Hết thầy không phải là vô ký cũng không phải là nhân vô ký.

Quả Sa-môn nếu là hữu vi là duyên của nhân duyên cùng có nhân. Nếu là vô vi thì không phải là duyên của nhân duyên cũng không phải có nhân.

Hỏi: Bốn quả Sa-môn này: Bao nhiêu thứ là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên v.v...?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Quả Sa-môn nếu là hữu vi hoặc là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên. Có ba trường hợp: 1. Là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là hiện tại, vị lai tất khởi tâm, tâm pháp. 2. Là thứ đệ cũng là duyên của thứ đệ duyên: Là tâm, tâm pháp quá khứ, hiện tại. 3. Không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là trừ hiện tại, vị lai tất khởi tâm, tâm pháp, còn lại là tâm, tâm pháp vị lai cùng nghiệp thân, khẩu nơi tâm bất tương ưng hành và số diệt.

Quả Sa-môn nếu là hữu vi gồm thân nghiệp thân, khẩu, tâm bất tương ưng hành và số diệt: Là duyên duyên, duyên hợp không có duyên, ngoài ra là duyên duyên, duyên hợp cũng có duyên.

Quả Sa-môn nếu là hữu vi là duyên của tăng thượng duyên cũng có tăng thượng. Nếu là vô vi là duyên của tăng thượng duyên không có tăng thượng.

Hết thấy không phải là lưu cũng không phải là tùy lưu.

**

4. Thông: Là bốn thông.

Hỏi: Những gì là bốn?

Đáp: (1) Khổ tri thông. (2) Khổ tốc thông. (3) Lạc tri thông. (4) Lạc tốc thông.

Thế nào là khổ tri thông? Là thiên vị lai, thiên trung gian và ba vô sắc nếu là đạo độn căn.

Thế nào là khổ tức thông? Là thiên vị lai, thiên trung gian và ba vô sắc nếu là đạo lợi căn.

Thế nào là lạc tri thông? Là bốn thiên căn bản nếu là đạo độn căn.

Thế nào là lạc tức thông? Là bốn thiên căn bản nếu là đạo lợi căn.

*

Hỏi: Bốn thông này: Bao nhiêu thứ là sắc, bao nhiêu thứ là không phải sắc v.v...?

Đáp: Thông gồm thân nghiệp thân, khẩu là sắc, ngoài ra là không phải sắc.

Hết thấy là không thể thấy.

Hết thấy là không đối.

Hết thấy là vô lậu.

Hết thấy là hữu vi.

Hết thấy là không báo.

Hết thấy là từ nhân duyên sinh thuộc về thế gian.

Thông gồm thân nghiệp thân, khẩu là thuộc về sắc, ngoài ra là thuộc về danh.

Thông gồm thân tâm, ý, thức là thuộc về nội nhập, ngoài ra là thuộc về ngoại nhập.

Hết thấy là trí nhận biết.

*

* *Bốn thông này:* Hết thấy là không phải đoạn tri nhận biết.

Hết thấy là không đoạn.

Hết thấy là nên tu.

Hết thấy là không cầu ướ.

Hết thấy là quả cũng là có quả.

Hết thấy là không thọ.

Thông gồm thân nghiệp thân, khẩu là do bốn đại tạo, ngoài ra là không phải do bốn đại tạo.

Hết thấy là hữu thượng.

Hết thấy là không phải hữu.

Thông gồm thân nghiệp thân, khẩu và tâm bất tương ưng hành là nhân không tương ưng, còn lại là nhân tương ưng.

*

** Bốn thông này:* Phần ít của năm xứ thiện gồm thân bốn thông, bốn thông cũng gồm thân phần ít của năm xứ thiện.

Không gồm thân xứ bất thiện.

Không gồm thân xứ vô ký.

Không gồm thân xứ lậu.

Không gồm thân xứ hữu lậu.

Phần ít của năm xứ vô lậu gồm thân bốn thông, bốn thông cũng gồm thân phần ít của năm xứ vô lậu.

Hết thấy hoặc là quá khứ, vị lai hay hiện tại.

Hết thấy đều là thiện.

Hết thấy là không hệ thuộc.

Hỏi: Bốn thông này: Bao nhiêu thứ là học, bao nhiêu thứ là vô học, bao nhiêu thứ là phi học phi vô học v.v...?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Thông hoặc là học, hoặc là vô học. Thế nào là học? Là thông gồm thân năm ấm học. Thế nào là vô học? Là thông gồm thân năm ấm vô học.

*

* *Bốn thông này*: Hết thấy là không đoạn.

Thông gồm thân nghiệp thân, khẩu tâm bất tương ưng hành là không phải tâm, không phải tâm pháp, không phải tâm tương ưng. Thông gồm thân thọ ấm, tướng ấm, tương ưng với hành ấm, là tâm pháp, tâm tương ưng. Tâm, ý, thức tức là tâm.

Hỏi: Bốn thông này: Bao nhiêu thứ là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ v.v...?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ: Là tâm tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành và thọ. 2. Là tương ưng với thọ không phải là tâm tùy chuyển: Là tâm, ý, thức. 3. Là tâm tùy chuyển cũng tương ưng với thọ: Là tướng ấm tương ưng với hành ấm. 4. Không phải là tâm tùy chuyển cũng không tương ưng với thọ: Là trừ tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, như các tâm bất tương ưng hành còn lại.

Như thọ, tướng, hành cũng như vậy, trừ tự tánh của nó.

Hỏi: Khổ tri thông có bao nhiêu là giác tùy chuyển không tương ưng với quán v.v...?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Là giác tùy chuyển không tương ưng với quán: Là giác tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành và giác tương ưng với quán. 2. Là quán tương ưng không phải là giác tùy chuyển: Là giác. Như giác không tương ưng với quán vì quán tương ưng với tâm, tâm pháp. 3. Là giác tùy chuyển cũng tương ưng với quán: Là giác quán tương ưng với tâm, tâm pháp. 4. Không phải là giác tùy chuyển cũng không tương ưng với quán: Là trừ giác tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, như nghiệp thân, khẩu còn lại, trừ giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, như tâm bất tương ưng hành còn lại cùng giác không tương ưng với quán và không phải là giác quán tương ưng với tâm, tâm pháp.

Như khổ trì thông, khổ tốc thông cũng như vậy.

Lạc trì thông hoặc là giác tùy chuyển không tương ưng với quán. Có bốn trường hợp: 1. Là giác tùy chuyển không tương ưng với quán: Là giác tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành và giác tương ưng với quán. 2. Là quán tương ưng không phải là giác tùy chuyển: Là giác. Như giác không tương ưng với quán vì quán tương ưng với tâm, tâm pháp. 3. Là giác tùy chuyển cũng tương ưng với quán: Là giác quán tương ưng với tâm, tâm pháp. 4. Không phải là giác tùy chuyển cũng không tương ưng với quán: Là trừ giác tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, như nghiệp thân, khẩu còn lại, trừ giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, như tâm bất tương ưng hành còn lại và giác không tương ưng với quán cũng không phải là giác quán tương ưng với tâm, tâm pháp.

Như lạc trì thông, lạc tốc thông cũng như vậy.

Thông gồm thân tận trí, vô sinh trí, không gồm thân tuệ vô lậu là kiến không phải là xứ kiến, còn lại không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến.

Hết thấy không phải là nhân của thân kiến. Thân kiến cũng không phải là nhân ấy.

Thông gồm thân nghiệp thân, khẩu và tư là nghiệp không phải là nghiệp báo, còn lại không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp báo.

Hỏi: Bốn thông này: Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là nghiệp tùy chuyển v.v...?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Là nghiệp không phải là nghiệp tùy chuyển: Là nghiệp tư. 2. Là nghiệp tùy chuyển không phải là nghiệp: Là thọ ẩm, tướng ẩm, thức ẩm, hoặc tư không gồm thân hành ẩm của nghiệp tùy chuyển. 3. Là nghiệp cũng là nghiệp tùy chuyển: Là nghiệp tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu. 4. Không phải là nghiệp

cũng không phải là nghiệp tùy chuyên: Là trừ nghiệp tùy chuyên nơi tâm bất tương ưng hành, là tâm bất tương ưng hành còn lại.

Thông gồm thân nghiệp thân, khẩu là sắc tạo sắc không phải là sắc có thể thấy, ngoài ra không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có thể thấy.

*

* *Bốn thông này*: Thông gồm thân nghiệp thân, khẩu là sắc tạo sắc không phải là sắc có đối, ngoài ra không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có đối.

Hết thấy là rất thâm diệu khó hiểu rõ, khó hiểu rõ vì rất thâm diệu.

Hết thấy đều là thiện cũng là nhân thiện.

Hết thấy không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện.

Hết thấy không phải là vô ký cũng không phải là nhân vô ký.

Hết thấy là nhân duyên duyên cũng có nhân.

Hỏi: Bốn thông này: Bao nhiêu thứ là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Thông hoặc là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên. Có ba trường hợp: 1. Là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là hiện tiền, vị lai tất khởi tâm, tâm pháp. 2. Là thứ đệ cũng là duyên của thứ đệ duyên: Là tâm, tâm pháp quá khứ, hiện tại. 3. Không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là trừ hiện tiền, vị lai tất khởi tâm, tâm pháp, còn lại là tâm, tâm pháp vị lai cùng nghiệp thân, khẩu nơi tâm bất tương ưng hành.

Thông gồm thân nghiệp thân, khẩu, tâm bất tương ưng hành là duyên của duyên duyên không có duyên, ngoài ra là duyên của duyên duyên cũng có duyên.

Hết thấy là duyên của tăng thượng duyên cũng có tăng thượng.

Hết thấy không phải là lưu cũng không phải là tùy lưu.

**

5. *Chủng: Là bốn Thánh chủng.*

Hỏi: Những gì là bốn?

Đáp: (1) Thánh chủng tri túc (biết đủ) khi xin được y. (2) Thánh chủng tri túc khi xin được thức ăn. (3) Thánh chủng tri túc tùy được các thứ dụng cụ ngủ nghỉ. (4) Thánh chủng ưa thích ở nơi thanh vắng, tu tập.

*

Hỏi: Bốn Thánh chủng này: Bao nhiêu thứ là sắc, bao nhiêu thứ là không phải sắc v.v...?

Đáp: Thánh chủng gồm thân nghiệp thân, khẩu là sắc, ngoài ra là không phải sắc.

Hết thấy là không thể thấy.

Hết thấy là không đối.

Hỏi: Bốn Thánh chủng này: Bao nhiêu thứ là hữu lậu, bao nhiêu thứ là vô lậu v.v...?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Thánh chủng hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là Thánh chủng gồm thân năm ấm hữu lậu. Thế nào là vô lậu? Là Thánh chủng gồm thân năm ấm vô lậu.

Hết thấy là hữu vi.

Nếu là hữu lậu là có báo, nếu là vô lậu là không báo.

Hết thấy là từ nhân duyên sinh thuộc về thế gian.

Thánh chủng gồm thân nghiệp thân, khẩu là thuộc về sắc, ngoài ra là thuộc về danh.

Thánh chủng gồm thân tâm, ý, thức là thuộc về nội nhập, ngoài ra là thuộc về ngoại nhập.

Hết thấy là trí nhận biết.

*

* *Bốn Thánh chủng này*: Nếu là hữu lậu thì đoạn tri nhận biết và đoạn. Nếu là vô lậu thì không phải đoạn tri nhận biết và không đoạn.

Hết thấy là nên tu.

Hết thấy là không cầu ướ.

Hết thấy là quả cũng là có quả.

Hết thấy là không thọ.

Thánh chủng gồm thân nghiệp thân, khẩu là do bốn đại tạo, ngoài ra là không phải do bốn đại tạo.

Hết thấy là hữu thượng.

Thánh chủng nếu là hữu lậu là hữu. Nếu là vô lậu là không phải hữu.

Thánh chủng gồm thân nghiệp thân, khẩu và tâm bất tương ưng hành là nhân không tương ưng, còn lại là nhân tương ưng.

*

* *Bốn Thánh chủng này*: Phần ít của năm xứ thiện gồm thân bốn Thánh chủng, bốn Thánh chủng cũng gồm thân phần ít của năm xứ thiện.

Không gồm thân xứ bất thiện.

Không gồm thân xứ vô ký.

Không gồm thân xứ lậu.

Hoặc xứ hữu lậu gồm thân không phải là Thánh chủng, có bốn trường hợp: 1. Là xứ hữu lậu gồm thân không phải là Thánh chủng: Là Thánh chủng không gồm thân năm ấm hữu lậu. 2. Là Thánh chủng gồm thân không phải là xứ hữu lậu: Là Thánh chủng gồm thân năm ấm vô lậu. 3. Là xứ hữu lậu gồm thân cũng là Thánh chủng: Tức là Thánh chủng gồm thân năm ấm hữu lậu. 4. Không phải là xứ hữu lậu gồm thân cũng không phải là Thánh chủng: Tức là hư không và số diệt, phi số diệt.

Hoặc xứ vô lậu gồm thân không phải là Thánh chủng, có bốn trường hợp: 1. Là xứ vô lậu gồm thân không phải là Thánh chủng: Là hư không và số diệt, phi số diệt. 2. Là Thánh chủng gồm thân không phải là xứ vô lậu: Là Thánh chủng gồm thân năm ấm hữu lậu. 3. Là xứ vô lậu gồm thân cũng là Thánh chủng: Là Thánh chủng gồm thân năm ấm vô lậu. 4. Không phải là xứ vô lậu gồm thân cũng không phải là Thánh chủng: Tức là Thánh chủng không gồm thân năm ấm hữu lậu.

Hết thấy hoặc là quá khứ, hiện tại vị lai.

Hết thấy đều là thiện.

Thánh chủng hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là Thánh chủng gồm thân năm ấm thuộc cõi Dục. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là Thánh chủng gồm thân bốn ấm thuộc cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Vô sắc? Là Thánh chủng gồm thân bốn ấm thuộc cõi Vô sắc. Thế nào là không hệ thuộc? Là bốn Thánh chủng vô lậu.

Hỏi: Bốn Thánh chủng này: Bao nhiêu thứ là học, bao nhiêu thứ là vô học, bao nhiêu thứ là phi học phi vô học v.v...?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Thánh chủng hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học? Là Thánh chủng

gồm thân năm ấm học. Thế nào là vô học? Là Thánh chủng gồm thân năm ấm vô học. Thế nào là phi học phi vô học? Là Thánh chủng gồm thân năm ấm hữu lậu.

*

* *Bốn Thánh chủng này*: Thánh chủng nếu là hữu lậu thì do tu đoạn. Nếu là vô lậu thì không đoạn.

Thánh chủng gồm thân nghiệp thân, khẩu và tâm bất tương ưng hành là không phải tâm, không phải tâm pháp, không phải tâm tương ưng. Thánh chủng gồm thân thọ ấm, tưởng ấm, tương ưng với hành ấm, là tâm pháp, tâm tương ưng. Tâm, ý, thức tức là tâm.

Hỏi: Bốn Thánh chủng này: Bao nhiêu thứ là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ v.v...?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ: Là tâm tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành và thọ. 2. Là thọ tương ưng không phải là tâm tùy chuyển: Là tâm, ý, thức. 3. Là tâm tùy chuyển cũng tương ưng với thọ: Là tưởng ấm tương ưng với hành ấm. 4. Không phải là tâm tùy chuyển cũng không tương ưng với thọ: Là trừ tâm tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, là nghiệp thân, khẩu còn lại, trừ tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, là tâm bất tương ưng hành còn lại.

Như thọ, tưởng, hành cũng như vậy, trừ tự tánh của nó.

Hỏi: Bốn Thánh chủng này: Bao nhiêu thứ là giác tùy chuyển không tương ưng với quán v.v...?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Là giác tùy chuyển không tương ưng với quán: Là giác tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành và giác tương ưng với quán. 2. Là quán tương ưng không phải là giác tùy chuyển: Là giác. Như giác

không tương ứng với quán vì quán tương ứng với tâm, tâm pháp. 3. Là giác tùy chuyển cũng tương ứng với quán: Là giác quán tương ứng với tâm, tâm pháp. 4. Không phải là giác tùy chuyển cũng không tương ứng với quán: Là trừ giác tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, là nghiệp thân, khẩu còn lại, trừ giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ứng hành, còn lại là tâm bất tương ứng hành khác cùng giác không tương ứng với quán và không phải là giác quán tương ứng với tâm, tâm pháp.

Hỏi: Bốn Thánh chủng này: Bao nhiêu thứ là kiến không phải là xứ kiến v.v...?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Là kiến không phải là xứ kiến: Là Thánh chủng gồm thân tận trí, vô sinh trí, không gồm thân tuệ vô lậu. 2. Là xứ kiến không phải là kiến: Là kiến không gồm thân bốn Thánh chủng hữu lậu. 3. Là kiến cũng là xứ kiến: Là chánh kiến thế tục. 4. Không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến: Là kiến không gồm thân bốn Thánh chủng vô lậu.

Hết thầy không phải là nhân của thân kiến. Thân kiến cũng không phải là nhân kia.

Thánh chủng gồm thân nghiệp thân, khẩu và tư, là nghiệp không phải là nghiệp báo, ngoài ra không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp báo.

Hỏi: Bốn Thánh chủng này: Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là nghiệp tùy chuyển?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Là nghiệp không phải là nghiệp tùy chuyển: Là trừ nghiệp tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, là nghiệp thân, khẩu còn lại và nghiệp tư. 2. Là nghiệp tùy chuyển không phải là nghiệp: Là thọ ấm, tưởng ấm, thức ấm, hoặc tư không gồm thân hành ấm của nghiệp tùy chuyển. 3. Là nghiệp cũng là nghiệp tùy chuyển: Là nghiệp tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu. 4. Không phải

là nghiệp cũng không phải là nghiệp tùy duyên: Là trừ nghiệp và nghiệp tùy duyên nơi tâm bất tương ưng hành, là tâm bất tương ưng hành còn lại.

Thánh chủng gồm thân nghiệp thân, khẩu là sắc tạo sắc không phải là sắc có thể thấy, còn lại không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có thể thấy.

*

* *Bốn Thánh chủng này*: Thánh chủng gồm thân nghiệp thân, khẩu là sắc tạo sắc không phải là sắc có đối, còn lại không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có đối.

Hết thấy là rất thâm diệu khó hiểu rõ, khó hiểu rõ vì rất thâm diệu.

Hết thấy đều là thiện cũng là nhân thiện.

Hết thấy không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện.

Hết thấy không phải là vô ký cũng không phải là nhân vô ký.

Hết thấy là nhân duyên duyên hợp cũng có nhân.

Hỏi: Bốn Thánh chủng này: Bao nhiêu thứ là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên v.v...?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Thánh chủng hoặc là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên, có ba trường hợp: 1. Là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là hiện tiền, vị lai tất khởi tâm, tâm pháp. 2. Là thứ đệ cũng là duyên của thứ đệ duyên: Là tâm, tâm pháp quá khứ, hiện tại. 3. Không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là trừ hiện tiền, vị lai tất khởi tâm, tâm pháp, còn lại là tâm, tâm pháp vị lai và nghiệp thân, khẩu nơi tâm bất tương ưng hành.

Thánh chủng gồm thân nghiệp thân, khẩu, tâm bất tương ưng hành là duyên của duyên duyên không có duyên, ngoài ra là duyên của duyên duyên cũng có duyên.

Hết thấy là duyên của tăng thượng duyên cũng có tăng thượng.

Thánh chủng nếu là hữu lậu là tùy lưu không phải là lưu. Nếu là vô lậu thì không phải là lưu cũng không phải là tùy lưu.

**

6, 7. Như bốn Thánh chủng, *bốn chánh cần, bốn như ý túc*, Tu-đa-la thiện tụ cũng như vậy.

**

8. Niệm: Là bốn niệm xứ.

Hỏi: Những gì là bốn?

Đáp: (1) Thân niệm xứ. (2) Thọ niệm xứ. (3) Tâm niệm xứ. (4) Pháp niệm xứ.

Thế nào là thân niệm xứ? Là thân duyên nơi tuệ.

Thế nào là thọ niệm xứ? Là thọ duyên nơi tuệ.

Thế nào là tâm niệm xứ? Là tâm duyên nơi tuệ.

Thế nào là pháp niệm xứ? Là pháp duyên nơi tuệ.

*

Hỏi: Bốn niệm xứ này: Bao nhiêu thứ là sắc, bao nhiêu thứ là không phải sắc v.v...?

Đáp: Hết thấy là không phải sắc.

Hết thấy là không thể thấy.

Hết thấy là không đối.

Hỏi: Bốn niệm xứ này: Bao nhiêu thứ là hữu lậu, bao nhiêu thứ là vô lậu v.v...?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Thân duyên nơi tuệ hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là ý hữu lậu tư duy tương ưng với thân duyên nơi tuệ. Thế nào là vô lậu? Là ý vô lậu tư duy tương ưng với thân duyên nơi tuệ.

Như thân duyên nơi tuệ, cho đến pháp duyên nơi tuệ cũng như vậy.

Hết thầy là niệm xứ hữu vi.

Nếu là hữu lậu thì có báo. Nếu là vô lậu thì không báo.

Hết thầy là từ nhân duyên sinh thuộc về thế gian.

Hết thầy là thuộc về danh.

Hết thầy là thuộc về ngoại nhập.

Hết thầy là trí nhận biết.

*

* *Bốn niệm xứ này:* Nếu là hữu lậu thì đoạn tri nhận biết và đoạn, nếu là vô lậu thì không phải đoạn tri nhận biết và không đoạn.

Hết thầy là nên tu.

Hết thầy là không cấu uế.

Hết thầy là quả cũng là có quả.

Hết thầy là không thọ.

Hết thầy là do bốn đại tạo.

Hết thầy là hữu thượng.

Niệm xứ nếu là hữu lậu là hữu, nếu là vô lậu là không phải hữu.

Hết thầy là nhân là tương ưng.

*

* *Bốn niệm xứ này*: Phần ít của một xứ thiện gồm thân bốn niệm xứ, bốn niệm xứ cũng gồm thân phần ít của một xứ thiện.

Không gồm thân xứ bất thiện.

Không gồm thân xứ vô ký.

Không gồm thân xứ lậu.

Hoặc xứ hữu lậu gồm thân không phải là niệm xứ, có bốn trường hợp: 1. Là xứ hữu lậu gồm thân không phải là niệm xứ: Là sắc ấm hữu lậu, thọ ấm, tưởng ấm, thức ấm hữu lậu. Niệm xứ không gồm thân là hành hữu lậu duyên hợp. 2. Là niệm xứ gồm thân không phải là xứ hữu lậu: Là bốn niệm xứ vô lậu. 3. Là xứ hữu lậu gồm thân cũng là niệm xứ: Là bốn niệm xứ hữu lậu. 4. Không phải là xứ hữu lậu gồm thân cũng không phải là niệm xứ: Là sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, thức ấm vô lậu. Niệm xứ không gồm thân hành ấm vô lậu và vô vi.

Hoặc xứ vô lậu gồm thân không phải là niệm xứ, có bốn trường hợp: 1. Là xứ vô lậu gồm thân không phải là niệm xứ: Là sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm vô lậu. Niệm xứ không gồm thân là hành ấm vô lậu và vô vi. 2. Là niệm xứ gồm thân không phải là xứ vô lậu: Là bốn niệm xứ hữu lậu. 3. Là xứ vô lậu gồm thân cũng là niệm xứ: Là bốn niệm xứ vô lậu. 4. Không phải là xứ vô lậu gồm thân cũng không phải là niệm xứ: Là sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, thức ấm hữu lậu. Niệm xứ không gồm thân hành ấm hữu lậu.

Hết thân hoặc là quá khứ, vị lai hay hiện tại.

Hết thân đều là thiện.

Hỏi: Bốn niệm xứ này thuộc về bao nhiêu cõi?

Đáp: Hết thân nên phân biệt: Thân duyên nơi tuệ hoặc là thuộc cõi Dục, hoặc là thuộc cõi Sắc, hoặc là thuộc cõi Vô sắc, hoặc là không hệ thuộc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là ý tư duy tương ưng với

thân duyên nơi tuệ thuộc cõi Dục. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là ý tư duy tương ứng với thân duyên nơi tuệ thuộc cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Vô sắc? Là ý tư duy tương ứng với thân duyên nơi tuệ thuộc cõi Vô sắc. Thế nào là không hệ thuộc? Là ý vô lậu tư duy tương ứng với thân duyên nơi tuệ.

Như thân duyên nơi tuệ, cho đến pháp duyên nơi tuệ cũng như vậy.

Hỏi: Bốn niệm xứ này: Bao nhiêu thứ là học, bao nhiêu thứ là vô học, bao nhiêu thứ là phi học phi vô học v.v...?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Thân duyên nơi tuệ hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học? Là ý học tư duy tương ứng với thân duyên nơi tuệ. Thế nào là vô học? Là ý vô học tư duy tương ứng với thân duyên nơi tuệ. Thế nào là phi học phi vô học? Là ý hữu lậu tư duy tương ứng với thân duyên nơi tuệ.

Như thân duyên nơi tuệ, cho đến pháp duyên nơi tuệ cũng như vậy.

*

* *Bốn niệm xứ này:* Niệm xứ nếu là hữu lậu thì do tu đoạn, nếu là vô lậu thì không đoạn.

Hết thầy là tâm, tâm pháp, tâm tương ứng.

Hết thầy là tâm tùy chuyển cũng tương ứng với thọ.

Hết thầy là tâm tùy chuyển cũng tương ứng với tưởng, hành, trừ tự tánh của nó.

Hỏi: Bốn niệm xứ này: Bao nhiêu thứ là hữu giác hữu quán?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Thân duyên nơi tuệ hoặc là có giác có quán, hoặc là không giác có quán, hoặc là không giác không quán. Thế nào là có giác có quán? Là ý có giác có quán tư duy tương

ung với thân duyên nơi tuệ. Thế nào là không giác có quán? Là ý không giác có quán tư duy tương ứng với thân duyên nơi tuệ. Thế nào là không giác không quán? Là ý không giác, không quán tư duy tương ứng với thân duyên nơi tuệ.

Như thân duyên nơi tuệ, cho đến pháp duyên nơi tuệ cũng như vậy.

Hỏi: Bốn niệm xứ này: Bao nhiêu thứ là kiến không phải là xứ kiến?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Thân duyên nơi tuệ hoặc là kiến không phải là xứ kiến, có bốn trường hợp: 1. Là kiến không phải là xứ kiến: Là tận trí, vô sinh trí, không gồm thân thân duyên tuệ vô lậu. 2. Là xứ kiến không phải là kiến: Là kiến không gồm thân thân duyên tuệ hữu lậu và năm thức thân tương ứng với thân duyên nơi tuệ. 3. Là kiến cũng là xứ kiến: Là chánh kiến thế tục. 4. Không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến: Là kiến không gồm thân thân duyên tuệ vô lậu.

Thọ duyên nơi tuệ hoặc là kiến không phải là xứ kiến, có bốn trường hợp: 1. Là kiến không phải là xứ kiến: Là tận trí, vô sinh trí, không gồm thân thọ duyên tuệ vô lậu. 2. Là xứ kiến không phải là kiến: Là kiến không gồm thân thọ duyên tuệ hữu lậu. 3. Là kiến cũng là xứ kiến: Là chánh kiến thế tục. 4. Không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến: Là kiến không gồm thân thọ duyên tuệ vô lậu.

Như thọ duyên nơi tuệ, tâm duyên nơi tuệ, pháp duyên nơi tuệ cũng như vậy.

Hết thầy không phải là nhân của thân kiến, thân kiến cũng không phải là nhân đó.

Hết thầy không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp báo.

Hết thầy là nghiệp tùy chuyển không phải là nghiệp.

Hết thấy không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có thể thấy.

*

* *Bốn niệm xứ này*: Hết thấy không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có đối.

Hết thấy là rất thâm diệu khó hiểu rõ, khó hiểu rõ vì rất thâm diệu.

Hết thấy đều là thiện cũng là nhân thiện.

Hết thấy không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện.

Hết thấy không phải là vô ký cũng không phải là nhân vô ký.

Hết thấy là duyên của nhân duyên cũng có nhân.

Hỏi: Bốn niệm xứ này: Bao nhiêu thứ là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Thân duyên nơi tuệ hoặc là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên, có ba trường hợp: 1. Là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là hiện tiền, vị lai tất khởi thân duyên nơi tuệ. 2. Là thứ đệ cũng là duyên của thứ đệ duyên: Là thân duyên nơi tuệ ở quá khứ, hiện tại. 3. Không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là trừ hiện tiền, vị lai tất khởi thân duyên nơi tuệ, còn lại là thân duyên nơi tuệ ở vị lai.

Như thân duyên nơi tuệ, cho đến pháp duyên nơi tuệ cũng như vậy.

Hết thấy là duyên của duyên duyên cũng có duyên.

Hết thấy là duyên của tăng thượng duyên cũng có tăng thượng.

Nếu là hữu lậu là tùy lưu không phải là lưu, còn lại không phải là lưu cũng không phải là tùy lưu.

HẾT - QUYỂN 8

LUẬN CHÚNG SỰ PHẦN A TỶ ĐÀM

QUYỂN 9

Phẩm 7: THIÊN VẤN LUẬN, phần 2

Những gì là bốn niệm xứ?

Đáp: Là Thân niệm xứ, Thọ niệm xứ, Tâm niệm xứ, Pháp niệm xứ.

*

Hỏi: Bốn niệm xứ này: Bao nhiêu thứ là sắc, bao nhiêu thứ là không phải sắc v.v...?

Đáp: Một thứ là sắc, ba thứ là không phải sắc.

Ba thứ là không thể thấy, một thứ cần phân biệt: Thân niệm xứ hoặc có thể thấy, hoặc không thể thấy. Thế nào là có thể thấy? Là một nhập. Thế nào là không thể thấy? Là chín nhập và phần ít của một nhập.

Ba thứ là không đối, một thứ cần phân biệt: Thân niệm xứ hoặc có đối, hoặc không đối. Thế nào là có đối? Là mười nhập. Thế nào là không đối? Là phần ít của một nhập.

Hỏi: Bốn niệm xứ này: Bao nhiêu thứ là hữu lậu, bao nhiêu thứ là vô lậu v.v...?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Thân niệm xứ hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là mười nhập và phần ít của một nhập. Thế nào là vô lậu? Là phần ít của một nhập.

Thọ niệm xứ hoặc là hữu lậu, hoặc là hữu lậu. Thế nào là hữu lậu? Là ý hữu lậu tư duy tương ưng với thọ niệm xứ. Thế nào là vô lậu? Là ý vô lậu tư duy tương ưng với thọ niệm xứ.

Như thọ niệm xứ, tâm niệm xứ cũng như vậy.

Pháp niệm xứ hoặc là hữu lậu, hoặc là hữu lậu. Thế nào là hữu lậu? Là tưởng ám, hành ám hữu lậu. Thế nào là vô lậu? Là tưởng ám, hành ám vô lậu và vô vi.

Ba thứ là hữu vi, một thứ cần phân biệt: Pháp niệm xứ hoặc là hữu vi, hoặc là vô vi. Thế nào là hữu vi? Là tưởng ám, hành ám. Thế nào là vô vi? Là hư không, số diệt, phi số diệt.

Hỏi: Bốn niệm xứ này: Bao nhiêu thứ là có báo, bao nhiêu thứ là không báo v.v...?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Thân niệm xứ hoặc là có báo, hoặc là không báo. Thế nào là có báo? Là thân niệm xứ bất thiện và thiện hữu lậu. Thế nào là không báo? Là thân niệm xứ vô ký, vô lậu.

Như thân niệm xứ, thọ niệm xứ, tâm niệm xứ, pháp niệm xứ cũng như vậy.

Ba thứ từ nhân duyên sinh thuộc về thế gian, một thứ cần phân biệt: Pháp niệm xứ nếu là hữu vi là từ nhân duyên sinh thuộc về thế gian. Nếu là vô vi thì không từ nhân duyên sinh không thuộc về thế gian.

Một thứ thuộc về sắc, ba thứ thuộc về danh.

Một thứ thuộc về nội nhập, hai thứ thuộc về ngoại nhập, một thứ cần phân biệt: Thân niệm xứ hoặc thuộc về nội nhập, hoặc thuộc về ngoại nhập. Thế nào là thuộc về nội nhập? Là năm nội nhập. Thế

nào là thuộc về ngoại nhập? Là năm ngoại nhập và phần ít của một ngoại nhập.

Hết thầy là trí nhận biết.

*

* *Bốn niệm xứ này*: Nếu là hữu lậu thì đoạn tri nhận biết và đoạn. Nếu là vô lậu thì không phải đoạn tri nhận biết và không đoạn.

Hỏi: Bốn niệm xứ này: Bao nhiêu thứ là nên tu, bao nhiêu thứ là không nên tu?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Thân niệm xứ hoặc nên tu, hoặc không nên tu. Thế nào là nên tu? Là thân niệm xứ thiện. Thế nào là không nên tu? Là thân niệm xứ bất thiện, vô ký.

Như thân niệm xứ, thọ niệm xứ, tâm niệm xứ cũng như vậy.

Pháp niệm xứ hoặc nên tu, hoặc không nên tu. Thế nào là nên tu? Là pháp niệm xứ thiện, hữu vi. Thế nào là không nên tu? Là pháp niệm xứ bất thiện, vô ký và hư không, số diệt, phi số diệt.

Hỏi: Bốn niệm xứ này: Bao nhiêu thứ là cấu uế, bao nhiêu thứ là không cấu uế v.v...?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Thân niệm xứ hoặc là cấu uế, hoặc là không cấu uế. Thế nào là cấu uế? Là ẩn mắt (hữu phú). Thế nào là không cấu uế? Là không ẩn mắt (vô phú).

Như thân niệm xứ, thọ niệm xứ, tâm niệm xứ, pháp niệm xứ cũng như vậy.

Ba thứ là quả cũng là có quả, một thứ cần phân biệt: Pháp niệm xứ hoặc là quả, hoặc không có quả, có ba trường hợp: 1. Là quả không phải là có quả: Là số diệt. 2. Là quả cũng là có quả: Là pháp niệm xứ hữu vi. 3. Không phải là quả cũng không phải là có quả: Là hư không và phi số diệt.

Ba thứ là không thọ, một thứ cần phân biệt: Thân niệm xứ hoặc là thọ, hoặc là không thọ. Thế nào là thọ? Là tự tánh thọ nội nhập. Thế nào là không thọ? Là không phải tự tánh thọ.

Ba thứ không phải do bốn đại tạo, một thứ cần phân biệt: Thân niệm xứ hoặc là do bốn đại tạo, hoặc là không phải do bốn đại tạo. Thế nào là do bốn đại tạo? Là chín nhập và phần ít của hai nhập. Thế nào là không phải do bốn đại tạo? Là phần ít của một nhập.

Ba thứ là hữu thượng, một thứ cần phân biệt: Pháp niệm xứ hoặc là hữu thượng, hoặc là vô thượng. Thế nào là hữu thượng? Là tưởng âm, hành âm, hư không, phi số diệt. Thế nào là vô thượng? Là số diệt.

Nếu là hữu lậu là hữu, nếu là vô lậu là không phải hữu.

Hai thứ là nhân tương ưng, một thứ là nhân không tương ưng, một thứ cần phân biệt: Pháp niệm xứ nếu là tâm pháp là nhân tương ưng, nếu không phải là tâm pháp thì không phải là nhân tương ưng.

*

* *Bốn niệm xứ này*: Phần ít của xứ thiện gồm thâu phần ít của bốn niệm xứ, phần ít của bốn niệm xứ cũng gồm thâu phần ít của xứ thiện.

Phần ít của xứ bất thiện gồm thâu phần ít của bốn niệm xứ, phần ít của bốn niệm xứ cũng gồm thâu phần ít của xứ bất thiện.

Phần ít của xứ vô ký gồm thâu phần ít của bốn niệm xứ, phần ít của bốn niệm xứ cũng gồm thâu phần ít của xứ vô ký.

Phần ít của xứ lậu gồm thâu phần ít của một niệm xứ, phần ít của một niệm xứ cũng gồm thâu phần ít của xứ lậu.

Phần ít của xứ hữu lậu gồm thâu phần ít của bốn niệm xứ, phần ít của bốn niệm xứ cũng gồm thâu phần ít của xứ hữu lậu.

Phần ít của xứ vô lậu gồm sáu phần ít của bốn niệm xứ, phần ít của bốn niệm xứ cũng gồm sáu phần ít của xứ vô lậu.

Ba thứ hoặc là quá khứ, hiện tại vị lai, một thứ cần phân biệt: Pháp niệm xứ nếu là hữu vi thì hoặc là quá khứ, vị lai, hiện tại, nếu là vô vi thì không phải là quá khứ, vị lai, hiện tại.

Hỏi: Bốn niệm xứ này: Bao nhiêu thứ là thiện, bao nhiêu thứ là bất thiện, bao nhiêu thứ là vô ký?

Đáp: Hết thảy nên phân biệt: Thân niệm xứ hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Là phần ít của ba nhập. Thế nào là bất thiện? Là phần ít của ba nhập. Thế nào là vô ký? Là tám nhập và phần ít của ba nhập.

Thọ niệm xứ hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Là ý thiện tư duy tương ưng với thọ niệm xứ. Thế nào là bất thiện? Là ý bất thiện tư duy tương ưng với thọ niệm xứ. Thế nào là vô ký? Là ý vô ký tư duy tương ưng với thọ niệm xứ.

Như thọ niệm xứ, tâm niệm xứ cũng như vậy.

Pháp niệm xứ hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Là tưởng âm, hành âm thiện và số diệt. Thế nào là bất thiện? Là tưởng âm, hành âm bất thiện. Thế nào là vô ký? Là tưởng âm, hành âm vô ký, hư không, phi số diệt.

Hỏi: Bốn niệm xứ thuộc về bao nhiêu cõi?

Đáp: Hết thảy nên phân biệt: Thân niệm xứ hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc không hệ thuộc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là hai nhập và phần ít của chín nhập. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là phần ít của chín nhập. Thế nào là không hệ thuộc? Là phần ít của một nhập.

Thọ niệm xứ hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc. Thế nào là thuộc cõi Dục?

Là ý tư duy tương ứng với thọ niệm xứ thuộc cõi Dục. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là ý tư duy tương ứng với thọ niệm xứ thuộc cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Vô sắc? Là ý tư duy tương ứng với thọ niệm xứ thuộc cõi Vô sắc. Thế nào là không hệ thuộc? Là ý vô lậu tư duy tương ứng với thọ niệm xứ.

Như thọ niệm xứ, tâm niệm xứ cũng như vậy.

Pháp niệm xứ hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là tưởng ám, hành ám thuộc cõi Dục. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là tưởng ám, hành ám thuộc cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Vô sắc? Là tưởng ám, hành ám thuộc cõi Vô sắc. Thế nào là không hệ thuộc? Là tưởng ám, hành ám vô lậu và vô vi.

Hỏi: Bốn niệm xứ này: Bao nhiêu thứ là học, bao nhiêu thứ là vô học, bao nhiêu thứ là phi học phi vô học?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Thân niệm xứ hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học? Là phần ít của một xứ nhập. Thế nào là vô học? Là phần ít của một xứ nhập. Thế nào là phi học phi vô học? Là mười nhập và phần ít của một nhập.

Thọ niệm xứ hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học? Là ý học tư duy tương ứng với thọ niệm xứ. Thế nào là vô học? Là ý vô học tư duy tương ứng với thọ niệm xứ. Thế nào là phi học phi vô học? Là ý hữu lậu tư duy tương ứng với thọ niệm xứ.

Như thọ niệm xứ, tâm niệm xứ cũng như vậy.

Pháp niệm xứ hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học? Là tưởng ám, hành ám học. Thế nào là vô học? Là tưởng ám, hành ám vô học. Thế nào là phi học phi vô học? Là tưởng ám, hành ám hữu lậu và vô vi.

* *Bốn niệm xứ này*: Bao nhiêu thứ do kiến đoạn, bao nhiêu thứ do tu đoạn, bao nhiêu thứ không đoạn v.v...?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Thân niệm xứ hoặc do tu đoạn, hoặc không đoạn. Thế nào là do tu đoạn? Là mười nhập và phần ít của một nhập. Thế nào là không đoạn? Là phần ít của một nhập.

Thọ niệm xứ hoặc do kiến đoạn, hoặc do tu đoạn, hoặc không đoạn. Thế nào là do kiến đoạn? Là thọ niệm xứ nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành tạo nhân vô gián cùng đoạn trừ. Đoạn như thế nào? Là bậc kiến đạo đoạn tám mươi tám sử tương ưng với thọ niệm xứ. Thế nào là do tu đoạn? Là thọ niệm xứ nơi bậc học kiến tích, tu đoạn. Đoạn trừ như thế nào? Là bậc tu đạo đoạn mười sử tương ưng với thọ niệm xứ và thọ niệm xứ hữu lậu không cấu uế. Thế nào là không đoạn? Là thọ niệm xứ vô lậu.

Như thọ niệm xứ, tâm niệm xứ cũng như vậy.

Pháp niệm xứ hoặc do kiến đoạn, hoặc do tu đoạn, hoặc không đoạn. Thế nào là do kiến đoạn? Là pháp niệm xứ nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành tạo nhân vô gián cùng đoạn. Đoạn trừ như thế nào? Là bậc kiến đạo đoạn tám mươi tám sử tương ưng với pháp niệm xứ, nên đã khởi tâm bất tương ưng hành. Thế nào là do tu đoạn? Là pháp niệm xứ nơi người học kiến tích, tu đoạn. Đoạn trừ như thế nào? Là đoạn mười sử tương ưng với pháp niệm xứ, nên đã khởi thân, khẩu nghiệp, đã khởi tâm bất tương ưng hành, là pháp niệm xứ hữu lậu không cấu uế. Thế nào là không đoạn? Là pháp niệm xứ vô lậu.

Một thứ là không phải tâm, không phải tâm pháp, không phải tâm tương ưng. Một thứ là tâm pháp, tâm tương ưng. Một thứ chỉ là tâm. Một thứ cần phân biệt: Pháp niệm xứ nếu có duyên hợp tức là tâm pháp và tâm tương ưng, nếu không duyên hợp tức là không phải tâm, không phải tâm pháp, không phải tâm tương ưng.

Một thứ là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ, một thứ là thọ tương tưng không phải là tâm tùy chuyển, hai thứ cần phân biệt: Thân niệm xứ hoặc là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ, hoặc không phải là tâm tùy chuyển cũng không tương ưng với thọ. Tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ: Là tâm tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, ngoài ra không phải là tâm tùy chuyển cũng không tương ưng với thọ.

Pháp niệm xứ hoặc là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ, có ba trường hợp: 1. Là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ: Là tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành. 2. Là tâm tùy chuyển cũng tương ưng với thọ: Là tướng ấm tương ưng với hành ấm. 3. Không phải là tâm tùy chuyển cũng không tương ưng với thọ: Là trừ tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, còn lại là tâm bất tương ưng hành và vô vi.

Như thọ, các thứ tướng, hành cũng như vậy, trừ tự tánh của nó.

Hỏi: Bốn niệm xứ này: Bao nhiêu thứ là giác tùy chuyển không tương ưng với quán v.v...?

Đáp: Hết thảy nên phân biệt: Thân niệm xứ hoặc là giác tùy chuyển không tương ưng với quán, hoặc không phải là giác tùy chuyển cũng không tương ưng với quán. Giác tùy chuyển không tương ưng với quán: Là giác tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, ngoài ra không phải là giác tùy chuyển cũng không tương ưng với quán.

Thọ niệm xứ hoặc là có giác có quán, hoặc là không giác có quán, hoặc là không giác không quán. Thế nào là có giác có quán? Là ý có giác có quán tư duy tương ưng với thọ niệm xứ. Thế nào là không giác có quán? Là ý không giác có quán tư duy tương ưng với thọ niệm xứ. Thế nào là không giác không quán? Là ý không giác không quán tư duy tương ưng với thọ niệm xứ.

Như thọ niệm xứ, tâm niệm xứ cũng như vậy.

Pháp niệm xứ hoặc là giác tùy chuyển không tương ưng với quán, có bốn trường hợp: 1. Là giác tùy chuyển không tương ưng với quán: Là giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành và giác tương ưng với quán. 2. Là quán tương ưng không phải là giác tùy chuyển: Là giác. Như giác không tương ưng với quán mà tương ưng với tâm pháp nơi pháp niệm xứ. 3. Là giác tùy chuyển cũng tương ưng với quán: Là giác quán tương ưng với tâm pháp nơi pháp niệm xứ. 4. Không phải là giác tùy chuyển cũng không tương ưng với quán: Là trừ giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, là tâm bất tương ưng hành còn lại, cùng giác không tương ưng với quán và không phải là giác quán tương ưng với tâm pháp nơi pháp niệm xứ và vô vi.

Hỏi: Bốn niệm xứ này: Bao nhiêu thứ là kiến không phải là xứ kiến?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Thân niệm xứ hoặc là kiến không phải là xứ kiến, có ba trường hợp: 1. Là xứ kiến không phải là kiến: Là chín nhập và phần ít của một nhập. 2. Là kiến cũng là xứ kiến: Là một nhập. 3. Không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến: Là phần ít của một nhập.

Thọ niệm xứ nếu là hữu lậu tức là xứ kiến không phải là kiến. Nếu là vô lậu tức không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến.

Như thọ niệm xứ, tâm niệm xứ cũng như vậy.

Pháp niệm xứ hoặc là kiến không phải là xứ kiến, có bốn trường hợp: 1. Là kiến không phải là xứ kiến: Là tận trí, vô sinh trí không gồm thân tuệ vô lậu. 2. Là xứ kiến không phải là kiến: Là kiến không gồm thân pháp niệm xứ hữu lậu. 3. Là kiến cũng là xứ kiến: Là năm kiến của chánh kiến thế tục. 4. Không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến: Là kiến không gồm thân pháp niệm xứ vô lậu.

Hỏi: Bốn niệm xứ này: Bao nhiêu thứ là thân kiến nhân của chúng và chúng không phải là nhân của thân kiến?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Thân niệm xứ nếu là cấu uế thì thân kiến là nhân của nó, chứ nó không phải là nhân của thân kiến. Nếu không cấu uế thì thân kiến không phải là nhân của nó, nó cũng không phải là nhân của thân kiến.

Thọ niệm xứ hoặc thân kiến là nhân của nó, nó không phải là nhân của thân kiến. Hoặc thân kiến là nhân của nó, nó cũng là nhân của thân kiến. Hoặc thân kiến không phải là nhân của nó, nó cũng không phải là nhân của thân kiến.

Thân kiến là nhân của nó, nó không phải là nhân của thân kiến: Là trừ do kiến khổ đoạn sử tương ưng với thọ niệm xứ ở quá khứ, hiện tại. Trừ do kiến tập đoạn trừ sử hiện bày khắp tương ưng với thọ niệm xứ ở quá khứ, hiện tại. Trừ thân kiến tương ưng với thọ niệm xứ ở vị lai. Trừ thân kiến sinh trụ dị diệt và nó tương ưng với pháp sinh trụ dị diệt. Còn lại là những thọ niệm xứ cấu uế.

Thân kiến là nhân của nó (thọ niệm xứ), nó (thọ niệm xứ) cũng là nhân của thân kiến: Là những pháp như thế, trước đã trừ rồi.

Thân kiến không phải là nhân của nó, nó cũng không phải là nhân của thân kiến: Là thọ niệm xứ không cấu uế.

Như thọ niệm xứ, tâm niệm xứ cũng như vậy.

Pháp niệm xứ hoặc thân kiến là nhân của nó, nó không phải là nhân của thân kiến, có ba trường hợp: Thân kiến là nhân của nó, nó không phải là nhân của thân kiến: Trừ do kiến khổ đoạn sử tương ưng với pháp niệm xứ ở quá khứ, hiện tại. Trừ do kiến tập đoạn sử hiện bày khắp tất cả tương ưng với pháp niệm xứ ở quá khứ, hiện tại. Trừ thân kiến tương ưng với pháp niệm xứ ở vị lai. Trừ thân kiến sinh trụ dị diệt và tương ưng với pháp sinh trụ dị diệt. Còn lại là những pháp niệm xứ cấu uế.

Thân kiến là nhân của nó (pháp niệm xứ), nó cũng là nhân của thân kiến: Là những pháp như vậy, trước đã trừ rồi.

Thân kiến không phải là nhân của nó, nó cũng không phải là nhân của thân kiến: Là pháp niệm xứ không cấu uế.

Hỏi: Bốn niệm xứ này: Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là nghiệp báo v.v...?

Đáp: Hết thảy nên phân biệt: Thân niệm xứ hoặc là nghiệp không phải là nghiệp báo, có ba trường hợp: 1. Là nghiệp không phải là nghiệp báo: Là nghiệp thân, khẩu. 2. Là nghiệp báo không phải là nghiệp: Là thân niệm xứ của báo sinh. 3. Không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp báo: Là trừ nghiệp và nghiệp báo nơi thân niệm xứ, là thân niệm xứ còn lại.

Thọ niệm xứ hoặc là nghiệp báo không phải là nghiệp, hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp báo. Là nghiệp báo không phải là nghiệp: Là thọ niệm xứ của báo sinh, còn lại không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp báo.

Như thọ niệm xứ, tâm niệm xứ cũng như vậy.

Pháp niệm xứ hoặc là nghiệp không phải là nghiệp báo, có bốn trường hợp: 1. Là nghiệp không phải là nghiệp báo: Là báo không gồm thân nghiệp tư (nghiệp ý). 2. Là nghiệp báo không phải là nghiệp: Là như tư không gồm thân báo sinh nơi pháp niệm xứ. 3. Là nghiệp cũng là nghiệp báo: Là nghiệp tư của báo sinh. 4. Không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp báo: Là trừ nghiệp và nghiệp báo nơi pháp niệm xứ, là pháp niệm xứ còn lại.

Hai thứ là nghiệp tùy chuyển không phải là nghiệp, hai thứ cần phân biệt: Thân niệm xứ hoặc là nghiệp không phải là nghiệp tùy chuyển, có ba trường hợp: 1. Là nghiệp không phải là nghiệp tùy chuyển: Là trừ nghiệp tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, là nghiệp thân, khẩu còn lại. 2. Là nghiệp cũng là nghiệp tùy chuyển: Là nghiệp tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu. 3. Không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp tùy chuyển: Là trừ không phải là nghiệp tùy

chuyên nơi nghiệp thân, khẩu và nghiệp tùy chuyên nơi thân niệm xứ, là thân niệm xứ còn lại.

Pháp niệm xứ hoặc là nghiệp không phải là nghiệp tùy chuyên, có ba trường hợp: 1. Là nghiệp không phải là nghiệp tùy chuyên: Là nghiệp tư. 2. Là nghiệp tùy chuyên không phải là nghiệp: Là tướng ám, hoặc tư không gồm thân hành ám của nghiệp tùy chuyên. 3. Không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp tùy chuyên: Là trừ nghiệp và nghiệp tùy chuyên nơi pháp niệm xứ, là pháp niệm xứ còn lại.

Ba thứ không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có thể thấy, một thứ cần phân biệt: Thân niệm xứ hoặc là sắc tạo sắc không phải là sắc có thể thấy, có ba trường hợp: 1. Là sắc tạo sắc không phải là sắc có thể thấy: Là tám nhập và phần ít của hai nhập. 2. Là sắc tạo sắc cũng là sắc có thể thấy: Là một nhập. 3. Không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có thể thấy: Là phần ít của một nhập.

*

* *Bốn niệm xứ này*: Ba thứ không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có đối, một thứ cần phân biệt: Thân niệm xứ hoặc là sắc tạo sắc không phải là sắc có đối, có ba trường hợp: 1. Là sắc tạo sắc không phải là sắc có đối: Là phần ít của một nhập. 2. Là sắc có đối không phải là sắc tạo sắc: Là phần ít của một nhập. 3. Là sắc tạo sắc cũng là sắc có đối: Là chín nhập và phần ít của một nhập.

Hết thấy là rất thâm diệu khó hiểu rõ, khó hiểu rõ vì rất thâm diệu.

Hỏi: Bốn niệm xứ này: Bao nhiêu thứ là nhân thiện không phải là thiện v.v...?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Thân niệm xứ hoặc là nhân thiện không phải là thiện, có ba trường hợp: 1. Là nhân thiện không phải

là thiện: Là thiện báo sinh nơi thân niệm xứ. 2. Là thiện cũng là nhân thiện: Là thân niệm xứ thiện. 3. Không phải là thiện cũng không phải là nhân thiện: Là trừ báo thiện sinh nơi thân niệm xứ, như vô ký còn lại cùng thân niệm xứ bất thiện.

Như thân niệm xứ, thọ niệm xứ cũng như vậy.

Pháp niệm xứ hoặc là thiện không phải là nhân thiện, có bốn trường hợp: 1. Là thiện không phải là nhân thiện: Là số diệt. 2. Là nhân thiện không phải là thiện: Là báo thiện sinh nơi pháp niệm xứ. 3. Là thiện cũng là nhân thiện: Là thiện hữu vi nơi pháp niệm xứ. 4. Không phải là thiện cũng không phải là nhân thiện: Là trừ báo thiện sinh nơi pháp niệm xứ, là vô ký còn lại và pháp niệm xứ bất thiện.

Hỏi: Bốn niệm xứ này: Bao nhiêu thứ là bất thiện không phải là nhân bất thiện v.v...?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Thân niệm xứ hoặc là nhân bất thiện không phải là bất thiện, có ba trường hợp: 1. Là nhân bất thiện không phải là bất thiện: Là báo bất thiện sinh nơi thân niệm xứ. 2. Là bất thiện cũng là nhân bất thiện: Là thân niệm xứ bất thiện. 3. Không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện: Là trừ báo bất thiện sinh nơi thân niệm xứ, là vô ký còn lại và thân niệm xứ thiện.

Thọ niệm xứ hoặc là nhân bất thiện không phải là bất thiện, có ba trường hợp: 1. Là nhân bất thiện không phải là bất thiện: Là báo bất thiện sinh nơi thọ niệm xứ và thân kiến, biên kiến tương ưng với thọ niệm xứ nơi cõi Dục. 2. Là bất thiện cũng là nhân bất thiện: Là thọ niệm xứ bất thiện. 3. Không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện: Là trừ báo bất thiện sinh nơi thọ niệm xứ và trừ thân kiến, biên kiến tương ưng với thọ niệm xứ nơi cõi Dục, là vô ký còn lại và thọ niệm xứ thiện.

Như thọ niệm xứ, tâm niệm xứ cũng như vậy.

Pháp niệm xứ hoặc là nhân bất thiện không phải là bất thiện, có ba trường hợp: 1. Là nhân bất thiện không phải là bất thiện: Là báo bất thiện sinh nơi pháp niệm xứ và thân kiến, biên kiến tương ưng với pháp niệm xứ nơi cõi Dục. 2. Là bất thiện cũng là nhân bất thiện: Là pháp niệm xứ bất thiện. 3. Không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện: Là trừ báo bất thiện sinh nơi pháp niệm xứ và trừ thân kiến, biên kiến tương ưng với pháp niệm xứ nơi cõi Dục, là vô ký còn lại và pháp niệm xứ.

Hỏi: Bốn niệm xứ này: Bao nhiêu thứ là vô ký không phải là nhân vô ký?

Đáp: Hết thảy nên phân biệt: Thân niệm xứ hoặc là nhân vô ký không phải là vô ký, có ba trường hợp: 1. Là nhân vô ký không phải là vô ký: Là thân niệm xứ bất thiện. 2. Là vô ký cũng là nhân vô ký: Là thân niệm xứ vô ký. 3. Không phải là vô ký cũng không phải là nhân vô ký: Là thân niệm xứ thiện.

Như thân niệm xứ, thọ niệm xứ, tâm niệm xứ cũng như vậy.

Pháp niệm xứ hoặc là vô ký không phải là nhân vô ký, có bốn trường hợp: 1. Là vô ký không phải là nhân vô ký: Là hư không, phi số diệt. 2. Là nhân vô ký không phải là vô ký: Là pháp niệm xứ bất thiện. 3. Là vô ký cũng là nhân vô ký: Là pháp niệm xứ hữu vi vô ký. 4. Không phải là vô ký cũng không phải là nhân vô ký: Là pháp niệm xứ thiện.

Ba thứ là duyên của nhân duyên cùng có nhân, một thứ cần phân biệt: Pháp niệm xứ nếu là hữu vi là duyên của nhân duyên cùng có nhân. Nếu là vô vi thì không phải là duyên của nhân duyên cũng không có nhân.

Một thứ không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của thứ đệ duyên, ba thứ cần phân biệt: Thọ niệm xứ hoặc là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên, có ba trường hợp: 1. Là thứ đệ không

phải là duyên của thứ đệ duyên: Là hiện tiền, vị lai tất khởi thọ niệm xứ, là thọ niệm xứ nơi thọ mạng tối hậu của A-la-hán quá khứ, hiện tại. 2. Là thứ đệ cũng là duyên của thứ đệ duyên: Là trừ thọ niệm xứ nơi mạng sống tối hậu của A-la-hán ở quá khứ, hiện tại, còn lại là thọ niệm xứ ở quá khứ và hiện tại. 3. Không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là trừ hiện tiền, vị lai tất khởi thọ niệm xứ, còn lại là thọ niệm xứ vị lai.

Như thọ niệm xứ, tâm niệm xứ cũng như vậy.

Pháp niệm xứ hoặc là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên, có ba trường hợp: 1. Là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là pháp niệm xứ của tâm pháp tất khởi ở hiện tiền, vị lai, là pháp niệm xứ của tâm pháp nơi mạng sống tối hậu của A-la-hán ở quá khứ, hiện tại, và chánh thọ (định) vô tướng, chánh thọ diệt tận, đã khởi, đang khởi. 2. Là thứ đệ cũng là duyên của thứ đệ duyên: Là trừ pháp niệm xứ của tâm pháp nơi mạng sống tối hậu của A-la-hán ở quá khứ, hiện tại, còn lại là pháp niệm xứ của tâm pháp ở quá khứ và hiện tại. 3. Không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là trừ pháp niệm xứ của tâm pháp tất khởi ở hiện tiền, vị lai, còn lại là pháp niệm xứ của tâm pháp ở vị lai, trừ thứ lớp nơi tâm bất tương ưng hành, còn lại là tâm bất tương ưng hành và vô vi.

Một thứ là duyên của duyên duyên không có duyên, hai thứ là duyên của duyên duyên cùng có duyên, một thứ cần phân biệt: Pháp niệm xứ nếu là tâm pháp là duyên của duyên duyên cùng có duyên. Nếu không phải là tâm pháp là duyên của duyên duyên không có duyên.

Ba thứ là duyên của tăng thượng duyên cùng có tăng thượng, một thứ cần phân biệt: Pháp niệm xứ nếu là hữu vi là duyên của tăng thượng duyên cùng có tăng thượng, nếu là vô vi là duyên của tăng thượng duyên không có tăng thượng.

Hỏi: Bốn niệm xứ này: Bao nhiêu thứ là lưu, tùy lưu?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Thân niệm xứ nếu là hữu vi là tùy lưu không phải là lưu. Nếu là vô vi thì không phải là lưu cũng không phải là tùy lưu.

Như thân niệm xứ, thọ, tâm niệm xứ cũng như vậy.

Pháp niệm xứ hoặc là tùy lưu không phải là lưu, có ba trường hợp: 1. Là tùy lưu không phải là lưu: Là lưu không gồm thân pháp niệm xứ hữu lậu. 2. Là lưu cũng là tùy lưu: Là bốn lưu. 3. Không phải là lưu cũng không phải là tùy lưu: Là pháp niệm xứ vô lậu.

**

9. ĐẾ: Là bốn Thánh đế.

Hỏi: Những gì là bốn?

Đáp: (1) Khổ Thánh đế. (2) Tập Thánh đế. (3) Diệt Thánh đế. (4) Đạo Thánh đế.

*

Hỏi: Bốn Thánh đế này: Bao nhiêu thứ là sắc, bao nhiêu thứ là không phải sắc v.v...?

Đáp: Một thứ là không phải sắc, ba thứ cần phân biệt: Khổ đế hoặc là sắc, hoặc là không phải sắc. Thế nào là sắc? Là mười nhập và phần ít của một nhập. Thế nào là không phải sắc? Là một nhập và phần ít của một nhập.

Như khổ đế, tập đế cũng như vậy.

Đạo đế gồm thân nghiệp thân, khẩu là sắc, ngoài ra là không phải sắc.

Hai thứ là không thể thấy, hai thứ cần phân biệt: Khổ đế hoặc là có thể thấy, hoặc là không thể thấy. Thế nào là có thể thấy? Là một nhập. Thế nào là không thể thấy? Là mười một nhập.

Như khổ đế, tập đế cũng như vậy.

Hai thứ là không đối, hai thứ cần phân biệt: Khổ đế hoặc là có đối, hoặc là không đối. Thế nào là có đối? Là mười nhập. Thế nào là không đối? Là hai nhập.

Như khổ đế, tập đế cũng như vậy.

Hai thứ là hữu lậu, hai thứ là vô lậu.

Ba thứ là hữu vi, một thứ là vô vi.

Hai thứ là không báo, hai thứ cần phân biệt: Khổ đế hoặc có báo, hoặc không báo. Thế nào là có báo? Là khổ đế thiện, bất thiện. Thế nào là không báo? Là khổ đế vô ký.

Như khổ đế, tập đế cũng như vậy.

Ba thứ từ nhân duyên sinh thuộc về thế gian, một thứ không từ nhân duyên sinh không thuộc về thế gian.

Một thứ thuộc về danh, ba thứ cần phân biệt: Khổ đế hoặc thuộc về sắc, hoặc thuộc về danh. Thế nào là thuộc về sắc? Là mười nhập và phần ít của một nhập. Thế nào là thuộc về danh? Là một nhập và phần ít của một nhập.

Như khổ đế, tập đế cũng như vậy.

Đạo đế gồm thân nghiệp thân, khẩu là thuộc về sắc, ngoài ra là thuộc về danh.

Một thứ thuộc về ngoại nhập, ba thứ cần phân biệt: Khổ đế hoặc thuộc về nội nhập, hoặc thuộc về ngoại nhập. Thế nào là thuộc về nội nhập? Là sáu nội nhập. Thế nào là thuộc về ngoại nhập? Là sáu ngoại nhập.

Như khổ đế, tập đế cũng như vậy.

Đạo đế gồm thân tâm, ý, thức là thuộc về nội nhập, ngoài ra là thuộc về ngoại nhập.

Hết thấy là trí nhận biết.

* *Bốn Thánh đế này*: Hai thứ đoạn tri nhận biết và đoạn, hai thứ không phải đoạn tri nhận biết và không đoạn.

Một thứ nên tu, một thứ không nên tu, hai thứ cần phân biệt: Khổ đế hoặc là nên tu, hoặc là không nên tu. Thế nào là nên tu? Là khổ đế thiện. Thế nào là không nên tu? Là khổ đế bất thiện, vô ký.

Như khổ đế, tập đế cũng như vậy.

Hai thứ là không cấu uế, hai thứ cần phân biệt: Khổ đế hoặc là cấu uế, hoặc là không cấu uế. Thế nào là cấu uế? Là ẩn mắt (hữu phú). Thế nào là không cấu uế? Là không ẩn mắt (vô phú).

Như khổ đế, tập đế cũng như vậy.

Một thứ là quả không phải là có quả, ba thứ là quả cũng là có quả.

Hai thứ là không thọ, hai thứ cần phân biệt: Khổ đế hoặc là thọ, hoặc là không thọ. Thế nào là thọ? Là tự tánh thọ nhận. Thế nào là không thọ? Là không phải tự tánh thọ nhận.

Như khổ đế, tập đế cũng như vậy.

Một thứ là không phải do bốn đại tạo, ba thứ cần phân biệt: Khổ đế hoặc là do bốn đại tạo, hoặc là không phải do bốn đại tạo. Thế nào là do bốn đại tạo? Là chín nhập và phần ít của hai nhập. Thế nào là không phải do bốn đại tạo? Là một nhập và phần ít của hai nhập.

Như khổ đế, tập đế cũng như vậy.

Đạo đế gồm thân nghiệp thân, khẩu là do bốn đại tạo, còn lại là không phải do bốn đại tạo.

Ba thứ là hữu thượng, một thứ là vô thượng.

Hai thứ là hữu, hai thứ là không phải hữu.

Một thứ là nhân không tương ưng, ba thứ cần phân biệt: Khổ đế gồm thân sắc, tâm bất tương ưng hành là nhân không tương ưng, còn là nhân tương ưng.

Như khổ đế, tập đế cũng như vậy.

Đạo đế gồm thân nghiệp thân, khẩu, tâm bất tương ưng hành, là nhân không tương ưng, ngoài ra là nhân tương ưng.

*

* *Bốn Thánh đế này*: Xứ thiện gồm thân hai đế và phần ít của hai đế, hai đế và phần ít của hai đế cũng gồm thân xứ thiện.

Xứ bất thiện gồm thân phần ít của hai đế, phần ít của hai đế cũng gồm thân xứ bất thiện.

Xứ vô ký hoặc gồm thân không phải là đế, có bốn trường hợp:

1. Là xứ vô ký gồm thân không phải là đế: Là hư không, phi số diệt.
2. Là đế gồm thân không phải là xứ vô ký: Là hai đế và phần ít của hai đế.
3. Là xứ vô ký gồm thân cũng là đế: Là phần ít của hai đế.
4. Không phải là xứ vô ký gồm thân cũng không phải là đế: Là việc không thể có được.

Xứ lậu gồm thân phần ít của hai đế, phần ít của hai đế cũng gồm thân xứ lậu.

Xứ hữu lậu gồm thân hai đế, hai đế cũng gồm thân xứ hữu lậu.

Xứ vô lậu hoặc gồm thân không phải là đế, có bốn trường hợp:

1. Là xứ vô lậu gồm thân không phải là đế: Là hư không và phi số diệt.
2. Là đế gồm thân không phải là xứ vô lậu: Là hai đế.
3. Là xứ vô lậu gồm thân cũng là đế: Là hai đế.
4. Không phải là xứ vô lậu gồm thân cũng không phải là đế: Là việc không thể có được.

Ba thứ hoặc là quá khứ, vị lai hay hiện tại, một thứ không phải là quá khứ, không phải là vị lai, không phải là hiện tại.

Hai thứ là thiện, hai thứ cần phân biệt: Khổ đế hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Là khổ đế gồm thân năm ấm thiện. Thế nào là bất thiện? Là khổ đế gồm thân năm ấm bất thiện. Thế nào là vô ký là khổ đế gồm thân năm ấm vô ký.

Như khổ đế, tập đế cũng như vậy.

Hai thứ không hệ thuộc, hai thứ cần phân biệt: Khổ đế hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là khổ đế gồm sáu năm ấm thuộc cõi Dục. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là khổ đế gồm sáu năm ấm thuộc cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Vô sắc? Là khổ đế gồm sáu năm ấm thuộc cõi Vô sắc.

Như khổ đế, tập đế cũng như vậy.

Ba thứ là phi học phi vô học, một thứ cần phân biệt: Đạo đế hoặc là học, hoặc là vô học. Thế nào là học? Là năm ấm học. Thế nào là vô học? Là năm ấm vô học.

*

* *Bốn Thánh đế này*: Hai thứ là không đoạn, hai thứ cần phân biệt: Khổ đế hoặc là do kiến đoạn, hoặc là do tu đoạn. Thế nào là do kiến đoạn? Là như khổ đế nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành tạo nhân vô gián cùng đoạn. Đoạn trừ những gì? Là kiến đạo đoạn trừ tám mươi tám sử tương ưng với khổ đế đã khởi tâm bất tương ưng hành. Thế nào là do tu đoạn? Là khổ đế nơi bậc học kiến tích tu đoạn. Đoạn trừ như thế nào? Là tu đạo đoạn trừ mười sử tương ưng với khổ đế đã khởi nghiệp thân, khẩu, đã khởi tâm bất tương ưng hành và khổ đế không cấu uế.

Như khổ đế, tập đế cũng như vậy.

Một thứ là không phải tâm, không phải tâm pháp, không phải tâm tương ưng. Ba thứ cần phân biệt: Khổ đế gồm sáu sắc, tâm bất tương ưng hành là không phải tâm, không phải tâm pháp, không phải tâm tương ưng. Khổ đế gồm sáu thọ ấm, tưởng ấm, tương ưng với hành ấm, là tâm pháp, tâm tương ưng. Tâm, ý, thức tức là tâm.

Như khổ đế, tập đế cũng như vậy.

Đạo đế gồm thân nghiệp thân, khẩu, tâm bất tương ưng hành, là không phải tâm, không phải tâm pháp, không phải tâm tương ưng. Đạo đế gồm thân thọ ấm, tưởng ấm, tương ưng với hành ấm là tâm pháp, tâm tương ưng. Tâm, ý, thức tức là tâm.

Một thứ không phải là tâm tùy chuyển cũng không tương ưng với thọ. Ba thứ cần phân biệt: Khổ đế hoặc là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ, có bốn trường hợp: 1. Là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ: Là tâm tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành và thọ. 2. Là tương ưng với thọ không phải là tâm tùy chuyển: Là tâm, ý, thức. 3. Là tâm tùy chuyển cũng tương ưng với thọ: Là tưởng ấm tương ưng với hành ấm. 4. Không phải là tâm tùy chuyển cũng không tương ưng với thọ: Là trừ tâm tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, là sắc còn lại, trừ tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, là tâm bất tương ưng hành còn lại.

Như khổ đế, tập đế cũng như vậy.

Đạo đế hoặc là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ, có bốn trường hợp: 1. Là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ: Là tâm tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành và thọ. 2. Là tương ưng với thọ không phải là tâm tùy chuyển: Là tâm, ý, thức. 3. Là tâm tùy chuyển cũng tương ưng với thọ: Là tưởng ấm tương ưng với hành ấm. 4. Không phải là tâm tùy chuyển cũng không tương ưng với thọ: Là trừ tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, là tâm bất tương ưng hành còn lại.

Như thọ, tưởng, hành cũng như vậy, trừ tự tánh của nó.

Một thứ không phải là giác tùy chuyển cũng không tương ưng với quán, ba thứ cần phân biệt: Khổ đế hoặc là giác tùy chuyển không tương ưng với quán, có bốn trường hợp: 1. Là giác tùy chuyển không tương ưng với quán: Là giác tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành và giác tương ưng với quán.

2. Là quán tương ưng không phải là giác tùy chuyển: Là giác, như giác không tương ưng với quán, vì tương ưng với tâm, tâm pháp nơi khổ đế. 3. Là giác tùy chuyển cũng tương ưng với quán: Là giác quán tương ưng với tâm, tâm pháp nơi khổ đế. 4. Không phải là giác tùy chuyển cũng không tương ưng với quán: Là trừ giác tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, còn lại là sắc, trừ giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, là tâm bất tương ưng hành còn lại, và giác không tương ưng với quán cùng không phải giác quán tương ưng với tâm, tâm pháp nơi khổ đế.

Như khổ đế, tập đế cũng như vậy.

Đạo đế hoặc là giác tùy chuyển không tương ưng với quán, có bốn trường hợp: 1. Là giác tùy chuyển không tương ưng với quán: Là giác tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành và giác tương ưng với quán. 2. Là quán tương ưng không phải là giác tùy chuyển: Là giác, như giác không tương ưng với quán, vì tương ưng với tâm, tâm pháp. 3. Là giác tùy chuyển cũng tương ưng với quán: Là giác quán tương ưng với tâm, tâm pháp. 4. Không phải là giác tùy chuyển cũng không tương ưng với quán: Là trừ giác tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, là nghiệp thân, khẩu còn lại. Trừ giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, là tâm bất tương ưng hành còn lại và giác không tương ưng với quán cùng không phải giác quán tương ưng với tâm, tâm pháp.

Một thứ không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến, ba thứ cần phân biệt: Khổ đế hoặc là kiến cũng là xứ kiến, hoặc là xứ kiến không phải là kiến. Kiến cũng là xứ kiến: Là nhãn căn và năm kiến, chánh kiến thế tục, còn lại là xứ kiến không phải là kiến.

Như khổ đế, tập đế cũng như vậy.

Đạo đế gồm thâm tận trí, vô sinh trí, không gồm thâm tuệ vô lậu, là kiến không phải là xứ kiến. Ngoài ra không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến.

Hai thứ là thân kiến không phải là nhân của đế, đế cũng không phải là nhân của thân kiến. Hai thứ cần phân biệt: Khổ đế hoặc thân kiến là nhân của nó, nó không phải làm nhân của thân kiến. Hoặc thân kiến là nhân của nó, nó cũng là nhân của thân kiến. Hoặc thân kiến không phải là nhân của nó, nó cũng không phải là nhân của thân kiến.

Thân kiến là nhân của nó, nó không phải là nhân của thân kiến: Là trừ do kiến khổ, kiến tập đoạn trừ sử tương ưng với khổ đế ở quá khứ, hiện tại. Trừ do kiến tập đoạn trừ sử hiện bày khắp hết thầy tương ưng với khổ đế thuộc quá khứ, hiện tại. Trừ thân kiến tương ưng với khổ đế ở vị lai. Trừ thân kiến sinh trụ dị diệt và tương ưng với pháp sinh trụ dị diệt, còn lại là các khổ đế cấu uế.

Thân kiến là nhân của nó, nó cũng là nhân của thân kiến: Là những pháp trước đã trừ rồi.

Thân kiến không phải là nhân của nó, nó cũng không phải là nhân của thân kiến: Là khổ đế không cấu uế.

Như khổ đế, tập đế cũng như vậy.

Một thứ không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp báo, ba thứ cần phân biệt: Khổ đế hoặc là nghiệp không phải là nghiệp báo, có bốn trường hợp: 1. Là nghiệp không phải là nghiệp báo: Là nghiệp thân, khẩu và báo không gồm thân nghiệp tư. 2. Là nghiệp báo không phải là nghiệp: Là như tư không gồm thân báo sinh nơi khổ đế. 3. Là nghiệp cũng là nghiệp báo: Là báo sinh nơi nghiệp tư. 4. Không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp báo: Là trừ nghiệp và nghiệp báo nơi khổ đế, là khổ đế còn lại.

Như khổ đế, tập đế cũng như vậy.

Đạo đế gồm thân nghiệp thân, khẩu và tư, là nghiệp không phải là nghiệp báo. Ngoài ra là không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp báo.

Một thứ không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp tùy duyên, ba thứ cần phân biệt: Khổ đế hoặc là nghiệp không phải là nghiệp tùy duyên, có bốn trường hợp: 1. Là nghiệp không phải là nghiệp tùy duyên: Là trừ nghiệp tùy duyên nơi nghiệp thân, khẩu, là nghiệp thân, khẩu còn lại và nghiệp tư. 2. Là nghiệp tùy duyên không phải là nghiệp: Là thọ ẩm, tưởng ẩm, thức ẩm. Như tư không gồm thân hành ẩm của nghiệp tùy duyên. 3. Là nghiệp cũng là nghiệp tùy duyên: Là nghiệp tùy duyên nơi nghiệp thân, khẩu. 4. Không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp tùy duyên: Là trừ nghiệp và nghiệp tùy duyên nơi khổ đế, là khổ đế còn lại.

Như khổ đế, tập đế cũng như vậy.

Đạo đế hoặc là nghiệp không phải là nghiệp tùy duyên, có bốn trường hợp: 1. Là nghiệp không phải là nghiệp tùy duyên: Là nghiệp tư. 2. Là nghiệp tùy duyên không phải là nghiệp: Là thọ ẩm, tưởng ẩm, thức ẩm. Như tư không gồm thân hành ẩm của nghiệp tùy duyên. 3. Là nghiệp cũng là nghiệp tùy duyên: Là nghiệp tùy duyên nơi nghiệp thân, khẩu. 4. Không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp tùy duyên: Là trừ nghiệp tùy duyên nơi tâm bất tương ưng hành, là tâm bất tương ưng hành còn lại.

Một thứ không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có thể thấy, ba thứ cần phân biệt: Khổ đế hoặc là sắc tạo sắc không phải là sắc có thể thấy, có ba trường hợp: 1. Là sắc tạo sắc không phải là sắc có thể thấy: Là tám nhập và phần ít của hai nhập. 2. Là sắc tạo sắc cũng là sắc có thể thấy: Là một nhập. 3. Không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có thể thấy: Là một nhập và phần ít của hai nhập.

Như khổ đế, tập đế cũng như vậy.

Đạo đế gồm thân nghiệp thân, khẩu là sắc tạo sắc không phải là sắc có thể thấy. Ngoài ra không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có thể thấy.

* *Bốn Thánh đế này*: Một thứ không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có đối, ba thứ cần phân biệt: Khổ đế hoặc là sắc tạo sắc không phải là sắc có đối, có bốn trường hợp: 1. Là sắc tạo sắc không phải là sắc có đối: Là phần ít của một nhập. 2. Là sắc có đối không phải là sắc tạo sắc: Là phần ít của một nhập. 3. Là sắc tạo sắc cũng là sắc có đối: Là chín nhập và phần ít của một nhập. 4. Không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có đối: Là một nhập và phần ít của một nhập.

Như khổ đế, tập đế cũng như vậy.

Đạo đế gồm thâm nghiệp thân, khẩu là sắc tạo sắc, không phải sắc có đối. Ngoài ra là không phải sắc tạo sắc cũng không phải sắc có đối.

Hết thảy là rất thâm diệu khó hiểu rõ, khó hiểu rõ vì rất thâm diệu.

Một thứ là thiện không phải là nhân thiện, một thứ là thiện cũng là nhân thiện, hai thứ cần phân biệt: Khổ đế hoặc là nhân thiện không phải là thiện, có ba trường hợp: 1. Là nhân thiện không phải là thiện: Là báo thiện sinh nơi khổ đế. 2. Là thiện cũng là nhân thiện: Là khổ đế thiện. 3. Không phải là thiện cũng không phải là nhân thiện: Là trừ báo thiện sinh nơi khổ đế, còn lại là vô ký và khổ đế bất thiện.

Như khổ đế, tập đế cũng như vậy.

Hai thứ không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện, hai thứ cần phân biệt: Khổ đế hoặc là nhân bất thiện không phải là bất thiện, có ba trường hợp: 1. Là nhân bất thiện không phải là bất thiện: Là báo bất thiện sinh nơi khổ đế và thân kiến, biên kiến tương ưng với khổ đế nơi cõi Dục. 2. Là bất thiện cũng là nhân bất thiện: Là khổ đế bất thiện. 3. Không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện: Là trừ báo bất thiện sinh nơi khổ đế, trừ thân kiến, biên kiến tương ưng với khổ đế nơi cõi Dục, còn lại là vô ký và khổ đế thiện.

Như khổ đế, tập đế cũng như vậy.

Hai thứ không phải là vô ký cũng không phải là nhân vô ký, hai thứ cần phân biệt: Khổ đế hoặc là nhân vô ký không phải là vô ký, có ba trường hợp: 1. Là nhân vô ký không phải là vô ký: Là khổ đế bất thiện. 2. Là vô ký cũng là nhân vô ký: Là khổ đế vô ký. 3. Không phải là vô ký cũng không phải là nhân vô ký: Là khổ đế thiện.

Như khổ đế, tập đế cũng như vậy.

Một thứ không phải là duyên của nhân duyên cũng không phải có nhân, ba thứ là duyên của nhân duyên cùng có nhân.

Một thứ không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của thứ đệ duyên, ba thứ cần phân biệt: Khổ đế hoặc là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên, có ba trường hợp: 1. Là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là khổ đế của tâm, tâm pháp tất khởi nơi hiện tiền, vị lai. Là khổ đế của tâm tâm pháp nơi mạng sống tối hậu của bậc A-la-hán ở quá khứ và hiện tại cùng chánh thọ (định) vô tướng, chánh thọ diệt tận, đã khởi, sẽ khởi. 2. Là thứ đệ cũng là duyên của thứ đệ duyên: Là trừ khổ đế của tâm tâm pháp nơi mạng sống tối hậu của bậc A-la-hán ở quá khứ, hiện tại, còn lại là khổ đế của tâm, tâm pháp ở quá khứ, hiện tại. 3. Không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là trừ khổ đế của tâm, tâm pháp tất khởi ở hiện tiền, vị lai, còn lại là khổ đế của tâm, tâm pháp ở vị lai, trừ thứ lớp nơi tâm bất tương ưng hành, còn lại là tâm bất tương ưng hành và sắc.

Như khổ đế, tập đế cũng như vậy.

Đạo đế hoặc là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên, có ba trường hợp: 1. Là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là đạo đế của tâm, tâm pháp tất khởi ở hiện tiền, vị lai. 2. Là thứ đệ cũng là duyên của thứ đệ duyên: Là đạo đế của tâm, tâm pháp ở quá khứ, hiện tại. 3. Không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của

thứ đệ duyên: Là trừ đạo đế của tâm, tâm pháp tất khởi ở hiện tiền, vị lai, còn lại là đạo đế của tâm, tâm pháp ở vị lai, cùng nghiệp thân, khẩu, tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành.

Một thứ là duyên của duyên duyên không có duyên, ba thứ cần phân biệt: Khổ đế gồm thân sắc, tâm bất tương ưng hành, là duyên của duyên duyên không có duyên, còn lại là duyên của duyên duyên cùng có duyên.

Như khổ đế, tập đế cũng như vậy.

Đạo đế gồm thân nghiệp thân, khẩu, là duyên của duyên duyên không có duyên, còn lại là duyên của duyên duyên cũng có duyên.

Ba thứ là duyên của tăng thượng duyên cùng có tăng thượng, một thứ là duyên của tăng thượng duyên không có tăng thượng,

Hai thứ không phải là lưu cũng không phải là tùy lưu, hai thứ cần phân biệt: Khổ đế hoặc là lưu cũng là tùy lưu, hoặc là tùy lưu không phải là lưu. Là lưu cũng là tùy lưu: Là bốn lưu, còn lại là tùy lưu không phải là lưu.

Như khổ đế, tập đế cũng như vậy.

HẾT - QUYỂN 9

LUẬN CHỨNG SỰ PHẦN A TỶ ĐÀM

QUYỂN 10

Phẩm 7: THIÊN VẤN LUẬN, phần 3

**B. Gồm có: 1. Thiên. 2. Vô lượng. 3. Vô sắc. 4. Tam ma-đề
định. 5. Bồ-đề phẩm. 6. Căn. 7. Nhập. 8. Ấm. 9. Giới.**

**

1. Thiên: Là bốn thiên.

Hỏi: Những gì là bốn?

Đáp: Là thiên thứ nhất (Sơ thiên), thiên thứ hai, thiên thứ ba, thiên thứ tư.

*

Hỏi: Bốn thiên này: Bao nhiêu thứ là sắc, bao nhiêu thứ là không phải sắc v.v...?

Đáp: Thiên gồm thân nghiệp thân, khẩu, đó là sắc, còn lại là không phải sắc.

Hết thấy là không thể thấy.

Hết thấy là không đối.

Hỏi: Bốn thiên này: Bao nhiêu thứ là hữu lậu, bao nhiêu thứ là vô lậu?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Thiên hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là thiên gồm thân năm ấm hữu lậu. Thế nào là vô lậu? Là thiên gồm thân năm ấm vô lậu.

Hết thấy là hữu vi.

Thiên nếu hữu lậu là có báo, nếu vô lậu là không báo.

Hết thấy là từ nhân duyên sinh thuộc về thế gian.

Thiên gồm thân nghiệp thân, khẩu, là thuộc về sắc, ngoài ra là thuộc về danh.

Thiên gồm thân tâm, ý, thức, là thuộc về nội nhập, còn lại là thuộc về ngoại nhập.

Hết thấy là trí nhận biết.

*

* *Bốn thiên này:* Thiên nếu hữu lậu là đoạn tri nhận biết và đoạn, nếu vô lậu là không phải đoạn tri nhận biết và không đoạn.

Hết thấy là nên tu.

Hết thấy là không cầu uế.

Hết thấy là quả cùng có quả.

Hết thấy là không thọ.

Thiên thân nhận nghiệp thân, khẩu là do bốn đại tạo, còn lại là không phải do bốn đại tạo.

Hết thấy là hữu thượng.

Thiên nếu hữu lậu là hữu, nếu vô lậu là không phải hữu.

Thiên gồm thân nghiệp thân, khẩu và tâm bất tương ưng hành, là nhân không tương ưng, ngoài ra là nhân tương ưng.

*

* *Bốn thiên này*: Phần ít của năm xứ thiện gồm sáu bốn thiên, bốn thiên cũng gồm sáu phần ít của năm xứ thiện.

Không gồm sáu xứ bất thiện.

Không gồm sáu xứ vô ký.

Không gồm sáu xứ lậu.

Hoặc là xứ hữu lậu gồm sáu không phải là thiện, có bốn trường hợp: 1. Là xứ hữu lậu gồm sáu không phải là thiện: Là thiện không gồm sáu năm ấm hữu lậu. 2. Là thiện gồm sáu không phải là xứ hữu lậu: Là bốn thiên vô lậu. 3. Là xứ hữu lậu gồm sáu cũng là thiện: Là bốn thiên hữu lậu. 4. Không phải là xứ hữu lậu gồm sáu cũng không phải là thiện: Là thiện không gồm sáu năm ấm vô lậu và vô vi.

Hoặc là xứ vô lậu gồm sáu không phải là thiện, có bốn trường hợp: 1. Là xứ vô lậu gồm sáu không phải là thiện: Là thiện không gồm sáu năm ấm vô lậu và vô vi. 2. Là thiện gồm sáu không phải là xứ vô lậu: Là bốn thiên hữu lậu. 3. Là xứ vô lậu gồm sáu cũng là thiện: Là bốn thiên vô lậu. 4. Không phải là xứ vô lậu gồm sáu cũng không phải là thiện: Là thiện không gồm sáu năm ấm hữu lậu.

Hết thấy hoặc là quá khứ, vị lai, hiện tại.

Hết thấy nếu hữu lậu là thuộc cõi Sắc, nếu vô lậu là không hệ thuộc.

Hỏi: Bốn thiên này: Bao nhiêu thứ là học, bao nhiêu thứ là vô học, bao nhiêu thứ là phi học phi vô học v.v...?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Thiên hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc phi học phi vô học. Thế nào là học? Là thiên gồm sáu năm ấm học. Thế nào là vô học? Là thiên gồm sáu năm ấm vô học. Thế nào là phi học phi vô học? Là thiên gồm sáu năm ấm hữu lậu.

* *Bốn thiền này*: Thiền nếu hữu lậu là do tu đoạn, nếu vô lậu là không đoạn.

Thiền gồm thân nghiệp thân, khẩu và tâm bất tương ưng hành, là không phải tâm, không phải tâm pháp, không phải tâm tương ưng. Thiền gồm thân thọ ấm, tưởng ấm, tương ưng với hành ấm, là tâm pháp, tâm tương ưng. Tâm ý thức tức là tâm.

Hỏi: Bốn thiền này: Bao nhiêu thứ là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ v.v...?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ: Là tâm tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành và thọ. 2. Là tương ưng với thọ không phải là tâm tùy chuyển: Là tâm ý thức. 3. Là tâm tùy chuyển cũng tương ưng với thọ: Là tưởng ấm tương ưng với hành ấm. 4. Không phải là tâm tùy chuyển cũng không tương ưng với thọ: Là trừ tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, còn lại là tâm bất tương ưng hành.

Như thọ, các thứ tưởng, hành cũng như vậy, trừ tự tánh của nó.

Ba thứ không phải là giác tùy chuyển cũng không tương ưng với quán, một thứ cần phân biệt: Sơ thiền hoặc là giác tùy chuyển không tương ưng với quán, có bốn trường hợp: 1. Là giác tùy chuyển không tương ưng với quán: Là giác tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành và giác tương ưng với quán. 2. Là tương ưng với quán không phải là giác tùy chuyển: Là giác. 3. Là giác tùy chuyển cũng tương ưng với quán: Là giác quán tương ưng với tâm, tâm pháp. 4. Không phải là giác tùy chuyển cũng không tương ưng với quán: Là trừ giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, là tâm bất tương ưng hành còn lại.

Hỏi: Bốn thiền này: Bao nhiêu thứ là kiến không phải là xứ kiến v.v...?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Là kiến không phải là xứ kiến: Là thiên gồm thân tận trí, vô sinh trí, không gồm thân tuệ vô lậu. 2. Là xứ kiến không phải là kiến: Là kiến không gồm thân bốn thiên hữu lậu. 3. Là kiến cũng là xứ kiến: Là chánh kiến thế tục. 4. Không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến: Là kiến không gồm thân bốn thiên vô lậu.

Hết thấy không phải là nhân của thân kiến, thân kiến cũng không phải là nhân của thiên.

Thiên gồm thân nghiệp thân, khẩu và tư, là nghiệp không phải là nghiệp báo, còn lại không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp báo.

Hỏi: Bốn thiên này: Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là nghiệp tùy duyên v.v...?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Là nghiệp không phải là nghiệp tùy duyên: Là nghiệp tư. 2. Là nghiệp tùy duyên không phải là nghiệp: Là thọ ám, tưởng ám, thức ám. Hoặc tư không gồm thân hành ám của nghiệp tùy duyên. 3. Là nghiệp cũng là nghiệp tùy duyên: Là nghiệp tùy duyên nơi nghiệp thân, khẩu. 4. Không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp tùy duyên: Là trừ nghiệp tùy duyên nơi tâm bất tương ưng hành, là tâm bất tương ưng hành còn lại.

Thiên gồm thân nghiệp thân, khẩu là sắc tạo sắc không phải là sắc có thể thấy, ngoài ra không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có thể thấy.

*

* *Bốn thiên này:* Thiên gồm thân nghiệp thân, khẩu là sắc tạo sắc không phải là sắc có đối, ngoài ra không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có đối.

Hết thấy là rất thâm diệu khó hiểu rõ, khó hiểu rõ vì rất thâm diệu.

Hết thấy là thiện cũng là nhân thiện.

Hết thấy không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện.

Hết thấy không phải là vô ký cũng không phải là nhân vô ký.

Hết thấy là duyên của nhân duyên cũng có nhân.

Hỏi: Bốn thiên này: Bao nhiêu thứ là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Sơ thiên hoặc là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên, có ba trường hợp: 1. Là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là tâm, tâm pháp tất khởi ở hiện tiền, vị lai. 2. Là thứ đệ cũng là duyên của thứ đệ duyên: Là tâm, tâm pháp nơi quá khứ, hiện tại. 3. Không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là trừ tâm, tâm pháp tất khởi ở hiện tiền, vị lai, còn lại là tâm, tâm pháp vị lai và nghiệp thân, khẩu nơi tâm bất tương ưng hành.

Như sơ thiên, thiên thứ hai, thiên thứ ba cũng như vậy.

Thiên thứ tư hoặc là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên, có ba trường hợp: 1. Là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là tâm, tâm pháp tất khởi ở hiện tiền, vị lai, cùng chánh thọ vô tướng, đã khởi, sẽ khởi. 2. Là thứ đệ cũng là duyên của thứ đệ duyên: Là tâm, tâm pháp nơi quá khứ, hiện tại. 3. Không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là trừ tâm, tâm pháp tất khởi ở hiện tiền, vị lai, còn lại là tâm, tâm pháp nơi vị lai. Trừ thứ lớp nơi tâm bất tương ưng hành, là tâm bất tương ưng hành còn lại, cùng nghiệp thân, khẩu.

Thiên gồm thân nghiệp thân, khẩu, tâm bất tương ưng hành, là duyên của duyên duyên không có duyên, ngoài ra là duyên của duyên duyên cũng có duyên.

Hết thấy là duyên của tăng thượng duyên cùng có tăng thượng.

Thiền nếu hữu lậu là tùy lưu không phải là lưu, nếu vô lậu thì không phải là lưu cũng không phải là tùy lưu.

**

2. Vô lượng: Là bốn vô lượng.

Hỏi: Những gì là bốn?

Đáp: Từ, bi, hỷ, xả.

*

Hỏi: Bốn vô lượng này: Bao nhiêu thứ là sắc, bao nhiêu thứ là không phải sắc?

Đáp: Vô lượng gồm thân nghiệp thân, khẩu là sắc, ngoài ra là không phải sắc.

Hết thấy là không thể thấy.

Hết thấy là không đối.

Hết thấy là hữu lậu.

Hết thấy là hữu vi.

Hết thấy là có báo.

Hết thấy là từ nhân duyên sinh thuộc về thế gian.

Vô lượng gồm thân nghiệp thân, khẩu là thuộc về sắc, ngoài ra là thuộc về danh.

Vô lượng gồm thân tâm ý thức là thuộc về nội nhập, ngoài ra là thuộc về ngoại nhập.

Hết thấy là trí nhận biết.

*

* *Bốn vô lượng này*: Hết thấy là đoạn tri nhận biết và đoạn.

Hết thấy là nên tu.

Hết thấy là không cầu ướ.

Hết thấy là quả cùng có quả.

Hết thấy là hữu thượng.

Hết thấy là không thọ.

Vô lượng gồm thân nghiệp thân, khẩu là do bốn đại tạo, ngoài ra là không phải do bốn đại tạo.

Hết thấy là hữu.

Vô lượng gồm thân nghiệp thân, khẩu và tâm bất tương ưng hành là nhân không tương ưng, ngoài ra là nhân tương ưng.

*

* *Bốn vô lượng này*: Phần ít của năm xứ thiện gồm thân bốn vô lượng, bốn vô lượng cũng gồm thân phần ít của năm xứ thiện.

Không gồm thân xứ bất thiện.

Không gồm thân xứ vô ký.

Không gồm thân xứ lậu.

Không gồm thân xứ vô lậu.

Phần ít của năm xứ hữu lậu gồm thân bốn vô lượng, bốn vô lượng cũng gồm thân phần ít của năm xứ hữu lậu.

Hết thấy hoặc là quá khứ, vị lai, hiện tại.

Hết thấy đều là thiện.

Hết thấy là thuộc cõi Sắc.

Hết thấy là phi học phi vô học.

*

* *Bốn vô lượng này*: Hết thấy là do tu đoạn.

Vô lượng gồm thân nghiệp thân, khẩu, tâm bất tương ưng hành là không phải tâm, không phải tâm pháp, không phải tâm tương ưng. Vô lượng gồm thân thọ ấm, tưởng ấm, tương ưng với hành ấm là tâm pháp, tâm tương ưng. Tâm ý thức tức là tâm.

Hỏi: Bốn vô lượng này: Bao nhiêu thứ là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ v.v...?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Từ hoặc là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ, có bốn trường hợp: 1. Là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ: Là tâm tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành và thọ. 2. Là tương ưng với thọ không phải là tâm tùy chuyển: Là tâm ý thức. 3. Là tâm tùy chuyển cũng tương ưng với thọ: Là tưởng ấm tương ưng với hành ấm. 4. Không phải là tâm tùy chuyển cũng không tương ưng với thọ: Là trừ tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, là tâm bất tương ưng hành còn lại.

Như Từ, các thứ Bi, Hỷ, Xả cũng như thế.

Như thọ, các thứ tưởng, hành cũng như vậy, trừ tự tánh của nó.

Hỏi: Bốn vô lượng này: Bao nhiêu thứ là giác tùy chuyển không tương ưng với quán v.v...?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Từ hoặc là giác tùy chuyển không tương ưng với quán, có bốn trường hợp: 1. Là giác tùy chuyển không tương ưng với quán: Là giác tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành và giác tương ưng với quán. 2. Là tương ưng với quán không phải là giác tùy chuyển: Là giác. Như giác không tương ưng với quán vì tương ưng với tâm, tâm pháp. 3. Là giác tùy chuyển cũng tương ưng với quán: Là giác quán tương ưng với tâm, tâm pháp. 4. Không phải là giác tùy chuyển cũng không

tương ưng với quán: Là trừ giác tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, là nghiệp thân, khẩu còn lại. Trừ giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, là tâm bất tương ưng hành còn lại, và giác không tương ưng với quán cùng không phải giác quán tương ưng với tâm, tâm pháp.

Như Từ, các thứ Bi, Xả cũng như vậy.

Hỷ hoặc là giác tùy chuyển không tương ưng với quán, có bốn trường hợp: 1. Là giác tùy chuyển không tương ưng với quán: Là giác tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành và giác tương ưng với quán. 2. Là tương ưng với quán không phải là giác tùy chuyển: Là giác. 3. Là giác tùy chuyển cũng tương ưng với quán: Là giác quán tương ưng với tâm, tâm pháp. 4. Không phải là giác tùy chuyển cũng không tương ưng với quán: Là trừ giác tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, là nghiệp thân, khẩu còn lại. Trừ giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, là tâm bất tương ưng hành còn lại, cùng không phải giác quán tương ưng với tâm, tâm pháp.

Vô lượng hoặc là kiến cũng là xứ kiến, hoặc là xứ kiến không phải là kiến. Là kiến cũng là xứ kiến: Là chánh kiến thế tục, còn lại là xứ kiến không phải là kiến.

Hết thấy không phải là nhân của thân kiến, thân kiến cũng không phải là nhân của vô lượng.

Vô lượng gồm thân nghiệp thân, khẩu và tư là nghiệp không phải là nghiệp báo, ngoài ra không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp báo.

Hỏi: Bốn vô lượng này: Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là nghiệp tùy chuyển?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Là nghiệp không phải là nghiệp tùy chuyển: Là nghiệp tư. 2. Là nghiệp tùy chuyển không phải là

ngiệp: Là thọ âm, tướng âm, thức âm. Tư không gồm thân hành âm của nghiệp tùy chuyển. 3. Là nghiệp cũng là nghiệp tùy chuyển: Là nghiệp tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu. 4. Không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp tùy chuyển: Là trừ nghiệp tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, là tâm bất tương ưng hành còn lại.

Vô lượng gồm thân nghiệp thân, khẩu là sắc tạo sắc không phải là sắc có thể thấy, ngoài ra không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có thể thấy.

*

* *Bốn vô lượng này*: Vô lượng gồm thân nghiệp thân, khẩu là sắc tạo sắc không phải là sắc có đối, ngoài ra không phải là sắc tạo tác cũng không phải là sắc có đối.

Hết thủy là rất thâm diệu khó hiểu rõ, khó hiểu rõ vì rất thâm diệu.

Hết thủy là thiện cũng là nhân thiện.

Hết thủy không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện.

Hết thủy không phải là vô ký cũng không phải là nhân vô ký.

Hết thủy là duyên của nhân duyên cũng có nhân.

Hỏi: Bốn vô lượng này: Bao nhiêu thứ là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên v.v...?

Đáp: Có ba trường hợp: 1. Là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là tâm, tâm pháp tắt khởi ở hiện tiền, vị lai. 2. Là thứ đệ cũng là duyên của thứ đệ duyên: Là tâm, tâm pháp nơi quá khứ, hiện tại. 3. Không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là trừ tâm, tâm pháp tắt khởi ở hiện tiền, vị lai, là tâm, tâm pháp còn lại ở vị lai, là nghiệp thân, khẩu nơi tâm bất tương ưng hành.

Vô lượng gồm thân nghiệp thân, khẩu, tâm bất tương ưng hành là duyên của duyên duyên không có duyên, còn lại là duyên của duyên duyên cũng có duyên.

Hết thủy là duyên của tăng thượng duyên cũng có tăng thượng.

Hết thủy là tùy lưu không phải là lưu.

**

3. Vô sắc: Là bốn vô sắc.

Hỏi: Những gì là bốn?

Đáp: Không nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu nhập xứ, Phi tướng phi phi tướng nhập xứ.

*

Hỏi: Bốn vô sắc này: Bao nhiêu thứ là sắc, bao nhiêu thứ là không phải sắc v.v...?

Đáp: Hết thủy là không phải sắc.

Hết thủy là không thể thấy.

Hết thủy là không đối.

Một thứ là hữu lậu, ba thứ cần phân biệt: Không xứ hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là không xứ gồm thân bốn ấm hữu lậu. Thế nào là vô lậu? Là không xứ gồm thân bốn ấm vô lậu.

Như Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ cũng như vậy.

Hết thủy là hữu vi.

Hỏi: Bốn vô sắc này: Bao nhiêu thứ là có báo, bao nhiêu thứ là không báo v.v...?

Đáp: Hết thủy nên phân biệt: Không xứ hoặc là có báo, hoặc là không báo. Thế nào là có báo? Là không xứ hữu lậu thiện. Thế nào là không báo? Là không xứ vô lậu, vô ký.

Như Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ cũng như vậy.

Phi tưởng phi phi tưởng xứ hoặc là có báo, hoặc là không báo. Thế nào là có báo? Là Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiện. Thế nào là không báo? Là Phi tưởng phi phi tưởng xứ vô ký.

Hết thấy là từ nhân duyên sinh thuộc về thế gian.

Hết thấy là thuộc về danh.

Vô sắc gồm thân tâm, ý, thức là thuộc về nội nhập, ngoài ra là thuộc về ngoại nhập.

Hết thấy là trí nhận biết.

*

* *Bốn vô sắc này*: Một thứ là đoạn tri nhận biết và đoạn, ba thứ cần phân biệt: Ba thứ nếu hữu lậu là đoạn tri nhận biết và đoạn, nếu vô lậu là không phải đoạn tri nhận biết và không đoạn.

Hỏi: Bốn vô sắc này: Bao nhiêu thứ là nên tu, bao nhiêu thứ là không nên tu v.v...?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Không xứ hoặc nên tu, hoặc không nên tu. Thế nào là nên tu? Là không xứ thiện. Thế nào là không nên tu? Là không xứ vô ký.

Như Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ cũng như vậy.

Hỏi: Bốn vô sắc này: Bao nhiêu thứ là cấu uế, bao nhiêu thứ là không cấu uế?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Vô sắc hoặc là cấu uế, hoặc là không cấu uế. Thế nào là cấu uế? Là ẩn mắt (hữu phú). Thế nào là không cấu uế? Là không ẩn mắt (vô phú).

Hết thấy là quả cùng có quả.

Hết thủy là không thọ.

Hết thủy là không phải do bốn đại tạo.

Hết thủy là hữu thượng.

Một thứ là hữu, ba thứ cần phân biệt: Ba thứ nếu hữu lậu là hữu, nếu vô lậu là không phải hữu.

Vô sắc gồm thân tâm bất tương ưng hành là nhân không tương ưng, ngoài ra là nhân tương ưng.

*

* *Bốn vô sắc này*: Hoặc xứ thiện gồm thân không phải là vô sắc, có bốn trường hợp: 1. Là xứ thiện gồm thân không phải là vô sắc: Là sắc ấm thiện. Vô sắc không gồm thân bốn ấm thiện và số diệt. 2. Là vô sắc gồm thân không phải là xứ thiện: Là bốn vô sắc vô ký. 3. Là xứ thiện gồm thân cũng là vô sắc: Là bốn vô sắc thiện. 4. Không phải là xứ thiện gồm thân cũng không phải là vô sắc: Là năm ấm bất thiện, sắc ấm vô ký, và vô sắc không gồm thân bốn ấm vô ký và hư không, phi số diệt.

Không gồm thân xứ bất thiện.

Hoặc xứ vô ký gồm thân không phải là vô sắc, có bốn trường hợp: 1. Là xứ vô ký gồm thân không phải là vô sắc: Là sắc ấm vô ký. Vô sắc không gồm thân bốn ấm vô ký, hư không, phi số diệt. 2. Là vô sắc gồm thân không phải là xứ vô ký: Là bốn vô sắc thiện. 3. Là xứ vô ký gồm thân cũng là vô sắc: Là bốn vô sắc vô ký. 4. Không phải là xứ vô ký gồm thân cũng không phải là vô sắc: Là năm ấm thiện và phi số diệt.

Hoặc xứ lậu gồm thân không phải là vô sắc, có bốn trường hợp: 1. Là xứ lậu gồm thân không phải là vô sắc: Là một xứ lậu và phần ít của hai xứ lậu. 2. Là vô sắc gồm thân không phải là xứ lậu:

Là xứ lậu không gồm thân bốn vô sắc. 3. Là xứ lậu gồm thân cũng là vô sắc: Là phần ít nơi hai xứ lậu. 4. Không phải là xứ lậu gồm thân cũng không phải là vô sắc: Là sắc ấm và xứ lậu không gồm thân bốn ấm và vô vi.

Hoặc xứ hữu lậu gồm thân không phải là vô sắc, có bốn trường hợp: 1. Là xứ hữu lậu gồm thân không phải là vô sắc: Là sắc ấm hữu lậu. Vô sắc không gồm thân bốn ấm hữu lậu. 2. Là vô sắc gồm thân không phải là xứ hữu lậu: Là phần ít của ba vô sắc. 3. Là xứ hữu lậu gồm thân cũng là vô sắc: Là một vô sắc và phần ít của ba vô sắc. 4. Không phải là xứ hữu lậu gồm thân cũng không phải là vô sắc: Là sắc ấm vô lậu và vô sắc không gồm thân bốn ấm vô lậu và vô vi.

Hoặc xứ vô lậu gồm thân không phải là vô sắc, có bốn trường hợp: 1. Là xứ vô lậu gồm thân không phải là vô sắc: Là sắc ấm vô lậu. Vô lậu không gồm thân bốn sắc vô lậu và vô vi. 2. Là vô sắc gồm thân không phải là xứ vô lậu: Là một vô sắc và phần ít của ba vô sắc. 3. Là xứ vô lậu gồm thân cũng là vô sắc: Là phần ít của ba vô sắc. 4. Không phải là xứ vô lậu gồm thân cũng không phải là vô sắc: Là sắc ấm hữu lậu và vô sắc không gồm thân bốn ấm hữu lậu.

Hết thấy hoặc là quá khứ, vị lai, hiện tại.

Hỏi: Bốn vô sắc này: Bao nhiêu thứ là thiện, bao nhiêu thứ là vô ký v.v...?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Vô sắc hoặc là thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Là vô sắc gồm thân bốn ấm thiện. Thế nào là vô ký? Là vô sắc gồm thân bốn ấm vô ký.

Một thứ thuộc cõi Vô sắc, ba thứ cần phân biệt: Ba thứ nếu hữu lậu là thuộc cõi Vô sắc, nếu vô lậu là không hệ thuộc.

Một thứ là phi học phi vô học, ba thứ cần phân biệt: Không xứ hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học? Là không xứ gồm thân bốn ấm học. Thế nào là vô học? Là

không xứ gồm thâm bốn âm vô học. Thế nào là phi học phi vô học? Là không xứ gồm thâm bốn âm hữu lậu.

Như Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ cũng như vậy.

*

* *Bốn vô sắc này*: Bao nhiêu thứ là do kiến đoạn, bao nhiêu thứ là do tu đoạn, bao nhiêu thứ là không đoạn v.v...?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Không xứ hoặc là do kiến đoạn, hoặc là do tu đoạn, hoặc không đoạn. Thế nào là do kiến đoạn? Là không xứ nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành tạo nhãn vô gián cùng đoạn. Đoạn trừ những gì? Là kiến đạo đoạn trừ hai mươi tám sử tương ưng với không xứ, đã khởi tâm bất tương ưng hành. Thế nào là do tu đoạn? Là không xứ nơi bậc học kiến tích tu đoạn. Đoạn trừ những gì? Là tu đạo đoạn trừ ba sử tương ưng với không xứ, đã khởi tâm bất tương ưng hành và không xứ hữu lậu không cấu uế. Thế nào là không đoạn? Là không xứ vô lậu.

Như Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ cũng như vậy.

Phi tưởng phi phi tưởng xứ hoặc là do kiến đoạn, hoặc là do tu đoạn. Thế nào là do kiến đoạn? Là phi tưởng phi phi tưởng xứ nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành tạo nhãn vô gián cùng đoạn. Đoạn trừ như thế nào? Là kiến đạo đoạn trừ hai mươi tám sử tương ưng với Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đã khởi tâm bất tương ưng hành. Thế nào là do tu đoạn? Là phi tưởng phi phi tưởng xứ nơi bậc học kiến tích tu đoạn. Đoạn trừ như thế nào? Là tu đạo đoạn trừ ba sử tương ưng với Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đã khởi tâm bất tương ưng hành, và Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu lậu không cấu uế.

Vô sắc gồm thâm tâm bất tương ưng hành là không phải tâm, không phải tâm pháp, không phải tâm tương ưng. Vô sắc gồm thâm thọ ấm, tưởng ấm, tương ưng với hành ấm là tâm pháp, tâm tương ưng. Tâm ý thức tức là tâm.

Hỏi: Bốn vô sắc này: Bao nhiêu thứ là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ v.v...?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ: Là tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành và thọ. 2. Là tương ưng với thọ không phải là tâm tùy chuyển: Là tâm ý thức. 3. Là tâm tùy chuyển cũng tương ưng với thọ: Là tướng ấm tương ưng với hành ấm. 4. Không phải là tâm tùy chuyển cũng không tương ưng với thọ: Là trừ tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, là tâm bất tương ưng hành còn lại.

Như thọ, các thứ tướng, hành cũng như vậy, trừ tự tánh của nó.

Hết thấy không phải là giác tùy chuyển cũng không tương ưng với quán.

Hỏi: Bốn vô sắc này: Bao nhiêu thứ là kiến không phải là xứ kiến v.v...?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Không xứ hoặc là kiến không phải là xứ kiến, có bốn trường hợp: 1. Là kiến không phải là xứ kiến: Là không xứ gồm thân tận trí, vô sinh trí, không gồm thân tuệ vô lậu. 2. Là xứ kiến không phải là kiến: Là kiến không gồm thân không xứ hữu lậu. 3. Là kiến cũng là xứ kiến: Là chánh kiến thể tục của năm kiến. 4. Không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến: Là kiến không gồm thân không xứ vô lậu.

Như Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ cũng như vậy.

Phi tướng phi phi tướng xứ hoặc là kiến cũng là xứ kiến, hoặc là xứ kiến không phải là kiến. Là kiến cũng là xứ kiến: Là chánh kiến thể tục của năm kiến, ngoài ra là xứ kiến không phải là kiến.

Hỏi: Bốn vô sắc này: Bao nhiêu thứ là nhân của thân kiến v.v..., nói rộng như nơi khổ tập đế.

Hỏi: Bốn vô sắc này: Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là nghiệp báo v.v...?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Không xứ hoặc là nghiệp không phải là nghiệp báo, có bốn trường hợp: 1. Là nghiệp không phải là nghiệp báo: Là báo không gồm thân nghiệp tư. 2. Là nghiệp báo không phải là nghiệp: Là tư không gồm thân báo sinh nơi không xứ. 3. Là nghiệp cũng là nghiệp báo: Là báo sinh nơi nghiệp tư. 4. Không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp báo: Là trừ nghiệp, nghiệp báo nơi không xứ, là không xứ còn lại.

Như Không xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ cũng như vậy.

Hỏi: Bốn vô sắc này: Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là nghiệp tùy chuyển v.v...?

Đáp: Có ba trường hợp: 1. Là nghiệp không phải là nghiệp tùy chuyển: Là nghiệp tư. 2. Là nghiệp tùy chuyển không phải là nghiệp: Là thọ ấm, tưởng ấm, thức ấm. Tư không gồm thân hành ấm của nghiệp tùy chuyển. 3. Không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp tùy chuyển: Là trừ nghiệp tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, là tâm bất tương ưng hành còn lại.

Hết thầy không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có thể thấy.

*

* *Bốn vô sắc này:* Hết thầy không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có đối.

Hết thầy là rất thâm diệu khó hiểu rõ, khó hiểu rõ vì rất thâm diệu.

Hỏi: Bốn vô sắc này: Bao nhiêu thứ là nhân thiện không phải là thiện v.v...?

Đáp: Có ba trường hợp: 1. Là nhân thiện không phải là thiện: Là báo thiện sinh nơi bốn vô sắc. 2. Là thiện cũng là nhân thiện: Là bốn vô sắc thiện. 3. Không phải là thiện cũng không phải là nhân

thiện: Là trừ báo thiện sinh nơi bốn vô sắc, còn lại là bốn vô sắc vô ký.

Hết thầy không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện.

Hỏi: Bốn vô sắc này: Bao nhiêu thứ là vô ký không phải là nhân vô ký v.v...?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Vô sắc hoặc là vô ký cũng là nhân vô ký, hoặc không phải là vô ký cũng không phải là nhân vô ký. Là vô ký cũng là nhân vô ký: Là bốn vô sắc vô ký. Không phải là vô ký cũng không phải là nhân vô ký: Là bốn vô sắc thiện.

Hết thầy là duyên của nhân duyên cũng có nhân.

Hỏi: Bốn vô sắc này: Bao nhiêu thứ là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Không xứ hoặc là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên, có ba trường hợp: 1. Là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là không xứ của tâm, tâm pháp tất khởi ở hiện tiền, vị lai, là không xứ của tâm, tâm pháp nơi mạng sống tối hậu của bậc A-la-hán ở quá khứ, hiện tại. 2. Là thứ đệ cũng là duyên của thứ đệ duyên: Là trừ không xứ của tâm, tâm pháp nơi mạng sống tối hậu của bậc A-la-hán ở quá khứ, hiện tại, còn lại là không xứ của tâm, tâm pháp nơi quá khứ hiện tại. 3. Không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là trừ không xứ của tâm, tâm pháp tất khởi ở hiện tiền, vị lai, còn lại là không xứ của tâm, tâm pháp ở vị lai và tâm bất tương ưng hành.

Như Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ cũng như vậy.

Phi tướng phi phi tướng xứ hoặc là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên, có ba trường hợp: 1. Là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là Phi tướng phi phi tướng xứ của tâm,

tâm pháp tất khởi ở hiện tiền, vị lai, là Phi tướng phi phi tướng xứ của tâm, tâm pháp nơi đời sống tối hậu của bậc A-la-hán, và chánh thọ (định) diệt tận, đã khởi, sẽ khởi. 2. Là thứ đệ cũng là duyên của thứ đệ duyên: Là trừ Phi tướng phi phi tướng xứ của tâm, tâm pháp nơi đời sống tối hậu của bậc A-la-hán nơi quá khứ, hiện tại, còn lại là Phi tướng phi phi tướng nơi quá khứ, hiện tại. 3. Không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là trừ Phi tướng phi phi tướng xứ của tâm, tâm pháp tất khởi ở hiện tiền, vị lai, còn lại là Phi tướng phi phi tướng xứ của tâm, tâm pháp ở vị lai. Trừ thứ lớp nơi tâm bất tương ưng hành, là tâm bất tương ưng hành còn lại.

Vô sắc không gồm thân tâm bất tương ưng hành là duyên của duyên duyên không có duyên, còn lại là duyên của duyên duyên cùng có duyên.

Hết thân là duyên của tăng thượng duyên cùng có tăng thượng.

Hỏi: Bốn vô sắc này: Bao nhiêu thứ là lưu, bao nhiêu thứ là tùy lưu?

Đáp: Hết thân nên phân biệt: Không xứ hoặc là tùy lưu không phải là lưu, có ba trường hợp: 1. Là tùy lưu không phải là lưu: Là trừ lưu, còn lại là không xứ hữu lậu. 2. Là lưu cũng là tùy lưu: Là phần ít của ba lưu. 3. Không phải là lưu cũng không phải là tùy lưu: Là không xứ vô lậu.

Như Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ cũng như vậy.

Phi tướng phi phi tướng xứ hoặc là lưu cũng là tùy lưu, hoặc là tùy lưu không phải là lưu. Là lưu cũng là tùy lưu: Là phần ít của ba lưu. Đây là lưu cũng là tùy lưu, còn lại là tùy lưu không phải là lưu.

4. Tam-ma-đê định: Là bốn Tam-muội tu.

Hỏi: Những gì là bốn?

Đáp: Nghĩa là: Có Tam-muội tu rộng tu tập trụ nơi hiện pháp lạc chuyển. Có Tam-muội tu rộng tu tập tri kiến chuyển. Có Tam-muội tu rộng tu tập tuệ phân biệt chuyển. Có Tam-muội tu rộng tu tập lậu tận chuyển.

*

Hỏi: Bốn Tam-muội tu này: Bao nhiêu thứ là sắc, bao nhiêu thứ là không phải sắc?

Đáp: Tam-muội tu gồm thân nghiệp thân, khẩu là sắc, còn lại là không phải sắc.

Hết thấy là không thể thấy.

Hết thấy là không đối.

Một thứ là hữu lậu, một thứ là vô lậu, hai thứ cần phân biệt: Tam-muội tu trụ hiện pháp lạc hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? là Tam-muội tu trụ hiện pháp lạc gồm thân năm ấm hữu lậu. Thế nào là vô lậu? Là Tam-muội tu trụ hiện pháp lạc gồm thân năm ấm vô lậu.

Tam-muội tu tuệ phân biệt hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là Tam-muội tu tuệ phân biệt gồm thân năm ấm hữu lậu. Thế nào là vô lậu? Là Tam-muội tu tuệ phân biệt gồm thân năm ấm vô lậu.

Hết thấy là hữu vi.

Một thứ là có báo, một thứ là không báo, hai thứ cần phân biệt: Hai thứ nếu hữu lậu là có báo, nếu vô lậu là không báo.

Hết thấy là từ nhân duyên sinh thuộc về thế gian.

Tam-muội tu gồm thân nghiệp thân, khẩu là thuộc về sắc, còn lại là thuộc về danh.

Tam-muội tu gồm thân tâm, ý, thức là thuộc về nội nhập, còn lại là thuộc về ngoại nhập.

Hết thấy là trí nhận biết.

*

* *Bốn Tam-muội tu này*: Một thứ là đoạn tri nhận biết và đoạn, một thứ không phải đoạn tri nhận biết và không đoạn, hai thứ cần phân biệt: Hai thứ nếu hữu lậu là đoạn tri nhận biết và đoạn, nếu vô lậu là không phải đoạn tri nhận biết và không đoạn.

Hết thấy là nên tu.

Hết thấy là không cấu uế.

Hết thấy là quả cùng có quả.

Hết thấy là không thọ.

Tam-muội tu gồm thân nghiệp thân, khẩu là do bốn đại tạo, ngoài ra là không phải do bốn đại tạo.

Hết thấy là hữu thượng.

Một thứ là hữu, một thứ không phải là hữu, hai thứ cần phân biệt: Hai thứ nếu hữu lậu là hữu, nếu vô lậu là không phải hữu.

Tam-muội tu gồm thân nghiệp thân, khẩu và tâm bất tương ưng hành là nhân không tương ưng, còn lại là nhân tương ưng.

*

* *Bốn Tam-muội tu này*: Phần ít của năm xứ thiện gồm thân bốn Tam-muội tu, bốn Tam-muội tu cũng gồm thân phần ít của năm xứ thiện.

Không gồm thân xứ bất thiện.

Không gồm thân xứ vô ký.

Không gồm thân xứ lậu.

Hoặc xứ hữu lậu gồm thân không phải là Tam-muội tu, có bốn trường hợp: 1. Là xứ hữu lậu gồm thân không phải là Tam-muội tu: Là Tam-muội tu không gồm thân năm ấm hữu lậu. 2. Là Tam-muội tu gồm thân không phải là xứ hữu lậu: Là một Tam-muội tu và phần ít của hai Tam-muội tu. 3. Là xứ hữu lậu gồm thân cũng là Tam-muội tu: Là một Tam-muội tu và phần ít của hai Tam-muội tu. 4. Không phải là xứ hữu lậu gồm thân cũng không phải là Tam-muội tu: Là hư không và số diệt, phi số diệt.

Hoặc xứ vô lậu gồm thân không phải là Tam-muội tu, có bốn trường hợp: 1. Là xứ vô lậu gồm thân không phải là Tam-muội tu: Là hư không và số diệt, phi số diệt. 2. Là Tam-muội tu gồm thân không phải là xứ vô lậu: Là một Tam-muội tu và phần ít của hai Tam-muội tu. 3. Là xứ vô lậu gồm thân cũng là Tam-muội tu: Là một Tam-muội tu và phần ít của hai Tam-muội tu. 4. Không phải là xứ vô lậu gồm thân cũng không phải là Tam-muội tu: Là Tam-muội tu không gồm thân năm ấm hữu lậu.

Hết thấy hoặc là quá khứ, vị lai, hiện tại.

Hết thấy đều là thiện.

Một thứ là thuộc cõi Sắc, một thứ là không hệ thuộc, hai thứ cần phân biệt: Tam-muội tu trụ hiện pháp lạc nếu là hữu lậu thì thuộc cõi Sắc, nếu là vô lậu thì không hệ thuộc.

Tam-muội tu tuệ phân biệt hoặc là thuộc cõi Dục, hoặc là thuộc cõi Sắc, hoặc là thuộc cõi Vô sắc, hoặc là không hệ thuộc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là Tam-muội tu tuệ phân biệt gồm thân năm ấm thuộc cõi Dục. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là Tam-muội tu tuệ phân

biệt gồm thâu năm ấm thuộc cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Vô sắc? Là Tam-muội tu tuệ phân biệt gồm thâu năm ấm thuộc cõi Vô sắc. Thế nào là không hệ thuộc? Là Tam-muội tu tuệ phân biệt gồm thâu năm ấm vô lậu.

Một thứ là vô học, một thứ là phi học phi vô học, hai thứ cần phân biệt: Tam-muội tu trụ hiện pháp lạc hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học? Là Tam-muội tu trụ hiện pháp lạc gồm thâu năm ấm học. Thế nào là vô học? Là Tam-muội tu trụ hiện pháp lạc gồm thâu năm ấm vô học. Thế nào là phi học phi vô học? Là Tam-muội tu trụ hiện pháp lạc gồm thâu năm ấm hữu lậu.

Tam-muội tu tuệ phân biệt hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học? Là Tam-muội tu tuệ phân biệt gồm thâu năm ấm học. Thế nào là vô học? Là Tam-muội tu tuệ phân biệt gồm thâu năm ấm vô học. Thế nào là phi học phi vô học? Là Tam-muội tu tuệ phân biệt gồm thâu năm ấm hữu lậu.

*

* *Bốn Tam-muội tu này*: Một thứ là do tu đoạn, một thứ là không đoạn, hai thứ cần phân biệt: Hai thứ nếu hữu lậu là do tu đoạn, nếu vô lậu là không đoạn.

Tam-muội tu gồm thâu nghiệp thân, khẩu và tâm bất tương ưng hành là không phải tâm, không phải tâm pháp, không phải tâm tương ưng. Tam-muội tu gồm thâu thọ ấm, tưởng ấm, tương ưng với hành ấm là tâm pháp, tâm tương ưng. Tâm ý thức tức là tâm.

Hỏi: Bốn Tam-muội tu này: Bao nhiêu thứ là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ v.v...?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Tam-muội tu trụ hiện pháp lạc hoặc là tâm tùy chuyển cũng tương ưng với thọ, có bốn trường hợp: 1. Là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ: Là tâm tùy chuyển

nơi nghiệp thân, khẩu, tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành và thọ. 2. Là tương ưng với thọ không phải là tâm tùy chuyển: Là tâm ý thức. 3. Là tâm tùy chuyển cũng tương ưng với thọ: Là tướng ấm tương ưng với hành ấm. 4. Không phải là tâm tùy chuyển cũng không tương ưng với thọ: Là trừ tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, là tâm bất tương ưng hành còn lại.

Như Tam-muội tu trụ hiện pháp lạc, Tam-muội tu tri kiến, Tam-muội tu lậu tận cũng như vậy.

Tam-muội tu tuệ phân biệt hoặc là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ, có bốn trường hợp: 1. Là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ: Là tâm tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành và thọ. 2. Là tương ưng với thọ không phải là tâm tùy chuyển: Là tâm ý thức. 3. Là tâm tùy chuyển cũng tương ưng với thọ: Là tướng ấm tương ưng với hành ấm. 4. Không phải là tâm tùy chuyển cũng không tương ưng với thọ: Là trừ tâm tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, là nghiệp thân, khẩu còn lại, trừ tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, là tâm bất tương ưng hành còn lại.

Như thọ, các thứ tướng, hành cũng như vậy, trừ tự tánh của nó.

Một thứ là không giác không quán, ba thứ cần phân biệt: Tam-muội tu trụ hiện pháp lạc hoặc là giác tùy chuyển không tương ưng với quán, có bốn trường hợp: Là giác tùy chuyển không tương ưng với quán: Là như đã nói rộng ở phần Tâm hỷ. Tam-muội tu tri kiến cũng như vậy. Tam-muội tu tuệ phân biệt nói rộng như ở phần Tâm từ.

Hỏi: Bốn Tam-muội tu này: Bao nhiêu thứ là kiến không phải là xứ kiến v.v...?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Tam-muội tu trụ hiện pháp lạc hoặc là kiến không phải là xứ kiến, có bốn trường hợp: 1. Là kiến

không phải là xứ kiến: Là Tam-muội tu trụ hiện pháp lạc gồm thâm tận trí, vô sinh trí, không gồm thâm tuệ vô lậu. 2. Là xứ kiến không phải là kiến: Là kiến không gồm thâm Tam-muội tu trụ hiện pháp lạc hữu lậu. 3. Là kiến cũng là xứ kiến: Là chánh kiến thế tục. 4. Không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến: Là kiến không gồm thâm Tam-muội tu trụ hiện pháp lạc vô lậu.

Tam-muội tu tri kiến hoặc là kiến cũng là xứ kiến, hoặc là xứ kiến không phải là kiến. Là kiến cũng là xứ kiến: Là Tam-muội tu tri kiến gồm thâm chánh kiến thế tục, còn lại là xứ kiến không phải là kiến.

Tam-muội tu tuệ phân biệt hoặc là kiến không phải là xứ kiến, có bốn trường hợp: 1. Là kiến không phải là xứ kiến: Là Tam-muội tu tuệ phân biệt gồm thâm tận trí, vô sinh trí, không gồm thâm tuệ vô lậu. 2. Là xứ kiến không phải là kiến: Là kiến không gồm thâm Tam-muội tu tuệ phân biệt hữu lậu. 3. Là kiến cũng là xứ kiến: Là chánh kiến thế tục. 4. Không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến: Là kiến không gồm thâm Tam-muội tu tuệ phân biệt vô lậu.

Tam-muội tu lậu tận gồm thâm tuệ là kiến không phải là xứ kiến, còn lại không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến.

Hết thấy không phải là nhân của thân kiến, thân kiến cũng không phải là nhân của Tam-muội tu.

Tam-muội tu gồm thâm nghiệp thân, khẩu và tư, là nghiệp không phải là nghiệp báo, còn lại không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp báo.

Hỏi: Bốn Tam-muội tu này: Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là nghiệp tùy chuyển v.v...?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Tam-muội tu trụ hiện pháp lạc, Tam-muội tu tri kiến, Tam-muội tu lậu tận đã nói rộng nơi bốn trường hợp, như trong Tu-đa-la Thiên đã phân biệt. Tam-muội tu tuệ phân

biệt đã nói rộng nơi bốn trường hợp, như trong Tu-đa-la Thánh chủng đã phân biệt.

Tam-muội tu gồm thân nghiệp thân, khẩu là sắc tạo sắc không phải là sắc có thể thấy, ngoài ra không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có thể thấy.

*

* *Bốn Tam-muội tu này*: Tam-muội tu gồm thân nghiệp thân, khẩu là sắc tạo sắc không phải là sắc có đối, ngoài ra không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có đối.

Hết thấy là rất thâm diệu khó hiểu rõ, khó hiểu rõ vì rất thâm diệu.

Hết thấy là thiện cũng là nhân thiện.

Hết thấy không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện.

Hết thấy không phải là vô ký cũng không phải là nhân vô ký.

Hết thấy là duyên của nhân duyên cùng có nhân.

Hỏi: Bốn Tam-muội tu này: Bao nhiêu thứ là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Tam-muội tu hoặc là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên, có ba trường hợp: 1. Là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là tâm, tâm pháp tất khởi ở hiện tiền, vị lai. 2. Là thứ đệ cũng là duyên của thứ đệ duyên: Là tâm, tâm pháp nơi quá khứ, hiện tại. 3. Không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là trừ tâm, tâm pháp tất khởi ở hiện tiền, vị lai, là tâm, tâm pháp vị lai còn lại, cùng nghiệp thân, khẩu, tâm bất tương ưng hành.

Tam-muội tu gồm thân nghiệp thân, khẩu là duyên của duyên duyên không có duyên, còn lại là duyên của duyên duyên cùng có duyên.

Hết thấy là duyên của tăng thượng duyên cùng có tăng thượng.

Một thứ là tùy lưu không phải là lưu, một thứ không phải là lưu cũng không phải là tùy lưu, hai thứ cần phân biệt: Hai thứ nếu hữu lậu là tùy lưu không phải là lưu, nếu vô lậu không phải là lưu cũng không phải là tùy lưu.

**

5. Bồ-đề phẩm: Là bảy giác chi.

Hỏi: Những gì là bảy?

Đáp: Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, ý (khinh an) giác chi, định giác chi, hỷ giác chi, xả giác chi.

*

Hỏi: Bảy giác chi này: Bao nhiêu thứ là sắc, bao nhiêu thứ là không phải sắc v.v...?

Đáp: Hết thấy là không phải sắc.

Hết thấy là không thể thấy.

Hết thấy là không đối.

Hết thấy là vô lậu.

Hết thấy là hữu vi.

Hết thấy là không báo.

Hết thấy là từ nhân duyên sinh thuộc về thế gian.

Hết thấy là thuộc về danh.

Hết thấy là thuộc về ngoại nhập.

Hết thấy là trí nhận biết.

*

* *Bảy giác chi này*: Hết thấy là không phải đoạn tri nhận biết và không đoạn.

Hết thấy là nên tu.

Hết thấy là không cầu ướ.

Hết thấy là quả cùng có quả.

Hết thấy là không thọ.

Hết thấy là không phải do bốn đại tạo.

Hết thấy là hữu thượng.

Hết thấy là không phải hữu.

Hết thấy là nhân tương ưng.

*

* *Bảy giác chi này*: Phần ít của hai xứ thiện gồm sáu giác chi, bảy giác chi cũng gồm sáu phần ít của hai xứ thiện.

Không gồm sáu xứ bất thiện.

Không gồm sáu xứ vô ký.

Không gồm sáu xứ lậu.

Không gồm sáu xứ hữu lậu.

Phần ít của hai xứ vô lậu gồm sáu giác chi, bảy giác chi cũng gồm sáu phần ít của hai xứ vô lậu.

Hết thấy hoặc là quá khứ, vị lai, hiện tại.

Hết thấy đều là thiện.

Hết thấy là không hệ thuộc.

Hỏi: Bảy giác chi này: Bao nhiêu thứ là học, bao nhiêu thứ là vô học, bao nhiêu thứ là phi học phi vô học v.v...?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Niệm giác chi hoặc là học, hoặc là vô học. Thế nào là học? Là ý học tư duy tương ứng với niệm giác chi. Thế nào là vô học? Là ý vô học tư duy tương ứng với niệm giác chi.

Như niệm giác chi, các giác chi khác cũng như vậy.

*

* *Bảy giác chi này:* Hết thầy là không đoạn.

Hết thầy là tâm pháp, tâm tương ứng.

Một thứ là tâm tùy chuyển không tương ứng với thọ, sáu thứ là tâm tùy chuyển cũng tương ứng với thọ.

Hết thầy là tâm tùy chuyển tương ứng với tướng, hành, trừ tự tánh của nó.

Hỏi: Bảy giác chi này: Bao nhiêu thứ là giác tùy chuyển không tương ứng với quán v.v...?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Niệm giác chi hoặc là có giác có quán, hoặc là không giác có quán, hoặc là không giác không quán. Thế nào là có giác có quán? Là ý có giác có quán tư duy tương ứng với niệm giác chi. Thế nào là không giác có quán? Là ý không giác có quán tư duy tương ứng với niệm giác chi. Thế nào là không giác không quán? Là ý không giác không quán tư duy tương ứng với niệm giác chi.

Như niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, ý (khinh an) giác chi, định giác chi, xả giác chi cũng như vậy.

Hỷ giác chi hoặc là có giác có quán, hoặc là không giác không quán. Thế nào là có giác có quán? Là ý có giác có quán tư duy tương ứng với hỷ giác chi. Thế nào là không giác không quán? Là ý không giác không quán tư duy tương ứng với hỷ giác chi.

Sáu thứ không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến, một thứ cần phân biệt: Trạch pháp giác chi gồm sáu tận trí, vô sinh trí, không gồm sáu tuệ vô lậu, là kiến không phải là xứ kiến, còn lại không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến.

Hết thấy không phải là nhân của thân kiến, thân kiến cũng không phải là nhân của giác chi.

Hết thấy không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp báo.

Hết thấy là nghiệp tùy chuyển không phải là nghiệp.

Hết thấy không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có thể thấy.

*

* *Bảy giác chi này*: Hết thấy không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có đối.

Hết thấy là rất thâm diệu khó hiểu rõ, khó hiểu rõ vì rất thâm diệu.

Hết thấy là thiện cũng là nhân thiện.

Hết thấy không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện.

Hết thấy không phải là vô ký cũng không phải là nhân vô ký.

Hết thấy là duyên của nhân duyên cũng có nhân.

Hỏi: Bảy giác chi này: Bao nhiêu thứ là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên v.v...?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Niệm giác chi hoặc là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên, có ba trường hợp: 1. Là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là niệm giác chi tất khởi ở hiện tiền, vị lai. 2. Là thứ đệ cũng là duyên của thứ đệ duyên: Là

niệm giác chi ở quá khứ, hiện tại. 3. Không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là trừ niệm giác chi tất khởi ở hiện tiền, vị lai, còn lại là niệm giác chi ở vị lai.

Như niệm giác chi, các giác chi còn lại cũng như vậy.

Hết thấy là duyên của duyên duyên cũng có duyên.

Hết thấy là duyên của tăng thượng duyên cũng có tăng thượng.

Hết thấy không phải là lưu cũng không phải là tùy lưu.

HẾT - QUYỂN 10

LUẬN CHỨNG SỰ PHẦN A TỶ ĐÀM

QUYỂN 11

Phẩm 7: THIÊN VẤN LUẬN, phần 4

6. Căn: Là hai mươi hai căn.

Hỏi: Những gì là hai mươi hai?

Đáp: Là nhãn căn cho đến vô tri căn.

*

Hỏi: Hai mươi hai căn này: Bao nhiêu thứ là sắc, bao nhiêu thứ là không phải sắc v.v...?

Đáp: Bảy thứ là sắc, mười lăm thứ là không phải sắc.

Hết thấy là không thể thấy.

Bảy thứ là có đối, mười lăm thứ là không đối.

Mười thứ là hữu lậu, ba thứ là vô lậu, chín thứ cần phân biệt: Ý căn hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là ý hữu lậu tư duy tương ưng với ý căn. Thế nào là vô lậu? Là ý vô lậu tư duy tương ưng với ý căn.

Như ý căn, các căn: lạc, hỷ, xả, tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ cũng như vậy.

Hết thấy là hữu vi.

Một thứ là có báo, mười một thứ là không báo, mười thứ cần phân biệt: Ý căn hoặc là có báo, hoặc là không báo. Thế nào là có báo? Là ý căn hữu lậu thiện, bất thiện. Thế nào là không báo? Là ý căn vô lậu, vô ký.

Như ý căn, các căn: lạc, hỷ, xả cũng như vậy.

Khô căn hoặc là có báo, hoặc là không báo. Thế nào là có báo? Là khô căn thiện, bất thiện. Thế nào là không báo? Là khô căn vô ký.

Tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn nếu hữu lậu là có báo, nếu vô lậu là không báo.

Hết thủy là từ nhân duyên sinh thuộc về thế gian.

Bảy thứ là thuộc về sắc, mười lăm thứ là thuộc về danh.

Tám thứ là thuộc về nội nhập, mười một thứ là thuộc về ngoại nhập, ba thứ cần phân biệt: Vị tri đương tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn gồm thâm tâm ý thức là thuộc về nội nhập, còn lại là thuộc về ngoại nhập.

Hết thủy là trí nhận biết.

*

* *Hai mươi hai căn này*: Mười thứ là đoạn tri nhận biết và đoạn, ba thứ là không phải đoạn tri nhận biết và không đoạn, chín thứ cần phân biệt: Chín thứ nếu hữu lậu là đoạn tri nhận biết và đoạn, nếu vô lậu là không phải đoạn tri nhận biết và không đoạn.

Tám thứ là nên tu, tám thứ là không nên tu, sáu thứ cần phân biệt: Ý căn hoặc nên tu, hoặc không nên tu. Thế nào là nên tu? Là ý căn thiện. Thế nào là không nên tu? Là ý căn bất thiện, vô ký.

Như ý căn, các căn: lạc, khổ, hỷ, xả cũng như vậy.

Ưu căn hoặc nên tu, hoặc không nên tu. Thế nào là nên tu? Là ưu căn thiện. Thế nào là không nên tu? Là ưu căn bất thiện.

Mười sáu thứ là không cấu uế, sáu thứ cần phân biệt: Ý căn hoặc là cấu uế, hoặc là không cấu uế. Thế nào là cấu uế? Là ẩn mắt. Thế nào là không cấu uế? Là không ẩn mắt.

Như ý căn, các căn: lạc, khổ, hỷ, ưu, xả cũng như vậy.

Hết thấy là quả cùng có quả.

Mười lăm thứ là không thọ, bảy thứ cần phân biệt: Nhãn căn hoặc là thọ, hoặc là không thọ. Thế nào là thọ? Là tự tánh thọ nhận. Thế nào là không thọ? Là không phải tự tánh thọ nhận.

Như nhãn căn, các căn: nhĩ, tỷ, thiệt, thân, nam, nữ cũng như vậy.

Bảy thứ là do bốn đại tạo, mười lăm thứ là không phải do bốn đại tạo.

Hết thấy là hữu thượng.

Mười thứ là hữu, ba thứ là không phải hữu, chín thứ cần phân biệt: Chín thứ nếu hữu lậu là hữu, nếu vô lậu là không phải hữu.

Tám thứ là nhân không tương ưng, mười bốn thứ là nhân tương ưng.

*

* *Hai mươi hai căn này*: Hoặc xứ thiện gồm sáu không phải là căn, có bốn trường hợp: 1. Là xứ thiện gồm sáu không phải là căn: Là sắc ấm, tưởng ấm thiện. Căn không gồm sáu hành ấm thiện và số diệt. 2. Là căn gồm sáu không phải là xứ thiện: Là tám căn và phần ít của sáu căn. 3. Là xứ thiện gồm sáu cũng là căn: Là tám căn và phần ít của sáu căn. 4. Không phải là xứ thiện gồm sáu cũng không phải là căn: Là sắc ấm, tưởng ấm bất thiện. Căn không gồm sáu hành ấm bất thiện. Căn không gồm sáu sắc ấm, tưởng ấm vô ký. Căn không gồm sáu hành ấm vô ký và hư không, phi số diệt.

Hoặc xứ bất thiện gồm thân không phải là căn, có bốn trường hợp: 1. Là xứ bất thiện gồm thân không phải là căn: Là sắc ấm, tưởng ấm bất thiện. Căn không gồm thân hành ấm bất thiện. 2. Là căn gồm thân không phải là xứ bất thiện: Là mười sáu căn và phần ít của sáu căn. 3. Là xứ bất thiện gồm thân cũng là căn: Là phần ít của sáu căn. 4. Không phải là xứ bất thiện gồm thân cũng không phải là căn: Là sắc ấm, tưởng ấm thiện. Căn không gồm thân hành ấm thiện và số diệt. Căn không gồm thân sắc ấm, tưởng ấm vô ký. Căn không gồm thân hành ấm vô ký và hư không, phi số diệt.

Hoặc xứ vô ký gồm thân không phải là căn, có bốn trường hợp: 1. Là xứ vô ký gồm thân không phải là căn: Là căn không gồm thân sắc ấm, tưởng ấm vô ký. Căn không gồm thân hành ấm vô ký và hư không, phi số diệt. 2. Là căn gồm thân không phải là xứ vô ký: Là chín căn và phần ít của năm căn. 3. Là xứ vô ký gồm thân cũng là căn: Là tám căn và phần ít của năm căn. 4. Không phải là xứ vô ký gồm thân cũng không phải là căn: Là sắc ấm, tưởng ấm thiện. Căn không gồm thân hành ấm thiện cùng số diệt và sắc ấm, tưởng ấm bất thiện. Căn không gồm thân hành ấm bất thiện.

Không gồm thân xứ lậu.

Hoặc xứ hữu lậu gồm thân không phải là căn, có bốn trường hợp: 1. Là xứ hữu lậu gồm thân không phải là căn: Là căn không gồm thân sắc ấm, tưởng ấm hữu lậu. Căn không gồm thân hành ấm hữu lậu. 2. Là căn gồm thân không phải là xứ hữu lậu: Là ba căn và phần ít của chín căn. 3. Là xứ hữu lậu gồm thân cũng là căn: Là ba căn và phần ít của chín căn. 4. Không phải là xứ hữu lậu gồm thân cũng không phải là căn: Là sắc ấm, tưởng ấm vô lậu. Căn không gồm thân hành ấm vô lậu và vô vi.

Hoặc xứ vô lậu gồm thân không phải là căn, có bốn trường hợp: 1. Là xứ vô lậu gồm thân không phải là căn: Là sắc ấm, tưởng ấm

vô lậu. Căn không gồm thân hành ám vô lậu và vô vi. 2. Là căn gồm thân không phải là xứ vô lậu: Là mười căn và phần ít của chín căn. 3. Là xứ vô lậu gồm thân cũng là căn: Là ba căn và phần ít của chín căn. 4. Không phải là xứ vô lậu gồm thân cũng không phải là căn: Là căn không gồm thân sắc ám, tướng ám hữu lậu. Căn không gồm thân hành ám hữu lậu.

Hết thấy hoặc là quá khứ, vị lai, hiện tại.

Tám thứ là thiện, tám thứ là vô ký, sáu thứ cần phân biệt: Ý căn hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Là ý thiện tư duy tương ưng với ý căn. Thế nào là bất thiện? Là ý bất thiện tư duy tương ưng với ý căn. Thế nào là vô ký? Là ý vô ký tư duy tương ưng với ý căn.

Như ý căn, các căn: lạc, khổ, hỷ, xả cũng như vậy.

Ưu căn hoặc là thiện, hoặc là bất thiện. Thế nào là thiện? Là ý thiện tư duy tương ưng với ưu căn. Thế nào là bất thiện? Là ý bất thiện tư duy tương ưng với ưu căn.

Bốn thứ thuộc cõi Dục, ba thứ không hệ thuộc, mười lăm thứ cần phân biệt: Nhãn căn hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là nhãn căn thuộc cõi Dục do bốn đại tạo nên. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là nhãn căn thuộc cõi Sắc do bốn đại tạo nên.

Như nhãn căn, các căn nhĩ, tỷ, thiệt, thân cũng như vậy.

Mạng căn hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là thọ mạng thuộc cõi Dục. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là thọ mạng thuộc cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Vô sắc? Là thọ mạng thuộc cõi Vô sắc.

Ý căn hoặc thuộc cõi Dục, thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là ý thuộc cõi

Dục tư duy tương ứng với ý căn. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là ý thuộc cõi Sắc tư duy tương ứng với ý căn. Thế nào là thuộc cõi Vô sắc? Là ý thuộc cõi Vô sắc tư duy tương ứng với ý căn. Thế nào là không hệ thuộc? Là ý vô lậu tư duy tương ứng với ý căn.

Như ý căn, các căn: xả, tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ cũng như vậy.

Lạc căn hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc không hệ thuộc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là ý thuộc cõi Dục tư duy tương ứng với lạc căn. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là ý thuộc cõi Sắc tư duy tương ứng với lạc căn. Thế nào là không hệ thuộc? Là ý vô lậu tư duy tương ứng với lạc căn.

Như lạc căn, hỷ căn cũng như vậy.

Hai thứ là học, một thứ là vô học, mười thứ là phi học phi vô học, chín thứ cần phân biệt: Ý căn hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học? Là ý học tư duy tương ứng với ý căn. Thế nào là vô học? Là ý vô học tư duy tương ứng với ý căn. Thế nào là phi học phi vô học? Là ý hữu lậu tư duy tương ứng với ý căn.

Như ý căn, các căn: lạc, hỷ, xả, tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ cũng như vậy.

*

* *Hai mươi hai căn này*: Chín thứ là do tu đoạn, ba thứ là không đoạn, mười thứ cần phân biệt: Ý căn hoặc do kiến đoạn, hoặc do tu đoạn, hoặc không đoạn. Thế nào là do kiến đoạn? Là như ý căn nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành tạo nhân vô gián cùng đoạn, đã nói rộng như trong phẩm Phân Biệt Các Nhập. Thế nào là do tu đoạn? Là như trước đã nói rộng. Thế nào là không đoạn? Là ý căn vô lậu.

Như ý căn, xả căn cũng như vậy.

Lạc căn hoặc do kiến đoạn, hoặc do tu đoạn, hoặc không đoạn. Thế nào là do kiến đoạn? Là như lạc căn nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành tạo nhân vô gián cùng đoạn. Đoạn trừ những gì? Là kiến đạo đoạn trừ hai mươi tám sử tương ưng với lạc căn. Thế nào là do tu đoạn? Là như lạc căn nơi bậc học kiến tích tu đoạn. Đoạn trừ những gì? Là tu đạo đoạn trừ năm sử tương ưng với lạc căn và lạc căn hữu lậu không cấu uế. Thế nào là không đoạn? Là lạc căn vô lậu

Hỷ căn hoặc do kiến đoạn, hoặc do tu đoạn, hoặc không đoạn. Thế nào là do kiến đoạn? Là như hỷ căn nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành tạo nhân vô gián cùng đoạn. Đoạn trừ như thế nào? Là kiến đạo đoạn trừ năm mươi hai sử tương ưng với hỷ căn. Thế nào là do tu đoạn? Là như hỷ căn nơi bậc học kiến tích tu đoạn. Đoạn trừ những gì? Là tu đạo đoạn trừ sáu sử tương ưng với hỷ căn và hỷ căn hữu lậu không cấu uế. Thế nào là không đoạn? Là hỷ căn vô lậu.

Ưu căn hoặc do kiến đoạn, hoặc do tu đoạn. Thế nào là do kiến đoạn? Là như ưu căn nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành tạo nhân vô gián cùng đoạn. Đoạn trừ những gì? Là kiến đạo đoạn trừ mười sáu sử tương ưng với ưu căn. Thế nào là do tu đoạn? Là ưu căn nơi bậc học kiến tích tu đoạn. Đoạn trừ những gì? Là tu đạo đoạn trừ hai sử tương ưng với ưu căn và ưu căn không cấu uế.

Tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn nếu là hữu lậu là do tu đoạn, nếu là vô lậu là không đoạn.

Tám thứ là không phải tâm, không phải tâm pháp, không phải tâm tương ưng. Mười thứ là tâm pháp, tâm tương ưng. Một thứ tức là tâm. Ba thứ cần phân biệt: Vị tri đương tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn gồm thâu chín căn, tức tám căn là tâm pháp và tâm tương ưng, một căn tức là tâm.

Tám thứ không phải là tâm tùy chuyển cũng không tương ưng với thọ, một thứ tương ưng với thọ không phải là tâm tùy chuyển,

năm thứ là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ, năm thứ là tâm tùy chuyển cũng tương ưng với thọ, ba thứ cần phân biệt: Vị tri đương tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn gồm thâu ba căn là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ, một thứ tương ưng với thọ không phải là tâm tùy chuyển, năm thứ là tâm tùy chuyển cũng tương ưng với thọ.

Tám thứ không phải là tâm tùy chuyển không tương ưng với tưởng, hành. Một thứ là tương ưng với tưởng, hành không phải là tâm tùy chuyển. Mười thứ là tâm tùy chuyển cũng tương ưng với tưởng, hành, trừ tự tánh của nó. Ba thứ cần phân biệt: Vị tri đương tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn gồm thâu chín căn, tám căn là tâm tùy chuyển cũng tương ưng với tưởng, hành, trừ tự tánh của nó, một căn là tương ưng với tưởng, hành không phải là tâm tùy chuyển.

Hai thứ là có giác có quán, tám thứ là không giác không quán, mười hai thứ cần phân biệt: Ý căn hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán. Thế nào là có giác có quán? Là ý có giác có quán tư duy tương ưng với ý căn. Thế nào là không giác có quán? Là ý không giác có quán tư duy tương ưng với ý căn. Thế nào là không giác không quán? Là ý không giác không quán tư duy tương ưng với ý căn.

Như ý căn, các căn: xả, tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ, vị tri đương tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn cũng như vậy.

Lạc căn hoặc có giác có quán, hoặc không giác không quán. Thế nào là có giác có quán? Là ý có giác có quán tư duy tương ưng với lạc căn. Thế nào là không giác không quán? Là ý không giác không quán tư duy tương ưng với lạc căn.

Như lạc căn, hỷ căn cũng như vậy.

Một thứ là kiến cũng là xứ kiến, chín thứ là xứ kiến không phải là kiến, mười hai thứ cần phân biệt: Ý căn nếu là hữu lậu là xứ kiến

không phải là kiến, nếu là vô lậu không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến.

Như ý căn, các căn: lạc, hỷ, xả, tín, tinh tấn, niệm, định cũng như vậy.

Tuệ căn hoặc là kiến không phải là xứ kiến, có bốn trường hợp: 1. Là kiến không phải là xứ kiến: Là tận trí, vô sinh trí không gồm thân tuệ căn vô lậu. 2. Là xứ kiến không phải là kiến: Là kiến không gồm thân tuệ căn hữu lậu. 3. Là kiến cũng là xứ kiến: Là chánh kiến thể tục. 4. Không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến: Là kiến không gồm thân tuệ căn vô lậu.

Vị tri đương tri căn, dĩ tri căn gồm thân kiến không phải là xứ kiến, còn lại không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến. Vô tri căn gồm thân tận trí, vô sinh trí, không gồm thân tuệ căn vô lậu, là kiến không phải là xứ kiến, ngoài ra là không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến.

Mười sáu thứ không phải là nhân của thân kiến, thân kiến cũng không phải là nhân của chúng. Sáu thứ cần phân biệt: Ý căn, lạc căn, hỷ căn, xả căn, nói rộng như ở thọ niệm xứ.

Khổ căn nếu cấu uế thì nó là nhân của thân kiến, thân kiến không phải là nhân của nó. Nếu không cấu uế thì nó không phải là nhân của thân kiến, thân kiến cũng không phải là nhân của nó.

Ưu căn hoặc là nhân của thân kiến, thân kiến không phải là nhân của nó, có ba trường hợp: 1. Là nhân của thân kiến, thân kiến không phải là nhân của nó: Là trừ sử do kiến khổ đoạn tương ưng với ưu căn quá khứ, hiện tại. Trừ sử do kiến tập đoạn hiện bày khắp hết thấy tương ưng với ưu căn quá khứ hiện tại, còn lại là ưu căn cấu uế. 2. Là nhân của thân kiến, thân kiến cũng là nhân của nó: Là những điều đã trừ như trên đã nêu. 3. Không phải là nhân của thân kiến, thân kiến cũng không phải là nhân của nó: Là ưu căn không cấu uế.

Chín thứ không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp báo, một thứ là nghiệp báo không phải là nghiệp, mười hai thứ cần phân biệt: Nhân căn hoặc là nghiệp báo không phải là nghiệp, hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp báo. Thế nào là nghiệp báo không phải là nghiệp? Là báo sinh nơi nhân căn, ngoài ra không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp báo.

Như nhân căn, các căn: nhĩ, tỷ, thiệt, thân, nam, nữ, ý, lạc, hỷ, xả, khổ cũng như vậy.

Tám thứ không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp tùy chuyển, mười bốn thứ là nghiệp tùy chuyển không phải là nghiệp.

Bảy thứ là sắc tạo sắc không phải là sắc có thể thấy, mười lăm thứ không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có thể thấy.

*

* *Hai mươi hai căn này*: Bảy thứ là sắc tạo sắc cũng là sắc có đối, mười lăm thứ không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có đối.

Hết thấy là rất thâm diệu khó hiểu rõ, khó hiểu rõ vì rất thâm diệu.

Tám thứ là thiện cũng là nhân thiện, mười bốn thứ cần phân biệt: Nhân căn hoặc là nhân thiện không phải là thiện, hoặc không phải là nhân thiện cũng không phải là thiện. Là nhân thiện không phải là thiện: Là báo thiện sinh nơi nhân căn, ngoài ra không phải là nhân thiện cũng không phải là thiện.

Như nhân căn, các căn: nhĩ, tỷ, thiệt, thân, nam, nữ, mạng cũng như vậy.

Ý căn hoặc là nhân thiện không phải là thiện, có ba trường hợp:
1. Là nhân thiện không phải là thiện: Là báo thiện sinh nơi ý căn. 2. Là thiện cũng là nhân thiện: Là ý căn thiện. 3. Không phải là thiện

cũng không phải là nhân thiện: Là trừ báo thiện sinh nơi ý căn và thiện ý căn, còn lại là ý căn bất thiện, vô ký.

Như ý căn, các căn: lạc, hỷ, xả cũng như vậy.

Khổ căn hoặc là thiện cũng là nhân thiện, hoặc không phải là thiện cũng không phải là nhân thiện. Là thiện cũng là nhân thiện: Là khổ căn thiện. Không phải là thiện cũng không phải là nhân thiện: Là khổ căn bất thiện, vô ký.

Ưu căn hoặc là thiện cũng là nhân thiện, hoặc không phải là thiện cũng không phải là nhân thiện. Là thiện cũng là nhân thiện: Là ưu căn thiện. Không phải là thiện cũng không phải là nhân thiện: Là ưu căn bất thiện.

Tám thứ không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện, mười bốn thứ cần phân biệt: Nhãn căn hoặc là nhân bất thiện không phải là bất thiện, hoặc không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện. Là nhân bất thiện không phải là bất thiện: Là báo bất thiện sinh nơi nhãn căn, còn lại không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện.

Như nhãn căn, các căn: nhĩ, tỷ, thiệt, thân, nam, nữ, mạng cũng như vậy.

Ý căn hoặc là nhân bất thiện không phải là bất thiện, có ba trường hợp: 1. Là nhân bất thiện không phải là bất thiện: Là báo bất thiện sinh nơi ý căn cùng thân kiến, biên kiến tương ưng với ý căn nơi cõi Dục. 2. Là bất thiện cũng là nhân bất thiện: Là ý căn bất thiện. 3. Không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện: Là trừ báo bất thiện sinh nơi ý căn. Trừ thân kiến, biên kiến tương ưng với ý căn nơi cõi Dục và ý căn bất thiện, còn lại là ý căn thiện và vô ký.

Lạc căn hoặc là bất thiện không phải là nhân bất thiện, hoặc không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện. Là bất thiện không phải là nhân bất thiện: Là lạc căn bất thiện. Không

phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện: Là lạc căn thiện, vô ký.

Khổ căn hoặc là nhân bất thiện không phải là bất thiện, có ba trường hợp: 1. Là nhân bất thiện không phải là bất thiện: Là báo bất thiện sinh nơi khổ căn. 2. Là bất thiện cũng là nhân bất thiện: Là khổ căn bất thiện. 3. Không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện: Là trừ báo bất thiện sinh nơi khổ căn cùng khổ căn bất thiện, còn lại là khổ căn thiện và vô ký.

Hỷ căn hoặc là nhân bất thiện không phải là bất thiện, có ba trường hợp: 1. Là nhân bất thiện không phải là bất thiện: Là thân kiến, biên kiến nơi cõi Dục tương ưng với hỷ căn. 2. Là bất thiện cũng là nhân bất thiện: Là hỷ căn bất thiện. 3. Không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện: Là trừ thân kiến, biên kiến nơi cõi Dục tương ưng với hỷ căn, trừ hỷ căn bất thiện, còn lại là hỷ căn thiện và vô ký.

Như hỷ căn, xả căn cũng như vậy.

Ưu căn hoặc là bất thiện cũng là nhân bất thiện, hoặc không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện. Là bất thiện cũng là nhân bất thiện: Là ưu căn bất thiện. Không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện: Là ưu căn thiện.

Tám thứ không phải là vô ký cũng không phải là nhân vô ký, tám thứ là vô ký cũng là nhân vô ký, sáu thứ cần phân biệt: Ý căn hoặc là nhân vô ký không phải là vô ký, có ba trường hợp: 1. Là nhân vô ký không phải là vô ký: Là ý căn bất thiện. 2. Là vô ký cũng là nhân vô ký: Là ý căn vô ký. 3. Không phải là vô ký cũng không phải là nhân vô ký: Là ý căn thiện.

Như ý căn, các căn: lạc, khổ, hỷ, xả cũng như vậy.

Ưu căn hoặc là nhân vô ký không phải là vô ký, hoặc không phải là vô ký cũng không phải là nhân vô ký. Là nhân vô ký không

phải là vô ký: Là ưu căn bất thiện. Không phải là vô ký cũng không phải là nhân vô ký: Là ưu căn thiện.

Hết thủy là duyên của nhân duyên cùng có nhân.

Tám thứ không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của thứ đệ duyên, mười bốn thứ cần phân biệt: Ý căn hoặc là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên, như đã nói rộng nơi thọ niệm xứ.

Như ý căn, xả căn cũng như vậy.

Lạc căn hoặc là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên, có ba trường hợp: 1. Là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là lạc căn tất khởi ở hiện tiền, vị lai. 2. Là thứ đệ cũng là duyên của thứ đệ duyên: Là lạc căn quá khứ, hiện tại. 3. Không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là trừ lạc căn tất khởi ở hiện tiền, vị lai, còn lại là lạc căn vị lai.

Như lạc căn, các căn: khổ, hỷ, ưu, tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ, vị tri đương tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn cũng như vậy.

Tám thứ là duyên của duyên duyên không có duyên, mười bốn thứ là duyên của duyên duyên cùng có duyên.

Hết thủy là duyên của tăng thượng duyên cùng có tăng thượng.

Mười thứ là tùy lưu không phải là lưu, ba thứ không phải là lưu cũng không phải là tùy lưu, chín thứ cần phân biệt: Chín thứ nếu hữu lậu là tùy lưu không phải là lưu, nếu vô lậu không phải là lưu cũng không phải là tùy lưu.

**

7. Nhập: Là mười hai nhập.

Hỏi: Những gì là mười hai nhập?

Đáp: Như trước đã nói rộng.

*

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ là sắc, bao nhiêu thứ là không phải sắc v.v...?

Đáp: Mười thứ là sắc, một thứ là không phải sắc, một thứ cần phân biệt: Trong pháp nhập hoặc là sắc, hoặc là không phải sắc. Nghiệp thân, khẩu trong pháp nhập là sắc, còn lại là không phải sắc.

Một thứ là có thể thấy, mười một thứ là không thể thấy.

Mười thứ là có đối, hai thứ là không đối.

Mười thứ là hữu lậu, hai thứ cần phân biệt: Ý nhập hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là ý hữu lậu tư duy tương ưng với ý nhập. Thế nào là vô lậu? Là ý nhập vô lậu tư duy tương ưng với ý nhập.

Pháp nhập hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là nghiệp thân, khẩu hữu lậu, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm hữu lậu. Thế nào là vô lậu? Là nghiệp thân, khẩu vô lậu, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm vô lậu và vô vi.

Mười một thứ là hữu vi, một thứ cần phân biệt: Pháp nhập hoặc là hữu vi, hoặc là vô vi. Thế nào là hữu vi? Là nghiệp thân, khẩu cùng thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm trong pháp nhập. Thế nào là vô vi? Là hư không, số diệt và phi số diệt.

Tám thứ là không báo, bốn thứ cần phân biệt: Sắc nhập hoặc là có báo, hoặc là không báo. Thế nào là có báo? Là sắc nhập thiện, bất thiện. Thế nào là không báo? Là trừ sắc nhập thiện, bất thiện, là sắc nhập còn lại.

Như sắc nhập, thanh nhập cũng như vậy.

Ý nhập hoặc là có báo, hoặc là không báo. Thế nào là có báo? Là ý nhập hữu lậu thiện, bất thiện. Thế nào là không báo? Là ý nhập vô lậu và vô ký.

Như ý nhập, pháp nhập cũng như vậy.

Mười một thứ là từ nhân duyên sinh thuộc về thế gian, một thứ cần phân biệt: Pháp nhập nếu là hữu vi là từ nhân duyên sinh thuộc về thế gian, nếu là vô vi không từ nhân duyên sinh không thuộc về thế gian.

Mười thứ là thuộc về sắc, một thứ là thuộc về danh, một thứ cần phân biệt: Nghiệp thân, khẩu trong pháp nhập là thuộc về sắc, còn lại là thuộc về danh.

Sáu thứ là thuộc về nội nhập, sáu thứ là thuộc về ngoại nhập.

Hết thấy là trí nhận biết.

*

* *Mười hai nhập này*: Mười thứ là đoạn tri nhận biết và đoạn, hai thứ cần phân biệt: Hai thứ nếu hữu lậu là đoạn tri nhận biết và đoạn, nếu vô lậu là không phải đoạn tri nhận biết và không đoạn.

Tám thứ là không nên tu, bốn thứ cần phân biệt: Sắc nhập hoặc nên tu, hoặc không nên tu. Thế nào là nên tu? Là sắc nhập thiện. Thế nào là không nên tu? Là sắc nhập bất thiện và vô ký.

Như sắc nhập, thanh nhập, ý nhập cũng như vậy.

Pháp nhập như đã nói rộng ở phẩm Phân biệt các nhập.

Tám thứ là không cấu uế, bốn thứ cần phân biệt: Nói rộng như ở trên.

Mười một thứ là quả cùng có quả, một thứ cần phân biệt: Trong pháp nhập hoặc là quả không phải là có quả, có ba trường hợp: 1. Là quả không phải là có quả: Là số diệt. 2. Là quả cũng là có quả: Là pháp nhập hữu vi. 3. Không phải là quả cũng không phải là có quả: Là hư không và phi số diệt.

Ba thứ là không thọ, chín thứ cần phân biệt: Nhãn nhập hoặc là thọ, hoặc là không thọ. Thế nào là thọ? Là tự tánh thọ nhận. Thế nào là không thọ? Là không phải tự tánh thọ nhận.

Như nhãn nhập, các thứ nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, sắc nhập, hương nhập, vị nhập, xúc nhập cũng như vậy.

Mười hai nhập hoặc do bốn đại tạo, hoặc không phải do bốn đại tạo. Do bốn đại tạo là chín nhập và phần ít của hai nhập. Không phải do bốn đại tạo là một nhập và phần ít của hai nhập.

Mười một thứ là hữu thượng, một thứ cần phân biệt: Pháp nhập hoặc là hữu thượng, hoặc là vô thượng. Thế nào là hữu thượng? Là nghiệp thân, khẩu trong pháp nhập cùng thọ âm, tưởng âm, hành âm, hư không, phi số diệt. Thế nào là vô thượng? Là số diệt.

Mười thứ là hữu, hai thứ cần phân biệt: Hai thứ nếu là hữu lậu là hữu, nếu là vô lậu là không phải hữu.

Mười thứ là nhân không tương ưng, một thứ là nhân tương ưng, một thứ cần phân biệt: Pháp nhập nếu là tâm pháp là nhân tương ưng, nếu không phải là tâm pháp là nhân không tương ưng.

*

* *Mười hai nhập này*: Xứ thiện gồm sáu phần ít của bốn nhập, phần ít của bốn nhập cũng gồm sáu xứ thiện.

Xứ bất thiện gồm sáu phần ít của bốn nhập, phần ít của bốn nhập cũng gồm sáu xứ bất thiện.

Xứ vô ký gồm sáu tám nhập và phần ít của bốn nhập, tám nhập và phần ít của bốn nhập cũng gồm sáu xứ vô ký.

Xứ lậu gồm sáu phần ít của một nhập, phần ít của một nhập cũng gồm sáu xứ lậu.

Xứ hữu lậu gồm sáu mười nhập và phần ít của hai nhập, mười nhập và phần ít của hai nhập cũng gồm sáu xứ hữu lậu.

Xứ vô lậu gồm sáu phần ít của hai nhập, phần ít của hai nhập cũng gồm sáu xứ vô lậu.

Mười một thứ hoặc là quá khứ, vị lai, hiện tại. Một thứ cần phân biệt: Pháp nhập nếu là hữu vi, hoặc là quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu là vô vi là không phải quá khứ, vị lai, hiện tại.

Tám thứ là vô ký, bốn thứ cần phân biệt: Như đã nói rộng nơi phẩm Phân biệt các nhập.

Hai thứ là thuộc cõi Dục, mười thứ cần phân biệt: Như đã nói rộng nơi phẩm Phân biệt các nhập

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ là học, bao nhiêu thứ là vô học, bao nhiêu thứ là phi học phi vô học v.v...?

Đáp: Như đã nói rộng nơi phẩm Phân biệt các nhập.

*

* *Mười hai nhập này:* (Thiếu phần do kiến đoạn, do tu đoạn, không đoạn).

Mười thứ là không phải tâm, không phải tâm pháp, không phải tâm tương ưng. Một thứ tức là tâm. Một thứ cần phân biệt: Pháp nhập nếu là có duyên là tâm pháp, tâm tương ưng. Nếu là không duyên là không phải tâm pháp, không phải tâm tương ưng.

Mười thứ không phải là tâm tùy chuyển cũng không tương ưng với thọ, một thứ tương ưng với thọ không phải là tâm tùy chuyển, một thứ cần phân biệt: Pháp nhập hoặc là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ, có ba trường hợp: 1. Là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ: Là tâm tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành và thọ. 2. Là tâm tùy chuyển cũng tương ưng với thọ: Là tướng ấm tương ưng với hành ấm. 3. Không phải là tâm tùy chuyển cũng không tương ưng với thọ: Là trừ tâm tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, là nghiệp thân, khẩu còn lại, trừ tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, là tâm bất tương ưng hành còn lại và vô vi.

Như thọ, tưởng, hành cũng như vậy, trừ tự tánh của nó.

Mười thứ không phải là giác tùy chuyển cũng không tương ưng với quán, hai thứ cần phân biệt: Ý nhập hoặc là có giác có quán, hoặc là không giác có quán, hoặc là không giác không quán. Thế nào là có giác có quán? Là ý có giác có quán tư duy tương ưng với ý nhập. Thế nào là không giác có quán? Là ý không giác có quán tư duy tương ưng với ý nhập. Thế nào là không giác không quán? Là ý không giác không quán tư duy tương ưng với ý nhập.

Pháp nhập hoặc là giác tùy chuyển không tương ưng với quán, có bốn trường hợp: 1. Là giác tùy chuyển không tương ưng với quán: Là giác tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành và giác tương ưng với quán. 2. Là quán tương ưng không phải là giác tùy chuyển: Là giác. Như giác không tương ưng với quán, là tương ưng với tâm, tâm pháp. 3. Là giác tùy chuyển cũng tương ưng với quán: Là giác, quán tương ưng với tâm, tâm pháp. 4. Không phải là giác tùy chuyển cũng không tương ưng với quán: Là trừ giác tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, là nghiệp thân, khẩu còn lại, trừ giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, là tâm bất tương ưng hành còn lại, và giác không tương ưng với quán, cùng không phải giác quán tương ưng với tâm tâm pháp nơi pháp nhập và vô vi.

Một thứ là kiến cũng là xứ kiến, chín thứ là xứ kiến không phải là kiến, hai thứ cần phân biệt: Ý nhập nếu là hữu lậu là xứ kiến không phải là kiến, nếu là vô lậu không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến.

Pháp nhập hoặc là kiến không phải là xứ kiến, có bốn trường hợp: 1. Là kiến không phải là xứ kiến: Là pháp nhập gồm thân tận trí, vô sinh trí, không gồm thân tuệ vô lậu. 2. Là xứ kiến không phải là kiến: Là kiến không gồm thân pháp nhập hữu lậu. 3. Là kiến cũng là xứ kiến: Là năm kiến cùng chánh kiến thế tục. 4. Không phải là

kiến cũng không phải là xứ kiến: Là kiến không gồm thân pháp nhập vô lậu.

Tám thứ không phải là nhân của thân kiến, thân kiến cũng không phải là nhân của chúng, bốn thứ cần phân biệt: Sắc nhập nếu cấu uế là nhân của thân kiến, thân kiến không phải là nhân của nó, nếu không cấu uế, không phải là nhân của thân kiến, thân kiến cũng không phải là nhân của nó.

Như sắc nhập, thanh nhập cũng như vậy.

Ý nhập như đã nói rộng nơi phần thọ niệm xứ. Pháp nhập như đã nói rộng nơi phần pháp niệm xứ.

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là nghiệp báo v.v...?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Nhãn nhập hoặc là nghiệp báo không phải là nghiệp, hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp báo. Là nghiệp báo không phải là nghiệp: Là báo sinh nơi nhãn nhập, ngoài ra không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp báo.

Như nhãn nhập, các nhập tử, nhĩ, hương, thiệt, vị, thân, xúc, ý cũng như vậy.

Sắc nhập hoặc là nghiệp không phải là nghiệp báo, có ba trường hợp: 1. Là nghiệp không phải là nghiệp báo: Là thân tạo sắc. 2. Là nghiệp báo không phải là nghiệp: Là báo sinh nơi sắc nhập. 3. Không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp báo: Là trừ nghiệp sắc và nghiệp báo sinh nơi sắc nhập, là sắc nhập còn lại.

Thanh nhập hoặc là nghiệp không phải là nghiệp báo, hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp báo. Là nghiệp không phải là nghiệp báo: Là khẩu tạo tác, ngoài ra không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp báo.

Pháp nhập hoặc là nghiệp không phải là nghiệp báo, có bốn trường hợp: 1. Là nghiệp không phải là nghiệp báo: Là nghiệp thân, khẩu và báo không gồm thân nghiệp tư. 2. Là nghiệp báo không phải là nghiệp: Là tư không gồm thân báo sinh nơi pháp nhập. 3. Là nghiệp cũng là nghiệp báo: Là báo sinh nơi tư nghiệp. 4. Không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp báo: Là trừ nghiệp và nghiệp báo sinh nơi pháp nhập, là pháp nhập còn lại.

Tám thứ không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp tùy chuyển, một thứ là nghiệp tùy chuyển không phải là nghiệp, ba thứ cần phân biệt: Sắc nhập hoặc là nghiệp không phải là nghiệp tùy chuyển, hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp tùy chuyển. Là nghiệp không phải là nghiệp tùy chuyển: Là thân tạo tác sắc, còn lại không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp tùy chuyển.

Như sắc nhập, thanh nhập cũng như vậy.

Pháp nhập hoặc là nghiệp không phải là nghiệp tùy chuyển, có bốn trường hợp: 1. Là nghiệp không phải là nghiệp tùy chuyển: là trừ nghiệp tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, là nghiệp thân, khẩu còn lại và nghiệp tư. 2. Là nghiệp tùy chuyển không phải là nghiệp: Là thọ ấm, tưởng ấm. Hoặc tư không gồm thân hành ấm của nghiệp tùy chuyển. 3. Là nghiệp cũng là nghiệp tùy chuyển: Là nghiệp tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu. 4. Không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp tùy chuyển: Là trừ nghiệp và nghiệp tùy chuyển nơi pháp nhập, là pháp nhập còn lại.

Mười hai nhập hoặc là sắc tạo sắc không phải là sắc có thể thấy, có ba trường hợp: 1. Là sắc tạo sắc không phải là sắc có thể thấy: Là tám nhập và phần ít của hai nhập. 2. Là sắc tạo sắc cũng là sắc có thể thấy: Là một nhập. 3. Không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có thể thấy: Là một nhập và phần ít của hai nhập.

* *Mười hai nhập này*: Mười hai nhập hoặc là sắc tạo sắc không phải là sắc có đối, có bốn trường hợp: 1. Là sắc tạo sắc không phải là sắc có đối: Là phần ít của một nhập. 2. Là sắc có đối không phải là sắc tạo sắc: Là phần ít của một nhập. 3. Là sắc tạo sắc cũng là sắc có đối: Là chín nhập và phần ít của một nhập. 4. Không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có đối: Là một nhập và phần ít của một nhập.

Hết thấy là rất thâm diệu khó hiểu rõ, khó hiểu rõ vì rất thâm diệu.

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ là thiện cũng là nhân thiện v.v...?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Nhãn nhập hoặc là nhân thiện không phải là thiện, hoặc không phải là thiện cũng không phải là nhân thiện. Là nhân thiện không phải là thiện: Là báo thiện sinh nơi nhãn nhập, còn lại không phải là thiện cũng không phải là nhân thiện.

Như nhãn nhập, các nhập: nhĩ, tỷ, hương, thiệt, vị, thân, xúc cũng như vậy.

Sắc nhập hoặc là nhân thiện không phải là thiện, có ba trường hợp: 1. Là nhân thiện không phải là thiện: Là báo thiện sinh nơi sắc nhập. 2. Là thiện cũng là nhân thiện: Là sắc nhập thiện. 3. Không phải là thiện cũng không phải là nhân thiện: Là sắc nhập bất thiện và vô ký.

Như sắc nhập, ý nhập cũng như vậy.

Thanh nhập hoặc là thiện cũng là nhân thiện, hoặc không phải là thiện cũng không phải là nhân thiện. Là thiện cũng là nhân thiện: Là thanh nhập thiện, còn lại không phải là thiện cũng không phải là nhân thiện.

Pháp nhập hoặc là thiện không phải là nhân thiện: Như đã nói rộng nơi pháp niệm xứ.

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ là bất thiện cũng là nhân bất thiện v.v...?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Nhân nhập hoặc là nhân bất thiện không phải là bất thiện, hoặc không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện. Là nhân bất thiện không phải là bất thiện: Là báo bất thiện sinh nơi nhân nhập, ngoài ra không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện.

Như nhân nhập, các nhập: nhĩ, tỷ, hương, thiệt, vị, thân, xúc cũng như vậy.

Sắc nhập hoặc là nhân bất thiện không phải là bất thiện, có ba trường hợp: 1. Là nhân bất thiện không phải là bất thiện: Là báo bất thiện sinh nơi sắc nhập. 2. Là bất thiện cũng là nhân bất thiện: Là sắc nhập bất thiện. 3. Không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện: Là sắc nhập thiện và vô ký.

Thanh nhập hoặc là bất thiện cũng là nhân bất thiện, hoặc không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện. Là bất thiện cũng là nhân bất thiện: Là thanh nhập bất thiện, còn lại không phải là bất thiện cũng không phải là nhân bất thiện.

Ý nhập như ý căn. Pháp nhập như pháp niệm xứ.

Tám thứ là vô ký cũng là nhân vô ký, bốn thứ cần phân biệt: Sắc nhập hoặc là nhân vô ký không phải là vô ký, có ba trường hợp: 1. Là nhân vô ký không phải là vô ký: Là sắc nhập bất thiện. 2. Là vô ký cũng là nhân vô ký: Là sắc nhập vô ký. 3. Không phải là vô ký cũng không phải là nhân vô ký: Là sắc nhập thiện.

Như sắc nhập, thanh nhập, ý nhập cũng như vậy.

Pháp nhập hoặc là vô ký không phải là nhân vô ký, có bốn trường hợp: 1. Là vô ký không phải là nhân vô ký: Là hư không và phi số diệt. 2. Là nhân vô ký không phải là vô ký: Là pháp nhập

bất thiện. 3. Là vô ký cũng là nhân vô ký: Là pháp nhập hữu vi vô ký. 4. Không phải là vô ký cũng không phải là nhân vô ký: Là pháp nhập thiện.

Mười một thứ là duyên của nhân duyên cùng có nhân, một thứ cần phân biệt: Pháp nhập nếu là hữu vi là duyên của nhân duyên cùng có nhân, nếu là vô vi, không phải là duyên của nhân duyên không có nhân.

Mười thứ không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của thứ đệ duyên, hai thứ cần phân biệt: Ý nhập hoặc là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên, có ba trường hợp: 1. Là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là ý nhập tất khởi ở hiện tiền, vị lai, là ý nhập nơi thọ mạng tối hậu của bậc A-la-hán ở quá khứ, hiện tại. 2. Là thứ đệ cũng là duyên của thứ đệ duyên: Là trừ ý nhập nơi thọ mạng tối hậu của bậc A-la-hán ở quá khứ, hiện tại, là ý nhập quá khứ, hiện tại còn lại. 3. Không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là trừ ý nhập tất khởi ở hiện tiền, vị lai, còn lại là ý nhập vị lai.

Pháp nhập hoặc là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên, có ba trường hợp: 1. Là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là pháp nhập của tâm pháp tất khởi ở hiện tiền, vị lai, là pháp nhập của tâm pháp nơi thọ mạng tối hậu của bậc A-la-hán ở quá khứ, hiện tại, và chánh thọ (định) vô tướng, chánh thọ diệt tận nơi pháp nhập đã khởi, sẽ khởi. 2. Là thứ đệ cũng là duyên của thứ đệ duyên: Là trừ pháp nhập của tâm pháp nơi thọ mạng tối hậu của bậc A-la-hán ở quá khứ, hiện tại, còn lại là pháp nhập của tâm pháp ở quá khứ, hiện tại. 3. Không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là trừ pháp nhập của tâm pháp tất khởi ở hiện tiền, vị lai, còn lại là pháp nhập của tâm pháp vị lai. Trừ thứ lớp nơi tâm bất tương ưng hành, còn lại là tâm bất tương ưng hành nơi nghiệp thân, khẩu và vô vi.

Mười thứ là duyên của duyên duyên không có duyên, một thứ là duyên của duyên duyên cũng có duyên, một thứ cần phân biệt: Pháp nhập nếu là tâm pháp là duyên của duyên duyên cũng có duyên, còn lại không phải là duyên của duyên duyên cũng không có duyên.

Mười một thứ là duyên của tăng thượng duyên cũng có tăng thượng, một thứ cần phân biệt: Pháp nhập nếu là hữu vi là duyên của tăng thượng duyên cũng có tăng thượng, nếu là vô vi là duyên của tăng thượng duyên không có tăng thượng.

Mười thứ là tùy lưu không phải là lưu, hai thứ cần phân biệt: Ý nhập nếu là hữu lậu là tùy lưu không phải là lưu, nếu là vô lậu không phải là lưu cũng không phải là tùy lưu.

Pháp nhập hoặc là tùy lưu không phải là lưu, có ba trường hợp: 1. Là tùy lưu không phải là lưu: Là lưu không gồm thân pháp nhập hữu lậu. 2. Là lưu cũng là tùy lưu: Là bốn lưu. 3. Không phải là lưu cũng không phải là tùy lưu: Là lưu không gồm thân pháp nhập vô lậu.

HẾT - QUYỂN 11

LUẬN CHÚNG SỰ PHẦN A TỶ ĐÀM

QUYÊN 12

Phẩm 7: THIÊN VẤN LUẬN, phần 5

8. Ấm: Là năm ấm.

Hỏi: Những gì là năm ấm?

Đáp: Như đã nói rộng ở trên.

*

Hỏi: Năm ấm này: Bao nhiêu thứ là sắc, bao nhiêu thứ là không phải sắc v.v...?

Đáp: Một thứ là sắc, bốn thứ là không phải sắc.

Bốn thứ không thể thấy, một thứ cần phân biệt: Sắc ấm hoặc có thể thấy, hoặc không thể thấy. Thế nào là có thể thấy? Là một nhập. Thế nào là không thể thấy? Là chín nhập và phần ít của một nhập.

Bốn thứ là không đối, một thứ cần phân biệt: Sắc ấm hoặc có đối, hoặc không đối. Thế nào là có đối? Là mười nhập. Thế nào là không đối? Là phần ít của một nhập.

Sắc ấm hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là mười nhập và phần ít của một nhập. Thế nào là vô lậu? Là phần ít của một nhập.

Thọ âm hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là ý hữu lậu tư duy tương ưng với thọ âm. Thế nào là vô lậu? Là ý vô lậu tư duy tương ưng với thọ âm.

Như thọ âm, tưởng âm, thức âm cũng như vậy.

Hành âm hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là như tâm hữu lậu tương ưng và tâm hữu lậu không tương ưng với hành âm. Thế nào là vô lậu? Là tâm vô lậu tương ưng và tâm vô lậu không tương ưng với hành âm.

Hết thầy là hữu vi.

Hỏi: Năm âm này: Bao nhiêu thứ là có báo, bao nhiêu thứ là không báo v.v...?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Sắc âm hoặc là có báo, hoặc là không báo. Thế nào là có báo? Là sắc âm bất thiện, sắc âm thiện hữu lậu. Thế nào là không báo? Là sắc âm vô lậu và vô ký.

Như sắc âm, thọ âm, tưởng âm, hành âm, thức âm cũng như vậy.

Hết thầy là từ nhân duyên sinh thuộc về thế gian.

Một thứ là thuộc về sắc, bốn thứ là thuộc về danh.

Một thứ thuộc về nội nhập, ba thứ thuộc về ngoại nhập, một thứ cần phân biệt: Sắc âm hoặc thuộc về nội nhập, hoặc thuộc về ngoại nhập. Thế nào là thuộc về nội nhập? Là năm nội nhập. Thế nào là thuộc về ngoại nhập? Là năm ngoại nhập và phần ít của một ngoại nhập.

Hết thầy là trí nhận biết.

*

* *Năm âm này:* Âm nếu là hữu lậu là đoạn tri nhận biết và đoạn, nếu là vô lậu là không phải đoạn tri nhận biết và không đoạn.

Hỏi: Năm âm này: Bao nhiêu thứ là nên tu, bao nhiêu thứ là không nên tu?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Sắc âm hoặc nên tu, hoặc không nên tu. Thế nào là nên tu? Là sắc âm thiện. Thế nào là không nên tu? Là sắc âm bất thiện và vô ký.

Như sắc âm, thọ âm, tưởng âm, hành âm, thức âm cũng như vậy.

Hỏi: Năm âm này: Bao nhiêu thứ là cấu uế, bao nhiêu thứ là không cấu uế v.v...?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Sắc âm hoặc là cấu uế, hoặc là không cấu uế. Thế nào là cấu uế? Là sắc âm bất thiện và sắc âm hữu phú vô ký. Thế nào là không cấu uế? Là sắc âm thiện và sắc âm vô phú vô ký.

Như sắc âm, thọ âm, tưởng âm, hành âm, thức âm cũng như vậy.

Hết thầy là quả cùng có quả.

Bốn thứ là không thọ, một thứ cần phân biệt: Sắc âm hoặc là thọ, hoặc là không thọ. Thế nào là thọ? Là như tự tánh thọ nhận. Thế nào là không thọ? Là như tự tánh không thọ nhận.

Bốn thứ là không phải do bốn đại tạo, một thứ cần phân biệt: Sắc âm hoặc do bốn đại tạo, hoặc không phải do bốn đại tạo. Thế nào là do bốn đại tạo? Là chín nhập và phần ít của hai nhập. Thế nào là không phải do bốn đại tạo? Là phần ít của một nhập.

Hết thầy là hữu thượng.

Hỏi: Năm âm này: Bao nhiêu thứ là hữu, bao nhiêu thứ là không phải hữu v.v...?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Âm nếu hữu lậu là hữu, nếu vô lậu là không phải hữu.

Một thứ là nhân không tương ưng, ba thứ là nhân tương ưng, một thứ cần phân biệt: Hành âm nếu là tâm pháp là nhân tương ưng, nếu không phải là tâm pháp là nhân không tương ưng.

*

* *Năm âm này*: Hoặc xứ thiện gồm thân không phải là âm, có bốn trường hợp: 1. Là xứ thiện gồm thân không phải là âm: Là số diệt. 2. Là âm gồm thân không phải là xứ thiện: Là năm âm bất thiện và vô ký. 3. Là xứ thiện gồm thân cũng là âm: Là năm âm thiện. 4. Không phải là xứ thiện gồm thân cũng không phải là âm: Là hư không và phi số diệt.

Xứ bất thiện gồm thân phần ít của năm âm, phần ít của năm âm cũng gồm thân xứ bất thiện.

Hoặc xứ vô ký gồm thân không phải là âm, có bốn trường hợp: 1. Là xứ vô ký gồm thân không phải là âm: Là hư không và phi số diệt. 2. Là âm gồm thân không phải là xứ vô ký? Là năm âm thiện, bất thiện. 3. Là xứ vô ký gồm thân cũng là âm: Là năm âm vô ký. 4. Không phải là xứ vô ký gồm thân cũng không phải là âm: Là số diệt.

Xứ lậu gồm thân phần ít của một âm, phần ít của một âm cũng gồm thân xứ lậu.

Xứ hữu lậu gồm thân phần ít của năm âm, phần ít của năm âm cũng gồm thân xứ hữu lậu.

Hoặc xứ vô lậu gồm thân không phải là âm, có bốn trường hợp: 1. Là xứ vô lậu gồm thân không phải là âm: Là hư không, số diệt, phi số diệt. 2. Là âm gồm thân không phải là xứ vô lậu: Là năm âm hữu lậu. 3. Là xứ vô lậu gồm thân cũng là âm: Là năm âm vô lậu. 4. Không phải là xứ vô lậu gồm thân cũng không phải là âm: Là việc này không thể có.

Hết thầy hoặc là quá khứ, vị lai, hiện tại.

Âm hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Là năm âm thiện. Thế nào là bất thiện? Là năm âm bất thiện. Thế nào là vô ký? Là năm âm vô ký.

Âm hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là năm âm thuộc cõi Dục. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là năm âm thuộc cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Vô sắc? Là năm âm thuộc cõi Vô sắc. Thế nào là không hệ thuộc? Là năm âm vô lậu.

Hỏi: Năm âm này: Bao nhiêu thứ là học, bao nhiêu thứ là vô học, bao nhiêu thứ là phi học phi vô học?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Âm hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học? Là năm âm học. Thế nào là vô học? Là năm âm vô học. Thế nào là phi học phi vô học? Là năm âm hữu lậu.

*

* *Năm âm này:* Bao nhiêu thứ là do kiến đoạn, bao nhiêu thứ là do tu đoạn, bao nhiêu thứ là không đoạn v.v...?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Sắc âm nếu hữu lậu là do tu đoạn, nếu vô lậu là không đoạn. Tu đoạn là mười nhập và phần ít của một nhập. Không đoạn là phần ít của một nhập.

Thọ âm hoặc do kiến đoạn, hoặc do tu đoạn, hoặc không đoạn. Thế nào là do kiến đoạn? Là như thọ âm nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành tạo nhãn vô gián cùng đoạn. Đoạn trừ những gì? Là kiến đạo đoạn trừ tám mươi tám sử tương ưng với thọ âm. Thế nào là do tu đoạn? Là như thọ âm nơi bậc Học kiến tích tu đoạn. Đoạn trừ những gì? Là tu đạo đoạn trừ mười sử tương ưng với thọ âm và thọ âm hữu lậu không cấu uế. Thế nào là không đoạn? Là thọ âm vô lậu

Như thọ ẩm, tưởng ẩm, thức ẩm cũng như vậy.

Hành ẩm hoặc do kiến đoạn, hoặc do tu đoạn, hoặc không đoạn. Thế nào là do kiến đoạn? Là như hành ẩm nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành tạo nhân vô gián cùng đoạn. Đoạn trừ những gì? Là kiến đạo đoạn trừ tám mươi tám sử tương ưng với hành ẩm đã khởi tâm bất tương ưng hành. Thế nào là do tu đoạn? Là như hành ẩm nơi bậc Học kiến tích tu đoạn. Đoạn trừ những gì? Là tu đạo đoạn trừ mười sử tương ưng với hành ẩm, khởi nghiệp thân, khẩu, khởi tâm bất tương ưng hành và hành ẩm hữu lậu không cấu uế. Thế nào là không đoạn? Là hành ẩm vô lậu.

Một thứ là không phải tâm, không phải tâm pháp, không phải tâm tương ưng. Hai thứ là tâm pháp cũng là tâm tương ưng. Một thứ chỉ là tâm. Một thứ cần phân biệt: Hành ẩm nếu là tâm không tương ưng là không phải tâm, không phải tâm pháp, không phải tâm tương ưng, còn lại là tâm pháp cũng là tâm tương ưng.

Một thứ là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ, một thứ là tâm tùy chuyển cũng tương ưng với thọ, ba thứ cần phân biệt: Sắc ẩm hoặc là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ, hoặc không phải là tâm tùy chuyển cũng không tương ưng với thọ. Là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ: Là tâm tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, còn lại không phải là tâm tùy chuyển cũng không tương ưng với thọ.

Hành ẩm hoặc là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ, có ba trường hợp: 1. Là tâm tùy chuyển không tương ưng với thọ: Là tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành. 2. Là tâm tùy chuyển cũng tương ưng với thọ: Là tâm tương ưng với hành ẩm. 3. Không phải là tâm tùy chuyển cũng không tương ưng với thọ: Là trừ tâm tùy chuyển nơi hành ẩm của tâm bất tương ưng, còn lại là hành ẩm của tâm bất tương ưng.

Như thọ, tưởng cũng vậy, trừ tự tánh của nó.

Hỏi: Năm âm này: Bao nhiêu thứ là giác tùy chuyển không tương ứng với quán v.v...?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Sắc âm hoặc là giác tùy chuyển không tương ứng với quán, hoặc không phải là giác tùy chuyển cũng không tương ứng với quán. Là giác tùy chuyển không tương ứng với quán: Là giác tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu, còn lại không phải là giác tùy chuyển cũng không tương ứng với quán.

Thọ âm hoặc là có giác có quán, hoặc là không giác có quán, hoặc là không giác không quán. Thế nào là có giác có quán? Là ý có giác có quán tư duy tương ứng với thọ âm. Thế nào là không giác có quán? Là ý không giác có quán tư duy tương ứng với thọ âm. Thế nào là không giác không quán? Là ý không giác không quán tư duy tương ứng với thọ âm.

Như thọ âm, tưởng âm, thức âm cũng như vậy.

Hành âm hoặc là giác tùy chuyển không tương ứng với quán, có bốn trường hợp: 1. Là giác tùy chuyển không tương ứng với quán: Là giác tùy chuyển nơi hành âm của tâm bất tương ứng và giác tương ứng với quán. 2. Là quán tương ứng không phải là giác tùy chuyển: Là giác. Như giác không tương ứng với quán, vì tương ứng với hành âm của tâm pháp. 3. Là giác tùy chuyển cũng tương ứng với quán: Là giác quán tương ứng với hành âm của tâm pháp. 4. Không phải là giác tùy chuyển cũng không tương ứng với quán: Là trừ giác tùy chuyển nơi hành âm của tâm bất tương ứng, còn lại là hành âm của tâm bất tương ứng, cùng giác không tương ứng với quán và không phải giác quán tương ứng với hành âm của tâm pháp.

Hỏi: Năm âm này: Bao nhiêu thứ là kiến không phải là xứ kiến v.v...?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Sắc âm hoặc là xứ kiến không phải là kiến, có ba trường hợp: 1. Là xứ kiến không phải là kiến: Là

chín nhập và phần ít của một nhập. 2. Là kiến cũng là xứ kiến: Là một nhập. 3. Không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến: Là phần ít của một nhập.

Thọ ẩm, tưởng ẩm, thức ẩm nếu hữu lậu là xứ kiến không phải là kiến, nếu là vô lậu thì không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến.

Hành ẩm hoặc là kiến không phải là xứ kiến, có bốn trường hợp: 1. Là kiến không phải là xứ kiến: Là hành ẩm gồm thân tận trí, vô sinh trí, không gồm thân tuệ vô lậu. 2. Là xứ kiến không phải là kiến: Là kiến không gồm thân hành ẩm hữu lậu. 3. Là kiến cũng xứ kiến: Là năm kiến và chánh kiến thế tục. 4. Không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến: là kiến không gồm thân hành ẩm vô lậu.

Hỏi: Năm ẩm này: Bao nhiêu thứ là nhân của thân kiến, thân kiến không phải là nhân của ẩm v.v...?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Sắc ẩm như sắc nhập.

Thọ ẩm, tưởng ẩm, thức ẩm như thọ niệm xứ.

Hành ẩm như pháp niệm xứ.

Hỏi: Năm ẩm này: Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là nghiệp báo v.v...?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Sắc ẩm như thân niệm xứ.

Thọ ẩm, tưởng ẩm, thức ẩm như thọ niệm xứ.

Hành ẩm như pháp niệm xứ.

Ba thứ là nghiệp tùy chuyển không phải là nghiệp, hai thứ cần phân biệt: Sắc ẩm như thân niệm xứ. Hành ẩm như pháp niệm xứ.

Bốn thứ không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có thể thấy, một thứ cần phân biệt: Sắc ẩm như thân niệm xứ.

* *Năm âm này*: Bốn thứ không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có đối, một thứ cần phân biệt: Sắc âm như thân niệm xứ.

Hết thấy là rất thâm diệu khó hiểu rõ, khó hiểu rõ vì rất thâm diệu.

Hỏi: Năm âm này: Bao nhiêu thứ là nhân thiện không phải là thiện v.v...?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Âm hoặc là nhân thiện không phải là thiện, có ba trường hợp: 1. Là nhân thiện không phải là thiện: Là báo thiện sinh nơi năm âm. 2. Là thiện cũng là nhân thiện: Là năm âm thiện. 3. Không phải là thiện cũng không phải là nhân thiện: Là năm âm bất thiện và vô ký.

Hỏi: Năm âm này: Bao nhiêu thứ là bất thiện không phải là nhân bất thiện v.v...?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Sắc âm như thân niệm xứ.

Thọ âm, tưởng âm, thức âm như thọ niệm xứ.

Hành âm như pháp niệm xứ.

Hỏi: Năm âm này: Bao nhiêu thứ là nhân vô ký không phải là vô ký v.v...?

Đáp: Hết thấy nên phân biệt: Âm hoặc là nhân vô ký không phải là vô ký, có ba trường hợp: 1. Là nhân vô ký không phải là vô ký: Là năm âm bất thiện. 2. Là vô ký cũng là nhân vô ký: Là năm âm vô ký. 3. Không phải là vô ký cũng không phải là nhân vô ký: Là năm âm thiện.

Hết thấy là duyên của nhân duyên cùng có nhân.

Một thứ không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của thứ đệ duyên, bốn thứ cần phân biệt: Thọ âm, tưởng âm, thức âm như thọ niệm xứ. Hành âm hoặc là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên, có ba trường hợp: 1. Là thứ đệ không phải là duyên

của thứ đệ duyên: Là hành ẩm của tâm pháp tắt khởi ở hiện tiền, vị lai, là hành ẩm của tâm pháp nơi thọ mạng tối hậu của bậc A-la-hán quá khứ, hiện tại và hành ẩm của tâm pháp nơi chánh thọ (định) vô tướng, chánh thọ diệt tận đã khởi, sẽ khởi. 2. Là thứ đệ cũng là duyên của thứ đệ duyên: Là trừ hành ẩm của tâm pháp nơi thọ mạng tối hậu của bậc A-la-hán quá khứ, hiện tại, còn lại hành ẩm của tâm pháp quá khứ, hiện tại. 3. Không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là trừ hành ẩm của tâm pháp tắt khởi ở hiện tiền, vị lai, còn lại là hành ẩm của tâm pháp vị lai, trừ thứ lớp nơi tâm bất tương ưng hành, còn lại là hành ẩm của tâm bất tương ưng.

Một thứ là duyên của duyên duyên không có duyên, ba thứ là duyên của duyên duyên cùng có duyên, một thứ cần phân biệt: Hành ẩm nếu là tâm pháp là duyên của duyên duyên cùng có duyên, nếu không phải là tâm pháp là duyên của duyên duyên không có duyên.

Hết thủy là duyên của tăng thượng duyên cùng có tăng thượng.

Hỏi: Năm ẩm này: Bao nhiêu thứ là lưu cũng là tùy lưu v.v...?

Đáp: Hết thủy nên phân biệt: Sắc ẩm, thọ ẩm, tưởng ẩm, thức ẩm nếu là hữu lậu là tùy lưu không phải là lưu, nếu là vô lậu thì không phải là lưu cũng không phải là tùy lưu.

Hành ẩm hoặc là tùy lưu không phải là lưu, có ba trường hợp: 1. Là tùy lưu không phải là lưu: Là lưu không gồm thân hành ẩm hữu lậu. 2. Là lưu cũng là tùy lưu: Là bốn lưu. 3. Không phải là lưu cũng không phải là tùy lưu: Là lưu không gồm thân hành ẩm vô lậu.

**

9. Giới: Là mười tám giới.

Hỏi: Những gì là mười tám giới?

Đáp: Như trước đã nói.

*

Hỏi: Mười tám giới này: Bao nhiêu thứ là sắc, bao nhiêu thứ là không phải sắc v.v...?

Đáp: Mười thứ là sắc, bảy thứ là không phải sắc, một thứ cần phân biệt: Nghiệp thân, khẩu trong pháp giới là sắc, còn lại là không phải sắc.

Một thứ là có thể thấy, mười bảy thứ là không thể thấy.

Mười thứ là có đối, tám thứ là không đối.

Mười lăm thứ là hữu lậu, ba thứ cần phân biệt: Ý giới hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là ý hữu lậu tư duy tương ưng với ý giới. Thế nào là vô lậu? Là ý vô lậu tư duy tương ưng với ý giới.

Như ý giới, thức giới cũng như vậy.

Pháp giới như pháp nhập.

Mười bảy thứ là hữu vi, một thứ cần phân biệt: Pháp giới như pháp nhập.

Tám thứ là không báo, mười thứ cần phân biệt: Sắc giới hoặc là có báo, hoặc là không báo. Thế nào là có báo? Là sắc giới thiện hay bất thiện. Thế nào là không báo? Là sắc giới vô ký.

Như sắc giới, thanh giới, nhãn thức giới, nhĩ thức giới, tỷ thức giới, thiệt thức giới, thân thức giới cũng như vậy.

Ý giới hoặc là có báo, hoặc là không báo. Thế nào là có báo? Là ý giới hữu lậu thiện và bất thiện. Thế nào là không báo? Là ý giới vô lậu và vô ký.

Như ý giới, ý thức giới, pháp giới cũng như vậy.

Mười bảy thứ là từ nhân duyên sinh thuộc về thế gian, một thứ cần phân biệt: Pháp giới như pháp nhập.

Mười thứ là thuộc về sắc, bảy thứ là thuộc về danh, một thứ cần phân biệt: Nghiệp thân, khẩu trong pháp giới là thuộc về sắc, còn lại là thuộc về danh.

Mười hai thứ thuộc về nội nhập, sáu thứ thuộc về ngoại nhập.
Hết thấy là trí nhận biết.

*

* *Mười tám giới này*: Mười lăm thứ là đoạn tri nhận biết và đoạn, ba thứ cần phân biệt: Ba thứ nếu là hữu lậu là đoạn tri nhận biết và đoạn, nếu là vô lậu là không phải đoạn tri nhận biết và không đoạn.

Tám thứ không nên tu, mười thứ cần phân biệt: Sắc giới hoặc nên tu, hoặc không nên tu. Thế nào là nên tu? Là sắc giới thiện. Thế nào là không nên tu? Là sắc giới bất thiện và vô ký.

Như sắc giới, thanh giới, nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức giới, ý giới, ý thức giới cũng như vậy.

Pháp giới hoặc nên tu, hoặc không nên tu. Thế nào là nên tu? Là pháp giới hữu vi thiện. Thế nào là không nên tu? Là pháp giới bất thiện, vô ký và số diệt.

Tám thứ là không cấu uế, mười thứ cần phân biệt: Sắc giới hoặc là cấu uế, hoặc là không cấu uế. Thế nào là cấu uế? Là sắc giới bất thiện và sắc giới ẩn giấu (hữu phú) vô ký. Thế nào là không cấu uế? Là sắc giới thiện và sắc giới không ẩn giấu (vô phú) vô ký.

Như sắc giới, thanh giới, nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức giới, ý giới, ý thức giới, pháp giới cũng như vậy.

Mười bảy thứ là quả cùng có quả, một thứ cần phân biệt: Pháp giới như pháp nhập.

Chín thứ là không thọ, chín thứ cần phân biệt: Nhãn giới hoặc là thọ, hoặc là không thọ. Thế nào là thọ? Là tự tánh thọ nhận. Thế nào là không thọ? Là tự tánh không thọ nhận.

Như nhãn giới, sắc giới, nhĩ giới, tỷ giới, hương giới, thiệt giới, vị giới, thân giới, xúc giới cũng như vậy.

Mười tám thứ hoặc do bốn đại tạo, hoặc không phải do bốn đại tạo. Thế nào là do bốn đại tạo? Là chín giới và phần ít của hai giới. Thế nào là không phải do bốn đại tạo? Là bảy giới và phần ít của hai giới.

Mười bảy thứ là hữu thượng, một thứ cần phân biệt: Pháp giới như pháp nhập.

Mười lăm thứ là hữu, ba thứ cần phân biệt: Ba thứ nếu là hữu lậu là hữu, nếu là vô lậu là không phải hữu.

Mười thứ là nhân không tương ưng, bảy thứ là nhân tương ưng, một thứ cần phân biệt: Pháp giới như pháp nhập.

*

* *Mười tám giới này*: Xứ thiện gồm sáu phần ít của mười giới, phần ít của mười giới cũng gồm sáu xứ thiện.

Xứ bất thiện gồm sáu phần ít của mười giới, phần ít của mười giới cũng gồm sáu xứ bất thiện.

Xứ vô ký gồm sáu tám giới và phần ít của mười giới, tám giới và phần ít của mười giới cũng gồm sáu xứ vô ký.

Xứ lậu gồm sáu phần ít của một giới, phần ít của một giới cũng gồm sáu xứ lậu.

Xứ hữu lậu gồm sáu mười lăm giới và phần ít của ba giới, mười lăm giới và phần ít của ba giới cũng gồm sáu xứ hữu lậu.

Xứ vô lậu gồm sáu phần ít của ba giới, phần ít của ba giới cũng gồm sáu xứ vô lậu.

Mười bảy thứ hoặc là quá khứ, vị lai, hiện tại. Một thứ cần phân biệt: Pháp giới như pháp nhập.

Tám thứ là vô ký, mười thứ cần phân biệt: Sắc giới hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Là thân tạo tác thiện. Thế nào là bất thiện? Là thân tạo tác bất thiện. Thế nào là vô ký? Là trừ thiện, bất thiện do thân tạo tác, còn lại là sắc giới.

Thanh giới cũng như vậy.

Nhãn thức giới hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Là ý tư duy tương ưng với nhãn thức giới. Thế nào là bất thiện? Là ý bất thiện tư duy tương ưng với nhãn thức giới. Thế nào là vô ký? Là ý vô ký tư duy tương ưng với nhãn thức giới.

Như nhãn thức giới, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý giới, ý thức giới cũng như vậy.

Pháp giới như pháp nhập.

Bốn thứ thuộc cõi Dục, mười bốn thứ cần phân biệt: Nhãn giới, sắc giới, nhĩ giới, thanh giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, xúc giới: Như đã nói rộng trong phẩm Phân biệt các nhập.

Nhãn thức giới hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là ý nơi cõi Dục tư duy tương ưng với nhãn thức giới. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là ý nơi cõi Sắc tư duy tương ưng với nhãn thức giới.

Như nhãn thức giới, nhĩ thức giới, thân thức giới cũng như vậy.

Ý giới, ý thức giới như ý nhập. Pháp giới như pháp nhập.

Mười lăm thứ là phi học phi vô học, ba thứ cần phân biệt: Ý giới, pháp giới, ý thức giới: Như đã nói rộng nơi phẩm Phân biệt các nhập.

*

* *Mười tám giới này*: Mười lăm thứ do tu đoạn, ba thứ cần phân biệt: Ý giới, pháp giới, ý thức giới: Như đã nói rộng nơi phẩm Phân biệt các nhập.

Mười thứ là không phải tâm, không phải tâm pháp, không phải tâm tương ưng. Bảy thứ tức là tâm. Một thứ cần phân biệt: Pháp giới như pháp nhập.

Mười thứ không phải là tâm tùy duyên không tương ưng với thọ, bảy thứ là tương ưng với thọ không phải là tâm tùy duyên, một thứ cần phân biệt: Pháp giới như pháp nhập.

Như thọ, tưởng, hành cũng như vậy, trừ tự tánh của nó.

Mười thứ không phải là có giác có quán, năm thứ là có giác có quán, ba thứ cần phân biệt: Ý giới và ý thức giới như ý nhập. Pháp giới như pháp nhập.

Một thứ là kiến cũng là xứ kiến, mười bốn thứ là xứ kiến không phải là kiến, ba thứ cần phân biệt: Ý giới, ý thức giới như ý nhập. Pháp giới như pháp nhập.

Tám thứ không phải là nhân của thân kiến, thân kiến cũng không phải là nhân của chúng. Mười thứ cần phân biệt: Sắc giới nếu là cấu uế là nhân của thân kiến, thân kiến không phải là nhân của nó. Nếu không cấu uế thì không phải là nhân của thân kiến, thân kiến cũng không phải là nhân của nó.

Như sắc giới, thanh giới, nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức giới cũng như vậy. Ý giới và ý thức giới như ý nhập. Pháp giới như pháp nhập.

Hỏi: Mười tám giới này: Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là nghiệp báo v.v...?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Nhân giới hoặc là nghiệp báo không phải là nghiệp, hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp báo. Là nghiệp báo không phải là nghiệp: Là báo sinh nơi nhân giới, còn lại không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp báo.

Như nhân giới, nhân thức giới, nhĩ giới, nhĩ thức giới, tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới, thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới, thân giới, xúc giới, thân thức giới, ý giới, ý thức giới cũng như vậy.

Sắc giới như sắc nhập. Thanh giới như thanh nhập. Pháp giới như pháp nhập.

Tám thứ không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp tùy chuyển, bảy thứ là nghiệp tùy chuyển không phải là nghiệp, ba thứ cần phân biệt: Sắc giới như sắc nhập. Thanh giới như thanh nhập. Pháp giới như pháp nhập.

Mười tám thứ hoặc là sắc tạo sắc không phải là sắc có thể thấy, có ba trường hợp: 1. Là sắc tạo sắc không phải là sắc có thể thấy: Là tám giới và phần ít của hai giới. 2. Là sắc tạo sắc cũng là sắc có thể thấy: Là một giới. 3. Không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có thể thấy: Là bảy giới và phần ít của hai giới.

*

* *Mười tám giới này:* Mười tám thứ hoặc là sắc tạo sắc không phải là sắc có đối, có bốn trường hợp: 1. Là sắc tạo sắc không phải là sắc có đối: Là phần ít của một giới. 2. Là sắc có đối không phải là sắc tạo sắc: Là phần ít của một giới. 3. Là sắc tạo sắc cũng là sắc có đối: Là chín giới và phần ít của một giới. 4. Không phải là sắc tạo sắc cũng không phải là sắc có đối: Là bảy giới và phần ít của một giới.

Hết thầy là rất thâm diệu khó hiểu rõ, khó hiểu rõ vì rất thâm diệu.

Hỏi: Mười tám giới này: Bao nhiêu thứ là thiện không phải là nhân thiện v.v...?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Nhân giới hoặc là nhân thiện không phải là thiện, hoặc không phải là nhân thiện cũng không phải là thiện. Là nhân thiện không phải là thiện: Là báo thiện sinh nơi nhân giới, còn lại không phải là thiện cũng không phải là nhân thiện.

Như nhân giới, nhĩ, tử, hương, thiết, vị, thân, xúc giới cũng như vậy.

Sắc giới như sắc nhập. Nhân thức giới, nhĩ thức giới, tử thức giới, thiết thức giới, thân thức giới, ý giới, ý thức giới cũng như vậy.

Thanh giới hoặc là thiện cũng là nhân thiện, hoặc không phải là thiện cũng không phải là nhân thiện. Là thiện cũng là nhân thiện: Là thanh giới thiện, còn lại không phải là thiện cũng không phải là nhân thiện.

Pháp giới như pháp nhập.

Hỏi: Mười tám giới này: Bao nhiêu thứ là bất thiện cũng là nhân bất thiện v.v...?

Đáp: Hết thầy nên phân biệt: Nhân giới nói rộng như nhân nhập.

Như nhân giới, nhĩ giới, tử giới, hương giới, thiết giới, vị giới, thân giới, xúc giới cũng như vậy.

Sắc giới như sắc nhập.

Như sắc giới, nhân thức giới, nhĩ thức, tử thức, thiết thức, thân thức giới cũng như vậy.

Thanh giới như thanh nhập. Ý giới như ý căn. Ý thức giới như hỷ căn. Pháp giới như pháp nhập.

Tám thứ là vô ký cũng là nhân vô ký, mười thứ cần phân biệt: Sắc giới hoặc là nhân vô ký không phải là vô ký, có ba trường hợp: 1.

Là nhân vô ký không phải là vô ký: Là sắc giới bất thiện. 2. Là vô ký cũng là nhân vô ký: Là sắc giới vô ký. 3. Không phải là vô ký cũng không phải là nhân vô ký: Là sắc giới thiện.

Như sắc giới, nhãn thức giới, thanh giới, nhĩ thức giới, tỷ thức giới, thiệt thức giới, thân thức giới, ý giới, ý thức giới cũng như vậy. Pháp giới như pháp nhập.

Mười bảy thứ là duyên của nhân duyên cùng có nhân, một thứ cần phân biệt: Pháp giới như pháp nhập.

Mười thứ không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của thứ đệ duyên, tám thứ cần phân biệt: Nhãn thức giới hoặc là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên, có ba trường hợp: 1. Là thứ đệ không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là nhãn thức giới tất khởi ở hiện tiền, vị lai. 2. Là thứ đệ cũng là duyên của thứ đệ duyên: Là nhãn thức giới ở quá khứ, hiện tại. 3. Không phải là thứ đệ cũng không phải là duyên của thứ đệ duyên: Là trừ nhãn thức giới tất khởi ở hiện tiền, vị lai, còn lại là nhãn thức giới vị lai.

Như nhãn thức giới, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức giới cũng như vậy. Ý giới và ý thức giới như ý nhập. Pháp giới như pháp nhập.

Mười thứ là duyên của duyên duyên không có duyên, bảy thứ là duyên của duyên duyên cùng có duyên, một thứ cần phân biệt: Pháp giới như pháp nhập.

Mười bảy thứ là duyên của tăng thượng duyên cùng có tăng thượng, một thứ cần phân biệt: Pháp giới như pháp nhập.

Mười lăm thứ là tùy lưu không phải là lưu, ba thứ cần phân biệt: Ý giới, ý thức giới như ý nhập. Pháp giới như pháp nhập.

Phẩm 8: LỰA CHỌN, GỒM THÂU

Pháp sắc gồm thâu mười một giới, mười một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ tri tha tâm trí và diệt trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử hiện bày khắp nơi hai cõi Dục, Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến. Tức có pháp sắc gồm thâu mười giới, mười nhập, một âm, không phải trí nhận biết, năm thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Pháp không phải sắc gồm thâu tám giới, hai nhập, bốn âm, mười trí nhận biết, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến. Tức có pháp không phải sắc gồm thâu bảy giới, một nhập, bốn âm, hai trí nhận biết là tri tha tâm trí và diệt trí, không phải thức nhận biết, hết thấy cõi Vô sắc, hai cõi Dục, Sắc, hai thân do kiến khổ, kiến tập đoạn, không có hết thấy sử hiện khắp sai khiến.

*

Pháp có thể thấy gồm thâu một giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tri tha tâm trí và diệt đạo trí, hai thức nhận biết, hết thấy sử hiện khắp hai cõi Dục, Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến. Tức có pháp có thể thấy gồm thâu một giới, một nhập, không phải âm, không phải trí nhận biết, một thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Pháp không thể thấy gồm thâu mười bảy giới, mười một nhập, năm âm, mười trí nhận biết, năm thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến. Tức có pháp không thể thấy gồm thâu mười bảy giới, mười một nhập, bốn âm, ba trí nhận biết là tri tha tâm trí và diệt đạo trí, bốn thức nhận biết, hết thấy cõi Vô sắc, cõi Dục, cõi Sắc, hai thân do kiến khổ, kiến tập đoạn, không phải hết thấy sử hiện khắp sai khiến.

*

Pháp có đôi gồm thân mười giới, mười nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tri tha tâm trí và diệt đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử hiện khắp hai cõi Dục, Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến. Tức pháp có đôi gồm thân mười giới, mười nhập, không phải âm, không phải trí nhận biết, năm thức nhận biết, không phải hết thấy sử hiện khắp sai khiến.

Pháp không đôi gồm thân tám giới, hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến. Tức pháp không đôi gồm thân tám giới, hai nhập, bốn âm, ba trí nhận biết là tri tha tâm trí và diệt đạo trí, không phải thức nhận biết, hết thấy cõi Vô sắc, cõi Dục, cõi Sắc, hai thân do kiến khổ, kiến tập đoạn, không phải hết thấy sử hiện khắp sai khiến.

*

Pháp hữu lậu gồm thân mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến. Tức có pháp hữu lậu gồm thân mười lăm giới, mười nhập, không phải âm, hai trí nhận biết là khổ trí và tập trí, năm thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp vô lậu gồm thân ba giới, hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ khổ trí và tập trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến. Tức có pháp vô lậu gồm thân không phải giới, không phải nhập, không phải âm, hai trí nhận biết là diệt trí và đạo trí, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

*

Pháp hữu vi gồm thân mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến. Tức có pháp hữu vi gồm thân mười bảy giới, mười một nhập, năm âm, bốn trí nhận biết là tri tha tâm trí, khổ trí, tập trí, đạo trí, năm thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

Pháp vô vi gồm sáu giới, một nhập, không gồm sáu thức nhận biết trừ tri tha tâm trí và khổ tập đạo trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến. Tức có pháp vô vi gồm sáu không phải giới, không phải nhập, không phải âm, một trí nhận biết là diệt trí, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

*

Như pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp có tranh, pháp không tranh, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp nhập, pháp không nhập, pháp nhiễm ô, pháp không nhiễm ô, pháp dựa vào tại gia, pháp dựa vào nẻo xuất ly, pháp kiết, pháp không phải kiết, pháp thọ, pháp không phải thọ, pháp triền, pháp không phải triền cũng như vậy.

*

Pháp ký gồm sáu mươi giới, bốn nhập, năm âm, mười trí nhận biết, ba thức nhận biết, hết thấy sử hiện khắp nơi ba cõi Dục, Sắc, Vô sắc đều sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến. Tức có pháp ký gồm sáu không phải giới, không phải nhập, không phải âm, hai trí nhận biết là diệt trí và đạo trí, không phải thức nhận biết, hai thân do kiến khổ đoạn nơi cõi Dục, không phải hết thấy sử hiện khắp sai khiến.

Pháp vô ký gồm sáu mươi tám giới, mười hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy cõi Sắc, Vô sắc, hai thân do kiến tập đoạn nơi cõi Dục, hết thấy sử hiện khắp sai khiến. Tức có pháp vô ký gồm sáu tám giới, tám nhập, không phải âm, không phải trí nhận biết, ba thức nhận biết, hai thân do kiến khổ tập đoạn nơi cõi Sắc, Vô sắc, không phải hết thấy sử hiện khắp sai khiến.

*

Pháp ẩn mất (hữu phú) gồm sáu mươi giới, bốn nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, ba thức nhận biết, hết thấy sử

sai khiến. Tức có pháp ẩn mắt gồm thân không phải giới, không phải nhập, không phải âm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, hai thân do kiến khổ, kiến tập đoạn nơi ba cõi, không phải hết thấy sử hiện khắp sai khiến.

Pháp không ẩn mắt (vô phú) gồm thân mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử hiện khắp nơi ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến. Tức có pháp không ẩn mắt gồm thân tám giới, tám nhập, không phải âm, hai trí nhận biết là diệt trí và đạo trí, ba thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

*

Pháp tu gồm thân mười giới, bốn nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, ba thức nhận biết, hết thấy sử hiện bày khắp ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến. Tức có pháp tu gồm thân không phải giới, không phải nhập, không phải âm, một trí nhận biết là đạo trí, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Pháp không tu gồm thân mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến. Tức có pháp không tu gồm thân tám giới, tám nhập, không phải âm, một trí nhận biết là diệt trí, hai thức nhận biết, hai thân do kiến khổ, kiến tập đoạn nơi ba cõi, không có sử hiện khắp sai khiến.

*

Pháp cấu uế gồm thân mười giới, bốn nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, ba thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến. Tức có pháp cấu uế gồm thân không phải giới, không phải nhập, không phải âm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, hai thân do kiến khổ, kiến tập đoạn nơi ba cõi, không phải sử hiện khắp sai khiến.

Pháp không cấu uế gồm thâu mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến. Tức có pháp không cấu uế gồm thâu tám giới, tám nhập, không phải âm, hai trí nhận biết là diệt trí và đạo trí, ba thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

*

Như pháp cấu uế, pháp không cấu uế, pháp có tội, pháp không tội cũng như vậy.

*

Pháp có báo gồm thâu mười giới, bốn nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, ba thức nhận biết, hết thấy sử hiện khắp ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến. Tức pháp có báo gồm thâu không phải giới, không phải nhập, không phải âm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, hai thân do kiến tập đoạn nơi cõi Dục, không phải hết thấy sử hiện khắp sai khiến.

Pháp không có báo gồm thâu mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy cõi Sắc, Vô sắc, hai thân do kiến tập đoạn nơi cõi Dục, hết thấy sử hiện khắp sai khiến. Tức pháp không có báo gồm thâu tám giới, tám nhập, không phải âm, hai trí nhận biết là diệt trí và đạo trí, ba thức nhận biết, hai thân do kiến khổ, kiến tập đoạn nơi cõi Sắc, Vô sắc, không có sử hiện khắp sai khiến.

*

Pháp kiến gồm thâu hai giới, hai nhập, hai âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hữu lậu duyên sử sai khiến và vô lậu duyên kiến tương ưng với sử vô minh sai khiến. Tức có pháp kiến gồm thâu một giới, một nhập, không phải âm, không phải trí nhận

biết, không phải thức nhận biết, vô lậu duyên kiến tương ưng với sử vô minh sai khiến.

Pháp không phải kiến gồm thân mười bảy giới, mười một nhập, năm ám, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến. Tức có pháp không phải kiến gồm thân mười sáu giới, mười nhập, ba ám, một trí nhận biết là diệt trí, năm thức nhận biết, trừ vô lậu duyên nơi kiến tương ưng với vô minh, còn lại vô lậu duyên sử sai khiến.

*

Pháp nội gồm thân mười hai giới, sáu nhập, hai ám, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến. Tức có pháp nội gồm thân mười hai giới, sáu nhập, một ám, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Pháp ngoại gồm thân sáu giới, sáu nhập, bốn ám, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến. Tức có pháp ngoại gồm thân sáu giới, sáu nhập, ba ám, một trí nhận biết là diệt trí, năm thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

*

Pháp thọ gồm thân chín giới, chín nhập, một ám, bảy trí nhận biết trừ tri tha tâm trí và diệt đạo trí, năm thức nhận biết, hết thấy sử hiện khắp cõi Dục, Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến. Tức có pháp thọ gồm thân không phải giới, không phải nhập, không phải ám, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Pháp không thọ gồm thân mười tám giới, mười hai nhập, năm ám, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến. Tức có pháp không thọ gồm thân chín giới, ba nhập, bốn ám, ba trí nhận biết là tri tha tâm trí và diệt đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy cõi

Vô sắc, hai thân do kiến khổ tập đoạn nơi cõi Dục, Sắc, không có sự hiện bày khắp sai khiến.

*

Pháp tâm gồm thân bảy giới, một nhập, một âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sự sai khiến. Tức có pháp tâm gồm thân bảy giới, một nhập, một âm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, không phải sự sai khiến.

Pháp không phải tâm: Không có.

*

Pháp có duyên gồm thân tám giới, hai nhập, bốn âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sự sai khiến. Tức có pháp có duyên gồm thân bảy giới, một nhập, ba âm, một trí nhận biết là tri tha tâm trí, không phải thức nhận biết, vô lậu duyên sự sai khiến.

Pháp không duyên gồm thân mười một giới, mười một nhập, hai âm, chín trí nhận biết trừ tri tha tâm trí, sáu thức nhận biết, hữu lậu duyên sự sai khiến. Tức có pháp không duyên gồm thân mười giới, mười nhập, một âm, một trí nhận biết là diệt trí, năm thức nhận biết, không phải sự sai khiến.

*

Pháp tâm pháp gồm thân một giới, một nhập, ba âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sự sai khiến. Tức có pháp tâm pháp gồm thân không phải giới, không phải nhập, hai âm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, không phải sự sai khiến.

Pháp không phải tâm pháp gồm thân mười tám giới, mười hai nhập, ba âm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sự sai

khiến. Tức có pháp không phải tâm pháp gồm thâu mười bảy giới, mười một nhập, hai ấm, một trí nhận biết là diệt trí, năm thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

*

Pháp nghiệp gồm thâu ba giới, ba nhập, hai ấm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, ba thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến. Tức có pháp nghiệp gồm thâu không phải giới, không phải nhập, không phải ấm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Pháp không phải nghiệp gồm thâu mười tám giới, mười hai nhập năm ấm, mười trí nhận biết, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến. Tức có pháp không phải nghiệp gồm thâu mười lăm giới, chín nhập, ba ấm, một trí nhận biết là diệt trí, ba thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

*

Pháp thiện gồm thâu mười giới, bốn nhập, năm ấm, mười trí nhận biết, ba thức nhận biết, hết thấy sử hiện khắp cả ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến. Tức có pháp thiện gồm thâu không phải giới, không phải nhập, không phải ấm, hai trí nhận biết là diệt trí và đạo trí, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Pháp bất thiện gồm thâu mười giới, bốn nhập, năm ấm, bảy trí nhận biết trừ tử trí và diệt đạo trí, ba thức nhận biết, hết thấy sử hiện khắp nơi cõi Dục sai khiến. Tức có pháp bất thiện gồm thâu không phải giới, không phải nhập, không phải ấm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, hai thân do kiến tập đoạn nơi cõi Dục, không có sử sai hiện khắp khiến.

Pháp vô ký gồm thâu mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy

cõi Sắc, Vô sắc, hai thân do kiến tập đoạn nơi cõi Dục, hết thấy sử hiện khắp sai khiến. Tức có pháp vô ký gồm thân tám giới, tám nhập, không phải ám, không phải trí nhận biết, ba thức nhận biết, hai thân do kiến khổ tập đoạn nơi cõi Sắc, Vô sắc, không sử hiện khắp sai khiến.

*

Pháp do kiến đoạn gồm thân ba giới, hai nhập, bốn ám, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử do kiến đoạn sai khiến. Tức có pháp do kiến đoạn gồm thân không phải giới, không phải nhập, không phải ám, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, hai thân do kiến khổ, kiến tập đoạn nơi ba cõi, không phải sử hiện bày khắp sai khiến.

Pháp do tu đoạn gồm thân mười tám giới, mười hai nhập, năm ám, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử do tu đoạn và hết thấy sử hiện khắp sai khiến. Tức có pháp do tu đoạn gồm thân mười lăm giới, mười nhập, không phải ám, không phải trí nhận biết, năm thức nhận biết, hết thấy sử do tu đoạn sai khiến.

Pháp không đoạn gồm thân ba giới, hai nhập, năm ám, tám trí nhận biết trừ khổ trí và tập trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến. Tức có pháp không đoạn gồm thân không phải giới, không phải nhập, không phải ám, hai trí nhận biết là diệt trí và đạo trí, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

*

Pháp học gồm thân ba giới, hai nhập, năm ám, bảy trí nhận biết trừ khổ trí, tập trí và diệt trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến. Tức có pháp học gồm thân không phải giới, không phải nhập, không phải ám, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Pháp vô học: Không có.

Pháp phi học phi vô học gồm thâu mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, bảy trí nhận biết trừ tỷ trí và diệt đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến. Tức có pháp phi học phi vô học gồm thâu mười lăm giới, mười nhập, không phải ấm, ba trí nhận biết là khổ tập diệt trí, năm thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến.

*

Pháp thuộc cõi Dục gồm thâu mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, bảy trí nhận biết trừ tỷ trí và diệt đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến. Tức có pháp thuộc cõi Dục gồm thâu bốn giới, hai nhập, không phải ấm, không phải trí nhận biết, hai thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến.

Pháp thuộc cõi Sắc gồm thâu mười bốn giới, mười nhập, năm ấm, bảy trí nhận biết trừ pháp trí và diệt đạo trí, bốn thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Sắc sai khiến. Tức có pháp thuộc cõi Sắc gồm thâu không phải giới, không phải nhập, không phải ấm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Sắc sai khiến.

Pháp thuộc cõi Vô sắc gồm thâu ba giới, hai nhập, bốn ấm, sáu thức nhận biết trừ pháp trí, tri tha tâm trí và diệt đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Vô sắc sai khiến. Tức có pháp thuộc cõi Vô sắc gồm thâu không phải giới, không phải nhập, không phải ấm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Vô sắc sai khiến.

Pháp không hệ thuộc gồm thâu ba giới, hai nhập, năm ấm, tám trí nhận biết trừ khổ trí và tập trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến. Tức có pháp không hệ thuộc gồm thâu không phải giới, không phải nhập, không phải ấm, hai trí nhận biết là diệt trí và đạo trí, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

*

Pháp quá khứ gồm thâu mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến. Tức có pháp quá khứ gồm thâu không phải giới, không phải nhập, không phải âm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Như pháp quá khứ, pháp vị lai, hiện tại cũng như vậy.

Pháp không phải quá khứ, vị lai, hiện tại gồm thâu một giới, một nhập, không gồm thâu âm, sáu trí nhận biết trừ tri tha tâm trí và khổ tập đạo trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến. Tức có pháp không phải quá khứ, vị lai, hiện tại gồm thâu không phải giới, không phải nhập, không phải âm, một trí nhận biết là diệt trí, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

*

Pháp thuộc khổ đế nói rộng như khổ đế. Tức có pháp thuộc khổ đế gồm thâu không phải giới, không phải nhập, không phải âm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Như pháp thuộc khổ đế, pháp thuộc tập đế cũng như vậy.

Pháp thuộc diệt đế như diệt đế. Tức có pháp thuộc diệt đế gồm thâu không phải giới, không phải nhập, không phải âm, một trí nhận biết là diệt trí, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Pháp thuộc đạo đế như đạo đế. Tức có pháp thuộc đạo đế gồm thâu không phải giới, không phải nhập, không phải âm, một trí nhận biết là đạo trí, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Pháp không thuộc về đế gồm thâu một giới, một nhập, không phải âm, một trí nhận biết là đẳng trí, một thức nhận biết, không phải sử sai khiến. Tức có pháp không thuộc về đế gồm thâu không

phải giới, không phải nhập, không phải âm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

*

Pháp do kiến khổ đoạn gồm thân ba giới, hai nhập, bốn âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử hiện khắp do kiến khổ đoạn và hết thấy sử hiện khắp do kiến tập đoạn sai khiến. Tức có pháp do kiến khổ đoạn gồm thân không phải giới, không phải nhập, không phải âm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, tức không có sử hiện bày khắp do kiến khổ đoạn sai khiến.

Như thế kiến tập đoạn có sai khác: Là do kiến tập đoạn không có sử hiện bày khắp sai khiến. Như vậy kiến diệt đoạn có sai khác: Là do kiến diệt đoạn có hết thấy sử sai khiến. Như vậy kiến đạo đoạn có sai khác: Là kiến đạo đoạn có hết thấy sử sai khiến.

Pháp do tu đoạn gồm thân mười tám giới, mười hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, sáu thức nhận biết, hết thấy sử do tu đoạn sai khiến và hết thấy sử hiện khắp sai khiến. Tức có pháp do tu đoạn gồm thân mười lăm giới, mười nhập, không phải âm, không phải trí nhận biết, năm thức nhận biết, hết thấy sử do tu đoạn sai khiến.

Pháp không đoạn gồm thân ba giới, hai nhập, năm âm, tám trí nhận biết trừ khổ trí và tập trí, một thức nhận biết, sử không sai khiến. Tức có pháp không đoạn gồm thân không phải giới, không phải nhập, không phải âm, hai trí nhận biết là diệt trí và đạo trí, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

*

Sắc âm gồm thân mười một giới, mười một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ tri tha tâm trí và diệt trí, sáu thức nhận biết, hết thấy

sử hiện bày khắp hai cõi Dục, Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến. Tức có sắc âm gồm sáu mươi giới, mười nhập, một âm, không phải trí nhận biết, năm thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Thọ âm gồm sáu mươi giới, một nhập, một âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến. Tức có thọ âm gồm sáu mươi giới, không phải nhập, một âm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Như thọ âm, tướng âm, hành âm cũng như vậy.

Thức âm gồm sáu mươi giới, một nhập, một âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến. Tức có thức âm gồm sáu mươi giới, một nhập, một âm, không phải trí nhận biết, không phải sử sai khiến.

*

Nhãn nhập gồm sáu mươi giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tri tha tâm trí và diệt đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử hiện bày khắp hai cõi Dục, Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến. Tức có nhãn nhập gồm sáu mươi giới, một nhập, không phải âm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Như nhãn nhập, nhĩ, tỷ, thiệt, thân nhập, nhãn giới, nhĩ, tỷ, thiệt, thân giới, nhãn căn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn cũng như vậy.

Sắc nhập gồm sáu mươi giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tri tha tâm trí và diệt đạo trí, hai thức nhận biết, hết thấy sử hiện bày khắp hai cõi Dục, Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến. Tức có sắc nhập gồm sáu mươi giới, một nhập, không phải âm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Như sắc nhập, thanh nhập, xúc nhập, sắc giới, thanh giới, xúc giới cũng như vậy.

Hương nhập gồm thâu một giới, một nhập, một âm, sáu trí nhận biết trừ tỷ trí, tri tha tâm trí, diệt trí và đạo trí, hai thức nhận biết, hết thấy sử hiện bày khắp cõi Dục sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến. Tức có hương nhập gồm thâu một giới, một nhập, không phải âm, không phải trí nhận biết, một thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Như hương nhập, vị nhập, hương giới, vị giới cũng như vậy.

Ý nhập gồm thâu bảy giới, một nhập, một âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến. Tức có ý nhập gồm thâu bảy giới, một nhập, một âm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Như ý nhập, ý giới, ý căn cũng như vậy.

Pháp nhập gồm thâu một giới, một nhập, bốn âm, mười trí nhận biết, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến. Tức có pháp nhập gồm thâu một giới, một nhập, ba âm, một trí nhận biết là diệt trí, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Như pháp nhập, pháp giới cũng như vậy.

Nhãn thức giới gồm thâu hai giới, một nhập, một âm, tám trí nhận biết trừ diệt trí và đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử hiện bày khắp hai cõi Dục, Sắc sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến. Tức có nhãn thức giới gồm thâu một giới, không phải nhập, không phải âm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Như nhãn thức giới, nhĩ thức giới, thân thức giới cũng như vậy.

Tỷ thức giới gồm thâu hai giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tỷ trí và diệt đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử hiện bày khắp cõi Dục sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến. Tức có tỷ thức giới gồm thâu một giới, không phải nhập, không phải âm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Như tử thức giới, thiết thức giới cũng như vậy.

Ý thức giới gồm sáu hai giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tử trí và diệt đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến. Tức có ý thức giới gồm sáu một giới, không phải nhập, không phải âm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Nữ căn gồm sáu một giới, một nhập, một âm, sáu trí nhận biết trừ tử trí, tri tha tâm trí và diệt đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử hiện khắp cõi Dục sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến. Tức có nữ căn gồm sáu không phải giới, không phải nhập, không phải âm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Như nữ căn, nam căn cũng như vậy.

Mạng căn gồm sáu một giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tri tha tâm trí và diệt đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử hiện bày khắp ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến. Tức có mạng căn gồm sáu không phải giới, nhập, âm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Lạc căn gồm sáu một giới, một nhập, một âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Sắc, hết thấy sử hiện bày khắp cõi Dục sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến. Tức có lạc căn gồm sáu không phải giới, không phải nhập, không phải âm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Hỷ căn gồm sáu một giới, một nhập, một âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Sắc sai khiến, trừ vô lậu duyên nghi nơi cõi Dục tương ưng với vô minh, còn lại là hết thấy sử nơi cõi Dục. Tức có hỷ căn gồm sáu không phải giới, không phải nhập, không phải âm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Ưu căn gồm thân một giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tỷ trí và diệt đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Dục sai khiến. Tức có ưu căn gồm thân không phải giới, không phải nhập, không phải âm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Xả căn gồm thân một giới, một nhập, một âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử sai khiến. Tức có xả căn gồm thân không phải giới, không phải nhập, không phải âm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Tín căn gồm thân một giới, một nhập, một âm, chín trí nhận biết trừ diệt trí, một thức nhận biết, hết thấy sử nơi ba cõi sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến. Tức có tín căn gồm thân không phải giới, không phải nhập, không phải âm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Như tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn cũng như vậy.

Khổ căn gồm thân một giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tỷ trí và diệt đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử hiện bày khắp cõi Dục sai khiến và sử do tu đoạn sai khiến. Tức có khổ căn gồm thân không phải giới, không phải nhập, không phải âm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Vị tri đương tri căn gồm thân ba giới, hai nhập, ba âm, bảy trí nhận biết trừ khổ trí, tập trí và diệt trí, một thức nhận biết, không phải sử sai khiến. Tức có vị tri đương tri căn gồm thân không phải giới, không phải nhập, không phải âm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Như vị tri đương tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn cũng như vậy.

Sử thuộc cõi Dục do kiến khổ đoạn gồm thân một giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tử trí và diệt đạo trí, một thức nhận biết, tất cả sử thuộc cõi Dục do kiến khổ đoạn sai khiến, cùng hết thấy sử hiện bày khắp do kiến tập đoạn sai khiến. Tức có sử thuộc cõi Dục do kiến khổ đoạn không phải gồm thân giới, nhập, âm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Sử thuộc cõi Dục do kiến tập đoạn gồm thân một giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tử trí và diệt đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử thuộc cõi Dục do kiến tập đoạn sai khiến, cùng hết thấy sử hiện bày khắp do kiến khổ đoạn sai khiến. Tức có sử thuộc cõi Dục do kiến tập đoạn không phải gồm thân giới, nhập, âm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Sử thuộc cõi Dục do kiến diệt đoạn gồm thân một giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tử trí và diệt đạo trí, một thức nhận biết, trừ vô lậu duyên nơi vô minh bất cộng thuộc cõi Dục do kiến diệt đoạn, như còn lại là hết thấy sử thuộc cõi Dục do kiến diệt đoạn, cùng hết thấy sử hiện bày khắp sai khiến. Tức có sử thuộc cõi Dục do kiến diệt đoạn không gồm thân giới, nhập, âm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Như do kiến diệt đoạn, do kiến đạo đoạn cũng như vậy.

Sử thuộc cõi Dục do tu đoạn gồm thân một giới, một nhập, một âm, bảy trí nhận biết trừ tử trí và diệt đạo trí, một thức nhận biết, hết thấy sử nơi cõi Dục do tu đoạn sai khiến, cùng hết thấy sử hiện bày khắp sai khiến. Tức có sử thuộc cõi Dục do tu đoạn không gồm thân giới, nhập, âm, không phải trí nhận biết, không phải thức nhận biết, không phải sử sai khiến.

Như thuộc cõi Dục, thuộc cõi Sắc, thuộc cõi Vô sắc có sai biệt: Là thuộc cõi Sắc, Vô sắc, tức sử do kiến khổ, tập, diệt, đạo, tu đoạn,

sáu trí nhận biết trừ pháp trí, tri tha tâm trí, diệt trí và đạo trí, ngoài ra như trước đã nói.

*Kính lễ Tối Chân giác
 Bạc vô vi thứ nhất
 Kính lễ Tối Tịch diệt
 Cùng đạo diệu ba thừa.
 Kính lễ Tối dứt tâm
 Tăng giới tịnh, trong mát
 Nay quy nương Tam bảo
 Nhằm thông tỏ nẻo mâu.
 Nguyên oai thần gia bị
 Tất thông, không ngưng, lấp
 Các tôn nhân xa xưa
 Nơi nghĩa rất thâm diệu.
 Hoàn toàn không chướng ngại
 Kết tập các kinh điển
 Giúp Thánh nêu pháp độ
 Kính thuận ba Tạng báu.
 Nơi nước Phật du hóa
 Chúng Hiền cùng hoằng truyền
 Cõi này vẫn chẳng lưu
 Lý chìm nơi giấy mực.
 Con Tỳ-kheo dòng Thích
 Cầu Na Bạt Đà La
 Nơi Chúng Sự phần này
 Định đúng văn bản Phạn.
 Thịnh Tỳ-kheo Thích Ca
 Sư Bồ Đề Da Xá
 Đối văn điển Phạn kia
 Chuyên tinh lời Tổng dịch.*

*Cầm bút ghi, tâm nhận
Mỗi mỗi theo nghĩa sách
Câu vị thơ đã định
Kính trình bậc Tăng cụ.
Thật không vì tiếng khen
Chỉ nhằm thêm chúng học
Xin đem chút duyên này
Khéo tỏ các pháp tướng.
Thấu đạt bốn chân đế
An trụ Niết-bàn lạc.*

HẾT - QUYỂN 12

SỐ 1542/18
LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHẨM LOẠI TỨC

*Tác giả: Tôn giả Thế Hữu.
Hán dịch: Đồi Đường, Tam Tạng Pháp sư Huyền Tráng.
Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.*

QUYỂN 1

Phẩm 1: BIỆN VỀ NĂM SỰ

* **Nêu dẫn các pháp:** Có năm pháp. *Những gì là năm?* 1. Sắc. 2. Tâm. 3. Tâm sở pháp. 4. Tâm bất tương ưng hành. 5. Vô vi.

1. *Thế nào là Sắc?*

Đáp: Là các sắc hiện có nơi tất cả bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo ra.

Những gì là bốn đại chủng? Là địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới.

Những gì là sắc được tạo? Là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, sắc, thanh, hương, vị, một phần được tiếp xúc và sắc vô biểu.

2. *Thế nào là Tâm?*

Đáp: Là tâm, ý, thức. Đây lại là thế nào? Là sáu thức thân, tức nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức.

3. Thế nào là Tâm sở pháp?

Đáp: Là như tâm, pháp tương ưng. Đây lại là thế nào? Là thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý, dục, thắng giải, niệm, định, tuệ, tín, cần, tầm, tứ, phóng dật, bất phóng dật, căn thiện, căn bất thiện, căn vô ký, tất cả kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não, triền, các trí hiện có, các kiến hiện có, các thứ hiện quán hiện có. Lại còn có các loại pháp như thế tương ưng với tâm, gọi chung là Tâm sở pháp.

4. Thế nào là Tâm bất tương ưng hành?

Đáp: Là những pháp không tương ưng với tâm. Đây lại là thế nào? Là đắc, định vô tướng, định diệt, sự vô tướng, mạng căn, chúng đồng phận, y đắc, sự đắc, xứ đắc, tánh sinh, lão, trụ, vô thường, danh thân, cú thân, văn thân. Lại còn có các pháp cùng loại như thế không tương ưng với tâm, gọi chung là Tâm bất tương ưng hành.

5. Thế nào là Vô vi?

Đáp: Là ba thứ vô vi: Hư không. Phi trạch diệt. Trạch diệt.

**

* Giải thích các pháp vừa nêu trên:

1. Nói về Sắc:

Thế nào là Địa giới? Là tánh cứng chắc.

Thế nào là Thủy giới? Là tánh thấm ướt.

Thế nào là Hỏa giới? Là tánh ấm nóng.

Thế nào là Phong giới? Là tánh lay động như nhẹ nhàng v.v...

Thế nào là Nhãn căn? Là sắc tịnh làm chỗ dựa cho nhãn thức.

Thế nào là Nhĩ căn? Là sắc tịnh làm chỗ dựa cho nhĩ thức.

Thế nào là Tỷ căn? Là sắc tịnh làm chỗ dựa cho tỷ thức.

Thế nào là Thiệt căn? Là sắc tịnh làm chỗ dựa cho thiệt thức.

Thế nào là Thân căn? Là sắc tịnh làm chỗ dựa cho thân thức.

Thế nào là Sắc? Là các sắc hiện có, hoặc sắc hiện rõ, đẹp, hoặc sắc hiện rõ xấu, hoặc trung gian giữa hai thứ trên, tức tương tự với sắc nơi xứ hiện rõ. Các sắc như thế do hai thức nhận biết là nhãn thức và ý thức. Ở đây, một loại nhãn thức nhận biết trước, tức nhãn thức thọ nhận xong ý thức mới nhận biết theo.

Thế nào là Thanh? Là tiếng, tiếng này có hai: Nghĩa là tiếng có chấp nhận đại chúng làm nhân và tiếng không chấp nhận đại chúng làm nhân. Các thứ tiếng như thế do hai thức nhận biết là nhĩ thức và ý thức. Ở đây, một loại nhĩ thức nhận biết trước, tức nhĩ thức thọ nhận xong ý thức mới nhận biết theo.

Thế nào là Hương? Là các mùi hiện có, hoặc mùi thơm, hoặc mùi thối, hoặc mùi trung bình do mũi ngửi. Các hương như thế do hai thức nhận biết là tỷ thức và ý thức. Ở đây, một loại tỷ thức nhận biết trước, tức tỷ thức thọ nhận xong ý thức mới nhận biết theo.

Thế nào là Vị? Là mọi thứ vị hiện có, hoặc vừa ý, hoặc không vừa ý, hoặc thuận theo xứ xả bỏ do lưỡi nếm. Các vị như thế do hai thức nhận biết là thiệt thức và ý thức. Ở đây, một loại thiệt thức nhận biết trước, tức thiệt thức thọ nhận xong ý thức mới nhận biết theo.

Thế nào là Một phần được tiếp xúc? Là các tánh chất trơn, nhám, nhẹ, nặng, lạnh, đói, khát, là đối tượng được thân tiếp xúc. Các xúc và bốn đại chúng như thế do hai thức nhận biết là thân thức và ý thức. Ở đây một loại thân thức nhận biết trước là thân thức thọ nhận xong ý thức mới nhận biết theo.

Thế nào là Sắc vô biểu? Là sắc thuộc về pháp xứ. Sắc này và năm sắc căn nơi tất cả thời do một thức nhận biết là ý thức.

2. Nói về Tâm:

Thế nào là Nhãn thức? Là nương nơi nhãn căn đều phân biệt rõ về sắc.

Thế nào là Nhĩ thức? Là nương nơi nhĩ căn đều phân biệt rõ về tiếng.

Thế nào là Tỷ thức? Là nương nơi tỷ căn đều phân biệt rõ về hương.

Thế nào là Thiệt thức? Là nương nơi thiệt căn đều phân biệt rõ về vị.

Thế nào là Thân thức? Là nương nơi thân căn đều phân biệt rõ về đối tượng được tiếp xúc.

Thế nào là Ý thức? Là nương nơi ý căn đều phân biệt rõ về các pháp.

*

3. Nói về Tâm sở pháp:

Thế nào là Thọ? Là tánh lãnh nạp. Thọ này có ba thứ là lạc thọ, khổ thọ và thọ không khổ không lạc.

Thế nào là Tưởng? Là tánh nhận lấy hình tượng. Tưởng này có ba thứ là tưởng nhỏ, tưởng lớn và tưởng vô lượng.

Thế nào là Tư? Là tánh của tâm tạo tác, tức là ý nghiệp. Tư này có ba thứ là tư thiện, tư bất thiện và tư vô ký.

Thế nào là Xúc? Là tánh hòa hợp của ba thứ. Xúc này có ba loại là xúc thuận với lạc thọ, xúc thuận với khổ thọ và xúc thuận với thọ không khổ không lạc.

Thế nào là Tác ý? Là tánh tỉnh thức nhận biết của tâm. Tác ý này có ba thứ là tác ý học, tác ý vô học và tác ý phi học phi vô học.

Thế nào là Dục? Là tánh ưa thích tạo tác.

Thế nào là Thắng giải? Là tánh hiểu biết rõ, đúng đắn của tâm đã hiểu rõ, sẽ hiểu rõ.

Thế nào là Niệm? Là tánh ghi nhớ sáng tỏ của tâm.

Thế nào là Định? Là tánh của tâm chuyên nhất nơi cảnh.

Thế nào là Tuệ? Là tánh lựa chọn pháp của tâm.

Thế nào là Tín? Là tánh lặng sạch của tâm.

Thế nào là Cần? Là tánh dũng mãnh của tâm.

Thế nào là Tầm? Là tánh động thô của tâm.

Thế nào là Tứ? Là tánh động vi tế của tâm.

Thế nào là Phóng dật? Là tánh không tu tập pháp thiện.

Thế nào là Bất phóng dật? Là tánh tu tập pháp thiện.

Thế nào là Căn thiện? Là ba căn thiện: căn thiện không tham, căn thiện không sân, căn thiện không si.

Thế nào là Căn bất thiện? Là ba căn bất thiện: căn bất thiện tham, căn bất thiện sân, căn bất thiện si.

Thế nào là Căn vô ký? Là bốn căn vô ký: ái vô ký, kiến vô ký, mạn vô ký, vô minh vô ký.

Thế nào là Kiết? Kiết có chín thứ: Kiết ái, kiết sân, kiết mạn, kiết vô minh, kiết kiến, kiết thủ, kiết nghi, kiết tật (ganh ghét), kiết xan (keo kiết).

Thế nào là kiết ái? Là tham nơi ba cõi.

Thế nào là kiết sân? Là đối với các hữu tình có thể làm tổn hại.

Thế nào là kiết mạn? Là bảy thứ mạn: mạn, quá mạn, mạn quá mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn, ty mạn, tà mạn. *Mạn*: Là đối với

kém cho mình là hơn, hoặc đối với sự ngang bằng cho mình là bằng. Do chính mạn này nên đã kiêu mạn, sẽ kiêu mạn, tâm tự đề cao, tâm ý thị khinh miệt. *Quá mạn*: Là đối với sự ngang bằng cho mình là hơn, hoặc đối với chỗ hơn cho mình là bằng họ. Do chính mạn này nên đã kiêu mạn, sẽ kiêu mạn, tâm tự đề cao, tâm ý thị khinh miệt. *Mạn quá mạn*: Là đối với người hơn mình cho mình là hơn. Do chính mạn ấy nên đã kiêu mạn, sẽ kiêu mạn, tâm tự đề cao, tâm ý thị khinh miệt. *Ngã mạn*: Là đối với năm thủ uẩn v.v... tùy quán chấp ngã hoặc ngã sở. Do chính mạn này nên đã kiêu mạn, sẽ kiêu mạn, tâm tự đề cao, tâm ý thị khinh miệt. *Tăng thượng mạn*: Là đối với pháp chứng thắng thượng chưa đạt được, chưa đạt đến, chưa tiếp xúc, chưa chứng nhập, nhưng cho là mình đã đạt được, đã đạt đến, đã tiếp xúc, đã chứng nhập. Do chính mạn này nên đã kiêu mạn, sẽ kiêu mạn, tâm tự đề cao, tâm ý thị khinh miệt. *Ty mạn*: Là đối với người khác hơn mình rất nhiều cho là mình chỉ kém họ chút ít. Do chính mạn này nên đã kiêu mạn, sẽ kiêu mạn, tâm tự đề cao, tâm ý thị khinh miệt. *Tà mạn*: Là thật sự không có đức nhưng cho là mình có đức. Do chính mạn này nên đã kiêu mạn, sẽ kiêu mạn, tâm tự đề cao, tâm ý thị khinh miệt.

Thế nào là kiết vô minh? Là không có trí hiểu biết về ba cõi.

Thế nào là kiết kiến? Là ba thứ kiến: hữu thân kiến, biên chấp kiến, tà kiến. *Hữu thân kiến*: Là đối với năm thủ uẩn v.v... tùy quán chấp ngã hoặc ngã sở. Do đây nên khởi thọ nhận, ưa thích chấp nơi tuệ quán. *Biên chấp kiến*: Là đối với năm thủ uẩn v.v... tùy quán chấp hoặc đoạn, hoặc thường. Do đây nên khởi thọ nhận, ưa thích chấp nơi tuệ quán. *Tà kiến*: Là hủy báng nhân quả, hoặc hủy báng tác dụng, hoặc hủy hoại sự thật. Do đây nên khởi thọ nhận, ưa thích chấp nơi tuệ quán.

Thế nào là kiết thủ? Là hai thứ thủ: kiến thủ, giới cấm thủ. *Kiến thủ*: Là đối với năm thủ uẩn v.v... tùy quán chấp cho là hơn hết, là tột bậc. Do đây nên khởi thọ nhận, ưa thích chấp nơi tuệ quán. *Giới cấm*

thủ: Là đối với năm thủ uẩn v.v... tùy quán cho là có thể thanh tịnh, có thể giải thoát, có thể xuất ly. Do vậy nên khởi thọ nhận, ưa thích chấp nơi tuệ quán.

Thế nào là kiết nghi? Là đối với chân lý (Đế) còn do dự.

Thế nào là kiết tật? Là tâm đổ ky.

Thế nào là kiết xan? Là tâm bòn sẻn, keo kiệt.

Thế nào là Phược? Các kiết cũng gọi là phược (trói buộc). Lại có ba thứ trói buộc: trói buộc của tham, trói buộc của sân, trói buộc của si.

Thế nào là Tùy miên? Tùy miên có bảy thứ: tùy miên dục tham, tùy miên sân, tùy miên hữu tham, tùy miên mạn, tùy miên vô minh, tùy miên kiến, tùy miên nghi.

Tùy miên dục tham có năm thứ: Là tham thuộc cõi Dục do kiến khổ, tập, diệt, đạo cùng do tu đạo đoạn trừ.

Tùy miên sân có năm thứ: Là sân do kiến khổ, tập, diệt, đạo cùng do tu đạo đoạn trừ.

Tùy miên hữu tham có mười thứ: Là thuộc cõi Sắc có năm, thuộc cõi Vô sắc có năm. Thuộc cõi Sắc có năm: Nghĩa là tham thuộc cõi Sắc do kiến khổ, tập, diệt, đạo cùng do tu đạo đoạn trừ. Thuộc cõi Vô sắc có năm: Cũng như vậy.

Tùy miên mạn có mười lăm thứ: Là thuộc cõi Dục có năm, thuộc cõi Sắc có năm, thuộc cõi Vô sắc có năm. Thuộc cõi Dục có năm: Là mạn thuộc cõi Dục do kiến khổ, tập, diệt, đạo cùng do tu đạo đoạn trừ. Thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc đều có năm cũng như vậy.

Tùy miên vô minh có mười lăm thứ: Là thuộc cõi Dục có năm, thuộc cõi Sắc có năm, thuộc cõi Vô sắc có năm. Thuộc cõi Dục có năm: Là vô minh thuộc cõi Dục do kiến khổ, tập, diệt, đạo cùng do tu đạo đoạn trừ. Thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc đều có năm cũng như vậy.

Tùy miên kiến có ba mươi sáu thứ: Là thuộc cõi Dục có mười hai, thuộc cõi Sắc có mười hai, thuộc cõi Vô sắc có mười hai. Thuộc cõi Dục có mười hai: Là hữu thân kiến, biên chấp kiến thuộc cõi Dục do kiến khổ, tập, diệt, đạo đoạn trừ, cùng do kiến khổ, kiến đạo đoạn trừ kiến thủ, giới cấm thủ của tà kiến, do kiến tập, kiến diệt đoạn trừ kiến thủ của tà kiến. Thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc đều có mười hai cũng như vậy.

Tùy miên nghi có mười hai thứ: Là thuộc cõi Dục có bốn, thuộc cõi Sắc có bốn, thuộc cõi Vô sắc có bốn. Thuộc cõi Dục có bốn: Là nghi thuộc cõi Dục do kiến khổ, tập, diệt, đạo đoạn trừ. Thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc đều có bốn cũng như vậy.

Thế nào là Tùy phiền não? Là các tùy miên cũng gọi là tùy phiền não, nhưng có tùy phiền não không gọi là tùy miên, nghĩa là trừ các nhiễm ô khác của tùy miên.

Thế nào là Triền? Sự trói buộc của tâm sở nơi hành uẩn có tám thứ (triền): Là hôn trầm, trạo cử, thù miên, ố tác (hối), tật, xan, vô tà (không hổ), vô quý (không thẹn).

Thế nào là Các trí hiện có? Là có mười trí: Pháp trí, loại trí, tha tâm trí, thế tục trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tận trí, vô sinh trí.

Thế nào là pháp trí? Là các trí vô lậu thuộc cõi Dục duyên nơi các hành, duyên nơi nhân của các hành, duyên nơi diệt của các hành, duyên nơi đạo có thể đoạn trừ các hành. Lại có các trí vô lậu duyên nơi pháp trí và địa của pháp trí cũng gọi là pháp trí.

Thế nào là loại trí? Là các trí vô lậu thuộc cõi Sắc, Vô sắc duyên nơi các hành, duyên nơi nhân của các hành, duyên nơi diệt của các hành, duyên nơi đạo có thể đoạn trừ các hành. Lại có các trí vô lậu duyên nơi loại trí và địa của loại trí cũng gọi là loại trí.

Thế nào là tha tâm trí? Là như trí do tu tập tạo thành, là quả dựa vào sự tu tập, tu tập xong đạt được trí không mất, thuộc cõi Dục, cõi

Sắc hòa hợp hiện tiền, nhận biết về tâm tâm sở nơi kẻ khác và một phần vô lậu nơi tâm, tâm sở của kẻ khác, đều gọi là tha tâm trí.

Thế nào là thế tục trí? Là các tuệ hữu lậu.

Thế nào là khổ trí? Là trí vô lậu đã khởi đối với năm thủ uẩn tu duy về vô thường, khổ, không, vô ngã.

Thế nào là tập trí? Là trí vô lậu đã khởi đối với nhân hữu lậu tu duy về nhân, tập, sinh, duyên.

Thế nào là diệt trí? Là trí vô lậu đã khởi đối với trạch diệt tu duy về diệt, tĩnh, diệu, ly.

Thế nào là đạo trí? Là trí vô lậu đã khởi đối với Thánh đạo tu duy về đạo, như, hành, xuất.

Thế nào là tận trí? Là tự nhận biết khắp: Ta đã biết khổ, ta đã đoạn tập, ta đã chứng diệt, ta đã tu đạo, do đây đây khởi trí, kiến, minh, giác, tuệ thông tỏ, quán sáng rõ, đều gọi là tận trí.

Thế nào là vô sinh trí? Là tự nhận biết khắp: Ta đã biết khổ, không còn biết nữa. Ta đã đoạn tập, không còn đoạn nữa, ta đã chứng diệt, không còn chứng nữa. Ta đã tu đạo, không còn tu nữa. Do đây đây khởi trí, kiến, minh, giác, tuệ thông tỏ, quán sáng rõ, đều gọi là vô sinh trí.

Thế nào là Các kiến hiện có? Các trí cũng gọi là kiến, nhưng có kiến không phải là trí. Có tám thứ nhãn của hiện quán biên: 1. Khổ pháp trí nhãn. 2. Khổ loại trí nhãn. 3. Tập pháp trí nhãn. 4. Tập loại trí nhãn. 5. Diệt pháp trí nhãn. 6. Diệt loại trí nhãn. 7. Đạo pháp trí nhãn. 8. Đạo loại trí nhãn.

Thế nào là Các thứ hiện quán hiện có? Hoặc trí, hoặc kiến đều gọi là hiện quán.

4. Nói về Tâm bất tương ưng hành:

Thế nào là Đắc? Là được các pháp.

Thế nào là Định vô tướng? Là đã lìa nhiễm ở cõi Biến tịnh, chưa lìa nhiễm ở cõi trên, tác ý của tướng xuất ly, vì trước là diệt tâm, tâm sở.

Thế nào là Định diệt? Là đã lìa nhiễm nơi Vô sở hữu xứ, tác ý chấm dứt tướng, vì trước là diệt tâm, tâm sở.

Thế nào là Sự vô tướng? Là tâm, tâm sở đã diệt của hữu tình sinh trong cõi trời Vô tướng.

Thế nào là Mạng căn? Là thọ mạng trong ba cõi.

Thế nào là Chủng đồng phận? Là tánh đồng loại của hữu tình.

Thế nào là Y đắc? Là được nơi chốn nương dựa.

Thế nào là Sự đắc? Là được các uẩn.

Thế nào là Xứ đắc? Là được các xứ trong ngoài.

Thế nào là Sinh? Là khiến các uẩn khởi hiện.

Thế nào là Lão? Là khiến các uẩn thành thực.

Thế nào là Trụ? Là khiến các hành đã sinh không hoại.

Thế nào là Vô thường? Là khiến các hành đã sinh hoại diệt.

Thế nào là Danh thân? Là tăng ngữ.

Thế nào là Cú thân? Là chữ đầy đủ.

Thế nào là Văn thân? Là gồm nhiều chữ.

*

5. Nói về Vô vi:

Thế nào là Hư không? Là thể rỗng lặng rộng lớn, không ngăn ngại, không cản trở mọi hành của sắc.

Thế nào là Phi trạch diệt? Là diệt mọi sai trái, lia trói buộc.

Thế nào là Trạch diệt? Là diệt trừ, là lia trói buộc.

Phẩm 2: BIỆN VỀ CÁC TRÍ, phần 1

Có mười trí: 1. Pháp trí. 2. Loại trí. 3. Tha tâm trí. 4. Thế tục trí. 5. Khổ trí. 6. Tập trí. 7. Diệt trí. 8. Đạo trí. 9. Tận trí. 10. Vô sinh trí.

*

* **Hỏi:** Thế nào là đối tượng duyên của Pháp trí?

Đáp: Là duyên nơi các hành thuộc cõi Dục và một phần pháp vô lậu.

Hỏi: Thế nào là đối tượng duyên của Loại trí?

Đáp: Là duyên nơi các hành thuộc cõi Sắc, Vô sắc và một phần pháp vô lậu.

Hỏi: Thế nào là đối tượng duyên của Tha tâm trí?

Đáp: Là duyên theo sự hòa hợp hiện tiền nơi tâm, tâm sở của người khác ở cõi Dục, cõi Sắc cùng một phần tâm, tâm sở vô lậu của người khác.

Hỏi: Thế nào là đối tượng duyên của Thế tục trí?

Đáp: Là duyên nơi tất cả pháp.

Hỏi: Thế nào là đối tượng duyên của Khổ trí?

Đáp: Là duyên nơi năm thủ uẩn.

Hỏi: Thế nào là đối tượng duyên của Tập trí?

Đáp: Là duyên nơi nhân hữu lậu.

Hỏi: Thế nào là đối tượng duyên của Diệt trí?

Đáp: Là duyên nơi trạch diệt.

Hỏi: Thế nào là đối tượng duyên của Đạo trí?

Đáp: Là duyên nơi pháp học, vô học.

Hỏi: Thế nào là đối tượng duyên của Tận trí?

Đáp: Là duyên nơi tất cả pháp hữu vi và trạch diệt.

Hỏi: Thế nào là đối tượng duyên của Vô sinh trí?

Đáp: Là duyên nơi tất cả pháp hữu vi và trạch diệt.

*

**** Hỏi: Vì sao pháp trí duyên nơi các hành thuộc cõi Dục và một phần pháp vô lậu?***

Đáp: Vì pháp trí nhận biết các hành thuộc cõi Dục: nhân của các hành, diệt các hành và đạo có thể đoạn trừ các hành.

Hỏi: Vì sao loại trí duyên nơi các hành thuộc cõi Sắc, Vô sắc và một phần pháp vô lậu?

Đáp: Vì loại trí nhận biết các hành thuộc cõi Sắc, Vô sắc: nhân của các hành, diệt các hành và đạo có thể đoạn trừ các hành.

Hỏi: Vì sao tha tâm trí duyên theo sự hòa hợp hiện tiền nơi tâm, tâm sở của người khác ở cõi Dục, cõi Sắc và một phần tâm, tâm sở vô lậu của người khác?

Đáp: Vì tha tâm trí nhận biết sự hòa hợp hiện tiền nơi tâm, tâm sở của người khác ở cõi Dục, cõi Sắc cùng một phần tâm, tâm sở vô lậu của người khác.

Hỏi: Vì sao thế tục trí duyên nơi tất cả pháp?

Đáp: Vì thế tục trí nhận biết tất cả pháp hoặc đã dẫn phát như lý, hoặc đã dẫn phát không như lý, hoặc đã dẫn phát không phải như lý không phải không như lý.

Hỏi: Vì sao khở trí duyên nơi năm thủ uẩn?

Đáp: Vì khở trí nhận biết năm thủ uẩn là vô thường, khở, không, vô ngã.

Hỏi: Vì sao tập trí duyên nơi nhân hữu lậu?

Đáp: Vì tập trí nhận biết nhân hữu lậu là nhân, tập, sinh, duyên.

Hỏi: Vì sao diệt trí duyên nơi trạch diệt?

Đáp: Vì diệt trí nhận biết về trạch diệt là diệt, tĩnh, diệu, lìa.

Hỏi: Vì sao đạo trí duyên nơi pháp học, vô học?

Đáp: Vì đạo trí nhận biết pháp học, vô học là đạo, như, hành, xuất.

Hỏi: Vì sao tận trí duyên nơi tất cả pháp hữu vi và trạch diệt?

Đáp: Vì tận trí tự nhận biết khắp: Ta đã biết khở, ta đã đoạn tập, ta đã chứng diệt, ta đã tu đạo.

Hỏi: Vì sao vô sinh trí duyên nơi tất cả pháp hữu vi và trạch diệt?

Đáp: Vì vô sinh trí tự nhận biết khắp: Ta đã biết khở, không còn biết nữa. Ta đã đoạn tập, không còn đoạn nữa. Ta đã chứng diệt, không còn chứng nữa. Ta đã tu đạo, không còn tu nữa.

*

**** Hỏi: Pháp trí có bao nhiêu trí toàn phần và bao nhiêu trí phần ít?***

Đáp: Pháp trí là pháp trí toàn phần và phần ít của bảy trí: tha tâm trí, khở trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tận trí, vô sinh trí.

Hỏi: Loại trí có bao nhiêu trí toàn phần và bao nhiêu trí phần ít?

Đáp: Loại trí là loại trí toàn phần và phần ít của bảy trí: tha tâm trí, khở trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tận trí, vô sinh trí.

Hỏi: Tha tâm trí có bao nhiêu trí toàn phần và bao nhiêu trí phần ít?

Đáp: Tha tâm trí là tha tâm trí toàn phần và phần ít của bốn trí: pháp trí, loại trí, thế tục trí và đạo trí.

Hỏi: Thế tục trí có bao nhiêu trí toàn phần và bao nhiêu trí phần ít?

Đáp: Thế tục trí là thế tục trí toàn phần và phần ít của một trí là tha tâm trí.

Hỏi: Khổ trí có bao nhiêu trí toàn phần và bao nhiêu trí phần ít?

Đáp: Khổ trí là khổ trí toàn phần và phần ít của bốn trí: pháp trí, loại trí, tận trí và vô sinh trí.

Như khổ trí, tập trí, diệt trí cũng như vậy.

Hỏi: Đạo trí có bao nhiêu trí toàn phần và bao nhiêu trí phần ít?

Đáp: Đạo trí là đạo trí toàn phần và phần ít của năm trí: pháp trí, loại trí, tha tâm trí, tận trí và vô sinh trí.

Hỏi: Tận trí có bao nhiêu trí toàn phần và bao nhiêu trí phần ít?

Đáp: Tận trí là tận trí toàn phần và phần ít của sáu trí: pháp trí, loại trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí.

Như tận trí, vô sinh trí cũng như vậy.

*

*** *Hỏi:* Vì sao pháp trí là pháp trí toàn phần?**

Đáp: Vì pháp trí nhận biết các hành thuộc cõi Dục: nhân của các hành, diệt các hành, cùng đạo có thể đoạn trừ các hành.

Vì sao pháp trí là phần ít của tha tâm trí? Vì pháp trí nhận biết về tâm, tâm sở vô lậu của kẻ khác trong đạo có thể đoạn trừ các hành nơi cõi Dục.

Vì sao pháp trí là phần ít của khổ trí? Vì pháp trí nhận biết năm thủ uẩn thuộc cõi Dục là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã.

Vì sao pháp trí là phần ít của tập trí? Vì pháp trí nhận biết nhân của các hành thuộc cõi Dục là nhân, tập, sinh, duyên.

Vì sao pháp trí là phần ít của diệt trí? Vì pháp trí nhận biết các hành diệt thuộc cõi Dục là diệt, tĩnh, diệu, ly.

Vì sao pháp trí là phần ít của đạo trí? Vì pháp trí nhận biết về đạo có thể đoạn trừ các hành thuộc cõi Dục, là đạo, như, hành, xuất.

Vì sao pháp trí là phần ít của tận trí? Vì pháp trí tự nhận biết khắp: Ta đã nhận biết các hành khổ nơi cõi Dục. Ta đã đoạn dứt các hành tập nơi cõi Dục. Ta đã chứng nhập các hành diệt nơi cõi Dục. Ta đã tu tập đạo có thể đoạn trừ các hành thuộc cõi Dục.

Vì sao pháp trí là phần ít của vô sinh trí? Vì pháp trí tự nhận biết khắp: Ta đã nhận biết các hành khổ nơi cõi Dục, không còn nhận biết nữa. Ta đã đoạn dứt các hành tập nơi cõi Dục, không còn đoạn dứt nữa. Ta đã chứng nhập các hành diệt nơi cõi Dục, không còn chứng nữa. Ta đã tu tập đạo có thể đoạn trừ các hành thuộc cõi Dục, không còn tu nữa.

Hỏi: Vì sao loại trí là loại trí toàn phần?

Đáp: Vì loại trí nhận biết rõ các hành thuộc cõi Sắc và Vô sắc: nhân của các hành, diệt các hành, cùng đạo có thể đoạn trừ các hành.

Vì sao loại trí là phần ít của tha tâm trí? Vì loại trí nhận biết về tâm, tâm sở vô lậu của kẻ khác trong đạo có thể đoạn trừ các hành nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Vì sao loại trí là phần ít của khổ trí? Vì loại trí nhận biết năm thủ uẩn nơi cõi Sắc, Vô sắc là vô thường, khổ, không, vô ngã.

Vì sao loại trí là phần ít của tập trí? Vì loại trí nhận biết nhân của các hành nơi cõi Sắc, Vô sắc là nhân, tập, sinh, duyên.

Vì sao loại trí là phần ít của diệt trí? Vì loại trí nhận biết các hành diệt nơi cõi Sắc, Vô sắc là diệt, tĩnh, diệu, ly.

Vì sao loại trí là phần ít của đạo trí? Vì loại trí nhận biết về đạo có thể đoạn trừ các hành nơi cõi Sắc, Vô sắc là đạo, như, hành, xuất.

Vì sao loại trí là phần ít của tận trí? Vì loại trí tự nhận biết khắp: Ta đã nhận biết các hành khổ nơi cõi Sắc, Vô sắc. Ta đã đoạn dứt các hành tập nơi cõi Sắc, Vô sắc. Ta đã chứng nhập các hành diệt nơi cõi Sắc, Vô sắc. Ta đã tu tập đạo có thể đoạn dứt các hành nơi cõi Sắc, Vô sắc.

Vì sao loại trí là phần ít của vô sinh trí? Vì loại trí tự nhận biết khắp: Ta đã nhận biết các hành khổ nơi cõi Sắc, Vô sắc, không còn nhận biết nữa. Ta đã đoạn dứt các hành tập nơi cõi Sắc, Vô sắc, không còn đoạn dứt nữa. Ta đã chứng nhập các hành diệt nơi cõi Sắc, Vô sắc, không còn chứng nữa. Ta đã tu tập đạo có thể đoạn trừ các hành thuộc cõi Sắc, Vô sắc, không còn tu nữa.

Hỏi: Vì sao tha tâm trí là tha tâm trí toàn phần?

Đáp: Vì tha tâm trí nhận biết về tâm, tâm sở của người khác nơi cõi Dục và cõi Sắc đã hòa hợp hiện tiền, cùng một phần tâm, tâm sở vô lậu của người khác.

Vì sao tha tâm trí là phần ít của pháp trí? Vì tha tâm trí nhận biết về tâm, tâm sở vô lậu của người khác trong đạo có thể đoạn dứt các hành thuộc cõi Dục.

Vì sao tha tâm trí là phần ít của loại trí? Vì tha tâm trí nhận biết về tâm, tâm sở vô lậu của người khác trong đạo có thể đoạn trừ các hành thuộc cõi Sắc, Vô sắc.

Vì sao tha tâm trí là phần ít của thế tục trí? Vì tha tâm trí nhận biết về tâm, tâm sở hữu lậu của người khác.

Vì sao tha tâm trí là phần ít của đạo trí? Vì tha tâm trí nhận biết về tâm, tâm sở vô lậu của người khác trong Thánh đạo.

Hỏi: Vì sao thế tục trí là thế tục trí toàn phần?

Đáp: Vì thế tục trí nhận biết tất cả các pháp hoặc đã dẫn phát như lý, hoặc đã dẫn phát không như lý, hoặc đã dẫn phát không phải như lý không phải không như lý.

Vì sao thế tục trí là phần ít của tha tâm trí? Vì thế tục trí nhận biết về tâm, tâm sở hữu lậu của người khác.

Hỏi: Vì sao khổ trí là khổ trí toàn phần?

Đáp: Vì khổ trí nhận biết năm thủ uẩn là vô thường, khổ, không, vô ngã.

Vì sao khổ trí là phần ít của pháp trí? Vì khổ trí nhận biết năm thủ uẩn thuộc cõi Dục là vô thường, khổ, không, vô ngã.

Vì sao khổ trí là phần ít của loại trí? Vì khổ trí nhận biết năm thủ uẩn thuộc cõi Sắc, Vô sắc là vô thường, khổ, không, vô ngã.

Vì sao khổ trí là phần ít của tận trí? Vì khổ trí tự nhận biết khắp: Ta đã nhận biết các khổ.

Vì sao khổ trí là phần ít của vô sinh trí? Vì khổ trí tự nhận biết khắp: Ta đã nhận biết các khổ, không còn nhận biết nữa.

Hỏi: Vì sao tập trí là tập trí toàn phần?

Đáp: Vì tập trí nhận biết các nhân hữu lậu là nhân, tập, sinh, duyên.

Vì sao tập trí là phần ít của pháp trí? Vì tập trí nhận biết nhân của các hành thuộc cõi Dục là nhân, tập, sinh, duyên.

Vì sao tập trí là phần ít của loại trí? Vì tập trí Niết-bàn nhân của các hành thuộc cõi Sắc, Vô sắc là nhân, tập, sinh, duyên.

Vì sao tập trí là phần ít của tận trí? Vì tập trí đã tự nhận biết khắp: Ta đã đoạn dứt các tập.

Vì sao tập trí là phần ít của vô sinh trí? Vì tập trí đã tự nhận biết khắp: Ta đã đoạn dứt các tập, không còn đoạn dứt nữa.

Hỏi: Vì sao diệt trí là diệt trí toàn phần?

Đáp: Vì diệt trí nhận biết trạch diệt là diệt, tĩnh, diệu, ly.

Vì sao diệt trí là phần ít của pháp trí? Vì diệt trí nhận biết các hành diệt thuộc cõi Dục là diệt, tĩnh, diệu, ly.

Vì sao diệt trí là phần ít của loại trí? Vì diệt trí nhận biết các hành diệt thuộc cõi Sắc, Vô sắc là diệt, tĩnh, diệu, ly.

Vì sao diệt trí là phần ít của tận trí? Vì diệt trí đã tự nhận biết khắp: Ta đã chứng đắc các diệt.

Vì sao diệt trí là phần ít của vô sinh trí? Vì diệt trí đã tự nhận biết khắp: Ta đã chứng đắc các diệt, không còn chứng nữa.

Hỏi: Vì sao đạo trí là đạo trí toàn phần?

Đáp: Vì đạo trí nhận biết Thánh đạo là đạo, như, hành, xuất.

Vì sao đạo trí là phần ít của pháp trí? Vì đạo trí nhận biết về đạo có thể đoạn dứt các hành thuộc cõi Dục là đạo, như, hành, xuất.

Vì sao đạo trí là phần ít của loại trí? Vì đạo trí nhận biết về đạo có thể đoạn dứt các hành thuộc cõi Sắc, Vô sắc là đạo, như, hành, xuất.

Vì sao đạo trí là phần ít của tha tâm trí? Vì đạo trí nhận biết về tâm, tâm sở vô lậu của người khác trong Thánh đạo.

Vì sao đạo trí là phần ít của tận trí? Vì đạo trí đã tự nhận biết khắp: Ta đã tu tập đạo.

Vì sao đạo trí là phần ít của vô sinh trí? Vì đạo trí đã tự nhận biết khắp: Ta đã tu tập đạo, không còn tu tập nữa.

Hỏi: Vì sao tận trí là tận trí toàn phần?

Đáp: Vì tận trí đã tự nhận biết khắp: Ta đã biết khổ, ta đã đoạn tập, ta đã chứng diệt, ta đã tu đạo.

Vì sao tận trí là phần ít của pháp trí? Vì tận trí đã tự nhận biết khắp: Nơi cõi Dục ta đã nhận biết các hành khổ, ta đã đoạn dứt các hành tập, ta đã chứng nhập các hành diệt, ta đã tu tập đạo có thể đoạn trừ các hành.

Vì sao tận trí là phần ít của loại trí? Vì tận trí đã tự nhận biết khắp: Nơi cõi Sắc và Vô sắc, ta đã nhận biết các hành khổ, ta đã đoạn dứt các hành tập, ta đã chứng nhập các hành diệt, ta đã tu tập đạo có thể đoạn trừ các hành.

Vì sao tận trí là phần ít của khổ trí? Vì tận trí đã tự nhận biết khắp: Ta đã nhận biết về khổ.

Vì sao tận trí là phần ít của tập trí? Vì tận trí đã tự nhận biết khắp: Ta đã đoạn dứt tập.

Vì sao tận trí là phần ít của diệt trí? Vì tận trí đã tự nhận biết khắp: Ta đã chứng đắc diệt.

Vì sao tận trí là phần ít của đạo trí? Vì tận trí đã tự nhận biết khắp: Ta đã tu tập đạo.

Hỏi: Vì sao vô sinh trí là vô sinh trí toàn phần?

Đáp: Vì vô sinh trí tự nhận biết khắp: Ta đã biết rõ các khổ, không còn biết nữa. Ta đã đoạn dứt các tập, không còn đoạn nữa. Ta đã chứng đắc các diệt, không còn chứng nữa. Ta đã tu tập đạo có thể đoạn trừ các hành, không còn tu nữa.

Vì sao vô sinh trí là phần ít của pháp trí? Vì vô sinh trí tự nhận biết khắp: Nơi cõi Dục, ta đã biết rõ các hành khổ, không còn biết nữa. Ta đã đoạn dứt các hành tập, không còn đoạn nữa. Ta đã chứng

đắc các hành diệt, không còn chứng nữa. Ta đã tu tập đạo có thể đoạn trừ các hành, không còn tu nữa.

Vì sao vô sinh trí là phần ít của loại trí? Vì vô sinh trí tự nhận biết khắp: Nơi cõi Sắc và Vô sắc, ta đã biết rõ các hành khổ, không còn biết nữa. Ta đã đoạn dứt các hành tập, không còn đoạn nữa. Ta đã chứng đắc các hành diệt, không còn chứng nữa. Ta đã tu tập đạo có thể đoạn trừ các hành, không còn tu nữa.

Vì sao vô sinh trí là phần ít của khổ trí? Vì vô sinh trí tự nhận biết khắp: Ta đã nhận biết về khổ, không còn nhận biết nữa.

Vì sao vô sinh trí là phần ít của tập trí? Vì vô sinh trí tự nhận biết khắp: Ta đã đoạn dứt các tập, không còn đoạn nữa.

Vì sao vô sinh trí là phần ít của diệt trí? Vì vô sinh trí tự nhận biết khắp: Ta đã chứng đắc diệt, không còn chứng nữa.

Vì sao vô sinh trí là phần ít của đạo trí? Vì vô sinh trí tự nhận biết khắp: Ta đã tu tập đạo, không còn tu nữa.

HẾT - QUYỂN 1

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHẨM LOẠI TỨC

QUYỂN 2

Phẩm 2: BIỆN VỀ CÁC TRÍ, phần 2

* *Hỏi: Mười trí này:* Bao nhiêu thứ là hữu lậu, bao nhiêu thứ là vô lậu?

Đáp: Một trí là hữu lậu, tám trí là vô lậu, một trí nên phân biệt: Tức tha tâm trí hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là nhận biết tâm, tâm sở pháp hữu lậu của người khác. Thế nào là vô lậu? Là nhận biết tâm, tâm sở pháp vô lậu của người khác.

Hỏi: Mười trí này: Bao nhiêu thứ duyên nơi hữu lậu, bao nhiêu thứ duyên nơi vô lậu?

Đáp: Hai trí duyên nơi hữu lậu, hai trí duyên nơi vô lậu, sáu trí nên phân biệt:

Pháp trí hoặc duyên nơi hữu lậu, hoặc duyên nơi vô lậu. Thế nào là duyên nơi hữu lậu? Là duyên nơi khổ, tập. Thế nào là duyên nơi vô lậu? Là duyên nơi diệt, đạo.

Như pháp trí, loại trí, tận trí, vô sinh trí cũng như vậy.

Tha tâm trí hoặc duyên nơi hữu lậu, hoặc duyên nơi vô lậu. Thế nào là duyên nơi hữu lậu? Là biết rõ tâm, tâm sở pháp hữu lậu của người khác. Thế nào là duyên nơi vô lậu? Là biết rõ tâm, tâm sở pháp vô lậu của người khác.

Thế tục trí hoặc duyên nơi hữu lậu, hoặc duyên nơi vô lậu. Thế nào là duyên nơi hữu lậu? Là duyên nơi khổ, tập. Thế nào là duyên nơi vô lậu? Là duyên nơi diệt, đạo cùng hư không, phi trạch diệt.

*

* **Hỏi: Mười trí này:** Bao nhiêu thứ là hữu vi, bao nhiêu thứ là vô vi?

Đáp: Tất cả là hữu vi.

Hỏi: Mười trí này: Bao nhiêu thứ duyên nơi hữu vi, bao nhiêu thứ duyên nơi vô vi?

Đáp: Bốn trí duyên nơi hữu vi, một trí duyên nơi vô vi, năm trí nên phân biệt: Pháp trí hoặc duyên nơi hữu vi, hoặc duyên nơi vô vi. Thế nào là duyên nơi hữu vi? Là duyên nơi khổ, tập và đạo. Thế nào là duyên nơi vô vi? Là duyên nơi diệt.

Như pháp trí, loại trí, tận trí, vô sinh trí cũng như vậy.

Thế tục trí hoặc duyên nơi hữu vi, hoặc duyên nơi vô vi. Thế nào là duyên nơi hữu vi? Là duyên nơi khổ, tập, đạo. Thế nào là duyên nơi vô vi? Là duyên nơi trạch diệt và hư không, phi trạch diệt.

Phẩm 3: BIỆN VỀ CÁC XÚ

Có mười hai xú: 1. Nhãn xú. 2. Sắc xú. 3. Nhĩ xú. 4. Thanh xú. 5. Tỷ xú. 6. Hương xú. 7. Thiệt xú. 8. Vị xú. 9. Thân xú. 10. Xúc xú. 11. Ý xú. 12. Pháp xú.

**

* **Hỏi: Mười hai xú này:** Bao nhiêu thứ là có sắc, bao nhiêu thứ là không sắc?

Đáp: Mười thứ là có sắc, một thứ là không sắc, một thứ nên phân biệt: Tức pháp xứ hoặc là có sắc, hoặc là không sắc. Thế nào là có sắc? Là pháp xứ gồm thân nghiệp thân, ngữ. Thế nào là không sắc? Là pháp xứ còn lại.

Hỏi: Mười hai xứ này: Bao nhiêu thứ là có thấy, bao nhiêu thứ là không thấy?

Đáp: Một thứ là có thấy, mười một thứ là không thấy.

Hỏi: Mười hai xứ này: Bao nhiêu thứ là có đối, bao nhiêu thứ là không đối?

Đáp: Mười thứ là có đối, hai thứ là không đối.

Hỏi: Mười hai xứ này: Bao nhiêu thứ là hữu lậu, bao nhiêu thứ là vô lậu?

Đáp: Mười thứ là hữu lậu, hai thứ nên phân biệt:

Ý xứ hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là tác ý hữu lậu tương ưng với ý xứ. Thế nào là vô lậu? Là tác ý vô lậu tương ưng với ý xứ.

Pháp xứ hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là pháp xứ gồm thân các nghiệp thân, ngữ hữu lậu và các uẩn thọ, tưởng, hành hữu lậu. Thế nào là vô lậu? Là pháp xứ gồm thân các nghiệp thân, ngữ vô lậu và các uẩn thọ, tưởng, hành vô lậu cùng hư không, hai diệt.

Hỏi: Mười hai xứ này: Bao nhiêu thứ là hữu vi, bao nhiêu thứ là vô vi?

Đáp: Mười một thứ là hữu vi, một thứ nên phân biệt: Tức pháp xứ hoặc là hữu vi, hoặc là vô vi. Thế nào là hữu vi? Là pháp xứ bao gồm các nghiệp thân, ngữ và các uẩn thọ, tưởng, hành. Thế nào là vô vi? Là hư không, hai diệt.

Hỏi: Mười hai xứ này: Bao nhiêu thứ là hữu tránh, bao nhiêu thứ là vô tránh?

Đáp: Mười thứ là hữu tránh, hai thứ nên phân biệt:

Ý xứ, pháp xứ nếu là hữu lậu thì hữu tránh, nếu là vô lậu thì vô tránh.

Như hữu tránh, vô tránh, các thứ thế gian, xuất thế gian, gần với cảnh giới, không gần với cảnh giới, có tham đắm vị, không tham đắm vị, nương vào đắm chấp, nương vào xuất ly, thuận kiết, không thuận kiết, thuận thủ, không thuận thủ, thuận triền, không thuận triền v.v..., nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Mười hai xứ này: Bao nhiêu thứ là hữu ký, bao nhiêu thứ là vô ký?

Đáp: Tám thứ là vô ký, bốn thứ nên phân biệt:

Sắc xứ hoặc là hữu ký, hoặc là vô ký. Thế nào là hữu ký? Là sắc xứ thiện và bất thiện. Thế nào là vô ký? Là trừ sắc xứ thiện và bất thiện, là các sắc xứ còn lại.

Như sắc xứ, thanh xứ, ý xứ, pháp xứ cũng như vậy.

Hỏi: Mười hai xứ này: Bao nhiêu thứ là hữu phú, bao nhiêu thứ là vô phú?

Đáp: Tám thứ là vô phú, bốn thứ nên phân biệt: Sắc xứ hoặc là hữu phú, hoặc là vô phú. Thế nào là hữu phú? Là sắc xứ bất thiện và hữu phú vô ký. Thế nào là vô phú? Là sắc xứ thiện và vô phú vô ký.

Như sắc xứ, thanh xứ, ý xứ, pháp xứ cũng như vậy.

Cũng như hữu phú, vô phú, có nhiễm ô, không nhiễm ô, có tội, không có tội v.v..., nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Mười hai xứ này: Bao nhiêu thứ nên tu, bao nhiêu thứ không nên tu?

Đáp: Tám thứ không nên tu, bốn thứ nên phân biệt: Sắc xứ hoặc nên tu, hoặc không nên tu. Thế nào là nên tu? Là sắc xứ thiện. Thế nào là không nên tu? Là sắc xứ bất thiện và vô ký.

Như sắc xứ, thanh xứ, ý xứ cũng như vậy.

Pháp xứ hoặc nên tu, hoặc không nên tu. Thế nào là nên tu? Là pháp xứ thiện, hữu vi. Thế nào là không nên tu? Là pháp xứ bất thiện, vô ký và trạch diệt.

Hỏi: Mười hai xứ này: Bao nhiêu thứ có dị thực, bao nhiêu thứ không có dị thực?

Đáp: Tám thứ không có dị thực, bốn thứ nên phân biệt: Sắc xứ hoặc có dị thực, hoặc không có dị thực. Thế nào là có dị thực? Là sắc xứ thiện và bất thiện. Thế nào là không có dị thực? Là sắc xứ vô ký.

Như sắc xứ, thanh xứ cũng như vậy.

Ý xứ hoặc có dị thực, hoặc không có dị thực. Thế nào là có dị thực? Là ý xứ hữu lậu thiện và bất thiện. Thế nào là không có dị thực? Là ý xứ vô lậu vô ký.

Như ý xứ, pháp xứ cũng như vậy.

Hỏi: Mười hai xứ này: Bao nhiêu thứ là kiến, bao nhiêu thứ không phải là kiến?

Đáp: Một thứ là kiến, mười thứ không phải là kiến, một thứ nên phân biệt: Tức pháp xứ hoặc là kiến, hoặc không phải là kiến. Thế nào là kiến? Là năm thứ kiến nhiễm ô, chánh kiến thế tục, kiến học và kiến vô học. Thế nào là không phải kiến? Là pháp xứ còn lại.

Hỏi: Mười hai xứ này: Bao nhiêu thứ là trong, bao nhiêu thứ là ngoài?

Đáp: Sáu thứ là trong (nội xứ), sáu thứ là ngoài (ngoại xứ).

Hỏi: Mười hai xứ này: Bao nhiêu thứ có chấp thọ, bao nhiêu thứ không chấp thọ?

Đáp: Hai thứ không chấp thọ, mười thứ nên phân biệt:

Nhãn xứ hoặc là có chấp thọ, hoặc là không chấp thọ. Thế nào là có chấp thọ? Là nhãn xứ thuộc về tự thể. Thế nào là không chấp thọ? Là nhãn xứ không thuộc về tự thể.

Như nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thanh xứ, tỷ xứ, hương xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ cũng như vậy.

Hỏi: Mười hai xứ này: Bao nhiêu thứ là tâm, bao nhiêu thứ không phải là tâm?

Đáp: Một thứ là tâm, mười một thứ không phải là tâm.

Hỏi: Mười hai xứ này: Bao nhiêu thứ là tâm sở, bao nhiêu thứ không phải là tâm sở?

Đáp: Mười một thứ không phải là tâm sở, một thứ nên phân biệt: Tức pháp xứ hoặc là tâm sở, hoặc không phải là tâm sở. Thế nào là tâm sở? Là có đối tượng duyên nơi pháp xứ. Thế nào là không phải tâm sở? Là không có đối tượng duyên nơi pháp xứ.

Hỏi: Mười hai xứ này: Bao nhiêu thứ là có đối tượng duyên, bao nhiêu thứ là không có đối tượng duyên?

Đáp: Một thứ là có đối tượng duyên, mười thứ là không có đối tượng duyên, một thứ nên phân biệt: Tức pháp xứ hoặc là có đối tượng duyên, hoặc là không có đối tượng duyên. Thế nào là có đối tượng duyên? Là các thứ tâm sở. Thế nào là không có đối tượng duyên? Tức pháp xứ không phải là tâm sở.

Hỏi: Mười hai xứ này: Bao nhiêu thứ là nghiệp, bao nhiêu thứ không phải là nghiệp?

Đáp: Chín thứ không phải là nghiệp, ba thứ nên phân biệt: Sắc xứ hoặc là nghiệp, hoặc không phải là nghiệp. Thế nào là nghiệp? Là

biểu nghiệp của thân. Thế nào không phải là nghiệp? Là các sắc xứ còn lại.

Thanh xứ hoặc là nghiệp, hoặc không phải là nghiệp. Thế nào là nghiệp? Là biểu nghiệp của ngữ. Thế nào không phải là nghiệp? Là các thanh xứ còn lại.

Pháp xứ hoặc là nghiệp, hoặc không phải là nghiệp. Thế nào là nghiệp? Là pháp xứ gồm thân các nghiệp thân, ngữ và tư. Thế nào không phải là nghiệp? Là các pháp xứ còn lại.

*

Hỏi: Mười hai xứ này: Bao nhiêu thứ là thiện, bao nhiêu thứ là bất thiện, bao nhiêu thứ là vô ký?

Đáp: Tám thứ là vô ký, bốn thứ nên phân biệt: Sắc xứ hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Là biểu nghiệp thân thiện. Thế nào là bất thiện? Là biểu nghiệp thân bất thiện. Thế nào là vô ký? Là trừ biểu nghiệp thiện và bất thiện nơi thân, là các sắc xứ còn lại.

Thanh xứ hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Là biểu nghiệp ngữ thiện. Thế nào là bất thiện? Là biểu nghiệp ngữ bất thiện. Thế nào là vô ký? Là trừ biểu nghiệp ngữ thiện và bất thiện, là các thanh xứ còn lại.

Ý xứ hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Là tác ý thiện tương ưng với ý xứ. Thế nào là bất thiện? Là tác ý bất thiện tương ưng với ý xứ. Thế nào là vô ký? Là tác ý vô ký tương ưng với ý xứ.

Pháp xứ hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Là pháp xứ gồm thân các nghiệp thân, ngữ thiện, các uẩn thọ, tưởng, hành thiện cùng với trạch diệt. Thế nào là bất thiện? Là pháp xứ gồm thân các nghiệp thân, ngữ bất thiện, các uẩn thọ, tưởng,

hành bất thiện. Thế nào là vô ký? Là các uẩn thọ, tưởng, hành vô ký và hư không, phi trạch diệt.

Hỏi: Mười hai xứ này: Bao nhiêu thứ do kiến đạo đoạn trừ, bao nhiêu thứ do tu đạo đoạn trừ, bao nhiêu thứ không đoạn?

Đáp: Mười thứ do tu đạo đoạn trừ, hai thứ nên phân biệt:

Ý xứ hoặc do kiến đạo đoạn trừ, hoặc do tu đạo đoạn trừ, hoặc không đoạn. Thế nào là do kiến đạo đoạn trừ? Nghĩa là như ý xứ nơi các bậc tùy tín, tùy pháp hành hiện quán biên nhãn đã đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Là kiến đạo đoạn trừ tám mươi tám thứ tùy miên tương ưng với ý xứ. Thế nào là do tu đạo đoạn trừ? Nghĩa là như ý xứ nơi các bậc hữu học kiến tích tu đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Là tu đạo đoạn trừ mười thứ tùy miên tương ưng với ý xứ, cùng ý xứ hữu lậu không nhiễm ô. Thế nào là không đoạn? Nghĩa là ý xứ vô lậu.

Pháp xứ hoặc do kiến đạo đoạn trừ, hoặc do tu đạo đoạn trừ, hoặc không đoạn. Thế nào là do kiến đạo đoạn trừ? Nghĩa là như pháp xứ nơi các bậc tùy tín, tùy pháp hành hiện quán biên nhãn đã đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Là kiến đạo đoạn trừ tám mươi tám thứ tùy miên tương ưng với pháp xứ và cùng khởi tâm bất tương ưng hành. Thế nào là do tu đạo đoạn? Nghĩa là như pháp xứ nơi các bậc hữu học kiến tích tu đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Là tu đạo đoạn trừ mười thứ tùy miên tương ưng với pháp xứ, cùng khởi nghiệp thân, ngữ, cùng khởi tâm bất tương ưng hành và pháp xứ hữu lậu không nhiễm ô. Thế nào là không đoạn? Nghĩa là pháp xứ vô lậu.

Hỏi: Mười hai xứ này: Bao nhiêu thứ là hữu học, bao nhiêu thứ là vô học, bao nhiêu thứ là phi học phi vô học?

Đáp: Mười thứ là phi học phi vô học, hai thứ nên phân biệt:

Ý xứ hoặc là hữu học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là hữu học? Là tác ý hữu học tương ưng với ý xứ. Thế

nào là vô học? Là tác ý vô học tương ưng với ý xứ. Thế nào là phi học phi vô học? Là tác ý phi học phi vô học tương ưng với ý xứ.

Pháp xứ hoặc là hữu học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là hữu học? Là các nghiệp thân, ngữ hữu học cùng các uẩn thọ, tưởng, hành hữu học. Thế nào là vô học? Là các nghiệp thân, ngữ vô học cùng các uẩn thọ tưởng hành vô học. Thế nào là phi học phi vô học? Là pháp xứ gồm thân các nghiệp thân, ngữ hữu lậu và các uẩn thọ, tưởng, hành hữu lậu cùng các pháp vô vi.

Hỏi: Mười hai xứ này: Bao nhiêu thứ thuộc cõi Dục, bao nhiêu thứ thuộc cõi Sắc, bao nhiêu thứ thuộc cõi Vô sắc, bao nhiêu thứ không hệ thuộc?

Đáp: Hai thứ thuộc cõi Dục, mười thứ nên phân biệt: Nhãn xứ hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là nhãn xứ do các đại chủng tạo nên ở cõi Dục. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là nhãn xứ do các đại chủng tạo nên ở cõi Sắc.

Như nhãn xứ, thì sắc xứ, nhĩ xứ, thanh xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ cũng như vậy.

Xúc xứ hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là xúc xứ của bốn đại chủng ở cõi Dục và xúc xứ do các đại chủng tạo nên ở cõi Dục. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là xúc xứ của bốn đại chủng ở cõi Sắc và xúc xứ do các đại chủng tạo nên ở cõi Sắc.

Ý xứ hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là các tác ý thuộc cõi Dục tương ưng với ý xứ. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là các tác ý thuộc cõi Sắc tương ưng với ý xứ. Thế nào là thuộc cõi Vô sắc? Là các tác ý thuộc cõi Vô sắc tương ưng với ý xứ. Thế nào là không hệ thuộc? Là tác ý vô lậu tương ưng với ý xứ.

Pháp xứ hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là pháp xứ gồm thân các nghiệp thân, ngữ và của các uẩn thọ, tưởng, hành thuộc cõi Dục. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là pháp xứ gồm thân các nghiệp thân, ngữ và các uẩn thọ, tưởng, hành thuộc cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Vô sắc? Là các uẩn thọ, tưởng, hành thuộc cõi Vô sắc. Thế nào là không hệ thuộc? Là các nghiệp thân, ngữ vô lậu, các uẩn thọ, tưởng, hành vô lậu và pháp vô vi.

Hỏi: Mười hai xứ này: Bao nhiêu thứ thuộc quá khứ, bao nhiêu thứ thuộc hiện tại, bao nhiêu thứ thuộc vị lai?

Đáp: Mười một thứ thuộc hoặc quá khứ, hiện tại, vị lai, một thứ nên phân biệt: Tức pháp xứ nếu là hữu vi là hoặc quá khứ, hiện tại, vị lai, nếu là vô vi là không thuộc về ba đời.

*

Hỏi: Mười hai xứ này: Bao nhiêu thứ thuộc về khổ đế, tập đế, bao nhiêu thứ thuộc về diệt đế, đạo đế và không thuộc về đế?

Đáp: Mười thứ thuộc về khổ đế và tập đế, hai thứ nên phân biệt:

Ý xứ nếu là hữu lậu là thuộc về khổ đế và tập đế, nếu là vô lậu là thuộc về đạo đế.

Pháp xứ nếu là hữu lậu là thuộc về khổ đế và tập đế, nếu là vô lậu thì thuộc về đạo đế hữu vi, nếu là trạch diệt là thuộc về diệt đế, nếu là hư không, phi trạch diệt là không thuộc về đế.

Hỏi: Mười hai xứ này: Bao nhiêu thứ do kiến khổ đoạn trừ, bao nhiêu thứ do kiến tập đoạn trừ, bao nhiêu thứ do kiến diệt đoạn trừ, bao nhiêu thứ do kiến đạo đoạn trừ, bao nhiêu thứ do tu đạo đoạn trừ, bao nhiêu thứ là không đoạn trừ?

Đáp: Mười thứ do tu đạo đoạn trừ, hai thứ nên phân biệt:

Ý xứ hoặc do kiến khổ đoạn trừ, hoặc do kiến tập đoạn trừ, hoặc do kiến diệt đoạn trừ, hoặc do kiến đạo đoạn trừ, hoặc do tu đạo đoạn trừ, hoặc không đoạn trừ.

Thế nào là do kiến khổ đoạn trừ? Nghĩa là như ý xứ nơi các bậc tùy tín, tùy pháp hành hiện quán về biên nhãn khổ đã đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Là do kiến khổ đoạn trừ hai mươi tám thứ tùy miên tương ưng với ý xứ.

Thế nào là do kiến tập đoạn trừ? Nghĩa là như ý xứ nơi các bậc tùy tín, tùy pháp hành hiện quán về biên nhãn tập đã đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Là do kiến tập đoạn trừ mười chín thứ tùy miên tương ưng với ý xứ.

Thế nào là do kiến diệt đoạn trừ? Nghĩa là như ý xứ nơi các bậc tùy tín, tùy pháp hành hiện quán về biên nhãn diệt đã đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Là do kiến diệt đoạn trừ mười chín thứ tùy miên tương ưng với ý xứ.

Thế nào là do kiến đạo đoạn trừ? Nghĩa là như ý xứ nơi các bậc tùy tín, tùy pháp hành hiện quán về biên nhãn đạo đã đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Là do kiến đạo đoạn trừ hai mươi hai thứ tùy miên tương ưng với ý xứ.

Thế nào là do tu đạo đoạn trừ? Nghĩa là như ý xứ nơi các bậc hữu học kiến tích tu tập đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Là do tu đạo đoạn trừ mười thứ tùy miên tương ưng với ý xứ cùng ý xứ hữu lậu không nhiễm ô.

Thế nào là không đoạn trừ? Nghĩa là ý xứ vô lậu.

Pháp xứ hoặc do kiến khổ đoạn trừ, hoặc do kiến tập đoạn trừ, hoặc do kiến diệt đoạn trừ, hoặc do kiến đạo đoạn trừ, hoặc do tu đạo đoạn trừ, hoặc không đoạn trừ.

Thế nào là do kiến khổ đoạn trừ? Nghĩa là như pháp xứ nơi các bậc tùy tín, tùy pháp hành hiện quán về biên nhãn khổ đã đoạn trừ.

Đây là nghĩa gì? Là do kiến khổ đoạn trừ hai mươi tám thứ tùy miên tương ưng với pháp xứ cùng khởi tâm bất tương ưng hành.

Thế nào là do kiến tập đoạn trừ? Nghĩa là như pháp xứ nơi các bậc tùy tín, tùy pháp hành hiện quán về biên nhãn tập đã đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Là do kiến tập đoạn trừ mười chín thứ tùy miên tương ưng với pháp xứ cùng khởi tâm bất tương ưng hành.

Thế nào là do kiến diệt đoạn trừ? Nghĩa là như pháp xứ nơi các bậc tùy tín, tùy pháp hành hiện quán về biên nhãn diệt đã đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Là do kiến diệt đoạn trừ mười chín thứ tùy miên tương ưng với pháp xứ cùng khởi tâm bất tương ưng hành.

Thế nào là do kiến đạo đoạn trừ? Nghĩa là như pháp xứ nơi các bậc tùy tín, tùy pháp hành hiện quán về biên nhãn đạo đã đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Là do kiến đạo đoạn trừ hai mươi hai thứ tùy miên tương ưng với pháp xứ cùng khởi tâm bất tương ưng hành.

Thế nào là do tu đạo đoạn trừ? Nghĩa là như pháp xứ nơi các bậc hữu học kiến tích tu tập đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Là do tu đạo đoạn trừ mười thứ tùy miên tương ưng với pháp xứ, cùng khởi các nghiệp về thân, ngữ, tâm bất tương ưng hành và pháp xứ hữu lậu không nhiễm ô.

Thế nào là không đoạn trừ? Nghĩa là pháp xứ vô lậu.

**

* **Hỏi: Năm uẩn và mười hai xứ:** Là năm uẩn gồm thân mười hai xứ hay là mười hai xứ gồm thân năm uẩn?

Đáp: Mười hai xứ gồm thân năm uẩn, không phải năm uẩn gồm thân mười hai xứ. Những gì là không gồm thân? Là các thứ vô vi.

Hỏi: Năm uẩn và mười tám giới: Là năm uẩn gồm thân mười tám giới hay là mười tám giới gồm thân năm uẩn?

Đáp: Mười tám giới gồm sáu năm uẩn, không phải năm uẩn gồm sáu mười tám giới. Những gì là không gồm sáu? Là các thứ vô vi.

Hỏi: Năm uẩn và hai mươi hai căn: Là năm uẩn gồm sáu hai mươi hai căn hay là hai mươi hai căn gồm sáu năm uẩn?

Đáp: Hai uẩn toàn phần và phần ít của hai uẩn gồm sáu hai mươi hai căn, hai mươi hai căn gồm sáu hai uẩn toàn phần và phần ít của hai uẩn. Những gì là không gồm sáu? Là một uẩn toàn phần và phần ít của hai uẩn.

Hỏi: Năm uẩn và chín mươi tám tùy miên: Là năm uẩn gồm sáu chín mươi tám tùy miên hay là chín mươi tám tùy miên gồm sáu năm uẩn?

Đáp: Phần ít của một uẩn gồm sáu chín mươi tám tùy miên, chín mươi tám tùy miên gồm sáu phần ít của một uẩn. Những gì là không gồm sáu? Là bốn uẩn toàn phần và phần ít của một uẩn.

*

Hỏi: Mười hai xứ và mười tám giới: Là mười hai xứ gồm sáu mười tám giới hay là mười tám giới gồm sáu mười hai xứ?

Đáp: Là chúng cùng gồm sáu lẫn nhau tùy từng sự việc.

Hỏi: Mười hai xứ và hai mươi hai căn: Là mười hai xứ gồm sáu hai mươi hai căn hay là hai mươi hai căn gồm sáu mười hai xứ?

Đáp: Sáu xứ toàn phần và phần ít của một xứ gồm sáu hai mươi hai căn, hai mươi hai căn gồm sáu sáu xứ toàn phần và phần ít của một xứ. Những gì là không gồm sáu? Là năm xứ toàn phần và phần ít của một xứ.

Hỏi: Mười hai xứ và chín mươi tám tùy miên: Là mười hai xứ gồm sáu chín mươi tám tùy miên hay là chín mươi tám tùy miên gồm sáu mười hai xứ?

Đáp: Phần ít của một xứ gồm thâu chín mươi tám tùy miên, chín mươi tám tùy miên gồm thâu phần ít của một xứ. Những gì là không gồm thâu? Là mười một xứ toàn phần và phần ít của một xứ.

*

Hỏi: Mười tám giới và hai mươi hai căn: Là mười tám giới gồm thâu hai mươi hai căn hay là hai mươi hai căn gồm thâu mười tám giới?

Đáp: Mười hai giới toàn phần và phần ít của một giới gồm thâu hai mươi hai căn, hai mươi hai căn gồm thâu mười hai giới toàn phần và phần ít của một giới. Những gì là không gồm thâu? Là năm giới toàn phần và phần ít của một giới.

Hỏi: Mười tám giới và chín mươi tám tùy miên: Là mười tám giới gồm thâu chín mươi tám tùy miên hay là chín mươi tám tùy miên gồm thâu mười tám giới?

Đáp: Phần ít của một giới gồm thâu chín mươi tám tùy miên, chín mươi tám tùy miên gồm thâu phần ít của một giới. Những gì là không gồm thâu? Là mười bảy giới toàn phần và phần ít của một giới.

*

Hỏi: Hai mươi hai căn và chín mươi tám tùy miên: Là hai mươi hai căn gồm thâu chín mươi tám tùy miên hay là chín mươi tám tùy miên gồm thâu hai mươi hai căn?

Đáp: Là chúng không gồm thâu nhau.

Phẩm 4: BIỆN VỀ BẢY SỰ, phần 1

1. Nêu dẫn các pháp: Gồm có mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, năm thủ uẩn, sáu giới, mười pháp đại địa, mười pháp đại thiện địa, mười pháp đại phiền não địa, mười pháp tiểu phiền não địa, năm phiền não, năm xúc, năm kiến, năm căn, năm pháp, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tướng thân, sáu tư thân, sáu ái thân.

* *Những gì là Mười tám giới?* Đó là: 1. Nhãn giới. 2. Sắc giới. 3. Nhãn thức giới. 4. Nhĩ giới. 5. Thanh giới. 6. Nhĩ thức giới. 7. Tỷ giới. 8. Hương giới. 9. Tỷ thức giới. 10. Thiệt giới. 11. Vị giới. 12. Thiệt thức giới. 13. Thân giới. 14. Xúc giới. 15. Thân thức giới. 16. Ý giới. 17. Pháp giới. 18. Ý thức giới.

* *Những gì là Mười hai xứ?* Đó là: 1. Nhãn xứ. 2. Sắc xứ. 3. Nhĩ xứ. 4. Thanh xứ. 5. Tỷ xứ. 6. Hương xứ. 7. Thiệt xứ. 8. Vị xứ. 9. Thân xứ. 10. Xúc xứ. 11. Ý xứ. 12. Pháp xứ.

* *Những gì là Năm uẩn?* Đó là: 1. Sắc uẩn. 2. Thọ uẩn. 3. Tưởng uẩn. 4. Hành uẩn. 5. Thức uẩn.

* *Những gì là Năm thủ uẩn?* Đó là: 1. Sắc thủ uẩn. 2. Thọ thủ uẩn. 3. Tưởng thủ uẩn. 4. Hành thủ uẩn. 5. Thức thủ uẩn.

* *Những gì là Sáu giới?* Đó là: 1. Địa giới. 2. Thủy giới. 3. Hỏa giới. 4. Phong giới. 5. Không giới. 6. Thức giới.

* *Những gì là Mười pháp đại địa?* Đó là: 1. Thọ. 2. Tưởng. 3. Tư. 4. Xúc. 5. Tác ý. 6. Dục. 7. Thắng giải. 8. Niệm. 9. Định. 10. Tuệ.

* *Những gì là Mười pháp đại thiện địa?* Đó là: 1. Tín. 2. Cần (Siêng năng). 3. Tàm (Thẹn). 4. Quý (Hổ). 5. Không tham. 6. Không giận. 7. Khinh an. 8. Xả. 9. Không phóng dật. 10. Không hại.

* *Những gì là Mười pháp đại phiền não địa?* Đó là: 1. Không tin. 2. Lười biếng. 3. Thất niệm. 4. Tâm loạn. 5. Vô minh. 6. Không chánh tri. 7. Tác ý không đúng lý. 8. Thắng giải tà. 9. Trạo cử. 10. Phóng dật.

* *Những gì là Mười pháp tiểu phiền não địa?* Đó là: 1. Phẫn. 2. Hận. 3. Phú (Che giấu). 4. Nảo. 5. Tật (Ganh ghét). 6. Xan (Keo kiệt). 7. Cuồng (Dối trá). 8. Siểm (Dua nịnh). 9. Kiêu (Kiêu căng). 10. Hại.

* *Những gì là Năm phiền não?* Đó là: 1. Tham nơi cõi Dục. 2. Tham nơi cõi Sắc. 3. Tham nơi cõi Vô sắc. 4. Sân. 5. Nghi.

* *Những gì là Năm xúc?* Đó là: 1. Xúc có đối. 2. Xúc tăng ngữ. 3. Xúc minh. 4. Xúc vô minh. 5. Xúc phi minh phi vô minh.

* *Những gì là Năm kiến?* Đó là: 1. Hữu thân kiến. 2. Biên chấp kiến. 3. Tà kiến. 4. Kiến thủ. 5. Giới cấm thủ.

* *Những gì là Năm căn?* Đó là: 1. Lạc căn. 2. Khổ căn. 3. Hỷ căn. 4. Ưu căn. 5. Xả căn.

* *Những gì là Năm pháp?* Đó là: 1. Tầm. 2. Tứ. 3. Thức. 4. Không hồ (Vô tầm). 5. Không then (Vô quý).

* *Những gì là Sáu thức thân?* Đó là: 1. Nhãn thức. 2. Nhĩ thức. 3. Tỷ thức. 4. Thiệt thức. 5. Thân thức. 6. Ý thức.

* *Những gì là Sáu xúc thân?* Đó là: 1. Nhãn xúc. 2. Nhĩ xúc. 3. Tỷ xúc. 4. Thiệt xúc. 5. Thân xúc. 6. Ý xúc.

* *Những gì là Sáu thọ thân?* Đó là: 1. Nhãn xúc sinh ra thọ. 2. Nhĩ xúc sinh ra thọ. 3. Tỷ xúc sinh ra thọ. 4. Thiệt xúc sinh ra thọ. 5. Thân xúc sinh ra thọ. 6. Ý xúc sinh ra thọ.

* *Những gì là Sáu tưởng thân?* Đó là: 1. Nhãn xúc sinh ra tưởng. 2. Nhĩ xúc sinh ra tưởng. 3. Tỷ xúc sinh ra tưởng. 4. Thiệt xúc sinh ra tưởng. 5. Thân xúc sinh ra tưởng. 6. Ý xúc sinh ra tưởng.

* *Những gì là Sáu tư thân?* Đó là: 1. Nhãn xúc sinh ra tư. 2. Nhĩ xúc sinh ra tư. 3. Tỷ xúc sinh ra tư. 4. Thiệt xúc sinh ra tư. 5. Thân xúc sinh ra tư. 6. Ý xúc sinh ra tư.

* *Những gì là Sáu ái thân?* Đó là: 1. Nhãn xúc sinh ra ái. 2. Nhĩ xúc sinh ra ái. 3. Tỷ xúc sinh ra ái. 4. Thiệt xúc sinh ra ái. 5. Thân xúc sinh ra ái. 6. Ý xúc sinh ra ái.

**

2. Giải thích các pháp vừa nêu trên:

* *Nói về Mười tám giới:*

Thế nào là Nhãn giới? Là mắt đối với sắc đã, đang và sẽ nhìn thấy cùng đồng phạm của sắc.

Thế nào là Sắc giới? Là sắc được mắt đã, đang và sẽ nhìn thấy cùng đồng phạm của sắc.

Thế nào là Nhãn thức giới? Là mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Như thế mắt là phần tăng thượng, sắc là đối tượng duyên, nơi mắt nhận biết sắc đã, đang và sẽ phân biệt cùng đồng phạm của sắc.

Thế nào là Nhĩ giới? Là tai đối với tiếng đã, đang và sẽ nghe cùng đồng phạm của tiếng.

Thế nào là Thanh giới? Là tiếng được tai đã, đang và sẽ nghe cùng đồng phạm của tiếng.

Thế nào là Nhĩ thức giới? Là tai và tiếng làm duyên sinh ra nhĩ thức. Như thế tai là phần tăng thượng, tiếng là đối tượng duyên, nơi tai nhận biết tiếng đã, đang và sẽ phân biệt cùng đồng phạm của tiếng.

Thế nào là Tỷ giới? Là mũi đối với hương đã, đang và sẽ ngửi cùng đồng phạm của hương.

Thế nào là Hương giới? Là hương được mũi đã, đang và sẽ ngửi cùng đồng phạm của hương.

Thế nào là Tỷ thức giới? Là mũi cùng hương làm duyên sinh ra tỷ thức. Như thế mũi là phần tăng thượng, hương là đối tượng duyên, nơi mũi nhận biết hương đã, đang và sẽ phân biệt cùng đồng phận của hương.

Thế nào là Thiệt giới? Là lưỡi đối với vị đã, đang và sẽ nếm vị cùng đồng phận của vị.

Thế nào là Vị giới? Là vị được lưỡi đã, đang và sẽ nếm cùng đồng phận của vị.

Thế nào là Thiệt thức giới? Là lưỡi và vị làm duyên sinh ra thiệt thức. Như thế lưỡi là phần tăng thượng, vị là đối tượng duyên, nơi lưỡi nhận biết vị đã, đang và sẽ phân biệt cùng đồng phận của vị.

Thế nào là Thân giới? Là thân đối với xúc đã, đang và sẽ xúc chạm cùng đồng phận của xúc.

Thế nào là Xúc giới? Là xúc được thân đã, đang và sẽ xúc chạm cùng đồng phận của xúc.

Thế nào là Thân thức giới? Là thân và xúc làm duyên sinh ra thân thức. Như thế thân là phần tăng thượng, xúc là đối tượng duyên, nơi thân nhận biết xúc đã, đang và sẽ phân biệt cùng đồng phận của xúc.

Thế nào là Ý giới? Là ý đối với pháp đã, đang và sẽ nhận biết cùng đồng phận của pháp.

Thế nào là Pháp giới? Là pháp được ý đã, đang và sẽ nhận biết cùng đồng phận của pháp.

Thế nào là Ý thức giới? Là ý và pháp làm duyên sinh ra ý thức. Như thế ý là phần tăng thượng, pháp là đối tượng duyên, nơi ý nhận biết pháp đã, đang và sẽ phân biệt cùng đồng phận của pháp.

*** Nói về Mười hai xứ:**

Thế nào là Nhãn xứ? Tức mắt là chủ thể đã, đang và sẽ thấy về các sắc cùng đồng phận của sắc.

Thế nào là Sắc xứ? Tức sắc là đối tượng đã, đang và sẽ thấy của mắt cùng đồng phận của sắc.

Thế nào là Nhĩ xứ? Tức tai là chủ thể đã, đang và sẽ nghe về các tiếng cùng đồng phận của tiếng.

Thế nào là Thanh xứ? Tức tiếng là đối tượng đã, đang và sẽ nghe của tai cùng đồng phận của tiếng.

Thế nào là Tỷ xứ? Tức mũi là chủ thể đã, đang và sẽ ngửi về các mùi cùng đồng phận của mùi.

Thế nào là Hương xứ? Tức mùi là đối tượng đã, đang và sẽ ngửi của mũi cùng đồng phận của mùi.

Thế nào là Thiết xứ? Tức lưỡi là chủ thể đã, đang và sẽ nếm về các vị cùng đồng phận của vị.

Thế nào là Vị xứ? Tức vị là đối tượng đã, đang và sẽ nếm của lưỡi cùng đồng phận của vị.

Thế nào là Thân xứ? Tức thân là chủ thể đã, đang và sẽ xúc chạm về các xúc cùng đồng phận của xúc.

Thế nào là Xúc xứ? Tức xúc là đối tượng đã, đang và sẽ được xúc chạm của thân cùng đồng phận của thân.

Thế nào là Ý xứ? Tức ý là chủ thể đã, đang và sẽ nhận biết về các pháp cùng đồng phận của pháp.

Thế nào là Pháp xứ? Tức pháp là đối tượng đã, đang và sẽ được nhận biết của ý cùng đồng phận của pháp.

*** Nói về Năm uẩn:**

Thế nào là Sắc uẩn? Là mười sắc xứ và sắc thuộc về pháp xứ.

Thế nào là Thọ uẩn? Là sáu thọ thân, tức là từ thọ do mắt tiếp xúc sinh ra v.v... cho đến thọ do ý tiếp xúc sinh ra.

Thế nào là Tưởng uẩn? Là sáu tưởng thân, tức là từ tưởng do mắt tiếp xúc sinh ra v.v... cho đến tưởng do ý tiếp xúc sinh ra.

Thế nào là Hành uẩn? Tức có hai thứ: hành uẩn tương ưng với tâm và hành uẩn không tương ưng với tâm. *Thế nào là hành uẩn tương ưng với tâm?* Là pháp, tâm tương ưng với nhau. Đây là nghĩa gì? Là các thứ như tư, xúc, tác ý, dục, thắng giải, niệm, định, tuệ, tín, cần, tầm, tứ, phóng dật và không phóng dật, căn thiện, căn bất thiện, căn vô ký, tất cả các thứ kiết phược, tùy miên, tùy phiền não, triền, các trí hiện có, các kiến hiện có, các thứ hiện quán hiện có, lại có các pháp khác cùng loại như thế cùng với tâm tương ưng v.v... gọi chung là hành uẩn tương ưng với tâm. *Thế nào là hành uẩn không tương ưng với tâm?* Là pháp, tâm không tương ưng. Đây là nghĩa gì? Là các thứ như: đắc, định vô tướng, định diệt tận, sự vô tướng, mạng căn, chúng đồng phận, y đắc, sự đắc, xứ đắc, sinh, lão, trụ, vô thường, danh thân, cú thân, văn thân, lại có các pháp khác cùng loại như vậy không tương ưng với tâm v.v... gọi chung là hành uẩn không tương ưng với tâm. Hai thứ như thế hợp lại gọi là Hành uẩn.

Thế nào là Thức uẩn? Là sáu thức thân, tức là nhãn thức v.v... cho đến ý thức.

*

*** Nói về Năm thủ uẩn:**

Thế nào là Sắc thủ uẩn? Là như các sắc hữu lậu có chấp giữ, đối với các sắc này hoặc ở quá khứ, vị lai hay hiện tại, hoặc là dục,

hoặc là tham, sân, si, hoặc tùy theo mỗi mỗi tâm sở tùy phiền não, nên sinh tức sinh đúng lúc, đó gọi là sắc thủ uẩn.

Thế nào là Thọ thủ uẩn, Tưởng thủ uẩn, Hành thủ uẩn, Thức thủ uẩn? Là như các uẩn thọ, tưởng, hành, thức hữu lậu có chấp giữ, đối với các thọ, tưởng, hành, thức này, hoặc chúng có mặt nơi quá khứ, hiện tại hay vị lai, hoặc các thứ dục, tham, sân, si, hoặc tùy theo mỗi mỗi tâm sở tùy phiền não, nên sinh tức sinh đúng lúc, đó gọi là các thủ uẩn thọ, tưởng, hành, thức.

*

*** Nói về Sáu giới:**

Thế nào là Địa giới? Là tánh cứng chắc.

Thế nào là Thủy giới? Là tánh ẩm ướt.

Thế nào là Hỏa giới? Là tánh ấm nóng.

Thế nào là Phong giới? Là tánh động như nhẹ v.v...

Thế nào là Không giới? Là sắc Lân-a-già (Sắc của hư không).

Thế nào là Thức giới? Là năm thức thân và ý thức hữu lậu.

*

*** Nói về Mười pháp đại địa:**

Thế nào là Thọ? Là các thọ cùng thọ, thọ riêng biệt, đều thọ, đã thọ, là loại thọ. Đó gọi là thọ.

Thế nào là Tưởng? Là các tưởng cùng tưởng, tăng thượng, đều tưởng, đã tưởng, là loại tưởng. Đó gọi là tưởng.

Thế nào là Tư? Là các tư (suy nghĩ) cùng tư, tăng thượng, đều tư, đã tư, là loại tư, tâm tạo ý nghiệp. Đó gọi là tư.

Thế nào là Xúc? Là các xúc cùng xúc, tánh xúc chạm, tánh cùng xúc chạm, đã xúc, là loại xúc. Đó gọi là xúc.

Thế nào là Tác ý? Là tâm dẫn dắt, dẫn dắt thuận theo, dẫn dắt tư duy, tạo tác các ý nghĩ, khiến tâm chuyển biến, tâm tỉnh giác. Đó gọi là tác ý.

Thế nào là Dục? Là ham muốn, tánh ham muốn tăng thượng, tánh ham muốn hiện tiền, các sự vui mừng, trông mong, ưa thích hành tác. Đó gọi là dục.

Thế nào là Thắng giải? Là tánh của tâm đang hiểu rõ đúng, đã hiểu rõ đúng, sẽ hiểu rõ đúng. Đó gọi là thắng giải.

Thế nào là Niệm? Là niệm (nhớ nghĩ), tùy niệm biệt niệm, ức niệm, không quên, không mất, không sót, không rớt, tánh không quên các pháp, tánh của tâm ghi nhớ rõ v.v... Đó gọi là niệm.

Thế nào là Định? Là khiến tâm trụ, cùng trụ, an trụ, trụ gần, trụ vững chắc, không loạn không tán, thâm tóm, cùng giữ, tánh của tâm một cảnh. Đó gọi là định.

Thế nào là Tuệ? Là đối với các pháp biết chọn lựa, chọn lựa kỹ, chọn lựa cùng cực, hiểu rõ, cùng hiểu rõ, hiểu rõ khắp, hiểu rõ gần, thấu suốt mọi nẻo, phán xét thông tỏ, tuệ giác sáng hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là tuệ.

HẾT - QUYỂN 2

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÂM LOẠI TỨC

QUYỂN 3

Phẩm 4: BIỆN VỀ BẢY SỰ, phần 2

** Nói về Mười pháp đại thiện địa:*

Thế nào là Tín? Nghĩa là tánh tin tưởng, tánh tin tăng thượng, chấp nhận, muốn làm việc, muốn tạo tác, tánh của tâm lắng đọng, trong sạch. Đó gọi là tín.

Thế nào là Cần? Nghĩa là siêng năng, tinh tấn, sức dũng mãnh khó hạn chế, ý cố gắng không ngừng, tánh của tâm mạnh mẽ, hăng hái. Đó gọi là cần.

Thế nào là Tàm (hổ)? Nghĩa là các thứ hổ, cùng hổ, hổ riêng biệt, xấu hổ cùng xấu hổ, xấu hổ riêng biệt, các thứ chán bỏ cùng chán bỏ, chán bỏ riêng biệt, có sự tôn kính, có sự tự tại, có biến chuyển về tự tại, biết e dè, kiêng nể, không tự ý hành động. Đó gọi là tàm.

Thế nào là Quý (thẹn)? Nghĩa là các thứ thẹn, cùng thẹn, thẹn riêng biệt, hổ thẹn cùng hổ thẹn, hổ thẹn riêng biệt, các thứ chán bỏ cùng chán bỏ, lo sợ về các tội lỗi, đối với tội lỗi thấy biết sợ hãi. Đó gọi là quý.

Thế nào là Không tham? Nghĩa là có các tâm sở cùng với tâm tương ưng có thể đối trị tham. Đó gọi là không tham.

Thế nào là Không sân? Nghĩa là có các tâm sở cùng với tâm tương ưng có thể đối trị sân. Đó gọi là không sân.

Thế nào là Khinh an? Nghĩa là thân tâm nhẹ nhàng, khoan khoái, đã được nhẹ nhàng, khoan khoái, các loại thuộc về nhẹ nhàng khoan khoái. Đó gọi là khinh an.

Thế nào là Xả? Nghĩa là thân bình đẳng, tâm bình đẳng, thân tâm đều chánh trực, không có cảnh giác (chú ý tìm biết) trụ vào tịch tĩnh. Đó gọi là xả.

Thế nào là Không phóng dật? Nghĩa là đối với việc đoạn trừ pháp ác, tạo đủ các pháp thiện, luôn hành tác, hành tác bền bỉ, tu tập không bỏ. Đó gọi là không phóng dật.

Thế nào là Không hại? Nghĩa là đối với hữu tình không hủy báng, tàn hại, làm thương tổn, hay khiến đau khổ, buồn phiền. Đó gọi là không hại.

*

*** Nói về Mười pháp đại phiền não địa:**

Thế nào là Không tin? Nghĩa là không tin, tánh không tin tưởng, tánh không tin tưởng tăng thượng, không chấp nhận, không ham muốn, không ưa thích tạo tác, gây dựng, tâm không lắng đọng, không thanh tịnh. Đó gọi là không tin.

Thế nào là Lười biếng? Nghĩa là tinh tấn yếu kém, tinh tấn quá ít ỏi, thoái chuyển, khiếm nhược, dứt bỏ cố gắng, tánh của tâm không mạnh mẽ, hăng hái. Đó gọi là lười biếng.

Thế nào là Thất niệm? Nghĩa là nhớ nghĩ viển vông, mơ hồ, quên nhớ mất nghĩ, tánh nhớ nghĩ ở ngoài tâm. Đó gọi là thất niệm.

Thế nào là Tâm loạn? Nghĩa là tâm phân tán, loạn động, tâm lưu chuyển, tâm trôi nổi, tâm không chuyên nơi một cảnh, không trụ vào một duyên. Đó gọi là tâm loạn.

Thế nào là Vô minh? Nghĩa là tánh không hiểu biết về ba cõi.

Thế nào là Không chánh tri? Nghĩa là tuệ đã dẫn phát phi lý. Đó gọi là không chánh tri.

Thế nào là Tác ý phi lý? Nghĩa là tác ý nhiễm ô. Đó gọi là tác ý phi lý.

Thế nào là Thắng giải tà? Nghĩa là tác ý nhiễm ô tương ưng với tâm đang thắng giải, đã và sẽ thắng giải. Đó gọi là thắng giải tà.

Thế nào là Trạo cử? Nghĩa là tâm không tịch tĩnh, tâm không an nhiên, tâm không ổn định, luôn bị dao động, chao đảo, là tánh của tâm bị khuấy động không yên. Đó gọi là trạo cử.

Thế nào là Phóng dật? Nghĩa là đối với việc đoạn trừ các điều ác, tăng trưởng các pháp thiện thì không tu tập, không tu tập riêng, không hành tác thường xuyên, bèn bỉ, tánh không chuyên cần hành tập. Đó gọi là phóng dật.

*

*** Nói về Mười pháp tiểu phiền não địa:**

Thế nào là Phẫn? Nghĩa là các thứ giận cùng giận, giận khắp, rất giận, giận cùng cực, đã, đang và sẽ giận dữ. Đó gọi là phẫn.

Thế nào là Hận? Nghĩa là tâm kết oán, đã, đang và sẽ sân hận. Đó gọi là hận.

Thế nào là Phú? Nghĩa là che giấu tội lỗi của mình. Đó gọi là phú.

Thế nào là Nã? Nghĩa là tâm rất dữ, tàn bạo, đã, đang và sẽ gây nã hại. Đó gọi là nã.

Thế nào là Tật? Nghĩa là tâm đố kỵ, ganh ghét. Đó gọi là tật.

Thế nào là Xan? Nghĩa là tâm luôn luyến tiếc, keo kiệt.

Thế nào là Cuồng? Nghĩa là dối trá, huỷ hoại người khác. Đó gọi là cuồng.

Thế nào là Siểm? Nghĩa là tâm giả dối, quanh co. Đó gọi là siểm.

Thế nào là Kiêu? Nghĩa là kiêu căng, rất kiêu căng, mê muội, rất mê muội, khinh mạn, tánh của tâm kiêu ngạo không thật. Đó gọi là kiêu.

Thế nào là Hại? Nghĩa là đối với các hữu tình có thể hủy báng, làm thương tổn, tàn hại, xúc phạm, bức bách gây khổ não. Đó gọi là hại.

*

*** Nói về Năm phiền não:**

Thế nào là Tham nơi cõi Dục? Nghĩa là đối với các dục khởi tham cùng tham, chấp chặt, ngăn giữ, yêu thích tham đắm. Đó gọi là tham nơi cõi Dục.

Thế nào là Tham nơi cõi Sắc? Nghĩa là đối với các sắc khởi tham cùng tham, chấp chặt, ngăn giữ, yêu thích tham đắm. Đó là tham nơi cõi Sắc.

Thế nào là Tham nơi cõi Vô sắc? Nghĩa là đối với vô sắc khởi tham cùng tham, chấp chặt, ngăn giữ, yêu thích tham đắm. Đó là tham nơi cõi Vô sắc.

Thế nào là Sân? Nghĩa là tâm luôn ôm giữ giận đối với các hữu tình, gây chống đối, ngăn trở với mọi người, luôn ghét giận, hung ác, đã đang và sẽ giận dữ. Đó gọi là sân.

Thế nào là Nghi? Nghĩa là do dự, ngờ vực đối với chân lý. Đó gọi là nghi.

*

*** Nói về Năm xúc:**

Thế nào là Xúc có đối? Nghĩa là năm thức của thân tương ưng với xúc.

Thế nào là Xúc tăng ngữ? Nghĩa là ý thức thân tương ưng với xúc.

Thế nào là Xúc minh? Nghĩa là xúc vô lậu.

Thế nào là Xúc vô minh? Nghĩa là xúc nhiễm ô.

Thế nào là Xúc phi minh phi vô minh? Nghĩa là xúc hữu lậu không nhiễm ô.

*

*** Nói về Năm kiến:**

Thế nào là Hữu thân kiến? Nghĩa là đối với năm thủ uẩn, theo đó quán chấp về ngã hoặc ngã sở, do đầy khởi lên sự chấp nhận, ưa thích kiến chấp nơi tuệ quán. Đó gọi là hữu thân kiến.

Thế nào là Biên chấp kiến? Nghĩa là đối với năm thủ uẩn, theo đó quán chấp về đoạn hoặc thường, do đầy khởi lên sự chấp nhận, ưa thích kiến chấp nơi tuệ quán. Đó gọi là biên chấp kiến.

Thế nào là Tà kiến? Nghĩa là hủy báng nhân quả, bài bác tác dụng, phá bỏ sự thật, do đầy khởi lên sự chấp nhận, ưa thích kiến chấp nơi tuệ quán. Đó gọi là tà kiến.

Thế nào là Kiến thủ? Nghĩa là đối với năm thủ uẩn, theo đó quán chấp cho là tôn quý, hơn hết, tốt bậc, do đầy khởi lên sự chấp nhận, ưa thích kiến chấp nơi tuệ quán. Đó gọi là kiến thủ.

Thế nào là Giới cấm thủ? Nghĩa là đối với năm thủ uẩn, theo đó quán chấp cho là có thể đạt thanh tịnh, có thể đạt giải thoát, xuất ly, do đầy khởi lên sự chấp nhận, ưa thích kiến chấp nơi tuệ quán. Đó gọi là giới cấm thủ.

*

*** Nói về Năm căn:**

Thế nào là Lạc căn? Nghĩa là xúc thuận theo lạc thọ, tùy lúc tiếp xúc khiến khởi thân tâm an vui, thọ nhận bình đẳng, đều thuộc về thọ. Đó gọi là lạc căn.

Thế nào là Khổ căn? Nghĩa là xúc thuận theo khổ thọ, tùy lúc tiếp xúc khiến khởi thân tâm khổ sở, thọ nhận không bình đẳng, đều thuộc về thọ. Đó gọi là khổ căn.

Thế nào là Hỷ căn? Nghĩa là xúc thuận theo hỷ thọ, tùy lúc tiếp xúc khiến khởi tâm vui mừng, thọ nhận bình đẳng, đều thuộc về thọ. Đó gọi là hỷ căn.

Thế nào là Ưu căn? Nghĩa là xúc thuận theo ưu thọ, tùy lúc tiếp xúc khiến khởi tâm phải lo sầu, thọ nhận không bình đẳng, đều thuộc về thọ. Đó gọi là ưu căn.

Thế nào là Xả căn? Nghĩa là xúc thuận theo xả thọ, tùy lúc tiếp xúc khiến khởi thân tâm được buông xả, thọ nhận không phải bình đẳng cũng không phải không bình đẳng, đều thuộc về thọ. Đó gọi là xả căn.

*

*** Nói về Năm pháp:**

Thế nào là Tầm? Nghĩa là tâm tìm cầu, tìm cầu khắp, suy tìm, suy tìm cùng cực, suy tìm hiện tiền, suy cứu truy tìm, tư duy cùng tột, tánh tư duy khiến tâm thô động. Đó gọi là tầm.

Thế nào là Tứ? Nghĩa là tâm dò xét, dò xét khắp, tùy theo sự dò xét khắp tạo các thứ tùy chuyển, tùy lưu, tùy thuộc, đối với tâm khiến tâm hoạt động tinh tế. Đó gọi là tứ.

Thế nào là Thức? Nghĩa là sáu thức thân, tức là nhãn thức v.v... cho đến ý thức.

Thế nào là Vô tầm (không hổ)? Nghĩa là không biết hổ, không cùng hổ, không hổ riêng lẻ, không biết xấu hổ, không cùng xấu hổ, không xấu hổ riêng lẻ, không biết chán bỏ, không cùng chán bỏ, không chán bỏ riêng lẻ, không biết tôn trọng ai, không có tự tại, không chuyển theo tự tại, không biết kiêng nể, tự ý làm. Đó gọi là vô tầm.

Thế nào là Vô quý (không thẹn)? Nghĩa là không biết thẹn, không cùng thẹn, không thẹn riêng lẻ, không biết hổ thẹn, không cùng hổ thẹn, không hổ thẹn riêng lẻ, không biết chán bỏ, không cùng chán bỏ, không chán bỏ riêng lẻ, không lo sợ nẻo tội lỗi, đối với tội lỗi không thấy sợ hãi. Đó gọi là vô quý.

*

*** Nói về Sáu thức thân:**

Thế nào là Nhãn thức? Nghĩa là mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Như thế mắt là phần tăng thượng, sắc là đối tượng duyên, nơi mắt nhận biết các sắc đã đang và sẽ phân biệt rõ. Đó gọi là nhãn thức.

Như nhãn thức, *các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý* cũng như vậy.

*

*** Nói về Sáu xúc thân:**

Thế nào là Nhãn xúc? Nghĩa là mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc. Như thế mắt là phần tăng thượng, sắc là đối tượng duyên, nơi mắt nhận biết về các sắc, các xúc cùng tiếp xúc, tánh tiếp xúc, tánh cùng tiếp xúc, đã tiếp xúc, là loại xúc. Đó gọi là nhãn xúc.

Như nhãn xúc, *các xúc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý* cũng như vậy.

*

*** Nói về Sáu thọ thân:**

Thế nào là Thọ do nhãn xúc sinh ra? Nghĩa là mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc, do xúc làm duyên nên có thọ. Như thế mắt là phần tăng thượng, sắc là đối tượng duyên, nhãn xúc là nhân, là tập, là loại, là sinh. Nhãn xúc đã sinh tác ý tương ưng khiến mắt nhận biết về sắc, các thọ cùng thọ, cùng thọ riêng lẻ, đã thọ, là loại thọ. Đó gọi là thọ do nhãn xúc sinh ra.

Như thọ do nhãn xúc sinh ra, *thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc sinh ra* cũng như vậy.

*

*** Nói về Sáu tướng thân:**

Thế nào là Tướng do nhãn xúc sinh ra? Nghĩa là mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc, do xúc làm duyên nên có tướng. Như thế mắt là phần tăng thượng, sắc là đối tượng duyên, nhãn xúc là nhân, là tập, là loại, là sinh. Nhãn xúc đã sinh tác ý tương ưng khiến mắt nhận biết về sắc, các tướng cùng tướng, tăng thượng cùng tướng, đã tướng, là loại tướng. Đó gọi là tướng do nhãn xúc sinh ra.

Như tướng do nhãn xúc sinh ra, *tướng do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc sinh ra* cũng như vậy.

*

*** Nói về Sáu tư thân:**

Thế nào là Tư do nhãn xúc sinh ra? Nghĩa là mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc, do xúc làm duyên nên có tư. Như thế mắt là phần tăng thượng, sắc là đối tượng duyên, nhãn xúc là nhân, là tập, là loại, là sinh. Nhãn xúc đã sinh tác ý tương ưng khiến mắt nhận biết về sắc, các tư cùng tư, tăng thượng

cùng tư, đã tư, là loại tư, tâm tạo ý nghiệp. Đó gọi là tư do nhãn xúc sinh ra.

Như tư do nhãn xúc sinh ra, *tư do nhĩ, tỳ, thiệt, thân, ý xúc sinh ra* cũng như vậy.

*

*** Nói về Sáu ái thân:**

Thế nào là Ái do nhãn xúc sinh ra? Nghĩa là mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc, do xúc làm duyên nên có ái. Như thế mắt là phần tăng thượng, sắc là đối tượng duyên, nơi mắt nhận biết các sắc, các tham cùng tham dấy khởi, nên chấp chặt, cất giấu, ngăn giữ, yêu thích tham đắm. Đó gọi là ái do nhãn xúc sinh ra.

Như ái do nhãn xúc sinh ra, *ái do nhĩ, tỳ, thiệt, thân, ý xúc sinh ra* cũng như vậy.

**

3. Biện giải về gồm thân, tương ưng:

Hỏi: Nhãn giới gồm thân bao nhiêu giới, bao nhiêu xứ, bao nhiêu uẩn?

Nhãn giới khi gồm thân các pháp thì nó gồm thân bao nhiêu giới, bao nhiêu xứ, bao nhiêu uẩn?

Nhãn giới không gồm thân các pháp thì nó gồm thân bao nhiêu giới, bao nhiêu xứ, bao nhiêu uẩn?

Nhãn giới gồm thân và không gồm thân các pháp thì nó gồm thân bao nhiêu giới, bao nhiêu xứ, bao nhiêu uẩn?

Trừ nhãn giới gồm thân các pháp, các pháp còn lại gồm thân bao nhiêu giới, bao nhiêu xứ, bao nhiêu uẩn?

Trừ nhãn giới không gồm thân các pháp, các pháp còn lại gồm thân bao nhiêu giới, bao nhiêu xứ, bao nhiêu uẩn?

Trừ nhãn giới gồm thân và không gồm thân các pháp, các pháp còn lại gồm thân bao nhiêu giới, bao nhiêu xứ, bao nhiêu uẩn? v.v... Cho đến ái do ý xúc sinh ra, câu hỏi cũng như vậy.

Đáp: Nhãn giới gồm thân một giới, một xứ, một uẩn, không gồm thân mười bảy giới, mười một xứ, năm uẩn.

Nhãn giới gồm thân các pháp thì gồm thân một giới, một xứ, một uẩn, không gồm thân mười bảy giới, mười một xứ, năm uẩn.

Nhãn giới không gồm thân các pháp thì gồm thân mười bảy giới, mười một xứ, năm uẩn, không gồm thân một giới, một xứ, năm uẩn.

Nhãn giới gồm thân và không gồm thân các pháp thì nó gồm thân mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, không gồm thân không giới, không xứ, không uẩn.

Trừ nhãn giới gồm thân các pháp, các pháp còn lại gồm thân mười bảy giới, mười một xứ, năm uẩn, không gồm thân một giới, một xứ, một uẩn.

Trừ nhãn giới không gồm thân các pháp, các pháp còn lại gồm thân một giới, một xứ, một uẩn, không gồm thân mười bảy giới, mười một xứ, năm uẩn.

Trừ nhãn giới gồm thân và không gồm thân các pháp, hỏi về các pháp còn lại là không có nên không bàn, do tất cả các pháp đều đã bị trừ.

Như nhãn giới, chín hữu sắc giới, mười hữu sắc xứ, nên biết cũng như vậy.

Nhãn thức giới gồm thân hai giới, một xứ, một uẩn, không gồm thân mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như nhãn thức giới, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, sáu thức thân, nên biết cũng như vậy.

Ý giới gồm sáu thức thân, một xứ, một uẩn, không gồm sáu thức thân, mười một thức thân, mười một xứ, bốn uẩn.

Như ý giới, ý xứ, thức uẩn, thức pháp, nên biết cũng như vậy.

Pháp giới gồm sáu thức thân, một xứ, bốn uẩn, không gồm sáu thức thân, mười một thức thân, mười một xứ, hai uẩn.

Như pháp giới, pháp xứ cũng như vậy.

Sắc uẩn gồm sáu thức thân, mười một thức thân, mười một xứ, một uẩn, không gồm sáu thức thân, mười một thức thân, hai xứ, bốn uẩn.

Thọ uẩn gồm sáu thức thân, một xứ, một uẩn, không gồm sáu thức thân, mười một thức thân, mười hai xứ, bốn uẩn.

Như thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thọ, tưởng trong pháp đại địa, nên biết cũng như vậy.

Sắc thủ uẩn gồm sáu thức thân, mười một thức thân, một uẩn, không gồm sáu thức thân, mười một thức thân, hai xứ, năm uẩn.

Thọ thủ uẩn gồm sáu thức thân, một xứ, một uẩn, không gồm sáu thức thân, mười một thức thân, mười hai xứ, năm uẩn.

Như thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, năm hữu sắc giới, tám pháp đại địa, mười pháp đại thiện địa, mười pháp đại phiền não địa, mười pháp tiểu phiền não địa, năm phiền não, năm xúc, năm kiến, năm căn, bốn pháp, năm thân sau nơi sáu thức thân, nên biết cũng như vậy.

Thức thủ uẩn gồm sáu thức thân, một xứ, một uẩn, không gồm sáu thức thân, mười một thức thân, mười hai xứ, năm uẩn.

Như thức thủ uẩn, thức giới cũng như vậy.

Nhãn thức giới tương ứng với một giới, một xứ, ba uẩn, không tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như nhãn thức giới, các thứ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, thức thủ uẩn, thức giới, sáu thức thân, nên biết cũng như vậy.

Ý giới tương ứng với một giới, một xứ, ba uẩn, không tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, ba uẩn.

Như ý giới, ý xứ, thức uẩn, thức pháp, nên biết cũng như vậy.

Pháp giới tương ứng với tám giới, hai xứ, bốn uẩn, không tương ứng với mười một giới, mười một xứ, hai uẩn.

Như pháp giới, pháp xứ, hành uẩn, tám pháp đại địa, nên biết cũng như vậy.

Thọ uẩn tương ứng với tám giới, hai xứ, ba uẩn, không tương ứng với mười một giới, mười một xứ, ba uẩn.

Như thọ uẩn, tưởng uẩn, thọ, tưởng trong pháp đại địa nên biết cũng như vậy.

Thọ thủ uẩn tương ứng với tám giới, hai xứ, ba uẩn, không tương ứng với mười ba giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn cũng như vậy.

Hành thủ uẩn tương ứng với tám giới, hai xứ, bốn uẩn, không tương ứng với mười ba giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Pháp tầm và tứ cũng như vậy.

Tín tương ứng với tám giới, hai xứ, bốn uẩn, không tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như tín, chín pháp đại thiện địa còn lại, mười pháp đại phiền não địa, dục, tham, giận dữ, xúc vô minh, xúc phi minh phi vô minh, không tầm, không quý, nên biết cũng như vậy.

Phần tương ứng với ba giới, hai xứ, bốn uẩn, không tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như phần, chín pháp tiểu phiền não địa còn lại, tham nơi cõi Vô sắc, nghi, xúc minh, năm kiến, sáu ái nơi thân, nên biết cũng như vậy.

Tham nơi cõi Sắc tương ứng với sáu giới, hai xứ, bốn uẩn, không tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Xúc hữu đối tương ứng với bảy giới, hai xứ, bốn uẩn, không tương ứng với mười ba giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Xúc tăng ngữ tương ứng với ba giới, ba xứ, bốn uẩn, không tương ứng với mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Sáu xúc thân, sáu tư thân cũng như vậy.

Lạc căn tương ứng với tám giới, hai xứ, ba uẩn, không tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như lạc căn, xả căn cũng như vậy.

Khổ căn tương ứng với bảy giới, hai xứ, ba uẩn, không tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Hỷ căn tương ứng với ba giới, hai xứ, ba uẩn, không tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như hỷ căn, ưu căn cũng như vậy.

Thọ do nhãn xúc sinh ra tương ứng với ba giới, hai xứ, ba uẩn, không tương ứng với mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như thọ do nhãn xúc sinh ra, các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc sinh ra, sáu tưởng thân, nên biết cũng như vậy.

Phẩm 5: BIỆN VỀ TÙY MIÊN, phần 1

** Hỏi: Chín mươi tám tùy miên này:* Bao nhiêu thứ thuộc cõi Dục, bao nhiêu thứ thuộc cõi Sắc, bao nhiêu thứ thuộc cõi Vô sắc?

Đáp: Ba mươi sáu thứ thuộc cõi Dục, ba mươi một thứ thuộc cõi Sắc, ba mươi một thứ thuộc cõi Vô sắc.

*

Hỏi: Chín mươi tám tùy miên này: Bao nhiêu thứ do kiến đoạn, bao nhiêu thứ do tu đoạn?

Đáp: Tám mươi tám thứ do kiến đoạn, mười thứ do tu đoạn.

Hỏi: Ba mươi sáu tùy miên thuộc cõi Dục: Bao nhiêu thứ do kiến đoạn, bao nhiêu thứ do tu đoạn?

Đáp: Ba mươi hai thứ do kiến đoạn, bốn thứ do tu đoạn.

Hỏi: Ba mươi một tùy miên thuộc cõi Sắc: Bao nhiêu thứ do kiến đoạn, bao nhiêu thứ do tu đoạn?

Đáp: Hai mươi tám thứ do kiến đoạn, ba thứ do tu đoạn.

Như ba mươi một tùy miên thuộc cõi Sắc, ba mươi một tùy miên thuộc cõi Vô sắc cũng như vậy.

*

Hỏi: Chín mươi tám tùy miên này: Bao nhiêu thứ do kiến khổ đoạn trừ, bao nhiêu thứ do kiến tập, diệt, đạo, do tu đạo đoạn trừ?

Đáp: Hai mươi tám thứ do kiến khổ đoạn trừ, mười chín thứ do kiến tập đoạn trừ, mười chín thứ do kiến diệt đoạn trừ, hai mươi hai thứ do kiến đạo đoạn trừ, mười thứ do tu đạo đoạn trừ.

Hỏi: Ba mươi sáu tùy miên thuộc cõi Dục: Bao nhiêu thứ do kiến khổ đoạn trừ, bao nhiêu thứ do kiến tập, diệt, đạo, do tu đạo đoạn trừ?

Đáp: Mười thứ do kiến khổ đoạn trừ, bảy thứ do kiến tập đoạn trừ, bảy thứ do kiến diệt đoạn trừ, tám thứ do kiến đạo đoạn trừ, bốn thứ do tu đạo đoạn trừ.

Hỏi: Ba mươi một tùy miên thuộc cõi Sắc: Bao nhiêu thứ do kiến khổ đoạn trừ, bao nhiêu thứ do kiến tập, diệt, đạo, do tu đạo đoạn trừ?

Đáp: Chín thứ do kiến khổ đoạn trừ, sáu thứ do kiến tập đoạn trừ, sáu thứ do kiến diệt đoạn trừ, bảy thứ do kiến đạo đoạn trừ, ba thứ do tu đạo đoạn trừ.

Như ba mươi một tùy miên thuộc cõi Sắc, ba mươi một tùy miên thuộc cõi Vô sắc cũng như vậy.

**

*** *Hỏi: Thế nào là nghĩa của Tùy miên?***

Đáp: Nghĩa vi tế là nghĩa của tùy miên. Nghĩa tùy tăng là nghĩa của tùy miên. Nghĩa tùy trực là nghĩa của tùy miên. Nghĩa tùy phục (Theo sự trói buộc) là nghĩa của tùy miên. Tùy miên như thế nếu chưa đoạn dứt, chưa nhận biết khắp, do hai sự việc nên là tùy tăng: Đó là đối tượng duyên và tương ưng. Tùy tăng như vậy là đối với tự giới, không phải là tha giới.

*

Có mười hai tùy miên:

1. Tùy miên dục tham.
2. Tùy miên giận dữ.
3. Tùy miên sắc tham.

4. Tùỵ miên vô sắc tham.
5. Tùỵ miên mạn.
6. Tùỵ miên vô minh.
7. Tùỵ miên hữu thân kiến.
8. Tùỵ miên biên chấp kiến.
9. Tùỵ miên tà kiến.
10. Tùỵ miên kiến thủ.
11. Tùỵ miên giới cầm thủ.
12. Tùỵ miên nghi.

Ở đây:

1. *Thế nào là tùỵ miên dục tham tùỵ tăng?* Nghĩa là các thứ đáng yêu mến, ưa thích, tham luyến, vừa ý.

2. *Thế nào là tùỵ miên giận dữ tùỵ tăng?* Nghĩa là các thứ không đáng yêu mến, ưa thích, tham luyến, vừa ý.

3. *Thế nào là tùỵ miên sắc tham tùỵ tăng?* Nghĩa là các thứ đáng yêu mến, ưa thích, vui lòng, hợp ý.

4. *Thế nào là tùỵ miên vô sắc tham tùỵ tăng?* Nghĩa là các thứ đáng yêu mến, ưa thích, vừa ý.

5. *Thế nào là tùỵ miên mạn tùỵ tăng?* Nghĩa là cao ngạo, khinh miệt người khác.

6. *Thế nào là tùỵ miên vô minh tùỵ tăng?* Nghĩa là tối tăm, ngu si, không biết gì.

7. *Thế nào là tùỵ miên hữu thân kiến tùỵ tăng?* Nghĩa là chấp về ngã, ngã sở.

8. *Thế nào là tùỵ miên biên chấp kiến tùỵ tăng?* Nghĩa là chấp đoạn hoặc thường.

9. *Thế nào là tùy miên tà kiến tùy tăng?* Nghĩa là cho không có nhân quả, không có tác dụng, nên hủy báng.

10. *Thế nào là tùy miên kiến thủ tùy tăng?* Nghĩa là chấp cho kiến giải của mình là hơn hết, là bậc nhất.

11. *Thế nào là tùy miên giới cấm thủ tùy tăng?* Nghĩa là cho việc tuân giữ các giới như thế sẽ đạt được thanh tịnh, xuất ly, giải thoát.

12. *Thế nào là tùy miên nghi tùy tăng?* Nghĩa là mê lầm, ngờ vực, do dự.

Hỏi: Thế nào là dấy khởi tùy miên dục tham v.v... cho đến dấy khởi tùy miên nghi?

Đáp: Tùy miên dục tham dấy khởi do ba xứ: 1. Tùy miên dục tham chưa đoạn dứt, chưa nhận biết khắp. 2. Các pháp hiện tiền thuận với sự trói buộc của dục tham. 3. Nơi xứ ấy có tác ý phi lý.

Cho đến tùy miên nghi cũng do ba xứ nên dấy khởi: 1. Tùy miên nghi chưa đoạn dứt, chưa nhận biết khắp. 2. Các pháp hiện tiền thuận với sự trói buộc của nghi. 3. Nơi xứ ấy có tác ý phi lý.

*

Hỏi: Có bảy tùy miên và mười hai tùy miên: Là bảy thứ gồm sáu mươi hai thứ hay là mười hai thứ gồm sáu mươi bảy thứ?

Đáp: Chúng cùng gồm sáu mươi hai tùy theo sự việc. Nghĩa là như tùy miên dục tham gồm sáu mươi hai tùy miên dục tham, tùy miên sân gồm sáu mươi hai tùy miên giận dữ, tùy miên hữu tham gồm sáu mươi hai tùy miên sắc tham và vô sắc tham, tùy miên mạn gồm sáu mươi hai tùy miên mạn, tùy miên vô minh gồm sáu mươi hai tùy miên vô minh, tùy miên kiến gồm sáu mươi hai tùy miên kiến, tùy miên nghi gồm sáu mươi hai tùy miên nghi.

Hỏi: Bảy tùy miên và chín mươi tám tùy miên: Là bảy thứ gồm sáu mươi hai thứ hay là chín mươi tám thứ gồm sáu mươi bảy thứ?

Đáp: Chúng cùng gồm thấu lẫn nhau tùy theo sự việc. Nghĩa là như các tùy miên dục tham, sân giận mỗi thứ gồm thấu năm thứ, tùy miên hữu tham gồm thấu mười thứ, tùy miên mạn và vô minh mỗi thứ gồm thấu mười lăm thứ, tùy miên kiến gồm thấu ba mươi sáu thứ, tùy miên nghi gồm thấu mười hai thứ.

Hỏi: Mười hai tùy miên và chín mươi tám tùy miên: Là mười hai thứ gồm thấu chín mươi tám thứ hay là chín mươi tám thứ gồm thấu mười hai thứ?

Đáp: Chúng cùng gồm thấu lẫn nhau tùy theo sự việc. Nghĩa là như các tùy miên dục tham, sân giận, sắc tham và vô sắc tham, mỗi thứ gồm thấu năm thứ. Tùy miên mạn, vô minh, mỗi thứ gồm thấu mười lăm thứ. Tùy miên hữu thân kiến, biên chấp kiến, mỗi thứ gồm thấu ba thứ. Tùy miên tà kiến, kiến thủ, nghi, mỗi thứ gồm thấu mười hai thứ. Tùy miên giới cấm thủ gồm thấu sáu thứ.

**

*** *Hỏi: Chín mươi tám tùy miên này:*** Bao nhiêu thứ là biến hành, bao nhiêu thứ không phải là biến hành?

Đáp: Hai mươi bảy thứ là biến hành, sáu mươi lăm thứ không phải là biến hành, sáu thứ nên phân biệt: Nghĩa là tùy miên vô minh do kiến khổ, tập đoạn trừ, hoặc là biến hành, hoặc không phải là biến hành.

Thế nào là biến hành? Nghĩa là tùy miên vô minh do kiến khổ, tập đoạn trừ không tương ưng với không biến hành.

Thế nào là không phải biến hành? Nghĩa là tùy miên vô minh do kiến khổ, tập đoạn trừ tương ưng với không biến hành.

Hỏi: Ba mươi sáu tùy miên ở cõi Dục: Bao nhiêu thứ là biến hành, bao nhiêu thứ không phải là biến hành?

Đáp: Chín thứ là biến hành, hai mươi lăm thứ không phải là biến hành, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là tùy miên vô minh ở cõi

Dục do kiến khổ, tập đoạn trừ, hoặc là biến hành, hoặc không phải là biến hành.

Thế nào là biến hành? Nghĩa là tùy miên vô minh ở cõi Dục do kiến khổ, tập đoạn trừ, không tương ưng với không biến hành.

Thế nào là không phải biến hành? Nghĩa là tùy miên vô minh ở cõi Dục do kiến khổ, tập đoạn trừ, tương ưng với không biến hành.

Hỏi: Ba mươi một tùy miên ở cõi Sắc: Bao nhiêu thứ là biến hành, bao nhiêu thứ không phải là biến hành?

Đáp: Chín thứ là biến hành, hai mươi thứ không phải là biến hành, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là tùy miên vô minh ở cõi Sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ, hoặc là biến hành, hoặc không phải là biến hành.

Thế nào là biến hành? Nghĩa là tùy miên vô minh ở cõi Sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ, không tương ưng với không biến hành.

Thế nào là không phải biến hành? Nghĩa là tùy miên vô minh ở cõi Sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ, tương ưng với không biến hành.

Như ba mươi một tùy miên ở cõi Sắc, ba mươi một tùy miên ở cõi Vô sắc cũng như vậy.

*

Hỏi: Chín mươi tám tùy miên này: Bao nhiêu thứ là biến hành do tu đạo đoạn trừ, bao nhiêu thứ không phải là biến hành cũng không phải do tu đạo đoạn trừ?

Đáp: Ba mươi bảy thứ là biến hành do tu đạo đoạn trừ, năm mươi lăm thứ không phải là biến hành không do tu đạo đoạn trừ, sáu thứ nên phân biệt: Nghĩa là tùy miên vô minh do kiến khổ, tập đoạn trừ, hoặc là biến hành, hoặc không phải là biến hành.

Thế nào là biến hành? Nghĩa là tùy miên vô minh do kiến khổ, tập đoạn trừ không tương ưng với không biến hành.

Thế nào là không phải biến hành? Nghĩa là tùy miên vô minh do kiến khổ, tập đoạn trừ tương ưng với không biến hành.

Hỏi: Ba mươi sáu tùy miên ở cõi Dục: Bao nhiêu thứ là biến hành do tu đạo đoạn trừ, bao nhiêu thứ không phải là biến hành cũng không phải do tu đạo đoạn trừ?

Đáp: Mười ba thứ là biến hành do tu đạo đoạn trừ, hai mươi một thứ không phải là biến hành cũng không phải do tu đạo đoạn trừ, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là tùy miên vô minh ở cõi Dục do kiến khổ, tập đoạn trừ, hoặc là biến hành, hoặc không phải là biến hành.

Thế nào là biến hành? Nghĩa là tùy miên vô minh ở cõi Dục do kiến khổ, tập đoạn trừ không tương ưng với không biến hành.

Thế nào là không phải biến hành? Nghĩa là tùy miên vô minh ở cõi Dục do kiến khổ, tập đoạn trừ tương ưng với không biến hành.

Hỏi: Ba mươi một tùy miên ở cõi Sắc: Bao nhiêu thứ là biến hành do tu đạo đoạn trừ, bao nhiêu thứ không phải là biến hành cũng không phải do tu đạo đoạn trừ?

Đáp: Mười hai thứ là biến hành do tu đạo đoạn trừ, mười bảy thứ không phải là biến hành cũng không phải do tu đạo đoạn trừ, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là tùy miên vô minh ở cõi Sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ, hoặc là biến hành, hoặc không phải là biến hành.

Thế nào là biến hành? Nghĩa là tùy miên vô minh ở cõi Sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ không tương ưng với không biến hành.

Thế nào là không phải biến hành? Nghĩa là tùy miên vô minh ở cõi Sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ tương ưng với không biến hành.

Như ba mươi một tùy miên ở cõi Sắc, ba mươi một tùy miên ở cõi Vô sắc cũng như vậy.

Hỏi: Chín mươi tám tùy miên này: Bao nhiêu thứ duyên nơi hữu lậu, bao nhiêu thứ duyên nơi vô lậu?

Đáp: Tám mươi thứ duyên nơi hữu lậu, mười hai thứ duyên nơi vô lậu, sáu thứ nên phân biệt: Nghĩa là tùy miên vô minh do kiến diệt, đạo đoạn trừ, hoặc là duyên nơi hữu lậu, hoặc là duyên nơi vô lậu.

Thế nào là duyên nơi hữu lậu? Nghĩa là tùy miên vô minh do kiến diệt, đạo đoạn trừ tương ưng với duyên nơi hữu lậu.

Thế nào là duyên nơi vô lậu? Nghĩa là tùy miên vô minh do kiến diệt, đạo đoạn trừ không tương ưng với duyên nơi hữu lậu.

Hỏi: Ba mươi sáu tùy miên ở cõi Dục: Bao nhiêu thứ duyên nơi hữu lậu, bao nhiêu thứ duyên nơi vô lậu?

Đáp: Ba mươi thứ duyên nơi hữu lậu, bốn thứ duyên nơi vô lậu, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là tùy miên vô minh ở cõi Dục do kiến diệt, đạo đoạn trừ, hoặc là duyên nơi hữu lậu, hoặc là duyên nơi vô lậu.

Thế nào là duyên nơi hữu lậu? Nghĩa là tùy miên vô minh ở cõi Dục do kiến diệt, đạo đoạn trừ tương ưng với duyên nơi hữu lậu.

Thế nào là duyên nơi vô lậu? Nghĩa là tùy miên vô minh ở cõi Dục do kiến diệt, đạo đoạn trừ không tương ưng với duyên nơi hữu lậu.

Hỏi: Ba mươi một tùy miên ở cõi Sắc: Bao nhiêu thứ duyên nơi hữu lậu, bao nhiêu thứ duyên nơi vô lậu?

Đáp: Hai mươi lăm thứ duyên nơi hữu lậu, bốn thứ duyên nơi vô lậu, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là tùy miên vô minh ở cõi Sắc do kiến diệt, đạo đoạn trừ, hoặc là duyên nơi hữu lậu, hoặc là duyên nơi vô lậu.

Thế nào là duyên nơi hữu lậu? Nghĩa là tùy miên vô minh ở cõi Sắc do kiến diệt, đạo đoạn trừ tương ưng với duyên nơi hữu lậu.

Thế nào là duyên nơi vô lậu? Nghĩa là tùy miên vô minh ở cõi Sắc do kiến diệt, đạo đoạn trừ không tương ưng với duyên nơi hữu lậu.

Như ba mươi một tùy miên ở cõi Sắc, ba mươi một tùy miên ở cõi Vô sắc cũng như vậy.

*

Hỏi: Chín mươi tám tùy miên này: Bao nhiêu thứ duyên nơi hữu vi, bao nhiêu thứ duyên nơi vô vi?

Đáp: Tám mươi chín thứ duyên nơi hữu vi, sáu thứ duyên nơi vô vi, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là tùy miên vô minh do kiến diệt đoạn trừ, hoặc là duyên nơi hữu vi, hoặc là duyên nơi vô vi.

Thế nào là duyên nơi hữu vi? Nghĩa là tùy miên vô minh do kiến diệt đoạn trừ tương ưng với duyên nơi hữu vi.

Thế nào là duyên nơi vô vi? Nghĩa là tùy miên vô minh do kiến diệt đoạn trừ không tương ưng với duyên nơi hữu vi.

Hỏi: Ba mươi sáu tùy miên ở cõi Dục: Bao nhiêu thứ duyên nơi hữu vi, bao nhiêu thứ duyên nơi vô vi?

Đáp: Ba mươi ba thứ duyên nơi hữu vi, hai thứ duyên nơi vô vi, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là tùy miên vô minh ở cõi Dục do kiến diệt đoạn trừ hoặc là duyên nơi hữu vi, hoặc là duyên nơi vô vi.

Thế nào là duyên nơi hữu vi? Nghĩa là tùy miên vô minh ở cõi Dục do kiến diệt đoạn trừ tương ưng với duyên nơi hữu vi.

Thế nào là duyên nơi vô vi? Nghĩa là tùy miên vô minh ở cõi Dục do kiến diệt đoạn trừ không tương ưng với duyên nơi hữu vi.

Hỏi: Ba mươi một tùy miên ở cõi Sắc: Bao nhiêu thứ duyên nơi hữu vi, bao nhiêu thứ duyên nơi vô vi?

Đáp: Hai mươi tám thứ duyên nơi hữu vi, hai thứ duyên nơi vô vi, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là tùy miên vô minh ở cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ, hoặc là duyên nơi hữu vi, hoặc là duyên nơi vô vi.

Thế nào là duyên nơi hữu vi? Nghĩa là tùy miên vô minh ở cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ tương ưng với duyên nơi hữu vi.

Thế nào là duyên nơi vô vi? Nghĩa là tùy miên vô minh ở cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ không tương ưng với duyên nơi hữu vi.

Như ba mươi một tùy miên ở cõi Sắc, ba mươi một tùy miên ở cõi Vô sắc cũng như vậy.

*

Hỏi: Chín mươi tám tùy miên này: Có bao nhiêu thứ là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu thứ là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu thứ là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu thứ không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là không có tương ưng. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là tùy miên duyên nơi vô lậu. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là tùy miên duyên nơi hữu lậu. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là không có.

Như không nhất định hệ thuộc cõi nào, nên hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy.

**

* **Có hai mươi pháp:** Là pháp do kiến khổ đoạn trừ, pháp do kiến tập đoạn trừ, pháp do kiến diệt đoạn trừ, pháp do kiến đạo đoạn trừ, pháp do tu đạo đoạn trừ.

Như không nhất định hệ thuộc cõi nào, nên hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy.

*

Hỏi: Đối với pháp do kiến khổ đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do kiến khổ đoạn trừ là hết thấy cùng do kiến tập đoạn trừ tùy miên biến hành.

Hỏi: Đối với pháp do kiến tập đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do kiến tập đoạn trừ là hết thấy cùng do kiến khổ đoạn trừ tùy miên biến hành.

Hỏi: Đối với pháp do kiến diệt đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do kiến diệt đoạn trừ là hết thấy cùng tùy miên biến hành.

Hỏi: Đối với pháp do kiến đạo đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do kiến đạo đoạn trừ là hết thấy cùng tùy miên biến hành.

Hỏi: Đối với pháp do tu đạo đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do tu đạo đoạn trừ là hết thấy cùng biến hành biến hành.

Như không nhất định hệ thuộc cõi nào, nên hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy.

*

Hỏi: Đối với pháp do kiến khổ đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến tập đoạn trừ các tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là không có. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là do kiến khổ đoạn trừ tất cả các tùy miên. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành cùng do kiến diệt, đạo, do tu đạo đoạn trừ tất cả các tùy miên.

Hỏi: Đối với pháp do kiến tập đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là không có. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là do kiến tập đoạn trừ tất cả các tùy miên. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến khổ đoạn trừ các thứ không phải là biến hành cùng do kiến diệt, đạo, do tu đạo đoạn trừ tất cả các tùy miên.

Hỏi: Đối với pháp do kiến diệt đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao

nhiều tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là các tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ các tùy miên duyên nơi vô lậu. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ tất cả các tùy miên duyên nơi hữu lậu. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành cùng do kiến đạo, do tu đạo đoạn trừ tất cả các tùy miên.

Hỏi: Đối với pháp do kiến đạo đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là các tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là do kiến đạo đoạn trừ các tùy miên duyên nơi vô lậu. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là do kiến đạo đoạn trừ tất cả các tùy miên duyên nơi hữu lậu. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành cùng do kiến diệt, do tu đạo đoạn trừ tất cả các tùy miên.

Hỏi: Đối với pháp do tu đạo đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao

nhiều tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là các tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là không có. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là do tu đạo đoạn trừ tất cả các tùy miên. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành cùng do kiến đạo đoạn trừ tất cả các tùy miên.

Như không nhất định hệ thuộc cõi nào, nên hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy.

HẾT - QUYỂN 3

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÂM LOẠI TỨC

QUYỂN 4

Phẩm 5: BIỆN VỀ TÙY MIÊN, phần 2

* *Chỉ có hai mươi pháp*: Là pháp chỉ do kiến khổ đoạn trừ, pháp chỉ do kiến tập đoạn trừ, pháp chỉ do kiến diệt đoạn trừ, pháp chỉ do kiến đạo đoạn trừ, pháp chỉ do tu đạo đoạn trừ.

Như không nhất định hệ thuộc cõi nào, nên hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy.

*

Hỏi: Đối với pháp chỉ do kiến khổ đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Pháp chỉ do kiến khổ đoạn trừ không phải là tùy miên biến hành.

Hỏi: Đối với pháp chỉ do kiến tập đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Pháp chỉ do kiến tập đoạn trừ không phải là tùy miên biến hành.

Hỏi: Đối với pháp chỉ do kiến diệt đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Pháp chỉ do kiến diệt đoạn trừ tất cả tùy miên.

Hỏi: Đối với pháp chỉ do kiến đạo đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Pháp chỉ do kiến đạo đoạn trừ đoạn trừ tất cả tùy miên.

Hỏi: Đối với pháp chỉ do tu đạo đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Pháp chỉ do tu đạo đoạn trừ đoạn trừ tất cả tùy miên.

Như không nhất định hệ thuộc cõi nào, nên hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy.

*

Hỏi: Đối với pháp chỉ do kiến khổ đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Không có. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Cũng không có. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là chỉ do kiến khổ đoạn trừ tùy miên không phải biến hành. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Cũng không có.

Hỏi: Đối với pháp chỉ do kiến tập đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Không có. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Cũng không có. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là chỉ do kiến tập đoạn trừ tùy miên không phải biến hành. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Cũng không có.

Hỏi: Đối với pháp chỉ do kiến diệt đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Không có. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là chỉ do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi vô lậu. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là chỉ do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Cũng không có.

Hỏi: Đối với pháp chỉ do kiến đạo đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Không có. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là chỉ do kiến đạo đoạn trừ tùy miên duyên nơi vô lậu. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là chỉ do kiến đạo đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu. Không phải là đối tượng

tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Cũng không có.

Hỏi: Đối với pháp chỉ do tu đạo đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Không có. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Cũng không có. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là chỉ do tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Cũng không có.

**

** Có hai mươi tâm:* Nghĩa là tâm do kiến khổ đoạn trừ, tâm do kiến tập đoạn trừ, tâm do kiến diệt đoạn trừ, tâm do kiến đạo đoạn trừ, tâm do tu đạo đoạn trừ.

Như không nhất định hệ thuộc cõi nào, nên hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy.

*

Hỏi: Đối với tâm do kiến khổ đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do kiến khổ đoạn trừ tất cả cùng do kiến tập đoạn trừ tùy miên biến hành. Pháp tương ưng với tùy miên biến hành ấy và cùng khởi tâm bất tương ưng hành cũng như vậy.

Hỏi: Đối với tâm do kiến tập đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do kiến tập đoạn trừ tất cả cùng do kiến khổ đoạn trừ tùy miên biến hành. Pháp tương ưng với tùy miên biến hành ấy và cùng khởi tâm bất tương ưng hành cũng như vậy.

Hỏi: Đối với tâm do kiến diệt đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do kiến diệt đoạn trừ tất cả cùng các tùy miên biến hành. Pháp tương ưng với tùy miên biến hành ấy cũng thế. Vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành nên do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu và các tùy miên biến hành.

Hỏi: Đối với tâm do kiến đạo đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do kiến đạo đoạn trừ tất cả cùng các tùy miên biến hành. Pháp tương ưng với tùy miên biến hành ấy cũng thế. Vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành nên do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi hữu lậu và các tùy miên biến hành.

Hỏi: Đối với tâm do tu đạo đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do tu đạo đoạn trừ tất cả cùng các tùy miên biến hành. Pháp tương ưng với tùy miên biến hành ấy và cùng khởi tâm bất tương ưng hành cũng như vậy.

Như không nhất định hệ thuộc cõi nào, nên hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy.

*

Hỏi: Đối với tâm do kiến khổ đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng

cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến tập đoạn trừ tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Không có. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là do kiến khổ đoạn trừ tất cả tùy miên. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành cùng do kiến diệt, đạo, do tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên.

Pháp tương ưng với tùy miên biến hành ấy cũng như vậy, đối với nó cùng khởi tâm bất tương ưng hành, vì do kiến khổ đoạn trừ tất cả cùng do kiến tập đoạn trừ tùy miên biến hành. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng nhưng không phải là tương ưng. Các tùy miên khác vì không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng.

Hỏi: Đối với tâm do kiến tập đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến khổ đoạn trừ tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Không có. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là do kiến tập đoạn trừ tất cả tùy miên. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến khổ đoạn trừ các thứ không phải là biến hành cùng do kiến diệt, đạo, do tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên.

Pháp tương ưng với tùy miên biến hành ấy cũng như vậy, đối với nó cùng khởi tâm bất tương ưng hành, vì do kiến tập đoạn trừ tất cả cùng do kiến khổ đoạn trừ tùy miên biến hành. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng nhưng không phải là tương ưng. Các tùy miên khác vì không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng.

Hỏi: Đối với tâm do kiến diệt đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là các tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi vô lậu. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành cùng do kiến đạo, do tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên.

Pháp tương ưng với tùy miên biến hành ấy cũng như vậy, đối với nó cùng khởi tâm bất tương ưng hành, vì do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu và các tùy miên biến hành. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng nhưng không phải là tương ưng. Các tùy miên khác vì không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng.

Hỏi: Đối với tâm do kiến đạo đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng

cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là các tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là do kiến đạo đoạn trừ tùy miên duyên nơi vô lậu. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là do kiến đạo đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành cùng do kiến diệt, do tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên.

Pháp tương ưng với tùy miên biến hành ấy cũng như vậy, đối với nó cùng khởi tâm bất tương ưng hành, vì do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi hữu lậu và các tùy miên biến hành. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng nhưng không phải là tương ưng. Các tùy miên khác vì không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng.

Hỏi: Đối với tâm do tu đạo đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là các tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là không có. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là do tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành cùng do kiến diệt, đạo đoạn trừ tất cả tùy miên.

Pháp tương ưng với tùy miên biến hành ấy cũng như vậy, đối với nó cùng khởi tâm bất tương ưng hành, vì do tu đạo đoạn trừ tất cả cùng tùy miên biến hành. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng nhưng không phải là tương ưng. Các tùy miên khác vì không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng.

Như không nhất định hệ thuộc cõi nào, nên hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy.

**

* *Có bốn mươi tám tâm*: Nghĩa là tâm tương ưng với tà kiến do kiến diệt đoạn trừ. Tâm tương ưng với nghi do kiến diệt đoạn trừ. Tâm tương ưng với tà kiến, nghi do kiến diệt đoạn trừ.

Tâm không tương ưng với tà kiến do kiến diệt đoạn trừ. Tâm không tương ưng với nghi do kiến diệt đoạn trừ. Tâm không tương ưng với tà kiến, nghi do kiến diệt đoạn trừ.

Tâm do kiến đạo đoạn trừ cũng như vậy.

Như không nhất định hệ thuộc cõi nào, nên hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy.

*

Hỏi: Tâm tương ưng với tà kiến do kiến diệt đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do kiến diệt đoạn trừ các tà kiến cùng tương ưng với vô minh, hoặc do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu, hoặc các tùy miên biến hành. Nơi pháp tương ưng kia cũng vậy, vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành nên do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành.

Hỏi: Tâm tương ưng với nghi do kiến diệt đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do kiến diệt đoạn trừ các nghi cùng tương ưng với vô minh, hoặc do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu, hoặc các tùy miên biến hành. Nơi pháp tương ưng kia cũng vậy, vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành nên do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành.

Hỏi: Tâm tương ưng với tà kiến, nghi do kiến diệt đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do kiến diệt đoạn trừ các tà kiến, nghi cùng tương ưng với vô minh, hoặc do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu, hoặc các tùy miên biến hành. Nơi pháp tương ưng kia cũng vậy, vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành.

Hỏi: Tâm không tương ưng với tà kiến do kiến diệt đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Trừ tà kiến do kiến diệt đoạn trừ cùng tương ưng với vô minh, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ hết thảy cùng tùy miên biến hành. Nơi pháp tương ưng kia cũng vậy, vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành.

Hỏi: Tâm không tương ưng với nghi do kiến diệt đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Trừ nghi do kiến diệt đoạn trừ cùng tương ưng với vô minh, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ hết thảy cùng tùy miên biến hành. Nơi pháp tương ưng kia cũng vậy, vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành.

Hỏi: Tâm không tương ưng với tà kiến, nghi do kiến diệt đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Trừ tà kiến và nghi do kiến diệt đoạn trừ cùng tương ưng với vô minh, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ hết thảy cùng tùy miên biến hành. Nơi pháp tương ưng kia cũng vậy, vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành.

Đối với tâm do kiến đạo đoạn trừ cũng như vậy.

Như không nhất định hệ thuộc cõi nào, nên hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy.

*

Hỏi: Tâm tương ưng với tà kiến do kiến diệt đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu cùng tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ tà kiến và vô minh cùng tương ưng. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là không có. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là trừ do kiến diệt đoạn trừ tà kiến và vô minh cùng tương ưng, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi vô lậu và do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, cùng do kiến đạo, do tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên.

Nơi pháp tương ưng kia cũng vậy, vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng nhưng không

phải là tương ưng. Các tùy miên khác vì không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng nhưng cũng không phải là tương ưng.

Hỏi: Tâm tương ưng với nghi do kiến diệt đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu cùng tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ nghi và vô minh cùng tương ưng. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là không có. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là trừ do kiến diệt đoạn trừ nghi và vô minh cùng tương ưng, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi vô lậu và do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, cùng do kiến đạo, do tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên.

Nơi pháp tương ưng kia cũng vậy, vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng nhưng không phải là tương ưng. Các tùy miên khác vì không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng nhưng cũng không phải là tương ưng.

Hỏi: Tâm tương ưng với tà kiến, nghi do kiến diệt đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu cùng tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ tà kiến, nghi và vô minh cùng tương ưng. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là không có. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là trừ do kiến diệt đoạn trừ tà kiến, nghi và vô minh cùng tương ưng, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi vô lậu và do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, cùng do kiến đạo, do tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên.

Nơi pháp tương ưng kia cũng vậy, vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng nhưng không phải là tương ưng. Các tùy miên khác vì không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng nhưng cũng không phải là tương ưng.

Hỏi: Tâm không tương ưng với tà kiến do kiến diệt đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là các tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là trừ tà kiến và vô minh cùng tương ưng do kiến diệt đoạn trừ, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi vô lậu. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải

là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ tà kiến và vô minh cùng tương ưng, hoặc do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, hoặc do kiến đạo, do tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên.

Nơi pháp tương ưng kia cũng vậy, vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng nhưng không phải là tương ưng. Các tùy miên khác vì không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng nhưng cũng không phải là tương ưng.

Hỏi: Tâm không tương ưng với nghi do kiến diệt đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là các tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là trừ nghi và vô minh cùng tương ưng do kiến diệt đoạn trừ, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi vô lậu. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ nghi và vô minh cùng tương ưng, hoặc do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, hoặc do kiến đạo, do tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên.

Nơi pháp tương ưng kia cũng vậy, vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng nhưng không phải là tương ưng. Các tùy miên khác vì không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng nhưng cũng không phải là tương ưng.

Hỏi: Tâm không tương ưng với tà kiến, nghi do kiến diệt đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là các tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là trừ tà kiến, nghi và vô minh cùng tương ưng do kiến diệt đoạn trừ, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi vô lậu. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ tà kiến, nghi và vô minh cùng tương ưng, hoặc do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, hoặc do kiến đạo, do tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên.

Nơi pháp tương ưng kia cũng vậy, vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu cùng tùy miên biến hành. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng nhưng không phải là tương ưng. Các tùy miên khác vì không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng nhưng cũng không phải là tương ưng.

Đối với tâm do kiến đạo đoạn trừ cũng như vậy.

Như không nhất định hệ thuộc cõi nào, nên hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy.

**

* *Có ba mươi sáu tùy miên:* Nghĩa là do kiến khổ đoạn trừ có mười thứ, do kiến tập đoạn trừ có bảy thứ, do kiến diệt đoạn trừ

có bảy thứ, do kiến đạo đoạn trừ có tám thứ, do tu đạo đoạn trừ có bốn thứ.

Mười thứ tùy miên do kiến khổ đoạn trừ: Hữu thân kiến, biên chấp kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, nghi, tham, sân, mạn, vô minh.

Bảy thứ tùy miên do kiến tập đoạn trừ: Tà kiến, kiến thủ, nghi, tham, sân, mạn, vô minh.

Bảy thứ tùy miên do kiến diệt đoạn trừ: Tà kiến, kiến thủ, nghi, tham, sân, mạn, vô minh.

Tám thứ tùy miên do kiến đạo đoạn trừ: Tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, nghi, tham, sân, mạn, vô minh.

Bốn thứ tùy miên do tu đạo đoạn trừ: Tham, sân, mạn, vô minh.

*

Hỏi: Hữu thân kiến do kiến khổ đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do kiến khổ đoạn trừ tất cả và do kiến tập đoạn trừ tùy miên biến hành. Nơi pháp tương ưng kia cùng khởi tâm bất tương ưng hành cũng như vậy.

Như hữu thân kiến do kiến khổ đoạn trừ, các thứ biên chấp kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, nghi, tham, sân, mạn, vô minh do kiến khổ đoạn trừ cũng như vậy.

Hỏi: Tà kiến do kiến tập đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do kiến tập đoạn trừ tất cả và do kiến khổ đoạn trừ tùy miên biến hành. Nơi pháp tương ưng kia cùng khởi tâm bất tương ưng hành cũng như vậy.

Như tà kiến do kiến tập đoạn trừ, các thứ kiến thủ, nghi, tham, sân, mạn, vô minh do kiến tập đoạn trừ cũng như vậy.

Hỏi: Tà kiến do kiến diệt đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do kiến diệt đoạn trừ tà kiến tương ưng với vô minh và do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu cùng tùy miên biến hành. Nơi pháp tương ưng kia do kiến diệt đoạn trừ tà kiến và vô minh cùng tương ưng, hoặc do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu, hoặc tùy miên biến hành, vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành.

Như tà kiến do kiến diệt đoạn trừ, nghi do kiến diệt đoạn trừ cũng như vậy.

Kiến thủ do kiến diệt đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu cùng tùy miên biến hành. Nơi pháp tương ưng kia cùng khởi tâm bất tương ưng hành cũng như vậy.

Như kiến thủ do kiến diệt đoạn trừ, các thứ tham, sân, mạn do kiến diệt đoạn trừ cũng như vậy.

Vô minh do kiến diệt đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Nghĩa là trừ do kiến diệt đoạn trừ vô minh duyên nơi vô lậu, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ tất cả cùng tùy miên biến hành. Nơi pháp tương ưng kia do kiến diệt đoạn trừ tất cả cùng tùy miên biến hành nên ở đây cùng khởi tâm bất tương ưng hành, tức do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành.

Tám thứ tùy miên do kiến đạo đoạn trừ cũng như vậy.

Hỏi: Tham do tu đạo đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do tu đạo đoạn trừ tất cả cùng tùy miên biến hành. Nơi pháp tương ưng kia cùng khởi tâm bất tương ưng hành cũng như vậy.

Như tham do tu đạo đoạn trừ, các thứ sân, mạn, vô minh do tu đạo đoạn trừ cũng như vậy.

Hỏi: Hữu thân kiến do kiến khổ đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là trừ hữu thân kiến tương ưng với vô minh, các thứ còn lại do kiến khổ đoạn trừ tất cả và do kiến tập đoạn trừ tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là không có. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là hữu thân kiến tương ưng với vô minh. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành cùng do kiến diệt, đạo, do tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên.

Đối với pháp tương ưng kia: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là trừ hữu thân kiến tương ưng với vô minh, các thứ còn lại do kiến khổ đoạn trừ tất cả và do kiến tập đoạn trừ tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng nhưng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là không có. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là do hữu thân kiến và vô minh cùng tương ưng. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành cùng do kiến diệt, đạo, do tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên. Ở đây vì chúng cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do kiến khổ đoạn trừ tất cả và do kiến tập đoạn trừ tùy miên biến hành.

Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng. Các tùy miên khác vì không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng.

Như hữu thân kiến do kiến khổ đoạn trừ, các thứ biên chấp kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, nghi, tham, sân, mạn do kiến khổ đoạn trừ cũng như vậy.

Hỏi: Vô minh do kiến khổ đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến khổ đoạn trừ vô minh và do kiến tập đoạn trừ tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là không có. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là trừ do kiến khổ đoạn trừ vô minh, các thứ còn lại do kiến khổ đoạn trừ tất cả tùy miên. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành cùng do kiến diệt, đạo, do tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên.

Đối với pháp tương ưng kia: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng nhưng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến tập đoạn trừ tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là không có. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là do kiến khổ đoạn trừ tất cả tùy miên. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành cùng do kiến diệt, đạo, do tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên. Ở đây vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do kiến khổ đoạn trừ tất cả và do kiến tập đoạn trừ tùy miên biến hành.

Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng. Các tùy miên khác vì không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng.

Hỏi: Tà kiến do kiến tập đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là trừ do kiến tập đoạn trừ tà kiến tương ưng với vô minh, các thứ còn lại do kiến tập đoạn trừ tất cả cùng do kiến khổ đoạn trừ tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là không có. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là do kiến tập đoạn trừ tà kiến tương ưng với vô minh. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến khổ đoạn trừ các thứ không phải là biến hành cùng do kiến diệt, đạo, do tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên.

Đối với pháp tương ưng kia: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là trừ do kiến tập đoạn trừ tà kiến tương ưng với vô minh, các thứ còn lại do kiến tập đoạn trừ tất cả và do kiến khổ đoạn trừ tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng nhưng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là không có. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là do kiến tập đoạn trừ tà kiến và vô minh cùng tương ưng. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến khổ đoạn trừ các thứ không phải là biến hành cùng do kiến diệt, đạo, do tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên. Ở đây vì cùng khởi tâm

bất tương ưng hành, nên do kiến tập đoạn trừ tất cả và do kiến khổ đoạn trừ tùy miên biến hành.

Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng. Các tùy miên khác vì không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng.

Như tà kiến do kiến tập đoạn trừ, các thứ kiến thủ, nghi, tham, sân và mạn do kiến tập đoạn trừ cũng như vậy.

Hỏi: Vô minh do kiến tập đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu thứ miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến tập đoạn trừ vô minh và do kiến khổ đoạn trừ tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là không có. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là trừ do kiến tập đoạn trừ vô minh, các thứ còn lại do kiến tập đoạn trừ tất cả tùy miên. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến khổ đoạn trừ các thứ không phải là biến hành cùng do kiến diệt, đạo, do tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên.

Đối với pháp tương ưng kia: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng nhưng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến khổ đoạn trừ tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là không có. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là do kiến tập đoạn trừ tất cả tùy miên. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến khổ đoạn trừ các thứ không phải là biến

hành cùng do kiến diệt, đạo, do tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên. Ở đây vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do kiến tập đoạn trừ tất cả và do kiến khổ đoạn trừ tùy miên biến hành.

Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng. Các tùy miên khác vì không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng.

Hỏi: Tà kiến do kiến diệt đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu cùng tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ tà kiến tương ưng với vô minh. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là không có. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là trừ do kiến diệt đoạn trừ tà kiến tương ưng với vô minh, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi vô lậu, cùng do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, và do kiến đạo, tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên.

Đối với pháp tương ưng kia: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ tà kiến tương ưng với vô minh. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là không có. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là trừ do kiến diệt đoạn trừ

tà kiến tương ưng với vô minh, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi vô lậu cùng do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, và do kiến đạo, tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên. Ở đây vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu và các tùy miên biến hành.

Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng. Các tùy miên khác vì không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng.

Như tà kiến do kiến diệt đoạn trừ, nghi do kiến diệt đoạn trừ cũng như vậy.

Hỏi: Kiến thủ do kiến diệt đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là trừ do kiến diệt đoạn trừ kiến thủ tương ưng với vô minh, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là không có. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ kiến thủ tương ưng với vô minh. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi vô lậu, và do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, cùng do kiến đạo, tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên.

Đối với pháp tương ưng kia: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là trừ do kiến diệt đoạn trừ kiến thủ tương ưng với vô minh, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ duyên

nơi hữu lậu và tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là không có. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ kiến thủ tương ưng với vô minh. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi vô lậu và do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, cùng do kiến đạo, tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên. Ở đây vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành.

Là đối tượng duyên nên là tùy tăng nhưng không phải là tương ưng. Các tùy miên khác vì không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng.

Như kiến thủ do kiến diệt đoạn trừ, các thứ tham, giận và mạn do kiến diệt đoạn trừ cũng như vậy.

Hỏi: Vô minh do kiến diệt đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ vô minh duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là trừ do kiến diệt đoạn trừ vô minh duyên nơi vô lậu, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi vô lậu. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là trừ do kiến diệt đoạn trừ vô minh duyên nơi hữu lậu, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là

do kiến diệt đoạn trừ vô minh duyên nơi vô lậu và do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, cùng do kiến đạo, tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên.

Đối với pháp tương ưng kia: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là các tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi vô lậu. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, và do kiến đạo, tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên. Ở đây vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành.

Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng. Các tùy miên khác vì không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng.

Tám tùy miên do kiến đạo đoạn trừ cũng như vậy.

HẾT - QUYỂN 4

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHẨM LOẠI TỨC

QUYỂN 5

Phẩm 5: BIỆN VỀ TÙY MIÊN, phần 3

Hỏi: Tham do tu đạo đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ tham tương ưng với vô minh, các thứ còn lại do tu đạo đoạn trừ tất cả cùng tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là không có. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là do tu đạo đoạn trừ tham tương ưng với vô minh. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành và do kiến diệt, đạo đoạn trừ tất cả tùy miên.

Đối với pháp tương ưng kia: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là trừ do tu đạo đoạn trừ tham tương ưng với vô minh, các thứ còn lại do tu đạo đoạn trừ tất cả cùng tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối

tượng duyên: Nghĩa là không có. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là do tu đạo đoạn trừ tham tương ưng với vô minh. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, và do kiến diệt, đạo đoạn trừ tất cả tùy miên. Ở đây vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do tu đạo đoạn trừ tất cả cùng tùy miên biến hành.

Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng. Các tùy miên khác vì không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng.

Như tham do tu đạo đoạn trừ, các thứ sân, mạn do tu đạo đoạn trừ cũng như vậy.

Hỏi: Vô minh do tu đạo đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là do tu đạo đoạn trừ vô minh cùng tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là không có. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là trừ do tu đạo đoạn trừ vô minh, các thứ khác là do tu đạo đoạn trừ hết thấy tùy miên. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, cùng do kiến diệt, đạo đoạn trừ tất cả tùy miên.

Đối với pháp tương ưng kia: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là các tùy miên biến hành. Là tương

ung nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là không có. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là do tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, và do kiến diệt, đạo đoạn trừ tất cả tùy miên. Ở đây vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do tu đạo đoạn trừ tất cả cùng tùy miên biến hành.

Là đối tượng duyên nên là tùy tăng nhưng không phải là tương ưng. Các tùy miên khác vì không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng.

**

* **Có bốn mươi tám vô minh:** Nghĩa là vô minh tương ưng với tà kiến do kiến diệt đoạn trừ. Vô minh tương ưng với nghi do kiến diệt đoạn trừ. Vô minh tương ưng với tà kiến, nghi do kiến diệt đoạn trừ.

Vô minh không tương ưng với tà kiến do kiến diệt đoạn trừ. Vô minh không tương ưng với nghi do kiến diệt đoạn trừ. Vô minh không tương ưng với tà kiến, nghi do kiến diệt đoạn trừ.

Do kiến đạo đoạn trừ cũng như vậy.

Như không nhất định hệ thuộc cõi nào, nên hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy.

*

Hỏi: Vô minh tương ưng với tà kiến do kiến diệt đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do kiến diệt đoạn trừ tà kiến và do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu cùng tùy miên biến hành. Đối với pháp tương ưng kia, do kiến diệt đoạn trừ tà kiến cùng tương ưng với vô minh, hoặc

do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu, hoặc tùy miên biến hành. Ở đây vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu cùng tùy miên biến hành.

Hỏi: Vô minh tương ưng với nghi do kiến diệt đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do kiến diệt đoạn trừ nghi và do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu cùng tùy miên biến hành. Đối với pháp tương ưng kia do kiến diệt đoạn trừ nghi tương ưng với vô minh, hoặc do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu, hoặc tùy miên biến hành. Ở đây vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu cùng tùy miên biến hành.

Hỏi: Vô minh tương ưng với tà kiến, nghi do kiến diệt đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do kiến diệt đoạn trừ tà kiến, nghi và do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu cùng tùy miên biến hành. Đối với pháp tương ưng kia do kiến diệt đoạn trừ tà kiến, nghi cùng tương ưng với vô minh, hoặc do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu, hoặc tùy miên biến hành. Ở đây vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu cùng tùy miên biến hành.

Hỏi: Vô minh không tương ưng với tà kiến do kiến diệt đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do kiến diệt đoạn trừ nghi và do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu cùng tùy miên biến hành. Đối với pháp tương ưng kia, trừ do kiến diệt đoạn trừ tà kiến và vô minh cùng tương ưng, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ tất cả cùng tùy miên biến hành. Ở đây vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu cùng tùy miên biến hành.

Hỏi: Vô minh không tương ưng với nghi do kiến diệt đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do kiến diệt đoạn trừ tà kiến và do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu cùng tùy miên biến hành. Đối với pháp tương ưng kia, trừ do kiến diệt đoạn trừ nghi tương ưng với vô minh, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ tất cả cùng tùy miên biến hành. Ở đây vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu cùng tùy miên biến hành.

Hỏi: Vô minh không tương ưng với tà kiến, nghi do kiến diệt đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành. Đối với pháp tương ưng kia, trừ do kiến diệt đoạn trừ tà kiến và nghi cùng tương ưng với vô minh, các thứ khác là do kiến diệt đoạn trừ tất cả cùng tùy miên biến hành. Ở đây vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu cùng tùy miên biến hành.

Do kiến đạo đoạn trừ cũng như vậy.

Như không nhất định hệ thuộc cõi nào, nên hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy.

*

Hỏi: Vô minh tương ưng với tà kiến do kiến diệt đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ tà kiến. Là đối tượng duyên

nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là không có. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là trừ do kiến diệt đoạn trừ tà kiến, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi vô lậu và do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, cùng do kiến đạo, tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên.

Đối với pháp tương ưng kia: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ tà kiến tương ưng với vô minh. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là không có. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là trừ do kiến diệt đoạn trừ tà kiến tương ưng với vô minh, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi vô lậu và do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, cùng do kiến đạo, tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên. Ở đây vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành.

Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng. Các tùy miên khác vì không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng.

Hỏi: Vô minh tương ưng với nghi do kiến diệt đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng

duyên: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ nghi. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là không có. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là trừ do kiến diệt đoạn trừ nghi, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi vô lậu và do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, cùng do kiến đạo, tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên.

Đối với pháp tương ưng kia: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ nghi tương ưng với vô minh. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là không có. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là trừ do kiến diệt đoạn trừ nghi tương ưng với vô minh, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi vô lậu và do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, cùng do kiến đạo, tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên. Ở đây vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành.

Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng. Các tùy miên khác vì không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng.

Hỏi: Vô minh tương ưng với tà kiến, nghi do kiến diệt đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu và tùy miên

biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ tà kiến và nghi. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là không có. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là trừ do kiến diệt đoạn trừ tà kiến và nghi, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi vô lậu và do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, cùng do kiến đạo, tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên.

Đối với pháp tương ưng kia: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ tà kiến và nghi cùng tương ưng với vô minh. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là không có. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là trừ do kiến diệt đoạn trừ tà kiến và nghi cùng tương ưng với vô minh, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi vô lậu và do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, cùng do kiến đạo, tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên. Ở đây vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành.

Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng. Các tùy miên khác vì không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng.

Hỏi: Vô minh không tương ưng với tà kiến do kiến diệt đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ung: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ vô minh duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành. Là tương ung nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ nghi. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ung: Nghĩa là trừ do kiến diệt đoạn trừ vô minh duyên nơi hữu lậu, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu.

Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ung: Nghĩa là trừ do kiến diệt đoạn trừ nghi, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi vô lậu và do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, cùng do kiến đạo, tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên.

Đối với pháp tương ung kia: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ung: Nghĩa là các tùy miên biến hành. Là tương ung nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là trừ do kiến diệt đoạn trừ tà kiến cùng tương ung với vô minh, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi vô lậu. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ung: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ung: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ tà kiến tương ung với vô minh, hoặc do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, hoặc do kiến đạo và do tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên. Ở đây vì cùng khởi tâm bất tương ung hành, nên do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành.

Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ung. Các tùy miên khác vì không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ung.

Hỏi: Vô minh không tương ung với nghi do kiến diệt đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ung? Có bao nhiêu tùy miên là tương ung nên là tùy tăng

không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ vô minh duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ tà kiến. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là trừ do kiến diệt đoạn trừ vô minh duyên nơi hữu lậu, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là trừ do kiến diệt đoạn trừ tà kiến, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi vô lậu và do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, cùng do kiến đạo, tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên.

Đối với pháp tương ưng kia: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là các tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là trừ do kiến diệt đoạn trừ nghi cùng tương ưng với vô minh, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi vô lậu. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ nghi tương ưng với vô minh, hoặc do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, hoặc do kiến đạo và do tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên. Ở đây vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành.

Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng. Các tùy miên khác vì không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng.

Hỏi: Vô minh không tương ưng với tà kiến, nghi do kiến diệt đoạn trừ: Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên? Có bao nhiêu tùy miên là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng? Có bao nhiêu tùy miên không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng?

Đáp: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ vô minh duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là không có. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là trừ do kiến diệt đoạn trừ vô minh duyên nơi hữu lậu, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là trừ do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi vô lậu và do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, cùng do kiến đạo, tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên.

Đối với pháp tương ưng kia: Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng: Nghĩa là các tùy miên biến hành. Là tương ưng nên là tùy tăng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là trừ do kiến diệt đoạn trừ tà kiến, nghi cùng tương ưng với vô minh, các thứ còn lại do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi vô lậu. Là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu. Không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng: Nghĩa là do kiến diệt đoạn trừ tà kiến và nghi cùng tương ưng với vô minh, hoặc do kiến khổ, tập đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, hoặc do kiến đạo và do tu đạo đoạn trừ tất cả tùy miên. Ở đây vì cùng khởi tâm bất tương ưng hành, nên do kiến diệt đoạn trừ tùy miên duyên nơi hữu lậu và tùy miên biến hành.

Là đối tượng duyên nên là tùy tăng không phải là tương ưng. Các tùy miên khác vì không phải là đối tượng duyên nên là tùy tăng cũng không phải là tương ưng.

Do kiến đạo đoạn trừ cũng như vậy.

Như không nhất định hệ thuộc cõi nào, nên hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy.

**

*** Hỏi:** *Các tùy miên duyên nơi hữu lậu*, các tùy miên ấy tương ưng với đối tượng duyên nên là tùy tăng chăng?

Đáp: Hoặc tùy miên tương ưng với đối tượng duyên nên là tùy tăng, tức các tùy miên ấy duyên nơi hữu lậu. Có tùy miên duyên nơi hữu lậu, tùy miên ấy không tương ưng với đối tượng duyên nên là tùy tăng, nghĩa là tùy miên biến hành duyên nơi địa của giới khác. Việc này như thế nào? Tức là các tùy miên thuộc cõi Dục duyên nơi cõi Sắc. Hoặc các tùy miên thuộc cõi Dục duyên nơi cõi Vô sắc. Hoặc các tùy miên thuộc cõi Sắc duyên nơi cõi Vô sắc. Hoặc các tùy miên thuộc cõi Dục duyên nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Duyên nơi địa khác cũng như vậy.

Hỏi: Các tùy miên duyên nơi vô lậu, các tùy miên ấy tương ưng nên là tùy tăng chăng?

Đáp: Hoặc tùy miên duyên nơi vô lậu là tùy miên tương ưng nên là tùy tăng. Hoặc có tùy miên tương ưng nên là tùy tăng, nhưng tùy miên ấy không duyên nơi vô lậu, nghĩa là tùy miên biến hành duyên nơi địa khác. Việc này như thế nào? Tức là các tùy miên thuộc cõi Dục duyên nơi cõi Sắc, hoặc các tùy miên thuộc cõi Dục duyên nơi cõi Vô sắc, hoặc các tùy miên thuộc cõi Sắc duyên nơi cõi Vô sắc, hoặc các tùy miên thuộc cõi Dục duyên nơi cõi Sắc, Vô sắc.

Duyên nơi địa khác cũng như vậy.

Phẩm 6: BIỆN VỀ THẬU GIỮ, phần 1

1. Nêu dẫn các pháp:

* *Nói về một pháp*: Pháp được nhận biết. Pháp được nhận thức. Pháp được thông đạt. Pháp của đối tượng duyên. Pháp tăng thượng.

* *Nói về hai pháp*: Pháp có sắc, pháp không sắc. Pháp có thấy, pháp không thấy. Pháp có đối, pháp không đối. Pháp hữu lậu, pháp vô lậu. Pháp hữu vi, pháp vô vi. Pháp có tranh cãi, pháp không tranh cãi. Pháp thế gian, pháp xuất thế gian. Pháp gắn với giới, pháp không gắn với giới. Pháp có vị tham đắm, pháp không vị tham đắm. Pháp nương vào đam mê, pháp nương vào xuất ly.

Pháp tâm, pháp không phải tâm. Pháp tâm sở, pháp không phải tâm sở. Pháp tâm tương ưng, pháp tâm không tương ưng. Pháp tâm cùng có, pháp không phải tâm cùng có. Pháp tùy tâm chuyển, pháp không phải tùy tâm chuyển. Pháp tâm làm nhân, pháp không phải tâm làm nhân. Pháp tâm làm đấng vô gián, pháp không phải tâm làm đấng vô gián. Pháp tâm làm đối tượng duyên, pháp không phải tâm làm đối tượng duyên. Pháp tâm làm tăng thượng, pháp không phải tâm làm tăng thượng. Pháp quả của tâm, pháp không phải quả của tâm. Pháp dị thực của tâm, pháp không phải dị thực của tâm.

Pháp nghiệp, pháp không phải nghiệp. Pháp nghiệp tương ưng, pháp nghiệp không tương ưng. Pháp nghiệp cùng có, pháp không phải nghiệp cùng có. Pháp tùy nghiệp chuyển, pháp không phải tùy nghiệp chuyển. Pháp nghiệp làm nhân, pháp không phải nghiệp làm nhân. Pháp nghiệp làm đấng vô gián, pháp không phải nghiệp làm đấng vô gián. Pháp nghiệp làm sở duyên, pháp không phải nghiệp làm sở duyên. Pháp nghiệp làm tăng thượng, pháp không phải nghiệp làm tăng thượng. Pháp quả của nghiệp, pháp không phải quả của nghiệp. Pháp dị thực của nghiệp, pháp không phải dị thực của nghiệp.

Pháp có, pháp không có. Pháp có tương ưng, pháp có không tương ưng. Pháp có cùng có, pháp không phải có cùng có. Pháp tùy có duyên, pháp không tùy có duyên. Pháp có làm nhân, pháp không có làm nhân. Pháp có làm đẳng vô gián, pháp không phải có làm đẳng vô gián. Pháp có làm sở duyên, pháp không phải có làm sở duyên. Pháp có làm tăng thượng, pháp không phải có làm tăng thượng. Pháp có quả, pháp không có quả. Pháp có dị thực, pháp không có dị thực.

Pháp được nhận biết khắp, pháp không được nhận biết khắp. Pháp nên đoạn, pháp không nên đoạn. Pháp nên tu, pháp không nên tu. Pháp nên chứng, pháp không nên chứng. Pháp nên hành tập, pháp không nên hành tập. Pháp có tội, pháp không tội. Pháp đen, pháp trắng. Pháp hữu phú, pháp vô phú. Pháp thuận thoái, pháp không thuận thoái.

Pháp hữu ký, pháp vô ký. Pháp đã sinh, pháp không phải đã sinh. Pháp đang sinh, pháp không phải đang sinh. Pháp đã diệt, pháp không phải đã diệt. Pháp đang diệt, pháp không phải đang diệt. Pháp duyên khởi, pháp không phải duyên khởi. Pháp duyên đã sinh, pháp không phải duyên đã sinh. Pháp nhân, pháp không phải nhân. Pháp có nhân, pháp không có nhân. Pháp nhân đã sinh, pháp không phải nhân đã sinh. Pháp nhân tương ưng, pháp nhân không tương ưng.

Pháp kiết, pháp không phải kiết. Pháp thuận kiết, pháp không thuận kiết. Pháp chấp giữ, pháp không chấp giữ. Pháp có chấp thọ, pháp không chấp thọ. Pháp thuận lấy, pháp không thuận lấy. Pháp phiền não, pháp không phiền não. Pháp nhiễm ô, pháp không nhiễm ô. Pháp tạp nhiễm, pháp không tạp nhiễm. Pháp ràng buộc, pháp không ràng buộc. Pháp bị trói buộc, pháp không bị trói buộc. Pháp thuận trói buộc, pháp không thuận trói buộc.

Pháp hữu sở duyên, pháp vô sở duyên. Pháp có tầm, pháp không tầm. Pháp có tứ, pháp không tứ. Pháp có hỷ, pháp không hỷ. Pháp có cảnh giác, pháp không cảnh giác. Pháp có sự việc, pháp không sự

việc. Pháp có duyên, pháp không duyên. Pháp hữu thượng, pháp vô thượng. Pháp xa, pháp gần. Pháp hữu lượng, pháp vô lượng. Pháp kiến, pháp không phải kiến. Pháp kiến xứ, pháp không phải kiến xứ. Pháp kiến tương ưng, pháp kiến không tương ưng. Pháp dị sinh pháp, pháp không phải dị sinh pháp.

Pháp cộng dị sinh, pháp bất cộng dị sinh. Pháp định, pháp không phải định. Pháp thuận nhiệt não, pháp không phải thuận nhiệt não. Pháp căn, pháp không phải căn. Pháp thuộc về Thánh đế, pháp không thuộc về Thánh đế. Pháp cùng có, pháp không phải cùng có. Pháp tương ưng, pháp không tương ưng. Pháp quả, pháp không phải quả. Pháp có quả, pháp không quả. Pháp dị thực, pháp không phải dị thực. Pháp có dị thực, pháp không dị thực.

Pháp nhân duyên, pháp không phải nhân duyên. Pháp có nhân duyên, pháp không nhân duyên. Pháp lia, pháp không phải lia. Pháp có lia, pháp không lia. Pháp tiếp nối, pháp không phải tiếp nối. Pháp có tiếp nối, pháp không tiếp nối.

** Nói về ba pháp:* Pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký. Pháp hữu học, pháp vô học, pháp phi học phi vô học. Pháp do kiến đạo đoạn trừ, pháp do tu đạo đoạn trừ, pháp không phải đoạn trừ. Pháp do kiến đạo đoạn làm nhân, pháp do tu đạo đoạn làm nhân, pháp không phải đoạn làm nhân. Pháp có thấy có đối, pháp không thấy có đối, pháp không thấy không đối. Pháp dị thực, pháp pháp dị thực, pháp không phải dị thực không phải pháp dị thực.

Pháp yếu kém, pháp trung bình, pháp vi diệu. Pháp nhỏ, pháp lớn, pháp vô lượng. Pháp vừa ý, pháp không vừa ý, pháp không phải vừa ý không phải không vừa ý. Pháp vui cùng hành, pháp khổ cùng hành, pháp không khổ không vui cùng hành. Pháp cùng sinh, pháp cùng trụ, pháp cùng diệt.

Pháp không phải cùng sinh, pháp không phải cùng trụ, pháp không phải cùng diệt. Pháp tâm cùng sinh, pháp tâm cùng trụ, pháp

tâm cùng diệt. Pháp không phải tâm cùng sinh, pháp không phải tâm cùng trụ, pháp không phải tâm cùng diệt.

Có ba giới: Là giới dục, giới giận, giới hại.

Lại có ba giới: Là giới xuất ly, giới không giận, giới không hại.

Lại có ba giới: Là dục giới, sắc giới, vô sắc giới.

Lại có ba giới: Là giới sắc, giới vô sắc, giới diệt.

Có ba hữu: Là dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu.

Có ba lậu: Là dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

Có ba đời: Là đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại

Có ba lời nói dựa vào sự việc: Lời nói dựa vào sự việc quá khứ, lời nói dựa vào sự việc hiện tại, lời nói dựa vào sự việc vị lai.

Có ba tánh khổ: Là tánh khổ khổ, tánh hành khổ, tánh hoại khổ.

Có ba pháp: Là pháp có tâm có tứ, pháp không tâm có tứ, pháp không tâm không tứ.

Có ba địa: Là địa có tâm có tứ, địa không tâm có tứ, địa không tâm không tứ.

Có ba nghiệp: Là nghiệp thân, nghiệp ngữ, nghiệp ý.

Lại có ba nghiệp: Là nghiệp thiện, nghiệp bất thiện, nghiệp vô ký.

Lại có ba nghiệp: Là nghiệp hữu học, nghiệp vô học, nghiệp phi hữu học phi vô học.

Lại có ba nghiệp: Là nghiệp do kiến đạo đoạn trừ, nghiệp do tu đạo đoạn trừ, nghiệp không phải đoạn trừ.

Lại có ba nghiệp: Là nghiệp thuận hiện pháp thọ, nghiệp thuận thứ sinh thọ, nghiệp thuận hậu thứ thọ.

Lại có ba nghiệp: Là nghiệp thuận lạc thọ, nghiệp thuận khổ thọ, nghiệp thuận thọ không khổ không lạc.

*** Nói về bốn pháp:**

Có bốn niệm trụ: 1. Thân niệm trụ. 2. Thọ niệm trụ. 3. Tâm niệm trụ. 4. Pháp niệm trụ.

Có bốn chánh đoạn: 1. Các pháp ác bất thiện đã sinh khiến vĩnh viễn đoạn dứt, nên siêng tu chánh đoạn. 2. Các pháp ác bất thiện chưa sinh khiến vĩnh viễn không sinh, nên siêng tu chánh đoạn. 3. Các pháp thiện chưa sinh khiến sinh, nên siêng tu chánh đoạn. 4. Các pháp thiện đã sinh khiến trụ vững chắc, không quên, tu đầy đủ, càng thêm rộng khiến trí tác chứng, nên siêng tu chánh đoạn.

Có bốn thần túc: 1. Thần túc Dục Tam-ma-địa đoạn hành thành tựu. 2. Thần túc Cần Tam-ma-địa đoạn hành thành tựu. 3. Thần túc Tâm Tam-ma-địa đoạn hành thành tựu. 4. Thần túc Quán Tam-ma-địa đoạn hành thành tựu.

Có bốn tĩnh lự: 1. Tĩnh lự thứ nhất. 2. Tĩnh lự thứ hai. 3. Tĩnh lự thứ ba. 4. Tĩnh lự thứ tư.

Có bốn Thánh đế: 1. Khổ Thánh đế. 2. Tập Thánh đế. 3. Diệt Thánh đế. 4. Đạo Thánh đế.

Có bốn vô lượng: 1. Từ vô lượng. 2. Bi vô lượng. 3. Hỷ vô lượng. 4. Xả vô lượng.

Có bốn vô sắc: 1. Xứ không vô biên. 2. Xứ thức vô biên. 3. Xứ vô sở hữu. 4. Xứ phi tướng phi phi tướng.

Có bốn Thánh chủng: 1. Thánh chủng tùy chỗ có được y phục biết đủ. 2. Thánh chủng tùy chỗ có được thức ăn uống biết đủ. 3. Thánh chủng tùy chỗ có được ngọa cụ biết đủ. 4. Thánh chủng ưa thích đoạn trừ, vui thích tu tập.

Có bốn quả Sa-môn: 1. Quả Dự lưu. 2. Quả Nhất lai. 3. Quả Bất hoàn. 4. Quả A-la-hán.

Có bốn trí: 1. Pháp trí. 2. Loại trí. 3. Tha tâm trí. 4. Thế tục trí.

Lại có bốn trí: 1. Khổ trí. 2. Tập trí. 3. Diệt trí. 4. Đạo trí.

Có bốn vô ngại giải: 1. Pháp vô ngại giải. 2. Nghĩa vô ngại giải. 3. Từ vô ngại giải. 4. Biện vô ngại giải.

Có bốn duyên: 1. Nhân duyên. 2. Đẳng vô gián duyên. 3. Sở duyên duyên. 4. Tăng thượng duyên.

Có bốn cách ăn: 1. Ăn bằng từng phần hoặc thô hoặc tế. 2. Ăn bằng tiếp xúc. 3. Ăn bằng ý nghĩ. 4. Ăn bằng thức.

Có bốn bậc lưu: 1. Bậc lưu dục. 2. Bậc lưu hữu. 3. Bậc lưu kiến. 4. Bậc lưu vô minh.

Có bốn ách: 1. Ách dục. 2. Ách hữu. 3. Ách kiến. 4. Ách vô minh.

Có bốn thủ: 1. Dục thủ. 2. Kiến thủ. 3. Giới cấm thủ. 4. Ngữ thủ.

Có bốn pháp: 1. Pháp quá khứ. 2. Pháp vị lai. 3. Pháp hiện tại. 4. Pháp không phải quá khứ vị lai hiện tại.

Lại có bốn pháp: 1. Pháp thuộc cõi Dục. 2. Pháp thuộc cõi Sắc. 3. Pháp thuộc cõi Vô sắc. 4. Pháp không hệ thuộc.

Lại có bốn pháp: 1. Pháp thiện làm nhân. 2. Pháp bất thiện làm nhân. 3. Pháp vô ký làm nhân. 4. Pháp không phải thiện, không phải bất thiện, không phải vô ký làm nhân.

Lại có bốn pháp: 1. Pháp duyên có đối tượng duyên. 2. Pháp duyên không có đối tượng duyên. 3. Pháp duyên có đối tượng duyên, không có đối tượng duyên. 4. Pháp không phải duyên có đối tượng duyên, không phải duyên không có đối tượng duyên.

*** Nói về năm pháp:**

Có năm uẩn: 1. Sắc uẩn. 2. Thọ uẩn. 3. Tưởng uẩn. 4. Hành uẩn. 5. Thức uẩn.

Có năm thủ uẩn: 1. Sắc thủ uẩn. 2. Thọ thủ uẩn. 3. Tưởng thủ uẩn. 4. Hành thủ uẩn. 5. Thức thủ uẩn.

Có năm nẻo (Thú): 1. Nại-lạc-ca (Địa ngục). 2. Bàn sinh. 3. Quỷ. 4. Người. 5. Trời.

Có năm bộ phiền não: 1. Bộ phiền não do kiến khổ đoạn trừ. 2. Bộ phiền não do kiến tập đoạn trừ. 3. Bộ phiền não do kiến diệt đoạn trừ. 4. Bộ phiền não do kiến đạo đoạn trừ. 5. Bộ phiền não do tu đạo đoạn trừ.

Có năm pháp: 1. Sắc pháp. 2. Tâm pháp. 3. Tâm sở hữu pháp. 4. Tâm bất tương ưng hành pháp. 5. Vô vi pháp.

*** Nói về sáu pháp:**

Có sáu giới: 1. Địa giới. 2. Thủy giới. 3. Hỏa giới. 4. Phong giới. 5. Không giới. 6. Thức giới.

Có sáu pháp: 1. Pháp do kiến khổ đoạn trừ. 2. Pháp do kiến tập đoạn trừ. 3. Pháp do kiến diệt đoạn trừ. 4. Pháp do kiến đạo đoạn trừ. 5. Pháp do tu đạo đoạn trừ. 6. Pháp không đoạn trừ.

*** Nói về bảy pháp:**

Có bảy tùy miên: 1. Tùy miên dục tham. 2. Tùy miên giận dữ. 3. Tùy miên hữu tham. 4. Tùy miên mạn. 5. Tùy miên vô minh. 6. Tùy miên kiến. 7. Tùy miên nghi.

Có bảy thức trụ: 1. Thức trụ thứ nhất: Hữu tình có sắc, thân khác, tưởng khác, như loài người và một phần cõi trời. 2. Thức trụ thứ hai: Hữu tình có sắc, thân khác, một tướng, như nơi cõi trời Phạm chúng vào thời kiếp đầu tiên. 3. Thức trụ thứ ba: Hữu tình có sắc, một thân, tưởng khác, như cõi trời Cực quang tịnh. 4. Thức trụ thứ tư: Hữu tình có sắc, một thân, một tướng, như cõi trời Biến tịnh. 5. Thức trụ thứ năm: Hữu tình không sắc, vượt tất cả tướng sắc, diệt hết các tướng có đối, không suy nghĩ về các thứ tướng, nhập vào không

vô biên, trụ đầy đủ nơi xứ không vô biên, như cõi trời Không vô biên xứ. 6. Thức trụ thứ sáu: Hữu tình không sắc, vượt tất cả xứ không vô biên, nhập vào thức vô biên, trụ đầy đủ nơi xứ thức vô biên, như cõi trời Thức vô biên xứ. 7. Thức trụ thứ bảy: Hữu tình không sắc, vượt tất cả xứ thức vô biên, nhập vào vô sở hữu, trụ đầy đủ nơi xứ vô sở hữu, như cõi trời Vô sở hữu xứ.

Có bảy giác chi: 1. Niệm đẳng giác chi. 2. Trạch pháp đẳng giác chi. 3. Tinh tấn đẳng giác chi. 4. Hỷ đẳng giác chi. 5. Khinh an đẳng giác chi. 6. Định đẳng giác chi. 7. Xả đẳng giác chi.

*** Nói về tám pháp:**

Có tám giải thoát: 1. Bên trong có sắc quán xét các sắc, là giải thoát thứ nhất. 2. Bên trong không tưởng sắc quán các sắc ở ngoài, là giải thoát thứ hai. 3. Thân tịnh giải thoát, tác chứng, trụ đầy đủ, là giải thoát thứ ba. 4. Vượt ngoài tất cả tưởng sắc, diệt hết các tưởng có đối, không suy nghĩ các thứ tưởng, nhập vào không vô biên, trụ đầy đủ nơi xứ không vô biên, là giải thoát thứ tư. 5. Vượt ngoài tất cả xứ không vô biên, nhập vào thức vô biên, trụ đầy đủ nơi xứ thức vô biên, là giải thoát thứ năm. 6. Vượt ngoài tất cả xứ thức vô biên, nhập vào vô sở hữu, trụ đầy đủ nơi xứ vô sở hữu, là giải thoát thứ sáu. 7. Vượt ngoài tất cả xứ vô sở hữu, nhập và trụ đầy đủ nơi xứ phi tưởng phi phi tưởng, là giải thoát thứ bảy. 8. Vượt ngoài tất cả xứ phi tưởng phi phi tưởng, nhập và trụ đầy đủ vào tưởng thọ diệt, thân tác chứng, là giải thoát thứ tám.

Có tám thắng xứ: 1. Bên trong có tưởng sắc, quán ít sắc bên ngoài, đối với các sắc ấy hoặc hiển bày đẹp, hoặc hiển bày xấu, đều biết thấy rõ đúng đầy đủ tưởng như vậy là thắng xứ thứ nhất. 2. Bên trong có tưởng sắc, quán nhiều sắc bên ngoài, đối với các sắc ấy hoặc hiển bày đẹp, hoặc hiển bày xấu, đều thấy biết rõ đúng đầy đủ tưởng như vậy là thắng xứ thứ hai. 3. Bên trong không có tưởng sắc, quán

ít sắc bên ngoài, đối với các sắc ấy hoặc hiển bày đẹp, hoặc hiển bày xấu, đều thấy biết rõ đúng đầy đủ tướng như vậy là thắng xứ thứ ba.

4. Bên trong không có tướng sắc, quán nhiều sắc bên ngoài, đối với các sắc ấy hoặc hiển bày đẹp, hoặc hiển bày xấu, đều thấy biết rõ đúng đầy đủ tướng như vậy là thắng xứ thứ tư.

5. Bên trong không có tướng sắc, quán các sắc bên ngoài, như màu xanh hiển hiện cùng ánh sáng xanh, cũng như hoa Ô-mạc-ca, hoặc như áo nhuộm màu xanh đậm nơi xứ Bà-la-ni-tur, màu xanh có ánh sáng xanh hiển bày như thế. Đối với các sắc ấy đều thấy biết rõ đúng đầy đủ tướng như vậy là thắng xứ thứ năm.

6. Bên trong không có tướng sắc, quán các sắc bên ngoài, như màu vàng hiển hiện cùng ánh sáng vàng, cũng như hoa Yết-ni-ca, hoặc như áo nhuộm màu vàng sậm nơi xứ Bà-la-ni-tur, màu vàng có ánh sáng vàng hiển bày như thế. Đối với các sắc ấy đều thấy biết rõ đúng đầy đủ tướng như vậy là thắng xứ thứ sáu.

7. Bên trong không có tướng sắc, quán các sắc bên ngoài, như màu đỏ hiển hiện cùng ánh sáng đỏ, cũng như hoa Bàn-đậu-thi-phược-ca, hoặc như áo nhuộm màu đỏ sậm nơi xứ Bà-la-ni-tur, màu đỏ có ánh sáng đỏ hiển bày như thế. Đối với các sắc ấy đều thấy biết rõ đúng đầy đủ tướng như vậy là thắng xứ thứ bảy.

8. Bên trong không có tướng sắc, quán các sắc bên ngoài, như màu trắng hiển hiện cùng ánh sáng trắng, cũng như ngôi sao Ô-sát-tur hoặc như áo trắng sạch nơi xứ Bà-la-ni-tur, màu trắng có ánh sáng trắng hiển bày như thế. Đối với các sắc ấy đều thấy biết rõ đúng đầy đủ tướng như vậy là thắng xứ thứ tám.

Có tám chi Thánh đạo: 1. Chánh kiến. 2. Chánh tư duy. 3. Chánh ngữ. 4. Chánh nghiệp. 5. Chánh mạng. 6. Chánh tinh tấn. 7. Chánh niệm. 8. Chánh định.

HẾT - QUYỂN 5

LUẬN A TỲ ĐẠT MA PHÂM LOẠI TỨC

QUYỂN 6

Phẩm 6: BIỆN VỀ THẬU GIỮ, phần 2

** Nói về chín pháp:*

Có chín kiết: 1. Kiết ái. 2. Kiết giận. 3. Kiết kiêu mạn. 4. Kiết vô minh. 5. Kiết kiến. 6. Kiết thủ. 7. Kiết nghi ngờ. 8. Kiết ganh ty. 9. Kiết keo kiệt.

Có chín chỗ ở của hữu tình: 1. Hữu tình có sắc, thân khác, tướng khác, như loài người và một phần của các cõi trời. Đó là chỗ ở thứ nhất của hữu tình. 2. Hữu tình có sắc, thân khác, tướng một, như nơi cõi trời Phạm chúng vào thời kiếp đầu tiên. Đó là chỗ ở thứ hai của hữu tình. 3. Hữu tình có sắc, thân một, tướng khác, như nơi cõi trời Cực quang tịnh. Đó là chỗ ở thứ ba của hữu tình. 4. Hữu tình có sắc, thân một, tướng một, như nơi cõi trời Biến tịnh. Đó là chỗ ở thứ tư của hữu tình. 5. Hữu tình có sắc, không tướng, không có tướng khác, như hữu tình nơi cõi trời Vô tướng. Đó là chỗ ở thứ năm của hữu tình. 6. Hữu tình không sắc, vượt quá tất cả tướng sắc, diệt hết các tướng có đối, không còn tư duy về các thứ tướng, nhập vào không vô biên, trụ đầy đủ nơi xứ không vô biên, như nơi cõi trời Không vô biên xứ. Đó là chỗ ở thứ sáu của hữu tình. 7. Hữu tình không sắc, vượt quá tất cả xứ không vô biên, nhập vào thức vô biên, trụ đầy đủ nơi xứ thức vô biên, như nơi cõi trời Thức vô biên xứ. Đó

là chỗ ở thứ bảy của hữu tình. 8. Hữu tình không sắc, vượt quá tất cả xứ thức vô biên, nhập vào vô sở hữu, trụ đầy đủ nơi xứ vô sở hữu, như nơi cõi trời Vô sở hữu xứ. Đó là chỗ ở thứ tám của hữu tình. 9. Hữu tình không sắc, vượt quá tất cả xứ vô xứ hữu, nhập và trụ đầy đủ nơi xứ phi tướng phi phi tướng, như nơi cõi trời Phi tướng phi phi tướng xứ. Đó là chỗ ở thứ chín của hữu tình.

*** Nói về mười pháp:**

Có mười biến xứ: 1. Có một loại tướng, tất cả khắp nơi đều là đất, trên dưới các phía đều là không hai, là vô lượng. Đó là biến xứ thứ nhất. 2. Có một loại tướng, tất cả khắp nơi đều là nước, trên dưới các phía đều là không hai, là vô lượng. Đó là biến xứ thứ hai. 3. Có một loại tướng, tất cả khắp nơi đều là lửa, trên dưới các phía đều là không hai, là vô lượng. Đó là biến xứ thứ ba. 4. Có một loại tướng, tất cả khắp nơi đều là gió, trên dưới các phía đều là không hai, là vô lượng. Đó là biến xứ thứ tư. 5. Có một loại tướng, tất cả khắp nơi đều là màu xanh, trên dưới các phía đều là không hai, là vô lượng. Đó là biến xứ thứ năm. 6. Có một loại tướng, tất cả khắp nơi đều là màu vàng, trên dưới các phía đều là không hai, là vô lượng. Đó là biến xứ thứ sáu. 7. Có một loại tướng, tất cả khắp nơi đều là màu đỏ, trên dưới các phía đều là không hai, là vô lượng. Đó là biến xứ thứ bảy. 8. Có một loại tướng, tất cả khắp nơi đều là màu trắng, trên dưới các phía đều là không hai, là vô lượng. Đó là biến xứ thứ tám. 9. Có một loại tướng, tất cả khắp nơi đều là khoảng không, trên dưới các phía đều là không hai, là vô lượng. Đó là biến xứ thứ chín. 10. Có một loại tướng, tất cả khắp nơi đều là một thức, trên dưới các phía đều là không hai, là vô lượng. Đó là biến xứ thứ mười.

Có mười pháp vô học: 1. Chánh kiến vô học. 2. Chánh tư duy vô học. 3. Chánh ngữ vô học. 4. Chánh nghiệp vô học. 5. Chánh mạng vô học. 6. Chánh tinh tấn vô học. 7. Chánh niệm vô học. 8. Chánh định vô học. 9. Chánh thắng giải vô học. 10. Chánh trí vô học.

* **Nói về mười một pháp:** 1. Sắc hữu lậu. 2. Sắc vô lậu. 3. Thọ hữu lậu. 4. Thọ vô lậu. 5. Tưởng hữu lậu. 6. Tưởng vô lậu. 7. Hành hữu lậu. 8. Hành vô lậu. 9. Thức hữu lậu. 10. Thức vô lậu. 11. Pháp vô vi.

* **Nói về mười hai xứ:** 1. Nhãn xứ. 2. Sắc xứ. 3. Nhĩ xứ. 4. Thanh xứ. 5. Tỷ xứ. 6. Hương xứ. 7. Thiệt xứ. 8. Vị xứ. 9. Thân xứ. 10. Xúc xứ. 11. Ý xứ. 12. Pháp xứ.

* **Nói về mười tám giới:** 1. Nhãn giới. 2. Sắc giới. 3. Nhãn thức giới. 4. Nhĩ giới. 5. Thanh giới. 6. Nhĩ thức giới. 7. Tỷ giới. 8. Hương giới. 9. Tỷ thức giới. 10. Thiệt giới. 11. Vị giới. 12. Thiệt thức giới. 13. Thân giới. 14. Xúc giới. 15. Thân thức giới. 16. Ý giới. 17. Pháp giới. 18. Ý thức giới.

* **Nói về hai mươi hai căn:** 1. Nhãn căn. 2. Nhĩ căn. 3. Tỷ căn. 4. Thiệt căn. 5. Thân căn. 6. Nữ căn. 7. Nam căn. 8. Mạng căn. 9. Ý căn. 10. Lạc căn. 11. Khổ căn. 12. Hỷ căn. 13. Ưu căn. 14. Xả căn. 15. Tín căn. 16. Tinh tấn căn. 17. Niệm căn. 18. Định căn. 19. Tuệ căn. 20. Vị tri đương tri căn. 21. Dĩ tri căn. 22. Cụ tri căn.

* **Nói về chín mươi tám tùy miên:** Thuộc cõi Dục có ba mươi sáu tùy miên. Thuộc cõi Sắc có ba mươi một tùy miên. Thuộc cõi Vô sắc có ba mươi một tùy miên. Như đã nói ở trước.

2. Giải thích các pháp vừa nêu trên:

* **Thế nào là Pháp được nhận biết?** Nghĩa là tất cả pháp đều được trí nhận biết tùy theo sự việc. Đây lại là thế nào? Tức là khổ thì trí nhận biết là khổ, tập thì trí nhận biết là tập, diệt thì trí nhận biết là diệt, đạo thì trí nhận biết là đạo. Lại có thể tục trí thiện nhận biết về khổ, tập, diệt, đạo cùng hư không, phi trạch diệt. Thế nên nói tất cả pháp đều được trí nhận biết tùy theo sự việc. Đó gọi là Pháp được nhận biết.

Thế nào là Pháp được nhận thức? Nghĩa là tất cả pháp đều do thức nhận biết tùy theo sự việc. Đây lại là thế nào? Tức là nhãn thức nhận biết về sắc, nhĩ thức nhận biết về tiếng, tỷ thức nhận biết về mùi, thiệt thức nhận biết về vị, thân thức nhận biết về xúc chạm, ý thức nhận biết về các pháp. Mắt, sắc và nhãn thức. Tai, tiếng và nhĩ thức. Mũi, hương và tỷ thức. Lưỡi, vị và thiệt thức. Thân, xúc và thân thức. Ý, pháp và ý thức. Thế nên nói tất cả pháp đều do thức nhận biết tùy theo sự việc. Đó gọi là Pháp được nhận thức.

Thế nào là pháp được thông đạt? Thông đạt tức là tuệ thiện. Ở đây tức xem tất cả pháp là đối tượng được thông đạt tùy theo sự việc. Đây lại là thế nào? Nghĩa là do khổ nhãn khổ trí thông đạt về khổ. Do tập nhãn tập trí thông đạt về tập. Do diệt nhãn diệt trí thông đạt về diệt. Do đạo nhãn đạo trí thông đạt về đạo. Lại có tuệ hữu lậu thiện thông đạt về khổ, tập, diệt, đạo cùng hư không, phi trạch diệt, nên nói thông đạt là tuệ thiện. Ở đây tức xem tất cả pháp là đối tượng được thông đạt tùy theo sự việc. Đó gọi là Pháp được thông đạt.

Thế nào là Pháp của đối tượng duyên? Nghĩa là tất cả các pháp là đối tượng duyên của tâm, tâm sở pháp, tùy theo sự việc. Đây lại là thế nào? Tức là nhãn thức cùng pháp tương ưng duyên nơi sắc. Nhĩ thức cùng pháp tương ưng duyên nơi tiếng. Tỷ thức cùng pháp tương ưng duyên nơi hương. Thiệt thức cùng pháp tương ưng duyên nơi vị. Thân thức cùng pháp tương ưng duyên nơi xúc. Ý thức cùng pháp tương ưng duyên nơi pháp. Nhãn, sắc, nhãn thức v.v... cho đến ý, pháp, ý thức, nên nói tất cả pháp là đối tượng duyên của tâm, tâm sở pháp, tùy theo sự việc. Đó gọi là Pháp của đối tượng duyên.

Thế nào là Pháp tăng thượng? Nghĩa là tất cả các pháp hữu vi đều cùng tăng thượng cho nhau. Lại có pháp vô vi cùng làm tăng thượng cho pháp hữu vi. Đó gọi là Pháp tăng thượng.

* **Thế nào là Pháp có sắc?** Là mười xứ và phần ít của một xứ.

Thế nào là Pháp không sắc? Là một xứ và phần ít của một xứ.

*

Thế nào là Pháp có thấy? Là một xứ.

Thế nào là Pháp không thấy? Là mười một xứ.

*

Thế nào là Pháp có đối? Là có mười xứ.

Thế nào là Pháp không đối? Là hai xứ.

*

Thế nào là Pháp hữu lậu? Là mười xứ và phần ít của hai xứ.

Thế nào là Pháp vô lậu? Là phần ít của hai xứ.

*

Thế nào là Pháp hữu vi? Là mười một xứ và phần ít của một xứ.

Thế nào là Pháp vô vi? Là phần ít của một xứ.

*

Thế nào là Pháp có tranh cãi? Là mười xứ và phần ít của hai xứ.

Thế nào là Pháp không tranh cãi? Là phần ít của hai xứ.

*

Các pháp: Thế gian – xuất thế gian, gắn với giới – không gắn với giới, có vị tham đắm – không vị tham đắm, nương vào đam mê – nương vào xuất ly cũng như vậy.

*

Thế nào là Pháp tâm? Là một xứ.

Thế nào là Pháp không phải tâm? Là mười một xứ.

*

Thế nào là Pháp tâm sở? Là như pháp cùng tâm tương ưng. Đây lại có nghĩa gì? Nghĩa là thọ uẩn, tưởng uẩn tương ưng với hành uẩn.

Thế nào là Pháp không phải tâm sở? Là như pháp cùng tâm không tương ưng. Đây lại có nghĩa gì? Nghĩa là sắc, tâm, tâm bất tương ưng hành, vô vi.

*

Thế nào là Pháp tâm tương ưng? Là pháp tâm sở. Đây lại có nghĩa gì? Nghĩa là thọ uẩn, tưởng uẩn tương ưng với hành uẩn.

Thế nào là Pháp tâm không tương ưng? Là pháp không phải tâm sở. Đây lại có nghĩa gì? Nghĩa là sắc, tâm, tâm bất tương ưng hành, vô vi.

*

Thế nào là Pháp tâm cùng có? Là tâm cùng có phần ít của mười một xứ trừ ý xứ.

Thế nào là Pháp không phải tâm cùng có? Là ý xứ và không phải tâm cùng có phần ít của mười một xứ.

*

Thế nào là Pháp tùy tâm chuyển? Là như pháp và tâm một sinh, một trụ, một diệt. Đây lại có nghĩa gì? Nghĩa là tất cả pháp tâm sở và đạo cùng có định, cùng có giới, hoặc tâm hoặc pháp ấy là sinh, già, trụ, vô thường. Đó gọi là Pháp tùy tâm chuyển.

Thế nào là Pháp không phải tùy tâm chuyển? Là như pháp không cùng tâm một sinh, một trụ, một diệt. Đây lại có nghĩa gì? Nghĩa là trừ tùy tâm chuyển nơi nghiệp thân, ngữ, còn lại là các sắc pháp. Trừ tùy tâm chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, còn lại là các tâm bất tương ưng hành và tâm vô vi. Đó gọi là Pháp không phải tùy tâm chuyển.

*

Thế nào là Pháp tâm làm nhân? Là trừ tâm vô lậu đầu tiên của Bồ-đặc-già-la đã nhập chánh tánh ly sinh, là các tâm còn lại. Trừ tâm vô lậu đầu tiên của các phàm phu khác nhất định sẽ nhập chánh tánh ly sinh nơi vị lai, là các tâm còn lại và tâm làm nhân cho phần ít của mười một xứ. Đó gọi là Pháp tâm làm nhân.

Thế nào là Pháp không phải tâm làm nhân? Là tâm vô lậu đầu tiên của Bồ-đặc-già-la đã nhập chánh tánh ly sinh, tâm vô lậu đầu tiên của các phàm phu khác nhất định sẽ nhập chánh tánh ly sinh ở đời vị lai cùng tâm làm nhân cho phần ít của mười một xứ. Đó gọi là Pháp không phải tâm làm nhân.

*

Thế nào là Pháp tâm làm đẳng vô gián? Là tâm làm đẳng vô gián. Là tâm, tâm sở pháp, hoặc đã sinh, hoặc đang sinh cùng định vô tướng, định diệt tận hoặc đã sinh, hoặc đang sinh. Đó gọi là Pháp tâm làm đẳng vô gián.

Thế nào là Pháp không phải tâm làm đẳng vô gián? Là trừ tâm làm đẳng vô gián cho tâm, tâm sở pháp, còn lại là các tâm, tâm sở pháp khác. Trừ tâm làm đẳng vô gián cho tâm bất tương hành, còn lại là các tâm bất tương ưng hành khác và sắc vô vi. Đó gọi là Pháp không phải tâm làm đẳng vô gián.

*

Thế nào là Pháp tâm làm đối tượng duyên? Là như ý thức cùng pháp tương ưng lấy tâm làm đối tượng duyên. Đó gọi là Pháp tâm làm đối tượng duyên.

Thế nào là Pháp không phải tâm làm đối tượng duyên? Là trừ tâm làm đối tượng duyên cho ý thức cùng pháp tương ưng, còn lại là ý thức và pháp tương ưng khác, hoặc năm thức thân cùng pháp tương ưng, hoặc sắc vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đó gọi là Pháp không phải tâm làm đối tượng duyên.

*

Thế nào là Pháp tâm làm tăng thượng? Là pháp hữu vi lấy tâm làm tăng thượng.

Thế nào là Pháp không phải tâm làm tăng thượng? Là pháp vô vi.

*

Thế nào là Pháp quả của tâm? Là tất cả pháp hữu vi và trạch diệt.

Thế nào là Pháp không phải quả của tâm? Là hư không, phi trạch diệt.

*

Thế nào là Pháp dị thực của tâm? Là dị thực của tâm nơi phần ít của mười một xứ, trừ thanh xứ.

Thế nào là Pháp không phải dị thực của tâm? Là thanh xứ và không phải dị thực của tâm nơi phần ít của mười một xứ.

*

Thế nào là Pháp nghiệp? Là các nghiệp thân, ngữ và tư.

Thế nào là Pháp không phải nghiệp? Là trừ các nghiệp thân, ngữ, là các sắc còn lại, trừ tư, là các hành uẩn còn lại và ba uẩn đầy đủ cùng pháp vô vi.

*

Thế nào là Pháp nghiệp tương ưng? Là như pháp cùng tư tương ưng. Đây lại có nghĩa gì? Nghĩa là tất cả tâm, tâm sở pháp trừ tư.

Thế nào là Pháp nghiệp không tương ưng? Là như pháp không tương ưng với tư. Đây lại có nghĩa gì? Nghĩa là sắc và tư, tâm bất tương ưng hành, vô vi.

*

Thế nào là Pháp nghiệp cùng có? Là ý xứ và nghiệp cùng có phần ít của mười một xứ, trừ tư.

Thế nào là Pháp không phải nghiệp cùng có? Là tư và không phải nghiệp cùng có phần ít của mười một xứ, trừ ý xứ.

*

Thế nào là Pháp tùy nghiệp chuyển? Là như pháp cùng tư một sinh, một trụ, một diệt. Đây lại có nghĩa gì? Nghĩa là tất cả các tâm, tâm sở pháp, trừ tư và đạo đều có định, đều có giới, hoặc là tư, hoặc là pháp ấy sinh, già, trụ, thường. Đó gọi là Pháp tùy nghiệp chuyển.

Thế nào là Pháp không phải tùy nghiệp chuyển? Là như pháp cùng tư không một sinh, một trụ, một diệt. Đây lại có nghĩa gì? Nghĩa là trừ nghiệp thân, ngữ tùy nghiệp chuyển, còn lại là các sắc khác, trừ tâm bất tương ưng hành tùy nghiệp chuyển, còn lại là các tâm bất tương ưng hành khác, tư và vô vi. Đó gọi là Pháp không phải tùy nghiệp chuyển.

*

Thế nào là Pháp nghiệp làm nhân? Là trừ tư vô lậu ban đầu của các Bồ-đặc-già-la đã nhập chánh tánh ly sinh, là các tư còn lại, trừ các tư vô lậu ban đầu của các phạm phu khác nhất định sẽ nhập chánh tánh ly sinh ở đời vị lai, còn lại là các tư khác và ý xứ cùng

nghiệp làm nhân cho phần ít của mười một xứ. Đó gọi là Pháp nghiệp làm nhân.

Thế nào là Pháp không phải nghiệp làm nhân? Là tư vô lậu đầu tiên của các Bồ-đặc-già-la đã nhập chánh tánh ly sinh và tư vô lậu đầu tiên của các phàm phu khác nhất định sẽ nhập chánh tánh ly sinh ở đời vị lai, cùng không phải nghiệp làm nhân nơi phần ít của mười một xứ, trừ ý xứ. Đó gọi là Pháp không phải nghiệp làm nhân.

*

Thế nào là Pháp nghiệp làm đẳng vô gián? Là như pháp và tâm làm đẳng vô gián.

Thế nào là Pháp không phải nghiệp làm đẳng vô gián? Là như pháp không phải là tâm làm đẳng vô gián.

*

Thế nào là Pháp nghiệp làm sở duyên? Là ba thức thân cùng pháp tương ưng dùng nghiệp làm đối tượng duyên.

Thế nào là Pháp không phải nghiệp làm sở duyên? Là trừ nghiệp làm đối tượng duyên cho ba thức thân và pháp tương ưng, các thứ còn lại tức ba thức thân này cùng pháp tương ưng với ba thức thân còn lại và pháp tương ưng, hoặc sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

*

Thế nào là Pháp nghiệp làm tăng thượng? Là pháp hữu vi dùng nghiệp làm tăng thượng.

Thế nào là Pháp không phải nghiệp làm tăng thượng? Là pháp vô vi.

*

Thế nào là Pháp quả của nghiệp? Là tất cả pháp hữu vi và trạch diệt.

Thế nào là Pháp không phải quả của nghiệp? Là hư không, phi trạch diệt.

*

Thế nào là Pháp dị thực của nghiệp? Là dị thực của nghiệp nơi phần ít của mười một xứ, trừ thanh xứ.

Thế nào là Pháp không phải dị thực của nghiệp? Là thanh xứ và không phải dị thực của nghiệp nơi phần ít của mười một xứ.

*

Thế nào là Pháp có? Là pháp hữu lậu.

Thế nào là Pháp không có? Là pháp vô lậu.

*

Thế nào là Pháp có tương ưng? Là pháp tâm, tâm sở hữu lậu.

Thế nào là Pháp có không tương ưng? Là pháp tâm, tâm sở vô lậu và sắc vô vi, tâm bất tương ưng hành.

*

Thế nào là Pháp có cùng có? Là pháp hữu lậu cùng pháp hữu lậu cùng sinh ra các pháp vô lậu.

Thế nào là Pháp không phải có cùng có? Là trừ các pháp hữu lậu cùng sinh ra các pháp vô lậu, là các pháp vô lậu khác.

*

Thế nào là Pháp tùy có chuyển và pháp có làm nhân? Là pháp hữu lậu.

Thế nào là Pháp không tùy có chuyển và pháp không có làm nhân? Là pháp vô lậu.

*

Thế nào là Pháp có làm đấng vô gián? Là tâm, tâm sở pháp hữu lậu làm đấng vô gián, còn lại là các tâm, tâm sở pháp hữu lậu và vô lậu khác hoặc đã sinh hoặc đang sinh, cùng định vô tướng, định diệt tận hoặc đã sinh hoặc đang sinh. Đó gọi là Pháp có làm đấng vô gián.

Thế nào là Pháp không phải có làm đấng vô gián? Là trừ các tâm, tâm sở pháp nơi có làm đấng vô gián, còn lại là các tâm, tâm sở pháp khác. Trừ có làm đấng vô gián nơi tâm bất tương ưng hành, còn lại là các tâm bất tương ưng hành cùng sắc, vô vi. Đó gọi là Pháp không phải có làm đấng vô gián.

*

Thế nào là Pháp có làm sở duyên? Là năm thức thân cùng pháp tương ưng, hoặc ý thức cùng pháp tương ưng dùng có làm đối tượng duyên. Đó gọi là pháp có làm sở duyên.

Thế nào là Pháp không phải có làm sở duyên? Là trừ ý thức cùng pháp tương ưng lấy có làm đối tượng duyên, còn các ý thức và pháp tương ưng khác cùng sắc, vô vi và tâm bất tương ưng hành. Đó gọi là pháp không phải có làm sở duyên.

*

Thế nào là Pháp có làm tăng thượng? Là pháp hữu vi.

Thế nào là Pháp không phải có làm tăng thượng? Là pháp vô vi.

*

Thế nào là Pháp có quả? Là pháp hữu lậu và đạo thể tục đã chứng khi đoạn dứt kiết.

Thế nào là Pháp không có quả? Là trừ pháp có quả vô lậu, còn lại là các pháp vô lậu khác.

*

Thế nào là Pháp có dị thực? Là có dị thực nơi phần ít của mười một xứ, trừ thanh xứ.

Thế nào là Pháp không có dị thực? Là thanh xứ và các thứ không có dị thực nơi phần ít của mười một xứ.

*

Thế nào là Pháp được nhận biết khắp? Có hai thứ nhận biết khắp: Một là trí nhận biết khắp, hai là do đoạn nhận biết khắp.

Pháp trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp: Nghĩa là tất cả các pháp đều là đối tượng cần nhận biết của trí nhận biết khắp.

Pháp không phải trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp: Nghĩa là pháp như thế, tìm cầu không thể được, không có pháp, không phải là đối tượng cần nhận biết của trí.

Pháp do đoạn nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp: Nghĩa là pháp nên đoạn trừ. Đây lại là nghĩa gì? Tức là pháp hữu lậu.

Pháp không phải do đoạn nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp: Nghĩa là pháp không nên đoạn trừ. Đây lại là nghĩa gì? Tức là pháp vô lậu.

*

Thế nào là Pháp nên tu? Là các pháp hữu vi thiện.

Thế nào là Pháp không nên tu? Là các pháp bất thiện, vô ký và trạch diệt.

*

Thế nào là Pháp nên chứng? Có hai thứ tác chứng: một là trí tác chứng, hai là đắc tác chứng.

Pháp trí tác chứng nên chứng: Nghĩa là tất cả các pháp đều là đối tượng cần chứng đắc của trí tác chứng.

Pháp không phải trí tác chứng nên chứng: Nghĩa là pháp như thể, tìm cầu không thể được, không có pháp, không phải là đối tượng nên chứng đắc của trí.

Pháp được tác chứng nên chứng: Nghĩa là tất cả các pháp thiện và nương vào định chứng được thiên nhãn, thiên nhĩ vô phú vô ký.

Pháp không phải được tác chứng nên chứng: Nghĩa là trừ việc nương vào định chứng đắc thiên nhãn, thiên nhĩ vô phú vô ký, còn lại là các pháp vô ký và tất cả pháp bất thiện.

*

Thế nào là Pháp nên hành tập? Là các pháp hữu vi thiện.

Thế nào là Pháp không nên hành tập? Là các pháp bất thiện, vô ký và trạch diệt.

*

Thế nào là Pháp có tội? Là pháp bất thiện và pháp hữu phú vô ký.

Thế nào là Pháp không tội? Là pháp thiện và pháp vô phú vô ký.

*

Các pháp đen - trắng, hữu phú - vô phú, thuận thoái - không thuận thoái cũng như vậy.

*

Thế nào là Pháp hữu ký? Là các pháp thiện và bất thiện.

Thế nào là Pháp vô ký? Là các pháp còn lại trừ pháp thiện và bất thiện.

*

Thế nào là Pháp đã sinh? Là các pháp quá khứ, hiện tại.

Thế nào là Pháp không phải đã sinh? Là các pháp vị lai và vô vi.

*

Thế nào là Pháp đang sinh? Là như pháp vị lai hiện tiền đang khởi.

Thế nào là Pháp không phải đang sinh? Là trừ pháp vị lai hiện tiền đang khởi, còn lại là các pháp vị lai khác cùng pháp quá khứ, hiện tại và pháp vô vi.

*

Thế nào là Pháp đã diệt? Là pháp quá khứ.

Thế nào là Pháp không phải đã diệt? Là pháp vị lai, hiện tại và pháp vô vi.

*

Thế nào là Pháp đang diệt? Là như pháp hiện tại hiện tiền đang diệt.

Thế nào là Pháp không phải đang diệt? Là trừ pháp hiện tại hiện tiền đang diệt, còn lại là các pháp hiện tại khác cùng các pháp quá khứ, vị lai và pháp vô vi.

*

Thế nào là Pháp duyên khởi? Là pháp hữu vi.

Thế nào là Pháp không phải duyên khởi? Là pháp vô vi.

*

Các pháp: duyên đã sinh – không phải duyên đã sinh, nhân – không phải nhân, có nhân – không có nhân, nhân đã sinh – không phải nhân đã sinh cũng như vậy.

*

Thế nào là Pháp nhân tương ưng? Là tất cả pháp của tâm, tâm sở.

Thế nào là Pháp nhân không tương ưng? Là sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

*

Thế nào là Pháp kiết? Là chín kiết.

Thế nào là Pháp không phải kiết? Là các pháp còn lại trừ chín kiết.

*

Thế nào là Pháp thuận kiết? Là tất cả pháp hữu lậu.

Thế nào là Pháp không phải thuận kiết? Là tất cả pháp vô lậu.

*

Thế nào là Pháp thủ? Là bốn thủ.

Thế nào là Pháp không phải thủ? Là các pháp còn lại trừ bốn thủ.

*

Thế nào là Pháp có chấp thọ? Là pháp có chấp thọ phần ít của chín xứ, trừ các xứ thanh, ý và pháp.

Thế nào là Pháp không có chấp thọ? Là các xứ: thanh, ý, pháp và pháp không chấp thọ phần ít của chín xứ.

*

Thế nào là Pháp thuận nơi thủ? Là tất cả pháp hữu lậu.

Thế nào là Pháp không thuận nơi thủ? Là tất cả pháp vô lậu.

*

Thế nào là Pháp phiền não? Là như pháp bị trói buộc.

Thế nào là Pháp không phải phiền não? Là như pháp không bị trói buộc.

*

Thế nào là Pháp nhiễm ô? Là pháp bất thiện và pháp hữu phú vô ký.

Thế nào là Pháp không nhiễm ô? Là pháp thiện và pháp vô phú vô ký.

*

Thế nào là Pháp tạp nhiễm? Là pháp hữu lậu.

Thế nào là Pháp không phải tạp nhiễm? Là pháp vô lậu.

*

Thế nào là Pháp trói buộc? Tức là như pháp là phiền não.

Thế nào là Pháp không phải trói buộc? Tức là như pháp không phải là phiền não.

*

Thế nào là Pháp của đối tượng bị trói buộc? Là các pháp tâm, tâm sở nhiễm ô.

Thế nào là Pháp không phải là đối tượng bị trói buộc? Là các pháp tâm, tâm sở không nhiễm ô cùng sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

*

Thế nào là Pháp thuận theo trói buộc? Là các pháp hữu lậu.

Thế nào là Pháp không thuận theo trói buộc? Là các pháp vô lậu.

*

Thế nào là Pháp có đối tượng duyên? Là tất cả các pháp tâm, tâm sở.

Thế nào là Pháp không có đối tượng duyên? Là các thứ sắc, vô vi và tâm bất tương ưng hành.

*

Thế nào là Pháp có tầm? Là tầm tương ưng với pháp.

Thế nào là Pháp không tầm? Là tầm không tương ưng với pháp.

*

Thế nào là Pháp có tứ? Là tứ tương ưng với pháp.

Thế nào là Pháp không tứ? Là tứ không tương ưng với pháp.

*

Thế nào là Pháp có hỷ? Là hỷ căn tương ưng với pháp.

Thế nào là Pháp không hỷ? Là hỷ căn không tương ưng với pháp.

*

Thế nào là Pháp có cảnh giác? Là tác ý tương ưng với pháp.

Thế nào là Pháp không cảnh giác? Là tác ý không tương ưng với pháp.

*

Thế nào là Pháp có việc có duyên? Là pháp hữu vi

Thế nào là Pháp không việc không duyên? Là pháp vô vi.

*

Thế nào là Pháp hữu thượng? Là tất cả pháp hữu vi và hư không, phi trạch diệt.

Thế nào là Pháp vô thượng? Là trạch diệt.

*

Thế nào là Pháp xa? Là pháp quá khứ, vị lai.

Thế nào là Pháp gần? Là pháp hiện tại và pháp vô vi.

*

Thế nào là Pháp hữu lượng? Là như quả của pháp cùng dị thực đều là hữu lượng.

Thế nào là Pháp vô lượng? Là như quả của pháp cùng dị thực đều là vô lượng.

*

Thế nào là Pháp kiến? Là nhãn căn, năm kiến nhiễm ô, chánh kiến thế tục, các kiến hữu học và vô học.

Thế nào là Pháp không phải kiến? Là trừ nhãn căn, là các sắc uẩn còn lại, trừ tám kiến khác, là các hành uẩn còn lại và ba uẩn toàn phần cùng pháp vô vi.

*

Thế nào là Pháp kiến xứ? Là pháp hữu lậu.

Thế nào là Pháp không phải kiến xứ? Là pháp vô lậu.

*

Thế nào là Pháp kiến tương ưng? Là tám thứ kiến tương ưng với pháp.

Thế nào là Pháp kiến không tương ưng? Là tám thứ kiến không tương ưng với pháp.

*

Thế nào là Pháp của pháp dị sinh? Là hữu tình nơi các nẻo địa ngục, bàng sinh, quỷ, người ở châu Bắc-câu-lô, hữu tình nơi cõi trời Vô tướng, các thứ uẩn, giới, xứ cùng các thứ sinh khởi nghiệp kia. Đó gọi là Pháp của pháp dị sinh.

Thế nào là Pháp không phải pháp của dị sinh? Là các pháp: bốn thông hành, bốn vô ngại giải, bốn quả Sa-môn, trí nguyện không tranh, định biên tế, định diệt đại bi, ba môn không không, vô nguyện vô nguyện, vô tướng vô tướng, tạp tu tĩnh lự, thế tục trí, hiện quán biên, các uẩn, giới, xứ của cõi trời Tịnh cư cùng các thứ sinh khởi nghiệp kia. Đó gọi là Pháp không phải pháp của dị sinh.

*

Thế nào là Pháp cùng với dị sinh? Là cùng có định và cùng có sinh. Đây lại là thế nào? Tức là định như vậy và sinh như vậy thì hàng dị sinh (phàm phu) và bậc Thánh đều cùng có được. Đó gọi là Pháp cùng với dị sinh.

Thế nào là Pháp không cùng với dị sinh? Là các pháp: bốn thông hành, bốn vô ngại giải, bốn quả Sa-môn, trí nguyện không tranh, định biên tế, định diệt đại bi, các môn không không, vô nguyện vô nguyện, vô tướng vô tướng, tạp tu tĩnh lự, thế tục trí, hiện quán biên, các thứ uẩn, giới, xứ của cõi trời Tịnh cư và các thứ sinh ra nghiệp kia. Đó gọi là Pháp không cùng với dị sinh.

*

Thế nào là Pháp định? Là năm nghiệp vô gián và pháp học, pháp vô học.

Thế nào là Pháp không phải định? Là trừ năm nghiệp vô gián, là các thứ hữu lậu còn lại và pháp vô vi.

*

Thế nào là Pháp thuận nhiệt nã? Là pháp bất thiện và hữu phú vô ký.

Thế nào là Pháp không phải thuận nhiệt nã? Là pháp thiện cùng vô phú vô ký.

*

Thế nào là Pháp căn? Là sáu xứ bên trong và pháp căn thuộc về pháp xứ.

Thế nào là Pháp không phải căn? Là năm xứ bên ngoài và pháp căn không thuộc về pháp xứ.

*

Thế nào là Pháp thuộc về Thánh đế? Là tất cả pháp hữu vi và trạch diệt.

Thế nào là Pháp không phải thuộc về Thánh đế? Là hư không, phi trạch diệt.

*

Thế nào là Pháp cùng có? Là tất cả pháp hữu vi.

Thế nào là Pháp không phải cùng có? Là pháp vô vi.

*

Thế nào là Pháp tương ưng? Là tất cả tâm, tâm sở pháp.

Thế nào là Pháp không tương ưng? Là sắc, vô vi và tâm bất tương ưng hành.

*

Thế nào là Pháp quả? Là tất cả pháp hữu vi và trạch diệt.

Thế nào là Pháp không phải quả? Là hư không, phi trạch diệt.

*

Thế nào là Pháp có quả? Là tất cả pháp hữu vi.

Thế nào là Pháp không có quả? Là pháp vô vi.

*

Thế nào là Pháp dị thực? Là dị thực nơi phần ít của mười một xứ, trừ thanh xứ.

Thế nào là Pháp không phải dị thực? Là thanh xứ và các thứ không phải dị thực nơi phần ít của mười một xứ.

*

Thế nào là Pháp có dị thực? Là các pháp hữu lậu thiện và bất thiện.

Thế nào là Pháp không dị thực? Là các pháp vô lậu vô ký.

*

Thế nào là Pháp nhân duyên? Là tất cả các pháp.

Thế nào là Pháp không phải nhân duyên? Là pháp như thế, tìm cầu không thể được, do tất cả các pháp đều là nhân duyên.

*

Thế nào là Pháp có nhân duyên? Là tất cả pháp hữu vi.

Thế nào là Pháp không nhân duyên? Là pháp vô vi.

*

Thế nào là Pháp lìa? Là giới thiện thuộc cõi Dục, thuộc cõi Sắc và Vô sắc do xuất ly, xa lìa sinh ra các định thiện cùng các pháp học, vô học và trạch diệt.

Thế nào là Pháp không phải lìa? Là trừ giới thiện thuộc cõi Dục, là các pháp còn lại thuộc cõi Dục trừ thuộc cõi Sắc, Vô sắc do xuất ly, xa lìa sinh ra định thiện, là các pháp còn lại của cõi Sắc, Vô sắc cùng hư không, phi trạch diệt.

*

Thế nào là Pháp có lìa? Là tất cả pháp hữu vi.

Thế nào là Pháp không lìa? Là pháp vô vi.

*

Thế nào là Pháp tiếp nối? Là như pháp lấy diệt làm đầu, hoặc đã sinh hoặc đang sinh. Đây lại là thế nào? Tức là các pháp quá khứ, hiện tại và pháp vị lai hiện tiền đang khởi. Như thế pháp sau cùng với pháp trước nối tiếp nhau. Đó gọi là pháp nối tiếp.

Thế nào là Pháp không nối tiếp? Là trừ pháp vị lai hiện tiền đang khởi là các pháp vị lai còn lại và pháp vô vi. Đó gọi là pháp không nối tiếp.

*

Thế nào là Pháp có nối tiếp? Là như pháp do pháp diệt làm đầu, đã sinh rồi. Đây lại là thế nào? Tức là trừ năm uẩn lúc mạng chung của bậc A-la-hán ở quá khứ, hiện tại, các pháp quá khứ hiện tại còn lại. Như thế pháp trước pháp sau có tiếp nối nhau. Đó gọi là pháp có tiếp nối.

Thế nào là Pháp không tiếp nối? Là năm uẩn lúc mạng chung của bậc A-la-hán ở quá khứ, hiện tại và các pháp vị lai cùng pháp vô vi.

**

* *Thế nào là Pháp thiện?* Nghĩa là năm uẩn thiện và trạch diệt.

Thế nào là Pháp bất thiện? Nghĩa là năm uẩn bất thiện.

Thế nào là Pháp vô ký? Nghĩa là năm uẩn vô ký và hư không, phi trạch diệt.

*

Thế nào là Pháp hữu học? Nghĩa là năm uẩn của bậc hữu học.

Thế nào là Pháp vô học? Nghĩa là năm uẩn của bậc vô học.

Thế nào là Pháp phi hữu học phi vô học? Nghĩa là năm uẩn hữu lậu và pháp vô vi.

*

Thế nào là Pháp do kiến đạo đoạn trừ? Nghĩa là như pháp tùy tín, tùy pháp hành, do hiện quán biên nhãn đoạn trừ. Đây lại là nghĩa gì? Tức là do kiến đạo đoạn trừ tám mươi tám thứ tùy miên và pháp tương ưng với chúng cùng khởi tâm bất tương ưng hành.

Thế nào là Pháp do tu đạo đoạn trừ? Nghĩa là như pháp nơi bậc học kiến tích tu tập đoạn trừ. Đây lại là thế nào? Tức là do tu đạo đoạn trừ mười thứ tùy miên và pháp tương ưng với chúng hoặc cùng khởi các nghiệp thân, ngữ, hoặc cùng khởi tâm bất tương ưng hành, hoặc là các pháp hữu lậu không nhiễm ô.

Thế nào là Pháp không đoạn trừ? Nghĩa là pháp vô lậu.

*

Thế nào là Pháp do kiến đạo đoạn trừ làm nhân? Nghĩa là tất cả pháp nhiễm ô và dị thực của pháp do kiến đạo đoạn trừ.

Thế nào là Pháp do tu đạo đoạn trừ làm nhân? Nghĩa là chỉ riêng cho tất cả pháp do tu đạo đoạn trừ.

Thế nào là Pháp không đoạn trừ làm nhân? Nghĩa là các pháp hữu vi vô lậu.

*

Thế nào là Pháp có thấy có đối? Nghĩa là một xứ.

Thế nào là Pháp không thấy có đối? Nghĩa là chín xứ.

Thế nào là Pháp không thấy không đối? Nghĩa là hai xứ.

*

Thế nào là Pháp dị thực? Nghĩa là dị thực nơi phần ít của mười một xứ, trừ thanh xứ.

Thế nào là Pháp pháp dị thực? Nghĩa là các pháp hữu lậu thiện bất thiện.

Thế nào là Pháp không phải dị thực không phải pháp dị thực? Nghĩa là trừ các pháp dị thực vô ký, là các pháp vô ký còn lại và các pháp vô lậu thiện.

*

Thế nào là Pháp yếu kém? Nghĩa là các pháp bất thiện và hữu phú vô ký.

Thế nào là Pháp trung bình? Nghĩa là các pháp hữu lậu thiện và vô phú vô ký.

Thế nào là Pháp vi diệu? Nghĩa là các pháp hữu vi vô lậu và trạch diệt.

*

Thế nào là Pháp nhỏ? Nghĩa là tin tưởng nhỏ, mong muốn ít, thắng giải nhỏ và các pháp tương ưng, các pháp cùng có, hoặc các sắc pháp nhỏ, ít, vi tế, không nhiều, không rộng. Đó gọi là pháp nhỏ.

Thế nào là Pháp lớn? Nghĩa là tin tưởng lớn, mong muốn nhiều, thắng giải rộng khắp và các pháp tương ưng, các pháp cùng có, hoặc các sắc pháp tuy là nhiều, rộng, nhưng không phải là vô biên, không bền bờ, vô lượng như hư không, phi trạch diệt. Đó gọi là pháp lớn.

Thế nào là Pháp vô lượng? Nghĩa là tin tưởng, mong muốn, thắng giải đều vô lượng, và các pháp tương ưng, các pháp cùng có, hoặc các sắc pháp nhiều, rộng vô biên, không lượng định được như trạch diệt. Đó gọi là pháp vô lượng.

*

Thế nào là Pháp vừa ý? Nghĩa là như pháp khiến ý vui thích.

Thế nào là Pháp không vừa ý? Nghĩa là như pháp khiến ý không vui thích.

Thế nào là Pháp không phải vừa ý không phải không vừa ý? Nghĩa là như pháp thuận với buông xả.

*

Thế nào là Pháp vui cùng hành? Nghĩa là như pháp tương ưng với lạc thọ.

Thế nào là Pháp khổ cùng hành? Nghĩa là như pháp tương ưng với khổ thọ.

Thế nào là Pháp không khổ không lạc cùng hành? Nghĩa là như pháp tương ưng với thọ không khổ không lạc.

*

Thế nào là Pháp cùng sinh? Nghĩa là pháp hữu vi có tướng sinh.

Thế nào là Pháp cùng trụ? Nghĩa là pháp hữu vi có tướng trụ.

Thế nào là Pháp cùng diệt? Nghĩa là pháp hữu vi có tướng diệt.

*

Thế nào là Pháp không phải cùng sinh? Nghĩa là pháp vô vi không có tướng sinh.

Thế nào là Pháp không phải cùng trụ? Nghĩa là pháp vô vi không có tướng trụ.

Thế nào là Pháp không phải cùng diệt? Nghĩa là pháp vô vi không có tướng diệt.

*

Thế nào là Pháp tâm cùng sinh? Nghĩa là tâm cùng sinh phần ít của mười một xứ, trừ ý xứ.

Thế nào là Pháp tâm cùng trụ? Nghĩa là pháp tùy tâm chuyển.

Thế nào là Pháp tâm cùng diệt? Nghĩa là tâm cùng diệt nơi phần ít của mười xứ, trừ ý xứ và thanh xứ.

*

Thế nào là Pháp không phải tâm cùng sinh? Nghĩa là ý xứ và không phải tâm cùng sinh nơi phần ít của mười một xứ.

Thế nào là Pháp không phải tâm cùng trụ? Nghĩa là pháp không phải tùy tâm chuyển.

Thế nào là Pháp không phải tâm cùng diệt? Nghĩa là thanh xứ, ý xứ và không phải tâm cùng diệt nơi phần ít của mười xứ.

*

Thế nào là Giới dục? Nghĩa là dục tham và dục tham tương ưng với thọ, tưởng, hành, thức, hoặc cùng khởi các nghiệp thân, ngữ, hoặc cùng khởi tâm bất tương ưng hành. Đó gọi là giới dục.

Thế nào là Giới giận? Nghĩa là giận và giận tương ưng với thọ, tưởng, hành, thức, hoặc cùng khởi các nghiệp thân, ngữ, hoặc cùng khởi tâm bất tương ưng hành. Đó gọi là giới giận.

Thế nào là Giới hại? Nghĩa là hại và hại tương ưng với thọ, tưởng, hành, thức, hoặc cùng khởi các nghiệp thân, ngữ, hoặc cùng khởi tâm bất tương ưng hành. Đó gọi là giới hại.

*

Thế nào là Giới xuất ly? Nghĩa là xuất ly và xuất ly tương ưng với thọ, tưởng, hành, thức, hoặc cùng khởi các nghiệp thân, ngữ, hoặc cùng khởi tâm bất tương ưng hành và trạch diệt. Đó gọi là giới xuất ly.

Thế nào là Giới không giận? Nghĩa là không giận và không giận tương ưng với thọ, tưởng, hành, thức, hoặc cùng khởi các nghiệp thân, ngữ, hoặc cùng khởi tâm bất tương ưng hành. Đó gọi là giới không giận.

Thế nào là Giới không hại? Nghĩa là không hại và không hại tương ưng với thọ, tưởng, hành, thức, hoặc cùng khởi các nghiệp thân, ngữ, hoặc cùng khởi tâm bất tương ưng hành. Đó gọi là giới không hại.

*

Thế nào là Dục giới? Nghĩa là pháp tùy tăng của dục tham.

Thế nào là Sắc giới? Nghĩa là pháp tùy tăng của sắc tham.

Thế nào là Vô sắc giới? Nghĩa là pháp tùy tăng của vô sắc tham.

*

Thế nào là Giới sắc? Nghĩa là cõi Dục và cõi Sắc gọi chung là giới sắc.

Thế nào là Giới vô sắc? Nghĩa là bốn cõi Vô sắc.

Thế nào là Giới diệt? Nghĩa là trạch diệt, phi trạch diệt.

Lại nữa, tất cả sắc pháp gọi chung là *Giới sắc*, trừ trạch diệt phi trạch diệt. Các thứ không phải là sắc pháp còn lại, gọi chung là *Giới vô sắc*. Trạch diệt, phi trạch diệt gọi chung là *Giới diệt*.

*

Thế nào là Dục hữu? Nghĩa là như nghiệp thuộc cõi Dục, do thủ làm duyên có thể chiêu cảm các dị thực của nghiệp ấy nơi vị lai. Đó gọi là dục hữu.

Thế nào là Sắc hữu? Nghĩa là như nghiệp thuộc cõi Sắc, do thủ làm duyên có thể chiêu cảm các dị thực của các nghiệp ấy nơi vị lai. Đó gọi là sắc hữu.

Thế nào là Vô sắc hữu? Nghĩa là như nghiệp thuộc cõi Vô sắc, do thủ làm duyên có thể chiêu cảm các dị thực của nghiệp ấy nơi vị lai. Đó gọi là vô sắc hữu.

*

Thế nào là Dục lậu? Nghĩa là trừ vô minh thuộc cõi Dục, các thứ còn lại thuộc cõi Dục như kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não triền. Đó gọi là dục lậu.

Thế nào là Hữu lậu? Nghĩa là trừ vô minh thuộc cõi Sắc và Vô sắc, các thứ còn lại thuộc cõi Sắc, Vô sắc như kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não triền. Đó gọi là hữu lậu.

Thế nào là Vô minh lậu? Nghĩa là sự ngu si, vô trí trong ba cõi.

*

Thế nào là Đòi quá khứ? Nghĩa là như các hành đã khởi, đã cùng khởi, đã sinh, đã cùng sinh, đã chuyển, đã hiện chuyển, đã tụ tập, đã xuất hiện, đã từ già, đã hết, đã diệt, đã lia, đã biến hoại, là rơi vào quá khứ, rơi vào phần quá khứ, là loại quá khứ, thuộc đời quá khứ. Đó gọi là đời quá khứ.

Thế nào là Đòi vị lai? Nghĩa là như các hành chưa khởi, chưa cùng khởi, chưa sinh, chưa cùng sinh, chưa chuyển, chưa cùng hiện chuyển, chưa tụ tập, chưa xuất hiện, chưa hòa hợp, chưa hiện tiền, là rơi vào vị lai, rơi vào phần vị lai, là loại vị lai, thuộc đời vị lai. Đó gọi là đời vị lai.

Thế nào là Đòi hiện tại? Nghĩa là như các hành đã khởi, đã cùng khởi, đã sinh, đã cùng sinh, đã chuyển, đã hiện chuyển, đã tụ tập, đã xuất hiện, đang an trụ, chưa biến hoại, đang hòa hợp hiện tiền, rơi vào hiện tại, rơi vào phần hiện tại, là loại hiện tại, do đời hiện tại thấu giữ. Đó gọi là đời hiện tại.

*

Thế nào là Lời nói dựa vào sự việc quá khứ? Nghĩa là các hành thuộc về quá khứ.

Thế nào là Lời nói dựa vào sự việc vị lai? Nghĩa là các hành thuộc về vị lai.

Thế nào là Lời nói dựa vào sự việc hiện tại? Nghĩa là các hành thuộc về hiện tại.

*

Thế nào là Tánh khổ khổ? Nghĩa là nơi cõi Dục do khổ khổ nên khổ.

Thế nào là Tánh hoại khổ? Nghĩa là nơi cõi Sắc do hoại khổ nên khổ.

Thế nào là Tánh hành khổ? Nghĩa là nơi cõi Vô sắc do hành khổ nên khổ.

Lại nữa, các hành không vừa ý do khổ khổ nên khổ. Các hành vừa ý do hoại khổ nên khổ. Các hành không vừa ý không phải không vừa ý do hành khổ nên khổ.

Lại nữa, khổ thọ do khổ khổ nên khổ. Lạc thọ do hoại khổ nên khổ. Thọ không khổ không lạc do hành khổ nên khổ.

*

Thế nào là Pháp có tâm có tứ? Nghĩa là tâm, tứ tương ưng với pháp.

Thế nào là Pháp không tâm chỉ có tứ? Nghĩa là tâm không tương ưng, chỉ có tứ tương ưng với pháp.

Thế nào là Pháp không tâm không tứ? Nghĩa là tâm, tứ đều không tương ưng với pháp.

*

Thế nào là Địa có tâm có tứ? Nghĩa là cõi Dục và trời Phạm thế cùng một phần pháp vô lậu.

Thế nào là Địa không tâm chỉ có tứ? Nghĩa là tu tĩnh lự trung gian được cõi Phạm, Đại Phạm cùng một phần pháp vô lậu.

Thế nào là Địa không tâm không tứ? Nghĩa là tất cả các cõi Cực biến tịnh, Biến tịnh, Quảng quả, tất cả cõi Vô sắc cùng một phần pháp vô lậu.

HẾT - QUYỂN 6

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHẨM LOẠI TỨC

QUYỂN 7

Phẩm 6: BIỆN VỀ THÂN GIỮ, phần 3

Thế nào là Thân nghiệp? Nghĩa là các hành do thân biểu hiện cùng không biểu hiện.

Thế nào là Ngữ nghiệp? Nghĩa là các hành do ngữ biểu hiện cùng không biểu hiện.

Thế nào là Ý nghiệp? Nghĩa là suy tư.

*

Thế nào là Nghiệp thiện? Nghĩa là nghiệp thân, ngữ thiện cùng suy tư thiện.

Thế nào là Nghiệp bất thiện? Nghĩa là nghiệp thân, ngữ bất thiện cùng suy tư bất thiện.

Thế nào là Nghiệp vô ký? Nghĩa là nghiệp thân, ngữ vô ký cùng suy tư vô ký.

*

Thế nào là Nghiệp hữu học? Nghĩa là các nghiệp thân, ngữ hữu học cùng suy tư hữu học.

Thế nào là Nghiệp vô học? Nghĩa là các nghiệp thân, ngữ vô học cùng suy tư vô học.

Thế nào là Nghiệp phi hữu học phi vô học? Nghĩa là các nghiệp thân, ngũ hữu lậu cùng suy tư hữu lậu.

*

Thế nào là Nghiệp do kiến đạo đoạn trừ? Nghĩa là như nghiệp nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành, tạo hiện quán biên nhãn đã đoạn trừ. Đây lại là là nghĩa gì? Tức là do kiến đạo đoạn trừ tám mươi tám tùy miên tương ưng với tư.

Thế nào là Nghiệp do tu đạo đoạn trừ? Nghĩa là như nghiệp nơi bậc học kiến tích tu tập đoạn trừ. Đây lại là nghĩa gì? Tức là do tu đạo đoạn trừ mười tùy miên tương ưng với tư đã cùng dứt khởi các nghiệp thân, ngũ và nghiệp hữu lậu không nhiễm ô.

Thế nào là Nghiệp không đoạn trừ? Nghĩa là các nghiệp thân, ngũ vô lậu cùng suy tư vô lậu.

*

Thế nào là Nghiệp thuận hiện pháp thọ? Nghĩa là như nghiệp đã tạo tác tăng trưởng trong đời này, nghiệp ấy tức nơi đời này thọ nhận dị thực (quả báo), không phải ở đời khác.

Thế nào là Nghiệp thuận thứ sinh thọ? Nghĩa là như nghiệp đã tạo tác tăng trưởng trong đời này, nghiệp ấy theo nơi đời thứ hai thọ nhận dị thực, không phải ở đời khác.

Thế nào là Nghiệp thuận hậu thứ thọ? Nghĩa là như nghiệp đã tạo tác tăng trưởng trong đời này, nghiệp ấy theo nơi đời thứ ba, đời thứ tư hoặc hơn nữa thọ nhận dị thực, không phải ở đời khác.

*

Thế nào là Nghiệp thuận lạc thọ? Nghĩa là các nghiệp thiện ở cõi Dục, cõi Sắc v.v... cho đến các nghiệp thiện nơi bậc tĩn lự thứ ba.

Thế nào là Nghiệp thuận khổ thọ? Nghĩa là các nghiệp bất thiện.

Thế nào là Nghiệp thuận thọ không khổ không lạc? Nghĩa là các nghiệp thiện nơi bậc tĩn lự thứ tư và các nghiệp thiện ở cõi Vô sắc.

**

* *Thế nào là Thân niệm trụ?* Nghĩa là sắc xứ nơi mười hữu và sắc thuộc về pháp xứ.

Thế nào là Thọ niệm trụ? Nghĩa là sáu thọ thân, tức là thọ do mắt tiếp xúc sinh ra v.v... cho đến thọ do ý tiếp xúc sinh ra.

Thế nào là Tâm niệm trụ? Nghĩa là sáu thức thân, tức nhãn thức v.v... cho đến ý thức.

Thế nào là Pháp niệm trụ? Nghĩa là thọ không thấu giữ các thứ không phải là xứ của sắc pháp.

Lại nữa, thân tăng thượng khởi các đạo hữu lậu thiện và vô lậu gọi là *Thân niệm trụ*. Thọ tăng thượng khởi các đạo hữu lậu thiện và vô lậu gọi là *Thọ niệm trụ*. Tâm tăng thượng khởi các đạo hữu lậu thiện và vô lậu gọi là *Tâm niệm trụ*. Pháp tăng thượng khởi các đạo hữu lậu thiện và vô lậu gọi là *Pháp niệm trụ*.

Lại nữa, duyên nơi thân khởi các tuệ hữu lậu thiện và vô lậu, đó gọi là *Thân niệm trụ*. Duyên nơi thọ khởi các tuệ hữu lậu thiện và vô lậu, đó gọi là *Thọ niệm trụ*. Duyên nơi tâm khởi các tuệ hữu lậu thiện và vô lậu, đó gọi là *Tâm niệm trụ*. Duyên nơi pháp khởi các tuệ hữu lậu thiện và vô lậu, đó gọi là *Pháp niệm trụ*.

*

Thế nào là nhằm khiến các pháp ác bất thiện đã sinh vĩnh viễn đoạn dứt nên siêng tu chánh đoạn? Nghĩa là các pháp ác, bất thiện đã sinh khiến vĩnh viễn đoạn dứt hẳn, nên tăng thượng đấy khởi các đạo hữu lậu thiện và vô lậu.

Thế nào là nhằm khiến các pháp ác bất thiện chưa sinh vĩnh viễn không sinh nên siêng tu chánh đạo? Nghĩa là vì nhằm như thế nên tăng thượng đầy khởi các đạo hữu lậu thiện và vô lậu.

Thế nào là nhằm khiến các pháp thiện chưa sinh sẽ sinh nên siêng tu chánh đạo? Nghĩa là vì nhằm như thế nên tăng thượng đầy khởi các đạo hữu lậu thiện và vô lậu.

Thế nào là nhằm khiến các pháp thiện đã sinh được trụ vững, không quên, tu tập tăng tiến, trí tác chứng thêm rộng, nên siêng tu chánh đạo? Nghĩa là vì nhằm như thế nên tăng thượng đầy khởi các đạo hữu lậu thiện và vô lậu.

*

Thế nào là Thần túc Dục Tam-ma-địa đoạn hành thành tựu? Nghĩa là dục làm pháp tăng thượng để đầy khởi các đạo hữu lậu thiện và vô lậu.

Thế nào là Thần túc Cản Tam-ma-địa đoạn hành thành tựu? Nghĩa là cản làm pháp tăng thượng để đầy khởi các đạo hữu lậu thiện và vô lậu.

Thế nào là Thần túc Tâm Tam-ma-địa đoạn hành thành tựu? Nghĩa là tâm làm pháp tăng thượng để đầy khởi các đạo hữu lậu thiện và vô lậu.

Thế nào là Thần túc Quán Tam-ma-địa đoạn hành thành tựu? Nghĩa là quán làm pháp tăng thượng để đầy khởi các đạo hữu lậu thiện và vô lậu.

*

Thế nào là Tĩnh lự thứ nhất? Nghĩa là tĩnh lự thứ nhất thân giữ năm uẩn thiện.

Thế nào là Tĩnh lự thứ hai? Nghĩa là tĩnh lự thứ hai thân giữ năm uẩn thiện.

Thế nào là Tĩnh lực thứ ba? Nghĩa là tĩnh lực thứ ba thâm giữ năm uẩn thiện.

Thế nào là Tĩnh lực thứ tư? Nghĩa là tĩnh lực thứ tư thâm giữ năm uẩn thiện.

*

Thế nào là Khổ Thánh đế? Nghĩa là năm thủ uẩn.

Thế nào là Tập Thánh đế? Nghĩa là các nhân hữu lậu.

Thế nào là Diệt Thánh đế? Nghĩa là trạch diệt.

Thế nào là Đạo Thánh đế? Nghĩa là các pháp hữu học và vô học.

*

Thế nào là Từ vô lượng? Nghĩa là từ và từ tương ưng với thọ, tưởng, hành, thức, hoặc cùng khởi các nghiệp thân, ngữ, hoặc cùng khởi tâm bất tương ưng hành. Đó gọi là Từ vô lượng.

Thế nào là Bi vô lượng? Nghĩa là bi và bi tương ưng với thọ, tưởng, hành, thức, hoặc cùng khởi các nghiệp thân, ngữ, hoặc cùng khởi tâm bất tương ưng hành. Đó gọi là Bi vô lượng.

Thế nào là Hỷ vô lượng? Nghĩa là hỷ và hỷ tương ưng với thọ, tưởng, hành, thức, hoặc cùng khởi các nghiệp thân, ngữ, hoặc cùng khởi tâm bất tương ưng hành. Đó gọi là Hỷ vô lượng.

Thế nào là Xả vô lượng? Nghĩa là xả và xả tương ưng với thọ, tưởng, hành, thức, hoặc cùng khởi các nghiệp thân, ngữ, hoặc cùng khởi tâm bất tương ưng hành. Đó gọi là Xả vô lượng.

*

Thế nào là xứ Không vô biên? Đây có hai thứ: một là định, hai là sinh, trong ấy hiện có thọ, tưởng, hành, thức. Đó gọi là xứ Không vô biên.

Thế nào là xứ Thức vô biên? Đây có hai thứ: một là định, hai là sinh, trong ấy hiện có thọ, tưởng, hành, thức. Đó gọi là xứ Thức vô biên.

Thế nào là xứ Vô sở hữu? Đây có hai thứ: một là định, hai là sinh, trong ấy hiện có thọ, tưởng, hành, thức. Đó gọi là xứ Vô sở hữu.

Thế nào là xứ Phi tướng phi phi tướng? Đây có hai thứ: một là định, hai là sinh, trong ấy hiện có thọ, tưởng, hành, thức. Đó gọi là xứ Phi tướng phi phi tướng.

*

Thế nào là Thánh chủng tùy chỗ có được y phục luôn biết đủ? Nghĩa là thọ việc có được y phục luôn biết đủ làm pháp tăng thượng để khởi các đạo hữu lậu thiện và vô lậu.

Thế nào là Thánh chủng tùy chỗ có được thức ăn uống luôn biết đủ? Nghĩa là thọ việc có được thức ăn uống luôn biết đủ làm pháp tăng thượng để khởi các đạo hữu lậu thiện và vô lậu.

Thế nào là Thánh chủng tùy chỗ có được ngọa cụ luôn biết đủ? Nghĩa là thọ việc có được các thứ ngọa cụ luôn biết đủ làm pháp tăng thượng để khởi các đạo hữu lậu thiện và vô lậu.

Thế nào là Thánh chủng ưa thích đoạn trừ, vui thích tu tập? Nghĩa là ưa thích đoạn trừ và tu tập làm pháp tăng thượng để khởi các đạo hữu lậu thiện và vô lậu.

*

Thế nào là quả Dự lưu? Đây có hai thứ: một là hữu vi, hai là vô vi. *Quả Dự lưu hữu vi:* Nghĩa là các pháp học hiện có khi chứng quả Dự lưu đã, đang và sẽ đạt được. *Quả Dự lưu vô vi:* Nghĩa là các thứ kiết được đoạn trừ hiện có khi chứng quả Dự lưu đã, đang và sẽ đạt được.

Thế nào là quả Nhất lai? Đây có hai thứ: một là hữu vi, hai là vô vi. *Quả Nhất lai hữu vi:* Nghĩa là các pháp học hiện có khi chứng

quả Nhất lai đã, đang và sẽ đạt được. *Quả Nhất lai vô vi*: Nghĩa là các thứ kiết được đoạn trừ hiện có khi chứng quả Nhất lai đã, đang và sẽ đạt được.

Thế nào là Quả Bất hoàn? Đây có hai thứ: một là hữu vi, hai là vô vi. *Quả Bất hoàn hữu vi*: Nghĩa là các pháp hữu học hiện có khi chứng quả Bất hoàn đã, đang và sẽ đạt được. *Quả Bất hoàn vô vi*: Nghĩa là các thứ kiết được đoạn trừ hiện có khi chứng quả Bất hoàn đã, đang và sẽ đạt được.

Thế nào là Quả A-la-hán? Đây có hai thứ: một là hữu vi, hai là vô vi. *Quả A-la-hán hữu vi*: Nghĩa là các pháp vô học hiện có khi chứng quả A-la-hán đã, đang và sẽ đạt được. *Quả A-la-hán vô vi*: Nghĩa là các thứ kiết được đoạn trừ hiện có khi chứng quả A-la-hán đã, đang và sẽ đạt được.

*

Các thứ pháp trí, khổ trí v.v... hai thứ nơi bốn trí: Điều như trước đã nói, nên biết.

*

Thế nào là Pháp vô ngại giải? Nghĩa là trí không thoái chuyển hiện có đối với danh cú, văn thân.

Thế nào là Nghĩa vô ngại giải? Nghĩa là trí không thoái chuyển hiện có đối với thắng nghĩa.

Thế nào là Từ vô ngại giải? Nghĩa là trí không thoái chuyển hiện có đối với các ngôn từ.

Thế nào là Biện vô ngại giải? Nghĩa là trí không thoái chuyển hiện có đối với ngôn từ lý lẽ ứng hợp, lưu loát, cùng nơi pháp đăng trì tự tại hiển bày.

*

Thế nào là Nhân duyên? Nghĩa là tất cả pháp hữu vi.

Thế nào là Đẳng vô gián duyên? Nghĩa là trừ các tâm, tâm sở pháp khi mạng chung của bậc A-la-hán ở quá khứ, hiện tại, là các tâm, tâm sở pháp nơi quá khứ, hiện tại còn lại.

Thế nào là Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên? Nghĩa là tất cả các pháp.

*

Thế nào là ăn bằng từng phần (Đoạn thực)? Nghĩa là duyên nơi việc ăn uống bằng từng phần, các căn được nuôi lớn, các đại chủng tăng trưởng, tùy thuận để được hỗ trợ, bổ sung, giữ gìn, chuyển đổi, tăng ích. Đó gọi là ăn bằng từng phần.

Thế nào là ăn bằng xúc chạm (Xúc thực)? Nghĩa là duyên nơi Xúc hữu lậu, các căn được nuôi lớn, các đại chủng tăng trưởng, tùy thuận để được hỗ trợ, bổ sung, giữ gìn, chuyển đổi tăng ích. Đó gọi là ăn bằng xúc chạm.

Thế nào là ăn bằng ý nghĩ (Ý tư thực)? Nghĩa là duyên nơi Tư hữu lậu, các căn được nuôi lớn, các đại chủng tăng trưởng, tùy thuận để được hỗ trợ, bổ sung, giữ gìn, chuyển đổi, tăng ích. Đó gọi là ăn bằng ý nghĩ.

Thế nào là ăn bằng thức (Thức thực)? Nghĩa là duyên nơi Thức hữu lậu, các căn được nuôi lớn, các đại chủng tăng trưởng, tùy thuận để được hỗ trợ, bổ sung, giữ gìn, chuyển đổi, tăng ích. Đó gọi là ăn bằng thức.

*

Thế nào là Bộc lưu dục? Nghĩa là trừ các kiến và vô minh thuộc cõi Dục, các thứ còn lại thuộc cõi Dục như kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não, triền đều gọi là bộc lưu dục.

Thế nào là Bộc lưu hữu? Nghĩa là trừ các kiến và vô minh thuộc cõi Sắc và Vô sắc, các thứ còn lại thuộc cõi Sắc và Vô sắc như kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não, triền đều gọi là bộc lưu hữu.

Thế nào là Bộc lưu kiến? Nghĩa là năm thứ kiến của ba cõi, tức hữu thân kiến, biên chấp kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ. Đó gọi là bộc lưu kiến.

Thế nào là Bộc lưu vô minh? Nghĩa là sự ngu si, vô trí trong ba cõi.

*

Bốn ách: Cũng như vậy.

*

Thế nào là Dục thủ? Nghĩa là trừ năm thứ kiến thuộc cõi Dục, các thứ còn lại ở cõi Dục như kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não, triền đều gọi là dục thủ.

Thế nào là Kiến thủ? Nghĩa là bốn thứ kiến: hữu thân kiến, biên chấp kiến, tà kiến, kiến thủ. Đó gọi là kiến thủ.

Thế nào là Giới cấm thủ? Nghĩa là như có người chấp giữ các giới, các điều ngăn cấm, nói: Các giới cấm này có thể đạt được thanh tịnh, đạt giải thoát, xuất ly, vượt mọi khổ vui đến nơi xứ vượt hết vui khổ. Đó gọi là giới cấm thủ.

Thế nào là Ngã ngữ thủ? Nghĩa là trừ năm kiến thuộc cõi Sắc và Vô sắc, các thứ còn lại ở cõi Sắc và Vô sắc như kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não, triền đều gọi là ngã ngữ thủ.

*

Thế nào là Pháp quá khứ? Nghĩa là năm uẩn quá khứ.

Thế nào là Pháp vị lai? Nghĩa là năm uẩn vị lai.

Thế nào là Pháp hiện tại? Nghĩa là năm uẩn hiện tại.

Thế nào là Pháp không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải hiện tại? Nghĩa là pháp vô vi.

*

Thế nào là Pháp thuộc cõi Dục? Nghĩa là năm uẩn thuộc cõi Dục.

Thế nào là Pháp thuộc cõi Sắc? Nghĩa là năm uẩn thuộc cõi Sắc.

Thế nào là Pháp thuộc cõi Vô sắc? Nghĩa là bốn uẩn thuộc cõi Vô sắc.

Thế nào là Pháp không hệ thuộc? Nghĩa là tất cả pháp vô lậu.

*

Thế nào là Pháp thiện làm nhân? Nghĩa là pháp hữu vi thiện và dị thực của pháp thiện.

Thế nào là Pháp bất thiện làm nhân? Nghĩa là những thứ nhiễm ô ở cõi Dục và dị thực của pháp bất thiện.

Thế nào là Pháp vô ký làm nhân? Nghĩa là pháp hữu vi vô ký và pháp bất thiện.

Thế nào là Pháp không phải thiện, không phải bất thiện, không phải vô ký làm nhân? Nghĩa là pháp vô vi.

*

Thế nào là Pháp duyên có đối tượng duyên? Nghĩa là ý thức duyên nơi tâm, tâm sở pháp cùng các pháp tương ưng.

Thế nào là Pháp duyên không có đối tượng duyên? Nghĩa là năm thức thân cùng pháp tương ưng và ý thức duyên nơi sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành cùng các pháp tương ưng.

Thế nào là Pháp duyên có đối tượng duyên, không có đối tượng duyên? Nghĩa là ý thức duyên nơi tâm tâm sở pháp, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành cùng các pháp tương ưng.

Thế nào là Pháp không phải duyên có đối tượng duyên, không phải duyên không có đối tượng duyên? Nghĩa là sắc vô vi, sắc bất tương ưng hành.

**

* *Năm uẩn*: Như trước đã nói.

*

Năm thủ uẩn: Như trước đã nói:

*

Thế nào là nẻo (thú) Nại-lạc-ca? Nghĩa là các loài hữu tình ở Nại-lạc-ca (Địa ngục) có đồng tánh, đồng loại, đồng chúng, đồng phận, nương đắc, sự đắc, xứ đắc. Loài hữu tình sinh ở đây có sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô phú vô ký. Đó gọi là nẻo Nại-lạc-ca.

Thế nào là nẻo Bàn sinh? Nghĩa là các loài hữu tình thuộc loài bàn sinh có đồng tánh, đồng loại, đồng chúng, đồng phận, nương đắc, sự đắc, xứ đắc. Loài hữu tình sinh ở đây có sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô phú vô ký. Đó gọi là nẻo bàn sinh.

Thế nào là nẻo Quỷ? Nghĩa là các loài hữu tình ở nẻo quỷ có đồng tánh, đồng loại, đồng chúng, đồng phận, nương đắc, sự đắc, xứ đắc. Loài hữu tình sinh ở đây có sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô phú vô ký. Đó gọi là nẻo quỷ.

Thế nào là nẻo Người? Nghĩa là các loài hữu tình thuộc loài người có đồng tánh, đồng loại, đồng chúng, đồng phận, nương đắc, sự đắc, xứ đắc. Loài hữu tình sinh ở đây có sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô phú vô ký. Đó gọi là nẻo người.

Thế nào là cõi Trời? Nghĩa là các loài hữu tình thuộc loài trời có đồng tánh, đồng loại, đồng chúng, đồng phận, nương đấng, sự đấng, xứ đấng. Loài hữu tình sinh ở đây có sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô phú vô ký. Đó gọi là cõi trời.

*

Thế nào là Bộ phiền não do kiến khổ đoạn trừ? Nghĩa là có bộ phiền não nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành, hiện quán biên khổ nhãn đoạn trừ chúng. Đây lại là thế nào? Tức là do kiến khổ đoạn trừ hai mươi tám thứ tùy miên và các thứ phiền não tương ưng với chúng.

Thế nào là Bộ phiền não do kiến tập đoạn trừ? Nghĩa là có bộ phiền não nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành, hiện quán biên tập nhãn đoạn trừ chúng. Đây lại là thế nào? Tức là do kiến tập đoạn trừ mười chín thứ tùy miên và các thứ phiền não tương ưng với chúng.

Thế nào là Bộ phiền não do kiến diệt đoạn trừ? Nghĩa là có bộ phiền não nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành, hiện quán biên diệt nhãn đoạn trừ chúng. Đây lại là thế nào? Tức là do kiến diệt đoạn trừ mười chín thứ tùy miên và các thứ phiền não tương ưng với chúng.

Thế nào là Bộ phiền não do kiến đạo đoạn trừ? Nghĩa là có bộ phiền não nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành, hiện quán biên đạo nhãn đoạn trừ chúng. Đây lại là thế nào? Tức là do kiến đạo đoạn trừ hai mươi hai thứ tùy miên và các thứ phiền não tương ưng với chúng.

Thế nào là Bộ phiền não do tu đạo đoạn trừ? Nghĩa là có bộ phiền não nơi bậc học kiến tích tu tập đoạn trừ. Đây lại là thế nào? Tức là do tu đạo đoạn trừ mười thứ tùy miên và các thứ phiền não tương ưng với chúng.

*

Năm pháp như sắc v.v...: Như trước đã nói.

**

* **Sáu giới:** Như địa v.v... cũng như trước đã nói.

*

Thế nào là Pháp do kiến khổ đoạn trừ? Nghĩa là như pháp nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành, hiện quán khổ biên nhãn đoạn trừ. Đây lại là thế nào? Tức là do kiến khổ đoạn trừ hai mươi tám thứ tùy miên và các pháp tương ưng cùng khởi tâm bất tương ưng hành. Đó gọi là Pháp do kiến khổ đoạn trừ.

Thế nào là Pháp do kiến tập đoạn trừ? Nghĩa là như pháp nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành, hiện quán tập biên nhãn đoạn trừ. Đây lại là thế nào? Tức là do kiến tập đoạn trừ mười chín thứ tùy miên và các pháp tương ưng cùng khởi tâm bất tương ưng hành. Đó gọi là Pháp do kiến tập đoạn trừ.

Thế nào là Pháp do kiến diệt đoạn trừ? Nghĩa là như pháp nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành, hiện quán diệt biên nhãn đoạn trừ. Đây lại là thế nào? Tức là do kiến diệt đoạn trừ mười chín thứ tùy miên và các pháp tương ưng cùng khởi tâm bất tương ưng hành. Đó gọi là Pháp do kiến diệt đoạn trừ.

Thế nào là Pháp do kiến đạo đoạn trừ? Nghĩa là như pháp nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành, hiện quán đạo biên nhãn đoạn trừ. Đây lại là thế nào? Tức là do kiến đạo đoạn trừ hai mươi hai thứ tùy miên và các pháp tương ưng cùng khởi tâm bất tương ưng hành. Đó gọi là Pháp do kiến đạo đoạn trừ.

Thế nào là Pháp do tu đạo đoạn trừ? Nghĩa là như pháp nơi bậc học kiến tích tu tập đoạn trừ. Đây lại là thế nào? Tức là do tu đạo đoạn trừ mười thứ tùy miên và các pháp tương ưng, như chúng cùng khởi các nghiệp thân, ngữ, hoặc cùng khởi tâm bất tương ưng hành, hoặc các pháp hữu lậu không nhiễm ô. Đó gọi là Pháp do tu đạo đoạn trừ.

Thế nào là Pháp không đoạn trừ? Nghĩa là các pháp vô lậu.

**

* *Thế nào là Tùy miên dục tham?* Nghĩa là đối với các dục đã khởi các thứ tham cùng tham, rồi cất giấu, phòng giữ, yêu thích, mê đắm. Đó gọi là Tùy miên dục tham.

Thế nào là Tùy miên giận dữ? Nghĩa là đối với các hữu tình tâm luôn ôm giận, muốn gây tổn hại, chống đối, cản trở, oán ghét, bạo ác, khiến họ luôn trái nghịch, nã hại. Đó gọi là Tùy miên giận dữ.

Thế nào là Tùy miên hữu tham? Nghĩa là nơi cõi Sắc, Vô sắc khởi các thứ tham cùng tham, rồi cất giấu, ngăn giữ, yêu thích, mê đắm. Đó gọi là Tùy miên hữu tham.

Thế nào là Tùy miên mạn? Nghĩa là kiêu mạn, đã kiêu mạn, sẽ kiêu mạn, tâm tự đề cao, miệt thị người khác. Đó gọi là Tùy miên mạn.

Thế nào là Tùy miên vô minh? Nghĩa là sự ngu tối, vô trí trong ba cõi. Đó gọi là Tùy miên vô minh.

Thế nào là Tùy miên kiến? Nghĩa là năm thứ kiến cấu nhiễm. Đó gọi là Tùy miên kiến.

Thế nào là Tùy miên nghi? Nghĩa là đối với các Đế luôn do dự, ngờ vực. Đó gọi là Tùy miên nghi.

*

Thế nào là Thức trụ thứ nhất? Nghĩa là loài hữu tình có sắc, thân khác, tướng khác, như loài người và một phần cõi trời, đó là thức trụ thứ nhất. Ở đây thứ nhất là theo sự tính đếm, thuận theo thứ tự nói tiếp, đây là thứ nhất. Trụ xứ kia có liên hệ với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, gọi chung là thức trụ.

Thế nào là Thức trụ thứ hai? Nghĩa là loài hữu tình có sắc, thân khác, tướng một, như cõi trời Phạm chúng vào thời kiếp đầu tiên,

đây là thức trụ thứ hai, có liên hệ với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, gọi chung là thức trụ.

Thế nào là Thức trụ thứ ba? Nghĩa là loài hữu tình có sắc, thân một, tướng khác, như cõi trời Cự quang tịnh, đây là thức trụ thứ ba, có liên hệ với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, gọi chung là thức trụ.

Thế nào là Thức trụ thứ tư? Nghĩa là loài hữu tình có sắc, thân một, tướng một, như cõi trời Biến tịnh, đây là thức trụ thứ tư, có liên hệ với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, gọi chung là thức trụ.

Thế nào là Thức trụ thứ năm? Nghĩa là loài hữu tình không sắc, vượt ngoài tất cả các tướng sắc, diệt hết các tướng có đối, không suy nghĩ về các thứ tướng, nhập vào vô biên không, trụ đầy đủ nơi xứ không vô biên, như cõi trời Không vô biên xứ, đây là thức trụ thứ năm, có liên hệ với thọ, tưởng, hành, thức, gọi chung là thức trụ.

Thế nào là Thức trụ thứ sáu? Nghĩa là loài hữu tình không sắc, vượt ngoài tất cả xứ không vô biên, nhập vào thức vô biên, trụ đầy đủ nơi xứ thức vô biên, như cõi trời Thức vô biên xứ, đây là thức trụ thứ sáu, có liên hệ với thọ, tưởng, hành, thức, gọi chung là thức trụ.

Thế nào là Thức trụ thứ bảy? Nghĩa là loài hữu tình không sắc, vượt ngoài tất cả xứ thức vô biên, nhập vào vô sở hữu, trụ đầy đủ nơi xứ vô sở hữu, như cõi trời Vô sở hữu xứ, đây là thức trụ thứ bảy, có liên hệ với thọ, tưởng, hành, thức, gọi chung là thức trụ.

*

Thế nào là đẳng giác chi Niệm? Nghĩa là các đệ tử của bậc Thánh đối với khổ tư duy về khổ, đối với tập tư duy về tập, đối với diệt tư duy về diệt, đối với đạo tư duy về đạo, tác ý vô lậu tương ưng với các niệm, tùy niệm, biệt niệm, ức niệm, không quên không mất, không sót không thiếu, tánh không quên pháp, tánh của tâm ghi nhớ rõ. Đó gọi là đẳng giác chi niệm.

Thế nào là đẳng giác chi Trạch pháp? Nghĩa là các đệ tử của bậc Thánh đối với bốn đế khổ, tập, diệt, đạo luôn tư duy tác ý vô lậu tương ưng nơi các pháp thường chọn lựa, chọn lựa hết mực, chọn lựa cùng tột, hiểu rõ, cùng hiểu rõ, hiểu rõ khắp, hiểu rõ gần, trí sáng thông đạt, xét đoán tinh tường, tuệ hành minh giác, Tỳ-bát-xá-na có tánh quyết định tuyển chọn. Đó gọi là đẳng giác chi trạch pháp.

Thế nào là đẳng giác chi Tinh tấn? Nghĩa là các đệ tử của bậc Thánh đối với bốn đế khổ, tập, diệt, đạo luôn tư duy tác ý vô lậu tương ưng với các thứ siêng năng tinh tấn, hăng hái dũng mãnh khó ngăn cản, tâm ý cố gắng không dừng nghỉ, tánh của tâm mạnh mẽ. Đó gọi là đẳng giác chi tinh tấn.

Thế nào là đẳng giác chi Hỷ? Nghĩa là các đệ tử của bậc Thánh đối với bốn đế khổ, tập, diệt, đạo luôn tư duy tác ý vô lậu tương ưng với tâm vui vẻ, hân hoan tột bậc, vui vẻ trong mọi lúc, tánh vui tươi, thuộc loại vui tươi, hoan hỷ. Đó gọi là đẳng giác chi hỷ.

Thế nào là đẳng giác chi Khinh an? Nghĩa là các đệ tử của bậc Thánh đối với bốn đế khổ, tập, diệt, đạo luôn tư duy tác ý vô lậu tương ưng với thân tâm nhẹ nhàng khoan khoái, luôn được khinh an, thuộc loại khinh an. Đó gọi là đẳng giác chi khinh an.

Thế nào là đẳng giác chi Định? Nghĩa là các đệ tử của bậc Thánh đối với bốn đế khổ, tập, diệt, đạo luôn tư duy tác ý vô lậu tương ưng với các thứ khiến tâm trụ cùng trụ, an trụ, trụ gần, trụ vững, không tán loạn, thâm tóm, gìn giữ, tánh của tâm chuyên vào một cảnh. Đó gọi là đẳng giác chi định.

Thế nào là đẳng giác chi Xả? Nghĩa là các đệ tử của bậc Thánh đối với bốn đế khổ, tập, diệt, đạo luôn tư duy tác ý vô lậu tương ưng với tánh của tâm bình đẳng, tánh của tâm chánh trực, tâm không cảnh giác, trụ nơi tịch tĩnh. Đó gọi là đẳng giác chi xả.

* *Thế nào là Giải thoát thứ nhất?* Nghĩa là có sắc, quán các sắc, là giải thoát thứ nhất. Ở đây thứ nhất là sự tính đếm, thuận theo thứ lớp, thuận theo sự nối tiếp và nhập định. Trong định như thế các thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức hiện có đều là thiện. Đó gọi là giải thoát.

Thế nào là Giải thoát thứ hai? Nghĩa là bên trong không có tướng sắc, quán sắc bên ngoài, là giải thoát thứ hai, theo thứ tự cùng theo nhập định là thứ hai. Trong định như thế các thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức hiện có đều là thiện. Đó gọi là giải thoát

Thế nào là Giải thoát thứ ba? Nghĩa là giải thoát thanh tịnh, trụ đầy đủ nơi thân tác chứng, là giải thoát thứ ba, theo thứ tự cùng theo nhập định là thứ ba. Trong định như thế các thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức hiện có đều là thiện. Đó gọi là giải thoát.

Thế nào là Giải thoát thứ tư? Nghĩa là vượt khỏi tất cả tướng sắc, diệt hết các tướng có đối, không còn tư duy về các thứ tướng, nhập vào không vô biên, trụ đầy đủ nơi xứ không vô biên, là giải thoát thứ tư, theo thứ tự cùng theo nhập định là thứ tư. Trong định như thế các thứ thọ, tưởng, hành, thức hiện có đều là thiện. Đó gọi là giải thoát.

Thế nào là Giải thoát thứ năm? Nghĩa là vượt khỏi tất cả xứ không vô biên, nhập vào thức vô biên, trụ đầy đủ nơi xứ thức vô biên, là giải thoát thứ năm, theo thứ tự cùng theo nhập định là thứ năm. Trong định như thế, các thứ thọ, tưởng, hành, thức hiện có đều là thiện. Đó gọi là giải thoát.

Thế nào là Giải thoát thứ sáu? Nghĩa là vượt khỏi tất cả xứ thức vô biên, nhập vào vô sở hữu, trụ đầy đủ nơi xứ vô sở hữu, là giải thoát thứ sáu, theo thứ tự cùng theo nhập định là thứ sáu. Trong định như thế, các thứ thọ, tưởng, hành, thức hiện có đều là thiện. Đó gọi là giải thoát.

Thế nào là Giải thoát thứ bảy? Nghĩa là vượt khỏi tất cả xứ vô sở hữu, nhập và trụ đầy đủ nơi xứ phi tướng phi phi tướng, là giải thoát thứ bảy, theo thứ tự cùng theo nhập định là thứ bảy. Trong định như thế, các thứ thọ, tưởng, hành, thức hiện có đều là thiện. Đó gọi là giải thoát.

Thế nào là Giải thoát thứ tám? Nghĩa là vượt khỏi tất cả xứ phi tướng phi phi tướng, nhập vào tướng thọ diệt, trụ đầy đủ nơi thân tác chứng, là giải thoát thứ tám, theo thứ tự cùng theo nhập định là thứ tám. Trong định như thế, các thứ được giải thoát là giải thoát thù thắng, giải thoát tột cùng. Lại nữa, nếu tướng pháp vi tế làm nhân, tướng vi tế làm đẳng vô gián là nghĩa không cùng kết hợp với tướng, là nghĩa đã thành tựu. Đó gọi là giải thoát.

*

Thế nào là Thắng xứ thứ nhất? Nghĩa là bên trong có tướng sắc, quán ít sắc bên ngoài, các sắc ấy hiển bày hoặc đẹp, hoặc xấu đều thấy biết rõ đúng, đầy đủ các tướng như thế, là thắng xứ thứ nhất, theo thứ tự cùng theo nhập định là thứ nhất. Trong định như vậy, các thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức hiện có đều là thiện. Đó gọi là thắng xứ.

Thế nào là Thắng xứ thứ hai? Nghĩa là bên trong có tướng sắc, quán nhiều sắc bên ngoài, các sắc ấy hiển bày hoặc đẹp, hoặc xấu đều thấy biết rõ đúng, đầy đủ các tướng như thế, là thắng xứ thứ hai, theo thứ tự cùng theo nhập định là thứ hai. Trong định như vậy, các thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức hiện có đều là thiện. Đó gọi là thắng xứ.

Thế nào là Thắng xứ thứ ba? Nghĩa là bên trong không có tướng sắc, quán ít sắc bên ngoài, các sắc ấy hiển bày hoặc đẹp, hoặc xấu đều thấy biết rõ đúng, đầy đủ các tướng như thế, là thắng xứ thứ ba, theo thứ tự cùng theo nhập định là thứ ba. Trong định như vậy, các thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức hiện có đều là thiện. Đó gọi là thắng xứ.

Thế nào là Thắng xứ thứ tư? Nghĩa là bên trong không có tướng sắc, quán nhiều sắc bên ngoài, các sắc ấy hiển bày hoặc đẹp hoặc xấu đều thấy biết rõ đúng, đầy đủ các tướng như thế, là thắng xứ thứ tư, theo thứ tự cùng theo nhập định là thứ tư. Trong định như vậy, các thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức hiện có đều là thiện. Đó gọi là thắng xứ.

Thế nào là Thắng xứ thứ năm? Nghĩa là bên trong không có tướng sắc, quán các sắc bên ngoài, hoặc là màu xanh thì hiển xanh, hiện xanh, ánh sáng xanh như hoa Ô-mạc-ca, hoặc như màu áo nhuộm xanh nơi xứ Bà-la-ni-tư. Đối với các sắc ấy đều thấy biết rõ đúng, đầy đủ các tướng như thế, là thắng xứ thứ năm, theo thứ tự cùng theo nhập định là thứ năm. Trong định như vậy, các thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức hiện có đều là thiện. Đó gọi là thắng xứ.

Thế nào là Thắng xứ thứ sáu? Nghĩa là bên trong không có tướng sắc, quán các sắc bên ngoài, hoặc là màu vàng thì hiển vàng, hiện vàng, ánh sáng vàng như hoa Yết-ni-ca, hoặc như màu áo nhuộm vàng nơi xứ Bà-la-ni-tư. Đối với các sắc như thế đều thấy biết rõ đúng, đầy đủ các tướng như vậy, là thắng xứ thứ sáu, theo thứ tự cùng theo nhập định là thứ sáu. Trong định như vậy, các thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức hiện có đều là thiện. Đó gọi là thắng xứ.

Thế nào là Thắng xứ thứ bảy? Nghĩa là bên trong không có tướng sắc, quán các sắc bên ngoài, hoặc là màu đỏ thì hiển đỏ, hiện đỏ, ánh sáng đỏ như hoa Bàn-đậu-thì-phược-ca, hoặc như màu áo nhuộm đỏ nơi xứ Bà-la-ni-tư. Đối với các sắc như thế đều thấy biết rõ đúng, đầy đủ các tướng như vậy, là thắng xứ thứ bảy, theo thứ tự cùng theo nhập định là thứ bảy. Trong định như vậy, các thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức hiện có đều là thiện. Đó gọi là thắng xứ.

Thế nào là Thắng xứ thứ tám? Nghĩa là bên trong không có tướng sắc, quán các sắc bên ngoài, hoặc là màu trắng thì hiển trắng, hiện trắng, ánh sáng trắng như ngôi sao Ô-sát-tư, hoặc như màu áo trắng tinh nơi xứ Bà-la-ni-tư. Đối với các sắc như thế đều thấy biết

rõ đúng, đầy đủ các tướng như vậy, là thắng xứ thứ tám, theo thứ tự cùng theo nhập định là thứ tám. Trong định như vậy, các thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức hiện có đều là thiện. Đó gọi là thắng xứ.

*

Thế nào là Chánh kiến? Nghĩa là các đệ tử của bậc Thánh đối với bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo luôn tư duy, tìm hiểu, tác ý vô lậu tương ưng với các pháp được lựa chọn, lựa chọn kỹ, lựa chọn tốt cùng và hiểu rõ, đều hiểu rõ, hiểu rõ khắp, hiểu rõ gần, trí sáng thông đạt, xét đoán tinh tường tuệ hành minh giác nơi Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là Chánh kiến.

Thế nào là Chánh tư duy? Nghĩa là các đệ tử của bậc Thánh đối với bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo luôn tư duy, tìm hiểu, tác ý vô lậu tương ưng với các tâm tìm cầu, tìm cầu khắp, suy tính, suy tính tốt cùng, hiện tiền suy tính truy cứu dò xét, tư duy hết mực, là tánh tư duy. Đó gọi là Chánh tư duy.

Thế nào là Chánh ngữ? Nghĩa là các đệ tử của bậc Thánh đối với bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo luôn tư duy, tìm hiểu, trừ bỏ bốn hành ác của ngữ hướng đến tà mạng. Nơi các hành ác của ngữ khác, do lực quyết trạch để dẫn đến vô lậu, nhằm xa lìa dứt diệt, xa lìa riêng biệt, luật nghi luôn tịch tĩnh, không tạo không tác, không hành không phạm, không hủy hoại phần hạn, không vượt bỏ các phép tắc, luật lệ. Đó gọi là Chánh ngữ.

Thế nào là Chánh nghiệp? Nghĩa là các đệ tử của bậc Thánh đối với bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo luôn tư duy, tìm hiểu, trừ bỏ ba hành ác của thân hướng đến tà mạng. Nơi các hành ác khác của thân, do từ sức quyết trạch để dẫn đến vô lậu, nhằm xa lìa dứt diệt, xa lìa riêng biệt, luật nghi luôn tịch tĩnh, không tạo không tác, không hành không phạm, không hủy hoại phần hạn, không vượt bỏ các phép tắc, luật lệ. Đó gọi là Chánh nghiệp.

Thế nào là Chánh mạng? Nghĩa là các đệ tử của bậc Thánh đối với bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo luôn tư duy, tìm hiểu, nơi các hành ác của thân, ngữ hướng đến tà mạng thì dùng sức quyết trạch để dẫn đến vô lậu, nhằm xa lìa dứt diệt, xa lìa riêng biệt, luật nghi luôn tịch tĩnh, không tạo không tác, không hành không phạm, không hủy hoại phần hạn, không vượt bỏ các phép tắc, luật lệ. Đó gọi là Chánh mạng.

Thế nào là Chánh tinh tấn? Nghĩa là các đệ tử của bậc Thánh đối với bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo luôn tư duy, tìm hiểu, tác ý vô lậu tương ưng với các thứ siêng năng tinh tấn, hăng hái khó ngăn cản, tâm ý cố gắng không hề ngừng nghỉ, tánh của tâm dũng mãnh. Đó gọi là Chánh tinh tấn.

Thế nào là Chánh niệm? Nghĩa là các đệ tử của bậc Thánh đối với bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo luôn tư duy, tìm xét, tác ý vô lậu tương ưng với các niệm tùy niệm, ức niệm, biệt niệm, không quên không mất, không sót không thiếu, tánh không quên pháp, tánh của tâm ghi nhớ kỹ. Đó gọi là Chánh niệm.

Thế nào là Chánh định? Nghĩa là các đệ tử của bậc Thánh đối với bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo luôn tư duy, tìm xét, tác ý vô lậu tương ưng với các pháp khiến tâm trụ cùng trụ, an trụ, trụ gân, trụ vững chắc, không tán loạn, thâu giữ chặt chẽ, là tánh của tâm chuyên một cảnh. Đó gọi là Chánh định.

HẾT - QUYỂN 7

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÂM LOẠI TỨC

QUYÊN 8

Phẩm 6: BIỆN VỀ THẬU GIỮ, phần 4

* *Thế nào là Kiết ái?* Nghĩa là tham của ba cõi.

Thế nào là Kiết giận? Nghĩa là đối với hữu tình có thể gây tạo các thứ tổn hại.

Thế nào là Kiết mạn? Nghĩa là bảy thứ mạn.

Thế nào là Kiết vô minh? Nghĩa là vô trí trong ba cõi.

Thế nào là Kiết kiến? Nghĩa là ba thứ kiến.

Thế nào là Kiến thủ? Nghĩa là hai thứ thủ.

Thế nào là Kiết nghi? Nghĩa là đối với các Đế đã nghi hoặc do dự.

Thế nào là Kiết ganh tỵ (tật)? Nghĩa là ganh ghét.

Thế nào là Kiết keo kiệt (xan)? Nghĩa là tâm luôn tham tiếc, bòn sẻn.

*

Thế nào là chỗ ở thứ nhất của hữu tình? Nghĩa là hữu tình có sắc, thân khác, tướng khác, như loài người và một phần của các cõi trời. Đó là chỗ ở thứ nhất, là theo thứ lớp. Nói chỗ ở của hữu tình,

nghĩa là các hữu tình sinh sống ở đó, sinh sống riêng biệt, do đây đã hiển bày xứ thọ sinh, nên gọi là chỗ ở của hữu tình.

Thế nào là chỗ ở thứ hai của hữu tình? Nghĩa là hữu tình có sắc, thân khác, tướng một, như cõi trời Phạm chúng vào thời kiếp đầu tiên, đó là chỗ ở thứ hai. Nghĩa về chỗ ở của hữu tình như trước đã nói.

Thế nào là chỗ ở thứ ba của hữu tình? Nghĩa là hữu tình có sắc, thân một, tướng khác, như nơi cõi trời Cực quang tịnh, đó là chỗ ở thứ ba. Nghĩa về chỗ ở của hữu tình như trước đã nói.

Thế nào là chỗ ở thứ tư của hữu tình? Nghĩa là hữu tình có sắc, thân một, tướng một, như nơi cõi trời Biến tịnh, đó là chỗ ở thứ tư. Nghĩa về chỗ ở của hữu tình như trước đã nói.

Thế nào là chỗ ở thứ năm của hữu tình? Nghĩa là hữu tình có sắc, không có tướng, không có tướng khác, như hữu tình nơi cõi trời Vô tướng, đó là chỗ ở thứ năm. Nghĩa về chỗ ở của hữu tình như trước đã nói.

Thế nào là chỗ ở thứ sáu của hữu tình? Nghĩa là hữu tình không sắc, vượt ngoài tất cả tướng sắc, diệt hết các tướng có đối, không còn tư duy về các thứ tướng, nhập vào không vô biên, trụ đầy đủ nơi xứ không vô biên, như nơi cõi trời Không vô biên xứ, đó là chỗ ở thứ sáu. Nghĩa về chỗ ở của hữu tình như trước đã nói.

Thế nào là chỗ ở thứ bảy của hữu tình? Nghĩa là hữu tình không sắc, vượt ngoài tất cả xứ không vô biên, nhập vào thức vô biên, trụ đầy đủ nơi xứ thức vô biên, như nơi cõi trời Thức vô biên xứ, đó là chỗ ở thứ bảy. Nghĩa về chỗ ở của hữu tình như trước đã nói.

Thế nào là chỗ ở thứ tám của hữu tình? Nghĩa là hữu tình không sắc, vượt ngoài tất cả xứ thức vô biên, nhập vào vô sở hữu, trụ đầy đủ nơi xứ vô sở hữu, như nơi cõi trời Vô sở hữu xứ, đó là chỗ ở thứ tám. Nghĩa về chỗ ở của hữu tình như trước đã nói.

Thế nào là chỗ ở thứ chín của hữu tình? Nghĩa là hữu tình không sắc, vượt ngoài tất cả xứ vô xứ hữu, nhập và trụ đầy đủ nơi xứ phi tướng phi tướng, như nơi cõi trời Phi tướng phi phi tướng xứ, đó là chỗ ở thứ chín. Nghĩa về chỗ ở của hữu tình như trước đã nói.

**

* *Thế nào là Biến xứ thứ nhất?* Nghĩa là có một loại tướng, tất cả khắp nơi đều là đất, trên dưới các phía đều là không hai, không lường. Đó là biến xứ thứ nhất, là theo thứ lớp cùng theo nhập định. Trong định như thế, tất cả sắc thọ tướng hành thức hiện có đều là thiện. Đó gọi là Biến xứ.

Các thứ biến xứ về nước, lửa, gió, màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng: Cũng như vậy.

Thế nào là Biến xứ thứ chín? Nghĩa là có một loại tướng, tất cả khắp nơi đều là khoảng không, trên dưới các phía đều là không hai, không lường. Đó là biến xứ thứ chín, là theo thứ lớp cùng theo nhập định. Trong định như thế, tất cả sắc thọ tướng hành thức hiện có đều là thiện. Đó gọi là Biến xứ.

Biến xứ của Thức vô biên xứ: Cũng như vậy.

*

Các thứ chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định vô học: Như đã nói về tám chi Thánh đạo.

Thế nào là Chánh thắng giải vô học? Nghĩa là các đệ tử của bậc Thánh đối với khổ, tập, diệt, đạo luôn tư duy, tìm xét, tác ý vô học tương ưng với thắng giải, đã đang và sẽ thắng giải. Đó gọi là Chánh thắng giải vô học.

Thế nào là Chánh trí vô học? Nghĩa là tận trí và vô sinh trí. Đó gọi là Chánh trí vô học.

**

* *Thế nào là Sắc hữu lậu?* Nghĩa là như các sắc hữu lậu có chấp giữ, có mặt nơi các thời quá khứ, hiện tại, vị lai, đối với chúng đã khởi dục, tham, giận, si, hoặc tùy theo mỗi mỗi thứ tâm sở nơi tùy phiền não lúc nên sinh khởi cùng sinh. Đó gọi là Sắc hữu lậu.

Thế nào là Sắc vô lậu? Nghĩa là như các sắc vô lậu không có chấp giữ, có mặt nơi các thời quá khứ, hiện tại, vị lai, đối với chúng đã khởi dục, tham, sân, si, hoặc tùy theo mỗi mỗi thứ tâm sở nơi tùy phiền não lúc nên sinh khởi đều không sinh. Đó gọi là Sắc vô lậu.

Các thứ thọ, tưởng, hành, thức hữu lậu và vô lậu: Cũng như vậy.

Thế nào là Pháp vô vi? Nghĩa là ba thứ vô vi, tức là hư không, phi trạch diệt, trạch diệt.

**

* *Mười hai xí:* Như đã nói trong phẩm Biện Về Bảy Sự.

**

* *Mười tám giới:* Như đã nói trong phẩm Biện Về Bảy Sự.

**

* *Thế nào là Nhãn căn?* Nghĩa là mắt đối với sắc đã thấy, đang thấy, sẽ thấy, cùng với đồng phần của sắc. Đó gọi là Nhãn căn.

Thế nào là Nhĩ căn? Nghĩa là tai đối với âm thanh đã nghe, đang nghe, sẽ nghe, cùng với đồng phần của tiếng. Đó gọi là Nhĩ căn.

Thế nào là Tỷ căn? Nghĩa là mũi đối với hương đã ngửi, đang ngửi, sẽ ngửi, cùng với đồng phần của hương. Đó gọi là Tỷ căn.

Thế nào là Thiệt căn? Nghĩa là lưỡi đối với vị đã nếm, đang nếm, sẽ nếm, cùng với đồng phần của vị. Đó gọi là Thiệt căn.

Thế nào là Thân căn? Nghĩa là thân đối với xúc đã xúc chạm, đang xúc chạm, sẽ xúc chạm, cùng với đồng phần của xúc. Đó gọi là Thân căn.

Thế nào là Nữ căn? Nghĩa là một phần ít của thân căn. Đó gọi là Nữ căn.

Thế nào là Nam căn? Nghĩa là một phần ít của thân căn. Đó gọi là Nam căn.

Thế nào là Mạng căn? Nghĩa là thọ mạng trong ba cõi. Đó gọi là Mạng căn.

Thế nào là Ý căn? Nghĩa là sáu thức thân. Đó gọi là Ý căn.

Thế nào là Lạc căn? Nghĩa là các xúc thuận theo lạc thọ, khi xúc chạm đã khiến thân, tâm an vui, thọ nhận bình đẳng, đều thuộc về thọ. Đó gọi là Lạc căn.

Thế nào là Khổ căn? Nghĩa là các xúc thuận theo khổ thọ, khi xúc chạm đã khiến thân khổ, thọ nhận không bình đẳng, đều thuộc về thọ. Đó gọi là Khổ căn.

Thế nào là Hỷ căn? Nghĩa là các xúc thuận theo hỷ thọ, khi xúc chạm khiến tâm vui tâm mừng, thọ nhận bình đẳng, do thọ thâm giữ. Đó gọi là Hỷ căn.

Thế nào là Ưu căn? Nghĩa là các xúc thuận theo ưu thọ, khi tiếp xúc khiến tâm lo buồn, thọ nhận không bình đẳng, do thọ thâm giữ. Đó gọi là Ưu căn.

Thế nào là Xả căn? Nghĩa là các xúc thuận theo xả thọ, khi tiếp xúc khiến thân tâm cùng buông xả, thọ nhận không bình đẳng không phải không bình đẳng, do thọ thâm giữ. Đó gọi là Xả căn.

Thế nào là Tín căn? Nghĩa là dựa vào pháp thiện do xuất ly và xa lìa sinh khởi tạo nên các thứ tin tưởng, tánh tin tưởng, tánh tin tưởng tăng thượng, chấp nhận làm việc, mong muốn gây tạo, tánh của tâm lắng sạch. Đó gọi là Tín căn.

Thế nào là Tinh tấn căn? Nghĩa là dựa vào pháp thiện do xuất ly và xa lìa sinh khởi tạo nên các thứ siêng năng tinh tấn, phát khởi mạnh mẽ, khó ngăn cản, tâm cố gắng không ngừng, tánh tâm dũng mãnh. Đó gọi là Tinh tấn căn.

Thế nào là Niệm căn? Nghĩa là dựa vào pháp thiện do xuất ly và xa lìa sinh khởi tạo nên các thứ niệm, tùy niệm, biệt niệm, ức niệm, không quên không mất, không sót không thiếu, tánh không quên pháp, tánh của tâm ghi nhớ kỹ. Đó gọi là Niệm căn.

Thế nào là Định căn? Nghĩa là dựa vào pháp thiện do xuất ly và xa lìa sinh khởi tạo nên các niệm khiến tâm trụ, cùng trụ, an trụ, trụ gần, trụ vững chắc, không tán loạn, luôn thâm giữ nơi định, tánh của tâm chuyên một cảnh. Đó gọi là Định căn.

Thế nào là Tuệ căn? Nghĩa là dựa vào pháp thiện do xuất ly và xa lìa sinh khởi tạo nên đối với các pháp luôn lựa chọn, chọn lựa kỹ lưỡng cùng tột, hiểu rõ, đều hiểu rõ, hiểu rõ khắp, hiểu rõ gần, trí sáng thông đạt, xét đoán tinh tường, tuệ hành minh giác nơi Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là Tuệ căn.

Thế nào là Vị tri đương tri căn? Nghĩa là Bồ-đặc-già-la đã nhập chánh tánh ly sinh có các thứ căn như tuệ học, tuệ căn, do các căn này nên bậc Tùy tín, Tùy pháp hành đối với việc chưa hiện quán về bốn Thánh để có thể hành hiện quán. Đó gọi là Vị tri đương tri căn.

Thế nào là Dĩ tri căn? Nghĩa là Bồ-đặc-già-la có đủ kiến giải đã hiện quán, có các thứ căn như tuệ học, tuệ căn, do các căn này nên bậc Tín thắng giải, Kiến chí v.v... cho đến Thân chứng, đối với việc

đã hiện quán, bốn Thánh đế hướng tới chứng được công đức tốt đẹp nhất. Đó gọi là Dĩ tri căn.

Thế nào là Cụ tri căn? Nghĩa là bậc A-la-hán đã diệt hết các lậu, hiện bày các thứ căn như tuệ vô học, tuệ căn, do các căn này nên bậc Tuệ giải thoát, Câu phần giải thoát, có thể đạt được hiện pháp lạc trụ. Đó gọi là Cụ tri căn.

**

* *Chín mươi tám thứ tùy miên:* Như trước đã nói.

3. Biện giải về sự gồm thâu:

* *Các thứ pháp:* Pháp được nhận biết, pháp được nhận thức, pháp được thông đạt, pháp được duyên hợp, pháp tăng thượng gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

**

* *Pháp có sắc gồm thâu:* mười một giới, mười một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí tha tâm và diệt), sáu thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Dục và cõi Sắc, cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp vô sắc gồm thâu: tám giới, hai xứ, bốn uẩn, mười trí hiểu rõ, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp có thấy gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí tha tâm, diệt, đạo), hai thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Dục và cõi Sắc, cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp không thấy gồm thâu: mười bảy giới, mười một xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, năm thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp có đối gồm thâu: mười giới, mười xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí tha tâm, diệt, đạo), sáu thức nhận biết, các biên hành nơi cõi Dục và cõi Sắc, cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp không đối gồm thâu: tám giới, hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp hữu lậu gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp vô lậu gồm thâu: ba giới, hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí khổ và tập), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp hữu vi gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp vô vi gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí tha tâm, khổ, tập, đạo), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp có tranh cãi gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không tranh cãi gồm thâu: ba giới, hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí khổ và tập), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Các pháp *thế gian* – *xuất thế gian*, *gắn với giới* – *không gắn với giới*, *có vị tham đắm* – *không vị tham đắm*, *nuong vào đam mê* – *nuong vào xuất ly* cũng như vậy.

*

Pháp tâm gồm thâu: bảy giới, một xứ, một uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải tâm gồm thâu: mười một giới, mười một xứ, bốn uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp tâm sở gồm thâu: một giới, một xứ, ba uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải tâm sở gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Các pháp tâm tương ưng, tâm không tương ưng cũng như vậy.

*

Pháp tâm cùng có gồm thâu: mười một giới, mười một xứ, bốn uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải tâm cùng có gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, ba uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp tùy tâm chuyển gồm thâu: một giới, một xứ, bốn uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải tùy tâm chuyển gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, ba uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp tâm làm nhân gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải tâm làm nhân gồm thâu: mười ba giới, mười hai xứ, ba uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

*

Pháp tâm làm đẳng vô gián gồm thâu: tám giới, hai xứ, bốn uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải tâm làm đẳng vô gián gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp tâm làm sở duyên gồm thâu: ba giới, hai xứ, bốn uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, cùng các tùy miên tùy tăng duyên nơi hữu vi trong ba cõi.

Pháp không phải tâm làm sở duyên gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp tâm làm tăng thượng gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải tâm làm tăng thượng gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí tha tâm, khổ, tập, đạo), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp quả của tâm gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải quả của tâm gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, một trí hiểu rõ là thế tục trí, một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp dị thực của tâm gồm thâu: mười bảy giới, mười một xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), năm thức nhận biết (trừ nhĩ thức), các biến hành nơi ba cõi cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp không phải dị thực của tâm gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp nghiệp gồm thâu: ba giới, ba xứ, hai uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, ba thức nhận biết (trừ nhãn thức, nhĩ và ý thức), là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải nghiệp gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp nghiệp tương ưng gồm thâu: tám giới, hai xứ, bốn uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp nghiệp không tương ưng gồm thâu: mười một giới, mười một xứ, hai uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp nghiệp cùng có gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải nghiệp cùng có gồm thâu: mười một giới, mười một xứ, hai uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp tùy nghiệp chuyển gồm thâu: tám giới, hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải tùy nghiệp chuyển gồm thâu: mười một giới, mười một xứ, hai uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp nghiệp làm nhân gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải nghiệp làm nhân gồm thâu: mười một giới, mười một xứ, hai uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

*

Pháp nghiệp làm đấng vô gián gồm thâu: tám giới, hai xứ, bốn uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải nghiệp làm đấng vô gián gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp nghiệp làm sở duyên gồm thâu: năm giới, hai xứ, bốn uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, các pháp hữu vi trong ba cõi duyên nơi tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải nghiệp làm sở duyên gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp nghiệp làm tăng thượng gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải nghiệp làm tăng thượng gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí tha tâm, khổ, tập, đạo), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp quả của nghiệp gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải quả của nghiệp gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, một trí hiểu rõ là thế tục trí, một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp dị thực của nghiệp gồm thâu: mười bảy giới, mười một xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), năm thức nhận biết (trừ nhĩ thức), các biến hành nơi ba cõi cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp không phải dị thực của nghiệp gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp có gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải có gồm thâu: ba giới, hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí khổ và tập), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp có tương ưng gồm thâu: tám giới, hai xứ, bốn uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp có không tương ưng gồm thâu: mười ba giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, các pháp hữu lậu duyên nơi các tùy miên tùy tăng trong ba cõi.

*

Pháp có cùng có gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải có cùng có gồm thâu: ba giới, hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí khổ và tập), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp tùy có chuyển, pháp có làm nhân gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải tùy có chuyển, pháp không phải có làm nhân gồm thâu: ba giới, ba xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí khổ và tập), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp có làm đấng vô gián gồm thâu: tám giới, hai xứ, bốn uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải có làm đấng vô gián gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp có làm sở duyên gồm thâu: tám giới, hai xứ, bốn uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, các pháp hữu lậu duyên nơi các tùy miên tùy tăng trong ba cõi.

Pháp không phải có làm sở duyên gồm thâu: mười ba giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp có làm tăng thượng gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải có làm tăng thượng gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí tha tâm, khổ, tập, đạo), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp có quả gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ đạo trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải có quả gồm thâu: ba giới, hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí khổ và tập), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp có dị thực gồm thâu: mười bảy giới, mười một xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), năm thức nhận biết (trừ nhĩ thức), biến hành nơi ba cõi và các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp không có dị thực gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp không gồm thâu: giới, xứ, uẩn, không phải trí hiểu rõ, không phải thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng. Do pháp như thế là không thể có được.

*

Pháp đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp tức là pháp nên đoạn trừ, pháp này gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí đạo và diệt), sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp tức là pháp không nên đoạn trừ, pháp này gồm thâu: ba giới, hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí khổ và tập), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp nên tu gồm thâu: mười giới, bốn xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, ba thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp không nên tu gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ đạo trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp trí tác chứng nên chứng gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải trí tác chứng nên chứng không gồm thâu: giới, xứ, uẩn, không phải trí hiểu rõ, không phải thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng. Do pháp như thế không thể có được.

*

Pháp được tác chứng nên chứng gồm thâu: mười hai giới, sáu xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, ba thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp không phải được tác chứng nên chứng gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp nên hành tập gồm thâu: mười giới, bốn xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, ba thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp không nên hành tập gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ đạo trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp có tội gồm thâu: mười giới, bốn xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), ba thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không tội gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

*

Các pháp trắng – đen, hữu phú – vô phú, thuận thoái – không thuận thoái cũng như vậy.

*

Pháp hữu ký gồm thâu: mười giới, bốn xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, ba thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi Dục, Sắc, Vô sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp vô ký gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), sáu thức nhận biết, cõi Sắc, cõi Vô sắc và tất cả hai bộ của cõi Dục cùng các tùy miên tùy tăng biến hành đều do kiến tập đoạn trừ.

*

Pháp đã sinh gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải đã sinh gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Các pháp đang sinh – không phải đang sinh, đã diệt – không phải đã diệt, đang diệt – không phải đang diệt cũng như vậy.

*

Pháp duyên khởi gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải duyên khởi gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí tha tâm, khổ, tập, diệt), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Các pháp duyên đã sinh – không phải duyên đã sinh, nhân – không phải nhân, có nhân – không phải có nhân, nhân đã sinh – không phải nhân đã sinh cũng như vậy.

*

Pháp nhân tương ưng gồm thâu: tám giới, hai xứ, bốn uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp nhân không tương ưng gồm thâu: mười một giới, mười một xứ, hai uẩn, chín trí hiểu rõ trừ tha tâm trí, sáu thức nhận biết, các tùy miên tùy tăng duyên nơi hữu lậu trong ba cõi.

*

Pháp kiết gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, trừ vô minh không chung duyên nơi vô lậu, còn lại là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải kiết gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp thuận kiết gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải thuận kiết gồm thâu: ba giới, hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí khổ và tập), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp thủ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải thủ gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp có chấp thọ gồm thâu: chín giới, chín xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí tha tâm, diệt, đạo), năm thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Dục và cõi Sắc, cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp không chấp thọ gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp thuận thủ gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải thuận thủ gồm thâu: ba giới, hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí khổ và tập), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp phiền não gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải phiền não gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp nhiễm ô gồm thâu: mười giới, bốn xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), ba thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không nhiễm ô gồm thân: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

*

Pháp tạp nhiễm gồm thân: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải tạp nhiễm gồm thân: ba giới, hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí khổ và tập), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp trói buộc (triền) gồm thân: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải trói buộc gồm thân: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp của đối tượng bị trói buộc gồm thân: tám giới, hai xứ, bốn uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải đối tượng bị trói buộc gồm thân: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, các tùy miên tùy tăng duyên nơi hữu lậu ở ba cõi.

*

Pháp thuận trói buộc gồm thân: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải thuận trói buộc gồm thâu: ba giới, hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí khổ và tập), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp có đối tượng duyên gồm thâu: tám giới, hai xứ, bốn uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không có đối tượng duyên gồm thâu: mười một giới, mười một xứ, hai uẩn, chín trí hiểu rõ trừ tha tâm trí, sáu thức nhận biết, các tùy miên tùy tăng duyên nơi hữu lậu trong ba cõi.

*

Pháp có tâm gồm thâu: tám giới, hai xứ, bốn uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Dục và cõi Sắc.

Pháp không tâm gồm thâu: mười ba giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp có tứ, pháp không tứ cũng như vậy.

*

Pháp có hỷ gồm thâu: ba giới, hai xứ, ba uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, tất cả ở Sắc giới, trừ nghi duyên nơi vô lậu thuộc cõi Dục và nghi tương ưng với vô minh, còn lại là tất cả các tùy miên tùy tăng ở cõi Dục.

Pháp không hỷ gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp có cảnh giác gồm thâu: tám giới, hai xứ, bốn uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không cảnh giác gồm thâu: mười một giới, mười một xứ, hai uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Các pháp có sự, có duyên, hữu thượng đều gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Các pháp không sự, không duyên, vô thượng đều gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí tha tâm, khổ, tập, đạo), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp xa gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp gần gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp hữu lượng, pháp vô lượng cũng như vậy.

*

Pháp kiến gồm thâu: hai giới, hai xứ, hai uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, kiến duyên nơi hữu lậu, vô lậu, tương ưng với vô minh trong ba cõi và các tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải kiến gồm thâu: mười bảy giới, mười một xứ, năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp xứ kiến gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải xứ kiến gồm thâu: ba giới, hai xứ, ba uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí khổ và tập), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp tương ưng với kiến gồm thâu: ba giới, hai xứ, bốn uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, kiến duyên nơi hữu lậu, vô lậu, tương ưng với vô minh trong ba cõi và các tùy miên tùy tăng.

Pháp không tương ưng với kiến gồm thâu: mười tám giới, mười một xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, trừ kiến duyên nơi vô lậu, còn lại là tất cả tùy miên tùy tăng.

HẾT - QUYỂN 8

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHẨM LOẠI TỨC

QUYỂN 9

Phẩm 6: BIỆN VỀ THẬU GIỮ, phần 5

Pháp của pháp dị sinh gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), sáu thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng nơi hai cõi Dục và Sắc.

Pháp không phải pháp dị sinh gồm thâu: mười một giới, mười xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, bốn thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi, cùng tất cả tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

*

Pháp cùng dị sinh gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không cùng dị sinh gồm thâu: mười một giới, mười xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, bốn thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi cùng tất cả tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

*

Pháp định gồm thâu: năm giới, bốn xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, ba thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Dục cùng tất cả tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp không phải định gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ đạo trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp thuận nhiệt não gồm thâu: mười giới, bốn xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), ba thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không thuận nhiệt não gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi cùng tất cả tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

*

Pháp căn gồm thâu: mười ba giới, bảy xứ, bốn uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải căn gồm thâu: sáu giới, sáu xứ, ba uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp thuộc về Thánh đế gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không thuộc về Thánh đế gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, một trí hiểu rõ là thế tục trí, một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

*

Pháp cùng có gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải cùng có gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí tha tâm, khổ, tập, đạo), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp tương ưng gồm thâu: tám giới, hai xứ, bốn uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không tương ưng gồm thâu: mười một giới, mười một xứ, hai uẩn, chín trí hiểu rõ trừ tha tâm trí, sáu thức nhận biết, cùng các tùy miên tùy tăng duyên nơi hữu lậu trong ba cõi.

*

Pháp quả gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải quả gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, một trí hiểu rõ là thế tục trí, một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp có quả gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không quả gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí tha tâm, khổ, tập, đạo), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp dị thực gồm thâu: mười bảy giới, mười một xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), năm thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp không phải dị thực gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp có dị thực gồm thâu: mười giới, bốn xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), ba thức nhận biết, các biến hành nơi tất cả ba cõi Dục, Sắc và Vô sắc, cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp không dị thực gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, cõi Sắc và Vô sắc, tất cả hai bộ nơi cõi Dục và các tùy miên tùy tăng biến hành đều do kiến tập đoạn trừ.

*

Pháp nhân duyên gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải nhân duyên không gồm thâu: giới, xứ, uẩn, không phải trí hiểu rõ, không phải thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng. Do pháp như thế là không thể có được.

*

Pháp có nhân duyên gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không có nhân duyên gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí tha tâm, khổ, tập, đạo), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp lià gồm thâu: năm giới, bốn xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, ba thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi, cùng tất cả tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp không phải lià gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), sáu thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

*

Pháp có lià gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không lià gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí tha tâm, khổ, tập, đạo), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp tiếp nối gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải tiếp nối gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp có tiếp nối, pháp không có tiếp nối cũng như vậy.

**

* ***Pháp thiện gồm thâu:*** mười giới, bốn xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, ba thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp bất thiện gồm thâu: mười giới, bốn xứ, năm uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), ba thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng nơi cõi Dục.

Pháp vô ký gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), sáu thức nhận biết, cõi Sắc và cõi Vô sắc, tất cả hai bộ nơi cõi Dục cùng các tùy miên tùy tăng biến hành đều do kiến tập đoạn trừ.

*

Pháp học, pháp vô học gồm thâu: ba giới, hai xứ, năm uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí khổ, tập, diệt), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

Pháp phi học phi vô học gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ đạo trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp do kiến đạo đoạn trừ gồm thâu: ba giới, hai xứ, bốn uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng nơi ba cõi do kiến đạo đoạn trừ.

Pháp do tu đạo đoạn trừ gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), sáu thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng biến hành nơi ba cõi đều do tu đạo đoạn trừ.

Pháp không phải đoạn trừ gồm thâu: ba giới, hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí khổ và tập), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp do kiến đạo đoạn trừ làm nhân gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp do tu đạo đoạn trừ làm nhân gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), sáu thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng biến hành nơi ba cõi đều do tu đạo đoạn trừ.

Pháp không phải đoạn trừ làm nhân gồm thâu: ba giới, hai xứ, năm uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí khô, tập, diệt), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp có thấy có đối gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí tha tâm, diệt, đạo), hai thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Dục và cõi Sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp không thấy có đối gồm thâu: chín giới, chín xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí tha tâm, diệt, đạo), năm thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Dục và cõi Sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp không thấy không đối gồm thâu: tám giới, hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp dị thực gồm thâu: mười bảy giới, mười một xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), năm thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp pháp dị thực gồm thâu: mười giới, bốn xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), ba thức nhận biết, tất cả các biến

hành nơi cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc cùng các tùy miên tùy tăng đều do tu đạo đoạn trừ.

Pháp không phải dị thực không phải pháp dị thực gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, cõi Sắc, cõi Vô sắc, tất cả hai bộ nơi cõi Dục, cùng các tùy miên tùy tăng biến hành đều do kiến tập đoạn trừ.

*

Pháp yếu kém gồm thâu: mười giới, bốn xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), ba thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp trung bình gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), sáu thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp vi diệu gồm thâu: ba giới, hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí khổ và tập), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp nhỏ, pháp lớn gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Các pháp vô lượng, vừa ý, không vừa ý, không phải vừa ý không phải không vừa ý gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp vui cùng hành gồm thâu: tám giới, hai xứ, ba uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, tất cả ở cõi Sắc, trừ ở cõi Dục,

nghi duyên nơi vô lậu và tương ưng với vô minh, còn lại là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Dục.

Pháp khổ cùng hành gồm thâu: tám giới, hai xứ, ba uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không khổ không vui cùng hành gồm thâu: tám giới, hai xứ, ba uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp cùng sinh, pháp cùng trụ, pháp cùng diệt gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp không phải cùng sinh, pháp không phải cùng trụ, pháp không phải cùng diệt gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí tha tâm, khổ, tập, đạo), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp tâm cùng sinh gồm thâu: mười một giới, mười một xứ, bốn uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp tâm cùng trụ gồm thâu: một giới, một xứ, bốn uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp tâm cùng diệt gồm thâu: mười giới, mười xứ, bốn uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, năm thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp không phải tâm cùng sinh, pháp không phải tâm cùng trụ, pháp không phải tâm cùng diệt gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, ba uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Giới dục gồm thâu: mười giới, bốn xứ, năm uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), ba thức nhận biết, các thứ tùy miên tùy tăng duyên nơi hữu lậu trong cõi Dục.

Giới giận dữ cũng như vậy.

Giới hại gồm thâu: năm giới, bốn xứ, năm uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), ba thức nhận biết, các biến hành ở cõi Dục và các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

*

Giới xuất ly gồm thâu: mười giới, bốn xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, ba thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Giới không giận, không hại gồm thâu: mười giới, bốn xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, ba thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

*

Dục giới gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Dục.

Sắc giới gồm thâu: mười bốn giới, mười xứ, năm uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), bốn thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Sắc.

Vô sắc giới gồm thâu: ba giới, hai xứ, bốn uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí pháp, tha tâm, diệt, đạo), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Vô sắc.

*

Cõi Dục, cõi Sắc gọi là giới sắc gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng nơi cõi Dục và Sắc.

Bốn xứ vô sắc gọi là giới vô sắc gồm thâu: ba giới, hai xứ, bốn uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí pháp, tha tâm, diệt, đạo), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Vô sắc.

Trạch diệt, phi trạch diệt gọi là giới diệt gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí tha tâm, khổ, tập, đạo), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Lại nữa, tất cả pháp sắc gọi chung là giới sắc gồm thâu: mười một giới, mười một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí tha tâm và diệt), sáu thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Dục và Sắc và các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Trừ trạch diệt, phi trạch diệt, các thứ không phải là pháp sắc còn lại gọi chung là giới vô sắc gồm thâu: tám giới, hai xứ, bốn uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Trạch diệt, phi trạch diệt gọi chung là giới diệt gồm thâu: Như trước đã nói.

*

Dục hữu gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Dục.

Sắc hữu gồm thâu: mười bốn giới, mười xứ, năm uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), bốn thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Sắc.

Vô sắc hữu gồm thâu: ba giới, hai xứ, bốn uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí pháp, tha tâm, diệt, đạo), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Vô sắc.

*

Dục lậu gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Dục.

Hữu lậu gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Sắc và Vô sắc.

Vô minh lậu gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, trừ vô minh duyên nơi vô lậu, còn lại là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Ba lời nói dựa vào sự việc nơi ba đời gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Ở cõi Dục do khổ khổ nên khổ gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Dục.

Ở cõi Sắc do hoại khổ nên khổ gồm thâu: mười bốn giới, mười xứ, năm uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), bốn thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Sắc.

Ở cõi Vô sắc do hành khổ nên khổ gồm thâu: ba giới, hai xứ, bốn uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí pháp, tha tâm, diệt, đạo), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Vô sắc.

*

Lại nữa, các hành không vừa ý do khổ khổ nên khổ, các hành vừa ý do hoại khổ nên khổ, các hành không phải vừa ý không phải không vừa ý do hành khổ nên khổ gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Lại nữa, khổ thọ do khổ khổ nên khổ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Dục.

Lạc thọ do hoại khổ nên khổ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, tất cả các thứ ở cõi Sắc, trừ nghi duyên nơi vô lậu và tương ưng với vô minh ở cõi Dục, còn lại là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Dục.

Thọ không khổ không vui do hành khổ nên khổ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp có tâm có tứ gồm thâu: tám giới, hai xứ, bốn uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng nơi cõi Dục, cõi Sắc.

Pháp không tâm có tứ gồm thâu: ba giới, hai xứ, bốn uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Dục, cõi Sắc.

Pháp không tâm không tứ gồm thâu: mười ba giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng duyên nơi hữu lậu thuộc cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc.

*

Địa có tâm có tứ gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Dục và cõi Sắc.

Địa không tâm chỉ có tứ gồm thâu: ba giới, hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, các biến hành ở cõi Sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Địa không tâm không tứ gồm thâu: mười một giới, mười xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, bốn thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Sắc và Vô sắc.

*

Thân nghiệp gồm thâu: hai giới, hai xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí tha tâm, diệt), hai thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Dục và cõi Sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Ngũ nghiệp cũng như vậy.

Ý nghiệp gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Nghiệp thiện gồm thâu: ba giới, hai xứ, hai uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, ba thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Nghiệp bất thiện gồm thâu: ba giới, ba xứ, hai uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), ba thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Dục.

Nghiệp vô ký gồm thâu: ba giới, ba xứ, hai uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), ba thức nhận biết, tất cả ở cõi Sắc và Vô sắc và hai bộ thuộc cõi Dục cùng tùy miên tùy tăng đều do kiến tập đoạn trừ.

*

Nghiệp học, nghiệp vô học gồm thâu: một giới, một xứ, hai uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí khổ, tập, diệt), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

Nghiệp phi học phi vô học gồm thâu: ba giới, ba xứ, hai uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt, đạo), ba thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Nghiệp do kiến đạo đoạn trừ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt, đạo), một thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi cùng các tùy miên tùy tăng do kiến đạo đoạn trừ.

Nghiệp do tu đạo đoạn trừ gồm thâu: ba giới, ba xứ, hai uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), ba thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Nghiệp không phải đoạn trừ gồm thâu: một giới, một xứ, hai uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí khổ, tập, diệt), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Nghiệp thuận hiện pháp thọ, nghiệp thuận thứ sinh thọ, nghiệp thuận hậu thứ thọ gồm thâu: ba giới, ba xứ, hai uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt, đạo), ba thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

*

Nghiệp thuận lạc thọ gồm thâm: ba giới, ba xứ, hai uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), ba thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Dục, cõi Sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Nghiệp thuận khổ thọ gồm thâm: ba giới, ba xứ, hai uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), ba thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Dục.

Nghiệp thuận thọ không khổ không lạc gồm thâm: một giới, một xứ, hai uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), một thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Sắc và Vô sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

**

** Thân niệm trụ gồm thâm:* mười một giới, mười một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí tha tâm và diệt), sáu thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Dục và Sắc, cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Thọ niệm trụ gồm thâm: một giới, một xứ, một uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Tâm niệm trụ gồm thâm: bảy giới, một xứ, một uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp niệm trụ gồm thâm: một giới, một xứ, hai uẩn, mười trí hiểu rõ, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Lại nữa, thân thọ tâm pháp tăng thượng khởi lên đạo hữu lậu thiện, vô lậu gồm thâm: ba giới, hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Lại nữa, duyên nơi thân, thọ, tâm, pháp khởi lên các tuệ hữu lậu thiện, vô lậu gồm thâm: một giới, một xứ, một uẩn, chín trí hiểu

rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

*

Các pháp bốn chánh đoạn, bốn thân tức đều gồm thâu: ba giới, hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

*

Bốn tĩnh lự gồm thâu: ba giới, hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

*

Thánh đế khổ và tập gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Thánh đế diệt gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí tha tâm, khổ, tập, đạo), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

Thánh đế đạo gồm thâu: ba giới, hai xứ, năm uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí khổ, tập, diệt), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Bốn vô lượng gồm thâu: ba giới, hai xứ, năm uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), một thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

*

Các cõi xứ Không vô biên, xứ Thức vô biên, xứ Vô sở hữu gồm thâu: ba giới, hai xứ, bốn uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, tha tâm, diệt), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Vô sắc.

Xứ Phi tướng phi phi tướng gồm thâu: ba giới, hai xứ, bốn uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí pháp, tha tâm, diệt, đạo), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Vô sắc.

*

Bốn Thánh chủng gồm thâu: ba giới, hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi, cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

*

Bốn quả Sa-môn hữu vi gồm thâu: ba giới, hai xứ, năm uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí khổ, tập, diệt), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

Bốn quả Sa-môn vô vi gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí tha tâm, khổ, diệt, đạo), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp trí gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí loại, khổ, tập, diệt), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

Loại trí gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí pháp, khổ, tập, diệt), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

Tha tâm trí gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Thế tục trí gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, trừ kiến duyên nơi vô lậu, còn lại là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Các trí khô, tập, diệt, đạo gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí khô, tập, diệt), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp vô ngại giải gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Dục, cõi Sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Từ vô ngại giải cũng như vậy.

Nghĩa vô ngại giải gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Biện vô ngại giải cũng như vậy.

*

Nhân duyên gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ đạo trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Đẳng vô gián duyên gồm thâu: tám giới, hai xứ, bốn uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Sở duyên duyên, Tăng thượng duyên gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Ăn bằng từng phần ăn (Đoạn thực) gồm thâu: ba giới, ba xứ, một uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí loại, tha tâm, diệt, đạo), bốn thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Dục cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Ăn bằng xúc (Xúc thực), ăn bằng ý nghĩ (Ý tư thực) gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Ăn bằng thức (Thức thực) gồm thâu: bảy giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Bộc lưu dục gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Dục.

Bộc lưu hữu gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, diệt, đạo) một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Sắc và Vô sắc.

Bộc lưu kiến gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo) một thức nhận biết, các thứ duyên nơi hữu lậu cùng kiến tương ưng với vô minh duyên nơi vô lậu và các tùy miên tùy tăng nơi ba cõi đều do kiến đạo đoạn trừ.

Bộc lưu vô minh gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ diệt và đạo), một thức nhận biết, trừ vô minh duyên nơi vô lậu, các thứ còn lại là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Như bốn bộc lưu, *bốn ách* cũng như vậy.

*

Dục thủ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Dục.

Kiến thủ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ diệt và đạo), một thức nhận biết, các thứ duyên nơi hữu lậu cùng kiến tương ưng với vô minh duyên nơi vô lậu, các tùy miên tùy tăng nơi ba cõi đều do tu đạo đoạn trừ.

Giới cấm thủ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, tất cả các thứ do kiến khổ đoạn trừ, các thứ biến hành do kiến tập đoạn trừ, các thứ tùy miên tùy tăng duyên nơi hữu lậu do kiến đạo đoạn trừ trong cả ba cõi.

Ngã ngữ thủ gồm thâu: một giới, mười một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng nơi cõi Sắc và Vô sắc.

*

Pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải hiện tại gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí tha tâm, khổ, tập, đạo), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp thuộc cõi Dục gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Dục.

Pháp thuộc cõi Sắc gồm thâu: mười bốn giới, mười xứ, năm uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), bốn thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Sắc.

Pháp thuộc cõi Vô sắc gồm thâu: ba giới, hai xứ, bốn uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí pháp, tha tâm, diệt, đạo), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Vô sắc.

Pháp không hệ thuộc gồm thâu: ba giới, hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ khổ và tập), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp thiện làm nhân gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi, cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp bất thiện làm nhân gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Dục.

Pháp vô ký làm nhân gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải thiện, không phải bất thiện, không phải vô ký làm nhân gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí tha tâm, khổ, tập, đạo), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp duyên có đối tượng duyên gồm thâu: ba giới, hai xứ, bốn uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, các tùy miên tùy tăng duyên nơi hữu vi trong ba cõi.

Pháp duyên không có đối tượng duyên gồm sâu: tám giới, hai xứ, bốn uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp duyên có đối tượng duyên, không có đối tượng duyên gồm sâu: ba giới, hai xứ, bốn uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, các tùy miên tùy tăng duyên nơi hữu vi trong ba cõi.

Pháp không phải duyên có đối tượng duyên, không phải duyên không có đối tượng duyên gồm sâu: mười một giới, mười một xứ, hai uẩn, chín trí hiểu rõ trừ tha tâm trí, sáu thức nhận biết, các tùy miên tùy tăng duyên nơi hữu lậu trong ba cõi.

**

* *Sắc uẩn gồm sâu:* mười một giới, mười một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí tha tâm và diệt), sáu thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Dục và cõi Sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Thọ uẩn gồm sâu: một giới, một xứ, một uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Tưởng uẩn, hành uẩn cũng như vậy.

Thức uẩn gồm sâu: bảy giới, một xứ, một uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Sắc thủ uẩn gồm sâu: mười một giới, mười một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí tha tâm, diệt, đạo), sáu thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Dục và cõi Sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Thọ thủ uẩn gồm sâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Trường thủ uẩn, hành thủ uẩn cũng như vậy.

Thức thủ uẩn gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Nẻo Nai-lạc-ca (Địa ngục) gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Dục.

Nẻo bàng sinh, nẻo quý, nẻo người cũng như vậy.

Nẻo trời gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở ba cõi.

*

Bộ phiền não do kiến khổ đoạn trừ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, tất cả các thứ nơi ba cõi do kiến khổ đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành do kiến tập đoạn trừ.

Bộ phiền não do kiến tập đoạn trừ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ trừ hai trí diệt và đạo, một thức nhận biết, tất cả các thứ nơi ba cõi do kiến tập đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành do kiến khổ đoạn trừ.

Bộ phiền não do kiến diệt đoạn trừ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ trừ hai trí diệt và đạo, một thức nhận biết, tất cả các thứ nơi ba cõi do kiến diệt đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành.

Bộ phiền não do kiến đạo đoạn trừ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ trừ hai trí diệt và đạo, một thức nhận biết,

tất cả các thứ nơi ba cõi do kiến đạo đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành.

Bộ phiến nã do tu đạo đoạn trừ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ trừ hai trí diệt và đạo, một thức nhận biết, tất cả các thứ nơi ba cõi do tu đạo đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành.

*

Sắc pháp gồm thâu: mười một giới, mười một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ trừ hai trí tha tâm và diệt, sáu thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Dục và cõi Sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Tâm pháp gồm thâu: bảy giới, một xứ, một uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Tâm sở pháp gồm thâu: một giới, một xứ, ba uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Tâm bất tương ưng hành pháp gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí tha tâm và diệt), một thức nhận biết, các tùy miên tùy tăng duyên nơi hữu lậu trong ba cõi.

Pháp vô vi gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí tha tâm, khổ, tập, đạo), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

**

* *Địa giới gồm thâu:* một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí tha tâm, diệt, đạo), hai thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Dục và cõi Sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Các giới thủy, hỏa, phong, không cũng như vậy.

Thức giới gồm thâu: bảy giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

*

Pháp do kiến khổ đoạn trừ gồm thâu: ba giới, hai xứ, bốn uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, tất cả các thứ nơi ba cõi do kiến khổ đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành do kiến tập đoạn trừ.

Pháp do kiến tập đoạn trừ gồm thâu: ba giới, hai xứ, bốn uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, tất cả các thứ nơi ba cõi do kiến tập đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành do kiến khổ đoạn trừ.

Pháp do kiến diệt đoạn trừ gồm thâu: ba giới, hai xứ, bốn uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, tất cả các thứ nơi ba cõi do kiến diệt đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành.

Pháp do kiến đạo đoạn trừ gồm thâu: ba giới, hai xứ, bốn uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, tất cả các thứ nơi ba cõi do kiến đạo đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành.

Pháp do tu đạo đoạn trừ gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), sáu thức nhận biết, tất cả các thứ nơi ba cõi do tu đạo đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành.

Pháp không đoạn trừ gồm thâu: ba giới, hai xứ, năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí khổ và tập), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

**

* *Tùy miên dục tham, tùy miên sân giận gồm thâu:* một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), một thức nhận biết, các tùy miên tùy tăng duyên nơi hữu lậu ở cõi Dục.

Tùy miên hữu tham gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), một thức nhận biết, các tùy miên tùy tăng duyên nơi hữu lậu ở cõi Sắc và Vô sắc.

Tùy miên mạn gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, các tùy miên tùy tăng duyên nơi hữu lậu ở ba cõi.

Tùy miên vô minh gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, trừ vô minh duyên nơi vô lậu, các thứ còn lại tất cả là tùy miên tùy tăng.

Tùy miên kiến gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, các thứ duyên nơi hữu lậu trong ba cõi do kiến đạo đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng do kiến tương ưng với vô minh duyên nơi vô lậu.

Tùy miên nghi gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, các thứ duyên nơi hữu lậu trong ba cõi do kiến đạo đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng do nghi tương ưng với vô minh duyên nơi vô lậu.

*

Thức trụ thứ nhất gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Dục.

Thức trụ thứ hai gồm thâu: mười bốn giới, mười xứ, năm uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), bốn thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Sắc.

Thức trụ thứ ba, thứ tư gồm thâu: mười một giới, mười xứ, năm uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), bốn thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Sắc.

Thức trụ thứ năm, thứ sáu, thứ bảy gồm sáu: ba giới, hai xứ, bốn uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí pháp, tha tâm, diệt, đạo), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Vô sắc.

*

Bảy giác chi: Nếu là riêng gồm sáu: một giới, một xứ, một uẩn. *Nếu là chung gồm sáu:* một giới, một xứ, hai uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí khổ, tập, diệt), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

HẾT - QUYỂN 9

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHẨM LOẠI TỨC

QUYỂN 10

Phẩm 6: BIỆN VỀ THẬU GIỮ, phần 6

* *Giải thoát thứ nhất, thứ hai, thứ ba gồm thâu:* ba giới, hai xứ, năm uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), một thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Giải thoát thứ tư, thứ năm, thứ sáu gồm thâu: ba giới, hai xứ, bốn uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, tha tâm, diệt), một thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Vô sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Giải thoát thứ bảy gồm thâu: ba giới, hai xứ, bốn uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí pháp, tha tâm, diệt, đạo), một thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Vô sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Giải thoát tướng thọ diệt gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí pháp, tha tâm, diệt, đạo), một thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Vô sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

*

Tám thắng xứ gồm thâu: ba giới, ba xứ, năm uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), một thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

*

Tám chi Thánh đạo: Trong đó *chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng gồm thâu:* một giới, một xứ, một uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí tha tâm, khổ, tập, diệt), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

Năm chi Thánh đạo còn lại gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí khổ, tập, diệt), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

**

* *Các kiết ái và kiết mạn gồm thâu:* một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, các tùy miên tùy tăng duyên nơi hữu lậu của cả ba cõi.

Kiết giận gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), một thức nhận biết, các tùy miên tùy tăng duyên nơi hữu lậu ở cõi Dục.

Kiết vô minh gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, trừ vô minh duyên nơi vô lậu, còn lại là tất cả tùy miên tùy tăng.

Kiết kiến gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, các thứ duyên nơi hữu lậu trong ba cõi do kiến đạo đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng do kiến tương ưng với vô minh duyên nơi vô lậu.

Kiết thủ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, các tùy miên tùy tăng duyên nơi hữu lậu ở ba cõi do kiến đạo đoạn trừ.

Kiệt nghi gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, các thứ duyên nơi hữu lậu trong ba cõi do kiến đạo đoạn trừ, cùng các tùy miên tùy tăng do nghi tương ưng vô minh duyên nơi vô lậu.

Kiệt ganh ty, kiệt keo kiệt gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), một thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Dục, cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

*

Chỗ ở thứ nhất của hữu tình gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), sáu thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Dục.

Chỗ ở thứ hai của hữu tình gồm thâu: mười bốn giới, mười xứ, năm uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), bốn thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Sắc.

Chỗ ở thứ ba, thứ tư, thứ năm của hữu tình gồm thâu: mười một giới, mười xứ, năm uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), bốn thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Sắc.

Chỗ ở thứ sáu, thứ bảy, thứ tám, thứ chín của hữu tình gồm thâu: ba giới, hai xứ, bốn uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí pháp, tha tâm, diệt, đạo), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Vô sắc.

**

** Tám biến xứ trước gồm thâu:* ba giới, hai xứ, năm uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), một thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Hai biến xứ sau gồm thâu: ba giới, hai xứ, bốn uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí pháp, tha tâm, diệt, đạo), một thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Vô sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

*

Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí tha tâm, khổ, tập, diệt), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

Bảy pháp vô học còn lại gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí khổ, tập, diệt), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

**

* *Sắc hữu lậu gồm thâu:* mười một giới, mười một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí tha tâm, diệt, đạo), sáu thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Dục, cõi Sắc, cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Các thứ thọ, tưởng, hành hữu lậu gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Thức hữu lậu gồm thâu: bảy giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Sắc vô lậu gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí tha tâm, khổ, tập, diệt), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

Các thứ thọ, tưởng, hành vô lậu gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí khổ, tập, diệt), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

Thức vô lậu gồm thâu: hai giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí khổ, tập, diệt), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

Pháp vô vi gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí tha tâm, khổ, tập, đạo), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

**

* **Nhãn xứ gồm thâm:** một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí tha tâm, diệt, đạo), một thức nhận biết, các biến hành nơi hai cõi Dục và Sắc, cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Như nhãn xứ, thì *nhĩ xứ, tử xứ, thiết xứ, thân xứ* cũng như vậy.

Sắc xứ gồm thâm: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí: tha tâm, diệt, đạo), hai thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Dục và Sắc, cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Như sắc xứ, thì *thanh xứ, xúc xứ* cũng như vậy.

Hương xứ, vị xứ gồm thâm: một giới, một xứ, một uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí loại, tha tâm, diệt, đạo), hai thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Dục, cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Ý xứ gồm thâm: bảy giới, một xứ, một uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp xứ gồm thâm: một giới, một xứ, bốn uẩn, mười trí hiểu rõ, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

**

* **Nhãn giới gồm thâm:** một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí tha tâm, diệt, đạo), một thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Dục và Sắc, cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Như nhãn giới, thì *nhĩ giới, tử giới, thiết giới, thân giới* cũng như vậy.

Sắc giới gồm thâm: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí tha tâm, diệt, đạo), hai thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Dục và Sắc, cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Như sắc giới, thì *thanh giới, xúc giới* cũng như vậy.

Hương giới, vị giới gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí loại, tha tâm, diệt, đạo), hai thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Dục cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Ý giới gồm thâu: bảy giới, một xứ, một uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp giới gồm thâu: một giới, một xứ, bốn uẩn, mười trí hiểu rõ, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Nhãn thức giới gồm thâu: hai giới, một xứ, một uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ hai trí diệt và đạo), một thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Dục và Sắc, cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Nhĩ thức giới, thân thức giới cũng như vậy.

Tỷ thức giới, thiệt thức giới gồm thâu: hai giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), một thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Dục cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Ý thức giới gồm thâu: hai giới, một xứ, hai uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

**

* *Nhãn căn gồm thâu:* một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí tha tâm, diệt, đạo), một thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Dục và Sắc, cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Như nhãn căn, thì *nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn* cũng như vậy.

Nữ căn, nam căn gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ bốn trí loại, tha tâm, diệt, đạo), một thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Dục, cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Mạng căn gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí tha tâm, diệt, đạo), một thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Ý căn gồm thâu: bảy giới, một xứ, một uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Lạc căn gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, tất cả biến hành nơi cõi Dục và cõi Sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Khổ căn gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), một thức nhận biết, các biến hành nơi cõi Dục, cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Hỷ căn gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, tất cả ở cõi Sắc, trừ nghi duyên nơi vô lậu tương ưng với vô minh thuộc cõi Dục, còn lại là tất cả tùy miên tùy tăng.

Ưu căn gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Dục.

Xả căn gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Tín căn gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, chín trí hiểu rõ trừ diệt trí, một thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Các căn tinh tấn, niệm, định, tuệ cũng như vậy.

Vị tri đương tri căn gồm thâu: ba giới, hai xứ, hai uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí khổ, tập, diệt), một thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

Dĩ tri căn, cụ tri căn cũng như vậy.

* *Tùy miên hữu thân kiến thuộc cõi Dục gồm thâu:* một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí: loại, diệt, đạo), một thức nhận biết, tất cả do kiến khổ đoạn trừ ở cõi Dục và các biến hành tùy miên tùy tăng do kiến tập đoạn trừ.

Tùy miên biên chấp kiến thuộc cõi Dục cùng tám tùy miên còn lại do kiến khổ đoạn trừ cũng như vậy.

Tùy miên tà kiến thuộc cõi Dục do kiến tập đoạn trừ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), một thức nhận biết, tất cả các thứ ở cõi Dục do kiến tập đoạn trừ, cùng các thứ biến hành tùy miên tùy tăng do kiến khổ đoạn trừ.

Sáu thứ tùy miên còn lại thuộc cõi Dục do kiến tập đoạn trừ cũng như vậy.

Tùy miên tà kiến thuộc cõi Dục do kiến diệt đoạn trừ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), một thức nhận biết, các thứ duyên nơi hữu lậu ở cõi Dục do kiến diệt đoạn trừ cùng tà kiến tương ưng với vô minh và các biến hành tùy miên tùy tăng.

Tùy miên kiến thủ thuộc cõi Dục do kiến diệt đoạn trừ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), một thức nhận biết, các thứ duyên nơi hữu lậu ở cõi Dục do kiến diệt đoạn trừ cùng các biến hành tùy miên tùy tăng.

Các tùy miên tham, sân, mạn thuộc cõi Dục do kiến diệt đoạn trừ cũng như vậy.

Tùy miên nghi thuộc cõi Dục do kiến diệt đoạn trừ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), một thức nhận biết, các thứ duyên nơi hữu lậu ở cõi Dục do kiến diệt đoạn trừ cùng nghi tương ưng với vô minh và các biến hành tùy miên tùy tăng.

Tùy miên vô minh thuộc cõi Dục do kiến diệt đoạn trừ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), một thức nhận biết, trừ vô minh duyên nơi vô lậu ở cõi Dục do kiến diệt đoạn trừ, còn lại tất cả là nơi cõi Dục do kiến diệt đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành.

Tùy miên tà kiến thuộc cõi Dục do kiến đạo đoạn trừ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), một thức nhận biết, các thứ duyên nơi hữu lậu ở cõi Dục do kiến đạo đoạn trừ cùng tà kiến tương ưng với vô minh và các tùy miên tùy tăng biến hành.

Tùy miên kiến thủ thuộc cõi Dục do kiến đạo đoạn trừ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), một thức nhận biết, các thứ duyên nơi hữu lậu ở cõi Dục do kiến đạo đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành.

Các tùy miên giới cảm thủ, tham, sân, mạn thuộc cõi Dục do kiến đạo đoạn trừ cũng như vậy.

Tùy miên nghi thuộc cõi Dục do kiến đạo đoạn trừ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), một thức nhận biết, các thứ duyên nơi hữu lậu ở cõi Dục do kiến đạo đoạn trừ cùng nghi tương ưng với vô minh và các tùy miên tùy tăng biến hành.

Tùy miên vô minh thuộc cõi Dục do kiến đạo đoạn trừ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), một thức nhận biết, trừ vô minh duyên nơi vô lậu ở cõi Dục do kiến đạo đoạn trừ, tất cả các thứ còn lại ở cõi Dục đều do kiến đạo đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành.

Tùy miên tham thuộc cõi Dục do tu đạo đoạn trừ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí loại, diệt, đạo), một

thức nhận biết, tất cả các thứ ở cõi Dục do tu đạo đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành.

Các tùy miên sân, mạn, vô minh thuộc cõi Dục do tu đạo đoạn trừ cũng như vậy.

*

Tùy miên hữu thân kiến thuộc cõi Sắc gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), một thức nhận biết, tất cả các thứ ở cõi Sắc do kiến khổ đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành do kiến tập đoạn trừ.

Các tùy miên biên chấp kiến thuộc cõi Sắc và bảy tùy miên khác do kiến khổ đoạn trừ cũng như vậy.

Tùy miên tà kiến thuộc cõi Sắc do kiến tập đoạn trừ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), một thức nhận biết, tất cả các thứ ở cõi Sắc do kiến tập đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành do kiến khổ đoạn trừ.

Năm tùy miên còn lại thuộc cõi Sắc do kiến tập đoạn trừ cũng như vậy.

Tùy miên tà kiến thuộc cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), một thức nhận biết, các thứ duyên nơi hữu lậu ở cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ và tà kiến tương ưng với vô minh cùng các tùy miên tùy tăng biến hành.

Tùy miên kiến thủ thuộc cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), một thức nhận biết, các thứ duyên nơi hữu lậu ở cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành.

Các tùy miên tham, mạn thuộc cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ cũng như vậy.

Tùy miên nghi thuộc cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), một thức nhận biết, các thứ duyên nơi hữu lậu ở cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ và nghi tương ưng với vô minh cùng các tùy miên tùy tăng biến hành.

Tùy miên vô minh thuộc cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), một thức nhận biết, trừ vô minh duyên nơi vô lậu ở cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ, còn lại là tất cả các thứ ở cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành.

Tùy miên tà kiến thuộc cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), một thức nhận biết, các thứ duyên nơi hữu lậu ở cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ và tà kiến tương ưng với vô minh cùng các tùy miên tùy tăng biến hành.

Tùy miên kiến thủ thuộc cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), một thức nhận biết, các thứ duyên nơi hữu lậu ở cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành.

Các tùy miên giới cảm thủ, tham, mạn thuộc cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ cũng như vậy.

Tùy miên nghi thuộc cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), một thức nhận biết, các thứ duyên nơi hữu lậu ở cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ và nghi tương ưng với vô minh cùng các tùy miên tùy tăng biến hành.

Tùy miên vô minh thuộc cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), một thức nhận biết, trừ vô minh duyên nơi vô lậu ở cõi Sắc do

kiến đạo đoạn trừ, các thứ còn lại ở cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ hết thảy cùng các tùy miên tùy tăng biến hành.

Tùy miên tham thuộc cõi Sắc do tu đạo đoạn trừ gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí hiểu rõ (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), một thức nhận biết, hết thảy ở cõi Sắc do tu đạo đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành.

Các tùy miên mạn, vô minh thuộc cõi Sắc do tu đạo đoạn trừ cũng như vậy.

*

Như ba mươi một thứ tùy miên thuộc cõi Sắc, *ba mươi một thứ tùy miên thuộc cõi Vô sắc*, nên biết cũng như vậy. Chỉ có sai biệt: ở cõi Sắc có bảy trí hiểu rõ, ở cõi Vô sắc có sáu trí hiểu rõ, tức trừ bốn trí hiểu rõ: pháp, tha tâm, diệt, đạo.

Phẩm 7: BIỆN VỀ NGÀN CÂU HỎI, phần 1

Tụng tổng quát nêu:

*Học xứ, Tịnh, Quả, Hành, Thánh chủng
Chánh đoạn, Thân tức, Niệm trụ, Đế
Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc, Định
Giác phần, Căn, Xứ, Uẩn, Giới, Kinh.*

*

A. Gồm có:

1. **Học xứ:** Là năm học xứ của người Cận sự (Cư sĩ).
2. **Tịnh:** Là bốn chứng tịnh.
3. **Quả:** Là bốn quả Sa-môn.

4. **Hành:** Là bốn thông hành.
5. **Thánh chủng:** Là bốn Thánh chủng.
6. **Chánh đoạn:** Là bốn chánh đoạn.
7. **Thần túc:** Là bốn thần túc.
8. **Niệm trụ:** Là bốn niệm trụ.
9. **Đế:** Là bốn Thánh đế.

*

B. Gồm có:

1. **Tĩnh lự:** Là bốn tĩnh lự.
2. **Vô lượng:** Là bốn vô lượng.
3. **Vô sắc:** Là bốn vô sắc.
4. **Định:** Là bốn tu định.
5. **Giác phần:** Là bảy giác chi.
6. **Căn:** Là hai mươi hai căn.
7. **Xứ:** Là mười hai xứ.
8. **Uẩn:** Là năm uẩn.
9. **Giới:** Là mười tám giới.

*

C. Kinh: Là trong bài tụng: Trước có chín thứ, sau có chín thứ, đều gồm chung nhất hợp, có hai mươi kinh, dựa vào mỗi mỗi kinh đặt thành năm mươi câu hỏi.

Lại dựa vào kinh năm Học xứ của hàng Cận sự đặt ra năm mươi câu hỏi như:

*** Đối với năm Học xứ:**

Bao nhiêu thứ là có sắc, bao nhiêu thứ là không sắc?

Bao nhiêu thứ là có thấy, bao nhiêu thứ là không thấy?

Bao nhiêu thứ là có đối, bao nhiêu thứ là không đối?

Bao nhiêu thứ là hữu lậu, bao nhiêu thứ là vô lậu?

Bao nhiêu thứ là hữu vi, bao nhiêu thứ là vô vi?

Bao nhiêu thứ có dị thực, bao nhiêu thứ không dị thực?

Bao nhiêu thứ là duyên sinh, là nhân sinh, là thuộc về thế gian, bao nhiêu thứ không phải là duyên sinh, không phải là nhân sinh, không thuộc về thế gian?

Bao nhiêu thứ thuộc về sắc, bao nhiêu thứ thuộc về danh?

Bao nhiêu thứ thuộc về nội xứ, bao nhiêu thứ thuộc về ngoại xứ?

Bao nhiêu thứ là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp? Bao nhiêu thứ là không phải trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp?

*

*** Đối với năm Học xứ:**

Bao nhiêu thứ đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp, bao nhiêu thứ không đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp?

Bao nhiêu thứ nên đoạn trừ, bao nhiêu thứ không nên đoạn trừ?

Bao nhiêu thứ nên tu, bao nhiêu thứ không nên tu?

Bao nhiêu thứ là nhiễm ô, bao nhiêu thứ là không nhiễm ô?

Bao nhiêu thứ là quả không phải là có quả, bao nhiêu thứ là có quả không phải là quả? Bao nhiêu thứ là quả cũng là có quả, bao nhiêu thứ không phải là quả cũng không phải là có quả?

Bao nhiêu thứ có chấp thọ, bao nhiêu thứ không chấp thọ?

Bao nhiêu thứ do các đại chủng tạo nên, bao nhiêu thứ không do các đại chủng tạo nên?

Bao nhiêu thứ là hữu thượng, bao nhiêu thứ là vô thượng?

Bao nhiêu thứ là hữu, bao nhiêu thứ là không phải hữu?

Bao nhiêu thứ là nhân tương ưng, bao nhiêu thứ là nhân không tương ưng?

*

*** Đối với năm Học xứ:**

Có sáu xứ thiện thân giữ là năm uẩn thiện và trạch diệt: Là sáu xứ thiện gồm thân năm Học xứ hay là năm Học xứ gồm thân sáu xứ thiện?

Có năm xứ bất thiện thân giữ là năm uẩn bất thiện: Là năm xứ bất thiện gồm thân năm Học xứ hay là năm Học xứ gồm thân năm xứ bất thiện?

Có bảy xứ vô ký thân giữ là năm uẩn vô ký và hư không, phi trạch diệt: Là bảy xứ vô ký gồm thân năm Học xứ hay là năm Học xứ gồm thân bảy xứ vô ký?

Có ba xứ lậu thân giữ là lậu dục, lậu hữu, lậu vô minh: Là ba xứ lậu gồm thân năm Học xứ hay là năm Học xứ gồm thân ba xứ lậu?

Có năm xứ hữu lậu thân giữ là năm uẩn hữu lậu: Là năm xứ hữu lậu gồm thân năm Học xứ hay là năm Học xứ gồm thân năm xứ hữu lậu?

Có tám xứ vô lậu thân giữ là năm uẩn vô lậu và ba vô vi: Là tám xứ vô lậu gồm thân năm Học xứ hay là năm Học xứ gồm thân tám xứ vô lậu?

Năm Học xứ này: Bao nhiêu thứ thuộc quá khứ, bao nhiêu thứ thuộc vị lai, bao nhiêu thứ thuộc hiện tại? Bao nhiêu thứ không thuộc

quá khứ, bao nhiêu thứ không thuộc vị lai, bao nhiêu thứ không thuộc hiện tại?

Bao nhiêu thứ là thiện, bao nhiêu thứ là bất thiện, bao nhiêu thứ là vô ký?

Bao nhiêu thứ thuộc cõi Dục, bao nhiêu thứ thuộc cõi Sắc, bao nhiêu thứ thuộc cõi Vô sắc, bao nhiêu thứ không hệ thuộc?

Bao nhiêu thứ là học, bao nhiêu thứ là vô học, bao nhiêu thứ là phi học phi vô học?

*

*** Đối với năm Học xứ:**

Bao nhiêu thứ do kiến đạo đoạn trừ, bao nhiêu thứ do tu đạo đoạn trừ, bao nhiêu thứ không đoạn trừ?

Bao nhiêu thứ là không phải tâm, không phải tâm sở, không phải tâm tương ưng? Bao nhiêu thứ là tâm sở cùng tâm tương ưng? Bao nhiêu thứ chỉ là tâm?

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ? Bao nhiêu thứ là tương ưng với thọ không phải là tùy tâm chuyển? Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với thọ? Bao nhiêu thứ không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với thọ?

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tưởng, hành? Bao nhiêu thứ là tương ưng với tưởng, hành không phải là tùy tâm chuyển? Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với tưởng, hành? Bao nhiêu thứ không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với tưởng, hành?

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ? Bao nhiêu thứ là tương ưng với tứ không phải là tùy tâm chuyển? Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với tứ? Bao nhiêu thứ không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với tứ?

Bao nhiêu thứ là kiến không phải là xứ kiến? Bao nhiêu thứ là xứ kiến không phải là kiến? Bao nhiêu thứ là kiến cũng là xứ kiến? Bao nhiêu thứ không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến?

Bao nhiêu thứ là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến? Bao nhiêu thứ là nhân của hữu thân kiến không phải là hữu thân kiến làm nhân? Bao nhiêu thứ là hữu thân kiến làm nhân cũng là nhân của hữu thân kiến? Bao nhiêu thứ không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến?

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp? Bao nhiêu thứ là dị thực của nghiệp không phải là nghiệp? Bao nhiêu thứ là nghiệp cũng là dị thực của nghiệp? Bao nhiêu thứ không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp?

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyên? Bao nhiêu thứ là tùy nghiệp chuyên không phải là nghiệp? Bao nhiêu thứ là nghiệp cũng là tùy nghiệp chuyên? Bao nhiêu thứ không phải là nghiệp cũng không phải là tùy nghiệp chuyên?

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có thấy? Bao nhiêu thứ là sắc có thấy không phải là sắc được tạo? Bao nhiêu thứ là sắc được tạo cũng là sắc có thấy? Bao nhiêu thứ không phải là sắc được tạo cũng không phải là sắc có thấy?

*

*** Đối với năm Học xứ:**

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có đối? Bao nhiêu thứ là sắc có đối không phải là sắc được tạo? Bao nhiêu thứ là sắc được tạo cũng là sắc có đối? Bao nhiêu thứ không phải là sắc được tạo cũng không phải là sắc có đối?

Bao nhiêu thứ vì khó thấy nên là thâm diệu? Bao nhiêu thứ vì thâm diệu nên là khó thấy?

Bao nhiêu thứ là thiện không phải do thiện làm nhân? Bao nhiêu thứ do thiện làm nhân không phải là thiện? Bao nhiêu thứ là thiện cũng do thiện làm nhân? Bao nhiêu thứ không phải là thiện cũng không phải do thiện làm nhân?

Bao nhiêu thứ là bất thiện không phải do bất thiện làm nhân? Bao nhiêu thứ do bất thiện làm nhân không phải là bất thiện? Bao nhiêu thứ là bất thiện cũng do bất thiện làm nhân? Bao nhiêu thứ không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân?

Bao nhiêu thứ là vô ký không phải do vô ký làm nhân? Bao nhiêu thứ do vô ký làm nhân không phải là vô ký? Bao nhiêu thứ là vô ký cũng do vô ký làm nhân? Bao nhiêu thứ không phải là vô ký cũng không phải do vô ký làm nhân?

Bao nhiêu thứ là nhân duyên không có nhân? Bao nhiêu thứ là có nhân không phải là nhân duyên? Bao nhiêu thứ là nhân duyên cũng là có nhân? Bao nhiêu thứ không phải là nhân duyên cũng không có nhân?

Bao nhiêu thứ là đấng vô gián không phải là đấng vô gián duyên? Bao nhiêu thứ là đấng vô gián duyên không phải là đấng vô gián? Bao nhiêu thứ là đấng vô gián cũng là đấng vô gián duyên? Bao nhiêu thứ không phải là đấng vô gián cũng không phải là đấng vô gián duyên?

Bao nhiêu thứ là sở duyên duyên không có sở duyên? Bao nhiêu thứ là có sở duyên không phải là sở duyên duyên? Bao nhiêu thứ là sở duyên duyên cũng có sở duyên? Bao nhiêu thứ không phải là sở duyên duyên cũng không có sở duyên?

Bao nhiêu thứ là tăng thượng duyên không có tăng thượng? Bao nhiêu thứ là có tăng thượng không phải là tăng thượng duyên? Bao nhiêu thứ là tăng thượng duyên cũng có tăng thượng? Bao nhiêu thứ không phải là tăng thượng duyên cũng không có tăng thượng?

Bao nhiêu thứ là bặc lưu không phải là thuận bặc lưu? Bao nhiêu thứ là thuận bặc lưu không phải là bặc lưu? Bao nhiêu thứ là bặc lưu cũng là thuận bặc lưu? Bao nhiêu thứ không phải là bặc lưu cũng không phải là thuận bặc lưu?

Như dựa vào Học xứ nêu ra năm mươi câu hỏi, dựa vào mười chín thứ còn lại (của hai mươi kinh) để nêu ra các câu hỏi cũng như vậy. (Học xứ: Tức là Giới: Theo cách dịch của Pháp sư Huyền Tráng)

**

1. Năm Học xứ: a. Trọn đời luôn lià bỏ việc đoạn dứt sinh mạng. b. Trọn đời luôn lià bỏ việc không cho mà lấy. c. Trọn đời luôn lià hành tà dục. d. Trọn đời luôn lià bỏ nói lời hư dối. đ. Trọn đời luôn lià bỏ việc uống các thứ rượu. Năm thứ này gọi là Học xứ của hàng Cận sự (Cư sĩ).

*

*** Năm Học xứ này:**

Bao nhiêu thứ là có sắc v.v...? Tất cả là có sắc.

Bao nhiêu thứ là có thấy v.v...? Một thứ là không thấy, bốn thứ nên phân biệt: Tức hoặc hữu biểu là có thấy, hoặc vô biểu là không thấy.

Bao nhiêu thứ là có đối v.v...? Tất cả nên phân biệt: Hoặc hữu biểu là có đối, hoặc vô biểu là không đối.

Bao nhiêu thứ là hữu lậu v.v...? Tất cả là hữu lậu.

Bao nhiêu thứ là hữu vi v.v...? Tất cả là hữu vi.

Bao nhiêu thứ có dị thực v.v...? Tất cả đều có dị thực.

Bao nhiêu thứ là duyên sinh v.v...? Tất cả là duyên sinh, là nhân sinh, là thuộc về thế gian.

Bao nhiêu thứ thuộc về sắc v.v...? Tất cả đều thuộc về sắc.

Bao nhiêu thứ thuộc về nội xứ v.v...? Tất cả đều thuộc về ngoại xứ.

Bao nhiêu thứ là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Tất cả là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

*

*** Năm Học xứ này:**

Bao nhiêu thứ đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Tất cả là đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

Bao nhiêu thứ nên đoạn trừ v.v...? Tất cả nên đoạn trừ.

Bao nhiêu thứ nên tu v.v...? Tất cả là nên tu.

Bao nhiêu thứ là nhiễm ô v.v...? Tất cả là không nhiễm ô.

Bao nhiêu thứ là quả không phải là có quả v.v...? Tất cả là quả cũng là có quả.

Bao nhiêu thứ có chấp thọ v.v...? Tất cả là không chấp thọ.

Bao nhiêu thứ do các đại chủng tạo nên v.v...? Tất cả là do các đại chủng tạo nên.

Bao nhiêu thứ là hữu thượng v.v...? Tất cả là hữu thượng.

Bao nhiêu thứ là hữu v.v...? Tất cả là hữu.

Bao nhiêu thứ là nhân tương ưng v.v...? Tất cả là nhân không tương ưng.

*

*** Năm Học xứ này:**

Cùng sáu xứ thiện gồm nhau: Phần ít của một xứ thiện gồm sáu năm Học xứ và năm Học xứ cũng gồm sáu phần ít của một xứ thiện.

Cùng năm xứ bất thiện gồm nhau: Là chúng không cùng gồm sáu.

Cùng bảy xứ vô ký gồm nhau: Là chúng không cùng gồm sáu.

Cùng ba xứ lậu gồm nhau: Là chúng không cùng gồm sáu.

Cùng năm xứ hữu lậu gồm nhau: Là phần ít của một xứ hữu lậu gồm sáu năm Học xứ và năm Học xứ cùng gồm sáu phần ít của một xứ hữu lậu.

Cùng tám xứ vô lậu gồm nhau: Là chúng không cùng gồm sáu.

Bao nhiêu thứ thuộc quá khứ v.v...? Tất cả đều thuộc hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai.

Bao nhiêu thứ là thiện v.v...? Tất cả đều là thiện.

Bao nhiêu thứ thuộc cõi Dục v.v...? Tất cả đều thuộc cõi Dục.

Bao nhiêu thứ là học v.v...? Tất cả là phi học phi vô học.

*

*** Năm Học xứ này:**

Bao nhiêu thứ do kiến đạo đoạn trừ v.v...? Tất cả là do tu đạo đoạn trừ.

Bao nhiêu thứ là không phải tâm v.v...? Tất cả là không phải tâm, không phải tâm sở, không phải tâm tương ưng.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ v.v...?
Tất cả không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với thọ.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tưởng, hành v.v...? Tất cả không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với tưởng, hành.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ v.v...?
Tất cả không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với tứ.

Bao nhiêu thứ là kiến không phải là xứ kiến v.v...? Tất cả là xứ kiến không phải là kiến.

Bao nhiêu thứ là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến v.v...? Tất cả không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp v.v...?
Tất cả là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển v.v...?
Tất cả là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển.

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có thấy v.v...?
Một thứ là sắc được tạo không phải là sắc có thấy, bốn thứ nên phân biệt: Tức hoặc hữu biểu là sắc được tạo cũng là sắc có thấy, nếu là vô biểu là sắc được tạo không phải là sắc có thấy.

*

*** Năm Học xứ này:**

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có đối v.v...?
Tất cả nên phân biệt: Tức hoặc hữu biểu là sắc tạo ra cũng là sắc có đối, nếu là vô biểu là sắc tạo ra không phải là sắc có đối.

Bao nhiêu thứ vì khó thấy nên là thâm diệu v.v...? Tất cả vì khó thấy nên là thâm diệu, vì thâm diệu nên là khó thấy.

Bao nhiêu thứ là thiện không phải do thiện làm nhân v.v...? Tất cả là thiện cũng do thiện làm nhân.

Bao nhiêu thứ là bất thiện không phải do bất thiện làm nhân v.v...? Tất cả không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân.

Bao nhiêu thứ là vô ký không phải do vô ký làm nhân v.v...? Tất cả không phải là vô ký cũng không phải do vô ký làm nhân.

Bao nhiêu thứ là nhân duyên không có nhân v.v...? Tất cả là nhân duyên cũng là có nhân.

Bao nhiêu thứ là đấng vô gián không phải là đấng vô gián duyên v.v...? Tất cả không phải là đấng vô gián cũng không phải là đấng vô gián duyên.

Bao nhiêu thứ là sở duyên duyên không có sở duyên v.v...? Tất cả là sở duyên duyên không có sở duyên.

Bao nhiêu thứ là tăng thượng duyên không có tăng thượng v.v...? Tất cả là tăng thượng duyên cũng có tăng thượng.

Bao nhiêu thứ là bực lưu không phải là thuận bực lưu v.v...? Tất cả là thuận bực lưu không phải là bực lưu.

**

2. Bốn Chứng tịnh: a. Phật chứng tịnh. b. Pháp chứng tịnh. c. Tăng chứng tịnh. d. Giới được bậc Thánh yêu mến chứng tịnh.

*

*** Bốn Chứng tịnh này:**

Bao nhiêu thứ là có sắc v.v...? Một thứ là có sắc, ba thứ là không sắc.

Bao nhiêu thứ là có thấy v.v...? Tất cả là không thấy.

Bao nhiêu thứ là có đối v.v...? Tất cả là không đối.

Bao nhiêu thứ là hữu lậu v.v...? Tất cả là vô lậu.

Bao nhiêu thứ là hữu vi v.v...? Tất cả là hữu vi.

Bao nhiêu thứ có dị thực v.v...? Tất cả đều không có dị thực.

Bao nhiêu thứ là duyên sinh v.v...? Tất cả là duyên sinh, là nhân sinh, là thuộc về thế gian.

Bao nhiêu thứ thuộc về sắc v.v...? Một thứ là thuộc về sắc, ba thứ là thuộc về danh.

Bao nhiêu thứ thuộc về nội xứ v.v...? Tất cả đều thuộc về ngoại xứ.

Bao nhiêu thứ là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Tất cả là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

*

*** Bốn Chứng tịnh này:**

Bao nhiêu thứ đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Tất cả là không đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

Bao nhiêu thứ nên đoạn trừ v.v...? Tất cả đều không nên đoạn trừ.

Bao nhiêu thứ nên tu v.v...? Tất cả đều nên tu.

Bao nhiêu thứ là nhiễm ô v.v...? Tất cả là không nhiễm ô.

Bao nhiêu thứ là quả không phải là có quả v.v...? Tất cả là quả cũng là có quả.

Bao nhiêu thứ có chấp thọ v.v...? Tất cả là không chấp thọ.

Bao nhiêu thứ do các đại chủng tạo nên v.v...? Một thứ là do các đại chủng tạo nên, ba thứ là không do các đại chủng tạo nên.

Bao nhiêu thứ là hữu thượng v.v...? Tất cả là hữu thượng.

Bao nhiêu thứ là hữu v.v...? Tất cả là không phải hữu.

Bao nhiêu thứ là nhân tương ưng v.v...? Một thứ là nhân không tương ưng, ba thứ là nhân tương ưng.

*

*** Bốn Chứng tịnh này:**

Cùng sáu xứ thiện gồm nhau: Là phần ít của hai xứ thiện gồm sáu bốn Chứng tịnh và bốn Chứng tịnh cũng gồm sáu phần ít của hai xứ thiện.

Cùng năm xứ bất thiện gồm nhau: Là chúng không cùng gồm sáu.

Cùng bảy xứ vô ký gồm nhau: Là chúng không cùng gồm sáu.

Cùng ba xứ lậu gồm nhau: Là chúng không cùng gồm sáu.

Cùng năm xứ hữu lậu gồm nhau: Là chúng không cùng gồm sáu.

Cùng tám xứ vô lậu gồm nhau: Một xứ vô lậu hoàn toàn cùng phần ít của một xứ vô lậu gồm sáu bốn Chứng tịnh và bốn Chứng tịnh cũng gồm sáu một xứ vô lậu hoàn toàn cùng phần ít của một xứ vô lậu.

Bao nhiêu thứ thuộc quá khứ v.v...? Tất cả đều thuộc về hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai.

Bao nhiêu thứ là thiện v.v...? Tất cả đều là thiện.

Bao nhiêu thứ thuộc cõi Dục v.v...? Tất cả đều không hệ thuộc.

Bao nhiêu thứ là học v.v...? Tất cả nên phân biệt: Phật chứng tịnh hoặc là học, hoặc là vô học. Thế nào là học? Là tác ý học tương ưng với Phật chứng tịnh. Thế nào là vô học? Là tác ý vô học tương ưng với Phật chứng tịnh.

Như Phật chứng tịnh, Pháp chứng tịnh và Tăng chứng tịnh cũng như vậy.

Giới được bậc Thánh yêu mến chứng tịnh hoặc là học, hoặc là vô học. Thế nào là học? Là các nghiệp thân, ngữ hữu học. Thế nào là vô học? Là các nghiệp thân, ngữ vô học.

*

*** Bốn Chứng tịnh này:**

Bao nhiêu thứ do kiến đạo đoạn trừ v.v...? Tất cả là không đoạn.

Bao nhiêu thứ là không phải tâm v.v...? Một thứ là không phải tâm, không phải tâm pháp, không phải tâm tương ưng. Ba thứ là tâm sở cùng tâm tương ưng.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ v.v...? Một thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ, ba thứ là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với thọ.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tưởng, hành v.v...? Một thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tưởng, hành. Ba thứ là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với tưởng. Một thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với hành. Ba thứ là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với hành, trừ tự tánh của nó.

Bao nhiêu thứ là tùy tầm chuyển không tương ưng với tứ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Phật chứng tịnh hoặc là có tầm có tứ, hoặc là không tầm chỉ có tứ, hoặc là không tầm không tứ. Thế nào là có tầm

có tứ? Là tác ý có tâm có tứ tương ưng với Phật chứng tịnh. Thế nào là không tâm chỉ có tứ? Là tác ý không tâm chỉ có tứ tương ưng với Phật chứng tịnh. Thế nào là không tâm không tứ? Là tác ý không tâm không tứ tương ưng với Phật chứng tịnh.

Như Phật chứng tịnh, Pháp chứng tịnh và Tăng chứng tịnh cũng như vậy.

Giới được bậc Thánh yêu mến chứng tịnh hoặc là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ, hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với tứ. Thế nào là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ? Là tùy tâm chuyển từ nghiệp thân, ngữ vô lậu. Thế nào là không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với tứ? Là không có việc tùy tâm chuyển nơi nghiệp thân, ngữ vô lậu.

Bao nhiêu thứ là kiến không phải là xứ kiến v.v...? Tất cả không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến.

Bao nhiêu thứ là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến v.v...? Tất cả là không phải hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp v.v...? Một thứ là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp, ba thứ không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển v.v...? Một thứ là nghiệp cũng là tùy nghiệp chuyển, ba thứ là tùy nghiệp chuyển không phải là nghiệp.

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có thấy v.v...? Một thứ là sắc được tạo không phải là sắc có thấy, ba thứ không phải là sắc được tạo cũng không phải là sắc có thấy.

*** Bốn Chứng tịnh này:**

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có đối v.v...?
 Một thứ là sắc được tạo không phải là sắc có đối, ba thứ không phải là sắc được tạo cũng không phải là sắc có đối.

Bao nhiêu thứ vì khó thấy nên là thâm diệu v.v...? Tất cả vì khó thấy nên là thâm diệu, vì thâm diệu nên là khó thấy.

Bao nhiêu thứ là thiện không phải do thiện làm nhân v.v...? Tất cả là thiện cũng do thiện làm nhân.

Bao nhiêu thứ là bất thiện không phải do bất thiện làm nhân v.v...? Tất cả không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân.

Bao nhiêu thứ là vô ký không phải do vô ký làm nhân v.v...? Tất cả không phải là vô ký cũng không phải do vô ký làm nhân.

Bao nhiêu thứ là nhân duyên không có nhân v.v...? Tất cả là nhân duyên cũng là có nhân.

Bao nhiêu thứ là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên v.v...? Một thứ không phải là đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên, ba thứ nên phân biệt:

Phật chứng tịnh hoặc là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên, hoặc là đẳng vô gián cũng là đẳng vô gián duyên, hoặc không phải là đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên. Thế nào là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên? Là từ vị lai, hiện tiền đang khởi Phật chứng tịnh. Thế nào là đẳng vô gián cũng là đẳng vô gián duyên? Là Phật chứng tịnh ở quá khứ và hiện tại. Thế nào là không phải đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên? Là trừ vị lai, hiện tiền đang khởi Phật chứng tịnh, còn lại là Phật chứng tịnh ở vị lai.

Như Phật chứng tịnh, Pháp chứng tịnh và Tăng chứng tịnh cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là sở duyên duyên không có sở duyên v.v...? Một thứ là sở duyên duyên không có sở duyên, ba thứ là sở duyên duyên cũng có sở duyên.

Bao nhiêu thứ là tăng thượng duyên không có tăng thượng v.v...? Tất cả là tăng thượng duyên cũng có tăng thượng.

Bao nhiêu thứ là bộc lưu không phải là thuận bộc lưu v.v...? Tất cả không phải là bộc lưu cũng không phải là thuận bộc lưu.

HẾT - QUYỂN 10

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÂM LOẠI TỨC

QUYỂN 11

Phẩm 7: BIỆN VỀ NGÀN CÂU HỎI, phần 2

3. Bốn quả Sa-môn: a. *Quả Dự lưu.* b. *Quả Nhất lai.* c. *Quả Bất hoàn.* d. *Quả A-la-hán.*

*

*** Bốn quả Sa-môn này:**

Bao nhiêu thứ là có sắc v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là quả Sa-môn đã gồm thâu các nghiệp thân, ngữ là có sắc, còn lại là không sắc.

Bao nhiêu thứ là có thấy v.v...? Tất cả là không thấy.

Bao nhiêu thứ là có đối v.v...? Tất cả là không đối.

Bao nhiêu thứ là hữu lậu v.v...? Tất cả là vô lậu.

Bao nhiêu thứ là hữu vi v.v...? Tất cả nên phân biệt:

Nghĩa là quả Dự lưu hoặc là hữu vi, hoặc là vô vi. Thế nào là hữu vi? Là quả Dự lưu gồm thâu năm uẩn. Thế nào là vô vi? Là quả Dự lưu gồm thâu trạch diệt.

Như quả Dự lưu, các quả Nhất lai, quả Bất hoàn, quả A-la-hán cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ có dị thực v.v...? Tất cả đều không có dị thực.

Bao nhiêu thứ là duyên sinh v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là quả Sa-môn hữu vi là duyên sinh, là nhân sinh, là thuộc về thế gian. Quả Sa-môn vô vi thì không phải là duyên sinh, không phải là nhân sinh, không thuộc về thế gian.

Bao nhiêu thứ thuộc về sắc v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là quả Sa-môn gồm thân các nghiệp thân, ngữ là thuộc về sắc, các thứ còn lại là thuộc về danh.

Bao nhiêu thứ thuộc về nội xứ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là quả Sa-môn gồm thân tâm ý thức là thuộc về nội xứ, các thứ còn lại là thuộc về ngoại xứ.

Bao nhiêu thứ là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Tất cả là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

*

*** Bốn quả Sa-môn này:**

Bao nhiêu thứ đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Tất cả là không đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

Bao nhiêu thứ nên đoạn trừ v.v...? Tất cả đều không nên đoạn trừ.

Bao nhiêu thứ nên tu v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là quả Sa-môn hữu vi là nên tu, quả Sa-môn vô vi là không nên tu.

Bao nhiêu thứ là nhiễm ô v.v...? Tất cả là không nhiễm ô.

Bao nhiêu thứ là quả không phải là có quả v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là quả Sa-môn hữu vi là quả cũng là có quả, quả Sa-môn vô vi là quả không phải là có quả.

Bao nhiêu thứ có chấp thọ v.v...? Tất cả đều không chấp thọ.

Bao nhiêu thứ do các đại chủng tạo nên v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là quả Sa-môn gồm thân các nghiệp thân, ngữ là do các đại chủng tạo nên, còn lại đều không do các đại chủng tạo nên.

Bao nhiêu thứ là hữu thượng v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là quả Sa-môn hữu vi là hữu thượng, còn quả Sa-môn vô vi là vô thượng.

Bao nhiêu thứ là hữu v.v...? Tất cả là không phải hữu.

Bao nhiêu thứ là nhân tương ưng v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là quả Sa-môn gồm thân các nghiệp thân, ngữ, tâm bất tương ưng hành và trạch diệt là nhân không tương ưng, còn lại đều là nhân tương ưng.

*

*** Bốn quả Sa-môn này:**

Cùng sáu xứ thiện gồm nhau: Phần ít của sáu xứ thiện gồm thân bốn quả Sa-môn, bốn quả Sa-môn cũng gồm thân phần ít của sáu xứ thiện.

Cùng năm xứ bất thiện gồm nhau: Là chúng không cùng gồm thân.

Cùng bảy xứ vô ký gồm nhau: Là chúng không cùng gồm thân.

Cùng ba xứ lậu gồm nhau: Là chúng không cùng gồm thân.

Cùng năm xứ hữu lậu gồm nhau: Là chúng không cùng gồm thân.

Cùng tám xứ vô lậu gồm nhau: Phần ít của sáu xứ vô lậu trong tám xứ vô lậu gồm thân bốn quả Sa-môn, bốn quả Sa-môn cũng gồm thân phần ít của sáu xứ vô lậu trong tám xứ vô lậu.

Bao nhiêu thứ thuộc quá khứ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là quả Sa-môn hữu vi thì hoặc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai, quả Sa-môn vô vi thì không thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai.

Bao nhiêu thứ là thiện v.v...? Tất cả đều là thiện.

Bao nhiêu thứ thuộc cõi Dục v.v...? Tất cả là không hệ thuộc.

Bao nhiêu thứ là học v.v...? Tất cả nên phân biệt: Quả Dự lưu hoặc là học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học? Là quả Dự lưu hữu vi. Thế nào là phi học phi vô học? Là quả Dự lưu vô vi.

Như quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất hoàn cũng như vậy.

Quả A-la-hán hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là vô học? Là quả A-la-hán hữu vi. Thế nào là phi học phi vô học? Là quả A-la-hán vô vi.

*

*** Bốn quả Sa-môn này:**

Bao nhiêu thứ do kiến đạo đoạn trừ v.v...? Tất cả là không đoạn.

Bao nhiêu thứ là không phải tâm v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là quả Sa-môn gồm thân các nghiệp thân, ngữ, tâm bất tương ưng hành và trạch diệt là không phải tâm, không phải tâm sở, không phải tâm tương ưng. Nếu quả Sa-môn là thọ uẩn tướng uẩn và tương ưng với hành uẩn là tâm sở cùng tâm tương ưng. Nếu là tâm, ý, thức thì chỉ là tâm.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Quả Dự lưu có bốn trường hợp: 1. Hoặc là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ: Là quả Dự lưu gồm thân các nghiệp thân, ngữ và tùy tâm chuyển, tâm bất tương ưng hành, cùng thọ. 2. Hoặc tương ưng với thọ không phải là tùy tâm chuyển: Là quả Dự lưu gồm thân tâm, ý, thức. 3. Hoặc là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với thọ: Là quả Dự lưu gồm thân tướng uẩn và tương ưng

với hành uẩn. 4. Hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với thọ: Là trừ quả Dự lưu gồm thâm tùy tâm chuyển, tâm bất tương ưng hành, các thứ còn lại là quả Dự lưu gồm thâm tâm bất tương hành và trạch diệt. Như quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất hoàn, quả A-la-hán cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tướng, hành v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là trừ tự tánh của chúng, còn lại đều như thọ, nên biết.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ v.v...? Tất cả nên phân biệt:

Quả Dự lưu có bốn trường hợp: 1. Hoặc là tùy tầm chuyển không tương ưng với tứ: Là quả Dự lưu gồm thâm các nghiệp thân, ngữ và tùy tầm chuyển, tâm bất tương ưng hành, cùng với tứ. 2. Hoặc tương ưng với tứ không phải là tùy tầm chuyển: Là quả Dự lưu gồm thâm tâm. 3. Hoặc là tùy tầm chuyển cũng tương ưng với tứ: Là quả Dự lưu gồm thâm tầm, tứ, tương ưng với tâm, tâm sở pháp. 4. Hoặc không phải là tùy tầm chuyển cũng không tương ưng với tứ: Là trừ quả Dự lưu gồm thâm tùy tầm chuyển cùng tâm bất tương ưng hành, còn lại là quả Dự lưu khác gồm thâm tâm bất tương ưng hành và trạch diệt.

Như quả Dự lưu, quả Nhất lai cũng như vậy.

Quả Bất hoàn cũng có bốn trường hợp: 1. Hoặc là tùy tầm chuyển không tương ưng với tứ: Là quả Bất hoàn gồm thâm các nghiệp thân, ngữ của tùy tầm chuyển và tâm bất tương ưng hành nơi tùy tầm chuyển cùng tầm tương ưng với tứ. 2. Hoặc tương ưng với tứ không phải là tùy tầm chuyển: Là quả Bất hoàn gồm thâm tâm và tầm không tương ưng với tứ nhưng tương ưng với tâm, tâm sở pháp. 3. Hoặc là tùy tầm chuyển cũng tương ưng với tứ: Là quả Bất hoàn gồm thâm tầm, tứ, lại tương ưng với tâm, tâm sở pháp. 4. Hoặc không

phải là tùy tầm chuyên cũng không tương ưng với tứ: Là trừ quả Bất hoàn gồm thâu các nghiệp thân, ngũ nơi tùy tầm chuyên cùng tâm bất tương ưng hành, còn lại là quả Bất hoàn gồm thâu nghiệp thân, ngũ, tâm bất tương ưng hành, cùng quả Bất hoàn gồm thâu tầm không tương ưng với tứ, hoặc không có tầm, tứ, tâm, tâm sở và trạch diệt.

Như quả Bất hoàn, quả A-la-hán cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là kiến không phải là xứ kiến v.v...? Tất cả nên phân biệt: Quả Dự lưu gồm thâu tuệ là kiến không phải là xứ kiến, ngoài ra đều không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến.

Như quả Dự lưu, quả Nhất lai và quả Bất hoàn cũng như vậy.

Quả A-la-hán nếu gồm thâu tận trí, vô sinh trí, không gồm thâu tuệ là kiến không phải là xứ kiến, ngoài ra đều không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến.

Bao nhiêu thứ là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến v.v...? Tất cả không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp v.v...? Tất cả nên phân biệt: Quả Sa-môn gồm thâu các nghiệp thân, ngũ và tứ, là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp, ngoài ra không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyên v.v...? Tất cả nên phân biệt:

Quả Dự lưu có bốn trường hợp: 1. Hoặc là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyên: Là quả Dự lưu gồm thâu tứ. 2. Hoặc là tùy nghiệp chuyên không phải là nghiệp: Là quả Dự lưu gồm thâu các uẩn thọ, tướng, thức và tứ, lại không gồm thâu hành uẩn tùy nghiệp chuyên. 3. Hoặc là nghiệp cũng là tùy nghiệp chuyên: Là quả Dự lưu gồm thâu các nghiệp thân, ngũ. 4. Hoặc không phải là nghiệp cũng không phải

là tùy nghiệp chuyên: Là trừ quả Dự lưu đã gồm thâm tâm bất tương ưng hành nơi tùy nghiệp chuyên, ngoài ra là quả Dự lưu gồm thâm tâm bất tương ưng hành và trạch diệt.

Như quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất hoàn và quả A-la-hán cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có thấy v.v...?
Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là quả Sa-môn gồm thâm các nghiệp thân, ngũ là sắc được tạo không phải là sắc có thấy. Ngoài ra đều không phải là sắc được tạo cũng không phải là sắc có thấy.

*

*** Bốn quả Sa-môn này:**

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có đối v.v...?
Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là quả Sa-môn gồm thâm các nghiệp thân, ngũ là sắc được tạo không phải là sắc có đối, ngoài ra đều không phải là sắc được tạo cũng không phải là sắc có đối.

Bao nhiêu thứ vì khó thấy nên là thâm diệu v.v...? Tất cả vì khó thấy nên là thâm diệu, vì thâm diệu nên là khó thấy.

Bao nhiêu thứ là thiện không phải do thiện làm nhân v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là quả Sa-môn hữu vi là thiện cũng do thiện làm nhân, quả Sa-môn vô vi là thiện không phải do thiện làm nhân.

Bao nhiêu thứ là bất thiện không phải do bất thiện làm nhân v.v...? Tất cả không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân.

Bao nhiêu thứ là vô ký không phải do vô ký làm nhân v.v...? Tất cả không phải là vô ký cũng không phải do vô ký làm nhân.

Bao nhiêu thứ là nhân duyên không có nhân v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nếu là quả Sa-môn hữu vi là nhân duyên cũng là có nhân.

Nếu là quả Sa-môn vô vi thì không phải là nhân duyên cũng không phải là có nhân.

Bao nhiêu thứ là đấng vô gián không phải là đấng vô gián duyên v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là quả Sa-môn hoặc là đấng vô gián không phải là đấng vô gián duyên, hoặc là đấng vô gián cũng là đấng vô gián duyên, hoặc không phải là đấng vô gián cũng không phải là đấng vô gián duyên. Là đấng vô gián không phải là đấng vô gián duyên: Nghĩa là vị lai, hiện tiền đang khởi quả Sa-môn gồm thân tâm, tâm sở pháp. Là đấng vô gián cũng là đấng vô gián duyên: Nghĩa là quả Sa-môn quá khứ, hiện tại gồm thân tâm, tâm sở pháp. Không phải là đấng vô gián cũng không phải là đấng vô gián duyên: Nghĩa là trừ vị lai, hiện tiền đang khởi quả Sa-môn gồm thân tâm, tâm sở pháp, còn lại là quả Sa-môn vị lai gồm thân tâm, tâm sở pháp và các nghiệp thân, ngữ, tâm bất tương ưng hành cùng trạch diệt.

Bao nhiêu thứ là sở duyên duyên không có sở duyên v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nếu quả Sa-môn gồm thân các nghiệp thân, ngữ, tâm bất tương ưng hành và trạch diệt, là sở duyên duyên không có sở duyên, ngoài ra đều là sở duyên duyên cũng có sở duyên.

Bao nhiêu thứ là tăng thượng duyên không có tăng thượng v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nếu là quả Sa-môn hữu vi là tăng thượng duyên cũng có tăng thượng, nếu là quả Sa-môn vô vi là tăng thượng duyên không có tăng thượng.

Bao nhiêu thứ là bậc lưu không phải là thuận bậc lưu v.v...? Tất cả không phải là bậc lưu cũng không phải là thuận bậc lưu.

**

4. Bốn Thông hành: a. Khổ trì thông hành. b. Khổ tức thông hành. c. Lạc trì thông hành. d. Lạc tức thông hành.

*

*** Bốn Thông hành này:**

Bao nhiêu thứ là có sắc v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là bốn Thông hành gồm sáu các nghiệp thân, ngũ là có sắc, còn lại là không sắc.

Bao nhiêu thứ là có thấy v.v...? Tất cả là không thấy.

Bao nhiêu thứ là có đối v.v...? Tất cả là không đối.

Bao nhiêu thứ là hữu lậu v.v...? Tất cả là vô lậu.

Bao nhiêu thứ là hữu vi v.v...? Tất cả là hữu vi.

Bao nhiêu thứ có dị thực v.v...? Tất cả đều không có dị thực.

Bao nhiêu thứ là duyên sinh v.v...? Tất cả là duyên sinh, là nhân sinh, là thuộc về thế gian.

Bao nhiêu thứ thuộc về sắc v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là bốn Thông hành gồm sáu các nghiệp thân, ngũ là thuộc về sắc, còn lại là thuộc về danh.

Bao nhiêu thứ thuộc về nội xứ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là bốn Thông hành gồm sáu tâm ý thức là thuộc về nội xứ, còn lại là thuộc về ngoại xứ.

Bao nhiêu thứ là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Tất cả là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

*

*** Bốn Thông hành này:**

Bao nhiêu thứ đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Tất cả là không đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

Bao nhiêu thứ nên đoạn trừ v.v...? Tất cả đều không nên đoạn trừ.

Bao nhiêu thứ nên tu v.v...? Tất cả đều nên tu.

Bao nhiêu thứ là nhiễm ô v.v...? Tất cả là không nhiễm ô.

Bao nhiêu thứ là quả không phải là có quả v.v...? Tất cả là quả cũng là có quả.

Bao nhiêu thứ có chấp thọ v.v...? Tất cả là không chấp thọ.

Bao nhiêu thứ do các đại chủng tạo nên v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là bốn Thông hành gồm thân các nghiệp thân, ngữ là do các đại chủng tạo nên, còn lại là không phải do các đại chủng tạo nên.

Bao nhiêu thứ là hữu thượng v.v...? Tất cả là hữu thượng.

Bao nhiêu thứ là hữu v.v...? Tất cả là không phải hữu.

Bao nhiêu thứ là nhân tương ưng v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là bốn Thông hành gồm thân các nghiệp thân, ngữ và tâm bất tương ưng hành, là nhân không tương ưng, còn lại là nhân tương ưng.

*

*** Bốn Thông hành này:**

Cùng sáu xứ thiện gồm nhau: Phần ít của năm xứ thiện gồm sáu bốn Thông hành, bốn Thông hành cũng gồm sáu phần ít của năm xứ thiện.

Cùng năm xứ bất thiện gồm nhau: Là chúng không cùng gồm sáu nhau.

Cùng bảy xứ vô ký gồm nhau: Là chúng không cùng gồm bảy nhau.

Cùng ba xứ lậu bất thiện gồm nhau: Là chúng không cùng gồm ba nhau.

Cùng năm xứ hữu lậu gồm nhau: Là chúng không cùng gồm năm nhau.

Cùng tám xứ vô lậu gồm nhau: Có năm xứ vô lậu gồm sáu Thông hành, bốn Thông hành cũng gồm sáu năm xứ vô lậu.

Bao nhiêu thứ thuộc quá khứ v.v...? Tất cả đều thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai.

Bao nhiêu thứ là thiện v.v...? Tất cả đều là thiện.

Bao nhiêu thứ thuộc cõi Dục v.v...? Tất cả đều không hệ thuộc.

Bao nhiêu thứ là học v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là bốn Thông hành này hoặc là học, hoặc là vô học. Thế nào là học? Là năm uẩn hữu học. Thế nào là vô học? Là năm uẩn vô học.

*

*** Bốn Thông hành này:**

Bao nhiêu thứ do kiến đạo đoạn trừ v.v...? Tất cả là không đoạn.

Bao nhiêu thứ là không phải tâm v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là bốn Thông hành gồm sáu các nghiệp thân, ngữ và tâm bất tương ưng hành là không phải tâm, không phải tâm sở, không phải tâm tương ưng. Nếu là thọ uẩn, tướng uẩn tương ưng với hành uẩn là tâm sở cùng tâm tương ưng. Nếu là tâm ý thức thì chỉ là tâm.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Tức bốn Thông hành mỗi thứ đều có bốn trường hợp: 1. Hoặc là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ: Nghĩa là thông hành gồm sáu các nghiệp thân, ngữ của tùy tâm chuyển có tâm bất tương ưng hành cùng thọ. 2. Hoặc tương ưng với thọ không phải là tùy tâm chuyển: Nghĩa là các thông hành gồm sáu tâm ý thức. 3. Hoặc là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với thọ: Nghĩa là thông hành gồm sáu tướng uẩn và tương ưng với hành uẩn. 4. Hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với thọ: Nghĩa là trừ các thông hành gồm sáu tùy tâm chuyển, tâm bất tương ưng hành, còn thông hành còn lại gồm sáu tâm bất tương ưng hành.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tướng, hành v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là trừ tự tánh của chúng, còn lại cũng như thọ, nên biết.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Khổ tri thông hành có bốn trường hợp: 1. Hoặc là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ: Nghĩa là khổ tri thông hành gồm thâu các nghiệp thân, ngữ của tùy tâm chuyển, tâm bất tương ưng hành và tâm tương ưng với tứ. 2. Hoặc tương ưng với tứ không phải là tùy tâm chuyển: Nghĩa là khổ tri thông hành gồm thâu tâm và tâm không tương ưng với tứ nhưng tương ưng với tâm, tâm sở pháp. 3. Hoặc là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với tứ: Nghĩa là khổ tri thông hành gồm thâu tâm, tứ tương ưng với tâm, tâm sở pháp. 4. Hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với tứ: Nghĩa là trừ khổ tri thông hành gồm thâu các nghiệp thân, ngữ nơi tùy tâm chuyển có tâm bất tương ưng hành, còn lại là khổ tri thông hành gồm thâu các nghiệp thân, ngữ, tâm bất tương ưng hành và tâm không tương ưng với tứ cùng các tâm, tâm sở pháp không tâm, không tứ.

Như Khổ tri thông hành, Khổ tốc thông hành cũng như vậy.

Lạc tri thông hành cũng có bốn trường hợp: 1. Hoặc là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ: Nghĩa là lạc tri thông hành gồm thâu các nghiệp thân, ngữ nơi tùy tâm chuyển, tâm bất tương ưng hành và tứ. 2. Hoặc tương ưng với tứ không phải là tùy tâm chuyển: Nghĩa là lạc tri thông hành gồm thâu tâm. 3. Hoặc là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với tứ: Nghĩa là lạc tri thông hành gồm thâu tâm, tứ, tương ưng với tâm, tâm sở pháp. 4. Hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với tứ: Nghĩa là trừ lạc tri thông hành gồm thâu các nghiệp thân, ngữ nơi tùy tâm chuyển, tâm bất tương ưng hành, còn lại là lạc tri thông hành gồm thâu các nghiệp thân, ngữ có tâm bất tương ưng hành và các tâm, tâm sở pháp không tâm không tứ.

Như Lạc trì thông hành, Lạc tốc thông hành cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là kiến không phải là xứ kiến v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các thông hành gồm thâm tận trí, vô sinh trí, không gồm thâm tuệ là kiến không phải là xứ kiến, các thứ còn lại không phải là kiến cũng không không phải là xứ kiến.

Bao nhiêu thứ là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến v.v...? Tất cả không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các thông hành gồm thâm các nghiệp thân, ngữ và tư là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp. Ngoài ra đều không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các thông hành mỗi thứ đều có bốn trường hợp: 1. Hoặc là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là các thông hành gồm thâm tư. 2. Hoặc là tùy nghiệp chuyển không phải là nghiệp: Nghĩa là các thông hành gồm thâm các uẩn thọ, tướng, thức và tư, không gồm thâm hành uẩn nơi tùy nghiệp chuyển. 3. Hoặc là nghiệp cũng là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là các thông hành gồm thâm các nghiệp thân, ngữ. 4. Hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là trừ các thông hành gồm thâm tâm bất tương ưng hành nơi tùy nghiệp chuyển, còn lại là thông hành gồm thâm tâm bất tương ưng hành.

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có thấy v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nếu thông hành gồm thâm các nghiệp thân, ngữ là sắc được tạo không phải là sắc có thấy, các thứ còn lại đều không phải sắc được tạo cũng không phải là sắc có thấy.

*** Bốn Thông hành này:**

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có đối v.v...?
Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là thông hành gồm sáu các nghiệp thân, ngũ là sắc được tạo không phải là sắc có đối, các thứ còn lại đều không phải sắc được tạo cũng không phải là sắc có đối.

Bao nhiêu thứ vì khó thấy nên là thâm diệu v.v...? Tất cả vì khó thấy nên là thâm diệu, vì thâm diệu nên là khó thấy.

Bao nhiêu thứ là thiện không phải do thiện làm nhân v.v...? Tất cả đều là thiện cũng do thiện làm nhân.

Bao nhiêu thứ là bất thiện không phải do bất thiện làm nhân v.v...? Tất cả đều không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân.

Bao nhiêu thứ là vô ký không phải do vô ký làm nhân v.v...? Tất cả đều không phải là vô ký cũng không phải do vô ký làm nhân.

Bao nhiêu thứ là nhân duyên không có nhân v.v...? Tất cả đều là nhân duyên cũng là có nhân.

Bao nhiêu thứ là đấng vô gián không phải là đấng vô gián duyên v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các thông hành này hoặc là đấng vô gián không phải là đấng vô gián duyên, hoặc là đấng vô gián cũng là đấng vô gián duyên, hoặc không phải là đấng vô gián cũng không phải là đấng vô gián duyên. Là đấng vô gián không phải là đấng vô gián duyên: Nghĩa là vị lai, hiện tiền đang khởi thông hành gồm sáu thân, tâm sở pháp. Là đấng vô gián cũng là đấng vô gián duyên: Nghĩa là thông hành quá khứ, hiện tại gồm sáu thân, tâm sở pháp. Không phải là đấng vô gián cũng không phải là đấng vô gián duyên: Nghĩa là trừ vị lai, hiện tiền đang khởi thông hành gồm sáu thân, tâm sở pháp, còn lại là thông hành vị lai gồm sáu thân, tâm sở pháp cùng các thông hành gồm sáu thân bất tương ưng hành nơi các nghiệp thân, ngũ.

Bao nhiêu thứ là sở duyên duyên không có sở duyên v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các thông hành gồm thân tâm bất tương ưng hành nơi các nghiệp thân, ngữ là sở duyên duyên không có sở duyên, các thứ còn lại đều là sở duyên duyên cũng có sở duyên.

Bao nhiêu thứ là tăng thượng duyên không có tăng thượng v.v...? Tất cả đều là tăng thượng duyên cũng có tăng thượng.

Bao nhiêu thứ là bộc lưu không phải là thuận bộc lưu v.v...? Tất cả đều là không phải là bộc lưu cũng không phải là thuận bộc lưu.

**

5. Bốn Thánh chủng: *a. Thánh chủng tùy chỗ có được y phục luôn biết đủ. b. Thánh chủng tùy chỗ có được ăn uống luôn biết đủ. c. Thánh chủng tùy chỗ có được ngọa cụ luôn biết đủ. d. Thánh chủng vui thích đoạn trừ, tu tập.*

*

*** Bốn Thánh chủng này:**

Bao nhiêu thứ là có sắc v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các Thánh chủng gồm thân các nghiệp thân, ngữ là có sắc, các thứ còn lại là không sắc.

Bao nhiêu thứ là có thấy v.v...? Tất cả là không thấy.

Bao nhiêu thứ là có đối v.v...? Tất cả là không đối.

Bao nhiêu thứ là hữu lậu v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các Thánh chủng hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Nghĩa là các Thánh chủng gồm thân năm uẩn hữu lậu. Thế nào là vô lậu? Nghĩa là năm uẩn vô lậu.

Bao nhiêu thứ là hữu vi v.v...? Tất cả là hữu vi.

Bao nhiêu thứ có dị thực v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các Thánh chủng nếu hữu lậu là có dị thực, nếu vô lậu là không có dị thực.

Bao nhiêu thứ là duyên sinh v.v...? Tất cả là duyên sinh, là nhân sinh, là thuộc về thế gian.

Bao nhiêu thứ thuộc về sắc v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các Thánh chủng gồm thân các nghiệp thân, ngũ là thuộc về sắc, các thứ còn lại là thuộc về danh.

Bao nhiêu thứ thuộc về nội xứ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các Thánh chủng gồm thân tâm ý thức là thuộc về nội xứ, các thứ còn lại là thuộc về ngoại xứ.

Bao nhiêu thứ là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Tất cả là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

*

*** Bốn Thánh chủng này:**

Bao nhiêu thứ đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các Thánh chủng nếu hữu lậu là đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp, nếu vô lậu là không đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

Bao nhiêu thứ nên đoạn trừ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các Thánh chủng nếu hữu lậu là nên đoạn trừ, nếu vô lậu không nên đoạn trừ.

Bao nhiêu thứ nên tu v.v...? Tất cả đều nên tu.

Bao nhiêu thứ là nhiễm ô v.v...? Tất cả đều không nhiễm ô.

Bao nhiêu thứ là quả không phải là có quả v.v...? Tất cả đều là quả cũng là có quả.

Bao nhiêu thứ có chấp thọ v.v...? Tất cả đều không chấp thọ.

Bao nhiêu thứ do các đại chủng tạo nên v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các Thánh chủng gồm thân các nghiệp thân,

ngũ là do các đại chủng tạo nên, còn lại là không do các đại chủng tạo nên.

Bao nhiêu thứ là hữu thượng v.v...? Tất cả đều là hữu thượng.

Bao nhiêu thứ là hữu v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các Thánh chủng nếu hữu lậu là hữu, nếu vô lậu là không phải hữu.

Bao nhiêu thứ là nhân tương ưng v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các Thánh chủng gồm thân tâm bất tương ưng hành của các nghiệp thân, ngũ là nhân không tương ưng, các thứ còn lại đều là nhân tương ưng.

*

*** Bốn Thánh chủng này:**

Cùng sáu xứ thiện gồm nhau: Có phần ít của năm xứ thiện gồm sáu Thánh chủng, bốn Thánh chủng cũng gồm sáu phần ít của năm xứ thiện.

Cùng năm xứ bất thiện gồm nhau: Chúng không cùng gồm sáu.

Cùng bảy xứ vô ký gồm nhau: Chúng không cùng gồm sáu.

Cùng ba xứ lậu gồm nhau: Chúng không cùng gồm sáu.

Cùng năm xứ hữu lậu gồm nhau: Có bốn trường hợp: 1. Hoặc là xứ hữu lậu không phải là Thánh chủng: Nghĩa là các Thánh chủng không gồm năm uẩn hữu lậu. 2. Hoặc là Thánh chủng không phải là xứ hữu lậu: Nghĩa là bốn Thánh chủng vô lậu. 3. Hoặc là xứ hữu lậu cũng là Thánh chủng: Nghĩa là bốn Thánh chủng hữu lậu. 4. Hoặc không phải là xứ hữu lậu cũng không phải là Thánh chủng: Nghĩa là hư không và hai diệt.

Cùng tám xứ vô lậu gồm nhau: Cũng có bốn trường hợp: 1. Hoặc là xứ vô lậu không phải là Thánh chủng: Nghĩa là hư không

và hai diệt. 2. Hoặc là Thánh chủng không phải là xứ vô lậu: Nghĩa là bốn Thánh chủng hữu lậu. 3. Hoặc là xứ vô lậu cũng là Thánh chủng: Nghĩa là bốn Thánh chủng vô lậu. 4. Hoặc không phải là xứ vô lậu cũng không phải là Thánh chủng: Nghĩa là các Thánh chủng không gồm thân năm uẩn hữu lậu.

Bao nhiêu thứ thuộc quá khứ v.v...? Tất cả đều hoặc là quá khứ, hiện tại, vị lai.

Bao nhiêu thứ là thiện v.v...? Tất cả đều là thiện.

Bao nhiêu thứ thuộc cõi Dục v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các Thánh chủng hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Nghĩa là các Thánh chủng gồm thân năm uẩn thuộc cõi Dục. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Nghĩa là các Thánh chủng gồm thân năm uẩn thuộc cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Vô sắc? Nghĩa là các Thánh chủng gồm thân bốn uẩn thuộc cõi Vô sắc. Thế nào là không hệ thuộc? Nghĩa là năm uẩn vô lậu.

Bao nhiêu thứ là học v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các Thánh chủng hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học? Là năm uẩn hữu học. Thế nào là vô học? Là năm uẩn vô học. Thế nào là phi học phi vô học? Là các Thánh chủng gồm thân năm uẩn hữu lậu.

*

*** Bốn Thánh chủng này:**

Bao nhiêu thứ do kiến đạo đoạn trừ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các Thánh chủng này nếu hữu lậu là do tu đạo đoạn trừ, nếu vô lậu là không phải đoạn trừ.

Bao nhiêu thứ là không phải tâm v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các Thánh chủng gồm thân các nghiệp thân, ngũ nơi tâm bất

tương ưng hành là không phải tâm, không phải tâm sở, không phải tâm tương ưng. Các Thánh chủng gồm thân thọ uẩn, tướng uẩn tương ưng với hành uẩn là tâm sở cùng tâm tương ưng. Các Thánh chủng gồm thân tâm ý thức chỉ là tâm.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ v.v...?
 Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các Thánh chủng mỗi thứ có bốn trường hợp: 1. Hoặc là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ: Nghĩa là các Thánh chủng gồm thân tùy tâm chuyển nơi các nghiệp thân, ngũ có tâm bất tương ưng hành và thọ. 2. Hoặc tương ưng với thọ không phải là tùy tâm chuyển: Nghĩa là các Thánh chủng gồm thân tâm ý thức. 3. Hoặc là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với thọ: Nghĩa là các Thánh chủng gồm thân tướng uẩn và tương ưng với hành uẩn. 4. Hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với thọ: Nghĩa là trừ các Thánh chủng gồm thân các nghiệp thân, ngũ có tâm bất tương ưng hành.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tướng, hành v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là trừ tự tánh của nó còn lại cũng như thọ, nên biết.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ v.v...?
 Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các Thánh chủng mỗi thứ có bốn trường hợp: 1. Hoặc là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ: Nghĩa là Thánh chủng đã gồm thân các nghiệp thân, ngũ nơi tùy tâm chuyển có tâm bất tương ưng hành và tầm tương ưng với tứ. 2. Hoặc tương ưng với tứ không phải là tùy tâm chuyển: Nghĩa là Thánh chủng đã gồm thân tầm không tương ưng với tứ mà tương ưng với tâm tâm sở pháp. 3. Hoặc là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với tứ: Nghĩa là các Thánh chủng đã gồm thân tâm, tứ và tương ưng với tâm, tâm sở pháp. 4. Hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với tứ: Nghĩa là trừ Thánh chủng đã gồm thân các nghiệp thân, ngũ nơi tùy tâm chuyển có tâm bất tương ưng hành, còn lại là

các Thánh chủng gồm thân tâm bất tương ưng hành nơi nghiệp thân, ngũ cùng tâm không tương ưng với tứ và các tâm, tâm sở không tâm không tứ.

Bao nhiêu thứ là kiến không phải là xứ kiến v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các Thánh chủng mỗi thứ có bốn trường hợp: 1. Hoặc là kiến không phải là xứ kiến: Nghĩa là vì tận trí, vô sinh trí không gồm thân tuệ vô lậu. 2. Hoặc là xứ kiến không phải là kiến: Nghĩa là kiến không gồm thân bốn Thánh chủng hữu lậu. 3. Hoặc là kiến cũng là xứ kiến: Nghĩa là các Thánh chủng gồm thân các chánh kiến thế gian. 4. Hoặc không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến: Nghĩa là kiến không gồm thân bốn Thánh chủng vô lậu.

Bao nhiêu thứ là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến v.v...? Tất cả không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là Thánh chủng gồm thân các nghiệp thân, ngũ và tư là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp, các thứ còn lại đều không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các Thánh chủng mỗi thứ đều có bốn trường hợp: 1. Hoặc là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là trừ Thánh chủng gồm thân các nghiệp thân, ngũ nơi tùy nghiệp chuyển, còn lại là các Thánh chủng gồm thân các nghiệp thân, ngũ và tư. 2. Hoặc là tùy nghiệp chuyển không phải là nghiệp: Nghĩa là các Thánh chủng thân gồm các uẩn thọ, tướng, thức và tư, không gồm thân hành uẩn của tùy nghiệp chuyển. 3. Hoặc là nghiệp cũng là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là các Thánh chủng gồm thân các nghiệp thân, ngũ nơi tùy nghiệp chuyển. 4. Hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là trừ Thánh

chúng gồm thâm tùy nghiệp chuyên có tâm bất tương ưng hành, còn lại là các Thánh chúng gồm thâm tâm bất tương ưng hành.

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có thấy v.v...?
Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là Thánh chúng gồm thâm các nghiệp thân, ngữ là sắc được tạo không phải là sắc có thấy, các thứ còn lại đều không phải sắc được tạo cũng không phải là sắc có thấy.

*

*** Bốn Thánh chúng này:**

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có đối v.v...?
Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là Thánh chúng gồm thâm các nghiệp thân, ngữ là sắc được tạo không phải là sắc có đối, các thứ còn lại đều không phải sắc được tạo cũng không phải là sắc có đối.

Bao nhiêu thứ vì khó thấy nên là thâm diệu v.v...? Tất cả là vì khó thấy nên là thâm diệu, vì thâm diệu nên là khó thấy.

Bao nhiêu thứ là thiện không phải do thiện làm nhân v.v...? Tất cả đều là thiện cũng do thiện làm nhân.

Bao nhiêu thứ là bất thiện không phải do bất thiện làm nhân v.v...? Tất cả đều không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân.

Bao nhiêu thứ là vô ký không phải do vô ký làm nhân v.v...? Tất cả đều không phải là vô ký cũng không phải do vô ký làm nhân.

Bao nhiêu thứ là nhân duyên không có nhân v.v...? Tất cả đều là nhân duyên cũng là có nhân.

Bao nhiêu thứ là đấng vô gián không phải là đấng vô gián duyên v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các Thánh chúng hoặc là đấng vô gián không phải là đấng vô gián duyên, hoặc là đấng vô gián cũng là đấng vô gián duyên, hoặc không phải là đấng vô gián cũng

không phải là đẳng vô gián duyên. Là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là các Thánh chủng vị lai, hiện tiền đang khởi gồm thân tâm, tâm sở pháp. Là đẳng vô gián cũng là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là các Thánh chủng quá khứ, hiện tại gồm thân tâm, tâm sở pháp. Không phải là đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là trừ các Thánh chủng vị lai, hiện tiền đang khởi gồm thân tâm, tâm sở pháp. Còn lại là Thánh chủng vị lai gồm thân tâm, tâm sở cùng các Thánh chủng đã gồm thân các nghiệp thân ngữ có tâm bất tương ưng hành.

Bao nhiêu thứ là sở duyên duyên không có sở duyên v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là Thánh chủng gồm thân các nghiệp thân ngữ có tâm bất tương ưng hành là sở duyên duyên không có sở duyên, các thứ còn lại đều là sở duyên duyên cũng có sở duyên.

Bao nhiêu thứ là tăng thượng duyên không có tăng thượng v.v...? Tất cả đều là tăng thượng duyên cũng có tăng thượng.

Bao nhiêu thứ là bộc lưu không phải là thuận bộc lưu v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các Thánh chủng nếu hữu lậu là thuận bộc lưu không phải là bộc lưu, nếu vô lậu thì không phải là bộc lưu cũng không phải là thuận bộc lưu.

**

6. Bốn Chánh đoạn: Như bốn Thánh chủng.

**

7. Bốn Thần túc: Như bốn Thánh chủng.

HẾT - QUYỂN 11

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÃM LOẠI TỨC

QUYỂN 12

Phẩm 7: BIỆN VỀ NGÀN CÂU HỎI, phần 3

8. Bốn Niệm trụ: *a. Thân niệm trụ. b. Thọ niệm trụ. c. Tâm niệm trụ. d. Pháp niệm trụ.*

Thế nào là Thân niệm trụ? Nghĩa là tuệ thiện hữu lậu và vô lậu duyên nơi thân.

Thế nào là Thọ niệm trụ? Nghĩa là tuệ thiện hữu lậu và vô lậu duyên nơi thọ.

Thế nào là Tâm niệm trụ? Nghĩa là tuệ thiện hữu lậu và vô lậu duyên nơi tâm.

Thế nào là Pháp niệm trụ? Nghĩa là tuệ thiện hữu lậu và vô lậu duyên nơi pháp.

*

*** Bốn Niệm trụ này:**

Bao nhiêu thứ là có sắc v.v...? Tất cả là không sắc.

Bao nhiêu thứ là có thấy v.v...? Tất cả là không thấy.

Bao nhiêu thứ là có đối v.v...? Tất cả là không đối.

Bao nhiêu thứ là hữu lậu v.v...? Tất cả nên phân biệt: Các tuệ duyên nơi thân hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu?

Nghĩa là tác ý hữu lậu tương ưng với tuệ duyên nơi thân. Thế nào là vô lậu? Nghĩa là tác ý vô lậu tương ưng với tuệ duyên nơi thân. Tuệ duyên nơi thọ, tâm, pháp cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là hữu vi v.v...? Tất cả là hữu vi.

Bao nhiêu thứ có dị thực v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các niệm trụ nếu là hữu lậu thì có dị thực, nếu là vô lậu thì không có dị thực.

Bao nhiêu thứ là duyên sinh v.v...? Tất cả là duyên sinh, là nhân sinh, là thuộc về thế gian.

Bao nhiêu thứ thuộc về sắc v.v...? Tất cả đều thuộc về danh.

Bao nhiêu thứ thuộc về nội xứ v.v...? Tất cả đều thuộc về ngoại xứ.

Bao nhiêu thứ là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Tất cả đều là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

*

*** Bốn niệm trụ này:**

Bao nhiêu thứ đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các niệm trụ nếu hữu lậu là đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp, nếu vô lậu là không đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

Bao nhiêu thứ nên đoạn trừ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các niệm trụ nếu là hữu lậu thì nên đoạn trừ, nếu là vô lậu thì không nên đoạn trừ.

Bao nhiêu thứ nên tu v.v...? Tất cả đều nên tu.

Bao nhiêu thứ là nhiễm ô v.v...? Tất cả đều là không nhiễm ô.

Bao nhiêu thứ là quả không phải là có quả v.v...? Tất cả là quả cũng là có quả.

Bao nhiêu thứ có chấp thọ v.v...? Tất cả đều không chấp thọ.

Bao nhiêu thứ do các đại chủng tạo nên v.v...? Tất cả đều không do các đại chủng tạo nên.

Bao nhiêu thứ là hữu thượng v.v...? Tất cả đều là hữu thượng.

Bao nhiêu thứ là hữu v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các niệm trụ nếu hữu lậu là hữu, nếu vô lậu là không phải hữu.

Bao nhiêu thứ là nhân tương ưng v.v...? Tất cả đều là nhân tương ưng.

*

*** Bốn niệm trụ này:**

Cùng sáu xứ thiện gồm nhau: Phần ít của một xứ thiện gồm sáu bốn niệm trụ, bốn niệm trụ cũng gồm sáu phần ít của một xứ thiện.

Cùng năm xứ bất thiện gồm nhau: Là chúng không cùng gồm sáu.

Cùng bảy xứ vô ký gồm nhau: Là chúng không cùng gồm sáu.

Cùng ba xứ lậu gồm nhau: Là chúng không cùng gồm sáu.

Cùng năm xứ hữu lậu gồm nhau: Có bốn trường hợp: 1. Hoặc là xứ hữu lậu không phải là niệm trụ: Nghĩa là các uẩn sắc, thọ, tưởng, thức hữu lậu và niệm trụ không gồm sáu hành uẩn hữu lậu. 2. Hoặc là niệm trụ không phải là xứ hữu lậu: Nghĩa là bốn niệm trụ vô lậu. 3. Hoặc là xứ hữu lậu cũng là niệm trụ: Nghĩa là bốn niệm trụ hữu lậu. 4. Hoặc không phải là xứ hữu lậu cũng không phải là niệm

trụ: Nghĩa là các uẩn sắc, thọ, tưởng, thức vô lậu và niệm trụ không gồm thân hành uẩn vô lậu và vô vi.

Cùng tám xứ vô lậu gồm thân nhau: Cũng có bốn trường hợp:

1. Hoặc là xứ vô lậu không phải là niệm trụ: Nghĩa là các uẩn sắc, thọ, tưởng, thức vô lậu và niệm trụ không gồm thân hành uẩn vô lậu và vô vi. 2. Hoặc là niệm trụ không phải là xứ vô lậu: Nghĩa là bốn niệm trụ hữu lậu. 3. Hoặc là xứ vô lậu cũng là niệm trụ: Nghĩa là bốn niệm trụ vô lậu. 4. Hoặc không phải là xứ vô lậu cũng không phải là niệm trụ: Nghĩa là các uẩn sắc, thọ, tưởng, thức hữu lậu và niệm trụ không gồm thân hành uẩn hữu lậu.

Bao nhiêu thứ thuộc quá khứ v.v...? Tất cả đều thuộc về hoặc quá khứ, hiện tại, vị lai.

Bao nhiêu thứ là thiện v.v...? Tất cả đều là thiện.

Bao nhiêu thứ thuộc cõi Dục v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là tuệ duyên nơi thân hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là tác ý tương ưng với tuệ duyên nơi thân ở cõi Dục. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là tác ý tương ưng với tuệ duyên nơi thân ở cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Vô sắc? Là tác ý tương ưng với tuệ duyên nơi thân ở cõi Vô sắc. Thế nào là không hệ thuộc? Là tác ý vô lậu tương ưng với tuệ duyên nơi thân. Như tuệ duyên nơi thân, tuệ duyên nơi thọ, tuệ duyên nơi tâm, tuệ duyên nơi pháp cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là học v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là tuệ duyên nơi thân hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học? Là tác ý hữu học tương ưng với tuệ duyên nơi thân. Thế nào là vô học? Là tác ý vô học tương ưng với tuệ duyên nơi thân. Thế nào là phi học phi vô học? Là tác ý hữu lậu tương ưng với tuệ duyên nơi thân. Như tuệ duyên nơi thân, tuệ duyên nơi thọ, tuệ duyên nơi tâm, tuệ duyên nơi pháp cũng như vậy.

*** Bốn niệm trụ này:**

Bao nhiêu thứ do kiến đạo đoạn trừ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các niệm trụ nếu là hữu lậu thì do tu đạo đoạn trừ, nếu là vô lậu thì không đoạn trừ.

Bao nhiêu thứ là không phải tâm v.v...? Tất cả đều là tâm sở cùng tâm tương ưng.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ v.v...? Tất cả đều là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với thọ.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tưởng, hành v.v...? Tất cả đều là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với tưởng, hành, trừ tự tánh của nó.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là tuệ duyên nơi thân hoặc có tầm có tứ, hoặc không tầm chỉ có tứ, hoặc không tầm không tứ. Thế nào là có tầm có tứ? Nghĩa là tác ý có tầm có tứ tương ưng với tuệ duyên nơi thân. Thế nào là không tầm chỉ có tứ? Nghĩa là tác ý không tầm chỉ có tứ tương ưng với tuệ duyên nơi thân. Thế nào là không tầm không tứ? Nghĩa là tác ý không tầm không tứ tương ưng với tuệ duyên nơi thân. Như tuệ duyên nơi thân, tuệ duyên nơi thọ, tuệ duyên nơi tâm, tuệ duyên nơi pháp cũng như thế.

Bao nhiêu thứ là kiến không phải là xứ kiến v.v...? Tất cả nên phân biệt:

Tuệ duyên nơi thân có bốn trường hợp: 1. Hoặc là kiến không phải là xứ kiến: Nghĩa là tận trí, vô sinh trí không gồm thâu tuệ vô lậu duyên nơi thân. 2. Hoặc là xứ kiến không phải là kiến: Nghĩa là năm thức thân tương ưng với tuệ thiện. 3. Hoặc là kiến cũng là xứ kiến: Nghĩa là chánh kiến thế gian. 4. Hoặc không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến: Nghĩa là kiến không gồm thâu tuệ vô lậu duyên nơi thân.

Tuệ duyên nơi thọ hoặc là kiến không phải là xứ kiến, hoặc là kiến cũng là xứ kiến, hoặc không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến. Là kiến không phải là xứ kiến: Nghĩa là tận trí, vô sinh trí không gồm thâu tuệ vô lậu duyên nơi thọ. Là kiến cũng là xứ kiến: Nghĩa là chánh kiến thế gian. Không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến: Nghĩa là kiến không gồm thâu tuệ vô lậu duyên nơi thọ.

Như tuệ duyên nơi thọ, tuệ duyên nơi tâm, tuệ duyên nơi pháp cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến v.v...? Tất cả đều không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp v.v...? Tất cả đều không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển v.v...? Tất cả đều là tùy nghiệp chuyển không phải là nghiệp.

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có thấy v.v...? Tất cả đều không phải là sắc được tạo cũng không phải là sắc có thấy.

*

*** Bốn niệm trụ này:**

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có đối v.v...? Tất cả đều không phải là sắc được tạo cũng không phải là sắc có đối.

Bao nhiêu thứ vì khó thấy nên là thâm diệu v.v...? Tất cả vì khó thấy nên là thâm diệu, vì thâm diệu nên là khó thấy.

Bao nhiêu thứ là thiện không phải do thiện làm nhân v.v...? Tất cả đều là thiện cũng do thiện làm nhân.

Bao nhiêu thứ là bất thiện không phải do bất thiện làm nhân v.v...? Tất cả đều không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân.

Bao nhiêu thứ là vô ký không phải do vô ký làm nhân v.v...? Tất cả đều không phải là vô ký cũng không phải do vô ký làm nhân.

Bao nhiêu thứ là nhân duyên không có nhân v.v...? Tất cả đều là nhân duyên cũng là có nhân.

Bao nhiêu thứ là đấng vô gián không phải là đấng vô gián duyên v.v...? Tất cả nên phân biệt:

Nghĩa là tuệ duyên nơi thân hoặc là đấng vô gián không phải là đấng vô gián duyên, hoặc là đấng vô gián cũng là đấng vô gián duyên, hoặc không phải là đấng vô gián cũng không phải là đấng vô gián duyên. Là đấng vô gián không phải là đấng vô gián duyên: Nghĩa là vị lai, hiện tiền đang khởi tuệ duyên nơi thân. Là đấng vô gián cũng là đấng vô gián duyên: Nghĩa là tuệ duyên nơi thân ở quá khứ, hiện tại. Không phải là đấng vô gián cũng không phải là đấng vô gián duyên: Nghĩa là trừ vị lai, hiện tiền đang khởi tuệ duyên nơi thân, các thứ khác đều là tuệ duyên nơi thân vị lai.

Như tuệ duyên nơi thân, tuệ duyên nơi thọ, tuệ duyên nơi tâm, tuệ duyên nơi pháp cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là sở duyên duyên không có sở duyên v.v...? Tất cả đều là sở duyên duyên cũng có sở duyên.

Bao nhiêu thứ là tăng thượng duyên không có tăng thượng v.v...? Tất cả đều là tăng thượng duyên cũng có tăng thượng.

Bao nhiêu thứ là bộc lưu không phải là thuận bộc lưu v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các niệm trụ nếu hữu lậu là thuận bộc lưu không phải là bộc lưu, nếu vô lậu thì không phải là bộc lưu cũng không phải là thuận bộc lưu.

Lại có bốn niệm trụ:

Thế nào là Thân niệm trụ? Nghĩa là mười sắc xứ và sắc thuộc về pháp xứ.

Thế nào là Thọ niệm trụ? Nghĩa là sáu thọ thân.

Thế nào là Tâm niệm trụ? Nghĩa là sáu thức thân.

Thế nào là Pháp niệm trụ? Nghĩa là thọ không thân giữ pháp xứ không phải sắc.

*

*** Bốn niệm trụ này:**

Bao nhiêu thứ là có sắc v.v...? Một thứ là có sắc, ba thứ là không sắc.

Bao nhiêu thứ là có thấy v.v...? Ba thứ là không thấy, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là thân niệm trụ hoặc là có thấy, hoặc là không thấy. Thế nào là có thấy? Là một xứ. Thế nào là không thấy? Là chín xứ và phần ít của một xứ.

Bao nhiêu thứ là có đối v.v...? Ba thứ là không đối, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là thân niệm trụ hoặc là có đối, hoặc là không đối. Thế nào là có đối? Là mười xứ. Thế nào là không đối? Là phần ít của một xứ.

Bao nhiêu thứ là hữu lậu v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là thân niệm trụ hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là mười xứ và phần ít của một xứ. Thế nào là vô lậu? Là phần ít của một xứ.

Thọ niệm trụ hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là tác ý hữu lậu tương ưng với thọ uẩn. Thế nào là vô lậu? Là tác ý vô lậu tương ưng với thọ uẩn.

Như thọ niệm trụ, tâm niệm trụ cũng như vậy.

Pháp niệm trụ hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là các uẩn tướng, hành hữu lậu. Thế nào là vô lậu? Là các uẩn tướng, hành vô lậu và ba thứ vô vi.

Bao nhiêu thứ là hữu vi v.v...? Ba thứ là hữu vi, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp niệm trụ hoặc là hữu vi, hoặc là vô vi. Thế nào là hữu vi? Là tướng uẩn và hành uẩn. Thế nào là vô vi? Là ba thứ vô vi.

Bao nhiêu thứ có dị thực v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là thân niệm trụ hoặc có dị thực, hoặc không dị thực. Thế nào là có dị thực? Nghĩa là các sắc uẩn hữu lậu thiện, bất thiện. Thế nào là không dị thực? Nghĩa là các sắc uẩn vô lậu vô ký. Như thân niệm trụ, thọ niệm trụ, tâm niệm trụ, pháp niệm trụ cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là duyên sinh v.v...? Ba thứ là duyên sinh, là nhân sinh, là thuộc về thế gian. Một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp niệm trụ nếu là hữu vi là duyên sinh, là nhân sinh, thuộc về thế gian. Nếu là vô vi thì không phải là duyên sinh, không phải là nhân sinh, không thuộc về thế gian.

Bao nhiêu thứ thuộc về sắc v.v...? Một thứ thuộc về sắc, ba thứ thuộc về danh.

Bao nhiêu thứ thuộc về nội xứ v.v...? Một thứ thuộc về nội xứ, hai thứ thuộc về ngoại xứ, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là thân niệm trụ hoặc thuộc về nội xứ, hoặc thuộc về ngoại xứ. Thế nào là thuộc về nội xứ? Tức là năm nội xứ. Thế nào là thuộc về ngoại xứ? Là năm ngoại xứ và phần ít của một ngoại xứ.

Bao nhiêu thứ là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Tất cả đều là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

*** Bốn niệm trụ này:**

Bao nhiêu thứ đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các niệm trụ nếu là hữu lậu thì đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp, nếu là vô lậu thì không phải đoạn dứt.

Bao nhiêu thứ nên đoạn trừ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các niệm trụ nếu là hữu lậu thì nên đoạn trừ, nếu là vô lậu thì không đoạn trừ.

Bao nhiêu thứ nên tu v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là thân niệm trụ hoặc là nên tu, hoặc là không nên tu. Thế nào là nên tu? Là sắc uẩn thiện. Thế nào là không nên tu? Là các sắc uẩn bất thiện và vô ký.

Như thân niệm trụ, thọ niệm trụ, tâm niệm trụ cũng như vậy.

Pháp niệm trụ hoặc là nên tu, hoặc là không nên tu. Thế nào là nên tu? Là các uẩn tướng, hành thiện. Thế nào là không nên tu? Là các uẩn tướng hành bất thiện, vô ký và ba thứ vô vi.

Bao nhiêu thứ là nhiễm ô v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là thân niệm trụ hoặc là nhiễm ô, hoặc là không nhiễm ô. Thế nào là nhiễm ô? Là sắc uẩn hữu phú. Thế nào là không nhiễm ô? Là sắc uẩn vô phú. Như thân niệm trụ, thọ niệm trụ, tâm niệm trụ, pháp niệm trụ cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là quả không phải là có quả v.v...? Ba thứ là quả cũng là có quả, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp niệm trụ hoặc là quả không phải là có quả, hoặc là quả cũng là có quả, hoặc không phải là quả cũng không phải là có quả. Là quả không phải là có quả: Tức là trạch diệt. Là quả cũng là có quả: Tức là các uẩn hành, tướng. Không phải là quả cũng không phải là có quả: Tức là hư không và phi trạch diệt.

Bao nhiêu thứ có chấp thọ v.v...? Ba thứ không chấp thọ, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là thân niệm trụ hoặc là có chấp thọ, hoặc là không chấp thọ. Thế nào là có chấp thọ? Nghĩa là tự thể của nó gồm thân sắc uẩn. Thế nào là không chấp thọ? Nghĩa là tự thể của nó không gồm thân sắc uẩn.

Bao nhiêu thứ do các đại chủng tạo nên v.v...? Ba thứ không phải do các đại chủng tạo nên, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là thân niệm trụ hoặc do các đại chủng tạo nên, hoặc không phải do các đại chủng tạo nên. Thế nào là do các đại chủng tạo nên? Nghĩa là chín xứ và phần ít của hai xứ. Thế nào là không do các đại chủng tạo nên? Nghĩa là phần ít của một xứ.

Bao nhiêu thứ là hữu thượng v.v...? Ba thứ là hữu thượng, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp niệm trụ hoặc là hữu thượng, hoặc là vô thượng. Thế nào là hữu thượng? Tức là các uẩn hành, tướng và hư không phi trạch diệt. Thế nào là vô thượng? Tức là trạch diệt.

Bao nhiêu thứ là hữu v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các niệm trụ nếu hữu lậu là hữu, nếu vô lậu là không phải hữu.

Bao nhiêu thứ là nhân tương ưng v.v...? Một thứ là nhân không tương ưng, hai thứ là nhân tương ưng, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp niệm trụ nếu là tâm sở là nhân tương ưng, nếu không phải là tâm sở là nhân không tương ưng.

*

*** Bốn niệm trụ này:**

Cùng sáu xứ thiện gồm thân nhau: Sáu xứ thiện gồm thân phần ít của bốn niệm trụ, phần ít của bốn niệm trụ cũng gồm thân sáu xứ thiện.

Cùng năm xứ bất thiện gồm thân nhau: Năm xứ bất thiện gồm thân phần ít của bốn niệm trụ, phần ít của bốn niệm trụ cũng gồm thân năm xứ bất thiện.

Cùng bảy xứ vô ký gồm nhau: Bảy xứ vô ký gồm sáu phần ít của bốn niệm trụ, phần ít của bốn niệm trụ cũng gồm sáu xứ vô ký.

Cùng ba xứ lậu gồm nhau: Ba xứ lậu gồm sáu phần ít của một niệm trụ, phần ít của một niệm trụ cũng gồm sáu xứ lậu.

Cùng năm xứ hữu lậu gồm nhau: Năm xứ hữu lậu gồm sáu phần ít của bốn niệm trụ, phần ít của bốn niệm trụ cũng gồm sáu xứ hữu lậu.

Cùng tám xứ vô lậu gồm nhau: Tám xứ vô lậu gồm sáu phần ít của bốn niệm trụ, phần ít của bốn niệm trụ cũng gồm tám xứ vô lậu.

Bao nhiêu thứ thuộc quá khứ v.v...? Ba thứ hoặc thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp niệm trụ nếu là hữu vi thì hoặc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai, nếu là vô vi thì không thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai.

Bao nhiêu thứ là thiện v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là thân niệm trụ hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện, bất thiện? Tức là phần ít của ba xứ. Thế nào là vô ký? Tức là tám xứ và phần ít của hai xứ.

Thọ niệm trụ hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Tức là tác ý thiện tương ưng với thọ uẩn. Thế nào là bất thiện? Tức là tác ý bất thiện tương ưng với thọ uẩn. Thế nào là vô ký? Tức là tác ý vô ký tương ưng với thọ uẩn.

Như thọ niệm trụ, tâm niệm trụ cũng như vậy.

Pháp niệm trụ hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Tức là tưởng uẩn, hành uẩn thiện và trạch diệt. Thế nào là bất thiện? Tức là tưởng uẩn và hành uẩn bất thiện. Thế nào là vô ký? Tức là tưởng uẩn hành uẩn vô ký và hư không, phi trạch diệt.

Bao nhiêu thứ thuộc cõi Dục v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là Thân niệm trụ hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc là không hệ thuộc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Tức là hai xứ và phần ít của chín xứ. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Tức là phần ít của chín xứ. Thế nào là không hệ thuộc? Tức là phần ít của một xứ.

Thọ niệm trụ hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Nghĩa là tác ý tương ưng với thọ uẩn nơi cõi Dục. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Nghĩa là tác ý tương ưng với thọ uẩn nơi cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Vô sắc? Nghĩa là tác ý tương ưng với thọ uẩn nơi cõi Vô sắc. Thế nào là không hệ thuộc? Nghĩa là tác ý vô lậu tương ưng với thọ uẩn.

Như thọ niệm trụ, tâm niệm trụ cũng như thế.

Pháp niệm trụ hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Nghĩa là tưởng và hành uẩn nơi cõi Dục. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Nghĩa là tưởng và hành uẩn nơi cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Vô sắc? Nghĩa là tưởng và hành uẩn nơi cõi Vô sắc. Thế nào là không hệ thuộc? Nghĩa là tưởng và hành uẩn vô lậu cùng pháp vô vi.

Bao nhiêu thứ là học v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là thân niệm trụ hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học và vô học? Là phần ít của một xứ. Thế nào là phi học phi vô học? Là mười xứ và phần ít của một xứ.

Thọ niệm trụ hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học? Là tác ý hữu học tương ưng với thọ uẩn. Thế nào là vô học? Là tác ý vô học tương ưng với thọ uẩn. Thế nào là phi học phi vô học? Là tác ý hữu lậu tương ưng với thọ uẩn.

Như thọ niệm trụ, tâm niệm trụ cũng như vậy.

Pháp niệm trụ hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học? Là hành uẩn, tướng uẩn hữu học. Thế nào là vô học? Là hành uẩn, tướng uẩn vô học. Thế nào là phi học phi vô học? Là hành uẩn tướng uẩn hữu lậu và pháp vô vi.

*

*** Bốn niệm trụ này:**

Bao nhiêu thứ do kiến đạo đoạn trừ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là thân niệm trụ hoặc do tu đạo đoạn trừ, hoặc không đoạn trừ. Thế nào là do tu đạo đoạn trừ? Là mười xứ và phần ít của một xứ. Thế nào là không đoạn trừ? Là phần ít của một xứ.

Thọ niệm trụ hoặc do kiến đạo đoạn trừ, hoặc do tu đạo đoạn trừ, hoặc không đoạn trừ. Thế nào là do kiến đạo đoạn trừ? Là thọ niệm trụ nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành, hiện quán biên nhãn đã đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Tức là do kiến đạo đoạn trừ tám mươi tám tùy miên tương ưng với thọ uẩn. Thế nào là do tu đạo đoạn trừ? Là thọ niệm trụ nơi bậc học kiến tích tu tập đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Tức là do tu đạo đoạn trừ mười thứ tùy miên tương ưng với thọ uẩn cùng các thọ uẩn hữu lậu không nhiễm ô. Thế nào là không đoạn trừ? Là thọ uẩn vô lậu.

Như thân niệm trụ, tâm niệm trụ cũng như vậy.

Pháp niệm trụ hoặc do kiến đạo đoạn trừ, hoặc do tu đạo đoạn trừ, hoặc không đoạn trừ. Thế nào là do kiến đạo đoạn trừ? Là pháp niệm trụ nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành, hiện quán biên nhãn đã đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Tức là do kiến đạo đoạn trừ tám mươi tám tùy miên tương ưng với hành uẩn, tướng uẩn, cùng khởi tâm bất tương ưng hành. Thế nào là do tu đạo đoạn trừ? Là pháp niệm trụ nơi bậc học kiến tích tu tập đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Tức là do tu đạo đoạn trừ mười thứ tùy miên tương ưng với tướng uẩn, hành uẩn, cùng khởi tâm bất tương ưng hành, hoặc các tướng uẩn, hành uẩn hữu lậu

không nhiễm ô. Thế nào là không đoạn trừ? Là các hành uẩn, tướng uẩn vô lậu và pháp vô vi.

Bao nhiêu thứ là không phải tâm v.v...? Một thứ là không phải tâm, không phải tâm sở, không phải tâm tương ưng. Một thứ là tâm sở cùng tâm tương ưng. Một thứ chỉ là tâm. Một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp niệm trụ nếu có đối tượng duyên là tâm sở cùng tâm tương ưng, nếu không có đối tượng duyên là không phải tâm, không phải tâm sở, không phải tâm tương ưng.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ v.v...? Một thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ. Một thứ tương ưng với thọ không phải là tùy tâm chuyển. Hai thứ nên phân biệt:

Nghĩa là thân niệm trụ hoặc là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ, hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với thọ. Tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ: Nghĩa là tùy tâm chuyển nơi các nghiệp thân, ngữ. Các sắc uẩn còn lại không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với thọ.

Pháp niệm trụ hoặc là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ, hoặc là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với thọ, hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với thọ. Tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ: Là tùy tâm chuyển nơi tâm bất tương ưng hành. Tùy tâm chuyển cũng tương ưng với thọ: Là tướng uẩn tương ưng với hành uẩn. Không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với thọ: Là trừ tùy tâm chuyển nơi tâm bất tương ưng hành ra, còn lại là các tâm bất tương ưng hành và pháp vô vi.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tướng, hành v.v...? Nghĩa là trừ tự tánh của chúng, còn lại là như thọ, nên biết.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ v.v...? Tất cả nên phân biệt:

Nghĩa là thân niệm trụ hoặc là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ, hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với tứ. Tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ: Là tùy tâm chuyển nơi các nghiệp thân, ngữ. Các sắc uẩn còn lại không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với tứ.

Thọ niệm trụ hoặc có tâm có tứ, hoặc không tâm chỉ có tứ, hoặc không tâm không tứ. Thế nào là có tâm có tứ? Nghĩa là tác ý có tâm có tứ tương ưng với thọ uẩn. Thế nào là không tâm chỉ có tứ? Nghĩa là tác ý không tâm chỉ có tứ tương ưng với thọ uẩn. Thế nào là không tâm không tứ? Nghĩa là tác ý không tâm không tứ tương ưng với thọ uẩn.

Như thọ niệm trụ, tâm niệm trụ cũng như vậy.

Pháp niệm trụ có bốn trường hợp: 1. Hoặc là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ: Nghĩa là tùy tâm chuyển nơi tâm bất tương ưng hành và tâm tương ưng với tứ. 2. Hoặc là tương ưng với tứ không phải là tùy tâm chuyển: Nghĩa là tâm không tương ưng với tứ và tâm tương ưng với tướng uẩn, hành uẩn. 3. Hoặc là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với tứ: Nghĩa là tâm và tứ tương ưng với hành uẩn, tướng uẩn. 4. Hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với tứ: Nghĩa là trừ tùy tâm chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, còn lại là các tâm bất tương ưng hành và tâm không tương ưng với tứ, hoặc không tâm không tứ không phải là thọ tâm sở, hoặc là pháp vô vi.

Bao nhiêu thứ là kiến không phải là xứ kiến v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là thân niệm trụ hoặc là xứ kiến không phải là kiến, hoặc là kiến cũng là xứ kiến, hoặc không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến. Là xứ kiến không phải là kiến: Nghĩa là chín xứ và phần ít của một xứ. Là kiến cũng là xứ kiến: Nghĩa là một xứ. Không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến: Nghĩa là phần ít của một xứ.

Thọ niệm trụ nếu hữu lậu là xứ kiến không phải là kiến, nếu vô lậu thì không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến.

Như thọ niệm trụ, tâm niệm trụ cũng như vậy.

Pháp niệm trụ có bốn trường hợp: 1. Hoặc là kiến không phải là xứ kiến: Nghĩa là tận trí, vô sinh trí không gồm thân tuệ vô lậu. 2. Hoặc là xứ kiến không phải là kiến: Nghĩa là tướng uẩn hữu lậu và kiến không gồm thân hành uẩn hữu lậu. 3. Hoặc là kiến cũng là xứ kiến: Nghĩa là năm kiến nhiễm ô và chánh kiến thế gian. 4. Hoặc không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến: Nghĩa là tướng uẩn vô lậu và kiến không gồm thân hành uẩn vô lậu cùng pháp vô vi.

Bao nhiêu thứ là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là thân niệm trụ nếu nhiễm ô là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến. Nếu không nhiễm ô thì không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến.

Thọ niệm trụ hoặc là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến, hoặc là hữu thân kiến làm nhân cũng là nhân của hữu thân kiến, hoặc không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến. Hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là trừ ở quá khứ và hiện tại do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên tương ưng với thọ uẩn. Cũng trừ ở quá khứ và hiện tại do kiến tập đoạn trừ tùy miên biến hành tương ưng với thọ uẩn. Cũng trừ ở vị lai hữu thân kiến tương ưng với thọ uẩn, còn lại là các thọ uẩn nhiễm ô. Hữu thân kiến làm nhân cũng là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là các thọ uẩn đã trừ ở trước. Không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là các thọ uẩn không nhiễm ô.

Như thọ niệm trụ, tâm niệm trụ cũng như vậy.

Pháp niệm trụ hoặc là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến, hoặc là hữu thân kiến làm nhân cũng là nhân của hữu thân kiến, hoặc không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng

không phải là nhân của hữu thân kiến. Hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là trừ ở quá khứ, hiện tại do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên và các tướng uẩn, hành uẩn cùng có tương ưng với chúng. Cũng trừ ở quá khứ, hiện tại do kiến tập đoạn trừ các tùy miên biến hành và các tướng uẩn, hành uẩn cùng có tương ưng với chúng. Cũng trừ hữu thân kiến vị lai tương ưng với tướng uẩn, hành uẩn. Cũng trừ hữu thân kiến vị lai tương ưng với các pháp sinh, già, trụ, vô thường, còn lại là các uẩn tướng và hành nhiễm ô. Hữu thân kiến làm nhân cũng là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là các tướng uẩn, hành uẩn đã trừ ở trước. Không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là các tướng uẩn, hành uẩn không nhiễm ô và pháp vô vi.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp v.v...?

Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là thân niệm trụ hoặc là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp, hoặc là dị thực của nghiệp không phải là nghiệp, hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp. Là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp: Nghĩa là nghiệp thân, ngữ. Là dị thực của nghiệp không phải là nghiệp: Nghĩa là dị thực của nghiệp sinh ra sắc uẩn. Không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp: Nghĩa là trừ nghiệp và dị thực của nghiệp là sắc uẩn, còn lại là các sắc uẩn.

Thọ niệm trụ hoặc là dị thực của nghiệp không phải là nghiệp, hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp. Là dị thực của nghiệp không phải là nghiệp: Nghĩa là dị thực của nghiệp đã sinh thọ uẩn. Các thọ uẩn khác không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp.

Như thọ niệm trụ, tâm niệm trụ cũng như vậy.

Pháp niệm trụ có bốn trường hợp: 1. Hoặc là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp: Nghĩa là dị thực của nghiệp không gồm

thâu tư. 2. Hoặc là dị thực của nghiệp không phải là nghiệp: Nghĩa là tư không gồm thâu dị thực của nghiệp sinh các uẩn hành, tướng. 3. Hoặc là nghiệp cũng là dị thực của nghiệp: Nghĩa là nghiệp của dị thực đã sinh tư. 4. Hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp: Nghĩa là trừ các hành uẩn, tướng uẩn của nghiệp và dị thực của nghiệp, còn lại là các uẩn hành, tướng khác và pháp vô vi.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyên v.v...?

Hai thứ là tùy nghiệp chuyên không phải là nghiệp. Hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là thân niệm trụ có ba trường hợp: 1. Hoặc là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyên: Nghĩa là trừ tùy nghiệp chuyên nơi các nghiệp thân, ngữ, còn lại là các nghiệp thân, ngữ khác. 2. Hoặc là tùy nghiệp chuyên cũng là nghiệp: Nghĩa là các nghiệp thân, ngữ tùy nghiệp chuyên. 3. Hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là tùy nghiệp chuyên: Nghĩa là trừ sắc uẩn của nghiệp và tùy nghiệp chuyên, còn lại là các sắc uẩn khác.

Pháp niệm trụ cũng có ba trường hợp: 1. Hoặc là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyên: Nghĩa là tư. 2. Hoặc là tùy nghiệp chuyên không phải là nghiệp: Nghĩa là tướng uẩn cùng tư không gồm thâu. 3. Hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là tùy nghiệp chuyên: Nghĩa là trừ nghiệp và hành uẩn tùy nghiệp chuyên, còn lại là các hành uẩn khác và pháp vô vi.

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có thấy v.v...?

Ba thứ không phải sắc được tạo cũng không phải là sắc có thấy, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là thân niệm trụ có ba trường hợp: 1. Hoặc là sắc được tạo không phải là sắc có thấy: Nghĩa là tám xứ và phần ít của hai xứ. 2. Hoặc là sắc được tạo cũng là sắc có thấy: Nghĩa là một xứ. 3. Hoặc không phải là sắc được tạo cũng không phải là sắc có thấy: Nghĩa là phần ít của một xứ.

*** Bốn niệm trụ này:**

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có đối v.v...?
Ba thứ không phải là sắc được tạo cũng không phải là sắc có đối. Một thứ nên phân biệt: Nghĩa là thân niệm trụ có ba trường hợp: 1. Hoặc là sắc được tạo không phải là sắc có đối: Nghĩa là phần ít của một xứ. 2. Hoặc là sắc có đối không phải là sắc tạo: Nghĩa là phần ít của một xứ. 3. Hoặc là sắc được tạo cũng là sắc có đối: Nghĩa là chín xứ và phần ít của một xứ.

Bao nhiêu thứ vì khó thấy nên là thâm diệu v.v...? Tất cả vì khó thấy nên là thâm diệu, vì thâm diệu nên là khó thấy.

Bao nhiêu thứ là thiện không phải do thiện làm nhân v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là thân niệm trụ có ba trường hợp: 1. Hoặc là do thiện làm nhân không phải là thiện: Nghĩa là sắc uẩn do dị thực thiện sinh ra. 2. Hoặc là thiện cũng do thiện làm nhân: Nghĩa là sắc uẩn thiện. 3. Hoặc không phải là thiện cũng không phải do thiện làm nhân, nghĩa là trừ các sắc uẩn do dị thực thiện sinh ra, còn lại là các sắc uẩn bất thiện và vô ký.

Như thân niệm trụ, thọ niệm trụ, tâm niệm trụ cũng như vậy.

Pháp niệm trụ có bốn trường hợp: 1. Hoặc là thiện không phải do thiện làm nhân: Nghĩa là trạch diệt. 2. Hoặc do thiện làm nhân không phải là thiện: Nghĩa là các tướng uẩn, hành uẩn do dị thực thiện sinh ra. 3. Hoặc là thiện cũng do thiện làm nhân: Nghĩa là các tướng uẩn, hành uẩn thiện. 4. Hoặc không phải là thiện cũng không phải do thiện làm nhân: Nghĩa là trừ các tướng uẩn, hành uẩn do dị thực thiện sinh ra, còn lại là các hành uẩn, tướng uẩn bất thiện và vô ký khác cùng hư không, phi trạch diệt.

Bao nhiêu thứ là bất thiện không phải do bất thiện làm nhân v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là thân niệm trụ có ba trường hợp: 1. Hoặc là do bất thiện làm nhân không phải là bất thiện: Nghĩa là

sắc uẩn do dị thực bất thiện sinh ra. 2. Hoặc là bất thiện cũng do bất thiện làm nhân: Nghĩa là các sắc uẩn bất thiện. 3. Hoặc không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân: Nghĩa là trừ các sắc uẩn do dị thực bất thiện sinh ra, còn lại là các sắc uẩn thiện và vô ký.

Thọ niệm trụ cũng có ba trường hợp: 1. Hoặc là do bất thiện làm nhân không phải là bất thiện: Nghĩa là các thọ uẩn do dị thực bất thiện sinh ra và hữu thân kiến, biên chấp kiến tương ưng với thọ uẩn ở cõi Dục. 2. Hoặc là bất thiện cũng do bất thiện làm nhân: Nghĩa là các thọ uẩn bất thiện. 3. Hoặc không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân: Nghĩa là trừ thọ uẩn do dị thực bất thiện sinh ra. Cũng trừ hữu thân kiến, biên chấp kiến ở cõi Dục tương ưng với thọ uẩn, còn lại là các thọ uẩn thiện và vô ký.

Như thọ niệm trụ, tâm niệm trụ cũng như vậy.

Pháp niệm trụ cũng có ba trường hợp: 1. Hoặc là do bất thiện làm nhân không phải là bất thiện: Nghĩa là các uẩn hành, tướng do dị thực bất thiện sinh ra và hữu thân kiến, biên chấp kiến ở cõi Dục cùng các tướng uẩn, hành uẩn cùng có tương ưng với chúng. 2. Hoặc là bất thiện cũng do bất thiện làm nhân: Nghĩa là các tướng uẩn hành uẩn bất thiện. 3. Hoặc không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân: Nghĩa là trừ các hành uẩn, tướng uẩn do dị thực bất thiện sinh ra, cũng trừ hữu thân kiến, biên chấp kiến ở cõi Dục và các tướng uẩn, hành uẩn cùng có tương ưng với chúng, còn lại là các hành uẩn, tướng uẩn thiện và vô ký và ba thứ vô vi.

Bao nhiêu thứ là vô ký không phải do vô ký làm nhân v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là thân niệm trụ có ba trường hợp: 1. Hoặc là do vô ký làm nhân không phải là vô ký: Nghĩa là các sắc uẩn bất thiện. 2. Hoặc là vô ký cũng do vô ký làm nhân: Nghĩa là các sắc uẩn vô ký. 3. Hoặc không phải là vô ký cũng không phải do vô ký làm nhân: Nghĩa là các sắc uẩn thiện.

Như thân niệm trụ, thọ niệm trụ, tâm niệm trụ cũng như vậy.

Pháp niệm trụ có bốn trường hợp: 1. Hoặc là vô ký không phải do vô ký làm nhân: Nghĩa là hư không, phi trạch diệt. 2. Hoặc là do vô ký làm nhân không phải là vô ký: Nghĩa là các hành uẩn, tướng uẩn bất thiện. 3. Hoặc là vô ký cũng do vô ký làm nhân: Nghĩa là các hành uẩn, tướng uẩn vô ký. 4. Hoặc không phải là vô ký cũng không phải do vô ký làm nhân: Nghĩa là các uẩn hành, tướng thiện và trạch diệt.

Bao nhiêu thứ là nhân duyên không có nhân v.v...? Ba thứ là nhân duyên cũng là có nhân, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp niệm trụ nếu hữu vi là nhân duyên cũng là có nhân, nếu vô vi thì không phải là nhân duyên cũng không phải là có nhân.

Bao nhiêu thứ là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên v.v...? Một thứ không phải là đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là thọ niệm trụ có ba trường hợp: 1. Hoặc là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là các thọ uẩn ở vị lai, hiện tiền đang khởi và các thọ uẩn của bậc A-la-hán khi mạng chung ở quá khứ, hiện tại. 2. Hoặc là đẳng vô gián cũng là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là trừ thọ uẩn của bậc A-la-hán khi mạng chung ở quá khứ, hiện tại, còn lại là các thọ uẩn ở quá khứ, hiện tại. 3. Hoặc không phải là đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là trừ thọ uẩn ở vị lai, hiện tiền đang khởi, còn lại là các thọ uẩn vị lai.

Như thọ niệm trụ, tâm niệm trụ cũng như vậy.

Pháp niệm trụ có ba trường hợp: 1. Hoặc là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là không phải thọ tâm sở ở vị lai, hiện tiền đang khởi, cũng không phải thọ tâm sở ở quá khứ hoặc hiện tại khi bậc A-la-hán mạng chung và các định vô tướng diệt đã sinh đang dấy khởi. 2. Hoặc là đẳng vô gián cũng là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là trừ không phải thọ tâm sở của bậc A-la-hán khi mạng chung

ở quá khứ hoặc hiện tại, còn lại là các thứ không phải thọ tâm sở ở quá khứ, hoặc hiện tại. 3. Hoặc không phải là đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là trừ không phải thọ tâm sở ở vị lai, hiện tiền đang dấy khởi, còn lại là các thứ không phải thọ tâm sở của vị lai và trừ tâm bất tương ưng hành đẳng vô gián, còn lại là các tâm bất tương ưng hành khác và pháp vô vi.

Bao nhiêu thứ là sở duyên duyên không có sở duyên v.v...? Một thứ là sở duyên duyên không có sở duyên, hai thứ là sở duyên duyên cũng có sở duyên, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp niệm trụ nếu là tâm sở là sở duyên duyên cũng có sở duyên, nếu không phải là tâm sở là sở duyên duyên không có sở duyên.

Bao nhiêu thứ là tăng thượng duyên không có tăng thượng v.v...? Ba thứ là tăng thượng duyên cũng có tăng thượng, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp niệm trụ nếu hữu vi là tăng thượng duyên cũng có tăng thượng, nếu vô vi là tăng thượng duyên không có tăng thượng.

Bao nhiêu thứ là bộc lưu không phải là thuận bộc lưu v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là thân niệm trụ nếu hữu lậu là thuận bộc lưu không phải là bộc lưu, nếu vô lậu thì không phải là bộc lưu cũng không phải là thuận bộc lưu.

Như thân niệm trụ, thọ niệm trụ, tâm niệm trụ cũng như vậy.

Pháp niệm trụ có ba trường hợp: 1. Hoặc là thuận bộc lưu không phải là bộc lưu: Nghĩa là tướng uẩn hữu lậu và bộc lưu không gồm thân hành uẩn hữu lậu. 2. Hoặc là bộc lưu cũng là thuận bộc lưu: Nghĩa là bốn thứ bộc lưu. 3. Hoặc không phải là bộc lưu cũng không phải là thuận bộc lưu: Nghĩa là hành uẩn, tướng uẩn vô lậu và pháp vô vi.

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÂM LOẠI TỨC

QUYỀN 13

Phẩm 7: BIỆN VỀ NGÀN CÂU HỎI, phần 4

9. Bốn Thánh đế: *a. Khổ Thánh đế. b. Tập Thánh đế. c. Diệt Thánh đế. d. Đạo Thánh đế.*

*

*** Bốn Thánh đế này:**

Bao nhiêu thứ là có sắc v.v...? Một thứ là không sắc, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là khổ Thánh đế hoặc là có sắc, hoặc là không sắc. Thế nào là có sắc? Là mười xứ và phần ít của một xứ. Thế nào là không sắc? Là một xứ và phần ít của một xứ.

Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

Đạo Thánh đế nếu gồm thân các nghiệp thân, ngữ là có sắc, các thứ còn lại đều là không sắc.

Bao nhiêu thứ là có thấy v.v...? Hai thứ là không thấy, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là khổ Thánh đế hoặc là thấy, hoặc là không thấy. Thế nào là thấy? Là một xứ. Thế nào là không thấy? Là mười một xứ. Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là có đối v.v...? Hai thứ là không đối, hai thứ nên phân biệt: Khổ Thánh đế hoặc là có đối, hoặc là không đối. Thế nào

là có đối? Là mười xứ. Thế nào là không đối? Là hai xứ. Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là hữu lậu v.v...? Hai thứ là hữu lậu, hai thứ là vô lậu.

Bao nhiêu thứ là hữu vi v.v...? Ba thứ là hữu vi, một thứ là vô vi.

Bao nhiêu thứ có dị thực v.v...? Hai thứ là không có dị thực, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là khổ Thánh đế hoặc có dị thực, hoặc không có dị thực. Thế nào là có dị thực? Là khổ đế thiện, bất thiện. Thế nào là không có dị thực? Là khổ đế vô ký. Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là duyên sinh v.v...? Ba thứ là duyên sinh, là nhân sinh, là thuộc về thế gian. Một thứ không phải là duyên sinh, không phải là nhân sinh, không thuộc về thế gian.

Bao nhiêu thứ thuộc về sắc v.v...? Một thứ thuộc về danh, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là khổ Thánh đế hoặc thuộc về sắc, hoặc thuộc về danh. Thế nào là thuộc về sắc? Là mười xứ và phần ít của một xứ. Thế nào là thuộc về danh? Là một xứ và phần ít của một xứ.

Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

Đạo Thánh đế nếu gồm thấu các nghiệp thân, ngữ là thuộc về sắc, các thứ còn lại đều thuộc về danh.

Bao nhiêu thứ thuộc về nội xứ v.v...? Một thứ thuộc về ngoại xứ, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là khổ Thánh đế hoặc thuộc về nội xứ, hoặc thuộc về ngoại xứ. Thế nào là thuộc về nội xứ? Là sáu nội xứ. Thế nào là thuộc về ngoại xứ? Là sáu ngoại xứ.

Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

Đạo Thánh đế gồm thấu tâm ý thức là thuộc về nội xứ, ngoài ra đều thuộc về ngoại xứ.

Bao nhiêu thứ là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Tất cả đều là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

*

*** Bốn Thánh đế này:**

Bao nhiêu thứ đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Hai thứ đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp. Hai thứ không đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

Bao nhiêu thứ nên đoạn trừ v.v...? Hai thứ nên đoạn trừ. Hai thứ không nên đoạn trừ.

Bao nhiêu thứ nên tu v.v...? Một thứ nên tu. Một thứ không nên tu. Hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là khổ Thánh đế hoặc nên tu, hoặc không nên tu. Thế nào là nên tu? Là các khổ đế thiện. Thế nào là không nên tu? Là các khổ đế bất thiện và vô ký. Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là nhiễm ô v.v...? Hai thứ là không nhiễm ô. Hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là khổ Thánh đế hoặc là nhiễm ô, hoặc là không nhiễm ô. Thế nào là nhiễm ô? Nghĩa là khổ đế hữu phú. Thế nào là không nhiễm ô? Nghĩa là khổ đế vô phú. Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là quả không phải là có quả v.v...? Ba thứ là quả cũng là có quả, một thứ là quả không phải là có quả.

Bao nhiêu thứ có chấp thọ v.v...? Hai thứ không chấp thọ, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là khổ Thánh đế hoặc là có chấp thọ, hoặc là không chấp thọ. Thế nào là có chấp thọ? Là tự thể của nó thâm giữ khổ đế. Thế nào là không chấp thọ? Là tự thể của nó không thâm giữ khổ đế. Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ do các đại chủng tạo nên v.v...? Một thứ không phải do các đại chủng tạo nên, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là khổ Thánh đế hoặc do các đại chủng tạo nên, hoặc không do các đại chủng tạo nên. Thế nào là do các đại chủng tạo nên? Là chín xứ và phần ít của hai xứ. Thế nào là không do các đại chủng tạo nên? Là một xứ và phần ít của hai xứ.

Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

Đạo Thánh đế thâm nhận các nghiệp thân ngữ là do các đại chủng tạo nên, ngoài ra không phải do các đại chủng tạo nên.

Bao nhiêu thứ là hữu thượng v.v...? Ba thứ là hữu thượng, một thứ là vô thượng.

Bao nhiêu thứ là hữu v.v...? Hai thứ là hữu, hai thứ là không phải hữu .

Bao nhiêu thứ là nhân tương ưng v.v...? Một thứ là nhân tương ưng, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là khổ Thánh đế thâm nhận các sắc, tâm bất tương ưng hành là nhân không tương ưng, các thứ còn lại đều là nhân tương ưng.

Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

Đạo Thánh đế thâm nhận các nghiệp thân ngữ, tâm bất tương ưng hành là nhân không tương ưng, ngoài ra đều là nhân tương ưng.

*

*** Bốn Thánh đế này:**

Cùng sáu xứ thiện gồm nhau: Sáu xứ thiện gồm sáu đế và phần ít của hai đế, hai đế và phần ít của hai đế cũng gồm sáu xứ thiện.

Cùng năm xứ bất thiện gồm nhau: Năm xứ bất thiện gồm năm phần ít của hai đế, phần ít của hai đế cùng gồm năm xứ bất thiện.

Cùng bảy xứ vô ký gồm nhau: Có bốn trường hợp: 1. Hoặc là xứ vô ký không phải là đế: Nghĩa là hư không, phi trạch diệt. 2. Hoặc là đế không phải là xứ vô ký: Nghĩa là hai đế và phần ít của hai đế. 3. Hoặc là xứ vô ký cũng là đế: Nghĩa là phần ít của hai đế. 4. Hoặc không phải là xứ vô ký cũng không phải là đế: Nghĩa là việc này không thể xảy ra.

Cùng ba xứ lậu gồm nhau: Ba xứ lậu gồm nhau phần ít của hai đế, phần ít của hai đế cũng gồm nhau ba xứ lậu.

Cùng năm xứ hữu lậu gồm nhau: Năm xứ hữu lậu gồm nhau hai đế, hai đế cũng gồm nhau năm xứ hữu lậu.

Cùng tám xứ vô lậu gồm nhau: Có bốn trường hợp: 1. Hoặc là xứ vô lậu không phải đế: Nghĩa là hư không, phi trạch diệt. 2. Hoặc là đế không phải là xứ vô lậu: Nghĩa là hai đế. 3. Hoặc là xứ vô lậu cũng là đế: Nghĩa là hai đế. 4. Hoặc không phải là xứ vô lậu cũng không phải là đế: Điều này không thể có.

Bao nhiêu thứ thuộc quá khứ v.v...? Ba thứ hoặc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai. Một thứ không thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai.

Bao nhiêu thứ là thiện v.v...? Hai thứ là thiện, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là khổ Thánh đế hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Nghĩa là khổ Thánh đế gồm nhau năm uẩn thiện. Thế nào là bất thiện? Nghĩa là khổ Thánh đế gồm nhau năm uẩn bất thiện. Thế nào là vô ký? Nghĩa là khổ Thánh đế gồm nhau năm uẩn vô ký. Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ thuộc cõi Dục v.v...? Hai thứ không hệ thuộc, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là khổ Thánh đế hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là khổ Thánh đế gồm nhau năm uẩn thuộc cõi Dục. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là khổ Thánh đế gồm nhau năm uẩn thuộc cõi Sắc. Thế nào là

thuộc cõi Vô sắc? Là khổ Thánh đế gồm sáu năm uẩn thuộc cõi Vô sắc. Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là học v.v...? Ba thứ là phi học phi vô học, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là đạo Thánh đế hoặc là học, hoặc là vô học. Thế nào là học? Là năm uẩn hữu học. Thế nào là vô học? Là năm uẩn vô học.

*

*** Bốn Thánh đế này:**

Bao nhiêu thứ do kiến đạo đoạn trừ v.v...? Hai thứ không phải đoạn trừ, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là khổ Thánh đế hoặc do kiến đạo đoạn trừ, hoặc do tu đạo đoạn trừ. Thế nào là do kiến đạo đoạn trừ? Nghĩa là khổ Thánh đế nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành, hiện quán biên nhãn đã đoạn trừ. Đây lại là thế nào? Tức là do kiến đạo đoạn trừ tám mươi tám thứ tùy miên tương ưng với khổ đế cùng khởi tâm bất tương ưng hành. Thế nào là do tu đạo đoạn trừ? Nghĩa là khổ đế nơi bậc học kiến tích tu tập đoạn trừ. Đây lại là thế nào? Tức là do tu đạo đoạn trừ mười thứ tùy miên tương ưng với khổ đế cùng khởi các nghiệp thân ngữ có tâm bất tương ưng hành, hoặc là khổ đế không nhiễm ô. Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là không phải tâm v.v...? Một thứ là không phải tâm, không phải tâm sở, không phải tâm tương ưng. Ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là khổ Thánh đế sáu giữ sắc và tâm bất tương ưng hành là không phải tâm, không phải tâm sở, không phải tâm tương ưng. Các thọ uẩn, tưởng uẩn tương ưng với hành uẩn là tâm sở cùng tâm tương ưng. Tâm ý thức chỉ là tâm.

Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

Đạo Thánh đế gồm sáu nghiệp thân, ngữ tâm bất tương ưng hành là không phải tâm, không phải tâm sở, không phải tâm tương

ung. Các thọ uẩn, tướng uẩn tương ung với hành uẩn là tâm sở cùng tâm tương ung. Tâm ý thức chỉ là tâm.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ung với thọ v.v...?

Một thứ không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ung với thọ, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là khổ Thánh đế có bốn trường hợp: 1. Hoặc là tùy tâm chuyển không tương ung với thọ: Nghĩa là tùy tâm chuyển nơi các nghiệp thân, ngữ có tâm bất tương ung hành và thọ. 2. Hoặc là tương ung với thọ không phải là tùy tâm chuyển: Nghĩa là tâm ý thức. 3. Hoặc là tùy tâm chuyển cũng tương ung với thọ: Nghĩa là tướng uẩn và hành uẩn tương ung. 4. Hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ung với thọ: Nghĩa là trừ tùy tâm chuyển nơi các nghiệp thân, ngữ có tâm bất tương ung hành, ngoài ra là các sắc, tâm bất tương ung hành khác.

Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

Đạo Thánh đế cũng có bốn trường hợp: 1. Hoặc là tùy tâm chuyển không tương ung với thọ: Nghĩa là các nghiệp thân, ngữ và tùy tâm chuyển nơi tâm bất tương ung hành và thọ. 2. Hoặc là tương ung với thọ không phải là tùy tâm chuyển: Nghĩa là tâm ý thức. 3. Hoặc là tùy tâm chuyển cũng tương ung với thọ: Nghĩa là tướng uẩn và hành tương ung. 4. Hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ung với thọ: Nghĩa là trừ tùy tâm chuyển nơi tâm bất tương ung hành, còn lại là tâm bất tương ung hành khác.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ung với tướng, hành v.v...? Nghĩa là trừ tự tánh của chúng, ngoài ra cũng như thọ, nên biết.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ung với tứ v.v...?

Một thứ không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ung với tứ, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là khổ Thánh đế có bốn trường hợp: 1. Hoặc là tùy tâm chuyển không tương ung với tứ: Nghĩa là tùy tâm

chuyên nơi các nghiệp thân, ngữ có tâm bất tương ưng hành và tâm tương ưng với tứ. 2. Hoặc là tương ưng với tứ không phải là tùy tâm chuyên: Nghĩa là tâm không tương ưng với tứ, tâm tương ưng với tâm, tâm sở nơi khổ đế. 3. Hoặc là tùy tâm chuyên cũng tương ưng với tứ: Nghĩa là tâm và tứ tương ưng với tâm, tâm sở nơi khổ đế. 4. Hoặc không phải là tùy tâm chuyên cũng không tương ưng với tứ: Nghĩa là trừ tùy tâm chuyên nơi các nghiệp thân, ngữ có tâm bất tương ưng hành, còn lại là các sắc có tâm bất tương ưng hành khác cùng tâm không tương ưng với tứ, và tâm, tâm sở nơi khổ đế không tâm không tứ

Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

Đạo Thánh đế cũng có bốn trường hợp: 1. Hoặc là tùy tâm chuyên không tương ưng với tứ: Nghĩa là tùy tâm chuyên nơi các nghiệp thân, ngữ, tâm bất tương ưng hành và tâm tương ưng với tứ. 2. Hoặc là tương ưng với tứ không phải là tùy tâm chuyên: Nghĩa là tâm không tương ưng với tứ, tâm tương ưng với tâm, tâm sở pháp. 3. Hoặc là tùy tâm chuyên cũng tương ưng với tứ: Nghĩa là tâm và tứ cùng tương ưng với tâm, tâm sở pháp. 4. Hoặc không phải là tùy tâm chuyên cũng không tương ưng với tứ: Nghĩa là trừ tùy tâm chuyên nơi các nghiệp thân, ngữ có tâm bất tương ưng hành, còn lại là các nghiệp thân, ngữ có tâm bất tương ưng hành khác và tâm không tương ưng với tứ, cùng với các tâm, tâm sở pháp không tâm không tứ.

Bao nhiêu thứ là kiến không phải là xứ kiến v.v...? Một thứ không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là khổ Thánh đế hoặc là kiến cũng là xứ kiến, hoặc là xứ kiến không phải là kiến. Hoặc là kiến cũng là xứ kiến: Nghĩa là nhãn căn nhìn thấy năm thứ nhiễm ô cùng chánh kiến thế gian, các thứ còn lại đều là xứ kiến không phải là kiến.

Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

Đạo Thánh để gồm thân tận trí, vô sinh trí, không thân nhận tuệ là kiến không phải là xứ kiến. Các thứ khác đều không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến.

Bao nhiêu thứ là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến v.v...? Hai thứ không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là khổ Thánh đế hoặc là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến, hoặc là hữu thân kiến làm nhân cũng là nhân của hữu thân kiến, hoặc không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến. Hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là trừ ở quá khứ và hiện tại do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên tương ưng với khổ đế cùng có v.v... Cũng trừ ở quá khứ, hiện tại do kiến tập đoạn trừ các tùy miên biến hành tương ưng với khổ đế cùng có. Lại cũng trừ ở vị lai nhân của hữu thân kiến tương ưng với khổ đế. Cũng trừ ở vị lai hữu thân kiến tương ưng với các pháp sinh, già, trụ, vô thường, còn lại là các khổ đế nhiễm ô. Hữu thân kiến làm nhân cũng là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là các khổ đế đã trừ ở trước. Không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là các khổ đế không nhiễm ô. Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp v.v...? Một thứ không phải là nghiệp cũng không phải dị thực của nghiệp, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là khổ Thánh đế có bốn trường hợp: 1. Hoặc là nghiệp không phải dị thực của nghiệp: Nghĩa là các nghiệp thân, ngữ và dị thực của nghiệp không gồm thân tư. 2. Hoặc là dị thực của nghiệp không phải là nghiệp: Nghĩa là tư không gồm thân dị thực của nghiệp sinh ra khổ đế. 3. Hoặc là nghiệp cũng là dị thực của nghiệp: Nghĩa là dị thực của nghiệp sinh ra tư. 4. Hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp: Nghĩa là trừ nghiệp và dị thực của nghiệp sinh ra khổ đế, còn lại là các khổ đế khác.

Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

Đạo Thánh đế gồm thân các nghiệp thân, ngữ và tư là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp, ngoài ra đều không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển v.v...?
 Một thứ không phải là nghiệp cũng không phải là tùy nghiệp chuyển, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là khổ Thánh đế có bốn trường hợp: 1. Hoặc là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là trừ tùy nghiệp chuyển nơi các nghiệp thân, ngữ, còn lại là các nghiệp thân, ngữ và tư. 2. Hoặc là tùy nghiệp chuyển không phải là nghiệp: Nghĩa là các uẩn thọ, tưởng, thức và tư không gồm thân hành uẩn của tùy nghiệp chuyển. 3. Hoặc là nghiệp cũng là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là các nghiệp thân, ngữ của tùy nghiệp chuyển. 4. Hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là trừ nghiệp và tùy nghiệp chuyển nơi khổ đế, còn lại là các khổ đế khác.

Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

Đạo Thánh đế có bốn trường hợp: 1. Hoặc là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là tư. 2. Hoặc là tùy nghiệp chuyển không phải là nghiệp: Nghĩa là các uẩn thọ tưởng, thức và tư không gồm thân hành uẩn của tùy nghiệp chuyển. 3. Hoặc là nghiệp cũng là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là các nghiệp thân, ngữ. 4. Hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là trừ tùy nghiệp chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, còn lại là các tâm bất tương ưng hành khác.

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có thấy v.v...?
 Một thứ không phải sắc được tạo cũng không phải là sắc có thấy, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là khổ Thánh đế có ba trường hợp: 1. Hoặc là sắc được tạo không phải là sắc có thấy: Nghĩa là tám xứ và phần ít của hai xứ. 2. Hoặc là sắc được tạo cũng là sắc có thấy: Nghĩa là một

xứ. 3. Hoặc không phải là sắc tạo cũng không phải là sắc có thấy: Nghĩa là một xứ và phần ít của hai xứ.

Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

Đạo Thánh đế gồm sáu nghiệp thân ngữ là sắc được tạo không phải là sắc có thấy, ngoài ra đều không phải sắc được tạo cũng không phải là sắc có thấy.

*

*** Bốn Thánh đế này:**

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có đối v.v...? Một thứ không phải là sắc được tạo cũng không phải là sắc có đối. Ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là khổ Thánh đế có bốn trường hợp: 1. Hoặc là sắc được tạo không phải là sắc có đối: Nghĩa là phần ít của một xứ. 2. Hoặc là sắc có đối không phải là sắc được tạo: Nghĩa là phần ít của một xứ. 3. Hoặc là sắc được tạo cũng là sắc có đối: Nghĩa là chín xứ và phần ít của một xứ. 4. Hoặc không phải là sắc được tạo cũng không phải là sắc có đối: Nghĩa là một xứ và phần ít của một xứ.

Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

Đạo Thánh đế gồm sáu nghiệp thân, ngữ là sắc được tạo không phải là sắc có đối, ngoài ra đều không phải là sắc được tạo cũng không phải là sắc có đối.

Bao nhiêu thứ vì khó thấy nên là thâm diệu v.v...? Tất cả là vì khó thấy nên là thâm diệu, vì thâm diệu nên là khó thấy.

Bao nhiêu thứ là thiện không phải do thiện làm nhân v.v...? Một thứ là thiện không phải do thiện làm nhân, một thứ là thiện cũng do thiện làm nhân, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là khổ Thánh đế có ba trường hợp: 1. Hoặc là do thiện làm nhân không phải là thiện: Nghĩa là khổ đế do dị thực thiện sinh ra. 2. Hoặc là thiện cũng do thiện làm nhân: Nghĩa là khổ đế thiện. 3. Hoặc không phải là thiện cũng không

phải do thiện làm nhân: Nghĩa là trừ khổ để do dị thực thiện sinh ra, còn lại là các khổ để bất thiện và vô ký. Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là bất thiện không phải do bất thiện làm nhân v.v...? Hai thứ không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là khổ Thánh đế có ba trường hợp: 1. Hoặc là do bất thiện làm nhân không phải là bất thiện: Nghĩa là khổ để do dị thực bất thiện sinh ra và hữu thân kiến, biên chấp kiến ở cõi Dục tương ưng với khổ để cùng có. 2. Hoặc là bất thiện cũng do bất thiện làm nhân: Nghĩa là khổ để bất thiện. 3. Hoặc không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân: Nghĩa là trừ khổ để do dị thực bất thiện sinh ra và trừ hữu thân kiến, biên chấp kiến thuộc cõi Dục tương ưng với khổ để cùng có, còn lại là các khổ để thiện và vô ký. Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là vô ký không phải do vô ký làm nhân v.v...? Hai thứ không phải là vô ký cũng không phải do vô ký làm nhân, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là khổ Thánh đế có ba trường hợp: 1. Hoặc là do vô ký làm nhân không phải là vô ký: Nghĩa là khổ để bất thiện. 2. Hoặc là vô ký cũng do vô ký làm nhân: Nghĩa là khổ để vô ký. 3. Hoặc không phải là vô ký cũng không phải do vô ký làm nhân: Nghĩa là khổ để thiện. Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là nhân duyên không có nhân v.v...? Ba thứ là nhân duyên cũng là có nhân, một thứ không phải là nhân duyên cũng không có nhân.

Bao nhiêu thứ là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên v.v...? Một thứ không phải là đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên. Ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là khổ Thánh đế có ba trường hợp: 1. Hoặc là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là tâm, tâm sở nơi khổ để ở vị lai hiện tiền đang dấy khởi cùng khổ để nơi tâm, tâm sở của bậc A-la-hán mạng chung ở quá khứ hoặc hiện tại

cùng các thứ định vô tướng diệt đã sinh đang khởi. 2. Hoặc là đẳng vô gián cũng là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là trừ khổ đế của tâm, tâm sở nơi bậc A-la-hán mạng chung ở quá khứ hoặc hiện tại, còn lại là các tâm, tâm sở nơi khổ đế quá khứ, hiện tại. 3. Hoặc không phải là đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là trừ các tâm, tâm sở nơi khổ đế ở vị lai hiện tiền đang khởi, các thứ còn lại là khổ đế của tâm, tâm sở ở vị lai. Trừ tâm bất tương ưng hành đẳng vô gián, còn lại là tâm bất tương ưng hành khác và sắc nơi khổ đế.

Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

Đạo Thánh đế có ba trường hợp: 1. Hoặc là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là tâm, tâm sở nơi đạo đế vị lai hiện tiền đang dậy khởi. 2. Hoặc là đẳng vô gián cũng là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là tâm, tâm sở nơi đạo đế ở quá khứ và hiện tại. 3. Hoặc không phải là đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là trừ tâm, tâm sở nơi đạo đế ở vị lai, hiện tiền đang dậy khởi, còn lại là các tâm, tâm sở nơi đạo đế ở vị lai cùng đạo đế nơi các nghiệp thân ngữ có tâm bất tương ưng hành.

Bao nhiêu thứ là sở duyên duyên không có sở duyên v.v...? Một thứ là sở duyên duyên không có sở duyên, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là khổ Thánh đế gồm thân các sắc, tâm bất tương ưng hành là sở duyên duyên không có sở duyên, còn các khổ đế khác đều là sở duyên duyên cũng có sở duyên.

Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

Đạo Thánh đế gồm thân các nghiệp thân ngữ có tâm bất tương ưng hành là sở duyên duyên không có sở duyên, còn các đạo đế khác đều là sở duyên duyên cũng có sở duyên.

Bao nhiêu thứ là tăng thượng duyên không có tăng thượng v.v...? Một thứ là tăng thượng duyên không có tăng thượng, ba thứ là tăng thượng duyên cũng có tăng thượng.

Bao nhiêu thứ là bực lưu không phải là thuận bực lưu v.v...? Hai thứ không phải là bực lưu cũng không phải là thuận bực lưu, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là khổ Thánh đế hoặc là bực lưu cũng là thuận bực lưu, hoặc là thuận bực lưu không phải là bực lưu. Là bực lưu cũng là thuận bực lưu: Nghĩa là bốn bực lưu. Còn các khổ đế khác là thuận bực lưu không phải là bực lưu. Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

**

10. Bốn Tĩnh lự: *a. Tĩnh lự thứ nhất. b. Tĩnh lự thứ hai. c. Tĩnh lự thứ ba. d. Tĩnh lự thứ tư.*

*

*** Bốn Tĩnh lự này:**

Bao nhiêu thứ là có sắc v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các tĩnh lự gồm thâm các nghiệp thân, ngữ là có sắc, ngoài ra đều là không sắc.

Bao nhiêu thứ là có thấy v.v...? Tất cả đều là không thấy.

Bao nhiêu thứ là có đối v.v...? Tất cả đều là không đối.

Bao nhiêu thứ là hữu lậu v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các tĩnh lự hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là các tĩnh lự thâm giữ năm uẩn hữu lậu. Thế nào là vô lậu? Là các tĩnh lự thâm giữ năm uẩn vô lậu.

Bao nhiêu thứ là hữu vi v.v...? Tất cả đều là hữu vi.

Bao nhiêu thứ có dị thực v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các tĩnh lự nếu là hữu lậu thì có dị thực, nếu là vô lậu thì không có dị thực.

Bao nhiêu thứ là duyên sinh v.v...? Tất cả đều là duyên sinh, là nhân sinh, là thuộc về thế gian.

Bao nhiêu thứ thuộc về sắc v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các tính lự thủ giữ các nghiệp thân, ngữ là thuộc về sắc, ngoài ra là thuộc về danh.

Bao nhiêu thứ thuộc về nội xứ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các tính lự thủ giữ tâm ý thức là thuộc về nội xứ, ngoài ra là thuộc về ngoại xứ.

Bao nhiêu thứ là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Tất cả đều là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

*

*** Bốn Tính lự này:**

Bao nhiêu thứ đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các tính lự nếu là hữu lậu thì đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp, nếu là vô lậu thì không đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

Bao nhiêu thứ nên đoạn trừ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các tính lự nếu là hữu lậu thì nên đoạn trừ, nếu là vô lậu thì không nên đoạn trừ.

Bao nhiêu thứ nên tu v.v...? Tất cả đều nên tu.

Bao nhiêu thứ là nhiễm ô v.v...? Tất cả đều là không nhiễm ô.

Bao nhiêu thứ là quả không phải là có quả v.v...? Tất cả đều là quả cũng là có quả.

Bao nhiêu thứ có chấp thọ v.v...? Tất cả đều không có chấp thọ.

Bao nhiêu thứ do các đại chủng tạo nên v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các tính lự thủ giữ các nghiệp thân, ngữ là do các đại chủng tạo nên, ngoài ra đều không phải do các đại chủng tạo nên.

Bao nhiêu thứ là hữu thượng v.v...? Tất cả đều là hữu thượng.

Bao nhiêu thứ là hữu v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các tính lự nếu hữu lậu là hữu, nếu vô lậu là không phải hữu.

Bao nhiêu thứ là nhân tương ưng v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các tính lự thấu giữ các nghiệp thân, ngữ có tâm bất tương ưng hành là nhân không tương ưng, ngoài ra đều là nhân tương ưng.

*

*** Bốn Tính lự này:**

Cùng sáu xứ thiện gồm thấu nhau: Phần ít của năm xứ thiện gồm thấu bốn Tính lự, bốn Tính lự cũng gồm thấu phần ít của năm xứ thiện.

Cùng năm xứ bất thiện gồm thấu nhau: Là chúng không cùng gồm thấu.

Cùng bảy xứ vô ký gồm thấu nhau: Là chúng không cùng gồm thấu.

Cùng ba xứ lậu gồm thấu nhau: Là chúng không cùng gồm thấu.

Cùng năm xứ hữu lậu gồm thấu nhau: Có bốn trường hợp: 1. Hoặc là xứ hữu lậu không phải là tính lự: Nghĩa là tính lự không gồm thấu năm uẩn hữu lậu. 2. Hoặc là tính lự không phải là xứ hữu lậu: Nghĩa là bốn thứ tính lự vô lậu. 3. Hoặc là xứ hữu lậu cũng là tính lự: Nghĩa là bốn thứ tính lự hữu lậu. 4. Hoặc không phải là xứ hữu lậu cũng không phải là tính lự: Nghĩa là các tính lự không gồm thấu năm uẩn vô lậu và các pháp vô vi.

Cùng tám xứ vô lậu gồm thấu nhau: Có bốn trường hợp: 1. Hoặc là xứ vô lậu không phải là tính lự: Nghĩa là tính lự không gồm thấu năm uẩn vô lậu và pháp vô vi. 2. Hoặc là tính lự không phải là xứ vô lậu: Nghĩa là bốn thứ tính lự hữu lậu. 3. Hoặc là xứ vô lậu cũng là tính lự: Nghĩa là bốn thứ tính lự vô lậu. 4. Hoặc không phải là xứ

vô lậu cũng không phải là tĩnh lự: Nghĩa là các tĩnh lự không gồm thân năm uẩn hữu lậu.

Bao nhiêu thứ thuộc quá khứ v.v...? Tất cả đều thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai.

Bao nhiêu thứ là thiện v.v...? Tất cả đều là thiện.

Bao nhiêu thứ thuộc cõi Dục v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các tĩnh lự nếu là hữu lậu thì thuộc cõi Sắc, nếu là vô lậu thì không hệ thuộc.

Bao nhiêu thứ là học v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các tĩnh lự hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học? Nghĩa là các tĩnh lự gồm thân các uẩn hữu học. Thế nào là vô học? Nghĩa là các tĩnh lự gồm thân các uẩn vô học. Thế nào là phi học phi vô học? Nghĩa là các tĩnh lự gồm thân năm uẩn hữu lậu.

*

*** Bốn Tĩnh lự này:**

Bao nhiêu thứ do kiến đạo đoạn trừ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các tĩnh lự nếu là hữu lậu thì do tu đạo đoạn trừ, nếu là vô lậu thì không đoạn trừ.

Bao nhiêu thứ là không phải tâm v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các tĩnh lự gồm thân các nghiệp thân, ngũ có tâm bất tương ưng hành là không phải tâm, không phải tâm sở, không phải tâm tương ưng. Các thọ uẩn, tướng uẩn tương ưng với hành uẩn là tâm sở cùng tâm tương ưng. Tâm ý thức chỉ là tâm.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là mỗi thứ có bốn trường hợp: 1. Hoặc là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ: Nghĩa là các tĩnh lự gồm thân các nghiệp thân, ngũ và tùy tâm chuyển có tâm bất tương ưng hành cùng với thọ. 2. Hoặc tương ưng với thọ không phải là tùy tâm

chuyên: Nghĩa là các tĩnh lự thấu giữ các tâm ý thức. 3. Hoặc là tùy tâm chuyên cũng tương ứng với thọ: Nghĩa là các tĩnh lự thấu giữ các tướng uẩn và tương ứng với hành uẩn. 4. Hoặc không phải là tùy tâm chuyên cũng không tương ứng với thọ: Nghĩa là trừ tĩnh lự gồm thấu tùy tâm chuyên có tâm bất tương ứng hành, còn lại là các tĩnh lự gồm thấu tâm bất tương ứng hành.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyên không tương ứng với tướng, hành v.v...? Nghĩa là trừ tự tánh của chúng, ngoài ra cũng như thọ, nên biết.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyên không tương ứng với tứ v.v...? Ba thứ không phải là tùy tâm chuyên cũng không tương ứng với tứ, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là tĩnh lự thứ nhất có bốn trường hợp: 1. Hoặc là tùy tâm chuyên không tương ứng với tứ: Nghĩa là tĩnh lự thứ nhất gồm thấu các nghiệp thân, ngữ và tùy tâm chuyên có tâm bất tương ứng hành cùng tứ. 2. hoặc là tương ứng với tứ không phải là tùy tâm chuyên: Nghĩa là tĩnh lự thứ nhất đã gồm thấu tâm. 3. Hoặc là tùy tâm chuyên cũng tương ứng với tứ: Nghĩa là tĩnh lự thứ nhất gồm thấu tâm, tứ tương ứng với tâm, tâm sở pháp. 4. Hoặc không phải là tùy tâm chuyên cũng không tương ứng với tứ: Nghĩa là trừ tĩnh lự thứ nhất gồm thấu tâm bất tương ứng hành của tùy tâm chuyên, còn lại là các tĩnh lự thứ nhất gồm thấu tâm bất tương ứng hành.

Bao nhiêu thứ là kiến không phải là xứ kiến v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là mỗi thứ có bốn trường hợp: 1. Hoặc là kiến không phải là xứ kiến: Nghĩa là tĩnh lự gồm thấu tận trí, vô sinh trí, không gồm thấu tuệ vô lậu. 2. Hoặc là xứ kiến không phải là kiến: Nghĩa là kiến không gồm thấu bốn Tĩnh lự hữu lậu. 3. Hoặc là kiến cũng là xứ kiến: Nghĩa là tĩnh lự gồm thấu các tuệ hữu lậu. 4. Hoặc không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến: Nghĩa là kiến không gồm thấu bốn Tĩnh lự vô lậu.

Bao nhiêu thứ là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến v.v...? Tất cả đều không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các tính lự gồm thân các nghiệp thân, ngữ và tư là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp, ngoài ra đều không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là mỗi thứ có bốn trường hợp: 1. Hoặc là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là tính lự gồm thân tư. 2. Hoặc là tùy nghiệp chuyển không phải là nghiệp: Nghĩa là tính lự gồm thân các uẩn thọ, tưởng, thức và tư không thân giữ hành uẩn của tùy nghiệp chuyển. 3. Hoặc là nghiệp cũng là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là tính lự đã gồm thân các nghiệp thân, ngữ. 4. Hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là trừ tính lự gồm thân tâm bất tương ưng hành của tùy nghiệp chuyển, các tính lự còn lại gồm thân tâm bất tương ưng hành.

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có thấy v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các tính lự gồm thân các nghiệp thân, ngữ là sắc được tạo không phải là sắc có thấy, ngoài ra đều không phải là sắc được tạo cũng không phải là sắc có thấy.

*

*** Bốn Tính lự này:**

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có đối v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các tính lự gồm thân các nghiệp thân, ngữ là sắc được tạo không phải là sắc có đối, ngoài ra đều không phải là sắc được tạo cũng không phải là sắc có đối.

Bao nhiêu thứ vì khó thấy nên là thâm diệu v.v...? Tất cả đều là vì khó thấy nên là thâm diệu, vì thâm diệu nên là khó thấy.

Bao nhiêu thứ là thiện không phải do thiện làm nhân v.v...? Tất cả đều là thiện cũng đều do thiện làm nhân.

Bao nhiêu thứ là bất thiện không phải do bất thiện làm nhân v.v...? Tất cả đều không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân.

Bao nhiêu thứ là vô ký không phải do vô ký làm nhân v.v...? Tất cả đều không phải là vô ký cũng không phải do vô ký làm nhân.

Bao nhiêu thứ là nhân duyên không có nhân v.v...? Tất cả đều là nhân duyên cũng đều có nhân.

Bao nhiêu thứ là đấng vô gián không phải là đấng vô gián duyên v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là tĩnh lực thứ nhất có ba trường hợp: 1. Hoặc là đấng vô gián không phải là đấng vô gián duyên: Nghĩa là pháp tâm, tâm sở ở vị lai, ở hiện tiền đang đầy khởi. 2. Hoặc là đấng vô gián cũng là đấng vô gián duyên: Nghĩa là pháp tâm, tâm sở ở quá khứ, hiện tại. 3. Hoặc không phải là đấng vô gián cũng không phải là đấng vô gián duyên: Nghĩa là trừ pháp tâm, tâm sở ở vị lai, ở hiện tiền đang đầy khởi, các thứ còn lại là pháp tâm, tâm sở ở vị lai và các nghiệp thân ngữ có tâm bất tương ưng hành.

Như tĩnh lực thứ nhất, tĩnh lực thứ hai, thứ ba cũng như vậy.

Tĩnh lực thứ tư có ba trường hợp: 1. Hoặc là đấng vô gián không phải là đấng vô gián duyên: Nghĩa là pháp tâm, tâm sở ở vị lai, ở hiện tiền đang đầy khởi cùng định vô tướng đã sinh đang đầy khởi. 2. Hoặc là đấng vô gián cũng là đấng vô gián duyên: Nghĩa là pháp tâm, tâm sở ở quá khứ, hiện tại. 3. Hoặc không phải là đấng vô gián cũng không phải là đấng vô gián duyên: Nghĩa là trừ pháp tâm, tâm sở ở vị lai, ở hiện tiền đang đầy khởi, còn lại là các pháp tâm, tâm sở ở vị lai, cùng trừ tâm bất tương ưng hành đấng vô gián, còn lại là tâm bất tương ưng hành cùng các nghiệp thân, ngữ.

Bao nhiêu thứ là sở duyên duyên không có sở duyên v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các tĩnh lự gồm thâu các nghiệp thân ngữ có tâm bất tương ưng hành là sở duyên duyên không có sở duyên, ngoài ra đều là sở duyên duyên cũng có sở duyên.

Bao nhiêu thứ là tăng thượng duyên không có tăng thượng v.v...? Tất cả đều là tăng thượng duyên cũng có tăng thượng.

Bao nhiêu thứ là bợc lưu không phải là thuận bợc lưu v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các tĩnh lự nếu hữu lậu là thuận bợc lưu không phải là bợc lưu, nếu vô lậu là không phải bợc lưu cũng không phải thuận bợc lưu.

**

11. Bốn Vô lượng: a. Tìr vô lượng. b. Bi vô lượng. c. Hỷ vô lượng. d. Xả vô lượng.

*

*** Bốn Vô lượng này:**

Bao nhiêu thứ là có sắc v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các vô lượng gồm thâu các nghiệp thân, ngữ là có sắc, các thứ còn lại đều là không sắc.

Bao nhiêu thứ là có thấy v.v...? Tất cả đều là không thấy.

Bao nhiêu thứ là có đối v.v...? Tất cả đều là không đối.

Bao nhiêu thứ là hữu lậu v.v...? Tất cả đều là hữu lậu.

Bao nhiêu thứ là hữu vi v.v...? Tất cả đều là hữu vi.

Bao nhiêu thứ có dị thực v.v...? Tất cả đều là có dị thực.

Bao nhiêu thứ là duyên sinh v.v...? Tất cả đều là duyên sinh, là nhân sinh, là thuộc về thế gian.

Bao nhiêu thứ thuộc về sắc v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các vô lượng gồm thân các nghiệp thân, ngữ là thuộc về sắc, còn các thứ khác là thuộc về danh.

Bao nhiêu thứ thuộc về nội xứ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các vô lượng gồm thân tâm ý thức là thuộc về nội xứ, còn các thứ khác đều thuộc về ngoại xứ.

Bao nhiêu thứ là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Tất cả đều là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

*

*** Bốn Vô lượng này:**

Bao nhiêu thứ đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Tất cả đều là đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

Bao nhiêu thứ nên đoạn trừ v.v...? Tất cả đều nên đoạn trừ.

Bao nhiêu thứ nên tu v.v...? Tất cả đều nên tu.

Bao nhiêu thứ là nhiễm ô v.v...? Tất cả đều là không nhiễm ô.

Bao nhiêu thứ là quả không phải là có quả v.v...? Tất cả đều là quả cũng đều là có quả.

Bao nhiêu thứ có chấp thọ v.v...? Tất cả đều không có chấp thọ.

Bao nhiêu thứ do các đại chủng tạo nên v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các vô lượng gồm thân các nghiệp thân, ngữ là do các đại chủng tạo nên, ngoài ra đều không phải do các đại chủng tạo nên.

Bao nhiêu thứ là hữu thượng v.v...? Tất cả đều là hữu thượng.

Bao nhiêu thứ là hữu v.v...? Tất cả đều là hữu.

Bao nhiêu thứ là nhân tương ưng v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các vô lượng gồm thâu các nghiệp thân, ngũ có tâm bất tương ưng hành là nhân không tương ưng, ngoài ra đều là nhân tương ưng.

*

*** Bốn Vô lượng này:**

Cùng sáu xứ thiện gồm thâu nhau: Phần ít của năm xứ thiện gồm thâu bốn vô lượng, bốn vô lượng cũng gồm thâu phần ít của năm xứ thiện.

Cùng năm xứ bất thiện gồm thâu nhau: Là chúng không cùng gồm thâu.

Cùng bảy xứ vô ký gồm thâu nhau: Là chúng không cùng gồm thâu.

Cùng ba xứ lậu gồm thâu nhau: Là chúng không cùng gồm thâu.

Cùng năm xứ hữu lậu gồm thâu nhau: Phần ít của năm xứ hữu lậu gồm thâu bốn vô lượng, bốn vô lượng cũng gồm thâu phần ít của năm xứ hữu lậu.

Cùng tám xứ vô lậu gồm thâu nhau: Là chúng không cùng gồm thâu.

Bao nhiêu thứ thuộc quá khứ v.v...? Tất cả đều thuộc hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai.

Bao nhiêu thứ là thiện v.v...? Tất cả đều là thiện.

Bao nhiêu thứ thuộc cõi Dục v.v...? Tất cả đều thuộc cõi Sắc.

Bao nhiêu thứ là học v.v...? Tất cả đều là phi học phi vô học.

*

*** Bốn Vô lượng này:**

Bao nhiêu thứ do kiến đạo đoạn trừ v.v...? Tất cả đều do tu đạo đoạn.

Bao nhiêu thứ là không phải tâm v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các vô lượng gồm thân các nghiệp thân, ngữ có tâm bất tương ưng hành là không phải tâm, không phải tâm sở, không phải tâm tương ưng. Khi thọ uẩn, tướng uẩn tương ưng với hành uẩn là tâm sở cùng tâm tương ưng. Tâm ý thức chỉ là tâm.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là mỗi thứ có bốn trường hợp: 1. Hoặc là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ: Nghĩa là các vô lượng gồm thân các nghiệp thân, ngữ và tùy tâm chuyển có tâm bất tương ưng hành cùng thọ. 2. Hoặc là tương ưng với thọ không phải là tùy tâm chuyển: Nghĩa là các vô lượng gồm thân tâm ý thức. 3. Hoặc là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với thọ: Nghĩa là các vô lượng gồm thân tướng uẩn và tương ưng với hành uẩn. 4. Hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với thọ: Nghĩa là trừ các vô lượng gồm thân các tùy tâm chuyển có tâm bất tương ưng hành, còn lại là các vô lượng gồm thân tâm bất tương ưng hành.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tướng, hành v.v...? Nghĩa là trừ tự tánh của chúng, còn lại là như thọ, nên biết.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là Tứ vô lượng có bốn trường hợp: 1. Hoặc là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ: Nghĩa là tứ vô lượng gồm thân tùy tâm chuyển nơi các nghiệp thân, ngữ có tâm bất tương ưng hành và tâm tương ưng với tứ. 2. Hoặc là tương ưng với tứ không phải là tùy tâm chuyển: Nghĩa là tứ vô lượng gồm thân tâm và tâm không tương ưng với tứ nhưng tương ưng với tâm, tâm sở pháp. 3. Hoặc là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với tứ: Nghĩa là tứ vô lượng gồm thân

tâm, tứ tương ưng với tâm, tâm sở pháp. 4. Hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với tứ: Nghĩa là trừ từ vô lượng gồm thấu tùy tâm chuyển nơi các nghiệp thân ngữ có tâm bất tương ưng hành, còn lại là từ vô lượng gồm thấu các nghiệp thân ngữ có tâm bất tương ưng hành, và từ vô lượng gồm thấu tâm không tương ưng với tứ, cùng từ vô lượng gồm thấu các tâm, tâm sở pháp không tâm không tứ.

Như Từ vô lượng, Bi vô lượng và Xả vô lượng cũng như vậy.

Hỷ vô lượng có bốn trường hợp: 1. Hoặc là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ: Nghĩa là hỷ vô lượng gồm thấu tùy tâm chuyển nơi các nghiệp thân ngữ có tâm bất tương ưng hành và tứ. 2. Hoặc là tương ưng với tứ không phải là tùy tâm chuyển: Nghĩa là hỷ vô lượng gồm thấu tâm. 3. Hoặc là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với tứ: Nghĩa là hỷ vô lượng gồm thấu tâm, tứ tương ưng với tâm, tâm sở pháp. 4. Hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với tứ: Nghĩa là trừ hỷ vô lượng gồm thấu tùy tâm chuyển nơi các nghiệp thân ngữ có tâm bất tương ưng hành, còn lại là hỷ vô lượng gồm thấu các nghiệp thân ngữ có tâm bất tương ưng hành, và hỷ vô lượng gồm thấu các pháp tâm, tâm sở không tâm không tứ.

Bao nhiêu thứ là kiến không phải là xứ kiến v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các vô lượng hoặc là kiến cũng là xứ kiến, hoặc là xứ kiến không phải là kiến. Là kiến cũng là xứ kiến: Nghĩa là các vô lượng gồm thấu tuệ, còn các thứ khác đều là xứ kiến không phải là kiến.

Bao nhiêu thứ là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến v.v...? Tất cả đều không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là vô lượng gồm thấu các nghiệp thân, ngữ và tư là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp, ngoài ra đều không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là mỗi thứ có bốn trường hợp: 1. Hoặc là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là vô lượng gồm sáu thân. 2. Hoặc là tùy nghiệp chuyển không phải là nghiệp: Nghĩa là vô lượng gồm sáu thân các uẩn thọ, tướng, thức và tư không gồm sáu thân hành uẩn của tùy nghiệp chuyển. 3. Hoặc là nghiệp cũng là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là vô lượng gồm sáu thân các nghiệp thân, ngữ, ý. 4. Hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là trừ vô lượng gồm sáu thân nghiệp tùy chuyển có tâm bất tương ưng hành, còn lại là các vô lượng gồm sáu thân tâm bất tương ưng hành.

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có thấy v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là vô lượng gồm sáu thân các nghiệp thân, ngữ là sắc được tạo không phải là sắc có thấy, ngoài ra đều là không phải sắc được tạo cũng không phải là sắc có thấy.

*

*** Bốn Vô lượng này:**

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có đối v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các vô lượng gồm sáu thân nghiệp thân, ngữ là sắc được tạo không phải là sắc có đối, các thứ khác đều không phải là sắc được tạo cũng không phải là sắc có đối.

Bao nhiêu thứ vì khó thấy nên là thâm diệu v.v...? Tất cả đều là vì khó thấy nên là thâm diệu, vì thâm diệu nên là khó thấy.

Bao nhiêu thứ là thiện không phải do thiện làm nhân v.v...? Tất cả đều là thiện cũng do thiện làm nhân.

Bao nhiêu thứ là bất thiện không phải do bất thiện làm nhân v.v...? Tất cả đều không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân.

Bao nhiêu thứ là vô ký không phải do vô ký làm nhân v.v...? Tất cả đều không phải là vô ký cũng không phải do vô ký làm nhân.

Bao nhiêu thứ là nhân duyên không có nhân v.v...? Tất cả đều là nhân duyên cũng là có nhân.

Bao nhiêu thứ là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là mỗi thứ có ba trường hợp: 1. Hoặc là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là các vô lượng gồm thân các tâm, tâm sở pháp vị lai, hiện tiền đang khởi. 2. Hoặc là đẳng vô gián cũng là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là các vô lượng gồm thân các tâm, tâm sở pháp quá khứ, hiện tại. 3. Hoặc không phải là đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là trừ các vô lượng gồm thân tâm, tâm sở pháp vị lai, hiện tiền đang khởi, các vô lượng còn lại gồm thân các tâm, tâm sở pháp vị lai, và các vô lượng gồm thân các nghiệp thân ngữ có tâm bất tương ưng hành.

Bao nhiêu thứ là sở duyên duyên không có sở duyên v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các vô lượng gồm thân các nghiệp thân ngữ có tâm bất tương ưng hành là sở duyên duyên không có sở duyên, các thứ khác do vô lượng gồm thân đều là sở duyên duyên cũng có sở duyên.

Bao nhiêu thứ là tăng thượng duyên không có tăng thượng v.v...? Tất cả đều là tăng thượng duyên cũng có tăng thượng.

Bao nhiêu thứ là bộc lưu không phải là thuận bộc lưu v.v...? Tất cả là thuận bộc lưu không phải là bộc lưu.

HẾT - QUYỂN 13

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÂM LOẠI TỨC

QUYỂN 14

Phẩm 7: BIỆN VỀ NGÀN CÂU HỎI, phần 5

12. Bốn vô sắc: *a. Không vô biên xứ. b. Thức vô biên xứ. c. Vô sở hữu xứ. d. Phi tướng phi phi tướng xứ.*

*

*** Bốn Vô sắc này:**

Bao nhiêu thứ là có sắc v.v...? Tất cả đều là không sắc.

Bao nhiêu thứ là có thấy v.v...? Tất cả đều là không thấy

Bao nhiêu thứ là có đối v.v...? Tất cả đều là không đối.

Bao nhiêu thứ là hữu lậu v.v...? Một thứ là hữu lậu, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là Không vô biên xứ hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Nghĩa là Không vô biên xứ gồm sáu bốn uẩn hữu lậu. Thế nào là vô lậu? Nghĩa là Không vô biên xứ gồm sáu bốn uẩn vô lậu. Như Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ và Vô sở hữu xứ cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là hữu vi v.v...? Tất cả đều là hữu vi.

Bao nhiêu thứ có dị thực v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là Không vô biên xứ hoặc có dị thực, hoặc không có dị thực. Thế nào

là có dị thực? Nghĩa là Không vô biên xứ hữu lậu thiện. Thế nào là không có dị thực? Nghĩa là Không vô biên xứ vô ký và vô lậu.

Như Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ và Vô sở hữu xứ cũng như vậy.

Phi tướng phi phi tương xứ hoặc có dị thực, hoặc không có dị thực. Thế nào là có dị thực? Nghĩa là Phi tướng phi phi tương xứ thiện. Thế nào là không có dị thực? Nghĩa là Phi tướng phi phi tương xứ vô ký.

Bao nhiêu thứ là duyên sinh v.v...? Tất cả là duyên sinh, là nhân sinh, là thuộc về thế gian.

Bao nhiêu thứ thuộc về sắc v.v...? Tất cả đều thuộc về danh.

Bao nhiêu thứ thuộc về nội xứ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các vô sắc gồm thân tâm ý thức là thuộc về nội xứ, ngoài ra đều thuộc về ngoại xứ.

Bao nhiêu thứ là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Tất cả đều là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

*

*** Bốn Vô sắc này:**

Bao nhiêu thứ đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Một thứ là đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là ba vô sắc này nếu là hữu lậu thì đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp, nếu là vô lậu thì không đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

Bao nhiêu thứ nên đoạn trừ v.v...? Một thứ nên đoạn trừ, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là ba vô sắc ấy nếu là hữu lậu thì nên đoạn trừ, nếu là vô lậu thì không nên đoạn trừ.

Bao nhiêu thứ nên tu v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là Không vô biên xứ hoặc nên tu, hoặc không nên tu. Thế nào là nên tu? Nghĩa là Không vô biên xứ thiện. Thế nào là không nên tu? Nghĩa là Không vô biên xứ vô ký. Như Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là nhiễm ô v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là Không vô biên xứ hoặc là nhiễm ô, hoặc là không nhiễm ô. Thế nào là nhiễm ô? Nghĩa là Không vô biên xứ hữu phú. Thế nào là không nhiễm ô? Nghĩa là Không vô biên xứ vô phú. Như Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là quả không phải là có quả v.v...? Tất cả đều là quả cũng là có quả.

Bao nhiêu thứ có chấp thọ v.v...? Tất cả đều không chấp thọ.

Bao nhiêu thứ do các đại chủng tạo nên v.v...? Tất cả đều không phải do các đại chủng tạo nên.

Bao nhiêu thứ là hữu thượng v.v...? Tất cả đều là hữu thượng.

Bao nhiêu thứ là hữu v.v...? Một thứ là hữu, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là ba vô sắc ấy nếu là hữu lậu là hữu, nếu là vô lậu thì không phải hữu.

Bao nhiêu thứ là nhân tương ưng v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các vô sắc gồm thân tâm bất tương ưng hành là nhân không tương ưng, ngoài ra là nhân tương ưng.

*

*** Bốn Vô sắc này:**

Cùng sáu xứ thiện gồm thân nhau: Có bốn trường hợp: 1. Hoặc là xứ thiện không phải là vô sắc: Nghĩa là các sắc uẩn thiện và vô

sắc không gồm thâm bốn uẩn thiện cùng trạch diệt. 2. Hoặc là vô sắc không phải là xứ thiện: Nghĩa là bốn vô sắc vô ký. 3. Hoặc là xứ thiện cũng là vô sắc: Nghĩa là bốn vô sắc thiện. 4. Hoặc không phải là xứ thiện cũng không phải là vô sắc: Nghĩa là năm uẩn bất thiện, sắc uẩn vô ký và các vô sắc không gồm thâm bốn uẩn vô ký cùng hư không, phi trạch diệt.

Cùng năm xứ bất thiện gồm thâm nhau: Là chúng không cùng gồm thâm.

Cùng bảy xứ vô ký gồm thâm nhau: Có bốn trường hợp: 1. Hoặc là xứ vô ký không phải là vô sắc: Nghĩa là sắc uẩn vô ký và vô sắc không gồm thâm bốn uẩn vô ký cùng hư không, phi trạch diệt. 2. Hoặc là vô sắc không phải là xứ vô ký: Nghĩa là bốn vô sắc thiện. 3. Hoặc là xứ vô ký cũng là vô sắc: Nghĩa là bốn vô sắc vô ký. 4. Hoặc không phải là xứ vô ký cũng không phải là vô sắc: Nghĩa là năm uẩn bất thiện, sắc uẩn thiện và vô sắc không gồm thâm bốn uẩn thiện, cùng trạch diệt.

Cùng ba xứ lậu gồm thâm nhau: Có bốn trường hợp: 1. Hoặc là xứ lậu không phải là vô sắc: Nghĩa là một xứ lậu và phần ít của hai xứ lậu. 2. Hoặc là vô sắc không phải là xứ lậu: Nghĩa là xứ lậu không gồm thâm bốn vô sắc. 3. Hoặc là xứ lậu cũng là vô sắc: Nghĩa là phần ít của hai xứ lậu. 4. Hoặc không phải là xứ lậu cũng không phải là vô sắc: Nghĩa là sắc uẩn và vô sắc của xứ lậu không gồm thâm bốn uẩn và pháp vô vi.

Cùng năm xứ hữu lậu gồm thâm nhau: Có bốn trường hợp: 1. Hoặc là xứ hữu lậu không phải là vô sắc: Nghĩa là sắc uẩn hữu lậu và vô sắc không gồm thâm bốn uẩn hữu lậu. 2. Hoặc là vô sắc không phải là xứ hữu lậu: Nghĩa là phần ít của ba vô sắc. 3. Hoặc là xứ hữu lậu cũng là vô sắc: Nghĩa là một vô sắc và phần ít của ba vô sắc. 4. Hoặc không phải là xứ hữu lậu cũng không phải là vô sắc: Nghĩa là

sắc uẩn vô lậu và vô sắc không gồm thân bốn uẩn vô lậu cùng pháp vô vi.

Cùng tám xứ vô lậu gồm thân nhau: Có bốn trường hợp: 1. Hoặc là xứ vô lậu không phải là vô sắc: Nghĩa là sắc uẩn vô lậu và vô sắc không gồm thân bốn uẩn vô lậu cùng pháp vô vi. 2. Hoặc là vô sắc không phải là xứ vô lậu: Nghĩa là một vô sắc và phần ít của ba vô sắc. 3. Hoặc là xứ vô lậu cũng là vô sắc: Nghĩa là phần ít của ba vô sắc. 4. Hoặc không phải là xứ vô lậu cũng không phải là vô sắc: Nghĩa là sắc uẩn hữu lậu và vô sắc không gồm thân bốn uẩn hữu lậu.

Bao nhiêu thứ thuộc quá khứ v.v...? Tất cả đều thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai.

Bao nhiêu thứ là thiện v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là Không vô biên xứ hoặc là thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Nghĩa là Không vô biên xứ gồm thân bốn uẩn thiện. Thế nào là vô ký? Nghĩa là Không vô biên xứ gồm thân bốn uẩn vô ký. Như Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ thuộc cõi Dục v.v...? Một thứ thuộc cõi Vô sắc, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là ba vô sắc ấy nếu là hữu lậu thì thuộc cõi Vô sắc, nếu là vô lậu thì không hệ thuộc.

Bao nhiêu thứ là học v.v...? Một thứ là phi học phi vô học, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là Không vô biên xứ hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học? Nghĩa là Không vô biên xứ gồm thân bốn uẩn hữu học. Thế nào là vô học? Nghĩa là Không vô biên xứ gồm thân bốn uẩn vô học. Thế nào là phi học phi vô học? Nghĩa là Không vô biên xứ thân giữ bốn uẩn hữu lậu. Như Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ cũng như vậy.

*** Bốn Vô sắc này:**

Bao nhiêu thứ do kiến đạo đoạn trừ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là Không vô biên xứ hoặc do kiến đạo đoạn trừ, hoặc do tu đạo đoạn, hoặc không đoạn. Thế nào là do kiến đạo đoạn trừ? Nghĩa là Không vô biên xứ nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành, hiện quán biên nhãn đã đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Tức là do kiến đạo đoạn trừ hai mươi tám thứ tùy miên tương ưng với xứ kia cùng khởi tâm bất tương ưng hành. Thế nào là do tu đạo đoạn? Nghĩa là Không vô biên xứ nơi bậc học kiến tích tu tập đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Tức là do tu đạo đoạn trừ ba thứ tùy miên tương ưng với xứ kia cùng khởi tâm bất tương ưng hành với Không vô biên xứ hữu lậu không nhiễm ô. Thế nào là không đoạn? Nghĩa là vô lậu.

Như Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ cũng như vậy.

Phi tướng phi phi tướng xứ hoặc do kiến đạo đoạn trừ, hoặc do tu đạo đoạn. Thế nào là do kiến đạo đoạn trừ? Nghĩa là Phi tướng phi phi tướng xứ nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành, hiện quán biên nhãn đã đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Tức là do kiến đạo đoạn trừ hai mươi tám thứ tùy miên tương ưng với xứ kia, cùng khởi tâm bất tương ưng hành với Phi tướng phi phi tướng xứ. Thế nào là do tu đạo đoạn trừ? Nghĩa là Phi tướng phi phi tướng xứ nơi bậc học kiến tích tu tập đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Tức là do tu đạo đoạn trừ ba thứ tùy miên tương ưng với xứ kia cùng khởi tâm bất tương ưng hành với Phi tướng phi phi tướng xứ không nhiễm ô.

Bao nhiêu thứ là không phải tâm v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các vô sắc gồm thân tâm bất tương ưng hành là không phải tâm, không phải tâm sở, không phải tâm tương ưng. Khi thọ uẩn, tướng uẩn tương ưng với hành uẩn là tâm sở cùng tâm tương ưng. Tâm ý thức chỉ là tâm.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là mỗi thứ có bốn trường hợp: 1. Hoặc là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ: Nghĩa là các vô sắc gồm thâu tùy tâm chuyển có tâm bất tương ưng hành và thọ. 2. Hoặc là tương ưng với thọ không phải là tùy tâm chuyển: Nghĩa là các vô sắc gồm thâu tâm ý thức. 3. Hoặc là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với thọ: Nghĩa là các vô sắc gồm thâu các tướng uẩn tương ưng với hành uẩn. 4. Hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với thọ: Nghĩa là trừ các vô sắc gồm thâu tùy tâm chuyển có tâm bất tương ưng hành, còn lại là các vô sắc gồm thâu tâm bất tương ưng hành.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tướng, hành v.v...? Nghĩa là trừ tự tánh của chúng, cũng như thọ đã nói, nên biết.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ v.v...? Tất cả đều không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với tứ.

Bao nhiêu thứ là kiến không phải là xứ kiến v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là Không vô biên xứ có bốn trường hợp: 1. Hoặc là kiến không phải là xứ kiến: Nghĩa là Không vô biên xứ gồm thâu tận trí, vô sinh trí, không gồm thâu tuệ vô lậu. 2. Hoặc là xứ kiến không phải là kiến: Nghĩa là kiến không gồm thâu Không vô biên xứ hữu lậu. 3. Hoặc là kiến cũng là xứ kiến: Nghĩa là Không vô biên xứ gồm thâu năm kiến nhiễm ô và chánh kiến thế tục. 4. Hoặc không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến: Nghĩa là kiến không gồm thâu Không vô biên xứ vô lậu.

Như Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ cũng như vậy.

Phi tướng phi phi tướng xứ hoặc là kiến cũng là xứ kiến, hoặc là xứ kiến không phải là kiến. Là kiến cũng là xứ kiến: Nghĩa là

Phi tướng phi phi tướng xứ đã thấu giữ năm kiến nhiễm ô và chánh kiến thế tục, còn các Phi tướng phi phi tướng xứ khác đều là xứ kiến không phải là kiến.

Bao nhiêu thứ là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là Không vô biên xứ hoặc là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến, hoặc là hữu thân kiến làm nhân cũng là nhân của hữu thân kiến, hoặc không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến. Hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là trừ ở quá khứ và hiện tại do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên tương ưng với Không vô biên xứ cùng có. Cũng trừ ở quá khứ, hiện tại do kiến tập đoạn trừ các tùy miên biến hành tương ưng với Không vô biên xứ cùng có. Lại cũng trừ hữu thân kiến vị lai tương ưng với Không vô biên xứ. Cũng trừ hữu thân kiến vị lai tương ưng với các pháp sinh, già, trụ, vô thường nơi Không vô biên xứ, còn lại là các Không vô biên xứ nhiễm ô. Hữu thân kiến làm nhân cũng là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là Không vô biên xứ đã trừ ở trước. Không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là Không vô biên xứ không nhiễm ô. Như Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là Không vô biên xứ có bốn trường hợp: 1. Hoặc là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp: Nghĩa là dị thực của Không vô biên xứ không thấu giữ tư. 2. Hoặc là dị thực của nghiệp không phải là nghiệp: Nghĩa là tư không thấu giữ dị thực của nghiệp sinh ra Không vô biên xứ. 3. Hoặc là nghiệp cũng là dị thực của nghiệp: Nghĩa là Không vô biên xứ có dị thực của nghiệp sinh ra tư. 4. Hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp: Nghĩa là trừ nghiệp và dị thực của nghiệp sinh ra Không vô biên xứ,

còn lại là Không vô biên xứ khác. Như Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng hữu xứ cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển v.v...?
Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là Không vô biên xứ có ba trường hợp:
1. Hoặc là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là Không vô biên xứ thâm giữ tư. 2. Hoặc là tùy nghiệp chuyển không phải là nghiệp: Nghĩa là Không vô biên xứ thâm giữ các uẩn thọ, tướng, thức và tư không thâm giữ hành uẩn nơi tùy nghiệp chuyển. 3. Hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là trừ Không vô biên xứ gồm thâm các tâm bất tương ưng hành nơi tùy nghiệp chuyển, còn lại là Không vô biên xứ gồm thâm tâm bất tương ưng hành. Như Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng hữu xứ cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có thấy v.v...?
Tất cả đều không phải sắc được tạo cũng không phải là sắc có thấy.

*

*** Bốn Vô sắc này:**

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có đối v.v...?
Tất cả đều không phải sắc được tạo cũng không phải là sắc có đối.

Bao nhiêu thứ vì khó thấy nên là thâm diệu v.v...? Tất cả đều là vì khó thấy nên là thâm diệu, vì thâm diệu nên là khó thấy.

Bao nhiêu thứ là thiện không phải do thiện làm nhân v.v...?
Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là Không vô biên xứ có ba trường hợp:
1. Hoặc là do thiện làm nhân không phải là thiện: Nghĩa là dị thực thiện sinh ra Không vô biên xứ. 2. Hoặc là thiện cũng do thiện làm nhân: Nghĩa là Không vô biên xứ thiện. 3. Hoặc không phải là thiện cũng không phải do thiện làm nhân: Nghĩa là trừ dị thực thiện sinh ra Không vô biên xứ, còn lại là các Không vô biên xứ vô ký. Như

Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng hữu xứ cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là bất thiện không phải do bất thiện làm nhân v.v...? Tất cả đều không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân.

Bao nhiêu thứ là vô ký không phải do vô ký làm nhân v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là Không vô biên xứ hoặc là vô ký cũng do vô ký làm nhân, hoặc không phải là vô ký cũng không phải do vô ký làm nhân. Là vô ký cũng do vô ký làm nhân: Nghĩa là Không vô biên xứ vô ký. Không phải là vô ký cũng không phải do vô ký làm nhân: Nghĩa là Không vô biên xứ thiện. Như Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng hữu xứ cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là nhân duyên không có nhân v.v...? Tất cả đều là nhân duyên cũng là có nhân.

Bao nhiêu thứ là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là Không vô biên xứ có ba trường hợp: 1. Hoặc là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là các pháp tâm, tâm sở nơi Không vô biên xứ ở vị lai, hiện tiền đang khởi và pháp tâm, tâm sở nơi Không vô biên xứ ở quá khứ, hiện tại khi bậc A-la-hán mạng chung. 2. Hoặc là đẳng vô gián cũng là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là trừ pháp tâm, tâm sở nơi Không vô biên xứ ở quá khứ, hiện tại khi bậc A-la-hán mạng chung, còn lại là các pháp tâm, tâm sở nơi Không vô biên xứ ở quá khứ, hiện tại. 3. Hoặc không phải là đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là trừ các pháp tâm, tâm sở nơi Không vô biên xứ ở vị lai, hiện tiền đang khởi, còn lại là các pháp tâm, tâm sở nơi Không vô biên xứ ở vị lai và Không vô biên xứ có tâm bất tương ưng hành.

Như Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ cũng như vậy.

Phi tướng phi phi tướng xứ có ba trường hợp: 1. Hoặc là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là pháp tâm, tâm sở nơi Phi tướng phi phi tướng xứ ở vị lai, hiện tiền đang khởi và pháp tâm, tâm sở nơi Phi tướng phi phi tướng xứ ở quá khứ, hiện tại của bậc A-la-hán khi mạng chung, cùng với định diệt đã sinh hiện đầy khởi. 2. Hoặc là đẳng vô gián cũng là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là trừ pháp tâm, tâm sở nơi Phi tướng phi phi tướng xứ ở quá khứ, hiện tại của bậc A-la-hán khi mạng chung, còn lại là các pháp tâm, tâm sở nơi Phi tướng phi phi tướng ở quá khứ, hiện tại. 3. Hoặc không phải là đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là trừ pháp tâm, tâm sở nơi Phi tướng phi phi tướng xứ ở vị lai, hiện tiền đang khởi, còn lại là các pháp tâm, tâm sở nơi Phi tướng phi phi tướng xứ ở vị lai, và trừ tâm bất tương ưng hành đẳng vô gián nơi Phi tướng phi phi tướng xứ, còn lại là các tâm bất tương ưng nơi Phi tướng phi phi tướng xứ.

Bao nhiêu thứ là sở duyên duyên không có sở duyên v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các vô sắc gồm thân tâm bất tương ưng hành là sở duyên duyên không có sở duyên, còn các vô sắc khác là sở duyên duyên cũng có sở duyên.

Bao nhiêu thứ là tăng thượng duyên không có tăng thượng v.v...? Tất cả đều là tăng thượng duyên cũng có tăng thượng.

Bao nhiêu thứ là bộc lưu không phải là thuận bộc lưu v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là Không vô biên xứ có ba trường hợp: 1. Hoặc là thuận bộc lưu không phải là bộc lưu: Nghĩa là bộc lưu không thân giữ Không vô biên xứ hữu lậu. 2. Hoặc là bộc lưu cũng là thuận bộc lưu: Nghĩa là phần ít của ba thứ bộc lưu. 3. Hoặc không phải là bộc lưu cũng không phải là thuận bộc lưu: Nghĩa là Không vô biên xứ vô lậu.

Như Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ cũng như vậy.

Phi tướng phi phi tướng xứ hoặc là bực lưu cũng là thuận bực lưu, hoặc là thuận bực lưu không phải là bực lưu. Là bực lưu cũng là thuận bực lưu: Nghĩa là phần ít của ba thứ bực lưu. Các thứ khác đều là thuận bực lưu không phải là bực lưu.

**

13. Bốn Tu định: *a. Có tu định, hoặc tập hoặc tu, hoặc hành tác nhiều, đạt được hiện pháp lạc trụ. b. Có tu định, hoặc tập hoặc tu, hoặc hành tác nhiều, đạt được tri kiến thù thắng. c. Có tu định, hoặc tập hoặc tu, hoặc hành tác nhiều, đạt được tuệ phân biệt. d. Có tu định, hoặc tập hoặc tu, hoặc hành tác nhiều, đạt được dứt hết các lậu.*

*

*** Bốn Tu định này:**

Bao nhiêu thứ là có sắc v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các tu định gồm thân các nghiệp thân ngữ là ác, còn lại đều là không sắc.

Bao nhiêu thứ là có thấy v.v...? Tất cả đều là không thấy.

Bao nhiêu thứ là có đối v.v...? Tất cả đều là không đối.

Bao nhiêu thứ là hữu lậu v.v...? Một thứ là hữu lậu, một thứ là vô lậu, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là Hiện pháp lạc trụ hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Nghĩa là hiện pháp lạc trụ gồm thân năm uẩn hữu lậu. Thế nào là vô lậu? Nghĩa là hiện pháp lạc trụ gồm thân năm uẩn vô lậu.

Tuệ phân biệt hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Nghĩa là tuệ phân biệt gồm thân năm uẩn hữu lậu. Thế nào là vô lậu? Nghĩa là tuệ phân biệt gồm thân năm uẩn vô lậu.

Bao nhiêu thứ là hữu vi v.v...? Tất cả đều là hữu vi.

Bao nhiêu thứ có dị thực v.v...? Một thứ có dị thực, một thứ không dị thực, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là Hiện pháp lạc trụ và

Tuệ phân biệt nếu là hữu lậu thì có dị thực, nếu là vô lậu thì không dị thực.

Bao nhiêu thứ là duyên sinh v.v...? Tất cả là duyên sinh, là nhân sinh, là thuộc về thế gian.

Bao nhiêu thứ thuộc về sắc v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các thứ tu định thâm giữ các nghiệp thân ngữ là thuộc về sắc, các thứ còn lại đều thuộc về danh.

Bao nhiêu thứ thuộc về nội xứ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các thứ tu định thâm giữ tâm ý thức là thuộc về nội xứ, các thứ còn lại đều thuộc về ngoại xứ.

Bao nhiêu thứ là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Tất cả đều là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

*

*** Bốn Tu định này:**

Bao nhiêu thứ đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Một thứ là đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp, một thứ là không đoạn dứt, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là Hiện pháp lạc trụ và Tuệ phân biệt nếu là hữu lậu thì đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp, nếu là vô lậu thì không đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

Bao nhiêu thứ nên đoạn trừ v.v...? Một thứ nên đoạn trừ, một thứ không nên đoạn trừ, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là Hiện pháp lạc trụ và Tuệ phân biệt nếu là hữu lậu thì nên đoạn trừ, nếu là vô lậu thì không nên đoạn trừ.

Bao nhiêu thứ nên tu v.v...? Tất cả đều nên tu.

Bao nhiêu thứ là nhiễm ô v.v...? Tất cả đều là không nhiễm ô.

Bao nhiêu thứ là quả không phải là có quả v.v...? Tất cả đều là quả cũng là có quả.

Bao nhiêu thứ có chấp thọ v.v...? Tất cả đều không chấp thọ.

Bao nhiêu thứ do các đại chủng tạo nên v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các thứ tu định gồm thân các nghiệp thân, ngữ là do các đại chủng tạo nên, còn lại đều không do các đại chủng tạo nên.

Bao nhiêu thứ là hữu thượng v.v...? Tất cả đều là hữu thượng.

Bao nhiêu thứ là hữu v.v...? Một thứ là hữu, một thứ là không phải hữu, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là Hiện pháp lạc trụ và Tuệ phân biệt nếu hữu lậu là hữu, nếu vô lậu là không phải hữu.

Bao nhiêu thứ là nhân tương ưng v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các thứ tu định gồm thân các nghiệp thân, ngữ có tâm bất tương ưng hành là nhân không tương ưng, các thứ còn lại đều là nhân tương ưng.

*

*** Bốn Tu định này:**

Cùng sáu xứ thiện gồm nhau: Phần ít của năm xứ thiện gồm thân bốn tu định, bốn tu định cũng gồm thân phần ít của năm xứ thiện.

Cùng năm xứ bất thiện gồm nhau: Là chúng không cùng gồm thân.

Cùng bảy xứ vô ký gồm nhau: Là chúng không cùng gồm thân.

Cùng ba xứ lậu gồm nhau: Là chúng không cùng gồm thân.

Cùng năm xứ hữu lậu gồm nhau: Có bốn trường hợp: 1. Hoặc là xứ hữu lậu không phải là tu định: Nghĩa là các tu định không

gồm thâu năm uẩn hữu lậu. 2. Hoặc là tu định không phải là xứ hữu lậu: Nghĩa là một tu định và phần ít của hai tu định. 3. Hoặc là xứ hữu lậu cũng là tu định: Nghĩa là một tu định và phần ít của hai tu định. 4. Hoặc không phải là xứ hữu lậu cũng không phải là tu định: Nghĩa là hư không và hai thứ diệt.

Cùng tám xứ vô lậu gồm thâu nhau: Có bốn trường hợp: 1. Hoặc là xứ vô lậu không phải là tu định: Nghĩa là hư không và hai thứ diệt. 2. Hoặc là tu định không phải là xứ vô lậu: Nghĩa là một tu định và phần ít của hai tu định. 3. Hoặc là xứ vô lậu cũng là tu định: Nghĩa là một tu định và phần ít của hai thứ. 4. Hoặc không phải là xứ vô lậu cũng không phải là tu định: Nghĩa là các tu định không thâu giữ năm uẩn hữu lậu.

Bao nhiêu thứ thuộc quá khứ v.v...? Tất cả đều thuộc hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai.

Bao nhiêu thứ là thiện v.v...? Tất cả đều là thiện.

Bao nhiêu thứ thuộc cõi Dục v.v...? Một thứ thuộc cõi Sắc, một thứ không hệ thuộc, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là Hiện pháp lạc trụ nếu là hữu lậu thì thuộc về cõi Sắc, nếu là vô lậu thì không hệ thuộc.

Tuệ phân biệt hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Nghĩa là tuệ phân biệt gồm thâu năm uẩn của cõi Dục. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Nghĩa là tuệ phân biệt gồm thâu năm uẩn của cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Vô sắc? Nghĩa là tuệ phân biệt gồm thâu bốn uẩn của cõi Vô sắc. Thế nào là không hệ thuộc? Nghĩa là năm uẩn vô lậu

Bao nhiêu thứ là học v.v...? Một thứ là học, một thứ là phi học phi vô học, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là Hiện pháp lạc trụ hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học?

Nghĩa là hiện pháp lạc trụ gồm thâu năm uẩn hữu học. Thế nào là vô học? Nghĩa là hiện pháp lạc trụ gồm thâu năm uẩn vô học. Thế nào là phi học phi vô học? Nghĩa là hiện pháp lạc trụ gồm thâu năm uẩn hữu lậu.

Tuệ phân biệt hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học? Nghĩa là tuệ phân biệt gồm thâu năm uẩn hữu học. Thế nào là vô học? Nghĩa là tuệ phân biệt gồm thâu năm uẩn vô học. Thế nào là phi học phi vô học? Nghĩa là tuệ phân biệt gồm thâu năm uẩn hữu lậu.

*

*** Bốn Tu định này:**

Bao nhiêu thứ do kiến đạo đoạn trừ v.v...? Một thứ do tu đạo đoạn trừ, một thứ không đoạn trừ, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là Hiện pháp lạc trụ và Tuệ phân biệt nếu là hữu lậu thì do tu đạo đoạn trừ, nếu là vô lậu thì không đoạn trừ.

Bao nhiêu thứ là không phải tâm v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các tu định gồm thâu nghiệp thân, ngũ có tâm bất tương ưng hành là không phải tâm, không phải tâm sở, không phải tâm tương ưng. Khi thọ uẩn, tướng uẩn tương ưng với hành uẩn là tâm sở cùng tâm tương ưng. Tâm ý thức chỉ là tâm.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là Hiện pháp lạc trụ có bốn trường hợp: 1. Hoặc là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ: Nghĩa là hiện pháp lạc trụ đã thâu giữ các nghiệp thân, ngũ và tùy tâm chuyển có tâm bất tương ưng hành cùng thọ. 2. Hoặc tương ưng với thọ không phải là tùy tâm chuyển: Nghĩa là hiện pháp lạc trụ thâu giữ tâm ý thức. 3. Hoặc là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với thọ: Nghĩa là hiện pháp lạc trụ thâu giữ tướng uẩn và tương ưng với hành uẩn. 4.

Hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với thọ: Nghĩa là trừ hiện pháp lạc trụ thâm giữ tùy tâm chuyển có tâm bất tương ưng hành, còn lại là hiện pháp lạc trụ gồm thâm tâm bất tương ưng hành.

Như Hiện pháp lạc trụ, Tri kiến thù thắng và Dứt hết các lậu cũng như vậy.

Tuệ phân biệt có bốn trường hợp: 1. Hoặc là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ: Nghĩa là tùy tâm chuyển nơi các nghiệp thân ngữ và tuệ phân biệt thâm giữ tâm bất tương ưng hành cùng thọ. 2. Hoặc là tương ưng với thọ không phải là tùy tâm chuyển: Nghĩa là tuệ phân biệt thâm giữ tâm ý thức. 3. Hoặc là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với thọ: Nghĩa là tuệ phân biệt thâm giữ các tướng uẩn và tương ưng với hành uẩn. 4. Hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với thọ: Nghĩa là trừ tùy tâm chuyển nơi các nghiệp thân ngữ, còn lại là tuệ phân biệt thâm giữ các nghiệp thân ngữ và trừ tuệ phân biệt thâm giữ tâm bất tương ưng hành, còn lại là tuệ phân biệt khác thâm giữ tâm bất tương ưng hành.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tướng, hành v.v...? Nghĩa là trừ tự tánh của chúng, còn lại là như thọ đã nói, nên biết.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ v.v...? Một thứ là không tâm không tứ, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là Hiện pháp lạc trụ có bốn trường hợp: 1. Hoặc là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ: Nghĩa là hiện pháp lạc trụ thâm giữ tùy tâm chuyển nơi các nghiệp thân, ngữ có tâm bất tương ưng hành và tứ. 2. Hoặc là tương ưng với tứ không phải là tùy tâm chuyển: Nghĩa là hiện pháp lạc trụ thâm giữ tâm. 3. Hoặc là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với tứ: Nghĩa là hiện pháp lạc trụ thâm giữ tâm và tứ tương ưng với tâm, tâm sở pháp. 4. Hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không

tương ưng với tứ: Nghĩa là trừ hiện pháp lạc trụ thâm giữ tùy tâm chuyển có tâm bất tương ưng hành, còn lại là các hiện pháp lạc trụ khác thâm giữ tâm bất tương ưng hành.

Tri kiến thù thắng cũng có bốn trường hợp: 1. Hoặc là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ: Nghĩa là tri kiến thù thắng thâm giữ tùy tâm chuyển nơi các nghiệp thân ngữ có tâm bất tương ưng hành và tứ. 2. Hoặc là tương ưng với tứ không phải là tùy tâm chuyển: Nghĩa là tri kiến thù thắng thâm giữ tứ. 3. Hoặc là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với tứ: Nghĩa là tri kiến thù thắng thâm giữ tâm và tứ tương ưng với tâm, tâm sở pháp. 4. Hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với tứ: Nghĩa là trừ tri kiến thù thắng thâm giữ tùy tâm chuyển nơi các nghiệp thân ngữ có tâm bất tương ưng hành, còn lại là tri kiến thù thắng khác thâm giữ các nghiệp thân ngữ có tâm bất tương ưng hành và các tri kiến thù thắng thâm giữ các tâm, tâm sở pháp không tầm không tứ.

Tuệ phân biệt cũng có bốn trường hợp: 1. Hoặc là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ: Nghĩa là tùy tâm chuyển nơi các nghiệp thân ngữ và tuệ phân biệt thâm giữ các tùy tâm chuyển có tâm bất tương ưng hành cùng tầm tương ưng với tứ. 2. Hoặc là tương ưng với tứ không phải là tùy tâm chuyển: Nghĩa là tuệ phân biệt thâm giữ tầm và tầm không tương ưng với tứ nhưng tương ưng với các pháp tâm, tâm sở. 3. Hoặc là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với tứ: Nghĩa là tuệ phân biệt thâm giữ tầm và tứ tương ưng với tâm, tâm sở pháp. 4. Hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với tứ: Nghĩa là trừ tùy tâm chuyển nơi các nghiệp thân ngữ, còn lại là tuệ phân biệt gồm thâm nghiệp thân ngữ và trừ tuệ phân biệt thâm giữ tùy tâm chuyển có tâm bất tương ưng hành, còn lại là các tuệ phân biệt khác thâm giữ các tâm bất tương ưng hành, cùng tầm không tương ưng với tứ hoặc là các tâm, tâm sở pháp không tầm không tứ.

Bao nhiêu thứ là kiến không phải là xứ kiến v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là Hiện trụ pháp lạc có bốn trường hợp: 1. Hoặc là kiến không phải là xứ kiến: Nghĩa là hiện pháp lạc trụ thâm giữ tận trí, vô sinh trí, không thâm giữ tuệ vô lậu. 2. Hoặc là xứ kiến không phải là kiến: Nghĩa là kiến không thâm giữ hiện pháp lạc trụ hữu lậu. 3. Hoặc là kiến cũng là xứ kiến: Nghĩa là hiện pháp lạc trụ thâm giữ các chánh kiến thế gian. 4. Hoặc không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến: Nghĩa là kiến không thâm giữ hiện pháp lạc trụ vô lậu.

Tri kiến thù thắng hoặc là kiến cũng là xứ kiến, hoặc là xứ kiến không phải là kiến. Là kiến cũng là xứ kiến: Nghĩa là tri kiến thù thắng thâm giữ chánh kiến thế gian. Các tri kiến thù thắng khác là xứ kiến không phải là kiến.

Tuệ phân biệt có bốn trường hợp: 1. Hoặc là kiến không phải là xứ kiến: Nghĩa là tận trí, vô sinh trí không gồm thâm tuệ vô lậu. 2. Hoặc là xứ kiến không phải là kiến: Nghĩa là kiến không gồm thâm tuệ phân biệt hữu lậu. 3. Hoặc là kiến cũng là xứ kiến: Nghĩa là tuệ phân biệt gồm thâm chánh kiến thế gian. 4. Hoặc không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến: Nghĩa là kiến không gồm thâm tuệ phân biệt vô lậu.

Dứt hết các lậu khi gồm thâm tuệ là kiến không phải là xứ kiến, các thứ khác đều không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến.

Bao nhiêu thứ là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến v.v...? Tất cả đều không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các tu định gồm thâm các nghiệp thân, ngữ và tư là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp, ngoài ra đều không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển v.v...?

Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là Hiện pháp lạc trụ có bốn trường hợp: 1. Hoặc là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là hiện pháp lạc trụ gồm thân tứ. 2. Hoặc là tùy nghiệp chuyển không phải là nghiệp: Nghĩa là hiện pháp lạc trụ gồm thân uẩn thọ, tưởng, thức và tư không gồm thân hành uẩn nơi tùy nghiệp chuyển. 3. Hoặc là nghiệp cũng là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là hiện pháp lạc trụ gồm thân các nghiệp thân ngữ. 4. Hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là trừ hiện pháp lạc trụ gồm thân tùy nghiệp chuyển có tâm bất tương ưng hành, còn lại là các hiện pháp lạc trụ gồm thân tâm bất tương ưng hành.

Như Hiện pháp lạc trụ, Tri kiến thù thắng và Dứt hết các lậu cũng như vậy.

Tuệ phân biệt có bốn trường hợp: 1. Hoặc là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là trừ tuệ phân biệt gồm thân tùy nghiệp chuyển nơi các nghiệp thân, ngữ, còn lại là các tuệ phân biệt gồm thân các nghiệp thân ngữ và tư. 2. Hoặc là tùy nghiệp chuyển không phải là nghiệp: Nghĩa là tuệ phân biệt gồm thân các uẩn thọ tưởng thức và tư không gồm thân các hành uẩn nơi tùy nghiệp chuyển. 3. Hoặc là nghiệp cũng là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là tuệ phân biệt gồm thân các nghiệp thân ngữ nơi tùy nghiệp chuyển. 4. Hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là trừ tuệ phân biệt gồm thân tùy nghiệp chuyển có tâm bất tương ưng hành, còn lại là các tuệ phân biệt gồm thân tâm bất tương ưng hành.

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có thấy v.v...?

Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các tu định gồm thân các nghiệp thân ngữ là sắc được tạo không phải là sắc có thấy, ngoài ra đều không phải sắc được tạo cũng không phải là sắc có thấy.

*** Bốn Tu định này:**

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có đối v.v...?
Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các tu định gồm thân các nghiệp thân ngữ là sắc được tạo không phải là sắc có đối, ngoài ra đều không phải sắc được tạo cũng không phải là sắc có đối.

Bao nhiêu thứ vì khó thấy nên là thâm diệu v.v...? Tất cả vì khó thấy nên là thâm diệu, vì thâm diệu nên là khó thấy.

Bao nhiêu thứ là thiện không phải do thiện làm nhân v.v...? Tất cả đều là thiện cũng do thiện làm nhân.

Bao nhiêu thứ là bất thiện không phải do bất thiện làm nhân v.v...? Tất cả đều không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân.

Bao nhiêu thứ là vô ký không phải do vô ký làm nhân v.v...? Tất cả đều không phải là vô ký cũng không phải do vô ký làm nhân

Bao nhiêu thứ là nhân duyên không có nhân v.v...? Tất cả đều là nhân duyên cũng là có nhân.

Bao nhiêu thứ là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là mỗi thứ có ba trường hợp: 1. Hoặc là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là các tu định gồm thân các pháp tâm, tâm sở ở vị lai, ở hiện tiền đang đầy khởi. 2. Hoặc là đẳng vô gián cũng là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là các tu định gồm thân các pháp tâm, tâm sở ở quá khứ, hiện tại. 3. Hoặc không phải là đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là trừ các tu định gồm thân các pháp tâm, tâm sở ở vị lai, ở hiện tiền đang khởi, còn lại là các tu định gồm thân các pháp tâm, tâm sở ở vị lai và các tu định gồm thân các nghiệp thân ngữ có tâm bất tương ưng hành.

Bao nhiêu thứ là sở duyên duyên không có sở duyên v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các tu định gồm thân các nghiệp thân ngữ

có tâm bất tương ưng hành là sở duyên duyên không có sở duyên, ngoài ra đều là sở duyên duyên cũng có sở duyên.

Bao nhiêu thứ là tăng thượng duyên không có tăng thượng v.v...? Tất cả đều là tăng thượng duyên cũng có tăng thượng.

Bao nhiêu thứ là bộc lưu không phải là thuận bộc lưu v.v...? Một thứ là thuận bộc lưu không phải là bộc lưu, một thứ không phải là bộc lưu cũng không phải là thuận bộc lưu, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là Hiện pháp lạc trụ và Tuệ phân biệt nếu là hữu lậu là thuận bộc lưu không phải là bộc lưu, nếu là vô lậu thì không phải là bộc lưu cũng không phải là thuận bộc lưu.

HẾT - QUYỂN 14

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÂM LOẠI TỨC

QUYỂN 15

Phẩm 7: BIỆN VỀ NGÀN CÂU HỎI, phần 6

14. Bảy Giác chi: Là niệ*m* giác chi v.v... cho đến xả giác chi.

*

*** Bảy Giác chi này:**

Bao nhiêu thứ là có sắc v.v...? Tất cả đều là không sắc.

Bao nhiêu thứ là có thấy v.v...? Tất cả đều là không thấy.

Bao nhiêu thứ là có đối v.v...? Tất cả đều là không đối.

Bao nhiêu thứ là hữu lậu v.v...? Tất cả đều là vô lậu.

Bao nhiêu thứ là hữu vi v.v...? Tất cả đều là hữu vi.

Bao nhiêu thứ có dị thực v.v...? Tất cả đều không có dị thực.

Bao nhiêu thứ là duyên sinh v.v...? Tất cả đều là duyên sinh, là nhân sinh, là thuộc về thế gian.

Bao nhiêu thứ thuộc về sắc v.v...? Tất cả đều thuộc về danh.

Bao nhiêu thứ thuộc về nội xứ v.v...? Tất cả đều thuộc về ngoại xứ.

Bao nhiêu thứ là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Tất cả đều là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

*

*** Bấy Giác chi này:**

Bao nhiêu thứ đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Tất cả đều không đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

Bao nhiêu thứ nên đoạn trừ v.v...? Tất cả đều không nên đoạn trừ.

Bao nhiêu thứ nên tu v.v...? Tất cả đều nên tu.

Bao nhiêu thứ là nhiễm ô v.v...? Tất cả đều không nhiễm ô.

Bao nhiêu thứ là quả không phải là có quả v.v...? Tất cả đều là quả cũng là có quả.

Bao nhiêu thứ có chấp thọ v.v...? Tất cả đều là không chấp thọ.

Bao nhiêu thứ do các đại chủng tạo nên v.v...? Tất cả đều không phải do các đại chủng tạo nên.

Bao nhiêu thứ là hữu thượng v.v...? Tất cả đều là hữu thượng.

Bao nhiêu thứ là hữu v.v...? Tất cả đều không phải hữu.

Bao nhiêu thứ là nhân tương ưng v.v...? Tất cả đều là nhân tương ưng.

*

*** Bấy Giác chi này:**

Cùng sáu xứ thiện gồm nhau: Phần ít của hai xứ thiện gồm sáu giác chi, sáu giác chi cũng gồm phần ít của hai xứ thiện.

Cùng năm xứ bất thiện gồm nhau: Là chúng không cùng gồm sáu.

Cùng bảy xứ vô ký gồm nhau: Là chúng không cùng gồm sáu.

Cùng ba xứ lậu gồm nhau: Là chúng không cùng gồm nhau.

Cùng năm xứ hữu lậu gồm nhau: Là chúng không cùng gồm nhau.

Cùng tám xứ vô lậu gồm nhau: Phần ít của hai xứ vô lậu gồm nhau bảy giác chi, bảy giác chi cũng gồm nhau phần ít của hai xứ vô lậu.

Bao nhiêu thứ thuộc quá khứ v.v...? Tất cả đều thuộc hoặc quá khứ, hiện tại, vị lai.

Bao nhiêu thứ là thiện v.v...? Tất cả đều là thiện.

Bao nhiêu thứ thuộc cõi Dục v.v...? Tất cả đều không hệ thuộc.

Bao nhiêu thứ là học v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là niệm giác chi hoặc là học, hoặc là vô học. Thế nào là học? Nghĩa là tác ý học tương ưng với niệm giác chi. Thế nào là vô học? Nghĩa là tác ý vô học tương ưng với niệm giác chi. Như niệm giác chi, sáu giác chi còn lại cũng như vậy.

*

*** Bảy Giác chi này:**

Bao nhiêu thứ do kiến đạo đoạn trừ v.v...? Tất cả đều không đoạn.

Bao nhiêu thứ là không phải tâm v.v...? Tất cả đều là tâm sở cùng tâm tương ưng.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ v.v...? Một thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ, sáu thứ là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với thọ.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tướng, hành v.v...? Nghĩa là trừ tự tánh của chúng, còn lại là như thọ, nên biết.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là niệm giác chi hoặc là có tầm

có tứ, hoặc là không tầm chỉ có tứ, hoặc là không tầm không tứ. Thế nào là có tầm có tứ? Nghĩa là tác ý có tầm có tứ tương ưng với niệm giác chi. Thế nào là không tầm chỉ có tứ? Nghĩa là tác ý không tầm chỉ có tứ tương ưng với niệm giác chi. Thế nào là không tầm không tứ? Nghĩa là tác ý không tầm không tứ tương ưng với niệm giác chi.

Các thứ trạch pháp, tinh tấn, khinh an, định, xả giác chi cũng như vậy.

Hỷ giác chi hoặc là có tầm có tứ, hoặc là không tầm không tứ. Thế nào là có tầm có tứ? Nghĩa là tác ý tầm có tứ tương ưng với hỷ giác chi. Thế nào là không tầm không tứ? Nghĩa là tác ý không tầm không tứ tương ưng với hỷ giác chi.

Bao nhiêu thứ là kiến không phải là xứ kiến v.v...? Sáu thứ không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là trạch pháp giác chi gồm thân tận trí, vô sinh trí, không gồm thân tuệ là kiến không phải là xứ kiến. Ngoài ra đều không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến.

Bao nhiêu thứ là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến v.v...? Tất cả đều không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp v.v...? Tất cả đều không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển v.v...? Tất cả đều là tùy nghiệp chuyển không phải là nghiệp.

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có thấy v.v...? Tất cả đều không phải là sắc được tạo cũng không phải là sắc có thấy.

*** Bảy Giác chi này:**

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có đối v.v...?
Tất cả đều không phải là sắc được tạo cũng không phải là sắc có đối.

Bao nhiêu thứ vì khó thấy nên là thâm diệu v.v...? Tất cả vì khó thấy nên là thâm diệu, vì thâm diệu nên là khó thấy.

Bao nhiêu thứ là thiện không phải do thiện làm nhân v.v...? Tất cả đều là thiện cũng đều do thiện làm nhân.

Bao nhiêu thứ là bất thiện không phải do bất thiện làm nhân v.v...? Tất cả đều không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân.

Bao nhiêu thứ là vô ký không phải do vô ký làm nhân v.v...? Tất cả đều không phải là vô ký cũng không phải do vô ký làm nhân.

Bao nhiêu thứ là nhân duyên không có nhân v.v...? Tất cả đều là nhân duyên cũng là có nhân.

Bao nhiêu thứ là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên v.v...? Tất cả nên phân biệt:

Nghĩa là niệm giác chi hoặc là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên, hoặc là đẳng vô gián cũng là đẳng vô gián duyên, hoặc không phải là đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên. Là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là niệm giác chi ở vị lai, hiện tiền đang dậy khởi. Là đẳng vô gián cũng là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là niệm giác chi ở quá khứ, hiện tại. Không phải là đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là trừ niệm giác chi ở vị lai, hiện tiền đang dậy khởi, còn lại là các niệm giác chi ở vị lai.

Như niệm giác chi, sáu giác chi còn lại cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là sở duyên duyên không có sở duyên v.v...? Tất cả đều là sở duyên duyên cũng có sở duyên.

Bao nhiêu thứ là tăng thượng duyên không có tăng thượng v.v...? Tất cả đều là tăng thượng duyên cũng có tăng thượng.

Bao nhiêu thứ là bộc lưu không phải là thuận bộc lưu v.v...? Tất cả đều không phải là bộc lưu cũng không phải là thuận bộc lưu.

**

15. Hai mươi hai căn: *Là nhãn căn v.v... cho đến cụ tri căn.*

*

*** Hai mươi hai căn này:**

Bao nhiêu thứ là có sắc v.v...? Bảy thứ là có sắc, mười lăm thứ là không sắc.

Bao nhiêu thứ là có thấy v.v...? Tất cả đều là không thấy.

Bao nhiêu thứ là có đối v.v...? Bảy thứ là có đối, mười lăm thứ là không đối.

Bao nhiêu thứ là hữu lậu v.v...? Mười thứ là hữu lậu, ba thứ là vô lậu, chín thứ nên phân biệt: Nghĩa là ý căn hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là tác ý hữu lậu tương ưng với ý căn. Thế nào là vô lậu? Là tác ý vô lậu tương ưng với ý căn. Như ý căn, lạc, hỷ, xả, tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là hữu vi v.v...? Tất cả đều là hữu vi.

Bao nhiêu thứ có dị thực v.v...? Một thứ là có dị thực, mười một thứ là không dị thực, mười thứ nên phân biệt: Nghĩa là ý căn hoặc có dị thực, hoặc không dị thực. Thế nào là có dị thực? Là ý căn hữu lậu thiện và bất thiện. Thế nào là không dị thực? Là ý căn vô lậu vô ký.

Như ý căn, lạc căn, hỷ căn, xả căn cũng như vậy.

Khổ căn hoặc có dị thực, hoặc không dị thực. Thế nào là có dị thực? Là khổ căn thiện, bất thiện. Thế nào là không dị thực? Là khổ căn vô ký.

Các căn tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ nếu là hữu lậu thì có dị thực, nếu là vô lậu thì không dị thực.

Bao nhiêu thứ là duyên sinh v.v...? Tất cả đều là duyên sinh, là nhân sinh, là thuộc về thế gian.

Bao nhiêu thứ thuộc về sắc v.v...? Bảy thứ thuộc về sắc, mười lăm thứ thuộc về danh.

Bao nhiêu thứ thuộc về nội xứ v.v...? Tám thứ thuộc về nội xứ, mười một thứ thuộc về ngoại xứ, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là các căn vị tri đương tri căn, dĩ tri căn, cụ tri căn thân giữ tâm ý thức là thuộc về nội xứ, ngoài ra đều thuộc về ngoại xứ.

Bao nhiêu thứ là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Tất cả đều là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

*

*** Hai mươi hai căn này:**

Bao nhiêu thứ đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Mười thứ là đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp, ba thứ không đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp, chín thứ nên phân biệt: Nghĩa là chín căn như ý v.v... nếu là hữu lậu thì đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp, nếu là vô lậu thì không đoạn dứt.

Bao nhiêu thứ nên đoạn trừ v.v...? Mười thứ nên đoạn trừ, ba thứ không nên đoạn trừ, chín thứ nên phân biệt: Nghĩa là chín căn như ý v.v... nếu là hữu lậu thì nên đoạn trừ, nếu là vô lậu thì không nên đoạn trừ.

Bao nhiêu thứ nên tu v.v...? Tám thứ nên tu, tám thứ không nên tu, sáu thứ nên phân biệt: Nghĩa là ý căn hoặc nên tu, hoặc không nên

tu. Thế nào là nên tu? Là ý căn thiện. Thế nào là không nên tu? Là ý căn bất thiện, vô ký.

Như ý căn, lạc căn, hỷ căn, khổ căn, xả căn cũng như vậy.

Ưu căn hoặc nên tu, hoặc không nên tu. Thế nào là nên tu? Là ưu căn thiện. Thế nào là không nên tu? Là ưu căn bất thiện.

Bao nhiêu thứ là nhiễm ô v.v...? Mười sáu thứ là không nhiễm ô, sáu thứ nên phân biệt: Nghĩa là ý căn hoặc là nhiễm ô, hoặc là không nhiễm ô. Thế nào là nhiễm ô? Là ý căn hữu phú. Thế nào là không nhiễm ô? Là ý căn vô phú. Như ý căn, lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là quả không phải là có quả v.v...? Tất cả đều là quả cũng là có quả.

Bao nhiêu thứ có chấp thọ v.v...? Mười lăm thứ là không chấp thọ, bảy thứ nên phân biệt: Nghĩa là nhãn căn hoặc là có chấp thọ, hoặc là không chấp thọ. Thế nào là có chấp thọ? Nghĩa là tự thể thân giữ năm căn. Thế nào là không chấp thọ? Nghĩa là không phải tự thể thân giữ nhãn căn. Như nhãn căn, sáu sắc căn khác cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ do các đại chủng tạo nên v.v...? Bảy thứ do các đại chủng tạo nên, mười lăm thứ không phải do các đại chủng tạo nên.

Bao nhiêu thứ là hữu thượng v.v...? Tất cả đều là hữu thượng.

Bao nhiêu thứ là hữu v.v...? Mười thứ là hữu, ba thứ là không phải hữu, chín thứ nên phân biệt: Nghĩa là chín căn như ý v.v... nếu hữu lậu là hữu, nếu vô lậu là không phải hữu.

Bao nhiêu thứ là nhân tương ưng v.v...? Tám thứ là nhân không tương ưng, mười bốn thứ là nhân tương ưng.

*** Hai mươi hai căn này:**

Cùng sáu xứ thiện gồm nhau: Có bốn trường hợp: 1. Hoặc là xứ thiện không phải là căn: Nghĩa là các sắc uẩn, tướng uẩn thiện và căn không gồm nhau hành uẩn thiện và trạch diệt. 2. Hoặc là căn không phải là xứ thiện: Nghĩa là tám căn và phần ít của sáu căn. 3. Hoặc là xứ thiện cũng là căn: Nghĩa là tám căn và phần ít của sáu căn. 4. Hoặc không phải là xứ thiện cũng không phải là căn: Nghĩa là sắc uẩn, hành uẩn bất thiện, tướng uẩn bất thiện, vô ký và căn không gồm nhau sắc uẩn, hành uẩn, cùng hư không và phi trạch diệt.

Cùng năm xứ bất thiện gồm nhau: Cũng có bốn trường hợp: 1. Hoặc là xứ bất thiện không phải là căn: Nghĩa là sắc tướng hành uẩn bất thiện. 2. Hoặc là căn không phải là xứ bất thiện: Nghĩa là mười sáu căn và phần ít của sáu căn. 3. Hoặc là xứ bất thiện cũng là căn: Nghĩa là phần ít của sáu căn. 4. Hoặc không phải là xứ bất thiện cũng không phải căn: Nghĩa là sắc uẩn thiện, tướng uẩn thiện và vô ký, căn không gồm nhau các hành uẩn thiện và vô ký cùng căn không gồm nhau sắc uẩn vô ký và pháp vô vi.

Cùng bảy xứ vô ký gồm nhau: Cũng có bốn trường hợp: 1. Hoặc là xứ vô ký không phải là căn: Nghĩa là tướng uẩn vô ký và căn không gồm nhau sắc uẩn, hành uẩn vô ký cùng hư không, phi trạch diệt. 2. Hoặc là căn không phải là xứ vô ký: Nghĩa là chín căn và phần ít của năm căn. 3. Hoặc là xứ vô ký cũng là căn: Nghĩa là tám căn và phần ít của năm căn. 4. Hoặc không phải là xứ vô ký cũng không phải là căn: Nghĩa là sắc uẩn, tướng uẩn thiện và bất thiện, hành uẩn bất thiện và căn không gồm nhau hành uẩn thiện cùng trạch diệt.

Cùng ba xứ lậu gồm nhau: Là chúng không cùng gồm nhau.

Cùng năm xứ hữu lậu gồm nhau: Có bốn trường hợp: 1. Hoặc là xứ hữu lậu không phải là căn: Nghĩa là tướng uẩn hữu lậu và căn không gồm nhau sắc uẩn, hành uẩn hữu lậu. 2. Hoặc là căn không

phải là xứ hữu lậu: Nghĩa là ba căn và phần ít của chín căn. 3. Hoặc là xứ hữu lậu cũng là căn: Nghĩa là mười căn và phần ít của chín căn. 4. Hoặc không phải là xứ hữu lậu cũng không phải là căn: Nghĩa là sắc uẩn, tướng uẩn vô lậu và căn không gồm thân hành uẩn vô lậu và ba thứ vô vi.

Cùng tám xứ vô lậu gồm thân nhau: Có bốn trường hợp: 1. Hoặc là xứ vô lậu không phải là căn: Nghĩa là sắc uẩn, tướng uẩn vô lậu và căn không gồm thân hành uẩn vô lậu cùng ba thứ vô vi. 2. Hoặc là căn không phải là xứ vô lậu: Nghĩa là mười căn và phần ít của chín căn. 3. Hoặc là xứ vô lậu cũng là căn: Nghĩa là ba căn và phần ít của chín căn. 4. Hoặc không phải là xứ vô lậu cũng không phải là căn: Nghĩa là tướng uẩn hữu lậu và căn không gồm thân sắc uẩn, hành uẩn hữu lậu.

Bao nhiêu thứ thuộc quá khứ v.v...? Tất cả đều thuộc về hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai.

Bao nhiêu thứ là thiện v.v...? Tám thứ là thiện, tám thứ là vô ký, sáu thứ nên phân biệt: Nghĩa là ý căn hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Là tác ý thiện tương ưng với ý căn. Thế nào là bất thiện? Là tác ý bất thiện tương ưng với ý căn. Thế nào là vô ký? Là tác ý vô ký tương ưng với ý căn.

Như ý căn, lạc căn, khổ căn, hỷ căn, xả căn cũng như vậy.

Ưu căn hoặc là thiện, hoặc là bất thiện. Thế nào là thiện? Là tác ý thiện tương ưng với ưu căn. Thế nào là bất thiện? Là tác ý bất thiện tương ưng với ưu căn.

Bao nhiêu thứ thuộc cõi Dục v.v...? Bốn thứ thuộc cõi Dục, ba thứ không hệ thuộc, mười lăm thứ nên phân biệt: Nghĩa là nhãn căn hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là các đại chủng ở cõi Dục tạo nên nhãn căn. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là các đại chủng ở cõi Sắc tạo nên nhãn căn.

Như nhãn căn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn cũng như vậy.

Mạng căn hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là thọ mạng ở cõi Dục. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là thọ mạng ở cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Vô sắc? Là thọ mạng ở cõi Vô sắc.

Ý căn hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là tác ý ở cõi Dục tương ưng với ý căn. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là tác ý ở cõi Sắc tương ưng với ý căn. Thế nào là thuộc cõi Vô sắc? Là tác ý ở cõi Vô sắc tương ưng với ý căn. Thế nào là không hệ thuộc? Là tác ý vô lậu tương ưng với ý căn.

Như ý căn, xả và năm căn như tín v.v... cũng như vậy.

Lạc căn hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc không hệ thuộc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là tác ý ở cõi Dục tương ưng với lạc căn. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là tác ý ở cõi Sắc tương ưng với lạc căn. Thế nào là không hệ thuộc? Là tác ý vô lậu tương ưng với lạc căn.

Như lạc căn, hỷ căn cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là học v.v...? Hai thứ là học, một thứ là vô học, mười thứ là phi học phi vô học, chín thứ nên phân biệt: Nghĩa là ý căn hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học? Là tác ý hữu học tương ưng với ý căn. Thế nào là vô học? Là tác ý vô học tương ưng với ý căn. Thế nào là phi học phi vô học? Là tác ý hữu lậu tương ưng với ý căn. Như ý căn, lạc căn, hỷ căn, xả căn, năm căn như tín v.v... cũng như vậy.

*

*** Hai mươi hai căn này:**

Bao nhiêu thứ do kiến đạo đoạn trừ v.v...? Chín thứ do tu đạo đoạn trừ, ba thứ không đoạn trừ, mười thứ nên phân biệt: Nghĩa là ý

căn hoặc do kiến đạo đoạn trừ, hoặc do tu đạo đoạn trừ, hoặc không đoạn trừ. Thế nào là do kiến đạo đoạn trừ? Nghĩa là ý căn nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành hiện quán biên nhãn đã đoạn trừ. Đây lại là thế nào? Tức là do kiến đạo đoạn trừ tám mươi tám thứ tùy miên tương ưng với ý căn. Thế nào là do tu đạo đoạn trừ? Nghĩa là ý căn nơi bậc học kiến tích tu tập đoạn trừ. Đây lại là thế nào? Tức là do tu đạo đoạn trừ mười thứ tùy miên tương ưng với ý căn và ý căn hữu lậu không nhiễm ô. Thế nào là không đoạn trừ? Nghĩa là ý căn vô lậu.

Như ý căn, xả căn cũng như vậy.

Lạc căn hoặc do kiến đạo đoạn trừ, hoặc do tu đạo đoạn trừ, hoặc không đoạn trừ. Thế nào là do kiến đạo đoạn trừ? Nghĩa là lạc căn nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành hiện quán biên nhãn đã đoạn trừ. Đây lại là thế nào? Tức là do kiến đạo đoạn trừ hai mươi tám tùy miên tương ưng với lạc căn. Thế nào là do tu đạo đoạn trừ? Nghĩa là lạc căn nơi bậc học kiến tích tu tập đoạn trừ. Đây lại là thế nào? Tức là do tu đạo đoạn trừ năm thứ tùy miên tương ưng với lạc căn cùng lạc căn hữu lậu không nhiễm ô. Thế nào là không đoạn trừ? Nghĩa là lạc căn vô lậu.

Hỷ căn hoặc do kiến đạo đoạn trừ, hoặc do tu đạo đoạn trừ, hoặc không đoạn trừ. Thế nào là do kiến đạo đoạn trừ? Nghĩa là hỷ căn nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành hiện quán biên nhãn đã đoạn trừ. Đây lại là thế nào? Tức là do kiến đạo đoạn trừ năm mươi hai tùy miên tương ưng với hỷ căn. Thế nào là do tu đạo đoạn trừ? Nghĩa là căn thiện nơi bậc học kiến tích tu tập đoạn trừ. Đây lại là thế nào? Tức là do tu đạo đoạn trừ sáu thứ tùy miên tương ưng với hỷ căn và hỷ căn hữu lậu không nhiễm ô. Thế nào là không đoạn trừ? Nghĩa là hỷ căn vô lậu.

Ưu căn hoặc do kiến đạo đoạn trừ, hoặc do tu đạo đoạn trừ. Thế nào là do kiến đạo đoạn trừ? Nghĩa là ưu căn nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành hiện quán biên nhãn đã đoạn trừ. Đây lại là thế nào? Tức là do

kiến đạo đoạn trừ mười sáu tùy miên tương ưng với ưu căn. Thế nào là do tu đạo đoạn trừ? Nghĩa là ưu căn nơi bậc học kiến tích tu tập đoạn trừ. Đây lại là thế nào? Tức là do tu đạo đoạn trừ hai thứ tùy miên tương ưng với ưu căn và ưu căn không nhiễm ô.

Năm căn như tín v.v... nếu là hữu lậu thì do tu đạo đoạn trừ, nếu là vô lậu thì không đoạn trừ.

Bao nhiêu thứ là không phải tâm v.v...? Tám thứ là không phải tâm, không phải tâm sở, không phải tâm tương ưng. Mười thứ là tâm sở cùng tâm tương ưng. Một thứ chỉ là tâm. Ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là ba căn vô lậu gồm thân tám căn là tâm sở cùng tâm tương ưng, một căn chỉ là tâm.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ v.v...? Năm thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ, một thứ là tương ưng với thọ không phải là tùy tâm chuyển, năm thứ là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với thọ, tám thứ không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với thọ, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là ba căn vô lậu gồm thân ba căn tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ, một căn tương ưng với thọ không phải là tùy tâm chuyển, năm căn tùy tâm chuyển cũng tương ưng với thọ.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tưởng, hành v.v...? Một thứ là tương ưng với tưởng không phải là tùy tâm chuyển, mười thứ là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với tưởng, tám thứ không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với tưởng, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là ba căn vô lậu gồm thân tám căn tùy tâm chuyển cũng tương ưng với tưởng, một căn tương ưng với tưởng không phải là tùy tâm chuyển.

Một thứ tương ưng với hành không phải là tùy tâm chuyển, mười thứ là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với hành, trừ tự tánh của chúng, tám thứ không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng

với hành, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là ba căn vô lậu gồm thân một căn tương ưng với hành không phải là tùy tâm chuyển, tám thứ là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với hành trừ tự tánh của chúng.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ v.v...? Hai thứ là có tâm có tứ, tám thứ không tâm không tứ, mười hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là ý căn hoặc là có tâm có tứ, hoặc là không tâm chỉ có tứ, hoặc là không tâm không tứ. Thế nào là có tâm có tứ? Nghĩa là tác ý có tâm có tứ tương ưng với ý căn. Thế nào là không tâm chỉ có tứ? Nghĩa là tác ý không tâm chỉ có tứ tương ưng với ý căn. Thế nào là không tâm không tứ? Nghĩa là tác ý không tâm không tứ tương ưng với ý căn.

Như ý căn, xả căn, năm căn như tín v.v..., ba căn vô lậu cũng như vậy.

Lạc căn hoặc là có tâm có tứ, hoặc là không tâm không tứ. Thế nào là có tâm có tứ? Nghĩa là tác ý có tâm có tứ tương ưng với lạc căn. Thế nào là không tâm không tứ? Nghĩa là tác ý không tâm không tứ tương ưng với lạc căn.

Như lạc căn, hỷ căn cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là kiến không phải là xứ kiến v.v...? Một thứ là kiến cũng là xứ kiến, chín thứ là kiến không phải là xứ kiến, mười hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là ý căn nếu hữu lậu là xứ kiến không phải là kiến, nếu vô lậu thì không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến.

Như ý căn, lạc căn, hỷ căn, xả căn, bốn căn như tín v.v... cũng như vậy.

Tuệ căn có bốn trường hợp: 1. Hoặc là kiến không phải là xứ kiến: Nghĩa là tận trí, vô sinh trí không gồm thân tuệ căn vô lậu. 2. Hoặc là xứ kiến không phải là kiến: Nghĩa là kiến không gồm thân

tuệ căn hữu lậu. 3. Hoặc là kiến cũng là xứ kiến: Nghĩa là chánh kiến thế gian. 4. Hoặc không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến: Nghĩa là kiến không gồm thâm tuệ căn vô lậu.

Các căn vị tri đương tri căn, dĩ tri căn gồm thâm tuệ căn là kiến không phải là xứ kiến, ngoài ra đều không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến.

Cụ tri căn gồm thâm tận trí, vô sinh trí, không gồm thâm tuệ căn là kiến không phải là xứ kiến, ngoài ra không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến.

Bao nhiêu thứ là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến v.v...? Mười sáu thứ không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến, sáu thứ nên phân biệt:

Nghĩa là ý căn hoặc là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến, hoặc là hữu thân kiến làm nhân cũng là nhân của hữu thân kiến, hoặc không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến. Hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là trừ ở quá khứ, hiện tại do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên tương ưng với ý căn. Cũng trừ ở quá khứ, hiện tại do kiến tập đoạn trừ các tùy miên biến hành tương ưng với ý căn. Cũng trừ hữu thân kiến vị lai tương ưng ý căn, còn lại là các ý căn nhiễm ô. Hữu thân kiến làm nhân cũng là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là các ý căn đã trừ ở trước. Không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là ý căn không nhiễm ô.

Như ý căn, lạc căn, hỷ căn, xả căn cũng như vậy.

Khổ căn nếu nhiễm ô là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến, nếu không nhiễm ô thì không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến.

Ưu căn hoặc là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến, hoặc là hữu thân kiến làm nhân cũng là nhân của hữu thân kiến, hoặc không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến. Hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là trừ ở quá khứ, hiện tại do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên tương ưng với ưu căn. Cũng trừ ở quá khứ, hiện tại do kiến tập đoạn trừ các tùy miên biến hành tương ưng với ưu căn. Còn lại là ưu căn nhiễm ô. Hữu thân kiến làm nhân cũng là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là các ưu căn đã trừ ở trước. Không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là ưu căn không nhiễm ô.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp v.v...? Một thứ là dị thực của nghiệp không phải là nghiệp, chín thứ không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp, mười hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là nhãn căn hoặc là dị thực của nghiệp không phải là nghiệp, hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp. Là dị thực của nghiệp không phải là nghiệp: Nghĩa là dị thực sinh ra nhãn căn. Còn các nhãn căn khác đều không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp. Như nhãn căn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, nam, nữ, ý, lạc, khổ, hỷ, xả căn cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển v.v...? Tám thứ không phải là nghiệp cũng không phải là tùy nghiệp chuyển, mười bốn thứ là tùy nghiệp chuyển không phải là nghiệp.

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có thấy v.v...? Bảy thứ là sắc được tạo không phải sắc có thấy, mười lăm thứ là không phải sắc được tạo cũng không phải là sắc có thấy.

*** Hai mươi hai căn này:**

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có đối v.v...?
 Bảy thứ là sắc được tạo cũng là sắc có đối, mười lăm thứ là không phải sắc được tạo cũng không phải là sắc có đối.

Bao nhiêu thứ vì khó thấy nên là thâm diệu v.v...? Tất cả đều vì khó thấy nên là thâm diệu, vì thâm diệu nên là khó thấy.

Bao nhiêu thứ là thiện không phải do thiện làm nhân v.v...?
 Tám thứ là thiện cũng do thiện làm nhân, mười bốn thứ nên phân biệt: Nghĩa là nhãn căn hoặc do thiện làm nhân không phải là thiện, hoặc không phải là thiện cũng không phải do thiện làm nhân. Do thiện làm nhân không phải là thiện: Nghĩa là dị thực thiện sinh ra nhãn căn. Các nhãn căn khác đều không phải là thiện cũng không phải do thiện làm nhân.

Như nhãn căn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, nam, nữ, mạng căn cũng như vậy.

Ý căn hoặc do thiện làm nhân không phải là thiện, hoặc là thiện cũng do thiện làm nhân, hoặc không phải là thiện cũng không phải do thiện làm nhân. Do thiện làm nhân không phải là thiện: Nghĩa là dị thực thiện sinh ra ý căn. Là thiện cũng do thiện làm nhân: Nghĩa là ý căn thiện. Không phải là thiện cũng không phải do thiện làm nhân: Nghĩa là trừ ý căn do dị thực thiện sinh ra, các thứ còn lại đều là ý căn bất thiện và vô ký.

Như ý căn, lạc, hỷ, xả căn cũng như vậy.

Khổ căn hoặc là thiện cũng do thiện làm nhân, hoặc không phải là thiện cũng không phải do thiện làm nhân. Là thiện cũng do thiện làm nhân: Nghĩa là khổ căn thiện. Không phải là thiện cũng không phải do thiện làm nhân: Nghĩa là khổ căn bất thiện và vô ký.

Ưu căn hoặc là thiện cũng do thiện làm nhân, hoặc không phải là thiện cũng không phải do thiện làm nhân. Là thiện cũng do thiện

làm nhân: Nghĩa là ưu căn thiện. Không phải là thiện cũng không phải do thiện làm nhân: Nghĩa là ưu căn bất thiện.

Bao nhiêu thứ là bất thiện không phải do bất thiện làm nhân v.v...? Tám thứ không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân, mười bốn thứ nên phân biệt: Nghĩa là nhân căn hoặc do bất thiện làm nhân không phải là bất thiện, hoặc không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân. Do bất thiện làm nhân không phải là bất thiện: Nghĩa là dị thực bất thiện sinh ra nhân căn, các nhân căn còn lại không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân.

Như nhân căn, nhĩ, tử, thiết, thân, nam, nữ, mạng căn cũng như vậy.

Ý căn hoặc do bất thiện làm nhân không phải là bất thiện, hoặc là bất thiện cũng do bất thiện làm nhân, hoặc không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân. Do bất thiện làm nhân không phải là bất thiện: Nghĩa là dị thực bất thiện sinh ra ý căn và hữu thân kiến, biên chấp kiến nơi cõi Dục tương ưng với ý căn. Là bất thiện cũng do bất thiện làm nhân: Nghĩa là ý căn bất thiện. Không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân: Nghĩa là trừ ý căn do dị thực bất thiện sinh ra cùng trừ hữu thân kiến, biên chấp kiến tương ưng với ý căn ở cõi Dục, còn lại là ý căn thiện và vô ký.

Lạc căn hoặc là bất thiện cũng do bất thiện làm nhân, hoặc không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân. Là bất thiện cũng do bất thiện làm nhân: Nghĩa là lạc căn bất thiện. Không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân: Nghĩa là lạc căn thiện và vô ký.

Khổ căn hoặc do bất thiện làm nhân không phải là bất thiện, hoặc là bất thiện cũng do bất thiện làm nhân, hoặc không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân. Là do bất thiện làm nhân không phải là bất thiện: Nghĩa là khổ căn do dị thực sinh ra. Là bất

thiện cũng do bất thiện làm nhân: Nghĩa là khổ căn bất thiện. Không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân: Nghĩa là trừ khổ căn do dị thực sinh ra, còn lại là khổ căn thiện và vô ký.

Hỷ căn hoặc do bất thiện làm nhân không phải là bất thiện, hoặc là bất thiện cũng do bất thiện làm nhân, hoặc không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân. Là do bất thiện làm nhân không phải là bất thiện: Nghĩa là hữu thân kiến, biên chấp kiến ở cõi Dục tương ứng với hỷ căn. Là bất thiện cũng do bất thiện làm nhân: Nghĩa là hỷ căn bất thiện. Không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân: Nghĩa là trừ hữu thân kiến, biên chấp kiến ở cõi Dục tương ứng với hỷ căn, còn lại là hỷ căn thiện và vô ký.

Như hỷ căn, xả căn cũng như vậy.

Ưu căn hoặc là bất thiện cũng do bất thiện làm nhân, hoặc không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân. Là bất thiện cũng do bất thiện làm nhân: Nghĩa là ưu căn bất thiện. Không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân: Nghĩa là ưu căn thiện.

Bao nhiêu thứ là vô ký không phải do vô ký làm nhân v.v...?
Tám thứ là vô ký cũng do vô ký làm nhân, tám thứ không phải là vô ký cũng không phải do vô ký làm nhân, sáu thứ nên phân biệt:

Nghĩa là ý căn hoặc do vô ký làm nhân không phải là vô ký, hoặc là vô ký cũng do vô ký làm nhân, hoặc không phải là vô ký cũng không phải do vô ký làm nhân. Là do vô ký làm nhân không phải là vô ký: Nghĩa là ý căn bất thiện. Là vô ký cũng do vô ký làm nhân: Nghĩa là ý căn vô ký. Không phải là vô ký cũng không phải do vô ký làm nhân: Nghĩa là ý căn thiện.

Như ý căn, lạc, khổ, hỷ, xả căn cũng như vậy.

Ưu căn hoặc do vô ký làm nhân không phải là vô ký, hoặc không phải là vô ký cũng không phải do vô ký làm nhân. Là do

vô ký làm nhân không phải là vô ký: Nghĩa là ưu căn bất thiện. Không phải là vô ký cũng không phải do vô ký làm nhân: Nghĩa là ưu căn thiện.

Bao nhiêu thứ là nhân duyên không có nhân v.v...? Tất cả đều là nhân duyên cũng là có nhân.

Bao nhiêu thứ là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên v.v...? Tám thứ không phải là đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên, mười bốn thứ nên phân biệt:

Nghĩa là ý căn hoặc là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên, hoặc là đẳng vô gián cũng là đẳng vô gián duyên, hoặc không phải là đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên. Là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là ý căn ở vị lai, hiện tiền đang dấy khởi và ý căn ở quá khứ, hiện tại của bậc A-la-hán khi mạng chung. Là đẳng vô gián duyên cũng là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là trừ ý căn ở quá khứ, hiện tại của bậc A-la-hán khi mạng chung, còn lại là ý căn ở quá khứ, hiện tại. Không phải là đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là trừ ý căn ở vị lai, hiện tiền đang khởi, còn lại là ý căn ở vị lai.

Như ý căn, xả căn cũng như vậy.

Lạc căn hoặc là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên, hoặc là đẳng vô gián cũng là đẳng vô gián duyên, hoặc không phải là đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên. Là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là lạc căn ở vị lai, hiện tiền đang dấy khởi. Là đẳng vô gián cũng là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là lạc căn ở quá khứ, hiện tại. Không phải là đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là trừ lạc căn vị lai, hiện tiền đang dấy khởi, còn lại là lạc căn vị lai khác.

Như lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, năm căn như tín v.v..., ba căn vô lậu cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là sở duyên duyên không có sở duyên v.v...? Tám thứ là sở duyên duyên không có sở duyên, mười bốn thứ là sở duyên duyên cũng có sở duyên.

Bao nhiêu thứ là tăng thượng duyên không có tăng thượng v.v...? Tất cả đều là tăng thượng duyên cũng có tăng thượng.

Bao nhiêu thứ là bộc lưu không phải là thuận bộc lưu v.v...? Mười thứ là thuận bộc lưu không phải là bộc lưu, ba thứ không phải là bộc lưu cũng không phải là thuận bộc lưu, chín thứ nên phân biệt: Nghĩa là chín căn như ý v.v... nếu hữu lậu là thuận bộc lưu không phải là bộc lưu, nếu vô lậu thì không phải là bộc lưu cũng không phải là thuận bộc lưu.

**

16. Mười hai xứ: *Là nhãn xứ v.v... cho đến ý xứ, pháp xứ.*

*

*** Mười hai xứ này:**

Bao nhiêu thứ là có sắc v.v...? Mười thứ là có sắc, một thứ là không sắc, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp xứ hoặc là có sắc, hoặc là không sắc. Thế nào là có sắc? Là pháp xứ gồm sáu căn thân, ngữ. Thế nào là không sắc? Là pháp xứ còn lại.

Bao nhiêu thứ là có thấy v.v...? Một thứ là có thấy, mười một thứ là không thấy.

Bao nhiêu thứ là có đối v.v...? Mười thứ là có đối, hai thứ là không đối.

Bao nhiêu thứ là hữu lậu v.v...? Mười thứ là hữu lậu, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là ý xứ hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là tác ý hữu lậu tương ưng với ý xứ. Thế nào là vô lậu? Là tác ý vô lậu tương ưng với ý xứ.

Pháp xứ hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là pháp xứ gồm thâu các nghiệp thân, ngữ hữu lậu cùng các uẩn thọ tướng hành hữu lậu. Thế nào là vô lậu? Là các nghiệp thân, ngữ vô lậu, các uẩn thọ, tướng, hành vô lậu và pháp vô vi.

Bao nhiêu thứ là hữu vi v.v...? Mười một thứ là hữu vi, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp xứ hoặc là hữu vi, hoặc là vô vi. Thế nào là hữu vi? Là pháp xứ gồm thâu các nghiệp thân, ngữ và các uẩn thọ, tướng, hành. Thế nào là vô vi? Là hư không và hai thứ diệt.

Bao nhiêu thứ có dị thực v.v...? Tám thứ là có dị thực, bốn thứ nên phân biệt:

Nghĩa là sắc xứ hoặc có dị thực, hoặc không dị thực. Thế nào là có dị thực? Nghĩa là sắc xứ thiện và bất thiện. Thế nào là không dị thực? Nghĩa là sắc xứ vô ký.

Như sắc xứ, thanh xứ cũng như vậy.

Ý xứ hoặc có dị thực, hoặc không dị thực. Thế nào là có dị thực? Nghĩa là ý xứ hữu lậu thiện và bất thiện. Thế nào là không dị thực? Là ý xứ vô lậu vô ký.

Như ý xứ, pháp xứ cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là duyên sinh v.v...? Mười một thứ là duyên sinh, là nhân sinh, là thuộc về thế gian, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp xứ nếu hữu vi là duyên sinh, là nhân sinh, là thuộc về thế gian. Nếu vô vi thì không phải là duyên sinh, không phải là nhân sinh, không thuộc về thế gian.

Bao nhiêu thứ thuộc về sắc v.v...? Mười thứ thuộc về sắc, một thứ thuộc về danh, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp xứ gồm thâu các nghiệp thân ngữ là thuộc về sắc, còn lại đều thuộc về danh.

Bao nhiêu thứ thuộc về nội xứ v.v...? Sáu thứ thuộc về nội xứ, sáu thứ thuộc về ngoại xứ.

Bao nhiêu thứ là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Tất cả đều là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

*

*** Mười hai xứ này:**

Bao nhiêu thứ đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Mười thứ là đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là ý xứ và pháp xứ nếu hữu lậu là đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp, nếu vô lậu thì không đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

Bao nhiêu thứ nên đoạn trừ v.v...? Mười thứ nên đoạn trừ, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là ý xứ và pháp xứ nếu là hữu lậu thì nên đoạn trừ, nếu là vô lậu thì không nên đoạn trừ.

Bao nhiêu thứ nên tu v.v...? Tám thứ là không nên tu, bốn thứ nên phân biệt:

Nghĩa là sắc xứ hoặc nên tu, hoặc không nên tu. Thế nào là nên tu? Nghĩa là sắc xứ thiện. Thế nào là không nên tu? Nghĩa là sắc xứ bất thiện và vô ký.

Như sắc xứ, thanh xứ và ý xứ cũng như vậy.

Pháp xứ hoặc nên tu, hoặc không nên tu. Thế nào là nên tu? Nghĩa là pháp xứ hữu vi thiện. Thế nào là không nên tu? Nghĩa là pháp xứ bất thiện, vô ký, cùng trạch diệt.

Bao nhiêu thứ là nhiễm ô v.v...? Tám thứ là không nhiễm ô, bốn thứ nên phân biệt: Nghĩa là sắc xứ hoặc là nhiễm ô, hoặc là không nhiễm ô. Thế nào là nhiễm ô? Nghĩa là sắc xứ hữu phú. Thế nào là không nhiễm ô? Nghĩa là sắc xứ vô phú. Như sắc xứ, thanh, ý, pháp xứ cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là quả không phải là có quả v.v...? Mười một thứ là quả cũng là có quả, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp xứ hoặc là quả không phải là có quả, hoặc là quả cũng là có quả, hoặc không phải là cũng không phải là có quả. Là quả không phải là có quả: Là trạch diệt. Là quả cũng là có quả: Là pháp xứ hữu vi. Không phải là quả cũng không phải là có quả: Là hư không, phi trạch diệt.

Bao nhiêu thứ có chấp thọ v.v...? Ba thứ là không chấp thọ, chín thứ nên phân biệt: Nghĩa là nhãn xứ hoặc có chấp thọ, hoặc không chấp thọ. Thế nào là có chấp thọ? Nghĩa là tự thể gồm thân nhãn xứ. Thế nào là không chấp thọ? Nghĩa là không phải tự thể gồm thân nhãn xứ. Như nhãn xứ, sắc, nhĩ, thanh, tỷ, hương, thiệt, vị, thân xứ cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ do các đại chủng tạo nên v.v...? Chín thứ là do các đại chủng tạo nên, một thứ không phải do các đại chủng tạo nên, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là xúc xứ về các thứ cứng, ướt, ấm, động v.v... là không phải do các đại chủng tạo nên, còn lại đều do các đại chủng tạo nên. Pháp xứ gồm thân các nghiệp thân ngữ là do các đại chủng tạo nên, còn lại là không phải do các đại chủng tạo nên.

Bao nhiêu thứ là hữu thượng v.v...? Mười một thứ là hữu thượng, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp xứ trạch diệt là vô thượng, còn lại đều là hữu thượng.

Bao nhiêu thứ là hữu v.v...? Mười thứ là hữu, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là ý xứ và pháp xứ nếu hữu lậu là hữu, nếu vô lậu là không phải hữu.

Bao nhiêu thứ là nhân tương ưng v.v...? Mười thứ là nhân không tương ưng, một thứ là nhân tương ưng, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là các pháp tâm tâm sở của pháp xứ là nhân tương ưng, còn lại là nhân không tương ưng.

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÂM LOẠI TỨC

QUYỂN 16

Phẩm 7: BIỆN VỀ NGÀN CÂU HỎI, phần 7

*** Mười hai xứ này:**

Cùng sáu xứ thiện gồm nhau: Sáu xứ thiện gồm sáu phần ít của bốn xứ, phần ít của bốn xứ cũng gồm sáu xứ thiện.

Cùng năm xứ bất thiện gồm nhau: Năm xứ bất thiện gồm sáu phần ít của bốn xứ thiện, phần ít của bốn xứ thiện cũng gồm năm xứ bất thiện.

Cùng bảy xứ vô ký gồm nhau: Bảy xứ vô ký gồm tám xứ và phần ít của bốn xứ, tám xứ và phần ít của bốn xứ cũng gồm bảy xứ vô ký

Cùng ba xứ lậu gồm nhau: Ba xứ lậu gồm phần ít của một xứ, phần ít của một xứ cũng gồm ba xứ lậu.

Cùng năm xứ hữu lậu gồm nhau: Năm xứ hữu lậu gồm mười xứ và phần ít của hai xứ, mười xứ và phần ít của hai xứ gồm năm xứ hữu lậu.

Cùng tám xứ vô lậu gồm nhau: Tám xứ vô lậu gồm phần ít của hai xứ, phần ít của hai xứ cũng gồm tám xứ vô lậu.

Bao nhiêu thứ thuộc quá khứ v.v...? Mười một thứ hoặc thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp xứ

nếu là hữu vi thì thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai. Nếu là vô vi thì không thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai.

Bao nhiêu thứ là thiện v.v...? Tám thứ là vô ký, bốn thứ nên phân biệt: Nghĩa là sắc xứ hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Nghĩa là thân biểu hiện thiện. Thế nào là bất thiện? Nghĩa là thân biểu hiện bất thiện. Thế nào là vô ký? Nghĩa là trừ thân biểu hiện thiện, bất thiện, là sắc xứ còn lại.

Thanh xứ hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Nghĩa là ngữ biểu hiện thiện. Thế nào là bất thiện? Nghĩa là ngữ biểu hiện bất thiện. Thế nào là vô ký? Nghĩa là trừ ngữ biểu hiện thiện, bất thiện, là thanh xứ còn lại.

Ý xứ hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Nghĩa là tác ý thiện tương ưng với ý xứ. Thế nào là bất thiện? Nghĩa là tác ý bất thiện tương ưng với ý xứ. Thế nào là vô ký? Nghĩa là tác ý vô ký tương ưng với ý xứ.

Pháp xứ hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Nghĩa là pháp xứ gồm thân các nghiệp thân ngữ thiện và các uẩn thọ, tưởng, hành thiện cùng trạch diệt. Thế nào là bất thiện? Nghĩa là pháp xứ gồm thân các nghiệp thân ngữ bất thiện và các uẩn thọ, tưởng, hành bất thiện. Thế nào là vô ký? Nghĩa là các uẩn thọ, tưởng, hành vô ký và hư không, phi trạch diệt.

Bao nhiêu thứ thuộc cõi Dục v.v...? Hai thứ thuộc cõi Dục, mười thứ nên phân biệt: Nhãn xứ hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là các đại chủng nơi cõi Dục tạo nên nhãn xứ. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là các đại chủng nơi cõi Sắc tạo nên nhãn xứ.

Như nhãn xứ, sắc, nhĩ, thanh, tỷ, thiệt, thân xứ cũng như vậy.

Xúc xứ hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là bốn đại chủng thuộc cõi Dục và các đại chủng ở

cõi Dục tạo nên xúc xú. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là bốn đại chủng thuộc cõi Sắc và các đại chủng ở cõi Sắc tạo nên xúc xú.

Ý xú hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là ở cõi Dục tác ý tương ưng với ý xú. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là ở cõi Sắc tác ý tương ưng với ý xú. Thế nào là thuộc cõi Vô sắc? Là ở cõi Vô sắc tác ý tương ưng với ý xú. Thế nào là không hệ thuộc? Là tác ý vô lậu tương ưng với ý xú.

Pháp xú hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là pháp xú gồm thân các nghiệp thân ngữ ở cõi Dục và các uẩn thọ, tưởng, hành thuộc cõi Dục. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là pháp xú gồm thân các nghiệp thân ngữ thuộc cõi Sắc và các uẩn thọ, tưởng, hành thuộc cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Vô sắc? Là các uẩn thọ, tưởng, hành thuộc cõi Vô sắc. Thế nào là không hệ thuộc? Là các nghiệp thân ngữ vô lậu, các uẩn thọ, tưởng, hành vô lậu, cùng ba pháp vô vi.

Bao nhiêu thứ là học v.v...? Mười thứ là phi học phi vô học, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là ý xú hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học? Là tác ý hữu học tương ưng với ý xú. Thế nào là vô học? Là tác ý vô học tương ưng với ý xú. Thế nào là phi học phi vô học? Là tác ý hữu lậu tương ưng với ý xú.

Pháp xú hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học? Là các nghiệp thân ngữ hữu học và các uẩn thọ, tưởng, hành hữu học. Thế nào là vô học? Là các nghiệp thân ngữ vô học và các uẩn thọ, tưởng, hành vô học. Thế nào là phi học phi vô học? Là pháp xú thân giữ các nghiệp thân ngữ hữu lậu và các uẩn thọ, tưởng, hành hữu lậu cùng hư không và hai thứ diệt.

*** Mười hai xứ này:**

Bao nhiêu thứ do kiến đạo đoạn trừ v.v...? Mười thứ do tu đạo đoạn trừ, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là ý xứ hoặc do kiến đạo đoạn trừ, hoặc do tu đạo đoạn trừ, hoặc không đoạn trừ. Thế nào là do kiến đạo đoạn trừ? Nghĩa là ý xứ nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành hiện quán biên nhãn đã đoạn trừ. Đây lại là thế nào? Tức do kiến đạo đoạn trừ tám mươi tám thứ tùy miên tương ưng với ý xứ. Thế nào là do tu đạo đoạn trừ? Nghĩa là ý xứ nơi bậc học kiến tích tu tập đoạn trừ. Đây lại là thế nào? Tức do tu đạo đoạn trừ mười thứ tùy miên tương ưng với ý xứ và ý xứ hữu lậu không nhiễm ô. Thế nào là không đoạn trừ? Nghĩa là ý xứ vô lậu.

Pháp xứ hoặc do kiến đạo đoạn trừ, hoặc do tu đạo đoạn trừ, hoặc không đoạn trừ. Thế nào là do kiến đạo đoạn trừ? Nghĩa là pháp xứ nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành hiện quán biên nhãn đã đoạn trừ. Đây lại là thế nào? Tức do kiến đạo đoạn trừ tám mươi tám thứ tùy miên tương ưng với pháp xứ cùng khởi tâm bất tương ưng. Thế nào là do tu đạo đoạn trừ? Nghĩa là pháp xứ nơi bậc học kiến tích tu tập đoạn trừ. Đây lại là thế nào? Tức do tu đạo đoạn trừ mười thứ tùy miên tương ưng với pháp xứ cùng khởi nghiệp thân ngữ vô biểu có tâm bất tương ưng hành, hoặc pháp xứ hữu lậu không nhiễm ô. Thế nào là không đoạn trừ? Nghĩa là pháp xứ vô lậu.

Bao nhiêu thứ là không phải tâm v.v...? Mười thứ là không phải tâm, không phải tâm sở, không phải tâm tương ưng, một thứ chỉ là tâm, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp xứ nếu có đối tượng duyên là tâm sở cùng tâm tương ưng, nếu không có đối tượng duyên là không phải tâm, không phải tâm sở, không phải tâm tương ưng.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ v.v...? Mười thứ không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với thọ, một thứ là tương ưng với thọ không phải là tùy tâm chuyển, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp xứ hoặc là tùy tâm chuyển

không tương ứng với thọ, hoặc là tùy tâm chuyển cũng tương ứng với thọ, hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ứng với thọ. Là tùy tâm chuyển không tương ứng với thọ: Nghĩa là tùy tâm chuyển nơi các nghiệp thân ngữ có tâm bất tương ứng hành và thọ. Là tùy tâm chuyển cũng tương ứng với thọ: Nghĩa là tương ứng tương ứng với hành uẩn. Không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ứng với thọ: Nghĩa là trừ tùy tâm chuyển nơi các nghiệp thân ngữ có tâm bất tương ứng hành, còn lại là các nghiệp thân ngữ có tâm bất tương ứng hành khác và pháp vô vi.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ứng với tướng, hành v.v...? Nghĩa là trừ tự tánh của tướng, hành, còn lại là như thọ, nên biết.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ứng với tứ v.v...? Mười thứ không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ứng với tứ. Hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là ý xứ hoặc có tâm có tứ, hoặc không tâm chỉ có tứ, hoặc không tâm không tứ. Thế nào là có tâm có tứ? Là tác ý có tâm có tứ tương ứng với ý xứ. Thế nào là không tâm chỉ có tứ? Là tác ý không tâm chỉ có tứ tương ứng với ý căn. Thế nào là không tâm không tứ? Là tác ý không tâm không tứ tương ứng với ý xứ.

Pháp xứ có bốn trường hợp: 1. Hoặc là tùy tâm chuyển không tương ứng với tứ: Nghĩa là tùy tâm chuyển nơi các nghiệp thân ngữ có tâm bất tương ứng hành và tâm tương ứng với tứ. 2. Hoặc là tương ứng với tứ không phải là tùy tâm chuyển: Nghĩa là tâm và tâm không tương ứng với tứ nhưng tương ứng với tâm sở pháp. 3. Hoặc là tùy tâm chuyển cũng tương ứng với tứ: Nghĩa là tâm và tứ tương ứng với tâm sở pháp. 4. Hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ứng với tứ: Nghĩa là trừ tùy tâm chuyển nơi các nghiệp thân ngữ có tâm bất tương ứng hành, còn lại là các nghiệp thân ngữ có tâm bất tương ứng hành và tâm không tương ứng với tứ cùng các tâm sở pháp không tâm không tứ, hoặc các pháp vô vi.

Bao nhiêu thứ là kiến không phải là xứ kiến v.v...? Một thứ là kiến cũng là xứ kiến, chín thứ là xứ kiến không phải là kiến, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là ý xứ nếu hữu lậu là xứ kiến không phải là kiến, nếu là vô lậu thì không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến.

Pháp xứ có bốn trường hợp: 1. Hoặc là kiến không phải là xứ kiến: Nghĩa là tận trí, vô sinh trí không gồm thân tuệ vô lậu. 2. Hoặc là xứ kiến không phải là kiến: Nghĩa là kiến không gồm thân pháp xứ hữu lậu. 3. Hoặc là kiến cũng là xứ kiến: Nghĩa là năm kiến nhiễm ô và chánh kiến thế tục. 4. Hoặc không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến: Nghĩa là kiến không gồm thân pháp xứ vô lậu.

Bao nhiêu thứ là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến v.v...? Tám thứ không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến, bốn thứ nên phân biệt: Nghĩa là sắc xứ nếu nhiễm ô là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến, nếu không nhiễm ô thì không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến.

Như sắc xứ, thanh xứ cũng như vậy.

Ý xứ hoặc là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến, hoặc là hữu thân kiến làm nhân cũng là nhân của hữu thân kiến, hoặc không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến. Là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là trừ ở quá khứ, hiện tại, do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên tương ưng với ý xứ. Cũng trừ ở quá khứ, hiện tại do kiến tập đoạn trừ các tùy miên biến hành tương ưng với ý xứ. Lại cũng trừ hữu thân kiến vị lai tương ưng với ý xứ, còn lại là ý xứ nhiễm ô. Là hữu thân kiến làm nhân cũng là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là các ý xứ đã trừ ở trước. Không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là ý xứ không nhiễm ô.

Pháp xứ hoặc là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến, hoặc là hữu thân kiến làm nhân cũng là nhân của hữu thân kiến, hoặc không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến. Là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là trừ ở quá khứ, hiện tại do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên tương ưng với pháp xứ cùng có. Cũng trừ ở quá khứ, hiện tại do kiến tập đoạn trừ các tùy miên biến hành tương ưng với pháp xứ cùng có. Cũng trừ hữu thân kiến vị lai tương ưng với pháp xứ. Cũng trừ hữu thân kiến vị lai tương ưng với pháp sinh, già, trụ, vô thường. Còn lại là các pháp xứ nhiễm ô. Là hữu thân kiến làm nhân cũng là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là các pháp xứ đã trừ ở trên. Không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là pháp xứ không nhiễm ô.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp v.v...?
Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là nhãn xứ hoặc là dị thực của nghiệp không phải là nghiệp, hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp. Là dị thực của nghiệp không phải là nghiệp: Nghĩa là nhãn xứ do dị thực sinh ra, các nhãn xứ còn lại không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp.

Như nhãn xứ, nhĩ, tỷ, hương, thiệt, vị, thân, xúc và ý xứ cũng như vậy.

Sắc xứ hoặc là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp, hoặc là dị thực của nghiệp không phải là nghiệp, hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp. Là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp: Nghĩa là các biểu hiện của thân. Là dị thực của nghiệp không phải là nghiệp: Nghĩa là sắc xứ do dị thực của nghiệp sinh ra. Không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp: Nghĩa là trừ nghiệp và sắc xứ do dị thực của nghiệp sinh ra, còn lại là các sắc xứ khác.

Thanh xứ hoặc là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp, hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp. Là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp: Nghĩa là sự biểu hiện của ngữ biểu, các thanh xứ còn lại không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp.

Pháp xứ có bốn trường hợp: 1. Hoặc là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp: Nghĩa là pháp xứ gồm thâu các nghiệp thân ngữ và dị thực không thâu giữ tư. 2. Hoặc là dị thực của nghiệp không phải là nghiệp: Nghĩa là tư không thâu giữ dị thực của nghiệp sinh ra pháp xứ. 3. Hoặc là nghiệp cũng là dị thực của nghiệp: Nghĩa là tư do dị thực sinh ra. 4. Hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp: Nghĩa là trừ nghiệp và dị thực của nghiệp sinh ra pháp xứ, còn là pháp xứ khác.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển v.v...?
Tám thứ không phải là nghiệp cũng không phải là tùy nghiệp chuyển, một thứ là tùy nghiệp chuyển không phải là nghiệp, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là sắc xứ hoặc là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển, hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là tùy nghiệp chuyển. Là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là sự biểu hiện của thân (thân biểu), các sắc xứ còn lại không phải là nghiệp cũng không phải là tùy nghiệp chuyển.

Thanh xứ hoặc là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển, hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là tùy nghiệp chuyển. Là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là sự biểu hiện của lời nói (ngữ biểu), các thanh xứ còn lại không phải là nghiệp cũng không phải là tùy nghiệp chuyển.

Pháp xứ có bốn trường hợp: 1. Hoặc là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là trừ tùy nghiệp chuyển nơi các nghiệp thân ngữ, các pháp xứ còn lại gồm thâu các nghiệp thân ngữ và tư. 2. Hoặc là tùy nghiệp chuyển không phải là nghiệp: Nghĩa là thọ uẩn,

tướng uẩn và tư không gồm thân hành uẩn nơi tùy nghiệp chuyên. 3. Hoặc là nghiệp cũng là tùy nghiệp chuyên: Nghĩa là tùy nghiệp chuyên nơi các nghiệp thân ngữ. 4. Hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là tùy nghiệp chuyên: Nghĩa là trừ nghiệp và pháp xứ tùy nghiệp chuyên, còn lại là các pháp xứ khác.

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có thấy v.v...?
 Có ba trường hợp: 1. Hoặc là sắc được tạo không phải là sắc có thấy: Nghĩa là tám xứ và phần ít của hai xứ. 2. Hoặc là sắc được tạo cũng là sắc có thấy: Nghĩa là một xứ. 3. Hoặc không phải là sắc được tạo cũng không phải là sắc có thấy: Nghĩa là một xứ và phần ít của hai xứ.

*

*** Mười hai xứ này:**

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có đối v.v...?
 Có bốn trường hợp: 1. Hoặc là sắc được tạo không phải là sắc có đối: Nghĩa là phần ít của một xứ. 2. Hoặc là sắc có đối không phải là sắc được tạo: Nghĩa là phần ít của một xứ. 3. Hoặc là sắc được tạo cũng là sắc có đối: Nghĩa là chín xứ và phần ít của một xứ. 4. Hoặc không phải là sắc được tạo cũng không phải là sắc có đối: Nghĩa là một xứ và phần ít của một xứ.

Bao nhiêu thứ vì khó thấy nên là thâm diệu v.v...? Tất cả đều vì khó thấy nên là thâm diệu, vì thâm diệu nên là khó thấy.

Bao nhiêu thứ là thiện không phải do thiện làm nhân v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là nhãn xứ hoặc do thiện làm nhân không phải là thiện, hoặc không phải là thiện cũng không phải do thiện làm nhân. Là do thiện làm nhân không phải là thiện: Nghĩa là nhãn xứ do dị thực thiện sinh ra. Các nhãn xứ khác không phải là thiện cũng không phải do thiện làm nhân.

Như nhãn xứ, nhĩ, tỷ, hương, thiệt, vị, thân, xúc xứ cũng như vậy.

Sắc xứ hoặc là do thiện làm nhân không phải là thiện, hoặc là thiện cũng do thiện làm nhân, hoặc không phải là thiện cũng không phải do thiện làm nhân. Là do thiện làm nhân không phải là thiện: Nghĩa là sắc xứ do dị thực thiện sinh ra. Là thiện cũng do thiện làm nhân: Nghĩa là sắc xứ thiện. Không phải là thiện cũng không phải do thiện làm nhân: Nghĩa là trừ sắc xứ do dị thực thiện sinh ra, các thứ còn lại là sắc xứ bất thiện và vô ký.

Như sắc xứ, ý xứ cũng như vậy.

Thanh xứ hoặc là thiện cũng do thiện làm nhân, hoặc không phải là thiện cũng không phải do thiện làm nhân. Là thiện cũng do thiện làm nhân: Nghĩa là thanh xứ thiện. Các thanh xứ còn lại không phải là thiện cũng không phải do thiện làm nhân.

Pháp xứ có bốn trường hợp: 1. Hoặc là thiện không phải do thiện làm nhân: Nghĩa là trạch diệt. 2. Hoặc là do thiện làm nhân không phải là thiện: Nghĩa là pháp xứ do dị thực thiện sinh ra. 3. Hoặc là thiện cũng do thiện làm nhân: Nghĩa là pháp xứ hữu vi thiện. 4. Hoặc không phải là thiện cũng không phải do thiện làm nhân: Nghĩa là trừ pháp xứ do dị thực thiện sinh ra, còn lại là pháp xứ bất thiện và vô ký.

Bao nhiêu thứ là bất thiện không phải do bất thiện làm nhân v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là nhãn xứ hoặc là do bất thiện làm nhân không phải là bất thiện, hoặc không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân. Là do bất thiện làm nhân không phải là bất thiện: Nghĩa là nhãn xứ do dị thực bất thiện sinh ra. Các nhãn xứ còn lại không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân.

Như nhãn xứ, nhĩ, tỷ, hương, thiệt, vị, thân, xúc xứ cũng như vậy.

Sắc xứ hoặc là do bất thiện làm nhân không phải là bất thiện, hoặc là bất thiện cũng do bất thiện làm nhân, hoặc không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân. Là do bất thiện làm nhân không phải là bất thiện: Nghĩa là sắc xứ do dị thực bất thiện sinh ra. Là bất thiện cũng do bất thiện làm nhân: Nghĩa là sắc xứ bất thiện. Không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân: Nghĩa là trừ sắc xứ do dị thực bất thiện sinh ra, còn lại là các sắc xứ thiện và vô ký.

Thanh xứ hoặc là bất thiện cũng do bất thiện làm nhân, hoặc không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân. Là bất thiện cũng do bất thiện làm nhân: Nghĩa là thanh xứ bất thiện. Các thanh xứ còn lại không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân.

Ý xứ hoặc là do bất thiện làm nhân không phải là bất thiện, hoặc là bất thiện cũng do bất thiện làm nhân, hoặc không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân. Là do bất thiện làm nhân không phải là bất thiện: Nghĩa là ý xứ do dị thực bất thiện sinh ra và hữu thân kiến, biên chấp kiến ở cõi Dục tương ưng với ý xứ. Là bất thiện cũng do bất thiện làm nhân: Nghĩa là ý xứ bất thiện. Không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân: Nghĩa là trừ ý xứ do dị thực bất thiện sinh ra và trừ hữu thân kiến, biên chấp kiến ở cõi Dục tương ưng với ý xứ, còn lại là các ý xứ thiện và vô ký.

Pháp xứ hoặc là do bất thiện làm nhân không phải là bất thiện, hoặc là bất thiện cũng do bất thiện làm nhân, hoặc không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân. Là do bất thiện làm nhân không phải là bất thiện: Nghĩa là pháp xứ do dị thực bất thiện sinh ra và hữu thân kiến, biên chấp kiến ở cõi Dục tương ưng với pháp xứ, hoặc cùng khởi tâm bất tương ưng hành. Là bất thiện cũng do bất thiện làm nhân: Nghĩa là pháp xứ bất thiện. Không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân: Nghĩa là trừ pháp xứ

do dị thực bất thiện sinh ra và trừ hữu thân kiến, biên chấp kiến ở cõi Dục tương ưng với pháp xứ, hoặc cùng khởi tâm bất tương ưng hành, còn lại là các pháp xứ thiện và vô ký.

Bao nhiêu thứ là vô ký không phải do vô ký làm nhân v.v...?
 Tám thứ là vô ký cũng do vô ký làm nhân, bốn thứ nên phân biệt: Nghĩa là sắc xứ hoặc là do vô ký làm nhân không phải là vô ký, hoặc là vô ký cũng do vô ký làm nhân, hoặc không phải là vô ký cũng không phải do vô ký làm nhân. Là do vô ký làm nhân không phải là vô ký: Nghĩa là sắc xứ bất thiện. Là vô ký cũng do vô ký làm nhân: Nghĩa là sắc xứ vô ký. Không phải là vô ký cũng không phải do vô ký làm nhân: Nghĩa là sắc xứ thiện.

Như sắc xứ, thanh và ý xứ cũng như vậy.

Pháp xứ có bốn trường hợp: 1. Hoặc là vô ký không phải do vô ký làm nhân: Nghĩa là hư không và phi trạch diệt. 2. Hoặc là do vô ký làm nhân không phải là vô ký: Nghĩa là pháp xứ bất thiện. 3. Hoặc là vô ký cũng do vô ký làm nhân: Nghĩa là pháp xứ hữu vi vô ký. 4. Hoặc không phải là vô ký cũng không phải do vô ký làm nhân: Nghĩa là pháp xứ thiện.

Bao nhiêu thứ là nhân duyên không có nhân v.v...? Mười một thứ là nhân duyên cũng là có nhân, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp xứ nếu là hữu vi thì nhân duyên cũng là có nhân, nếu là vô vi thì không phải là nhân duyên cũng không phải là có nhân.

Bao nhiêu thứ là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên v.v...? Mười thứ không phải là đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là ý xứ hoặc là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên, hoặc là đẳng vô gián cũng là đẳng vô gián duyên, hoặc không phải là đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên. Là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên:

Nghĩa là ý xú ở vị lai, hiện tiền đang dấy khởi và ý xú của bậc A-la-hán khi mạng chung ở quá khứ, hiện tại. Là đẳng vô gián cũng là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là trừ ý xú của bậc A-la-hán khi mạng chung ở quá khứ, hiện tại, còn lại là các ý xú quá khứ, hiện tại. Không phải là đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là trừ ý xú vị lai, hiện tiền đang khởi, còn lại là các ý xú vị lai.

Pháp xú hoặc là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên, hoặc là đẳng vô gián cũng là đẳng vô gián duyên, hoặc không phải là đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên. Là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là tâm sở pháp vị lai, hiện tiền đang dấy khởi, và các tâm sở của bậc A-la-hán khi mạng chung ở quá khứ, hiện tại, cùng với các định vô tướng diệt đã sinh đang dấy khởi. Là đẳng vô gián cũng là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là trừ các tâm sở của bậc A-la-hán khi mạng chung ở quá khứ, hiện tại, còn lại là các tâm sở pháp quá khứ, hiện tại. Không phải là đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là trừ các tâm sở ở vị lai, hiện tiền đang dấy khởi, còn lại là các tâm sở ở vị lai và trừ các tâm bất tương ưng hành đẳng vô gián, còn lại là các tâm bất tương ưng hành khác, cùng với các nghiệp thân ngữ và hư không, hai thứ diệt.

Bao nhiêu thứ là sở duyên duyên không có sở duyên v.v...? Mười thứ là sở duyên duyên không có sở duyên, một thứ là sở duyên duyên cũng có sở duyên, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp xú nếu là các tâm sở là sở duyên duyên cũng có sở duyên, nếu không phải là các tâm sở là sở duyên duyên không có sở duyên.

Bao nhiêu thứ là tăng thượng duyên không có tăng thượng v.v...? Mười một thứ là tăng thượng duyên cũng có tăng thượng, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp xú nếu là hữu vi là tăng thượng duyên cũng có tăng thượng, nếu là vô vi là tăng thượng duyên không có tăng thượng.

Bao nhiêu thứ là bực lưu không phải là thuận bực lưu v.v...?
Mười thứ là thuận bực lưu không phải là bực lưu, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là ý xứ nếu hữu lậu là thuận bực lưu không phải là bực lưu, nếu là vô lậu thì không phải là bực lưu cũng không phải là thuận bực lưu.

Pháp xứ hoặc là thuận bực lưu không phải là bực lưu, hoặc là bực lưu cũng là thuận bực lưu, hoặc không phải là bực lưu cũng không phải là thuận bực lưu. Là thuận bực lưu không phải là bực lưu: Nghĩa là bực lưu không gồm thân pháp xứ hữu lậu. Là bực lưu cũng là thuận bực lưu: Nghĩa là bốn thứ bực lưu. Không phải là bực lưu cũng không phải là thuận bực lưu: Nghĩa là pháp xứ vô lậu.

**

17. Năm uẩn: a. Sắc uẩn. b. Thọ uẩn. c. Tưởng uẩn. d. Hành uẩn. đ. Thức uẩn.

*

*** Năm uẩn này:**

Bao nhiêu thứ là có sắc v.v...? Một thứ là có sắc, bốn thứ là không sắc.

Bao nhiêu thứ là có thấy v.v...? Bốn thứ là không thấy, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là sắc uẩn hoặc là có thấy, hoặc là không thấy. Thế nào là có thấy? Là một xứ. Thế nào là không thấy? Là chín xứ và phần ít của một xứ.

Bao nhiêu thứ là có đối v.v...? Bốn thứ là có đối, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là sắc uẩn hoặc là có đối, hoặc là không đối. Thế nào là có đối? Là mười xứ. Thế nào là không đối? Là phần ít của một xứ.

Bao nhiêu thứ là hữu lậu v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là sắc uẩn hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là mười xứ và phần ít của một xứ. Thế nào là vô lậu? Là phần ít của một xứ.

Thọ uẩn hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là tác ý hữu lậu tương ưng với thọ uẩn. Thế nào là vô lậu? Là tác ý vô lậu tương ưng với thọ uẩn.

Như thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn cũng như vậy.

Hành uẩn hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là tâm hữu lậu tương ưng và tâm không tương ưng với hành uẩn. Thế nào là vô lậu? Là tâm vô lậu tương ưng và tâm không tương ưng với hành uẩn.

Bao nhiêu thứ là hữu vi v.v...? Tất cả đều là hữu vi.

Bao nhiêu thứ có dị thực v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là sắc uẩn hoặc có dị thực, hoặc không dị thực. Thế nào là có dị thực? Là sắc uẩn hữu lậu thiện và bất thiện. Thế nào là không dị thực? Là sắc uẩn vô lậu vô ký. Như sắc uẩn, bốn uẩn còn lại cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là duyên sinh v.v...? Tất cả đều là duyên sinh, là nhân sinh, là thuộc về thế gian.

Bao nhiêu thứ thuộc về sắc v.v...? Một thứ thuộc về sắc, bốn thứ thuộc về danh.

Bao nhiêu thứ thuộc về nội xứ v.v...? Một thứ thuộc về nội xứ, ba thứ thuộc về ngoại xứ, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là sắc uẩn hoặc thuộc về nội xứ, hoặc thuộc về ngoại xứ. Thế nào là thuộc về nội xứ? Là năm nội xứ. Thế nào là thuộc về ngoại xứ? Là năm ngoại xứ và phần ít của một ngoại xứ.

Bao nhiêu thứ là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Tất cả đều là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

*** Năm uẩn này:**

Bao nhiêu thứ đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các uẩn nếu là hữu lậu thì đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp, nếu là vô lậu thì không đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

Bao nhiêu thứ nên đoạn trừ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các uẩn nếu là hữu lậu thì nên đoạn trừ, nếu là vô lậu thì không nên đoạn trừ.

Bao nhiêu thứ nên tu v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các uẩn nếu là thiện thì nên tu, nếu không phải là thiện thì không nên tu.

Bao nhiêu thứ là nhiễm ô v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các uẩn nếu là hữu phú là nhiễm ô, nếu là vô phú là không nhiễm ô.

Bao nhiêu thứ là quả không phải là có quả v.v...? Tất cả đều là quả cũng là có quả.

Bao nhiêu thứ có chấp thọ v.v...? Bốn thứ là không chấp thọ, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là sắc uẩn hoặc có chấp thọ, hoặc không chấp thọ. Thế nào là có chấp thọ? Nghĩa là tự thể gồm thân sắc uẩn. Thế nào là không chấp thọ? Nghĩa là không phải tự thể gồm thân sắc uẩn.

Bao nhiêu thứ do các đại chủng tạo nên v.v...? Bốn thứ không phải do các đại chủng tạo nên, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là sắc uẩn hoặc do các đại chủng tạo nên, hoặc không phải do các đại chủng tạo nên. Thế nào là do các đại chủng tạo nên? Là chín xứ và phần ít của hai xứ. Thế nào là không phải do các đại chủng tạo nên? Là phần ít của một xứ.

Bao nhiêu thứ là hữu thượng v.v...? Tất cả đều là hữu thượng.

Bao nhiêu thứ là hữu v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các uẩn nếu là hữu lậu là hữu, nếu là vô lậu thì không phải hữu.

Bao nhiêu thứ là nhân tương ưng v.v...? Ba thứ là nhân tương ưng, một thứ là nhân không tương ưng, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là hành uẩn nếu là các tâm sở là nhân tương ưng, nếu không phải là các tâm sở là nhân không tương ưng.

*

*** Năm uẩn này:**

Cùng sáu xứ thiện gồm nhau: Có bốn trường hợp: 1. Hoặc là xứ thiện không phải là uẩn: Là trạch diệt. 2. Hoặc là uẩn không phải là xứ thiện: Là năm uẩn bất thiện và vô ký. 3. Hoặc là xứ thiện cũng là uẩn: Là năm uẩn thiện. 4. Hoặc không phải là xứ thiện cũng không phải là uẩn: Là hư không, phi trạch diệt.

Cùng năm xứ bất thiện gồm nhau: Năm xứ bất thiện gồm sáu phần ít của năm uẩn, phần ít của năm uẩn cũng gồm sáu xứ bất thiện.

Cùng bảy xứ vô ký gồm nhau: Có bốn trường hợp: 1. Hoặc là xứ vô ký không phải là uẩn: Là hư không, phi trạch diệt. 2. Hoặc là uẩn không phải là xứ vô ký: Là năm uẩn thiện và bất thiện. 3. Hoặc là xứ vô ký cũng là uẩn: Là năm uẩn vô ký. 4. Hoặc không phải là xứ vô ký cũng không phải là uẩn: Là trạch diệt.

Cùng ba xứ lậu gồm nhau: Ba xứ lậu gồm sáu phần ít của một uẩn, phần ít của một uẩn cũng gồm sáu xứ lậu.

Cùng năm xứ hữu lậu gồm nhau: Năm xứ hữu lậu gồm sáu phần ít của năm uẩn, phần ít của năm uẩn cũng gồm sáu xứ hữu lậu.

Cùng tám xứ vô lậu gồm nhau: Có bốn trường hợp: 1. Hoặc là xứ vô lậu không phải là uẩn: Là hư không và hai thứ diệt. 2. Hoặc là uẩn không phải là xứ vô lậu: Là năm uẩn hữu lậu. 3. Hoặc là

xứ vô lậu cũng là uẩn: Là năm uẩn vô lậu. 4. Hoặc không phải là xứ vô lậu cũng không phải là uẩn: Việc này không thể có.

Bao nhiêu thứ thuộc quá khứ v.v...? Tất cả đều thuộc về hoặc quá khứ, hiện tại, vị lai.

Bao nhiêu thứ là thiện v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các uẩn hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Là năm uẩn thiện. Thế nào là bất thiện? Là năm uẩn bất thiện. Thế nào là vô ký? Là năm uẩn vô ký.

Bao nhiêu thứ thuộc cõi Dục v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các uẩn này hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là năm uẩn thuộc cõi Dục. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là năm uẩn thuộc cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Vô sắc? Là bốn uẩn thuộc cõi Vô sắc. Thế nào là không hệ thuộc? Là năm uẩn vô lậu.

Bao nhiêu thứ là học v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là các uẩn hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học? Là năm uẩn hữu học. Thế nào là vô học? Là năm uẩn vô học. Thế nào là phi học phi vô học? Là năm uẩn hữu lậu.

*

*** Năm uẩn này:**

Bao nhiêu thứ do kiến đạo đoạn trừ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là sắc uẩn nếu là hữu lậu thì do tu đạo đoạn trừ, nếu là vô lậu thì không đoạn trừ.

Thọ uẩn hoặc do kiến đạo đoạn trừ, hoặc do tu đạo đoạn trừ, hoặc không đoạn trừ. Thế nào là do kiến đạo đoạn trừ? Nghĩa là thọ uẩn nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành hiện quán biên nhãn đã đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Tức do kiến đạo đoạn trừ tám mươi tám thứ tùy

miên tương ưng với thọ uẩn. Thế nào là do tu đạo đoạn trừ? Nghĩa là thọ uẩn nơi bậc học kiến tích tu tập đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Tức do tu đạo đoạn trừ mười thứ tùy miên tương ưng với thọ uẩn và các thọ uẩn hữu lậu không nhiễm ô. Thế nào là không đoạn trừ? Nghĩa là thọ uẩn vô lậu.

Như thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn cũng như vậy.

Hành uẩn hoặc do kiến đạo đoạn trừ, hoặc do tu đạo đoạn trừ, hoặc không đoạn trừ. Thế nào là do kiến đạo đoạn trừ? Nghĩa là hành uẩn nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành hiện quán biên nhãn đã đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Tức do kiến đạo đoạn trừ tám mươi tám thứ tùy miên tương ưng với hành uẩn cùng khởi tâm bất tương ưng hành. Thế nào là do tu đạo đoạn trừ? Nghĩa là hành uẩn nơi bậc học kiến tích tu tập đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Tức do tu đạo đoạn trừ mười thứ tùy miên tương ưng với hành uẩn, cùng khởi tâm bất tương ưng hành, hoặc hành uẩn hữu lậu không nhiễm ô. Thế nào là không đoạn trừ? Nghĩa là hành uẩn vô lậu.

Bao nhiêu thứ là không phải tâm v.v...? Một thứ là không phải tâm, không phải tâm sở, không phải tâm tương ưng. Hai thứ là tâm sở cùng tâm tương ưng. Một thứ chỉ là tâm. Một thứ nên phân biệt: Nghĩa là hành uẩn nếu có đối tượng duyên là tâm sở cùng tâm tương ưng. Nếu không có đối tượng duyên là không phải tâm, không phải tâm sở, không phải tâm tương ưng.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ v.v...? Một thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ, một thứ là tương ưng với thọ không phải là tùy tâm chuyển, một thứ là tùy tâm chuyển cùng tương ưng với thọ, hai thứ nên phân biệt:

Nghĩa là sắc uẩn hoặc là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ, hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với thọ. Là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ: Nghĩa là tùy tâm

chuyển nơi các nghiệp thân ngữ. Các sắc uẩn còn lại không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với thọ.

Hành uẩn có ba trường hợp: 1. Hoặc là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ: Nghĩa là tùy tâm chuyển có tâm bất tương ưng hành. 2. Hoặc là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với thọ: Nghĩa là hành uẩn của tâm sở. 3. Hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với thọ: Nghĩa là trừ tùy tâm chuyển có tâm bất tương ưng hành, còn lại là tâm bất tương ưng hành.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tướng, hành v.v...? Nghĩa là trừ tự tánh của tướng, còn lại là như thọ, nên biết.

Hai thứ là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với hành, một thứ là tương ưng với hành không phải là tùy tâm chuyển, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là sắc uẩn hoặc là tùy tâm chuyển không tương ưng với hành, hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với hành. Là tùy tâm chuyển không tương ưng với hành: Nghĩa là tùy tâm chuyển nơi các nghiệp thân ngữ. Các sắc uẩn còn lại không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với hành.

Hành uẩn có ba trường hợp: 1. Hoặc là tùy tâm chuyển không tương ưng với hành: Nghĩa là các tâm bất tương hành tùy tâm chuyển. 2. Hoặc là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với hành: Nghĩa là tâm sở nơi hành uẩn, trừ tự tánh của chúng. 3. Hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với hành: Nghĩa là trừ tâm bất tương ưng hành nơi tùy tâm chuyển, còn lại là các tâm bất tương ưng hành.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là sắc uẩn hoặc là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ, hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với tứ. Là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ: Nghĩa là tùy tâm chuyển nơi các nghiệp thân ngữ. Các sắc uẩn khác không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với tứ.

Thọ uẩn hoặc có tâm có tứ, hoặc không tâm chỉ có tứ, hoặc không tâm không tứ. Thế nào là có tâm có tứ? Là tác ý có tâm có tứ tương ưng với thọ uẩn. Thế nào là không tâm chỉ có tứ? Là tác ý không tâm chỉ có tứ tương ưng với thọ uẩn. Thế nào là không tâm không tứ? Là tác ý không tâm không tứ tương ưng với thọ uẩn.

Như thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn cũng như vậy.

Hành uẩn có bốn trường hợp: 1. Hoặc là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ: Nghĩa là tâm bất tương ưng hành tùy tâm chuyển và tâm tương ưng với tứ. 2. Hoặc là tương ưng với tứ không phải là tùy tâm chuyển: Nghĩa là tâm và tâm không tương ưng tứ nhưng tương ưng với tâm sở nơi hành uẩn. 3. Hoặc là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với tứ: Nghĩa là tâm tứ tương ưng với tâm sở nơi hành uẩn. 4. Hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với tứ: Nghĩa là trừ tâm bất tương ưng hành tùy tâm chuyển, còn lại là các tâm bất tương ưng hành và tâm không tương ưng với tứ cùng các tâm sở nơi hành uẩn không tâm không tứ.

Bao nhiêu thứ là kiến không phải là xứ kiến v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là sắc uẩn có ba trường hợp: 1. Hoặc là xứ kiến không phải là kiến: Là chín xứ và phần ít của một xứ. 2. Hoặc là kiến cũng là xứ kiến: Là một xứ. 3. Hoặc không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến: Là phần ít của một xứ.

Các uẩn thọ, tưởng, thức nếu là hữu lậu là xứ kiến không phải là kiến. Nếu là vô lậu thì không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến.

Hành uẩn có bốn trường hợp: 1. Hoặc là kiến không phải là xứ kiến: Là tận trí, vô sinh trí không gồm thân tuệ vô lậu. 2. Hoặc là xứ kiến không phải là kiến: Là kiến không gồm thân hành uẩn hữu lậu. 3. Hoặc là kiến cũng là xứ kiến: Là năm kiến nhiệm ô và chánh kiến thế gian. 4. Hoặc không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến: Là kiến không gồm thân hành uẩn vô lậu.

Bao nhiêu thứ là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là sắc uẩn nếu nhiễm ô là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến.

Thọ uẩn có ba trường hợp: 1. Hoặc là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là trừ ở quá khứ, hiện tại do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên tương ưng với thọ uẩn. Cũng trừ ở quá khứ, hiện tại do kiến tập đoạn trừ các tùy miên biến hành tương ưng với thọ uẩn. Cũng trừ hữu thân kiến vị lai tương ưng với thọ uẩn. Còn lại là các thọ uẩn nhiễm ô. 2. Hoặc là hữu thân kiến làm nhân cũng là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là các thọ uẩn đã trừ ở trên. 3. Hoặc không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là thọ uẩn không nhiễm ô.

Như thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn cũng như vậy.

Hành uẩn có ba trường hợp: 1. Hoặc là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là trừ ở quá khứ, hiện tại do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên tương ưng với hành uẩn như cùng có v.v... Cũng trừ ở quá khứ, hiện tại do kiến tập đoạn trừ các tùy miên biến hành tương ưng với hành uẩn như cùng có. Cũng trừ ở vị lai hữu thân kiến tương ưng với hành uẩn. Cũng trừ ở vị lai hữu thân kiến tương ưng với các pháp sinh, già, trụ, vô thường. Còn lại là các hành uẩn nhiễm ô. 2. Hoặc là hữu thân kiến làm nhân cũng là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là các hành uẩn đã trừ ở trên. 3. Hoặc không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là các hành uẩn không nhiễm ô.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là sắc uẩn có ba trường hợp: 1. Hoặc là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp: Nghĩa là các nghiệp thân ngữ. 2. Hoặc là dị thực của nghiệp không phải là nghiệp: Nghĩa là các

sắc uẩn do dị thực của nghiệp sinh ra. 3. Hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp: Nghĩa là trừ các sắc uẩn do nghiệp và dị thực của nghiệp sinh ra, còn lại là các sắc uẩn.

Thọ uẩn hoặc là dị thực của nghiệp không phải là nghiệp, hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp. Là dị thực của nghiệp không phải là nghiệp: Nghĩa là các thọ uẩn do dị thực của nghiệp sinh ra, còn các thọ uẩn khác không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp.

Như thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn cũng như vậy.

Hành uẩn có bốn trường hợp: 1. Hoặc là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp: Nghĩa là dị thực của nghiệp không gồm thân tư. 2. Hoặc là dị thực của nghiệp không phải là nghiệp: Nghĩa là tư không gồm thân hành uẩn do dị thực của nghiệp sinh ra. 3. Hoặc là nghiệp cũng là dị thực của nghiệp: Nghĩa là dị thực của nghiệp sinh ra tư. 4. Hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp: Nghĩa là trừ các hành uẩn do nghiệp và dị thực của nghiệp sinh ra, còn lại là các hành uẩn.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển v.v...?
Ba thứ là tùy nghiệp chuyển không phải là nghiệp, hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là sắc uẩn có ba trường hợp: 1. Hoặc là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là trừ các nghiệp thân ngữ tùy nghiệp chuyển, còn lại là các nghiệp thân ngữ khác. 2. Hoặc là nghiệp cũng là nghiệp tùy chuyển: Nghĩa là các nghiệp thân ngữ tùy nghiệp chuyển. 3. Hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là trừ các sắc uẩn của nghiệp và tùy nghiệp chuyển, còn lại là các sắc uẩn.

Hành uẩn cũng có ba trường hợp: 1. Hoặc là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là tư. 2. Hoặc là tùy nghiệp chuyển không phải là nghiệp: Nghĩa là tư không gồm thân các hành uẩn tùy

nghiệp chuyên. 3. Hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là tùy nghiệp chuyên: Nghĩa là trừ tâm bất tương ưng hành tùy nghiệp chuyên, còn lại là các tâm bất tương ưng hành khác.

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có thấy v.v...?
Bốn thứ không phải là sắc được tạo cũng không phải là sắc có thấy, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là sắc uẩn có ba trường hợp: 1. Hoặc là sắc được tạo không phải là sắc có thấy: Nghĩa là tám xứ và phần ít của hai xứ. 2. Hoặc là sắc được tạo cũng là sắc có thấy: Nghĩa là một xứ. 3. Hoặc không phải là sắc được tạo cũng không phải là sắc có thấy: Nghĩa là phần ít của một xứ.

HẾT - QUYỂN 16

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÂM LOẠI TỨC

QUYỂN 17

Phẩm 7: BIỆN VỀ NGÀN CÂU HỎI, phần 8

** Năm uẩn này:*

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có đối v.v...?
 Bốn thứ không phải là sắc được tạo cũng không phải là sắc có đối, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là sắc uẩn có bốn trường hợp: 1. Hoặc là sắc được tạo không phải là sắc có đối: Nghĩa là phần ít của một xứ. 2. Hoặc là sắc có đối không phải là sắc được tạo: Nghĩa là phần ít của một xứ. 3. Hoặc là sắc được tạo cũng là sắc có đối: Nghĩa là chín xứ và phần ít của một xứ. 4. Hoặc không phải là sắc được tạo cũng không phải là sắc có đối: Nghĩa là sắc như thể là không thể có.

Bao nhiêu thứ vì khó thấy nên là thâm diệu v.v...? Tất cả đều vì khó thấy nên là thâm diệu, vì thâm diệu nên là khó thấy.

Bao nhiêu thứ là thiện không phải do thiện làm nhân v.v...?
 Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là mỗi thứ có ba trường hợp: 1. Hoặc là do thiện làm nhân không phải là thiện: Nghĩa là năm uẩn do dị thực thiện sinh ra. 2. Hoặc là thiện cũng do thiện làm nhân: Nghĩa là năm uẩn thiện. 3. Hoặc không phải là thiện cũng không phải do thiện làm nhân: Nghĩa là trừ năm uẩn do dị thực thiện sinh ra, còn lại là năm uẩn bất thiện và vô ký.

Bao nhiêu thứ là bất thiện không phải do bất thiện làm nhân v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là sắc uẩn có ba trường hợp: 1. Hoặc là do bất thiện làm nhân không phải là bất thiện: Nghĩa là sắc uẩn do dị thực bất thiện sinh ra. 2. Hoặc là bất thiện cũng do bất thiện làm nhân: Nghĩa là sắc uẩn bất thiện. 3. Hoặc không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân: Nghĩa là trừ sắc uẩn do dị thực bất thiện sinh ra, còn lại là các sắc uẩn thiện và vô ký.

Thọ uẩn cũng có ba trường hợp: 1. Hoặc là do bất thiện làm nhân không phải là bất thiện: Nghĩa là các thọ uẩn do dị thực bất thiện sinh ra và hữu thân kiến, biên chấp kiến thuộc cõi Dục tương ứng với thọ uẩn. 2. Hoặc là bất thiện cũng do bất thiện làm nhân: Nghĩa là các thọ uẩn bất thiện. 3. Hoặc không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân: Nghĩa là trừ các thọ uẩn do dị thực bất thiện sinh ra, cũng trừ hữu thân kiến, biên chấp kiến thuộc cõi Dục tương ứng với thọ uẩn, còn lại là thọ uẩn thiện và vô ký.

Như thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn cũng như vậy.

Hành uẩn có ba trường hợp: 1. Hoặc là do bất thiện làm nhân không phải là bất thiện: Nghĩa là các hành uẩn do dị thực bất thiện sinh ra và hữu thân kiến, biên chấp kiến thuộc cõi Dục tương ứng cùng khởi các hành uẩn. 2. Hoặc là bất thiện cũng do bất thiện làm nhân: Nghĩa là các hành uẩn bất thiện. 3. Hoặc không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân: Nghĩa là trừ các hành uẩn do dị thực bất thiện sinh ra, cũng trừ hữu thân kiến, biên chấp kiến thuộc cõi Dục tương ứng cùng khởi các hành uẩn, còn lại là các hành uẩn thiện và vô ký.

Bao nhiêu thứ là vô ký không phải do vô ký làm nhân v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là mỗi thứ có ba trường hợp: 1. Hoặc là do vô ký làm nhân không phải là vô ký: Là năm uẩn bất thiện. 2. Hoặc là vô ký cũng do vô ký làm nhân: Là năm uẩn vô ký. 3. Hoặc không phải là vô ký cũng không phải do vô ký làm nhân: Là năm uẩn thiện.

Bao nhiêu thứ là nhân duyên không có nhân v.v...? Tất cả đều là nhân duyên cũng đều là có nhân.

Bao nhiêu thứ là đấng vô gián không phải là đấng vô gián duyên v.v...? Một thứ không phải là đấng vô gián cũng không phải là đấng vô gián duyên, bốn thứ nên phân biệt:

Nghĩa là thọ uẩn có ba trường hợp: 1. Hoặc là đấng vô gián không phải là đấng vô gián duyên: Nghĩa là thọ uẩn ở vị lai, hiện tiền đang dấy khởi và các thọ uẩn ở quá khứ, hiện tại khi bậc A-la-hán mạng chung. 2. Hoặc là đấng vô gián cũng là đấng vô gián duyên: Nghĩa là trừ các thọ uẩn của bậc A-la-hán khi mạng chung ở quá khứ, hiện tại, còn lại là các thọ uẩn quá khứ, hiện tại khác. 3. Hoặc không phải là đấng vô gián cũng không phải là đấng vô gián duyên: Nghĩa là trừ các thọ uẩn ở vị lai, hiện tiền đang dấy khởi, còn lại là các thọ uẩn vị lai khác.

Như thọ uẩn, thức uẩn, tướng uẩn cũng như vậy.

Hành uẩn có ba trường hợp: 1. Hoặc là đấng vô gián không phải là đấng vô gián duyên: Nghĩa là các tâm sở nơi hành uẩn vị lai, hiện tiền đang dấy khởi và các tâm sở nơi hành uẩn quá khứ, hiện tại của bậc A-la-hán khi mạng chung cùng các định vô tướng diệt đã sinh hiện đang dấy khởi. 2. Hoặc là đấng vô gián cũng là đấng vô gián duyên: Nghĩa là trừ các tâm tâm sở nơi hành uẩn quá khứ, hiện tại của bậc A-la-hán khi mạng chung, còn lại là các tâm sở nơi hành uẩn quá khứ, hiện tại khác. 3. Hoặc không phải là đấng vô gián cũng không phải là đấng vô gián duyên: Nghĩa là trừ các tâm sở nơi hành uẩn vị lai, hiện tiền đang dấy khởi, còn lại là các tâm sở nơi hành uẩn vị lai khác, cũng trừ tâm bất tương ưng hành đấng vô gián, còn lại là các tâm bất tương ưng hành khác.

Bao nhiêu thứ là sở duyên duyên không có sở duyên v.v...? Một thứ là sở duyên duyên không có sở duyên, ba thứ là sở duyên duyên cũng có sở duyên, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là hành uẩn nếu là

các tâm sở là sở duyên duyên cũng có sở duyên, nếu không phải là tâm sở là sở duyên duyên không có sở duyên.

Bao nhiêu thứ là tăng thượng duyên không có tăng thượng v.v...? Tất cả đều là tăng thượng duyên cũng có tăng thượng.

Bao nhiêu thứ là bộc lưu không phải là thuận bộc lưu v.v...? Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là sắc uẩn nếu hữu lậu là thuận bộc lưu không phải là bộc lưu, nếu vô lậu thì không phải là bộc lưu cũng không phải là thuận bộc lưu.

Như sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn cũng như vậy.

Hành uẩn có ba trường hợp: 1. Hoặc là thuận bộc lưu không phải là bộc lưu: Là các bộc lưu không thâm giữ hành uẩn hữu lậu. 2. Hoặc là bộc lưu cũng là thuận bộc lưu: Là bốn thứ bộc lưu. 3. Hoặc không phải là bộc lưu cũng không phải là thuận bộc lưu: Là hành uẩn vô lậu.

**

18. Mười tám giới: *Là nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới v.v... cho đến ý giới, pháp giới, ý thức giới.*

*

*** Mười tám giới này:**

Bao nhiêu thứ là có sắc v.v...? Mười tám thứ là có sắc, bảy thứ là không sắc, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp giới hoặc là có sắc, hoặc là không sắc. Thế nào là có sắc? Là pháp giới gồm thâm các nghiệp thân ngữ, các pháp giới còn lại là không sắc.

Bao nhiêu thứ là có thấy v.v...? Một thứ là có thấy, mười bảy thứ là không thấy.

Bao nhiêu thứ là có đối v.v...? Mười tám thứ là có đối, tám thứ là không đối.

Bao nhiêu thứ là hữu lậu v.v...? Mười lăm thứ là hữu lậu, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là ý giới hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là tác ý hữu lậu tương ưng với ý giới. Thế nào là vô lậu? Là tác ý vô lậu tương ưng với ý giới.

Như ý giới, ý thức giới cũng như vậy.

Pháp giới hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là pháp giới gồm thân các nghiệp thân ngữ hữu lậu và các uẩn thọ tướng hành hữu lậu. Thế nào là vô lậu? Là các nghiệp thân ngữ vô lậu, các uẩn thọ tướng hành vô lậu cùng các pháp vô vi.

Bao nhiêu thứ là hữu vi v.v...? Mười bảy thứ là hữu vi, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp giới hoặc là hữu vi, hoặc là vô vi. Thế nào là hữu vi? Là pháp giới gồm thân các nghiệp thân ngữ và các uẩn thọ tướng hành. Thế nào là vô vi? Là hư không và hai thứ diệt.

Bao nhiêu thứ có dị thực v.v...? Tám thứ là không dị thực, mười thứ nên phân biệt: Nghĩa là sắc giới hoặc có dị thực, hoặc không dị thực. Thế nào là có dị thực? Là sắc giới thiện và bất thiện. Thế nào là không dị thực? Là sắc giới vô ký.

Thanh và năm thức giới cũng như vậy.

Ý giới hoặc có dị thực, hoặc không dị thực. Thế nào là có dị thực? Là ý giới hữu lậu thiện và bất thiện. Thế nào là không dị thực? Là ý giới vô lậu, vô ký.

Pháp giới và ý thức giới cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là duyên sinh v.v...? Mười bảy thứ là duyên sinh, là nhân sinh, là thuộc về thế gian, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp giới nếu là hữu vi là duyên sinh, là nhân sinh, là thuộc về thế gian. Nếu là vô vi thì không phải là duyên sinh, không phải là nhân sinh, không thuộc về thế gian.

Bao nhiêu thứ thuộc về sắc v.v...? Mười thứ thuộc về sắc, bảy thứ thuộc về danh, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp giới gồm sáu các nghiệp thân ngữ là thuộc về sắc, còn lại đều thuộc về danh.

Bao nhiêu thứ thuộc về nội xứ v.v...? Mười hai thứ thuộc về nội xứ, sáu thứ thuộc về ngoại xứ.

Bao nhiêu thứ là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Tất cả đều là trí nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

*

*** Mười tám giới này:**

Bao nhiêu thứ đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp v.v...? Mười lăm thứ là đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là ý giới, pháp giới và ý thức giới, nếu là hữu lậu là đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp, nếu là vô lậu thì không đoạn dứt sự nhận biết khắp về đối tượng được nhận biết khắp.

Bao nhiêu thứ nên đoạn trừ v.v...? Mười lăm thứ nên đoạn trừ, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là các ý giới, pháp giới, ý thức giới nếu là hữu lậu thì nên đoạn trừ, nếu là vô lậu thì không nên đoạn trừ.

Bao nhiêu thứ nên tu v.v...? Tám thứ không nên tu, mười thứ nên phân biệt: Nghĩa là sắc giới hoặc nên tu, hoặc không nên tu. Thế nào là nên tu? Là sắc giới thiện. Thế nào là không nên tu? Là sắc giới bất thiện và vô ký.

Thanh giới, sáu thức giới, ý giới cũng như vậy.

Pháp giới hoặc nên tu, hoặc không nên tu. Thế nào là nên tu? Là pháp giới hữu vi thiện. Thế nào là không nên tu? Là pháp giới bất thiện, vô ký và trạch diệt.

Bao nhiêu thứ là nhiễm ô v.v...? Tám thứ là không nhiễm ô, mười thứ nên phân biệt: Nghĩa là sắc giới hoặc là nhiễm ô, hoặc là không nhiễm ô. Thế nào là nhiễm ô? Là sắc giới hữu phú. Thế nào là không nhiễm ô? Là sắc giới vô phú. Thanh giới, sáu thức giới, ý giới và pháp giới cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ là quả không phải là có quả v.v...? Mười bảy thứ là quả cũng là có quả, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp giới có ba trường hợp: 1. Hoặc là quả không phải là có quả: Là trạch diệt. 2. Hoặc là quả cũng là có quả: Là pháp giới hữu vi. 3. Hoặc không phải là quả cũng không phải là có quả: Là hư không, phi trạch diệt.

Bao nhiêu thứ có chấp thọ v.v...? Chín thứ là không chấp thọ, chín thứ nên phân biệt: Nghĩa là nhãn giới hoặc có chấp thọ, hoặc không chấp thọ. Thế nào là có chấp thọ? Là tự thể gồm thân nhãn giới. Thế nào là không chấp thọ? Là không phải tự thể gồm thân nhãn giới. Như nhãn giới, sắc, nhĩ, tỷ, hương, thiệt, vị, thân, xúc giới cũng như vậy.

Bao nhiêu thứ do các đại chủng tạo nên v.v...? Chín thứ và phần ít của hai thứ là do các đại chủng tạo nên, bảy thứ và phần ít của hai thứ không phải do các đại chủng tạo nên.

Bao nhiêu thứ là hữu thượng v.v...? Mười bảy thứ là hữu thượng, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp giới hoặc là hữu thượng, hoặc là vô thượng. Thế nào là hữu thượng? Là pháp giới hữu vi và hư không, phi trạch diệt. Thế nào là vô thượng? Là trạch diệt.

Bao nhiêu thứ là hữu v.v...? Mười lăm thứ là hữu, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là ý giới, pháp giới, ý thức giới nếu hữu lậu là hữu, nếu vô lậu là không phải hữu.

Bao nhiêu thứ là nhân tương ưng v.v...? Bảy thứ là nhân tương ưng, mười thứ là nhân không tương ưng, một thứ nên phân biệt:

Nghĩa là pháp giới nếu là các tâm sở là nhân tương ưng, nếu không phải là các tâm sở là nhân không tương ưng.

*

*** Mười tám giới này:**

Cùng sáu xứ thiện gồm nhau: Sáu xứ thiện gồm sáu phần ít của mười giới, phần ít của mười giới cũng gồm sáu xứ thiện.

Cùng năm xứ bất thiện gồm nhau: Năm xứ bất thiện gồm sáu phần ít của mười giới, phần ít của mười giới cũng gồm năm xứ bất thiện.

Cùng bảy xứ vô ký gồm nhau: Bảy xứ vô ký gồm tám giới và phần ít của mười giới, tám giới và phần ít của mười giới cũng gồm bảy xứ vô ký.

Cùng ba xứ lậu gồm nhau: Ba xứ lậu gồm sáu phần ít của một giới, phần ít của một giới cũng gồm ba xứ lậu.

Cùng năm xứ hữu lậu gồm nhau: Năm xứ hữu lậu gồm sáu mười lăm giới và phần ít của ba giới, mười lăm giới và phần ít của ba giới cũng gồm năm xứ hữu lậu.

Cùng tám xứ vô lậu gồm nhau: Tám xứ vô lậu gồm sáu phần ít của ba giới, phần ít của ba giới cũng gồm tám xứ hữu lậu.

Bao nhiêu thứ thuộc quá khứ v.v...? Mười bảy thứ hoặc thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai. Một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp giới nếu là hữu vi thì hoặc thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai, nếu là vô vi thì không thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai.

Bao nhiêu thứ là thiện v.v...? Tám thứ là vô ký, mười thứ nên phân biệt: Nghĩa là sắc giới hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Là thân biểu hiện thiện. Thế nào là bất thiện? Là thân biểu hiện bất thiện. Thế nào là vô ký? Là trừ thân biểu hiện thiện và bất thiện, còn lại là các sắc giới khác.

Thanh giới hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Là ngữ biểu hiện thiện. Thế nào là bất thiện? Là ngữ biểu hiện bất thiện. Thế nào là vô ký? Là trừ ngữ biểu hiện thiện và bất thiện, còn lại là các thanh giới khác.

Nhãn thức giới hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Là tác ý thiện tương ưng với nhãn thức. Thế nào là bất thiện? Là tác ý bất thiện tương ưng với nhãn thức. Thế nào là vô ký? Là tác ý vô ký tương ưng với nhãn thức.

Năm thức giới còn lại và ý giới cũng như vậy.

Pháp giới hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Là pháp giới gồm thân các nghiệp thân ngữ thiện và các uẩn thọ, tưởng, hành thiện, cùng trạch diệt. Thế nào là bất thiện? Là pháp giới gồm thân các nghiệp thân ngữ bất thiện và các uẩn thọ, tưởng, hành bất thiện. Thế nào là vô ký? Là các uẩn thọ, tưởng, hành vô ký và hư không, phi trạch diệt.

Bao nhiêu thứ thuộc cõi Dục v.v...? Bốn thứ thuộc cõi Dục, mười bốn thứ nên phân biệt: Nghĩa là nhãn giới hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Nghĩa là các đại chủng thuộc cõi Dục tạo nên nhãn giới. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Nghĩa là các đại chủng thuộc cõi Sắc tạo nên nhãn giới.

Như nhãn giới, sắc, nhĩ, thanh, tỷ, thiệt, thân giới cũng như vậy.

Xúc giới hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Nghĩa là bốn đại chủng thuộc cõi Dục tạo nên xúc giới. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Nghĩa là bốn đại chủng thuộc cõi Sắc tạo nên xúc giới.

Nhãn thức giới hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Nghĩa là tác ý nơi cõi Dục tương ưng với nhãn thức. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Nghĩa là tác ý nơi cõi Sắc tương ưng với nhãn thức.

Như nhãn thức giới, nhĩ giới, thân giới, thức giới cũng như vậy.

Ý giới hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Nghĩa là tác ý nơi cõi Dục tương ưng với ý giới. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Nghĩa là tác ý nơi cõi Sắc tương ưng với ý giới. Thế nào là thuộc cõi Vô sắc? Nghĩa là tác ý nơi cõi Vô sắc tương ưng với ý giới. Thế nào là không hệ thuộc? Nghĩa là tác ý vô lậu tương ưng với ý giới.

Như ý giới, ý thức giới cũng như vậy.

Pháp giới hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Nghĩa là pháp giới gồm thân các nghiệp thân ngữ thuộc cõi Dục và các uẩn thọ tướng hành thuộc cõi Dục. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Nghĩa là pháp giới gồm thân các nghiệp thân ngữ thuộc cõi Sắc và các uẩn thọ tướng hành ở cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Vô sắc? Nghĩa là các uẩn thọ tướng hành thuộc cõi Vô sắc. Thế nào là không hệ thuộc? Nghĩa là các nghiệp thân ngữ vô lậu,, các uẩn thọ tướng hành vô lậu và các pháp vô vi.

Bao nhiêu thứ là học v.v...? Mười lăm thứ là phi học phi vô học, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là ý giới hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học? Nghĩa là tác ý hữu học tương ưng với ý giới. Thế nào là vô học? Nghĩa là tác ý vô học tương ưng với ý giới. Thế nào là phi học phi vô học? Nghĩa là tác ý hữu lậu tương ưng với ý giới.

Như ý giới, ý thức giới cũng như vậy.

Pháp giới hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học? Nghĩa là các nghiệp thân ngữ hữu học và các uẩn thọ, tướng, hành hữu học. Thế nào là vô học? Nghĩa là các nghiệp thân ngữ vô học và các uẩn thọ, tướng, hành vô học. Thế nào là phi học phi vô học? Nghĩa là pháp giới gồm thân các nghiệp

thân ngữ hữu lậu và các uẩn thọ, tướng, hành hữu lậu cùng các pháp vô vi.

*

*** Mười tám giới này:**

Bao nhiêu thứ do kiến đạo đoạn trừ v.v...? Mười lăm thứ do tu đạo đoạn trừ, ba thứ nên phân biệt:

Nghĩa là ý giới hoặc do kiến đạo đoạn trừ, hoặc do tu đạo đoạn trừ, hoặc không đoạn trừ. Thế nào là do kiến đạo đoạn trừ? Nghĩa là ý giới nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành hiện quán biên nhãn đã đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Tức do kiến đạo đoạn trừ tám mươi tám thứ tùy miên tương ưng với ý giới. Thế nào là do tu đạo đoạn trừ? Nghĩa là ý giới nơi bậc học kiến tích tu tập đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Tức do tu đạo đoạn trừ mười thứ tùy miên tương ưng với ý giới và các ý giới hữu lậu không nhiễm ô. Thế nào là không đoạn trừ? Nghĩa là ý giới vô lậu.

Như ý giới, ý thức giới cũng vậy.

Pháp giới hoặc do kiến đạo đoạn trừ, hoặc do tu đạo đoạn trừ, hoặc không đoạn trừ. Thế nào là do kiến đạo đoạn trừ? Nghĩa là pháp giới nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành hiện quán biên nhãn đã đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Tức do kiến đạo đoạn trừ tám mươi tám thứ tùy miên tương ưng với pháp giới và cùng khởi tâm bất tương ưng hành. Thế nào là do tu đạo đoạn trừ? Nghĩa là pháp giới nơi bậc học kiến tích tu tập đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Tức do tu đạo đoạn trừ mười thứ tùy miên tương ưng với pháp giới và cùng khởi các nghiệp thân ngữ có tâm bất tương ưng hành, hoặc là các pháp giới hữu lậu không nhiễm ô. Thế nào là không đoạn trừ? Nghĩa là pháp giới vô lậu.

Bao nhiêu thứ là không phải tâm v.v...? Mười thứ là không phải tâm, không phải tâm sở, không phải tâm tương ưng. Bảy thứ chỉ là

tâm. Một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp giới nếu có đối tượng duyên là tâm sở cùng tâm tương ưng. Nếu không có đối tượng duyên là không phải tâm, không phải tâm sở, không tâm tương ưng.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ v.v...?
 Mười thứ không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với thọ, bảy thứ là tương ưng với thọ không phải là tùy tâm chuyển, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp giới có ba trường hợp: 1. Hoặc là tùy tâm chuyển không tương ưng với thọ: Nghĩa là các nghiệp thân ngữ tùy tâm chuyển có tâm bất tương ưng hành và thọ. 2. Hoặc là tùy tâm chuyển cũng tương ưng với thọ: Nghĩa là tướng uẩn và hành uẩn tương ưng nhau. 3. Hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với thọ: Nghĩa là trừ các nghiệp thân ngữ tùy tâm chuyển có tâm bất tương ưng hành, còn lại là các nghiệp thân ngữ có tâm bất tương ưng hành khác và các pháp vô vi.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tướng, hành v.v...? Nghĩa là trừ tự tánh của chúng, còn lại là như thọ, nên biết.

Bao nhiêu thứ là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ v.v...?
 Mười thứ không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ưng với tứ, năm thứ là có tâm có tứ, ba thứ nên phân biệt:

Nghĩa là ý giới hoặc là có tâm có tứ, hoặc là không tâm chỉ có tứ, hoặc là không tâm không tứ. Thế nào là có tâm có tứ? Nghĩa là tác ý có tâm có tứ tương ưng với ý giới. Thế nào là không tâm chỉ có tứ? Nghĩa là tác ý không tâm chỉ có tứ tương ưng với ý giới. Thế nào là không tâm không tứ? Nghĩa là tác ý không tâm không tứ tương ưng với ý giới.

Như ý giới, ý thức giới cũng như vậy.

Pháp giới có bốn trường hợp: 1. Hoặc là tùy tâm chuyển không tương ưng với tứ: Nghĩa là các nghiệp thân ngữ tùy tâm chuyển có tâm bất tương ưng hành và tâm tương ưng với tứ. 2. Hoặc là tương

ung với tứ không phải là tùy tâm chuyển: Nghĩa là tâm và tâm không tương ứng với tứ nhưng tương ứng với tâm sở pháp. 3. Hoặc là tùy tâm chuyển cũng tương ứng với tứ: Nghĩa là tâm tứ tương ứng với tâm sở pháp. 4. Hoặc không phải là tùy tâm chuyển cũng không tương ứng với tứ: Nghĩa là trừ các nghiệp thân ngữ tùy tâm chuyển có tâm bất tương ứng hành, còn lại là các nghiệp thân ngữ có tâm bất tương ứng hành và tâm không tương ứng với tứ, cùng các pháp tâm sở không tâm không tứ, hoặc các pháp vô vi.

Bao nhiêu thứ là kiến không phải là xứ kiến v.v...? Một thứ là kiến cũng là xứ kiến, mười bốn thứ là xứ kiến không phải là kiến, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là ý giới nếu là hữu lậu là xứ kiến không phải là kiến, nếu là vô lậu thì không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến.

Như ý giới, ý thức giới cũng như vậy.

Pháp giới có bốn trường hợp: 1. Hoặc là kiến không phải là xứ kiến: Nghĩa là tận trí, vô sinh trí không gồm thân tuệ vô lậu. 2. Hoặc là xứ kiến không phải là kiến: Nghĩa là kiến không gồm thân pháp giới hữu lậu. 3. Hoặc là xứ kiến cũng là xứ kiến: Nghĩa là năm kiến nhiễm ô và chánh kiến thế gian. 4. Hoặc không phải là kiến cũng không phải là xứ kiến: Nghĩa là kiến không gồm thân pháp giới vô lậu.

Bao nhiêu thứ là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến v.v...? Tám thứ không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến, mười thứ nên phân biệt:

Nghĩa là sắc giới nếu nhiễm ô là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến, nếu không nhiễm ô thì không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến.

Như sắc giới, thanh giới và năm thức giới cũng như vậy.

Ý thức giới hoặc là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến, hoặc là hữu thân kiến làm nhân cũng là nhân của hữu thân kiến, hoặc không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến. Là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là trừ ở quá khứ, hiện tại do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên tương ưng với ý giới. Cũng trừ ở quá khứ, hiện tại do kiến tập đoạn trừ các tùy miên biến hành tương ưng với ý giới. Lại cũng trừ ở vị lai hữu thân kiến tương ưng với ý giới. Còn lại là các ý giới nhiễm ô. Là hữu thân kiến làm nhân cũng là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là các ý giới đã trừ ở trên. Không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là các ý giới không nhiễm ô.

Như ý giới, ý thức giới cũng như vậy.

Pháp giới có ba trường hợp: 1. Hoặc là hữu thân kiến làm nhân không phải là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là trừ ở quá khứ, hiện tại do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên tương ưng với pháp giới như cùng có v.v... Cũng trừ ở quá khứ, hiện tại do kiến tập đoạn trừ các tùy miên biến hành tương ưng với pháp giới như cùng có v.v... Cũng trừ ở vị lai hữu thân kiến tương ưng với pháp giới, tương ưng các pháp sinh, già, trụ, vô thường. Còn lại là các pháp giới nhiễm ô. 2. Hoặc là hữu thân kiến làm nhân cũng là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là các pháp giới đã trừ ở trên. 3. Hoặc không phải là hữu thân kiến làm nhân cũng không phải là nhân của hữu thân kiến: Nghĩa là pháp giới không nhiễm ô.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp v.v...?
Tất cả nên phân biệt: Nghĩa là nhãn giới hoặc là dị thực của nghiệp không phải là nghiệp, hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp. Là dị thực của nghiệp không phải là nghiệp: Là nhãn giới do dị thực sinh ra. Không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp: Là các nhãn giới còn lại.

Như nhãn giới, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, hương, vị, xúc và bầy giới của tâm cũng như vậy.

Sắc giới có ba trường hợp: 1. Hoặc là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp: Nghĩa là thân biểu hiện. 2. Hoặc là dị thực của nghiệp không phải là nghiệp: Nghĩa là sắc giới do dị thực của nghiệp sinh ra. 3. Hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp: Nghĩa là trừ sắc giới do nghiệp và dị thực của nghiệp sinh ra, còn lại là các sắc giới khác.

Thanh giới có hai trường hợp: 1. Hoặc là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp: Nghĩa là ngữ biểu hiện. 2. Hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp: Nghĩa là các thanh giới còn lại.

Pháp giới có bốn trường hợp: 1. Hoặc là nghiệp không phải là dị thực của nghiệp: Nghĩa là pháp giới gồm thân các nghiệp thân ngữ và dị thực của nghiệp không gồm thân tư. 2. Hoặc là dị thực của nghiệp không phải là nghiệp: Nghĩa là tư không gồm thân các pháp giới do dị thực của nghiệp sinh ra. 3. Hoặc là nghiệp cũng là dị thực của nghiệp: Nghĩa là tư do dị thực của nghiệp sinh ra. 4. Hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là dị thực của nghiệp: Nghĩa là trừ các pháp giới của nghiệp và dị thực của nghiệp, còn lại là các pháp giới khác.

Bao nhiêu thứ là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển v.v...? Bảy thứ là tùy nghiệp chuyển không phải là nghiệp, tám thứ không phải là nghiệp cũng không phải tùy nghiệp chuyển, ba thứ nên phân biệt:

Nghĩa là sắc giới hoặc là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển, hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là tùy nghiệp chuyển. Là nghiệp không phải là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là thân biểu hiện. Không phải là nghiệp cũng không phải là tùy nghiệp chuyển: Nghĩa là các sắc giới còn lại.

Thanh giới hoặc là nghiệp không phải là nghiệp tùy duyên, hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là tùy nghiệp duyên. Là nghiệp không phải là tùy nghiệp duyên: Nghĩa là ngữ biểu hiện. Không phải là nghiệp cũng không phải là tùy nghiệp duyên: Nghĩa là các thanh giới còn lại.

Pháp giới có bốn trường hợp: 1. Hoặc là nghiệp không phải là tùy nghiệp duyên: Nghĩa là trừ các nghiệp thân ngữ tùy nghiệp duyên, còn lại là các pháp giới gồm thân các nghiệp thân ngữ và tư. 2. Hoặc là tùy nghiệp duyên không phải là nghiệp: Nghĩa là thọ uẩn, tưởng uẩn và tư không gồm thân các hành uẩn tùy nghiệp duyên. 3. Hoặc là nghiệp cũng là tùy nghiệp duyên: Nghĩa là các nghiệp thân ngữ tùy nghiệp duyên. 4. Hoặc không phải là nghiệp cũng không phải là tùy nghiệp duyên: Nghĩa là trừ các pháp giới của nghiệp và tùy nghiệp duyên, còn lại là các giới pháp khác.

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có thấy v.v...?
 Có ba trường hợp: 1. Hoặc là sắc được tạo không phải là sắc có thấy: Nghĩa là tám giới và phần ít của hai giới. 2. Hoặc là sắc được tạo cũng là sắc có thấy: Nghĩa là một giới. 3. Hoặc không phải là sắc được tạo cũng không phải là sắc có thấy: Nghĩa là bảy giới và phần ít của hai giới.

*

*** Mười tám giới này:**

Bao nhiêu thứ là sắc được tạo không phải là sắc có đối v.v...?
 Có bốn trường hợp: 1. Hoặc là sắc được tạo không phải là sắc có đối: Là phần ít của một giới. 2. Hoặc là sắc có đối không phải là sắc được tạo: Là phần ít của một giới. 3. Hoặc là sắc được tạo cũng là sắc có đối: Là chín giới và phần ít của một giới. 4. Hoặc không phải là sắc được tạo cũng không phải là sắc có đối: Là bảy giới và phần ít của một giới.

Bao nhiêu thứ vì khó thấy nên là thâm diệu v.v...? Tất cả đều vì khó thấy nên là thâm diệu, vì thâm diệu nên là khó thấy.

Bao nhiêu thứ là thiện không phải do thiện làm nhân v.v...? Tất cả nên phân biệt:

Nghĩa là nhãn giới hoặc là do thiện làm nhân không phải là thiện, hoặc không phải là thiện cũng không phải do thiện làm nhân. Là do thiện làm nhân không phải là thiện: Nghĩa là nhãn giới do dị thực thiện sinh ra. Không phải là thiện cũng không phải do thiện làm nhân: Nghĩa là các nhãn giới còn lại.

Như nhãn giới, nhĩ, tỷ, hương, thiệt, vị, thân, xúc giới cũng như vậy.

Sắc giới có ba trường hợp: 1. Hoặc là do thiện làm nhân không phải là thiện: Nghĩa là sắc giới do dị thực thiện sinh ra. 2. Hoặc là thiện cũng do thiện làm nhân: Nghĩa là sắc giới thiện. 3. Hoặc không phải là thiện cũng không phải do thiện làm nhân: Nghĩa là trừ sắc giới do dị thực thiện sinh ra, còn lại là sắc giới bất thiện và vô ký.

Sáu thức giới và ý giới cũng như vậy.

Thanh giới có hai trường hợp: 1. Hoặc là thiện cũng do thiện làm nhân: Là thanh giới thiện. 2. Hoặc không phải là thiện cũng không phải do thiện làm nhân: Là thanh giới bất thiện và vô ký.

Pháp giới có bốn trường hợp: 1. Hoặc là thiện không phải do thiện làm nhân: Là trạch diệt. 2. Hoặc là do thiện làm nhân không phải là thiện: Là pháp giới do dị thực thiện sinh ra. 3. Hoặc là thiện cũng do thiện làm nhân: Là pháp giới hữu vi thiện. 4. Hoặc không phải là thiện cũng không phải do thiện làm nhân: Là trừ pháp giới do dị thực thiện sinh ra, còn lại là các pháp giới bất thiện và vô ký.

Bao nhiêu thứ là bất thiện không phải do bất thiện làm nhân v.v...? Tất cả nên phân biệt:

Nghĩa là nhãn giới hoặc là do bất thiện làm nhân không phải là bất thiện, hoặc không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân. Là do bất thiện làm nhân không phải là bất thiện: Nghĩa là các nhãn giới do dị thực bất thiện sinh ra. Không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân: Nghĩa là các nhãn giới khác.

Như nhãn giới, nhĩ, tử, hương, thiệt, vị, thân, xúc giới cũng như vậy.

Sắc giới có ba trường hợp: 1. Hoặc là do bất thiện làm nhân không phải là bất thiện: Nghĩa là sắc giới do dị thực bất thiện sinh ra. 2. Hoặc là bất thiện cũng do bất thiện làm nhân: Nghĩa là sắc giới bất thiện. 3. Hoặc không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân: Nghĩa là trừ sắc giới do dị thực bất thiện sinh ra, còn lại là các sắc giới thiện và vô ký.

Như sắc giới, nhãn, nhĩ, tử, thiệt, thân, thức giới cũng như vậy.

Thanh giới có hai trường hợp: 1. Hoặc là bất thiện cũng do bất thiện làm nhân: Nghĩa là thanh giới bất thiện. 2. Hoặc không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân: Nghĩa là thanh giới thiện và vô ký.

Ý giới có ba trường hợp: 1. Hoặc là do bất thiện làm nhân không phải là bất thiện: Nghĩa là ý giới do dị thực bất thiện sinh ra và hữu thân kiến, biên chấp kiến thuộc cõi Dục tương ưng với ý giới. 2. Hoặc là bất thiện cũng do bất thiện làm nhân: Nghĩa là ý giới bất thiện. 3. Hoặc không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân: Nghĩa là trừ ý giới do dị thực bất thiện sinh ra và trừ hữu thân kiến, biên chấp kiến thuộc cõi Dục tương ưng với ý giới, còn lại là các ý giới thiện và vô ký.

Như ý giới, ý thức giới cũng như vậy.

Pháp giới có ba trường hợp: 1. Hoặc là do bất thiện làm nhân không phải là bất thiện: Nghĩa là pháp giới do dị thực bất thiện sinh

ra và thuộc cõi Dục, hữu thân kiến, biên chấp kiến tương ưng với pháp giới và cùng đấy khởi. 2. Hoặc là bất thiện cũng do bất thiện làm nhân: Nghĩa là pháp giới bất thiện. 3. Hoặc không phải là bất thiện cũng không phải do bất thiện làm nhân: Nghĩa là trừ pháp giới do di thực bất thiện sinh ra, cũng trừ hữu thân kiến, biên chấp kiến thuộc cõi Dục cùng tương ưng và đấy khởi pháp giới, còn lại là các pháp giới thiện và vô ký khác.

Bao nhiêu thứ là vô ký không phải do vô ký làm nhân v.v...?
Tám thứ là vô ký cũng do vô ký làm nhân, mười thứ nên phân biệt:

Nghĩa là sắc giới có ba trường hợp: 1. Hoặc là do vô ký làm nhân không phải là vô ký: Là sắc giới bất thiện. 2. Hoặc là vô ký cũng do vô ký làm nhân: Là sắc giới vô ký. 3. Hoặc không phải là vô ký cũng không phải do vô ký làm nhân: Là sắc giới thiện.

Thanh giới và sáu thức giới, ý giới cũng như vậy.

Pháp giới có bốn trường hợp: 1. Hoặc là vô ký không phải do vô ký làm nhân: Là hư không, phi trạch diệt. 2. Hoặc là do vô ký làm nhân không phải là vô ký: Là pháp giới bất thiện. 3. Hoặc là vô ký cũng do vô ký làm nhân: Là pháp giới hữu vi vô ký. 4. Hoặc không phải là vô ký cũng không phải do vô ký làm nhân: Là pháp giới thiện.

Bao nhiêu thứ là nhân duyên không có nhân v.v...? Mười bảy thứ là nhân duyên cũng là có nhân, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp giới nếu là hữu vi là nhân duyên cũng là có nhân, nếu là vô vi thì không phải là nhân duyên cũng không có nhân.

Bao nhiêu thứ là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên v.v...? Mười thứ không phải là đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên, tám thứ nên phân biệt:

Nghĩa là nhãn thức giới có ba trường hợp: 1. Hoặc là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là nhãn thức ở vị lai, hiện tiền đang đấy khởi. 2. Hoặc là đẳng vô gián cũng là đẳng vô

gián duyên: Nghĩa là nhãn thức ở quá khứ, hiện tại. 3. Hoặc không phải là đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là trừ nhãn thức vị lai, hiện tiền đang dấy khởi, còn lại là các nhãn thức vị lai.

Như nhãn thức giới, các giới nhĩ, tử, thiết, thân cũng như vậy.

Ý giới có ba trường hợp: 1. Hoặc là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là ý giới ở vị lai, hiện tiền đang dấy khởi và ý giới của bậc A-la-hán khi mạng chung ở quá khứ, hiện tại. 2. Hoặc là đẳng vô gián cũng là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là trừ ý giới của bậc A-la-hán khi mạng chung ở quá khứ, hiện tại, còn lại là các ý giới khác ở quá khứ, hiện tại. 3. Hoặc không phải là đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là trừ ý giới vị lai, hiện tiền đang dấy khởi, còn lại là các ý giới vị lai.

Như ý giới, ý thức giới cũng như vậy.

Pháp giới có ba trường hợp: 1. Hoặc là đẳng vô gián không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là các pháp tâm sở vị lai, hiện tiền đang dấy khởi và các pháp tâm sở của bậc A-la-hán khi mạng chung ở quá khứ hoặc hiện tại, cùng các định vô tướng diệt đã sinh hiện tiền đang dấy khởi. 2. Hoặc là đẳng vô gián cũng là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là trừ các tâm sở pháp của bậc A-la-hán khi mạng chung ở quá khứ, hiện tại, còn lại là các tâm sở ở quá khứ, hiện tại. 3. Hoặc không phải là đẳng vô gián cũng không phải là đẳng vô gián duyên: Nghĩa là trừ các tâm sở vị lai, hiện tiền đang dấy khởi, còn lại là các tâm sở vị lai. Lại cũng trừ các tâm bất tương ưng hành đẳng vô gián, còn lại là các tâm bất tương ưng hành khác và các nghiệp thân ngữ cùng pháp vô vi.

Bao nhiêu thứ là sở duyên duyên không có sở duyên v.v...? Mười thứ là sở duyên duyên không có sở duyên, bảy thứ là sở duyên duyên cũng có sở duyên, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp giới nếu là các tâm sở là sở duyên duyên cũng có sở duyên, nếu không phải là tâm sở là sở duyên duyên không có sở duyên.

Bao nhiêu thứ là tăng thượng duyên không có tăng thượng v.v...? Mười bảy thứ là tăng thượng duyên cũng có tăng thượng, một thứ nên phân biệt: Nghĩa là pháp giới nếu hữu vi là tăng thượng duyên cũng có tăng thượng, nếu vô vi là tăng thượng duyên không có tăng thượng.

Bao nhiêu thứ là bặc lưu không phải là thuận bặc lưu v.v...? Mười lăm thứ là thuận bặc lưu không phải là bặc lưu, ba thứ nên phân biệt: Nghĩa là ý giới nếu là hữu lậu là thuận bặc lưu không phải là bặc lưu, nếu là vô lậu thì không phải là bặc lưu cũng không phải là thuận bặc lưu.

Như ý giới, ý thức giới cũng như vậy.

Pháp giới có ba trường hợp: 1. Hoặc là thuận bặc lưu không phải là bặc lưu: Là các bặc lưu gồm thân pháp giới hữu lậu. 2. Hoặc là bặc lưu cũng là thuận bặc lưu: Là bốn thứ bặc lưu. 3. Hoặc không phải là bặc lưu cũng không phải là thuận bặc lưu: Là pháp giới vô lậu.

HẾT - QUYỂN 17

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHẨM LOẠI TỨC

QUYỀN 18

Phẩm 8: BIỆN VỀ QUYẾT TRẠCH

Pháp có sắc gồm thâu: mười một giới, mười một xứ, một uẩn, tám trí (trừ hai trí tha tâm và diệt), sáu thức nhận biết, các biến hành ở cõi Dục, cõi Sắc và các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp chỉ có sắc gồm thâu: mười giới, mười xứ, một uẩn, không có trí, năm thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp không sắc gồm thâu: tám giới, hai xứ, bốn uẩn, mười trí, một thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ không sắc gồm thâu: bảy giới, một xứ, bốn uẩn, hai trí là tha tâm trí và diệt trí, không có thức nhận biết, tất cả cõi Vô sắc và hai bộ nơi cõi Dục, cõi Sắc cùng tùy miên tùy tăng không phải là biến hành do kiến khổ, tập đoạn trừ.

*

Pháp có thấy gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí (trừ ba trí tha tâm, diệt, đạo), hai thức nhận biết, các biến hành ở cõi Dục, cõi Sắc và các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp chỉ có thấy gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, không có trí, một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp không thấy gồm thâu: mười bảy giới, mười một xứ, năm uẩn, mười trí, năm thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ không thấy gồm thâu: mười bảy giới, mười một xứ, bốn uẩn, ba trí là tha tâm, diệt, đạo, bốn thức nhận biết, tất cả cõi Vô sắc và hai bộ nơi cõi Dục cùng tùy miên tùy tăng không phải là biến hành do kiến khổ, tập đoạn trừ.

*

Pháp có đối gồm thâu: mười giới, mười xứ, một uẩn, bảy trí (trừ ba trí: tha tâm, diệt, đạo), sáu thức nhận biết, các biến hành ở cõi Dục và cõi Sắc, cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp chỉ có đối gồm thâu: mười giới, mười xứ, không có uẩn, không có trí, năm thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp không đối gồm thâu: tám giới, hai xứ, năm uẩn, mười trí, một thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ không đối gồm thâu: tám giới, hai xứ, bốn uẩn, ba trí (tức là tha tâm, diệt, đạo), không có thức nhận biết, tất cả cõi Vô sắc và hai bộ nơi cõi Dục, cõi Sắc cùng tùy miên tùy tăng không phải là biến hành do kiến khổ, tập đoạn trừ.

*

Pháp hữu lậu gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí (trừ hai trí: diệt, đạo), sáu thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ hữu lậu gồm thâu: mười lăm giới, mười xứ, không có uẩn, hai trí là khổ trí và tập trí, năm thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Pháp vô lậu gồm thâu: ba giới, hai xứ, năm uẩn, tám trí (trừ hai trí: khổ, tập), một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ vô lậu gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, hai trí là diệt trí và đạo trí, không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

*

Pháp hữu vi gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ hữu vi gồm thâu: mười bảy giới, mười một xứ, năm uẩn, bốn trí (tức là: tha tâm, khổ, tập, đạo), năm thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Pháp vô vi gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, sáu trí (trừ bốn trí: tha tâm, khổ, tập, đạo), một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ vô vi gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, một trí tức diệt trí, không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

*

Các pháp: có tranh cãi - không tranh cãi, thế gian - xuất thế gian, gắn với giới - không gắn với giới, có vị tham đắm - không vị tham đắm, dựa vào đăm mê - dựa vào xuất ly, thuận kiết - không thuận kiết, thuận thủ - không thuận thủ, thuận triền - không thuận triền, như pháp vô lậu - hữu lậu, nên biết.

*

Pháp hữu ký gồm thâu: mười giới, bốn xứ, năm uẩn, mười trí, ba thức nhận biết, tất cả cõi Dục, các biến hành nơi cõi Sắc và Vô sắc, cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp chỉ hữu ký gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, hai trí là diệt trí và đạo trí, không có thức nhận biết, hai bộ

nơi cõi Dục, các tùy miên tùy tăng không phải là biến hành do kiến tập đoạn trừ.

Pháp vô ký gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí (trừ hai trí: diệt, đạo), sáu thức nhận biết, tất cả cõi Sắc và Vô sắc, hai bộ nơi cõi Dục và các tùy miên tùy tăng biến hành do kiến tập đoạn trừ.

Pháp chỉ vô ký gồm thâu: tám giới, tám xứ, không có uẩn, không có trí, ba thức nhận biết, hai bộ nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc và các tùy miên tùy tăng không phải là biến hành do kiến khổ, tập đoạn trừ.

*

Pháp hữu phú gồm thâu: mười giới, bốn xứ, năm uẩn, tám trí (trừ hai trí: diệt, đạo), ba thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ hữu phú gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, hai bộ của ba cõi, cùng tùy miên tùy tăng không phải là biến hành do kiến khổ, tập đoạn trừ.

Pháp vô phú gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, các biến hành nơi ba cõi cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp chỉ vô phú gồm thâu: tám giới, tám xứ, không có uẩn, hai trí là diệt trí và đạo trí, ba thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

*

Pháp nên tu gồm thâu: mười giới, bốn xứ, năm uẩn, chín trí trừ diệt trí, ba thức nhận biết, các biến hành của ba cõi cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp chỉ nên tu gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, một trí là đạo trí, không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp không nên tu gồm thâu: mười giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí trừ đạo trí, sáu thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ không nên tu gồm thâu: tám giới, tám xứ, không có uẩn, một trí là diệt trí, ba thức nhận biết, hai bộ của ba cõi, các tùy miên tùy tăng không phải là biến hành do kiến khổ, tập đoạn trừ.

*

Pháp nhiễm ô gồm thâu: mười giới, bốn xứ, năm uẩn, tám trí trừ hai trí là diệt và đạo, ba thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ nhiễm ô gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, hai bộ của ba cõi và các tùy miên tùy tăng không phải là biến hành do kiến khổ, tập đoạn trừ.

Pháp không nhiễm ô gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, các biến hành của ba cõi, các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp chỉ không nhiễm ô gồm thâu: tám giới, tám xứ, không có uẩn, hai trí là diệt trí và đạo trí, ba thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

*

Pháp có tội, không tội: Cũng như vậy.

*

Pháp có dị thực gồm thâu: mười giới, bốn xứ, năm uẩn, tám trí (trừ hai trí: diệt, đạo), ba thức nhận biết, tất cả cõi Dục, các biến hành ở cõi Sắc và cõi Vô sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp chỉ có dị thực gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, hai bộ của cõi

Dục và các tùy miên tùy tăng không phải là biến hành do kiến tập đoạn trừ.

Pháp không dị thực gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả Sắc và cõi Vô sắc, hai bộ của cõi Dục cùng tùy miên tùy tăng biến hành do kiến tập đoạn trừ.

Pháp chỉ không dị thực gồm thâu: tám giới, tám xứ, không có uẩn, hai trí (tức diệt, đạo), ba thức nhận biết, hai bộ của Sắc và cõi Vô sắc cùng tùy miên tùy tăng không phải là biến hành do kiến tập đoạn trừ.

*

Pháp kiến gồm thâu: hai giới, hai xứ, hai uẩn, chín trí trừ diệt trí, một thức nhận biết, các thứ duyên nơi hữu lậu ở ba cõi và các tùy miên tùy tăng của vô minh duyên nơi vô lậu tương ưng với kiến.

Pháp chỉ kiến gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải kiến gồm thâu: mười bảy giới, mười một xứ, năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ không phải kiến gồm thâu: mười sáu giới, mười xứ, ba uẩn, một trí là diệt trí, năm thức nhận biết, trừ vô minh duyên nơi vô lậu tương ưng với kiến, còn lại là các tùy miên tùy tăng duyên nơi vô lậu.

*

Pháp bên trong gồm thâu: mười hai giới, sáu xứ, hai uẩn, chín trí trừ diệt trí, một thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ bên trong gồm thâu: mười hai giới, sáu xứ, một uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp bên ngoài gồm thâu: sáu giới, sáu xứ, bốn uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ bên ngoài gồm thâu: sáu giới, sáu xứ, ba uẩn, một trí tức là diệt trí, năm thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

*

Pháp có chấp thọ gồm thâu: chín giới, chín xứ, một uẩn, bảy trí (trừ ba trí: tha tâm, diệt, đạo), năm thức nhận biết, các thứ biến hành nơi cõi Dục và cõi Sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp chỉ có chấp thọ gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp không chấp thọ gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ không chấp thọ gồm thâu: chín giới, ba xứ, bốn uẩn, ba trí (tức là tha tâm, diệt, đạo), một thức nhận biết, tất cả cõi Vô sắc, hai bộ của cõi Dục và cõi Sắc cùng tùy miên tùy tăng không phải là biến hành do kiến khổ tập đoạn trừ.

*

Pháp tâm gồm thâu: bảy giới, một xứ, một uẩn, chín trí trừ diệt trí, một thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ tâm gồm thâu: bảy giới, một xứ, một uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải tâm gồm thâu: mười một giới, mười một xứ, bốn uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ không phải tâm gồm thâu: mười một giới, mười một xứ, bốn uẩn, một trí là diệt trí, năm thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

*

Pháp có đối tượng duyên gồm thâu: tám giới, hai xứ, bốn uẩn, chín trí trừ diệt trí, một thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ có đối tượng duyên gồm thâu: bảy giới, một xứ, ba uẩn, một trí là tha tâm trí, ba thức nhận biết, tùy miên tùy tăng ở ba cõi duyên nơi vô lậu.

Pháp không có đối tượng gồm thâu: mười một giới, mười một xứ, hai uẩn, chín trí trừ tha tâm trí, sáu thức, các tùy miên tùy tăng ở ba cõi duyên nơi hữu lậu.

Pháp chỉ không có đối tượng gồm thâu: mười giới, mười xứ, một uẩn, một trí tức là diệt trí, năm thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

*

Pháp tâm sở gồm thâu: một giới, một xứ, ba uẩn, chín trí trừ diệt trí, một thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ tâm sở gồm thâu: không có giới, không có xứ, hai uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải tâm sở gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, ba uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ không phải tâm sở gồm thâu: mười bảy giới, mười một xứ, hai uẩn, một trí tức là diệt trí, năm thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

*

Pháp nghiệp gồm thâu: ba giới, ba xứ, bốn uẩn, chín trí trừ diệt trí, ba thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ nghiệp gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải nghiệp gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ không phải nghiệp gồm thâu: mười lăm giới, chín xứ, ba uẩn, một trí là diệt trí, ba thức nhận biết, không phải là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp thiện gồm thâu: mười giới, bốn xứ, năm uẩn, mười trí, ba thức nhận biết, các thứ biến hành trong ba cõi cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp chỉ thiện gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, hai trí là diệt trí và đạo trí, không có thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Pháp bất thiện gồm thâu: mười giới, bốn xứ, năm uẩn, bảy trí (trừ ba trí: loại, diệt, đạo), ba thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ bất thiện gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, hai bộ của cõi Dục và các tùy miên tùy tăng không phải là biến hành do kiến tập đoạn trừ.

Pháp vô ký gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí trừ hai trí là diệt và đạo, sáu thức nhận biết, tất cả Sắc và cõi Vô sắc, hai bộ của cõi Dục cùng tùy miên tùy tăng biến hành do kiến tập đoạn trừ.

Pháp chỉ vô ký gồm thâu: tám giới, tám xứ, không có uẩn, không có trí, ba thức nhận biết, hai bộ của cõi Sắc và cõi Vô sắc, cùng tùy miên tùy tăng không phải là biến hành do kiến khổ, tập đoạn trừ.

*

Pháp do kiến đạo đoạn trừ gồm thâu: ba giới, hai xứ, bốn uẩn, tám trí trừ hai trí là diệt và đạo, một thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng do kiến đạo đoạn trừ.

Pháp chỉ do kiến đạo đoạn trừ gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, hai bộ của ba cõi và các tùy miên tùy tăng không phải là biến hành do kiến khổ, tập đoạn trừ.

Pháp do tu đạo đoạn trừ gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí (trừ hai trí: diệt, đạo), sáu thức nhận biết, các thứ biến hành nơi ba cõi và các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp chỉ do tu đạo đoạn trừ gồm thâu: mười lăm giới, mười xứ, không có uẩn, không có trí, năm thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp không phải đoạn trừ gồm thâu: ba giới, hai xứ, năm uẩn, tám trí trừ hai trí là khổ và tập, một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ không phải đoạn trừ gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, hai trí là diệt và đạo, không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

*

Pháp học gồm thâu: ba giới, hai xứ, năm uẩn, bảy trí (trừ ba trí: khổ, tập, diệt), một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ học gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp vô học: Cũng như vậy.

Pháp phi học phi vô học gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí trừ đạo trí, sáu thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ phi học phi vô học gồm thâu: mười lăm giới, mười xứ, không có uẩn, ba trí (là khổ, tập, diệt), năm thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

*

Pháp thuộc cõi Dục gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, bảy trí (trừ ba trí: loại, diệt, đạo), sáu thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ thuộc cõi Dục gồm thâu: bốn giới, hai xứ, không có uẩn, không có trí, hai thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng ở cõi Dục.

Pháp thuộc cõi Sắc gồm thâu: mười bốn giới, mười xứ, năm uẩn, bảy trí (trừ ba trí: pháp, diệt, đạo), bốn thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng ở cõi Sắc.

Pháp chỉ thuộc cõi Sắc gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng ở cõi Sắc.

Pháp thuộc cõi Vô sắc gồm thâu: ba giới, hai xứ, bốn uẩn, sáu trí (trừ bốn trí: pháp, tha tâm, diệt, đạo), một thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng ở cõi Vô sắc.

Pháp chỉ thuộc cõi Vô sắc gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng ở cõi Vô sắc.

Pháp không hệ thuộc gồm thâu: ba giới, hai xứ, năm uẩn, tám trí (trừ hai trí: khổ, tập), một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ không hệ thuộc gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, hai trí là diệt và đạo), không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

*

Pháp quá khứ gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, chín trí trừ diệt trí, sáu thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ quá khứ gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Các pháp vị lai, hiện tại: Cũng như vậy.

Pháp không phải quá khứ, vị lai, hiện tại gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, sáu trí (trừ bốn trí: tha tâm, khổ, tập, đạo), một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ không phải quá khứ, hiện tại, vị lai gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, một trí là diệt trí, không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

*

Pháp do khổ Thánh đế gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, bảy trí (trừ ba trí: tập, diệt, đạo), sáu thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ do khổ Thánh đế gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, một trí là khổ trí, không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp do tập Thánh đế gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, bảy trí (trừ ba trí: khổ, diệt, tập), sáu thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ do tập Thánh đế gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, một trí là tập trí, không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp do diệt Thánh đế gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, sáu trí (trừ bốn trí: tha tâm, khổ, tập, đạo), một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ do diệt Thánh đế gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, một trí là diệt trí, không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp do đạo Thánh đế gồm thâu: ba giới, hai xứ, năm uẩn, bảy trí (trừ ba trí: khổ, tập, diệt), một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ do đạo Thánh đế gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, một trí là đạo trí, không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp do đế không gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, một trí là thế tục trí, một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ có đế không gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, trí, thức và các tùy miên tùy tăng.

*

Pháp do kiến khổ đoạn trừ gồm thâu: ba giới, hai xứ, bốn uẩn, tám trí (trừ hai trí: diệt, đạo), một thức nhận biết, tất cả các thứ do kiến khổ đoạn trừ và các tùy miên tùy tăng biến hành do kiến tập đoạn trừ.

Pháp chỉ do kiến khổ đoạn trừ gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, các tùy miên tùy tăng không phải là biến hành do kiến khổ đoạn trừ.

Pháp do kiến tập đoạn trừ gồm thâu: ba giới, hai xứ, bốn uẩn, tám trí (trừ hai trí: diệt, đạo), một thức nhận biết, tất cả các thứ do kiến tập đoạn trừ và các tùy miên tùy tăng biến hành do kiến khổ đoạn trừ.

Pháp chỉ do kiến tập đoạn trừ gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, các tùy miên tùy tăng không phải là biến hành do kiến tập đoạn trừ.

Pháp do kiến diệt đoạn trừ gồm thâu: ba giới, hai xứ, bốn uẩn, tám trí (trừ hai trí: diệt, đạo), một thức nhận biết, tất cả các thứ do kiến diệt đoạn trừ cùng tùy miên tùy tăng biến hành.

Pháp chỉ do kiến diệt đoạn trừ gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, chỉ có các tùy miên tùy tăng do kiến diệt đoạn trừ.

Pháp do kiến đạo đoạn trừ gồm thâu: ba giới, hai xứ, bốn uẩn, tám trí (trừ hai trí: diệt, đạo), một thức nhận biết, tất cả các thứ do kiến đạo đoạn trừ cùng tùy miên tùy tăng biến hành.

Pháp chỉ do kiến đạo đoạn trừ gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, chỉ có các tùy miên tùy tăng do kiến đạo đoạn trừ.

Pháp do tu đạo đoạn trừ gồm thâu: mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tám trí (trừ hai trí: diệt, đạo), sáu thức nhận biết, tất cả các thứ do tu đạo đoạn trừ cùng tùy miên tùy tăng biến hành.

Pháp chỉ do tu đạo đoạn trừ gồm thâu: mười lăm giới, mười xứ, không có uẩn, không có trí, năm thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Pháp không đoạn trừ gồm thâu: ba giới, hai xứ, năm uẩn, tám trí (trừ hai trí: khổ, tập), một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp chỉ không đoạn trừ gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, hai trí là diệt trí và đạo trí, không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

*

Sắc uẩn gồm thâu: mười một giới, mười một xứ, một uẩn, tám trí (trừ hai trí: tha tâm, diệt), một thức nhận biết, các thứ biến hành nơi cõi Dục và cõi Sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Chỉ có sắc uẩn gồm thân: mười giới, mười xứ, một uẩn, không có trí, năm thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Thọ uẩn gồm thân: một giới, một xứ, một uẩn, chín trí trừ diệt trí, một thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Chỉ có thọ uẩn gồm thân: không có giới, không có xứ, một uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Các tướng uẩn, hành uẩn: Cũng như vậy.

Thức uẩn gồm thân: bảy giới, một xứ, một uẩn, chín trí trừ diệt trí, một thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Chỉ có thức uẩn gồm thân: bảy giới, một xứ, một uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

*

Nhãn xứ gồm thân: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí (trừ ba trí: tha tâm, diệt, đạo), một thức nhận biết, các thứ biến hành ở cõi Dục và cõi Sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Chỉ có nhãn xứ gồm thân: một giới, một xứ, không có uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Các xứ nhĩ, tỷ, thiệt, thân: Cũng như vậy.

Sắc xứ gồm thân: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí (trừ ba trí: tha tâm, diệt, đạo), hai thức nhận biết, các thứ biến hành nơi cõi Dục, cõi Sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Chỉ có sắc xứ gồm thân: một giới, một xứ, không có uẩn, không có trí, một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Thanh xứ, xúc xứ: Cũng như vậy.

Hương xứ gồm thân: một giới, một xứ, một uẩn, sáu trí (trừ bốn trí: loại, tha tâm, diệt, đạo), hai thức nhận biết, các thứ biến hành ở cõi Dục cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Chỉ có hương xứ gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, không có trí, một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Vị xứ: Cũng như vậy.

Ý xứ gồm thâu: bảy giới, một xứ, một uẩn, chín trí trừ diệt trí, một thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Chỉ có ý xứ gồm thâu: bảy giới, một xứ, một uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp xứ gồm thâu: một giới, một xứ, bốn uẩn, mười trí, một thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Chỉ có pháp xứ gồm thâu: một giới, một xứ, ba uẩn, một trí tức là diệt trí, không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

*

Nhãn giới gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí (trừ ba trí: tha tâm, diệt, đạo), một thức nhận biết, các thứ biến hành nơi cõi Dục và cõi Sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Chỉ có nhãn giới gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Các giới nhĩ, tỷ, thiệt, thân: Cũng như vậy.

Sắc giới gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí (trừ ba trí: tha tâm, diệt, đạo), hai thức nhận biết, các thứ biến hành nơi cõi Dục và cõi Sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Chỉ có sắc giới gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, không có trí, một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Thanh giới, xúc giới: Cũng như vậy.

Hương giới gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, sáu trí (trừ bốn trí: loại, tha tâm, diệt, đạo), hai thức nhận biết, các thứ biến hành nơi cõi Dục cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Chỉ có hương giới gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, không có trí, một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Vị giới: Cũng như vậy.

Ý giới: Như ý xứ.

Pháp giới: Như pháp xứ.

Nhãn thức giới gồm thâu: hai giới, một xứ, một uẩn, tám trí (trừ hai trí: diệt, đạo), một thức nhận biết, các thứ biến hành nơi cõi Dục và cõi Sắc cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Chỉ có nhãn thức giới gồm thâu: một giới, không có xứ, không có uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Nhĩ thức giới, thân thức giới: Cũng như vậy.

Tỷ thức giới gồm thâu: hai giới, một xứ, một uẩn, bảy trí (trừ ba trí: loại, diệt, đạo), một thức nhận biết, các thứ biến hành nơi cõi Dục cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Chỉ có tỷ thức giới gồm thâu: một giới, không có xứ, không có uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Thiệt thức giới: Cũng như vậy.

Ý thức giới gồm thâu: hai giới, một xứ, một uẩn, chín trí trừ diệt trí, một thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng.

Chỉ có ý thức giới gồm thâu: một giới, không có xứ, không có uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

*

Nhãn căn gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí (trừ ba trí: tha tâm, diệt, đạo), một thức nhận biết, các thứ biến hành nơi cõi Dục cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Chỉ có nhãn căn gồm thâu: một giới, một xứ, không có uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Các căn như nhĩ, tỳ, thiệt, thân: Cũng như vậy.

Nữ căn gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, sáu trí (trừ bốn trí: loại, tha tâm, diệt, đạo), một thức nhận biết, các thứ biến hành nơi cõi Dục cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Chỉ có nữ căn gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Nam căn: Cũng như vậy.

Mạng căn gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí (trừ ba trí: tha tâm, diệt, đạo), một thức nhận biết, các thứ biến hành nơi ba cõi cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Chỉ có mạng căn gồm thâu: không có giới, không có xứ, không có uẩn, không có trí, không có thức nhận biết, không có các tùy miên tùy tăng.

Ý căn: Như ý xứ.

Lạc căn gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, chín trí trừ diệt trí, một thức nhận biết, tất cả cõi Sắc, các thứ biến hành ở cõi Dục cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Chỉ có lạc căn gồm thâu: không có giới, xứ, uẩn, trí, thức và các tùy miên tùy tăng.

Khổ căn gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí (trừ ba trí loại, diệt, đạo), một thức nhận biết, các thứ biến hành ở cõi Dục cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Chỉ có khổ căn gồm thâu: không có giới, xứ, uẩn, trí, thức và các tùy miên tùy tăng.

Hỷ căn gồm thân: một giới, một xứ, một uẩn, chín trí trừ diệt trí, một thức nhận biết, tất cả cõi Sắc, trừ nghi tương ưng với vô minh duyên nơi vô lậu ở cõi Dục, còn lại là tất cả tùy miên tùy tăng ở cõi Dục.

Chỉ có hỷ căn gồm thân: không có giới, xứ, uẩn, trí, thức và các tùy miên tùy tăng.

Ưu căn gồm thân: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí (trừ ba trí loại, diệt, đạo), một thức nhận biết, tất cả là tùy miên tùy tăng ở cõi Dục.

Chỉ có ưu căn gồm thân: không có giới, xứ, uẩn, trí, thức và các tùy miên tùy tăng.

Xả căn gồm thân: một giới, một xứ, một uẩn, chín trí trừ diệt trí, một thức nhận biết, là tất cả tùy miên tùy tăng.

Chỉ có xả căn gồm thân: không có giới, xứ, uẩn, trí, thức và các tùy miên tùy tăng.

Tín căn gồm thân: một giới, một xứ, một uẩn, chín trí trừ diệt trí, một thức nhận biết, các thứ biến hành nơi ba cõi cùng các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Chỉ có tín căn gồm thân: không có giới, xứ, uẩn, trí, thức và các tùy miên tùy tăng.

Các căn tinh tấn, niệm, định, tuệ: cũng như vậy.

Vị trí đương tri căn gồm thân: ba giới, hai xứ, ba uẩn, bảy trí (trừ ba trí khổ, tập, diệt), một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Chỉ có vị trí đương tri căn gồm thân: không có giới, xứ, uẩn, trí, thức và các tùy miên tùy tăng.

Đĩ tri căn, cụ tri căn: Cũng như vậy.

Ở cõi Dục do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí (trừ ba trí loại, diệt, đạo), một thức nhận biết, tất cả các thứ ở cõi Dục do kiến khổ đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành do kiến tập đoạn trừ.

Chỉ ở cõi Dục do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: không có giới, xứ, uẩn, trí, thức và các tùy miên tùy tăng.

Ở cõi Dục do kiến tập đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí (trừ ba trí loại, diệt, đạo), một thức nhận biết, tất cả các thứ ở cõi Dục do kiến tập đoạn trừ cùng các thứ tùy miên tùy tăng biến hành do kiến khổ đoạn trừ.

Chỉ ở cõi Dục do kiến tập đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: không có giới, xứ, uẩn, trí, thức và các tùy miên tùy tăng.

Ở cõi Dục do kiến diệt đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí (trừ ba trí loại, diệt, đạo), một thức nhận biết, trừ các thứ vô minh không chung ở cõi Dục do kiến diệt đoạn trừ, còn lại là các tùy miên tùy tăng biến hành khác ở cõi Dục do kiến diệt đoạn trừ.

Chỉ ở cõi Dục do kiến diệt đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: không có giới, xứ, uẩn, trí, thức và các tùy miên tùy tăng.

Ở cõi Dục do kiến đạo đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí (trừ ba trí loại, diệt, đạo), một thức nhận biết, trừ các thứ vô minh không chung ở cõi Dục do kiến đạo đoạn trừ, còn lại là các tùy miên tùy tăng biến hành khác ở cõi Dục do kiến đạo đoạn trừ.

Chỉ ở cõi Dục do kiến đạo đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: không có giới, xứ, uẩn, trí, thức và các tùy miên tùy tăng.

Ở cõi Dục do tu đạo đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí (trừ ba trí loại, diệt, đạo), một thức nhận

biết, tất cả các thứ do tu đạo đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành.

Chỉ ở cõi Dục do tu đạo đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: không có giới, xứ, uẩn, trí, thức và các tùy miên tùy tăng.

*

Ở cõi Sắc do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), một thức nhận biết, tất cả các thứ ở cõi Sắc do kiến khổ đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành do kiến tập đoạn trừ.

Chỉ ở cõi Sắc do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: không có giới, xứ, uẩn, trí, thức và các tùy miên tùy tăng.

Ở cõi Sắc do kiến tập đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), một thức nhận biết, tất cả các thứ ở cõi Sắc do kiến tập đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành do kiến khổ đoạn trừ.

Chỉ ở cõi Sắc do kiến tập đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: không có giới, xứ, uẩn, trí, thức và các tùy miên tùy tăng.

Ở cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), một thức nhận biết, trừ các thứ vô minh không chung ở cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ, còn lại là tất cả các thứ ở cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành.

Chỉ ở cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: không có giới, xứ, uẩn, trí, thức và các tùy miên tùy tăng.

Ở cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), một thức nhận biết, trừ các thứ vô minh không chung ở cõi Sắc do kiến đạo

đoạn trừ, còn lại là tất cả các thứ ở cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành.

Chỉ ở cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: không có giới, xứ, uẩn, trí, thức và các tùy miên tùy tăng.

Ở cõi Sắc do tu đạo đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, bảy trí (trừ ba trí pháp, diệt, đạo), một thức nhận biết, tất cả các thứ ở cõi Sắc do tu đạo đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành.

Chỉ ở cõi Sắc do tu đạo đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: không có giới, xứ, uẩn, trí, thức và các tùy miên tùy tăng.

*

Ở cõi Vô sắc do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, sáu trí (trừ bốn trí pháp, tha tâm, diệt, đạo), một thức nhận biết, tất cả các thứ ở cõi Vô sắc do kiến khổ đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành do kiến tập đoạn trừ.

Chỉ ở cõi Vô sắc do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: không có giới, xứ, uẩn, trí, thức và các tùy miên tùy tăng.

Ở cõi Vô sắc do kiến tập đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, sáu trí (trừ bốn trí pháp, tha tâm, diệt, đạo), một thức nhận biết, tất cả các thứ ở cõi Vô sắc do kiến tập đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành do kiến khổ đoạn trừ.

Chỉ ở cõi Vô sắc do kiến tập đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: không có giới, xứ, uẩn, trí, thức và các tùy miên tùy tăng.

Ở cõi Vô sắc do kiến diệt đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, sáu trí (trừ bốn trí pháp, tha tâm, diệt, đạo), một thức nhận biết, trừ các thứ vô minh không chung ở cõi Vô sắc do kiến diệt đoạn trừ, còn lại là tất cả các thứ ở cõi Vô sắc do kiến diệt đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành.

Chỉ ở cõi Vô sắc do kiến diệt đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: không có giới, xứ, uẩn, trí, thức và các tùy miên tùy tăng.

Ở cõi Vô sắc do kiến đạo đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, sáu trí (trừ bốn trí pháp, tha tâm, diệt, đạo), một thức nhận biết, trừ các thứ vô minh không chung ở cõi Vô sắc do kiến đạo đoạn trừ, còn lại là tất cả các thứ ở cõi Vô sắc do kiến đạo đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành.

Chỉ có ở cõi Vô sắc do kiến đạo đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: không có giới, xứ, uẩn, trí, thức và các tùy miên tùy tăng.

Ở cõi Vô sắc do tu đạo đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: một giới, một xứ, một uẩn, sáu trí (trừ bốn trí pháp, tha tâm, diệt, đạo), một thức nhận biết, tất cả các thứ ở cõi Vô sắc do tu đạo đoạn trừ cùng các tùy miên tùy tăng biến hành.

Chỉ ở cõi Vô sắc do tu đạo đoạn trừ các tùy miên gồm thâu: không có giới, xứ, uẩn, trí, thức và các tùy miên tùy tăng.

HẾT - QUYỂN 18

SỐ 1543/30
LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

*Tác giả: Tôn giả Ca Chiên Diên Tử.
 Hán dịch: Đòi Phù Tần, Sa môn Tăng Già Đề Ba và Trúc Phật Niệm.
 Việt dịch: Cư sĩ Nguyễn Huệ.*

QUYỂN 1

Tụng về 8 Kiềm Độ:

*Tạp, Kiết sử, Trí, Hành
 Bốn đại, Căn, Định, Kiến.*

Kiểm độ thứ 1: TẠP

*Pháp thứ nhất thế gian
 Trí, nhân, ái, cung kính
 Vô tà, sắc, vô nghĩa
 Phẩm tư nói sau cùng.*

Phẩm 1: PHÁP THỨ NHẤT THẾ GIAN

Thế nào là Pháp thứ nhất thế gian? Do những gì nên nói là pháp thứ nhất thế gian? Pháp thứ nhất thế gian hệ thuộc nơi những cõi nào? Nên nói là hệ thuộc nơi cõi Dục, hệ thuộc nơi cõi Sắc, hệ

thuộc nơi cõi Vô sắc chăng? Pháp thứ nhất thế gian nên nói là có giác có quán (có tâm có tứ), không giác có quán, không giác không quán chăng? Pháp thứ nhất thế gian nên nói là tương ưng với lạc căn, tương ưng với hỷ căn, tương ưng với hộ căn (Xả căn) chăng? Pháp thứ nhất thế gian nên nói là một tâm hay là nhiều tâm chăng? Pháp thứ nhất thế gian nên nói là thoái chuyển hay là không thoái chuyển?

Thế nào là Đảnh? Thế nào là Đảnh đọa? Thế nào là Noãn?

Hai mươi Thân kiến này, có bao nhiêu thứ là ngã kiến? Bao nhiêu thứ là ngã sở kiến? Bao nhiêu thứ là kiến?

Hoặc kiến vô thường, kiến hữu thường: Nơi năm kiến ấy là những kiến nào, do những đế nào đoạn? Kiến hữu thường - vô thường, kiến khổ - lạc, kiến lạc - khổ, kiến bất tịnh - tịnh, kiến tịnh - bất tịnh, kiến vô ngã - hữu ngã, kiến vô nhân - hữu nhân, kiến hữu nhân - vô nhân, kiến hữu - vô, kiến vô - hữu: Nơi năm kiến ấy là những kiến nào, do những đế nào đoạn?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ⁽¹⁾.

*

Hỏi: Thế nào là Pháp thứ nhất thế gian?

Đáp: Là các tâm tâm pháp theo thứ lớp, vượt thứ lớp (Đẳng vô gián), thủ chứng (Nhập chánh tánh ly sinh). Đó gọi là Pháp thứ nhất thế gian.

Lại có thuyết nói: Đối với năm căn theo thứ lớp, vượt thứ lớp, thủ chứng. Đó gọi là pháp thứ nhất thế gian.

Như nghĩa đã nói, các tâm tâm pháp theo thứ lớp, vượt thứ lớp, thủ chứng. Đó gọi là pháp thứ nhất thế gian.

¹ Ghi chú: Hai Luận N^o 1543/30 và Luận N^o 1544/20 là hai bản Hán dịch cùng từ một bản tiếng Phạn. Luận 1543/30 do hai Đại sư Tăng Già Đề Bà và Trúc Phật Niệm Hán dịch vào đời Phù Tản là bản dịch trước. Luận 1544/20 do Pháp sư Huyền Tráng Hán dịch vào đời Đường là bản dịch sau. Bản Hán dịch sau gọn đủ và có giá trị hơn.

Hỏi: Do những gì nên nói là pháp thứ nhất thế gian?

Đáp: Do tâm tâm pháp như thế, đối với tâm tâm pháp thế gian khác là trên, là hơn hết, không gì có thể sánh kịp, nên gọi là pháp thứ nhất thế gian.

Lại nữa, tâm tâm pháp này đã từ bỏ các sự việc của phàm phu được Thánh pháp, đã lìa bỏ sự việc tà, được chánh pháp, ở trong chánh pháp vượt thứ lớp (đẳng vô gián) thủ chứng (nhập chánh tánh ly sinh). Do đây nên nói là pháp thứ nhất thế gian.

Hỏi: Pháp thứ nhất thế gian hệ thuộc nơi những cõi nào? Nên nói là hệ thuộc nơi cõi Dục, hệ thuộc nơi cõi Sắc, hệ thuộc nơi cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Pháp thứ nhất thế gian nên nói là hệ thuộc nơi cõi Sắc, không phải hệ thuộc nơi cõi Dục, không phải hệ thuộc nơi cõi Vô sắc.

Do những gì, pháp thứ nhất thế gian không nên nói là hệ thuộc nơi cõi Dục? Do đạo của cõi Dục không đoạn dứt được triền cái, cũng không thể trừ bỏ các kiết của cõi Dục. Chính là do đạo của cõi Sắc mới đoạn dứt được triền cái, cũng có thể trừ bỏ các kiết của cõi Dục. Nếu đạo của cõi Dục đoạn dứt được triền cái, cũng có thể trừ bỏ các kiết của cõi Dục, như thế pháp thứ nhất thế gian nên nói là hệ thuộc nơi cõi Dục. Chỉ vì đạo của cõi Dục không đoạn dứt được triền cái, cũng không thể trừ bỏ các kiết của cõi Dục, mà là do đạo của cõi Sắc đoạn dứt được triền cái, cũng có thể trừ bỏ các kiết nơi cõi Dục. Do đây pháp thứ nhất thế gian không nên nói hệ thuộc nơi cõi Dục.

Do những gì, pháp thứ nhất thế gian không nên nói hệ thuộc nơi cõi Vô sắc? Ở trong pháp như nhau, vượt thứ lớp, thủ chứng, trước hết phải từ cõi Dục, đối với khổ tư duy là khổ, về sau nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc là đồng. Nếu Thánh đạo khởi, trước hết phải biện biệt các sự việc ở cõi Dục, về sau nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc là đồng. Giả như ở trong pháp như nhau, vượt thứ lớp, thủ chứng, trước hết nơi cõi Vô

sắc, đối với khổ tư duy là khổ, về sau nơi cõi Dục, cõi Sắc là đồng. Nếu Thánh đạo khởi, trước tiên nên biện biệt sự việc của cõi Vô sắc, về sau nơi cõi Dục, cõi Sắc là đồng. Như thế, pháp thứ nhất thế gian nên nói là hệ thuộc nơi cõi Vô sắc. Nhưng vì trong pháp như nhau, đã vượt thứ lớp, thủ chứng, trước hết từ cõi Dục, đối với khổ tư duy là khổ, về sau nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc là đồng. Nếu Thánh đạo khởi, trước hết là biện biệt các việc ở cõi Dục, về sau nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc là đồng. Do đây pháp thứ nhất thế gian không nên nói hệ thuộc nơi cõi Vô sắc.

Lại nữa, nhập định vô sắc, trừ bỏ tưởng sắc, không dùng tưởng vô sắc để phân biệt cõi Dục, như duyên nơi khổ pháp nhãn, cũng duyên nơi pháp thứ nhất thế gian.

Hỏi: Pháp thứ nhất thế gian nên nói là có giác có quán (có tâm có tứ), không giác có quán, không giác không quán chăng?

Đáp: Pháp thứ nhất thế gian hoặc là có giác có quán, hoặc là không giác có quán, hoặc là không giác không quán.

Thế nào là có giác có quán? Là dựa vào Tam muội có giác có quán, đạt được pháp thứ nhất thế gian, nên gọi là có giác có quán.

Thế nào là không giác có quán? Là dựa vào Tam muội không giác có quán, đạt được pháp thứ nhất thế gian, nên gọi là không giác có quán.

Thế nào là không giác không quán? Là dựa vào Tam muội không giác không quán, đạt được pháp thứ nhất thế gian, nên gọi là không giác không quán.

Hỏi: Pháp thứ nhất thế gian nên nói là tương ưng với lạc căn, tương ưng với hỷ căn, tương ưng với hộ căn (Xả căn) chăng?

Đáp: Pháp thứ nhất thế gian hoặc tương ưng với lạc căn, hoặc tương ưng với hỷ căn, hoặc tương ưng với hộ căn.

Thế nào là tương ưng với lạc căn? Là nương vào thiên thứ ba đạt được pháp thứ nhất thế gian, đó gọi là tương ưng với lạc căn.

Thế nào là tương ưng với hỷ căn? Là nương vào thiên thứ nhất, thiên thứ hai đạt được pháp thứ nhất thế gian, đó gọi là tương ưng với hỷ căn.

Thế nào là tương ưng với hộ căn? Là nương vào thiên vị lai, nương vào thiên trung gian, nương vào thiên thứ tư đạt được pháp thứ nhất thế gian, đó gọi là tương ưng với hộ căn.

Hỏi: Pháp thứ nhất thế gian nên nói là một tâm hay là nhiều tâm?

Đáp: Pháp thứ nhất thế gian nên nói là một tâm, không phải là nhiều tâm.

Do đâu pháp thứ nhất thế gian nói là một tâm, không phải là nhiều tâm? Nếu trung gian của pháp thứ nhất thế gian không khởi pháp thế gian khác, chỉ có vô lậu. Nếu sẽ khởi thì hoặc nhỏ, hoặc bằng, hoặc diệu. Giả sử nhỏ sẽ không vượt thứ lớp để thủ chứng (Nhập chánh tánh ly sinh). Vì sao? Vì không do thoái chuyển đạo ở trong pháp bình đẳng vượt thứ lớp để thủ chứng. Nếu sẽ khởi là bằng, cũng không vượt thứ lớp để thủ chứng. Vì sao? Vì vốn không do đạo này vượt thứ lớp để thủ chứng. Nếu sẽ khởi là diệu, tức pháp niệm của tâm, tâm sở gốc kia, đây không phải là pháp thứ nhất thế gian. Nếu pháp niệm của tâm, tâm sở là sau, thì đây là pháp thứ nhất thế gian.

Hỏi: Pháp thứ nhất thế gian nên nói là thoái chuyển hay là không thoái chuyển?

Đáp: Pháp thứ nhất thế gian nên nói là không thoái chuyển.

Vì sao pháp thứ nhất thế gian nói là không thoái chuyển? Vì pháp thứ nhất thế gian có thuận đế, mãn đế, biện đế, hoàn toàn không có chỗ trống thiếu, không có sở hữu, không khởi từng ấy tâm, không

được tư duy. Ví như một tráng sĩ phải vượt qua sông, núi, hang động, hoặc những chôn hiềm nạn, thân đang hành tẩu, không thể quay trở lại, nếu chưa đến nơi, tâm ý quyết đến. Pháp thứ nhất thế gian cũng lại như vậy. Tùy thuận đế, mãn đế, biện đế hoàn toàn không có chỗ trống thiếu, không có sở hữu, không khởi từng ấy tâm, không tư duy được. Ví như năm dòng sông lớn: 1. Hằng-ca. 2. Đâm-phù-na. 3. Tát-lao. 4. Y-la-bạt-đề. 5. Ma-hê. Hết chảy đều chảy vào biển cả, không ai có thể đoạn dứt dòng chảy ấy, không gì có thể ngăn chặn, hoàn toàn đổ vào biển cả, biển ở đây là viên mãn, là hoàn thành. Pháp thứ nhất thế gian cũng lại như vậy. Tùy thuận đế, mãn đế, biện đế, không có chỗ trống thiếu, không có sở hữu, không khởi từng ấy tâm, không tư duy được. Lại nữa, pháp thứ nhất thế gian cùng với khổ pháp nhãn là trung gian, không có một pháp nào nhanh chóng hơn tâm, nên vào bấy giờ, không ai có thể chế ngự khiến không tư duy được. Do đây pháp thứ nhất thế gian nên nói là không thoái chuyển.

Hỏi: Thế nào là pháp Đảnh?

Đáp: Ví như trong một khoảnh khắc, hoan hỷ hướng về Phật, Pháp, Tăng. Như Đức Thế Tôn nói: “Cùng với mười sáu Bà-la-môn nói về các Ma-na, như nơi một khoảnh khắc, hoan hỷ hướng về Phật, Pháp, Tăng”. Đó gọi là pháp Đảnh.

Hỏi: Thế nào là pháp Đảnh thoái chuyển (Đảnh đọa)?

Đáp: Do được pháp Đảnh, nếu mạng chung là đã thoái chuyển, không còn hiện tiền. Như có một người tương đắc với bậc thiện tri thức, theo thiện tri thức ấy nghe pháp, tư duy, nội tâm suy xét, tin có Phật đạo, ưa Pháp, thuận Tăng, biết sắc là vô thường, thống (thọ), tướng, hành, thức là vô thường, tin tư duy về khổ, tập, tận (diệt), đạo. Người kia hoặc ở vào những thời gian khác, không gặp được thiện tri thức, không nghe pháp, không tư duy, nội tâm không suy xét, đối chiếu, ở nơi thế tục tin vào sự thoái chuyển. Đó gọi là pháp Đảnh thoái chuyển.

Hỏi: Thế nào là pháp Noãn?

Đáp: Là ở trong chánh pháp khởi tâm từ, hoan hỷ. Như Đức Thế Tôn nói: “Tỳ-kheo Mã Sư, Tỳ-kheo Mãn Túc, hai người ngu si này ở trong pháp của Ta không có mảy may pháp Noãn”.

Hỏi: Trong hai mươi Thân kiến này, có bao nhiêu thứ là ngã kiến? Bao nhiêu thứ là ngã sở kiến?

Đáp: Có năm thứ là ngã kiến, mười lăm thứ là ngã sở kiến.

Thế nào là năm ngã kiến? Sắc là ngã kiến, thông (thọ), tướng, hành, thức là ngã kiến. Đó là năm ngã kiến.

Thế nào là mười lăm ngã sở kiến? Sắc là ngã có kiến, sắc trong ngã, ngã trong sắc. Thông (thọ), tướng, hành, thức là ngã có kiến, thức trong ngã, ngã trong thức. Đó là mười lăm ngã sở kiến.

Kiến vô thường, thường là biên kiến, do khổ đế đoạn.

Kiến thường, vô thường là tà kiến, do tận đế (diệt đế) đoạn.

Kiến khổ, lạc tức cho pháp xấu ác là hơn, là tốt, đây là trộm kiến (kiến thù), do khổ đế đoạn.

Kiến lạc, khổ là tà kiến do tận đế (diệt đế) đoạn.

Kiến bất tịnh, tịnh tức cho pháp xấu ác là hơn, là tốt, đây là trộm kiến, do khổ đế đoạn.

Kiến tịnh, bất tịnh là tà kiến, hoặc do tận đế đoạn, hoặc do đạo đế đoạn. Nếu tận cho là bất tịnh thì tà kiến này do tận đế đoạn. Nếu đạo cho là bất tịnh thì tà kiến này do đạo đế đoạn.

Kiến vô ngã, hữu ngã là thân kiến, do khổ đế đoạn.

Kiến vô nhân, hữu nhân là tà kiến, do tận đế đoạn.

Kiến hữu nhân, vô nhân tức không phải nhân cho là nhân, là trộm giới (giới cảm thù), do khổ đế đoạn.

Kiến hữu, vô là tà kiến. Tà kiến này hoặc do khổ đế đoạn, hoặc do tập đế đoạn, hoặc do tận đế đoạn, hoặc do đạo đế đoạn. Nếu nói không có khổ thì tà kiến này là do khổ đế đoạn. Nếu nói không có tập, tận, đạo thì các tà kiến ấy do tập đế, tận đế, đạo đế đoạn.

Kiến vô, hữu thì đây không phải là tà kiến mà là tà trí.

Phẩm 2: BÀN VỀ TRÍ

Tùng có một trí nhận biết tất cả pháp chẳng? Tùng có một thức nhận biết tất cả pháp chẳng?

Tùng có hai tâm lần lượt cùng làm nhân cho nhau chẳng? Tùng có hai tâm lần lượt cùng làm duyên cho nhau chẳng?

Do những gì nơi một người hai tâm trước sau không cùng sinh? Nếu con người không thể đạt được, cũng không có tâm trước đi đến tâm sau, do những gì nên nhớ lại được việc mình đã làm trước kia?

Do đâu nhớ nghĩ thì thức ghi nhớ mạnh mẽ? Vì sao nhớ nghĩ mà không ghi nhớ?

Vì duyên có gì cúng tế, naga quý ở chỗ này thì được, ở chỗ khác lại không được?

Nên nói là một mắt trông thấy sắc hay là hai mắt trông thấy sắc? Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi v.v... cũng lại như vậy.

Các quá khứ, tất cả quá khứ ấy là không hiện chẳng? Nếu như không hiện, tất cả quá khứ ấy đều là quá khứ chẳng? Các quá khứ, tất cả quá khứ ấy là tận chẳng? Nếu như tận, tất cả quá khứ ấy đều là quá khứ chẳng? Các quá khứ, tất cả quá khứ ấy là diệt mất chẳng? Nếu như diệt mất, tất cả quá khứ ấy là quá khứ chẳng?

Nếu đối với khổ sinh nghi: Là khổ, là không phải khổ? Nên nói đó là một ý (tâm) hay là nhiều ý? Nếu đối với tập, tận, đạo sinh nghi: Là đạo, là không phải đạo? Nên nói đó là một ý hay là nhiều ý? Từng có một ý là có nghi, không nghi chăng?

Thế nào là Danh thân? Thế nào là Cú thân? Thế nào là Vị thân (Vấn thân)?

Như Đức Phật, Thế Tôn quở trách các đệ tử: “Các ông là những người ngu si”. Nghĩa ấy là thế nào? Do những gì Đức Phật, Thế Tôn bảo các đệ tử: “Các ông là những người ngu si?”.

Có sáu nhân, đó là: Nhân tương ưng, nhân cộng hữu (Nhân câu hữu), nhân tự nhiên (Nhân đồng loại), nhân nhất thiết biến (Nhân biến hành), nhân báo (Nhân dị thực), nhân sở tác (Nhân năng tác). Thế nào là nhân tương ưng? Thế nào là nhân cộng hữu? Thế nào là nhân tự nhiên? Thế nào là nhân nhất thiết biến? Thế nào là nhân báo? Thế nào là nhân sở tác?

Nếu tâm, sử (tùy miên) cùng có, các sử và tâm cùng có, vậy sử kia đã sai khiến tâm này chăng? Giả như sử đã sai khiến tâm, tâm này cùng có sử, vậy sử kia và tâm này là cùng có sử chăng? Nếu tâm, sử cùng có, các sử và tâm cùng có, vậy sử kia và tâm này sẽ đoạn chăng? Giả như sử, tâm sẽ đoạn, tâm này cùng có sử, vậy sử kia và tâm này cùng đoạn chăng?

Diệt nhân thức: Thế nào là diệt nhân thức? Diệt nhân thức có bao nhiêu sử đã sai khiến?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Hỏi: Từng có một trí nhận biết tất cả pháp chăng?

Đáp: Không có.

Nếu trí này sinh tất cả các pháp vô ngã, thì trí này không nhận biết những gì?

Đáp: Không nhận biết về tự nhiên (Tự tánh), không nhận biết pháp cộng hữu, không nhận biết pháp tương ưng.

Hỏi: Từng có một thức nhận biết tất cả pháp chăng?

Đáp: Không có.

Nếu thức này sinh tất cả các pháp vô ngã, thì thức này không thấu đạt về những gì?

Đáp: Không nhận biết về tự nhiên, không nhận biết về pháp cộng hữu, không nhận biết về pháp tương ưng.

Hỏi: Từng có hai tâm lần lượt cùng làm nhân cho nhau chăng?

Đáp: Không có. Ở đây không phải là một người, hoặc trước vị lai cùng sinh hai tâm, không phải tâm vị lai làm nhân cho tâm trước.

Hỏi: Từng có hai tâm lần lượt cùng làm duyên cho nhau chăng?

Đáp: Có. Nếu có một người tư duy không có tâm vị lai sinh, người kia lúc đang nhớ nghĩ tức sinh hai tâm. Nếu tư duy có tâm vị lai sinh, người kia lúc đang nhớ nghĩ tức sinh hai tâm.

Nếu nhớ nghĩ không sinh tâm đạo vị lai, người kia lúc đang nhớ nghĩ liền sinh hai tâm. Nếu nhớ nghĩ có sinh tâm đạo vị lai, người kia lúc đang nhớ nghĩ liền sinh hai tâm.

Nếu hai người có nhận biết tâm người khác thì tâm lần lượt cùng làm duyên cho nhau.

Hỏi: Do những gì nơi một người hai tâm trước sau không cùng sinh?

Đáp: Do không có Thứ đệ duyên (Đẳng vô gián duyên) thứ hai và vì mỗi mỗi tâm của chúng sinh chuyển biến nối tiếp, như con người không thể đạt được khoảng không.

Hỏi: Tâm trước không dùng trụ, tâm sau làm sao nhớ lại được những gì đã làm từ trước?

Đáp: Trong pháp của chúng sinh có được trí như thế để ghi nhớ những việc mình đã làm từ trước. Ví như khắc in, tạo chữ, phải có chỗ để in, phải biết chữ, tức hiện cũng nhận biết người khác đã tạo tác, mình tạo tác cũng tự nhận biết. Người kia cũng không từ đâu đến hỏi, mình cũng không đi đến chỗ người kia hỏi: “Ông tạo chữ nào?”. Người kia cũng không đáp: “Tôi tạo chữ ấy”. Như in ấn đã tạo ra chữ, tự mình nhận biết tạo chữ, tự mình đã tạo cũng nhận biết, người khác đã tạo cũng nhận biết.

Pháp của chúng sinh như thế, tùy chỗ tạo tác tức nhận biết, pháp đã tạo tác cũng nhận biết. Ví như có hai người nhận biết ý người khác, mỗi mỗi đều cùng nhân đây để nhận biết tâm. Một người kia không theo hai để hỏi: Vì sao ông cũng nhân theo đây? Người kia cũng không làm như thế để đáp: Tôi đã tạo ra nhân duyên như thế, cũng nhận biết ý pháp của người khác, được ý như thế, mỗi mỗi đều cùng làm nhân cho nhau. Pháp của chúng sinh như thế, được nhận biết như thế, tùy theo pháp trước tức nhận biết.

Lại nữa, tất cả tâm tâm sở pháp nhất định có nhân duyên và tu theo đối tượng tạo tác của ý, ý có lực nên thường không quên mất.

Hỏi: Do những gì nên nhớ nghĩ mà lại ghi nhớ?

Đáp: Do pháp của chúng sinh, tâm tự nhiên hồi chuyển nơi sự việc kia, theo thứ lớp trí sinh, tu lực của ý mạnh mẽ nên chuyên ý không quên.

Hỏi: Do những gì ghi nhớ mà không nhớ nghĩ?

Đáp: Do pháp của chúng sinh, ý không tự hồi chuyển nơi sự việc kia, trí không theo thứ lớp sinh, ý dần dần yếu kém, cũng thường quên nhiều.

Hỏi: Vì duyên có gì cúng tế thì ngạ quỷ đến không phải là xứ khác?

Đáp: Đạo này tự như thế, pháp sinh nhập, xứ, thọ thân phần như vậy, nên được đến. Ví như các loài chim uyên ương, nhạn, hạc, khổng tước, anh vũ, thiên thu, cộng mạng, đều có thể bay lượn nơi hư không. Tuy nhiên, chim không tinh thông, không lớn, thần lực không thể vượt hơn con người, đức không thể lớn hơn con người, pháp tự thích ứng với sự sinh như thế, nên thọ thân là loài bay đi. Ví như một loại Nê-lê (địa ngục), một đạo súc sinh, một cõi ngạ quỷ, đều biết thọ mạng của đời trước, cũng nhận biết ý người khác, cũng có thể tạo ra sấm chớp, nổi mây, gió mưa, tuy tạo ra những thứ ấy nhưng không thể hơn con người. Thần đức của chúng không thể lớn hơn con người, uy lực của chúng cũng vậy. Nhưng pháp kia tự như thế, sinh, nhập, thọ thân đã tạo tác nên quả.

Lại nữa, có người suốt trong đêm dài sinh tử, khởi dục tham như thế, suy niệm như thế, tư duy như thế. Người ấy cưới vợ, sinh con, rồi lại vì con cưới vợ, vì cháu cưới vợ, cũng nói lời như vậy: “Ta sẽ có con, con ta sẽ có con. Sau khi ta chết, nếu đọa vào ngạ quỷ, các con cháu lại sẽ nhớ nghĩ đến ta, cho ta đoàn thực”. Người kia suốt trong đêm dài sinh tử, đã tạo ra dục như thế, tạo ra suy niệm như thế, tạo ra tham như thế, tạo ra tư duy như thế, nên đối tượng nhớ nghĩ ấy là quả.

Hỏi: Nên nói là một mắt trông thấy sắc, hay là hai mắt trông thấy sắc?

Đáp: Nên nói là hai mắt trông thấy sắc.

Do đâu hai mắt trông thấy sắc? Như nhắm một mắt nhìn kỹ sắc bất tịnh, nên khởi thức bất tịnh. Như mở hai mắt nhìn kỹ sắc liền khởi thức tịnh. Như nhắm một mắt nhìn kỹ sắc, khởi thức tịnh. Như mở hai mắt nhìn kỹ sắc, là khởi thức bất tịnh, tức không được

nói là hai mắt trông thấy sắc. Song nhắm một mắt nhìn thấy sắc, khởi thức bất tịnh, mở hai mắt nhìn thấy sắc, là khởi thức tịnh, thế nên hai mắt trông thấy sắc. Như nhắm mắt, thì sự hoại, diệt, ẩn mắt cũng như vậy.

Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi v.v... cũng lại như thế.

Hỏi: Các quá khứ, tất cả quá khứ ấy là không hiện chăng?

Đáp: Hoặc có quá khứ không phải là không hiện.

Thế nào là có quá khứ không phải là không hiện? Như Ưu Đà Da nói:

*Tất cả kiết quá khứ
Nơi vườn lìa bỏ vườn
Nơi dục không nhiễm dục
Như tinh luyện vàng ròng.*

Đấy gọi là có quá khứ không phải là không hiện.

Thế nào là không hiện không phải là quá khứ? Như có một người nhân nơi thần túc nên không hiện, hoặc dùng chú thuật, hoặc dùng cỏ thuốc khiến không hiện. Đấy gọi là không hiện không phải là quá khứ.

Thế nào là quá khứ cũng là không hiện? Là các hành khởi, bắt đầu khởi, sinh, bắt đầu sinh, thành, bắt đầu thành, đã tận, dứt hết, không hiện, là biến đổi quá khứ, đời quá khứ, thuộc về đời quá khứ. Đấy gọi là quá khứ cũng là không hiện.

Thế nào là không phải quá khứ cũng không phải không hiện? Là trừ các sự việc đã nêu trên.

Hỏi: Các quá khứ, tất cả quá khứ ấy là tận chăng?

Đáp: Hoặc có quá khứ không phải là tận.

Thế nào là có quá khứ không phải là tận? Như Ưu Đà Da nói:

*Tất cả kiết quá khứ
Nơi vườn lìa bỏ vườn
Nơi dục không nhiễm dục
Nhu tinh luyện vàng ròng.*

Đấy gọi là có quá khứ không phải là tận.

Thế nào là tận không phải là quá khứ? Như Đức Thế Tôn nói: Đệ tử của bậc Thánh tức đã dứt hết đạo ác của các nẻo địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Đấy gọi là tận không phải là quá khứ.

Thế nào là quá khứ cũng là tận? Là các hành khởi, bắt đầu khởi, sinh, bắt đầu sinh, thành, bắt đầu thành, đã tận, dứt hết, không hiện, là biến đổi quá khứ, đòi quá khứ, thuộc đòi quá khứ. Đấy gọi là quá khứ cũng là tận.

Thế nào là không phải quá khứ cũng không phải là tận? Là trừ các sự việc đã nêu trên.

Lại nữa, nay sẽ nói về kiết: Kiết hoặc là quá khứ không phải là tận. Hoặc là tận không phải là quá khứ. Hoặc là quá khứ cũng là tận. Hoặc không phải là quá khứ cũng không phải là tận.

Thế nào là quá khứ không phải là tận? Là các kiết quá khứ không dứt hết, có các kiết khác không diệt, không loại trừ hẳn. Đấy gọi là quá khứ không phải là tận.

Thế nào là tận không phải là quá khứ? Là các kiết vị lai đã dứt hết hoàn toàn, đã diệt, đã loại trừ hẳn. Đấy gọi là tận không phải là quá khứ.

Thế nào là quá khứ cũng là tận? Là các kiết quá khứ đã dứt hết, hoàn toàn, đã diệt, đã loại trừ hẳn. Đấy gọi là quá khứ cũng là tận.

Thế nào là không phải quá khứ cũng không phải là tận? Là các kiết vị lai không dứt hết, chưa hoàn toàn, không diệt, không loại trừ

hắn, cùng với các kiết hiện tại. Đây gọi là không phải quá khứ cũng không phải là tận.

Hỏi: Các quá khứ, tất cả quá khứ ấy là diệt mất chăng?

Đáp: Hoặc có quá khứ không phải là diệt mất.

Thế nào là quá khứ không phải là diệt mất? Như Ưu Đà Da nói:

*Tất cả kiết quá khứ
Nơi vườn lia bỏ vườn
Nơi đục không nhiễm đục
Như tinh luyện vàng ròng.*

Đây gọi là quá khứ không phải là diệt mất.

Thế nào là diệt mất không phải là quá khứ? Ta nay sẽ nói những việc hẹp nhỏ như nhà nhỏ, nói nhà nhỏ ẩn mất, là vật nhỏ ven đường nhỏ. Mất nhỏ thấy sắc nói là mất ẩn mất. Đây gọi là diệt mất không phải là quá khứ.

Thế nào là quá khứ cũng là diệt mất? Là các hành khởi, bắt đầu khởi, sinh, bắt đầu sinh, thành, bắt đầu thành, đã tận, dứt hết, không hiện, là biến đổi quá khứ, đời quá khứ, thuộc về đời quá khứ. Đây gọi là quá khứ cũng là diệt mất.

Thế nào là không phải quá khứ cũng không phải là diệt mất? Là trừ các sự việc đã nêu trên.

Lại nữa, nay sẽ nói về kiết: Kiết hoặc là quá khứ không phải là diệt mất. Hoặc là diệt mất không phải là quá khứ. Hoặc là quá khứ cũng là diệt mất. Hoặc không phải là quá khứ cũng không phải là diệt mất.

Thế nào là quá khứ không phải là diệt mất? Là các kiết quá khứ chưa dứt hết, chưa trọn vẹn, không diệt, không loại trừ hẳn. Đây gọi là quá khứ không phải là diệt mất.

Thế nào là diệt mất không phải là quá khứ? Là các kiết vị lai đã dứt hết, không còn sót, đã diệt, đã loại trừ hẳn. Đây gọi là diệt mất không phải là quá khứ.

Thế nào là quá khứ cũng là diệt mất? Là các kiết quá khứ đã dứt hết, không còn sót, đã diệt, đã loại trừ hẳn. Đây gọi là quá khứ cũng là diệt mất.

Thế nào là không phải quá khứ cũng không phải là diệt mất? Là các kiết vị lai không dứt hết, chưa trọn vẹn, không diệt, không loại trừ hẳn và các kiết hiện tại. Đây gọi là không phải quá khứ cũng không phải là diệt mất.

Hỏi: Nếu đối với khổ sinh nghi: Là khổ, là không phải khổ? Nên nói là một ý (tâm) hay là nhiều ý?

Đáp: Nên nói là nhiều ý. Là khổ, là một ý, là không phải khổ, là hai ý.

Hỏi: Nếu đối với tập, tận, đạo sinh nghi: Là đạo, là không phải đạo? Nên nói là một ý hay là nhiều ý?

Đáp: Nên nói là nhiều ý. Là đạo là một ý, là không phải đạo, là hai ý.

Hỏi: Từng có một ý là có nghi, không nghi chằng?

Đáp: Không có. Vì sao? Vì đối với khổ có nghi, đối với khổ không nghi. Không phải là khổ có nghi, không phải là khổ không nghi. Đối với tập, tận, đạo có nghi, đối với đạo không nghi. Không phải là đạo có nghi, không phải là đạo không nghi.

Hỏi: Thế nào là Danh thân?

Đáp: Danh nghĩa là phân biệt ngữ có tướng của số tăng, thiết lập để nói về danh chuyên biến. Đây gọi là Danh thân.

Hỏi: Thế nào là Cú thân?

Đáp: Như các câu có được nghĩa đầy đủ để ghi nhận hành tác đây kia. Đức Thế Tôn cũng nói:

*Các ác chớ làm
Các thiện vâng làm
Tự tịnh ý mình
Lời chư Phật dạy.*

Các ác chớ làm: Đây là một câu.

Các thiện vâng làm: Đây là hai câu.

Tự tịnh ý mình: Đây là ba câu.

Là chư Phật dạy: Đây là bốn câu.

Câu như thế nghĩa đầy đủ để ghi nhận hành tác đây kia. Đây gọi là Cú thân.

Hỏi: Thế nào là Vị thân?

Đáp: Nhóm chữ gọi là Vị thân. Đức Thế Tôn cũng nói: Tụng là tướng kệ, chữ là tướng vị, danh là dựa nơi kệ để tạo, thể của kệ với chữ như thế nói là vị thân. Đây gọi là Vị thân.

Như Đức Phật, Thế Tôn quở trách các đệ tử: “Các ông là những người ngu si”.

Hỏi: Nghĩa ấy là thế nào? Do những gì, Đức Phật Thế Tôn bảo các đệ tử là người ngu si?

Đáp: Trong pháp của Phật, Thế Tôn, người không thuận theo giới hành, phạm các lỗi lầm, vì thật hành không có hiệu quả, nên gọi người ngu si.

Lại nữa, không thuận theo lời khuyên dạy của Đức Phật, Thế Tôn, phải giáo huấn khiến thuận với pháp, nên gọi là người ngu si. Đây là Phật, Thế Tôn thường có lời giáo huấn, răn dạy, giống như lời khuyên dạy các đệ tử ngày nay của Hòa thượng, A-xà-lê, gọi là người

ngu si vì đã gây tạo các sự việc bất thiện, phi pháp. Đức Phật, Thế Tôn cũng lại như thế, quở trách các đệ tử của mình là người ngu si.

Có sáu nhân, đó là: Nhân tương ưng, nhân cộng hữu, nhân tự nhiên, nhân nhất thiết biến, nhân báo, nhân sở tác.

Hỏi: Thế nào là Nhân tương ưng (Nhân tương ưng)?

Đáp: Thông (thọ), pháp tương ưng với thông (thọ) là nhân trong nhân tương ưng. Pháp tương ưng với thông (thọ) là nhân trong nhân tương ưng của thông. Tướng, Tư, Cánh lạc (Xúc), Úc (Tác ý), Dục, Giải thoát (Thắng giải), Niệm, Tam muội (Tam-ma-địa), Tuệ, pháp tương ưng với tuệ là nhân trong nhân tương ưng. Pháp tương ưng với tuệ là nhân trong nhân tương ưng của tuệ. Đây gọi là nhân tương ưng.

Hỏi: Thế nào là Nhân cộng hữu (Nhân câu hữu)?

Đáp: Tâm cùng tâm sở niệm pháp là nhân trong nhân cộng hữu. Tâm sở niệm pháp cùng tâm là nhân trong nhân cộng hữu. Lại nữa, tâm tâm sở xoay chuyển nơi thân hành khẩu hành là nhân trong nhân cộng hữu. Lại nữa, tâm cùng tâm sở xoay chuyển nơi tâm bất tương ưng hành là nhân trong nhân cộng hữu. Tâm sở cùng tâm xoay chuyển nơi tâm bất tương ưng hành là nhân trong nhân cộng hữu. Lại nữa, bốn đại cùng sinh, lần lượt là nhân trong nhân cộng hữu. Đây gọi là nhân cộng hữu. (Nhân trong nhân có nghĩa là lần lượt cùng sinh)

Hỏi: Thế nào là Nhân tự nhiên (Nhân đồng loại)?

Đáp: Căn thiện sinh từ xưa và căn thiện sinh sau cùng với pháp tương ưng của căn thiện nơi tự giới là nhân trong nhân tự nhiên. Căn thiện quá khứ, căn thiện vị lai, hiện tại cùng với pháp tương ưng của căn thiện nơi tự giới là nhân trong nhân tự nhiên. Căn thiện quá khứ, hiện tại, căn thiện vị lai cùng với pháp tương ưng của căn thiện nơi tự giới là nhân trong nhân tự nhiên. Căn vô ký cũng lại như vậy. (Bốn thống (thọ): một là ái, hai là năm tà kiến, ba là kiêu mạn, bốn là vô

minh). Căn bất thiện sinh từ xưa và căn bất thiện sinh sau cùng với pháp tương ưng của căn bất thiện là nhân trong nhân tự nhiên. Căn bất thiện quá khứ, căn bất thiện vị lai, hiện tại cùng với pháp tương ưng của căn bất thiện là nhân trong nhân tự nhiên. Căn bất thiện quá khứ, hiện tại, căn bất thiện vị lai cùng với pháp tương ưng của căn bất thiện là nhân trong nhân tự nhiên. Đây gọi là Nhân tự nhiên.

Hỏi: Thế nào là Nhân nhất thiết biến (Nhân biến hành)?

Đáp: Khở để sinh từ trước đoạn trừ sử (tùy miên) nhất thiết biến, tập, tận, đạo sinh sau, tư duy dứt trừ sử, cùng với pháp tương ưng của sử nơi tự giới là nhân trong nhân nhất thiết biến. Khở để quá khứ đoạn trừ sử nhất thiết biến (Tùy miên biến hành), tập, tận, đạo vị lai, hiện tại, tư duy đoạn trừ sử cùng pháp tương ưng của sử nơi tự giới là nhân trong nhân nhất thiết biến. Khở để quá khứ, hiện tại đã đoạn trừ sử nhất thiết biến, tập, tận, đạo vị lai, tư duy đoạn trừ sử, cùng với pháp tương ưng của sử là nhân trong nhân nhất thiết biến. Sử do tập để đoạn trừ cũng lại như vậy. Đây gọi là Nhân nhất thiết biến.

Hỏi: Thế nào là Nhân báo (Nhân dị thực)?

Đáp: Các tâm tâm sở niệm pháp thọ báo nơi sắc, tâm tâm pháp, tâm bất tương ưng hành. Tâm tâm pháp kia cùng báo này là nhân trong nhân báo. Lại nữa, các hành của thân miệng thọ báo nơi sắc, tâm tâm pháp, tâm bất tương ưng hành. Hành của thân, miệng kia cùng với báo này là nhân trong nhân báo. Lại nữa, các tâm bất tương ưng hành thọ nhận báo nơi sắc, tâm tâm pháp, tâm bất tương ưng hành. Tâm bất tương hành kia cùng với báo này là nhân trong nhân báo. Đây gọi là Nhân báo.

Hỏi: Thế nào là Nhân sở tác (Nhân năng tác)?

Đáp: Mắt duyên nơi sắc sinh nhãn thức, nhãn thức kia cùng với mắt là nhân trong nhân sở tác. Nếu sắc và pháp cùng có kia tương ưng với sắc kia, tai nghe tiếng và nhĩ thức, mũi ngửi hương và tỷ

thức, lưỡi nếm vị và thiệt thức, thân xúc chạm và thân thức, ý biết pháp và ý thức, cùng với pháp cùng có kia tương ưng. Pháp có sắc, pháp không sắc, pháp có thể thấy, pháp không thể thấy, pháp có đối, pháp không đối, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, pháp vô vi, các pháp như thế là nhân trong nhân sở tác, trừ tự tánh của chúng.

Nhĩ, tử, thiệt, thân, ý duyên nơi pháp sinh ý thức, ý thức kia cùng với ý là nhân trong nhân sở tác. Nếu pháp kia và pháp cùng có tương ưng, mắt thấy sắc và nhãn thức, tai nghe tiếng và nhĩ thức, mũi ngửi mùi và tỷ thức, lưỡi nếm vị và thiệt thức, thân xúc chạm và thân thức, chúng tương ưng với pháp cùng có kia. Pháp có sắc, pháp vô sắc, pháp có thể thấy, pháp không thể thấy, pháp có đối, pháp không đối, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, pháp vô vi, các pháp như thế là nhân trong nhân sở tác, trừ tự tánh của chúng. Đây gọi là Nhân sở tác.

Hỏi: Nếu tâm, sử (tùy miên) cùng có, các sử và tâm cùng có, vậy sử kia đã sai khiến tâm này chăng?

Đáp: Hoặc sai khiến (tùy tăng), hoặc không sai khiến.

Thế nào là sai khiến? Là các sử chưa dứt hết. Đó gọi là sai khiến.

Thế nào là không sai khiến? Là các sử đã dứt hết. Đó gọi là không sai khiến.

Hỏi: Giả như sử đã sai khiến tâm, tâm này cùng có sử, vậy sử kia và tâm này là cùng có sử chăng?

Đáp: Hoặc do sử kia không phải là pháp khác, hoặc do sử kia là pháp khác.

Thế nào là sử kia không phải là pháp khác? Là khổ trí sinh, tập trí không sinh, nếu tâm do tập để đoạn, do khổ để đoạn làm duyên. Đây gọi là sử kia không phải là pháp khác.

Thế nào là sử kia là pháp khác? Là tâm nhiễm ô của con người, tất cả đều bị trói buộc. Đây gọi là sử kia là pháp khác.

Hỏi: Nếu tâm, sử cùng có, các sử và tâm cùng có, vậy sử kia và tâm này sẽ diệt chăng?

Đáp: Hoặc là diệt, hoặc là không diệt.

Thế nào là diệt? Các sử duyên nơi tâm kia đã dứt hết. Đó gọi là diệt.

Thế nào là không diệt? Các sử duyên nơi tâm kia chưa dứt hết. Đó gọi là không diệt.

Hỏi: Các sử tương ưng, sử ấy ở nơi chôn nào diệt?

Đáp: Các sử duyên nơi diệt.

Hỏi: Như thế, ông đã nói là sử duyên nơi diệt chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu nói lời như thế thì các sử do tận đế, đạo đế đoạn trừ duyên nơi vô lậu, thì sử này do đâu diệt? Nếu nói đây diệt kia diệt, sự việc ấy đều không đúng?

Đáp: Như trước đã nói: Các sử do tận đế (diệt đế), đạo đế đoạn duyên nơi hữu lậu, thì diệt này, sử kia nên nói là tận.

Hỏi: Giả như các sử và tâm sẽ đoạn, tâm này đoạn cùng có sử, vậy sử kia, tâm này cùng sai khiến chăng?

Đáp: Hoặc là sử kia không phải là pháp khác, hoặc là sử kia là pháp khác.

Thế nào là sử kia không phải là pháp khác? Là nếu tâm không nhiễm ô, do tư duy đoạn. Đó gọi là sử kia không phải là pháp khác.

Thế nào là sử kia là pháp khác? Là nếu tâm có nhiễm ô. Đó gọi là sử kia là pháp khác.

Hỏi: Thế nào là Tận duyên thức? (Ở trước thì nêu: Thế nào là diệt nhân thức? Đối chiếu bản 1544: Thế nào là nhân nơi cảnh đoạn thức?)

Đáp: Là khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, nếu tâm do tập để đoạn đã duyên nơi khổ để đoạn, đó gọi là Tận duyên thức.

Hỏi: Thức kia có bao nhiêu sử (tùy miên) đã sai khiến (tùy tăng)?

Đáp: Là mười chín.

Hỏi: Là một tâm chăng?

Đáp: Không phải thế.

Hỏi: Thế nào là Tận duyên thức?

Đáp: Ái dục chưa hết, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, nếu tâm nơi cõi Dục do tập để đoạn duyên nơi khổ để đoạn, đó gọi là Tận duyên thức (Nhân nơi cảnh đoạn thức).

Hỏi: Thức kia có bao nhiêu sử (tùy miên) đã sai khiến (tùy tăng)?

Đáp: Nơi cõi Dục do tập để đoạn là bảy.

Hỏi: Thế nào là Tận duyên thức?

Đáp: Ái cõi Dục đã hết, ái cõi Sắc chưa hết, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, nếu tâm nơi cõi Sắc do tập để đoạn duyên nơi khổ để đoạn, đó gọi là Tận duyên thức.

Hỏi: Thức kia có bao nhiêu sử đã sai khiến?

Đáp: Nơi cõi Sắc do tập để đoạn là sáu.

Hỏi: Thế nào là Tận duyên thức?

Đáp: Ái cõi Sắc đã hết, ái cõi Vô sắc chưa hết, như khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, nếu tâm nơi cõi Vô sắc do tập để đoạn duyên nơi khổ để đoạn, đó gọi là Tận duyên thức.

Hỏi: Thức kia có bao nhiêu sử đã sai khiến?

Đáp: Nơi cõi Vô sắc do tập để đoạn là sáu.

HẾT - QUYỂN 1

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

QUYỂN 2

Kiên độ thứ 1: TẠP

Phẩm 3: BÀN VỀ NGƯỜI

Một người nơi mười hai thứ duyên (mười hai chi duyên khởi) được sinh ấy: Có bao nhiêu thứ là quá khứ? Bao nhiêu thứ là vị lai? Bao nhiêu thứ là hiện tại?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Vô minh duyên hành, thọ (thủ) duyên hữu”. Thế nào là vô minh duyên hành? Thế nào là thọ (thủ) duyên hữu? Vô minh duyên hành, thọ (thủ) duyên hữu có những sai biệt gì? Từng có hành duyên vô minh không duyên minh chăng? Từng có hành duyên minh không duyên vô minh chăng? Từng có hành không duyên minh không duyên vô minh chăng?

Hơi thở ra, hơi thở vào, nên nói là dựa vào thân xoay chuyển hay nên nói là dựa vào tâm xoay chuyển? Như chúng sinh ở cõi Sắc tâm dựa vào thân xoay chuyển, như thế chúng sinh ở cõi Vô sắc tâm dựa vào gì để xoay chuyển?

Tâm bất tương ưng hành không có ái, nên nói là do kiến đế đoạn (kiến đạo đoạn) hay nên nói là do tư duy đoạn (tu đạo đoạn)?

Không, có gọi là pháp gì?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Giải thoát tâm tham dục, tâm giận dữ, tâm ngu si”. Thế nào là tâm được giải thoát? Có dâm, giận, si (tham sân si) hay không có dâm, giận, si? Những gì là tâm được giải thoát? Quá khứ, vị lai hay hiện tại? Tâm chưa giải thoát nên nói là giải thoát hay tâm đã giải thoát nên nói là giải thoát?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Dựa nơi nhàm chán để không dâm (lia nhiễm), dựa nơi không dâm đạt giải thoát, dựa nơi giải thoát đạt Nê hoàn (Niết-bàn)”. Thế nào là nhàm chán? Thế nào là không dâm? Thế nào là giải thoát? Thế nào là Nê hoàn?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Có cảnh giới đoạn, cảnh giới không dâm (cảnh giới lia), cảnh giới tận (cảnh giới diệt)”. Thế nào là cảnh giới đoạn? Thế nào là cảnh giới không dâm? Thế nào là cảnh giới tận? Nếu là cảnh giới đoạn thì cảnh giới ấy là cảnh giới không dâm chăng? Nếu như là cảnh giới không dâm thì cảnh giới ấy là cảnh giới đoạn chăng? Nếu là cảnh giới đoạn thì cảnh giới ấy là cảnh giới tận chăng? Nếu như là cảnh giới tận thì cảnh giới ấy là cảnh giới đoạn chăng? Nếu là cảnh giới không dâm thì cảnh giới ấy là cảnh giới tận chăng? Nếu như là cảnh giới tận thì cảnh giới ấy là cảnh giới không dâm chăng?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Có tướng đoạn, tướng không dâm (tướng lia), tướng tận”. Thế nào là tướng đoạn? Thế nào là tướng không dâm (tướng lia)? Thế nào là tướng tận (tướng diệt)?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Một người nơi mười hai thứ duyên được sinh ấy:

Hỏi: Có bao nhiêu thứ là quá khứ? Bao nhiêu thứ là vị lai? Bao nhiêu thứ là hiện tại?

Đáp: Có hai thứ quá khứ là vô minh, hành. Hai thứ vị lai là sinh, tử (lão tử). Tám thứ ở hiện tại: thức, danh sắc, sáu nhập (sáu xứ), cảnh lạc (xúc), thống (thọ), ái, thọ (thủ), hữu.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Vô minh duyên hành, thọ (Thủ) duyên hữu”.

Hỏi: Thế nào là vô minh duyên hành? Thế nào là thọ (Thủ) duyên hữu?

Đáp: Vô minh duyên hành: Là hành hiện có ở đây là hành đã tạo tác từ đời trước, quả báo của hành kia nên trong đời này được hữu. Đây gọi là vô minh duyên hành.

Thọ (Thủ) duyên hữu: Là hành hiện có ở đây là hành được tạo tác ngay trong đời này, các hành thọ nhận báo sẽ được hữu ở vị lai. Đây gọi là thọ duyên hữu.

Hỏi: Vô minh duyên hành, thọ (Thủ) duyên hữu có những sai biệt gì?

Đáp: Vô minh duyên hành: Là hành hiện có ở đây là hành đã tạo tác từ đời trước, quả báo của hành kia nên trong đời này được hữu. Duyên với hành kia là một kiết (phiền não) tức vô minh. Thọ (Thủ) duyên hữu: Là hành hiện có ở đây là hành được tạo tác ngay trong đời này, quả báo của hành ấy sẽ được hữu nơi đời vị lai. Duyên với hành ấy là tất cả kiết. Vô minh duyên hành, thọ duyên hữu, sự sai biệt là như thế.

Hỏi: Từng có hành duyên vô minh không duyên minh chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có hành duyên minh không duyên vô minh chăng?

Đáp: Điều này cũng không có.

Hỏi: Từng có hành không duyên minh không duyên vô minh chăng?

Đáp: Điều này cũng không có.

Vì sao không có? Vì chúng sinh này đã từ lâu xa lìa đạo, nói là không phải đạo. Thời gian sau ở trong cõi người tạo tác làm Túc tán tiểu vương, hoặc làm Biên vương chuyển làm Đại vương, cho đến Già-ca-việt, mọi mong muốn được tự tại, lần lượt cùng nhân vào nhau, không nơi chốn nào không thống lãnh, được làm chủ nhân nơi cõi người, cõi thần, khiến mọi thứ cỏ thuốc, cây cối lần lượt sinh trưởng.

Đây là bốn duyên của tâm trước, tâm sau chỉ là một tầng thượng duyên.

Lại nữa, nay sẽ nói về nhân duyên.

Hỏi: Từng có hành duyên vô minh không duyên minh chăng?

Đáp: Có. Là hành nhiễm ô, báo là vô minh.

Hỏi: Từng có hành duyên minh không duyên vô minh chăng?

Đáp: Có. Là các hành vô lậu còn lại, trừ minh đầu tiên.

Hỏi: Từng có hành không duyên minh không duyên vô minh chăng?

Đáp: Có. Là các hành vô ký không ẩn mất (vô ký vô phú) còn lại, trừ báo vô minh, các hành hữu lậu thiện của minh đầu tiên.

Hỏi: Hơi thở ra, hơi thở vào, nên nói là dựa vào thân xoay chuyển hay là dựa vào tâm xoay chuyển?

Đáp: Hơi thở ra, hơi thở vào như tùy thuận phương tiện khéo léo, tức cũng tùy thân xoay chuyển, cũng tùy tâm xoay chuyển. Nếu hơi thở ra, hơi thở vào chỉ dựa vào thân xoay chuyển, không dựa vào tâm xoay chuyển, thì đây tức khi nhập định vô tư tưởng, định diệt tận, hơi thở ra vào vẫn xoay chuyển. Nếu hơi thở ra, hơi thở vào chỉ dựa vào tâm xoay chuyển, không dựa vào thân xoay chuyển, thì đây tức hơi thở ra, hơi thở vào của người ở cõi Vô sắc cũng xoay chuyển.

Nếu hơi thở ra, hơi thở vào dựa vào thân xoay chuyển, dựa vào tâm xoay chuyển, không như phương tiện khéo léo, thì đấy tức ở nơi bọc trứng, bào thai, các thứ da, mô, chuyển biến dày lên như tô, lạc, các căn ở trong bụng mẹ chưa đủ, chưa thành thực cùng ở thiền thứ tư, hơi thở ra, hơi thở vào cũng phải xoay chuyển.

Song hơi thở ra, hơi thở vào như phương tiện khéo léo, vừa dựa vào thân xoay chuyển, vừa dựa vào tâm xoay chuyển, nên dưới đến đại địa ngục A-tỳ, trên tới cõi trời Tịnh cư, trong ấy các chúng sinh hiện có các căn không thiếu, tất cả chi phần đều hoàn bị, mọi hơi thở ra hơi thở vào như phương tiện khéo léo, đều dựa vào thân xoay chuyển, dựa vào tâm xoay chuyển.

Hỏi: Như chúng sinh ở cõi Sắc tâm dựa vào thân xoay chuyển, như thế chúng sinh ở cõi Vô sắc tâm dựa vào gì để xoay chuyển?

Đáp: Dựa vào xứ sở của mạng căn, cũng lại có các pháp khác cùng loại.

Hỏi: Tâm bất tương ưng hành không có ái, nên nói là do kiến đế đoạn (kiến đạo đoạn) hay nên nói là do tư duy đoạn (tu đạo đoạn)?

Đáp: Không có ái là do tư duy đoạn, không được nói là do kiến đế đoạn.

Hoặc lại có chỗ nói: Không có ái hoặc do kiến đế đoạn, hoặc do tư duy đoạn.

Thế nào là do kiến đế đoạn? Pháp do kiến đế đoạn không có các dâm (các tham). Đấy gọi là do kiến đế đoạn.

Thế nào là do tư duy đoạn? Pháp do tư duy đoạn không có các dâm (các tham). Đấy gọi là do tư duy đoạn.

Như nghĩa ở đây: Không có ái thì do tư duy đoạn. Như thế, không có ái là do tư duy đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Nếu nói như thế, thì Tu-đà-hoàn có thể khởi ái ấy, khiến ngã bị đoạn hoại, cho đến chết chăng?

Đáp: Không phải. Xin nghe những gì tôi đã nói. Giả như sẽ không có ái là do tư duy đoạn.

Như thế nên nói: Tu-đà-hoàn có thể khởi ái này đoạn hoại cho đến chết chăng?

Đáp: Tuy có lời nói ấy, nhưng nghĩa này không như vậy, nên không được nói lời này: Tu-đà-hoàn có thể khởi ái ấy, không có ái do tư duy đoạn, không nên nói không có ái là do tư duy đoạn, vì sự việc này không như thế.

Tùng có lời nói này: Tu-đà-hoàn dâm dục chưa dứt đối với địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ chăng? (Đối chiếu với N^o 1544/20, nghĩa ở đây không phải như vậy).

Đáp: Đúng vậy.

Tùng có lời nói này: Tu-đà-hoàn có thể khởi ái này: Ta sẽ làm Long vương Y-la-bàn-na, Ma-na-tur Thiện trụ, hoặc làm vua địa ngục Diêm-phù chăng?

Đáp: Không phải. Xin nghe những điều tôi đã nói: Nếu Tu-đà-hoàn ái chưa dứt hết, đối với địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, tức nên nói lời này: Tu-đà-hoàn có thể khởi ái ấy: Ta sẽ làm Long vương Y-la-bàn-na, Ma-na-tur Thiện trụ, hoặc làm vua địa ngục Diêm-phù.

Như vậy lời nói ấy là thế nào?

Đáp: Tuy có lời nói ấy, nhưng nghĩa này không như thế. Không được nói lời này: Tu-đà-hoàn có thể khởi ái này: Ta sẽ làm Long vương Y-la-bàn-na, Ma-na-tur Thiện trụ, hoặc làm vua địa ngục Diêm-phù. Tu-đà-hoàn ý dục chưa dứt hết đối với địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Không được nói lời này: Tu-đà-hoàn ái dục chưa hết, đối với địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Ái này do tư duy đoạn, sự việc ấy không như thế.

Tùng có lời nói này: Do các triền trói buộc nên giết hại cha, mẹ, triền này là do tư duy đoạn, Tu-đà-hoàn chưa dứt hết triền ấy chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Tùng có lời nói này: Tu-đà-hoàn có thể khởi triền ấy, là các triền khiến giết hại cha, mẹ chăng?

Đáp: Không phải. Xin nghe những điều tôi đã nói: Các triền đã trói buộc, nên giết hại cha, mẹ, triền này là do tư duy đoạn (do tu đạo đoạn). Tu-đà-hoàn chưa dứt hết triền ấy, nên có lời nói kia chăng: Tu-đà-hoàn có thể khởi triền ấy, là các triền khiến giết hại cha, mẹ.

Đáp: Tuy có lời nói ấy, nhưng sự việc này không như thế. Tức không nên nói lời này: Tu-đà-hoàn có thể khởi triền ấy, là các triền khiến giết hại cha, mẹ. Các triền trói buộc khiến giết hại cha, mẹ, triền này do tư duy đoạn. Tu-đà-hoàn chưa dứt hết triền ấy, nên không được nói lời nói này: Các triền đã trói buộc khiến giết hại cha, mẹ, triền này do tư duy đoạn. Tu-đà-hoàn chưa dứt hết, sự việc này không như thế.

Tùng có lời nói này: Pháp do tư duy đoạn không có tư duy đoạn chăng?

Đáp: Như thế.

Tùng có lời nói này: Tu-đà-hoàn có thể khởi duyên nơi ái chăng?

Đáp: Không phải. Xin nghe những điều tôi đã nói: Pháp do tư duy đoạn không có tư duy đoạn.

Người kia nói như thế này: Tu-đà-hoàn có thể khởi duyên nơi ái chăng?

Đáp: Tuy có lời nói ấy, nhưng sự việc này không như thế, tức không nên nói lời này: Tu-đà-hoàn có thể khởi duyên nơi ái. Pháp do tư duy đoạn, không có tư duy đoạn. Không được nói lời này: Pháp do

tư duy đoạn không có tư duy đoạn. Sự việc này không như thế. (Đoạn này nên tham khảo phần dịch nơi N^o 1544/20 để lãnh hội)

Hỏi: Không, có gọi là những pháp gì?

Đáp: Ba cõi là vô thường.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Giải thoát tâm tham dục, tâm giận dữ, tâm ngu si”.

Hỏi: Thế nào là tâm được giải thoát? Có dâm, giận, si (tham sân si) hay không có dâm, giận, si?

Đáp: Không có dâm, giận, si.

Lại có người nói: Tâm tương ưng với dâm, giận, si, tâm đó được giải thoát.

Người kia không nên nói như thế. Vì sao? Vì không phải tâm kia cùng với dâm, giận, si này tương hợp, tương ưng, cùng nương dựa nhau, mà vì dâm, giận, si chưa được dứt trừ nên tâm không được giải thoát. Dâm, giận, si được đoạn trừ, như thế là tâm giải thoát.

Đức Thế Tôn cũng nói: Mặt trời, mặt trăng bị năm thứ làm cho âm u là mây, khói, sương mù, bụi, tay của A-tu-luân (Tay của A-tổ-lạc Hạt-la-hô) không phải mặt trời, mặt trăng kia cùng với bầu trời âm u này tương hợp, tương ưng, nương dựa nhau mà vì bầu trời âm u do bị che lấp chưa dứt hết, như thế mặt trời, mặt trăng kia không sáng, không chiếu, không rộng, không sạch. Khi bầu trời âm u ấy đã dứt hết thì mặt trời, mặt trăng kia sẽ sáng, chiếu, rộng, sạch. Vì thế, không phải tâm kia cùng với dâm, giận, si này tương hợp, tương ưng, cùng nương dựa nhau, mà vì dâm, giận, si chưa đoạn trừ, nên tâm không giải thoát. Dâm, giận, si đoạn trừ, tâm liền giải thoát.

Hỏi: Những gì là tâm được giải thoát? Quá khứ, vị lai hay hiện tại?

Đáp: Tâm vị lai (tâm vô học vị lai) khởi, tức thì được giải thoát không còn chướng ngại.

Sự việc này là thế nào? Như đạo vô ngại (đạo vô gián) hiện tiền liền diệt, tận trí hiện ở trước tất sinh, nếu đạo vô ngại kia diệt mà sinh tận trí, như thế tâm vị lai sinh, tức thì được giải thoát không còn chướng ngại.

Hỏi: Tâm chưa giải thoát nên nói là giải thoát hay tâm đã giải thoát nên nói là giải thoát?

Đáp: Tâm đã giải thoát nên nói là giải thoát. Nếu đã giải thoát thì không nên nói là sẽ giải thoát. Nếu sẽ giải thoát thì không nên nói là đã giải thoát, vì tâm đã giải thoát nói là sẽ giải thoát, việc này không như thế, như vừa nêu.

Đức Thế Tôn khéo nói Khế kinh:

*Nếu đoạn dục (ái) hoàn toàn
Như hoa sen trong nước
Tỳ-kheo diệt đây, kia
Như rắn lột da cũ.*

Hỏi: Đã diệt là diệt hay không diệt là diệt?

Đáp: Đã diệt là diệt. Nếu đã diệt thì không nên nói là sẽ diệt. Nếu sẽ diệt thì không nên nói là đã diệt. Đã diệt nói sẽ diệt, việc này không hợp, như vừa nêu.

Đức Thế Tôn khéo nói Khế kinh:

*Mạn dứt tự định ý
Tâm thiện, tất cả thoát
Một tỉnh cư, không loạn
Sợ chết, sang bờ kia.*

Hỏi: Đã qua là qua, hay chưa qua là qua?

Đáp: Đã qua nói là qua. Nếu đã qua thì không được nói là sẽ qua. Nếu sẽ qua thì không được nói là đã qua. Đã qua nói sẽ qua, việc này không hợp, như vừa nêu.

Thế Tôn khéo nói Khế kinh:

*Nai, hrow nrong rừng
Chim dựa hư không
Pháp quy phân biệt
Chân nhân (Thánh) quy diệt (Niết-bàn).*

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Dựa nơi nhàm chán để không dâm (liã nhiễm), dựa nơi không dâm đạt giải thoát, dựa nơi giải thoát đạt Nê hoàn (Niết-bàn)”. Thế nào là nhàm chán? Thế nào là không dục? Thế nào là giải thoát? Thế nào là Nê hoàn?

Hỏi: Thế nào là nhàm chán?

Đáp: Hành xú uế, xú bất tịnh, ý thường lẫn tránh nơi đó, hoàn toàn không ưa thấy. Đó gọi là nhàm chán.

Hỏi: Thế nào là không dục?

Đáp: Là sự nhàm chán kia tương ưng với căn thiện không dâm, giận, si (tham sân si). Đó gọi là không dục.

Hỏi: Thế nào là giải thoát?

Đáp: Tâm không dục kia tương ưng với căn thiện không dâm, giận, si, tâm đã giải thoát, sẽ giải thoát, đang giải thoát. Đó gọi là giải thoát.

Hỏi: Thế nào là Nê hoàn?

Đáp: Tức dâm, giận, si đã dứt hết, không còn gì. Đó gọi là Nê hoàn.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Có cảnh giới đoạn, cảnh giới không dâm (cảnh giới liã), cảnh giới tận (cảnh giới diệt)”.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới đoạn?

Đáp: Là trừ kiết ái, các kiết còn lại đều dứt hết. Đó gọi là cảnh giới đoạn.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới không dâm?

Đáp: Là kiết ái diệt. Đó gọi là cảnh giới không dâm.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới diệt?

Đáp: Là pháp của các kiết diệt. Đó gọi là cảnh giới diệt.

Hỏi: Nếu là cảnh giới đoạn thì cảnh giới ấy là cảnh giới không dâm chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như là cảnh giới không dâm thì cảnh giới ấy là cảnh giới đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu là cảnh giới đoạn thì cảnh giới ấy là cảnh giới diệt chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như là cảnh giới diệt thì cảnh giới ấy là cảnh giới đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu là cảnh giới không dâm thì cảnh giới ấy là cảnh giới diệt chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như là cảnh giới diệt thì cảnh giới ấy là cảnh giới không dâm chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Có tướng đoạn, tướng không dâm (tướng lia), tướng diệt”. Thế nào là tướng đoạn? Thế nào là tướng không dâm (tướng lia)? Thế nào là tướng tận (tướng diệt)?

Hỏi: Thế nào là tướng đoạn?

Đáp: Là trừ kiết ái, các kiết còn lại đều diệt, là tánh của các tướng. Đó gọi là tướng đoạn.

Hỏi: Thế nào là tướng không dâm?

Đáp: Là kiết ái diệt, là tánh của các tướng. Đó gọi là tướng không dâm.

Hỏi: Thế nào là tướng diệt?

Đáp: Là pháp của các kiết diệt, là tánh của các tướng. Đó gọi là tướng diệt.

Phẩm 4: BÀN VỀ ÁI, CUNG KÍNH

Thế nào là ái cung kính? Thế nào là cúng dường cung kính? Thế nào là lực của thân? Lực của thân thuộc về bao nhiêu nhập, bao nhiêu thức nhận biết?

Thế nào là số duyên diệt (Trạch diệt)? Thế nào là phi số duyên diệt (Phi trạch diệt)? Thế nào là vô thường? Vô thường và phi số duyên diệt có gì sai biệt?

Thế nào là cảnh giới Nê hoàn hữu dư? Thế nào là cảnh giới Nê hoàn vô dư? Nê hoàn (Niết-bàn) nên nói là học chẳng? Là vô học chẳng? Là phi học phi vô học chẳng?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Bậc vô học kia đã thành tựu thân giới vô học, thân định vô học, thân tuệ vô học, thân giải thoát vô học,

thân giải thoát tri kiến vô học”. Thế nào là thân giới vô học? Thế nào là thân định vô học? Thế nào là thân tuệ vô học? Thế nào là thân giải thoát vô học? Thế nào là thân giải thoát tri kiến vô học?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Chỉ một cứu cánh, không phải có nhiều cứu cánh”. Ở đây những pháp nào gọi là cứu cánh?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Dị học của ngoại đạo thật sự đoạn các thọ (thủ), ở trong hiện pháp không thiết lập việc đoạn các thọ (thủ). Các thọ được thiết lập đoạn là dục thọ, giới thọ, kiến thọ, không phải ngã thọ (dục thủ, giới thủ, kiến thủ, không phải ngã ngữ thủ)”. Các nghĩa này là thế nào? Vì lẽ gì ngoại đạo dị học ở trong hiện pháp không thiết lập việc đoạn ngã thọ (ngã ngữ thủ)?

Có hai trí: Trí biết và trí tận. Thế nào là trí biết? Thế nào là trí tận?

Những người quy hướng về Phật là quy hướng về nơi nào? Những người quy hướng về Pháp là quy hướng về chốn nào? Những người quy hướng về Tăng là quy hướng về đâu?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Thế nào là ái cung kính? Thế nào là cúng dường cung kính? Thế nào là lực của thân? Lực của thân thuộc về bao nhiêu nhập, bao nhiêu thức nhận biết?

Trong ái cung kính ấy: Thế nào là ái? Thế nào là cung kính?

Hỏi: Thế nào là ái?

Đáp: Là nếu ái, là cùng ái, tạo ái. Đó gọi là ái.

Hỏi: Thế nào là cung kính?

Đáp: Là nếu cung kính, khéo cung kính, khéo hạ mình. Đó gọi là cung kính.

Hỏi: Thế nào là ái - cung kính?

Đáp: Như có một chúng sinh ái sư với ý thâm nhuần, do pháp cung kính đối với các Tăng, các vị Hòa thượng, A-xà-lê, cùng các vị phạm hạnh đáng tôn trọng khác v.v... Ý ái ấy thâm nhuần đến các vị kia, do pháp cung kính như thế, hoặc yêu mến các vị kia nên tạo sự cung kính. Đó gọi là ái - cung kính.

Trong cúng dường cung kính ấy: Thế nào là cúng dường? Thế nào là cung kính?

Hỏi: Thế nào là cúng dường?

Đáp: Cúng dường có hai thứ: Là cúng dường pháp và cúng dường y phục, thức ăn uống. Đó gọi là cúng dường.

Hỏi: Thế nào là cung kính?

Đáp: Là nêu cung kính, khéo cung kính, khéo hạ mình. Đó gọi là cung kính.

Hỏi: Thế nào là cúng dường cung kính?

Đáp: Như có chúng sinh tạo sự cúng dường cho các vị sư, đem pháp cung kính cúng dường ấy đến các vị Tăng, các vị Hòa thượng, A-xà-lê, cùng với các bậc phạm hạnh đáng tôn trọng khác v.v... tạo sự cúng dường, do cung kính như thế, hoặc cúng dường các vị kia luôn tạo cung kính. Đó gọi là cúng dường cung kính.

Hỏi: Thế nào là lực của thân?

Đáp: Lực của thân là thân tinh tấn, thân cường tráng, thân phương tiện, thân dũng mãnh. Đó gọi là lực của thân.

Hỏi: Lực của thân thuộc về bao nhiêu nhập, bao nhiêu thức nhận biết?

Đáp: Lực của thân thuộc về một nhập là tế hoạt nhập (Xúc nhập), hai thức nhận biết là thân thức và ý thức. Như hai tráng sĩ cùng đấu

sức với nhau, một người sức hơn, một người sức kém. Người có sức hơn nắm lấy người sức kém, nhận biết được sức mình hơn người kia: Người kia không bằng sức của ta. Người sức kém khi nắm lấy người sức mạnh lại tự nhận biết người kia khỏe hơn mình, mình không bằng họ. Như sức mạnh nhiều ít kia, cùng thuộc về một nhập là tế hoạt nhập (xúc nhập), hai thức nhận biết thân thức và ý thức.

Thế nào là số duyên tận? Thế nào là phi số duyên tận? Thế nào là vô thường?

Hỏi: Thế nào là số duyên tận (Trạch diệt)?

Đáp: Tận kia là giải thoát. Đó gọi là số duyên tận.

Hỏi: Thế nào là phi số duyên tận (Phi trạch diệt)?

Đáp: Tận kia không phải giải thoát. Đó gọi là phi số duyên tận.

Hỏi: Thế nào là vô thường?

Đáp: Các hành luôn biến đổi, diệt tận, không dừng. Đó gọi là vô thường.

Hỏi: Vô thường và phi số duyên diệt có gì sai biệt?

Đáp: Vô thường: Là các hành biến đổi, diệt tận, không dừng.
Phi số duyên tận: Là đã thoát khỏi các khổ, các phiền não lo sầu, không tùy thuộc ý dục, tuy chưa được lìa dục. Vô thường và phi số duyên tận có những sai biệt như vậy.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới Nê hoàn hữu dư?

Đáp: Nếu thọ mạng của bậc Vô trước (A-la-hán) vẫn còn bốn đại chưa ẩn mất, năm căn của sắc tạo ra cùng với tâm nối tiếp nhau, đây gọi là cảnh giới Nê hoàn hữu dư. Nơi cảnh giới Nê hoàn hữu dư, các kiết sử đều diệt, đến được bờ kia nhận lấy quả chứng. Đó gọi là cảnh giới Nê hoàn hữu dư.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới Nê hoàn vô dư?

Đáp: Là thọ mạng của bậc Vô trước (A-la-hán) đã bát Nê hoàn, thuộc về quá khứ, bốn đại diệt tận, năm căn của sắc tạo không có tâm để có thể xoay chuyển nối tiếp, đây là cảnh giới Nê hoàn vô dư. Nơi cảnh giới Nê hoàn vô dư, các kiết sử đều diệt. Đó gọi là cảnh giới Nê hoàn vô dư.

Hỏi: Nê hoàn (Niết-bàn) nên nói là học chẳng? Là vô học chẳng? Là phi học phi vô học chẳng?

Đáp: Nê hoàn nên nói là phi học phi vô học.

Hoặc có thuyết nói: Nê hoàn hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học.

Thế nào là học? Là học được các kiết sử diệt tận, đến được bờ kia nhận lấy quả chứng. Đó gọi là học.

Thế nào là vô học? Là vô học được các kiết sử diệt tận, đến được bờ kia nhận lấy quả chứng. Đó gọi là vô học.

Thế nào là phi học phi vô học? Là hữu lậu được các kiết sử diệt tận, đến được bờ kia nhận lấy quả chứng. Đó gọi là phi học phi vô học.

Như nghĩa ở đây: Nê hoàn là phi học phi vô học.

Hỏi: Như thế Nê hoàn là phi học phi vô học chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Tùng có thuyết nói: Trước kia dùng đạo thế tục đoạn trừ tham dục, giận dữ, vĩnh viễn dứt hết, trọn vẹn, ở đây không tu bốn Thánh đế.

Hỏi: Nếu được bốn Đế mới được bốn Đế (Hiện quán), khi đạt quả A-na-hàm là thành học chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Tùng có thuyết nói: Trước hết dùng đạo thế tục diệt tận các kiết sử, đến được bờ kia nhận lấy quả chứng, đạt quả A-na-hàm.

Hỏi: Đây là học chăng?

Đáp: Không phải. Nếu như trước hết dùng đạo thể tục được các kiết sử diệt tận, đến được bờ kia nhận lấy quả chứng, đạt quả A-na-hàm, đang là người học. Trước cũng là học nhưng chưa được quả A-na-hàm. Khi chưa được quả mà gọi là học như thế, việc này không hợp.

Tùng có thuyết nói: Hướng quả A-la-hán, học chứng các kiết dứt hết, đạt được A-la-hán vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Tùng có thuyết nói: Hướng quả A-la-hán, học chứng các kiết dứt hết, đạt được quả A-la-hán, quả đó là vô học chăng?

Đáp: Không phải. Nếu đang hướng đến quả A-la-hán, học chứng các kiết dứt hết, đạt được A-la-hán, là bậc vô học, gốc là vô học, khi chưa được A-la-hán, lúc không được A-la-hán mà nói là vô học như thế, việc này không hợp.

Tùng có thuyết nói: Bậc A-la-hán vô học đã dứt hết các kiết khi thoái chuyển quả A-la-hán là học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Tùng có thuyết nói: A-la-hán vô học, các kiết đã dứt hết, nếu thoái chuyển quả A-la-hán, quả kia là học chăng?

Đáp: Không phải. Nếu đang là A-la-hán vô học, các kiết dứt hết, thoái chuyển quả A-la-hán, đang là người học thì gốc cũng là học, khi chưa thoái chuyển quả A-la-hán, không được nói là học như thế, việc ấy không hợp. Vì sao? Vì Nê hoàn là phi học phi vô học, không có học, không có vô học. Nếu Nê hoàn đang là phi học phi vô học, lại có học, có vô học, thì hai thứ pháp này là pháp loạn, pháp bất định, pháp tất có hủy hoại, cũng không thể nhận biết là pháp trụ. Đức Thế Tôn cũng không nói Nê hoàn phi học phi

vô học, là có học, có vô học, chỉ vì Nê hoàn không có học, không có vô học. Vì thế nên thường trong tất cả thời, tất cả trụ, là pháp không hư mục, là pháp không biến đổi, đó là Nê hoàn phi học phi vô học.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Bậc vô học kia đã thành tựu thân giới vô học, thân định vô học, thân tuệ vô học, thân giải thoát vô học, thân giải thoát trí kiến vô học”. Thế nào là thân giới vô học? Thế nào là thân định vô học? Thế nào là thân tuệ vô học? Thế nào là thân giải thoát vô học? Thế nào là thân giải thoát trí kiến vô học?

Hỏi: Thế nào là thân giới vô học (uẩn giới vô học)?

Đáp: Là thân vô học, giữ gìn miệng, giữ gìn thọ mạng thanh tịnh. Đó gọi là thân giới vô học.

Hỏi: Thế nào là thân định vô học (uẩn định vô học)?

Đáp: Là không, vô tướng, vô nguyên vô học. Đó gọi là thân định vô học.

Hỏi: Thế nào là thân tuệ vô học (uẩn tuệ vô học)?

Đáp: Là tư duy vô học, tương ưng với duyên nơi trạch pháp, quán trạch pháp, quán vô sở thứ phân biệt. Đó gọi là thân tuệ vô học.

Hỏi: Thế nào là thân giải thoát vô học (uẩn giải thoát vô học)?

Đáp: Là tư duy vô học, tương ưng với ý giải thoát, đã giải thoát, sẽ giải thoát. Đó gọi là thân giải thoát vô học.

Hỏi: Thế nào là thân giải thoát trí kiến vô học (uẩn giải thoát trí kiến vô học)?

Đáp: Là tận trí, vô sinh trí. Đó gọi là thân giải thoát trí kiến vô học.

Lại nữa, khổ trí, tập trí vô học là thân tuệ vô học. Tận trí, đạo trí vô học là thân giải thoát trí kiến vô học.

Lại nữa, khổ trí, tập trí, đạo trí vô học là thân tuệ vô học. Tận trí vô học là thân giải thoát tri kiến vô học.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Chỉ một cứu cánh, không phải có nhiều cứu cánh”.

Hỏi: Ở đây những pháp nào gọi là cứu cánh?

Đáp: Đức Thế Tôn đã nói: Hoặc là đạo cứu cánh, hoặc là Nê hoàn cứu cánh.

Thế nào là đạo? Như đã nói:

*Như không biết đạo
Một thông minh, mạn
Chưa đến cứu cánh
Chưa điều phục, chết.*

Đó gọi là đạo.

Thế nào là Nê hoàn cứu cánh? Như đã nói:

*Cứu cánh đến không sợ
Không buộc, cũng không hối
Đã thoát mũi tên Hữu
Thân này là biên sau.
Gọi là cứu cánh trọn
Dứt dấu vết, không trên
Dứt hết tất cả tướng
Luyện dấu vết, không trên.*

Đó gọi là Nê hoàn cứu cánh.

Như Bà-la-môn Số Mục-kiền-liên kia đi đến chỗ Đức Phật thưa hỏi sự việc như vậy: “Thưa Đức Thế Tôn! Tất cả đệ tử của Sa-môn Cù-đàm được giáo huấn như thế, nhất định sẽ chứng đắc, cứu cánh là Nê hoàn vô dư chướng?”. Đức Thế Tôn bảo: “Này Số Mục-kiền-liên!

Việc ấy không nhất định! Vì hoặc đạt được, hoặc không đạt được Nê hoàn này”.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Dị học của ngoại đạo thật sự đoạn các thọ (thủ), ở trong hiện pháp không thiết lập việc đoạn các thọ (thủ). Các thọ được thiết lập đoạn là dục thọ, giới thọ, kiến thọ, không phải ngã thọ (dục thủ, giới thủ, kiến thủ, không phải ngã ngữ thủ)”.

Hỏi: Các nghĩa này là thế nào?

Đáp: Có người nói: “Phật, Thế Tôn thuyết pháp còn thiếu”. Người kia không được nói như thế. Vì sao? Vì Đức Phật thuyết pháp không hư vọng.

Lại có thuyết nói: “Vi hiện có một ít diệt”. Kẻ kia không được nói như thế. Vì sao? Vì hàng phàm phu ở trong ngã thọ (ngã ngữ thủ) cũng đã chứng diệt một ít. Tuy nhiên, Đức Phật, Thế Tôn đã rộng vì vô số đại chúng thuyết giảng pháp yếu cho đến hàng trời, người đều vâng làm. Có các Phạm chí dị học đã giữ lấy lời Phật, giảng nói các tên gọi về trì, nhập, ẩm, cái, ý chỉ, giác ý (giới, xứ, uẩn, cái, niệm trụ, giác chi) đầy đủ, hoặc không đầy đủ. Các Phạm chí dị học ấy, nếu có nghe tên gọi về dục thọ (dục thủ) bèn nói thế này: “Ta cũng thiết lập việc đoạn dứt dục thọ (dục thủ)”. Hoặc có nghe tên gọi về giới thọ, kiến thọ (giới thủ, kiến thủ), bèn nói thế này: “Ta cũng thiết lập việc đoạn trừ giới thọ, kiến thọ”. Như phần nhiều các Tỳ-kheo, sau khi ăn xong, tập hợp lên giảng đường, có những Phạm chí dị học bước đến nói thế này: “Sa-môn Cù-đàm vì đệ tử giảng nói pháp như vậy: Đối với việc đoạn trừ năm cái che lấp tâm, nếu sức của tuệ yếu kém, nên chuyên vào bốn ý chỉ, tu bảy giác ý”. Chúng tôi cũng sẽ vì các đệ tử thuyết giảng pháp như thế này: “Đối với việc đoạn trừ năm cái che lấp tâm, nếu sức của tuệ yếu kém, nên chuyên vào bốn ý chỉ, tu bảy giác ý”. Chúng tôi nói ở đây so với Sa-môn Cù-đàm kia có khác gì đâu!

Các Bà-la-môn này không nhận biết về cái, hưởng hô là nhận biết được ý chỉ, giác ý. Nhưng Đức Phật, Thế Tôn vẫn rộng vì các chúng sinh thuyết pháp không có giới hạn, cho đến hàng trời, người đều phụng hành.

Các Phạm chí dị học kia, vì nghe được một số tên gọi về các pháp do Đức Phật thuyết giảng, hoặc đầy đủ, hoặc không đầy đủ, nên nói theo như thế.

Như Bà-la-môn Đản Đề kia, thân mọc mụn nhọt, như con rắn, thật là vô thường, thật là khổ, thật là không, thật là vô ngã, đã đi đến chỗ Phật, dùng hai tay vỗ vào thân nói: “Cù-đàm! Thân này không bệnh, đây là Nê hoàn”. (Nên đối chiếu với phần dịch N^o 1544/20 để lãnh hội – Người dịch) Phạm chí Đản-đề này không nhận biết về pháp không bệnh, hưởng hô là nhận biết để thấy Nê hoàn. Tuy nhiên, Đức Phật, Thế Tôn vẫn rộng vì các chúng sinh thuyết pháp, cho đến hàng trời người đều phụng hành.

Phạm chí dị học kia, nghe lời Phật giảng nói về tên gọi của các pháp như trì, nhập, ẩm, cái, ý chỉ, giác ý (giới, xứ, uẩn, cái, niệm trụ, giác chi) đầy đủ, hoặc không đầy đủ. Những Phạm chí dị học ấy đã nghe các tên gọi về dục thọ, giới thọ, kiến thọ (dục thủ, giới thủ, kiến thủ) bèn nói như thế này: “Ta cũng thiết lập việc đoạn trừ dục thọ, giới thọ, kiến thọ”.

Hỏi: Nghĩa này thế nào? Vì lẽ gì ngoại đạo dị học ở trong hiện pháp không thiết lập việc đoạn ngã thọ (ngã ngữ thủ)?

Đáp: Vì ngoại đạo dị học kia suốt trong đêm dài sinh tử đã chấp trước nơi thân mình, chấp trước về chúng sinh, về con người, về thọ mạng. Người của ngoại đạo kia, không phải với thời gian như thế, nói ta cũng thiết lập việc đoạn trừ ngã thọ (ngã ngữ thủ).

Có hai trí: Trí biết và trí tận. Thế nào là trí biết? Thế nào là trí tận?

Hỏi: Thế nào là trí biết?

Đáp: Là các trí thấy sáng rõ, hiểu biết về tu hành. Đó gọi là trí biết.

Hỏi: Thế nào là trí tận?

Đáp: Là dâm, nộ, si (tham sân si) dứt hết trọn vẹn, tất cả kiết dứt hết không còn. Đó gọi là trí tận.

Đức Thế Tôn hoặc nói về trí biết, hoặc nói về Nê hoàn.

Hỏi: Thế nào là trí biết?

Đáp: Như đã nói:

*Người Hiền trẻ tuổi này
Hay hiểu các thế gian
Nếu ái ái sinh khổ
Nên dùng trí thông sáng.
Nếu dùng hành thì nói
Không dùng tức không nói
Không làm kẻ ca tụng
Người trí nhận biết khắp.*

Đó gọi là trí biết.

Hỏi: Thế nào là Nê hoàn?

Đáp: Như đã nói: “Nên nói trí, pháp được nhận biết, người đã nhận biết”. Thế nào là trí? Là dâm, nộ, si đã hoàn toàn dứt hết, tất cả kiết đều đoạn trừ hết không còn. Thế nào là pháp được nhận biết? Là năm thanh âm (Năm thủ uẩn). Thế nào là người đã nhận biết? Là A-la-hán đã dứt hết các lậu. Đó gọi là Nê hoàn.

Hỏi: Những người quy hướng về Phật là quy hướng về nơi nào?

Đáp: Là các pháp thật có, luôn tương, thiết lập ngôn thuyết chuyển biến. Phật là hạnh giác, quy hướng về pháp vô học.

Hỏi: Những người quy hướng về Pháp là quy hướng về nơi nào?

Đáp: Là ái hết, không dâm (lia nhiễm), diệt, nói là Nê hoàn, là quy hướng về đây.

Hỏi: Những người quy hướng về Tăng là quy hướng về nơi nào?

Đáp: Là các pháp thật có, luôn tướng, thiết lập ngôn thuyết chuyên biến. Tăng là Tăng hành quy hướng về pháp học, pháp vô học.

Phẩm 5: BÀN VỀ VÔ TÂM QUÝ (KHÔNG HỔ THỆN)

Thế nào là không hổ? Thế nào là không thẹn? Không hổ, không thẹn có gì sai biệt?

Thế nào là hổ? Thế nào là thẹn? Hổ, thẹn có gì sai biệt?

Thế nào là căn bất thiện tăng trưởng nơi cõi Dục? Thế nào là vi tế? Thế nào là căn thiện tăng trưởng nơi cõi Dục? Thế nào là vi tế?

Các tâm quá khứ, tất cả tâm đó đều là biến hoại chăng? Nếu như tâm biến hoại, tất cả tâm đó là quá khứ chăng? Các tâm nhiễm ô, tất cả tâm đó đều là biến hoại chăng? Nếu như tâm biến hoại, tất cả tâm đó là nhiễm ô chăng?

Hết thấy diệu đều cùng tương ưng với hý chăng? Hết thấy hý đều cùng tương ưng với diệu chăng? Hết thấy thù đều cùng tương ưng với miên chăng? Hết thấy miên đều cùng tương ưng với thù chăng? Thù miên nên nói là thiện, nên nói là bất thiện hay nên nói là vô ký? Khi ngủ nghỉ (miên), phước đã tạo nên nói là biến chuyển chăng? Phi phước đã tạo nên nói là biến chuyển chăng? Phi phước phi phi phước đã tạo nên nói là biến chuyển chăng? Mộng gọi là pháp gì?

Năm cái gồm thân các cái hay các cái gồm thân năm cái? Các cái chúng là che lấp chăng? Nếu như có che lấp đây là các cái chăng?

Các sử vô minh (tùy miên vô minh) hệ thuộc cõi Dục, tất cả sử vô minh đó là bất thiện chãng? Nếu như là bất thiện, tất cả chúng là sử vô minh hệ thuộc cõi Dục chãng? Các sử vô minh của cõi Sắc, cõi Vô sắc, tất cả sử vô minh đó là vô ký chãng? Nếu như là vô ký, tất cả chúng là sử vô minh của cõi Sắc, cõi Vô sắc chãng?

Các sử vô minh do khổ đế, tập đế (kiến khổ, kiến tập) đoạn trừ, tất cả chúng là nhất thiết biên (biên hành) chãng? Nếu như là nhất thiết biên, tất cả chúng là sử vô minh do khổ đế, tập đế đoạn trừ chãng? Các sử vô minh do tận đế, đạo đế (kiến diệt, kiến đạo) đoạn trừ, tất cả chúng không phải là nhất thiết biên (biên hành) chãng? Nếu như không phải là nhất thiết biên, tất cả chúng là sử vô minh do tận đế, đạo đế đoạn trừ chãng?

Thế nào là sử vô minh không chung? Thế nào là triền điệu (trạo cử) không chung?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Hỏi: Thế nào là không hổ?

Đáp: Đáng hổ không hổ, đáng tránh không tránh, cũng không tránh người khác, không cung kính, không khéo cung kính, không khéo giao tiếp. Đó gọi là không hổ.

Hỏi: Thế nào là không thẹn?

Đáp: Nếu không thẹn, không khéo hổ thẹn, không thẹn với người khác. Đáng hổ thẹn không thẹn, không thẹn đối với người khác, không sợ việc xấu ác, thấy việc xấu ác không sợ. Đó gọi là không thẹn.

Hỏi: Không hổ, không thẹn có gì sai biệt?

Đáp: Không khéo giao tiếp, qua lại là không hổ. Đối với việc xấu ác không thấy sợ là không thẹn. Không hổ, không thẹn sai biệt là như thế.

Hỏi: Thế nào là hổ?

Đáp: Đáng xấu hổ thì xấu hổ, đáng tránh thì tránh, có thể tránh người khác, biết cung kính, khéo cung kính, khéo giao tiếp, lui tới. Đó gọi là hổ.

Hỏi: Thế nào là thẹn?

Đáp: Đáng thẹn thì thẹn, đáng xấu hổ thì xấu hổ, có thể xấu hổ đối với người khác, sợ việc ác, thấy việc ác thì sợ. Đó gọi là thẹn.

Hỏi: Hổ, thẹn có gì sai biệt?

Đáp: Khéo gieo tiếp, lui tới là hổ. Đối với việc ác, thấy việc ác thì sợ là thẹn. Hổ, thẹn, sai biệt là như vậy.

Hỏi: Thế nào là căn bất thiện tăng trưởng nơi cõi Dục? Thế nào là vi tế? Thế nào là tăng?

Đáp: Các căn bất thiện đoạn dứt căn thiện. Khi đoạn dâm (lia nhiễm) ở cõi Dục thì chúng được diệt bỏ trước nhất. Đó gọi là tăng.

Hỏi: Thế nào là vi tế? (Căn bất thiện hiện hành vi tế)

Đáp: Vượt qua dục không dâm, chúng được diệt trừ sau cùng. Các dục đã diệt, nên được không dâm (lia nhiễm). Đó gọi là vi tế.

Hỏi: Thế nào là căn thiện tăng trưởng nơi cõi Dục? Thế nào là vi tế? Thế nào là tăng?

Đáp: Bò-tát đối với chánh pháp, vượt thứ lớp, thủ chúng (nhập chánh tánh ly sinh), tu hành được đẳng trí (trí thế tục). Hoặc Như Lai đạt được tận trí, đối với dâm, nộ, si (tham sân si) đã dứt hết và được căn thiện. Đó gọi là tăng.

Hỏi: Thế nào là vi tế? (Căn thiện hiện hành vi tế)

Đáp: Khi đoạn dứt căn thiện là dứt bỏ sau cùng. Đối với chúng đã diệt, có thể thường đoạn căn thiện. Đó gọi là vi tế.

Hỏi: Các tâm quá khứ, tất cả tâm đó đều là biến hoại chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các tâm quá khứ, tất cả tâm đó đều là biến hoại.

Hỏi: Từng có tâm biến hoại nhưng tâm đó không phải là quá khứ chẳng?

Đáp: Có. Là tâm tương ưng với tham dục, giận dữ ở hiện tại, vị lai. Đức Thế Tôn cũng nói: “Nếu như có đám giặc đến, dùng cưa, dao cắt đứt thân thể, lúc ấy các Tỳ-kheo tâm chớ có biến hoại”.

Hỏi: Các tâm nhiễm ô, tất cả tâm đó đều là biến hoại chẳng?

Đáp: Như thế. Các tâm nhiễm ô, tất cả tâm đó đều là biến hoại.

Hỏi: Từng có tâm biến hoại nhưng tâm đó không phải là nhiễm ô chẳng?

Đáp: Có. Là tâm không tương ưng với tham dục quá khứ và tâm tương ưng với giận dữ nơi hiện tại, vị lai. Đức Thế Tôn cũng nói: Nếu như có đám giặc đến, dùng cưa, dao cắt đứt thân thể. Khi chúng dùng dao cưa cắt đứt thân thể như thế, tâm sẽ có biến hoại.

Hỏi: Hết thấy diệu (trạo cử) đều cùng tương ưng với hý (ố tác) chẳng?

Đáp: Hoặc diệu không tương ưng với hý.

Thế nào là diệu không tương ưng với hý? Không hý, không dứt, không thôi, diệu chút ít, tâm diệu tăng thịnh. Đó gọi là diệu không tương ưng với hý.

Thế nào là hý không tương ưng với diệu? Tâm không nhiễm ô, nếu đã tạo ác thì hối hý (ố tác). Đó gọi là hý không tương ưng với diệu.

Thế nào là diệu, hý tương ưng với nhau? Tâm nhiễm ô và đã làm ác nên hối hý (ố tác). Đó gọi là diệu, hý tương ưng với nhau.

Thế nào là không phải diệu không phải hý tương ưng? Là trừ các việc đã nêu trên.

Hỏi: Hết thùy thùy (hôn trầm) đều cùng tương ưng với miên (thùy miên) chăng?

Đáp: Hoặc thùy không tương ưng với miên.

Thế nào là thùy không tương ưng với miên? Khi chưa ngủ (miên), thân không nhẹ nhàng, tâm không hòa dịu. Thân nặng nề, tâm nặng nề. Thân bực bội, tâm bối rối. Thân ngủ yên, tâm ngủ yên, giấc ngủ bị phiền trối buộc. Đó gọi là thùy không tương ưng với miên.

Thế nào là miên không tương ưng với thùy? Là tâm không nhiệm ô, ngủ nằm mộng. Đó gọi là miên không tương ưng với thùy.

Thế nào là thùy, miên tương ưng với nhau? Là tâm nhiệm ô, ngủ nghỉ nằm mộng. Đó gọi là thùy, miên tương ưng với nhau.

Thế nào là không phải thùy không phải miên tương ưng? Là trừ các việc đã nêu trên.

Hỏi: Thùy miên nên nói là thiện, nên nói là bất thiện hay nên nói là vô ký?

Đáp: Thùy miên nên nói hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký.

Thế nào là thiện? Là tâm thiện nơi ngủ nghỉ, nằm mộng. Đó gọi là thiện.

Thế nào là bất thiện? Là tâm bất thiện nơi ngủ nghỉ, nằm mộng. Đó gọi là bất thiện.

Thế nào là vô ký? Là trừ các sự việc đã nêu trên.

Hỏi: Khi ngủ nghỉ (miên), phước đã tạo nên nói là biến chuyển chăng? Phi phước đã tạo nên nói là biến chuyển chăng? Phi phước phi phước đã tạo nên nói là biến chuyển chăng?

Đáp: Khi ngủ nghỉ hoặc phước đã tạo nên nói là biến chuyển. Hoặc phi phước đã tạo nên nói là biến chuyển. Hoặc phi phước phi phước đã tạo nên nói là biến chuyển.

Thế nào là khi ngủ nghỉ, phước đã tạo nên nói là biến chuyển? Như trong mộng đã hành thí và tạo phước như giữ giới, thủ trai. Như khi ngủ nghỉ, các thứ phước khác được tạo khiến tâm biến chuyển. Vì sao? Vì như tâm thiện hiện hữu nơi giấc ngủ. Như thế khi ngủ nghỉ, phước đã tạo nên nói là biến chuyển.

Thế nào là khi ngủ nghỉ, phi phước đã tạo nên nói là biến chuyển? Như trong mộng đã hành sát sinh, trộm cắp, hành tà dâm, hoặc nói dối, uống rượu. Như khi ngủ nghỉ, các thứ phi phước khác khiến tâm chuyển biến. Vì sao? Vì như tâm bất thiện hiện hữu cùng với giấc ngủ. Như thế khi ngủ nghỉ, phi phước đã tạo nên nói là biến chuyển.

Thế nào là khi ngủ nghỉ, phi phước phi phi phước đã tạo nên nói là biến chuyển? Như khi ngủ nghỉ, tâm phi phước, tâm phi phi phước đã biến chuyển. Vì sao? Vì như tâm vô ký hiện hữu với giấc ngủ. Như thế khi ngủ nghỉ, phi phước phi phi phước đã tạo nên nói là biến chuyển.

Hỏi: Mộng gọi là pháp gì?

Đáp: Khi ngủ nghỉ, tâm tâm niệm pháp (tâm tâm sở pháp) chuyển biến nơi đối tượng duyên. Người kia sau khi thức giấc, liền nhớ nghĩ, như nói: Tôi đã nằm mộng thấy các sự việc như thế như thế.

Hỏi: Năm cái gồm thân các cái hay các cái gồm thân năm cái?

Đáp: Các cái gồm thân năm cái, không phải năm cái gồm thân các cái. Những gì là không gồm thân? Là cái vô minh.

Đức Thế Tôn cũng nói:

*Vô minh che lấp
Kiết ái trói buộc
Ngu si như thế
Có được thân này
Thông sáng cũng vậy.*

Hỏi: Các cái chúng là che lấp chăng?

Đáp: Hoặc có cái không phải là che lấp.

Thế nào là cái không phải là che lấp? Là năm cái quá khứ, vị lai. Đây gọi là cái không phải là che lấp.

Thế nào là che lấp không phải là cái? Là trừ năm cái, các kiết sử khác đang hiện ở trước. Đây gọi là che lấp không phải là cái.

Thế nào là cái cũng là che lấp? Là năm cái lần lượt hiện ở trước. Đây gọi là cái cũng là che lấp.

Thế nào là không phải cái cũng không phải là che lấp? Là trừ các sự việc đã nêu trên.

Hỏi: Các sử vô minh (tùy miên vô minh) hệ thuộc cõi Dục, tất cả sử vô minh đó là bất thiện chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các sử vô minh hệ thuộc cõi Dục, tất cả sử vô minh đó là bất thiện.

Hỏi: Từng có sử vô minh hệ thuộc cõi Dục không phải là bất thiện chăng?

Đáp: Có. Là sử vô minh nơi cõi Dục tương ưng với thân kiến, biên kiến.

Hỏi: Các sử vô minh của cõi Sắc, cõi Vô sắc, tất cả sử vô minh đó là vô ký chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các sử vô minh của cõi Sắc, cõi Vô sắc, tất cả chúng đều là vô ký.

Hỏi: Từng có sử vô minh vô ký không phải hệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có. Là sử vô minh nơi cõi Dục tương ưng với thân kiến, biên kiến.

Hỏi: Các sử vô minh do khổ đế, tập đế (kiến khổ, kiến tập) đoạn trừ, tất cả chúng là nhất thiết biến (biến hành) chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các sử vô minh nhất thiết biến, tất cả chúng đều do khổ đế, tập đế đoạn trừ.

Hỏi: Từng có sử vô minh do khổ đế, tập đế đoạn trừ, chúng không phải là nhất thiết biến (biến hành) chăng?

Đáp: Có. Là vô minh tương ưng với sử (tùy miên) không phải nhất thiết biến do khổ đế, tập đế đoạn trừ.

Hỏi: Các sử vô minh do tận đế, đạo đế (kiến diệt, kiến đạo) đoạn trừ, tất cả chúng không phải là nhất thiết biến (biến hành) chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các sử vô minh do tận đế, đạo đế đoạn trừ không phải là nhất thiết biến.

Hỏi: Từng có sử vô minh không phải là nhất thiết biến không phải do tận đế, đạo đế đoạn trừ chăng?

Đáp: Có. Là vô minh tương ưng với sử không phải là nhất thiết biến, do khổ đế, tập đế đoạn trừ.

Hỏi: Thế nào là sử vô minh không chung?

Đáp: Là đối với khổ không nhãn, đối với tập, tận, đạo không nhãn. (Nhãn: Hiểu rõ)

Hỏi: Thế nào là triền điệu (trạo cử) không chung?

Đáp: Không có triền điệu không chung.

HẾT - QUYỂN 2

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

QUYỂN 3

Kiên độ thứ 1: TẠP

Phẩm 6: BÀN VỀ SẮC

Pháp sắc nơi sinh, lão, vô thường nên nói là sắc hay nên nói không phải là sắc? Các pháp vô sắc, có thể thấy, không thể thấy, có đối, không đối, hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, quá khứ, vị lai, hiện tại, thiện, bất thiện, vô ký, hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc, học, vô học, phi học phi vô học, pháp do kiến đế đoạn, do tư duy đoạn, không đoạn nơi sinh, lão, vô thường nên nói là v.v... do kiến đế đoạn, nên nói là do tư duy đoạn, nên nói là không đoạn chẳng?

Thế nào là lão? Thế nào là tử? Thế nào là vô thường? Các thứ tử, chúng là vô thường chẳng? Nếu như là vô thường thì đó là tử chẳng?

Sức của hành (nghiệp) mạnh hay sức của vô thường mạnh?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Có ba tướng hữu vi của các pháp hữu vi. Chúng hưng, suy, trụ từng ấy nơi một tâm”. Thế nào là hưng (khởi)? Thế nào là suy? Thế nào là trụ từng ấy (dị)?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

Hỏi: Pháp sắc nơi sinh, lão, vô thường nên nói là sắc hay nên nói không phải là sắc?

Đáp: Nên nói không phải là sắc. Pháp vô sắc nơi sinh, lão, vô thường nên nói tức là vô sắc.

Pháp có thể thấy nơi sinh, lão, vô thường nên nói tức là không thể thấy. Pháp không thể thấy nơi sinh, lão, vô thường nên nói tức là không thể thấy.

Pháp có đối nơi sinh, lão, vô thường nên nói tức là không đối. Pháp không đối nơi sinh, lão, vô thường nên nói tức là không đối.

Pháp hữu lậu nơi sinh, lão, vô thường nên nói tức là hữu lậu. Pháp vô lậu nơi sinh, lão, vô thường nên nói tức là vô lậu.

Pháp hữu vi nơi sinh, lão, vô thường nên nói tức là hữu vi. Pháp vô vi nơi sinh, lão, vô thường nên nói tức là vô vi.

Pháp quá khứ nơi sinh, lão, vô thường nên nói tức là quá khứ. Pháp vị lai nơi sinh, lão, vô thường nên nói tức là vị lai. Pháp hiện tại nơi sinh, lão, vô thường nên nói tức là hiện tại.

Pháp thiện nơi sinh, lão, vô thường nên nói tức là thiện. Pháp bất thiện nơi sinh, lão, vô thường nên nói tức là bất thiện. Pháp vô ký nơi sinh, lão, vô thường nên nói tức là vô ký.

Pháp hệ thuộc cõi Dục nơi sinh, lão, vô thường nên nói tức là hệ thuộc cõi Dục. Pháp hệ thuộc cõi Sắc nơi sinh, lão, vô thường nên nói tức là hệ thuộc cõi Sắc. Pháp hệ thuộc cõi Vô sắc nơi sinh, lão, vô thường nên nói tức là hệ thuộc cõi Vô sắc.

Pháp học nơi sinh, lão, vô thường nên nói tức là học. Pháp vô học nơi sinh, lão, vô thường nên nói tức là vô học. Pháp phi học phi vô học nơi sinh, lão, vô thường nên nói tức là phi học phi vô học.

Pháp do kiến đế đoạn nơi sinh, lão, vô thường nên nói tức là do kiến đế đoạn. Pháp do tư duy đoạn nơi sinh, lão, vô thường nên nói

tức là do tư duy đoạn. Pháp không đoạn nơi sinh, lão, vô thường nên nói tức là không đoạn.

Hỏi: Thế nào là lão (già)?

Đáp: Các hành suy thoái, căn chín muối, hư hoại, thân sắc biến đổi bị già cõi tiêu hủy. Đó gọi là già.

Hỏi: Thế nào là tử (chết)?

Đáp: Chúng sinh kia nơi xứ sinh của mình hoặc mạng chung, sẽ mạng chung, thoái mất không hiện, thọ mạng tan hoại, dứt bỏ ấm, mạng căn ngừng hoạt động. Đó gọi là chết.

Hỏi: Thế nào là vô thường?

Đáp: Các hành tan, thoái, diệt mất. Đó gọi là vô thường.

Hỏi: Các thứ tử (chết), chúng là vô thường chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các thứ chết, chúng đều là vô thường.

Hỏi: Từng có vô thường không phải là chết chăng?

Đáp: Có. Là các hành diệt khác, trừ chết.

Hỏi: Sức của hành (nghiệp) mạnh hay sức của vô thường mạnh?

Đáp: Sức của hành (nghiệp) mạnh không phải là sức của vô thường mạnh. Hành: Là hành nơi quá khứ, vị lai, hiện tại. Vô thường: Là hành hiện tại tan hoại.

Hoặc có thuyết nói: Sức của vô thường mạnh không phải là sức của hành mạnh, vì hành (nghiệp) cũng là vô thường.

Ở trong nghĩa này, sức của hành mạnh không phải là sức của vô thường mạnh. Vì sao? Vì hành (nghiệp) có thể diệt hành của ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại. Còn vô thường chỉ diệt hành hiện tại.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Có ba tướng hữu vi của các pháp hữu vi. Chúng hưng, suy, trụ từng ấy nơi một tâm”.

Hỏi: Thế nào là hưng (khởi)? Thế nào là suy? Thế nào là trụ từng ấy (dị)?

Đáp: Hưng (Khởi) nghĩa là sinh. Suy nghĩa là vô thường. Trụ từng ấy (dị) nghĩa là già.

Phẩm 7: BÀN VỀ VÔ NGHĨA

Lại như Đức Thế Tôn nói:

*Biết cùng vô nghĩa
Các không giữ giới
Nghĩa không được kia
Như khi hiện, ẩn.*

Do những gì cùng với vô nghĩa, các thứ không giữ giới, Đức Thế Tôn nói là khổ.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Tỳ-kheo kia thân ngồi ngay ngắn, buộc niệm ở trước”. Thế nào là buộc niệm ở trước?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Mục-kiền-liên! Phạm thiên Đề-xá không nói người hành vô tướng thứ sáu”. Thế nào là người hành vô tướng thứ sáu? (Trụ vô tướng thứ sáu)

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Bấy giờ, khi nghe pháp xong, Thần đất liền cất tiếng nói lớn: Đức Thế Tôn chuyển pháp luân trong vườn Lộc uyển, xứ Tiên nhân thuộc thành Ba-la-nại. Hoặc Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên ma, Phạm thiên, hoặc thế gian chưa từng có chuyển pháp luân”. Thần đất có trí này nên nhận biết Đức Thế Tôn chuyển pháp luân chăng?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Tỳ-kheo kia đăc A-la-hán dứt hết các lậu, chư Thiên nơi cõi trời Ba Mươi Ba tập hợp tại giảng đường

Thiện pháp, thường xuyên vân tập đến đây để nói rõ nơi xứ kia có Tôn giả tên v.v..., hoặc đệ tử của Tôn giả kia ở tại thôn xóm đó đã cạo bỏ râu tóc, chánh tín xuất gia, mặc cà sa, làm đạo nhân, dứt hết hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ở trong hiện pháp tự biết hành tác chứng: Sự sinh đã hết, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, danh sắc đã có nhận biết như thật”. Chư Thiên nơi cõi trời Ba Mươi Ba có trí này nên nhận biết Tỳ-kheo dứt hết các lậu chằng?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Các vị Hóa pháp giáo hóa (Hóa pháp điều phục) cũng như các vị Hương pháp thứ pháp (Pháp tùy pháp hành), tám vạn bốn ngàn đại thần ở nước Ma-kiệt ba kiết đã tận, được quả Tu-đà-hoàn, không đọa vào nẻo ác, pháp định chánh đạo qua lại đến bảy Hữu, bảy lần sinh nơi nẻo người trời dứt hết biên vực khổ”. Thế nào là Hóa pháp giáo hóa? Thế nào là Hương pháp thứ pháp?

Thế nào là nhiều dục? Thế nào là không chán (Không biết đủ)? Nhiều dục và không chán có gì sai biệt?

Thế nào là thiếu dục? Thế nào là nhàm chán (Biết đủ)? Thiếu dục và nhàm chán có gì sai biệt?

Thế nào là khó đầy? Thế nào là khó nuôi dưỡng?

Thế nào là dễ đầy? Thế nào là dễ nuôi dưỡng?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Lại như Đức Thế Tôn nói:

*Biết cùng vô nghĩa
Các không giữ giới
Nghĩa không được kia
Như khi hiện, ẩn.*

Hỏi: Do những gì cùng với vô nghĩa, các thứ không giữ giới, Đức Thế Tôn nói là khổ.

Đáp: Đó là con đường chết, cùng chết, tướng chết, không phải tu hạnh khổ như thế, có thể lìa khỏi cái chết. Do đó nên cùng với vô nghĩa, các thứ không giữ giới, Đức Thế Tôn nói là khổ.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Tỳ-kheo kia thân ngồi ngay ngắn, buộc niệm ở trước”.

Hỏi: Thế nào là buộc niệm ở trước?

Đáp: Hành giả kia tiếp cận nơi phương tiện tử, thiện, chánh niệm. Tướng (Quán) đến xương, tướng màu xanh bầm, tướng các khúc xương nối kết, tướng thi thể sinh tướng, tướng ăn bất tịnh, tướng thân bị đốt cháy, tướng của lóng xương dời đi chỗ khác. Đó gọi là buộc niệm ở trước.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Mục-kiền-liên! Phạm thiên Đề-xá không nói người hành vô tướng thứ sáu”.

Hỏi: Thế nào là người hành vô tướng thứ sáu? (Trụ vô tướng thứ sáu)

Đáp: Kiên tín, Kiên pháp (Tùy tín hành, Tùy pháp hành) đối với nghĩa này hiện là người vô tướng thứ sáu. Vô tướng kia không thể nêu bày, không thể thiết lập, hoặc trụ ở đây, hoặc trụ ở kia, đều không thể tính. Hoặc khổ pháp nhãn, hoặc khổ pháp trí, hoặc khổ vị tri nhãn, hoặc khổ vị tri trí, hoặc tập pháp nhãn, hoặc tập pháp trí, hoặc tập vị tri nhãn, hoặc tập vị tri trí, hoặc tận pháp nhãn, hoặc tận pháp trí, hoặc tận vị tri nhãn, hoặc tận vị tri trí, hoặc đạo pháp nhãn, hoặc đạo pháp trí, hoặc đạo vị tri nhãn, hoặc đạo vị tri trí. Vô tướng như thế là không thể nêu bày, không thể thiết lập, hoặc trụ ở đây, hoặc trụ ở kia. Do đó nên Kiên tín, Kiên pháp (Tùy tín hành, Tùy pháp hành) đối với nghĩa này hiện là người vô tướng thứ sáu.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Bấy giờ, khi nghe pháp xong, Thần đất liền cất tiếng nói lớn: Đức Thế Tôn chuyển pháp luân trong vườn Lộc uyển, xứ Tiên nhân thuộc thành Ba-la-nại. Hoặc Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên ma, Phạm thiên, hoặc thế gian chưa từng có chuyển pháp luân”. Thần đất có trí này nên nhận biết Đức Thế Tôn chuyển pháp luân chăng?

Đáp: Không nhận biết.

Hỏi: Làm sao nhận biết được?

Đáp: Đức Thế Tôn khởi tâm thế tục: “Ta chuyển pháp luân, Tỳ-kheo tên v.v... được thấy pháp”, nên Thần đất kia nhận biết. Hoặc Đức Phật nói với người khác: “Ta chuyển pháp luân, Tỳ-kheo tên v.v... được thấy pháp”. Thần đất kia đã nghe. Hoặc Tôn giả kia cũng khởi tâm thế tục: “Đức Thế Tôn chuyển pháp luân, ta đã thấy pháp”. Người ở đây, ở kia nhận biết, cũng tiếp tục nói với người khác: “Đức Phật chuyển pháp luân, ta đã thấy pháp”. Thần đất kia đã nghe, hoặc nghe từ Đại Tôn Thiên.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Tỳ-kheo kia đắc A-la-hán dứt hết các lậu, chư Thiên nơi cõi trời Ba Mươi Ba tập hợp tại giảng đường Thiện pháp, thường xuyên vân tập đến đây để nói rõ nơi xứ kia có Tôn giả tên v.v..., hoặc đệ tử của Tôn giả kia ở tại thôn xóm đó đã cạo bỏ râu tóc, chánh tín xuất gia, mặc cà sa, làm đạo nhân, dứt hết hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ở trong hiện pháp tự biết hành tác chứng: Sự sinh đã hết, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, danh sắc đã có nhận biết như thật”.

Hỏi: Chư Thiên nơi cõi trời Ba Mươi Ba có trí này nên nhận biết Tỳ-kheo dứt hết các lậu chăng?

Đáp: Không nhận biết.

Hỏi: Làm sao nhận biết được?

Đáp: Đức Thế Tôn khởi tâm thế tục: “Tỳ-kheo này tên là v.v..., đã đăc A-la hán dứt hết các lậu”, nên chư Thiên kia nhận biết. Hoặc do Phật nói với người khác: “Tỳ-kheo đó đã dứt hết các lậu, đăc A-la-hán”. Chư Thiên kia đã nghe. Hoặc Tôn giả kia cũng khởi tâm thế tục: “Ta đã dứt hết các lậu, chứng quả A-la-hán”, do đăy chư Thiên nhận biết. Hoặc nghe từ vị Đại Tôn Thiên.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Các vị Hóa pháp giáo hóa (Hóa pháp điều phục) cũng như các vị Hương pháp thứ pháp (Pháp tùy pháp hành), tám vạn bốn ngàn đại thần ở nước Ma-kiệt ba kiết đã tận, đưọc quả Tu-đà-hoàn, không đọa vào nẻo ác, pháp đđnh chánh đạo qua lại đđn bảy Hữu, bảy lần sinh nơi cõi người trời dứt hết biên vực khổ”. Thế nào là Hóa pháp giáo hóa? Thế nào là Hương pháp thứ pháp?

Hỏi: Thế nào là Hóa pháp giáo hóa?

Đáp: Các đại thần nước Ma-kiệt đã sinh lên cõi trời và thấy pháp. Đó gọi là Hóa pháp giáo hóa.

Hỏi: Thế nào là Hương pháp thứ pháp?

Đáp: Các đại thần nước Ma-kiệt đã thấy pháp lúc còn làm người trước kia. Đó gọi là Hương pháp thứ pháp.

Hỏi: Thế nào là nhiều dục?

Đáp: Là chưa đưọc các thứ sắc, thanh, hương, vị, tế hoạt (xúc), y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc chữa trị bệnh, đđi với chúng ham muốn, đã ham muốn, sẽ ham muốn. Đó gọi là nhiều dục.

Hỏi: Thế nào là không chán (Không biết đđ)?

Đáp: Là đã đưọc các thứ sắc, thanh, hương, vị, tế hoạt (xúc), y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc thang trị bệnh, đđi với chúng không vui mừng, không khéo vui mừng, cũng không vui mừng nơi

kẻ khác, không chán, không khéo chán lia, cũng không chán nơi kẻ khác. Đó gọi là không chán.

Hỏi: Nhiều dục và không chán có gì sai biệt?

Đáp: Chưa được các thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc, y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc thang trị bệnh, đối với chúng mong cầu, dốc sức cầu tìm, duyên theo phương tiện khéo léo để đạt được. Đó là nhiều dục.

Đã được các thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc, y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc thang trị bệnh, đối với chúng tạo phương tiện, tạo mong muốn, tạo mong nguyện, tạo nhớ nghĩ, được ít không vui mừng, được ít không khéo vui mừng, không vui mừng đối với người khác. Đó là không chán.

Nhiều dục và không chán sai biệt là như vậy.

Hỏi: Thế nào là thiếu dục?

Đáp: Là chưa được các thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc, y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc thang trị bệnh, đối với chúng không ham muốn, đã không ham muốn, sẽ không ham muốn. Đó gọi là thiếu dục.

Hỏi: Thế nào là nhàm chán (Biết đủ)?

Đáp: Là đã được các thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc, y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc thang trị bệnh, đối với chúng đã vui mừng, khéo vui mừng, cũng khéo vui mừng đối với kẻ khác, nhàm chán, khéo nhàm chán, khéo nhàm chán đối với người khác. Đó gọi là nhàm chán.

Hỏi: Thiếu dục và nhàm chán có gì sai biệt?

Đáp: Chưa được các thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc, y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc thang trị bệnh, đối với chúng không

cầu mong, không dốt cầu tìm, không duyên nơi phương tiện khéo léo để có được. Đó là thiếu dục.

Đã được các thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc, y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc thang trị bệnh, đối với chúng không tạo phương tiện, không tạo mong muốn, không tạo nguyện mong, không tạo nhớ nghĩ nữa, được một ít là vui mừng, được một ít là khéo vui mừng, được vui mừng đối với người khác. Đó là nhàm chán.

Thiếu dục và nhàm chán sai biệt là như thế.

Hỏi: Thế nào là khó đầy?

Đáp: Là muốn ăn nhiều, ham muốn uống nhiều. Đó gọi là khó đầy.

Hỏi: Thế nào là khó nuôi dưỡng?

Đáp: Là tham ăn, thường trông mong được ăn. Đó gọi là khó nuôi dưỡng.

Hỏi: Thế nào là dễ đầy?

Đáp: Là không tham ăn to, không uống lớn, không trông mong về ăn uống. Đó gọi là dễ đầy.

Hỏi: Thế nào là dễ nuôi dưỡng?

Đáp: Là không tham ăn, thường không trông mong được ăn. Đó gọi là dễ nuôi dưỡng.

Phẩm 8: BÀN VỀ TƯ

Thế nào là tư? Thế nào là tưởng? Tư, tưởng có gì sai biệt?

Thế nào là giác (Tâm)? Thế nào là quán (Tứ)? Giác, quán có gì sai biệt?

Thế nào là trạo? Thế nào là tâm loạn? Trạo và tâm loạn có gì sai biệt?

Thế nào là vô minh? Thế nào là không thuận với trí?

Thế nào là mạn? Thế nào là kiêu? Mạn, kiêu có gì sai biệt?

Nếu sinh tăng thượng mạn: “Ta thấy khở là khở”. Tăng thượng mạn này duyên vào gì? Nếu sinh tăng thượng mạn: “Ta thấy tập là tập, thấy tận (diệt) là tận, thấy đạo là đạo”. Tăng thượng mạn này duyên vào gì? Nếu sinh tăng thượng mạn: “Sự sinh của ta đã hết, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, danh sắc đã có nhận biết như thật”. Tăng thượng mạn này duyên vào gì?

Thế nào là đối với thấp kém dấy khởi mạn?

Thế nào là khởi giác dục tự hại? Thế nào là hại người khác? Thế nào là cùng hại? Thế nào là khởi giác giận tự hại? Thế nào là hại người khác? Thế nào là cùng hại? Thế nào là khởi giác sát tự hại? Thế nào là hại người khác? Thế nào là cùng hại?

Biết nhiều (Cảnh nhiều) hay là trí nhiều? Trí nhiều hay là thức nhiều? Hành hữu lậu nhiều hay là hành vô lậu nhiều? Hữu vi nhiều hay là vô vi nhiều?

Thế nào là Hành sự thành (Hành viên mãn)? Thế nào là Trừ sự thành (Hộ viên mãn)?

Thế nào là tánh phàm phu? Tánh phàm phu: Nên nói là thiện, là bất thiện, là vô ký chẳng? Nên nói hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc chẳng? Nên nói do kiến đế đoạn, do tư duy đoạn chẳng? Tánh phàm phu gọi là pháp gì?

Các pháp tương ưng với tà kiến thì chúng cũng tương ưng với tà chí (tà tư duy) chẳng? Nếu như tương ưng với tà chí là tương ưng với tà kiến chẳng? Các pháp tương ưng với tà kiến thì chúng cũng tương ưng với tà phương tiện (tà tinh tấn), tà niệm, tà định chẳng?

Nếu như tương ưng với tà phương tiện, tà niệm, tà định là tương ưng với tà kiến chăng? Cho đến: Các pháp tương ưng với tà niệm thì chúng cũng tương ưng với tà định chăng? Nếu như tương ưng với tà định là tương ưng với tà niệm chăng?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Hỏi: Thế nào là tư?

Đáp: Các tư cùng tư, tư tăng trưởng, tâm hành, ý tạo tác. Đó gọi là tư.

Hỏi: Thế nào là tướng?

Đáp: Các tướng cùng tướng, duyên nơi tướng, hợp quán. Đó gọi là tướng.

Hỏi: Tư, tướng có gì sai biệt?

Đáp: Tư là hành (Nghịệp). Tướng (Lự) là tuệ. Tư, tướng sai biệt là như vậy.

Hỏi: Thế nào là giác (Tâm)?

Đáp: Các tâm xét biết, dần dần xét biết, tiếp theo là phân biệt, phân biệt dần dần. Đó gọi là giác (Tâm).

Hỏi: Thế nào là quán (Tứ)?

Đáp: Các sự chọn lựa, mỗi mỗi chọn lựa đều thuận hợp, sự chọn lựa thuận với khảo xét chuyên biến, nối tiếp thuận đến cảnh giới. Đó gọi là quán (Tứ).

Hỏi: Giác, quán có gì sai biệt?

Đáp: Tâm hành thô là giác, tâm hành vi tế là quán. Đó là sự sai biệt.

Hỏi: Thế nào là trạo?

Đáp: Tâm không thôi, không dứt, tâm dao động phát khởi mạnh mẽ. Đó gọi là trạo (trạo cử).

Hỏi: Thế nào là tâm loạn?

Đáp: Tâm phân tán, tâm rối loạn, tâm vọng, tâm động, không nhất tâm. Đó gọi là tâm loạn.

Hỏi: Trạo, tâm loạn có gì sai biệt?

Đáp: Tướng không thôi dứt là trạo, tướng không nhất tâm là tâm loạn. Đó là sự sai biệt.

Hỏi: Thế nào là vô minh?

Đáp: Là không nhận biết về ba cõi.

Hỏi: Thế nào là không thuận với trí (Không chánh trí)?

Đáp: Là tuệ không có phương tiện thiện xảo.

Hỏi: Như thế tuệ không có phương tiện thiện xảo là không thuận với trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Từng có lời nói thế này: Những người thuận với trí nhưng nói dối, họ đều là thất ý (thất niệm) không thuận với trí nên nói dối chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Từng có lời nói như vậy: Thuận với trí là không nói dối chăng?

Đáp: Không phải. Hãy nghe lời tôi nói: Thuận với các trí nhưng nói dối, tất cả người kia đều thất ý (thất niệm) không thuận với trí.

Hỏi: Nếu thuận với trí nhưng nói dối, người kia nói thế này: Thuận với trí là không nói dối chăng?

Đáp: Tuy nói lời ấy nhưng việc này không như vậy. Không nên nói lời nói này: Thuận với trí không có nói dối. Chỉ thuận với trí mà nói dối, tất cả học đều là thất ý, không thuận với trí. Thuận với trí nhưng nói dối, không nên nói thuận với các trí nói dối, vì tất cả đều là thất ý không thuận với trí. Thuận với trí nhưng nói dối, việc này không như thế.

Tùng có thuyết nói thế này: Tất cả vô minh đều tương ưng với không thuận với trí chẳng? Các kẻ thuận với trí nhưng nói dối, tất cả đều thuộc về chôn của vô minh, bị vô minh trói buộc làm cho ngu tối, thất ý, không thuận với trí nên gọi là thuận với trí nhưng nói dối chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Tùng có lời nói: Thuận với trí thì không nói dối chẳng?

Đáp: Không phải thế. Hãy nghe lời tôi nói: Nếu tất cả vô minh đều tương ưng với không thuận với trí, các kẻ thuận với trí nhưng nói dối, tất cả đều thuộc về chôn của vô minh, bị vô minh trói buộc làm cho ngu tối, thất ý, không thuận với trí.

Hỏi: Tùng có trí nhưng nói dối, người kia lại nói thế này: Thuận với trí không có nói dối chẳng?

Đáp: Tuy có lời nói ấy, nhưng sự việc ấy không như vậy. Không nên tạo ra lời nói như vậy: Thuận với trí tức không có nói dối. Song hết thảy vô minh đều tương ưng với không thuận với trí, đối với kẻ thuận với trí nhưng nói dối, tất cả đều thuộc về nơi chôn của vô minh, bị vô minh trói buộc làm cho ngu tối, thất ý, nên không thuận với trí. Thuận với trí nhưng nói dối, sự việc này không như vậy.

Hỏi: Thế nào là mạn?

Đáp: Đối với thấp kém cho là tốt đẹp, tự cho là hơn. Đối với tốt đẹp tự cho là tương tự, từ đây khởi mạn, tạo tâm ngạo mạn đầy mạnh. Đó gọi là mạn.

Hỏi: Thế nào là kiêu?

Đáp: Tức cho ta sinh trong dòng họ hơn hẳn, sắc tộc, kỹ thuật, nghề nghiệp, giàu có, đoan nghiêm, đều hơn, từ đấy khởi kiêu ngạo, tạo đủ mọi cách kiêu căng, nhất nhất đều hiện vẻ kiêu hãnh. Đó gọi là kiêu.

Hỏi: Mạn, kiêu có gì sai biệt?

Đáp: Đối với duyên nơi người khác, tâm hơn hết dấy khởi mạnh, đó là tướng mạn. Ở trong pháp của mình, tâm có nhiễm ô, kiêu ngạo, đó là tướng kiêu. Mạn, kiêu sai biệt là như thế.

Nếu sinh tăng thượng mạn: “Ta thấy khổ là khổ”.

Hỏi: Tăng thượng mạn này duyên vào gì?

Đáp: Như có một người tương đắc với bậc thiện tri thức, theo vị ấy nghe pháp, nội tâm suy nghĩ đạt Thuận khổ nhẫn (Thuận nhẫn đế). Khổ kia là sự vui nhận khổ của ý mong muốn. Như thế, khi tư duy tương ưng với nhẫn, tư duy không dối, ở trong khoảng đó, kiến, nghi không hiện hành, nếu như có hiện hành cũng lại không biết, nên có suy nghĩ này: “Ta thấy khổ là khổ, từ đấy dấy khởi mạn”. Đó gọi là tăng thượng mạn.

Hỏi: Tăng thượng mạn này duyên vào gì?

Đáp: Tức duyên nơi khổ.

“Ta thấy tập là tập” cũng như vậy.

Nếu sinh tăng thượng mạn: “Ta thấy tận (diệt) là tận”.

Hỏi: Tăng thượng mạn này duyên vào gì?

Đáp: Như có một người tương đắc với bậc thiện tri thức, theo vị ấy nghe pháp, nội tâm suy nghĩ được Thuận tận nhẫn (Thuận nhẫn đế). Tận kia là sự vui nhận về tận của ý mong muốn. Như thế, khi tư duy tương ưng với nhẫn, tư duy không dối, ở trong khoảng đó, kiến,

nghi không hiện hành, nếu như có hiện hành cũng lại không biết, nên có suy nghĩ này: “Ta thấy tận là tận, từ đây đây khởi mạn”. Đó gọi là tăng thượng mạn.

Hỏi: Tăng thượng mạn này duyên vào gì?

Đáp: Tức duyên nơi tận (diệt).

“Ta thấy đạo là đạo” cũng như vậy.

Nếu sinh tăng thượng mạn: “Sự sinh của ta đã hết”.

Hỏi: Tăng thượng mạn này duyên vào gì?

Đáp: Như có một người khởi suy nghĩ như vậy: “Đạo này, dấu vết (hành) này, ta dựa vào đạo này, dấu vết này, đã nhận biết khổ, đã đoạn trừ tập, đã tác chứng tận (diệt), đã tư duy (tu tập) đạo: Sự sinh của ta đã hết, từ đây đây khởi mạn”. Đó gọi là tăng thượng mạn.

Hỏi: Tăng thượng mạn này duyên vào gì?

Đáp: Tức duyên nơi sinh kia.

Nếu sinh tăng thượng mạn: “Phạm hạnh của ta đã thành”.

Hỏi: Tăng thượng mạn này duyên vào gì?

Đáp: Như có một người khởi suy nghĩ như vậy: “Đạo này, dấu vết (hành) này, ta nương vào đạo ấy, dấu vết ấy, đã nhận biết khổ, đã đoạn trừ tập, đã tác chứng tận, đã tư duy (tu tập) đạo: Phạm hạnh của ta đã thành tựu, từ đây đây khởi mạn”. Đó gọi là tăng thượng mạn.

Hỏi: Tăng thượng mạn này duyên vào gì?

Đáp: Tức duyên nơi tâm, tâm sở niệm pháp kia.

Nếu sinh tăng thượng mạn: “Việc làm của ta đã xong”.

Hỏi: Tăng thượng mạn này duyên vào gì?

Đáp: Như có một người khởi suy nghĩ như vậy: “Đạo này, dấu vết (hành) này, ta dựa vào đạo ấy, dấu vết ấy, đã nhận biết khổ, đã đoạn trừ tập, đã tác chứng tận, đã tư duy (tu tập) đạo, ta đã dứt bỏ sử, đã diệt hết kiết, đã loại bỏ hẳn các kiết: “Việc làm của ta đã xong, từ đây dứt khởi mạn”. Đó gọi là tăng thượng mạn.

Hỏi: Tăng thượng mạn này duyên vào gì?

Đáp: Tức duyên nơi tâm, tâm sở niệm pháp kia.

Nếu sinh tăng thượng mạn: “Danh sắc của ta đã có nhận biết như thật” (Ta không còn thọ thân sau).

Hỏi: Tăng thượng mạn này duyên vào gì?

Đáp: Như có một người khởi suy nghĩ như vậy: “Đạo này, dấu vết (hành) này, ta nương nơi đạo ấy, dấu vết ấy, đã nhận biết khổ – không còn nhận biết nữa, đã đoạn trừ tập – không còn đoạn trừ nữa, đã tác chứng tận – không còn tác chứng nữa, đã tư duy (tu tập) đạo – không còn tư duy nữa: Danh sắc của ta đã có nhận biết như thật, từ đây dứt khởi mạn”. Đó gọi là tăng thượng mạn

Hỏi: Tăng thượng mạn này duyên vào gì?

Đáp: Tức duyên nơi tâm, tâm sở niệm pháp kia.

Hỏi: Thế nào là đối với thấp kém dứt khởi mạn?

Đáp: Như có một người thấy người khác hơn hẳn mình về nhiều mặt: Hoặc đời sống, hoặc dòng họ, thân sắc chủng tộc, hành nghiệp, kỹ thuật, hoặc giàu sang, hoặc giữ giới, thấy xong bèn khởi suy nghĩ: Người này chỉ hơn ta một ít, ta chỉ thua kém kẻ ấy một ít, nhưng thật sự là thua kém quá nhiều, gấp hàng trăm lần, nên dứt khởi mạn. Đó gọi là đối với thấp kém dứt khởi mạn.

Thế nào là khởi giác dục (Tâm dục) tự hại? Thế nào là hại người khác? Thế nào là cùng hại?

Hỏi: Thế nào là khởi giác dục (Tâm dục) tự hại?

Đáp: Như có người do khởi triền dâm dục (tham) nên khiến thân nóng bức, tâm nóng bức, thân bị thiêu đốt, tâm bị thiêu đốt. Cũng lại bị triền dâm dục (tham) trói buộc, nên phải thọ báo không vui, không hợp, không đáng yêu thích nơi cõi sinh tử. Như thế là tự hại.

Hỏi: Thế nào là hại người khác?

Đáp: Như có kẻ do khởi triền dâm dục (tham), trông ngóng nơi vợ người khác, khiến người chồng kia khởi tâm giận dữ. Như thế là hại người khác.

Hỏi: Thế nào là cùng hại?

Đáp: Như có kẻ bị triền dâm dục (tham) trói buộc, trộm dâm vợ người khác, chồng của bà ấy biết được, bắt trói cả hai, đánh đập, giết chết. Như thế là cùng hại.

Thế nào là khởi giác giận (Tâm giận) tự hại? Thế nào là hại người khác? Thế nào là cùng hại?

Hỏi: Thế nào là khởi giác giận (Tâm giận) tự hại?

Đáp: Như có người do khởi triền giận khiến thân nóng bức, tâm nóng bức, thân bị thiêu đốt, tâm bị thiêu đốt. Cũng lại bị triền giận dữ trói buộc, nên phải thọ báo không vui, không hợp, không đáng yêu thích nơi cõi sinh tử. Như thế là tự hại.

Hỏi: Thế nào là hại người khác?

Đáp: Như có kẻ do khởi triền giận dữ nên đánh giết người khác, hoặc bằng tay, gậy, đá, hoặc bằng dao. Như thế là hại người khác.

Hỏi: Thế nào là cùng hại?

Đáp: Như có kẻ bị triền giận dữ trói buộc nên đánh người khác, hoặc bằng tay, gậy, hoặc bằng đá, dao. Người kia cũng dùng tay, gậy, đá, dao v.v... đánh đập lại. Như thế là cùng hại.

Thế nào là khởi giác sát (Tâm hại) tự hại? Thế nào là hại người khác? Thế nào là cùng hại?

Hỏi: Thế nào là khởi giác sát (Tâm hại) tự hại?

Đáp: Như có người do khởi triền sát hại nên thân tâm nóng bức, thân bị thiêu đốt, tâm bị thiêu đốt. Cũng lại bị triền sát hại trói buộc, nên phải thọ báo không vui, không hợp, không đáng yêu thích nơi cõi sinh tử. Như thế là tự hại.

Hỏi: Thế nào là hại người khác?

Đáp: Như có kẻ bị triền sát hại trói buộc, nên đoạn dứt mạng người khác. Như thế là hại người khác.

Hỏi: Thế nào là cùng hại?

Đáp: Như có kẻ do khởi triền sát hại nên đoạn dứt mạng người khác. Người khác cũng đáp trả sự đoạn mạng này. Như thế là cùng hại.

Hỏi: Biết nhiều (Cảnh nhiều) hay là trí nhiều?

Đáp: Biết nhiều (Cảnh nhiều) không phải là trí nhiều. Vì trí cũng là biết (Cảnh).

Hỏi: Trí nhiều hay là thức nhiều?

Đáp: Thức nhiều không phải là trí nhiều. Vì tất cả trí thuộc về thức, thức không phải thuộc về trí. Không gồm thân những gì? Là thức tương ưng với nhãn.

Hỏi: Hành hữu lậu nhiều hay là hành vô lậu nhiều?

Đáp: Hành hữu lậu nhiều không phải là hành vô lậu nhiều. Hành hữu lậu gồm thân mười nhập (xứ) và phần ít của hai nhập (xứ). Hành vô lậu chỉ gồm thân phần ít của hai nhập (xứ).

Hỏi: Hữu vi nhiều hay là vô vi nhiều?

Đáp: Hữu vi nhiều, không phải vô vi nhiều. Hữu vi gồm sáu mươi một nhập (xứ) và phần ít của một nhập. Vô vi chỉ gồm sáu phần ít của một nhập.

Hỏi: Thế nào là Hành sự thành (Hành viên mãn)?

Đáp: Là thân vô học, hộ miệng, hộ mạng thanh tịnh. Đó gọi là Hành sự thành.

Hỏi: Thế nào là Trừ sự thành (Hộ viên mãn)?

Đáp: Là căn vô học được hộ (Luật nghi). Đó gọi là Trừ sự thành.

Hỏi: Thế nào là tánh phạm phu?

Đáp: Đối với Thánh pháp hoặc không được, đã không được, sẽ không được. Lại nữa, các noãn Thánh, nhãn Thánh, kiến Thánh, vị Thánh, tuệ Thánh, hoặc không được, đã không được, sẽ không được. Đó gọi là tánh phạm phu.

Hỏi: Tánh phạm phu nên nói là thiện, là bất thiện, là vô ký chăng?

Đáp: Tánh phạm phu nên nói là vô ký, không nên nói là thiện, không nên nói là bất thiện.

Vì sao tánh phạm phu không nên nói là thiện? Vì phương tiện cầu pháp thiện, đã được pháp thiện, không cầu phương tiện (Gia hạnh) để mình làm phạm phu. Đã đoạn căn thiện là vĩnh viễn diệt pháp thiện, không thành tựu được pháp thiện. Nếu tánh phạm phu là thiện thì người đoạn căn thiện kia không phải là phạm phu. Vì thế tánh phạm phu không nên nói là thiện.

Vì sao tánh phạm phu không nên nói là bất thiện? Vì khi được ái dục hết, căn bất thiện vĩnh viễn tận, không tạo thành pháp bất thiện. Nếu tánh phạm phu là bất thiện thì phạm phu kia đã dứt hết ái dục, tức không phải là người phạm phu. Vì thế tánh phạm phu không nên nói là bất thiện.

Hỏi: Tánh phàm phu nên nói là hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Tánh phàm phu hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc.

Vì sao tánh phàm phu không nên nói nhất định hệ thuộc cõi Dục? Do ở cõi Dục mất, sinh nơi cõi Vô sắc, đã vĩnh viễn diệt pháp thuộc cõi Dục, được không thành tựu pháp hệ thuộc cõi Dục. Nếu tánh phàm phu nhất định hệ thuộc cõi Dục thì các phàm phu sinh nơi cõi Vô sắc kia không phải là phàm phu chăng? Vì thế tánh phàm phu không nên nói nhất định hệ thuộc cõi Dục.

Vì sao tánh phàm phu không nên nói nhất định hệ thuộc cõi Sắc? Do ở cõi Sắc mất, sinh nơi cõi Vô sắc, vĩnh viễn diệt pháp thuộc cõi Sắc, không được thành tựu pháp hệ thuộc cõi Sắc. Nếu tánh phàm phu nhất định hệ thuộc cõi Sắc thì các phàm phu sinh nơi cõi Vô sắc kia không phải là phàm phu chăng? Vì thế tánh phàm phu không nên nói nhất định hệ thuộc cõi Sắc.

Vì sao tánh phàm phu không nên nói nhất định hệ thuộc cõi Vô sắc? Vì cùng vượt thứ lớp thủ chứng (Nhập chánh tánh ly sinh), trước là từ cõi Dục đối với khổ tư duy về khổ, sau ở nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc là đồng. Thánh đạo đã sinh, trước là biện minh sự việc nơi cõi Dục, sau ở cõi Sắc, cõi Vô sắc là đồng. Nếu cùng vượt thứ lớp thủ chứng (Nhập chánh tánh ly sinh), trước là từ cõi Vô sắc đối với khổ tư duy về khổ, sau ở cõi Dục, cõi Sắc là đồng. Thánh đạo đã sinh, trước là biện minh sự việc nơi cõi Vô sắc, sau ở cõi Dục, cõi Sắc là đồng, như thế tánh phàm phu nhất định hệ thuộc cõi Vô sắc. Song cùng vượt thứ lớp thủ chứng (Nhập chánh tánh ly sinh), trước là từ cõi Dục đối với khổ tư duy về khổ, sau ở nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc là đồng. Thánh đạo đã sinh, trước là biện minh sự việc nơi cõi Dục, sau ở cõi Sắc, cõi Vô sắc là đồng. Vì thế tánh phàm phu không nên nói nhất định hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Tánh phàm phu nên nói do kiến đế đoạn (kiến đạo đoạn), do tư duy đoạn (tu đạo đoạn) chăng?

Đáp: Tánh phàm phu nên nói do tư duy đoạn, không nên nói do kiến đế đoạn.

Vì sao tánh phàm phu do tư duy đoạn, không phải do kiến đế đoạn? Vì pháp do kiến đế đoạn đều là nhiễm ô, còn tánh phàm phu là không nhiễm ô. Sự việc này là thế nào? Pháp thứ nhất thế gian ở trước đang diệt nhanh, khổ pháp nhãn chóng sinh hiện ở trước. Như pháp thứ nhất thế gian này diệt, khổ pháp nhãn sinh, trong khoảng ấy, bỏ tánh phàm phu của ba cõi, được tánh không thành tựu, không phải pháp do kiến đế đoạn khác đều diệt.

Hỏi: Tánh phàm phu gọi là pháp gì?

Đáp: Là tâm bất tương ưng hành không nhiễm ô nơi ba cõi.

Hỏi: Các pháp tương ưng với tà kiến thì chúng cũng tương ưng với tà chí (tà tư duy) chăng?

Đáp: Hoặc là tà kiến không phải là tà chí.

Thế nào là tà kiến không phải là tà chí? Là tà kiến tương ưng với tà chí, các tà chí khác không tương ưng với pháp tương ưng của tà kiến. Đây gọi là tà kiến không phải là tà chí.

Thế nào là tà chí không phải là tà kiến? Là tà chí tương ưng với tà kiến, các tà kiến khác không tương ưng với pháp tương ưng của tà chí. Đây gọi là tà chí không phải là tà kiến.

Thế nào là tà kiến cũng là tà chí? Là trừ tà kiến tương ưng với tà chí, các tà kiến khác là pháp tương ưng của tà chí. Đây gọi là tà kiến cũng là tà chí.

Thế nào là không phải tà kiến cũng không phải là tà chí? Là tà kiến không tương ưng với tà chí, tà chí không tương ưng với tà kiến cùng các tâm, tâm sở niệm pháp khác và sắc, vô vi, tâm bất

tương ưng hành. Đây gọi là không phải tà kiến cũng không phải là tà chí.

Hỏi: Các pháp tương ưng với tà kiến thì chúng cũng tương ưng với tà phương tiện (tà tinh tấn) chăng?

Đáp: Hoặc là tà kiến không phải là tà phương tiện.

Thế nào là tà kiến không phải là tà phương tiện? Là tà kiến tương ưng với tà phương tiện. Đây gọi là tà kiến không phải là tà phương tiện.

Thế nào là tà phương tiện không phải là tà kiến? Là tà kiến và các tà kiến khác không tương ưng với pháp tương ưng của tà phương tiện. Đây gọi là tà phương tiện không phải là tà kiến.

Thế nào là tà kiến cũng là tà phương tiện? Là trừ tà phương tiện, còn lại là các pháp tương ưng với tà kiến khác. Đây gọi là tà kiến cũng là tà phương tiện.

Thế nào là không phải tà kiến cũng không phải là tà phương tiện? Là tà kiến không tương ưng với tà phương tiện cùng các tâm, tâm sở niệm pháp khác và sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây gọi là không phải tà kiến cũng không phải là tà phương tiện.

Đối với tà niệm, tà định cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với tà chí (tà tư duy) thì chúng cũng tương ưng với tà phương tiện (tà tinh tấn) chăng?

Đáp: Hoặc là tà chí không phải là tà phương tiện.

Thế nào là tà chí không phải là tà phương tiện? Là tà chí tương ưng với tà phương tiện. Đây gọi là tà chí không phải là tà phương tiện.

Thế nào là tà phương tiện không phải là tà chí? Là tà chí và các tà chí khác không tương ưng với pháp tương ưng của tà phương tiện. Đây gọi là tà phương tiện không phải là tà chí.

Thế nào là tà chí cũng là tà phương tiện? Là trừ tà phương tiện, còn lại là các pháp tương ưng của tà chí khác. Đây gọi là tà chí cũng là tà phương tiện.

Thế nào là không phải tà chí cũng không phải tà phương tiện? Là tà chí không tương ưng với tà phương tiện cùng các tâm, tâm sở niệm pháp khác và sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây gọi là không phải tà chí cũng không phải là tà phương tiện.

Đối với tà niệm, tà định cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với tà phương tiện (tà tinh tấn) thì chúng cũng tương ưng với tà niệm chăng?

Đáp: Hoặc là tà phương tiện không phải là tà niệm.

Thế nào là tà phương tiện không phải là tà niệm? Là tà niệm. Đây gọi là tà phương tiện không phải là tà niệm.

Thế nào là tà niệm không phải là tà phương tiện? Là tà phương tiện. Đây gọi là tà niệm không phải là tà phương tiện.

Thế nào là tà phương tiện cũng là tà niệm? Là trừ tà niệm, còn lại là các pháp tương ưng với tà phương tiện khác. Đây gọi là tà phương tiện cũng là tà niệm.

Thế nào là không phải tà phương tiện cũng không phải là tà niệm? Là các tâm, tâm sở niệm pháp khác, cùng sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây gọi là không phải tà phương tiện cũng không phải là tà niệm.

Đối với tà định cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với tà niệm thì chúng cũng tương ưng với tà định chăng?

Đáp: Hoặc là tà niệm không phải là tà định.

Thế nào là tà niệm không phải là tà định? Là tà định. Đây gọi là tà niệm không phải là tà định.

Thế nào là tà định không phải là tà niệm? Là tà niệm. Đây gọi là tà định không phải là tà niệm.

Thế nào là tà niệm cũng là tà định? Là trừ tà định, còn lại là các pháp tương ưng với tà niệm khác. Đây gọi là tà niệm cũng là tà định.

Thế nào là không phải tà niệm cũng không phải là tà định? Là các tâm, tâm sở niệm pháp khác cùng sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây gọi là không phải tà niệm cũng không phải là tà định.

HẾT - QUYỂN 3

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

QUYỂN 4

Kiên độ thứ 2: KIẾT SỬ

Phẩm 1: BÀN VỀ BẤT THIỆN

* *Tụng nêu chung:*

*Bất thiện có báo
Kiến cũng kiến khổ
Nếu kiến có giác
Như căn tương ưng.
Cõi Dục đạt được
Đoạn cũng năm người
Thân kiến như thế
Nhất thiết biến sau.*

Gồm có: Ba kiết, ba căn bất thiện, ba hữu lậu. Bốn lưu (bộc lưu), bốn ách, bốn thọ (thủ), bốn phược. Năm cái, năm kiết, năm kiết phần dưới, năm kiến. Sáu ái thân. Bảy sử. Chín kiết. Chín mươi tám sử.

Ba kiết này: Bao nhiêu thứ là bất thiện, bao nhiêu thứ là vô ký? Cho đến chín mươi tám sử: Bao nhiêu thứ là bất thiện, bao nhiêu thứ là vô ký?

Ba kiết này: Bao nhiêu thứ là có báo, bao nhiêu thứ là không có báo? Cho đến chín mươi tám sử: Bao nhiêu thứ là có báo, bao nhiêu thứ là không có báo?

Ba kiết này: Bao nhiêu thứ do kiến đế đoạn, bao nhiêu thứ do tư duy đoạn? Cho đến chín mươi tám sử: Bao nhiêu thứ do kiến đế đoạn, bao nhiêu thứ do tư duy đoạn?

Ba kiết này: Bao nhiêu thứ do kiến khổ đế đoạn, bao nhiêu thứ do kiến tập, kiến tận, kiến đạo đế đoạn, bao nhiêu thứ do tư duy đoạn? Cho đến chín mươi tám sử: Bao nhiêu thứ do kiến khổ đế đoạn, bao nhiêu thứ do kiến tập, kiến tận, kiến đạo đế đoạn, bao nhiêu thứ do tư duy đoạn?

Ba kiết này: Bao nhiêu thứ là kiến, bao nhiêu thứ là không phải kiến? Cho đến chín mươi tám sử: Bao nhiêu thứ là kiến, bao nhiêu thứ là không phải kiến?

Ba kiết này: Bao nhiêu thứ có giác có quán, bao nhiêu thứ không giác có quán, bao nhiêu thứ không giác không quán? Cho đến chín mươi tám sử: Bao nhiêu thứ có giác có quán, bao nhiêu thứ không giác có quán, bao nhiêu thứ không giác không quán?

Ba kiết này: Bao nhiêu thứ tương ưng với lạc căn, bao nhiêu thứ tương ưng với khổ căn, bao nhiêu thứ tương ưng với hỷ căn, bao nhiêu thứ tương ưng với ưu căn, bao nhiêu thứ tương ưng với hộ căn? Cho đến chín mươi tám sử: Bao nhiêu thứ tương ưng với lạc căn, bao nhiêu thứ tương ưng với khổ căn, bao nhiêu thứ tương ưng với hỷ căn, bao nhiêu thứ tương ưng với ưu căn, bao nhiêu thứ tương ưng với hộ căn?

Ba kiết này: Bao nhiêu thứ hệ thuộc cõi Dục, bao nhiêu thứ hệ thuộc cõi Sắc, bao nhiêu thứ hệ thuộc cõi Vô sắc? Cho đến chín mươi tám sử: Bao nhiêu thứ hệ thuộc cõi Dục, bao nhiêu thứ hệ thuộc cõi Sắc, bao nhiêu thứ hệ thuộc cõi Vô sắc?

Các kiết sử hiện có là của cõi Dục, kiết sử đó ở nơi cõi Dục chăng? Nếu như các kiết sử hiện có ở nơi cõi Dục, kiết sử đó là của cõi Dục chăng? Các kiết sử hiện có là của cõi Sắc, cõi Vô sắc, kiết sử đó ở nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc chăng? Nếu như các kiết sử hiện có ở nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, kiết sử đó là của cõi Sắc, cõi Vô sắc chăng?

Các kiết sử hiện có không là của cõi Dục, kiết sử đó cũng không ở nơi cõi Dục chẳng? Nếu như các kiết sử hiện có không ở nơi cõi Dục, kiết sử đó không là của cõi Dục chẳng? Các kiết sử hiện có không là của cõi Sắc, cõi Vô sắc, kiết sử đó cũng không ở nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc chẳng? Nếu như các kiết sử hiện có không ở nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, kiết sử đó không là của cõi Sắc, cõi Vô sắc chẳng?

Đệ tử của Đức Thế Tôn kiến đế thành tựu, nếu sắc chưa dứt hết thì sắc ấy bị trói buộc chẳng? Nếu như sắc bị trói buộc thì sắc ấy chưa dứt hết chẳng? Nếu thống (thọ), tưởng, hành, thức chưa dứt hết thì thống, tưởng, hành, thức bị trói buộc chẳng? Nếu như thống (thọ), tưởng, hành, thức bị trói buộc thì thống (thọ), tưởng, hành, thức ấy chưa dứt hết chẳng?

Đệ tử của Đức Thế Tôn kiến đế thành tựu, nếu sắc đã dứt hết thì sắc ấy lìa trói buộc chẳng? Nếu như sắc lìa trói buộc thì sắc ấy là đã dứt hết chẳng? Nếu thống (thọ), tưởng, hành, thức đã dứt hết thì thống (thọ), tưởng, hành, thức ấy lìa trói buộc chẳng? Nếu như thống (thọ), tưởng, hành, thức lìa trói buộc thì thống (thọ), tưởng, hành, thức ấy là đã dứt hết chẳng?

Có năm người: Kiên tín (Tùy tín hành), Kiên pháp (Tùy pháp hành), Tín giải thoát (Tín thắng giải), Kiến đạo (Kiến chí), Thân chứng.

Người Kiên tín đối với ba kiết này: Bao nhiêu thứ tạo thành, bao nhiêu thứ không tạo thành? Từ ba kiết này cho đến chín mươi tám sử: Bao nhiêu thứ tạo thành, bao nhiêu thứ không tạo thành? Cho đến người Thân chứng đối với ba kiết này: Bao nhiêu thứ tạo thành, bao nhiêu thứ không tạo thành? Từ ba kiết này cho đến chín mươi tám sử: Bao nhiêu thứ tạo thành, bao nhiêu thứ không tạo thành?

Thân kiến cùng với thân kiến kia có bao nhiêu duyên? Thân kiến cùng với trộm giới (giới cấm thủ), nghi, cho đến sử vô minh nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn, có bao nhiêu duyên? Sử vô minh nơi cõi

Vô sắc do tư duy đoạn với sử vô minh nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn có bao nhiêu duyên? Sử vô minh nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn với thân kiến, trộm giới, nghi của cõi Dục, cho đến sử mạn nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn có bao nhiêu duyên?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Hỏi: Ba kiết này: Bao nhiêu thứ là bất thiện, bao nhiêu thứ là vô ký? Cho đến chín mươi tám sử: Bao nhiêu thứ là bất thiện, bao nhiêu thứ là vô ký?

Đáp: Trong ba kiết: Một thứ là vô ký, hai thứ cần phân biệt: Trộm giới (Giới cấm thủ), nghi ở cõi Dục là bất thiện, ở cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Ba căn bất thiện tham, giận, si nhất định là bất thiện.

Trong ba lậu: Một thứ là vô ký, hai thứ cần phân biệt: Dục lậu hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Thế nào là bất thiện? Không hổ, không thẹn, tương ưng với dục lậu, là bất thiện. Thế nào là vô ký? Không hổ, không thẹn, không tương ưng với dục lậu, là vô ký.

Vô minh lậu hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Thế nào là bất thiện? Không hổ, không thẹn, tương ưng với vô minh lậu, là bất thiện. Thế nào là vô ký? Không hổ, không thẹn, không tương ưng với vô minh lậu, là vô ký.

Trong bốn bực lưu: Một thứ là vô ký, ba thứ cần phân biệt: Bực lưu dục hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Thế nào là bất thiện? Không hổ, không thẹn, tương ưng với bực lưu dục, là bất thiện. Thế nào là vô ký? Không hổ, không thẹn, không tương ưng với bực lưu dục, là vô ký.

Bực lưu vô minh hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Thế nào là bất thiện? Không hổ, không thẹn, tương ưng với bực lưu vô minh, là bất

thiện. Thế nào là vô ký? Không hồ, không thẹn, không tương ưng với bộc lưu vô minh, là vô ký.

Bộc lưu kiến hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Thế nào là bất thiện? Ba kiến nơi cõi Dục là bất thiện. Thế nào là vô ký? Hai kiến nơi cõi Dục, năm kiến nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, là vô ký.

Như bốn bộc lưu, bốn ách cũng như vậy.

Trong bốn thọ (thủ): Một thứ là vô ký, ba thứ cần phân biệt: Dục thọ (thủ) hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Thế nào là bất thiện? Không hồ, không thẹn, tương ưng với dục thọ, là bất thiện. Thế nào là vô ký? Không hồ, không thẹn, không tương ưng với dục thọ, là vô ký.

Giới thọ (giới cầm thủ) hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Thế nào là bất thiện? Ở cõi Dục là bất thiện. Thế nào là vô ký? Ở cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Kiến thọ (Kiến thủ) hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Thế nào là bất thiện? Hai kiến nơi cõi Dục là bất thiện. Thế nào là vô ký? Hai kiến nơi cõi Dục, bốn kiến nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, là vô ký.

Trong bốn phược (Bốn thứ trói buộc thân): Hai thứ là bất thiện, hai thứ cần phân biệt: Trộm giới (Giới cầm thủ) trói buộc thân, ngã kiến trói buộc thân ở cõi Dục là bất thiện, ở cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Năm cái và ba kiết giận dữ, keo kiệt, ganh tị (trong năm kiết) nhất định là bất thiện. Kiết ái, kiết kiêu mạn (trong năm kiết) ở cõi Dục là bất thiện, ở cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Năm kiết phần dưới (Năm kiết thuận phần dưới): Hai thứ là bất thiện, một thứ là vô ký, hai thứ cần phân biệt: Trộm giới, nghi ở cõi Dục là bất thiện, ở cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Trong năm kiến: Hai thứ là vô ký, ba thứ cần phân biệt: Tà kiến, trộm kiến (Kiến thủ), trộm giới (Giới cầm thủ) ở cõi Dục là bất thiện, ở cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Trong sáu ái thân: Hai thứ là bất thiện, bốn thứ cần phân biệt: Ái thân do nhãn xúc, nhĩ xúc, thân xúc sinh ra ở cõi Dục là bất thiện, ở cõi Sắc là vô ký. Ái thân do ý xúc sinh ra ở cõi Dục là bất thiện, ở cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Trong bảy sử (tùy miên): Hai thứ là bất thiện, một thứ là vô ký, bốn thứ cần phân biệt: Sử kiêu mạn, sử nghi ở cõi Dục là bất thiện, ở cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Sử vô minh hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Thế nào là bất thiện? Không hổ, không thẹn, tương ưng với sử vô minh, là bất thiện. Thế nào là vô ký? Không hổ, không thẹn, không tương ưng với sử vô minh, là vô ký.

Sử kiến hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Thế nào là bất thiện? Ba kiến ở cõi Dục là bất thiện. Thế nào là vô ký? Hai kiến ở cõi Dục, năm kiến ở cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Trong chín kiết: Ba thứ là bất thiện, sáu thứ cần phân biệt: Kiết ái, kiết kiêu mạn, kiết thất nguyện (kiết thủ), kiết nghi ở cõi Dục là bất thiện, ở cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Kiết vô minh hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Thế nào là bất thiện? Không hổ, không thẹn tương ưng với kiết vô minh là bất thiện. Thế nào là vô ký? Không hổ, không thẹn không tương ưng với kiết vô minh là vô ký.

Kiết kiến hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Thế nào là bất thiện? Một kiến ở cõi Dục là bất thiện. Thế nào là vô ký? Hai kiến ở cõi Dục, ba kiến ở cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Chín mươi tám sử (Tùy miên): Ba mươi ba thứ là bất thiện, sáu mươi bốn thứ là vô ký, một thứ cần phân biệt: Sử vô minh nơi cõi Dục do khổ đế đoạn hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Thế nào là bất thiện? Không hổ không thẹn tương ưng với sử vô minh là bất thiện. Thế nào là vô ký? Không hổ không thẹn không tương ưng với sử vô minh là vô ký.

Hỏi: Ba kiết này: Bao nhiêu thứ là có báo (dị thực), bao nhiêu thứ là không có báo?

Đáp: Các thứ bất thiện là có báo, các thứ vô ký là không có báo.

Hỏi: Cho đến chín mươi tám sử: Bao nhiêu thứ là có báo, bao nhiêu thứ là không có báo?

Đáp: Các thứ bất thiện là có báo, các thứ vô ký là không có báo.

Hỏi: Ba kiết này: Bao nhiêu thứ do kiến đế đoạn (kiến đạo đoạn), bao nhiêu thứ do tư duy đoạn (tu đạo đoạn)? Cho đến chín mươi tám sử: Bao nhiêu thứ do kiến đế đoạn, bao nhiêu thứ do tư duy đoạn?

Đáp: Thân kiến kiến đế, hai thứ đầu (do kiến làm hành trước) hoặc do kiến đế đoạn, hoặc do kiến đế, tư duy đoạn. Thế nào là do kiến đế đoạn? Hoặc thân kiến hệ thuộc Ni duy tiên, hoặc Na a tiên (Phi tướng phi phi tướng xứ), bậc Kiên tín, Kiên pháp (Tùy tín hành, Tùy pháp hành) hành khổ nhẫn đoạn, đây là kiến đế đoạn. Ngoài ra, hoặc phàm phu đoạn là do tư duy đoạn, đệ tử của Đức Thế Tôn đoạn là do kiến đế đoạn.

Trộm giới, nghi kiến đế, hai thứ đầu hoặc do kiến đế đoạn, hoặc do kiến đế, tư duy đoạn. Thế nào là do kiến đế đoạn? Hoặc trộm giới, nghi hệ thuộc Ni duy tiên, hoặc Na a tiên, bậc Kiên tín, Kiên pháp hành nhẫn đoạn, đây là kiến đế đoạn. Ngoài ra, hoặc phàm phu đoạn là do tư duy đoạn, đệ tử của Đức Thế Tôn đoạn là do kiến đế đoạn.

Tham, giận, si và dục lậu tư duy, hai thứ đầu hoặc do tư duy đoạn, hoặc do kiến đế, tư duy đoạn. Thế nào là do tư duy đoạn? Nếu là bậc Học kiến tích tư duy đoạn, đây là tư duy đoạn. Ngoài ra, hoặc phàm phu đoạn là do tư duy đoạn, đệ tử của Đức Thế Tôn đoạn là do kiến đế đoạn.

Hữu lậu, vô minh lậu kiến đế, ba thứ đầu hoặc do kiến đế đoạn, hoặc do tư duy đoạn, hoặc do kiến đế, tư duy đoạn. Thế nào là do

kiến đế đoạn? Nếu hữu lậu, vô minh lậu hệ thuộc Ni duy tiên, hoặc Na a tiên, bậc Kiên tín, Kiên pháp hành nhân đoạn, đây là kiến đế đoạn. Thế nào là do tư duy đoạn? Nếu bậc Học kiến tích tư duy đoạn, đây là tư duy đoạn. Ngoài ra nếu phạm phu đoạn là do tư duy đoạn, đệ tử của Đức Thế Tôn đoạn là do kiến đế đoạn.

Dục lưu (bộc lưu dục) trong lưu (bộc lưu) tư duy đoạn, hai thứ đầu hữu lưu, vô minh lưu kiến đế đoạn, ba thứ đầu kiến lưu do kiến đế đoạn. Hai thứ đầu bốn ách cũng như vậy.

Dục thọ (thủ) trong thọ (thủ) tư duy đoạn, hai thứ đầu giới thọ (thủ), kiến thọ (thủ) kiến đế đoạn, hai thứ đầu ngã thọ (thủ) do kiến đế đoạn.

Ba thứ đầu, ái dục trói buộc thân, giận dữ trói buộc thân trong bốn thứ trói buộc thân do tư duy đoạn. Hai thứ đầu trộm giới trói buộc thân, ngã kiến trói buộc thân do kiến đế đoạn.

Hai thứ đầu cái tham dục, cái giận dữ, cái thù miên trạo cử trong năm cái do tư duy đoạn. Hai thứ đầu hối (ố tác) nhất định do tư duy đoạn. Cái nghi nếu phạm phu đoạn là do tư duy đoạn, nếu đệ tử của Đức Thế Tôn đoạn là do kiến đế đoạn.

Kiệt giận dữ trong năm kiết do tư duy đoạn. Hai thứ đầu, kiết ái, kiết kiêu mạn do kiến đế đoạn. Ba thứ đầu, kiết ganh tị, kiết keo kiệt nhất định do tư duy đoạn.

Kiệt tham dục, kiết giận dữ trong năm kiết phần dưới do tư duy đoạn. Ba thứ đầu, thân kiến, trộm giới, nghi và năm kiến do kiến đế đoạn.

Hai thứ đầu, năm ái thân trong sáu ái thân, nhất định do tư duy đoạn. Ý xúc sinh ái thân do kiến đế đoạn.

Ba thứ đầu, sử tham dục, sử giận dữ trong bảy sử do tư duy đoạn. Hai thứ đầu, sử hữu ái, sử kiêu mạn, sử vô minh do kiến đế đoạn. Ba thứ đầu, sử kiến, sử nghi do kiến đế đoạn.

Hai thứ đầu, kiết giận dữ trong chín kiết do tư duy đoạn. Hai thứ đầu, kiết ái, kiết kiêu mạn, kiết vô minh do kiến đế đoạn. Ba thứ đầu, kiết kiến, kiết thất nguyện (kiết thủ), kiết nghi do kiến đế đoạn. Hai thứ đầu, kiết ganh tị, kiết keo kiệt nhất định do tư duy đoạn.

Trong chín mươi tám sử, hai mươi tám sử do kiến đế đoạn, mười thứ do tư duy đoạn. Ngoài ra nếu phạm phu đoạn là do tư duy đoạn, nếu đệ tử của Đức Thế Tôn đoạn là do kiến đế đoạn.

Hỏi: Ba kiết này: Bao nhiêu thứ do kiến khổ đế đoạn, bao nhiêu thứ do kiến tập, kiến tận, kiến đạo đế đoạn, bao nhiêu thứ do tư duy đoạn? Cho đến chín mươi tám sử: Bao nhiêu thứ do kiến khổ đế đoạn, bao nhiêu thứ do kiến tập, kiến tận, kiến đạo đế đoạn, bao nhiêu thứ do tư duy đoạn?

Đáp: Trong ba kiết: Thân kiến do kiến khổ đoạn. Trộm giới (giới cấm thủ) có hai hành (loại) hoặc do kiến khổ đoạn, hoặc do kiến đạo đoạn. Nghi có bốn hành hoặc do kiến khổ đoạn, hoặc do kiến tập, kiến tận, kiến đạo đoạn.

Tham, giận, si, dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, dục lưu (bộc lưu dục), hữu lưu (bộc lưu hữu), vô minh lưu (bộc lưu vô minh) có năm hành, kiến lưu (bộc lưu kiến) có bốn hành, ách cũng như vậy.

Trong bốn thọ (thủ): Dục thọ (thủ), ngã thọ (thủ) trong thọ (thủ) có năm hành, giới thọ (thủ) có hai hành, kiến thọ (thủ) có bốn hành.

Trong bốn phược: Ái dục trói buộc thân, giận dữ trói buộc thân có năm hành. Trộm giới (giới cấm thủ) trói buộc thân có hai hành. Ngã kiến trói buộc thân có bốn hành.

Trong năm cái: Cái tham dục, cái giận dữ, cái thù miên trạo có năm hành. Cái hối (ố tác) nhất định do tư duy đoạn. Cái nghi có bốn hành.

Trong năm kiết: Kiết ái, kiết giận dữ, kiết kiêu mạn có năm hành. Kiết ganh tị, kiết keo kiệt nhất định do tư duy đoạn.

Trong năm kiết phần dưới: Kiết tham dục, kiết giận dữ có năm hành. Thân kiến do kiến khổ đoạn. Trộm giới có hai hành, nghi có bốn hành.

Trong năm kiến: Thân kiến, biên kiến do kiến khổ đoạn. Tà kiến, trộm kiến (kiến thủ) có bốn hành. Trộm giới (giới cầm thủ) có hai hành.

Trong sáu ái thân: Năm ái thân đầu do tư duy đoạn. Ý xúc sinh ra ái thân có năm hành.

Trong bảy sử: Sử tham dục, sử giận dữ, sử hữu ái, sử kiêu mạn, sử vô minh có năm hành. Sử kiến, sử nghi có bốn hành.

Trong chín kiết: Kiết ái, kiết giận dữ, kiết kiêu mạn, kiết vô minh có năm hành. Kiết kiến, kiết thất nguyện (kiết thủ), kiết nghi có bốn hành. Kiết ganh tị, kiết keo kiệt nhất định do tư duy đoạn.

Trong chín mươi tám sử: Hai mươi tám thứ do kiến khổ đoạn, mười chín thứ do kiến tập đoạn, mười chín thứ do kiến tận đoạn, hai mươi hai thứ do kiến đạo đoạn, mười thứ do tư duy đoạn.

Hỏi: Ba kiết này: Bao nhiêu thứ là kiến, bao nhiêu thứ không phải là kiến? Cho đến chín mươi tám sử: Bao nhiêu thứ là kiến, bao nhiêu thứ không phải là kiến?

Đáp: Trong ba kiết: hai thứ là kiến, một thứ không phải là kiến.

Ba căn bất thiện tham, giận, si không phải là kiến.

Trong ba lậu: một thứ không phải là kiến, hai thứ cần phân biệt: Dục lậu hoặc là kiến, hoặc không phải là kiến. Thế nào là kiến? Năm kiến nơi cõi Dục, đây là kiến. Thế nào không phải là kiến? Trừ năm kiến nơi cõi Dục, là các dục lậu còn lại, đây không phải là kiến. Hữu lậu hoặc là kiến, hoặc không phải là kiến. Thế nào là kiến? Năm kiến nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, đây là kiến. Thế nào không phải là kiến? Trừ năm kiến nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, là các hữu lậu còn lại, đây không phải là kiến.

Trong bốn lưu (bộc lưu): một thứ là kiến, ba thứ không phải là kiến.

Như bộc lưu, ách cũng như vậy.

Trong bốn thọ (thủ): hai thứ là kiến, hai thứ không phải là kiến.

Trong bốn phược: hai thứ là kiến, hai thứ không phải là kiến.

Cái, kiết không phải là kiến.

Trong năm kiết phần dưới: hai thứ là kiến, ba thứ không phải là kiến.

Kiến tức là kiến.

Ái thân không phải là kiến.

Trong bảy sử: một thứ là kiến, sáu thứ không phải là kiến.

Trong chín kiết: hai thứ là kiến, bảy thứ không phải là kiến.

Trong chín mươi tám sử: ba mươi sáu thứ là kiến, sáu mươi hai thứ không phải là kiến.

Hỏi: Ba kiết này: Bao nhiêu thứ có giác (tâm) có quán (tứ), bao nhiêu thứ không giác có quán, bao nhiêu thứ không giác không quán? Cho đến chín mươi tám sử: Bao nhiêu thứ có giác có quán, bao nhiêu thứ không giác có quán, bao nhiêu thứ không giác không quán?

Đáp: Ba kiết cùng có đủ ba hành, tức hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán.

Ba căn bất thiện tham, giận, si và dục lậu là có giác có quán. Số còn lại là có đủ ba hành tức hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán.

Trong bốn lưu (bộc lưu): Dục lưu có giác có quán. Số còn lại là có đủ ba hành tức hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán.

Như bộc lưu, ách cũng như vậy.

Trong bốn thọ (thủ): Dục thọ có giác có quán. Số còn lại là có đủ ba hành tức hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán.

Trong bốn phược: Ái dục trói buộc thân, giận dữ trói buộc thân là có giác có quán. Số còn lại là có đủ ba hành tức hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán.

Cái và kiết giận dữ, kiết ganh tị, kiết keo kiệt là có giác có quán. Số còn lại là có đủ ba hành tức hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán.

Trong năm kiết phần dưới: Kiết tham dục, kiết giận dữ là có giác có quán. Số còn lại và kiến là có đủ ba hành, tức hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán.

Trong sáu ái thân: Năm ái thân là có giác có quán. Ý xúc sinh ra ái thân có đủ ba hành, tức hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán.

Trong bảy sử: Sử tham dục, sử giận dữ là có giác có quán. Số còn lại là có đủ ba hành, tức hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán.

Trong chín kiết: Kiết giận dữ, kiết ganh tị, kiết keo kiệt là có giác có quán. Số còn lại là có đủ ba hành, tức hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán.

Trong chín mươi tám sử: Các sử thuộc cõi Dục là có giác có quán. Các sử thuộc cõi Sắc có đủ ba hành, tức hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán. Các sử nơi cõi Vô sắc là không giác không quán.

Hỏi: Ba kiết này: Bao nhiêu thứ tương ưng với lạc căn, bao nhiêu thứ tương ưng với khổ căn, bao nhiêu thứ tương ưng với hỷ

căn, bao nhiêu thứ tương ưng với ưu căn, bao nhiêu thứ tương ưng với hộ căn? Cho đến chín mươi tám sử: Bao nhiêu thứ tương ưng với lạc căn, bao nhiêu thứ tương ưng với khổ căn, bao nhiêu thứ tương ưng với hỷ căn, bao nhiêu thứ tương ưng với ưu căn, bao nhiêu thứ tương ưng với hộ căn?

Đáp: Trong ba kiết: Thân kiết, trộm giới tương ưng ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Nghi tương ưng bốn căn, trừ khổ căn.

Căn bất thiện tham tương ưng ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Căn bất thiện giận tương ưng ba căn, trừ lạc căn, hỷ căn. Căn bất thiện si và dục lậu, vô minh lậu tương ưng năm căn. Hữu lậu tương ưng ba căn, trừ khổ căn, ưu căn.

Trong bốn lưu (bộc lưu): Dục lưu, vô minh lưu tương ưng năm căn. Hữu lưu tương ưng ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Kiến lưu tương ưng bốn căn, trừ khổ căn.

Như bộc lưu, ách cũng như vậy.

Trong bốn thọ (thủ): Dục thọ tương ưng năm căn. Giới thọ, ngã thọ tương ưng ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Kiến thọ tương ưng bốn căn, trừ khổ căn.

Trong bốn phược: Giận dữ trói buộc thân tương ưng ba căn, trừ lạc căn, hỷ căn. Các phược còn lại tương ưng ba căn, trừ khổ căn, ưu căn.

Trong năm cái: Cái tham dục tương ưng ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Cái giận dữ tương ưng ba căn, trừ lạc căn, hỷ căn. Cái thù trạo tương ưng năm căn. Cái miên tương ưng ba căn, trừ lạc căn, khổ căn. Cái hối, nghi tương ưng với hai căn là ưu căn, hộ căn.

Trong năm kiết: Kiết giận dữ tương ưng ba căn, trừ lạc căn, hỷ căn. Kiết ái, kiết kiêu mạn tương ưng ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Kiết ganh tị, kiết keo kiệt tương ưng với hai căn là ưu căn, hộ căn.

Trong năm kiết phần dưới: Tham dục tương ứng ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Giận dữ tương ứng ba căn, trừ lạc căn, hỷ căn. Thân kiến, trộm giới tương ứng ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Nghi tương ứng bốn căn, trừ khổ căn.

Trong năm kiến: Tà kiến tương ứng bốn căn, trừ khổ căn. Các kiến còn lại tương ứng ba căn, trừ khổ căn, ưu căn.

Trong sáu ái thân: Năm ái thân đầu tương ứng với hai căn là lạc căn, hộ căn. Ý xúc sinh ra ái thân tương ứng ba căn, trừ khổ căn, ưu căn.

Trong bảy sử: Sử tham dục, sử hữu ái, sử kiêu mạn tương ứng ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Sử giận dữ tương ứng ba căn, trừ lạc căn, hỷ căn. Sử vô minh tương ứng năm căn. Sử kiến, sử nghi tương ứng bốn căn, trừ khổ căn.

Trong chín kiết: Kiết giận dữ tương ứng ba căn, trừ lạc căn, hỷ căn. Kiết ái, kiết kiêu mạn, kiết thất nguyện tương ứng ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Kiết vô minh tương ứng năm căn. Kiết kiến, kiết nghi tương ứng bốn căn, trừ khổ căn. Kiết ganh tị, kiết keo kiệt tương ứng với hai căn là ưu căn, hộ căn.

Trong chín mươi tám sử: Thân kiến, biên kiến, trộm kiến (kiến thủ), trộm giới (giới cầm thủ) ở cõi Dục do kiến để đoạn cùng dục (tham), kiêu mạn tương ứng với hai căn là hỷ căn và hộ căn. Nghi do kiến để đoạn cùng giận dữ tương ứng với hai căn là ưu căn, hộ căn. Tà kiến do kiến để đoạn cùng vô minh tương ứng ba căn, trừ lạc căn, khổ căn. Tham dục do tư duy đoạn tương ứng ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Giận dữ tương ứng ba căn, trừ lạc căn, hỷ căn. Kiêu mạn tương ứng với hai căn là hỷ căn và hộ căn. Sử vô minh tương ứng năm căn. Các sử nơi cõi Sắc tương ứng ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Các sử nơi cõi Vô sắc tương ứng với một căn là hộ căn.

Hỏi: Ba kiết này: Bao nhiêu thứ hệ thuộc cõi Dục, bao nhiêu thứ hệ thuộc cõi Sắc, bao nhiêu thứ hệ thuộc cõi Vô sắc? Cho đến

chín mươi tám sử: Bao nhiêu thứ hệ thuộc cõi Dục, bao nhiêu thứ hệ thuộc cõi Sắc, bao nhiêu thứ hệ thuộc cõi Vô sắc?

Đáp: Ba kiết cùng có đủ ba hành hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc.

Ba căn bất thiện tham, giận, si và dục lậu hệ thuộc cõi Dục. Hữu lậu hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc. Còn lại có đủ ba hành hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc.

Trong bốn lưu (bộc lưu): Dục lưu hệ thuộc cõi Dục. Hữu lưu hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc. Số còn lại có đủ ba hành tức hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc.

Như bộc lưu, ách cũng như vậy.

Trong bốn thọ (thủ): Dục thọ hệ thuộc cõi Dục. Ngã thọ hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc. Số còn lại có đủ ba hành tức hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc.

Trong bốn phược: Ái dục trói buộc thân, giận dữ trói buộc thân là hệ thuộc cõi Dục. Số còn lại có đủ ba hành tức hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc.

Năm cái và kiết giận dữ, kiết ganh tị, kiết keo kiệt hệ thuộc cõi Dục. Số còn lại có đủ ba hành tức hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc.

Trong sáu ái thân: Tỷ xúc, thiết xúc sinh ra ái thân là hệ thuộc cõi Dục. Nhãn xúc, nhĩ xúc, thân xúc sinh ra ái thân hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc. Ý xúc sinh ra ái thân có đủ ba hành hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc.

Trong bảy sử: Sử tham dục, sử giận dữ là hệ thuộc cõi Dục. Sử hữu ái hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc. Số còn lại

có đủ ba hành hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc.

Trong chín kiết: Kiết giận dữ, kiết ganh tị, kiết keo kiệt là hệ thuộc cõi Dục. Các kiết còn lại có đủ ba hành hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc.

Trong chín mươi tám sử: Ba mươi sáu thứ hệ thuộc cõi Dục, ba mươi một thứ hệ thuộc cõi Sắc, ba mươi một thứ hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Các kiết sử hiện có là của cõi Dục, kiết sử đó ở nơi cõi Dục chăng?

Đáp: Hoặc có kiết sử là của cõi Dục, kiết sử đó không ở nơi cõi Dục.

Thế nào là kiết sử là của cõi Dục, kiết sử đó không ở nơi cõi Dục? Là các kiết sử đã trói buộc do ma Ba tuần ở trên cõi Phạm thiên, ngôn ngữ chống trái Đức Như Lai, cũng bị kiết sử ràng buộc. Từ cõi Sắc mất, khởi trung âm (Trung hữu) trong cõi Dục. Đây gọi là kiết sử là của cõi Dục, kiết sử đó không ở nơi cõi Dục.

Thế nào là kiết sử ở nơi cõi Dục, kiết sử đó không là của cõi Dục? Là các kiết sử đã trói buộc, từ cõi Dục mất khởi trung âm trong cõi Sắc, cũng là kiết sử hiện có ở cõi Sắc, cõi Vô sắc, trụ nơi cõi Dục hiện ở trước. Đây gọi là kiết sử ở nơi cõi Dục, kiết sử đó không là của cõi Dục.

Thế nào là kiết sử của cõi Dục, kiết sử đó cũng ở nơi cõi Dục? Là các kiết sử đã trói buộc, từ cõi Dục mất khởi trung âm (trung hữu) sinh âm (sinh hữu) trong cõi Dục, cũng là kiết sử hiện có ở cõi Dục, trụ nơi cõi Dục hiện ở trước. Đây gọi là kiết sử của cõi Dục, kiết sử đó cũng ở nơi cõi Dục.

Thế nào là kiết sử không phải là của cõi Dục, kiết sử đó cũng không phải ở nơi cõi Dục? Là các kiết sử đã trói buộc, từ cõi Sắc mất,

khởi trung âm, sinh âm trong cõi Sắc. Từ cõi Sắc mất sinh nơi cõi Vô sắc, từ cõi Vô sắc mất sinh nơi cõi Vô sắc, từ cõi Vô sắc mất sinh nơi cõi Sắc, cũng là kiết sử hiện có ở cõi Sắc, cõi Vô sắc, trụ nơi cõi Sắc hiện ở trước, cũng là kiết sử hiện có ở cõi Vô sắc, trụ nơi cõi Vô sắc hiện ở trước. Đây gọi là kiết sử không phải là của cõi Dục, kiết sử đó cũng không phải ở nơi cõi Dục.

Hỏi: Các kiết sử hiện có là của cõi Sắc, kiết sử đó ở nơi cõi Sắc chăng?

Đáp: Hoặc có kiết sử là của cõi Sắc, kiết sử đó không ở nơi cõi Sắc.

Thế nào là kiết sử là của cõi Sắc, kiết sử đó không ở nơi cõi Sắc? Là các kiết sử đã trói buộc, từ cõi Dục mất, khởi trung âm trong cõi Sắc, cũng là kiết sử hiện có của cõi Sắc, trụ nơi cõi Dục, hiện ở trước. Đó gọi là kiết sử là của cõi Sắc, kiết sử đó không ở nơi cõi Sắc.

Thế nào là kiết sử ở nơi cõi Sắc, kiết sử đó không là của cõi Sắc? Là các kiết sử đã trói buộc do ma Ba tuần trụ ở trên cõi Phạm thiên, ngôn ngữ chống trái Đức Như Lai, cũng bị kiết sử trói buộc. Từ cõi Sắc mất, khởi trung âm trong cõi Dục, cũng là kiết sử hiện có ở cõi Vô sắc, trụ nơi cõi Sắc hiện ở trước. Đây gọi là kiết sử ở nơi cõi Sắc, kiết sử đó không là của cõi Sắc.

Thế nào là kiết sử của cõi Sắc, kiết sử đó cũng ở nơi cõi Sắc? Là các kiết sử đã trói buộc, từ cõi Sắc mất, khởi trung âm sinh âm trong cõi Sắc, cũng là kiết sử hiện có của cõi Sắc, trụ nơi cõi Sắc hiện ở trước. Đây gọi là kiết sử của cõi Sắc, kiết sử đó cũng ở nơi cõi Sắc.

Thế nào là kiết sử không phải là của cõi Sắc, kiết sử đó cũng không phải ở nơi cõi Sắc? Là các kiết sử đã trói buộc, từ cõi Dục mất, khởi trung âm sinh âm trong cõi Dục. Từ cõi Dục mất sinh nơi cõi Vô sắc, từ cõi Vô sắc mất sinh nơi cõi Vô sắc, từ cõi Vô sắc mất sinh nơi cõi Dục, cũng là kiết sử hiện có ở cõi Vô sắc, trụ nơi cõi Dục hiện ở

trước, cũng là kiết sử hiện có ở cõi Vô sắc, trụ nơi cõi Vô sắc hiện ở trước. Đây gọi là kiết sử không phải là của cõi Sắc, kiết sử đó cũng không phải ở nơi cõi Sắc.

Hỏi: Các kiết sử hiện có là của cõi Vô sắc, kiết sử đó ở nơi cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Như thế. Các kiết sử hiện có ở nơi cõi Vô sắc, các kiết sử đó là của cõi Vô sắc.

Hỏi: Tùng có kiết sử là của cõi Vô sắc, kiết sử đó không phải ở nơi cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có. Các kiết sử hiện có là của cõi Vô sắc, trụ nơi cõi Dục, cõi Sắc hiện ở trước.

Hỏi: Các kiết sử hiện có không là của cõi Vô sắc, kiết sử đó cũng không ở nơi cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Như thế. Các kiết sử hiện có không là của cõi Vô sắc, kiết sử đó cũng không ở nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Tùng có kiết sử không ở nơi cõi Vô sắc, kiết sử đó không phải không là của cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có. Các kiết sử hiện có là của cõi Vô sắc, trụ nơi cõi Dục, cõi Sắc, hiện ở trước.

Hỏi: Đệ tử của Đức Thế Tôn kiến đế thành tựu: Nếu sắc chưa dứt hết thì sắc ấy bị trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như sắc bị trói buộc thì sắc ấy chưa dứt hết chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thống (thọ) chưa dứt hết thì thống ấy bị trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy. Thống (thọ) chưa dứt hết là thống ấy bị trói buộc.

Hỏi: Từng có thống bị trói buộc không phải là thống chưa dứt hết chăng?

Đáp: Có. Là quả vị Gia gia, Tu-đà-hàm, nhất chủng (Nhất gián), các kiết thuộc phẩm trung, thượng nơi cõi Dục do tư duy đoạn, đã đoạn dứt hết, thống (thọ) tương ưng kia thuộc kiết sử phẩm hạ.

Như thống (thọ), tướng, hành, thức cũng như vậy.

Hỏi: Đệ tử của Đức Thế Tôn kiến đế thành tựu: Nếu sắc đã dứt hết thì sắc ấy lia trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như sắc lia trói buộc thì sắc ấy là đã dứt hết chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thống (thọ) đã dứt hết thì thống (thọ) ấy lia trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy. Nếu thống (thọ) lia trói buộc thì thống ấy là đã dứt hết.

Hỏi: Từng có thống đã dứt hết, thống ấy không phải là không trói buộc chăng?

Đáp: Có. Là quả vị Gia gia, Tu-đà-hàm, Nhất chủng, các kiết thuộc phẩm trung, thượng nơi cõi Dục do tư duy đoạn, đã đoạn dứt hết, thống (thọ) tương ưng kia thuộc kiết sử phẩm hạ.

Như thống (thọ), tướng, hành, thức cũng như vậy.

Có năm người: Kiên tín (Tùy tín hành), Kiên pháp (Tùy pháp hành), Tín giải thoát (Tín thắng giải), Kiến đạo (Kiến chí), Thân chứng.

Hỏi: Người Kiên tín đối với ba kiết này: Bao nhiêu thứ tạo thành, bao nhiêu thứ không tạo thành? Từ ba kiết này cho đến chín mươi tám sử: Bao nhiêu thứ tạo thành, bao nhiêu thứ không tạo thành?

Đáp: Đối với ba kiết: Khổ vị tri trí chưa sinh, tất cả được tạo thành, khổ vị tri trí đã sinh hai thứ tạo thành, một thứ không tạo thành.

Đối với ba căn bất thiện tham, giận, si, ái dục chưa hết tất cả đều tạo thành, ái dục đã hết tất cả đều không tạo thành.

Đối với ba hữu lậu: ái dục chưa hết thì tất cả được tạo thành, ái dục đã hết thì hai thứ tạo thành, một thứ không tạo thành.

Trong bốn lưu (bộc lưu): ái dục chưa hết thì tất cả được tạo thành, ái dục đã hết thì ba thứ tạo thành, một thứ không tạo thành.

Như bộc lưu, ách, thọ (thủ) cũng như vậy.

Trong bốn phược: ái dục chưa hết thì tất cả được tạo thành, ái dục đã hết thì hai thứ tạo thành, hai thứ không tạo thành.

Trong năm cái: ái dục chưa hết, đạo pháp trí chưa sinh, tất cả tạo thành. Nếu ái dục chưa hết, đạo pháp trí sinh, bốn thứ tạo thành, một thứ không tạo thành. Nếu ái dục đã hết thì tất cả không tạo thành.

Trong năm kiết: ái dục chưa hết thì tất cả được tạo thành, ái dục đã hết thì hai thứ tạo thành, ba thứ không tạo thành.

Trong năm kiết phần dưới: ái dục chưa hết, khổ vị tri trí chưa sinh, tất cả được tạo thành. Nếu ái dục chưa hết, khổ vị tri trí đã sinh, bốn thứ tạo thành, một thứ không tạo thành. Nếu ái dục đã hết, khổ vị tri trí chưa sinh, ba thứ tạo thành, hai thứ không tạo thành. Nếu ái dục đã hết, khổ vị tri trí đã sinh, hai thứ tạo thành, ba thứ không tạo thành.

Trong năm kiến: khổ vị tri trí chưa sinh, tất cả được tạo thành, khổ vị tri trí đã sinh, ba thứ tạo thành, hai thứ không tạo thành.

Trong sáu ái thân: ái dục chưa hết, tất cả tạo thành, ái dục đã hết, ái nơi cõi Phạm thiên chưa hết, bốn thứ tạo thành, hai thứ không tạo thành. Ái nơi cõi Phạm thiên đã hết, một thứ tạo thành, năm thứ không tạo thành.

Trong bảy sử: ái dục chưa hết tất cả tạo thành, ái dục đã hết năm thứ tạo thành, hai thứ không tạo thành.

Trong chín kiết: ái dục chưa hết tất cả tạo thành, ái dục đã hết sáu thứ tạo thành, ba thứ không tạo thành.

Trong chín mươi tám sử: Ái dục chưa hết, khổ pháp trí chưa sinh, tất cả tạo thành. Khổ pháp trí đã sinh, khổ vị tri trí chưa sinh, các sử thuộc cõi Dục do khổ đế đoạn không tạo thành, số còn lại thì tạo thành.

Khổ vị tri trí đã sinh, tập pháp trí chưa sinh, các sử nơi ba cõi do khổ đế đoạn không tạo thành, số còn lại tạo thành. Tập pháp trí đã sinh, tập vị tri trí chưa sinh, các sử nơi ba cõi do khổ đế đoạn không tạo thành, số còn lại nơi cõi Dục do tập đế đoạn đều tạo thành.

Tập vị tri trí đã sinh, tận pháp trí chưa sinh, các sử nơi ba cõi do khổ, tập đế đoạn không tạo thành, số còn lại đều tạo thành. Tận pháp trí đã sinh, tận vị tri trí chưa sinh, các sử nơi ba cõi do khổ đế, tập đế đoạn không tạo thành, số còn lại nơi cõi Dục do tận đế đoạn đều tạo thành.

Tận vị tri trí đã sinh, đạo pháp trí chưa sinh, các sử nơi ba cõi do khổ đế, tập đế, tận đế đoạn đều không tạo thành, số còn lại thì tạo thành. Đạo pháp trí đã sinh, các sử nơi ba cõi do khổ, tập, tận đế đoạn đều không tạo thành, và các thứ còn lại nơi cõi Dục do đạo đế đoạn đều tạo thành.

Ái dục đã hết, ái sắc chưa hết, khổ vị tri trí chưa sinh, tất cả sử nơi cõi Dục không tạo thành, số còn lại thì tạo thành. Khổ vị tri trí đã sinh, tập vị tri trí chưa sinh, tất cả sử nơi cõi Dục không tạo thành, số còn lại nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do khổ đế đoạn đều tạo thành. Tập vị tri trí đã sinh, tận vị tri trí chưa sinh, tất cả sử nơi cõi Dục đều không tạo thành, số còn lại nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do khổ đế, tập đế đoạn đều tạo thành. Tận vị tri trí đã sinh, tất cả sử nơi cõi Dục đều không tạo thành, các thứ còn lại nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do khổ đế, tập đế, tận đế đoạn đều tạo thành.

Ái sắc đã hết, ái vô sắc chưa hết, khổ vị tri trí chưa sinh, tất cả sử nơi cõi Dục, cõi Sắc đều không tạo thành, số còn lại thì tạo thành. Khổ vị tri trí đã sinh, tập vị tri trí chưa sinh, tất cả sử nơi cõi Dục, cõi Sắc đều không tạo thành, và các thứ còn lại nơi cõi Vô sắc do khổ đế đoạn đều tạo thành. Tập vị tri trí đã sinh, tận vị tri trí chưa sinh, tất cả sử nơi cõi Dục, cõi Sắc đều không tạo thành, các thứ còn lại nơi cõi Vô sắc do khổ đế, tập đế đoạn đều tạo thành. Tận vị tri trí đã sinh, tất cả sử nơi cõi Dục, cõi Sắc đều không tạo thành, số còn lại nơi cõi Vô sắc do khổ đế, tập đế, tận đế đoạn đều tạo thành.

Người Kiên pháp cũng như vậy.

Hỏi: Người Tín giải thoát đối với ba kiết này: Bao nhiêu thứ tạo thành, bao nhiêu thứ không tạo thành? Từ ba kiết này cho đến chín mươi tám sử: Bao nhiêu thứ tạo thành, bao nhiêu thứ không tạo thành?

Đáp: Đối với ba kiết tất cả không tạo thành.

Đối với ba căn bất thiện tham, giận, si: Ái dục chưa hết tất cả đều tạo thành. Ái dục đã hết tất cả đều không tạo thành.

Trong ba hữu lậu: Ái dục chưa hết tất cả đều tạo thành. Ái dục đã hết hai thứ tạo thành, một thứ không tạo thành.

Trong bốn lưu (bộc lưu): Ái dục chưa hết ba thứ tạo thành, một thứ không tạo thành. Ái dục đã hết hai thứ tạo thành, hai thứ không tạo thành.

Như bộc lưu, ách cũng như vậy.

Trong bốn thọ (thủ): Ái dục chưa hết hai thứ tạo thành, hai thứ không tạo thành. Ái dục đã hết một thứ tạo thành, ba thứ không tạo thành.

Trong bốn phược: Ái dục chưa hết hai thứ tạo thành, hai thứ không tạo thành. Ái dục đã hết tất cả đều không tạo thành.

Trong năm cái: Ái dục chưa hết bốn thứ tạo thành, một thứ không tạo thành. Ái dục đã hết tất cả đều không tạo thành.

Trong năm kiết: Ái dục chưa hết tất cả đều tạo thành. Ái dục đã hết hai thứ tạo thành, ba thứ không tạo thành.

Trong năm kiết phần dưới: Ái dục chưa hết hai thứ tạo thành, ba thứ không tạo thành. Ái dục đã hết tất cả đều không tạo thành.

Năm kiến đều không tạo thành.

Trong sáu ái thân: Ái dục chưa hết tất cả đều tạo thành. Ái dục đã hết, ái của cõi Phạm thiên chưa hết, bốn thứ tạo thành, hai thứ không tạo thành. Ái của cõi Phạm thiên đã hết, một thứ tạo thành, năm thứ không tạo thành.

Trong bảy sử: Ái dục chưa hết năm thứ tạo thành, hai thứ không tạo thành. Ái dục đã hết ba thứ tạo thành, bốn thứ không tạo thành.

Trong chín kiết: Ái dục chưa hết sáu thứ tạo thành, ba thứ không tạo thành. Ái dục đã hết ba thứ tạo thành, sáu thứ không tạo thành.

Trong chín mươi tám sử: Ái dục chưa hết mười thứ tạo thành, tám mươi tám thứ không tạo thành. Ái dục đã hết, ái sắc chưa hết, sáu thứ tạo thành, chín mươi hai thứ không tạo thành. Ái sắc đã hết, ái vô sắc chưa hết, ba thứ tạo thành, chín mươi lăm thứ không tạo thành.

Người Kiến đạo cũng như vậy.

Hỏi: Người Thân chứng đối với ba kiết này: Bao nhiêu thứ tạo thành, bao nhiêu thứ không tạo thành? Từ ba kiết này cho đến chín mươi tám sử: Bao nhiêu thứ tạo thành, bao nhiêu thứ không tạo thành?

Đáp: Đối với ba kiết tất cả đều không tạo thành.

Ba căn bất thiện tham, giận, si đều không tạo thành.

Trong ba hữu lậu: hai thứ tạo thành, một thứ không tạo thành.

Trong bốn lưu (bộc lưu): hai thứ tạo thành, hai thứ không tạo thành.

Như bộc lưu, ách cũng như vậy.

Trong bốn thọ (thủ): một thứ tạo thành, ba thứ không tạo thành.

Phước đều không tạo thành.

Cái cũng đều không tạo thành.

Trong năm kiết: hai thứ tạo thành, ba thứ không tạo thành.

Năm kiết phần dưới đều không tạo thành.

Kiến cũng không tạo thành.

Trong sáu ái thân: một thứ tạo thành, năm thứ không tạo thành.

Trong bảy sử: ba thứ tạo thành, bốn thứ không tạo thành.

Trong chín kiết: ba thứ tạo thành, sáu thứ không tạo thành.

Trong chín mươi tám sử: ba thứ tạo thành, chín mươi lăm thứ không tạo thành.

Hỏi: Thân kiến cùng với thân kiến kia có bao nhiêu duyên?

Đáp: Hoặc là bốn, ba, hai, một.

Thế nào là bốn? Như thân kiến thứ lớp (vô gián) sinh thân kiến, tức thân kiến kia tư duy nơi đời trước, đời sau, là Nhân, Thứ đệ, Duyên, Tăng thượng. Đây gọi là bốn. (Nhân duyên, Thứ đệ duyên, Sở duyên, Tăng thượng duyên)

Thế nào là ba? Như thân kiến thứ lớp (vô gián) sinh thân kiến, tức thân kiến kia không tư duy nơi đời trước, đời sau, là Nhân, Thứ đệ, Tăng thượng, không có Sở duyên. Như thân kiến thứ lớp sinh ngàn ấy tâm sinh thân kiến, tức thân kiến kia tư duy nơi đời trước, đời sau là Nhân, Sở duyên, Tăng thượng, không có Thứ đệ. Đây gọi là ba.

Thế nào là hai? Như thân kiến thứ lớp (vô gián) sinh ngàn ấy tâm sinh thân kiến, tức thân kiến kia không tư duy nơi đời trước, đời sau, là Nhân, Tăng thượng. Đây gọi là hai.

Thế nào là một? Đời sau, đời trước nếu cùng duyên là sở duyên, tăng thượng, không cùng duyên là một tăng thượng. Vị lai, quá khứ,

hiện tại, nếu cùng duyên là sở duyên tăng thượng, không cùng duyên là một tăng thượng. Vị lai, hiện tại, quá khứ, nếu cùng duyên là sở duyên tăng thượng, không cùng duyên là một tăng thượng. Hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc là một tăng thượng. Hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Dục, nếu cùng với thứ đệ là Thứ đệ, Tăng thượng, nếu không cùng với thứ đệ là một Tăng thượng. Hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Vô sắc là một tăng thượng. Hệ thuộc cõi Vô sắc, hệ thuộc cõi Dục, nếu cùng với thứ đệ là thứ đệ, tăng thượng, nếu không cùng với thứ đệ là một tăng thượng. Hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc là một tăng thượng. Hệ thuộc cõi Vô sắc, hệ thuộc cõi Sắc, nếu cùng với thứ đệ là thứ đệ, tăng thượng, nếu không cùng với thứ đệ là một tăng thượng. Đây gọi là một.

Như thân kiến với thân kiến, thân kiến với không nhất thiết biến (tất cả không phải biến hành), không nhất thiết biến với không nhất thiết biến cũng như vậy.

Hỏi: Thân kiến cùng với trộm giới (giới cấm thủ) có bao nhiêu duyên?

Đáp: Hoặc là bốn, ba, hai, một.

Thế nào là bốn? Như thân kiến thứ lớp (vô gián) sinh trộm giới (giới cấm thủ), tức thân kiến kia tư duy nơi đời trước, đời sau, là Nhân, Thứ đệ, Sở duyên, Tăng thượng. Đây gọi là bốn.

Thế nào là ba? Như thân kiến thứ lớp sinh trộm giới, tức thân kiến kia không tư duy nơi đời trước, đời sau, là Nhân, Thứ đệ, Tăng thượng, không có Sở duyên. Như thân kiến thứ lớp sinh ngần ấy tâm sinh trộm giới, thân kiến kia tức tư duy nơi đời trước, đời sau, là Nhân, Sở duyên, Tăng thượng, không có Thứ đệ. Đây gọi là ba.

Thế nào là hai? Như thân kiến thứ lớp sinh ngần ấy tâm sinh trộm giới, tức thân kiến kia không tư duy nơi đời trước, đời sau, là Nhân, Tăng thượng. Đây gọi là hai.

Thế nào là một? Đòi sau, đòi trước, nếu cùng duyên là Sở duyên, Tăng thượng, không cùng duyên là một Tăng thượng. Vị lai, quá khứ, hiện tại, nếu cùng duyên là Sở duyên, Tăng thượng, không cùng duyên là một Tăng thượng. Vị lai, hiện tại, quá khứ, nếu cùng duyên là Sở duyên, Tăng thượng, không cùng duyên là một Tăng thượng.

Hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc là một tăng thượng. Hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Dục, nếu cùng với thứ đệ (vô gián) không có Sở duyên là Thứ đệ, Tăng thượng. Nếu cùng với Sở duyên không có thứ đệ là Sở duyên, Tăng thượng. Nếu cùng với thứ đệ, sở duyên là thứ đệ, sở duyên, tăng thượng. Nếu không cùng với thứ đệ, sở duyên là một tăng thượng.

Hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Vô sắc là một tăng thượng. Hệ thuộc cõi Vô sắc, hệ thuộc cõi Dục, nếu cùng với thứ đệ không có sở duyên là thứ đệ, tăng thượng. Nếu cùng với Sở duyên không có thứ đệ là Sở duyên, Tăng thượng. Nếu cùng với thứ đệ, sở duyên là thứ đệ, sở duyên, tăng thượng. Nếu không cùng với thứ đệ, sở duyên là một tăng thượng.

Hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc là một tăng thượng. Hệ thuộc cõi Vô sắc, hệ thuộc cõi Sắc, nếu cùng với thứ đệ không có sở duyên là thứ đệ, tăng thượng. Nếu cùng với sở duyên không có thứ đệ là sở duyên, tăng thượng. Nếu cùng với thứ đệ, sở duyên là thứ đệ, sở duyên, tăng thượng. Nếu không cùng với thứ đệ, sở duyên là một tăng thượng. Đây gọi là một.

Như thân kiến cùng với trộm giới, như thế không nhất thiết biến (Tất cả không phải biến hành) cùng với nhất thiết biến, nhất thiết biến cùng với không nhất thiết biến cũng như vậy.

HẾT - QUYỂN 4

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

QUYỂN 5

Kiên độ thứ 2: KIẾT SỬ

Phẩm 2: BÀN VỀ NHẤT HÀNH, phần 1

Một hành trải qua sáu tiêu, bảy đại. Bảy gồm thâm hữu nối kết do định nào diệt trừ kiết sử? Các đạo trí đoạn tám người.

Chín kiết: kiết ái, kiết giận dữ, kiết kiêu mạn, kiết vô minh, kiết kiến, kiết thất nguyện (kiết thủ), kiết nghi, kiết keo kiệt, kiết ganh tị.

Nếu trong thân có kiết ái trói buộc lại có kiết giận dữ trói buộc chăng? Giả như có kiết giận dữ trói buộc lại có kiết ái trói buộc chăng? Nếu trong thân có kiết ái trói buộc lại có kiết kiêu mạn, kiết vô minh, kiết kiến, kiết thất nguyện (kiết thủ), kiết nghi, kiết keo kiệt, kiết ganh tị trói buộc chăng? Giả như có kiết ganh tị trói buộc lại có kiết ái trói buộc chăng? Cho đến: Nếu trong thân có kiết keo kiệt trói buộc lại có kiết ganh tị trói buộc chăng? Giả như có kiết ganh tị trói buộc lại có kiết keo kiệt trói buộc chăng?

Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc tức có kiết ái vị lai chăng? Giả như có kiết ái vị lai tức có kiết ái quá khứ trói buộc chăng? Nếu có kiết ái quá khứ trói buộc tức có kiết ái hiện tại chăng? Giả như có kiết ái hiện tại tức có kiết ái quá khứ trói buộc chăng? Nếu có kiết ái vị lai trói buộc tức có kiết ái hiện tại chăng? Giả như có kiết ái hiện tại tức có kiết ái vị lai trói buộc chăng? Nếu có kiết ái

quá khứ trói buộc tức có kiết ái vị lai, hiện tại chẳng? Giả như có kiết ái vị lai, hiện tại, tức có kiết ái quá khứ trói buộc chẳng? Nếu có kiết ái vị lai trói buộc tức có kiết ái quá khứ, hiện tại chẳng? Giả như có kiết ái quá khứ, hiện tại, tức có kiết ái vị lai trói buộc chẳng? Nếu có kiết ái hiện tại trói buộc tức có kiết ái quá khứ, vị lai chẳng? Giả như có kiết ái quá khứ, vị lai, tức có kiết ái hiện tại trói buộc chẳng? Cho đến kiết keo kiệt, kiết ganh tị cũng như vậy.

Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết giận dữ quá khứ trói buộc chẳng? Giả như có kiết giận dữ quá khứ trói buộc thì có kiết ái quá khứ trói buộc chẳng? Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết giận dữ vị lai trói buộc chẳng? Giả như có kiết giận dữ vị lai trói buộc thì có kiết ái quá khứ trói buộc chẳng? Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết giận dữ hiện tại trói buộc chẳng? Giả như có kiết giận dữ hiện tại trói buộc thì có kiết ái quá khứ trói buộc chẳng? Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết giận dữ quá khứ, hiện tại trói buộc chẳng? Giả như có kiết giận dữ quá khứ, hiện tại trói buộc, thì có kiết ái quá khứ trói buộc chẳng? Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết giận dữ vị lai, hiện tại trói buộc chẳng? Giả như có kiết giận dữ vị lai, hiện tại trói buộc, thì có kiết ái quá khứ trói buộc chẳng? Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết giận dữ quá khứ, vị lai trói buộc chẳng? Giả như có kiết giận dữ quá khứ, vị lai trói buộc, thì có kiết ái quá khứ trói buộc chẳng? Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết giận dữ quá khứ, vị lai, hiện tại trói buộc chẳng? Giả như có kiết giận dữ quá khứ, vị lai, hiện tại trói buộc, thì có kiết ái quá khứ trói buộc chẳng?

Như kiết ái quá khứ, kiết giận dữ quá khứ, kiết kiêu mạn quá khứ, vị lai, hiện tại, quá khứ - hiện tại, vị lai - hiện tại, quá khứ - vị lai, quá khứ - vị lai - hiện tại, cho đến kiết keo kiệt, kiết ganh tị cũng lại như vậy.

Ba kiết cho đến chín mươi tám sử, ở trong mỗi mỗi thứ gồm thâu bao nhiêu sử?

Ba kiết, ba căn bất thiện: Là ba kiết gồm thâu ba căn bất thiện hay ba căn bất thiện gồm thâu ba kiết? Ba kiết cho đến chín mươi tám sử: Là ba kiết gồm thâu chín mươi tám sử hay chín mươi tám sử gồm thâu ba kiết? Cho đến chín kiết, chín mươi tám sử: Là chín kiết gồm thâu chín mươi tám sử hay chín mươi tám sử gồm thâu chín kiết?

Ba kiết cho đến chín mươi tám sử: Bao nhiêu thứ khiến cho Dục hữu nổi tiếp, bao nhiêu thứ khiến cho Sắc hữu nổi tiếp, bao nhiêu thứ khiến cho Vô sắc hữu nổi tiếp?

Ba kiết cho đến chín mươi tám sử do Tam muội nào diệt?

Các kiết quá khứ, các kiết ấy đã trói buộc chăng? Nếu như các kiết đã trói buộc, các kiết ấy là quá khứ chăng? Các kiết vị lai, các kiết ấy sẽ trói buộc chăng? Nếu như các kiết sẽ trói buộc, các kiết ấy là vị lai chăng? Các kiết hiện tại, các kiết ấy đang trói buộc chăng? Nếu như các kiết đang trói buộc, các kiết ấy là hiện tại chăng?

Những người dùng đạo này nhằm đoạn trừ kiết nơi cõi Dục, khi thoái lui đạo ấy, trở lại bị kiết kia trói buộc hay không bị kiết kia trói buộc? Những người dùng đạo này nhằm đoạn trừ kiết nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, khi thoái lui đạo ấy, trở lại bị kiết kia trói buộc hay không bị kiết kia trói buộc?

Chín trí đoạn (Chín thứ nhận biết khắp): Khổ đế, tập đế đoạn dứt hết kiết nơi cõi Dục là một trí đoạn. Khổ đế, tập đế đoạn dứt hết kiết nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc là hai trí đoạn. Tận đế đoạn dứt hết kiết nơi cõi Dục là ba trí đoạn. Tận đế đoạn dứt hết kiết nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc là bốn trí đoạn. Đạo đế đoạn dứt hết kiết nơi cõi Dục là năm trí đoạn. Đạo đế đoạn dứt hết kiết nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc là sáu trí đoạn. Năm kiết phần dưới đã hết là bảy trí đoạn. Ái sắc dứt hết là tám

trí đoạn. Tất cả kiết tận là chín trí đoạn. Chín trí đoạn là gồm thâm tất cả trí đoạn hay tất cả trí đoạn gồm thâm chín trí đoạn?

Có tám người (Bồ-đặc-già-la): Hướng Tu-đà-hoàn, chứng đắc Tu-đà-hoàn. Hướng Tu-đà-hàm, chứng đắc Tu-đà-hàm. Hướng A-na-hàm, chứng đắc A-na-hàm. Hướng A-la-hán, chứng đắc A-la-hán. (Là bốn hướng, bốn quả Thanh văn)

Hướng Tu-đà-hoàn - chứng đắc Tu-đà-hoàn đối với chín trí đoạn này: Bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu? Cho đến Hướng A-la-hán, chứng đắc A-la-hán đối với chín trí đoạn: Bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Chín kiết: kiết ái, kiết giận dữ, kiết kiêu mạn, kiết vô minh, kiết kiến, kiết thất nguyện (kiết thủ), kiết nghi, kiết keo kiệt, kiết ganh tị.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái trói buộc lại có kiết giận dữ trói buộc chằng?

Đáp: Đúng vậy. Có kiết giận dữ trói buộc tức có kiết ái trói buộc.

Hỏi: Từng có kiết ái trói buộc không có kiết giận dữ trói buộc chằng?

Đáp: Có. Pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc có kiết ái chưa dứt hết.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái trói buộc lại có kiết kiêu mạn trói buộc chằng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Giả như có kiết kiêu mạn trói buộc lại có kiết ái trói buộc chằng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái trói buộc lại có kiết vô minh trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy. Nếu có kiết ái trói buộc tức có kiết vô minh trói buộc.

Hỏi: Từng có kiết vô minh trói buộc không có kiết ái trói buộc chăng?

Đáp: Có. Khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, đối với pháp do khổ để đoạn có kiết vô minh do tập để đoạn chưa dứt hết.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái trói buộc lại có kiết kiến trói buộc chăng?

Đáp: Hoặc có kiết ái trói buộc không có kiết kiến trói buộc.

Thế nào là trong thân có kiết ái trói buộc không có kiết kiến trói buộc? Tập trí đã sinh, tận trí chưa sinh, đối với pháp không tương ưng với kiết kiến do tận để, đạo để đoạn và pháp do tư duy đoạn có kiết ái chưa dứt hết. Tận trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp không tương ưng với kiết kiến do đạo để đoạn và pháp do tư duy đoạn có kiết ái chưa dứt hết. Độ tử của Đức Thế Tôn đã thành tựu kiến đế, đối với pháp do tư duy đoạn có kiết ái chưa dứt hết. Đây gọi là trong thân có kiết ái trói buộc không có kiết kiến trói buộc.

Thế nào là trong thân có kiết kiến trói buộc không có kiết ái trói buộc? Khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, đối với pháp do khổ để đoạn có kiết kiến do tập để đoạn chưa dứt hết. Đây gọi là trong thân có kiết kiến trói buộc không có kiết ái trói buộc.

Thế nào là trong thân có hai kiết cùng trói buộc? Là người bị trói buộc đủ, đối với pháp do bốn để và tư duy đoạn có hai kiết ái, kiến cùng trói buộc. Khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, đối với pháp do tập, tận, đạo để và tư duy đoạn có hai kiết ái, kiến cùng trói buộc. Tập trí đã sinh, tận trí chưa sinh, đối với pháp tương ưng với kiết kiến

do tận đế, đạo đế đoạn có hai kiết ái, kiến cùng trói buộc. Tận trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp tương ưng của kiết kiến do đạo đế đoạn có hai kiết ái, kiến cùng trói buộc. Đây gọi là trong thân có hai kiết cùng trói buộc.

Thế nào là trong thân có hai kiết cùng không trói buộc? Tập trí đã sinh, tận trí chưa sinh, đối với pháp do khổ đế, tập đế đoạn không có hai kiết ái, kiến trói buộc. Tận trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp do khổ đế, tập đế, tận đế đoạn không có hai kiết ái, kiến trói buộc. Đệ tử của Đức Thế Tôn đã thành tựu kiến đế, đối với pháp do bốn đế đoạn không có hai kiết trói buộc. Ái của cõi Dục đã hết, đối với pháp nơi cõi Dục không có hai kiết trói buộc. Ái của cõi Sắc, cõi Vô sắc đã hết, đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, không có hai kiết trói buộc. Đây gọi là trong thân có hai kiết cùng không trói buộc.

Như kiết ái đối với kiết kiến, kiết ái đối với kiết nghi cũng như vậy.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái trói buộc lại có kiết thất nguyện (kiết thủ) trói buộc chăng?

Đáp: Hoặc có kiết ái trói buộc không có kiết thất nguyện trói buộc.

Thế nào là trong thân có kiết ái trói buộc không có kiết thất nguyện trói buộc? Tập trí đã sinh, tận trí chưa sinh, đối với pháp do tư duy đoạn có kiết ái chưa dứt hết. Tận trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp do tư duy đoạn có kiết ái chưa dứt hết. Đệ tử của Đức Thế Tôn đã thành tựu kiến đế, đối với pháp do tư duy đoạn có kiết ái chưa dứt hết. Đây gọi là trong thân có kiết ái trói buộc không có kiết thất nguyện trói buộc.

Thế nào là trong thân có kiết thất nguyện trói buộc không có kiết ái trói buộc? Khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, đối với pháp do khổ đế đoạn có kiết thất nguyện do tập đế đoạn chưa dứt hết.

Đây gọi là trong thân có kiết thất nguyện trói buộc không có kiết ái trói buộc.

Thế nào là trong thân có hai kiết cùng trói buộc? Là người bị trói buộc đủ, đối với pháp do bốn đế và tư duy đoạn có hai kiết ái, thất nguyện cùng trói buộc. Khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, đối với pháp do tập, tận, đạo đế cùng tư duy đoạn dứt có hai kiết cùng trói buộc. Tập trí đã sinh, tận trí chưa sinh, đối với pháp do tập, tận, đạo đế cùng tư duy đoạn dứt có hai kiết cùng trói buộc. Tận trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp do đạo đế đoạn có hai kiết cùng trói buộc. Đây gọi là trong thân có hai kiết cùng trói buộc.

Thế nào là trong thân có hai kiết cùng không trói buộc? Tập trí đã sinh, tận trí chưa sinh, đối với pháp do khổ đế, tập đế đoạn, có hai kiết không cùng trói buộc. Tận trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp do khổ đế, tập đế, tận đế đoạn, có hai kiết không cùng trói buộc. Đệ tử của Đức Thế Tôn đã thành tựu kiến đế, đối với pháp do bốn đế đoạn có hai kiết không cùng trói buộc. Ái của cõi Dục đã hết, đối với pháp nơi cõi Dục, có hai kiết không cùng trói buộc. Ái của cõi Sắc, cõi Vô sắc đã hết, đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, có hai kiết không cùng trói buộc. Đây gọi là trong thân có hai kiết cùng không trói buộc.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái trói buộc lại có kiết keo kiệt trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy. Có kiết keo kiệt trói buộc tức có kiết ái trói buộc.

Hỏi: Từng có kiết ái trói buộc không có kiết keo kiệt trói buộc chăng?

Đáp: Có. Pháp nơi cõi Dục do bốn đế đoạn có kiết ái chưa dứt hết, cho đến pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc có kiết ái chưa dứt hết.

Như kiết ái đối với kiết keo kiệt, kiết ái đối với kiết ganh tị cũng như vậy.

Môn kiêu mạn cũng như vậy.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết giận dữ trói buộc lại có kiết kiêu mạn trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy. Có kiết giận dữ trói buộc tức có kiết kiêu mạn trói buộc.

Hỏi: Từng có kiết kiêu mạn trói buộc không có kiết giận dữ trói buộc chăng?

Đáp: Có. Pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc có kiết kiêu mạn chưa dứt hết.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết giận dữ trói buộc lại có kiết vô minh trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy. Có kiết giận dữ trói buộc tức có kiết vô minh trói buộc.

Hỏi: Từng có kiết vô minh trói buộc không có kiết giận dữ trói buộc chăng?

Đáp: Có. Ái dục chưa hết, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, đối với pháp nơi cõi Dục do khổ để đoạn trừ có kiết vô minh do tập để đoạn trừ chưa dứt hết, cùng đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc có kiết vô minh chưa dứt hết.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết giận dữ trói buộc lại có kiết kiến trói buộc chăng?

Đáp: Hoặc có kiết giận dữ trói buộc không có kiết kiến trói buộc.

Thế nào là trong thân có kiết giận dữ trói buộc không có kiết kiến trói buộc? Ái dục chưa hết, tập trí đã sinh, tận trí chưa sinh, đối với pháp không tương ưng với kiết kiến nơi cõi Dục do tận để, đạo để đoạn trừ có kiết giận dữ chưa dứt hết, cùng đối với pháp nơi cõi Dục do tư duy đoạn trừ có kiết giận dữ chưa dứt hết. Tận trí đã

sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp không tương ưng với kiết kiến nơi cõi Dục do đạo đế đoạn trừ có kiết giận dữ chưa dứt hết, cùng đối với pháp nơi cõi Dục do tư duy đoạn trừ có kiết giận dữ chưa dứt hết. Đệ tử của Đức Thế Tôn đã thành tựu kiến đế, ái dục chưa hết, đối với pháp nơi cõi Dục do tư duy đoạn trừ có kiết giận dữ chưa dứt hết. Đây gọi là trong thân có kiết giận dữ trói buộc không có kiết kiến trói buộc.

Thế nào là trong thân có kiết kiến trói buộc không có kiết giận dữ trói buộc? Ái dục chưa hết, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, đối với pháp nơi cõi Dục do khổ đế đoạn trừ có kiết kiến do tập đế đoạn trừ chưa dứt hết, cùng đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc có kiết kiến chưa dứt hết. Đây gọi là trong thân có kiết kiến trói buộc không có kiết giận dữ trói buộc.

Thế nào là trong thân có hai kiết cùng trói buộc? Là người bị trói buộc khắp, đối với pháp nơi cõi Dục do bốn đế cùng tư duy đoạn trừ có hai kiết cùng trói buộc. Ái dục chưa hết, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, đối với pháp nơi cõi Dục do tập, tận, đạo đế cùng tư duy đoạn trừ có hai kiết cùng trói buộc. Tập trí đã sinh, tận trí chưa sinh, đối với pháp tương ưng của kiết kiến nơi cõi Dục do tận đế, đạo đế đoạn trừ có hai kiết cùng trói buộc. Tận trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp tương ưng của kiết kiến nơi cõi Dục do đạo đế đoạn trừ có hai kiết cùng trói buộc. Đây gọi là trong thân có hai kiết cùng trói buộc.

Thế nào là trong thân có hai kiết cùng không trói buộc? Tập trí đã sinh, tận trí chưa sinh, đối với pháp do khổ đế, tập đế đoạn trừ có hai kiết cùng không trói buộc, cùng đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do tư duy đoạn trừ có hai kiết cùng không trói buộc. Tận trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp do khổ, tập, tận đế đoạn trừ có hai kiết cùng không trói buộc, cùng đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do tư duy đoạn trừ có hai kiết cùng không trói buộc. Đệ tử của

Đức Thế Tôn đã thành tựu kiến đế, đối với pháp do bốn đế đoạn trừ có hai kiết cùng không trói buộc. Ái dục đã hết, đối với pháp nơi cõi Dục có hai kiết cùng không trói buộc. Ái nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc đã hết, đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc có hai kiết cùng không trói buộc. Đây gọi là trong thân có hai kiết cùng không trói buộc.

Như kiết giận dữ đối với kiết kiến, kiết giận dữ đối với kiết nghi cũng như vậy.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết giận dữ trói buộc lại có kiết thất nguyện (kiết thủ) trói buộc chăng?

Đáp: Hoặc có kiết giận dữ trói buộc không có kiết thất nguyện trói buộc.

Thế nào là trong thân có kiết giận dữ trói buộc không có kiết thất nguyện trói buộc? Ái dục chưa hết, tập trí đã sinh, tận trí chưa sinh, đối với pháp nơi cõi Dục do tư duy đoạn trừ có kiết giận dữ chưa dứt hết. Tận trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp nơi cõi Dục do tư duy đoạn trừ có kiết giận dữ chưa dứt hết. Đệ tử của Đức Thế Tôn đã thành tựu kiến đế, ái dục chưa hết, đối với pháp nơi cõi Dục do tư duy đoạn trừ có kiết giận dữ chưa dứt hết. Đây gọi là trong thân có kiết giận dữ trói buộc không có kiết thất nguyện trói buộc.

Thế nào là trong thân có kiết thất nguyện trói buộc không có kiết giận dữ trói buộc? Ái dục chưa hết, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, đối với pháp nơi cõi Dục do khổ đế đoạn trừ có kiết thất nguyện do tập đế đoạn trừ chưa dứt hết, cùng đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc có kiết thất nguyện chưa dứt hết. Đây gọi là trong thân có kiết thất nguyện trói buộc không có kiết giận dữ trói buộc.

Thế nào là trong thân có hai kiết cùng trói buộc? Là người bị trói buộc khắp, đối với pháp nơi cõi Dục do bốn đế cùng tư duy đoạn trừ có hai kiết cùng trói buộc. Ái dục chưa hết, khổ trí đã sinh, tập trí

chưa sinh, đối với pháp nơi cõi Dục do tập, tận, đạo đế cùng tư duy đoạn trừ có hai kiết cùng trói buộc. Tập trí đã sinh, tận trí chưa sinh, đối với pháp nơi cõi Dục do tận đế, đạo đế đoạn trừ có hai kiết cùng trói buộc. Tận trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp nơi cõi Dục do đạo đế đoạn trừ có hai kiết cùng trói buộc. Đây gọi là trong thân có hai kiết cùng trói buộc.

Thế nào là trong thân có hai kiết cùng không trói buộc? Tập trí đã sinh, tận trí chưa sinh, pháp do khổ đế, tập đế đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát, cùng đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do tư duy đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát. Tận trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp do khổ đế, tập đế, tận đế đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát, đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do tư duy đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát. Đệ tử của Đức Thế Tôn đã thành tựu kiến đế, đối với pháp do bốn đế đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát, cùng đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do tư duy đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát. Ái cõi Dục đã hết, đối với pháp nơi cõi Dục có hai kiết cùng được giải thoát. Ái cõi Sắc, cõi Vô sắc đã hết, đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc có hai kiết cùng được giải thoát. Đây gọi là trong thân có hai kiết cùng không trói buộc.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết giận dữ trói buộc lại có kiết keo kiệt trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy. Có kiết keo kiệt trói buộc tức có kiết giận dữ trói buộc.

Hỏi: Từng có kiết giận dữ trói buộc không có kiết keo kiệt trói buộc chăng?

Đáp: Có. Là pháp nơi cõi Dục do bốn đế đoạn trừ có kiết giận dữ chưa dứt hết.

Như kiết giận dữ đối với kiết keo kiệt, kiết giận dữ đối với kiết ganh tị cũng như vậy.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết vô minh trói buộc lại có kiết kiến trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy. Có kiết kiến trói buộc tức có kiết vô minh trói buộc.

Hỏi: Từng có kiết vô minh trói buộc không có kiết kiến trói buộc chăng?

Đáp: Có. Tập trí đã sinh, tận trí chưa sinh, đối với pháp không tương ứng của kiết kiến do tận đế, đạo đế đoạn trừ có kiết vô minh chưa dứt hết, cùng đối với pháp do tư duy đoạn trừ có kiết vô minh chưa dứt hết. Tận trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp không tương ứng với kiết kiến do đạo đế đoạn trừ có kiết vô minh chưa dứt hết, cùng đối với pháp do tư duy đoạn trừ có kiết vô minh chưa dứt hết. Đệ tử của Đức Thế Tôn đã thành tựu kiến đế, đối với pháp do tư duy đoạn trừ có kiết vô minh chưa dứt hết.

Như kiết vô minh đối với kiết kiến, kiết vô minh đối với kiết nghi cũng như vậy.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết vô minh trói buộc lại có kiết thất nguyện (kiết thủ) trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy. Có kiết thất nguyện trói buộc tức có kiết vô minh trói buộc.

Hỏi: Từng có kiết vô minh trói buộc không có kiết thất nguyện trói buộc chăng?

Đáp: Có. Tập trí đã sinh, tận trí chưa sinh, đối với pháp do tư duy đoạn trừ có kiết vô minh chưa dứt hết. Tận trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp do tư duy đoạn trừ có kiết vô minh chưa dứt hết. Đệ tử của Đức Thế Tôn đã thành tựu kiến đế, đối với pháp do tư duy đoạn trừ có kiết vô minh chưa dứt hết.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết vô minh trói buộc lại có kiết keo kiệt trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy. Có kiết keo kiệt trói buộc tức có kiết vô minh trói buộc.

Hỏi: Từng có kiết vô minh trói buộc không có kiết keo kiệt trói buộc chăng?

Đáp: Có. Là pháp nơi cõi Dục do bốn đế đoạn trừ có kiết vô minh chưa dứt hết, cùng pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc có kiết vô minh chưa dứt hết.

Như kiết vô minh đối với kiết keo kiệt, kiết vô minh đối với kiết ganh tị cũng như vậy.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết kiến trói buộc lại có kiết thất nguyện (kiết thủ) trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy. Có kiết kiến trói buộc tức có kiết thất nguyện trói buộc.

Hỏi: Từng có kiết thất nguyện trói buộc không có kiết kiến trói buộc chăng?

Đáp: Có. Tập trí đã sinh, tận trí chưa sinh, đối với pháp không tương ưng của kiết kiến do tận đế, đạo đế đoạn trừ có kiết thất nguyện chưa dứt hết. Tận trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp không tương ưng của kiết kiến do đạo đế đoạn trừ có kiết thất nguyện chưa dứt hết.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết kiến trói buộc lại có kiết nghi trói buộc chăng?

Đáp: Hoặc có kiết kiến trói buộc không có kiết nghi trói buộc.

Thế nào là trong thân có kiết kiến trói buộc không có kiết nghi trói buộc? Tập trí đã sinh, tận trí chưa sinh, đối với pháp tương ưng với kiết kiến do tận đế, đạo đế đoạn trừ có kiết kiến chưa dứt hết. Tận trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp tương ưng với kiết kiến do đạo đế đoạn trừ có kiết kiến chưa dứt hết. Đây gọi là trong thân có kiết kiến trói buộc không có kiết nghi trói buộc.

Thế nào là trong thân có kiết nghi trói buộc không có kiết kiến trói buộc? Tập trí đã sinh, tận trí chưa sinh, đối với pháp tương ưng với kiết nghi do tận đế, đạo đế đoạn trừ có kiết nghi chưa dứt hết. Tận trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp tương ưng với kiết nghi do đạo đế đoạn trừ có kiết nghi chưa dứt hết. Đây gọi là trong thân có kiết nghi trói buộc không có kiết kiến trói buộc.

Thế nào là trong thân có hai kiết cùng trói buộc? Là người bị trói buộc khắp, đối với pháp do bốn đế cùng tư duy đoạn trừ có hai kiết cùng trói buộc. Khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, đối với pháp do tập, tận, đạo đế cùng tư duy đoạn trừ có hai kiết cùng trói buộc. Đây gọi là trong thân có hai kiết cùng trói buộc.

Thế nào là trong thân có hai kiết cùng được giải thoát? Tập trí đã sinh, tận trí chưa sinh, đối với pháp do khổ đế, tập đế đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát. Pháp không tương ưng của kiết kiến, nghi do tận đế, đạo đế đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát. Pháp do tư duy đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát. Tận trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp do khổ đế, tập đế, tận đế đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát, và đối với pháp không tương ưng của kiết kiến, nghi do đạo đế đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát, cùng đối với pháp do tư duy đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát. Đệ tử của Đức Thế Tôn đã thành tựu kiến đế, đối với pháp do bốn đế đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát. Ái nơi cõi Dục đã hết, đối với pháp nơi cõi Dục có hai kiết cùng được giải thoát. Ái nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc đã hết, đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc có hai kiết cùng được giải thoát. Đây gọi là trong thân có hai kiết cùng được giải thoát.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết kiến trói buộc lại có kiết keo kiết trói buộc chăng?

Đáp: Hoặc có kiết kiến trói buộc không có kiết keo kiết trói buộc.

Thế nào là có kiết kiến trói buộc không có kiết keo kiệt trói buộc? Đối với pháp nơi cõi Dục do bốn đế đoạn trừ có kiết kiến chưa dứt hết, cùng đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc có kiết kiến chưa dứt hết. Đây gọi là có kiết kiến trói buộc không có kiết keo kiệt trói buộc.

Thế nào là có kiết keo kiệt trói buộc không có kiết kiến trói buộc? Ái nơi cõi Dục chưa hết, tập trí đã sinh, tận trí chưa sinh, đối với pháp nơi cõi Dục do tư duy đoạn trừ có kiết keo kiệt chưa dứt hết. Tận trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp nơi cõi Dục do tư duy đoạn trừ có kiết keo kiệt chưa dứt hết. Đệ tử của Đức Thế Tôn đã thành tựu kiến đế, ái nơi cõi Dục chưa hết, đối với pháp nơi cõi Dục do tư duy đoạn trừ có kiết keo kiệt chưa dứt hết. Đây gọi là có kiết keo kiệt trói buộc không có kiết kiến trói buộc.

Thế nào là trong thân có hai kiết cùng trói buộc? Là người bị trói buộc khắp, đối với pháp nơi cõi Dục do tư duy đoạn trừ có hai kiết cùng trói buộc. Ái nơi cõi Dục chưa hết, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, đối với pháp nơi cõi Dục do tư duy đoạn trừ có hai kiết cùng trói buộc. Đây gọi là trong thân có hai kiết cùng trói buộc.

Thế nào là trong thân có hai kiết cùng được giải thoát? Tập trí đã sinh, tận trí chưa sinh, đối với pháp do khổ đế, tập đế đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát, và đối với pháp không tương ưng của kiết kiến do tận đế, đạo đế đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát, cùng pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do tư duy đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát. Tận trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp do khổ đế, tập đế, tận đế đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát, và đối với pháp không tương ưng của kiết kiến do đạo đế đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát, cùng đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do tư duy đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát. Đệ tử của Đức Thế Tôn đã thành tựu kiến đế, đối với pháp do bốn đế đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát, cùng đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do tư duy

đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát. Ái của cõi Dục đã hết, đối với pháp nơi cõi Dục có hai kiết cùng được giải thoát. Ái của cõi Sắc, cõi Vô sắc đã hết, đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc có hai kiết cùng được giải thoát. Đây gọi là trong thân có hai kiết cùng được giải thoát.

Như kiết kiến đối với kiết keo kiệt, kiết kiến đối với kiết ganh tị cũng như vậy.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết thất nguyện (kiết thủ) trói buộc lại có kiết nghi trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy. Có kiết nghi trói buộc tức có kiết thất nguyện trói buộc.

Hỏi: Từng có kiết thất nguyện trói buộc không có kiết nghi trói buộc chăng?

Đáp: Có. Tập trí đã sinh, tận trí chưa sinh, đối với pháp không tương ưng với kiết nghi do tận đế, đạo đế đoạn trừ có kiết thất nguyện chưa dứt hết. Tận trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp không tương ưng với kiết nghi do đạo đế đoạn trừ có kiết thất nguyện chưa dứt hết.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết thất nguyện trói buộc lại có kiết keo kiệt trói buộc chăng?

Đáp: Hoặc có kiết thất nguyện trói buộc không có kiết keo kiệt trói buộc.

Thế nào là có kiết thất nguyện trói buộc không có kiết keo kiệt trói buộc? Là đối với pháp nơi cõi Dục do bốn đế đoạn trừ có kiết thất nguyện chưa dứt hết, cùng đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc có kiết thất nguyện chưa dứt hết. Đây gọi là có kiết thất nguyện trói buộc không có kiết keo kiệt trói buộc.

Thế nào là có kiết keo kiệt trói buộc không có kiết thất nguyện trói buộc? Ái nơi cõi Dục chưa hết, tập trí đã sinh, tận trí

chưa sinh, đối với pháp nơi cõi Dục do tư duy đoạn trừ có kiết keo kiết chưa dứt hết. Tận trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp nơi cõi Dục do tư duy đoạn trừ có kiết keo kiết chưa dứt hết. Đệ tử của Đức Thế Tôn đã thành tựu kiến đế, ái của cõi Dục chưa hết, đối với pháp nơi cõi Dục do tư duy đoạn trừ có kiết keo kiết chưa dứt hết. Đây gọi là có kiết keo kiết trói buộc không có kiết thất nguyện trói buộc.

Thế nào là trong thân có hai kiết cùng trói buộc? Là người bị trói buộc khắp, đối với pháp nơi cõi Dục do tư duy đoạn trừ có hai kiết cùng trói buộc. Ái nơi cõi Dục chưa hết, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, đối với pháp nơi cõi Dục do tư duy đoạn trừ có hai kiết cùng trói buộc. Đây gọi là trong thân có hai kiết cùng trói buộc.

Thế nào là trong thân có hai kiết cùng được giải thoát? Tập trí đã sinh, tận trí chưa sinh, đối với pháp do khổ đế, tập đế đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát, cùng đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do tư duy đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát. Tận trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp do khổ đế, tập đế, tận đế đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát, cùng đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do tư duy đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát. Đệ tử của Đức Thế Tôn đã thành tựu kiến đế, đối với pháp do bốn đế đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát, cùng đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do tư duy đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát. Ái của cõi Dục đã hết, đối với pháp nơi cõi Dục có hai kiết cùng được giải thoát. Ái của cõi Sắc, cõi Vô sắc đã hết, đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc có hai kiết cùng được giải thoát. Đây gọi là trong thân có hai kiết cùng được giải thoát.

Như kiết thất nguyện đối với kiết keo kiết, kiết thất nguyện đối với kiết ganh tị cũng như vậy.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết nghi trói buộc lại có kiết keo kiết trói buộc chăng?

Đáp: Hoặc có kiết nghi trói buộc không có kiết keo kiết trói buộc.

Thế nào là có kiết nghi trói buộc không có kiết keo kiết trói buộc? Đối với pháp nơi cõi Dục do bốn đế đoạn trừ có kiết nghi chưa dứt hết, cùng đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc có kiết nghi chưa dứt hết. Đây gọi là có kiết nghi trói buộc không có kiết keo kiết trói buộc.

Thế nào là có kiết keo kiết trói buộc không có kiết nghi trói buộc? Ai nơi cõi Dục chưa hết, tập trí đã sinh, tận trí chưa sinh, đối với pháp nơi cõi Dục do tư duy đoạn trừ có kiết keo kiết chưa dứt hết. Tận trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp nơi cõi Dục do tư duy đoạn trừ có kiết keo kiết chưa dứt hết. Đệ tử của Đức Thế Tôn đã thành tựu kiến đế, ái của cõi Dục chưa hết, đối với pháp nơi cõi Dục do tư duy đoạn trừ có kiết keo kiết chưa dứt hết. Đây gọi là có kiết keo kiết trói buộc không có kiết nghi trói buộc.

Thế nào là trong thân có hai kiết cùng trói buộc? Là người bị trói buộc khắp, đối với pháp nơi cõi Dục do tư duy đoạn trừ có hai kiết cùng trói buộc. Ai nơi cõi Dục chưa hết, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, đối với pháp nơi cõi Dục do tư duy đoạn trừ có hai kiết cùng trói buộc. Đây gọi là trong thân có hai kiết cùng trói buộc.

Thế nào là trong thân có hai kiết cùng được giải thoát? Tập trí đã sinh, tận trí chưa sinh, đối với pháp do khổ đế, tập đế đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát, và đối với pháp không tương ưng với kiết nghi do tận đế, đạo đế đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát, cùng đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do tư duy đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát. Tận trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp do khổ đế, tập đế, tận đế đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát, và đối với pháp không tương ưng với kiết nghi do đạo đế đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát, cùng đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do tư duy đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát. Đệ tử

của Đức Thế Tôn đã thành tựu kiến đế, đối với pháp do bốn đế đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát, cùng đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do tư duy đoạn trừ có hai kiết cùng được giải thoát. Ái của cõi Dục đã hết, đối với pháp nơi cõi Dục có hai kiết cùng được giải thoát. Ái của cõi Sắc, cõi Vô sắc đã dứt, đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc có hai kiết cùng được giải thoát. Đây gọi là trong thân có hai kiết cùng được giải thoát.

Như kiết nghi đối với kiết keo kiệt, kiết nghi đối với kiết ganh tị cũng như vậy.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết keo kiệt trói buộc lại có kiết ganh tị trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Giả như có kiết ganh tị trói buộc lại có kiết keo kiệt trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc tức có kiết ái vị lai chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Giả như có kiết ái vị lai tức có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước kia đã khởi chưa dứt hết thì có trói buộc. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu có kiết ái quá khứ trói buộc tức có kiết ái hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết ái hiện tại tức có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước kia đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu có kiết ái vị lai trói buộc tức có kiết ái hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết ái hiện tại tức có kiết ái vị lai trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu có kiết ái quá khứ trói buộc tức có kiết ái vị lai, hiện tại chăng?

Đáp: Vị lai tức trói buộc, hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết ái vị lai, hiện tại, tức có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước kia đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu có kiết ái vị lai trói buộc tức có kiết ái quá khứ, hiện tại chăng?

Đáp: Hoặc có vị lai, không có quá khứ, hiện tại. Hoặc có vị lai và quá khứ, không có hiện tại. Hoặc có vị lai và hiện tại, không có quá khứ. Hoặc có vị lai và quá khứ, hiện tại.

Thế nào là có vị lai, không có quá khứ, hiện tại? Là trong thân có kiết ái chưa dứt hết, hoặc trước không khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết, không hiện ở trước. Đây là có vị lai, không có quá khứ, hiện tại.

Thế nào là có vị lai và quá khứ, không có hiện tại? Là trong thân kiết ái trước đã khởi chưa dứt hết, lại nơi thân này kiết ái không hiện ở trước. Đây là có vị lai và quá khứ, không có hiện tại.

Thế nào là có vị lai và hiện tại, không có quá khứ? Là trong thân có kiết ái hiện ở trước, hoặc trước không khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết. Đây là có vị lai và hiện tại, không có quá khứ.

Thế nào là có vị lai và quá khứ, hiện tại? Là trong thân kiết ái trước đã khởi chưa dứt hết, lại nơi thân này kiết ái hiện ở trước. Đây là có vị lai và quá khứ, hiện tại.

Hỏi: Giả như có kiết ái quá khứ, hiện tại, tức có kiết ái vị lai trói buộc chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Nếu có kiết ái hiện tại trói buộc tức có kiết ái quá khứ, vị lai chăng?

Đáp: Vị lai tức trói buộc. Quá khứ nếu trước kia đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc, nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Giả như có kiết ái quá khứ, vị lai, tức có kiết ái hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Như kiết ái, các kiết giận dữ, kiêu mạn, keo kiệt, ganh tị trải qua sáu lượt cũng lại như vậy.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết vô minh quá khứ trói buộc tức có kiết vô minh vị lai chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Giả như có kiết vô minh vị lai tức có kiết vô minh quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Nếu có kiết vô minh quá khứ trói buộc tức có kiết vô minh hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết vô minh hiện tại tức có kiết vô minh quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Nếu có kiết vô minh vị lai trói buộc tức có kiết vô minh hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết vô minh hiện tại tức có kiết vô minh vị lai trói buộc chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Nếu có kiết vô minh quá khứ trói buộc tức có kiết vô minh vị lai, hiện tại chăng?

Đáp: Vị lai thì trói buộc, hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết vô minh vị lai, hiện tại, tức có kiết vô minh quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Nếu có kiết vô minh vị lai trói buộc tức có kiết vô minh quá khứ, hiện tại chăng?

Đáp: Quá khứ thì trói buộc, hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết vô minh quá khứ, hiện tại, tức có kiết vô minh vị lai trói buộc chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Nếu có kiết vô minh hiện tại trói buộc tức có kiết vô minh quá khứ, vị lai chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Giả như có kiết vô minh quá khứ, vị lai, tức có kiết vô minh hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Như kiết vô minh, các kiết kiến, thất nguyện, nghi trải qua sáu lượt cũng lại như vậy.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết giận dữ quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước kia đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Giả như có kiết giận dữ quá khứ trói buộc thì có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước kia đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết giận dữ vị lai trói buộc chăng?

Đáp: Nếu chưa dứt hết.

Hỏi: Giả như có kiết giận dữ vị lai trói buộc thì có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước kia đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết giận dữ hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết giận dữ hiện tại trói buộc thì có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước kia đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết giận dữ quá khứ, hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc, không có kiết giận dữ quá khứ, hiện tại. Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết giận dữ quá khứ, không có hiện tại. Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết giận dữ hiện tại, không có quá khứ. Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết giận dữ quá khứ, hiện tại.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc, không có kiết giận dữ quá khứ, hiện tại chẳng? Là trong thân kiết ái trước kia đã khởi chưa dứt hết. Lại trong thân này trước kia chưa khởi kiết giận dữ, hoặc trước kia đã khởi liền dứt hết, không hiện ở trước. Đây gọi là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc, không có kiết giận dữ quá khứ, hiện tại.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết giận dữ quá khứ, không có hiện tại? Là trong thân kiết ái, kiết giận dữ trước kia đã khởi chưa dứt hết. Lại trong thân này kiết giận dữ không hiện ở trước. Đây gọi là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết giận dữ quá khứ, không có hiện tại.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết giận dữ hiện tại, không có quá khứ? Là trong thân kiết ái trước kia đã khởi chưa dứt hết. Lại trong thân này kiết giận dữ hiện ở trước, hoặc trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết. Đây gọi là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết giận dữ hiện tại, không có quá khứ.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết giận dữ quá khứ, hiện tại? Là trong thân kiết ái, kiết giận dữ trước kia đã khởi chưa dứt hết. Lại trong thân này kiết giận dữ hiện ở trước. Đây gọi là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết giận dữ quá khứ, hiện tại.

Hỏi: Giả như có kiết giận dữ quá khứ, hiện tại trói buộc, thì có kiết ái quá khứ trói buộc chẳng?

Đáp: Nếu trước kia đã khởi kiết ái chưa dứt hết thì trôi buộc. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trôi buộc.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trôi buộc thì có kiết giận dữ vị lai, hiện tại trôi buộc chăng?

Đáp: Hoặc có kiết ái quá khứ trôi buộc, không có kiết giận dữ vị lai, hiện tại. Hoặc có kiết ái quá khứ trôi buộc và kiết giận dữ vị lai, không có hiện tại. Hoặc có kiết ái quá khứ trôi buộc và kiết giận dữ vị lai, hiện tại.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ trôi buộc, không có kiết giận dữ vị lai, hiện tại? Là pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc trước kia đã khởi kiết ái chưa dứt hết. Đây gọi là trong thân có kiết ái quá khứ trôi buộc, không có kiết giận dữ vị lai, hiện tại.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ trôi buộc và kiết giận dữ vị lai, không có hiện tại? Là trong thân trước kia đã khởi kiết ái chưa dứt hết. Lại trong thân này kiết giận dữ chưa dứt hết, không hiện ở trước. Đây gọi là trong thân có kiết ái quá khứ trôi buộc và kiết giận dữ vị lai, không có hiện tại.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ trôi buộc và kiết giận dữ vị lai, hiện tại? Là trong thân trước kia đã khởi kiết ái chưa dứt hết. Lại trong thân này kiết giận dữ hiện ở trước. Đây gọi là trong thân có kiết ái quá khứ trôi buộc và kiết giận dữ vị lai, hiện tại.

Hỏi: Giả như có kiết giận dữ vị lai, hiện tại trôi buộc, thì có kiết ái quá khứ trôi buộc chăng?

Đáp: Nếu trước kia đã khởi chưa dứt hết thì trôi buộc. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trôi buộc.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trôi buộc thì có kiết giận dữ quá khứ, vị lai trôi buộc chăng?

Đáp: Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc, không có kiết giận dữ quá khứ, vị lai. Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết giận dữ vị lai, không có quá khứ. Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết giận dữ quá khứ, vị lai.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc, không có kiết giận dữ quá khứ, vị lai? Là pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc trước kia đã khởi kiết ái chưa dứt hết. Đây gọi là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc, không có kiết giận dữ quá khứ, vị lai.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết giận dữ vị lai, không có quá khứ? Là trong thân trước kia đã khởi kiết ái chưa dứt hết. Lại trong thân này kiết giận dữ chưa dứt hết, hoặc trước kia chưa khởi hay có khởi nhưng đã dứt hết. Đây gọi là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết giận dữ vị lai, không có quá khứ.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết giận dữ quá khứ, vị lai? Là trong thân kiết ái, kiết giận dữ trước kia đã khởi chưa dứt hết. Đây gọi là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết giận dữ quá khứ, vị lai.

Hỏi: Giả như có kiết giận dữ quá khứ, vị lai trói buộc, thì có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước kia đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

HẾT - QUYỂN 5

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

QUYỂN 6

Kiên độ thứ 2: KIẾT SỬ

Phẩm 2: BÀN VỀ NHẤT HÀNH, phần 2

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết giận dữ quá khứ, vị lai, hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc, không có kiết giận dữ quá khứ, vị lai, hiện tại. Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết giận dữ vị lai, không có quá khứ, hiện tại. Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết giận dữ quá khứ, vị lai, không có hiện tại. Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết giận dữ vị lai, hiện tại, không có quá khứ. Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết giận dữ quá khứ, vị lai, hiện tại.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc, không có kiết giận dữ quá khứ, vị lai, hiện tại? Là pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc trước kia đã khởi kiết ái chưa dứt hết. Đây gọi là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc, không có kiết giận dữ quá khứ, vị lai, hiện tại.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết giận dữ vị lai, không có quá khứ, hiện tại? Là trong thân trước kia đã khởi kiết ái chưa dứt hết. Lại trong thân này kiết giận dữ chưa dứt hết. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết, không hiện ở trước. Đây gọi là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết giận dữ vị lai, không có quá khứ, hiện tại.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết giận dữ quá khứ, vị lai, không có hiện tại? Là trong thân kiết ái, kiết giận dữ trước kia đã khởi chưa dứt hết. Lại trong thân này kiết giận dữ không hiện ở trước. Đây gọi là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết giận dữ quá khứ, vị lai, không có hiện tại.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết giận dữ vị lai, hiện tại, không có quá khứ? Là trong thân trước kia đã khởi kiết ái chưa dứt hết. Lại trong thân này kiết giận dữ hiện ở trước. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết. Đây gọi là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết giận dữ vị lai, hiện tại, không có quá khứ.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết giận dữ quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng? Là trong thân kiết ái, kiết giận dữ trước kia đã khởi chưa dứt hết. Lại trong thân này kiết giận dữ hiện ở trước. Đây gọi là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết giận dữ quá khứ, vị lai, hiện tại.

Hỏi: Giả như có kiết giận dữ quá khứ, vị lai, hiện tại trói buộc, thì có kiết ái quá khứ trói buộc chẳng?

Đáp: Nếu trước kia đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Các kiết keo kiệt, ganh tị cũng lại như vậy.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết kiêu mạn quá khứ trói buộc chẳng?

Đáp: Nếu trước kia đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Giả như có kiết kiêu mạn quá khứ trói buộc thì có kiết ái quá khứ trói buộc chẳng?

Đáp: Nếu trước kia đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết kiêu mạn vị lai trói buộc chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Giả như có kiết kiêu mạn vị lai trói buộc thì có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước kia đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết kiêu mạn hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết kiêu mạn hiện tại trói buộc thì có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước kia đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia chưa khởi, hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết kiêu mạn quá khứ, hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Hoặc có kiết ái quá khứ, không có kiết kiêu mạn quá khứ, hiện tại. Hoặc có kiết ái quá khứ và kiết kiêu mạn quá khứ, không có hiện tại. Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết kiêu mạn hiện tại, không có quá khứ. Hoặc có kiết ái quá khứ và kiết kiêu mạn quá khứ, hiện tại.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc, không có kiết kiêu mạn quá khứ, hiện tại? Là trong thân trước kia đã khởi kiết ái chưa dứt hết. Lại trong thân này kiết kiêu mạn nếu trước đã không khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết, không hiện ở trước. Đây là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc, không có kiết kiêu mạn quá khứ, hiện tại.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết kiêu mạn quá khứ, không có hiện tại? Là trong thân kiết ái, kiết kiêu mạn trước kia đã khởi chưa dứt hết. Lại trong thân này kiết kiêu mạn không hiện ở trước. Đây là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết kiêu mạn quá khứ, không có hiện tại.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết kiêu mạn hiện tại, không có quá khứ? Là trong thân trước kia đã khởi kiết ái chưa dứt hết. Lại trong thân này kiết kiêu mạn hiện ở trước. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết. Đây là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết kiêu mạn hiện tại, không có quá khứ.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết kiêu mạn quá khứ, hiện tại? Là trong thân kiết ái, kiết kiêu mạn trước kia đã khởi chưa dứt hết. Lại trong thân này kiết kiêu mạn hiện ở trước. Đây là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết kiêu mạn quá khứ, hiện tại.

Hỏi: Giả như có kiết kiêu mạn quá khứ, hiện tại trói buộc, thì có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước kia đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia chưa khởi, hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết kiêu mạn vị lai, hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Vị lai thì trói buộc, hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết kiêu mạn vị lai, hiện tại trói buộc, thì có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước kia đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia chưa khởi, hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết kiêu mạn quá khứ, vị lai trói buộc chăng?

Đáp: Vị lai thì trói buộc. Quá khứ nếu trước kia đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc, nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Giả như có kiết kiêu mạn quá khứ, vị lai trói buộc, thì có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước kia đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia chưa khởi, hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết kiêu mạn quá khứ, vị lai, hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Hoặc có kiết ái quá khứ và kiết kiêu mạn vị lai, không có quá khứ, hiện tại. Hoặc có kiết ái quá khứ và kiết kiêu mạn quá khứ, vị lai, không có hiện tại. Hoặc có kiết ái quá khứ và kiết kiêu mạn hiện tại, vị lai, không có quá khứ. Hoặc có kiết ái quá khứ và kiêu mạn quá khứ, vị lai, hiện tại.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết kiêu mạn vị lai, không có quá khứ, hiện tại? Là trong thân trước kia đã khởi kiết ái chưa dứt hết. Lại trong thân này kiết kiêu mạn chưa dứt hết. Hoặc trước kia chưa khởi hay có khởi nhưng đã dứt hết. Lại trong thân này kiết kiêu mạn không hiện ở trước. Đây là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết kiêu mạn vị lai, không có quá khứ, hiện tại.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết kiêu mạn quá khứ, vị lai, không có hiện tại? Là trong thân kiết ái, kiết kiêu mạn trước kia đã khởi chưa dứt hết. Lại trong thân này kiết kiêu mạn không hiện ở trước. Đây là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết kiêu mạn quá khứ, vị lai, không có hiện tại.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết kiêu mạn hiện tại, vị lai, không có quá khứ? Là trong thân trước kia đã khởi kiết ái chưa dứt hết. Lại trong thân này kiết kiêu mạn hiện ở trước. Nếu trước kia không khởi kiết kiêu mạn hoặc có khởi nhưng đã dứt hết. Đây là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết kiêu mạn hiện tại, vị lai, không có quá khứ.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết kiêu mạn quá khứ, vị lai, hiện tại? Là trong thân kiết ái, kiết kiêu mạn trước kia đã khởi chưa dứt hết. Lại trong thân này kiết kiêu mạn hiện ở trước. Đây là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết kiêu mạn quá khứ, vị lai, hiện tại.

Hỏi: Giả như có kiết kiêu mạn quá khứ, vị lai, hiện tại trói buộc, thì có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước kia đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết vô minh quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Giả như có kiết vô minh quá khứ trói buộc thì có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu kiết ái trước kia đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết vô minh vị lai trói buộc chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Giả như có kiết vô minh vị lai trói buộc thì có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu kiết ái trước kia đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết vô minh hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết vô minh hiện tại trói buộc thì có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước kia đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết vô minh quá khứ, hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Quá khứ tức trói buộc, hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết vô minh quá khứ, hiện tại trói buộc, thì có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước kia kiết ái đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết vô minh vị lai, hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Vị lai tức trói buộc, hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết vô minh vị lai, hiện tại trói buộc, thì có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước kia kiết ái đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết vô minh quá khứ, vị lai trói buộc chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Giả như có kiết vô minh quá khứ, vị lai trói buộc, thì có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước kia kiết ái đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết vô minh quá khứ, vị lai, hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Quá khứ, vị lai tức trói buộc, hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết vô minh quá khứ, vị lai, hiện tại trói buộc, thì có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước kia kiết ái đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết kiến quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu không dứt hết.

Hỏi: Giả như có kiết kiến quá khứ trói buộc thì có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước kia kiết ái đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia kiết ái chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết kiến vị lai trói buộc chăng?

Đáp: Nếu không dứt hết.

Hỏi: Giả như có kiết kiến vị lai trói buộc thì có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước kia kiết ái đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia kiết ái chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết kiến hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết kiến hiện tại trói buộc thì có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước kia đã khởi kiết kiến chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết kiến quá khứ, hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Hoặc có kiết ái quá khứ, không có kiết kiến quá khứ, hiện tại. Hoặc có kiết ái quá khứ và kiết kiến quá khứ, không có hiện tại. Hoặc có kiết ái quá khứ và kiết kiến quá khứ, hiện tại.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ, không có kiết kiến quá khứ, hiện tại? Là trong thân kiết ái trước kia đã khởi chưa dứt hết. Lại trong thân này kiết kiến đã dứt hết. Đây là trong thân có kiết ái quá khứ, không có kiết kiến quá khứ, hiện tại.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ và kiết kiến quá khứ, không có hiện tại? Là trong thân kiết ái trước kia đã khởi chưa dứt hết. Lại trong thân này kiết kiến chưa dứt hết, không hiện ở trước. Đây là trong thân có kiết ái quá khứ và kiết kiến quá khứ, không có hiện tại.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ và kiết kiến quá khứ, hiện tại? Là trong thân kiết ái trước kia đã khởi chưa dứt hết. Lại trong thân này kiết kiến hiện ở trước. Đây là trong thân có kiết ái quá khứ và kiết kiến quá khứ, hiện tại.

Hỏi: Giả như có kiết kiến quá khứ, hiện tại trói buộc, thì có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước kia đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết kiến vị lai, hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc, không có kiết kiến vị lai, hiện tại. Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết kiến vị lai, không có hiện tại. Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết kiến vị lai, hiện tại.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc, không có kiết kiến vị lai, hiện tại? Là trong thân trước kia đã khởi kiết ái chưa dứt hết. Lại trong thân này kiết kiến đã dứt hết. Đây là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc, không có kiết kiến vị lai, hiện tại.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết kiến vị lai, không có hiện tại? Là trong thân trước kia đã khởi kiết ái chưa dứt hết. Lại trong thân này kiết kiến chưa dứt hết, không hiện ở trước. Đây là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết kiến vị lai, không có hiện tại.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết kiến vị lai, hiện tại? Là trong thân trước kia đã khởi kiết ái chưa dứt hết. Lại trong thân này kiết kiến hiện ở trước. Đây là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết kiến vị lai, hiện tại.

Hỏi: Giả như có kiết kiến vị lai, hiện tại trói buộc, thì có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước kia đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết kiến quá khứ, vị lai trói buộc chăng?

Đáp: Nếu không dứt hết.

Hỏi: Giả như có kiết kiến quá khứ, vị lai trói buộc, thì có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước kia đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc thì có kiết kiến quá khứ, vị lai, hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc, không có kiết kiến quá khứ, vị lai, hiện tại. Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết kiến quá khứ, vị lai, không có hiện tại. Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết kiến quá khứ, vị lai, hiện tại.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc, không có kiết kiến quá khứ, vị lai, hiện tại? Là trong thân kiết ái trước kia đã khởi chưa dứt hết. Lại trong thân này kiết kiến đã dứt hết. Đây là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc, không có kiết kiến quá khứ, vị lai, hiện tại.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết kiến quá khứ, vị lai, không có hiện tại? Là trong thân kiết ái trước kia đã khởi chưa dứt hết. Lại trong thân này kiết kiến chưa dứt hết, không hiện ở trước. Đây là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết kiến quá khứ, vị lai, không có hiện tại.

Thế nào là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết kiến quá khứ, vị lai, hiện tại? Là trong thân kiết ái trước kia đã khởi chưa dứt hết. Lại trong thân này kiết kiến hiện ở trước. Đây là trong thân có kiết ái quá khứ trói buộc và kiết kiến quá khứ, vị lai, hiện tại.

Hỏi: Giả như có kiết kiến quá khứ, vị lai, hiện tại trói buộc, thì có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước kia kiết ái đã khởi chưa dứt hết thì trói buộc. Nếu trước kia chưa khởi hoặc có khởi nhưng đã dứt hết thì không trói buộc.

Kiết thất nguyện (kiết thủ), kiết nghi cũng lại như vậy.

Như kiết ái quá khứ, kiết giận dữ quá khứ, kiết kiêu mạn quá khứ là một, vị lai là hai, hiện tại là ba, quá khứ - hiện tại là bốn, vị lai - hiện tại là năm, quá khứ - vị lai là sáu, quá khứ - vị lai - hiện tại là bảy. Cho đến kiết keo kiệt, kiết ganh tị cũng lại như vậy.

Hỏi: Ba kiết cho đến chín mươi tám sử, ở trong mỗi mỗi thứ gồm thâu bao nhiêu sử?

Đáp: Tất cả nên phân biệt:

Trong ba kiết: Thân kiến gồm thâu ba sử, trộm giới (kiết giới cấm thủ) gồm thâu sáu sử, nghi gồm thâu mười hai sử.

Trong ba căn bất thiện: Tham gồm thâu năm sử, giận gồm thâu năm sử, si gồm thâu bốn sử và phần ít của một sử.

Trong ba lậu: Dục lậu gồm thâu ba mươi một sử, hữu lậu gồm thâu năm mươi hai sử, vô minh lậu gồm thâu mười lăm sử.

Trong bốn lưu (bộc lưu): Dục lưu gồm thâu mười chín sử, hữu lưu gồm thâu hai mươi tám sử, vô minh lưu gồm thâu mười lăm sử, kiến lưu gồm thâu ba mươi sáu sử.

Như bộc lưu, ách cũng như vậy.

Trong bốn thọ (thủ): Dục thọ gồm thâu hai mươi bốn sử, giới thọ gồm thâu sáu sử, kiến thọ gồm thâu ba mươi sử, ngã thọ gồm thâu ba mươi tám sử.

Trong bốn phược: Ái dục trói buộc thân gồm thâu năm sử, giận dữ trói buộc thân gồm thâu năm sử, trộm giới trói buộc thân gồm thâu sáu sử, ngã kiến trói buộc thân gồm thâu mười hai sử.

Trong năm cái: Cái tham dục gồm sáu năm sử, cái giận dữ gồm sáu năm sử, cái thù miên trạo và cái hôi không cùng với các sử gồm sáu nhau, cái nghi gồm sáu bốn sử.

Trong năm kiết: Kiết giận dữ gồm sáu năm sử, kiết ái gồm sáu mười lăm sử, kiết kiêu mạn gồm sáu mười lăm sử, kiết keo kiệt và kiết ganh tị không cùng với các sử gồm sáu nhau.

Trong năm kiết phần dưới: Kiết tham dục gồm sáu năm sử, giận dữ gồm sáu năm sử, thân kiến gồm sáu ba sử, trộm giới gồm sáu sáu sử, nghi gồm sáu mười hai sử.

Trong năm kiến: Thân kiến gồm sáu ba sử, biên kiến gồm sáu ba sử, tà kiến gồm sáu mười hai sử, trộm kiến gồm sáu mười hai sử, trộm giới (giới cầm thú) gồm sáu sáu sử.

Trong sáu ái thân: Tỷ xúc, thiết xúc sinh ra ái thân gồm sáu phần ít của một sử. Nhãn xúc, nhĩ xúc, thân xúc sinh ra ái thân gồm sáu phần ít của hai sử. Ý xúc sinh ra ái thân gồm sáu mười ba sử cùng phần ít của hai sử.

Trong bảy sử: Sử tham dục gồm sáu năm, sử giận dữ gồm sáu năm, sử hữu ái gồm sáu mười, sử kiêu mạn gồm sáu mười lăm, sử vô minh gồm sáu mười lăm, sử kiến gồm sáu ba mươi sáu, sử nghi gồm sáu mười hai.

Trong chín kiết: Kiết giận dữ gồm sáu năm sử, kiết ái gồm sáu mười lăm sử, kiết kiêu mạn gồm sáu mười lăm sử, kiết vô minh gồm sáu mười lăm sử, kiết kiến gồm sáu mười tám sử, kiết thất nguyện (kiết thủ) gồm sáu mười tám sử, kiết nghi gồm sáu mười hai sử, kiết keo kiệt và kiết ganh tị không cùng gồm sáu các sử.

Trong chín mươi tám sử: Thân kiến nơi cõi Dục và thân kiến nơi cõi Dục gồm sáu nhau. Trộm giới (giới cầm thú), nghi nơi cõi Dục, cho đến sử vô minh nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn trừ gồm sáu sử vô minh nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn trừ.

Ba kiết cho đến chín mươi tám sử, thứ trước gồm sáu thứ sau, hay thứ sau gồm sáu thứ trước?

Hỏi: Ba kiết, ba căn bất thiện: Ba kiết gồm sáu ba căn bất thiện hay ba căn bất thiện gồm sáu ba kiết?

Đáp: Mỗi mỗi thứ đều không gồm sáu nhau.

Ba kiết, ba hữu lậu: Ba kiết gồm sáu phần ít của hai lậu, phần ít của hai lậu gồm sáu ba kiết. Còn lại đều không gồm sáu nhau.

Ba kiết, bốn lưu (bộc lưu): Ba kiết gồm sáu phần ít của ba lưu, phần ít của ba lưu gồm sáu ba kiết. Còn lại đều không gồm sáu nhau.

Như bộc lưu, ách cũng như vậy.

Ba kiết, bốn thọ (thủ): Một kiết gồm sáu một thọ. Hai kiết gồm sáu phần ít của ba thọ, phần ít của ba thọ gồm sáu hai kiết. Còn lại đều không gồm sáu nhau.

Hỏi: Ba kiết, bốn phược: Là ba kiết gồm sáu bốn phược chăng?

Đáp: Hoặc là kiết không phải là phược.

Thế nào là kiết không phải là phược? Là hai kiết.

Thế nào là phược không phải là kiết? Là ba phược.

Thế nào là kiết cũng là phược? Là một kiết.

Thế nào là không phải kiết cũng không phải phược? Là trừ các sự việc nêu trên.

Ba kiết, năm cái: Phần ít của một kiết gồm sáu một cái, phần ít của một cái gồm sáu phần ít của một kiết. Còn lại đều không gồm sáu nhau.

Hỏi: Ba kiết, năm kiết: Là ba kiết gồm sáu năm kiết hay là năm kiết gồm sáu ba kiết?

Đáp: Mỗi mỗi thứ đều không gồm nhau.

Hỏi: Ba kiết, năm kiết phần dưới: Là ba kiết gồm sáu năm kiết phần dưới hay năm kiết phần dưới gồm sáu ba kiết?

Đáp: Năm gồm sáu ba không phải ba gồm sáu năm. Những gì là không gồm sáu? Là tham dục, giận dữ.

Hỏi: Ba kiết, năm kiến: Là ba kiết gồm sáu năm kiến chăng?

Đáp: Hoặc là kiết không phải là kiến.

Thế nào là kiết không phải là kiến? Là một kiết.

Thế nào là kiến không phải là kiết? Là ba kiến.

Thế nào là kiết cũng là kiến? Là hai kiết.

Thế nào là không phải kiết cũng không phải là kiến? Là trừ các sự việc đã nêu trên.

Hỏi: Ba kiết, sáu ái thân: Là ba kiết gồm sáu ái thân hay là sáu ái thân gồm sáu ba kiết?

Đáp: Mỗi mỗi thứ đều không gồm nhau.

Ba kiết, bảy sử: Một kiết gồm sáu một sử. Hai kiết gồm sáu phần ít của một sử, phần ít của một sử gồm sáu hai kiết. Còn lại đều không gồm sáu nhau.

Ba kiết, chín kiết: Một kiết gồm sáu một kiết. Hai kiết gồm sáu phần ít của hai kiết, phần ít của hai kiết gồm sáu hai kiết. Còn lại đều không gồm sáu nhau.

Ba kiết, chín mươi tám sử: Ba kiết gồm sáu hai mươi một sử, hai mươi một sử gồm sáu ba kiết. Còn lại đều không gồm sáu nhau.

Cho đến chín kiết, chín mươi tám sử: Chín kiết gồm sáu chín mươi tám sử hay chín mươi tám sử gồm sáu chín kiết?

Đáp: Chín gồm thâu chín mươi tám, không phải chín mươi tám gồm thâu chín. Những gì là không gồm thâu? Là kiết keo kiệt, ganh tị.

Hỏi: Ba kiết cho đến chín mươi tám sử: Bao nhiêu thứ khiến cho Dục hữu nối tiếp, bao nhiêu thứ khiến cho Sắc hữu nối tiếp, bao nhiêu thứ khiến cho Vô sắc hữu nối tiếp? (*): Đoạn này người dịch phải dựa theo bản N^o 1544 để dịch)

Đáp: Tất cả nên phân biệt:

Ba kiết khiến ba Hữu nối tiếp.

Ba căn bất thiện (tham, giận, si) và dục lậu khiến cho Dục hữu nối tiếp. Hữu lậu khiến cho Sắc hữu, Vô sắc hữu nối tiếp. Vô minh lậu khiến cho ba Hữu nối tiếp.

Trong bốn lưu (bộc lưu), bốn ách: Bộc lưu dục, ách dục khiến cho Dục hữu nối tiếp. Bộc lưu hữu, ách hữu khiến cho Sắc hữu, Vô sắc hữu nối tiếp. Bộc lưu kiến, bộc lưu vô minh, ách kiến, ách vô minh khiến cho Dục hữu nối tiếp.

Trong bốn thọ (thù): Dục thọ khiến cho Dục hữu nối tiếp. Kiến thủ, giới cấm thủ khiến cho ba Hữu nối tiếp. Ngã thọ (ngã ngữ thủ) khiến cho Sắc hữu, Vô sắc hữu nối tiếp.

Trong bốn phược (bốn thứ trói buộc thân): Hai thứ đầu khiến cho Dục hữu nối tiếp. Hai thứ sau khiến cho ba Hữu nối tiếp.

Năm cái khiến cho Dục hữu nối tiếp.

Trong năm kiết: Kiết tham, mạn khiến cho ba Hữu nối tiếp. Ba kiết còn lại khiến cho Dục hữu nối tiếp.

Trong năm kiết phần dưới: Hai kiết đầu khiến cho Dục hữu nối tiếp. Ba kiết sau khiến cho ba Hữu nối tiếp.

Năm kiến khiến cho ba Hữu nối tiếp.

Trong sáu ái thân: Ái thân do nhãn xúc, nhĩ xúc, thân xúc sinh ra khiến cho Dục hữu, Sắc hữu nối tiếp. Ái thân do tỷ xúc, thiệt xúc sinh ra khiến cho Dục hữu nối tiếp. Ái thân do ý xúc sinh ra khiến cho ba Hữu nối tiếp.

Trong bảy sử: Sử tham dục, sử giận dữ khiến cho Dục hữu nối tiếp. Sử hữu ái khiến cho Sắc hữu, Vô sắc hữu nối tiếp. Bốn sử còn lại khiến cho ba Hữu nối tiếp.

Trong chín kiết: kiết giận dữ, kiết keo kiệt, kiết ganh tị khiến cho Dục hữu nối tiếp. Sáu kiết còn lại khiến cho ba Hữu nối tiếp.

Trong chín mươi tám sử: ba mươi sáu sử nơi cõi Dục khiến cho Dục hữu nối tiếp, ba mươi một sử nơi cõi Sắc khiến cho Sắc hữu nối tiếp, ba mươi một sử nơi cõi Vô sắc khiến cho Vô sắc hữu nối tiếp.

Hỏi: Ba kiết cho đến chín mươi tám sử do Tam muội nào diệt?

Đáp: Ba kiết: Thân kiến hoặc dựa vào bốn định, hoặc dựa vào định vị chí. Trộm giới (giới cấm thủ), nghi hoặc dựa vào bốn định, hoặc dựa vào định vị chí.

Ba căn bất thiện: Tham, giận, si và dục lậu dựa vào định vị chí. Hữu lậu, vô minh lậu hoặc dựa vào bảy định, hoặc dựa vào định vị chí.

Trong bốn lưu (bộ lưu): Dục lưu dựa vào định vị chí. Hữu lưu, vô minh lưu hoặc dựa vào bảy định, hoặc dựa vào định vị chí. Kiến lưu hoặc dựa vào bốn định, hoặc dựa vào định vị chí.

Như lưu, ách cũng như vậy.

Trong bốn thọ (thủ): Dục thọ dựa vào định vị chí. Giới thọ, kiến thọ hoặc dựa vào bốn định, hoặc dựa vào định vị chí. Ngã thọ hoặc dựa vào định, hoặc dựa vào định vị chí.

Trong bốn phược: Ái dục trói buộc thân, giận dữ trói buộc thân dựa vào định vị chí. Trộm giới trói buộc thân, ngã kiến trói buộc thân hoặc dựa vào bốn định, hoặc dựa vào định vị chí.

Năm cái và kiết giận dữ, kiết keo kiệt, kiết ganh tị trong năm kiết dựa vào định vị chí. Các kiết còn lại hoặc dựa vào bảy định, hoặc dựa vào định vị chí.

Trong năm kiết phần dưới: kiết tham dục, kiết giận dữ dựa vào định vị chí. Các kiết còn lại và năm kiến hoặc dựa vào bốn định, hoặc dựa vào định vị chí.

Trong sáu ái thân: Ái thân do tử xúc, thiết xúc sinh ra dựa vào định vị chí. Ái thân do nhãn xúc, nhĩ xúc, thân xúc sinh ra hoặc dựa vào định thứ nhất, hoặc dựa vào định vị chí. Ái thân do ý xúc sinh ra hoặc dựa vào bảy định, hoặc dựa vào định vị chí.

Trong bảy sử: Sử tham dục, sử giận dữ dựa vào định vị chí. Sử hữu ái, sử kiêu mạn, sử vô minh hoặc dựa vào bảy định, hoặc dựa vào định vị chí. Sử kiến, sử nghi hoặc dựa vào bốn định, hoặc dựa vào định vị chí.

Trong chín kiết: Kiết giận dữ, kiết keo kiệt, kiết ganh tị dựa vào định vị chí. Kiết ái, kiết kiêu mạn, kiết vô minh hoặc dựa vào bảy định, hoặc dựa vào định vị chí. Kiết kiến, kiết thất nguyện (kiết thủ), kiết nghi hoặc dựa vào bốn định, hoặc dựa vào định vị chí.

Trong chín mươi tám sử: Các sử nơi cõi Dục dựa vào định vị chí. Các sử nơi cõi Sắc và cõi Vô sắc do bốn đế đoạn hoặc dựa vào bốn định, hoặc dựa vào định vị chí. Các sử nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn hoặc dựa vào bảy định, hoặc dựa vào định vị chí.

Hỏi: Các kiết quá khứ, các kiết ấy đã trói buộc chăng?

Đáp: Đúng thế. Các kiết quá khứ, các kiết ấy đã trói buộc.

Hỏi: Từng có các kiết đã trói buộc, các kiết ấy không phải là quá khứ chăng?

Đáp: Có. Là các kiết vị lai, hiện tại đã trói buộc.

Hỏi: Các kiết vị lai, các kiết ấy sẽ trói buộc chăng?

Đáp: Hoặc có kiết vị lai, kiết ấy không phải sẽ trói buộc.

Thế nào là kiết vị lai, kiết ấy không phải sẽ trói buộc? Là các kiết vị lai vĩnh viễn dứt hết không còn sót, vì đã đoạn hết, đã loại bỏ hẳn, đối với kiết kia nhất định không thoái lui. Đây là kiết vị lai, kiết ấy không phải sẽ trói buộc.

Thế nào là kiết sẽ trói buộc, kiết ấy không phải là kiết vị lai? Là các kiết quá khứ vĩnh viễn dứt hết không còn sót, vì đã đoạn hết, đã loại bỏ hẳn, đối với kiết kia nhất định thoái lui. Đây là kiết sẽ trói buộc, kiết ấy không phải là kiết vị lai.

Thế nào là kiết vị lai, kiết ấy cũng sẽ trói buộc? Là các kiết vị lai vĩnh viễn dứt hết không còn sót, vì đã diệt hết, đã loại bỏ hẳn, đối với kiết kia nhất định thoái lui. Đây là kiết vị lai, kiết ấy cũng sẽ trói buộc.

Thế nào là không phải kiết vị lai, kiết ấy cũng không phải sẽ kiết trói buộc? Là các kiết quá khứ vĩnh viễn dứt hết, không còn sót, vì đã diệt hết, đã loại bỏ hẳn, đối với kiết kia nhất định không thoái lui và kiết hiện tại. Đây là không phải kiết vị lai, kiết ấy cũng không phải sẽ trói buộc.

Hỏi: Các kiết hiện tại, các kiết ấy đang trói buộc chăng?

Đáp: Đúng thế. Các kiết hiện tại, các kiết ấy đang trói buộc.

Hỏi: Từng có kiết đang trói buộc, các kiết ấy không phải là hiện tại chăng?

Đáp: Có. Là các kiết quá khứ, vị lai đang trói buộc.

Hỏi: Những người dùng đạo này nhằm đoạn trừ kiết nơi cõi Dục, khi thoái lui đạo ấy, trở lại bị kiết kia trói buộc hay không bị kiết kia trói buộc?

Đáp: Trở lại bị kiết kia trói buộc.

Hỏi: Những người dùng đạo này nhằm đoạn trừ kiết nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, khi thoái lui đạo ấy, trở lại bị kiết kia trói buộc hay không bị kiết kia trói buộc?

Hỏi: Thoái chuyển đổi với đạo đó, sẽ trở lại bị kiết trói buộc hay không bị trói buộc do kiết?

Đáp: Trở lại bị kiết kia trói buộc.

Chín trí đoạn (chín thứ nhận biết khấp): Kiết nơi cõi Dục do khổ đế, tập đế đoạn trừ hết là trí đoạn thứ nhất. Kiết nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do khổ đế, tập đế đoạn trừ hết là trí đoạn thứ hai.

Kiết nơi cõi Dục do tận đế đoạn trừ hết là trí đoạn thứ ba. Kiết nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do tận đế đoạn trừ hết là trí đoạn thứ tư.

Kiết nơi cõi Dục do đạo đế đoạn trừ hết là trí đoạn thứ năm. Kiết nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do đạo đế đoạn trừ hết là trí đoạn thứ sáu.

Năm kiết phân dưới đoạn trừ hết là trí đoạn thứ bảy.

Ái sắc dứt hết là trí đoạn thứ tám.

Tất cả kiết đoạn trừ hết là trí đoạn thứ chín.

Hỏi: Chín trí đoạn này gồm thâm tất cả trí đoạn, hay tất cả trí đoạn gồm thâm chín trí đoạn?

Đáp: Tất cả gồm thâm chín, không phải chín gồm thâm tất cả. Những gì là không gồm thâm? Đệ tử của Đức Thế Tôn đã thành tựu kiến đế, ái dục chưa hết, kiết nơi cõi Dục do tư duy đoạn trừ hết không thuộc về chín trí đoạn. Ái dục đã hết, ái sắc chưa hết, kiết nơi cõi Sắc do tư duy đoạn trừ hết không thuộc về chín trí đoạn. Ái sắc đã hết, ái vô sắc chưa hết, kiết nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn trừ hết không thuộc về chín trí đoạn.

Có tám người (Bồ-đặc-già-la): Hướng Tu-đà-hoàn, chứng đắc Tu-đà-hoàn. Hướng Tu-đà-hàm, chứng đắc Tu-đà-hàm. Hướng

A-na-hàm, chứng đắc A-na-hàm. Hướng A-la-hán, chứng đắc A-la-hán. (Là bốn hướng, bốn quả Thanh vãn)

Hướng Tu-đà-hoàn - chứng đắc Tu-đà-hoàn đối với chín trí đoạn này: Bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu? Cho đến Hướng A-la-hán, chứng đắc A-la-hán đối với chín trí đoạn: Bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Hỏi: Người hướng Tu-đà-hoàn - chứng đắc Tu-đà-hoàn đối với chín trí đoạn này: Bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc không thành tựu, hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn, năm.

Thế nào là không thành tựu? Khổ pháp nhĩn là không thành tựu. Khổ pháp trí là không thành tựu. Khổ vị trí nhĩn là không thành tựu. Khổ vị trí trí là không thành tựu. Tập pháp nhĩn là không thành tựu.

Thế nào là một v.v...? Tập pháp trí là thành tựu một. Tập vị trí nhĩn, tập vị trí trí là thành tựu hai. Tận pháp nhĩn, tập pháp trí là thành tựu ba. Tận vị trí nhĩn, tận vị trí trí là thành tựu bốn. Đạo pháp nhĩn, đạo pháp trí là thành tựu năm. Đạo vị trí nhĩn đắc Tu-đà-hoàn là thành tựu sáu trí đoạn.

Hỏi: Người hướng Tu-đà-hàm - chứng Tu-đà-hàm đối với chín trí đoạn này: Bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Nếu tăng thêm khiến dứt hết dục, vượt thứ lớp, thủ chứng (đẳng vô gián, nhập chánh tánh ly sinh): Hoặc không thành tựu, hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn, năm, sáu.

Thế nào là không thành tựu? Khổ pháp nhĩn là không thành tựu. Khổ pháp trí là không thành tựu. Khổ vị trí nhĩn là không thành tựu. Khổ vị trí trí là không thành tựu. Tập pháp nhĩn là không thành tựu.

Thế nào là một v.v...? Tập pháp trí là thành tựu một. Tập vị tri nhãn, tập vị tri trí là thành tựu hai. Tận pháp nhãn, tận pháp trí là thành tựu ba. Tận vị tri nhãn, tận vị tri trí là thành tựu bốn. Đạo pháp nhãn, đạo pháp trí là thành tựu năm. Đạo vị tri nhãn nếu đắc Tu-đà-hoàn, hướng chứng quả Tu-đà-hàm là thành tựu sáu. Đắc Tu-đà-hàm là thành tựu sáu trí đoạn.

Hỏi: Người hướng A-na-hàm – chứng A-na-hàm đối với chín trí đoạn này: Bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Nếu ái dục hết, vượt thứ lớp, thủ chứng, hoặc không thành tựu, hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn, năm, sáu.

Thế nào là không thành tựu? Khổ pháp nhãn là không thành tựu. Khổ pháp trí là không thành tựu. Khổ vị tri nhãn là không thành tựu. Khổ vị tri trí là không thành tựu. Tập pháp nhãn là không thành tựu.

Thế nào là một v.v...? Tập pháp trí là thành tựu một. Tập vị tri nhãn, tập vị tri trí là thành tựu hai. Tận pháp nhãn, tận pháp trí là thành tựu ba. Tận vị tri nhãn, tận vị tri trí là thành tựu bốn. Đạo pháp nhãn, đạo pháp trí là thành tựu năm. Đạo vị tri nhãn nếu đắc quả Tu-đà-hàm hướng tới quả A-na-hàm là thành tựu sáu. Được quả A-na-hàm là thành tựu một trí đoạn, tức dứt hết năm kiết phần dưới.

Hỏi: Người hướng A-la-hán – chứng A-la-hán đối với chín trí đoạn này: Bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc thành tựu một, hoặc thành tựu hai. Ái sắc chưa hết là thành tựu một trí đoạn, tức năm kiết phần dưới dứt hết. Ái sắc đã dứt hết là thành tựu hai trí đoạn, là năm kiết phần dưới dứt hết, và ái sắc dứt hết. Được quả A-la-hán là thành tựu một trí đoạn, tức tất cả kiết đã dứt hết.

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

QUYỂN 7

Kiên độ thứ 2: KIẾT SỬ

Phẩm 3: BÀN VỀ NGƯỜI

* *Tụng nêu chung:*

*Kiết nơi hai thứ cõi quả: có năm
Chín mươi lăm kiết và ba kiết chủng
Môn này nêu rộng khắp nơi quả thật
Môn hữu dục xong, tám người nên học
Ba thứ gồm thân tử sinh thọ hữu
Tử nhưng không sinh hữu dục ở sau.*

Hai thứ dựa vào thân, cõi Dục có hai, cõi Sắc có hai, cõi Vô sắc có hai.

Tùng có kiết của cõi Dục: Cùng một thời có thể trói buộc chăng? Cùng một thời không thể trói buộc chăng? Dần dần có thể trói buộc chăng? Dần dần không thể trói buộc chăng? Tùng có kiết của cõi Sắc: Cùng một thời có thể trói buộc chăng? Cùng một thời không thể trói buộc chăng? Dần dần có thể trói buộc chăng? Dần dần không thể trói buộc chăng? Tùng có kiết của cõi Vô sắc: Cùng một thời có thể trói buộc chăng? Cùng một thời không thể trói buộc chăng? Dần dần có thể trói buộc chăng? Dần dần không thể trói buộc chăng?

Kiết nơi cõi Dục do bốn đế đoạn tận (dứt hết) là thuộc về quả nào? Kiết nơi cõi Dục do tư duy đoạn tận là thuộc về quả nào? Kiết nơi cõi Sắc do bốn đế đoạn tận là thuộc về quả nào? Kiết nơi cõi Sắc do tư duy đoạn tận là thuộc về quả nào? Kiết nơi cõi Vô sắc do bốn đế đoạn tận là thuộc về quả nào? Kiết nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn tận là thuộc về quả nào?

Năm kiết chủng (Năm bộ kiết): Là kiết chủng do khổ đế đoạn. Kiết chủng do tập đế đoạn. Kiết chủng do tận đế đoạn. Kiết chủng do đạo đế đoạn. Kiết chủng do tư duy đoạn. Kiết chủng do khổ đế đoạn tận (dứt hết) là thuộc về quả nào? Kiết chủng do tập đế, tận đế, đạo đế cùng tư duy đoạn tận là thuộc về quả nào?

Chín kiết chủng (Chín bộ kiết): Kiết chủng do khổ pháp trí đoạn. Kiết chủng do khổ vị trí trí đoạn. Kiết chủng do tập pháp trí đoạn. Kiết chủng do tập vị trí trí đoạn. Kiết chủng do tận pháp trí đoạn. Kiết chủng do tận vị trí trí đoạn. Kiết chủng do đạo pháp trí đoạn. Kiết chủng do đạo vị trí trí đoạn. Kiết chủng do tư duy đoạn. Kiết chủng do khổ pháp trí đoạn tận (dứt hết) là thuộc về quả nào? Kiết chủng do khổ vị trí trí đoạn, do tập pháp trí đoạn, do tập vị trí trí đoạn, do tận pháp trí đoạn, do tận vị trí trí đoạn, do đạo pháp trí đoạn, do đạo vị trí trí đoạn và kiết chủng do tư duy đoạn tận (dứt hết) là thuộc về quả nào?

Mười lăm kiết chủng (Mười lăm bộ kiết): Là kiết chủng nơi cõi Dục do khổ đế đoạn. Kiết chủng nơi cõi Dục do tập đế, tận đế, đạo đế cùng tư duy đoạn. Kiết chủng nơi cõi Sắc do khổ đế đoạn. Kiết chủng nơi cõi Sắc do tập đế, tận đế, đạo đế cùng tư duy đoạn. Kiết chủng nơi cõi Vô sắc do khổ đế đoạn. Kiết chủng nơi cõi Vô sắc do tập đế, tận đế, đạo đế cùng tư duy đoạn. Kiết chủng nơi cõi Dục do khổ đế đoạn tận (dứt hết) là thuộc về quả nào? Kiết chủng nơi cõi Dục do tập đế, tận đế, đạo đế cùng tư duy đoạn tận là thuộc về quả nào? Kiết chủng nơi cõi Sắc do khổ đế đoạn tận là thuộc về quả nào?

Kiệt chủng nơi cõi Sắc do tập đế, tận đế, đạo đế cùng tư duy đoạn tận là thuộc về quả nào? Kiệt chủng nơi cõi Vô sắc do khổ đế đoạn tận là thuộc về quả nào? Kiệt chủng nơi cõi Vô sắc do tập đế, tận đế, đạo đế cùng tư duy đoạn tận (dứt hết) là thuộc về quả nào?

Ba kiệt đoạn tận (dứt hết) là thuộc về quả nào? Cho đến chín mươi tám sử đoạn tận là thuộc về quả nào?

Đệ tử của Đức Thế Tôn đã thành tựu kiến đế, ái dục chưa hết, kiệt nơi cõi Dục do tư duy đoạn tận là thuộc về quả nào? Ái dục đã hết, ái sắc chưa hết, kiệt nơi cõi Sắc do tư duy đoạn tận là thuộc về quả nào? Ái sắc đã hết, ái vô sắc chưa hết, kiệt nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn tận là thuộc về quả nào?

Tám người: Hướng đến Tu-đà-hoàn, chứng đắc Tu-đà-hoàn. Hướng đến Tu-đà-hàm, chứng đắc Tu-đà-hàm. Hướng đến A-na-hàm, chứng đắc A-na-hàm. Hướng đến A-la-hán, chứng đắc A-la-hán. Người hướng chứng Tu-đà-hoàn kiệt đã đoạn tận là thuộc về quả nào? Đắc quả Tu-đà-hoàn cho đến người hướng chứng A-la-hán kiệt đã đoạn tận là thuộc về quả nào?

Các vị Tu-đà-hoàn đã thành tựu pháp học, pháp ấy thuộc về quả Tu-đà-hoàn chăng? Nếu như các pháp thuộc về quả Tu-đà-hoàn, pháp ấy là pháp học chăng? Tu-đà-hàm, A-na-hàm cũng lại như vậy. Các vị A-la-hán đã thành tựu pháp vô học, pháp ấy thuộc về quả A-la-hán chăng? Nếu như các pháp thuộc về quả A-la-hán, pháp ấy là pháp vô học chăng?

Các vị Tu-đà-hoàn đã thành tựu pháp vô lậu, pháp ấy thuộc về quả Tu-đà-hoàn chăng? Nếu như các pháp thuộc về quả Tu-đà-hoàn, pháp ấy là pháp vô lậu chăng? Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán cũng lại như vậy.

Các pháp Tu-đà-hoàn thành tựu, pháp ấy thuộc về quả Tu-đà-hoàn chăng? Nếu như các pháp thuộc về quả Tu-đà-hoàn, pháp ấy là

Tu-đà-hoàn thành tựu chẳng? Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán cũng lại như vậy.

Từng có người từ cõi Dục mạng chung, sinh trở lại nơi cõi Dục, đều thọ hữu của cõi Dục chẳng? Nếu thọ hữu của cõi Dục, là đều từ cõi Dục mạng chung, sinh trở lại nơi cõi Dục chẳng? Từng có người từ cõi Sắc mạng chung, sinh trở lại nơi cõi Sắc, đều thọ hữu của cõi Sắc chẳng? Nếu thọ hữu của cõi Sắc, là đều từ cõi Sắc mạng chung, sinh trở lại nơi cõi Sắc chẳng? Từng có người từ cõi Vô sắc mạng chung, sinh trở lại nơi cõi Vô sắc, đều thọ hữu của cõi Vô sắc chẳng? Nếu thọ hữu của cõi Vô sắc, là đều từ cõi Vô sắc mạng chung, sinh trở lại nơi cõi Vô sắc chẳng?

Nếu có người từ cõi Dục mạng chung, sinh trở lại nơi cõi Dục, người này có bao nhiêu loại, bao nhiêu người bị sử sai khiến, bao nhiêu người bị kiết trói buộc? Nếu có người từ cõi Sắc mạng chung, sinh trở lại nơi cõi Sắc, người này có bao nhiêu loại, bao nhiêu người bị sử sai khiến, bao nhiêu người bị kiết trói buộc? Nếu có người từ cõi Vô sắc mạng chung, sinh trở lại nơi cõi Vô sắc, người này có bao nhiêu loại, bao nhiêu người bị sử sai khiến, bao nhiêu người bị kiết trói buộc?

Từng có người không từ cõi Dục mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, đều không thọ hữu của cõi Dục chẳng? Nếu không thọ hữu của cõi Dục, đều không từ cõi Dục mất, sẽ không sinh nơi cõi Dục chẳng? Từng có người không từ cõi Sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Sắc, đều không thọ hữu của cõi Sắc chẳng? Nếu không thọ hữu của cõi Sắc, đều không từ cõi Sắc mất, sẽ không sinh nơi cõi Sắc chẳng? Từng có người không từ cõi Vô sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Vô sắc, đều không thọ hữu của cõi Vô sắc chẳng? Nếu không thọ hữu của cõi Vô sắc, đều không từ cõi Vô sắc mất, sẽ không sinh nơi cõi Vô sắc chẳng?

Nếu có người không từ cõi Dục mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, người này có bao nhiêu loại, bao nhiêu người bị sử sai

khiến, bao nhiêu người bị kiết trói buộc? Nếu có người không từ cõi Sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Sắc, người này có bao nhiêu loại, bao nhiêu người bị sử sai khiến, bao nhiêu người bị kiết trói buộc? Nếu có người không từ cõi Vô sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Vô sắc, người này có bao nhiêu loại, bao nhiêu người bị sử sai khiến, bao nhiêu người bị kiết trói buộc?

Tùng có người ở cõi Dục mạng chung, không sinh nơi cõi Dục chẳng? Tùng có người ở cõi Dục mạng chung, không sinh nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc chẳng? Tùng có người ở cõi Sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Sắc chẳng? Tùng có người ở cõi Sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, cõi Vô sắc chẳng? Tùng có người ở cõi Vô sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Vô sắc chẳng? Tùng có người ở cõi Vô sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc chẳng?

Nếu như người ở cõi Dục mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, người này có bao nhiêu loại, bao nhiêu người bị sử sai khiến, bao nhiêu người bị kiết trói buộc? Nếu như người ở cõi Dục mạng chung, không sinh nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, người này có bao nhiêu loại, bao nhiêu người bị sử sai khiến, bao nhiêu người bị kiết trói buộc? Nếu như người ở cõi Sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Sắc, người này có bao nhiêu loại, bao nhiêu người bị sử sai khiến, bao nhiêu người bị kiết trói buộc? Nếu như người ở cõi Sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, cõi Vô sắc, người này có bao nhiêu loại, bao nhiêu người bị sử sai khiến, bao nhiêu người bị kiết trói buộc? Nếu như người ở cõi Vô sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Vô sắc, người này có bao nhiêu loại, bao nhiêu người bị sử sai khiến, bao nhiêu người bị kiết trói buộc? Nếu như người ở cõi Vô sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, người này có bao nhiêu loại, bao nhiêu người bị sử sai khiến, bao nhiêu người bị kiết trói buộc?

Tùng có người ở cõi Dục mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc chẳng? Tùng có người ở cõi Sắc mạng chung,

không sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc chăng? Từng có người ở cõi Vô sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc chăng?

Nếu như người ở cõi Dục mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, người này có bao nhiêu loại, bao nhiêu người bị sử sai khiến, bao nhiêu người bị kiết trí buộc? Nếu có người ở cõi Sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, người này có bao nhiêu loại, bao nhiêu người bị sử sai khiến, bao nhiêu người bị kiết trí buộc? Nếu có người ở cõi Vô sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, người này có bao nhiêu loại, bao nhiêu người bị sử sai khiến, bao nhiêu người bị kiết trí buộc?

Từng có ái dục chưa hết, mạng chung, không sinh nơi cõi Dục chăng? Từng có ái sắc chưa hết, mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc chăng? Từng có ái vô sắc chưa hết, mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc chăng?

Nếu ái dục chưa hết, mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, người này có bao nhiêu loại, bao nhiêu người bị sử sai khiến, bao nhiêu người bị kiết trí buộc? Nếu ái sắc chưa hết, mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, người này có bao nhiêu loại, bao nhiêu người bị sử sai khiến, bao nhiêu người bị kiết trí buộc? Nếu ái vô sắc chưa hết, mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, người này có bao nhiêu loại, bao nhiêu người bị sử sai khiến, bao nhiêu người bị kiết trí buộc?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Hai thứ nơi cõi Dục, hai thứ nơi cõi Sắc, hai thứ nơi cõi Vô sắc là kiết chủng (bộ kiết) do bốn đế đoạn và kiết chủng (bộ kiết) do tư duy đoạn.

Hỏi: Từng có kiết của cõi Dục cùng một thời có thể trói buộc chăng?

Đáp: Có. Là người phạm phu ở cõi Dục, không có ái (lìa nhiễm), thoái lui, từ cõi Sắc, cõi Vô sắc mất sinh nơi cõi Dục.

Hỏi: Cùng một thời không thể trói buộc chăng?

Đáp: Có. Là người phạm phu được không có ái của cõi Dục.

Hỏi: Dần dần có thể trói buộc chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Dần dần không thể trói buộc chăng?

Đáp: Có. Là đệ tử của Đức Thế Tôn, trước diệt kiết do bốn đế đoạn, sau diệt kiết do tư duy đoạn.

Hỏi: Từng có kiết của cõi Sắc: Cùng một thời có thể trói buộc chăng?

Đáp: Có. Là người phạm phu ở cõi Sắc, không có ái (lìa nhiễm), thoái lui, từ địa trên mất sinh nơi cõi Dục, hoặc trên cõi Phạm thiên.

Hỏi: Cùng một thời không thể trói buộc chăng?

Đáp: Có. Là người phạm phu được không có ái của cõi Sắc.

Hỏi: Dần dần có thể trói buộc chăng?

Đáp: Không được.

Hỏi: Dần dần không thể trói buộc chăng?

Đáp: Được. Là đệ tử của Đức Thế Tôn, trước diệt kiết do bốn đế đoạn, sau diệt kiết do tư duy đoạn.

Hỏi: Từng có kiết của cõi Vô sắc: Cùng một thời có thể trói buộc chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Cùng một thời không thể trói buộc chằng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Dần dần có thể trói buộc chằng?

Đáp: Không được.

Hỏi: Dần dần không thể trói buộc chằng?

Đáp: Được. Là đệ tử của Đức Thế Tôn, trước diệt kiết do bốn đế đoạn, sau diệt kiết do tư duy đoạn.

Hỏi: Kiết nơi cõi Dục do bốn đế đoạn tận (dứt hết) là thuộc về quả nào? Cho đến kiết nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn tận (dứt hết) là thuộc về quả nào?

Đáp: Kiết nơi cõi Dục do bốn đế đoạn dứt hết thuộc về hoặc bốn quả Sa-môn, hoặc vô xứ sở. Kiết nơi cõi Dục do tư duy đoạn dứt hết thuộc về hoặc quả A-na-hàm, hoặc quả A-la-hán, hoặc vô xứ sở.

Kiết nơi cõi Sắc do bốn đế đoạn dứt hết thuộc về hoặc bốn quả Sa-môn, hoặc vô xứ sở. Kiết nơi cõi Sắc do tư duy đoạn dứt hết thuộc về hoặc quả A-la-hán, hoặc vô xứ sở.

Kiết nơi cõi Vô sắc do bốn đế đoạn dứt hết thuộc về bốn quả Sa-môn. Kiết nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn dứt hết thuộc về quả A-la-hán.

Năm kiết chủng (Năm bộ kiết): Là kiết chủng do khổ đế đoạn, kiết chủng do tập đế đoạn, kiết chủng do tận đế đoạn, kiết chủng do đạo đế đoạn, kiết chủng do tư duy đoạn.

Hỏi: Kiết chủng do khổ đế đoạn tận (dứt hết) là thuộc về quả nào? Cho đến kiết chủng do tư duy đoạn tận (dứt hết) là thuộc về quả nào?

Đáp: Kiết chủng do khổ đế đoạn thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc vô xứ sở.

Kiệt chủng do tập đế, tận đế đoạn thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc vô xứ sở.

Kiệt chủng do đạo đế đoạn thuộc về bốn quả Sa-môn.

Kiệt chủng do tư duy đoạn thuộc về quả A-la-hán.

Chín kiết chủng (Chín bộ kiết): Là kiết chủng do khổ pháp trí đoạn. Kiết chủng do khổ vị trí trí đoạn. Kiết chủng do tập pháp trí đoạn. Kiết chủng do tập vị trí trí đoạn. Kiết chủng do tận pháp trí đoạn. Kiết chủng do tận vị trí trí đoạn. Kiết chủng do đạo pháp trí đoạn. Kiết chủng do đạo vị trí trí đoạn. Kiết chủng do tư duy đoạn.

Hỏi: Kiết chủng do khổ pháp trí đoạn tận (dứt hết) là thuộc về quả nào? Cho đến kiết chủng do tư duy đoạn tận (dứt hết) là thuộc về quả nào?

Đáp: Kiết chủng do khổ pháp trí đoạn thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc vô xứ sở.

Kiệt chủng do khổ vị trí trí đoạn, do tập pháp trí đoạn, do tập vị trí trí đoạn, do tận pháp trí đoạn, do tận vị trí trí đoạn, do đạo pháp trí đoạn thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc vô xứ sở.

Kiệt chủng do đạo vị trí trí đoạn thuộc về bốn quả Sa-môn.

Kiệt chủng do tư duy đoạn thuộc về quả A-la-hán.

Mười lăm kiết chủng (Mười lăm bộ kiết): Là kiết chủng nơi cõi Dục do khổ đế đoạn. Kiết chủng nơi cõi Dục do tập đế, tận đế, đạo đế cùng tư duy đoạn. Kiết chủng nơi cõi Sắc do khổ đế đoạn. Kiết chủng nơi cõi Sắc do tập đế, tận đế, đạo đế cùng tư duy đoạn. Kiết chủng nơi cõi Vô sắc do khổ đế đoạn. Kiết chủng nơi cõi Vô sắc do tập đế, tận đế, đạo đế cùng tư duy đoạn.

Hỏi: Kiết chủng nơi cõi Dục do khổ đế đoạn tận (dứt hết) là thuộc về quả nào? Cho đến kiết chủng nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn tận (dứt hết) là thuộc về quả nào?

Đáp: Kiệt chủng nơi cõi Dục do khổ đế đoạn thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc vô xứ sở. Kiệt chủng nơi cõi Dục do tập đế, tận đế, đạo đế đoạn thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc vô xứ sở. Kiệt chủng nơi cõi Dục do tư duy đoạn thuộc về quả A-na-hàm, A-la-hán, hoặc vô xứ sở.

Kiệt chủng nơi cõi Sắc do khổ đế đoạn thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc vô xứ sở. Kiệt chủng nơi cõi Sắc do tập đế, tận đế, đạo đế đoạn thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc vô xứ sở. Kiệt chủng nơi cõi Sắc do tư duy đoạn thuộc về quả A-la-hán, hoặc vô xứ sở.

Kiệt chủng nơi cõi Vô sắc do khổ đế đoạn thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc vô xứ sở. Kiệt chủng nơi cõi Vô sắc do tập đế, tận đế, đạo đế đoạn thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc vô xứ sở. Kiệt chủng nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn thuộc về quả A-la-hán.

Hỏi: Ba kiệt đoạn tận (dứt hết) là thuộc về quả nào? Cho đến chín mươi tám sử đoạn tận là thuộc về quả nào?

Đáp: Thân kiến đoạn tận thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc vô xứ sở. Trộm giới (giới cầm thú), nghi đoạn tận thuộc về bốn quả Sa-môn.

Ba căn bất thiện tham, giận, si và dục lậu trong ba hữu lậu đoạn tận thuộc về quả A-na-hàm, A-la-hán, hoặc vô xứ sở. Hữu lậu, vô minh lậu đoạn tận thuộc về quả A-la-hán.

Trong bốn lưu (bộc lưu): Dục lưu đoạn tận thuộc về quả A-na-hàm, A-la-hán, hoặc vô xứ sở. Hữu lưu, vô minh lưu đoạn tận thuộc về quả A-la-hán. Kiến lưu đoạn tận thuộc về bốn quả Sa-môn.

Như lưu, ách cũng như vậy.

Trong bốn thọ (thủ): Dục thọ đoạn tận thuộc về quả A-na-hàm, A-la-hán, hoặc vô xứ sở. Giới thọ, kiến thọ đoạn tận thuộc về bốn quả Sa-môn. Ngã thọ (ngã ngữ thủ) đoạn tận thuộc về quả A-la-hán.

Trong bốn phược: Tham dục trói buộc (phược) thân, giận dữ trói buộc thân đoạn tận thuộc về quả A-na-hàm, A-la-hán, hoặc vô

xứ sở. Trộm giới, ngã kiến trói buộc thân đoạn tận thuộc về bốn quả Sa-môn.

Trong năm cái: Cái tham dục, cái giận dữ, cái thù miên – trạo, cái hối đoạn tận thuộc về quả A-na-hàm, A-la-hán, hoặc vô xứ sở. Cái nghi đoạn tận thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc vô xứ sở.

Trong năm kiết: Các kiết giận dữ, kiết keo kiệt, kiết ganh tị đoạn tận thuộc về quả A-na-hàm, A-la-hán, hoặc vô xứ sở. Kiết ái, kiết kiêu mạn đoạn tận thuộc về quả A-la-hán.

Trong năm kiết phần dưới: Kiết tham dục, kiết giận dữ đoạn tận thuộc về quả A-na-hàm, A-la-hán, hoặc vô xứ sở. Kiết thân kiến đoạn tận thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc vô xứ sở. Kiết trộm giới, kiết nghi đoạn tận thuộc về bốn quả Sa-môn.

Trong năm kiến: Thân kiến, biên kiến đoạn tận thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc vô xứ sở. Tà kiến, trộm kiến (kiến thủ), trộm giới (giới cầm thủ) đoạn tận thuộc về bốn quả Sa-môn.

Nơi sáu ái thân: Ái thân do tỷ xúc, thiết xúc sinh ra đoạn tận thuộc về quả A-na-hàm, A-la-hán, hoặc vô xứ sở. Ái thân do nhãn xúc, nhĩ xúc, thân xúc sinh ra đoạn tận thuộc về quả A-la-hán, hoặc vô xứ sở. Ái thân do ý xúc sinh ra đoạn tận thuộc về quả A-la-hán.

Nơi bảy sử: Hai sử tham dục, giận dữ đoạn tận thuộc về quả A-na-hàm, A-la-hán, hoặc vô xứ sở. Ba sử hữu ái, sử kiêu mạn, sử vô minh đoạn tận thuộc về quả A-la-hán. Hai sử kiến, sử nghi đoạn tận thuộc về bốn quả Sa-môn.

Trong chín kiết: Kiết giận dữ, kiết keo kiệt, kiết ganh tị đoạn tận thuộc về quả A-na-hàm, A-la-hán, hoặc vô xứ sở. Kiết ái, kiết kiêu mạn, kiết vô minh đoạn tận thuộc về quả A-la-hán. Kiết kiến, kiết thất nguyện (kiến thủ), kiết nghi đoạn tận thuộc về bốn quả Sa-môn.

Nơi chín mươi tám sử: Các sử nơi cõi Dục do bốn đế đoạn tận thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc vô xứ sở. Sử nơi cõi Dục do tư duy đoạn tận thuộc về quả A-na-hàm, A-la-hán, hoặc vô xứ sở.

Sử nơi cõi Sắc do bốn đế đoạn tận thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc vô xứ sở. Sử nơi cõi Sắc do tư duy đoạn tận thuộc về quả A-la-hán, hoặc vô xứ sở.

Sử nơi cõi Vô sắc do khổ, tập, tận đế đoạn tận thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc vô xứ sở. Sử nơi cõi Vô sắc do đạo đế đoạn tận thuộc về bốn quả Sa-môn. Sử nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn tận thuộc về quả A-la-hán.

Hỏi: Đệ tử của Đức Thế Tôn đã thành tựu kiến đế, ái dục chưa hết, kiết nơi cõi Dục do tư duy đoạn tận là thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Tu-đà-hàm, hoặc vô xứ sở.

Hỏi: Ái dục đã hết, ái sắc chưa hết, kiết nơi cõi Sắc do tư duy đoạn tận là thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về vô xứ sở.

Hỏi: Ái sắc đã hết, ái vô sắc chưa hết, kiết nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn tận là thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về vô xứ sở.

Tám người: Hướng đến Tu-đà-hoàn, chứng đắc Tu-đà-hoàn. Hướng đến Tu-đà-hàm, chứng đắc Tu-đà-hàm. Hướng đến A-na-hàm, chứng đắc A-na-hàm. Hướng đến A-la-hán, chứng đắc A-la-hán.

Hỏi: Người hướng chứng Tu-đà-hoàn kiết đã đoạn tận là thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về vô xứ sở.

Đắc quả Tu-đà-hoàn, tức thuộc về quả Tu-đà-hoàn.

Hỏi: Người hướng chứng Tu-đà-hàm kiết đã đoạn tận là thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Tu-đà-hoàn, hoặc vô xứ sở.

Đặc quả Tu-đà-hàm, tức thuộc về quả Tu-đà-hàm.

Hỏi: Người hướng chứng A-na-hàm kiết đã đoạn tận là thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Tu-đà-hàm, hoặc vô xứ sở.

Đặc quả A-na-hàm, tức thuộc về quả A-na-hàm.

Hỏi: Người hướng chứng A-la-hán kiết đã đoạn tận là thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả A-na-hàm, hoặc vô xứ sở.

Đặc quả A-la-hán tức thuộc về quả A-la-hán.

Hỏi: Các vị Tu-đà-hoàn đã thành tựu pháp học, pháp ấy thuộc về quả Tu-đà-hoàn chăng?

Đáp: Hoặc thuộc về, hoặc không thuộc về.

Thế nào là thuộc về? Là được quả Tu-đà-hoàn hữu vi không mất. Đây gọi là thuộc về.

Thế nào là không thuộc về? Là người Tu-đà-hoàn tăng ích, tiến tới được căn vô lậu vi diệu, được xong kiết đoạn tận, đạt chứng. Đây gọi là không thuộc về.

Hỏi: Nếu như các pháp thuộc về quả Tu-đà-hoàn, pháp ấy là pháp học chăng?

Đáp: Hoặc là pháp học, hoặc là pháp phi học phi vô học.

Thế nào là pháp học? Là quả Tu-đà-hoàn hữu vi. Đây gọi là pháp học.

Thế nào là pháp phi học phi vô học? Là quả Tu-đà-hoàn vô vi. Đây gọi là pháp phi học phi vô học.

Tu-đà-hàm, A-na-hàm cũng như vậy.

Hỏi: Các vị A-la-hán đã thành tựu pháp vô học, pháp ấy thuộc về quả A-la-hán chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Nếu như các pháp thuộc về quả A-la-hán, pháp ấy là pháp vô học chăng?

Đáp: Hoặc là pháp vô học, hoặc là pháp phi học phi vô học.

Thế nào là pháp vô học? Là quả A-la-hán hữu vi. Đây gọi là pháp vô học.

Thế nào là pháp phi học phi vô học? Là quả A-la-hán vô vi. Đây gọi là pháp phi học phi vô học.

Hỏi: Các vị Tu-đà-hoàn đã thành tựu pháp vô lậu, pháp ấy thuộc về quả Tu-đà-hoàn chăng?

Đáp: Hoặc thuộc về, hoặc không thuộc về.

Thế nào là thuộc về? Là được quả Tu-đà-hoàn không mất. Đây gọi là thuộc về.

Thế nào là không thuộc về? Là người Tu-đà-hoàn tăng ích, tiến tới được căn vô lậu tốt đẹp, được xong kiết đoạn tận, nhận chứng đắc, cũng là phi số duyên tận (Phi trạch diệt), thành tựu Tu-đà-hoàn. Đây gọi là không thuộc về.

Hỏi: Nếu như các pháp thuộc về quả Tu-đà-hoàn, pháp ấy là pháp vô lậu chăng?

Đáp: Đúng thế.

Như Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm cũng như vậy.

Hỏi: Các vị A-la-hán đã thành tựu pháp vô lậu, pháp ấy thuộc về quả A-la-hán chăng?

Đáp: Hoặc thuộc về, hoặc không thuộc về.

Thế nào là thuộc về? Là được quả A-la-hán không mất. Đây gọi là thuộc về.

Thế nào là không thuộc về? Là A-la-hán thành tựu phi số duyên tận (Phi trạch diệt). Đây gọi là không thuộc về.

Hỏi: Nếu như các pháp thuộc về quả A-la-hán, pháp ấy là pháp vô lậu chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Các pháp Tu-đà-hoàn thành tựu, pháp ấy thuộc về quả Tu-đà-hoàn chăng?

Đáp: Hoặc có các pháp Tu-đà-hoàn thành tựu, pháp ấy không thuộc về quả Tu-đà-hoàn.

Thế nào là các pháp Tu-đà-hoàn thành tựu, pháp ấy không thuộc về quả Tu-đà-hoàn? Là Tu-đà-hoàn tăng ích, tiến tới được căn vô lậu vi diệu, được xong kiết đoạn tận, thọ chứng cũng là các phi số duyên tận, là Tu-đà-hoàn thành tựu pháp hữu lậu tức Tu-đà-hoàn thành tựu. Đây là các pháp Tu-đà-hoàn thành tựu, pháp ấy không thuộc về quả Tu-đà-hoàn.

Thế nào là các pháp thuộc về quả Tu-đà-hoàn, pháp ấy không phải là Tu-đà-hoàn thành tựu? Là chưa được quả Tu-đà-hoàn, được rồi liền mất. Đây là các pháp thuộc về quả Tu-đà-hoàn, pháp ấy không phải là Tu-đà-hoàn thành tựu.

Thế nào là các pháp Tu-đà-hoàn thành tựu, pháp ấy thuộc về quả Tu-đà-hoàn? Là được quả Tu-đà-hoàn không mất. Đây là các pháp Tu-đà-hoàn thành tựu, pháp ấy thuộc về quả Tu-đà-hoàn.

Thế nào là các pháp không phải Tu-đà-hoàn thành tựu, pháp ấy cũng không phải thuộc về quả Tu-đà-hoàn? Là trừ các sự việc đã nêu trên.

Như Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm cũng lại như vậy.

Hỏi: Các pháp A-la-hán thành tựu, pháp ấy thuộc về quả A-la-hán chăng?

Đáp: Hoặc có các pháp A-la-hán thành tựu, pháp ấy không thuộc về quả A-la-hán.

Thế nào là các pháp A-la-hán thành tựu, pháp ấy không thuộc về quả A-la-hán? Là A-la-hán thành tựu phi số duyên tận và A-la-hán thành tựu pháp hữu lậu. Đây là các pháp A-la-hán thành tựu, pháp ấy không thuộc về quả A-la-hán.

Thế nào là các pháp thuộc về quả A-la-hán, pháp ấy không phải là A-la-hán thành tựu? Là hoặc chưa được A-la-hán, hoặc được rồi liền mất. Đây là các pháp thuộc về quả A-la-hán, pháp ấy không phải là A-la-hán thành tựu.

Thế nào là các pháp A-la-hán thành tựu, pháp ấy thuộc về quả A-la-hán? Là được A-la-hán không mất. Đây là các pháp A-la-hán thành tựu, pháp ấy thuộc về quả A-la-hán.

Thế nào là các pháp không phải A-la-hán thành tựu, pháp ấy cũng không phải thuộc về quả A-la-hán? Là trừ các sự việc đã nêu trên.

Hỏi: Từng có người từ cõi Dục mạng chung, sinh trở lại nơi cõi Dục, đều thọ hữu của cõi Dục chăng?

Đáp: Hoặc từ cõi Dục mất, sinh trở lại nơi cõi Dục, không thọ hữu của cõi Dục.

Thế nào là từ cõi Dục mất, sinh trở lại nơi cõi Dục, không thọ hữu của cõi Dục? Là từ cõi Dục mất, khởi trung ám (trung hữu) trong

cõi Sắc. Đây là từ cõi Dục mất, sinh trở lại nơi cõi Dục, không thọ hữu của cõi Dục.

Thế nào là thọ hữu của cõi Dục, không phải từ cõi Dục mất, không sinh nơi cõi Dục? Là từ cõi Sắc mất, khởi trung ấm trong cõi Dục. Đây là thọ hữu của cõi Dục, không phải từ cõi Dục mất, không sinh nơi cõi Dục.

Thế nào là từ cõi Dục mất, sinh trở lại nơi cõi Dục, thọ hữu của cõi Dục? Là từ cõi Dục mất, khởi trung ấm, sinh ấm trong cõi Dục. Đây là từ cõi Dục mất, sinh trở lại nơi cõi Dục, thọ hữu của cõi Dục.

Thế nào là không từ cõi Dục mất, không sinh nơi cõi Dục, không thọ hữu của cõi Dục? Là từ cõi Sắc mất, khởi trung ấm, sinh ấm trong cõi Sắc. Từ cõi Sắc mất sinh nơi cõi Vô sắc, từ cõi Vô sắc mất sinh nơi cõi Vô sắc, từ cõi Vô sắc mất sinh nơi cõi Sắc. Đây là không từ cõi Dục mất, không sinh nơi cõi Dục, không thọ hữu của cõi Dục.

Hỏi: Từng có người từ cõi Sắc mạng chung, sinh trở lại nơi cõi Sắc, đều thọ hữu của cõi Sắc chăng?

Đáp: Hoặc từ cõi Sắc mất, sinh trở lại nơi cõi Sắc, không thọ hữu của cõi Sắc.

Thế nào là từ cõi Sắc mất, sinh trở lại nơi cõi Sắc, không thọ hữu của cõi Sắc? Là từ cõi Sắc mất khởi trung ấm trong cõi Dục. Đây là từ cõi Sắc mất, sinh trở lại nơi cõi Sắc, không thọ hữu của cõi Sắc.

Thế nào là thọ hữu của cõi Sắc, không từ cõi Sắc mất, không sinh nơi cõi Sắc? Là từ cõi Dục mất khởi trung ấm trong cõi Sắc. Đây là thọ hữu của cõi Sắc, không từ cõi Sắc mất, không sinh nơi cõi Sắc.

Thế nào là từ cõi Sắc mất, sinh trở lại nơi cõi Sắc, thọ hữu của cõi Sắc? Là từ cõi Sắc mất, khởi trung ấm, sinh ấm trong cõi Sắc. Đây là từ cõi Sắc mất, sinh trở lại nơi cõi Sắc, thọ hữu của cõi Sắc.

Thế nào là không từ cõi Sắc mất, không sinh nơi cõi Sắc, không thọ hữu của cõi Sắc? Là từ cõi Dục mất, khởi trung âm, sinh âm trong cõi Dục. Từ cõi Dục mất sinh nơi cõi Vô sắc, từ cõi Vô sắc mất sinh nơi cõi Vô sắc, từ cõi Vô sắc mất sinh nơi cõi Dục. Đây là không từ cõi Sắc mất, không sinh nơi cõi Sắc, không thọ hữu của cõi Sắc.

Hỏi: Từng có người từ cõi Vô sắc mạng chung, sinh trở lại nơi cõi Vô sắc, đều thọ hữu của cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Đúng thế. Từ cõi Vô sắc mất, sinh nơi cõi Vô sắc, đều thọ hữu của cõi Vô sắc.

Hỏi: Từng có thọ hữu của cõi Vô sắc, không từ cõi Vô sắc mất, sinh nơi cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có. Nếu từ cõi Dục, cõi Sắc mất sinh nơi cõi Vô sắc.

Nếu có người từ cõi Dục mạng chung, sinh trở lại nơi cõi Dục, người này có bốn loại: Phàm phu, Thánh nhân nơi cõi Dục. Phàm phu, Thánh nhân nơi cõi Sắc.

Nếu có người từ cõi Sắc mạng chung, sinh trở lại nơi cõi Sắc, người này có ba loại: Phàm phu nơi cõi Dục. Phàm phu, Thánh nhân nơi cõi Sắc.

Nếu có người từ cõi Vô sắc mạng chung, sinh trở lại nơi cõi Vô sắc, người này có hai loại: Phàm phu, Thánh nhân nơi cõi Vô sắc.

Người phàm phu nơi cõi Dục bị chín mươi tám sử sai khiến, chín kiết trói buộc. Bậc Hiền Thánh nhân bị mười sử sai khiến, sáu kiết trói buộc.

Người phàm phu nơi cõi Sắc bị sáu mươi hai sử sai khiến, sáu kiết trói buộc. Bậc Hiền Thánh bị sáu sử sai khiến, ba kiết trói buộc.

Người phạm phu nơi cõi Vô sắc bị ba mươi một sử sai khiến, sáu kiết trói buộc. Bậc Hiền Thánh bị ba sử sai khiến, ba kiết trói buộc.

Hỏi: Từng có người không từ cõi Dục mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, đều không thọ hữu của cõi Dục chăng?

Đáp: Hoặc có không từ cõi Dục mất, không sinh nơi cõi Dục, không phải không thọ hữu của cõi Dục.

Thế nào là không từ cõi Dục mất, không sinh nơi cõi Dục, không phải không thọ hữu của cõi Dục? Là từ cõi Sắc mất, khởi trung ấm trong cõi Dục. Đây là không từ cõi Dục mất, không sinh nơi cõi Dục, không phải không thọ hữu của cõi Dục.

Thế nào là không thọ hữu của cõi Dục, không phải không từ cõi Dục mất, không phải không sinh nơi cõi Dục? Là từ cõi Dục mất, khởi trung ấm trong cõi Sắc. Đây là không thọ hữu của cõi Dục, không phải không từ cõi Dục mất, không phải không sinh nơi cõi Dục.

Thế nào là không từ cõi Dục mất, không sinh nơi cõi Dục, không thọ hữu của cõi Dục? Là từ cõi Sắc mất, khởi trung ấm, sinh ấm trong cõi Sắc. Từ cõi Sắc mất sinh nơi cõi Vô sắc, từ cõi Vô sắc mất sinh nơi cõi Vô sắc, từ cõi Vô sắc mất sinh nơi cõi Sắc. Đây là không từ cõi Dục mất, không sinh nơi cõi Dục, không thọ hữu của cõi Dục.

Thế nào là không phải không từ cõi Dục mất, không phải không từ cõi Dục sinh, không phải không thọ hữu của cõi Dục? Là từ cõi Dục mất, khởi trung ấm, sinh ấm trong cõi Dục. Đây là không phải không từ cõi Dục mất, không phải không sinh nơi cõi Dục, không phải không thọ hữu của cõi Dục.

Hỏi: Từng có người không từ cõi Sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Sắc, đều không thọ hữu của cõi Sắc chăng?

Đáp: Hoặc không từ cõi Sắc mắt, không sinh nơi cõi Sắc, không phải không thọ hữu của cõi Sắc.

Thế nào là không từ cõi Sắc mắt, không sinh nơi cõi Sắc, không phải không thọ hữu của cõi Sắc? Là từ cõi Dục mắt, khởi trung âm trong cõi Sắc. Đây là không từ cõi Sắc mắt, không sinh nơi cõi Sắc, không phải không thọ hữu của cõi Sắc.

Thế nào là không thọ hữu của cõi Sắc, không phải không từ cõi Sắc mắt, không phải không sinh nơi cõi Sắc? Là từ cõi Sắc mắt, khởi trung âm trong cõi Dục. Đây là không thọ hữu của cõi Sắc, không phải không từ cõi Sắc mắt, không phải không sinh nơi cõi Sắc.

Thế nào là không từ cõi Sắc mắt, không sinh nơi cõi Sắc, không thọ hữu của cõi Sắc? Là từ cõi Dục mắt, khởi trung âm, sinh âm trong cõi Dục. Từ cõi Dục mắt sinh nơi cõi Vô sắc, từ cõi Vô sắc mắt sinh nơi cõi Vô sắc, từ cõi Vô sắc mắt sinh nơi cõi Dục. Đây là không từ cõi Sắc mắt, không sinh nơi cõi Sắc, không thọ hữu của cõi Sắc.

Thế nào là không phải không từ cõi Sắc mắt, không phải không sinh nơi cõi Sắc, không phải không thọ hữu của cõi Sắc? Là từ cõi Sắc mắt, khởi trung âm, sinh âm trong cõi Sắc. Đây là không phải không từ cõi Sắc mắt, không phải không sinh nơi cõi Sắc, không phải không thọ hữu của cõi Sắc.

Hỏi: Từng có người không từ cõi Vô sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Vô sắc, đều không thọ hữu của cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Đúng thế. Không từ cõi Vô sắc mắt, không sinh nơi cõi Vô sắc, đều không thọ hữu của cõi Vô sắc.

Hỏi: Từng có không thọ hữu của cõi Vô sắc, không phải không từ cõi Vô sắc mắt, không sinh nơi cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có. Là từ cõi Vô sắc mắt sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc.

Nếu như người không từ cõi Dục mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, người này có năm loại: Phạm phu nơi cõi Dục. Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Sắc. Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Vô sắc.

Nếu như người không từ cõi Sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Sắc, người này có sáu loại: Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Dục. Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Sắc. Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Vô sắc.

Nếu như người không từ cõi Vô sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Vô sắc, người này có bốn loại: Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Dục. Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Sắc.

Vừa bị sử sai khiến, vừa bị kiết trói buộc.

Hỏi: Từng có người ở cõi Dục mạng chung, không sinh nơi cõi Dục chẳng?

Đáp: Không sinh. Là khởi trung ấm trong cõi Dục, khởi trung ấm, sinh ấm trong cõi Sắc, sinh nơi cõi Vô sắc, bát Niết-bàn.

Hỏi: Từng có người ở cõi Dục mạng chung, không sinh nơi cõi Sắc chẳng?

Đáp: Không sinh. Là khởi trung ấm trong cõi Sắc, khởi trung ấm nơi cõi Dục, sinh nơi cõi Vô sắc, bát Niết-bàn.

Hỏi: Từng có người ở cõi Dục mạng chung, không sinh nơi cõi Vô sắc chẳng?

Đáp: Không sinh. Là khởi trung ấm, sinh ấm trong cõi Dục, cõi Sắc, hoặc bát Niết-bàn.

Hỏi: Từng có người ở cõi Sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Sắc chẳng?

Đáp: Không sinh. Là khởi trung ấm trong cõi Sắc, khởi trung ấm, sinh ấm trong cõi Dục, sinh nơi cõi Vô sắc, bát Niết-bàn.

Hỏi: Tùng có người ở cõi Sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Dục chẳng?

Đáp: Không sinh. Là khởi trung âm trong cõi Dục, khởi trung âm, sinh âm trong cõi Sắc, sinh nơi cõi Vô sắc, bát Niết-bàn.

Hỏi: Tùng có người ở cõi Sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Vô sắc chẳng?

Đáp: Không sinh. Là khởi trung âm, sinh âm trong cõi Dục, cõi Sắc, hoặc bát Niết-bàn.

Hỏi: Tùng có người ở cõi Vô sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Vô sắc chẳng?

Đáp: Không sinh. Là khởi trung âm, sinh âm trong cõi Dục, cõi Sắc, hoặc bát Niết-bàn.

Hỏi: Tùng có người ở cõi Vô sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Dục chẳng?

Đáp: Không sinh. Là khởi trung âm trong cõi Dục, khởi trung âm, sinh âm trong cõi Sắc, sinh nơi cõi Vô sắc, bát Niết-bàn.

Hỏi: Tùng có người ở cõi Vô sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Sắc chẳng?

Đáp: Không sinh. Là khởi trung âm trong cõi Sắc, khởi trung âm, sinh âm trong cõi Dục, sinh nơi cõi Vô sắc, bát Niết-bàn.

Nếu như người ở cõi Dục mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, người này có sáu loại: Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Dục. Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Sắc. Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Vô sắc. Nếu ở cõi Dục mạng chung, không sinh nơi cõi Sắc, người này có sáu loại: Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Dục. Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Sắc. Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Vô sắc. Nếu ở cõi Dục mạng chung, không sinh nơi cõi Vô sắc, người này

có bốn loại: Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Dục. Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Sắc.

Nếu như người ở cõi Sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Sắc, người này có năm loại: Phạm phu nơi cõi Dục. Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Sắc. Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Vô sắc. Nếu ở cõi Sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, người này có năm loại: Phạm phu nơi cõi Dục. Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Sắc. Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Vô sắc. Nếu ở cõi Sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Vô sắc, người này có ba loại: Phạm phu nơi cõi Dục. Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Sắc.

Nếu như người ở cõi Vô sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Vô sắc, người này có hai loại: Phạm phu nơi cõi Dục. Phạm phu nơi cõi Sắc. Nếu ở cõi Vô sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, người này có bốn loại: Phạm phu nơi cõi Dục. Phạm phu nơi cõi Sắc. Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Vô sắc. Nếu ở cõi Vô sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Sắc, người này có bốn loại: Phạm phu nơi cõi Dục. Phạm phu nơi cõi Sắc. Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Vô sắc.

Vừa bị sử sai khiến, vừa bị kiết trói buộc.

Hỏi: Từng có người ở cõi Dục mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Không sinh. Là khởi trung ấm trong cõi Dục, cõi Sắc, hoặc bát Niết-bàn.

Hỏi: Từng có người ở cõi Sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Không sinh. Là khởi trung ấm trong cõi Dục, cõi Sắc, hoặc bát Niết-bàn.

Hỏi: Từng có người ở cõi Vô sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Không sinh. Là khởi trung âm trong cõi Dục, cõi Sắc, hoặc bát Niết-bàn.

Nếu như người ở cõi Dục mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, người này có bốn loại: Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Dục. Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Sắc.

Nếu như người ở cõi Sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, người này có ba loại: Phạm phu nơi cõi Dục. Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Sắc.

Nếu như người ở cõi Vô sắc mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, người này có hai loại: Phạm phu nơi cõi Dục. Phạm phu nơi cõi Sắc.

Vừa bị sử sai khiến, vừa bị kiết trí buộc.

Hỏi: Từng có ái dục chưa hết, mạng chung, không sinh nơi cõi Dục chẳng?

Đáp: Không sinh. Là khởi trung âm trong cõi Dục.

Hỏi: Từng có ái sắc chưa hết, mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc chẳng?

Đáp: Không sinh. Là khởi trung âm trong cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Từng có ái vô sắc chưa hết, mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc chẳng?

Đáp: Không sinh. Là khởi trung âm trong cõi Dục, cõi Sắc.

Nếu ái dục chưa hết, mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, người này có hai loại: Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Dục.

Nếu ái sắc chưa hết, mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, người này có bốn loại: Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Dục. Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Sắc.

Nếu ái vô sắc chưa hết, mạng chung, không sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, người này có bốn loại: Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Dục. Phạm phu, Thánh nhân nơi cõi Sắc.

Người phạm phu nơi cõi Dục bị chín mươi tám sử sai khiến, chín kiết trói buộc. Bậc Thánh nhân bị mười sử sai khiến, sáu kiết trói buộc.

Người phạm phu nơi cõi Sắc bị sáu mươi hai sử sai khiến, sáu kiết trói buộc. Bậc Thánh nhân bị sáu sử sai khiến, ba kiết trói buộc.

Người phạm phu nơi cõi Vô sắc bị ba mươi một sử sai khiến, sáu kiết trói buộc. Bậc Thánh nhân bị ba sử sai khiến, ba kiết trói buộc.

HẾT - QUYỂN 7

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

QUYỂN 8

Kiên độ thứ 2: KIẾT SỬ

Phẩm 4: BÀN VỀ MƯỜI MÔN

* *Tụng nêu chung:*

*Bao nhiêu sử khiến
Đều cùng hai duyên
Thứ lớp có giác
Tương ưng các căn.
Cũng thành tựu căn
Nếu không thành tựu
Đoạn trí, tác chứng
Mười môn hiện khắp.*

Gồm có: Hai mươi hai căn, mười tám trì (mười tám giới), mười hai nhập (mười hai xứ), năm ấm (năm uẩn), năm thanh ấm (năm thủ uẩn), sáu đại (sáu giới).

Pháp có sắc, pháp vô sắc. Pháp có thể thấy, pháp không thể thấy. Pháp có đối, pháp không đối. Pháp hữu lậu, pháp vô lậu. Pháp hữu vi, pháp vô vi.

Pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại. Pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký. Pháp hệ thuộc cõi Dục, pháp hệ thuộc cõi Sắc,

pháp hệ thuộc cõi Vô sắc. Pháp học, pháp vô học, pháp phi học phi vô học. Pháp do kiến đế đoạn (pháp do kiến đạo đoạn), pháp do tư duy đoạn (pháp do tu đạo đoạn), pháp không đoạn.

Bốn đế, bốn thiên (bốn tĩnh lự), bốn đẳng (bốn vô lượng), bốn vô sắc, tám giải thoát, tám trừ nhập (tám thắng xứ), mười nhất thiết nhập (mười biến xứ), tám trí, ba Tam muội (ba Tam-ma-địa).

Ba kiết, ba căn bất thiện, ba hữu lậu (ba lậu). Bốn lưu (bốn bộc lưu), bốn ách, bốn thọ (bốn thủ), bốn phược (bốn thứ trói buộc thân). Năm cái, năm kiết, năm kiết phần dưới (năm kiết thuận phần dưới), năm kiến. Sáu ái thân. Bảy sử (bảy tùy miên). Chín kiết. Chín mươi tám sử (chín mươi tám tùy miên).

Nhãn căn có bao nhiêu sử sai khiến (Tùy miên tùy tăng)? Cho đến sử vô minh nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn có bao nhiêu sử sai khiến? (một môn)

Nhãn căn duyên nơi thức có bao nhiêu sử sai khiến? Cho đến sử vô minh nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn duyên nơi thức có bao nhiêu sử sai khiến? (hai môn)

Nhãn căn duyên nơi thức duyên có bao nhiêu sử sai khiến? Cho đến sử vô minh nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn duyên nơi thức duyên có bao nhiêu sử sai khiến? (ba môn).

Ý căn theo thứ lớp có bao nhiêu tâm sinh? Cho đến sử vô minh nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn theo thứ lớp có bao nhiêu tâm sinh? (bốn môn)

Nhãn căn bị các sử sai khiến, sử này nên nói là có giác có quán, không giác có quán, không giác không quán chẳng? Cho đến sử vô minh nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn bị các sử sai khiến, sử này nên nói là có giác có quán, không giác có quán, không giác không quán chẳng? (năm môn)

Nhãn căn bị các sử sai khiến, sử này có bao nhiêu thứ tương ứng với căn? Cho đến sử vô minh nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn bị các sử sai khiến, sử này có bao nhiêu thứ tương ứng với căn? (sáu môn)

Pháp nào thành tựu nhãn căn? Cho đến pháp nào tạo thành sử vô minh nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn? (bảy môn).

Pháp nào không thành tựu nhãn căn? Cho đến pháp nào không tạo thành sử vô minh nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn? (tám môn).

Nhãn căn khi được trí đoạn, có bao nhiêu sử, bao nhiêu kiết do trí đoạn? Cho đến sử vô minh nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn khi được trí đoạn, có bao nhiêu sử, bao nhiêu kiết do trí đoạn? (chín môn)

Nhãn căn khi tận (diệt) tác chứng, có bao nhiêu sử, bao nhiêu kiết diệt tác chứng? Cho đến sử vô minh nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn khi diệt tác chứng, có bao nhiêu sử, bao nhiêu kiết diệt tác chứng? (mười môn)

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Hỏi: Nhãn căn có bao nhiêu sử sai khiến? Cho đến chín mươi tám sử (tùy miên) có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Nhãn căn chung cho tất cả (biển hành) nơi cõi Dục, cõi Sắc và các sử sai khiến (tùy miên tùy tăng) do tư duy đoạn. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn cũng lại như vậy. Ý căn có tất cả sử sai khiến. Nam căn, nữ căn chung cho tất cả nơi cõi Dục và sử sai khiến do tư duy đoạn. Mạng căn chung cho tất cả nơi ba cõi và sử sai khiến do tư duy đoạn. Lạc căn chung cho tất cả nơi cõi Dục, cõi Sắc và sử sai khiến do tư duy đoạn. Khổ căn chung cho tất cả nơi cõi Dục và sử sai khiến do tư duy đoạn. Hỷ căn có tất cả nơi cõi Sắc, tất cả nơi cõi Dục, trừ nghi nơi cõi Dục duyên theo vô lậu, và vô minh tương ứng với nghi.

Ưu căn có tất cả nơi cõi Dục. Hộ căn (Xả căn) có tất cả. Tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn chung cho tất cả nơi ba cõi và sử sai khiến do tư duy đoạn. Vị tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn không có sử sai khiến (tùy miên tùy tăng).

Nhãn trì (Nhãn giới), nhĩ, tỷ, thiệt, thân trì (giới), sắc giới, thanh giới, tế hoạt giới (xúc giới), nhãn thức giới, nhĩ thức giới, thân thức giới, chung cho tất cả nơi hai cõi Dục, Sắc và các sử sai khiến do tư duy đoạn. Hương giới, vị giới, tỷ thức giới, thiệt thức giới chung cho tất cả nơi cõi Dục và sử sai khiến do tư duy đoạn. Ý giới, pháp giới, ý thức giới có tất cả (Biển hành và sử sai khiến).

Nhãn nhập (Nhãn xứ), nhĩ, tỷ, thiệt, thân nhập (xứ). Sắc, thanh, xúc nhập chung cho tất cả nơi cõi Dục, cõi Sắc và sử sai khiến do tư duy đoạn. Hương nhập, vị nhập chung cho tất cả nơi cõi Dục và sử sai khiến do tư duy đoạn. Ý nhập, pháp nhập có tất cả.

Sắc ấm (Sắc uẩn) chung cho tất cả nơi cõi Dục, cõi Sắc và sử sai khiến do tư duy đoạn. Thống (Thọ), tưởng, hành, thức ấm có tất cả.

Sắc thanh ấm (Sắc thủ uẩn) chung cho tất cả nơi cõi Dục, cõi Sắc và sử sai khiến do tư duy đoạn. Thống (Thọ), tưởng, hành, thức thanh ấm (thủ uẩn) chung cho tất cả nơi cõi Dục, cõi Sắc và sử sai khiến do tư duy đoạn.

Địa chủng cho đến Không chủng chung cho tất cả nơi cõi Dục, cõi Sắc và sử sai khiến do tư duy đoạn. Thức chủng (Thức giới trong sáu giới) có tất cả.

Pháp có sắc chung cho tất cả nơi nơi cõi Dục, cõi Sắc và sử sai khiến do tư duy đoạn, pháp không sắc có tất cả. Pháp có thể thấy, pháp có đối chung cho tất cả nơi cõi Dục, cõi Sắc và sử sai khiến do tư duy đoạn. Pháp không thể thấy, pháp không đối có tất cả. Pháp hữu lậu có tất cả, pháp vô lậu không có sử sai khiến. Pháp hữu vi có tất cả, pháp vô vi không có sử sai khiến.

Pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại có tất cả. Pháp thiện chung cho tất cả nơi ba cõi và sử sai khiến do tư duy đoạn, pháp bất thiện có tất cả nơi cõi Dục, pháp vô ký có tất cả nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc và hai thứ (hai bộ kiết nơi cõi Dục do tập đế đoạn chung cho tất cả. Pháp hệ thuộc cõi Dục có tất cả hệ thuộc cõi Dục, pháp hệ thuộc cõi Sắc có tất cả hệ thuộc cõi Sắc, pháp hệ thuộc cõi Vô sắc có tất cả hệ thuộc cõi Vô sắc. Pháp học, pháp vô học không có sử sai khiến, pháp phi học phi vô học có tất cả. Pháp do kiến đế đoạn có tất cả do kiến đế đoạn, pháp do tư duy đoạn có tất cả và sử sai khiến chung cho tất cả do tư duy đoạn, pháp không đoạn không có sử sai khiến.

Khổ đế, tập đế có tất cả. Tận đế, đạo đế không có sử sai khiến.

Trong bốn thiền (bốn tĩnh lự) có tất cả nơi cõi Sắc.

Bốn đẳng (bốn vô lượng) chung cho tất cả nơi cõi Sắc và sử sai khiến do tư duy đoạn.

Nơi bốn vô sắc có tất cả nơi cõi Vô sắc.

Ba giải thoát đầu, tám trừ nhập (tám thắng xứ), tám nhất thiết nhập (tám biến xứ) trước chung cho tất cả nơi cõi Sắc và sử sai khiến do tư duy đoạn. Năm giải thoát còn lại, hai nhất thiết nhập sau chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc và sử sai khiến do tư duy đoạn.

Pháp trí, vị trí không có sử sai khiến. Tri tha nhân tâm trí (Tha tâm trí) chung cho tất cả nơi cõi Sắc và sử sai khiến do tư duy đoạn. Đẳng trí (Thế tục trí) có tất cả, trừ kiến duyên nơi vô lậu. Khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí, không, vô tướng, vô nguyện không có sử sai khiến.

Nơi ba kiết: Thân kiến có tất cả sử sai khiến do khổ đế đoạn và do tập đế đoạn chung cho tất cả (biến hành). Trộm giới (giới cầm thủ) do khổ đế đoạn có tất cả và do tập đế đoạn chung cho tất cả. Nghi duyên nơi hữu lậu do đạo đế đoạn và nghi tương ưng với hữu lậu cùng tương ưng với vô minh duyên nơi vô lậu do kiến đế đoạn có tất cả sử sai khiến.

Nơi ba căn bất thiện: Tham, giận duyên nơi hữu lậu của cõi Dục và si có tất cả nơi cõi Dục, trừ vô minh nơi cõi Dục duyên nơi vô lậu.

Trong ba lậu: Dục lậu có tất cả nơi cõi Dục. Hữu lậu có tất cả nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc. Vô minh lậu có tất cả, trừ vô minh duyên nơi vô lậu.

Trong bốn lưu (bộc lưu): Dục lưu có tất cả nơi cõi Dục. Hữu lưu có tất cả nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc. Vô minh lưu có tất cả, trừ vô minh duyên nơi vô lậu. Kiến lưu duyên nơi hữu lậu và kiến tương ưng với vô minh duyên nơi vô lậu do kiến để đoạn có tất cả sử sai khiến.

Như lưu, ách cũng như vậy.

Trong bốn thọ (thủ): Dục thọ có tất cả nơi cõi Dục. Giới thọ có tất cả sử sai khiến do khổ để đoạn và do tập để đoạn chung cho tất cả (Biến hành). Kiến thọ duyên nơi hữu lậu do đạo để đoạn và kiến để đoạn kiến duyên nơi hữu lậu cùng tương ưng với vô minh duyên nơi vô lậu có tất cả sử sai khiến. Ngã thọ (ngã ngữ thủ) có tất cả nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Nơi bốn phược: Dục ái trói buộc thân, giận dữ trói buộc thân duyên nơi hữu lậu của cõi Dục. Trộm giới trói buộc thân do khổ để đoạn có tất cả sử sai khiến, cùng do tập để đoạn trừ chung cho tất cả (biến hành). Ngã kiến trói buộc thân duyên nơi hữu lậu do đạo để đoạn, cùng do kiến để đoạn các thứ duyên nơi hữu lậu, có tất cả sử sai khiến.

Nơi năm cái: Cái tham dục, giận dữ duyên nơi hữu lậu của cõi Dục. Cái thù miên, điệu (trạo cử) có tất cả nơi cõi Dục. Cái hôi chung cho tất cả nơi cõi Dục và sử sai khiến do tư duy đoạn. Cái nghi duyên nơi hữu lậu của cõi Dục do kiến để đoạn và nghi nơi cõi Dục tương ưng với vô minh duyên nơi vô lậu.

Trong năm kiết: Kiết giận dữ duyên nơi hữu lậu của cõi Dục. Kiết ái, kiết kiêu mạn duyên nơi hữu lậu của ba cõi. Kiết keo kiệt, kiết ganh tị chung cho tất cả nơi cõi Dục cùng sử sai khiến do tư duy đoạn.

Trong năm kiến phần dưới: Kiết tham dục, giận dữ duyên nơi hữu lậu của cõi Dục. Thân kiến có tất cả do khổ đế đoạn cùng chung cho tất cả do tập đế đoạn. Trộm giới có tất cả do khổ đế đoạn và chung cho tất cả do tập đế đoạn. Đạo đế đoạn nghi duyên nơi hữu lậu, kiến đế đoạn nghi duyên nơi hữu lậu và tương ưng với vô minh duyên nơi vô lậu.

Nơi năm kiến: Thân kiến, biên kiến có tất cả sử sai khiến do khổ đế đoạn, cùng chung cho tất cả (biên hành) do tập đế đoạn. Tà kiến duyên nơi hữu lậu do kiến đế đoạn cùng tà kiến tương ưng với vô minh duyên nơi vô lậu. Trộm kiến (kiến thủ) duyên nơi hữu lậu do kiến đế đoạn. Trộm giới (giới cầm thủ) do khổ đế đoạn có tất cả sử sai khiến cùng chung cho tất cả do tập đế đoạn và đạo đế đoạn các thứ duyên nơi hữu lậu.

Trong sáu ái thân: Ái thân do tử xúc, thiết xúc sinh ra chung cho tất cả nơi cõi Dục và sử sai khiến do tư duy đoạn. Ái thân do nhãn xúc, nhĩ xúc, thân xúc sinh ra chung cho tất cả nơi hai cõi Dục, Sắc và sử sai khiến do tư duy đoạn. Ái thân do ý xúc sinh ra duyên nơi hữu lậu của ba cõi.

Nơi bảy sử: Sử tham dục, sử giận dữ duyên nơi hữu lậu khắp cõi Dục. Sử hữu ái duyên nơi hữu lậu khắp hai cõi Sắc, Vô sắc. Sử kiêu mạn duyên nơi hữu lậu khắp ba cõi. Sử vô minh có tất cả sử sai khiến, trừ vô minh duyên nơi vô lậu. Sử kiến duyên nơi hữu lậu do kiến đế đoạn cùng kiến tương ưng với vô minh duyên nơi vô lậu. Sử nghi duyên nơi hữu lậu do kiến đế đoạn và nghi tương ưng với vô minh duyên nơi vô lậu.

Trong chín kiết: Kiết giận dữ duyên nơi hữu lậu khắp cõi Dục. Kiết ái, kiết kiêu mạn duyên nơi hữu lậu khắp ba cõi. Kiết vô minh có tất cả sử sai khiến, trừ vô minh duyên nơi vô lậu. Kiết kiến duyên nơi hữu lậu do kiến đế đoạn, cùng kiến tương ưng với vô minh duyên nơi vô lậu. Kiết thất nguyện duyên nơi hữu lậu do kiến đế đoạn. Kiết nghi duyên nơi hữu lậu và nghi tương ưng với vô minh duyên nơi vô lậu đều do kiến đế đoạn. Kiết keo kiệt, kiết ganh tỵ chung cho tất cả nơi cõi Dục và sử sai khiến do tư duy đoạn.

Chín mươi tám sử (tùy miên): Sử nơi cõi Dục do khổ đế (kiến khổ) đoạn: Tất cả sử sai khiến (tùy miên tùy tăng) nơi cõi Dục do khổ đế đoạn, cùng chung cho tất cả (biến hành) nơi cõi Dục do tập đế đoạn.

Sử nơi cõi Dục do tập đế đoạn: Tất cả sử sai khiến nơi cõi Dục do tập đế đoạn, cùng chung cho tất cả (biến hành) nơi cõi Dục do khổ đế đoạn.

Sử nơi cõi Dục do tận đế đoạn: Tất cả sử sai khiến nơi cõi Dục do tận đế đoạn, cùng chung cho tất cả (biến hành) nơi cõi Dục do tận đế đoạn.

Sử nơi cõi Dục do đạo đế đoạn: Tất cả sử sai khiến nơi cõi Dục do đạo đế đoạn, cùng chung cho tất cả (biến hành) nơi cõi Dục do đạo đế đoạn.

Sử nơi cõi Dục do tư duy đoạn: Tất cả sử sai khiến nơi cõi Dục do tư duy đoạn, cùng chung cho tất cả (biến hành) nơi cõi Dục do tư duy đoạn.

Như cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng lại như thế.

Hỏi: Nhân căn duyên nơi thức có bao nhiêu sử sai khiến? Cho đến sử vô minh nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn duyên nơi thức có bao nhiêu sử sai khiến?

Nhãn căn duyên nơi thức duyên có bao nhiêu sử sai khiến? Cho đến sử vô minh nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn duyên nơi thức duyên có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Ba thứ (ba bộ kiết) của cõi Dục, cõi Sắc chung cho tất cả (biến hành) nơi cõi Vô sắc và sử sai khiến do tư duy đoạn, cùng bốn thứ (bốn bộ) duyên nơi thức duyên do tư duy đoạn. Nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn cũng lại như vậy.

Ý căn duyên nơi thức, duyên nơi hữu vi, duyên nơi thức duyên hữu vi.

Nam căn, nữ căn duyên nơi thức theo ba thứ (ba bộ) nơi cõi Dục, chung cho tất cả nơi cõi Sắc và sử sai khiến do tư duy đoạn. Duyên nơi thức duyên theo bốn bộ nơi cõi Dục, ba bộ nơi cõi Sắc cùng chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc và do tư duy đoạn.

Mạng căn duyên nơi thức theo ba bộ nơi ba cõi, duyên nơi thức duyên theo bốn bộ.

Lạc căn duyên nơi thức theo bốn bộ của cõi Dục, duyên nơi hữu vi của cõi Sắc, theo hai bộ của cõi Vô sắc cùng chung cho tất cả. Duyên nơi thức duyên theo bốn bộ của cõi Dục, cõi Vô sắc, duyên nơi hữu vi của cõi Sắc.

Khổ căn duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, chung cho tất cả nơi cõi Sắc và do tư duy đoạn. Duyên nơi thức duyên theo bốn bộ của cõi Dục, ba bộ của cõi Sắc, chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc và do tư duy đoạn.

Hỷ căn duyên nơi thức, duyên nơi hữu vi của hai cõi Dục, Sắc, theo hai bộ của cõi Vô sắc, cùng chung cho tất cả, duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi của hai cõi Dục, Sắc, theo bốn bộ nơi cõi Vô sắc.

Ưu căn duyên nơi thức, duyên nơi hữu lậu của cõi Dục, chung cho tất cả nơi cõi Sắc, cùng do tư duy đoạn. Duyên nơi thức duyên,

duyên nơi hữu vi của cõi Dục, theo ba bộ của cõi Sắc, cùng chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc và do tư duy đoạn.

Hộ căn (xả căn) duyên nơi thức, duyên nơi hữu vi, duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi.

Tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn duyên nơi thức theo bốn bộ, duyên nơi thức duyên theo bốn bộ.

Vị tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn duyên nơi thức theo hai bộ cùng chung cho tất cả, duyên nơi thức duyên theo bốn bộ.

Nhãn trì (Nhãn giới), nhĩ, tỷ, thiệt, thân giới. Sắc giới, thanh giới, xúc giới duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, cõi Sắc, cùng chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc, cùng do tư duy đoạn, duyên nơi thức duyên theo bốn bộ. Nhãn thức giới, nhĩ thức giới, thân thức giới duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, cõi Sắc, duyên nơi thức duyên theo bốn bộ của cõi Dục, cõi Sắc, theo hai bộ của cõi Vô sắc, cùng chung cho tất cả (biến hành). Hương trì (hương giới), vị trì, tỷ thức trì, thiệt thức trì duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, chung cho tất cả (biến hành) nơi cõi Sắc và sử sai khiến (tùy miên tùy tăng) do tư duy đoạn (tu đạo đoạn). Duyên nơi thức duyên theo bốn bộ của cõi Dục, ba bộ của cõi Sắc, cùng chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc và do tư duy đoạn. Ý trì (ý giới), ý thức trì duyên nơi thức, duyên nơi hữu vi. Duyên nơi thức duyên duyên nơi hữu vi. Pháp trì (pháp giới) duyên nơi thức, duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi có tất cả sử sai khiến (tùy miên tùy tăng).

Nhãn nhập (Nhãn xứ), nhĩ, tỷ, thiệt, thân nhập, sắc, thanh, tế hoạt (xúc) nhập duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, cõi Sắc, chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc và sử sai khiến do tư duy đoạn. Duyên nơi thức duyên theo bốn bộ. Hương nhập, vị nhập duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, chung cho tất cả nơi cõi Sắc, cùng sử sai khiến do tư duy đoạn. Duyên nơi thức duyên theo bốn bộ của cõi Dục, ba bộ của cõi Sắc, chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc và do tư

duy đoạn. Ý nhập (Ý xứ) duyên nơi thức, duyên nơi hữu vi, duyên nơi thức duyên duyên nơi hữu vi. Pháp nhập duyên nơi thức, duyên nơi thức duyên duyên nơi hữu vi có tất cả sử sai khiến.

Sắc ấm duyên nơi thức theo bốn bộ của cõi Dục, hai bộ của cõi Vô sắc, cùng chung cho tất cả. Duyên nơi thức duyên theo bốn bộ. Thống (thọ), tưởng, hành, thức ấm duyên nơi thức, duyên nơi hữu vi, duyên nơi thức duyên duyên nơi hữu vi.

Sắc thanh ấm duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, cõi Sắc, chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc và sử sai khiến do tư duy đoạn. duyên nơi thức duyên theo bốn bộ. Thống (thọ), tưởng, hành, thức thanh ấm duyên nơi thức, duyên nơi hữu vi, duyên nơi thức duyên duyên nơi hữu vi.

Địa chủng cho đến Không chủng duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, cõi Sắc, chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc và sử sai khiến do tư duy đoạn. duyên nơi thức duyên theo bốn bộ. Thức chủng duyên nơi thức, duyên nơi hữu vi, duyên nơi thức duyên duyên nơi hữu vi.

Pháp sắc duyên nơi thức theo bốn bộ của cõi Dục, cõi Sắc, hai bộ của cõi Vô sắc cùng chung cho tất cả. Duyên nơi thức duyên có bốn bộ.

Pháp vô sắc duyên nơi thức có tất cả sử sai khiến. duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi.

Pháp có thể thấy, pháp có đối duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, cõi Sắc, chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc và sử sai khiến do tư duy đoạn. Duyên nơi thức duyên có bốn bộ.

Pháp không thể thấy, pháp không đối duyên nơi thức có tất cả sử sai khiến. duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi.

Pháp hữu lậu duyên nơi thức, duyên nơi hữu lậu, duyên nơi thức duyên duyên nơi hữu vi. Pháp vô lậu duyên nơi thức có ba bộ cùng chung cho tất cả, duyên nơi thức duyên duyên nơi hữu vi.

Pháp hữu vi duyên nơi thức duyên nơi hữu vi, duyên nơi thức duyên, cũng duyên nơi hữu vi. Pháp vô vi duyên nơi thức có hai bộ, cùng chung cho tất cả, duyên nơi thức duyên duyên nơi hữu vi.

Pháp quá khứ, vị lai, hiện tại duyên nơi thức duyên nơi hữu vi, duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi.

Pháp thiện duyên nơi thức, có tất cả, duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi. Pháp bất thiện duyên nơi thức, duyên nơi hữu lậu của cõi Dục, chung cho tất cả nơi cõi Dục và sử sai khiến do tư duy đoạn. Duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi của cõi Dục, ba bộ của cõi Sắc, chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc, cùng do tư duy đoạn. Pháp vô ký duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, duyên nơi hữu lậu của hai cõi Sắc, Vô sắc. Duyên nơi thức duyên có bốn bộ của cõi Dục, duyên nơi hữu vi của hai cõi Sắc, Vô sắc.

Pháp hệ thuộc cõi Dục duyên nơi thức, duyên nơi hữu lậu của cõi Dục, chung cho tất cả nơi cõi Sắc và sử sai khiến do tư duy đoạn. duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi của cõi Dục, theo ba bộ của cõi Sắc, chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc cùng do tư duy đoạn. Pháp hệ thuộc cõi Sắc duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, duyên nơi hữu lậu của cõi Sắc, chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc và sử sai khiến do tư duy đoạn. duyên nơi thức duyên có ba bộ của cõi Dục, duyên nơi hữu vi của cõi Sắc, có bốn bộ của cõi Vô sắc. Pháp hệ thuộc cõi Vô sắc duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, cõi Sắc, duyên nơi hữu lậu của cõi Vô sắc. duyên nơi thức duyên theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, duyên nơi hữu vi của cõi Vô sắc.

Pháp học, pháp vô học duyên nơi thức có hai bộ, cùng chung cho tất cả, duyên nơi thức duyên có bốn bộ. Pháp phi học phi vô học duyên nơi thức có bốn bộ, duyên nơi hữu lậu do đạo đế đoạn, duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi.

Pháp do kiến đế đoạn duyên nơi thức duyên nơi hữu lậu, duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi. Pháp do tư duy đoạn duyên nơi

thức theo ba bộ của ba cõi, duyên nơi thức duyên có bốn bộ. Pháp không đoạn diệt duyên nơi thức có ba bộ, cùng chung cho tất cả, duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi.

Khổ đế, tập đế duyên nơi thức, duyên nơi hữu lậu, duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi. Tận đế duyên nơi thức có hai bộ, cùng chung cho tất cả, duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi. Đạo đế duyên nơi thức có hai bộ, cùng chung cho tất cả, duyên nơi thức duyên có bốn bộ.

Thiền duyên nơi thức theo bốn bộ của cõi Dục, duyên nơi hữu vi của cõi Sắc, hai bộ của cõi Vô sắc cùng chung cho tất cả. Duyên nơi thức duyên có bốn bộ của cõi Dục, cõi Vô sắc, duyên nơi hữu vi của cõi Sắc.

Trong bốn đẳng: Tỳ, bi, hộ (xả) duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, cõi Sắc, chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc, cùng sử sai khiến do tư duy đoạn. Duyên nơi thức duyên có ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Tịnh giải thoát, bốn trừ nhập sau, tám nhất thiết nhập sau cũng lại như thế.

Hỷ duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, cõi Sắc, duyên nơi thức duyên theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, hai bộ của cõi Vô sắc cùng chung cho tất cả.

Hai giải thoát đầu, bốn trừ nhập đầu cũng lại như thế.

Trong bốn vô sắc: Không xứ, thức xứ, bất dụng xứ duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, duyên nơi hữu vi của cõi Vô sắc. Duyên nơi thức duyên theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, duyên nơi hữu vi của cõi Vô sắc. Hữu tướng vô tướng xứ duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, cõi Sắc, duyên nơi hữu lậu của cõi Vô sắc. Duyên nơi thức duyên theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, duyên nơi hữu vi của cõi Vô sắc.

Trong giải thoát: Không xứ giải thoát, thức xứ giải thoát, bất dụng xứ giải thoát duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, cõi Vô sắc, duyên nơi thức duyên theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, cõi Vô sắc. Hữu tướng vô tướng giải thoát cùng diệt tận giải thoát duyên nơi thức theo ba bộ của ba cõi. Duyên nơi thức duyên theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Không xứ nhập, thức xứ nhập cũng lại như thế.

Trong tám trí: Pháp trí duyên nơi thức theo hai bộ của cõi Dục, chung cho tất cả nơi hai cõi Dục, cõi Sắc, cùng sử sai khiến do tư duy đoạn. Duyên nơi thức duyên theo bốn bộ của cõi Dục, ba bộ của cõi Sắc, chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc, cùng do tư duy đoạn. Vị trí trí duyên nơi thức theo hai bộ của cõi Sắc, cõi Vô sắc, cùng chung cho tất cả nơi ba cõi Dục, Sắc, Vô sắc, và sử sai khiến do tư duy đoạn. Duyên nơi thức duyên theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, Vô sắc. Trí tri tha tâm nhân duyên nơi thức theo bốn bộ của cõi Dục, cõi Sắc, hai bộ của cõi Vô sắc, cùng chung cho tất cả. Duyên nơi thức duyên có bốn bộ. Đẳng trí duyên nơi thức duyên nơi hữu lậu, duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi. Bốn trí khổ, tập, tận, đạo duyên nơi thức có hai bộ, cùng chung cho tất cả. Duyên nơi thức duyên có bốn bộ.

Nơi ba Tam muội: Không, vô nguyện, vô tướng duyên nơi thức có hai bộ, cùng chung cho tất cả. Duyên nơi thức duyên có bốn bộ.

Trong ba kiết: Kiết thân kiến duyên nơi thức theo ba bộ của ba cõi, duyên nơi thức duyên có bốn bộ. Kiết trộm giới duyên nơi thức theo ba bộ của ba cõi, duyên nơi hữu lậu do đạo đế đoạn. Duyên nơi thức duyên có bốn bộ. Kiết nghi duyên nơi thức, duyên nơi hữu lậu, duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi.

Ba căn bất thiện tham, giận, si và dục lậu (trong ba lậu) duyên nơi thức, duyên nơi hữu lậu của cõi Dục, chung cho tất cả nơi cõi Sắc

và sử sai khiến do tư duy đoạn. Duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi của cõi Dục, theo ba bộ của cõi Sắc, chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc cùng do tư duy đoạn.

Hữu lậu duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, duyên nơi hữu lậu của hai cõi Sắc, Vô sắc, duyên nơi thức duyên theo ba bộ của cõi Dục, duyên nơi hữu vi của hai cõi Sắc, Vô sắc. Vô minh lậu duyên nơi thức duyên nơi hữu lậu, duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi.

Trong bốn lưu: Dục lưu duyên nơi thức, duyên nơi hữu lậu của cõi Dục, chung cho tất cả nơi cõi Sắc và sử sai khiến do tư duy đoạn. Duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi của cõi Dục, ba bộ của cõi Sắc, chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc cùng do tư duy đoạn. Hữu lưu duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, duyên nơi hữu lậu của cõi Sắc, Vô sắc, duyên nơi thức duyên theo ba bộ của cõi Dục, duyên nơi hữu vi của cõi Sắc, Vô sắc. Phần còn lại duyên nơi thức, duyên nơi hữu lậu, duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi.

Ách cũng như thế.

Trong bốn thọ (thủ): Dục thọ duyên nơi thức, duyên nơi hữu lậu của cõi Dục, chung cho tất cả nơi cõi Sắc và sử sai khiến do tư duy đoạn. Duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi của cõi Dục, ba bộ của cõi Sắc cùng chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc và do tư duy đoạn. Giới thọ duyên nơi thức theo ba bộ của ba cõi và duyên nơi hữu lậu do đạo đế đoạn. Duyên nơi thức duyên có bốn bộ. Kiến thọ duyên nơi thức, duyên nơi hữu lậu, duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi. Ngã thọ duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, duyên nơi hữu lậu của cõi Sắc, Vô sắc, duyên nơi thức duyên theo ba bộ của cõi Dục, duyên nơi hữu vi của cõi Sắc, Vô sắc.

Trong bốn phược: Ái dục trói buộc thân, giận dữ trói buộc thân duyên nơi thức, duyên nơi hữu lậu của cõi Dục, chung cho tất cả nơi cõi Sắc và sử sai khiến do tư duy đoạn. Duyên nơi thức

duyên, duyên nơi hữu vi của cõi Dục, ba bộ của cõi Sắc, chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc và do tư duy đoạn. Trộm giới trói buộc thân duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục cùng duyên nơi hữu lậu do đạo đế đoạn. Duyên nơi thức duyên có bốn bộ. Ngã kiến trói buộc thân duyên nơi thức, duyên nơi hữu lậu, duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi.

Trong năm cái: Cái tham dục, giận dữ, thù miên, điệu hý, nghi duyên nơi thức, duyên nơi hữu lậu của cõi Dục, chung cho tất cả nơi cõi Sắc cùng sử sai khiến do tư duy đoạn. Duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi của cõi Dục, ba bộ của cõi Sắc, chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc và do tư duy đoạn. Duyên nơi thức duyên theo ba bộ của cõi Dục, chung cho tất cả nơi cõi Sắc, cùng do tư duy đoạn. Duyên nơi thức duyên theo bốn bộ của cõi Dục, ba bộ của cõi Sắc, cùng chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc và do tư duy đoạn.

Trong năm kiết: Kiết giận dữ duyên nơi thức, duyên nơi hữu lậu của cõi Dục, chung cho tất cả nơi cõi Sắc và sử sai khiến do tư duy đoạn. Duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi của cõi Dục, ba bộ của cõi Sắc, chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc cùng do tư duy đoạn. Kiết keo kiệt, ganh tị duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, chung cho tất cả nơi cõi Sắc và sử sai khiến do tư duy đoạn. Duyên nơi thức duyên theo bốn bộ của cõi Dục, ba bộ của cõi Sắc, chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc, cùng do tư duy đoạn. Phần còn lại duyên nơi thức, duyên nơi hữu lậu, duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi.

Trong năm kiết hạ phần: Hai kiết tham dục, giận dữ duyên nơi thức, duyên nơi hữu lậu của cõi Dục, chung cho tất cả nơi cõi Sắc, cùng sử sai khiến do tư duy đoạn. Duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi của cõi Dục, ba bộ của cõi Sắc, chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc và do tư duy đoạn. Kiết thân kiến duyên nơi thức theo ba bộ của ba cõi, duyên nơi thức duyên có bốn bộ. Kiết trộm giới duyên nơi thức theo ba bộ của ba cõi, cùng duyên nơi hữu lậu do đạo đế đoạn.

Duyên nơi thức duyên có bốn bộ. Kiết nghi duyên nơi thức, duyên nơi hữu lậu, duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi.

Trong năm kiến: Thân kiến, biên kiến duyên nơi thức theo ba bộ của ba cõi, duyên nơi thức duyên theo bốn bộ. Kiến trộm giới duyên nơi thức theo ba bộ của ba cõi cùng duyên nơi hữu lậu do đạo để đoạn. Duyên nơi thức duyên theo bốn bộ. Số còn lại duyên nơi thức, duyên nơi hữu lậu, duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi.

Nơi sáu ái thân: Ái thân do tỷ xúc, thiết xúc sinh ra duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, chung cho tất cả nơi cõi Sắc cùng sử sai khiến do tư duy đoạn. Duyên nơi thức duyên theo bốn bộ của cõi Dục, ba bộ của cõi Sắc, chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc và do tư duy đoạn. Ái thân do nhãn xúc, nhĩ xúc, thân xúc sinh ra duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, cõi Sắc. Duyên nơi thức duyên theo bốn bộ của cõi Dục, cõi Sắc, hai bộ của cõi Vô sắc cùng chung cho tất cả. Ái thân do ý xúc sinh ra duyên nơi thức, duyên nơi hữu lậu, duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi.

Trong bảy sử: Sử tham dục, sử giận dữ duyên nơi thức, duyên nơi hữu lậu của cõi Dục, chung cho tất cả nơi cõi Sắc và sử sai khiến do tư duy đoạn. Duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi của cõi Dục, ba bộ của cõi Sắc, chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc cùng do tư duy đoạn. Sử hữu ái duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, duyên nơi hữu lậu của cõi Sắc, Vô sắc. Duyên nơi thức duyên theo ba bộ của cõi Dục, duyên nơi hữu vi của hai cõi Sắc, Vô sắc. Phần còn lại duyên nơi thức duyên nơi hữu lậu, duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi.

Trong chín kiết: Kiết giận dữ duyên nơi thức, duyên nơi hữu của cõi Dục, chung cho tất cả nơi cõi Sắc, cùng sử sai khiến do tư duy đoạn. Duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi của cõi Dục, ba bộ của cõi Sắc, chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc, cùng do tư duy đoạn. Kiết keo kiệt, kiết ganh tị duyên nơi thức theo ba bộ của cõi

Dục, chung cho tất cả nơi cõi Sắc, cùng sử sai khiến do tư duy đoạn. Duyên nơi thức duyên theo bốn bộ của cõi Dục, ba bộ của cõi Sắc, chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc cùng do tư duy đoạn. Phần còn lại duyên nơi thức, duyên nơi hữu lậu, duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi.

Nơi chín mươi tám sử: Sử nơi cõi Dục do khổ đế (kiến khổ) đoạn duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, chung cho tất cả nơi cõi Sắc cùng sử sai khiến do tư duy đoạn. Duyên nơi thức duyên theo bốn bộ của cõi Dục, ba bộ của cõi Sắc, chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc cùng do tư duy đoạn. Sử nơi cõi Dục do tập đế đoạn, do tư duy đoạn cũng lại như thế. Sử nơi cõi Dục do tận đế đoạn duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, cùng duyên nơi hữu lậu của cõi Dục do tận đế đoạn, chung cho tất cả nơi cõi Sắc cùng sử sai khiến do tư duy đoạn. Duyên nơi thức duyên, duyên nơi hữu vi của cõi Dục, ba bộ của cõi Sắc, chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc cùng do tư duy đoạn. Sử nơi cõi Dục do đạo đế đoạn duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục cùng duyên nơi hữu lậu của cõi Dục do đạo đế đoạn, chung cho tất cả nơi cõi Sắc và sử sai khiến do tư duy đoạn. Duyên nơi thức duyên theo bốn bộ của cõi Dục, ba bộ của cõi Sắc, chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc, cùng do tư duy đoạn.

Sử nơi cõi Sắc do khổ đế đoạn duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, cõi Sắc, chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc cùng sử sai khiến do tư duy đoạn. Duyên nơi thức duyên theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, Vô sắc. Sử nơi cõi Sắc do tập đế đoạn, do tư duy đoạn cũng lại như thế. Sử nơi cõi Sắc do tận đế đoạn duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, cõi Sắc, cùng duyên nơi hữu lậu của cõi Sắc do tận đế đoạn, chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc cùng sử sai khiến do tư duy đoạn. Duyên nơi thức duyên theo ba bộ của cõi Dục, duyên nơi hữu vi của cõi Sắc, bốn bộ của cõi Vô sắc. Sử nơi cõi Sắc do đạo đế đoạn duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, cõi Sắc, cùng duyên nơi

hữu lậu của cõi Sắc do đạo đế đoạn, chung cho tất cả nơi cõi Vô sắc cùng sử sai khiến do tư duy đoạn. Duyên nơi thức duyên theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Sử nơi cõi Vô sắc do khổ đế đoạn duyên nơi thức theo ba bộ của ba cõi, duyên nơi thức duyên theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, Vô sắc. Sử nơi cõi Vô sắc do tập đế đoạn, do tư duy đoạn cũng lại như thế. Sử nơi cõi Vô sắc do tận đế đoạn duyên nơi thức theo ba bộ của ba cõi, cùng duyên nơi hữu lậu của cõi Vô sắc do tận đế đoạn. Duyên nơi thức duyên theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, duyên nơi hữu vi của cõi Vô sắc. Sử nơi cõi Vô sắc do đạo đế đoạn duyên nơi thức theo ba bộ của ba cõi, cùng duyên nơi hữu lậu của cõi Vô sắc do đạo đế đoạn. Duyên nơi thức duyên theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Hỏi: Ý căn theo thứ lớp có bao nhiêu tâm sinh? Cho đến sử vô minh nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn theo thứ lớp có bao nhiêu tâm sinh?

Đáp: Ý căn theo thứ lớp (đẳng vô gián) sinh mười lăm tâm. Lạc căn theo thứ lớp sinh mười một tâm. Hỷ căn theo thứ lớp sinh mười tâm (cõi Dục năm, thiền thứ hai năm). Khổ căn, ưu căn theo thứ lớp sinh năm tâm. Hộ căn (xả căn), tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn theo thứ lớp sinh mười lăm tâm. Vị tri căn theo thứ lớp không sinh tâm. Dĩ tri căn, vô tri căn theo thứ lớp sinh ba tâm.

Nhãn thức, nhĩ thức, thân thức trì (giới) theo thứ lớp sinh mười tâm. Tỷ thức, thiệt thức trì theo thứ lớp sinh năm tâm.

Ý trì, pháp trì, ý thức trì, ý nhập, pháp nhập, thống (thọ) ấm, tưởng, hành, thức ấm, thống thanh ấm (thọ thủ uẩn), tưởng, hành, thức thanh ấm, thức chủng, pháp vô sắc, pháp không thể thấy, pháp không đối, pháp hữu lậu, pháp hữu vi, theo thứ lớp sinh mười lăm tâm.

Pháp vô lậu theo thứ lớp sinh ba tâm. Pháp vô vi theo thứ lớp không sinh tâm. Pháp quá khứ theo thứ lớp sinh hai tâm. Pháp vị lai theo thứ lớp không sinh tâm. Pháp hiện tại, pháp thiện, pháp vô ký, pháp hệ thuộc cõi Dục, pháp hệ thuộc cõi Sắc, pháp hệ thuộc cõi Vô sắc theo thứ lớp sinh mười lăm tâm. Pháp bất thiện theo thứ lớp sinh năm tâm. Pháp học, pháp vô học theo thứ lớp sinh ba tâm. Pháp phi học phi vô học, pháp do kiến để đoạn, pháp do tư duy đoạn theo thứ lớp sinh mười lăm tâm. Pháp không đoạn theo thứ lớp sinh ba tâm.

Khổ đế, tập đế theo thứ lớp sinh mười lăm tâm. Tận đế theo thứ lớp không sinh tâm. Đạo đế theo thứ lớp sinh ba tâm.

Thiền theo thứ lớp sinh mười lăm tâm. Bốn đẳng (bốn vô lượng) theo thứ lớp sinh sáu tâm. Định vô sắc theo thứ lớp sinh mười lăm tâm.

Giải thoát thứ nhất, giải thoát thứ hai, bốn trừ nhập đầu theo thứ lớp sinh sáu tâm.

Tịnh giải thoát, bốn trừ nhập sau, tám nhất thiết nhập sau theo thứ lớp sinh tám tâm.

Không xứ giải thoát, Không xứ nhập, Thức xứ giải thoát, Thức xứ nhập theo thứ lớp sinh sáu tâm. Bất dụng xứ giải thoát, hữu tướng vô tướng giải thoát theo thứ lớp sinh năm tâm. Diệt tận giải thoát theo thứ lớp không sinh tâm.

Pháp trí theo thứ lớp sinh hai tâm. Vị trí trí theo thứ lớp sinh ba tâm. Trí biết tâm người khác theo thứ lớp sinh sáu tâm. Đẳng trí theo thứ lớp sinh mười lăm tâm. Khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí, không, vô nguyện, vô tướng theo thứ lớp sinh ba tâm.

Trong ba kiết: Thân kiến, trộm giới, nghi, theo thứ lớp sinh mười lăm tâm.

Ba căn bất thiện tham, giận, si và dục lậu theo thứ lớp sinh năm tâm. Phần còn lại theo thứ lớp sinh tâm mười lăm tâm.

Trong bốn lưu: Dục lưu theo thứ lớp sinh năm tâm, phần còn lại theo thứ lớp sinh tâm mười lăm tâm. Ách cũng như thế.

Trong bốn thọ (thủ): Dục thọ theo thứ lớp sinh năm tâm, phần còn lại theo thứ lớp sinh mười lăm tâm.

Trong bốn phược: Ái dục trói buộc thân, giận dữ trói buộc thân theo thứ lớp sinh năm tâm. Phần còn lại theo thứ lớp sinh mười lăm tâm.

Năm cái và kiết giận dữ, keo kiệt, ganh tị trong năm kiết theo thứ lớp sinh năm tâm. Phần còn lại theo thứ lớp sinh mười lăm tâm.

Kiết tham dục, kiết giận dữ trong năm kiết phần dưới theo thứ lớp sinh năm tâm. Phần còn lại và năm kiến theo thứ lớp sinh mười lăm tâm.

Trong sáu ái thân: Ái thân do tử xúc, thiết xúc sinh ra theo thứ lớp sinh năm tâm. Ái thân do nhãn xúc, nhĩ xúc, thân xúc sinh ra theo thứ lớp sinh mười tâm. Ái thân do ý xúc sinh ra theo thứ lớp sinh mười lăm tâm.

Trong bảy sử: Sử tham dục, sử giận dữ theo thứ lớp sinh năm tâm. Phần còn lại theo thứ lớp sinh mười lăm tâm.

Trong chín kiết: Kiết giận dữ, kiết keo kiệt, kiết ganh tị theo thứ lớp sinh năm tâm. Phần còn lại theo thứ lớp sinh mười lăm tâm.

Chín mươi tám sử theo thứ lớp nơi cõi Dục sinh năm tâm, cõi Sắc sinh mười tâm, cõi Vô sắc sinh mười lăm tâm.

Hỏi: Nhãn căn bị các sử sai khiến, sử này nên nói là có giác có quán, không giác có quán, không giác không quán chăng? Cho đến sử vô minh nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn bị các sử sai khiến, sử này nên nói là có giác có quán, không giác có quán, không giác không quán chăng? (năm môn)

Đáp: Nam căn, nữ căn, khổ căn, ưu căn, bị các sử sai khiến, sử này có giác có quán. Vị tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn không giác không quán, các căn còn lại có đủ ba hành.

Nhãn thức, nhĩ thức, thân thức trì hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán. Hương trì, vị trì, tỷ thức, thiệt thức trì có giác có quán. Các trì còn lại có đủ ba hành.

Hương nhập, vị nhập có giác có quán. Các nhập còn lại có đủ ba hành.

Âm, thanh âm, sáu chủng, pháp sắc, pháp vô sắc, pháp có thể thấy, pháp không thể thấy, pháp có đối, pháp không đối, pháp hữu lậu, pháp hữu vi, pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại, pháp thiện, pháp vô ký, pháp hệ thuộc cõi Sắc có đủ ba hành.

Pháp bất thiện, pháp hệ thuộc cõi Dục có giác có quán. Pháp hệ thuộc cõi Vô sắc không giác không quán. Pháp học, pháp vô học không có. Pháp phi học phi vô học, pháp do bốn đế cùng tư duy đoạn có đủ ba hành. Pháp không đoạn diệt không có.

Khổ đế, tập đế có đủ ba hành, tận đế, đạo đế không có.

Thiền thứ nhất trong thiền hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán. Các thiền còn lại không giác không quán. Bốn đẳng có đủ ba hành. Định vô sắc không giác không quán.

Hai giải thoát đầu, bốn trừ nhập đầu có đủ ba hành. Giải thoát, trừ nhập còn lại, mười nhất thiết nhập không giác không quán.

Pháp trí, vị trí không có. Trí biết tâm người khác, đẳng trí có đủ ba hành. Khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí, không, vô nguyện, vô tướng không có.

Thân kiến, trộm giới, nghi có đủ ba hành. Ba căn bất thiện tham, giận, si và dục lậu có giác có quán, phần còn lại có đủ ba hành.

Trong bốn lưu: Dục lưu có giác có quán, phần còn lại có đủ ba hành. Ách cũng như vậy.

Trong bốn thọ (thủ): Dục thọ có giác có quán, phần còn lại có đủ ba hành.

Trong bốn phược: Ái dục trói buộc thân, giận dữ trói buộc thân có giác có quán, phần còn lại có đủ ba hành.

Năm cái và kiết giận dữ, keo kiệt, ganh tị trong năm kiết có giác có quán, phần còn lại có đủ ba hành.

Trong năm kiết phần dưới: Kiết tham dục, kiết giận dữ có giác có quán, phần còn lại và năm kiến có đủ ba hành.

Trong sáu ái thân: Ái thân do tỷ xúc, thiết xúc sinh ra có giác có quán. Ái thân do nhãn xúc, nhĩ xúc, thân xúc sinh ra hoặc có giác có quán, hoặc không giác không quán. Ái thân do ý xúc sinh ra có đủ ba hành.

Trong bảy sử: Sử tham dục, sử giận dữ có giác có quán, phần còn lại có đủ ba hành.

Trong chín kiết: Kiết giận dữ, kiết keo kiệt, kiết ganh tị có giác có quán, phần còn lại có đủ ba hành.

Chín mươi tám sử: Các sử nơi cõi Dục có giác có quán, nơi cõi Sắc có đủ ba hành, nơi cõi Vô sắc không giác không quán.

Hỏi: Nhãn căn bị các sử sai khiến, sử này có bao nhiêu thứ tương ưng với căn? Cho đến sử vô minh nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn bị các sử sai khiến, sử này có bao nhiêu thứ tương ưng với căn? (sáu môn)

Đáp: Các sử sai khiến của nhãn căn, sử này tương ưng với bốn căn, trừ khổ căn. Nhĩ, tỷ, thiết, thân căn cũng lại như vậy. Ý căn tương ưng với năm căn. Nam căn, nữ căn tương ưng với ba căn, trừ lạc căn, khổ căn. Mạng căn tương ưng với bốn căn, trừ khổ căn. Lạc

căn tương ưng với bốn căn, trừ khổ căn. Khổ căn tương ưng với bốn căn, trừ lạc căn. Hỷ căn, ưu căn tương ưng với ba căn, trừ lạc căn, khổ căn. Hộ căn tương ưng với năm căn. Tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn tương ưng với bốn căn, trừ khổ căn. Vị tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn không có sử sai khiến.

Nhãn trì, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức trì tương ưng với bốn căn, trừ khổ căn. Các trì còn lại tương ưng với năm căn.

Nhãn nhập, nhĩ, tỷ, thiệt, thân nhập tương ưng với bốn căn, trừ khổ căn. Các nhập còn lại tương ưng với năm căn.

Âm, thanh âm, sáu chủng, pháp sắc, pháp không sắc, pháp có thể thấy, pháp không thể thấy, pháp có đối, pháp không đối, pháp hữu lậu, pháp hữu vi tương ưng với năm căn.

Pháp vô lậu, pháp vô vi không có. Pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại, pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký, pháp hệ thuộc cõi Dục tương ưng với năm căn. Pháp hệ thuộc cõi Sắc tương ưng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Pháp hệ thuộc cõi Vô sắc tương ưng với một căn là hộ căn. Pháp học, pháp vô học không có. Pháp phi học phi vô học tương ưng với năm căn.

Pháp do bốn đế đoạn tương ưng với bốn căn, trừ khổ căn. Pháp do tư duy đoạn tương ưng với năm căn. Pháp không đoạn diệt không có.

Khổ đế, tập đế tương ưng với năm căn. Tận đế, đạo đế không có.

Trong bốn thiên: Thiên thứ nhất tương ưng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Thiên thứ hai tương ưng với hai căn là hỷ căn, hộ căn. Thiên thứ ba tương ưng với hai căn là lạc căn, hộ căn. Thiên thứ tư tương ưng với một căn là hộ căn.

Trong bốn đẳng: Tỳ, bi, hộ tương ưng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Hỷ tương ưng với hai căn là hỷ căn, hộ căn.

Định vô sắc tương ưng với một căn là hộ căn.

Hai giải thoát đầu, bốn trừ nhập đầu tương ưng với hai căn là hỷ căn, hộ căn. Giải thoát còn lại, trừ nhập còn lại, nhất thiết nhập tương ưng với một căn là hộ căn.

Pháp trí, vị trí trí không có. Trí biết tâm người khác tương ưng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Đẳng trí tương ưng với năm căn. Khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí, không, vô tướng, vô nguyện không có.

Thân kiến, trộm giới, nghi và tham tương ưng với bốn căn, trừ khổ căn. Giận tương ưng với bốn căn, trừ lạc căn. Si và dục lậu, vô minh lậu tương ưng với năm căn. Hữu lậu tương ưng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn.

Dục lưu, vô minh lưu trong bốn lưu tương ưng với năm căn. Hữu lưu tương ưng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Kiến lưu tương ưng với bốn căn, trừ khổ căn. Ách cũng như vậy.

Trong bốn thọ: Dục thọ tương ưng với năm căn. Giới thọ, kiến thọ tương ưng với bốn căn, trừ khổ căn. Ngã thọ tương ưng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn.

Trong bốn phược: Giận dữ trói buộc thân tương ưng với bốn căn, trừ lạc căn. Các phược còn lại tương ưng với bốn căn, trừ khổ căn.

Trong năm cái: Cái tham dục tương ưng với bốn căn, trừ khổ căn. Cái giận dữ tương ưng với bốn căn trừ lạc căn. Thù điều tương ưng với năm căn. Miên hý, nghi tương ưng với ba căn, trừ lạc căn, khổ căn.

Trong năm kiết: Kiết giận dữ tương ưng với bốn căn trừ lạc căn. Kiết ái, kiết kiêu mạn tương ưng với bốn căn trừ khổ căn. Kiết keo kiệt, kiết ganh tị tương ưng với ba căn, trừ lạc căn, khổ căn.

Trong năm kiết phần dưới: Kiết tham dục tương ưng với bốn căn trừ khổ căn. Kiết giận dữ tương ưng với bốn căn trừ lạc căn. Thân

kiến, trộm giới, nghi và năm kiến, sáu ái thân tương ưng với bốn căn trừ khổ căn.

Trong bảy sử: Sử tham dục, sử kiêu mạn, sử kiến, sử nghi tương ưng với bốn căn trừ khổ căn. Sử giận dữ tương ưng với bốn căn trừ lạc căn. Sử hữu ái tương ưng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Sử vô minh tương ưng với năm căn.

Trong chín kiết: Kiết giận dữ tương ưng với bốn căn trừ lạc căn. Kiết ái, kiết kiêu mạn, kiết kiến, kiến thất nguyện, kiết nghi tương ưng với bốn căn trừ khổ căn. Kiết vô minh tương ưng với năm căn. Kiết keo kiệt, kiết ganh tị tương ưng với ba căn, trừ lạc căn, khổ căn.

Chín mươi tám sử: Nơi cõi Dục do kiến để đoạn tương ưng với ba căn, trừ lạc căn, khổ căn. Ái do tư duy đoạn tương ưng với bốn căn trừ khổ căn. Giận dữ tương ưng với bốn căn trừ lạc căn. Kiêu mạn tương ưng với ba căn, trừ lạc căn, khổ căn. Vô minh tương ưng với năm căn. Sử nơi cõi Sắc tương ưng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Sử nơi cõi Vô sắc tương ưng với một căn là hộ căn.

Hỏi: Ở cõi nào thành tựu nhãn căn?

Đáp: Ở cõi Sắc, cõi Dục, nếu đạt được không mất. Nhĩ, tỷ, thiệt căn cũng lại như vậy.

Hỏi: Ở cõi nào thành tựu thân căn?

Đáp: Ở cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Ai thành tựu ý căn?

Đáp: Tất cả chúng sinh.

Hỏi: Ở cõi nào thành tựu nam căn, nữ căn?

Đáp: Ở cõi Dục, nếu đạt được không mất.

Hỏi: Ai thành tựu mạng căn?

Đáp: Tất cả chúng sinh.

Hỏi: Ở cõi nào thành tựu lạc căn?

Đáp: Ở cõi Biến tịnh thiên, hoặc dưới Biến tịnh thiên, hoặc Thánh nhân sinh lên cõi trên.

Hỏi: Ở cõi nào thành tựu khổ căn?

Đáp: Ở cõi Dục.

Hỏi: Ở cõi nào thành tựu hỷ căn?

Hỏi: Ở cõi Quang âm thiên, hoặc dưới Quang âm thiên, hoặc Thánh nhân sinh lên cõi trên.

Hỏi: Ai tạo thành ưu căn?

Đáp: Là người đối với ái dục chưa dứt hết.

Hỏi: Ai thành tựu hộ căn (Xả căn)?

Đáp: Tất cả chúng sinh.

Hỏi: Ai thành tựu tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn?

Đáp: Là người không đoạn căn thiện.

Hỏi: Ai thành tựu vị tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn?

Đáp: Là người nếu đạt được không mất.

Hỏi: Ai thành tựu nhãn tri, nhĩ tri, tỷ tri, thiệt tri (Nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới)?

Đáp: Là người ở cõi Sắc, cõi Dục, nếu đạt được không mất.

Hỏi: Ai thành tựu thân tri, sắc tri, thanh tri, tế hoạt tri (Thân giới, sắc giới, thanh giới, xúc giới)?

Đáp: Là người ở cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Ở cõi nào thành tựu nhãn thức tri, nhĩ thức tri, thân thức tri (Nhãn thức giới, nhĩ thức giới, thân thức giới)?

Đáp: Ở cõi trời Phạm ca di, hoặc dưới Phạm ca di, hoặc sinh lên cõi trên hiện ở trước.

Hỏi: Ai tạo thành hương trì, vị trì, tử thức trì, thiết thức trì (Hương giới, vị giới, tử thức giới, thiết thức giới)?

Đáp: Là người đối với ái nơi cõi Dục chưa dứt hết.

Hỏi: Ai thành tựu ý trì, pháp trì, ý thức trì (Ý giới, pháp giới, ý thức giới)?

Đáp: Tất cả chúng sinh.

Hỏi: Ở cõi nào thành tựu nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiết nhập (Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ)?

Đáp: Ở cõi Dục, cõi Sắc, nếu đạt được không mất.

Hỏi: Ở cõi nào thành tựu thân nhập, sắc nhập, thanh nhập, tế hoạt nhập (Thân xứ, sắc xứ, thanh xứ, xúc xứ)?

Đáp: Ở cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Ở cõi nào thành tựu hương nhập, vị nhập (Hương xứ, vị xứ)?

Đáp: Ở cõi Dục.

Hỏi: Ai thành tựu ý nhập, pháp nhập (Ý xứ, pháp xứ)?

Đáp: Tất cả chúng sinh.

Hỏi: Ở cõi nào tạo thành sắc ấm (Sắc uẩn)?

Đáp: Ở cõi Dục, cõi Sắc, hoặc Thánh nhân sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Ai tạo thành thống, tướng, hành, thức ấm (Thọ, tướng, hành, thức uẩn)?

Đáp: Tất cả chúng sinh.

Hỏi: Ở cõi nào tạo thành sắc thanh ấm (Sắc thủ uẩn)?

Đáp: Ở cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Ai tạo thành thông, tướng, hành, thức thạnh âm (Thọ, tướng, hành, thức thủ uẩn)?

Đáp: Tất cả chúng sinh.

Hỏi: Ở cõi nào thành tựu địa chủng cho đến không chủng (Địa giới, không giới)?

Đáp: Ở cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Ai thành tựu thức chủng (Thức giới)?

Đáp: Tất cả chúng sinh.

Hỏi: Ai thành tựu pháp có sắc?

Đáp: Ở cõi Dục, cõi Sắc, hoặc Thánh nhân sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Ai thành tựu pháp không sắc?

Đáp: Tất cả chúng sinh.

Hỏi: Ở cõi nào thành tựu pháp có thể thấy, pháp có đối?

Đáp: Ở cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Ai thành tựu pháp không thể thấy, pháp không đối?

Đáp: Tất cả chúng sinh.

Hỏi: Ai thành tựu pháp hữu lậu, vô lậu? Ai thành tựu pháp hữu vi, pháp vô vi? Ai thành tựu pháp quá khứ, vị lai, hiện tại?

Đáp: Tất cả chúng sinh.

Hỏi: Ai thành tựu pháp thiện?

Đáp: Người không đoạn căn thiện.

Hỏi: Ai tạo nên pháp bất thiện?

Đáp: Kẻ đối với ái dục chưa dứt hết.

Hỏi: Ai thành tựu pháp vô ký?

Đáp: Tất cả chúng sinh.

Hỏi: Ở cõi nào thành tựu pháp hệ thuộc cõi Dục?

Đáp: Ở cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Ở cõi nào thành tựu pháp hệ thuộc cõi Sắc?

Đáp: Ở cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Ai thành tựu pháp hệ thuộc cõi Vô sắc?

Đáp: Tất cả chúng sinh.

Hỏi: Ai thành tựu pháp học, pháp vô học?

Đáp: Người nếu đạt được không mất.

Hỏi: Ai thành tựu pháp phi học phi vô học?

Đáp: Tất cả chúng sinh.

Hỏi: Ai thành tựu pháp do kiến đế đoạn?

Đáp: Đạo chưa sinh, trí chưa nhận biết.

Hỏi: Ai thành tựu pháp do tư duy đoạn và pháp không đoạn?

Đáp: Tất cả chúng sinh.

Hỏi: Ai thành tựu Khổ đế, Tập đế?

Đáp: Tất cả chúng sinh.

Hỏi: Ai thành tựu Tận đế (Diệt đế)?

Đáp: Nếu đạt được không mất.

Hỏi: Ai thành tựu Đạo đế?

Đáp: Nếu đạt được không mất.

Hỏi: Cõi trời nào thành tựu Thiên thứ nhất (Tĩnh lự thứ nhất)?

Đáp: Cõi trời Phạm ca di, hoặc dưới Phạm ca di, hoặc Thánh nhân sinh lên cõi trên.

Hỏi: Cõi trời nào thành tựu Thiên thứ hai (Tĩnh lự thứ hai)?

Đáp: Cõi trời Quang âm, hoặc dưới Quang âm, hoặc Thánh nhân sinh lên cõi trên.

Hỏi: Cõi trời nào thành tựu Thiên thứ ba (Tĩnh lự thứ ba)?

Đáp: Cõi trời Biến tịnh, hoặc dưới Biến tịnh, hoặc Thánh nhân sinh lên cõi trên.

Hỏi: Cõi trời nào thành tựu Thiên thứ tư (Tĩnh lự thứ tư)?

Đáp: Cõi trời Quả thật, hoặc dưới Quả thật, hoặc Thánh nhân sinh lên cõi trên.

Hỏi: Ai thành tựu Bốn đẳng (Bốn vô lượng)?

Đáp: Nếu đạt được không mất.

Hỏi: Ai thành tựu Không xứ trong bốn vô sắc?

Đáp: Là người sinh nơi Không xứ, hoặc dưới Không xứ, hoặc Thánh nhân sinh lên cõi trên.

Hỏi: Ai thành tựu Thức xứ?

Đáp: Là người sinh nơi Thức xứ, hoặc dưới Thức xứ, hoặc Thánh nhân sinh lên cõi trên.

Hỏi: Ai thành tựu Bất dụng xứ (Vô sở hữu xứ)?

Đáp: Là người sinh nơi Bất dụng xứ, hoặc dưới Bất dụng xứ, hoặc người vô cầu (các Thánh nhân nêu trên đều là người này) sinh lên cõi trên.

Hỏi: Ai thành tựu Hữu tướng vô tướng xứ (Phi tướng phi phi tướng xứ)?

Đáp: Tất cả chúng sinh.

Hỏi: Ai thành tựu Giải thoát, Trừ nhập, Nhất thiết nhập (Giải thoát, Thắng xứ, Biến xứ)?

Đáp: Nếu đạt được không mất.

Hỏi: Ai thành tựu Pháp trí, Vị tri trí?

Đáp: Nếu đạt được.

Hỏi: Ai thành tựu Tri tha nhân tâm trí (Tha tâm trí)?

Đáp: Nếu đạt được không mất.

Hỏi: Ai thành tựu Đẳng trí (Thế tục trí)?

Đáp: Tất cả chúng sinh.

Hỏi: Ai thành tựu Khổ trí, Tập trí, Tận trí, Đạo trí?

Đáp: Nếu đạt được.

Hỏi: Ai thành tựu Không, Vô tướng, Vô nguyện?

Đáp: Nếu đạt được.

Hỏi: Trong ba kiết: Ai tạo thành kiết thân kiến (Hữu thân kiến)?

Đáp: Khổ vị tri trí chưa sinh.

Hỏi: Ai tạo thành trộm giới, nghi (Giới cấm thủ, nghi)?

Đáp: Đạo vị tri trí chưa sinh.

Hỏi: Ai tạo thành ba căn bất thiện tham, giận, si?

Đáp: Là kẻ đối với ái dục chưa dứt hết.

Hỏi: Trong ba lậu: Ai tạo thành dục lậu?

Đáp: Là kẻ đối với ái dục chưa dứt hết.

Hỏi: Ai tạo thành hữu lậu, vô minh lậu?

Đáp: Là ái nơi cõi Vô sắc chưa dứt hết.

Hỏi: Trong bốn lưu (Bộc lưu): Ai tạo thành dục lưu?

Đáp: Là người đối với ái dục chưa dứt hết.

Hỏi: Ai tạo thành hữu lưu, vô minh lưu?

Đáp: Là người đối với ái nơi cõi Vô sắc chưa dứt hết.

Hỏi: Ai tạo thành kiến lưu?

Đáp: Đạo vị trí trí chưa sinh.

Như lưu, ách cũng như vậy.

Hỏi: Trong bốn thọ (thủ): Ai tạo thành dục thọ (Dục thủ)?

Đáp: Là kẻ đối với ái dục chưa dứt hết.

Hỏi: Ai tạo thành giới thọ, kiến thọ (Giới cầm thủ, kiến thủ)?

Đáp: Đạo vị trí trí chưa sinh.

Hỏi: Ai tạo thành ngã thọ (Ngã ngữ thủ)?

Đáp: Là người đối với ái vô sắc chưa dứt hết.

Hỏi: Trong bốn phược: Ai tạo thành ái dục trói buộc thân, giận dữ trói buộc thân?

Đáp: Là người đối với ái dục chưa dứt hết.

Hỏi: Ai tạo thành trộm giới trói buộc thân, ngã kiến trói buộc thân?

Đáp: Đạo vị trí trí chưa sinh.

Hỏi: Trong năm cái: Ai tạo nên cái tham dục, cái giận dữ, cái thù miên, cái điệu hý?

Đáp: Là người đối với ái dục chưa dứt hết.

Hỏi: Ai tạo thành cái nghi?

Đáp: Đạo pháp trí chưa sinh.

Hỏi: Trong năm kiết: Ai tạo thành kiết giận dữ, kiết keo kiệt, kiết ganh tị?

Đáp: Là người đối với ái dục chưa dứt hết.

Hỏi: Ai tạo thành kiết ái, kiết kiêu mạn?

Đáp: Là người đối với ái vô sắc chưa dứt hết.

Hỏi: Trong năm kiết phần dưới: Ai tạo thành kiết tham dục, giận dữ?

Đáp: Là người đối với ái dục chưa dứt hết.

Hỏi: Ai tạo thành kiết thân kiến?

Đáp: Khở vị tri trí chưa sinh.

Hỏi: Ai tạo thành kiết trộm giới, nghi?

Đáp: Đạo vị tri trí chưa sinh.

Hỏi: Trong năm kiến: Ai tạo thành thân kiến, biên kiến?

Đáp: Khở vị tri trí chưa sinh.

Hỏi: Ai tạo thành tà kiến, trộm kiến, trộm giới (Tà kiến, kiến thủ, giới cầm thủ)?

Đáp: Đạo vị tri trí chưa sinh.

Hỏi: Trong sáu ái thân: Ai tạo thành ái thân do tử xúc, thiết xúc sinh ra?

Đáp: Là người đối với ái dục chưa dứt hết.

Hỏi: Ai tạo thành ái thân do nhãn xúc, nhĩ xúc, thân xúc sinh ra?

Đáp: Ái trên cõi Phạm thiên chưa dứt hết.

Hỏi: Ai tạo thành ái thân do ý xúc sinh ra?

Đáp: Ái nơi cõi Vô sắc chưa dứt hết.

Hỏi: Trong bảy sử: Ai tạo thành sử tham dục, sử giận dữ?

Đáp: Là người đối với ái dục chưa dứt hết.

Hỏi: Ai tạo thành sử hữu ái, sử kiêu mạn, sử vô minh?

Đáp: Là người đối với ái vô sắc chưa dứt hết.

Hỏi: Ai tạo thành sử kiến, sử nghi?

Đáp: Đạo vị trí trí chưa sinh.

Hỏi: Trong chín kiết: Ai tạo thành kiết giận dữ, kiết keo kiệt, kiết ganh tị?

Đáp: Là người đối với ái dục chưa dứt hết.

Hỏi: Ai tạo thành kiết ái, kiết kiêu mạn, kiết vô minh?

Đáp: Là người đối với ái vô sắc chưa dứt hết.

Hỏi: Ai tạo thành kiết kiến, kiết nghi, kiết thất nguyện (kiết thủ)?

Đáp: Đạo vị trí trí chưa sinh.

Hỏi: Trong chín mươi tám sử (Chín mươi tám tùy miên): Ai tạo thành sử nơi cõi Dục do khổ để đoạn?

Đáp: Là người đối với ái dục chưa dứt hết.

Hỏi: Nếu khổ pháp trí chưa sinh, ai tạo thành sử nơi cõi Dục do tập để đoạn?

Đáp: Là người đối với ái dục chưa dứt hết.

Hỏi: Nếu tập pháp trí chưa sinh, ai tạo thành sử nơi cõi Dục do tận để đoạn?

Đáp: Là người đối với ái dục chưa dứt hết.

Hỏi: Nếu tận pháp trí chưa sinh, ai tạo thành sử nơi cõi Dục do đạo để đoạn?

Đáp: Là người đối với ái dục chưa dứt hết.

Hỏi: Nếu đạo pháp trí chưa sinh, ai tạo thành sử nơi cõi Dục do tư duy đoạn?

Đáp: Là người đối với ái dục chưa dứt hết.

Hỏi: Ai tạo thành sử nơi cõi Sắc do khổ đế đoạn?

Đáp: Là người đối với ái cõi Sắc chưa dứt hết.

Hỏi: Nếu khổ vị tri trí chưa sinh, ai tạo thành sử nơi cõi Sắc do tập đế đoạn?

Đáp: Là người đối với ái cõi Sắc chưa dứt hết.

Hỏi: Nếu tập vị tri trí chưa sinh, ai tạo thành sử nơi cõi Sắc do tận đế đoạn?

Đáp: Là người đối với ái cõi Sắc chưa dứt hết.

Hỏi: Nếu tận vị tri trí chưa sinh, ai tạo thành sử nơi cõi Sắc do đạo đế đoạn?

Đáp: Là người đối với ái cõi Sắc chưa dứt hết.

Hỏi: Nếu đạo vị tri trí chưa sinh, ai tạo thành sử nơi cõi Sắc do tư duy đoạn?

Đáp: Là người đối với ái cõi Sắc chưa dứt hết.

Hỏi: Ai tạo thành sử nơi cõi Vô sắc do khổ đế đoạn?

Đáp: Khổ vị tri trí chưa sinh.

Hỏi: Ai tạo thành sử nơi cõi Vô sắc do tập đế đoạn?

Đáp: Tập vị tri trí chưa sinh.

Hỏi: Ai tạo thành sử nơi cõi Vô sắc do tận đế đoạn?

Đáp: Tận vị tri trí chưa sinh.

Hỏi: Ai tạo thành sử nơi cõi Vô sắc do đạo đế đoạn?

Đáp: Đạo vị trí trí chưa sinh.

Hỏi: Ai tạo thành sử nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn?

Đáp: Là người đối với ái vô sắc chưa dứt hết.

Hỏi: Ai không thành tựu nhãn căn? Cho đến ai không tạo thành sử vô minh nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn?

Đáp: Là người ở cõi Vô sắc. Ở cõi Dục chưa đạt được, hoặc đạt được liền mất.

Nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn cũng lại như vậy.

Hỏi: Ai không thành tựu thân căn?

Đáp: Ở cõi Vô sắc.

Ý căn không có không thành tựu.

Hỏi: Ai không thành tựu nam căn, nữ căn?

Đáp: Ở cõi Sắc, cõi Vô sắc. Ở cõi Dục chưa đạt được, hoặc đạt được liền mất.

Mạng căn không có không thành tựu.

Hỏi: Ai không thành tựu lạc căn?

Đáp: Người phạm phu sinh trên cõi trời Biến tịnh.

Hỏi: Ai không tạo thành khổ căn?

Đáp: Người ở cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Hỏi: Ai không thành tựu hỷ căn?

Đáp: Người phạm phu sinh trên cõi trời Quang âm.

Hỏi: Ai không tạo thành ưu căn?

Đáp: Là người ái dục đã dứt hết.

Hộ căn (Xả căn) không có không thành tựu.

Hỏi: Ai không thành tựu tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn?

Đáp: Người căn thiện vốn đã đoạn.

Hỏi: Ai không thành tựu vị tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn?

Đáp: Nếu chưa đạt được, hoặc đạt được liền mất.

Hỏi: Ai không thành tựu nhân tri, nhĩ tri, tử tri, thiết tri?

Đáp: Người ở cõi Vô sắc. Ở cõi Dục nếu chưa được, hoặc được liền mất.

Hỏi: Ai không thành tựu thân tri, sắc tri, thanh tri, tế hoạt tri?

Đáp: Người ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Ai không thành tựu nhãn thức tri, nhĩ thức tri, thân thức tri?

Đáp: Người sinh trên cõi Phạm thiên, không hiện ở trước.

Hỏi: Ai không thành tựu hương tri, vị tri, tử thức tri, thiết thức tri?

Đáp: Người ở cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Ý tri, pháp tri, ý thức tri không có không thành tựu.

Hỏi: Ai không thành tựu nhãn nhập, nhĩ nhập, tử nhập, thiết nhập?

Đáp: Người ở cõi Vô sắc. Ở cõi Dục nếu chưa được, hoặc được liền mất.

Hỏi: Ai không thành tựu thân nhập, sắc nhập, thanh nhập, tế hoạt nhập?

Đáp: Người ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Ai không thành tựu hương nhập, vị nhập?

Đáp: Người ở cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Ý nhập, pháp nhập không có không thành tựu.

Hỏi: Ai không tạo thành sắc ấm?

Đáp: Người phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc.

Thông (Thọ), tướng, hành, thức âm không có không tạo thành.

Hỏi: Ai không tạo thành sắc thanh âm?

Đáp: Người ở cõi Vô sắc.

Thông (Thọ), tướng, hành, thức thanh âm không có không thành tựu.

Hỏi: Ai không tạo thành địa chủng cho đến không chủng?

Đáp: Người ở cõi Vô sắc.

Thức chủng không có không thành tựu.

Hỏi: Ai không thành tựu pháp có sắc?

Đáp: Người phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc.

Pháp không sắc không có không thành tựu.

Hỏi: Ai không thành tựu pháp có thể thấy, pháp có đối?

Đáp: Người ở cõi Vô sắc.

Pháp không thể thấy, pháp không đối không có không thành tựu.

Pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại không có không thành tựu.

Hỏi: Ai không thành tựu pháp thiện?

Đáp: Người căn thiện vốn đã đoạn.

Hỏi: Ai không tạo thành pháp bất thiện?

Đáp: Người ái dục đã dứt hết.

Pháp vô ký không có không thành tựu.

Hỏi: Ai không tạo thành pháp hệ thuộc cõi Dục?

Đáp: Người ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Ai không tạo thành pháp hệ thuộc cõi Sắc?

Đáp: Người ở cõi Vô sắc.

Pháp hệ thuộc cõi Vô sắc không có không thành tựu.

Hỏi: Ai không tạo thành pháp học, pháp vô học?

Đáp: Người chưa được, hoặc được liền mất.

Pháp phi học phi vô học không có không thành tựu.

Hỏi: Ai không tạo thành pháp do kiến đế đoạn?

Đáp: Đạo vị trí trí đã sinh.

Pháp không đoạn, pháp do tư duy đoạn không có không tạo thành.

Trong bốn đế: Khổ đế, tập đế không có không tạo thành.

Hỏi: Ai không thành tựu tận đế (Diệt đế)?

Đáp: Người chưa được, hoặc được liền mất.

Hỏi: Ai không thành tựu đạo đế?

Đáp: Người chưa được.

Hỏi: Trong bốn thiên: Ai không thành tựu thiên thứ nhất?

Đáp: Người phạm phu sinh trên cõi Phạm thiên.

Hỏi: Ai không thành tựu thiên thứ hai?

Đáp: Người phạm phu sinh trên cõi trời Quang âm.

Hỏi: Ai không thành tựu thiên thứ ba?

Đáp: Người phạm phu sinh trên cõi trời Biến tịnh.

Hỏi: Ai không thành tựu thiên thứ tư?

Đáp: Người phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Ai không thành tựu bốn đẳng (Bốn vô lượng)?

Đáp: Nếu chưa được, hoặc được liền mất.

Hỏi: Trong bốn vô sắc: Ai không thành tựu Không xứ?

Đáp: Người phạm phu sinh trên Không xứ.

Hỏi: Ai không thành tựu Thức xứ?

Đáp: Người phạm phu sinh trên Thức xứ.

Hỏi: Ai không thành tựu Bất dụng xứ (Vô sở hữu xứ)?

Đáp: Người phạm phu sinh trên Bất dụng xứ.

Hữu tướng vô tướng xứ (Phi tướng phi phi tướng xứ) không có không thành tựu.

Hỏi: Ai không thành tựu Giải thoát, Trừ nhập, Nhất thiết nhập (Giải thoát, Thắng xứ, Biến xứ)?

Đáp: Người chưa được, hoặc được liền mất.

Hỏi: Ai không thành tựu pháp trí, vị trí trí?

Đáp: Người chưa được.

Hỏi: Ai không thành tựu tri tha tâm nhân trí (Tha tâm trí)?

Đáp: Người chưa được, hoặc được liền mất.

Đẳng trí không có không thành tựu.

Hỏi: Ai không thành tựu khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí?

Đáp: Người chưa được.

Hỏi: Ai không thành tựu không, vô tướng, vô nguyện?

Đáp: Người chưa được.

Hỏi: Trong ba kiết: Ai không tạo thành kiết thân kiến?

Đáp: Khổ vị trí trí đã sinh.

Hỏi: Ai không tạo thành kiết trộm giới, kiết nghi?

Đáp: Đạo vị trí trí đã sinh.

Hỏi: Ai không tạo thành ba căn bất thiện tham, giận, si?

Đáp: Người đối với ái dục đã dứt hết.

Hỏi: Trong ba lậu: Ai không tạo thành dục lậu?

Đáp: Người đối với ái dục đã dứt hết.

Hỏi: Ai không tạo thành hữu lậu, vô minh lậu?

Đáp: Người đối với ái vô sắc đã dứt hết.

Hỏi: Trong bốn lưu (bộc lưu): Ai không tạo thành dục lưu?

Đáp: Người đối với ái dục đã dứt hết.

Hỏi: Ai không tạo thành hữu lưu, vô minh lưu?

Đáp: Người đối với ái vô sắc đã dứt hết.

Hỏi: Ai không tạo thành kiến lưu?

Đáp: Đạo vị tri trí đã sinh.

Như bộc lưu, ách cũng như vậy.

Hỏi: Trong bốn thọ (thủ): Ai không tạo thành dục thọ?

Đáp: Người đối với ái dục đã dứt hết.

Hỏi: Ai không tạo thành giới thọ, kiến thọ?

Đáp: Đạo vị tri trí đã sinh.

Hỏi: Ai không tạo thành ngã thọ?

Đáp: Người đối với ái vô sắc đã dứt hết.

Hỏi: Trong bốn phược: Ai không tạo thành ái dục trói buộc thân, giận dữ trói buộc thân?

Đáp: Người đối với ái dục đã dứt hết.

Hỏi: Ai không tạo thành trộm giới trói buộc thân, ngã kiến trói buộc thân?

Đáp: Đạo vị tri trí đã sinh.

Hỏi: Trong năm cái: Ai không tạo thành cái tham dục, cái giận dữ, cái thù miên, cái điệu hý?

Đáp: Người đối với ái dục đã dứt hết.

Hỏi: Ai không tạo thành cái nghi?

Đáp: Người đối với ái dục đã dứt hết. Nếu ái dục chưa dứt hết, đạo pháp trí đã sinh.

Hỏi: Trong năm kiết: Ai không tạo thành kiết giận dữ, keo kiệt, ganh tị?

Đáp: Người đối với ái dục đã dứt hết.

Hỏi: Ai không tạo thành kiết ái, kiết kiêu mạn?

Đáp: Người đối với ái vô sắc đã dứt hết.

Hỏi: Trong năm kiết phần dưới: Ai không tạo thành kiết tham dục, kiết giận dữ?

Đáp: Người đối với ái dục đã dứt hết.

Hỏi: Ai không tạo thành kiết thân kiến?

Đáp: Khở vị tri trí đã sinh.

Hỏi: Ai không tạo thành kiết trộm giới, kiết nghi?

Đáp: Đạo vị tri trí đã sinh.

Hỏi: Trong năm kiến: Ai không tạo thành thân kiến, biên kiến?

Đáp: Khở vị tri trí đã sinh.

Hỏi: Ai không tạo thành tà kiến, trộm kiến, trộm giới?

Đáp: Đạo vị tri trí đã sinh.

Hỏi: Trong sáu ái thân: Ai không tạo thành ái thân do tỷ xúc, thiệt xúc sinh ra?

Đáp: Người đối với ái dục đã dứt hết.

Hỏi: Ai không tạo thành ái thân do nhãn xúc, nhĩ xúc, thân xúc sinh ra?

Đáp: Người đối với ái nơi cõi Phạm thiên đã dứt hết.

Hỏi: Ai không tạo thành ái do ý xúc sinh ra?

Đáp: Người đối với ái vô sắc đã dứt hết.

Hỏi: Trong bảy sử: Ai không tạo thành sử tham dục, sử giận dữ?

Đáp: Người đối với ái dục đã dứt hết.

Hỏi: Ai không tạo thành sử hữu ái, sử kiêu mạn, sử vô minh?

Đáp: Người đối với ái vô sắc đã dứt hết.

Hỏi: Ai không tạo thành sử kiến, sử nghi?

Đáp: Đạo vị trí đã sinh.

Hỏi: Trong chín kiết: Ai không tạo thành kiết giận dữ, keo kiệt, ganh tị?

Đáp: Người đối với ái dục đã dứt hết.

Hỏi: Ai không tạo thành kiết ái, kiết kiêu mạn, kiết vô minh?

Đáp: Người đối với ái vô sắc đã dứt hết.

Hỏi: Ai không tạo thành kiết kiến, kiết thất nguyện, kiết nghi?

Đáp: Đạo vị trí, trí đã sinh.

Hỏi: Trong chín mươi tám sử (Tùy miên): Ai không tạo thành sử nơi cõi Dục do khổ đế đoạn?

Đáp: Người đối với ái dục đã dứt hết. Nếu ái dục chưa dứt hết thì khổ pháp trí đã sinh.

Hỏi: Ai không tạo thành sử nơi cõi Dục do tập đế đoạn?

Đáp: Người đối với ái dục đã dứt hết. Nếu ái dục chưa dứt hết thì tập pháp trí đã sinh.

Hỏi: Ai không tạo thành sử nơi cõi Dục do tận đế đoạn?

Đáp: Người đối với ái dục đã dứt hết. Nếu ái dục chưa dứt hết thì tận pháp trí đã sinh.

Hỏi: Ai không tạo thành sử nơi cõi Dục do đạo đế đoạn?

Đáp: Người đối với ái dục đã dứt hết. Nếu ái dục chưa dứt hết thì đạo pháp trí đã sinh.

Hỏi: Ai không tạo thành sử nơi cõi Dục do tư duy đoạn?

Đáp: Người đối với ái dục đã dứt hết.

Hỏi: Ai không tạo thành sử nơi cõi Sắc do khổ đế đoạn?

Đáp: Người đối với ái cõi Sắc đã dứt hết. Nếu ái cõi Sắc chưa dứt hết thì khổ vị tri trí đã sinh.

Hỏi: Ai không tạo thành sử nơi cõi Sắc do tập đế đoạn?

Đáp: Người đối với ái cõi Sắc đã dứt hết. Nếu ái cõi Sắc chưa dứt hết thì tập vị tri trí đã sinh.

Hỏi: Ai không tạo thành sử nơi cõi Sắc do tận đế đoạn?

Đáp: Người đối với ái cõi Sắc đã dứt hết. Nếu ái cõi Sắc chưa dứt hết thì tận vị tri trí đã sinh.

Hỏi: Ai không tạo thành sử nơi cõi Sắc do đạo đế đoạn?

Đáp: Người đối với ái cõi Sắc đã dứt hết. Nếu ái cõi Sắc chưa dứt hết thì đạo vị tri trí đã sinh.

Hỏi: Ai không tạo thành sử nơi cõi Sắc do tư duy đoạn?

Đáp: Người đối với ái cõi Sắc đã dứt hết.

Hỏi: Ai không tạo thành sử nơi cõi Vô sắc do khổ đế đoạn?

Đáp: Khô vị tri trí đã sinh.

Hỏi: Ai không tạo thành sử nơi cõi Vô sắc do tập đế đoạn?

Đáp: Tập vị tri trí đã sinh.

Hỏi: Ai không tạo thành sử nơi cõi Vô sắc do tận đế đoạn?

Đáp: Tận vị tri trí đã sinh.

Hỏi: Ai không tạo thành sử nơi cõi Vô sắc do đạo đế đoạn?

Đáp: Đạo vị tri trí đã sinh.

Hỏi: Ai không tạo thành sử nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn?

Đáp: Người đối với ái vô sắc đã dứt hết.

Nhãn căn khi được trí đoạn (nhận biết khắp), người phàm phu được ái sắc dứt hết có ba mươi một sử được trí đoạn, kiết không dứt hết. Thánh nhân có ba sử (ba sử cõi Sắc) được trí đoạn, kiết không dứt hết.

Như nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn cũng như vậy.

Nhãn trì (Nhãn giới), nhĩ trì, tỷ trì, thiệt trì, thân trì, sắc trì, thanh trì, tế hoạt trì. Nhãn nhập (Nhãn xứ), nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, sắc nhập, thanh nhập, tế hoạt nhập. Sắc âm (Sắc uẩn), sắc thanh âm (Sắc thủ uẩn), địa chủng cho đến không chủng. Pháp có sắc, pháp có thể thấy, pháp có đối, pháp hệ thuộc cõi Sắc, thiên thứ tư, từ, bi, hộ (Xả), tịnh giải thoát, bốn trừ nhập sau, tám nhất thiết nhập sau, trí biết tâm người khác khi được trí đoạn, người phàm phu được ái sắc hết có ba mươi một sử được trí đoạn, kiết không dứt hết. Thánh nhân có ba sử được trí đoạn, kiết không đoạn tận.

Ý căn khi được trí đoạn (nhận biết khắp) đạt ái của cõi Vô sắc dứt hết có ba sử được trí đoạn, ba kiết vĩnh viễn đoạn.

Như ý căn, mạng căn, hộ căn, tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn cũng như vậy.

Ý trì, pháp trì, ý thức trì. Ý nhập, pháp nhập. Thông (thọ) âm, tướng âm, hành, thức âm. Thông thanh âm, tướng, hành, thức, thức thanh âm. Thức chủng, pháp không sắc, pháp không thể thấy, pháp không đối, pháp hữu lậu, pháp hữu vi, pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại, pháp thiện, pháp vô ký, pháp hệ thuộc cõi Vô sắc, pháp phi học phi vô học, pháp do tư duy đoạn, pháp do khổ đế, tập đế đoạn. Hữu tướng vô tướng xứ, hữu tướng vô tướng xứ giải thoát, diệt tận giải thoát, đẳng trí, khi được trí đoạn, đạt được ái cõi Vô sắc dứt hết, có ba sử được trí đoạn, ba kiết vĩnh viễn đoạn hết.

Nam căn, nữ căn khi được trí đoạn, người phạm phu đạt ái dục dứt hết, có ba mươi sáu sử được trí đoạn, ba kiết vĩnh viễn đoạn hết. Thánh nhân có bốn sử được trí đoạn, ba kiết vĩnh viễn dứt hết. Như nam căn, nữ căn, khổ căn, ưu căn cũng như thế.

Hương trì (hương giới), vị trì, tỷ thức trì, thiết trì. Hương nhập (hương xứ), vị nhập, pháp bất thiện, pháp hệ thuộc cõi Dục khi được trí đoạn: Người phạm phu da ái dục dứt hết, có ba mươi sáu sử được trí đoạn, ba kiết vĩnh viễn dứt hết. Thánh nhân có bốn sử được trí đoạn, ba kiết vĩnh viễn dứt hết.

Lạc căn khi được trí đoạn, đạt được ái của trời Biến tịnh dứt hết, tức lạc căn kia được trí đoạn, các kiết sử đều không hết.

Hỷ căn khi được trí đoạn, đạt được ái của trời Quang âm hết, tức hỷ căn kia được trí đoạn, các kiết sử đều không hết.

Nhãn thức, nhĩ thức, thân thức trì khi được trí đoạn, đạt được ái trên cõi Phạm thiên dứt hết, tức ba thức trì kia khi được trí đoạn, các kiết sử đều không hết.

Pháp do kiến đế đoạn khi được trí đoạn, ái sắc chưa đoạn tận, đạo vị trí hiện ở trước, có mười bốn sử được trí đoạn, ba kiết vĩnh viễn tận. Ái sắc đã đoạn tận, đạo vị trí hiện ở trước, có bảy sử được trí đoạn, ba kiết vĩnh viễn tận.

Trong bốn thiền, thiền thứ nhất khi được trí đoạn, đạt được ái của thiền thứ nhất dứt hết, tức thiền thứ nhất kia được trí đoạn, các kiết sử đều không hết.

Thiền thứ hai khi được trí đoạn, đạt được ái của thiền thứ hai dứt hết, tức thiền thứ hai kia được trí đoạn, các kiết sử đều không hết. Như thiền thứ hai, hỷ (trong bốn đẳng), giải thoát thứ nhất, giải thoát thứ hai, bốn trừ nhập đầu cũng lại như vậy.

Thiền thứ ba khi được trí đoạn, đạt được ái của thiền thứ ba dứt hết, tức thiền thứ ba kia được trí đoạn, các kiết sử không đoạn hết.

Không xứ trong bốn vô sắc khi được trí đoạn, đạt được ái của Không xứ dứt hết, tức Không xứ kia được trí đoạn, các kiết sử đều không hết. Không xứ giải thoát, Không xứ nhập cũng lại như vậy.

Thức xứ khi được trí đoạn, đạt được ái của Thức xứ dứt hết, tức thức xứ kia được trí đoạn, các kiết sử đều không hết. Thức xứ giải thoát, thức xứ nhập cũng lại như vậy.

Bất dụng xứ khi được trí đoạn, đạt được ái của bất dụng xứ dứt hết, tức bất dụng xứ kia được trí đoạn, các kiết sử đều không hết. Bất dụng xứ giải thoát cũng lại như vậy.

Thân kiến trong ba kiết khi được trí đoạn, ái sắc chưa dứt hết, khổ vị tri trí hiện ở trước, có mười tám sử được trí đoạn, các kiết đều không hết. Ái sắc đã dứt hết, khổ vị tri trí hiện ở trước, có chín sử được trí đoạn, các kiết đều không hết. Như thân kiến trong ba kiết, thân kiến trong năm kiết phần dưới cũng như thế.

Thân kiến, biên kiến trong năm kiến khi được trí đoạn, ái sắc chưa dứt hết, khổ vị tri trí hiện ở trước, có mười tám sử được trí đoạn, các kiết đều không hết. Ái sắc đã dứt hết, khổ vị tri trí hiện ở trước, có chín sử được trí đoạn, các kiết đều không hết.

Trộm giới, nghi khi được trí đoạn, ái sắc chưa dứt hết, đạo vị tri trí hiện ở trước, có mười bốn sử được trí đoạn, ba kiết vĩnh viễn đoạn

tận. Ái sắc đã dứt hết, đạo vị trí trí hiện ở trước, có bảy sử được trí đoạn, ba kiết vĩnh viễn đoạn tận. Như trộm giới, nghi, kiến lưu, kiến ách, giới thọ, kiến thọ, trộm giới trói buộc thân, ngã kiến trói buộc thân cũng như vậy.

Trộm giới, nghi trong năm kiết phần dưới, tà kiến, trộm kiến, trộm giới trong năm kiến, sử kiến, sử nghi trong bảy sử, kiết kiến, kiết thất nguyện, kiết nghi trong chín kiết khi được trí đoạn, ái sắc chưa dứt hết, đạo vị trí trí hiện ở trước, có mười bốn sử được trí đoạn, ba kiết vĩnh viễn đoạn tận. Ái sắc đã đoạn tận, đạo vị trí trí hiện ở trước, có bảy sử được trí đoạn, ba kiết vĩnh viễn tận.

Ba căn bất thiện tham, giận, si và dục lậu khi được trí đoạn, người phạm phư đạt được ái dục hết, có ba mươi sáu sử được trí đoạn, ba kiết vĩnh viễn tận. Thánh nhân có bốn sử được trí đoạn, ba kiết vĩnh viễn tận. Dục lưu, dục ách, dục thọ, dục ái trói buộc thân, giận dữ trói buộc thân cũng như thế.

Cái tham dục, giận dữ, thù miên, điệu hý trong năm cái, kiết giận dữ, kiết keo kiệt, kiết ganh tị trong năm kiết, kiết tham dục, kiết giận dữ trong năm kiết phần dưới, ái thân do tử xúc, thiết xúc sinh ra trong sáu ái thân, sử tham dục, sử giận dữ trong bảy sử, kiết giận dữ, kiết keo kiệt, kiết ganh tị trong chín kiết, khi chúng được trí đoạn, người phạm phư đạt được ái dục hết, có ba mươi sáu sử được trí đoạn, ba kiết vĩnh viễn đoạn tận. Thánh nhân có bốn sử được trí đoạn, ba kiết vĩnh viễn đoạn tận.

Hữu lậu, vô minh lậu khi được trí đoạn, đạt được ái nơi cõi Vô sắc đoạn tận, có ba sử được trí đoạn, ba kiết vĩnh viễn đoạn tận. Hữu lưu, vô minh lưu, hữu ách, vô minh ách cũng như thế.

Ngã thọ, kiết ái, kiết kiêu mạn, kiết vô minh, ái thân do ý xúc sinh ra, sử hữu ái, sử kiêu mạn, sử vô minh, kiết ái, kiết kiêu mạn, kiết vô minh khi chúng được trí đoạn, đạt được ái nơi cõi Vô sắc hết, có ba sử được trí đoạn, ba kiết vĩnh viễn đoạn tận.

Cái nghi khi được trí đoạn, người phạm phu đạt được ái dục hết, có ba mươi sáu sử được trí đoạn, ba kiết vĩnh viễn đoạn tận. Thánh nhân với đạo pháp trí hiện ở trước, có tám sử được trí đoạn, các kiết đều không hết.

Ái thân do nhãn xúc, nhĩ xúc, thân xúc sinh ra khi được trí đoạn, đạt được ái nơi cõi Phạm thiên dứt hết, tức khi trí đoạn về ba ái thân kia, các kiết sử đều không hết.

Trong chín mươi tám sử: Sử nơi cõi Dục do khổ đế đoạn, người phạm phu đạt được ái dục hết, có ba mươi sáu sử được trí đoạn, ba kiết vĩnh viễn tận, Thánh nhân với khổ pháp trí hiện ở trước, có mười sử được trí đoạn, các kiết đều không hết.

Sử nơi cõi Dục do tập đế đoạn khi được trí đoạn, người phạm phu đạt được ái dục hết, có ba mươi sáu sử được trí đoạn, ba kiết vĩnh viễn tận. Thánh nhân với tập pháp trí hiện ở trước, có bảy sử được trí đoạn, các kiết đều không hết.

Sử nơi cõi Dục do tận đế đoạn cũng lại như vậy.

Sử nơi cõi Dục do đạo đế đoạn khi được trí đoạn, người phạm phu đạt được ái dục hết, có ba mươi sáu sử được trí đoạn, ba kiết vĩnh viễn tận. Thánh nhân với đạo pháp trí hiện ở trước, có tám sử được trí đoạn, các kiết đều không hết.

Sử nơi cõi Dục do tư duy đoạn khi được trí đoạn, người phạm phu đạt được ái dục hết, có ba mươi sáu sử được trí đoạn, ba kiết vĩnh viễn tận. Thánh nhân có bốn sử được trí đoạn, ba kiết vĩnh viễn tận.

Sử nơi cõi Sắc do khổ đế đoạn khi được trí đoạn, người phạm phu đạt được ái sắc hết, có ba mươi một sử được trí đoạn, các kiết đều không hết. Người vô cầu với khổ vị trí hiện ở trước, có mười tám sử được trí đoạn, các kiết đều không hết.

Sử nơi cõi Sắc do tập đế đoạn khi được trí đoạn, người phạm phu đạt được ái sắc hết, có ba mươi một sử được trí đoạn, các kiết

đều không hết. Người vô cầu với tập vị tri trí hiện ở trước, có mười hai sử được trí đoạn, các kiết đều không hết.

Sử nơi cõi Sắc do tận đế đoạn cũng lại như vậy.

Sử nơi cõi Sắc do đạo đế đoạn khi được trí đoạn, người phạm phu đạt được ái sắc hết, có ba mươi một sử được trí đoạn, các kiết đều không hết. Người vô cầu với đạo vị tri trí hiện ở trước, có mười bốn sử được trí đoạn, ba kiết vĩnh viễn tận.

Sử nơi cõi Sắc do tư duy đoạn khi được trí đoạn, người phạm phu đạt được ái sắc hết, có ba mươi một sử được trí đoạn, các kiết đều không hết. Người vô cầu có ba sử được trí đoạn, các kiết đều không hết.

Sử nơi cõi Vô sắc do khổ đế đoạn khi được trí đoạn, ái sắc chưa dứt hết, khổ vị tri trí hiện ở trước, có mười tám sử được trí đoạn, các kiết đều không hết. Ái sắc đã dứt hết, khổ vị tri trí hiện ở trước, có chín sử được trí đoạn, các kiết đều không hết.

Sử nơi cõi Vô sắc do tập đế đoạn khi được trí đoạn, ái sắc chưa dứt hết, tập vị tri trí hiện ở trước, có mười hai sử được trí đoạn, các kiết đều không hết. Ái sắc đã dứt hết, tập vị tri trí hiện ở trước, có sáu sử được trí đoạn, các kiết đều không hết.

Sử nơi cõi Vô sắc do tận đế đoạn cũng lại như vậy.

Sử nơi cõi Vô sắc do đạo đế đoạn khi được trí đoạn, ái sắc chưa dứt hết, đạo vị tri trí hiện ở trước, có mười bốn sử được trí đoạn, ba kiết vĩnh viễn đoạn tận. Ái sắc đã dứt hết, đạo vị tri trí hiện ở trước, có bảy sử được trí đoạn, ba kiết vĩnh viễn đoạn tận.

Sử nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn khi được trí đoạn, ái nơi cõi Vô sắc dứt hết, có ba sử được trí đoạn, ba kiết vĩnh viễn đoạn tận.

Hỏi: Nhãn căn khi diệt tác chứng, có bao nhiêu sử, bao nhiêu kiết diệt tác chứng? Cho đến sử vô minh nơi cõi Vô sắc do tư duy

đoạn khi diệt tác chứng, có bao nhiêu sử, bao nhiêu kiết diệt tác chứng? (mười môn)

Đáp: Nhãn căn khi diệt tác chứng, người phạm phu đạt được ái sắc tận, có ba mươi một sử diệt tác chứng, các kiết đều không tận. Người vô cầu có ba sử diệt tác chứng, các kiết đều không tận. Đạt A-la-hán có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận. Như nhãn căn, các căn nhĩ, tỷ, thiệt, thân cũng như thế.

Nhãn trì, nhĩ, tỷ, thiệt, thân trì, sắc, thanh, tế hoạt trì, nhãn nhập, nhĩ, tỷ, thiệt, thân nhập, sắc, thanh, tế hoạt nhập, sSắc âm, sắc thanh âm, địa chủng cho đến không chủng, pháp sắc, pháp có thể thấy, pháp có đối, pháp hệ thuộc cõi Sắc, thiên thứ tư, từ, bi, hộ, tịnh giải thoát, bốn trừ nhập sau, tám nhất thiết nhập sau, trí biết tâm người khác, khi diệt tác chứng, người phạm phu đạt được ái sắc tận, có ba mươi một sử diệt tác chứng, các kiết đều không tận. Người vô cầu có ba sử diệt tác chứng, các kiết đều không tận. Chứng được A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Ý căn khi diệt tác chứng, đạt được A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận. Như ý căn, mạng căn, hộ căn, tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn cũng như thế.

Ý trì, pháp trì, ý thức trì, ý nhập, pháp nhập, thống âm, tướng, hành, thức âm, thống thanh âm, tướng, hành, thức thanh âm, thức chủng, pháp không sắc, pháp không thể thấy, pháp không đối, pháp hữu lậu, pháp hữu vi, pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại, pháp thiện, pháp vô ký, pháp hệ thuộc cõi Vô sắc, pháp phi học phi vô học, pháp do tư duy đoạn, khổ đế, tập đế, hữu tướng vô tướng xứ, hữu tướng vô tướng giải thoát, diệt tận giải thoát, đẳng trí, khi chúng diệt tác chứng, đạt được A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Nam căn, nữ căn khi diệt tác chứng, người phạm phu đạt được ái dục tận, có ba mươi sáu sử diệt tác chứng, ba kiết vĩnh viễn tận.

Được quả A-na-hàm, có chín mươi hai sử diệt tác chứng, sáu kiết vĩnh viễn tận. Được quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận. Như nam căn, nữ căn, khổ căn, ưu căn cũng như thế.

Hương trì, vị trì, tử thức trì, thiết thức trì, hương nhập, vị nhập, pháp bất thiện, pháp hệ thuộc cõi Dục, khi diệt tác chứng, người phạm phu đạt được ái dục tận, có ba mươi sáu sử diệt tác chứng, ba kiết vĩnh viễn tận. Được quả A-na-hàm, có chín mươi hai sử diệt tác chứng, sáu kiết vĩnh viễn tận. Đạt quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Lạc căn khi diệt tác chứng, đạt được ái của trời Biến tịnh, tức lạc căn kia khi diệt tác chứng, các kiết sử đều không tận. Được quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Hỷ căn khi diệt tác chứng, đạt được ái của trời Quang âm tận, tức hỷ căn kia khi diệt tác chứng, các kiết sử đều không tận. Được quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Nhãn thức, nhĩ thức, thân thức trì khi diệt tác chứng, đạt được ái trên cõi Phạm thiên tận, tức ba thức trì kia khi diệt tác chứng, các kiết sử đều không tận. Được quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Pháp do kiến đế đoạn khi diệt tác chứng, được quả Tu-đà-hoàn, có tám mươi tám sử diệt tác chứng, ba kiết vĩnh viễn tận. Được quả Tư đà hoàn, có tám mươi tám sử diệt tác chứng, ba kiết vĩnh viễn tận. Được quả A-na-hàm, có chín mươi hai sử diệt tác chứng, sáu kiết vĩnh viễn tận. Được quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, sáu kiết vĩnh viễn tận.

Trong bốn thiên: Thiên thứ nhất khi diệt tác chứng, đạt được ái của thiên thứ nhất tận, tức thiên thứ nhất kia diệt tác chứng, các kiết

sử đều không tận. Được quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chúng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Thiền thứ hai khi diệt tác chúng, đạt được ái của thiền thứ hai tận, tức thiền thứ hai kia khi diệt tác chúng, các kiết sử đều không tận. Được quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chúng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Hỷ, giải thoát thứ nhất, giải thoát thứ hai, bốn trừ nhập đầu cũng lại như vậy.

Thiền thứ ba khi diệt tác chúng, đạt được ái của thiền thứ ba tận, các kiết sử đều không tận. Được quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chúng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Trong bốn vô sắc: Không xứ khi diệt tác chúng, đạt được ái của không xứ tận, tức không xứ kia diệt tác chúng, các kiết sử đều không tận. Được quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chúng, chín kiết vĩnh viễn tận. Không xứ giải thoát, không xứ nhập cũng lại như vậy.

Thức xứ khi diệt tác chúng, đạt được ái của thức xứ tận, tức thức xứ kia diệt tác chúng, các kiết sử đều không tận. Được quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chúng, chín kiết vĩnh viễn tận. Thức xứ giải thoát, thức xứ nhập cũng lại như vậy.

Bất dụng xứ khi diệt tác chúng, đạt được ái của bất dụng xứ tận, tức bất dụng xứ kia diệt tác chúng, các kiết sử đều không tận. Được quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chúng, chín kiết vĩnh viễn tận. Bất dụng xứ giải thoát cũng lại như vậy.

Trong ba kiết: Kiết thân kiến khi diệt tác chúng, khổ vị tri trí hiện ở trước, có mười tám sử diệt tác chúng, các kiết đều không tận. Được quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chúng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Thân kiến trong năm kiết phần dưới, thân kiến, biên kiến trong năm kiến, khi diệt tác chứng, khổ vị trí trí hiện ở trước, có mười tám sử diệt tác chứng, các kiết đều không tận. Được quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn, A-na-hàm, A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Trộm giới, nghi khi diệt tác chứng, được quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Kiến lưu, kiến ách, giới thọ, kiến thọ cũng lại như thế.

Trộm giới trói buộc thân, ngã kiến trói buộc thân, trộm giới, nghi trong năm kiết phần dưới, trong năm kiến: tà kiến, trộm kiến, trộm giới, sử kiến, sử nghi trong bảy sử, kiết kiến, kiết thất nguyện, kiết nghi trong chín kiết, khi diệt tác chứng, được quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Ba căn bất thiện tham, giận, si và dục lậu, khi diệt tác chứng, người phạm phư đạt được ái dục tận, có ba mươi sáu sử diệt tác chứng, ba kiết vĩnh viễn tận. Được quả A-na-hàm, có chín mươi hai sử diệt tác chứng, sáu kiết vĩnh viễn tận. Được quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Như thế dục lưu, dục ách, dục thọ, ái dục trói buộc thân, giận dữ trói buộc thân trong bốn phược, các cái tham dục, giận dữ, thù miên, điệu hý trong năm cái, kiết giận dữ, kiết keo kiệt, kiết ganh tị trong năm kiết, tham dục, giận dữ trong năm kiết phần dưới, ái thân do tỷ xúc, thiết xúc sinh ra trong sáu ái thân, sử tham dục, sử giận dữ trong bảy sử, kiết giận, kiết keo kiệt, kiết ganh tị trong chín kiết, khi diệt tác chứng, người phạm phư đạt được ái dục tận, có ba mươi sáu sử diệt tác chứng, ba kiết vĩnh viễn tận. Được quả A-na-hàm, có chín mươi hai sử diệt tác chứng, sáu kiết vĩnh viễn

tận. Được quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Hữu lậu, vô minh lậu khi diệt tác chứng, được quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Hữu lưu, vô minh lưu trong bốn lưu, hữu ách, vô minh ách, ngã thọ, kiết ái, kiết kiêu mạn, ái thân do ý xúc sinh ra, sử hữu ái, sử kiêu mạn, sử vô minh, kiết ái, kiết kiêu mạn, kiết vô minh, khi diệt tác chứng, được quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Cái nghi khi diệt tác chứng, người phạm phư đạt được ái dục tận, có ba mươi sáu sử diệt tác chứng, ba kiết vĩnh viễn tận. Người vô cầu với đạo pháp trí hiện ở trước, có tám sử diệt tác chứng, các kiết đều không tận. Được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Ái thân do nhãn xúc, nhĩ xúc, thân xúc sinh ra, khi diệt tác chứng, được ái trên cõi Phạm thiện tận, tức ba ái thân kia khi diệt tác chứng, các kiết sử đều không tận. Được quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Trong chín mươi tám sử: Sử nơi cõi Dục do khổ đế đoạn khi diệt tác chứng, người phạm phư đạt được ái dục tận, có ba mươi sáu sử diệt tác chứng, ba kiết vĩnh viễn tận. Người vô cầu với khổ pháp trí hiện ở trước, có mười sử diệt tác chứng, các kiết đều không tận. Được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Sử nơi cõi Dục do tập đế đoạn khi diệt tác chứng, người phạm phư đạt được ái dục tận, có ba mươi sáu sử diệt tác chứng, ba kiết vĩnh viễn tận. Người vô cầu với tập pháp trí được hiện ở trước, có bảy sử diệt tác chứng, các kiết đều không tận. Được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Sử nơi cõi Dục do tận đế đoạn cũng lại như vậy.

Sử nơi cõi Dục do đạo đế đoạn khi diệt tác chứng, người phạm phu đạt được ái dục tận, có ba mươi sáu sử diệt tác chứng, ba kiết vĩnh viễn tận. Người vô cầu với đạo pháp trí được hiện ở trước, có tám sử diệt tác chứng, các kiết đều không tận. Được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Sử nơi cõi Dục do tư duy đoạn khi diệt tác chứng, người phạm phu đạt được ái dục tận, có ba mươi sáu sử diệt tác chứng, ba kiết vĩnh viễn tận. Được quả A-na-hàm, có chín mươi hai sử diệt tác chứng, sáu kiết vĩnh viễn tận. Được quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Sử nơi cõi Sắc do khổ đế đoạn khi diệt tác chứng, người phạm phu đạt được ái sắc tận, có ba mươi một sử diệt tác chứng, các kiết đều không tận. Người vô cầu với khổ vị trí trí hiện ở trước, có mười tám sử diệt tác chứng, các kiết đều không tận. Được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Sử nơi cõi Sắc do tập đế đoạn khi diệt tác chứng, người phạm phu đạt được ái sắc tận, có ba mươi một sử diệt tác chứng, các kiết đều không tận. Người vô cầu với tập vị trí trí hiện ở trước, có mười hai sử diệt tác chứng, các kiết đều không tận. Được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Sử nơi cõi Sắc do tận đế đoạn cũng lại như vậy.

Sử nơi cõi Sắc do đạo đế đoạn khi diệt tác chứng, người phạm phu đạt được ái sắc tận, có ba mươi một sử diệt tác chứng, các kiết đều không tận. Người vô cầu với đạo vị trí trí hiện ở trước, có mười bốn sử diệt tác chứng, ba kiết vĩnh viễn tận. Được quả Tu-đà-hoàn

cho đến quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Sử nơi cõi Sắc do tư duy đoạn khi diệt tác chứng, người phạm phu đạt được ái sắc tận, có ba mươi một sử diệt tác chứng, các kiết đều không tận. Người vô cầu có ba sử diệt tác chứng, các kiết đều không tận. Được quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Sử nơi cõi Vô sắc do khổ đế đoạn khi diệt tác chứng, khổ vị trí hiện ở trước, có mười tám sử diệt tác chứng, các kiết đều không tận. Được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Sử nơi cõi Vô sắc do tập đế đoạn khi diệt tác chứng, tập vị trí hiện ở trước, có mười hai sử diệt tác chứng, các kiết đều không tận. Được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Sử nơi cõi Vô sắc do tận đế đoạn cũng lại như vậy.

Sử nơi cõi Vô sắc do đạo đế đoạn khi diệt tác chứng, được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận.

Sử nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn khi diệt tác chứng, được quả A-la-hán, có chín mươi tám sử diệt tác chứng, chín kiết vĩnh viễn tận.

HẾT - QUYỂN 8

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

QUYỂN 9

Kiểm độ thứ 3: TRÍ

** Tụng nêu tổng quát:*

*Tám thứ có năm xứ
Trí biết tâm người khác
Nếu hay tu hành trí
Tương ứng ở sau cùng.*

Phẩm 1: BÀN VỀ TÁM ĐẠO

** Tụng nêu chung:*

*Tám mươi trí chung
Trạch pháp luôn trước
Các giác tương ứng
Đời kiến vô lậu.*

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Học kiến tích thành tựu tám chi học. A-la-hán lậu dứt hết thành tựu mười chi vô học”. Học kiến tích thành tựu tám chi học: Có bao nhiêu thứ là quá khứ, vị lai, hiện tại? A-la-hán lậu dứt hết thành tựu mười chi vô học: Có bao nhiêu thứ là quá khứ, vị lai, hiện tại?

Thế nào là kiến? Thế nào là trí? Thế nào là tuệ?

Các kiến là trí chẳng? Nếu là trí là kiến chẳng? Các kiến là tuệ chẳng? Nếu là tuệ là kiến chẳng? Các trí là tuệ chẳng? Nếu là tuệ là trí chẳng?

Kiến gồm thâm trí hay trí gồm thâm kiến? Kiến gồm thâm tuệ hay tuệ gồm thâm kiến? Trí gồm thâm tuệ hay tuệ gồm thâm trí?

Nếu thành tựu kiến là thành tựu trí chẳng? Nếu như thành tựu trí là thành tựu kiến chẳng? Nếu thành tựu kiến là thành tựu tuệ chẳng? Nếu như thành tựu tuệ là thành tựu kiến chẳng? Nếu thành tựu trí là thành tựu tuệ chẳng? Nếu như thành tựu tuệ là thành tựu trí chẳng?

Nếu kiến đã diệt hoàn toàn (đã đoạn, đã nhận biết khắp) là trí chẳng? Nếu như trí đã diệt hoàn toàn là kiến chẳng? Nếu kiến đã diệt hoàn toàn là tuệ chẳng? Nếu như tuệ đã diệt hoàn toàn là kiến chẳng? Nếu trí đã diệt hoàn toàn là tuệ chẳng? Nếu như tuệ đã diệt hoàn toàn là trí chẳng?

Các đẳng kiến (chánh kiến) là giác ý trạch pháp chẳng? Nếu là giác ý trạch pháp là đẳng kiến chẳng? Các đẳng trí (chánh trí) là giác ý trạch pháp chẳng? Nếu là giác ý trạch pháp là đẳng trí chẳng?

Khi giác ý niệm hiện tiền: Có bao nhiêu giác ý, bao nhiêu đạo chủng (đạo chi) hiện ở trước? Khi các giác ý: Tinh tấn, Hỷ, Ý (Khinh an), Định, Hộ (Xả), cùng các đạo chủng: Đẳng kiến, Đẳng chí, Đẳng ngữ, Đẳng nghiệp, Đẳng mạng, Đẳng phương tiện, Đẳng niệm, Đẳng định (tám chánh đạo: chánh kiến v.v...) hiện tiền: Có bao nhiêu giác ý, bao nhiêu đạo chủng hiện ở trước?

Các pháp tương ưng với giác ý niệm, pháp đó tương ưng với giác ý trạch pháp chẳng? Nếu như các pháp tương ưng với giác ý trạch pháp, pháp đó tương ưng với giác ý niệm chẳng? Các pháp tương ưng với giác ý niệm, pháp đó tương ưng với giác ý Tinh tấn,

Hỷ, Ý (Khinh an), Định, Hộ (Xả), Đẳng kiến, Đẳng chí, Đẳng phương tiện, Đẳng niệm, Đẳng định chẳng? Nếu như các pháp tương ưng với giác ý Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Hộ, Đẳng kiến, Đẳng chí, Đẳng phương tiện, Đẳng niệm, Đẳng định, pháp đó tương ưng với giác ý niệm chẳng? Cho đến các pháp tương ưng với đẳng niệm, pháp đó tương ưng với đẳng định chẳng? Nếu như các pháp tương ưng với đẳng định, pháp đó tương ưng với đẳng niệm chẳng?

Thế nào là đẳng kiến (chánh kiến) thế tục? Thế nào là đẳng trí thế tục? Các đẳng kiến thế tục là đẳng trí thế tục chẳng? Nếu là đẳng trí thế tục là đẳng kiến thế tục chẳng? Đẳng kiến thế tục gồm thâm đẳng trí thế tục, hay đẳng trí thế tục gồm thâm đẳng kiến thế tục? Nếu thành tựu đẳng kiến thế tục là thành tựu đẳng trí thế tục chẳng? Nếu như thành tựu đẳng trí thế tục là thành tựu đẳng kiến thế tục chẳng? Nếu đẳng kiến thế tục đã diệt hoàn toàn (đã đoạn, đã nhận biết khắp) là đẳng trí thế tục chẳng? Nếu như đẳng trí thế tục đã diệt hoàn toàn là đẳng kiến thế tục chẳng?

Thế nào là đẳng kiến vô lậu? Thế nào là đẳng trí vô lậu? Các đẳng kiến vô lậu là đẳng trí vô lậu chẳng? Nếu là đẳng trí vô lậu là đẳng kiến vô lậu chẳng? Đẳng kiến vô lậu gồm thâm đẳng trí vô lậu, hay đẳng trí vô lậu gồm thâm đẳng kiến vô lậu? Nếu thành tựu đẳng kiến vô lậu là thành tựu đẳng trí vô lậu chẳng? Nếu như thành tựu đẳng trí vô lậu là thành tựu đẳng kiến vô lậu chẳng?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Học kiến tích thành tựu tám chi học. A-la-hán lậu dứt hết thành tựu mười chi vô học”.

Hỏi: Học kiến tích thành tựu tám chi học: Có bao nhiêu thứ là quá khứ, vị lai, hiện tại?

Đáp: Nếu dựa vào Tam muội có giác có quán, học kiến đầu tiên hiện ở trước, quá khứ không có, vị lai tám, hiện tại tám, học kiến kia diệt rồi không mất.

Nếu dựa vào Tam muội có giác có quán, học kiến hiện ở trước, quá khứ tám, vị lai tám, hiện tại tám, học kiến kia diệt rồi không mất.

Nếu dựa vào Tam muội không giác không quán, học kiến hiện ở trước, quá khứ tám, vị lai tám, hiện tại bảy (không có đẳng chí: chánh tư duy), học kiến kia diệt rồi không mất.

Nếu dựa vào định vô sắc, học kiến hiện ở trước, quá khứ tám, vị lai tám, hiện tại bốn (trừ đẳng chí, đẳng ngữ, đẳng nghiệp, đẳng mạng), học kiến kia diệt rồi không mất.

Nếu nhập Tam muội diệt tận, hoặc tâm thể tục hiện ở trước, quá khứ tám, vị lai tám, hiện tại không có.

Nếu dựa vào Tam muội không giác không quán, học kiến đầu tiên hiện ở trước, quá khứ không có, vị lai tám, hiện tại bảy, học kiến kia diệt rồi không mất.

Nếu lại dựa vào Tam muội không giác không quán, học kiến hiện ở trước, quá khứ bảy, vị lai tám, hiện tại bảy, học kiến kia diệt rồi không mất.

Nếu lại dựa vào định vô sắc, học kiến hiện ở trước, quá khứ bảy, vị lai tám, hiện tại bốn, học kiến kia diệt rồi không mất.

Nếu nhập định diệt tận, tâm thể tục hiện ở trước, quá khứ bảy, vị lai tám, hiện tại không có, học kiến kia diệt rồi không mất.

Nếu lại dựa vào Tam muội có giác có quán, học kiến hiện ở trước, quá khứ bảy, vị lai tám, hiện tại tám.

Nếu dựa vào định vô sắc, học kiến tích đầu tiên hiện ở trước, quá khứ không có, vị lai tám, hiện tại bốn, học kiến kia diệt rồi không mất.

Lại dựa vào định vô sắc, học kiến hiện ở trước, quá khứ bốn, vị lai tám, hiện tại bốn, học kiến kia diệt rồi không mất.

Lại nhập định diệt tận, tâm thể tục hiện ở trước, quá khứ bốn, vị lai tám, hiện tại không có, học kiến kia diệt rồi không mất.

Lại dựa vào Tam muội có giác có quán, học kiến hiện ở trước, quá khứ bốn, vị lai tám, hiện tại tám, học kiến kia diệt rồi không mất.

Lại dựa vào Tam muội không giác không quán, học kiến hiện ở trước, quá khứ bốn, vị lai tám, hiện tại bảy.

Hỏi: A-la-hán lậu dứt hết thành tựu mười chi vô học: Có bao nhiêu thứ là quá khứ, vị lai, hiện tại?

Đáp: Nếu dựa vào Tam muội có giác có quán, trí vô học đầu tiên hiện ở trước, quá khứ không có, vị lai mười, hiện tại chín (không có đẳng kiến), trí vô học kia diệt rồi không mất.

Lại dựa vào Tam muội có giác có quán, trí vô học hiện ở trước, quá khứ chín, vị lai mười, hiện tại chín, trí vô học kia diệt rồi không mất.

Nếu dựa vào Tam muội không giác không quán, trí vô học hiện ở trước, quá khứ chín, vị lai mười, hiện tại tám (không có đẳng chí, đẳng kiến), trí vô học kia diệt rồi không mất.

Nếu dựa vào định vô sắc, trí vô học hiện ở trước, quá khứ chín, vị lai mười, hiện tại năm, trí vô học kia diệt rồi không mất.

Nếu nhập định diệt tận, tâm thể tục hiện ở trước, quá khứ chín, vị lai mười, hiện tại không có, trí vô học kia diệt rồi không mất.

Nếu dựa vào Tam muội có giác có quán, trí – kiến vô học đầu tiên hiện ở trước, quá khứ chín, vị lai mười, hiện tại chín, trí – kiến kia diệt rồi không mất.

Lại dựa vào Tam muội có giác có quán, hoặc trí, hoặc kiến vô học hiện ở trước, quá khứ mười, vị lai mười, hiện tại chín, trí – kiến kia diệt rồi không mất.

Lại dựa vào Tam muội không giác không quán, hoặc trí, hoặc kiến vô học hiện ở trước, quá khứ mười, vị lai mười, hiện tại tám, trí – kiến kia diệt rồi không mất.

Lại dựa vào định vô sắc, hoặc trí, hoặc kiến vô học hiện ở trước, quá khứ mười, vị lai mười, hiện tại năm, trí – kiến kia diệt rồi không mất.

Lại nhập định diệt tận, tâm thế tục hiện ở trước, quá khứ mười, vị lai mười, hiện tại không có.

Nếu dựa vào Tam muội không giác không quán, trí vô học đầu tiên hiện ở trước, quá khứ không có, vị lai mười, hiện tại tám, trí vô học kia diệt rồi không mất.

Lại dựa vào Tam muội không giác không quán, trí vô học hiện ở trước, quá khứ tám, vị lai mười, hiện tại tám, trí vô học kia diệt rồi không mất.

Lại dựa vào định vô sắc, trí vô học hiện ở trước, quá khứ tám, vị lai mười, hiện tại năm, trí vô học kia diệt rồi không mất.

Lại nhập định diệt tận, tâm thế tục hiện ở trước, quá khứ tám, vị lai mười, hiện tại không có, tâm kia diệt rồi không mất.

Lại dựa vào Tam muội có giác có quán, trí vô học hiện ở trước, quá khứ tám, vị lai mười, hiện tại chín, trí vô học kia diệt rồi không mất.

Lại dựa vào Tam muội không giác không quán, trí vô học đầu tiên hiện ở trước, quá khứ tám, vị lai mười, hiện tại tám, trí vô học kia diệt rồi không mất.

Lại dựa vào Tam muội không giác không quán, hoặc trí, hoặc kiến vô học hiện ở trước, quá khứ chín, vị lai mười, hiện tại tám, trí – kiến kia diệt rồi không mất.

Lại dựa vào định vô sắc, hoặc trí, hoặc kiến vô học hiện ở trước, quá khứ chín, vị lai mười, hiện tại năm, trí – kiến kia diệt rồi không mất.

Lại nhập Tam muội diệt tận, tâm thế tục hiện ở trước, quá khứ chín, vị lai mười, hiện tại không có, tâm kia diệt rồi không mất.

Lại dựa vào Tam muội có giác có quán, hoặc trí, hoặc kiến vô học hiện ở trước, quá khứ chín, vị lai mười, hiện tại chín, trí – kiến kia diệt rồi không mất.

Nếu dựa vào định vô sắc, trí vô học đầu tiên hiện ở trước, quá khứ không có, vị lai mười, hiện tại năm, trí vô học kia diệt rồi không mất.

Lại dựa vào định vô sắc, trí vô học hiện ở trước, quá khứ năm, vị lai mười, hiện tại năm, trí vô học kia diệt rồi không mất.

Nếu nhập định diệt tận, tâm thế tục hiện ở trước, quá khứ năm, vị lai mười, hiện tại không có, tâm kia diệt rồi không mất.

Lại dựa vào Tam muội có giác có quán, trí vô học hiện ở trước, quá khứ năm, vị lai mười, hiện tại chín, trí vô học kia diệt rồi không mất.

Lại dựa vào Tam muội không giác không quán, trí vô học hiện ở trước, quá khứ năm, vị lai mười, hiện tại tám, trí vô học kia diệt rồi không mất.

Lại dựa vào định vô sắc, trí vô học đầu tiên hiện ở trước, quá khứ năm, vị lai mười, hiện tại năm, trí vô học kia diệt rồi không mất.

Lại dựa vào định vô sắc, hoặc trí, hoặc kiến vô học hiện ở trước, quá khứ sáu, vị lai mười, hiện tại năm, trí – kiến kia diệt rồi không mất.

Lại nếu nhập Tam muội diệt tận, tâm thế tục hiện ở trước, quá khứ sáu, vị lai mười, hiện tại không có, tâm kia diệt rồi không mất.

Lại dựa vào Tam muội có giác có quán, hoặc trí, hoặc kiến vô học hiện ở trước, quá khứ sáu, vị lai mười, hiện tại chín, trí – kiến kia diệt rồi không mất.

Lại dựa vào Tam muội không giác không quán, hoặc trí, hoặc kiến vô học hiện ở trước, quá khứ sáu, vị lai mười, hiện tại tám, trí – kiến kia diệt rồi không mất.

Hỏi: Thế nào là kiến?

Đáp: Là năm kiến của nhãn căn, đẳng kiến (chánh kiến) thế tục, kiến học, kiến vô học.

Hỏi: Thế nào là trí?

Đáp: Là trừ nhĩn đã tu, các ý thức thân khác tương ưng với trí và năm thức thân tương ưng với trí, với tận trí, vô sinh trí.

Hỏi: Thế nào là tuệ?

Đáp: Là ý thức thân tương ưng với tuệ và năm thức thân tương ưng với tuệ, với tận trí vô sinh trí.

Hỏi: Các kiến là trí chăng?

Đáp: Hoặc có kiến không phải là trí.

Thế nào là kiến không phải là trí? Là nhãn căn và nhĩn đã tu tập (nhân vô lậu). Đây là kiến không phải là trí.

Thế nào là trí không phải là kiến? Là trừ năm kiến và đẳng kiến thế tục, còn lại là các ý thức thân khác tương ưng với tuệ hữu lậu và năm thức thân tương ưng với tuệ, với tận trí, vô sinh trí. Đây là trí không phải là kiến.

Thế nào là kiến cũng là trí? Là trừ nhĩn đã tu tập (nhĩn vô lậu) và tận trí, vô sinh trí, là các tuệ vô lậu còn lại, năm kiến, đẳng kiến thế tục. Đây là kiến cũng là trí.

Thế nào là không phải trí cũng không phải là kiến? Là trừ các sự việc đã nêu trên.

Hỏi: Các kiến là tuệ chăng?

Đáp: Hoặc có kiến không phải là tuệ.

Thế nào là kiến không phải là tuệ? Là nhãn căn. Đây là kiến không phải là tuệ.

Thế nào là tuệ không phải là kiến? Là trừ năm kiến và đẳng kiến thế tục, còn lại là các ý thức thân tương ứng với tuệ hữu lậu và năm thức thân tương ứng với tuệ, với tận trí, vô sinh trí. Đây là tuệ không phải là kiến.

Thế nào là kiến cũng là tuệ? Là trừ tận trí, vô sinh trí, còn lại là các tuệ vô lậu, năm kiến và đẳng kiến thế tục. Đây là kiến cũng là tuệ.

Thế nào là không phải kiến cũng không phải là tuệ? Là trừ các sự việc đã nêu trên.

Hỏi: Các trí là tuệ chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Tùng có tuệ không phải là trí chăng?

Đáp: Có. Là nhãn đã tu tập (nhãn vô lậu).

Hỏi: Kiến gồm thân trí hay trí gồm thân kiến?

Đáp: Hoặc có kiến không gồm thân trí.

Thế nào là kiến không gồm thân trí? Là nhãn căn và nhãn đã tu tập (nhãn vô lậu). Đây là kiến không gồm thân trí.

Thế nào là trí không gồm thân kiến? Là trừ năm kiến và đẳng kiến thế tục, còn lại là các ý thức thân tương ứng với tuệ hữu lậu và năm thức thân tương ứng với tuệ, với tận trí, vô sinh trí. Đây là trí không gồm thân kiến.

Thế nào là trí, kiến cùng gồm thâm? Là trừ nhãn đã tu tập và tận trí, vô sinh trí, còn lại là các tuệ vô lậu, năm kiến và đẳng kiến thế tục. Đây là trí, kiến cùng gồm thâm.

Thế nào là không phải kiến cũng không phải trí gồm thâm? Là trừ các sự việc đã nêu trên.

Hỏi: Kiến gồm thâm tuệ hay tuệ gồm thâm kiến?

Đáp: Hoặc có kiến không gồm thâm tuệ.

Thế nào là kiến không gồm thâm tuệ? Là nhãn căn. Đây là kiến không gồm thâm tuệ.

Thế nào là tuệ không gồm thâm kiến? Là trừ năm kiến và đẳng kiến thế tục, còn lại là các ý thức thân tương ưng với tuệ hữu lậu và năm thức thân tương ưng với tuệ, với tận trí, vô sinh trí. Đây là tuệ không gồm thâm kiến.

Thế nào là kiến, tuệ cùng gồm thâm? Là trừ tận trí, vô sinh trí, còn lại là các tuệ vô lậu, năm kiến cùng đẳng kiến thế tục. Đây là kiến, tuệ cùng gồm thâm.

Thế nào là không phải kiến cũng không phải tuệ gồm thâm? Là trừ các sự việc nêu trên.

Hỏi: Trí gồm thâm tuệ hay tuệ gồm thâm trí?

Đáp: Tuệ gồm thâm trí, không phải trí gồm thâm tuệ. Những gì là không gồm thâm? Là nhãn đã tu tập (Nhãn vô lậu).

Thành tựu với diệt (đã đoạn đã nhận biết khắp) cũng lại như vậy.

Lý nhất định gồm thâm thành tựu, diệt.

Hỏi: Các đẳng kiến (chánh kiến) là giác ý trạch pháp chăng?

Đáp: Hoặc có đẳng kiến không phải là giác ý trạch pháp.

Thế nào là đẳng kiến không phải là giác ý trạch pháp? Là đẳng kiến thế tục. Đây là đẳng kiến không phải là giác ý trạch pháp.

Thế nào là giác ý trạch pháp không phải là đẳng kiến? Là tận trí, vô sinh trí. Đây là giác ý trạch pháp không phải là đẳng kiến.

Thế nào là đẳng kiến cũng là giác ý trạch pháp? Là trừ tận trí, vô sinh trí, còn lại là các tuệ vô lậu. Đây là đẳng kiến cũng là giác ý trạch pháp.

Thế nào là không phải đẳng kiến cũng không phải là giác ý trạch pháp? Là trừ các sự việc nêu trên.

Hỏi: Các đẳng trí (chánh trí) là giác ý trạch pháp chăng?

Đáp: Hoặc có đẳng trí không phải là giác ý trạch pháp.

Thế nào là đẳng trí không phải là giác ý trạch pháp? Là đẳng trí thế tục. Đây là đẳng trí không phải là giác ý trạch pháp.

Thế nào là giác ý trạch pháp không phải là đẳng trí? Là nhãn đã tu tập (Nhãn vô lậu). Đây là giác ý trạch pháp không phải là đẳng trí.

Thế nào là đẳng trí cũng là giác ý trạch pháp? Là trừ nhãn đã tu tập, còn lại là các tuệ vô lậu. Đây là đẳng trí cũng là giác ý trạch pháp.

Thế nào là không phải đẳng trí cũng không phải là giác ý trạch pháp? Là trừ các sự việc nêu trên.

Hỏi: Khi giác ý niệm hiện tiền: Có bao nhiêu giác ý, bao nhiêu đạo chủng (đạo chi) hiện ở trước?

Đáp: Nếu dựa vào Tam muội có giác có quán ở vị lai, khi giác ý niệm hiện tiền, hữu học có sáu giác ý và tám đạo chủng hiện ở trước, vô học có sáu giác ý và chín đạo chủng hiện ở trước.

Nếu dựa vào thiên thứ nhất, khi giác ý niệm hiện tiền, hữu học có bảy giác ý và tám đạo chủng hiện ở trước, vô học có bảy giác ý và chín đạo chủng hiện ở trước.

Nếu dựa vào thiên trung gian, khi giác ý niệm hiện tiền, hữu học có sáu giác ý và bảy đạo chủng hướng tới, vô học có sáu giác ý và tám đạo chủng hiện ở trước.

Nếu dựa vào hai thiên, khi giác ý niệm hiện tiền, hữu học có bảy giác ý và bảy đạo chủng hiện ở trước, vô học có bảy giác ý và tám đạo chủng hiện ở trước.

Nếu dựa vào ba thiên, bốn thiên, khi giác ý niệm hiện tiền, hữu học có sáu giác ý và bảy đạo chủng hiện ở trước, vô học có sáu giác ý và tám đạo chủng hiện ở trước.

Nếu dựa vào định vô sắc, khi giác ý niệm hiện tiền, hữu học có sáu giác ý và bốn đạo chủng hiện ở trước, vô học có sáu giác ý và năm đạo chủng hiện ở trước.

Các giác ý: Tinh tấn, Ý (Khinh an), Định, Hộ (Xả), các đạo chủng: Đẳng kiến (chánh kiến), Đẳng phương tiện (chánh tinh tấn), Đẳng niệm, Đẳng định cũng lại như vậy.

Hỏi: Khi giác ý hỷ hiện tiền: Có bao nhiêu giác ý, bao nhiêu đạo chủng hiện ở trước?

Đáp: Nếu dựa vào thiên thứ nhất, khi giác ý hỷ hiện tiền, hữu học có bảy giác ý và tám đạo chủng hiện ở trước, vô học có bảy giác ý và chín đạo chủng hiện ở trước.

Nếu dựa vào thiên thứ hai, khi giác ý hỷ hiện tiền, hữu học có bảy giác ý và bảy đạo chủng hiện ở trước, vô học có bảy giác ý và tám đạo chủng hiện ở trước.

Hỏi: Khi đẳng chí hiện tiền: Có bao nhiêu giác ý, bao nhiêu đạo chủng hiện ở trước?

Đáp: Nếu dựa vào Tam muội vị lai có giác có quán, khi đẳng chí hiện tiền, hữu học có sáu giác ý và tám đạo chủng hiện ở trước, vô học có sáu giác ý và chín đạo chủng hiện ở trước.

Nếu dựa vào thiên thứ nhất, khi đẳng chí hiện tiền, hữu học có bảy giác ý và tám đạo chủng hiện ở trước, vô học có bảy giác ý và chín đạo chủng hiện ở trước.

Hỏi: Khi đẳng ngữ hiện tiền: Có bao nhiêu giác ý, bao nhiêu đạo chủng hiện ở trước?

Đáp: Nếu dựa vào Tam muội vị lai có giác có quán, khi đẳng ngữ hiện tiền, hữu học có sáu giác ý và tám đạo chủng hiện ở trước, vô học có sáu giác ý và chín đạo chủng hiện ở trước.

Nếu dựa vào thiên thứ nhất, khi đẳng ngữ hiện tiền, hữu học có bảy giác ý và tám đạo chủng hiện ở trước, vô học có bảy giác ý và chín đạo chủng hiện ở trước.

Nếu dựa vào thiên trung gian, khi đẳng ngữ hiện tiền, hữu học có sáu giác ý và bảy đạo chủng hướng tới, vô học có sáu giác ý và tám đạo chủng hiện ở trước.

Nếu dựa vào hai thiên, khi đẳng ngữ hiện tiền, hữu học có bảy giác ý và bảy đạo chủng hiện ở trước, vô học có bảy giác ý và tám đạo chủng hiện ở trước.

Nếu dựa vào ba thiên, bốn thiên, khi đẳng ngữ hiện tiền, hữu học có sáu giác ý và bảy đạo chủng hiện ở trước, vô học có sáu giác ý và tám đạo chủng hiện ở trước.

Đẳng nghiệp, đẳng mạng cũng lại như thế.

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác ý niệm, pháp đó tương ưng với giác ý trạch pháp chăng?

Đáp: Hoặc có giác ý niệm không phải là giác ý trạch pháp.

Thế nào là giác ý niệm không phải là giác ý trạch pháp? Là giác ý trạch pháp. Đây là giác ý niệm không phải là giác ý trạch pháp.

Thế nào là giác ý trạch pháp không phải là giác ý niệm? Là giác ý niệm. Đây là giác ý trạch pháp không phải là giác ý niệm.

Thế nào là giác ý niệm cũng là giác ý trạch pháp? Là trừ giác ý trạch pháp, còn lại là các pháp tương ưng với giác ý niệm. Đây là giác ý niệm cũng là giác ý trạch pháp.

Thế nào là không phải giác ý niệm cũng không phải là giác ý trạch pháp? Là các tâm tâm pháp khác, sắc, vô vi, tâm bất tương hành. Đây là không phải giác ý niệm cũng không phải là giác ý trạch pháp.

Giác ý tinh tấn, ý (khinh an), định, hộ (xả), đẳng phương tiện, đẳng định cũng lại như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác ý niệm, pháp đó tương ưng với giác ý hỷ chăng?

Đáp: Hoặc có giác ý niệm không phải là giác ý hỷ.

Thế nào là giác ý niệm không phải là giác ý hỷ? Là giác ý hỷ và giác ý hỷ không tương ưng với pháp tương ưng của giác ý niệm. Đây là giác ý niệm không phải là giác ý hỷ.

Thế nào là giác ý hỷ không phải là giác ý niệm? Là giác ý hỷ tương ưng với giác ý niệm. Đây là giác ý hỷ không phải là giác ý niệm.

Thế nào là giác ý niệm cũng là giác ý hỷ? Là trừ giác ý niệm, còn lại là các pháp tương ưng với giác ý hỷ. Đây là giác ý niệm cũng là giác ý hỷ.

Thế nào là không phải giác ý niệm cũng không phải là giác ý hỷ? Là giác ý hỷ không tương ưng với giác ý niệm, cùng các tâm tâm pháp khác, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải giác ý niệm cũng không phải là giác ý hỷ.

Đẳng kiến, đẳng chí cũng lại như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác ý niệm, pháp đó tương ưng với đẳng niệm chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Nếu như các pháp tương ưng với đẳng niệm, pháp đó tương ưng với giác ý niệm chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác ý trạch pháp, pháp đó tương ưng với giác ý tinh tấn chăng?

Đáp: Hoặc có giác ý trạch pháp không phải là giác ý tinh tấn.

Thế nào là giác ý trạch pháp không phải là giác ý tinh tấn? Là giác ý tinh tấn. Đây là giác ý trạch pháp không phải là giác ý tinh tấn.

Thế nào là giác ý tinh tấn không phải là giác ý trạch pháp? Là giác ý trạch pháp. Đây là giác ý tinh tấn không phải là giác ý trạch pháp.

Thế nào là giác ý trạch pháp cũng là giác ý tinh tấn? Là trừ giác ý tinh tấn, còn lại là các pháp tương ưng của giác ý trạch pháp. Đây là giác ý trạch pháp cũng là giác ý tinh tấn.

Thế nào là không phải giác ý trạch pháp cũng không phải là giác ý tinh tấn? Là các tâm pháp khác, sắc vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải giác ý trạch pháp cũng không phải là giác ý tinh tấn.

Giác ý ý (Khinh an), định, hộ, đẳng phương tiện, đẳng định, đẳng niệm cũng lại như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác ý trạch pháp, pháp đó tương ưng với giác ý hỷ chăng?

Đáp: Hoặc có giác ý trạch pháp không phải là giác ý hỷ.

Thế nào là giác ý trạch pháp không phải là giác ý hỷ? Là giác ý hỷ và giác ý hỷ không tương ưng với pháp tương ưng của giác ý trạch pháp. Đây là giác ý trạch pháp không phải là giác ý hỷ.

Thế nào là giác ý hỷ không phải là giác ý trạch pháp? Là giác ý hỷ tương ưng với giác ý trạch pháp. Đây là giác ý hỷ không phải là giác ý trạch pháp.

Thế nào là giác ý trạch pháp cũng là giác ý hỷ? Là trừ giác ý trạch pháp, còn lại là các pháp tương ưng của giác ý hỷ. Đây là giác ý trạch pháp cũng là giác ý hỷ.

Thế nào là không phải giác ý trạch pháp cũng không phải là giác ý hỷ? Là giác ý hỷ không tương ưng với giác ý trạch pháp cùng các tâm tâm pháp khác, sắc vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải giác ý trạch pháp cũng không phải là giác ý hỷ.

Đẳng chí cũng lại như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác ý trạch pháp, pháp đó tương ưng với đẳng kiến chãng?

Đáp: Đúng thế. Các pháp tương ưng với đẳng kiến, pháp đó tương ưng với giác ý trạch pháp.

Hỏi: Từng có pháp tương ưng với giác ý trạch pháp, không tương ưng với đẳng kiến chãng?

Đáp: Có. Là đẳng kiến không gồm thâu giác ý trạch pháp.

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác ý tinh tấn, pháp đó tương ưng với giác ý hỷ chãng?

Đáp: Hoặc có giác ý tinh tấn không phải là giác ý hỷ.

Thế nào là giác ý tinh tấn không phải là giác ý hỷ? Là giác ý hỷ và giác ý hỷ không tương ưng với pháp tương ưng của giác ý tinh tấn. Đây là giác ý tinh tấn không phải là giác ý hỷ.

Thế nào là giác ý hỷ không phải là giác ý tinh tấn? Là giác ý hỷ tương ưng với giác ý tinh tấn. Đây là giác ý hỷ không phải là giác ý tinh tấn.

Thế nào là giác ý tinh tấn cũng là giác ý hỷ? Là trừ giác ý tinh tấn, còn lại là các pháp tương ưng với giác ý hỷ. Đây là giác ý tinh tấn cũng là giác ý hỷ.

Thế nào là không phải giác ý tinh tấn cũng không phải là giác ý hỷ? Là giác ý hỷ không tương ưng với giác ý tinh tấn cùng các tâm tâm pháp khác, sắc vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải giác ý tinh tấn cũng không phải là giác ý hỷ.

Đẳng kiến, đẳng chí cũng lại như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng của giác ý tinh tấn, pháp đó tương ưng với giác ý ý (khinh an) chăng?

Đáp: Hoặc có giác ý tinh tấn không phải là giác ý khinh an.

Thế nào là giác ý tinh tấn không phải là giác ý khinh an? Là giác ý ý. Đây là giác ý tinh tấn không phải là giác ý khinh an.

Thế nào là giác ý khinh an không phải là giác ý tinh tấn? Là giác ý tinh tấn. Đây là giác ý khinh an không phải là giác ý tinh tấn.

Thế nào là giác ý tinh tấn cũng là giác ý khinh an? Là trừ giác ý khinh an, còn lại là các pháp tương ưng với giác ý tinh tấn. Đây là giác ý tinh tấn cũng là giác ý khinh an.

Thế nào là không phải giác ý tinh tấn cũng không phải là giác ý khinh an? Là các tâm tâm pháp khác, sắc vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải giác ý tinh tấn cũng không phải là giác ý khinh an.

Giác ý định, hộ, đẳng niệm, đẳng định cũng lại như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác ý tinh tấn, pháp đó tương ưng với đẳng phương tiện (chánh tinh tấn) chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Nếu như các pháp tương ưng với đẳng phương tiện, pháp đó tương ưng với giác ý tinh tấn chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác ý hỷ, pháp đó tương ưng với giác ý ý (khinh an) chăng?

Đáp: Hoặc có giác ý hỷ không phải là giác ý khinh an.

Thế nào là giác ý hỷ không phải là giác ý khinh an? Là giác ý hỷ tương ưng với giác ý khinh an. Đây là giác ý hỷ không phải là giác ý khinh an.

Thế nào là giác ý khinh an không phải là giác ý hỷ? Là giác ý hỷ và giác ý hỷ không tương ưng với pháp tương ưng của giác ý khinh an. Đây là giác ý khinh an không phải là giác ý hỷ.

Thế nào là giác ý hỷ cũng là giác ý khinh an? Là trừ giác ý khinh an, còn lại là các pháp tương ưng với giác ý hỷ. Đây là giác ý hỷ cũng là giác ý khinh an.

Thế nào là không phải giác ý hỷ cũng không phải là giác ý khinh an? Là giác ý hỷ không tương ưng với giác ý khinh an, cùng các tâm tâm pháp khác, sắc vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải giác ý hỷ cũng không phải là giác ý khinh an.

Giác ý định, hộ, đẳng phương tiện, đẳng niệm, đẳng định cũng lại như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác ý hỷ, pháp đó tương ưng với đẳng kiến (chánh kiến) chăng?

Đáp: Hoặc có giác ý hỷ không phải là đẳng kiến.

Thế nào là giác ý hỷ không phải là đẳng kiến? Là giác ý hỷ tương ưng với đẳng kiến, các đẳng kiến khác không tương ưng với pháp tương ưng của giác ý hỷ. Đây là giác ý hỷ không phải là đẳng kiến.

Thế nào là đẳng kiến không phải là giác ý hỷ? Là đẳng kiến tương ưng với giác ý hỷ, các giác ý hỷ khác không tương ưng với pháp tương ưng của đẳng kiến. Đây là đẳng kiến không phải là giác ý hỷ.

Thế nào là giác ý hỷ cũng là đẳng kiến? Là trừ giác ý hỷ tương ưng với đẳng kiến, còn lại là các giác ý hỷ tương ưng với pháp tương ưng của đẳng kiến. Đây là giác ý hỷ cũng là đẳng kiến.

Thế nào là không phải giác ý hỷ cũng không phải là đẳng kiến? Là giác ý hỷ không tương ưng với đẳng kiến, đẳng kiến không tương ưng với giác ý hỷ, cùng các tâm tâm pháp khác, sắc vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải giác ý hỷ cũng không phải là đẳng kiến.

Đẳng chí cũng lại như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác ý ý (khinh an), pháp đó tương ưng với giác ý định chăng?

Đáp: Hoặc có giác ý khinh an không phải là giác ý định.

Thế nào là giác ý khinh an không phải là giác ý định? Là giác ý định. Đây là giác ý khinh an không phải là giác ý định.

Thế nào là giác ý định không phải là giác ý khinh an? Là giác ý khinh an. Đây là giác ý định không phải là giác ý khinh an.

Thế nào là giác ý khinh an cũng là giác ý định? Là trừ giác ý định, còn lại là các pháp tương ưng với giác ý khinh an. Đây là giác ý khinh an cũng là giác ý định.

Thế nào là không phải giác ý khinh an cũng không phải là giác ý định? Là các tâm tâm pháp khác, sắc vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải giác ý khinh an cũng không phải là giác ý định.

Giác ý hộ, đẳng phương tiện, đẳng niệm, đẳng định cũng lại như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng của giác ý khinh an, pháp đó tương ưng với đẳng kiến chăng?

Đáp: Hoặc có giác ý khinh an không phải là đẳng kiến.

Thế nào là giác ý khinh an không phải là đẳng kiến? Là đẳng kiến và đẳng kiến không tương ưng với pháp tương ưng của giác ý khinh an. Đây là giác ý khinh an không phải là đẳng kiến.

Thế nào là đẳng kiến không phải là giác ý khinh an? Là đẳng kiến tương ưng với giác ý khinh an. Đây là đẳng kiến không phải là giác ý khinh an.

Thế nào là giác ý khinh an cũng là đẳng kiến? Là trừ giác ý khinh an, còn lại là các pháp tương ưng với đẳng kiến. Đây là giác ý khinh an cũng là đẳng kiến.

Thế nào là không phải giác ý khinh an cũng không phải là đẳng kiến? Là đẳng kiến không tương ưng với giác ý khinh an, cùng các tâm tâm pháp khác, sắc vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải giác ý khinh an cũng không phải là đẳng kiến.

Đẳng chí cũng lại như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác ý định, pháp đó tương ưng với giác ý hộ (xả) chăng?

Đáp: Hoặc có giác ý định không phải là giác ý hộ.

Thế nào là giác ý định không phải là giác ý hộ? Là giác ý hộ. Đây là giác ý định không phải là giác ý hộ.

Thế nào là giác ý hộ không phải là giác ý định? Là giác ý định. Đây là giác ý hộ không phải là giác ý định.

Thế nào là giác ý định cũng là giác ý hộ? Là trừ giác ý hộ, còn lại là các pháp tương ưng với giác ý định. Đây là giác ý định cũng là giác ý hộ.

Thế nào là không phải giác ý định cũng không phải là giác ý hộ? Là các tâm tâm pháp khác, sắc vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải giác ý định cũng không phải là giác ý hộ.

Đẳng phương tiện, đẳng niệm cũng lại như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác ý định, pháp đó tương ưng với đẳng kiến chăng?

Đáp: Hoặc có giác ý định không phải là đẳng kiến.

Thế nào là giác ý định không phải là đẳng kiến? Là đẳng kiến và đẳng kiến không tương ưng với pháp tương ưng của giác ý định. Đây là giác ý định không phải là đẳng kiến.

Thế nào là đẳng kiến không phải là giác ý định? Là đẳng kiến tương ưng với giác ý định. Đây là đẳng kiến không phải là giác ý định.

Thế nào là giác ý định cũng là đẳng kiến? Là trừ giác ý định, còn lại là các pháp tương ưng với đẳng kiến. Đây là giác ý định cũng là đẳng kiến.

Thế nào là không phải giác ý định cũng không phải là đẳng kiến? Là đẳng kiến không tương ưng với giác ý định, cùng các tâm tâm pháp khác, sắc vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải giác ý định cũng không phải là đẳng kiến.

Đẳng chí cũng lại như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác ý định, pháp đó tương ưng với đẳng định chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Nếu như các pháp tương ưng với đẳng định, pháp đó tương ưng với giác ý định chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác ý hộ (xả), pháp đó tương ưng với đẳng kiến chăng?

Đáp: Hoặc có giác ý hộ không phải là đẳng kiến.

Thế nào là giác ý hộ không phải là đẳng kiến? Là đẳng kiến và đẳng kiến không tương ưng với pháp tương ưng của giác ý hộ. Đây là giác ý hộ không phải là đẳng kiến.

Thế nào là đẳng kiến không phải là giác ý hộ? Là đẳng kiến tương ưng với giác ý hộ. Đây là đẳng kiến không phải là giác ý hộ.

Thế nào là giác ý hộ cũng là đẳng kiến? Là trừ giác ý hộ, còn lại là các pháp tương ưng với đẳng kiến. Đây là giác ý hộ cũng là đẳng kiến.

Thế nào là không phải giác ý hộ cũng không phải là đẳng kiến? Là đẳng kiến không tương ưng với giác ý hộ, cùng các tâm tâm pháp khác, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải giác ý hộ cũng không phải là đẳng kiến.

Đẳng chí cũng lại như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác ý hộ, pháp đó tương ưng với đẳng phương tiện?

Đáp: Hoặc có giác ý hộ không phải là đẳng phương tiện.

Thế nào là giác ý hộ không phải là đẳng phương tiện? Là đẳng phương tiện. Đây là giác ý hộ không phải là đẳng phương tiện.

Thế nào là đẳng phương tiện không phải là giác ý hộ? Là giác ý hộ. Đây là đẳng phương tiện không phải là giác ý hộ.

Thế nào là giác ý hộ cũng là đẳng phương tiện? Là trừ đẳng phương tiện, còn lại là các pháp tương ưng với giác ý hộ. Đây là giác ý hộ cũng là đẳng phương tiện.

Thế nào là không phải giác ý hộ cũng không phải là đẳng phương tiện? Là các tâm tâm pháp khác, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải giác ý hộ cũng không phải là đẳng phương tiện.

Đẳng niệm, đẳng định, đẳng chí cũng lại như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với đẳng kiến, pháp đó tương ưng với đẳng chí chăng?

Đáp: Hoặc có đẳng kiến không phải là đẳng chí.

Thế nào là đẳng kiến không phải là đẳng chí? Là đẳng kiến tương ưng với đẳng chí và đẳng chí không tương ưng với pháp tương ưng của đẳng kiến. Đây là đẳng kiến không phải là đẳng chí.

Thế nào là đẳng chí không phải là đẳng kiến? Là đẳng chí tương ưng với đẳng kiến và đẳng kiến không tương ưng với pháp tương ưng của đẳng chí. Đây là đẳng chí không phải là đẳng kiến.

Thế nào là đẳng kiến cũng là đẳng chí? Là trừ đẳng kiến tương ưng với đẳng chí, còn lại là các pháp tương ưng của đẳng chí và đẳng kiến. Đây là đẳng kiến cũng là đẳng chí.

Thế nào là không phải đẳng kiến cũng không phải là đẳng chí? Là đẳng kiến không tương ưng với đẳng chí, đẳng chí không tương ưng với đẳng kiến, cùng các tâm tâm pháp khác, sắc vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải đẳng kiến cũng không phải là đẳng chí.

Hỏi: Các pháp tương ưng với đẳng kiến, pháp đó tương ưng với đẳng phương tiện chăng?

Đáp: Hoặc có đẳng kiến không phải là đẳng phương tiện.

Thế nào là đẳng kiến không phải là đẳng phương tiện? Là đẳng kiến tương ưng với đẳng phương tiện. Đây là đẳng kiến không phải là đẳng phương tiện.

Thế nào là đẳng phương tiện không phải là đẳng kiến? Là đẳng kiến và đẳng kiến không tương ưng với pháp tương ưng của đẳng phương tiện. Đây là đẳng phương tiện không phải là đẳng kiến.

Thế nào là đẳng kiến cũng là đẳng phương tiện? Là trừ đẳng phương tiện, còn lại là các pháp tương ưng của đẳng kiến. Đây là đẳng kiến cũng là đẳng phương tiện.

Thế nào là không phải đẳng kiến cũng không phải là đẳng phương tiện? Là đẳng kiến không tương ưng với đẳng phương tiện, cùng các tâm tâm pháp khác, sắc vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải đẳng kiến cũng không phải là đẳng phương tiện.

Đẳng niệm, đẳng định cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với đẳng chí, pháp đó tương ưng với đẳng phương tiện chăng?

Đáp: Hoặc có đẳng chí không phải là đẳng phương tiện.

Thế nào là đẳng chí không phải là đẳng phương tiện? Là đẳng chí tương ưng với đẳng phương tiện. Đây là đẳng chí không phải là đẳng phương tiện.

Thế nào là đẳng phương tiện không phải là đẳng chí? Là đẳng chí và đẳng chí không tương ưng với pháp tương ưng của đẳng phương tiện. Đây là đẳng phương tiện không phải là đẳng chí.

Thế nào là đẳng chí cũng là đẳng phương tiện? Là trừ đẳng phương tiện, còn lại là các pháp tương ưng với đẳng chí. Đây là đẳng chí cũng là đẳng phương tiện.

Thế nào là không phải đẳng chí cũng không phải là đẳng phương tiện? Là đẳng chí không tương ưng với đẳng phương tiện, cùng các tâm tâm pháp khác, sắc vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải đẳng chí cũng không phải là đẳng phương tiện.

Đẳng niệm, đẳng định cũng lại như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với đẳng phương tiện, pháp đó tương ưng với đẳng niệm chăng?

Đáp: Hoặc có đẳng phương tiện không phải là đẳng niệm.

Thế nào là đẳng phương tiện không phải là đẳng niệm? Là đẳng niệm. Đây là đẳng phương tiện không phải là đẳng niệm.

Thế nào là đẳng niệm không phải là đẳng phương tiện? Là đẳng phương tiện. Đây là đẳng niệm không phải là đẳng phương tiện.

Thế nào là đẳng phương tiện cũng là đẳng niệm? Là trừ đẳng niệm, còn lại là các pháp tương ưng với đẳng phương tiện. Đây là đẳng phương tiện cũng là đẳng niệm.

Thế nào là không phải đẳng phương tiện cũng không phải là đẳng niệm? Là các tâm tâm pháp khác, sắc vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải đẳng phương tiện cũng không phải là đẳng niệm.

Đẳng định cũng lại như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với đẳng niệm, pháp đó tương ưng với đẳng định chăng?

Đáp: Hoặc có đẳng niệm không phải là đẳng định.

Thế nào là đẳng niệm không phải là đẳng định? Là đẳng định. Đây là đẳng niệm không phải là đẳng định.

Thế nào là đẳng định không phải là đẳng niệm? Là đẳng niệm. Đây là đẳng định không phải là đẳng niệm.

Thế nào là đẳng niệm cũng là đẳng định? Là trừ đẳng định, còn lại là các pháp tương ưng với đẳng niệm. Đây là đẳng niệm cũng là đẳng định.

Thế nào là không phải đẳng niệm cũng không phải là đẳng định? Là các tâm tâm pháp khác, sắc vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải đẳng niệm cũng không phải là đẳng định.

Hỏi: Thế nào là đẳng kiến (chánh kiến) thế tục?

Đáp: Là ý thức thân tương ưng với tuệ hữu lậu thiện.

Hỏi: Thế nào là đẳng trí thế tục?

Đáp: Là ý thức thân tương ưng với tuệ hữu lậu thiện và năm thức thân tương ưng với tuệ thiện.

Hỏi: Các đẳng kiến thế tục là đẳng trí thế tục chăng?

Đáp: Đúng thế. Đẳng kiến thế tục là đẳng trí thế tục.

Hỏi: Từng có đẳng trí thế tục không phải là đẳng kiến thế tục chăng?

Đáp: Có. Là năm thức thân tương ưng với tuệ thiện.

Hỏi: Đẳng kiến thế tục gồm thâu đẳng trí thế tục, hay đẳng trí thế tục gồm thâu đẳng kiến thế tục?

Đáp: Đẳng trí thế tục gồm thâu đẳng kiến thế tục, không phải đẳng kiến thế tục gồm thâu đẳng trí thế tục. Những gì là không gồm thâu? Là năm thức thân tương ưng với tuệ thiện.

Thành tựu diệt (đã đoạn đã nhận biết khắp) cũng lại như vậy. Lý nhất định gồm thâu thành tựu diệt.

Hỏi: Thế nào là đẳng kiến vô lậu?

Đáp: Là tận trí, vô sinh trí không gồm thâu tuệ vô lậu.

Hỏi: Thế nào là đẳng trí vô lậu?

Đáp: Là trừ nhĩ đã tu tập (nhĩ vô lậu), còn lại là các tuệ vô lậu.

Hỏi: Các đẳng kiến vô lậu là đẳng trí vô lậu chăng?

Đáp: Hoặc có đẳng kiến vô lậu không phải là đẳng trí vô lậu.

Thế nào là đẳng kiến vô lậu không phải là đẳng trí vô lậu? Là nhĩ đã tu tập. Đây là đẳng kiến vô lậu không phải là đẳng trí vô lậu.

Thế nào là đẳng trí vô lậu không phải là đẳng kiến vô lậu? Là tận trí, vô sinh trí. Đây là đẳng trí vô lậu không phải là đẳng kiến vô lậu.

Thế nào là đẳng kiến vô lậu cũng là đẳng trí vô lậu? Là trừ nhãn đã tu tập, tận trí, vô sinh trí, còn lại là các tuệ vô lậu. Đây là đẳng kiến vô lậu cũng là đẳng trí vô lậu.

Thế nào là không phải đẳng kiến vô lậu cũng không phải là đẳng trí vô lậu? Là trừ các sự việc đã nêu trên.

Hỏi: Đẳng kiến vô lậu gồm thâm đẳng trí vô lậu chăng?

Đáp: Hoặc có đẳng kiến vô lậu không gồm thâm đẳng trí vô lậu.

Thế nào là đẳng kiến vô lậu không gồm thâm đẳng trí vô lậu? Là nhãn đã tu tập (nhãn vô lậu).

Thế nào là đẳng trí vô lậu không gồm thâm đẳng kiến vô lậu? Là tận trí, vô sinh trí.

Thế nào là đẳng kiến vô lậu và đẳng trí vô lậu cùng gồm thâm? Là trừ nhãn vô lậu, tận trí, vô sinh trí, còn lại là các trí vô lậu khác.

Thế nào là đẳng kiến vô lậu và đẳng trí vô lậu không cùng gồm thâm? Là trừ các sự việc đã nêu trên.

Hỏi: Nếu thành tựu đẳng kiến vô lậu là thành tựu đẳng trí vô lậu chăng?

Đáp: Đúng thế. Nếu thành tựu đẳng trí vô lậu cũng là thành tựu đẳng kiến vô lậu.

Hỏi: Từng có thành tựu đẳng kiến vô lậu không phải là đẳng trí vô lậu chăng?

Đáp: Có. Là khổ pháp nhãn khi hiện ở trước.

Lý nhất định gồm thâm thành tựu.

HẾT - QUYỂN 9

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

QUYỂN 10

Kiên độ thứ 3: TRÍ

Phẩm 2: BÀN VỀ NĂM THỨ

* *Tụng nêu chung:*

Tà kiến đặng kiến nghịch

Người học cũng vô học

Phi học phi vô học

Phạm nhãn và năm thứ.

Thế nào là tà kiến? Thế nào là tà trí?

Các tà kiến là tà trí chăng? Nếu là tà trí là tà kiến chăng?

Tà kiến gồm thâm tà trí hay tà trí gồm thâm tà kiến?

Nếu tạo thành tà kiến là tạo thành tà trí chăng? Nếu như tạo thành tà trí là tạo thành tà kiến chăng?

Nếu tà kiến đã diệt hoàn toàn (đã đoạn, đã nhận biết khắp) là tà trí chăng? Nếu như tà trí đã diệt hoàn toàn là tà kiến chăng?

Lý nhất định gồm thâm thành tựu diệt.

Thế nào là đặng kiến? Thế nào là đặng trí?

Các đặng kiến là đặng trí chăng? Nếu là đặng trí là đặng kiến chăng?

Đẳng kiến gồm thâm đẳng trí hay đẳng trí gồm thâm đẳng kiến?

Nếu thành tựu đẳng kiến là thành tựu đẳng trí chăng? Nếu như thành tựu đẳng trí là thành tựu đẳng kiến chăng?

Nếu đẳng kiến đã diệt hoàn toàn (đã đoạn, đã nhận biết khắp) là đẳng trí chăng? Nếu như đẳng trí đã diệt hoàn toàn là đẳng kiến chăng?

Lý nhất định gồm thâm thành tựu diệt.

Các tuệ nghịch (không chính đáng) đều là kiết, hay kiết đều là tuệ nghịch (không chính đáng)?

Thế nào là kiến học? Thế nào là trí học? Thế nào là tuệ học?

Các kiến học là trí học chăng? Nếu là trí học là kiến học chăng? Các kiến học là tuệ học chăng? Nếu là tuệ học là kiến học chăng? Các trí học là tuệ học chăng? Nếu là tuệ học là trí học chăng?

Kiến học gồm thâm trí học, hay trí học gồm thâm kiến học? Kiến học gồm thâm tuệ học, hay tuệ học gồm thâm kiến học? Trí học gồm thâm tuệ học, hay tuệ học gồm thâm trí học?

Nếu thành tựu kiến học là thành tựu trí học chăng? Nếu như thành tựu trí học là thành tựu kiến học chăng? Nếu thành tựu kiến học là thành tựu tuệ học chăng? Nếu như thành tựu tuệ học là thành tựu kiến học chăng? Nếu thành tựu trí học là thành tựu tuệ học chăng? Nếu như thành tựu tuệ học là thành tựu trí học chăng?

Lý nhất định gồm thâm thành tựu.

Thế nào là kiến vô học? Thế nào là trí vô học? Thế nào là tuệ vô học?

Các kiến vô học là trí vô học chăng? Nếu là trí vô học là kiến vô học chăng? Các kiến vô học là tuệ vô học chăng? Nếu là tuệ vô học là kiến vô học chăng? Các trí vô học là tuệ vô học chăng? Nếu là tuệ vô học là trí vô học chăng?

Kiến vô học gồm thân trí vô học, hay trí vô học gồm thân kiến vô học? Kiến vô học gồm thân tuệ vô học, hay tuệ vô học gồm thân kiến vô học? Trí vô học gồm thân tuệ vô học, hay tuệ vô học gồm thân trí vô học?

Nếu thành tựu kiến vô học là thành tựu trí vô học chăng? Nếu như thành tựu trí vô học là thành tựu kiến vô học chăng? Nếu thành tựu kiến vô học là thành tựu tuệ vô học chăng? Nếu như thành tựu tuệ vô học là thành tựu kiến vô học chăng? Nếu thành tựu trí vô học là thành tựu tuệ vô học chăng? Nếu như thành tựu tuệ vô học là thành tựu trí vô học chăng?

Lý nhất định gồm thân thành tựu.

Thế nào là kiến phi học phi vô học? Thế nào là trí phi học phi vô học? Thế nào là tuệ phi học phi vô học?

Các kiến phi học phi vô học là trí phi học phi vô học chăng? Nếu là trí phi học phi vô học là kiến phi học phi vô học chăng? Các kiến phi học phi vô học là tuệ phi học phi vô học chăng? Nếu là tuệ phi học phi vô học là kiến phi học phi vô học chăng? Các trí phi học phi vô học là tuệ phi học phi vô học chăng? Nếu là tuệ phi học phi vô học là trí phi học phi vô học?

Kiến phi học phi vô học gồm thân trí phi học phi vô học, hay trí phi học phi vô học gồm thân kiến phi học phi vô học? Kiến phi học phi vô học gồm thân tuệ phi học phi vô học, hay tuệ phi học phi vô học gồm thân kiến phi học phi vô học? Trí phi học phi vô học gồm thân tuệ phi học phi vô học, hay tuệ phi học phi vô học gồm thân trí phi học phi vô học?

Nếu thành tựu kiến phi học phi vô học là thành tựu trí phi học phi vô học chăng? Nếu như thành tựu trí phi học phi vô học là thành tựu kiến phi học phi vô học chăng? Nếu thành tựu kiến phi học phi vô học là thành tựu tuệ phi học phi vô học chăng? Nếu như thành tựu

tuệ phi học phi vô học là thành tựu là kiến phi học phi vô học chăng? Nếu thành tựu trí phi học phi vô học là thành tựu tuệ phi học phi vô học chăng? Nếu như thành tựu tuệ phi học phi vô học là thành tựu trí phi học phi vô học chăng?

Nếu kiến phi học phi vô học đã diệt hoàn toàn (đã đoạn, đã nhận biết khắp) là trí phi học phi vô học chăng? Nếu như trí phi học phi vô học đã diệt hoàn toàn là kiến phi học phi vô học chăng? Nếu kiến phi học phi vô học đã diệt hoàn toàn là tuệ phi học phi vô học chăng? Nếu như tuệ phi học phi vô học đã diệt hoàn toàn là kiến phi học phi vô học chăng? Nếu trí phi học phi vô học đã diệt hoàn toàn là tuệ phi học phi vô học chăng? Nếu như tuệ phi học phi vô học đã diệt hoàn toàn là trí phi học phi vô học chăng?

Lý nhất định gồm sáu thành tựu diệt.

Như Phạm Thiên kia đã nói: Ta là Phạm, là Đại Phạm, được tự tại biến hóa vi diệu, tạo ra các loài chúng sinh. Đối với năm kiến là thuộc về kiến nào? Các đế nào đoạn trừ kiến ấy?

Như trời Phạm Ca Di kia đã nói: Ta là Phạm, là Đại Phạm, được tự tại tạo hóa vi diệu, tạo ra các loài chúng sinh. Đối với năm kiến là thuộc về kiến nào? Các đế nào đoạn trừ kiến ấy?

Như Phạm chí Trường Trảo kia đã nói: Cù-đàm! Tất cả Ta đều không nhãn. Ta tất cả đều nhãn. Ta có nhãn, có không nhãn. Đối với năm kiến là thuộc về kiến nào? Các đế nào đoạn trừ kiến ấy?

Hoặc có kẻ khởi kiến: Có A-la-hán bị Thiên ma quấy nhiễu, lậu tận bất tịnh hiện bày. Đối với năm kiến là thuộc về kiến nào? Các đế nào đoạn trừ kiến ấy?

Có kẻ khởi kiến: A-la-hán nơi tự giải thoát cũng còn có không biết. A-la-hán nơi tự giải thoát cũng còn nghi hoặc. Đắc A-la-hán chỉ do người khác nên nhận biết. Đối với năm kiến là thuộc về kiến nào? Các đế nào đoạn trừ kiến ấy?

Có kẻ khởi kiến: Đạo và đạo chủng, hoặc cho chỉ là tên gọi. Đối với năm kiến là thuộc về kiến nào? Các đế nào đoạn trừ kiến ấy?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Hỏi: Thế nào là tà kiến?

Đáp: Nếu nghĩa không định (an lập) thì năm kiến đều là tà kiến. Nếu nghĩa định (an lập) tức chỉ cho các kiến này: không có thí cho, không có báo, không có nêu bày. Đó gọi là tà kiến.

Hỏi: Thế nào là tà trí?

Đáp: Là ý thức thân tương ưng với tuệ nhiễm ô, năm thức thân tương ưng với tuệ nhiễm ô. Đó gọi là tà trí.

Hỏi: Các tà kiến là tà trí chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các tà kiến là tà trí.

Hỏi: Từng có tà trí không phải là tà kiến chăng?

Đáp: Có. Là trừ năm kiến, còn lại là các ý thức thân tương ưng với tuệ nhiễm ô, năm thức thân tương ưng với tuệ nhiễm ô.

Hỏi: Tà kiến gồm thân tà trí, hay tà trí gồm thân tà kiến?

Đáp: Tà trí gồm thân tà kiến, không phải tà kiến gồm thân tà trí. Những gì là không gồm thân? Là trừ năm kiến, còn lại là các ý thức thân tương ưng với tuệ nhiễm ô, năm thức thân tương ưng với tuệ nhiễm ô.

Hỏi: Nếu tạo thành tà kiến là tạo thành tà trí chăng?

Đáp: Đúng vậy. Nếu tạo thành tà kiến là tạo thành tà trí.

Hỏi: Từng có tạo thành tà trí không phải là tà kiến chăng?

Đáp: Có. Là hàng Học kiến tích.

Hỏi: Nếu tà kiến đã diệt hoàn toàn (đã đoạn, đã nhận biết khắp) là tà trí chăng?

Đáp: Đúng vậy. Nếu tà trí đã diệt hoàn toàn đó là tà kiến.

Hỏi: Từng có tà kiến đã diệt hoàn toàn không phải là tà trí chăng?

Đáp: Có. Là hàng Học kiến tích.

Lý nhất định gồm sáu thành tựu diệt.

Hỏi: Thế nào là đẳng kiến?

Đáp: Là tận trí, vô sinh trí không gồm sáu ý thức thân tương ứng với tuệ thiện.

Hỏi: Thế nào là đẳng trí?

Đáp: Là trừ nhãn đã tu tập (nhãn vô lậu), còn lại là các ý thức thân tương ứng với tuệ thiện, năm thức thân tương ứng với tuệ thiện.

Hỏi: Các đẳng kiến là đẳng trí chăng?

Đáp: Hoặc có đẳng kiến không phải là đẳng trí.

Thế nào là đẳng kiến không phải là đẳng trí? Là nhãn đã tu tập (nhãn vô lậu). Đây là đẳng kiến không phải là đẳng trí.

Thế nào là đẳng trí không phải là đẳng kiến? Là năm thức thân tương ứng với tuệ thiện, với tận trí, vô sinh trí. Đây là đẳng trí không phải là đẳng kiến.

Thế nào là đẳng kiến cũng là đẳng trí? Là trừ nhãn đã tu tập, tận trí, vô sinh trí, còn lại là các ý thức thân tương ứng với tuệ thiện. Đây là đẳng kiến cũng là đẳng trí.

Thế nào là không phải là đẳng kiến cũng không phải là đẳng trí? Là trừ các sự việc đã nêu trên.

Hỏi: Đẳng kiến gồm sáu đẳng trí chăng?

Đáp: Hoặc có đẳng kiến không gồm sáu đẳng trí.

Thế nào là đẳng kiến không gồm thâm đẳng trí? Là nhãn đã tu tập (nhãn vô lậu).

Thế nào là đẳng trí không gồm thâm đẳng kiến? Là năm thức thân tương ưng với tuệ thiện, tận trí, vô sinh trí.

Thế nào là đẳng kiến và đẳng trí cùng gồm thâm? Là trừ nhãn vô lậu, tận trí, vô sinh trí, còn lại là các ý thức thân tương ưng với tuệ thiện.

Thế nào là đẳng kiến và đẳng trí không cùng gồm thâm? Là trừ các sự việc đã nêu trên.

Thành tựu diệt cũng như vậy. Lý nhất định gồm thâm thành tựu diệt.

Hỏi: Các tuệ nghịch (không chính đáng) đều là kiết chăng?

Đáp: Hoặc có tuệ nghịch không phải là kiết.

Thế nào là tuệ nghịch không phải là kiết? Là trừ hai kiết, còn lại là các tuệ nhiễm ô. Đây là tuệ nghịch không phải là kiết.

Thế nào là kiết không phải là tuệ nghịch? Là bảy kiết. Đây là kiết không phải là tuệ nghịch.

Thế nào là tuệ nghịch cũng là kiết? Là hai kiết. Đây là tuệ nghịch cũng là kiết.

Thế nào là không phải tuệ nghịch cũng không phải là kiết? Là trừ các sự việc đã nêu trên.

Hỏi: Thế nào là kiến học?

Đáp: Là tuệ học.

Hỏi: Thế nào là trí học?

Đáp: Là tám trí học.

Hỏi: Thế nào là tuệ học?

Đáp: Là kiến học, trí học, gọi là tuệ học.

Hỏi: Các kiến học là trí học chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các trí học là kiến học.

Hỏi: Từng có kiến học không phải là trí học chăng?

Đáp: Có. Là nhãn đã tu tập (nhãn vô lậu).

Hỏi: Các kiến học là tuệ học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu là tuệ học là kiến học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các trí học là tuệ học chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các trí học là tuệ học.

Hỏi: Từng có tuệ học không phải là trí học chăng?

Đáp: Có. Là nhãn đã tu tập (nhãn vô lậu).

Hỏi: Kiến học gồm thâm trí học hay trí học gồm thâm kiến học?

Đáp: Kiến học gồm thâm trí học không phải trí học gồm thâm kiến học. Những gì là không gồm thâm? Là nhãn đã tu tập.

Hỏi: Kiến học gồm thâm tuệ học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Tuệ học gồm thâm kiến học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Trí học gồm thâm tuệ học hay tuệ học gồm thâm trí học?

Đáp: Tuệ học gồm thâm trí học không phải trí học gồm thâm tuệ học. Những gì là không gồm thâm? Là nhãn đã tu tập.

Hỏi: Nếu thành tựu kiến học là thành tựu trí học chăng?

Đáp: Đúng vậy. Nếu thành tựu trí học là thành tựu kiến học.

Hỏi: Từng có thành tựu kiến học không phải là trí học chăng?

Đáp: Có. Là khổ pháp nhãn hiện ở trước.

Hỏi: Nếu thành tựu kiến học là thành tựu tuệ học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu tuệ học là thành tựu kiến học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu trí học là thành tựu tuệ học chăng?

Đáp: Đúng vậy. Nếu thành tựu trí học là thành tựu tuệ học.

Hỏi: Từng có thành tựu tuệ học không phải là trí học chăng?

Đáp: Có. Là khổ pháp nhãn hiện ở trước.

Lý nhất định gồm thâm thành tựu.

Hỏi: Thế nào là kiến vô học?

Đáp: Là tận trí, vô sinh trí không gồm thâm tuệ vô lậu.

Hỏi: Thế nào là trí vô học?

Đáp: Là tám trí vô học.

Hỏi: Thế nào là tuệ vô học?

Đáp: Là kiến vô học, trí vô học, gọi là tuệ vô học.

Hỏi: Các kiến vô học là trí vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các kiến vô học là trí vô học.

Hỏi: Từng có trí vô học không phải là kiến vô học chăng?

Đáp: Có. Là tận trí, vô sinh trí.

Hỏi: Các trí vô học là tuệ vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu là tuệ vô học là trí vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Kiến vô học gồm thâm trí vô học hay trí vô học gồm thâm kiến vô học?

Đáp: Trí vô học gồm thâm kiến vô học, không phải kiến vô học gồm thâm trí vô học. Những gì là không gồm thâm? Là tận trí, vô sinh trí.

Hỏi: Kiến vô học gồm thâm tuệ vô học hay tuệ vô học gồm thâm kiến vô học?

Đáp: Tuệ vô học gồm thâm kiến vô học, không phải kiến vô học gồm thâm tuệ vô học. Những gì là không gồm thâm? Là tận trí, vô sinh trí.

Hỏi: Trí vô học gồm thâm tuệ vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Tuệ vô học gồm thâm trí vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Thành tựu cũng như vậy. Lý nhất định gồm thâm thành tựu.

Hỏi: Thế nào là kiến phi học phi vô học?

Đáp: Là nhãn căn, năm kiến và đẳng kiến (chánh kiến) thế tục.

Hỏi: Thế nào là trí phi học phi vô học?

Đáp: Là ý thức thân tương ưng với tuệ hữu lậu, năm thức thân tương ưng với tuệ.

Hỏi: Thế nào là tuệ phi học phi vô học?

Đáp: Là ý thức thân tương ưng với tuệ hữu lậu, năm thức thân tương ưng với tuệ.

Hỏi: Các kiến phi học phi vô học là trí phi học phi vô học chăng?

Đáp: Hoặc có kiến không phải là trí.

Thế nào là kiến không phải là trí? Là nhãn căn. Đây là kiến không phải là trí.

Thế nào là trí không phải là kiến? Là trừ năm kiến, đẳng kiến thể tục, còn lại là các ý thức thân tương ưng với tuệ hữu lậu, năm thức thân tương ưng với tuệ. Đây là trí không phải là kiến.

Thế nào là kiến cũng là trí? Là đẳng kiến thể tục, năm kiến. Đây là kiến cũng là trí.

Thế nào là không phải kiến cũng không phải là trí? Là trừ các sự việc đã nêu trên.

Hỏi: Các kiến phi học phi vô học là tuệ phi học phi vô học chăng?

Đáp: Hoặc có kiến không phải là tuệ.

Thế nào là kiến không phải là tuệ? Là nhãn căn. Đây là kiến không phải là tuệ.

Thế nào là tuệ không phải là kiến? Là trừ năm kiến, đẳng kiến thể tục, còn lại là các ý thức thân tương ưng với tuệ hữu lậu, năm thức thân tương ưng với tuệ. Đây là tuệ không phải là kiến.

Thế nào là kiến cũng là tuệ? Là năm kiến, đẳng kiến thể tục. Đây là kiến cũng là tuệ.

Thế nào là không phải kiến cũng không phải là tuệ? Là trừ các sự việc đã nêu trên.

Hỏi: Các trí phi học phi vô học là tuệ phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu là tuệ phi học phi vô học là trí phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Kiến phi học phi vô học gồm thâm trí phi học phi vô học chăng?

Đáp: Hoặc có kiến không gồm thâm trí.

Thế nào là kiến không gồm thâm trí? Là nhãn căn. Đây là kiến không gồm thâm trí.

Thế nào là trí không gồm thâm kiến? Là trừ năm kiến, đẳng kiến thể tục, còn lại là các ý thức thân tương ưng với tuệ hữu lậu, năm thức thân tương ưng với tuệ. Đây là trí không gồm thâm kiến.

Thế nào là kiến, trí cùng gồm thâm? Là năm kiến, đẳng kiến thể tục. Đây là trí, kiến cùng gồm thâm.

Thế nào là kiến, trí không cùng gồm thâm? Là trừ các sự việc đã nêu trên.

Hỏi: Kiến phi học phi vô học gồm thâm tuệ phi học phi vô học chăng?

Đáp: Hoặc có kiến không gồm thâm tuệ.

Thế nào là kiến không gồm thâm tuệ? Là nhãn căn. Đây là kiến không gồm thâm tuệ.

Thế nào là tuệ không gồm thâm kiến? Là trừ năm kiến, đẳng kiến thể tục, còn lại là các ý thức thân tương ưng với tuệ hữu lậu, năm thức thân tương ưng với tuệ. Đây là tuệ không gồm thâm kiến.

Thế nào là kiến, tuệ cùng gồm thâm? Là năm kiến, đẳng kiến thể tục. Đây là kiến, tuệ cùng gồm thâm.

Thế nào là kiến, tuệ không cùng gồm thâm? Là trừ các sự việc đã nêu trên.

Hỏi: Trí phi học phi vô học gồm thâm tuệ phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Tuệ phi học phi vô học gồm thâm trí phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Thành tựu, diệt cũng như vậy. Lý nhất định gồm thâm thành tựu diệt.

Như Phạm Thiên kia đã nói: Ta là Phạm, là Đại Phạm, được tự tại. Tức cho pháp thấp kém là hơn hết. Đây là trộm kiến (kiến thủ), do khổ đế đoạn.

Ta đối với thế gian có thể tạo tác biến hóa: Tức không phải nhân cho là nhân. Đây là trộm giới (giới cầm thủ), do khổ đế đoạn.

Nói vi diệu: Tức cho pháp thấp kém là hơn hết. Đây là trộm kiến (kiến thủ), do khổ đế đoạn.

Tạo ra các loài chúng sinh: Tức không phải nhân cho là nhân. Đây là trộm giới (giới cầm thủ), do khổ đế đoạn.

Như trời Phạm Ca Di kia đã nói: Các kiến chấp ấy như đã nêu ở trên.

Như Phạm chí Trường Trảo kia đã nói: Cù-đàm! Tất cả Ta đều không nhãn. Đây là thuộc về kiến đoạn diệt của biên kiến, do khổ đế đoạn.

Cù đàm! Ta tất cả đều nhãn: Là thuộc về kiến hữu thường của biên kiến, do khổ đế đoạn.

Ta có nhãn, có không nhãn. Ta có nhãn: Là thuộc về kiến hữu thường của biên kiến, do khổ đế đoạn. Ta có không nhãn: Là thuộc về kiến đoạn diệt của biên kiến, do khổ đế đoạn.

Hoặc có kẻ khởi kiến: Có A-la-hán bị thiên ma quấy nhiễu, lậu bất tịnh hiện bày: Đây là không phải nhân cho là nhân, thuộc trộm giới (giới cầm thủ), do khổ đế đoạn.

Có kẻ khởi kiến: A-la-hán nơi tự giải thoát cũng còn có không biết: Là nói không đúng về trí kiến vô lậu của A-la-hán, là tà kiến, do đạo để đoạn.

Có kẻ khởi kiến: A-la-hán nơi tự giải thoát cũng còn có nghi hoặc. Là nói không đúng về sự vượt qua nghi hoặc của A-la-hán, tức là tà kiến, do đạo để đoạn.

Có kẻ khởi kiến: A-la-hán chỉ do người khác nên nhận biết. Là nói không đúng về các A-la-hán không có chướng ngại, thân chứng tự tại, là tà kiến, do kiến đạo đoạn.

Có kẻ khởi kiến: Đạo và đạo chủng hoặc cho chỉ là tên gọi. Tức không phải nhân cho là nhân, là trộm giới (giới cầm thủ), do kiến khổ đoạn.

Phẩm 3: BIẾT TÂM NGƯỜI KHÁC

* *Tụng nêu tổng quát:*

*Biết tâm người khác bốn
Cùng ai cũng có năm
Minh tín diệt điên đảo
Tu hành đạo Tam muội.*

Thế nào là trí tri tha tâm nhân (tha tâm trí)? Thế nào là trí thức túc mạng?

Nếu là tha tâm trí tức nhận biết tâm kẻ khác chăng? Nếu như nhận biết tâm kẻ khác là tha tâm trí chăng? Nếu là trí thức túc mạng tức nhận biết thọ mạng đời trước chăng? Nếu như nhận biết thọ mạng đời trước là trí thức túc mạng chăng? Nếu là trí thức túc mạng thì trí ấy nhận biết về tâm tâm sở của người khác trong quá khứ chăng?

Nếu như nhận biết về tâm tâm sở của người khác trong quá khứ là trí thức tức mạng chãng?

Thế nào là đẳng ý giải thoát? Thế nào là vô nghi ý giải thoát? Do đâu đẳng ý giải thoát nói là ái?

Các đẳng ý giải thoát đều tương ưng với tận trí chãng? Nếu như đều tương ưng với tận trí là đẳng ý giải thoát chãng? Các vô nghi ý giải thoát đều tương ưng với vô sinh trí chãng? Nếu như đều tương ưng với vô sinh trí là vô nghi ý giải thoát chãng?

Thế nào là minh học? Thế nào là trí học? Thế nào là minh vô học? Thế nào là trí vô học?

Lúc tu hành pháp (Hiện quán đế), đầu tiên đạt được những gì? Là tin Phật, Pháp, Tăng chãng?

Người Tu-đà-hoàn đối với bốn điên đảo, có bao nhiêu thứ đã diệt, bao nhiêu thứ chưa diệt? Người Tu-đà-hoàn đối với ba Tam muội này đã thành tựu, có bao nhiêu thứ là quá khứ, vị lai, hiện tại?

Nếu là đạo quá khứ, tất cả đạo ấy đã tu, đã dựa vào chãng? Nếu như đạo đã tu, đã dựa vào, tất cả đạo ấy đều thuộc quá khứ chãng? Nếu là đạo vị lai, tất cả đạo ấy không đã tu, không đã dựa vào chãng? Nếu như đạo không đã tu, không đã dựa vào, tất cả đạo ấy đều thuộc vị lai chãng? Nếu là đạo hiện tại, tất cả đạo ấy đều đang tu chãng? Nếu như đạo đang tu, tất cả đạo ấy đều thuộc hiện tại chãng?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Hỏi: Thế nào là trí tri tha tâm nhân (Tha tâm trí)?

Đáp: Nếu trí đã tu, là quả đã tu, ghi nhớ điều đã tu, đã được không mất, trí đã có thể hiện bày dụng, hiện ở trước, chúng sinh khác, người khác, đã giác, đã quán, đã hành, tánh đã giác ý, nhận biết như thật. Đó gọi là tha tâm trí.

Hỏi: Thế nào là trí thức túc mạng (Trí thức trụ tùy niệm)?

Đáp: Nếu trí đã tu, là quả đã tu, ghi nhớ điều đã tu, đã được không mất, trí đã có thể hiện bày dụng, hiện ở trước, nhận biết về thọ mạng đời trước với vô số tướng mạo sinh hoạt. Đó gọi là trí thức túc mạng.

Hỏi: Nếu là tha tâm trí tức nhận biết tâm kẻ khác chẳng?

Đáp: Hoặc có tha tâm trí không phải nhận biết tâm kẻ khác.

Thế nào là tha tâm trí không phải nhận biết tâm kẻ khác? Là tha tâm trí quá khứ, vị lai. Đây là tha tâm trí không phải nhận biết tâm kẻ khác.

Thế nào là nhận biết tâm kẻ khác không phải là tha tâm trí? Là như có người xem tướng, nghe lời nói của người khác nên nhận biết về tâm của người khác. Đây là nhận biết tâm kẻ khác không phải là tha tâm trí.

Thế nào là tha tâm trí cũng là nhận biết tâm kẻ khác? Là như trí đã tu, là quả đã tu, ghi nhớ điều đã tu, đã được không mất, trí đã có thể hiện bày dụng, hiện ở trước, chúng sinh khác, người khác, đã giác, đã quán, đã hành, tánh đã giác ý, nhận biết như thật. Đây là tha tâm trí cũng là nhận biết tâm kẻ khác.

Thế nào là không phải tha tâm trí cũng không phải là nhận biết tâm kẻ khác? Là trừ các sự việc đã nêu trên.

Hỏi: Nếu là trí thức túc mạng tức nhận biết thọ mạng đời trước chẳng?

Đáp: Hoặc có trí thức túc mạng không phải nhận biết thọ mạng đời trước.

Thế nào là trí thức túc mạng không phải nhận biết thọ mạng đời trước? Là trí thức túc mạng quá khứ, vị lai. Đây là trí thức túc mạng không phải nhận biết thọ mạng đời trước.

Thế nào là nhận biết thọ mạng đời trước không phải là trí thức túc mạng? Là như có người ở nơi xứ sinh nhận biết về thọ mạng đời trước với các sắc tượng, hoặc sinh ra có được trí nhận biết như thế. Đây là nhận biết thọ mạng đời trước không phải là trí thức túc mạng.

Thế nào là trí thức túc mạng cũng là nhận biết thọ mạng đời trước? Là như trí đã tu, là quả đã tu, ghi nhớ điều đã tu, đã được không mất, trí đã có thể hiện bày dụng, hiện ở trước, nhận biết về thọ mạng đời trước với vô số tướng mạo, sinh hoạt. Đây là trí thức túc mạng cũng là nhận biết thọ mạng đời trước.

Thế nào là không phải trí thức túc mạng cũng không phải là nhận biết thọ mạng đời trước? Là trừ các sự việc đã nêu trên.

Hỏi: Nếu là trí thức túc mạng thì trí ấy nhận biết về tâm tâm sở của người khác trong quá khứ chăng?

Đáp: Hoặc có trí thức túc mạng không phải là nhận biết về tâm tâm sở của người khác trong quá khứ.

Thế nào là trí thức túc mạng không phải là nhận biết về tâm tâm sở của người khác trong quá khứ? Là như trí đã tu, là quả đã tu, ghi nhớ pháp đã tu, đã được không mất, trí đã có thể hiện bày dụng, hiện ở trước, đã nhận biết về tâm nối tiếp của trì nhập ám (giới, xứ, uẩn) nơi quá khứ của mình. Đây là trí thức túc mạng không phải là nhận biết về tâm tâm sở của người khác trong quá khứ.

Thế nào là nhận biết về tâm tâm sở của người khác trong quá khứ không phải là trí thức túc mạng? Là như trí đã tu, là quả đã tu, ghi nhớ pháp đã tu, đã được không mất, trí đã có thể hiện bày dụng, hiện ở trước, đã nhận biết tâm nối tiếp nơi trì, nhập, ám (giới, xứ, uẩn) quá khứ thuộc đời này của kẻ khác. Đây là nhận biết về tâm tâm sở của người khác trong quá khứ không phải là trí thức túc mạng.

Thế nào là trí thức túc mạng cũng là nhận biết về tâm tâm sở của người khác trong quá khứ? Là như trí đã tu, là quả đã tu, ghi nhớ

pháp đã tu, đã được không mất, trí đã có thể hiện bày dụng, hiện ở trước, nhận biết về tâm nối tiếp nơi trì, nhập, âm (giới, xứ, uẩn) quá khứ thuộc đời trước của kẻ khác. Đây là trí thức túc mạng cũng là nhận biết về tâm tâm sở của người khác trong quá khứ.

Thế nào là không phải trí thức túc mạng cũng không phải là nhận biết về tâm tâm sở của người khác trong quá khứ? Là như trí đã tu, là quả đã tu, ghi nhớ pháp đã tu, đã được không mất, trí đã có thể hiện bày dụng, hiện ở trước, nhận biết về tâm nối tiếp nơi trì, nhập, âm (giới, xứ, uẩn) quá khứ thuộc đời này của mình. Đây là không phải trí thức túc mạng cũng không phải là nhận biết về tâm tâm sở của người khác trong quá khứ.

Hỏi: Thế nào là đẳng ý giải thoát (Tâm ái thời giải thoát)?

Đáp: Là tận trí của A-la-hán, tâm tương ưng với đẳng kiến vô học đạt giải thoát, đã giải thoát, sẽ giải thoát. Đây là đẳng ý giải thoát.

Hỏi: Thế nào là vô nghi ý giải thoát (Tâm bất động giải thoát)?

Đáp: Là tận trí, vô sinh trí của A-la-hán, tâm tương ưng với đẳng kiến vô học đạt giải thoát, đã giải thoát, sẽ giải thoát. Đây là vô nghi ý giải thoát.

Hỏi: Do đâu đẳng ý giải thoát gọi là ái?

Đáp: Là A-la-hán đạt đẳng ý giải thoát luôn giữ gìn pháp này, tự yêu mến, giữ chứa đẳng ý giải thoát kia. A-la-hán đã khéo tự giữ gìn, yêu mến, cất chứa: Ta đối với pháp này chớ để thoái chuyển. Ví như người mẹ có một đứa con, yêu nghĩ thường không rời mắt. Người mẹ kia nuôi nấng, che chở, gìn giữ đùm bọc đứa con ấy, khiến không lạnh, không nóng, không đói, không khát, không có mọi thứ khổ não. Đẳng ý giải thoát cũng như vậy. A-la-hán đối với pháp này, tự giữ gìn, thân chứa đẳng ý giải thoát kia. A-la-hán đã khéo tự thân giữ, chứa cất: Ta đối với pháp này chớ khiến thoái chuyển. Vì thế nên đẳng ý giải thoát gọi là ái.

Hỏi: Các đẳng ý giải thoát đều tương ưng với tận trí chăng?

Đáp: Hoặc có đẳng ý giải thoát không tương ưng với tận trí.

Thế nào là đẳng ý giải thoát không tương ưng với tận trí? Là A-la-hán của đẳng ý giải thoát có tâm tương ưng với đẳng kiến vô học đạt giải thoát, đã giải thoát, sẽ giải thoát. Đây là đẳng ý giải thoát không tương ưng với tận trí.

Thế nào là tương ưng với tận trí không phải là đẳng ý giải thoát? Là A-la-hán của pháp vô nghi có tâm tương ưng với tận trí đạt giải thoát, đã giải thoát, sẽ giải thoát. Đây là tương ưng với tận trí không phải là đẳng ý giải thoát.

Thế nào là đẳng ý giải thoát cũng là tương ưng với tận trí? Là A-la-hán đạt đẳng ý giải thoát có tâm tương ưng với tận trí giải thoát, đã giải thoát, sẽ giải thoát. Đây là đẳng ý giải thoát cũng là tương ưng với tận trí.

Thế nào là không phải đẳng ý giải thoát cũng không phải tương ưng với tận trí? Là vô sinh trí của A-la-hán nơi pháp vô nghi, tâm tương ưng với đẳng kiến vô học đạt giải thoát, đã giải thoát, sẽ giải thoát. Đây là không phải đẳng ý giải thoát cũng không phải tương ưng với tận trí.

Hỏi: Các vô nghi ý giải thoát đều tương ưng với vô sinh trí chăng?

Đáp: Đúng thế. Các pháp tương ưng với vô sinh trí đều là đẳng ý giải thoát.

Hỏi: Từng có vô nghi ý giải thoát không tương ưng với vô sinh trí chăng?

Đáp: Có. Là tận trí của A-la-hán nơi pháp vô nghi có tâm tương ưng với đẳng kiến vô học đạt giải thoát, đã giải thoát, sẽ giải thoát.

Hỏi: Thế nào là minh học?

Đáp: Là tuệ học.

Hỏi: Thế nào là trí học?

Đáp: Là tám trí học.

Hỏi: Thế nào là minh vô học?

Đáp: Là tuệ vô học.

Hỏi: Thế nào là trí vô học?

Đáp: Là tám trí vô học.

Hỏi: Lúc tu hành pháp (Hiện quán đế), đầu tiên đạt được những gì? Là tin Phật, Pháp, Tăng chăng?

Đáp: Lúc tu hành pháp khổ, tu hành pháp tập, tu hành pháp tận, tu hành pháp đạo là Phật, Pháp, Tăng.

Hỏi: Người Tu-đà-hoàn đối với bốn điên đảo, có bao nhiêu thứ đã diệt, bao nhiêu thứ chưa diệt?

Đáp: Tất cả đã diệt.

Hỏi: Người Tu-đà-hoàn đối với ba Tam muội này đã thành tựu, có bao nhiêu thứ là quá khứ, vị lai, hiện tại?

Đáp: Vị lai đều thành tựu. Quá khứ đã diệt không mất tức thành tựu. Hiện tại nếu hiện ở trước tức thành tựu.

Hỏi: Nếu là đạo quá khứ, tất cả đạo ấy đã tu, đã dựa vào chăng?

Đáp: Như thế. Nếu là đạo quá khứ, tất cả đạo ấy đã tu, đã dựa vào (đã dứt).

Hỏi: Từng có đạo đã tu, đã dựa vào, đạo ấy không phải là quá khứ chăng?

Đáp: Có. Là đạo vị lai đã tu, đã dựa vào.

Hỏi: Nếu là đạo vị lai, tất cả đạo ấy không đã tu, không đã dựa vào chăng?

Đáp: Hoặc có đạo vị lai, đạo ấy không phải không đã tu, không phải không đã dựa vào.

Thế nào là đạo vị lai, đạo ấy không phải không đã tu, không phải không đã dựa vào? Là đạo vị lai đã tu, đã dựa vào. Đây là đạo vị lai, đạo ấy không phải không đã tu, không phải không đã dựa vào.

Thế nào là đạo không đã tu, không đã dựa vào, đạo ấy không phải là vị lai? Là đạo chưa từng được hiện ở trước. Đây là đạo không đã tu, không đã dựa vào, đạo ấy không phải là vị lai.

Thế nào là đạo vị lai, đạo ấy không đã tu, không đã dựa vào? Là đạo vị lai không đã tu, không đã dựa vào. Đây là đạo vị lai, đạo ấy không đã tu, không đã dựa vào.

Thế nào là đạo không phải vị lai, đạo ấy không phải không đã tu, không phải không đã dựa vào? Là đạo quá khứ vốn đã được hiện tiền. Đây là đạo không phải vị lai, đạo ấy không phải không đã tu, không phải không đã dựa vào.

Hỏi: Nếu là đạo hiện tại, tất cả đạo ấy đều đang tu chăng?

Nếu như đạo đang tu, tất cả đạo ấy đều thuộc hiện tại chăng?

Đáp: Như thế. Nếu đạo hiện ở trước, tất cả đạo ấy đều đang tu.

Hỏi: Từng có đạo đang tu, đạo ấy không hiện ở trước chăng?

Đáp: Có. Như đạo vốn chưa được hiện ở trước, chỗ tu ở vị lai là chủng loại của đạo kia.

HẾT - QUYỂN 10

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

QUYỂN 11

Kiềng độ thứ 3: TRÍ

Phẩm 4: BÀN VỀ TU TRÍ, phần 1

* *Tụng nêu chung:*

*Thâu thành tựu tu duyên
Duyên diệt trí tác chứng
Cũng tạo niệm vô thường
Bảy xứ ở sau cùng.*

Tám trí: Pháp trí, vị trí trí, tha tâm trí, đẳng trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí.

Pháp trí gồm thâu bao nhiêu trí? Cho đến đạo trí gồm thâu bao nhiêu trí?

Nếu thành tựu pháp trí, đối với tám trí này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu? Cho đến nếu thành tựu đạo trí, đối với tám trí này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Nếu tu pháp trí thì cũng tu vị trí trí chăng? Nếu như tu vị trí trí là có tu pháp trí chăng? Nếu tu pháp trí thì cũng tu tha tâm trí, đẳng trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí chăng? Nếu như tu tha tâm trí, đẳng trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí là có tu pháp trí chăng?

Cho đến nếu tu tận trí thì cũng tu đạo trí chăng? Nếu như tu đạo trí là có tu tận trí chăng?

Tùng có pháp trí duyên nơi pháp trí chăng? Tùng có pháp trí duyên nơi vị trí trí, tha tâm trí, đẳng trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí chăng? Tùng có đạo trí duyên nơi đạo trí chăng? Tùng có đạo trí duyên nơi pháp trí, vị trí trí, tha tâm trí, đẳng trí, khổ trí, tập trí, tận trí chăng?

Pháp trí đối với pháp trí có bao nhiêu duyên duyên? Pháp trí đối với vị trí trí, tha tâm trí, đẳng trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí có bao nhiêu duyên duyên? Đạo trí đối với đạo trí có bao nhiêu duyên duyên? Đạo trí đối với pháp trí, vị trí trí, tha tâm trí, đẳng trí, khổ trí, tập trí, tận trí có bao nhiêu duyên duyên?

Các kiết hệ thuộc nơi cõi Dục, kiết đó do pháp trí diệt chăng? Nếu như các kiết do pháp trí diệt, kiết đó hệ thuộc nơi cõi Dục chăng? Các kiết hệ thuộc nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, kiết đó do vị trí trí diệt chăng? Nếu như các kiết do vị trí trí diệt, kiết đó hệ thuộc nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc chăng?

Các kiết do khổ đế đoạn, kiết đó do khổ trí đoạn chăng? Nếu như các kiết do khổ trí đoạn, kiết đó do khổ đế đoạn chăng? Các kiết do tập đế, tận đế, đạo đế đoạn, kiết đó do tập trí, tận trí, đạo trí đoạn chăng? Nếu như các kiết do tập trí, tận trí, đạo trí đoạn, kiết đó do tập đế, tận đế, đạo đế đoạn chăng?

Các kiết do pháp trí diệt, kiết đó do pháp trí tận (diệt) tác chứng chăng? Nếu như các kiết do pháp trí tận tác chứng, kiết đó do pháp trí diệt chăng? Các kiết do vị trí trí diệt, kiết đó do vị trí trí tận tác chứng chăng? Nếu như các kiết do vị trí trí tận tác chứng, kiết đó do vị trí trí diệt chăng? Các kiết do khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí diệt, kiết đó cũng do khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí tận tác chứng chăng? Nếu như các kiết do khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí tận tác chứng, kiết đó do khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí diệt chăng?

Tác dụng của nhãn căn có bao nhiêu trí nhận biết? Cho đến tác dụng của sử vô minh nơi cõi Vô sắc do tư duy đoạn có bao nhiêu trí nhận biết?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Đối với tướng về vô thường, tu tập hành tác rộng khắp, ái nơi cõi Dục dứt hết, ái nơi cõi Sắc dứt hết, ái nơi cõi Vô sắc dứt hết, kiêu mạn, vô minh tận”. Tướng này nên nói là tương ưng với pháp trí, vị trí trí, tha tâm trí, đẳng trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí chăng? Nên nói là có giác có quán, không giác có quán, không giác không quán chăng? Nên nói là tương ưng với lạc căn, hỷ căn, hộ căn chăng? Nên nói là tương ưng với không, vô tướng, vô nguyện chăng? Nên nói là duyên hệ thuộc nơi cõi Dục, duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc, duyên hệ thuộc nơi cõi Vô sắc, duyên không hệ thuộc chăng?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Tỳ-kheo khéo quán về ba nghĩa của bảy xứ, đối với pháp này có thể nhanh chóng dứt hết hữu lậu. Phân biệt nhận biết như thật về sắc khổ, sắc tập, sắc tận, sắc tận đạo tích, sắc vị, sắc hoại, sắc xuất ly”. Trí này nên nói là pháp trí chăng? Nên nói là cho đến đạo trí chăng? Thống (thọ), tướng, hành, thức cũng như vậy.

Thế nào là sắc tận? Thế nào là sắc xuất ly? Sắc tận, sắc xuất ly có gì sai biệt? Thế nào là thống (thọ), tướng, hành, thức tận? Thế nào là thống (thọ), tướng, hành, thức xuất ly? Thức tận với thức xuất ly có gì sai biệt?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Tám trí: Pháp trí, vị trí trí, tha tâm trí, đẳng trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí.

Pháp trí gồm thân pháp trí và phần ít của năm trí là tha tâm trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí.

Vị tri trí (Loại trí) gồm thâm vị tri trí và phần ít của năm trí là tha tâm trí, khỗ trí, tập trí, tận trí, đạo trí.

Tha tâm trí gồm thâm tha tâm trí và phần ít của bốn trí là pháp trí, vị tri trí, đẳng trí, đạo trí.

Đẳng trí (Thế tục trí) gồm thâm đẳng trí và phần ít của một trí là tha tâm trí.

Khỗ trí gồm thâm khỗ trí và phần ít của hai trí là pháp trí, vị tri trí.

Tập trí, tận trí cũng như vậy.

Đạo trí gồm thâm đạo trí và phần ít của ba trí là pháp trí, vị tri trí, tha tâm trí.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí, đối với tám trí này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám.

Thế nào là ba v.v...?

Đáp: Khi đạt khỗ pháp trí không có tha tâm trí thì thành tựu ba, có tha tâm trí thì thành tựu bốn. Khi đạt khỗ vị tri nhẫn không có tha tâm trí thì thành tựu ba, có tha tâm trí thì thành tựu bốn. Khi đạt khỗ vị tri trí không có tha tâm trí thì thành tựu bốn, có tha tâm trí thì thành tựu năm. Khi đạt tập pháp nhẫn không có tha tâm trí thì thành tựu bốn, có tha tâm trí thì thành tựu năm. Khi đạt tập pháp trí không có tha tâm trí thì thành tựu năm, có tha tâm trí thì thành tựu sáu. Khi đạt tập vị tri nhẫn, tập vị tri trí, tận pháp nhẫn không có tha tâm trí thì thành tựu năm, có tha tâm trí thì thành tựu sáu. Khi đạt tận pháp trí không có tha tâm trí thì thành tựu sáu, có tha tâm trí thì thành tựu bảy. Khi đạt tận vị tri nhẫn, tận vị tri trí, đạo pháp nhẫn không có tha tâm trí thì thành tựu sáu, có tha tâm trí thì thành tựu bảy.

Khi đạt đạo pháp trí không có tha tâm trí thì thành tựu bảy, có tha tâm trí thì thành tựu tám. Khi đạt đạo vị tri nhãn, đạo vị tri trí không có tha tâm trí thì thành tựu bảy, có tha tâm trí thì thành tựu tám.

Hỏi: Nếu thành tựu Vị tri trí (Loại trí), đối với tám trí này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc bốn, năm, sáu, bảy, tám.

Thế nào là bốn v.v...?

Đáp: Khi đạt khổ vị tri trí không có tha tâm trí thì thành tựu bốn, có tha tâm trí thì thành tựu năm. Khi đạt tập pháp nhãn không có tha tâm trí thì thành tựu bốn, có tha tâm trí thì thành tựu năm. Khi đạt tập pháp trí không có tha tâm trí thì thành tựu năm, có tha tâm trí thì thành tựu sáu. Khi đạt tập vị tri nhãn, tập vị tri trí, tận pháp nhãn không có tha tâm trí thì thành tựu năm, có tha tâm trí thì thành tựu sáu. Khi đạt tận pháp trí không có tha tâm trí thì thành tựu sáu, có tha tâm trí thì thành tựu bảy. Khi đạt tận vị tri nhãn, tận vị tri trí, đạo pháp nhãn không có tha tâm trí thì thành tựu sáu, có tha tâm trí thì thành tựu bảy. Khi đạt đạo pháp trí không có tha tâm trí thì thành tựu bảy, có tha tâm trí thì thành tựu tám. Khi đạt đạo vị tri nhãn, đạo vị tri trí không có tha tâm trí thì thành tựu bảy, có tha tâm trí thì thành tựu tám.

Hỏi: Nếu thành tựu Tha tâm trí, đối với tám trí này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc hai, bốn, năm, sáu, bảy, tám.

Thế nào là hai v.v...?

Đáp: Là người phạm phu hai và người vô cầu khi khổ pháp nhãn hiện ở trước thì thành tựu hai, khi đạt khổ pháp trí thì thành tựu bốn. Khi đạt khổ vị tri nhãn thì thành tựu bốn, đạt khổ vị tri trí thì thành tựu năm. Khi đạt tập pháp nhãn thì thành tựu năm, đạt tập

pháp trí thì thành tựu sáu. Khi đạt tập vị tri nhãn, tập vị tri trí, tận pháp nhãn thì thành tựu sáu, đạt tận pháp trí thì thành tựu bảy. Khi đạt tận vị tri nhãn, tận vị tri trí, đạo pháp nhãn thì thành tựu bảy, đạt đạo pháp trí thì thành tựu tám. Khi đạt đạo vị tri nhãn, đạo vị tri trí thì thành tựu tám.

Hỏi: Nếu thành tựu Đẳng trí (Thế tục trí), đối với tám trí này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám.

Thế nào là một v.v...?

Đáp: Là người phạm phu và người vô cầu khi khổ pháp nhãn hiện ở trước không có tha tâm trí thì thành tựu một, có tha tâm trí thì thành tựu hai. Khi đạt khổ pháp trí không có tha tâm trí thì thành tựu ba, có tha tâm trí thì thành tựu bốn. Khi đạt khổ vị tri nhãn không có tha tâm trí thì thành tựu ba, có tha tâm trí thì thành tựu bốn. Khi đạt khổ vị tri trí không có tha tâm trí thì thành tựu bốn, có tha tâm trí thì thành tựu năm. Khi đạt tập pháp nhãn không có tha tâm trí thì thành tựu bốn, có tha tâm trí thì thành tựu năm. Khi đạt tập pháp trí không có tha tâm trí thì thành tựu năm, có tha tâm trí thì thành tựu sáu. Khi đạt tập vị tri nhãn, tập vị tri trí, tận pháp nhãn không có tha tâm trí thì thành tựu năm, có tha tâm trí thì thành tựu sáu. Khi đạt tận pháp trí không có tha tâm trí thì thành tựu sáu, có tha tâm trí thì thành tựu bảy. Khi đạt tận vị tri nhãn, tận vị tri trí, đạo pháp nhãn không có tha tâm trí thì thành tựu sáu, có tha tâm trí thì thành tựu bảy. Khi đạt đạo pháp trí không có tha tâm trí thì thành tựu bảy, có tha tâm trí thì thành tựu tám. Khi đạt đạo vị tri nhãn, đạo vị tri trí không có tha tâm trí thì thành tựu bảy, có tha tâm trí thì thành tựu tám.

Hỏi: Nếu thành tựu Khổ trí, đối với tám trí này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám.

Thế nào là ba v.v...?

Đáp: Khi đạt khổ pháp trí không có tha tâm trí thì thành tựu ba, có tha tâm trí thì thành tựu bốn. Khi đạt khổ vị trí nhẫn không có tha tâm trí thì thành tựu ba, có tha tâm trí thì thành tựu bốn. Khi đạt khổ vị trí trí không có tha tâm trí thì thành tựu bốn, có tha tâm trí thì thành tựu năm. Khi đạt tập pháp nhẫn không có tha tâm trí thì thành tựu bốn, có tha tâm trí thì thành tựu năm. Khi đạt tập pháp trí không có tha tâm trí thì thành tựu năm, có tha tâm trí thì thành tựu sáu. Khi đạt tập vị trí nhẫn, tập vị trí trí, tận pháp nhẫn không có tha tâm trí thì thành tựu năm, có tha tâm trí thì thành tựu sáu. Khi đạt tận pháp trí không có tha tâm trí thì thành tựu sáu, có tha tâm trí thì thành tựu bảy. Khi đạt tận vị trí nhẫn, tận vị trí trí, đạo pháp nhẫn không có tha tâm trí thì thành tựu sáu, có tha tâm trí thì thành tựu bảy. Khi đạt đạo pháp trí không có tha tâm trí thì thành tựu bảy, có tha tâm trí thì thành tựu tám. Khi đạt đạo vị trí nhẫn, đạo vị trí trí không có tha tâm trí thì thành tựu bảy, có tha tâm trí thì thành tựu tám.

Hỏi: Nếu thành tựu Tập trí, đối với tám trí này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc năm, sáu, bảy, tám.

Thế nào là năm v.v...?

Đáp: Khi đạt tập pháp trí không có tha tâm trí thì thành tựu năm, có tha tâm trí thì thành tựu sáu. Khi đạt Tập vị trí nhẫn, tập vị trí trí, tận pháp nhẫn không có tha tâm trí thì thành tựu năm, có tha tâm trí thì thành tựu sáu. Khi đạt Tận pháp trí không có tha tâm trí thì thành tựu sáu, có tha tâm trí thì thành tựu bảy. Khi đạt Tận vị trí nhẫn, tận vị trí trí, đạo pháp nhẫn không có tha tâm trí thì thành tựu sáu, có tha tâm trí thì thành tựu bảy. Khi đạt Đạo pháp trí không có tha tâm trí thì thành tựu bảy, có tha tâm trí thì thành tựu tám. Khi đạt Đạo vị trí nhẫn, đạo vị trí trí không có tha tâm trí thì thành tựu bảy, có tha tâm trí thì thành tựu tám.

Hỏi: Nếu thành tựu Tận trí, đối với tám trí này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc sáu, bảy, tám.

Thế nào là sáu v.v...?

Đáp: Khi đạt tận pháp trí không có tha tâm trí thì thành tựu sáu, có tha tâm trí thì thành tựu bảy. Khi đạt Tận vị trí nhân, tận vị trí trí, đạo pháp nhân không có tha tâm trí thì thành tựu sáu, có tha tâm trí thì thành tựu bảy. Khi đạt Đạo pháp trí không có tha tâm trí thì thành tựu bảy, có tha tâm trí thì thành tựu tám. Khi đạt Đạo vị trí nhân, đạo vị trí trí không có tha tâm trí thì thành tựu bảy, có tha tâm trí thì thành tựu tám.

Hỏi: Nếu thành tựu Đạo trí, đối với tám trí này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc bảy, tám.

Thế nào là bảy v.v...?

Đáp: Khi đạt đạo pháp trí không có tha tâm trí thì thành tựu bảy, có tha tâm trí thì thành tựu tám. Khi đạt đạo vị trí nhân, đạo vị trí trí không có tha tâm trí thì thành tựu bảy, có tha tâm trí thì thành tựu tám.

Hỏi: Nếu khi tu Pháp trí thì cũng tu Vị trí trí chẳng?

Đáp: Hoặc có tu pháp trí không phải là tu vị trí trí.

Thế nào là tu pháp trí không phải là tu vị trí trí? Là khi khổ pháp trí, tập pháp trí, tận pháp trí, đạo pháp trí đã tu hành (Nhập hiện quán), A-la-hán học kiến tích đã được pháp trí hiện ở trước. Đây là tu pháp trí không phải là tu vị trí trí.

Thế nào là tu vị trí trí không phải là tu pháp trí? Là khi khổ vị trí trí, tập vị trí trí, tận vị trí trí đã tu hành (Nhập hiện quán), A-la-hán học kiến tích đã được vị trí trí hiện ở trước. Đây là tu vị trí trí không phải là tu pháp trí.

Thế nào là tu pháp trí cũng là tu vị trí trí? Là khi đạo vị trí trí đã tu hành, A-la-hán học kiến tích nếu trước chưa được trí vô lậu, hoặc thể tục trí hiện ở trước, vào lúc này cùng tu pháp trí, vị trí trí. Đây là tu pháp trí cũng là tu vị trí trí.

Thế nào là không phải tu pháp trí cũng không phải tu vị trí trí? Là A-la-hán học kiến tích đã được thể tục trí hiện ở trước, hoặc vốn không được thể tục trí hiện ở trước, vào lúc này không cùng tu pháp trí, vị trí trí. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của người phạm phu, nhập Tam muội vô tướng, nhập Tam muội diệt tận, hết thảy nhẫn của trời Vô tướng hiện ở trước, đều không tu pháp trí, không tu vị trí trí. Đây là không phải tu pháp trí cũng không phải tu vị trí trí.

Hỏi: Nếu khi tu pháp trí thì cũng tu Tha tâm trí chăng?

Đáp: Hoặc có tu pháp trí không phải là tu tha tâm trí.

Thế nào là tu pháp trí không phải là tu tha tâm trí? Là khi không pháp trí, tập pháp trí, tận pháp trí, đạo pháp trí đã tu hành (Nhập hiện quán) không có tha tâm trí. Khi đạo vị trí trí đã tu hành, A-la-hán học kiến tích đã được pháp trí hiện ở trước, không phải là tha tâm trí. Nếu vốn không được trí vô lậu hiện ở trước, vào lúc này không tu tha tâm trí. Nếu vốn không được thể tục trí hiện ở trước, vào lúc này tu pháp trí không phải là tha tâm trí. Đây là tu pháp trí không phải là tu tha tâm trí.

Thế nào là tu tha tâm trí không phải là tu pháp trí? Là người phạm phu nếu vốn đã được hoặc chưa được tha tâm trí hiện ở trước. Hoặc vốn chưa được thể tục trí hiện ở trước không phải tha tâm trí, vào lúc ấy tu tha tâm trí. A-la-hán học kiến tích nếu đã được tha tâm trí hiện ở trước, thì đây không phải là pháp trí. Đây là tu tha tâm trí không phải là tu pháp trí.

Thế nào là tu pháp trí cũng là tu tha tâm trí? Là đạo vị trí trí đã tu hành (Nhập hiện quán) có tha tâm trí. A-la-hán học kiến tích đã được pháp trí hiện ở trước, đó là tha tâm trí. Nếu vốn chưa được trí

vô lậu hiện ở trước, vào lúc ấy cùng tu pháp trí và tha tâm trí. Nếu vốn chưa được thể tục trí hiện ở trước, vào lúc này cùng tu pháp trí và tha tâm trí. Đây là tu pháp trí cũng là tu tha tâm trí.

Thế nào là không phải tu pháp trí cũng không phải tu tha tâm trí? Là khi khổ vị tri trí, tập vị tri trí, tận vị tri trí đã tu hành (Nhập hiện quán), A-la-hán học kiến tích đã được trí vô lậu hiện ở trước, đây không phải là pháp trí, tha tâm trí. Nếu đã được thể tục trí hiện ở trước, đây không phải là tha tâm trí. Nếu không được thể tục trí hiện ở trước, vào lúc này không cùng tu pháp trí, tha tâm trí. Người phạm phu không tu tha tâm trí, tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký, khi nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, hết thảy nhẫn của cõi trời Vô tướng hiện ở trước đều không tu pháp trí cùng tha tâm trí. Đây là không phải tu pháp trí cũng không phải tu tha tâm trí.

Hỏi: Nếu khi tu pháp trí thì cũng tu Đẳng trí chăng?

Đáp: Hoặc có tu pháp trí không phải là tu đẳng trí.

Thế nào là tu pháp trí không phải là tu đẳng trí? Là khi khổ pháp trí, tập pháp trí, tận pháp trí, đạo pháp trí, đạo vị tri trí đã tu hành (Nhập hiện quán), A-la-hán học kiến tích đã được pháp trí hiện ở trước, hoặc không được trí vô lậu hiện ở trước, vào lúc ấy tu pháp trí, không phải là đẳng trí. Đây là tu pháp trí không phải là tu đẳng trí.

Thế nào là tu đẳng trí không phải là tu pháp trí? Là người phạm phu nếu đã được, hoặc chưa được thể tục trí hiện ở trước, khi các biên khổ vị tri trí, biên tập vị tri trí, biên tận vị tri trí đã tu hành (Nhập hiện quán), A-la-hán học kiến tích hoặc đã được, hoặc chưa được thể tục trí hiện ở trước, vào lúc ấy không tu pháp trí. Đây là tu đẳng trí không phải là tu pháp trí.

Thế nào là tu pháp trí cũng là tu đẳng trí? Là A-la-hán học kiến tích, hoặc không được trí vô lậu hiện ở trước, vào lúc ấy tu đẳng trí.

Hoặc không được thể tục trí hiện ở trước, vào lúc ấy đã tu trí vô lậu. Đây là tu pháp trí cũng là tu đẳng trí.

Thế nào là không phải tu pháp trí cũng không phải tu đẳng trí? Là nếu A-la-hán học kiến tích đã được trí vô lậu hiện ở trước, đây không phải là pháp trí. Tất cả là tâm nhiệm ô, tâm vô ký, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, hết thấy nhẩn của cõi trời Vô tướng hiện ở trước đều không tu pháp trí, đẳng trí. Đây là không phải tu pháp trí cũng không phải tu đẳng trí.

Hỏi: Nếu khi tu pháp trí thì cũng tu Khổ trí chăng?

Đáp: Hoặc có tu pháp trí không phải là tu khổ trí.

Thế nào là tu pháp trí không phải là tu khổ trí? Là khi tập, tận, đạo pháp trí đã tu hành (Nhập hiện quán), nếu A-la-hán học kiến tích đã được pháp trí hiện ở trước, không phải là khổ trí. Đây là tu pháp trí không phải là tu khổ trí.

Thế nào là tu khổ trí không phải là tu pháp trí? Là khi khổ vị trí trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được khổ trí hiện ở trước, không phải là pháp trí. Đây là tu khổ trí không phải là tu pháp trí.

Thế nào là tu pháp trí cũng là tu khổ trí? Là khi khổ pháp trí, đạo vị trí trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được pháp trí hiện ở trước, đây là khổ trí, hoặc nếu không được trí vô lậu, hoặc thể tục trí hiện ở trước, vào lúc này cùng tu pháp trí, khổ trí. Đây là tu pháp trí cũng là tu khổ trí.

Thế nào là không phải tu pháp trí cũng không phải tu khổ trí? Là khi tập, tận vị trí trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được trí vô lậu hiện ở trước, đây không phải là pháp trí cũng không phải là khổ trí. Hoặc nếu đã được, hoặc chưa được thể tục trí hiện ở trước, vào lúc ấy không cùng tu pháp trí, khổ trí. Tất cả là tâm

nhiễm ô, tâm vô ký của người phàm phu, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, hết thấy nhãn của cõi trời Vô tướng hiện ở trước đều không tu pháp trí, khổ trí. Đây là không phải tu pháp trí cũng không phải tu khổ trí.

Hỏi: Nếu khi tu pháp trí thì cũng tu Tập trí chăng?

Đáp: Hoặc có tu pháp trí không phải là tu tập trí.

Thế nào là tu pháp trí không phải là tu tập trí? Là khi khổ pháp trí, tận, đạo pháp trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được pháp trí hiện ở trước, không phải là tập trí. Đây là tu pháp trí không phải là tu tập trí.

Thế nào là tu tập trí không phải là tu pháp trí? Là khi tập vị trí trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được tập trí hiện ở trước, không phải là pháp trí. Đây là tu tập trí không phải là tu pháp trí.

Thế nào là tu pháp trí cũng là tu tập trí? Là khi tập pháp trí, đạo vị trí trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã đạt được pháp trí hiện ở trước, đó là tập trí. Hoặc nếu chưa được trí vô lậu, hoặc thế tục trí hiện ở trước, vào lúc này cùng tu pháp trí, tập trí. Đây là tu pháp trí cũng là tu tập trí.

Thế nào là không phải tu pháp trí cũng không phải tu tập trí? Là khi khổ tận vị trí trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được trí vô lậu hiện ở trước, trí này không phải là pháp trí, tập trí. Hoặc nếu được, hoặc chưa được thế tục trí hiện ở trước, vào lúc ấy không cùng tu pháp trí, tập trí. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của người phàm phu, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, hết thấy nhãn của cõi trời Vô tướng hiện ở trước đều không tu pháp trí, tập trí. Đây là không phải tu pháp trí cũng không phải tu tập trí.

Hỏi: Nếu khi tu pháp trí thì cũng tu Tập trí chăng?

Đáp: Hoặc có tu pháp trí không phải là tu tận trí.

Thế nào là tu pháp trí không phải là tu tận trí? Là khi khổ pháp trí, tập pháp trí, đạo pháp trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã đạt được pháp trí hiện ở trước, đây không phải là tận trí. Đây là tu pháp trí không phải là tu tận trí.

Thế nào là tu tận trí không phải là tu pháp trí? Là khi tận vị trí trí nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã có được tận trí hiện ở trước, đây không phải là pháp trí. Đây là tu tận trí không phải là tu pháp trí.

Thế nào là tu pháp trí cũng là tu tận trí? Là khi tận pháp trí, đạo vị trí trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã có được pháp trí hiện ở trước, đây là tận trí. Hoặc nếu không được thế tục trí, hoặc trí vô lậu hiện ở trước, vào lúc ấy cùng tu pháp trí, tận trí. Đây là tu pháp trí cũng là tu tận trí.

Thế nào là không phải tu pháp trí cũng không phải tu tận trí? Là khi khổ vị trí trí, tập vị trí trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã có được trí vô lậu hiện ở trước, trí này không phải là pháp trí, tận trí. Hoặc nếu được, hoặc không được thế tục trí hiện ở trước, vào lúc ấy đều không tu pháp trí, tận trí. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của người phạm phu, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, hết thảy nhân của cõi trời Vô tướng hiện ở trước đều không tu pháp trí, tận trí. Đây là không phải tu pháp trí cũng không phải tu tận trí.

Hỏi: Nếu khi tu pháp trí thì cũng tu Đạo trí chăng?

Đáp: Hoặc có tu pháp trí không phải là tu đạo trí.

Thế nào là tu pháp trí không phải là tu đạo trí? Là khi khổ pháp trí, tập pháp trí, tận pháp trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được pháp trí hiện ở trước, đây không phải là đạo trí. Đây là tu pháp trí không phải là tu đạo trí.

Thế nào là tu đạo trí không phải là tu pháp trí? Là nếu A-la-hán học kiến tích đã có được đạo trí hiện ở trước, thì đó không phải là pháp trí. Đây là tu đạo trí không phải là tu pháp trí.

Thế nào là tu pháp trí cũng là tu đạo trí? Là khi đạo pháp trí, đạo vị trí trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã có được pháp trí hiện ở trước, đó là đạo trí. Hoặc nếu không được thể tục trí, hoặc trí vô lậu hiện ở trước, vào lúc ấy cùng tu pháp trí, đạo trí. Đây là tu pháp trí cũng là tu đạo trí.

Thế nào là không phải tu pháp trí cũng không phải tu đạo trí? Là khi khổ vị trí trí, tập vị trí trí, tận vị trí trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã có được trí vô lậu hiện ở trước, trí này không phải là pháp trí, đạo trí. Hoặc nếu được, hoặc không được thể tục trí hiện ở trước, vào lúc ấy không cùng tu pháp trí, đạo trí. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của người phàm phu, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, hết thấy nhãn của cõi trời Vô tướng hiện ở trước đều không tu pháp trí, đạo trí. Đây là không phải tu pháp trí cũng không phải tu đạo trí.

Hỏi: Nếu khi tu Vị trí trí (Loại trí) thì cũng tu Tha tâm trí chăng?

Đáp: Hoặc có tu vị trí trí không phải là tu tha tâm trí.

Thế nào là tu vị trí trí không phải là tu tha tâm trí? Là khi khổ vị trí trí, tập vị trí trí, tận vị trí trí, đạo vị trí trí đã nhập hiện quán, không có tha tâm trí, nếu A-la-hán học kiến tích đã có được vị trí trí hiện ở trước, đây không phải là tha tâm trí. Hoặc nếu không được trí vô lậu hiện ở trước, vào lúc ấy được tu vị trí trí, không phải là tha tâm trí. Nếu không có được thể tục trí hiện ở trước, vào lúc ấy tu vị trí trí, không phải là tha tâm trí. Đây là tu vị trí trí không phải là tu tha tâm trí.

Thế nào là tu tha tâm trí không phải là tu vị trí trí? Là người phàm phu hoặc đã được hoặc chưa được tha tâm trí hiện ở trước, hoặc không được thể tục trí hiện ở trước, đây không phải là tha tâm

trí, lúc ấy được tu tha tâm trí. Nếu A-la-hán học kiến tích đã được tha tâm trí hiện ở trước, đây không phải là vị trí trí. Đây là tu tha tâm trí không phải là tu vị trí trí.

Thế nào là tu vị trí trí cũng là tu tha tâm trí? Là khi đạo vị trí trí đã nhập hiện quán, có tha tâm trí. Nếu A-la-hán học kiến tích đã được vị trí trí hiện tiền, đây là tha tâm trí. Nếu không được trí vô lậu hoặc trí thể tục hiện ở trước, vào lúc ấy cùng tu vị trí trí và tha tâm trí. Đây là tu vị trí trí cũng là tu tha tâm trí.

Thế nào là không tu vị trí trí cũng không tu tha tâm trí? Là khi khổ pháp trí, tập pháp trí, tận pháp trí, đạo pháp trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã có được trí vô lậu hiện tiền, đây không phải là vị trí trí, tha tâm trí. Hoặc nếu được trí thể tục hiện ở trước, đây không phải là tha tâm trí. Hoặc nếu không được trí thể tục hiện ở trước, vào lúc ấy không tu vị trí trí, tha tâm trí. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của người phạm phu không có tha tâm trí, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, hết thấy nhãn của cõi trời Vô tướng hiện ở trước đều không tu vị trí trí, tha tâm trí. Đây là không tu vị trí trí cũng không tu tha tâm trí.

Hỏi: Nếu khi tu vị trí trí thì cũng tu Đẳng trí chăng?

Đáp: Hoặc có tu vị trí trí không phải là tu đẳng trí.

Thế nào là tu vị trí trí không phải là tu đẳng trí? Là khi đạo vị trí trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã có được vị trí trí hiện tiền, hoặc nếu không được trí vô lậu hiện ở trước, vào lúc ấy đã tu vị trí trí không phải đẳng trí. Đây là tu vị trí trí không phải là tu đẳng trí.

Thế nào là tu đẳng trí không phải là tu vị trí trí? Là người phạm phu, hoặc đã được hoặc không được trí thể tục hiện ở trước, hoặc A-la-hán học kiến tích nếu đã được hay chưa được trí thể tục hiện ở trước, vào lúc ấy không tu vị trí trí. Đây là tu đẳng trí không phải là tu vị trí trí.

Thế nào là tu vị trí trí cũng là tu đẳng trí? Là khi biên khổ vị trí trí, biên tập tận vị trí trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã không được thể tục trí hiện ở trước, vào lúc ấy được tu vị trí trí. Hoặc nếu không được trí vô lậu hiện ở trước, vào lúc ấy được tu đẳng trí. Đây là tu vị trí trí cũng là tu đẳng trí.

Thế nào là không tu vị trí trí cũng không tu đẳng trí? Là khi khổ pháp trí, tập pháp trí, tận pháp trí, đạo pháp trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã có được trí vô lậu hiện ở trước, đó không phải là vị trí trí. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của người phạm phu, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, hết thấy nhãn của cõi trời Vô tướng hiện ở trước đều không tu vị trí trí, đẳng trí. Đây là không tu vị trí trí cũng không tu đẳng trí.

Hỏi: Nếu khi tu vị trí trí thì cũng tu Khổ trí chăng?

Đáp: Hoặc có tu vị trí trí không phải là tu khổ trí.

Thế nào là tu vị trí trí không phải là tu khổ trí? Là khi tập vị trí trí, tận vị trí trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã có được vị trí trí hiện ở trước, đó không phải là khổ trí. Đây là tu vị trí trí không phải là tu khổ trí.

Thế nào là tu khổ trí không phải là tu vị trí trí? Là khi khổ pháp trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã có được khổ trí hiện ở trước, đó không phải là vị trí trí. Đây là tu khổ trí không phải là tu vị trí trí.

Thế nào là tu vị trí trí cũng là tu khổ trí? Là khi khổ vị trí trí, đạo vị trí trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã có được vị trí trí hiện ở trước, đó là khổ trí. Hoặc nếu không được thể tục trí, hoặc trí vô lậu hiện ở trước, vào lúc ấy cùng tu vị trí trí, khổ trí. Đây là tu vị trí trí cũng là tu khổ trí.

Thế nào là không tu vị trí trí cũng không tu khổ trí? Là khi tập pháp trí, tận pháp trí, đạo pháp trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán

học kiến tích đã có được trí vô lậu hiện ở trước, đó không phải là vị trí trí, khổ trí. Hoặc nếu được, hoặc không được thế tục trí hiện ở trước, lúc ấy đều không tu vị trí trí, khổ trí. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của người phàm phu, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, hết thấy nhãn của cõi trời Vô tướng hiện ở trước đều không tu vị trí trí, khổ trí. Đây là không tu vị trí trí cũng không tu khổ trí.

Hỏi: Nếu khi tu vị trí trí thì cũng tu Tập trí chăng?

Đáp: Hoặc có tu vị trí trí không phải là tu tập trí.

Thế nào là tu vị trí trí không phải là tu tập trí? Là khi khổ vị trí trí, tận vị trí trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã có được vị trí trí hiện ở trước, đó không phải là tập trí. Đây là tu vị trí trí không phải là tu tập trí.

Thế nào là tu tập trí không phải là tu vị trí trí? Là khi tập pháp trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã có được tập trí hiện ở trước, đó không phải là vị trí trí. Đây là tu tập trí không phải là tu vị trí trí.

Thế nào là tu vị trí trí cũng là tu tập trí? Là khi tập vị trí trí, đạo vị trí trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được vị trí trí hiện ở trước, đó là tập trí. Hoặc nếu không được thế tục trí, hoặc trí vô lậu hiện ở trước, lúc ấy cùng được tu vị trí trí, tập trí. Đây là tu vị trí trí cũng là tu tập trí.

Thế nào là không tu vị trí trí cũng không tu tập trí? Là khi khổ pháp trí, tận pháp trí, đạo pháp trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã có được trí vô lậu hiện ở trước, đó không phải là vị trí trí, tập trí. Hoặc nếu được, hoặc không được thế tục trí hiện ở trước, lúc ấy cũng không tu vị trí trí, tập trí. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của người phàm phu, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, hết thấy nhãn của cõi trời Vô tướng hiện ở trước đều không tu vị trí trí, tập trí. Đây là không tu vị trí trí cũng không tu tập trí.

Hỏi: Nếu khi tu vị tri trí thì cũng tu Tận trí chăng?

Đáp: Hoặc có tu vị tri trí không phải là tu tận trí.

Thế nào là tu vị tri trí không phải là tu tận trí? Là khi khổ vị tri trí, tập vị tri trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã có được vị tri trí hiện ở trước, đó không phải là tận trí. Đây là tu vị tri trí không phải là tu tận trí.

Thế nào là tu tận trí không phải là tu vị tri trí? Là khi tận pháp trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã có được tận trí hiện ở trước, đó không phải là vị tri trí. Đây là tu tận trí không phải là tu vị tri trí.

Thế nào là tu vị tri trí cũng là tu tận trí? Là khi tận vị tri trí, đạo vị tri trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã có được vị tri trí hiện ở trước, đó là tận trí. Hoặc nếu không được thể tục trí, hoặc trí vô lậu hiện ở trước, lúc ấy cùng được tu vị tri trí, tận trí. Đây là tu vị tri trí cũng là tu tận trí.

Thế nào là không phải tu vị tri trí cũng không phải tu tận trí? Là khi khổ pháp trí, tập pháp trí, đạo pháp trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã có được trí vô lậu hiện ở trước, đó không phải là vị tri trí, tận trí. Hoặc nếu được, hoặc không được thể tục trí hiện ở trước, lúc ấy cũng không tu vị tri trí, tận trí. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của người phạm phu, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, hết thấy nhãn của cõi trời Vô tướng hiện ở trước đều không tu vị tri trí, tận trí. Đây là không phải tu vị tri trí cũng không phải tu tận trí.

Hỏi: Nếu khi tu vị tri trí thì cũng tu Đạo trí chăng?

Đáp: Hoặc có tu vị tri trí không phải là tu đạo trí.

Thế nào là tu vị tri trí không phải là tu đạo trí? Là khi khổ vị tri trí, tập vị tri trí, tận vị tri trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến

tích đã có được vị trí trí hiện ở trước, đó không phải là đạo trí. Đây là tu vị trí trí không phải là tu đạo trí.

Thế nào là tu đạo trí không phải là tu vị trí trí? Là khi đạo pháp trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã có được đạo trí hiện ở trước, đó không phải là vị trí trí. Đây là tu đạo trí không phải là tu vị trí trí.

Thế nào là tu vị trí trí cũng là tu đạo trí? Là khi đạo vị trí trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã có được vị trí trí hiện ở trước, đó là đạo trí. Hoặc nếu không được thể tục trí, hoặc trí vô lậu hiện ở trước, vào lúc này cùng được tu vị trí trí, đạo trí. Đây là tu vị trí trí cũng là tu đạo trí.

Thế nào là không phải tu vị trí trí cũng không phải tu đạo trí? Là khi khổ pháp trí, tập pháp trí, tận pháp trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã có được trí vô lậu hiện ở trước, đó không phải là vị trí trí, đạo trí. Hoặc nếu đã được, hoặc không được thể tục trí hiện ở trước, lúc ấy cũng không tu vị trí trí, đạo trí. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của người phàm phu, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, hết thấy nhân của cõi trời Vô tướng hiện ở trước đều không tu vị trí trí, đạo trí. Đây là không phải tu vị trí trí cũng không phải tu đạo trí.

Hỏi: Nếu khi tu tha tâm trí thì cũng tu Đẳng trí chăng?

Đáp: Hoặc có tu tha tâm trí không phải là tu đẳng trí.

Thế nào là tu tha tâm trí không phải là tu đẳng trí? Là khi đạo vị trí trí đã nhập hiện quán, có tha tâm trí, nếu A-la-hán học kiến tích đã có được trí vô lậu hiện ở trước, đó là tha tâm trí. Hoặc nếu không được trí vô lậu hiện ở trước, lúc ấy tu tha tâm trí, không phải là đẳng trí. Đây là tu tha tâm trí không phải là tu đẳng trí.

Thế nào là tu đẳng trí không phải là tu tha tâm trí? Là người phàm phu không có tha tâm trí, nếu đã được, hoặc không được thể

tục trí hiện ở trước. Biên khổ vị trí trí, biên tập, tận vị trí trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được thể tục trí hiện ở trước, đó không phải là tha tâm trí. Hoặc nếu không được thể tục trí hiện ở trước, lúc ấy không tu tha tâm trí. Đây là tu đẳng trí không phải là tu tha tâm trí.

Thế nào là tu tha tâm trí cũng là tu đẳng trí? Là người phàm phu có tha tâm trí, nếu đã được, hoặc không được tha tâm trí hiện ở trước, hoặc nếu không được thể tục trí hiện ở trước, đó không phải là tha tâm trí, vào lúc này được tu tha tâm trí. Nếu A-la-hán học kiến tích đã có được tha tâm trí hiện ở trước, đó là đẳng trí. Nếu không được thể tục trí hiện ở trước, lúc ấy được tu tha tâm trí. Nếu đã không được trí vô lậu hiện ở trước, vào lúc này được tu tha tâm trí cùng đẳng trí. Đây là tu tha tâm trí cũng là tu đẳng trí.

Thế nào là không phải tu tha tâm trí cũng không phải tu đẳng trí? Là khi khổ pháp trí, tập, tận, đạo pháp trí đã nhập hiện quán, không có tha tâm trí, đạo vị trí trí cũng nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã có được trí vô lậu hiện ở trước, đó không phải là tha tâm trí. Hoặc nếu không được trí vô lậu hiện ở trước, lúc ấy cũng không tu đẳng trí, tha tâm trí. Tất cả không có tha tâm trí, là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của người phàm phu, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, hết thấy nhẫn của cõi trời Vô tướng hiện ở trước đều không tu tha tâm trí, đẳng trí. Đây là không phải tu tha tâm trí cũng không phải tu đẳng trí.

Hỏi: Nếu khi tu tha tâm trí thì cũng tu Khổ trí chăng?

Đáp: Hoặc có tu tha tâm trí không phải là tu khổ trí.

Thế nào là tu tha tâm trí không phải là tu khổ trí? Là người phàm phu có tha tâm trí, nếu đã được, hoặc không được tha tâm trí hiện ở trước, hoặc không được thể tục trí hiện ở trước, đó không phải là tha tâm trí, tức lúc này được tu tha tâm trí. Nếu A-la-hán học kiến

tích đã có được tha tâm trí hiện ở trước. Đây là tu tha tâm trí không phải là tu khổ trí.

Thế nào là tu khổ trí không phải là tu tha tâm trí? Là khi khổ pháp trí, khổ vị trí đã nhập hiện quán, không có tha tâm trí, đạo vị trí cũng nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được khổ trí hiện ở trước, hoặc không được trí vô lậu hiện ở trước, vào lúc ấy không tu tha tâm trí. Hoặc nếu không được thế tục trí hiện ở trước, lúc ấy được tu khổ trí, không phải là tha tâm trí. Đây là tu khổ trí không phải là tu tha tâm trí.

Thế nào là tu tha tâm trí cũng là tu khổ trí? Là khi đạo vị trí đã nhập hiện quán có tha tâm trí, nếu A-la-hán học kiến tích đã không được trí vô lậu, hoặc thế tục trí hiện ở trước, lúc ấy cùng được tu khổ trí, tha tâm trí. Đây là tu tha tâm trí cũng là tu khổ trí.

Thế nào là không phải tu tha tâm trí cũng không phải tu khổ trí? Là khi tập pháp trí, tập vị trí, tận pháp trí, tận vị trí, đạo pháp trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được trí vô lậu hiện ở trước, đó không phải là tha tâm trí, khổ trí. Nếu đã được thế tục trí hiện ở trước, đó không phải là tha tâm trí. Hoặc nếu không được thế tục trí hiện ở trước, vào lúc ấy không tu tha tâm trí, khổ trí. Tất cả không có tha tâm trí, là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của người phàm phu, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, hết thấy nhãn của cõi trời Vô tướng hiện ở trước đều không tu tha tâm trí, khổ trí. Đây là không phải tu tha tâm trí cũng không phải tu khổ trí.

HẾT - QUYỂN 11

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

QUYỂN 12

Kiên độ thứ 3: TRÍ

Phẩm 4: BÀN VỀ TU TRÍ, phần 2

Hỏi: Nếu khi tu tha tâm trí thì cũng tu Tập trí chăng?

Đáp: Hoặc có tu tha tâm trí không phải là tu tập trí.

Thế nào là tu tha tâm trí không phải là tu tập trí? Là tha tâm trí nơi người phạm phu hoặc đã được, hoặc không được tha tâm trí hiện ở trước. Hoặc đã không được thế tục trí hiện ở trước, đó không phải là tha tâm trí, vào lúc này được tu tha tâm trí. Hoặc A-la-hán học kiến tích đã được tha tâm trí hiện ở trước. Đây là tu tha tâm trí không phải là tu tập trí.

Thế nào là tu tập trí không phải là tu tha tâm trí? Là khi tập pháp trí, tập vị trí đã nhập hiện quán, không có tha tâm trí, đạo vị trí cũng nhập hiện quán. Nếu A-la-hán học kiến tích đã được tập trí hiện ở trước, hoặc nếu không được trí vô lậu hiện ở trước, vào lúc ấy không tu tha tâm trí. Hoặc nếu không được thế tục trí hiện ở trước, lúc này được tu tập trí, không phải là tha tâm trí. Đây là tu tập trí không phải là tu tha tâm trí.

Thế nào là tu tha tâm trí cũng là tu tập trí? Là khi đạo vị trí đã nhập hiện quán có tha tâm trí, nếu A-la-hán học kiến tích

đã không được thể tục trí, hoặc trí vô lậu đã hiện ở trước, vào lúc này được tu tha tâm trí cùng tập trí. Đây là tu tha tâm trí cũng là tu tập trí.

Thế nào là không phải tu tha tâm trí cũng không phải tu tập trí? Là khi khổ pháp trí, khổ vị tri trí, tận pháp trí, tận vị tri trí, đạo pháp trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được trí vô lậu hiện ở trước, đó không phải là tha tâm trí. Hoặc nếu không được thể tục trí hiện ở trước, lúc ấy không tu tha tâm trí cùng tập trí. Tất cả không có tha tâm trí, là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của người phạm phu, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, hết thảy nhân của cõi trời Vô tướng hiện ở trước đều không tu tha tâm trí, tập trí. Đây là không phải tu tha tâm trí cũng không phải tu tập trí.

Hỏi: Nếu khi tu tha tâm trí thì cũng tu Tận trí chăng?

Đáp: Hoặc có tu tha tâm trí không phải là tu tận trí.

Thế nào là tu tha tâm trí không phải là tu tận trí? Là tha tâm trí nơi người phạm phu hoặc đã được, hoặc không được tha tâm trí hiện ở trước. Hoặc nếu không được thể tục trí hiện ở trước, đó không phải là tha tâm trí, lúc này được tu tha tâm trí. Hoặc A-la-hán học kiến tích đã được tha tâm trí hiện ở trước. Đây là tu tha tâm trí không phải là tu tận trí.

Thế nào là tu tận trí không phải là tu tha tâm trí? Là khi tận pháp trí, tận vị tri trí đã nhập hiện quán không có tha tâm trí, đạo vị tri trí cũng nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được tận trí hiện ở trước. Hoặc không được trí vô lậu hiện ở trước, vào lúc này không tu tha tâm trí. Hoặc nếu không được thể tục trí hiện ở trước, lúc ấy được tu tận trí, không phải là tha tâm trí. Đây là tu tận trí không phải là tu tha tâm trí.

Thế nào là tu tha tâm trí cũng là tu tận trí? Là khi đạo vị tri trí đã nhập hiện quán có tha tâm trí, nếu A-la-hán học kiến tích đã không

được thể tục trí, hoặc trí vô lậu hiện ở trước, vào lúc này được tu tha tâm trí và tận trí. Đây là tu tha tâm trí cũng là tu tận trí.

Thế nào là không phải tu tha tâm trí cũng không phải tu tận trí? Là khi khổ pháp trí, khổ vị trí trí, tận pháp trí, tận vị trí trí, đạo pháp trí đều đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được trí vô lậu hiện ở trước, đó không phải tha tâm trí, tận trí. Hoặc nếu được thể tục trí hiện ở trước, đó không phải là tha tâm trí. Hoặc nếu không được thể tục trí hiện ở trước, lúc ấy đều không tu tha tâm trí, tận trí. Tất cả không có tha tâm trí, là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của người phạm phu, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, hết thấy nhân của cõi trời Vô tướng hiện ở trước đều không tu tha tâm trí, tận trí. Đây là không phải tu tha tâm trí cũng không phải tu tận trí.

Hỏi: Nếu khi tu tha tâm trí thì cũng tu Đạo trí chăng?

Đáp: Hoặc có tu tha tâm trí không phải là tu đạo trí.

Thế nào là tu tha tâm trí không phải là tu đạo trí? Là tha tâm trí nơi người phạm phu hoặc đã được, hoặc không được tha tâm trí hiện ở trước. Hoặc nếu không được thể tục trí hiện ở trước, đó không phải là tha tâm trí, vào lúc này được tu tha tâm trí. Nếu A-la-hán học kiến tích đã được tha tâm trí hiện ở trước, đó không phải là đạo trí. Đây là tu tha tâm trí không phải là tu đạo trí.

Thế nào là tu đạo trí không phải là tu tha tâm trí? Là khi đạo pháp trí, đạo vị trí trí nhập hiện quán không có tha tâm trí, nếu A-la-hán học kiến tích đã được đạo trí hiện ở trước, đó không phải là tha tâm trí. Hoặc nếu không được trí vô lậu hiện ở trước, vào lúc này không tu tha tâm trí. Hoặc nếu không được thể tục trí hiện ở trước, lúc ấy được tu đạo trí, không phải là tha tâm trí. Đây là tu đạo trí không phải là tu tha tâm trí.

Thế nào là tu tha tâm trí cũng là tu đạo trí? Là khi đạo vị trí trí đã nhập hiện quán có tha tâm trí, nếu A-la-hán học kiến tích đã được

tha tâm trí, đó là đạo trí. Hoặc nếu không được thể tục trí, hoặc trí vô lậu hiện ở trước, vào lúc này được tu tha tâm trí, đạo trí. Đây là tu tha tâm trí cũng là tu đạo trí.

Thể nào là không phải tu tha tâm trí cũng không phải tu đạo trí? Là khi khở pháp trí, khở vị tri trí, tận pháp trí, tập vị tri trí, tận pháp trí, tận vị tri trí đều đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được trí vô lậu hiện ở trước, đó không phải là tha tâm trí, đạo trí. Hoặc nếu được thể tục trí hiện ở trước, đó không phải là tha tâm trí. Hoặc nếu không được thể tục trí hiện ở trước, lúc ấy đều không tu tha tâm trí, đạo trí. Tất cả không có tha tâm trí, là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của người phàm phu, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận. hết thấy nhân của cõi trời Vô tướng hiện ở trước đều không tu tha tâm trí, đạo trí. Đây là không phải tu tha tâm trí cũng không phải tu đạo trí.

Hỏi: Nếu khi tu Đẳng trí thì cũng tu Khở trí chăng?

Đáp: Hoặc có tu đẳng trí không phải là tu khở trí.

Thể nào là tu đẳng trí không phải là tu khở trí? Là người phàm phu hoặc đã được, hoặc không được thể tục trí hiện ở trước, biên tập, tận vị tri trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được, hoặc không được thể tục trí hiện ở trước, lúc ấy không tu khở trí. Đây là tu đẳng trí không phải là tu khở trí.

Thể nào là tu khở trí không phải là tu đẳng trí? Là khi khở pháp trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được khở trí hiện ở trước, hoặc nếu không được trí vô lậu hiện ở trước, vào lúc này không tu đẳng trí. Đây là tu khở trí không phải là tu đẳng trí.

Thể nào là tu đẳng trí cũng là tu khở trí? Là khi biên khở vị tri trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã không được thể tục trí, hoặc trí vô lậu hiện ở trước, vào lúc này được tu đẳng trí, khở trí. Đây là tu đẳng trí cũng là tu khở trí.

Thế nào là không phải tu đẳng trí cũng không phải tu khổ trí? Là khi tập pháp trí, tận pháp trí, đạo pháp trí đều đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được trí vô lậu hiện ở trước, đó không phải là khổ trí. Tất cả là tâm nhiệm ô, tâm vô ký của người phàm phu, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, hết thảy nhân của cõi trời Vô tướng hiện ở trước đều không tu đẳng trí, khổ trí. Đây là không phải tu đẳng trí cũng không phải tu khổ trí.

Hỏi: Nếu khi tu đẳng trí thì cũng tu Tập trí chăng?

Đáp: Hoặc có tu đẳng trí không phải là tu tập trí.

Thế nào là tu đẳng trí không phải là tu tập trí? Là người phàm phu hoặc đã được, hoặc không được thế tục trí hiện ở trước. Biên khổ vị trí trí, biên tận vị trí trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được, hoặc không được thế tục trí hiện ở trước, vào lúc này không tu tập trí. Đây là tu đẳng trí không phải là tu tập trí.

Thế nào là tu tập trí không phải là tu đẳng trí? Là khi tập pháp trí, đạo vị trí trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được tập trí hiện ở trước, hoặc nếu không được trí vô lậu hiện ở trước, lúc ấy không tu đẳng trí. Đây là tu tập trí không phải là tu đẳng trí.

Thế nào là tu đẳng trí cũng là tu tập trí? Là khi biên tập vị trí trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã không được thế tục trí, hoặc trí vô lậu hiện ở trước, lúc này được tu đẳng trí cùng tập trí. Đây là tu đẳng trí cũng là tu tập trí.

Thế nào là không phải tu đẳng trí cũng không phải tu tập trí? Là khi khổ pháp trí, tận pháp trí, đạo pháp trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được trí vô lậu hiện ở trước, đó không phải là tập trí. Tất cả là tâm nhiệm ô, tâm vô ký của người phàm phu, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, hết thảy nhân của cõi trời Vô tướng hiện ở trước đều không tu đẳng trí, tập trí. Đây là không phải tu đẳng trí cũng không phải tu tập trí.

Hỏi: Nếu khi tu đẳng trí thì cũng tu Tận trí chăng?

Đáp: Hoặc có tu đẳng trí không phải là tu tận trí.

Thế nào là tu đẳng trí không phải là tu tận trí? Là người phạm phu hoặc đã được, hoặc không được thể tục trí hiện ở trước. Biên khổ vị tri trí, biên tập vị tri trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích được đã được, hoặc không được thể tục trí hiện ở trước, vào lúc này không tu tận trí. Đây là tu đẳng trí không phải là tu tận trí.

Thế nào là tu tận trí không phải là tu đẳng trí? Là khi tận pháp trí, đạo vị tri trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được tận trí hiện ở trước, hoặc nếu không được trí vô lậu hiện ở trước, lúc ấy không tu đẳng trí. Đây là tu tận trí không phải là tu đẳng trí.

Thế nào là tu đẳng trí cũng là tu tận trí? Là khi biên tận vị tri trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã không được thể tục trí, hoặc trí vô lậu hiện ở trước, vào lúc ấy được tu đẳng trí cùng tận trí. Đây là tu đẳng trí cũng là tu tận trí.

Thế nào là không phải tu đẳng trí cũng không phải tu tận trí? Là khi khổ pháp trí, tập pháp trí, đạo pháp trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được trí vô lậu hiện ở trước, đó không phải là tận trí. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của người phạm phu, nhập Tam muội vô tưởng, Tam muội diệt tận, hết thấy nhãn của cõi trời Vô tưởng hiện ở trước đều không tu đẳng trí, tận trí. Đây là không phải tu đẳng trí cũng không phải tu tận trí.

Hỏi: Nếu khi tu đẳng trí thì cũng tu Đạo trí chăng?

Đáp: Hoặc có tu đẳng trí không phải là tu đạo trí.

Thế nào là tu đẳng trí không phải là tu đạo trí? Là người phạm phu hoặc đã được, hoặc không được thể tục trí hiện ở trước. Biên khổ

vị tri trí, biên tập vị tri trí, biên tận vị tri trí đều đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được, hoặc không được thế tục trí hiện ở trước, vào lúc này không tu đạo trí. Đây là tu đẳng trí không phải là tu đạo trí.

Thế nào là tu đạo trí không phải là tu đẳng trí? Là khi đạo pháp trí, đạo vị tri trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được đạo trí hiện ở trước, hoặc nếu không được trí vô lậu hiện ở trước, lúc ấy không tu đẳng trí. Đây là tu đạo trí không phải là tu đẳng trí.

Thế nào là tu đẳng trí cũng là tu đạo trí? Là nếu A-la-hán học kiến tích đã không được thế tục trí, hoặc trí vô lậu hiện ở trước, vào lúc này được tu đẳng trí cùng đạo trí. Đây là tu đẳng trí cũng là tu đạo trí.

Thế nào là không phải tu đẳng trí cũng không phải tu đạo trí? Là khi khổ pháp trí, tập pháp trí, tận pháp trí đều đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được trí vô lậu hiện ở trước, đó không phải là đạo trí. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của người phạm phu, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, hết thấy nhân của cõi trời Vô tướng hiện ở trước đều không tu đẳng trí, đạo trí. Đây là không phải tu đẳng trí cũng không phải tu đạo trí.

Hỏi: Nếu khi tu Khổ trí thì cũng tu Tập trí chẳng?

Đáp: Hoặc có tu khổ trí không phải là tu tập trí.

Thế nào là tu khổ trí không phải là tu tập trí? Là khi khổ pháp trí, khổ vị tri trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được khổ trí hiện ở trước. Đây là tu khổ trí không phải là tu tập trí.

Thế nào là tu tập trí không phải là tu khổ trí? Là khi tập pháp trí, tập vị tri trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được tập trí hiện ở trước. Đây là tu tập trí không phải là tu khổ trí.

Thế nào là tu khổ trí cũng là tu tập trí? Là khi đạo vị tri trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã không được thể tục trí, hoặc trí vô lậu hiện ở trước, vào lúc này được tu khổ trí cùng tập trí. Đây là tu khổ trí cũng là tu tập trí.

Thế nào là không phải tu khổ trí cũng không phải tu tập trí? Là khi tận pháp trí, tận vị tri trí, đạo pháp trí đều đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được trí vô lậu hiện ở trước, trí này không phải là khổ trí, tập trí. Hoặc đã được, hoặc không được thể tục trí hiện ở trước, vào lúc này không tu khổ trí, tập trí. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của người phạm phu, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, hết thấy nhãn của cõi trời Vô tướng hiện ở trước đều không tu khổ trí, tập trí. Đây là không phải tu khổ trí cũng không phải tu tập trí.

Hỏi: Nếu khi tu khổ trí thì cũng tu Tận trí chẳng?

Đáp: Hoặc có tu khổ trí không phải là tu tận trí.

Thế nào là tu khổ trí không phải là tu tận trí? Là khi khổ pháp trí, khổ vị tri trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được khổ trí hiện ở trước. Đây là tu khổ trí không phải là tu tận trí.

Thế nào là tu tận trí không phải là tu khổ trí? Là khi tận pháp trí, tận vị tri trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được tận trí hiện ở trước. Đây là tu tận trí không phải là tu khổ trí.

Thế nào là tu khổ trí cũng là tu tận trí? Là khi đạo vị tri trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã không được thể tục trí, hoặc trí vô lậu hiện ở trước, vào lúc này được tu khổ trí cùng tận trí. Đây là tu khổ trí cũng là tu tận trí.

Thế nào là không phải tu khổ trí cũng không phải tu tận trí? Là khi tập pháp trí, tập vị tri trí, đạo pháp trí đều đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được trí vô lậu hiện ở trước, trí này không

phải là khổ trí, tận trí. Hoặc nếu được, hoặc không được thế tục trí hiện ở trước, lúc ấy không tu khổ trí, tận trí. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của người phàm phu, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, hết thấy nhãn của cõi trời Vô tướng hiện ở trước đều không tu khổ trí, tận trí. Đây là không phải tu khổ trí cũng không phải tu tận trí.

Hỏi: Nếu khi tu khổ trí thì cũng tu Đạo trí chăng?

Đáp: Hoặc có tu khổ trí không phải là tu đạo trí.

Thế nào là tu khổ trí không phải là tu đạo trí? Là khi khổ pháp trí, khổ vị trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được khổ trí hiện ở trước. Đây là tu khổ trí không phải là tu đạo trí.

Thế nào là tu đạo trí không phải là tu khổ trí? Là khi đạo pháp trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được đạo trí hiện ở trước. Đây là tu đạo trí không phải là tu khổ trí.

Thế nào là tu khổ trí cũng là tu đạo trí? Là khi đạo vị trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã không được trí vô lậu, hoặc thế tục trí hiện ở trước, lúc ấy được tu khổ trí cùng đạo trí. Đây là tu khổ trí cũng là tu đạo trí.

Thế nào là không phải tu khổ trí cũng không phải tu đạo trí? Là khi tập pháp trí, tập vị trí, tận pháp trí, tận vị trí đều đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được trí vô lậu hiện ở trước, trí này không phải là khổ trí, đạo trí. Hoặc nếu được, hoặc không được thế tục trí hiện ở trước, lúc ấy không tu khổ trí, đạo trí. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của người phàm phu, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, hết thấy nhãn của cõi trời Vô tướng hiện ở trước đều không tu khổ trí, đạo trí. Đây là không phải tu khổ trí cũng không phải tu đạo trí.

Hỏi: Nếu khi tu Tập trí thì cũng tu Tận trí chăng?

Đáp: Hoặc có tu tập trí không phải là tu tận trí.

Thế nào là tu tập trí không phải là tu tận trí? Là khi tập pháp trí, tập vị trí trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được tập trí hiện ở trước. Đây là tu tập trí không phải là tu tận trí.

Thế nào là tu tận trí không phải là tu tập trí? Là khi tận pháp trí, tận vị trí trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được tận trí hiện ở trước. Đây là tu tận trí không phải là tu tập trí.

Thế nào là tu tập trí cũng là tu tận trí? Là khi đạo vị trí trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã không được thế tục trí, hoặc trí vô lậu hiện ở trước, vào lúc này được tu tập trí cùng tận trí. Đây là tu tập trí cũng là tu tận trí.

Thế nào là không phải tu tập trí cũng không phải tu tận trí? Là khi khổ pháp trí, khổ vị trí trí, đạo pháp trí đều đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được trí vô lậu hiện ở trước, trí này không phải là tập trí, tận trí. Nếu đã được, hoặc không được thế tục trí hiện ở trước, lúc này không tu tập trí, tận trí. Tất cả là tâm nhiệm ô, tâm vô ký của người phạm phu, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, hết thảy nhẩn của cõi trời Vô tướng hiện ở trước đều không tu tập trí, tận trí. Đây là không phải tu tập trí cũng không phải tu tận trí.

Hỏi: Nếu khi tu tập trí thì cũng tu Đạo trí chăng?

Đáp: Hoặc có tu tập trí không phải là tu đạo trí.

Thế nào là tu tập trí không phải là tu đạo trí? Là khi tập pháp trí, tập vị trí trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được tập trí hiện ở trước. Đây là tu tập trí không phải là tu đạo trí.

Thế nào là tu đạo trí không phải là tu tập trí? Là khi đạo pháp trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được đạo trí hiện ở trước. Đây là tu đạo trí không phải là tu tập trí.

Thế nào là tu tập trí cũng là tu đạo trí? Là khi đạo vị trí trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã không được trí vô lậu, hoặc thế tục trí hiện ở trước, vào lúc ấy được tu tập trí cùng đạo trí. Đây là tu tập trí cũng là tu đạo trí.

Thế nào là không phải tu tập trí cũng không phải tu đạo trí? Là khi khở pháp trí, khở vị trí trí, tận pháp trí, tận vị trí trí đều đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được trí vô lậu hiện ở trước, trí ấy không phải là tập trí, đạo trí. Nếu đã được, hoặc không được thế tục trí hiện ở trước, lúc ấy không tu tập trí, đạo trí. Tất cả là tâm nhiệm ô, tâm vô ký của người phạm phu, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, hết thấy nhân của cõi trời Vô tướng hiện ở trước đều không tu tập trí, đạo trí. Đây là không phải tu tập trí cũng không phải tu đạo trí.

Hỏi: Nếu khi tu Tận trí thì cũng tu Đạo trí chăng?

Đáp: Hoặc có tu tận trí không phải là tu đạo trí.

Thế nào là tu tận trí không phải là tu đạo trí? Là khi tận pháp trí, tận vị trí trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được tận trí hiện ở trước. Đây là tu tận trí không phải là tu đạo trí.

Thế nào là tu đạo trí không phải là tu tận trí? Là khi đạo pháp trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được đạo trí hiện ở trước. Đây là tu đạo trí không phải là tu tận trí.

Thế nào là tu tận trí cũng là tu đạo trí? Là khi đạo vị trí trí đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã không được thế tục trí, hoặc trí vô lậu hiện ở trước, vào lúc này được tu tận trí cùng đạo trí. Đây là tu tận trí cũng là tu đạo trí.

Thế nào là không phải tu tận trí cũng không phải tu đạo trí? Là khi khở pháp trí, khở vị trí trí, tận pháp trí, tận vị trí trí đều đã nhập hiện quán, nếu A-la-hán học kiến tích đã được trí vô lậu hiện ở trước,

trí này không phải là tận trí, đạo trí. Nếu đã được, hoặc không được thế tục trí hiện ở trước, vào lúc ấy không tu tận trí, đạo trí. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của người phàm phu, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, hết thảy nhẩn của cõi trời Vô tướng hiện ở trước đều không tu tận trí, đạo trí. Đây là không phải tu tận trí cũng không phải tu đạo trí.

Hỏi: Tùng có pháp trí duyên nơi pháp trí chăng?

Đáp: Có. Vị trí trí không duyên, số còn lại là có duyên.

Hỏi: Tùng có vị trí trí duyên nơi vị trí trí chăng?

Đáp: Có. Pháp trí không duyên, số còn lại là có duyên.

Hỏi: Tùng có tha tâm trí duyên nơi tha tâm trí chăng?

Đáp: Có. Số còn lại là có duyên.

Hỏi: Tùng có đẳng trí duyên nơi đẳng trí chăng?

Đáp: Có. Số còn lại là có duyên.

Hỏi: Tùng có khổ trí duyên nơi khổ trí chăng?

Đáp: Không có. Tha tâm trí, đẳng trí có duyên, số còn lại là không duyên.

Như khổ trí, tập trí cũng như vậy.

Hỏi: Tùng có tận trí duyên nơi tận trí chăng?

Đáp: Không có. Số còn lại cũng không duyên

Hỏi: Tùng có đạo trí duyên nơi đạo trí chăng?

Đáp: Có. Đẳng trí không duyên, số còn lại là có duyên

Pháp trí đối với pháp trí làm bốn duyên: Nhân duyên, Thứ đệ duyên, Duyên duyên, Tăng thượng duyên. Cùng với vị trí trí làm ba duyên: Nhân duyên, Thứ đệ duyên, Tăng thượng duyên, không có Duyên duyên. Cùng với tha tâm trí làm bốn duyên. Cùng với đẳng

trí làm ba duyên, không có Nhân duyên. Cùng với khổ trí, tập trí, tận trí làm ba duyên, không có Duyên duyên. Cùng với đạo trí làm bốn duyên.

Vị tri trí đối với vị tri trí làm bốn duyên : Nhân duyên, Thứ đệ duyên, Duyên duyên, Tăng thượng duyên. Cùng với tha tâm trí làm bốn duyên. Cùng với đẳng trí làm ba duyên, không có Nhân duyên. Cùng với khổ trí, tập trí, tận trí làm ba duyên, không có Duyên duyên. Cùng với đạo trí làm bốn duyên. Cùng với pháp trí làm ba duyên, không có Duyên duyên.

Tha tâm trí đối với tha tâm trí làm bốn duyên: Nhân duyên, Thứ đệ duyên, Duyên duyên, Tăng thượng duyên. Cùng với đẳng trí làm bốn duyên. Cùng với khổ trí, tập trí làm bốn duyên, hoặc có Nhân duyên không có Duyên duyên, hoặc có duyên duyên không có Nhân duyên. Cùng với tận trí làm ba duyên, không có Duyên duyên. Cùng với đạo trí, pháp trí, vị tri trí làm bốn duyên.

Đẳng trí đối với đẳng trí làm bốn duyên: Nhân duyên, Thứ đệ duyên, Duyên duyên, Tăng thượng duyên. Cùng với khổ trí, tập trí làm ba duyên, không có Nhân duyên. Cùng với tận trí, đạo trí làm hai duyên, không có Nhân duyên, Duyên duyên. Cùng với pháp trí, vị tri trí làm ba duyên, không có Nhân duyên. Cùng với tha tâm trí làm bốn duyên.

Khổ trí đối với khổ trí làm ba duyên, không có Duyên duyên. Cùng với tập trí, tận trí làm ba duyên, không có Duyên duyên. Cùng với đạo trí, pháp trí, vị tri trí, tha tâm trí làm bốn duyên. Cùng với đẳng trí làm ba duyên, không có Nhân duyên.

Như khổ trí, tập trí, tận trí cũng như thế.

Đạo trí đối với đạo trí làm bốn duyên: Nhân duyên, Thứ đệ duyên, Duyên duyên, Tăng thượng duyên. Cùng với pháp trí, vị tri trí, tha tâm trí làm bốn duyên. Cùng với đẳng trí làm ba duyên, không

có Nhân duyên. Cùng với khổ trí, tập trí, tận trí làm ba duyên, không có Duyên duyên.

Hỏi: Các kiết hệ thuộc nơi cõi Dục, kiết đó do pháp trí diệt chẳng?

Đáp: Hoặc có kiết hệ thuộc nơi cõi Dục, kiết đó không phải do pháp trí diệt.

Thế nào là kiết hệ thuộc nơi cõi Dục, kiết đó không phải do pháp trí diệt? Là các kiết hệ thuộc nơi cõi Dục do nhãn diệt, cũng do trí khác diệt hoặc không diệt. Đây là kiết hệ thuộc nơi cõi Dục, kiết đó không phải do pháp trí diệt.

Thế nào là kiết do pháp trí diệt, kiết đó không phải hệ thuộc nơi cõi Dục? Là các kiết hệ thuộc nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do pháp trí diệt. Đây là kiết do pháp trí diệt, kiết đó không hệ thuộc nơi cõi Dục.

Thế nào là kiết hệ thuộc nơi cõi Dục, kiết đó do pháp trí diệt? Là các kiết hệ thuộc nơi cõi Dục do pháp trí diệt. Đây là kiết hệ thuộc nơi cõi Dục, kiết đó do pháp trí diệt.

Thế nào là kiết không hệ thuộc nơi cõi Dục, kiết đó cũng không phải do pháp trí diệt? Là các kiết hệ thuộc nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do nhãn diệt, cũng do trí khác diệt hoặc không diệt. Đây gọi là kiết không hệ thuộc nơi cõi Dục, kiết đó cũng không phải do pháp trí diệt.

Hỏi: Các kiết hệ thuộc nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, kiết đó do vị trí trí diệt chẳng?

Đáp: Đúng vậy. Các kiết do vị trí trí diệt, kiết đó hệ thuộc nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Hỏi: Từng có kiết hệ thuộc nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, kiết đó không phải do vị trí trí diệt chẳng?

Đáp: Có. Là các kiết hệ thuộc nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do nhãn diệt, cũng do trí khác diệt hoặc không diệt.

Hỏi: Các kiết do kiến khổ đoạn, kiết đó do khổ trí diệt chăng?

Đáp: Kiết đó không phải do khổ trí diệt mà do nhãn diệt.

Hỏi: Nếu như các kiết do khổ trí diệt, kiết đó do kiến khổ đoạn chăng?

Đáp: Kiết đó không phải do kiến khổ đoạn mà do tư duy đoạn.

Hỏi: Các kiết do kiến tập, kiến tận, kiến đạo đoạn, kiết đó do tập trí, tận trí, đạo trí diệt chăng?

Đáp: Kiết đó không phải do tập trí, tận trí, đạo trí diệt mà do nhãn diệt.

Hỏi: Nếu như các kiết do tập trí, tận trí, đạo trí diệt, kiết đó do kiến tập, kiến tận, kiến đạo đoạn chăng?

Đáp: Kiết đó không do kiến đạo đoạn mà do tư duy diệt.

Hỏi: Các kiết do pháp trí diệt, kiết đó do pháp trí tận (diệt) tác chứng chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các kiết do pháp trí diệt, kiết đó do pháp trí tận tác chứng.

Hỏi: Từng có kiết do pháp trí tận tác chứng, kiết đó không do pháp trí diệt chăng?

Đáp: Có. Là các kiết do nhãn diệt, cũng do trí khác diệt, kiết đó cũng do pháp trí tận tác chứng.

Hỏi: Các kiết do vị trí trí diệt, kiết đó do vị trí trí tận tác chứng chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các kiết do vị trí trí diệt, kiết đó do vị trí trí tận tác chứng.

Hỏi: Từng có kiết do vị trí trí tận tác chứng, kiết đó không phải do vị trí trí diệt chăng?

Đáp: Có. Là các kiết do nhãn diệt, cũng do trí khác diệt, kiết đó cũng do vị trí tận tác chứng.

Hỏi: Các kiết do khổ trí, tập trí, tận trí, đạo diệt trí, kiết đó cũng do khổ, tập, tận, đạo trí tận tác chứng chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các kiết do khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí diệt, kiết đó cũng do khổ, tập, tận, đạo trí tận tác chứng.

Hỏi: Từng có kiết do đạo trí tận tác chứng, kiết đó không phải do đạo trí diệt chăng?

Đáp: Có. Là các kiết do nhãn diệt, cũng do trí khác diệt, kiết đó cũng do đạo trí tận tác chứng.

Nhãn căn do bảy trí nhận biết, trừ tha tâm trí, tận trí, đạo trí. Nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn cũng như vậy. Ý căn do chín trí nhận biết, trừ tận trí. Lạc căn, hỷ căn, hộ căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn cũng như vậy. Nam căn, nữ căn do sáu trí nhận biết, trừ vị trí trí, tha tâm trí, tận trí, đạo trí. Mạng căn do bảy trí nhận biết, trừ tha tâm trí, tận trí, đạo trí. Khổ căn, ưu căn do bảy trí nhận biết, trừ vị trí trí, tận trí, đạo trí. Vị trí căn, dĩ trí căn, vô trí căn do bảy trí nhận biết, trừ khổ trí, tập trí, tận trí.

Nhãn trì (giới), nhĩ, tỷ, thiệt, thân trì, sắc, thanh, tế hoạt (xúc) trì do bảy trí nhận biết, trừ tha tâm trí, tận trí, đạo trí. Nhãn thức, nhĩ thức, thân thức trì do tám trí nhận biết, trừ tận trí, đạo trí. Hương trì, vị trì do sáu trí nhận biết, trừ vị trí trí, tha tâm trí, tận trí, đạo trí. Tỷ thức, thiệt thức trì do bảy trí nhận biết, trừ vị trí trí, tận trí, đạo trí. Ý trì, ý thức trì do chín trí nhận biết, trừ tận trí. Pháp trì do mười trí nhận biết.

Nhãn nhập (xú), nhĩ, tỷ, thiệt, thân nhập, sắc, thanh, tế hoạt (xúc) nhập do bảy trí nhận biết, trừ tha tâm trí, tận trí, đạo trí. Hương nhập, vị nhập do sáu trí nhận biết, trừ vị trí trí, tha tâm trí, tận trí, đạo

trí. Ý nhập do chín trí nhận biết, trừ tận trí. Pháp nhập do mười trí nhận biết.

Sắc âm (uẩn) do tám trí nhận biết, trừ tha tâm trí, tận trí. Thống (thọ), tưởng, hành, thức âm do chín trí nhận biết, trừ tận trí.

Sắc thanh âm do bảy trí nhận biết, trừ tha tâm trí, tận trí, đạo trí. Thống (thọ), tưởng, hành, thức thanh âm do tám trí nhận biết, trừ tận trí, đạo trí.

Địa chủng cho đến không chủng do bảy trí nhận biết, trừ tha tâm trí, tận trí, đạo trí. Thức chủng do tám trí nhận biết, trừ tận trí, đạo trí.

Pháp có sắc do tám trí nhận biết, trừ tha tâm trí, tận trí, pháp vô sắc do mười trí nhận biết. Pháp có thể thấy, pháp có đối do bảy trí nhận biết, trừ tha tâm trí, tận trí, đạo trí, pháp không thể thấy, pháp không đối do mười trí nhận biết. Pháp hữu lậu do tám trí nhận biết, trừ tận trí, đạo trí, pháp vô lậu do tám trí nhận biết, trừ khổ trí, tập trí. Pháp hữu vi do chín trí nhận biết, trừ tận trí, pháp vô vi do sáu trí nhận biết, trừ tha tâm trí, khổ trí, tập trí, đạo trí.

Pháp quá khứ, vị lai, hiện tại do chín trí nhận biết, trừ tận trí. Pháp thiện do mười trí nhận biết, pháp bất thiện do bảy trí nhận biết, trừ vị trí, tận trí, đạo trí, pháp vô ký do tám trí nhận biết, trừ tận trí, đạo trí. Pháp hệ thuộc cõi Dục do bảy trí nhận biết, trừ vị trí, tận trí, đạo trí, pháp hệ thuộc cõi Sắc do bảy trí nhận biết, trừ pháp trí, tận trí, đạo trí, pháp hệ thuộc cõi Vô sắc do sáu trí nhận biết, trừ pháp trí, tha tâm trí, tận trí, đạo trí. Pháp học, pháp vô học do bảy trí nhận biết, trừ khổ trí, tập trí, tận trí, pháp phi học phi vô học do chín trí nhận biết, trừ đạo trí. Pháp do kiến đế đoạn, pháp do tư duy đoạn do tám trí nhận biết, trừ tận trí, đạo trí, pháp không đoạn do tám trí nhận biết, trừ khổ trí, tập trí.

Khổ đế, tập đế do tám trí nhận biết, trừ tận trí, đạo trí. Tận đế do sáu trí nhận biết, trừ tha tâm trí, khổ trí, tập trí, đạo trí. Đạo đế do bảy trí nhận biết, trừ khổ trí, tập trí, tận trí.

Thiền do chín trí nhận biết, trừ tận trí.

Bốn đẳng (bốn vô lượng) do bảy trí nhận biết, trừ pháp trí, tận trí, đạo trí.

Trong bốn vô sắc: Không xứ, thức xứ, bất dụng xứ do bảy trí nhận biết, trừ pháp trí, tha tâm trí, tận trí. Hữu tướng vô tướng xứ do sáu trí nhận biết, trừ pháp trí, tha tâm trí, tận trí, đạo trí.

Giải thoát thứ nhất, thứ hai, thứ ba, tám trừ nhập, tám nhất thiết nhập do bảy trí nhận biết, trừ pháp trí, tận trí, đạo trí. Không xứ giải thoát, thức xứ giải thoát, bất dụng xứ giải thoát do bảy trí nhận biết, trừ pháp trí, tha tâm trí, tận trí. Hữu tướng vô tướng giải thoát, diệt tận giải thoát do sáu trí nhận biết, trừ pháp trí, tha tâm trí, tận trí, đạo trí. Nhất thiết nhập của không xứ, nhất thiết nhập của thức xứ cũng như vậy.

Pháp trí do sáu trí nhận biết, trừ vị trí trí, khổ trí, tập trí, tận trí. Vị trí trí do sáu trí nhận biết, trừ pháp trí, khổ trí, tập trí, tận trí. Tha tâm trí do chín trí nhận biết, trừ tận trí. Đẳng trí do tám trí nhận biết, trừ tận trí, đạo trí. Khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí, không, vô nguyện, vô tướng do bảy trí nhận biết, trừ khổ trí, tập trí, tận trí.

Ba kiết: Thân kiến, trộm giới, nghi do tám trí nhận biết, trừ tận trí, đạo trí.

Ba căn bất thiện: tham, giận, si và dục lậu do bảy trí nhận biết, trừ vị trí trí, tận trí, đạo trí. Hữu lậu do bảy trí nhận biết, trừ pháp trí, tận trí, đạo trí. Số còn lại do tám trí nhận biết, trừ tận trí, đạo trí.

Trong bốn lưu: Dục lưu do bảy trí nhận biết, trừ vị trí trí, tận trí, đạo trí. Hữu lưu do bảy trí nhận biết, trừ pháp trí, tận trí, đạo trí. Số còn lại do tám trí nhận biết, trừ tận trí, đạo trí.

Như bộc lưu, ách cũng như vậy.

Trong bốn thọ (thủ): Dục thọ do bảy trí nhận biết, trừ vị trí trí, tận trí, đạo trí. Ngã thọ do bảy trí nhận biết, trừ pháp trí, tận trí, đạo trí. Số còn lại do tám trí nhận biết, trừ tận trí, đạo trí.

Trong bốn phược: ái dục trói buộc thân, giận dữ trói buộc thân do bảy trí nhận biết, trừ vị trí trí, tận trí, đạo trí. Số còn lại do tám trí nhận biết, trừ tận trí, đạo trí.

Năm cái và kiết giận dữ, kiết keo kiệt, kiết ganh tị do bảy trí nhận biết, trừ vị trí trí, tận trí, đạo trí. Số còn lại do tám trí nhận biết, trừ tận trí, đạo trí.

Trong năm kiết phần dưới: Kiết tham dục, kiết giận dữ do bảy trí nhận biết, trừ vị trí trí, tận trí, đạo trí. Số còn lại và năm kiến do tám trí nhận biết, trừ tận trí, đạo trí.

Trong sáu ái thân: ái thân do tỷ xúc, thiết xúc sinh ra do bảy trí nhận biết, trừ vị trí trí, tận trí, đạo trí. Số còn lại do tám trí nhận biết, trừ tận trí, đạo trí.

Trong bảy sử: Sử tham dục, sử giận dữ do bảy trí nhận biết, trừ vị trí trí, tận trí, đạo trí. Sử hữu ái do bảy trí nhận biết, trừ pháp trí, tận trí, đạo trí. Số còn lại do tám trí nhận biết, trừ tận trí, đạo trí.

Trong chín kiết: Kiết giận dữ, kiết keo kiệt, kiết ganh tị do bảy trí nhận biết, trừ vị trí trí, tận trí, đạo trí. Số còn lại do tám trí nhận biết, trừ tận trí, đạo trí.

Chín mươi tám sử: Thuộc cõi Dục do bảy trí nhận biết, trừ vị trí trí, tận trí, đạo trí. Thuộc cõi Sắc do bảy trí nhận biết, trừ pháp trí, tận trí, đạo trí. Thuộc cõi Vô sắc do sáu trí nhận biết, trừ pháp trí, tha tâm trí, tận trí, đạo trí.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Đối với tướng về vô thường, tu tập hành tác rộng khắp, ái nơi cõi Dục dứt hết”: Tướng này nên nói

tương ưng với pháp trí, tương ưng với khổ trí. Nên nói có giác có quán. Nên nói tương ưng với hộ căn (xả căn). Nên nói tương ưng với vô nguỵện. Nên nói hệ thuộc nơi cõi Dục, duyên tận.

“Ái cõi Sắc dứt hết”: Tưởng này nên nói tương ưng với vị trí trí, tương ưng với khổ trí. Nên nói hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán. Nên nói hoặc tương ưng với lạc căn, hoặc tương ưng với hỷ căn, hoặc tương ưng với hộ căn. Nên nói tương ưng với vô nguỵện. Nên nói hệ thuộc nơi cõi Sắc, duyên tận.

“Ái cõi Vô sắc dứt hết”: Tưởng này nên nói tương ưng với vị trí trí, tương ưng với khổ trí. Nên nói hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán. Nên nói hoặc tương ưng với lạc căn, hoặc tương ưng với hỷ căn, hoặc tương ưng với hộ căn. Nên nói tương ưng với vô nguỵện. Nên nói hệ thuộc nơi cõi Vô sắc, duyên tận.

“Kiêu mạn, vô minh tận”: Tưởng này nên nói hoặc tương ưng với pháp trí, hoặc tương ưng với vị trí trí, tương ưng với khổ trí. Nên nói hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán. Nên nói hoặc tương ưng với lạc căn, hoặc tương ưng với hỷ căn, hộ căn. Nên nói tương ưng với vô nguỵện. Nên nói hoặc duyên hệ thuộc nơi cõi Dục, hoặc duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, duyên tận.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Tỳ-kheo khéo quán về ba nghĩa của bảy xứ, đối với pháp này có thể nhanh chóng dứt hết hữu lậu. Phân biệt nhận biết như thật về sắc khổ do bốn trí: Pháp trí, vị trí trí, khổ trí, đẳng trí. Phân biệt nhận biết về sắc tập do bốn trí: Pháp trí, vị trí trí, tập trí, đẳng trí. Phân biệt nhận biết về sắc tận do bốn trí: Pháp trí, vị trí trí, tận trí, đẳng trí. Phân biệt nhận biết về sắc tận đạo tích do bốn trí: Pháp trí, vị trí trí, đạo trí, đẳng trí. Phân biệt nhận biết về sắc

vị do bốn trí: Pháp trí, vị trí trí, tập trí, đẳng trí. Phân biệt nhận biết về sắc hoạn do bốn trí: Pháp trí, vị trí trí, khổ trí, đẳng trí. Phân biệt nhận biết về sắc xuất ly do bốn trí: Pháp trí, vị trí trí, tận trí, đẳng trí.

Thống (thọ), tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là sắc tận? Thế nào là sắc xuất ly? Sắc tận, sắc xuất ly có gì sai biệt?

Đáp: Nếu ái sắc có đủ, sắc ấy nếu diệt thì đây gọi là sắc tận. Các ái khác duyên nơi sắc, nếu sắc đó diệt thì đây gọi là sắc xuất ly.

Lại nữa, sắc cấu nhiễm có đủ, nếu sắc ấy diệt thì đây gọi là sắc tận. Các cấu uế khác duyên nơi sắc, sắc ấy nếu diệt thì đây gọi là sắc xuất ly.

Lại nữa, hoặc cái hoặc cấu nhiễm có đủ nơi sắc, sắc ấy nếu diệt thì đây gọi là sắc tận. Hoặc ái hoặc cấu nhiễm khác duyên nơi sắc, sắc ấy nếu diệt thì đây gọi là sắc xuất ly.

Sắc tận, sắc xuất ly, sai biệt là như thế.

Thống (thọ), tưởng, hành, thức tận, xuất ly cũng như vậy.

HẾT - QUYỂN 12

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

QUYỂN 13

Kiên độ thứ 3: TRÍ

Phẩm 5: BÀN VỀ TRÍ TƯƠNG ƯNG, phần 1

* *Tụng nêu chung:*

Người, trí, Tam muội, căn

Giác ý, đạo, tương ưng

Hai trí chủng, một hành

Sáu tiêu, bảy đại bảy.

Gồm có: Bảy người, tám trí, ba Tam muội, ba căn, bảy giác ý, tám đạo chủng, trí tương ưng cùng chủng, hai trí chủng, một hành trải qua, sáu hai bảy.

+ Bảy người: Kiên tín, kiên pháp, tín giải thoát, kiến đạo, thân chứng, tuệ giải thoát, câu giải thoát.

+ Tám trí: Pháp trí, vị trí trí, tha tâm trí, đẳng trí, khô trí, tập trí, tận trí, đạo trí.

+ Ba Tam muội: Không, vô tướng, vô nguyện.

+ Ba căn: Vị trí căn, dĩ trí căn, vô trí căn.

+ Bảy giác ý: Giác ý niệm, giác ý trạch pháp, giác ý tinh tấn, giác ý hỷ, giác ý ý, giác ý định, giác ý hộ.

+ Tám đạo chủng: Đẳng kiến, đẳng chí, đẳng ngữ, đẳng nghiệp, đẳng hoạt, đẳng phương tiện, đẳng niệm, đẳng định.

+ Trí tương ưng cùng chủng: Bốn mươi bốn trí chủng, bảy mươi bảy trí chủng.

+ Một hành.

+ Sáu bảy, đại bảy.

Bảy người: Kiên tín, kiên pháp, tín giải thoát, kiên đạo, thân chúng, tuệ giải thoát, câu giải thoát.

Tám trí: Pháp trí, vị trí trí, tha tâm trí, đẳng trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí.

Người Kiên tín (Tùy tín hành) đối với tám trí này, có bao nhiêu trí thành tựu, bao nhiêu trí không thành tựu? Cho đến người Câu giải thoát đối với tám trí này, có bao nhiêu trí thành tựu, bao nhiêu trí không thành tựu?

Người Kiên tín đối với tám trí này, có bao nhiêu trí thành tựu nơi quá khứ, vị lai, hiện tại? Cho đến người Câu giải thoát đối với tám trí này, có bao nhiêu trí thành tựu nơi quá khứ, vị lai, hiện tại?

Người Kiên tín, khi pháp trí hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước, cho đến khi đạo trí hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước? Cho đến người Câu giải thoát khi pháp trí hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước, cho đến khi đạo trí hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước?

Người Kiên tín đối với ba Tam muội này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu? Cho đến người Câu giải thoát đối với ba Tam muội này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Người Kiên tín đối với ba Tam muội này, có bao nhiêu thứ thành tựu nơi quá khứ, vị lai, hiện tại? Cho đến người Câu giải thoát

đối với ba Tam muội này, có bao nhiêu thứ thành tựu nơi quá khứ, vị lai, hiện tại?

Người Kiên tín đối với ba Tam muội này, khi chúng hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước? Cho đến người Câu giải thoát đối với ba Tam muội này, khi chúng hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước?

Người Kiên tín, khi vị tri căn hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước? Người Kiên pháp cũng như vậy. Người Tín giải thoát, khi dĩ tri căn hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước? Người Kiến đáo, người Thân chứng cũng như vậy. Người Tuệ giải thoát, khi vô tri căn hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước? Người Câu giải thoát cũng như vậy.

Người Kiên tín, khi giác ý niệm hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước, cho đến khi giác ý hộ hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước? Cho đến người Câu giải thoát, khi giác ý niệm hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước, cho đến khi giác ý hộ hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước?

Người Kiên tín, khi đẳng kiến hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước, cho đến khi đẳng định hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước? Cho đến người Câu giải thoát, khi đẳng kiến hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước, cho đến khi đẳng định hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước?

Các pháp tương ưng với pháp trí, pháp đó tương ưng với vị trí tri chẳng? Nếu như các pháp tương ưng với vị trí tri, pháp đó tương ưng với pháp trí chẳng? Các pháp tương ưng với pháp trí, pháp đó tương ưng với tha tâm trí, đẳng trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí, không, vô tướng, vô nguyện, vị tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn, giác ý niệm, giác ý trạch pháp, giác ý tinh tấn, giác ý hỷ, giác ý ý, giác ý định, giác ý hộ, đẳng kiến, đẳng chí, đẳng phương tiện, đẳng niệm, đẳng định chẳng? Nếu như các pháp tương ưng với tha tâm trí cho

đến đẳng định, pháp đó tương ứng với pháp trí chãng? Các pháp cho đến tương ứng với đẳng niệm thì cũng tương ứng với đẳng định chãng? Nếu như các pháp tương ứng với đẳng định thì cũng tương ứng với đẳng niệm chãng?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Sẽ nói về bốn mươi bốn trí chủng (Trí sự), trí nhận biết về lão tử khổ (già chết), trí nhận biết về lão tử tập, trí nhận biết về lão tử tận, trí nhận biết về lão tử tận đạo tích”. Trí này nên nói là pháp trí chãng? Cho đến nên nói là đạo trí chãng? Sinh hữu cho đến hành trí cũng như vậy.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Sẽ nói về bảy mươi bảy trí chủng (Trí sự): Trí nhận biết sinh duyên lão tử. Trí nhận biết không phải sinh khác duyên lão tử. Trí nhận biết sinh duyên lão tử nơi quá khứ lâu xa. Trí nhận biết sinh duyên lão tử không phải nơi quá khứ lâu xa khác. Trí nhận biết sinh duyên lão tử nơi vị lai lâu xa. Trí nhận biết sinh duyên lão tử không phải nơi vị lai lâu xa khác. Như trí trụ pháp giới nhận biết khắp đây là vô thường, hữu vi, tâm tạo ra, từ nhân duyên sinh, là pháp tận, pháp biến đổi, pháp không có dục, pháp diệt, pháp tan lìa, pháp trí tuệ đoạn”. Trí này nên nói là pháp trí cho đến đạo trí chãng? Cho đến vô minh duyên hành trí nhận biết cũng như vậy.

Nếu thành tựu pháp trí thì thành tựu vị trí trí chãng? Nếu như thành tựu vị trí trí thì thành tựu pháp trí chãng? Nếu thành tựu pháp trí thì thành tựu tha tâm trí, đẳng trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí chãng? Nếu như thành tựu tha tâm trí cho đến đạo trí thì thành tựu pháp trí chãng? Cho đến đạo trí cũng như vậy.

Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu pháp trí vị lai chãng? Nếu như thành tựu pháp trí vị lai thì thành tựu pháp trí quá khứ chãng? Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu pháp trí hiện tại chãng? Nếu như thành tựu pháp trí hiện tại thì thành tựu pháp trí quá khứ chãng? Nếu thành tựu pháp trí vị lai thì thành tựu

pháp trí hiện tại chẳng? Nếu như thành tựu pháp trí hiện tại thì thành tựu pháp trí vị lai chẳng? Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu pháp trí vị lai, hiện tại chẳng? Nếu như thành tựu pháp trí vị lai, hiện tại thì thành tựu pháp trí quá khứ chẳng? Nếu thành tựu pháp trí vị lai thì thành tựu pháp trí quá khứ, hiện tại chẳng? Nếu như thành tựu pháp trí quá khứ, hiện tại thì thành tựu pháp trí vị lai? Nếu thành tựu pháp trí hiện tại thì thành tựu pháp trí quá khứ, vị lai chẳng? Nếu như thành tựu pháp trí quá khứ, vị lai thì thành tựu pháp trí hiện tại chẳng? Cho đến đạo trí cũng như vậy.

Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu vị trí trí quá khứ chẳng? Nếu như thành tựu vị trí trí quá khứ thì thành tựu pháp trí quá khứ chẳng? Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu vị trí trí vị lai chẳng? Nếu như thành tựu vị trí trí vị lai thì thành tựu pháp trí quá khứ chẳng? Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu vị trí trí hiện tại chẳng? Nếu như thành tựu vị trí trí hiện tại thì thành tựu pháp trí quá khứ chẳng? Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu vị trí trí quá khứ, hiện tại chẳng? Nếu như thành tựu vị trí trí quá khứ, hiện tại thì thành tựu pháp trí quá khứ chẳng? Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu vị trí trí vị lai, hiện tại chẳng? Nếu như thành tựu vị trí trí vị lai, hiện tại thì thành tựu pháp trí quá khứ chẳng? Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu vị trí trí quá khứ, vị lai chẳng? Nếu như thành tựu vị trí trí quá khứ, vị lai thì thành tựu pháp trí quá khứ chẳng? Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu vị trí trí quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng? Nếu như thành tựu vị trí trí quá khứ, vị lai, hiện tại thì thành tựu pháp trí quá khứ chẳng? Cho đến đạo trí cũng như vậy.

Pháp trí quá khứ, vị trí trí quá khứ, tha tâm trí quá khứ: một, vị lai: hai, hiện tại: ba. Quá khứ, hiện tại: bốn. Vị lai, hiện tại: năm. Quá khứ, vị lai: sáu. Tha tâm trí quá khứ, vị lai, hiện tại: bảy. Cho đến đạo trí cũng như vậy.

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đây đủ.

*

Bảy người: Kiên tín, kiên pháp, tín giải thoát, kiến đáo, thân chứng, tuệ giải thoát, câu giải thoát.

Tám trí: Pháp trí, vị trí trí, tha tâm trí, đẳng trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí.

Hỏi: Người Kiên tín (Tùy tín hành) đối với tám trí này, có bao nhiêu trí thành tựu, bao nhiêu trí không thành tựu?

Đáp: Hoặc một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám.

Thế nào là một v.v...? *Đáp:* Khi đạt khổ pháp nhãn, không có tha tâm trí thì thành tựu một, có tha tâm trí thì thành tựu hai. Khi đạt khổ pháp trí, không có tha tâm trí thì thành tựu ba, có tha tâm trí thì thành tựu bốn. Khi đạt khổ vị trí nhãn, không có tha tâm trí thì thành tựu ba, có tha tâm trí thì thành tựu bốn. Khi đạt khổ vị trí trí, không có tha tâm trí thì thành tựu bốn, có tha tâm trí thì thành tựu năm.

Khi đạt tập pháp nhãn, không có tha tâm trí thì thành tựu bốn, có tha tâm trí thì thành tựu năm. Khi đạt tập pháp trí, không có tha tâm trí thì thành tựu năm, có tha tâm trí thì thành tựu sáu. Khi đạt tập vị trí nhãn, tập vị trí trí, tận pháp nhãn, không có tha tâm trí thì thành tựu năm, có tha tâm trí thì thành tựu sáu.

Khi đạt tận pháp trí, không có tha tâm trí thì thành tựu sáu, có tha tâm trí thì thành tựu bảy. Khi đạt tận vị trí nhãn, tận vị trí trí, đạo pháp nhãn, không có tha tâm trí thì thành tựu sáu, có tha tâm trí thì thành tựu bảy.

Khi đạt đạo pháp trí, không có tha tâm trí thì thành tựu bảy, có tha tâm trí thì thành tựu tám. Khi đạt đạo vị trí nhãn, không có tha tâm trí thì thành tựu bảy, có tha tâm trí thì thành tựu tám.

Như người Kiên tín, người Kiên pháp (Tùy pháp hành) cũng như vậy.

Hỏi: Người Tín giải thoát (Tín thắng giải) đối với tám trí này, có bao nhiêu trí thành tựu, bao nhiêu trí không thành tựu?

Đáp: Hoặc bảy, hoặc tám. Không có tha tâm trí thì thành tựu bảy, có tha tâm trí thì thành tựu tám.

Như người Tín giải thoát, người Kiến đạo cũng như vậy.

Người Thân chứng, Tuệ giải thoát, Câu giải thoát đối với tám trí đều thành tựu.

Hỏi: Người Kiên tín đối với tám trí này, có bao nhiêu trí thành tựu nơi quá khứ, vị lai, hiện tại?

Đáp: Khi đạt khổ pháp nhãn, không có tha tâm trí, quá khứ, vị lai thành tựu một, hiện tại không có. Có tha tâm trí, quá khứ, vị lai thành tựu hai, hiện tại không có. Khi đạt khổ pháp trí, không có tha tâm trí, quá khứ thành tựu một, vị lai thành tựu ba, hiện tại thành tựu hai. Có tha tâm trí quá khứ thành tựu hai, vị lai thành tựu bốn, hiện tại thành tựu hai. Khi đạt khổ vị tri nhãn, không có tha tâm trí, quá khứ, vị lai thành tựu ba, hiện tại không có. Có tha tâm trí quá khứ, vị lai thành tựu bốn, hiện tại không có. Khi đạt khổ vị tri trí, không có tha tâm trí, quá khứ thành tựu ba, vị lai thành tựu bốn, hiện tại thành tựu hai. Có tha tâm trí quá khứ thành tựu bốn, vị lai thành tựu năm, hiện tại thành tựu hai.

Khi đạt tập pháp nhãn, không có tha tâm trí, quá khứ, vị lai thành tựu bốn, hiện tại không có. Có tha tâm trí, quá khứ, vị lai thành tựu năm, hiện tại không có. Khi đạt tập pháp trí, không có tha tâm trí, quá khứ thành tựu bốn, vị lai thành tựu năm, hiện tại thành tựu hai. Có tha tâm trí quá khứ thành tựu năm, vị lai thành tựu sáu, hiện tại thành tựu hai. Khi đạt tập vị tri nhãn, không có tha tâm trí, quá khứ,

vị lai thành tựu năm, hiện tại không có. Có tha tâm trí quá khứ, vị lai thành tựu sáu, hiện tại không có. Khi đạt tập vị trí trí, không có tha tâm trí, quá khứ, vị lai thành tựu năm, hiện tại thành tựu hai. Có tha tâm trí, quá khứ, vị lai thành tựu sáu, hiện tại thành tựu hai.

Khi đạt tận pháp nhãn, không có tha tâm trí, quá khứ, vị lai thành tựu năm, hiện tại không có. Có tha tâm trí, quá khứ, vị lai thành tựu sáu, hiện tại không có. Khi đạt tận pháp trí, không có tha tâm trí, quá khứ thành tựu năm, vị lai thành tựu sáu, hiện tại thành tựu hai. Có tha tâm trí quá khứ thành tựu sáu, vị lai thành tựu bảy, hiện tại thành tựu hai. Khi đạt tận vị trí nhãn, không có tha tâm trí, quá khứ, vị lai thành tựu sáu, hiện tại không có. Có tha tâm trí, quá khứ, vị lai thành tựu bảy, hiện tại không có. Khi đạt tận vị trí trí, không có tha tâm trí, quá khứ, vị lai thành tựu sáu, hiện tại thành tựu hai. Có tha tâm trí, quá khứ, vị lai thành tựu bảy, hiện tại thành tựu hai.

Khi đạt đạo pháp nhãn, không có tha tâm trí, quá khứ, vị lai thành tựu sáu, hiện tại không có. Có tha tâm trí, quá khứ, vị lai thành tựu bảy, hiện tại không có. Khi đạt đạo pháp trí, không có tha tâm trí, quá khứ thành tựu sáu, vị lai thành tựu bảy, hiện tại thành tựu hai. Có tha tâm trí, quá khứ thành tựu bảy, vị lai thành tựu tám, hiện tại thành tựu hai. Khi đạt đạo vị trí nhãn, không có tha tâm trí, quá khứ, vị lai thành tựu bảy, hiện tại không có. Có tha tâm trí, quá khứ, vị lai thành tựu tám, hiện tại không có.

Như người Kiên tín, người Kiên pháp cũng như vậy.

Hỏi: Người Tín giải thoát đối với tám trí này, có bao nhiêu trí thành tựu nơi quá khứ, vị lai, hiện tại?

Đáp: Không có tha tâm trí, vị lai thành tựu bảy, quá khứ đã diệt không mất thì thành tựu, hiện tại nếu hiện tiền thì thành tựu. Có tha tâm trí, vị lai thành tựu tám, quá khứ đã diệt không mất thì thành tựu, hiện tại nếu hiện tiền thì thành tựu.

Như người Tín giải thoát, người Kiến đạo cũng như vậy.

Người Thân chứng, Tuệ giải thoát, Câu giải thoát, vị lai đều thành tựu, quá khứ đã diệt không mất thì thành tựu, hiện tại nếu hiện tiền thì thành tựu.

Hỏi: Người Kiên tín: Khi pháp trí hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước?

Đáp: Có hai. Pháp trí, khở trí hai. Pháp trí, tập trí hai. Pháp trí, tận trí hai. Pháp trí, đạo trí hai.

Khi vị trí trí hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước? *Đáp:* Có hai. Vị trí trí, khở trí hai. Vị trí trí, tập trí hai. Vị trí trí, tận trí hai.

Sao không thấy tha tâm trí và đẳng trí?

Khi khở trí hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước? *Đáp:* Có hai. Khở trí, pháp trí hai. Khở trí, vị trí trí hai.

Như khở trí, tập trí, tận trí cũng như vậy.

Khi đạo trí hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước? *Đáp:* Có hai. Đạo trí, pháp trí hai.

Như người Kiên tín, người Kiên pháp cũng như vậy.

Hỏi: Người Tín giải thoát: Khi pháp trí hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước?

Đáp: Hoặc hai, hoặc ba. Pháp trí, khở trí hai. Pháp trí, tập trí hai. Pháp trí, tận trí hai. Pháp trí, đạo trí, không có tha tâm trí hai, có tha tâm trí ba.

Khi vị trí trí hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước? *Đáp:* Hoặc hai, hoặc ba. Vị trí trí, khở trí hai. Vị trí trí, tập trí hai. Vị trí trí, tận trí hai. Vị trí trí, đạo trí, không có tha tâm trí hai, có tha tâm trí ba.

Khi tha tâm trí hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước? *Đáp:* Hoặc hai, hoặc ba. Tha tâm trí, không có đạo trí hai, có đạo trí ba.

Khi đấng trí hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước? *Đáp:* Hoặc một, hoặc hai. Đấng trí không có tha tâm trí một, có tha tâm trí hai.

Khi khở trí hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước? *Đáp:* Có hai. Khở trí, pháp trí hai. Khở trí, vị trí hai.

Như khở trí, tập trí, tận trí cũng như vậy.

Khi đạo trí hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước? *Đáp:* Hoặc hai, hoặc ba. Đạo trí, pháp trí không có tha tâm trí hai, có tha tâm trí ba. Đạo trí, vị trí trí, không có tha tâm trí hai, có tha tâm trí ba.

Như người Tín giải thoát, người Kiến đạo, Thân chứng cũng như vậy.

Hỏi: Người Tuệ giải thoát: Khi pháp trí hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước?

Đáp: Hoặc hai, hoặc ba. Pháp trí, khở trí không có tận trí, vô sinh trí hai, có tận trí, vô sinh trí ba. Pháp trí, tập trí không có tận trí, vô sinh trí hai, có tận trí, vô sinh trí ba. Pháp trí, tận trí không có tận trí, vô sinh trí hai, có tận trí, vô sinh trí ba. Pháp trí, đạo trí không có tận trí, vô sinh trí, không có tha tâm trí hai, có tận trí, vô sinh trí, tha tâm trí ba.

Khi vị trí trí hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước? *Đáp:* Hoặc hai, hoặc ba. Vị trí trí, khở trí không có tận trí, vô sinh trí hai, có tận trí, vô sinh trí ba. Vị trí trí, tập trí không có tận trí, vô sinh trí hai, có tận trí, vô sinh trí ba. Vị trí trí, tận trí không có tận trí, vô sinh trí hai, có tận trí, vô sinh trí ba. Vị trí trí, đạo trí không có tận trí, vô sinh trí, không có tha tâm trí hai, có tận trí, vô sinh trí, tha tâm trí ba.

Khi tha tâm trí hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước? *Đáp:* Hoặc hai, hoặc ba. Tha tâm trí không có đạo trí hai, có đạo trí ba.

Khi đấng trí hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước? *Đáp:* Hoặc một, hoặc hai. Đấng trí không có tha tâm trí một, có tha tâm trí hai.

Khi khở trí hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước? *Đáp*: Hoặc hai, hoặc ba. Khở trí, pháp trí không có tận trí, vô sinh trí hai, có tận trí, vô sinh trí ba. Khở trí, vị trí trí không có tận trí, vô sinh trí hai, có tận trí, vô sinh trí ba.

Như khở trí, tập trí, tận trí cũng như vậy.

Khi đạo trí hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước? *Đáp*: Hoặc hai, hoặc ba. Đạo trí, pháp trí không có tận trí, vô sinh trí, không có tha tâm trí, hai, hoặc có tận trí, vô sinh trí, tha tâm trí, ba. Đạo trí, vị trí trí không có tận trí, vô sinh trí, tha tâm trí, hai, hoặc có tận trí, vô sinh trí, tha tâm trí, ba.

Như người Tuệ giải thoát, người Câu giải thoát cũng như vậy.

Hỏi: Người Kiên tín đối với ba Tam muội này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc hai, hoặc ba. Tận pháp nhãn chưa sinh: thành tựu hai, không thành tựu một. Tận pháp nhãn đã sinh, tất cả đều thành tựu.

Như người Kiên tín, người Kiên pháp cũng như vậy.

Người Tín giải thoát, Kiến đạo, Thân chứng, Tuệ giải thoát, Câu giải thoát đều thành tựu tất cả.

Hỏi: Người Kiên tín đối với ba Tam muội này, có bao nhiêu thứ thành tựu nơi quá khứ, vị lai, hiện tại?

Đáp: Nếu dựa nơi Tam muội không, vượt thứ lớp, thủ chứng (nhập chánh tánh ly sinh), khi đạt khở pháp nhãn, quá khứ không có, vị lai hai, hiện tại một. Khở pháp trí sinh quá khứ một, vị lai hai, hiện tại một. Khở vị trí nhãn, khở vị trí trí, tập pháp nhãn sinh quá khứ một, vị lai hai, hiện tại một. Tập pháp trí sinh quá khứ, vị lai hai, hiện tại một. Tập vị trí nhãn, tập vị trí trí sinh quá khứ, vị lai hai, hiện tại một. Tận pháp nhãn sinh quá khứ hai, vị lai ba, hiện tại một. Tận pháp trí sinh quá khứ, vị lai ba, hiện tại một. Tận vị trí nhãn, tận vị

tri trí, đạo pháp nhãn, đạo pháp trí, đạo vị tri nhãn sinh quá khứ, vị lai ba, hiện tại một.

Nếu dựa vào Tam muội vô nguyện, vượt thứ lớp, thủ chứng, khi khổ pháp nhãn sinh quá khứ không có, vị lai hai, hiện tại một. Khổ pháp trí sinh quá khứ một, vị lai hai, hiện tại một. Khổ vị tri nhãn, khổ vị tri trí, tập pháp nhãn, tập pháp trí, tập vị tri nhãn, tập vị tri trí sinh quá khứ một, vị lai hai, hiện tại một. Tận pháp nhãn sinh quá khứ hai, vị lai ba, hiện tại một. Tận pháp trí sinh quá khứ hai, vị lai ba, hiện tại một. Tận vị tri nhãn, tận vị tri trí, đạo pháp nhãn, đạo pháp trí, đạo vị tri nhãn sinh quá khứ ba, vị lai hai, hiện tại một.

(Không dựa nơi Tam muội vô tướng).

Như người Kiên tín, người Kiên pháp cũng như vậy.

Người Tín giải thoát, Kiến đáo, Thân chứng, Tuệ giải thoát, Câu giải thoát, vị lai thành tựu tất cả, quá khứ nếu đã diệt không mất thì thành tựu, hiện tại nếu hiện tiền thì thành tựu.

Hỏi: Người Kiên tín: Khi Tam muội không hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước?

Đáp: Hoặc hai, hoặc không có. Khổ trí, pháp trí hai. Khổ trí, vị tri trí hai. Nhãn không có.

Khi Tam muội vô nguyện hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước? *Đáp:* Hoặc hai, hoặc không có. Khổ trí, pháp trí hai. Khổ trí, vị tri trí hai. Tập trí, pháp trí hai. Tập trí, vị tri trí hai. Đạo trí, pháp trí hai. Nhãn không có.

Khi Tam muội vô tướng hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước?

Đáp: Hoặc hai, hoặc không có. Tận trí, pháp trí hai. Tận trí, vị tri trí hai. Nhãn không có.

Như người Kiên tín, người Kiên pháp cũng như vậy.

Hỏi: Người Tín giải thoát: Khi Tam muội không hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước?

Đáp: Có hai. Khổ trí, pháp trí hai. Khổ trí, vị trí trí hai.

Khi Tam muội vô nguyện hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước? *Đáp:* Hoặc hai, hoặc ba. Khổ trí, pháp trí hai. Khổ trí, vị trí trí hai. Tập trí, pháp trí hai. Tập trí, vị trí trí hai. Đạo trí, pháp trí không có tha tâm trí hai, hoặc có tha tâm trí ba. Đạo trí, vị trí trí không có tha tâm trí hai, hoặc có tha tâm trí ba.

Khi Tam muội vô tướng hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước?

Đáp: Có hai. Tận trí, pháp trí hai. Tận trí, vị trí trí hai.

Như người Tín giải thoát, người Kiến đáo, Thân chứng cũng như vậy.

Hỏi: Người Tuệ giải thoát: Khi Tam muội không hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước?

Đáp: Có hai. Khổ trí, pháp trí hai. Khổ trí, vị trí trí hai.

Khi Tam muội vô nguyện hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước? *Đáp:* Hoặc hai, hoặc ba. Khổ trí, pháp trí không có tận trí, vô sinh trí hai, hoặc có tận trí, vô sinh trí ba. Khổ trí, vị trí trí không có tận trí, vô sinh trí hai, hoặc có tận trí, vô sinh trí ba. Tập trí, pháp trí không có tận trí, vô sinh trí hai, hoặc có tận trí, vô sinh trí ba. Tập trí, vị trí trí không có tận trí, vô sinh trí hai, hoặc có tận trí, vô sinh trí ba. Đạo trí, pháp trí không có tận trí, vô sinh trí, không có tha tâm trí hai, nếu có tận trí, vô sinh trí, tha tâm trí ba. Đạo trí, vị trí trí không có tận trí, vô sinh trí, không có tha tâm trí hai, hoặc có tận trí, vô sinh trí, tha tâm trí ba.

Khi Tam muội vô tướng hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước?

Đáp: Hoặc hai, hoặc ba. Tận trí (diệt trí), pháp trí không có tận trí, vô sinh trí hai, nếu có tận trí vô sinh trí ba. Tận trí, vị trí trí không có tận trí, vô sinh trí hai, nếu có tận trí, vô sinh trí ba.

Như người Tuệ giải thoát, người Câu giải thoát cũng như vậy.

Hỏi: Người Kiên tín, khi vị trí căn hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước?

Đáp: Hoặc hai, hoặc không có. Khổ trí, pháp trí hai. Khổ trí, vị trí trí hai. Tập trí, pháp trí hai. Tập trí, vị trí trí hai. Tận trí, pháp trí hai. Tận trí, vị trí trí hai. Đạo trí, pháp trí hai. Nhẫn không có.

Bảy giác ý, tám đạo chủng cũng như thế.

Người Kiên pháp cũng như vậy.

Hỏi: Người Tín giải thoát, khi dĩ trí căn hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước?

Đáp: Hoặc hai, hoặc ba. Khổ trí, pháp trí hai. Khổ trí, vị trí trí hai. Tập trí, pháp trí hai. Tập trí, vị trí trí hai. Tận trí, pháp trí hai. Tận trí, vị trí trí hai. Đạo trí, pháp trí không có tha tâm trí hai, nếu có tha tâm trí ba. Đạo trí, vị trí trí không có tha tâm trí hai, nếu có tha tâm trí ba.

Bảy giác ý, tám đạo chủng cũng như thế.

Người Kiến đáo, Thân chứng cũng như vậy.

Hỏi: Người Tuệ giải thoát, khi vô trí căn hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước?

Đáp: Hoặc hai, hoặc ba. Khổ trí, pháp trí không có tận trí, vô sinh trí hai, nếu có tận trí, vô sinh trí ba. Khổ trí, vị trí trí không có tận trí, vô sinh trí hai, nếu có tận trí, vô sinh trí ba. Tập trí, pháp trí không có tận trí, vô sinh trí hai, nếu có tận trí, vô sinh trí ba. Tập trí, vị trí trí không có tận trí, vô sinh trí hai, nếu có tận trí, vô sinh trí ba. Tận trí, pháp trí không có tận trí, vô sinh trí hai, nếu có tận trí, vô sinh trí ba. Tận trí, vị trí trí không có tận trí, vô sinh trí hai, nếu có tận trí, vô sinh trí ba. Đạo trí, pháp trí không có tận trí, vô sinh trí, không có

tha tâm trí hai, nếu có tận trí, vô sinh trí, tha tâm trí ba. Đạo trí, vị trí trí không có tận trí, vô sinh trí, không có tha tâm trí hai, nếu có tận trí, vô sinh trí, tha tâm trí ba.

Bảy giác ý, tám đạo chủng cũng như vậy.

Khi đẳng kiến hiện tiền, có bao nhiêu trí hiện ở trước? *Đáp:* Hoặc hai, hoặc ba. Khổ trí, pháp trí hai. Khổ trí, vị trí trí hai. Tập trí, pháp trí hai. Tập trí, vị trí trí hai. Tận trí, pháp trí hai. Tận trí, vị trí trí hai. Đạo trí, pháp trí không có tha tâm trí hai, hoặc có tha tâm trí ba. Đạo trí, vị trí trí không có tha tâm trí hai, hoặc có tha tâm trí ba.

Người Câu giải thoát cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với Pháp trí, các pháp đó không phải là vị trí trí, pháp đó tương ưng với tha tâm trí chăng?

Đáp: Hoặc có pháp trí không phải là tha tâm trí.

Thế nào là pháp trí không phải là tha tâm trí? Là tha tâm trí không gồm thân pháp tương ưng của pháp trí. Đây là pháp trí không phải là tha tâm trí.

Thế nào là tha tâm trí không phải là pháp trí? Là pháp trí không gồm thân pháp tương ưng của tha tâm trí. Đây là tha tâm trí không phải là pháp trí.

Thế nào là pháp trí cũng là tha tâm trí? Là pháp trí gồm thân pháp tương ưng của tha tâm trí. Đây là pháp trí cũng là tha tâm trí.

Thế nào là không phải pháp trí cũng không phải là tha tâm trí? Là pháp trí không gồm thân tha tâm trí, tha tâm trí cũng không gồm thân pháp trí. Pháp trí, tha tâm trí không tương ưng với các tâm, tâm sở khác, cùng sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải pháp trí cũng không phải là tha tâm trí.

Khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí, đẳng kiến cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với pháp trí, các pháp đó không phải là đẳng trí, pháp đó tương ưng với Tam muội không chăng?

Đáp: Hoặc có pháp trí không phải là Tam muội không.

Thế nào là pháp trí không phải là Tam muội không? Là pháp trí tương ưng với Tam muội không và các Tam muội không khác không tương ưng với pháp tương ưng của pháp trí. Đây là pháp trí không phải là Tam muội không.

Thế nào là Tam muội không không phải là pháp trí? Là Tam muội không tương ưng với pháp trí và các pháp trí khác không tương ưng với pháp tương ưng của Tam muội không. Đây là Tam muội không không phải là pháp trí.

Thế nào là pháp trí cũng là Tam muội không? Là trừ pháp trí tương ưng với Tam muội không, còn lại là các pháp tương ưng của Tam muội không cùng pháp trí. Đây là pháp trí cũng là Tam muội không.

Thế nào là không phải pháp trí cũng không phải là Tam muội không? Là pháp trí không tương ưng với Tam muội không, Tam muội không cũng không tương ưng với pháp trí cùng các tâm, tâm sở khác, và sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải pháp trí cũng không phải là Tam muội không.

Như Tam muội không, Tam muội vô nguyện, Tam muội vô tướng, giác ý hỷ, đẳng chí cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với pháp trí, pháp đó tương ưng với vị trí căn chăng?

Đáp: Hoặc có pháp trí không phải là vị trí căn.

Thế nào là pháp trí không phải là vị trí căn? Là vị trí căn không gồm thân pháp tương ưng của pháp trí. Đây là pháp trí không phải là vị trí căn.

Thế nào là vị tri căn không phải là pháp trí? Là vị tri căn tương ưng, gồm thâu pháp trí, các pháp trí khác không gồm thâu, không tương ưng với pháp tương ưng của vị tri căn. Đây là vị tri căn không phải là pháp trí.

Thế nào là pháp trí cũng là vị tri căn? Là vị tri căn gồm thâu pháp tương ưng của pháp trí. Đây là pháp trí cũng là vị tri căn.

Thế nào là không phải pháp trí cũng không phải là vị tri căn? Là vị tri căn không gồm thâu pháp trí, các pháp trí, vị tri căn không gồm thâu, không tương ưng cùng các tâm, tâm sở khác cùng sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải pháp trí cũng không phải là vị tri căn.

Như vị tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với pháp trí, pháp đó tương ưng với giác ý niệm chăng?

Đáp: Hoặc có pháp trí không phải là giác ý niệm.

Thế nào là pháp trí không phải là giác ý niệm? Là pháp trí tương ưng với giác ý niệm. Đây là pháp trí không phải là giác ý niệm.

Thế nào là giác ý niệm không phải là pháp trí? Là pháp trí và các pháp trí khác không tương ưng với pháp tương ưng của giác ý niệm. Đây là giác ý niệm không phải là pháp trí.

Thế nào là pháp trí cũng là giác ý niệm? Là trừ giác ý niệm, còn lại là các pháp tương ưng của pháp trí. Đây là pháp trí cũng là giác ý niệm.

Thế nào là không phải pháp trí cũng không phải là giác ý niệm? Là pháp trí không tương ưng với giác ý niệm, cùng các tâm tâm pháp khác và sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải pháp trí cũng không phải là giác ý niệm.

Như giác ý niệm, giác ý tinh tấn, giác ý ý, giác ý định, giác ý hộ, đẳng phương tiện, đẳng niệm, đẳng định cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với pháp trí, pháp đó tương ưng với giác ý trạch pháp chăng?

Đáp: Như thế. Các pháp tương ưng với pháp trí, pháp đó tương ưng với giác ý trạch pháp.

Hỏi: Từng có pháp tương ưng với giác ý trạch pháp không phải là pháp trí chăng?

Đáp: Có. Là pháp trí không gồm thân pháp tương ưng của giác ý trạch pháp.

Như môn Pháp trí, môn Vị trí trí cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với Tha tâm trí, pháp đó tương ưng với đẳng trí chăng?

Đáp: Hoặc có tha tâm trí không phải là đẳng trí.

Thế nào là tha tâm trí không phải là đẳng trí? Là đẳng trí không gồm thân pháp tương ưng của tha tâm trí. Đây là tha tâm trí không phải là đẳng trí.

Thế nào là đẳng trí không phải là tha tâm trí? Là tha tâm trí không gồm thân pháp tương ưng của đẳng trí. Đây là đẳng trí không phải là tha tâm trí.

Thế nào là tha tâm trí cũng là đẳng trí? Là tha tâm trí gồm thân pháp tương ưng của đẳng trí. Đây là tha tâm trí cũng là đẳng trí.

Thế nào là không phải tha tâm trí cũng không phải là đẳng trí? Là tha tâm trí, đẳng trí không gồm thân, không tương ưng với nhau, cùng không tương ưng với các tâm pháp khác, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải tha tâm trí cũng không phải là đẳng trí.

Như đẳng trí, đạo trí, giác ý trạch pháp, đẳng kiến cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với tha tâm trí, các pháp đó không tương ưng với khổ trí, tập trí, tận trí, không phải tương ưng với Tam muội không, vô tướng, vhi tương ưng với vô nguyện chăng?

Đáp: Hoặc có tha tâm trí không phải là vô nguyện.

Thế nào là tha tâm trí không phải là vô nguyện? Là tha tâm trí tương ưng với vô nguyện, và các vô nguyện không tương ưng với pháp tương ưng của tha tâm trí. Đây là tha tâm trí không phải là vô nguyện.

Thế nào là vô nguyện không phải là tha tâm trí? Là vô nguyện tương ưng với tha tâm trí, và các tha tâm trí không tương ưng với pháp tương ưng của vô nguyện. Đây là vô nguyện không phải là tha tâm trí.

Thế nào là tha tâm trí cũng là vô nguyện? Là trừ tha tâm trí tương ưng với vô nguyện, còn lại là pháp tương ưng với vô nguyện cùng tha tâm trí. Đây là tha tâm trí cũng là vô nguyện.

Thế nào là không phải tha tâm trí cũng không phải là vô nguyện? Là tha tâm trí không tương ưng với vô nguyện, vô nguyện cũng không tương ưng với tha tâm trí, cùng các tâm, tâm sở khác, và sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải tha tâm trí cũng không phải là vô nguyện.

Giác ý niệm, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, hộ, đẳng chí, đẳng phương tiện, đẳng niệm, đẳng định cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với tha tâm trí, pháp đó không phải là vị tri căn, pháp ấy tương ưng với dĩ tri căn chăng?

Đáp: Hoặc có tha tâm trí không phải là dĩ tri căn.

Thế nào là tha tâm trí không phải là dĩ tri căn? Là dĩ tri căn không gồm thân pháp tương ưng của tha tâm trí. Đây là tha tâm trí không phải là dĩ tri căn.

Thế nào là dĩ tri căn không phải là tha tâm trí? Là dĩ tri căn gồm thâu tha tâm trí, và các tha tâm trí không gồm thâu, không tương ưng với pháp tương ưng của dĩ tri căn. Đây là dĩ tri căn không phải là tha tâm trí.

Thế nào là tha tâm trí cũng là dĩ tri căn? Là dĩ tri căn gồm thâu pháp tương ưng của tha tâm trí. Đây là tha tâm trí cũng là dĩ tri căn.

Thế nào là không phải tha tâm trí cũng không phải là dĩ tri căn? Là dĩ tri căn không gồm thâu tha tâm trí. Các tha tâm trí khác và dĩ tri căn không gồm thâu, không tương ưng cùng các tâm tâm pháp khác, và sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải tha tâm trí cũng không phải là dĩ tri căn.

Như dĩ tri căn, vô tri căn cũng như vậy.

Các pháp tương ưng với Đẳng trí, pháp đó không cùng tương ưng với các pháp trên.

Hỏi: Các pháp tương ưng với Khổ trí, các pháp đó không phải là tập trí, tận trí, đạo trí, không phải Tam muội vô tướng, pháp đó tương ưng với Tam muội không chẳng?

Đáp: Hoặc có khổ trí không phải là Tam muội không.

Thế nào là khổ trí không phải là Tam muội không? Là khổ trí tương ưng với Tam muội không, và các Tam muội không khác không tương ưng với pháp tương ưng của khổ trí. Đây là khổ trí không phải là Tam muội không.

Thế nào là Tam muội không không phải là khổ trí? Là tam muội không tương ưng với khổ trí, và các khổ trí không tương ưng với pháp tương ưng của Tam muội không. Đây là Tam muội không không phải là khổ trí.

Thế nào là khổ trí cũng là Tam muội không? Là trừ khổ trí tương ưng với Tam muội không, còn lại là các pháp tương ưng của Tam muội không và khổ trí. Đây là khổ trí cũng là Tam muội không.

Thế nào là không phải khổ trí cũng không phải là Tam muội không? Là khổ trí không tương ưng với Tam muội không, Tam muội không cũng không tương ưng với khổ trí, cùng các tâm tâm pháp khác, và sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải khổ trí cũng không phải là Tam muội không.

Như Tam muội không, Tam muội vô nguyện cũng như vậy.

Phần còn lại như Pháp trí.

Hỏi: Các pháp tương ưng với Tập trí, các pháp đó không phải là tận trí, đạo trí, không phải là Tam muội không, Tam muội vô tướng, pháp đó tương ưng với Tam muội vô nguyện chăng?

Đáp: Hoặc có tập trí không phải là vô nguyện.

Thế nào là tập trí không phải là vô nguyện? Là tập trí tương ưng với vô nguyện. Đây là tập trí không phải là vô nguyện.

Thế nào là vô nguyện không phải là tập trí? Là tập trí và các tập trí khác không tương ưng với pháp tương ưng của vô nguyện. Đây là vô nguyện không phải là tập trí.

Thế nào là tập trí cũng là vô nguyện? Là trừ vô nguyện, còn lại là các pháp tương ưng của tập trí. Đây là tập trí cũng là vô nguyện.

Thế nào là không phải tập trí cũng không phải là vô nguyện? Là tập trí không tương ưng với vô nguyện cùng các tâm tâm pháp khác, và sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải tập trí cũng không phải là vô nguyện.

Phần còn lại như pháp trí.

Hỏi: Các pháp tương ưng với Tận trí, các pháp đó không phải là đạo trí, Tam muội không, Tam muội vô nguyện, pháp đó tương ưng với Tam muội vô tướng chăng?

Đáp: Hoặc có tận trí không phải là vô tướng.

Thế nào là tận trí không phải là vô tướng? Là tận trí tương ưng với vô tướng. Đây là tận trí không phải là vô tướng.

Thế nào là vô tướng không phải là tận trí? Là tận trí và các tận trí khác không tương ưng với pháp tương ưng của vô tướng. Đây là vô tướng không phải là tận trí.

Thế nào là tận trí cũng là vô tướng? Là trừ vô tướng, còn lại là các pháp tương ưng của tận trí. Đây là tận trí cũng là vô tướng.

Thế nào là không phải tận trí cũng không phải là vô tướng? Là tận trí không tương ưng với vô tướng cùng các tâm tâm pháp khác, và sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải tận trí cũng không phải là vô tướng.

Phần còn lại như pháp trí.

Hỏi: Các pháp tương ưng với Đạo trí, các pháp đó không phải là Tam muội không, Tam muội vô tướng, pháp đó tương ưng với Tam muội vô nguyện chăng?

Đáp: Hoặc có đạo trí không phải là vô nguyện.

Thế nào là đạo trí không phải là vô nguyện? Là đạo trí tương ưng với vô nguyện. Đây là đạo trí không phải là vô nguyện.

Thế nào là vô nguyện không phải là đạo trí? Là đạo trí và các đạo trí khác không tương ưng với pháp tương ưng của vô nguyện. Đây là vô nguyện không phải là đạo trí.

Thế nào là đạo trí cũng là vô nguyện? Là trừ vô nguyện, còn lại là các pháp tương ưng của đạo trí. Đây là đạo trí cũng là vô nguyện.

Thế nào là không phải đạo trí cũng không phải là vô nguyện? Là đạo trí không tương ưng với vô nguyện cùng các tâm tâm pháp khác, và sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải đạo trí cũng không phải là vô nguyện.

Phân còn lại như pháp trí.

Hỏi: Các pháp tương ưng với Tam muội không, các pháp đó không phải là Tam muội vô tướng, vô nguyện, pháp đó tương ưng với vị tri căn chăng?

Đáp: Hoặc có Tam muội không không phải là vị tri căn.

Thế nào là Tam muội không không phải là vị tri căn? Là vị tri căn không gồm thân pháp tương ưng của Tam muội không. Đây là Tam muội không không phải là vị tri căn.

Thế nào là vị tri căn không phải là Tam muội không? Là vị tri căn gồm thân Tam muội không. Các Tam muội không không gồm thân, không tương ưng với pháp tương ưng của vị tri căn. Đây là vị tri căn không phải là Tam muội không.

Thế nào là Tam muội không cũng là vị tri căn? Là vị tri căn gồm thân pháp tương ưng của Tam muội không. Đây là Tam muội không cũng là vị tri căn.

Thế nào là không phải Tam muội không cũng không phải là vị tri căn? Là vị tri căn không gồm thân Tam muội không. Các Tam muội không, vị tri căn không gồm thân, không tương ưng, cùng các tâm tâm pháp khác, và sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải Tam muội không cũng không phải là vị tri căn.

Dĩ tri căn, vô tri căn cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với Tam muội không, pháp đó tương ưng với giác ý niệm chăng?

Đáp: Hoặc có Tam muội không không phải là giác ý niệm.

Thế nào là Tam muội không không phải là giác ý niệm? Là Tam muội không tương ưng với giác ý niệm. Đây là Tam muội không không phải là giác ý niệm.

Thế nào là giác ý niệm không phải là Tam muội không? Là Tam muội không và các Tam muội không khác không tương ưng với pháp tương ưng của giác ý niệm. Đây là giác ý niệm không phải là Tam muội không.

Thế nào là Tam muội không cũng là giác ý niệm? Là trừ giác ý niệm, còn lại là các pháp tương ưng của Tam muội không. Đây là Tam muội không cũng là giác ý niệm.

Thế nào là không phải Tam muội không cũng không phải là giác ý niệm? Là Tam muội không không tương ưng với giác ý niệm và các tâm tâm pháp khác, cùng sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải Tam muội không cũng không phải là giác ý niệm.

Như giác ý niệm, giác ý trạch pháp, giác ý tinh tấn, giác ý ý, giác ý hộ, đẳng kiến, đẳng phương tiện, đẳng niệm cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với Tam muội không, pháp đó tương ưng với giác ý hỷ chăng?

Đáp: Hoặc có Tam muội không không phải là giác ý hỷ.

Thế nào là Tam muội không không phải là giác ý hỷ? Là Tam muội không tương ưng với giác ý hỷ, các giác ý hỷ không tương ưng với pháp tương ưng của Tam muội không. Đây là Tam muội không không phải là giác ý hỷ.

Thế nào là giác ý hỷ không phải là Tam muội không? Là giác ý hỷ tương ưng với Tam muội không, các Tam muội không không tương ưng với pháp tương ưng của giác ý hỷ. Đây là giác ý hỷ không phải là Tam muội không.

Thế nào là Tam muội không cũng là giác ý hỷ? Là trừ Tam muội không tương ưng với giác ý hỷ, còn lại là các pháp tương ưng của giác ý hỷ cùng Tam muội không. Đây là Tam muội không cũng là giác ý hỷ.

Thế nào là không phải Tam muội không cũng không phải là giác ý hỷ? Là Tam muội không không tương ưng với giác ý hỷ, giác ý hỷ không tương ưng với Tam muội không cùng các tâm tâm pháp khác, và sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải Tam muội không cũng không phải là giác ý hỷ.

Như giác ý hỷ, đẳng chí cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với Tam muội không, pháp đó tương ưng với giác ý định chăng?

Đáp: Như thế. Các pháp tương ưng với Tam muội không, pháp đó tương ưng với giác ý định.

Hỏi: Từng có các pháp tương ưng với giác ý định, pháp đó không phải là Tam muội không chăng?

Đáp: Có. Là Tam muội không không gồm thân pháp tương ưng của giác ý định.

Như giác ý định, đẳng định cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với Tam muội vô nguyện, các pháp đó không phải là Tam muội vô tướng, pháp ấy tương ưng với vị tri căn chăng?

Đáp: Hoặc có vô nguyện không phải là vị tri căn.

Thế nào là vô nguyện không phải là vị tri căn? Là vị tri căn không gồm thân pháp tương ưng của vô nguyện. Đây là vô nguyện không phải là vị tri căn.

Thế nào là vị tri căn không phải là vô nguyện? Là vị tri căn gồm thân vô nguyện và các vô nguyện không gồm thân, không tương ưng với pháp tương ưng của vị tri căn. Đây là vị tri căn không phải là vô nguyện.

Thế nào là vô nguyện cũng là vị tri căn? Là vị tri căn gồm thân pháp tương ưng của vô nguyện. Đây là vô nguyện cũng là vị tri căn.

Thế nào là không phải vô nguyện cũng không phải là vị tri căn? Là vị tri căn không gồm thân vô nguyện, các vô nguyện, vị tri căn không gồm thân các tâm tâm pháp khác, cùng sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải vô nguyện cũng không phải là vị tri căn.

Như vị tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với vô nguyện, pháp đó tương ưng với giác ý niệm chăng?

Đáp: Hoặc có vô nguyện không phải là giác ý niệm.

Thế nào là vô nguyện không phải là giác ý niệm? Là vô nguyện tương ưng với giác ý niệm. Đây là vô nguyện không phải là giác ý niệm.

Thế nào là giác ý niệm không phải là vô nguyện? Là vô nguyện, các vô nguyện không tương ưng với pháp tương ưng của giác ý niệm. Đây là giác ý niệm không phải là vô nguyện.

Thế nào là vô nguyện cũng là giác ý niệm? Là trừ giác ý niệm, còn lại là các pháp tương ưng của vô nguyện. Đây là vô nguyện cũng là giác ý niệm.

Thế nào là không phải vô nguyện cũng không phải là giác ý niệm? Là vô nguyện không tương ưng với giác ý niệm cùng các tâm tâm pháp khác, và sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải vô nguyện cũng không phải là giác ý niệm.

Như giác ý niệm, giác ý trạch pháp, tinh tấn, ý, hộ, đẳng phương tiện, đẳng niệm cũng như vậy.

HẾT - QUYỂN 13

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

QUYỂN 14

Kiều độ thứ 3: TRÍ

Phẩm 5: BÀN VỀ TRÍ TƯƠNG ƯNG, phần 2

Hỏi: Các pháp tương ưng với vô nguyện, pháp đó tương ưng với giác ý hỷ chăng?

Đáp: Hoặc có vô nguyện, không phải là giác ý hỷ.

Thế nào là vô nguyện không phải là giác ý hỷ? Là vô nguyện tương ưng với giác ý hỷ, các giác ý hỷ khác không tương ưng với pháp tương ưng của vô nguyện. Đây là vô nguyện không phải là giác ý hỷ.

Thế nào là giác ý hỷ không phải là vô nguyện? Là giác ý hỷ tương ưng với vô nguyện, các vô nguyện không tương ưng với pháp tương ưng của giác ý hỷ. Đây là giác ý hỷ không phải là vô nguyện.

Thế nào là vô nguyện cũng là giác ý hỷ? Là trừ vô nguyện tương ưng với giác ý hỷ, còn lại là các pháp tương ưng của giác ý hỷ cùng vô nguyện. Đây là vô nguyện cũng là giác ý hỷ.

Thế nào là không phải vô nguyện cũng không phải là giác ý hỷ? Là vô nguyện không tương ưng với giác ý hỷ, giác ý hỷ không tương ưng với vô nguyện cùng các tâm tâm pháp khác và sắc, vô vi,

tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải vô nguyện cũng không phải là giác ý hỷ.

Như Tam muội vô nguyện, đẳng kiến, đẳng trí cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với vô nguyện, pháp đó tương ưng với giác ý định chăng?

Đáp: Như thế. Các pháp tương ưng với vô nguyện, pháp đó tương ưng với giác ý định.

Hỏi: Từng có các pháp tương ưng với giác ý định, pháp đó không tương ưng với vô nguyện chăng?

Đáp: Có. Là vô nguyện không gồm thân pháp tương ưng của giác ý định.

Như giác ý định, đẳng định cũng như vậy.

Như môn Vô nguyện, môn Vô tướng cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với Vị tri căn, các pháp đó không phải là dĩ tri căn, vô tri căn, pháp đó tương ưng với giác ý niệm chăng?

Đáp: Hoặc có vị tri căn không phải là giác ý niệm.

Thế nào là vị tri căn không phải là giác ý niệm? Là vị tri căn gồm thân giác ý niệm. Đây là vị tri căn không phải là giác ý niệm.

Thế nào là giác ý niệm không phải là vị tri căn? Là vị tri căn không gồm thân pháp tương ưng của giác ý niệm. Đây là giác ý niệm không phải là vị tri căn.

Thế nào là vị tri căn cũng là giác ý niệm? Là vị tri căn gồm thân pháp tương ưng của giác ý niệm. Đây là vị tri căn cũng là giác ý niệm.

Thế nào là không phải vị tri căn cũng không phải là giác ý niệm? Là vị tri căn không gồm thân giác ý niệm cùng các tâm tâm

pháp khác và sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải vị tri căn cũng không phải là giác ý niệm.

Như giác ý niệm, giác ý trạch pháp, giác ý tinh tấn, giác ý định, đẳng kiến, đẳng phương tiện, đẳng định, đẳng niệm cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với vị tri căn, pháp đó tương ưng với giác ý hỷ chăng?

Đáp: Hoặc có vị tri căn không phải là giác ý hỷ.

Thế nào là vị tri căn không phải là giác ý hỷ? Là vị tri căn gồm thân giác ý hỷ, các giác ý hỷ không gồm thân, không tương ưng với pháp tương ưng của vị tri căn. Đây là vị tri căn không phải là giác ý hỷ.

Thế nào là giác ý hỷ không phải là vị tri căn? Là vị tri căn không gồm thân pháp tương ưng của giác ý hỷ. Đây là giác ý hỷ không phải là vị tri căn.

Thế nào là vị tri căn cũng là giác ý hỷ? Là vị tri căn gồm thân pháp tương ưng của giác ý hỷ. Đây là vị tri căn cũng là giác ý hỷ.

Thế nào là không phải vị tri căn cũng không phải là giác ý hỷ? Là vị tri căn không gồm thân giác ý hỷ, các vị tri căn, giác ý hỷ không gồm thân, không tương ưng cùng các tâm tâm pháp khác và sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải vị tri căn cũng không phải là giác ý hỷ.

Hỏi: Các pháp tương ưng với vị tri căn, pháp đó tương ưng với giác ý ý (khinh an) chăng?

Đáp: Hoặc có vị tri căn không phải là giác ý ý.

Thế nào là vị tri căn không phải là giác ý ý? Là vị tri căn tương ưng với giác ý ý. Đây là vị tri căn không phải là giác ý ý.

Thế nào là giác ý ý không phải là vị tri căn? Là vị tri căn không tương ưng với pháp tương ưng của giác ý ý. Đây là giác ý ý không phải là vị tri căn.

Thế nào là vị tri căn cũng là giác ý ý? Là vị tri căn tương ưng với pháp tương ưng của giác ý ý. Đây là vị tri căn cũng là giác ý ý.

Thế nào là không phải vị tri căn cũng không phải là giác ý ý? Là vị tri căn không tương ưng với giác ý ý cùng các tâm tâm pháp khác và sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải vị tri căn cũng không phải là giác ý ý.

Như giác ý ý, giác ý hộ cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với vị tri căn, pháp đó tương ưng với đẳng chí (chánh tư duy) chăng?

Đáp: Hoặc có vị tri căn không phải là đẳng chí.

Thế nào là vị tri căn không phải là đẳng chí? Là vị tri căn tương ưng với đẳng chí, các đẳng chí không tương ưng với pháp tương ưng của vị tri căn. Đây là vị tri căn không phải là đẳng chí.

Thế nào là đẳng trí không phải là vị tri căn? Là vị tri căn không tương ưng với pháp tương ưng của đẳng chí. Đây là đẳng chí không phải là vị tri căn.

Thế nào là vị tri căn cũng là đẳng chí? Là vị tri căn tương ưng với pháp tương ưng của đẳng chí. Đây là vị tri căn cũng là đẳng chí.

Thế nào là không phải vị tri căn cũng không phải là đẳng chí? Là vị tri căn không tương ưng với đẳng chí, các đẳng chí, vị tri căn không tương ưng, cùng các tâm tâm pháp khác và sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải vị tri căn cũng không phải là đẳng chí.

Như môn Vị tri căn, môn Dĩ tri căn cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với Vô tri căn, pháp đó tương ưng với giác ý niệm chăng?

Đáp: Hoặc có vô tri căn không phải là giác ý niệm.

Thế nào là vô tri căn không phải là giác ý niệm? Là vô tri căn gồm thân giác ý niệm. Đây là vô tri căn không phải là giác ý niệm.

Thế nào là giác ý niệm không phải là vô tri căn? Là vô tri căn không gồm thân pháp tương ưng của giác ý niệm. Đây là giác ý niệm không phải là vô tri căn.

Thế nào là vô tri căn cũng là giác ý niệm? Là vô tri căn gồm thân pháp tương ưng của giác ý niệm. Đây là vô tri căn cũng là giác ý niệm.

Thế nào là không phải vô tri căn cũng không phải là giác ý niệm? Là vô tri căn không gồm thân giác ý niệm cùng các tâm tâm pháp khác và sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải vô tri căn cũng không phải là giác ý niệm.

Như giác ý niệm, giác ý trạch pháp, giác ý tinh tấn, giác ý định, đẳng kiến, đẳng phương tiện, đẳng niệm, đẳng định cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với vô tri căn, pháp đó tương ưng với giác ý hỷ chăng?

Đáp: Hoặc có vô tri căn không phải là giác ý hỷ.

Thế nào là vô tri căn không phải là giác ý hỷ? Là vô tri căn gồm thân giác ý hỷ, các giác ý hỷ không gồm thân, không tương ưng với pháp tương ưng của vô tri căn. Đây là vô tri căn không phải là giác ý hỷ.

Thế nào là giác ý hỷ không phải là vô tri căn? Là vô tri căn không gồm thân pháp tương ưng của giác ý hỷ. Đây là giác ý hỷ không phải là vô tri căn.

Thế nào là vô tri căn cũng là giác ý hỷ? Là vô tri căn gồm thân pháp tương ưng của giác ý hỷ. Đây là vô tri căn cũng là giác ý hỷ.

Thế nào là không phải vô tri căn cũng không phải là giác ý hỷ? Là vô tri căn không gồm thân giác ý hỷ, vô tri căn, giác ý hỷ không gồm thân, không tương ưng cùng các tâm tâm pháp khác và sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải vô tri căn cũng không phải là giác ý hỷ.

Hỏi: Các pháp tương ưng với vô tri căn, pháp đó tương ưng với giác ý ỷ chăng?

Đáp: Hoặc có vô tri căn không phải là giác ý ỷ.

Thế nào là vô tri căn không phải là giác ý ỷ? Là vô tri căn tương ưng với giác ý ỷ. Đây là vô tri căn không phải là giác ý ỷ.

Thế nào là giác ý ỷ không phải là vô tri căn? Là vô tri căn không tương ưng với pháp tương ưng của giác ý ỷ. Đây là giác ý ỷ không phải là vô tri căn.

Thế nào là vô tri căn cũng là giác ý ỷ? Là vô tri căn tương ưng với pháp tương ưng của giác ý ỷ. Đây là vô tri căn cũng là giác ý ỷ.

Thế nào là không phải vô tri căn cũng không phải là giác ý ỷ? Là vô tri căn không tương ưng với giác ý ỷ cùng các tâm tâm pháp khác và sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây là không phải vô tri căn cũng không phải là giác ý ỷ.

Như giác ý ỷ, giác ý hộ cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với vô tri căn, pháp đó tương ưng với đẳng chí chăng?

Đáp: Hoặc có vô tri căn không phải là đẳng chí.

Thế nào là vô tri căn không phải là đẳng chí? Là vô tri căn tương ưng với đẳng chí, các đẳng chí không tương ưng với pháp tương ưng của vô tri căn. Đây là vô tri căn không phải là đẳng chí.

Thế nào là đấng chí không phải là vô tri căn? Là vô tri căn không tương ứng với pháp tương ứng của đấng chí. Đây là đấng chí không phải là vô tri căn.

Thế nào là vô tri căn cũng là đấng chí? Là vô tri căn tương ứng với pháp tương ứng của đấng chí. Đây là vô tri căn cũng là đấng chí.

Thế nào là không phải vô tri căn cũng không phải là đấng chí? Là vô tri căn không tương ứng với đấng chí, các đấng trí, vô tri căn không tương ứng với các tâm tâm pháp khác, cùng sắc, vô vi, tâm bất tương ứng hành. Đây là không phải vô tri căn cũng không phải là đấng chí.

Phần còn lại tương ứng như trên.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Ta nay sẽ nói rõ về bốn mươi bốn trí chủng (Trí sự):

Trí nhận biết về lão tử khổ có bốn trí: pháp trí, vị trí trí, khổ trí, đấng trí. Trí nhận biết về lão tử tập có bốn trí: pháp trí, vị trí trí, tập trí, đấng trí. Trí nhận biết về lão tử tận có bốn trí: pháp trí, vị trí trí, tận trí, đấng trí. Trí nhận biết về lão tử tận đạo tích có bốn trí: pháp trí, vị trí trí, đạo trí, đấng trí.

Sinh hữu cho đến hành trí cũng như vậy.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Ta nay sẽ nói rõ về bảy mươi bảy trí chủng:

Trí nhận biết sinh duyên lão tử có bốn trí: pháp trí, vị trí trí, tập trí, đấng trí. Trí nhận biết không phải sinh khác duyên lão tử có bốn trí: pháp trí, vị trí trí, tập trí, đấng trí.

Trí nhận biết sinh duyên lão tử nơi quá khứ lâu xa có bốn trí: pháp trí, vị trí trí, tập trí, đấng trí. Trí nhận biết sinh duyên lão tử không phải nơi quá khứ lâu xa khác có bốn trí: pháp trí, vị trí trí, tập trí, đấng trí.

Trí nhận biết sinh duyên lão tử nơi vị lai lâu xa có bốn trí: pháp trí, vị trí trí, tập trí, đẳng trí. Trí nhận biết sinh duyên lão tử không phải nơi vị lai lâu xa khác có bốn trí: pháp trí, vị trí trí, tập trí, đẳng trí.

Như trí trụ pháp giới nhận biết khắp đây là vô thường, hữu vi, tâm tạo ra từ duyên sinh là pháp tận, pháp biến dịch, pháp vô dục, pháp diệt, một trí này là đẳng trí, cho đến vô minh duyên hành, trí nhận biết cũng như vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí thì thành tựu vị trí trí chăng?

Đáp: Nếu đạt được.

Hỏi: Nếu như thành tựu vị trí trí thì thành tựu pháp trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí thì thành tựu tha tâm trí chăng?

Đáp: Nếu đạt được không mất thì thành tựu. Nếu không đạt được, giả như đạt được rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí thì thành tựu pháp trí chăng?

Đáp: Nếu đạt được.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí thì thành tựu đẳng trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu đẳng trí thì thành tựu pháp trí chăng?

Đáp: Nếu đạt được.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí thì thành tựu khổ trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu khổ trí thì thành tựu pháp trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí thì thành tựu tập trí, tận trí, đạo trí chăng?

Đáp: Nếu đạt được.

Hỏi: Nếu như thành tựu tập trí, tận trí, đạo trí thì thành tựu pháp trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu Vị trí trí thì thành tựu tha tâm trí chăng?

Đáp: Nếu đạt được không mất thì thành tựu. Nếu không đạt được hoặc đạt được rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí thì thành tựu vị trí trí chăng?

Đáp: Nếu đạt được.

Hỏi: Nếu thành tựu vị trí trí thì thành tựu đẳng trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu đẳng trí thì thành tựu vị trí trí chăng?

Đáp: Nếu đạt được.

Hỏi: Nếu thành tựu vị trí trí thì thành tựu khổ trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu khổ trí thì thành tựu vị trí trí chăng?

Đáp: Nếu đạt được.

Hỏi: Nếu thành tựu vị trí trí thì thành tựu tập trí, tận trí, đạo trí chăng?

Đáp: Nếu đạt được.

Hỏi: Nếu như thành tựu tập trí, tận trí, đạo trí thì thành tựu vị trí trí chăng?

Đáp: Đúng vậy..

Hỏi: Nếu thành tựu Tha tâm trí thì thành tựu đẳng trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu đẳng trí thì thành tựu tha tâm trí chăng?

Đáp: Nếu đạt được không mất thì thành tựu. Nếu không đạt được, giả như đạt được rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu tha tâm trí thì thành tựu khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí chăng?

Đáp: Nếu đạt được.

Hỏi: Nếu như thành tựu khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí thì thành tựu tha tâm trí chăng?

Đáp: Nếu đạt được không mất thì thành tựu. Nếu không đạt được, giả như đạt được rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Đẳng trí thì thành tựu khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí chăng?

Đáp: Nếu đạt được.

Hỏi: Nếu như thành tựu khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí thì thành tựu đẳng trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu Khổ trí thì thành tựu tập trí, tận trí, đạo trí chăng?

Đáp: Nếu đạt được.

Hỏi: Nếu như thành tựu tập trí, tận trí, đạo trí thì thành tựu khổ trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu Tập trí thì thành tựu tận trí, đạo trí chăng?

Đáp: Nếu đạt được.

Hỏi: Nếu như thành tựu tận trí, đạo trí thì thành tựu tập trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu Tận trí thì thành tựu đạo trí chăng?

Đáp: Nếu đạt được.

Hỏi: Nếu như thành tựu đạo trí thì thành tựu tận trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí quá khứ thì thành tựu pháp trí vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu pháp trí vị lai thì thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu pháp trí hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu pháp trí hiện tại thì thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí vị lai thì thành tựu pháp trí hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu pháp trí hiện tại thì thành tựu pháp trí vị lai chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu pháp trí vị lai, hiện tại chẳng?

Đáp: Vị lai thì thành tựu. Hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu pháp trí vị lai, hiện tại thì thành tựu pháp trí quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí vị lai thì thành tựu pháp trí quá khứ, hiện tại chẳng?

Đáp: Hoặc thành tựu vị lai không phải thành tựu quá khứ, hiện tại. Hoặc thành tựu vị lai và quá khứ không phải thành tựu hiện tại. Hoặc thành tựu vị lai và hiện tại không phải thành tựu quá khứ. Hoặc thành tựu vị lai và quá khứ, hiện tại.

Thế nào là thành tựu vị lai không phải thành tựu quá khứ, hiện tại? Là nếu đạt được pháp trí chưa diệt, hoặc diệt rồi mất, không hiện ở trước. Đây là thành tựu vị lai, không phải thành tựu quá khứ, hiện tại.

Thế nào là thành tựu vị lai và quá khứ không phải thành tựu hiện tại? Là nếu pháp trí đã diệt không mất, lại pháp trí này không hiện ở trước. Đây là thành tựu vị lai và quá khứ không phải thành tựu hiện tại.

Thế nào là thành tựu vị lai và hiện tại không phải thành tựu quá khứ? Là nếu pháp trí hiện ở trước, không diệt, nếu diệt liền mất. Đây là thành tựu vị lai và hiện tại không phải thành tựu quá khứ.

Thế nào là thành tựu vị lai và quá khứ, hiện tại? Là nếu pháp trí đã diệt, không mất, lại pháp trí này hiện ở trước. Đây là thành tựu vị lai và quá khứ, hiện tại.

Hỏi: Nếu như thành tựu pháp trí quá khứ, hiện tại thì thành tựu pháp trí vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí hiện tại thì thành tựu pháp trí quá khứ, vị lai chăng?

Đáp: Vị lai thì thành tựu. Quá khứ đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi liền mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu như thành tựu pháp trí quá khứ, vị lai thì thành tựu pháp trí hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Như Pháp trí, Vị trí trí, Khổ trí, Tập trí, Tận trí, Đạo trí cũng như vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu Tha tâm trí quá khứ thì thành tựu tha tâm trí vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí vị lai thì thành tựu tha tâm trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi liền mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu tha tâm trí quá khứ thì thành tựu tha tâm trí hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí hiện tại thì thành tựu tha tâm trí quá khứ chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu tha tâm trí vị lai thì thành tựu tha tâm trí hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí hiện tại thì thành tựu tha tâm trí vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu tha tâm trí quá khứ thì thành tựu tha tâm trí vị lai, hiện tại chăng?

Đáp: Vị lai thì thành tựu. Hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí vị lai, hiện tại thì thành tựu tha tâm trí quá khứ chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu tha tâm trí vị lai thì thành tựu tha tâm trí quá khứ, hiện tại chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu vị lai không phải thành tựu quá khứ, hiện tại. Hoặc thành tựu vị lai và quá khứ không phải thành tựu hiện tại. Hoặc thành tựu vị lai và quá khứ, hiện tại.

Thế nào là thành tựu vị lai không phải thành tựu quá khứ, hiện tại? Là nếu đạt được tha tâm trí không mất, hoặc chưa diệt, giả như diệt rồi mất, không hiện ở trước. Đây là thành tựu vị lai không phải thành tựu quá khứ, hiện tại.

Thế nào là thành tựu vị lai và quá khứ không phải thành tựu hiện tại? Là nếu tha tâm trí đã diệt không mất, lại tha tâm trí này

không hiện ở trước. Đây là thành tựu vị lai và quá khứ không phải thành tựu hiện tại.

Thế nào là thành tựu vị lai và quá khứ, hiện tại? Là nếu tha tâm trí đã diệt không mất, lại tha tâm trí này hiện ở trước. Đây là thành tựu vị lai và quá khứ, hiện tại.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí quá khứ, hiện tại thì thành tựu tha tâm trí vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu tha tâm trí hiện tại thì thành tựu tha tâm trí quá khứ, vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí quá khứ, vị lai thì thành tựu tha tâm trí hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu thành tựu Đẳng trí quá khứ thì thành tựu đẳng trí vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu đẳng trí vị lai thì thành tựu đẳng trí quá khứ chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu đẳng trí quá khứ thì thành tựu đẳng trí hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu đẳng trí hiện tại thì thành tựu đẳng trí quá khứ chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu đẳng trí vị lai thì thành tựu đẳng trí hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu đẳng trí hiện tại thì thành tựu đẳng trí vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu đẳng trí quá khứ thì thành tựu đẳng trí vị lai, hiện tại chăng?

Đáp: Vị lai thì thành tựu. Hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu đẳng trí vị lai, hiện tại thì thành tựu đẳng trí quá khứ chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu đẳng trí vị lai thì thành tựu đẳng trí quá khứ, hiện tại chăng?

Đáp: Quá khứ thì thành tựu. Hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu đẳng trí quá khứ, hiện tại thì thành tựu đẳng trí vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu đẳng trí hiện tại thì thành tựu đẳng trí quá khứ, vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu đẳng trí quá khứ, vị lai thì thành tựu đẳng trí hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí quá khứ thì thành tựu Vị trí trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu như thành tựu vị trí trí quá khứ thì thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu vị trí trí vị lai chăng?

Đáp: Nếu đạt được.

Hỏi: Nếu như thành tựu vị trí trí vị lai thì thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu vị trí trí hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu vị trí trí hiện tại thì thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu vị trí trí quá khứ, hiện tại chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ không phải vị trí trí quá khứ, hiện tại. Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ và vị trí trí quá khứ, không phải hiện tại. Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ và vị trí trí hiện tại, không phải quá khứ. Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ và vị trí trí quá khứ, hiện tại.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ không phải vị trí trí quá khứ, hiện tại? Là nếu pháp trí đã diệt không mất, lại vị trí trí này không diệt, giả như diệt rồi mất, không hiện ở trước. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ, không phải vị trí trí quá khứ, hiện tại.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ và vị trí trí quá khứ, không phải hiện tại? Là nếu pháp trí, vị trí trí đã diệt không mất, lại vị trí trí này không hiện ở trước. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ và vị trí trí quá khứ, không phải hiện tại.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ và vị trí trí hiện tại, không phải quá khứ? Là nếu pháp trí đã diệt không mất, lại vị trí trí này hiện ở trước, hoặc không diệt, giả như diệt rồi mất. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ và vị trí trí hiện tại, không phải quá khứ.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ và vị trí trí quá khứ, hiện tại? Là nếu pháp trí, vị trí trí đã diệt không mất, lại vị trí trí này hiện ở trước. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ và vị trí trí quá khứ, hiện tại.

Hỏi: Nếu như thành tựu vị trí trí quá khứ, hiện tại thì thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu vị trí trí vị lai, hiện tại chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ không phải vị trí trí vị lai, hiện tại. Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ và vị trí trí vị lai, không phải hiện tại. Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ và vị trí trí vị lai, hiện tại.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ không phải vị trí trí vị lai, hiện tại? Là nếu pháp trí đã diệt không mất. Lại ở đây không đạt được vị trí trí. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ không phải vị trí trí vị lai, hiện tại.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ và vị tri trí vị lai, không phải hiện tại? Là nếu pháp trí đã diệt không mất. Lại ở đây đã đạt được vị tri trí không hiện ở trước. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ và vị tri trí vị lai, không phải hiện tại.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ và vị tri trí vị lai, hiện tại? Là nếu pháp trí đã diệt không mất, lại vị tri trí này đã hiện ở trước. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ và vị tri trí vị lai, hiện tại.

Hỏi: Nếu như thành tựu vị tri trí vị lai, hiện tại thì thành tựu pháp trí quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như ròi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu vị tri trí quá khứ, vị lai chẳng?

Đáp: Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ, không phải vị tri trí quá khứ, vị lai. Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ và vị tri trí vị lai, không phải quá khứ. Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ và vị tri trí quá khứ, vị lai.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ, không phải vị tri trí quá khứ, vị lai? Là nếu pháp trí đã diệt không mất. Lại ở đây không đạt được vị tri trí. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ, không phải vị tri trí quá khứ, vị lai.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ và vị tri trí vị lai, không phải quá khứ? Là nếu pháp trí đã diệt không mất. Lại ở đây đạt được vị tri trí, nếu không diệt, giả như diệt ròi mất. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ và vị tri trí vị lai, không phải quá khứ.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ và vị tri trí quá khứ, vị lai? Là nếu pháp trí, vị tri trí đã diệt không mất. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ và vị tri trí quá khứ, vị lai.

Hỏi: Nếu như thành tựu vị trí trí quá khứ, vị lai thì thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu vị trí trí quá khứ, vị lai, hiện tại chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ, không phải vị trí trí quá khứ, vị lai, hiện tại. Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ và vị trí trí vị lai, không phải quá khứ, hiện tại. Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ và vị trí trí quá khứ, vị lai, không phải hiện tại. Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ và vị trí trí vị lai, hiện tại, không phải quá khứ. Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ và vị trí trí quá khứ, vị lai, hiện tại.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ, không phải vị trí trí quá khứ, vị lai, hiện tại? Là nếu pháp trí đã diệt không mất. Lại ở đây không đạt được vị trí trí. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ, không phải vị trí trí quá khứ, vị lai, hiện tại.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá và vị trí trí vị lai, không phải quá khứ, hiện tại? Là nếu pháp trí đã diệt không mất. Lại ở đây đã đạt được vị trí trí vị lai, nếu không diệt, giả như diệt rồi mất, không hiện ở trước. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ và vị trí trí vị lai, không phải quá khứ, hiện tại.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá và vị trí trí quá khứ, vị lai, không phải hiện tại? Là nếu pháp trí, vị trí trí đã diệt không mất. Lại vị trí trí này không hiện ở trước. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ và vị trí trí quá khứ, vị lai, không phải hiện tại.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ và vị trí trí vị lai, hiện tại, không phải quá khứ? Là nếu pháp trí đã diệt không mất. Lại, vị trí trí này hiện ở trước, nếu không diệt, giả như diệt rồi mất. Đây là

thành tựu pháp trí quá khứ và vị trí trí vị lai, hiện tại, không phải quá khứ.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ và vị trí trí quá khứ, vị lai, hiện tại? Là nếu pháp trí, vị trí trí đã diệt không mất. Lại, vị trí trí này hiện ở trước. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ và vị trí trí quá khứ, vị lai, hiện tại.

Hỏi: Nếu như thành tựu vị trí trí quá khứ, vị lai, hiện tại thì thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí quá khứ thì thành tựu Tha tâm trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí quá khứ thì thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu tha tâm trí vị lai chăng?

Đáp: Nếu đạt được không mất thì thành tựu. Nếu không đạt được, hoặc đạt được liền mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí vị lai thì thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu tha tâm trí hiện tại chẳng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí hiện tại thì thành tựu pháp trí quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu tha tâm trí quá khứ, hiện tại chẳng?

Đáp: Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ, không phải tha tâm trí quá khứ, hiện tại. Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ và tha tâm trí quá khứ, không phải hiện tại. Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ và tha tâm trí quá khứ, hiện tại.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ, không phải tha tâm trí quá khứ, hiện tại? Là nếu pháp trí đã diệt không mất. Lại tha tâm trí này không diệt, giả như diệt rồi mất, không hiện ở trước. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ, không phải tha tâm trí quá khứ, hiện tại.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ và tha tâm trí quá khứ, không phải hiện tại? Là nếu pháp trí, tha tâm trí đã diệt không mất. Lại, tha tâm trí này không hiện ở trước. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ và tha tâm trí quá khứ, không phải hiện tại.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ và tha tâm trí quá khứ, hiện tại? Là nếu pháp trí đã diệt không mất. Lại, tha tâm trí này hiện ở trước. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ và tha tâm trí quá khứ, hiện tại.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí quá khứ, hiện tại thì thành tựu pháp trí quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu tha tâm trí vị lai, hiện tại chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ, không phải tha tâm trí vị lai, hiện tại. Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ và tha tâm trí vị lai, không phải hiện tại. Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ và tha tâm trí vị lai, hiện tại.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ, không phải tha tâm trí vị lai, hiện tại? Là nếu pháp trí đã diệt không mất. Lại ở đây không đạt được tha tâm trí, nếu được liền mất. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ, không phải tha tâm trí vị lai, hiện tại.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ và tha tâm trí vị lai, không phải hiện tại? Là nếu pháp trí đã diệt không mất. Lại ở đây đã đạt được tha tâm trí không mất, không hiện ở trước. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ và tha tâm trí vị lai, không phải hiện tại.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ và tha tâm trí vị lai, hiện tại? Là nếu pháp trí đã diệt không mất. Lại tha tâm trí này đã hiện ở trước. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ và tha tâm trí vị lai, hiện tại.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí vị lai, hiện tại thì thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu tha tâm trí quá khứ, vị lai chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ, không phải tha tâm trí quá khứ, vị lai. Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ và tha tâm trí vị lai,

không phải quá khứ. Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ và tha tâm trí quá khứ, vị lai.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ, không phải tha tâm trí quá khứ, vị lai? Là nếu pháp trí đã diệt không mất. Lại ở đây không đạt được tha tâm trí, nếu được liền mất. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ, không phải tha tâm trí quá khứ, vị lai.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ và tha tâm trí vị lai, không phải quá khứ? Là nếu pháp trí đã diệt không mất. Lại ở đây đã đạt được tha tâm trí không mất, nếu không diệt, giả như diệt rồi mất. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ và tha tâm trí vị lai, không phải quá khứ.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ và tha tâm trí quá khứ, vị lai? Là nếu pháp trí, tha tâm trí đã diệt không mất. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ và tha tâm trí quá khứ, vị lai.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí quá khứ, vị lai thì thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu tha tâm trí quá khứ, vị lai, hiện tại chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ, không phải tha tâm trí quá khứ, vị lai, hiện tại. Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ và tha tâm trí vị lai, không phải quá khứ, hiện tại. Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ và tha tâm trí quá khứ, vị lai, không phải hiện tại. Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ và tha tâm trí quá khứ, vị lai, hiện tại.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ, không phải tha tâm trí quá khứ, vị lai, hiện tại? Là nếu pháp trí đã diệt không mất. Lại ở đây không đạt được tha tâm trí, nếu được liền mất. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ, không phải tha tâm trí quá khứ, vị lai, hiện tại.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá và tha tâm trí vị lai, không phải quá khứ, hiện tại? Là nếu pháp trí đã diệt không mất. Lại ở đây đã đạt được tha tâm trí không mất, nếu không diệt, giả như diệt rồi mất, không hiện ở trước. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ và tha tâm trí vị lai, không phải quá khứ, hiện tại.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá và tha tâm trí quá khứ, vị lai, không phải hiện tại? Là nếu pháp trí, tha tâm trí đã diệt không mất. Lại, tha tâm trí này không hiện ở trước. Đây là thành tựu pháp trí quá và tha tâm trí quá khứ, vị lai, không phải hiện tại.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ và tha tâm trí quá khứ, vị lai, hiện tại? Là nếu pháp trí đã diệt không mất. Lại tha tâm trí này hiện ở trước. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ và tha tâm trí quá khứ, vị lai, hiện tại.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí quá khứ, vị lai, hiện tại thì thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí quá khứ thì thành tựu Đẳng trí quá khứ chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu đẳng trí quá khứ thì thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu đẳng trí vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu đẳng trí vị lai thì thành tựu pháp trí quá khứ?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu đẳng trí hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu đẳng trí hiện tại thì thành tựu pháp trí quá khứ?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu đẳng trí quá khứ, hiện tại chăng?

Đáp: Quá khứ thì thành tựu. Hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu đẳng trí quá khứ, hiện tại thì thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu đẳng trí vị lai, hiện tại chăng?

Đáp: Vị lai thì thành tựu. Hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu đẳng trí vị lai, hiện tại thì thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu đẳng trí quá khứ, vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu đẳng trí quá khứ, vị lai thì thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu đẳng trí quá khứ, vị lai, hiện tại chăng?

Đáp: Quá khứ, vị lai thì thành tựu. Hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu đẳng trí quá khứ, vị lai, hiện tại thì thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí quá khứ thì thành tựu Khổ trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu như thành tựu khổ trí quá khứ thì thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu khổ trí vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu khổ trí vị lai thì thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mắt thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mắt thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu khổ trí hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu khổ trí hiện tại thì thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mắt thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mắt thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu khổ trí quá khứ, hiện tại chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ, không phải khổ trí quá khứ, hiện tại. Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ và khổ trí quá khứ, không phải hiện tại. Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ và khổ trí hiện tại, không phải quá khứ. Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ và khổ trí quá khứ, hiện tại.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ, không phải khổ trí quá khứ, hiện tại? Là nếu pháp trí đã diệt không mắt. Lại, khổ trí này không diệt, giả như diệt rồi mắt, không hiện ở trước. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ, không phải khổ trí quá khứ, hiện tại.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ và khổ trí quá khứ, không phải hiện tại? Là nếu pháp trí, khổ trí đã diệt không mắt. Lại, khổ trí này không hiện ở trước. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ và khổ trí quá khứ, không phải hiện tại.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ và khổ trí hiện tại, không phải quá khứ? Là nếu pháp trí đã diệt không mắt. Lại, khổ trí này hiện ở trước, nếu không diệt, giả như diệt rồi mắt. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ và khổ trí hiện tại, không phải quá khứ.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ và khổ trí quá khứ, hiện tại? Là nếu pháp trí, khổ trí đã diệt không mất. Lại, khổ trí này hiện ở trước. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ và khổ trí quá khứ, hiện tại.

Hỏi: Nếu như thành tựu khổ trí quá khứ, hiện tại thì thành tựu pháp trí quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu khổ trí vị lai, hiện tại chẳng?

Đáp: Vị lai thì thành tựu. Hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu khổ trí vị lai, hiện tại thì thành tựu pháp trí quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu khổ trí quá khứ, vị lai chẳng?

Đáp: Vị lai thì thành tựu. Quá khứ nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu như thành tựu khổ trí quá khứ, vị lai thì thành tựu pháp trí quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu khổ trí quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng?

Đáp: Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ và khổ trí vị lai, không phải quá khứ, hiện tại. Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ và khổ trí quá khứ, vị lai, không phải hiện tại. Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ và

khổ trí vị lai, hiện tại, không phải quá khứ. Hoặc thành tựu pháp trí quá khứ và khổ trí quá khứ, vị lai, hiện tại.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ và khổ trí vị lai, không phải quá khứ, hiện tại? Là nếu pháp trí đã diệt không mất. Lại ở đây đã đạt được khổ trí, nếu không diệt, giả như diệt rồi mất, không hiện ở trước. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ và khổ trí vị lai, không phải quá khứ, hiện tại.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ và khổ trí quá khứ, vị lai, không phải hiện tại? Là nếu pháp trí, khổ trí đã diệt không mất. Lại, khổ trí này không hiện ở trước. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ và khổ trí quá khứ, vị lai, không phải hiện tại.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ và khổ trí vị lai, hiện tại, không phải quá khứ? Là nếu pháp trí đã diệt không mất. Lại, khổ trí này hiện ở trước, nếu không diệt, giả như diệt liền mất. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ và khổ trí vị lai, hiện tại, không phải quá khứ.

Thế nào là thành tựu pháp trí quá khứ và khổ trí quá khứ, vị lai, hiện tại? Là nếu pháp trí, khổ trí đã diệt không mất. Lại, khổ trí này hiện ở trước. Đây là thành tựu pháp trí quá khứ và khổ trí quá khứ, vị lai, hiện tại.

Hỏi: Nếu như thành tựu khổ trí quá khứ, vị lai, hiện tại thì thành tựu pháp trí quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Như Khổ trí, Tập trí, Tận trí, Đạo trí cũng như vậy.

HẾT - QUYỂN 14

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

QUYỂN 15

Kiên độ thứ 4: HÀNH

Phẩm 1: BÀN VỀ HÀNH ÁC

* *Tụng nêu chung:*

Hành ác tà ngữ

Chúng sinh và mạng

Thân vô hữu giáo

Tự hành ở sau.

Ba hành ác, ba căn bất thiện: Ba hành ác gồm thâu ba căn bất thiện, hay ba căn bất thiện gồm thâu ba hành ác?

Ba hành diệu, ba căn thiện: Ba hành diệu gồm thâu ba căn thiện, hay ba căn thiện gồm thâu ba hành diệu?

Ba hành ác, mười hành tích bất thiện (mười đạo nghiệp bất thiện): Ba hành ác gồm thâu mười hành tích bất thiện, hay mười hành tích bất thiện gồm thâu ba hành ác?

Ba hành diệu, mười hành tích thiện (mười đạo nghiệp thiện): Ba hành diệu gồm thâu mười hành tích thiện, hay mười hành tích thiện gồm thâu ba hành diệu?

Ba hành (ba nghiệp), mười hành tích (mười đạo nghiệp): Ba hành gồm thâu mười hành tích, hay mười hành tích gồm thâu ba hành?

Ba hành, bốn hành (bốn nghiệp): Đen có báo đen, trắng có báo trắng, đen trắng có báo đen trắng, không đen không trắng không hành báo hành tận. Ba hành gồm thâm bốn hành, hay bốn hành gồm thâm ba hành?

Lại nữa, ba hành: Hiện pháp báo, sinh báo, hậu báo. Báo vui, báo khổ, báo không khổ không vui. Quá khứ, vị lai, hiện tại. Thiện, bất thiện, vô ký. Hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc. Học, vô học, phi học phi vô học. Kiến đế đoạn, tư duy đoạn, không đoạn. Trước gồm thâm sau, hay sau gồm thâm trước?

Bốn hành: Đen có báo đen, trắng có báo trắng, đen trắng có báo đen trắng, không đen không trắng không hành báo hành tận. Ba hành: Hiện pháp báo, sinh báo, hậu báo. Báo vui, báo khổ, báo không khổ không vui. Quá khứ, vị lai, hiện tại. Thiện, bất thiện, vô ký. Hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc. Học, vô học, phi học phi vô học. Kiến đế đoạn, tư duy đoạn, không đoạn. Bốn hành gồm thâm ba hành, hay ba hành gồm thâm bốn hành?

Ba hành: Hiện pháp báo, sinh báo, hậu báo. Lại nữa, ba hành: báo vui, báo khổ, báo không khổ không vui. Quá khứ, vị lai, hiện tại. Thiện, bất thiện, vô ký. Hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc. Học, vô học, phi học phi vô học. Kiến đế đoạn, tư duy đoạn, không đoạn. Trước gồm thâm sau, hay sau gồm thâm trước?

Ba hành: Báo vui, báo khổ, báo không khổ không vui. Lại nữa, ba hành: Quá khứ, vị lai, hiện tại. Thiện, bất thiện, vô ký. Hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc. Học, vô học, phi học phi vô học. Kiến đế đoạn, tư duy đoạn, không đoạn. Trước gồm thâm sau, hay sau gồm thâm trước?

Ba hành: Quá khứ, vị lai, hiện tại. Lại nữa, ba hành: Thiện, bất thiện, vô ký. Hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc.

Học, vô học, phi học phi vô học. Kiến đế đoạn, tư duy đoạn, không đoạn. Trước gồm thân sau, hay sau gồm thân trước?

Ba hành: Thiện, bất thiện, vô ký. Lại nữa, ba hành: Hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc. Học, vô học, phi học phi vô học. Kiến đế đoạn, tư duy đoạn, không đoạn. Trước gồm thân sau, hay sau gồm thân trước?

Ba hành: Hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc. Lại nữa, ba hành: Học, vô học, phi học phi vô học. Kiến đế đoạn, tư duy đoạn, không đoạn. Trước gồm thân sau, hay sau gồm thân trước?

Ba hành: Học, vô học, phi học phi vô học. Lại nữa, ba hành: Kiến đế đoạn, tư duy đoạn, không đoạn. Trước gồm thân sau, hay sau gồm thân trước?

Tùng có hành thọ báo, thân thống thọ báo, không phải là tâm chẳng? Tùng có hành thọ báo, tâm thống thọ báo, không phải là thân chẳng? Tùng có hành thọ báo, thân tâm thống thọ báo chẳng? Tùng có hành thọ báo, thân tâm thống không thọ báo mà thọ báo chẳng?

Ba chương: hành chương, cấu chương, báo chương (nghiệp chương, phiền não chương, dị thực chương). Thế nào là hành chương? Thế nào là cấu chương? Thế nào là báo chương?

Ba hành ác này, hành nào là lớn nhất? Ba hành diệu này, hành nào có quả lớn nhất?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Hỏi: Ba hành ác, ba căn bất thiện: Ba hành ác gồm thân ba căn bất thiện chẳng?

Đáp: Hoặc có hành ác không phải là căn bất thiện.

Thế nào là hành ác không phải là căn bất thiện? Là hành ác của thân, miệng tà kiến, tư bất thiện. Đây là hành ác không phải là căn bất thiện.

Thế nào là căn bất thiện không phải là hành ác? Là căn bất thiện si. Đây là căn bất thiện không phải là hành ác.

Thế nào là hành ác cũng là căn bất thiện? Là căn bất thiện tham, giận. Đây là hành ác cũng là căn bất thiện.

Thế nào là không phải hành ác cũng không phải là căn bất thiện? Là trừ các sự việc nêu trên.

Hỏi: Ba hành diệu, ba căn thiện: Ba hành diệu gồm thân ba căn thiện chẳng?

Đáp: Hoặc có hành diệu không phải là căn thiện.

Thế nào là hành diệu không phải là căn thiện? Là hành diệu của thân, miệng tư thiện. Đây là hành diệu không phải là căn thiện.

Thế nào là căn thiện không phải là hành diệu? Là đẳng kiến (chánh kiến) không gồm thân căn thiện vô si. Đây là căn thiện không phải là hành diệu.

Thế nào là hành diệu cũng là căn thiện? Là đẳng kiến của căn thiện không tham, không giận. Đây là hành diệu cũng là căn thiện.

Thế nào là không phải hành diệu cũng không phải là căn thiện? Là trừ các sự việc nêu trên.

Hỏi: Ba hành ác, mười hành tích bất thiện (mười đạo nghiệp bất thiện): Ba hành ác gồm thân mười hành tích bất thiện, hay mười hành tích bất thiện gồm thân ba hành ác?

Đáp: Ba hành ác gồm thân mười hành tích bất thiện, không phải mười hành tích bất thiện gồm thân ba hành ác. Những gì là

không gồm thân? Là trừ hành tích gồm thân hành ác của thân, miệng, còn lại là các hành ác của thân, miệng và tư bất thiện.

Hỏi: Ba hành diệu, mười hành tích thiện (mười đạo nghiệp thiện): Ba hành diệu gồm thân mười hành tích thiện, hay mười hành tích thiện gồm thân ba hành diệu?

Đáp: Ba hành diệu gồm thân mười hành tích thiện, không phải mười hành tích thiện gồm thân ba hành diệu. Những gì là không gồm thân? Là trừ hành tích gồm thân hành diệu của thân, miệng, còn lại là các hành diệu của thân, miệng và tư thiện.

Hỏi: Ba hành (ba nghiệp), mười hành tích (mười đạo nghiệp): Ba hành gồm thân mười hành tích chăng?

Đáp: Hoặc có hành không phải là hành tích.

Thế nào là hành không phải là hành tích? Là trừ hành tích gồm thân hành của thân, miệng, còn lại là các hành của thân, miệng và ý tư. Đây là hành không phải là hành tích.

Thế nào là hành tích không phải là hành? Là ba hành tích sau. Đây là hành tích không phải là hành.

Thế nào là hành cũng là hành tích? Là bảy hành tích. Đây là hành cũng là hành tích.

Thế nào là không phải hành cũng không phải là hành tích? Là trừ các sự việc nêu trên.

Ba hành, bốn hành (bốn nghiệp): Đen có báo đen, trắng có báo trắng, đen trắng có báo đen trắng, không đen không trắng không hành báo hành tận.

Hỏi: Ba hành gồm thân bốn hành, hay bốn hành gồm thân ba hành?

Đáp: Ba hành gồm thân bốn hành, không phải bốn hành gồm thân ba hành. Những gì là không gồm thân? Là trừ học tư tác

tận, còn lại là các hành vô lậu và hành thiện, hành vô ký của cõi Vô sắc.

Lại nữa, ba hành: Hiện pháp báo, sinh báo, hậu báo.

Hỏi: Trước gồm thân sau, hay sau gồm thân trước?

Đáp: Trước gồm thân sau, không phải sau gồm thân trước. Những gì là không gồm thân? Là ba hành bất định, vô ký, vô lậu.

Lại nữa, ba hành: Báo vui, báo khổ, báo không khổ không vui.

Hỏi: Trước gồm thân sau, hay sau gồm thân trước?

Đáp: Trước gồm thân sau, không phải sau gồm thân trước. Những gì là không gồm thân? Là hành vô ký, vô lậu.

Lại nữa, ba hành: Quá khứ, vị lai, hiện tại. Thiện, bất thiện, vô ký. Học, vô học, phi học phi vô học. Kiến đế đoạn, tư duy đoạn, không đoạn.

Hỏi: Trước gồm thân sau, hay sau gồm thân trước?

Đáp: Là tùy thuộc vào chủng loại cùng gồm thân nhau.

Lại nữa, ba hành: Hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Trước gồm thân sau, hay sau gồm thân trước?

Đáp: Trước gồm thân sau, không phải sau gồm thân trước. Những gì là không gồm thân? Là hành vô lậu.

Bốn hành: Đen có báo đen, trắng có báo trắng, đen trắng có báo đen trắng, không đen không trắng không hành báo, hành tận.

Ba hành: Hiện pháp báo, sinh báo, hậu báo.

Hỏi: Bốn hành gồm thân ba hành chăng?

Đáp: Hoặc có bốn hành không phải là ba hành.

Thế nào là bốn hành không phải là ba hành? Là học tư tác tận, hành bất định thiện, bất thiện hệ thuộc cõi Dục, hành bất định thiện hệ thuộc cõi Sắc. Đây là bốn hành không phải là ba hành.

Thế nào là ba hành không phải là bốn hành? Là hành định thiện hệ thuộc cõi Vô sắc. Đây là ba hành không phải là bốn hành.

Thế nào là bốn hành cũng là ba hành? Là hành định thiện, bất thiện hệ thuộc cõi Dục, hành định thiện hệ thuộc cõi Sắc. Đây là bốn hành cũng là ba hành.

Thế nào là không phải bốn hành cũng không phải là ba hành? Là trừ học tư tác tận, còn lại là các hành vô lậu, hành bất định thiện, hành vô ký hệ thuộc cõi Vô sắc. Đây là không phải bốn hành cũng không phải là ba hành.

Bốn hành: Đen có báo đen, trắng có báo trắng, đen trắng có báo đen trắng, không đen không trắng không hành báo hành tận.

Ba hành: Báo vui, báo khổ, báo không khổ không vui.

Hỏi: Bốn hành gồm thâu ba hành chăng?

Đáp: Hoặc có bốn hành không phải là ba hành.

Thế nào là bốn hành không phải là ba hành? Là học tư tác tận. Đây là bốn hành không phải là ba hành.

Thế nào là ba hành không phải là bốn hành? Là hành thiện hệ thuộc cõi Vô sắc. Đây là ba hành không phải là bốn hành.

Thế nào là bốn hành cũng là ba hành? Là hành thiện, bất thiện hệ thuộc cõi Dục, hành thiện hệ thuộc cõi Sắc. Đây là bốn hành cũng là ba hành.

Thế nào là không phải bốn hành cũng không phải là ba hành? Là trừ học tư tác tận, còn lại là các hành vô lậu, hành vô ký. Đây là không phải bốn hành cũng không phải là ba hành.

Bốn hành: Đen có báo đen, trắng có báo trắng, đen trắng có báo đen trắng, không đen không trắng không hành báo hành tận.

Ba hành: Quá khứ, vị lai, hiện tại. Thiện, bất thiện, vô ký. Học, vô học, phi học phi vô học. Kiến đế đoạn, tư duy đoạn, không đoạn.

Hỏi: Bốn hành gồm thâm ba hành, hay ba hành gồm thâm bốn hành?

Đáp: Ba hành gồm thâm bốn hành, không phải bốn hành gồm thâm ba hành. Những gì là không gồm thâm? Là trừ học, tư, tác, tận, còn lại là các hành vô lậu, hành thiện, hành vô ký hệ thuộc cõi Vô sắc.

Bốn hành: Đen có báo đen, trắng có báo trắng, đen trắng có báo đen trắng, không đen không trắng không hành báo hành tận.

Ba hành: Hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Bốn hành gồm thâm ba hành, hay ba hành gồm thâm bốn hành?

Đáp: Hoặc có bốn hành không phải là ba hành.

Thế nào là bốn hành không phải là ba hành? Là học, tư, tác, tận. Đây là bốn hành không phải là ba hành.

Thế nào là ba hành không phải là bốn hành? Là hành thiện, hành vô ký hệ thuộc cõi Vô sắc. Đây là ba hành không phải là bốn hành.

Thế nào là bốn hành cũng là ba hành? Là hành thiện, bất thiện hệ thuộc cõi Dục, hành thiện hệ thuộc cõi Sắc. Đây là bốn hành cũng là ba hành.

Thế nào là không phải bốn hành cũng không phải là ba hành? Là trừ học tư tác tận, còn lại là các hành vô lậu. Đây là không phải bốn hành cũng không phải là ba hành.

Ba hành: Hiện pháp báo, sinh báo, hậu báo. Lại nữa, ba hành: Báo vui, báo khổ, báo không khổ không vui.

Hỏi: Trước gồm thâm sau, hay sau gồm thâm trước?

Đáp: Sau gồm thâm trước, không phải trước gồm thâm sau. Những gì là không gồm thâm? Là hành bất định.

Ba hành: Hiện pháp báo, sinh báo, hậu báo. Lại nữa, ba hành: Quá khứ, vị lai, hiện tại. Thiện, bất thiện, vô ký. Học, vô học, phi học phi vô học. Kiến đế đoạn, tư duy đoạn, không đoạn.

Hỏi: Trước gồm thâm sau, hay sau gồm thâm trước?

Đáp: Sau gồm thâm trước, không phải trước gồm thâm sau. Những gì là không gồm thâm? Là hành bất định, vô ký, vô lậu.

Ba hành: Hiện pháp báo, sinh báo, hậu báo. Lại nữa, ba hành: Hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Trước gồm thâm sau, hay sau gồm thâm trước?

Đáp: Sau gồm thâm trước, không phải trước gồm thâm sau. Những gì là không gồm thâm? Là hành bất định, vô ký.

Ba hành: Báo vui, báo khổ, báo không khổ không vui. Lại nữa, ba hành: Quá khứ, vị lai, hiện tại. Thiện, bất thiện, vô ký. Học, vô học, phi học phi vô học. Kiến đế đoạn, tư duy đoạn, không đoạn.

Hỏi: Trước gồm thâm sau, hay sau gồm thâm trước?

Đáp: Sau gồm thâm trước, không phải trước gồm thâm sau. Những gì là không gồm thâm? Là hành vô lậu, vô ký.

Ba hành: Báo vui, báo khổ, báo không khổ không vui. Lại nữa, ba hành: Hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Trước gồm thâm sau, hay sau gồm thâm trước?

Đáp: Sau gồm thâm trước, không phải trước gồm thâm sau. Những gì là không gồm thâm? Là hành vô ký.

Ba hành: Quá khứ, vị lai, hiện tại. Lại nữa, ba hành: Thiện, bất thiện, vô ký. Học, vô học, phi học phi vô học. Kiến đế đoạn, tư duy đoạn, không đoạn.

Hỏi: Trước gồm thân sau, hay sau gồm thân trước?

Đáp: Tùy thuộc chủng loại cùng gồm thân nhau.

Ba hành: Quá khứ, vị lai, hiện tại. Lại nữa, ba hành: Hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Trước gồm thân sau, hay sau gồm thân trước?

Đáp: Trước gồm thân sau, không phải sau gồm thân trước. Những gì là không gồm thân? Là hành vô lậu.

Ba hành: Thiện, bất thiện, vô ký. Lại nữa, ba hành: Hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Trước gồm thân sau, hay sau gồm thân trước?

Đáp: Trước gồm thân sau, không phải sau gồm thân trước. Những gì là không gồm thân? Là hành vô lậu.

Ba hành: Thiện, bất thiện, vô ký. Lại nữa, ba hành: Học, vô học, phi học phi vô học. Kiến đế đoạn, tư duy đoạn, không đoạn.

Hỏi: Trước gồm thân sau, hay sau gồm thân trước?

Đáp: Tùy thuộc chủng loại cùng gồm thân nhau.

Ba hành: Hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc. Lại nữa, ba hành: Học, vô học, phi học phi vô học. Kiến đế đoạn, tư duy đoạn, không đoạn.

Hỏi: Trước gồm thân sau, hay sau gồm thân trước?

Đáp: Sau gồm thân trước, không phải trước gồm thân sau. Những gì là không gồm thân? Là hành vô lậu.

Ba hành: Học, vô học, phi học phi vô học. Lại nữa, ba hành: Kiến đế đoạn, tư duy đoạn, không đoạn.

Hỏi: Trước gồm thân sau, hay sau gồm thân trước?

Đáp: Tùy thuộc chủng loại cùng gồm thân nhau.

Hỏi: Từng có hành thọ báo, thân thống thọ báo, không phải là tâm chẳng?

Đáp: Thọ báo là hành bất thiện.

Hỏi: Từng có hành thọ báo, tâm thống thọ báo, không phải là thân chẳng?

Đáp: Thọ báo là hành thiện không giác.

Hỏi: Từng có hành thọ báo, thân tâm thống thọ báo chẳng?

Đáp: Thọ báo là hành thiện có giác.

Hỏi: Từng có hành thọ báo, thân tâm thống không thọ báo mà thọ báo chẳng?

Đáp: Thọ báo là hành thiện, bất thiện, thọ báo nơi sắc, tâm, tâm sở pháp, tâm bất tương ưng hành.

Ba chướng: Hành chướng, cấu chướng, báo chướng. (Nghiệp chướng, phiền não chướng, dị thực chướng)

Hỏi: Thế nào là hành chướng?

Đáp: Là năm hành không cứu (Năm nghiệp vô gián). Đây là hành chướng.

Hỏi: Thế nào là cấu chướng?

Đáp: Là các chúng sinh thân nặng về dâm dục, giận dữ, ngu si. Do thiên nặng như thế nên rất khó giáo hóa, khó giảng nói, khó cứu giúp, khó thoát khỏi. Đây là cấu chướng.

Hỏi: Thế nào là báo chướng?

Đáp: Là các xứ địa ngục, xứ súc sinh, xứ ngạ quỷ, xứ Uất-đơn-viết, xứ Vô tướng thiên. Đây là báo chướng.

Hỏi: Ba hành ác này, hành nào là lớn nhất?

Đáp: Là nói dối phá hoại Tăng. Do báo của hành ác này, phải bị đọa một kiếp trong đại địa ngục A-tỳ.

Hỏi: Ba hành diệu này, hành nào có quả lớn nhất?

Đáp: Có hành báo nơi tư duy trong Tam muội của Hữu thứ nhất: Thọ mạng tám mươi ngàn kiếp nơi cõi Hữu tướng vô tướng.

Phẩm 2: BÀN VỀ TÀ NGŨ

Các tà ngữ, chúng là tà mạng chăng? Nếu là tà mạng, chúng là tà ngữ chăng? Các tà nghiệp, chúng là tà mạng chăng? Nếu là tà mạng, chúng là tà nghiệp chăng?

Các đẳng ngữ, chúng là đẳng mạng chăng? Nếu là đẳng mạng, chúng là đẳng ngữ chăng? Các đẳng nghiệp, chúng là đẳng mạng chăng? Nếu là đẳng mạng, chúng là đẳng nghiệp chăng?

Ba cong vạy, ba cấu ướ, ba vẫn đục của ba hành ác: Thân cong vạy, thân cấu ướ, thân vẫn đục. Miệng cong vạy, miệng cấu ướ, miệng vẫn đục. Ý cong vạy, ý cấu ướ, ý vẫn đục.

Thế nào là thân cong vạy, thân cấu ướ, thân vẫn đục? Thế nào là miệng cong vạy, miệng cấu ướ, miệng vẫn đục? Thế nào là ý cong vạy, ý cấu ướ, ý vẫn đục?

Ba hành ác gồm thân ba cong vạy, ba cấu ướ, ba vẫn đục, hay ba cong vạy, ba cấu ướ, ba vẫn đục gồm thân ba hành ác?

Ba hành diệu, ba tịnh: Ba hành diệu gồm thân ba tịnh, hay ba tịnh gồm thân ba hành diệu? Ba hành diệu, ba mãn: Ba hành diệu gồm thân ba mãn, hay ba mãn gồm thân ba hành diệu? Ba tịnh, ba mãn: Ba tịnh gồm thân ba mãn, hay ba mãn gồm thân ba tịnh?

Các hành ác của thân, chúng đều là hành của thân không có phương tiện thiện xảo chăng? Nếu như hành của thân không có phương tiện thiện xảo, thì chúng đều là hành ác của thân chăng? Các hành ác của miệng, chúng đều là hành của miệng không có phương tiện thiện xảo chăng? Nếu như hành của miệng không có phương tiện thiện xảo, thì chúng đều là hành ác của miệng chăng? Các hành ác của ý, chúng đều là hành của ý không có phương tiện thiện xảo chăng? Nếu như hành của ý không có phương tiện thiện xảo, thì chúng đều là hành ác của ý chăng?

Các hành diệu của thân, chúng đều là hành của thân có phương tiện thiện xảo chăng? Nếu như hành của thân có phương tiện thiện xảo, thì chúng đều là hành diệu của thân chăng? Các hành diệu của miệng, chúng đều là hành của miệng có phương tiện thiện xảo chăng? Nếu như hành của miệng có phương tiện thiện xảo, thì chúng đều là hành diệu của miệng chăng? Các hành diệu của ý, chúng đều là hành của ý có phương tiện thiện xảo chăng? Nếu như hành của ý có phương tiện thiện xảo, thì chúng đều là hành diệu của ý chăng?

Các pháp do hành (nghiệp) đạt được, pháp đó nên nói là thiện, là bất thiện, là vô ký chăng?

Từng có hành quá khứ, báo quá khứ, hay báo vị lai, hiện tại chăng? Từng có hành vị lai, báo quá khứ, hiện tại, vị lai chăng? Từng có hành hiện tại, báo quá khứ, hiện tại, vị lai chăng?

Từng có như hành của thân thọ báo, hành của miệng, hành của ý không như vậy chăng? Từng có như hành của miệng thọ báo, hành

của thân, hành của ý không như vậy chăng? Tùng có như hành của ý thọ báo, hành của thân, hành của miệng không như vậy chăng?

Tùng có như hành của thân, hành của miệng thọ báo, hành của ý không như vậy chăng? Tùng có như hành của thân, hành của ý thọ báo, hành của miệng không như vậy chăng? Tùng có như hành của miệng, hành của ý thọ báo, hành của thân không như vậy chăng?

Tùng có như hành của thân, hành của miệng thọ báo, hành của ý cũng như vậy chăng? Tùng có như hành của thân, hành của miệng, hành của ý không nhận báo mà thọ báo chăng?

Tùng có ba hành không trước, không sau, thọ báo chăng? Hiện pháp báo, sinh báo, hậu báo. Báo vui, báo khổ, báo không khổ không vui. Hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc.

Tùng có hai hành không trước, không sau, thọ báo chăng? Thiện, bất thiện. Do kiến đế đoạn, do tư duy đoạn.

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Hỏi: Các tà ngữ, chúng là tà mạng chăng?

Đáp: Hoặc có tà ngữ không phải là tà mạng.

Thế nào là tà ngữ không phải là tà mạng? Là trừ tà mạng tạo ra bốn hành ác của miệng, còn lại là các hành ác của miệng khác. Đây là tà ngữ không phải là tà mạng.

Thế nào là tà mạng không phải là tà ngữ? Là tà mạng tạo ra ba hành ác của thân. Đây là tà mạng không phải là tà ngữ.

Thế nào là tà ngữ cũng là tà mạng? Là tà mạng tạo ra bốn hành ác của miệng. Đây là tà ngữ cũng là tà mạng.

Thế nào là không phải tà ngữ cũng không phải là tà mạng? Là trừ tà mạng tạo ra ba hành ác của thân, còn lại là các hành ác của thân khác. Đây là không phải tà mạng cũng không phải là tà ngữ.

Hỏi: Các tà nghiệp, chúng là tà mạng chăng?

Đáp: Hoặc có tà nghiệp không phải là tà mạng.

Thế nào là tà nghiệp không phải là tà mạng? Là trừ tà mạng tạo ra ba hành ác của thân, còn lại là các hành ác của thân khác. Đây là tà nghiệp không phải là tà mạng.

Thế nào là tà mạng không phải là tà nghiệp? Là tà mạng tạo ra bốn hành ác của miệng. Đây là tà mạng không phải là tà nghiệp.

Thế nào là tà nghiệp cũng là tà mạng? Là tà mạng tạo ra ba hành ác của thân. Đây là tà nghiệp cũng là tà mạng.

Thế nào là không phải tà nghiệp cũng không phải là tà mạng? Là trừ tà mạng tạo ra bốn hành ác của miệng, còn lại là các hành ác của miệng khác. Đây là không phải tà nghiệp cũng không phải là tà mạng.

Hỏi: Các đấng ngữ, chúng là đấng mạng chăng?

Đáp: Hoặc có đấng ngữ không phải là đấng mạng.

Thế nào là đấng ngữ không phải là đấng mạng? Là trừ đấng mạng tạo ra bốn hành diệu của miệng, còn lại là các hành diệu của miệng khác. Đây là đấng ngữ không phải là đấng mạng.

Thế nào là đấng mạng không phải là đấng ngữ? Là đấng mạng tạo ra ba hành diệu của thân. Đây là đấng mạng không phải là đấng ngữ.

Thế nào là đấng ngữ cũng là đấng mạng? Là đấng mạng tạo ra bốn hành diệu của miệng. Đây là đấng ngữ cũng là đấng mạng.

Thế nào là không phải đấng ngữ cũng không phải là đấng mạng? Là trừ đấng mạng tạo ra ba hành diệu của thân, còn lại là các

hành diệu của thân khác. Đây là không phải đảng ngữ cũng không phải là đảng mạng.

Hỏi: Các đảng nghiệp, chúng là đảng mạng chẳng?

Đáp: Hoặc có đảng nghiệp không phải là đảng mạng.

Thế nào là đảng nghiệp không phải là đảng mạng? Là trừ đảng mạng tạo ra ba hành diệu của thân, còn lại là các hành diệu của thân khác. Đây là đảng nghiệp không phải là đảng mạng.

Thế nào là đảng mạng không phải là đảng nghiệp? Là đảng mạng tạo ra bốn hành diệu của miệng. Đây là đảng mạng không phải là đảng nghiệp.

Thế nào là đảng nghiệp cũng là đảng mạng? Là đảng mạng tạo ra ba hành diệu của thân. Đây là đảng nghiệp cũng là đảng mạng.

Thế nào là không phải đảng nghiệp cũng không phải là đảng mạng? Là trừ đảng mạng tạo ra bốn hành diệu của miệng, còn lại là các hành diệu của miệng khác. Đây là không phải đảng nghiệp cũng không phải là đảng mạng.

Ba cong vạy, ba cấu ứế, ba vản đạc của ba hành ác: Thân cong vạy, thân cấu ứế, thân vản đạc. Miệng cong vạy, miệng cấu ứế, miệng vản đạc. Ý cong vạy, ý cấu ứế, ý vản đạc.

Hỏi: Thế nào là thân cong vạy?

Đáp: Là hành của thân khởi đầy hư giả.

Hỏi: Thế nào là thân cấu ứế?

Đáp: Là hành của thân khởi đầy giận dữ.

Hỏi: Thế nào là thân vản đạc?

Đáp: Là hành của thân khởi đầy tham dâm.

Hỏi: Thế nào là miệng cong vạy?

Đáp: Là hành của miệng khởi đầy hư dối.

Hỏi: Thế nào là miệng cấu ứ?

Đáp: Là hành của miệng khởi đầy giận dữ.

Hỏi: Thế nào là miệng vẫn đục?

Đáp: Là hành của miệng khởi đầy tham dâm.

Hỏi: Thế nào là ý cong vạy?

Đáp: Là hành của ý khởi đầy hư giả.

Hỏi: Thế nào là ý cấu ứ?

Đáp: Là hành của ý khởi đầy giận dữ.

Hỏi: Thế nào là ý vẫn đục?

Đáp: Là hành của ý khởi đầy tham dâm.

Hỏi: Ba hành ác gồm thân ba cong vạy, ba cấu ứ, ba vẫn đục chăng?

Đáp: Hoặc có ba hành ác không phải là cong vạy, cấu ứ, vẫn đục.

Thế nào là hành ác không phải là cong vạy, cấu ứ, vẫn đục? Là trừ hành ác của thân, miệng, ý hệ thuộc cõi Dục khởi đầy tham dục, giận dữ, hư giả, còn lại là các hành ác của thân, miệng, ý khác. Đây là hành ác không phải là cong vạy, cấu ứ, vẫn đục.

Thế nào là cong vạy, cấu ứ, vẫn đục không phải là hành ác? Là hành của thân, miệng, ý tham ái hư giả hệ thuộc cõi Sắc, hành của ý khởi đầy tham ái hệ thuộc cõi Vô sắc. Đây là cong vạy, cấu ứ, vẫn đục, không phải là hành ác.

Thế nào là hành ác cũng là cong vạy, cấu ứ, vẫn đục? Là hành ác của thân, miệng, ý khởi đầy tham dục, giận dữ, hư giả hệ thuộc cõi Dục. Đây là hành ác cũng là cong vạy, cấu ứ, vẫn đục.

Thế nào là không phải hành ác cũng không phải là cong vạy, cầu ướ, vắn đục? Là trừ các sự việc nêu trên.

Hỏi: Ba hành diệu, ba tịnh: Ba hành diệu gồm thân ba tịnh, hay ba tịnh gồm thân ba hành diệu?

Đáp: Tùy thuộc vào chủng loại, chúng cùng gồm thân nhau.

Hỏi: Ba hành diệu, ba mãn: Ba hành diệu gồm thân ba mãn chăng?

Đáp: Hoặc có hành diệu không phải là mãn.

Thế nào là hành diệu không phải là mãn? Là trừ hành diệu của thân, miệng vô học, còn lại là các hành diệu của thân, miệng khác, đều là hành diệu của ý. Đây là hành diệu không phải là mãn.

Thế nào là mãn không phải là hành diệu? Là tâm vô học. Đây là mãn không phải là hành diệu.

Thế nào là hành diệu cũng là mãn? Là hành diệu của thân, miệng vô học. Đây là hành diệu cũng là mãn.

Thế nào là không phải hành diệu cũng không phải là mãn? Là trừ các sự việc nêu trên.

Hỏi: Ba tịnh, ba mãn: Ba tịnh gồm thân ba mãn chăng?

Đáp: Hoặc có tịnh không phải là mãn.

Thế nào là tịnh không phải là mãn? Là trừ tịnh của thân, miệng vô học, còn lại là các tịnh của thân, miệng khác, đều là ý tịnh. Đây là tịnh không phải là mãn.

Thế nào là mãn không phải là tịnh? Là tâm vô học. Đây là mãn không phải là tịnh.

Thế nào là tịnh cũng là mãn? Là tịnh của thân, miệng vô học. Đây là tịnh cũng là mãn.

Thế nào là không phải tịnh cũng không phải là mãn? Là trừ các sự việc nêu trên.

Hỏi: Các hành ác của thân, chúng đều là hành của thân không có phương tiện thiện xảo chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các hành ác của thân, chúng đều là hành của thân không có phương tiện thiện xảo.

Hỏi: Từng có hành của thân không có phương tiện thiện xảo, chúng không phải là hành ác của thân chăng?

Đáp: Có. Là hành của thân ần một vô ký (hữu phú vô ký), là hành của thân không có phương tiện thiện xảo, không ần một vô ký (vô phú vô ký).

Hỏi: Các hành ác của miệng, chúng đều là hành của miệng không có phương tiện thiện xảo chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các hành ác của miệng, chúng đều là hành của miệng không có phương tiện thiện xảo.

Hỏi: Từng có hành của miệng không có phương tiện thiện xảo, chúng không phải là hành ác của miệng chăng?

Đáp: Có. Là hành của miệng ần một vô ký (hữu phú vô ký), là hành của miệng không có phương tiện thiện xảo, không ần một vô ký (vô phú vô ký).

Hỏi: Các hành ác của ý, chúng đều là hành của ý không có phương tiện thiện xảo chăng?

Đáp: Hoặc có hành ác của ý, hành ấy không phải là hành của ý không có phương tiện thiện xảo.

Thế nào là hành ác của ý, hành ấy không phải là hành của ý không có phương tiện thiện xảo? Là ba hành ác của ý. Đây là hành ác của ý, hành ấy không phải là hành của ý không có phương tiện thiện xảo.

Thế nào là hành của ý không có phương tiện thiện xảo, hành ấy không phải là hành ác của ý? Là tư ần một vô ký, là tư không có

phương tiện thiện xảo, không ần một vô ký. Đây là hành của ý không có phương tiện thiện xảo, hành ấy không phải là hành ác của ý.

Thế nào là hành ác của ý, hành ấy là hành của ý không có phương tiện thiện xảo? Là tư bất thiện. Đây là hành ác của ý, hành ấy là hành của ý không có phương tiện thiện xảo.

Thế nào là không phải hành ác của ý cũng không phải là hành của ý không có phương tiện thiện xảo? Là trừ các sự việc nêu trên.

Hỏi: Các hành diệu của thân, chúng đều là hành của thân có phương tiện thiện xảo chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các hành diệu của thân, chúng đều là hành của thân có phương tiện thiện xảo.

Hỏi: Từng có hành của thân có phương tiện thiện xảo, chúng không phải là hành diệu của thân chăng?

Đáp: Có. Là hành của thân có phương tiện thiện xảo, không ần một vô ký.

Hỏi: Các hành diệu của miệng, chúng đều là hành của miệng có phương tiện thiện xảo chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các hành diệu của miệng, chúng đều là hành của miệng có phương tiện thiện xảo.

Hỏi: Từng có hành của miệng có phương tiện thiện xảo, hành ấy không phải là hành diệu của miệng chăng?

Đáp: Có. Là hành của miệng có phương tiện thiện xảo, không ần một vô ký.

Hỏi: Các hành diệu của ý, chúng đều là hành của ý có phương tiện thiện xảo chăng?

Đáp: Hoặc có hành diệu của ý, hành ấy không phải là hành của ý có phương tiện thiện xảo.

Thế nào là hành diệu của ý, hành ấy không phải là hành của ý có phương tiện thiện xảo? Là ba hành diệu của ý. Đây là hành diệu của ý, hành ấy không phải là hành của ý có phương tiện thiện xảo.

Thế nào là hành của ý có phương tiện thiện xảo, hành ấy không phải là hành diệu của ý? Là tư có phương tiện thiện xảo, không ẩn một vô ký. Đây là hành của ý có phương tiện thiện xảo, hành ấy không phải là hành diệu của ý.

Thế nào là hành diệu của ý, hành ấy là hành của ý có phương tiện thiện xảo? Là tư thiện. Đây là hành diệu của ý, hành ấy là hành của ý có phương tiện thiện xảo.

Thế nào là không phải hành diệu của ý cũng không phải là hành của ý có phương tiện thiện xảo? Là trừ các sự việc nêu trên.

Hỏi: Các pháp do hành (nghiệp) đạt được, pháp đó nên nói là thiện, là bất thiện, là vô ký chăng?

Đáp: Các pháp của nghĩa báo do hành đạt được, pháp này nên nói là vô ký.

Hỏi: Các pháp của nghĩa báo như thế do hành đạt được, pháp đó là vô ký chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Vì ý mong muốn gì, Đức Như Lai theo tâm thiện, giảng nói với ngôn âm diệu mỹ, hòa nhã, hợp ý. Ngữ ấy là thiện chăng?

Đáp: Đúng vậy. Nếu tạo ra thuyết này: Dựa nơi quả dị thực, các pháp do nghiệp đạt được, pháp ấy là vô ký, tức không nên nói Đức Như Lai theo tâm thiện, giảng nói với ngôn âm diệu mỹ, hòa nhã, hợp ý, ngữ này là thiện. Người tạo ra thuyết ấy là không hợp đạo lý. Nếu tạo ra thuyết này: Đức Như Lai theo tâm thiện, giảng nói với ngôn âm diệu mỹ, hòa nhã, hợp ý, ngữ này là thiện, thì không nên nói: Dựa nơi quả dị thực, các pháp do nghiệp đạt được, pháp đó là vô

ký, để nói như đã nêu là không hợp lý. Nên nói như vậy: Bồ-tát, từ xa xưa trong đời khác, đã tạo tác, tăng trưởng, chiêu cảm nghiệp quả dị thực là nghiệp đại tông điệp (Tông tộc lớn). Do nhân duyên này, lần lượt xuất sinh đại chủng vi diệu nơi yết hầu của Đức Như Lai. Từ nơi yết hầu ấy có khả năng phát ra âm thanh của diệu ngữ không phải là dị thực. (Dịch theo bản N⁰ 1544/20)

Hỏi: Từng có hành quá khứ, báo quá khứ chăng? Báo vị lai, báo hiện tại chăng?

Đáp: Có như thế.

Hỏi: Từng có hành vị lai, báo vị lai chăng?

Đáp: Có. Không có quá khứ, hiện tại.

Hỏi: Từng có hành hiện tại, báo hiện tại chăng?

Đáp: Có. Quá khứ không có, vị lai có.

Hỏi: Từng có như hành của thân thọ báo, hành của miệng, hành của ý không như vậy chăng?

Đáp: Có. Như thân bất tịnh, miệng tịnh, nhưng vào lúc ấy có tâm thiện, hoặc tâm vô ký. Như thân tịnh, miệng bất tịnh, bấy giờ có tâm bất thiện, hoặc tâm vô ký. Đây là như hành của thân thọ báo, hành của miệng, hành của ý không như vậy.

Hỏi: Từng có như hành của miệng thọ báo, hành của thân, hành của ý không như vậy chăng?

Đáp: Có. Như thân tịnh, miệng bất tịnh, nhưng vào lúc ấy có tâm thiện, hoặc tâm vô ký. Như thân bất tịnh, miệng tịnh, bấy giờ có tâm bất thiện, hoặc tâm vô ký. Đây là như hành của miệng thọ báo, hành của thân, hành của ý không như vậy.

Hỏi: Từng có như hành của ý thọ báo, hành của thân, hành của miệng không như vậy chăng?

Đáp: Có. Như thân bất tịnh, miệng bất tịnh, nhưng vào lúc ấy có tâm thiện. Như thân tịnh, miệng tịnh, bấy giờ có tâm bất thiện. Đây là như hành của ý thọ báo, hành của thân, hành của miệng không như vậy.

Hỏi: Từng có như hành của thân, hành của miệng thọ báo, hành của ý không như vậy chăng?

Đáp: Có. Như thân bất tịnh, miệng bất tịnh, nhưng vào lúc ấy có tâm thiện, hoặc tâm vô ký. Như thân tịnh, miệng tịnh, bấy giờ có tâm bất thiện, hoặc tâm vô ký. Đây là như hành của thân, hành của miệng thọ báo, hành của ý không như vậy.

Hỏi: Từng có như hành của thân, hành của ý thọ báo, hành của miệng không như vậy chăng?

Đáp: Có. Như thân bất tịnh, miệng tịnh, nhưng vào lúc ấy có tâm bất thiện. Như thân tịnh, miệng bất tịnh, bấy giờ có tâm thiện. Đây là như hành của thân, hành của ý thọ báo, hành của miệng không như vậy.

Hỏi: Từng có như hành của miệng, hành của ý thọ báo, hành của thân không như vậy chăng?

Đáp: Có. Như thân tịnh, miệng bất tịnh, nhưng vào lúc ấy có tâm bất thiện. Như thân bất tịnh, miệng tịnh, bấy giờ có tâm thiện. Đây là như hành của miệng, hành của ý thọ báo, hành của thân không như vậy.

Hỏi: Từng có như hành của thân, hành của miệng thọ báo, hành của ý cũng như vậy chăng?

Đáp: Có. Như thân bất tịnh, miệng bất tịnh, nhưng vào lúc ấy có tâm bất thiện. Như thân tịnh, miệng tịnh, nên vào bấy giờ có tâm thiện. Đây là như hành của thân, hành của miệng thọ báo, hành của ý cũng như vậy.

Hỏi: Tùng có như hành của thân, hành của miệng, hành của ý không nhận báo mà thọ báo chăng?

Đáp: Có. Là các sắc, tâm, tâm sở pháp, tâm bất tương ưng hành thọ báo của các tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Tùng có ba hành không trước, không sau, thọ báo hiện pháp báo, sinh báo, hậu báo chăng?

Đáp: Thọ báo hiện pháp báo là sắc, sinh báo là tâm tâm sở niệm pháp, hậu báo là tâm bất tương ưng hành. Lại nữa, hiện pháp báo là tâm tâm sở niệm pháp, sinh báo là sắc, hậu báo là tâm bất tương ưng hành. Lại nữa, hiện pháp báo là tâm bất tương ưng hành, sinh báo là tâm tâm sở niệm pháp, hậu báo là sắc.

Báo vui, báo khổ, báo không khổ không vui cũng như vậy.

Sắc hệ thuộc cõi Dục. Tâm tâm sở niệm pháp hệ thuộc cõi Sắc. Tâm bất tương ưng hành hệ thuộc cõi Vô sắc.

Lại nữa, tâm tâm sở niệm pháp hệ thuộc cõi Dục. Sắc hệ thuộc cõi Sắc. Tâm bất tương ưng hành hệ thuộc cõi Vô sắc.

Lại nữa, tâm bất tương ưng hành hệ thuộc cõi Dục. Sắc hệ thuộc cõi Sắc. Tâm tâm sở niệm pháp hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Tùng có hai hành không trước, không sau, thọ báo thiện, bất thiện chăng?

Đáp: Thọ báo thiện là sắc, bất thiện là tâm, tâm sở niệm pháp, tâm bất tương ưng hành. Lại nữa, thiện là tâm, tâm sở niệm pháp, tâm bất tương ưng hành, bất thiện là sắc.

Pháp do kiến để đoạn, pháp do tư duy đoạn cũng như vậy.

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

QUYỂN 16

Kiềm độ thứ 4: HÀNH

Phẩm 3: BÀN VỀ HẠI CHÚNG SINH

Tùng có đã sát hại chúng sinh, việc sát hại không dứt chãng?

Tùng có chúng sinh không bị hại, việc sát hại đã dứt chãng?

Tùng có đã sát hại chúng sinh, việc sát hại đã dứt chãng?

Tùng có không hại chúng sinh, việc sát hại không dứt chãng?

Tùng có chúng sinh không hại, việc sát hại không dứt, hành kia thọ báo tất sinh vào địa ngục chãng?

Tùng có hành bất thiện, hành khổ thông chưa thành thực, hành đó đầu tiên thọ báo, tất khởi tâm nhiễm ô chãng?

Tùng có hại mạng chúng sinh, kẻ kia về sau không thọ giới, nên nói là tịnh trong tất cả chúng sinh chãng?

Nếu là tịnh trong tất cả chúng sinh, thì kẻ kia ở trong tất cả chúng sinh đã thọ giới chãng? Nếu như ở trong tất cả chúng sinh đã thọ giới là tịnh trong tất cả chúng sinh chãng?

Nếu thành tựu thân thì thành tựu hành của thân chãng? Nếu như thành tựu hành của thân thì thành tựu thân chãng? Nếu thành tựu thân thì thành tựu hành của miệng chãng? Nếu như thành tựu hành

của miệng thì thành tựu thân chẳng? Nếu thành tựu thân thì thành tựu hành của ý chẳng? Nếu như thành tựu hành của ý thì thành tựu thân chẳng?

Nếu thành tựu thân thì thành tựu hành của thân, hành của miệng chẳng? Nếu như thành tựu hành của thân, hành của miệng thì thành tựu thân chẳng? Nếu thành tựu thân thì thành tựu hành của thân, hành của ý chẳng? Nếu như thành tựu hành của thân, hành của ý thì thành tựu thân chẳng? Nếu thành tựu thân thì thành tựu hành của miệng, hành của ý chẳng? Nếu như thành tựu hành của miệng, hành của ý thì thành tựu thân chẳng? Nếu thành tựu thân thì thành tựu hành của thân, hành của miệng, hành của ý chẳng? Nếu như thành tựu hành của thân, hành của miệng, hành của ý thì thành tựu thân chẳng?

Nếu thành tựu hành của thân thì thành tựu hành của miệng chẳng? Nếu như thành tựu hành của miệng thì thành tựu hành của thân chẳng? Nếu thành tựu hành của thân thì thành tựu hành của ý chẳng? Nếu như thành tựu hành của ý thì thành tựu hành của thân chẳng? Nếu thành tựu hành của thân thì thành tựu hành của miệng, hành của ý chẳng? Nếu như thành tựu hành của miệng, hành của ý thì thành tựu hành của thân chẳng? Nếu thành tựu hành của miệng thì thành tựu hành của ý chẳng? Nếu như thành tựu hành của ý thì thành tựu hành của miệng chẳng?

Nếu dục của hành chưa dứt hết thì dục của báo kia cũng chưa dứt hết chẳng? Nếu như dục của báo chưa dứt hết thì dục của hành kia cũng chưa dứt hết chẳng? Nếu dục của hành đã dứt hết thì dục của báo kia cũng đã dứt hết chẳng? Nếu như dục của báo đã dứt hết thì dục của hành kia cũng đã dứt hết chẳng?

Nếu hành có quả thì hành kia đều có báo chẳng? Nếu như hành có báo thì hành kia đều có quả chẳng? Nếu hành không có quả thì hành kia đều không có báo chẳng? Nếu như hành không có báo thì hành kia đều không có quả chẳng?

Nếu hành bất thiện thì hành đó đều là điên đảo chẳng? Nếu như hành điên đảo thì hành đó đều là bất thiện chẳng? Nếu hành không bất thiện thì hành đó đều không điên đảo chẳng? Nếu như hành không điên đảo thì hành đó đều không bất thiện chẳng?

Nếu tạo thành hành bất thiện nơi cõi Dục thì tạo thành hành bất thiện nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc chẳng? Nếu như tạo thành hành bất thiện nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc thì tạo thành hành bất thiện nơi cõi Dục chẳng?

Nếu thành tựu hành thiện nơi cõi Dục thì thành tựu hành thiện nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc chẳng? Nếu như thành tựu hành thiện nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc thì thành tựu hành thiện nơi cõi Dục chẳng?

Nếu thành tựu hành nơi cõi Dục thì thành tựu hành nơi cõi Sắc chẳng? Nếu như thành tựu hành nơi cõi Sắc thì thành tựu hành nơi cõi Dục chẳng? Nếu thành tựu hành nơi cõi Dục thì thành tựu hành nơi cõi Vô sắc chẳng? Nếu như thành tựu hành nơi cõi Vô sắc thì thành tựu hành nơi cõi Dục chẳng? Nếu thành tựu hành nơi cõi Dục thì thành tựu hành vô lậu chẳng? Nếu như thành tựu hành vô lậu thì thành tựu hành nơi cõi Dục?

Nếu thành tựu hành nơi cõi Sắc thì thành tựu hành nơi cõi Vô sắc chẳng? Nếu như thành tựu hành nơi cõi Vô sắc thì thành tựu hành nơi cõi Sắc chẳng? Nếu thành tựu hành nơi cõi Sắc thì thành tựu hành vô lậu chẳng? Nếu như thành tựu hành vô lậu thì thành tựu hành nơi cõi Sắc chẳng?

Nếu thành tựu hành nơi cõi Vô sắc thì thành tựu hành vô lậu chẳng? Nếu như thành tựu hành vô lậu thì thành tựu hành nơi cõi Vô sắc chẳng?

Nếu thành tựu hành nơi cõi Dục, hành nơi cõi Sắc, hành nơi cõi Vô sắc, hành vô lậu, thì người kia sau khi mạng chung sinh vào xứ nào?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

Hỏi: Từng có đã sát hại chúng sinh, việc sát hại không dứt chẵng?

Đáp: Có. Như hại mạng chúng sinh, phương tiện tìm cầu không dứt.

Hỏi: Từng có chúng sinh không bị hại, việc sát hại đã dứt chẵng?

Đáp: Có. Như không hại mạng chúng sinh, phương tiện tìm cầu đã dứt.

Hỏi: Từng có đã sát hại chúng sinh, việc sát hại đã dứt chẵng?

Đáp: Có. Như hại mạng chúng sinh, phương tiện tìm cầu đã dứt.

Hỏi: Từng có không hại chúng sinh, việc sát hại không dứt chẵng?

Đáp: Có. Như không hại mạng chúng sinh, phương tiện tìm cầu không dứt.

Hỏi: Từng có chúng sinh không hại, việc sát hại không dứt, hành kia thọ báo tất sinh vào địa ngục chẵng?

Đáp: Có. Như tạo phương tiện không thể cứu (tạo nghiệp vô gián), giữa chừng thì mạng chung.

Hỏi: Từng có hành bất thiện, hành khổ thống chưa thành thực, hành đó đầu tiên thọ báo, tất khởi tâm nhiễm ô chẵng?

Đáp: Có. Như tạo hành không thể cứu kẻ kia đầu tiên thọ trung ấm của địa ngục.

Hỏi: Từng có hại mạng chúng sinh, kẻ kia về sau không thọ giới, nên nói là tịnh trong tất cả chúng sinh chẵng?

Đáp: Có. Như khởi phương tiện muốn hại chúng sinh, giữa chừng gặp pháp.

Hỏi: Nếu là tịnh trong tất cả chúng sinh, thì kẻ kia ở trong tất cả chúng sinh đã thọ giới chẵng?

Đáp: Hoặc có tịnh trong tất cả chúng sinh, kẻ kia không phải ở trong tất cả chúng sinh đã thọ giới.

Thế nào là tịnh trong tất cả chúng sinh, kẻ kia không phải ở trong tất cả chúng sinh đã thọ giới? Là như không thọ giới, giữa chừng gặp pháp. Đây gọi là tịnh trong tất cả chúng sinh, kẻ kia không phải ở trong tất cả chúng sinh đã thọ giới.

Thế nào là ở trong tất cả chúng sinh đã thọ giới, kẻ kia không phải là tịnh trong tất cả chúng sinh? Là như thọ giới rồi vượt giới. Đây gọi là ở trong tất cả chúng sinh đã thọ giới, kẻ kia không phải là tịnh trong tất cả chúng sinh.

Thế nào là tịnh trong tất cả chúng sinh, kẻ kia cũng ở trong tất cả chúng sinh đã thọ giới? Là như thọ giới không vượt bỏ giới. Đây gọi là tịnh trong tất cả chúng sinh, kẻ kia cũng ở trong tất cả chúng sinh đã thọ giới.

Thế nào là không phải tịnh trong tất cả chúng sinh, kẻ kia cũng không phải ở trong tất cả chúng sinh đã thọ giới? Là trừ các sự việc nêu trên.

Hỏi: Nếu thành tựu thân thì thành tựu hành của thân chăng?

Đáp: Hoặc có thành tựu thân không phải là thành tựu hành của thân.

Thế nào là thành tựu thân không phải là thành tựu hành của thân? Là ở nơi bọc trứng, hoặc người phạm phu ở trong thai mẹ. Hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không oai nghi, không phải là không oai nghi, thân không giáo (vô biểu), nếu có giáo liền mất. Đây gọi là thành tựu thân không phải là thành tựu hành của thân.

Thế nào là thành tựu hành của thân không phải là thành tựu thân? Là người vô cầu (Thánh giả) sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là thành tựu hành của thân không phải là thành tựu thân.

Thế nào là thành tựu thân cũng là thành tựu hành của thân? Là người vô cầu ở trong thai mẹ. Hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi có oai

nghi, trụ nơi không oai nghi, hoặc trụ nơi không oai nghi cũng không phải là không oai nghi, thân có giáo, giả như có rồi không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu thân cũng là thành tựu hành của thân.

Thế nào là không thành tựu thân cũng không thành tựu hành của thân? Là người phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không thành tựu thân cũng không phải là thành tựu hành của thân.

Hỏi: Nếu thành tựu thân thì thành tựu hành của miệng chẳng?

Đáp: Hoặc có thành tựu thân không phải là thành tựu hành của miệng.

Thế nào là thành tựu thân không phải là thành tựu hành của miệng? Là ở nơi bực trứng, hoặc người phạm phu ở trong thai mẹ. Hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không oai nghi, không phải là không oai nghi, miệng không có giáo, nếu có liền mất. Đây gọi là thành tựu thân không phải là thành tựu hành của miệng.

Thế nào là thành tựu hành của miệng không phải là thành tựu thân? Là người vô cầu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là thành tựu hành của miệng không phải là thành tựu thân.

Thế nào là thành tựu thân cũng là thành tựu hành của miệng? Là ở nơi bực trứng, hoặc người vô cầu ở trong thai mẹ. Hoặc sinh nơi cõi Dục, ở nơi có oai nghi, không oai nghi, hoặc ở nơi không là oai nghi, cũng không phải là không oai nghi, miệng có giáo, nếu có giáo rồi không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu thân cũng là thành tựu hành của miệng.

Thế nào là không thành tựu thân cũng không thành tựu hành của miệng? Là người phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không thành tựu thân cũng không thành tựu hành của miệng.

Hỏi: Nếu thành tựu thân thì thành tựu hành của ý chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Từng có thành tựu hành của ý không phải là thành tựu thân chẳng?

Đáp: Có. Như sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu thân thì thành tựu hành của thân, hành của miệng chẳng?

Đáp: Hoặc có thành tựu thân không phải là thành tựu hành của thân, hành của miệng. Hoặc có thành tựu thân và hành của thân, không phải là hành của miệng. Hoặc có thành tựu thân và hành của miệng, không phải là hành của thân. Hoặc có thành tựu thân và hành của thân, hành của miệng.

Thế nào là thành tựu thân không phải là thành tựu hành của thân, hành của miệng? Là ở nơi bọc trứng, hoặc người phạm phu ở trong thai mẹ. Hoặc sinh nơi cõi Dục, ở nơi không oai nghi, cũng không phải là không oai nghi, thân miệng không có giáo, nếu như có liền mất. Đây gọi là thành tựu thân không phải là thành tựu hành của thân, hành của miệng.

Thế nào là thành tựu thân và hành của thân, không phải là hành của miệng? Là người phạm phu hoặc sinh nơi cõi Dục, không oai nghi, cũng không phải là không oai nghi, thân có giáo, giả như có giáo không mất, miệng không có giáo, giả như có giáo liền mất. Đây gọi là thành tựu thân và hành của thân, không phải là hành của miệng.

Thế nào là thành tựu thân và hành của miệng, không phải là hành của thân? Là người phạm phu hoặc sinh nơi cõi Dục, không oai nghi, cũng không phải là không oai nghi, miệng có giáo, nếu như có giáo không mất, thân không có giáo, giả như có giáo liền mất. Đây gọi là thành tựu thân và thành tựu hành của miệng, không phải là hành của thân.

Thế nào là thành tựu thân và hành của thân, hành của miệng? Là ở nơi bọc trứng, hoặc người vô cầu ở trong thai mẹ. Hoặc sinh nơi cõi Dục, có oai nghi, không oai nghi, không là oai nghi cũng không phải là không oai nghi, thân miệng có giáo, nếu như có giáo không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu thân và hành của thân, hành của miệng.

Hỏi: Nếu như thành tựu hành của thân, hành của miệng thì thành tựu thân chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Thế nào là thành tựu? Là như đã nói. Đây gọi là thành tựu.

Thế nào là không thành tựu? Là người vô cầu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu thân thì thành tựu hành của thân, hành của ý chăng?

Đáp: Hoặc có thành tựu thân và hành của ý, không phải là hành của thân. Hoặc có thành tựu thân và hành của thân, hành của ý.

Thế nào là thành tựu thân và hành của ý, không phải là hành của thân? Là ở nơi bọc trứng, hoặc người phàm phu ở trong thai mẹ, hoặc sinh nơi cõi Dục, không oai nghi, không phải là không oai nghi, thân không có giáo, giả như có giáo liền mất. Đây gọi là thành tựu thân và hành của ý, không phải là hành của thân.

Thế nào là thành tựu thân và hành của thân, hành của ý? Là ở nơi bọc trứng, hoặc người vô cầu ở trong thai mẹ, hoặc sinh nơi cõi Dục, có oai nghi, không có oai nghi, không là oai nghi cũng không phải là không oai nghi, thân có giáo, giả như có giáo không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu thân và thành tựu về hành của thân, hành của ý.

Hỏi: Nếu như thành tựu hành của thân, hành của ý thì thành tựu thân chẳng?

Đáp: Hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Thế nào là thành tựu? Là như đã nói. Đây gọi là thành tựu.

Thế nào là không thành tựu? Là người vô cấu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu thân thì thành tựu hành của miệng, hành của ý chẳng?

Đáp: Hoặc có thành tựu thân và hành của ý, không phải là hành của miệng. Hoặc có thành tựu thân và hành của miệng, hành của ý.

Thế nào là thành tựu thân và hành của ý, không phải là hành của miệng? Là ở nơi bọc trứng, hoặc người phạm phu ở trong thai mẹ, hoặc sinh nơi cõi Dục, không là oai nghi cũng không phải là không oai nghi, miệng không có giáo, giả như có giáo liền mất. Đây gọi là thành tựu thân và hành của ý, không phải là hành của miệng.

Thế nào là thành tựu thân và hành của miệng, hành của ý? Là ở nơi bọc trứng, hoặc người vô cấu ở trong thai mẹ, hoặc sinh nơi cõi Dục, có oai nghi, không có oai nghi, không là oai nghi cũng không phải là không oai nghi, miệng có giáo, giả như có giáo không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu thân và thành tựu hành của miệng, hành của ý.

Hỏi: Nếu như thành tựu hành của miệng, hành của ý thì thành tựu thân chẳng?

Đáp: Hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Thế nào là thành tựu? Là như đã nói. Đây gọi là thành tựu.

Thế nào là không thành tựu? Là người vô cấu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu thân thì thành tựu hành của thân, hành của miệng, hành của ý chăng?

Đáp: Hoặc có thành tựu thân và hành của ý, không phải là hành của thân, hành của miệng. Hoặc có thành tựu thân và hành của thân, hành của ý, không phải là hành của miệng. Hoặc có thành tựu thân và hành của miệng, hành của ý, không phải là hành của thân. Hoặc có thành tựu thân và hành của thân, hành của miệng, hành của ý.

Thế nào là thành tựu thân và hành của ý, không phải là hành của thân, hành của miệng? Là ở nơi bọc trứng, hoặc người phạm phu ở trong thai mẹ, hoặc sinh nơi cõi Dục, cũng không oai nghi không phải là không oai nghi, thân miệng không có giáo, nếu có giáo liền mất. Đây gọi là thành tựu thân và hành của ý, không phải là hành của thân, hành của miệng.

Thế nào là thành tựu thân và hành của thân, hành của ý, không phải là hành của miệng? Là người phạm hoặc sinh nơi cõi Dục, không oai nghi cũng không phải là không oai nghi, thân có giáo, giả như có giáo không mất, miệng không có giáo, giả như có giáo liền mất. Đây gọi là thành tựu thân và hành của thân, hành của ý, không phải là hành của miệng.

Thế nào là thành tựu thân và hành của miệng, hành của ý, không phải là hành của thân? Là người phạm phu hoặc sinh nơi cõi Dục, không oai nghi, không phải là không oai nghi, miệng có giáo, giả như có giáo không mất, thân không có giáo, giả như có giáo liền mất. Đây gọi là thành tựu thân và hành của miệng, hành của ý, không phải là hành của thân.

Thế nào là thành tựu thân và hành của thân, hành của miệng, hành của ý? Là ở nơi bọc trứng, hoặc người vô cầu ở trong thai mẹ, hoặc sinh nơi cõi Dục, có oai nghi, không có oai nghi, không là oai nghi cũng không phải là không oai nghi, thân miệng có giáo, giả như

có giáo không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu thân và hành của thân, hành của miệng, hành của ý.

Hỏi: Nếu như thành tựu hành của thân, hành của miệng, hành của ý thì thành tựu thân chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Thế nào là thành tựu? Là như đã nói. Đây gọi là thành tựu.

Thế nào là không thành tựu? Là người vô cầu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu hành của thân thì thành tựu hành của miệng chăng?

Đáp: Hoặc có thành tựu hành của thân không phải là hành của miệng.

Thế nào là thành tựu hành của thân không phải là hành của miệng? Là người phạm phu ở trong thai mẹ, hoặc sinh nơi cõi Dục, không là oai nghi cũng không phải là không oai nghi, thân có giáo, giả như có giáo không mất, miệng không có giáo, giả như có giáo liền mất. Đây gọi là thành tựu hành của thân, không phải là hành của miệng.

Thế nào là thành tựu hành của miệng không phải là hành của thân? Là người phạm phu hoặc sinh nơi cõi Dục, không oai nghi cũng không phải là không oai nghi, miệng có giáo, giả như có giáo không mất, thân không có giáo, nếu như có giáo liền mất. Đây gọi là thành tựu hành của miệng không phải là hành của thân.

Thế nào là thành tựu hành của thân cũng là hành của miệng? Là ở nơi bực trứng, hoặc người vô cầu ở trong thai mẹ, hoặc sinh nơi cõi Dục, có oai nghi, không oai nghi, không là oai nghi cũng không phải là không oai nghi, thân miệng có giáo, nếu như có giáo không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc, người vô cầu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là thành tựu hành của thân cũng là hành của miệng.

Thế nào là không thành tựu hành của thân cũng không thành tựu hành của miệng? Là ở nơi bọc trứng, hoặc người phạm phu sinh ở trong thai mẹ, hoặc sinh nơi cõi Dục, không là oai nghi cũng không phải là không oai nghi, thân miệng không có giáo, nếu như có giáo liền mất, hoặc người phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không thành tựu hành của thân cũng không thành tựu hành của miệng.

Hỏi: Nếu thành tựu hành của thân thì thành tựu hành của ý chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Từng có thành tựu hành của ý không phải là thành tựu hành của thân chăng?

Đáp: Có. Như ở nơi bọc trứng, hoặc người phạm phu ở trong thai mẹ. Nếu sinh nơi cõi Dục, không là oai nghi cũng không phải là không oai nghi, thân không có giáo, nếu như có giáo liền mất, hoặc người phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu hành của thân thì thành tựu hành của miệng, hành của ý chăng?

Đáp: Hoặc có thành tựu hành của thân và hành của ý, không phải là hành của miệng. Hoặc có thành tựu hành của thân và hành của miệng, hành của ý.

Thế nào là thành tựu hành của thân và hành của ý, không phải là hành của miệng? Là nếu người phạm phu sinh nơi cõi Dục, không là oai nghi cũng không phải là không oai nghi, thân có giáo, nếu như có giáo không mất, miệng không có giáo, giả như có giáo liền mất. Đây gọi là thành tựu hành của thân và hành của ý, không phải là hành của miệng.

Thế nào là thành tựu hành của thân và hành của miệng, hành của ý? Là ở nơi bọc trứng, hoặc người vô cầu ở trong thai mẹ. Nếu sinh nơi cõi Dục, có oai nghi, không oai nghi, không là oai nghi cũng không

phải là không oai nghi, thân miệng có giáo, giả như có giáo không mất, hoặc người vô cấu sinh nơi cõi Sắc, sẽ sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là thành tựu hành của thân và hành của miệng, hành của ý.

Hỏi: Nếu như thành tựu hành của miệng, hành của ý thì thành tựu hành của thân chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Thế nào là thành tựu? Là như đã nói. Đây gọi là thành tựu.

Thế nào là không thành tựu? Là nếu sinh nơi cõi Dục, không là oai nghi cũng không phải là không oai nghi, thân không có giáo, giả như có giáo liền mất, miệng có giáo, giả như có giáo không mất. Đây gọi là không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu hành của miệng thì thành tựu hành của ý chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Từng có thành tựu hành của ý không phải là hành của miệng chăng?

Đáp: Có. Như ở nơi bọc trứng, hoặc người phạm phu ở trong thai mẹ, nếu sinh nơi cõi Dục, không là oai nghi cũng không phải là không oai nghi, miệng không có giáo, giả như có giáo liền mất, hoặc người phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu dục của hành chưa dứt hết thì dục của báo kia cũng chưa dứt hết chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Từng có dục của báo chưa dứt hết thì dục của hành kia cũng chưa dứt hết chăng?

Đáp: Có. Như người Tu-đà-hoàn kiến đế đã dứt hết hành dục, dục của báo kia chưa dứt hết.

Hỏi: Nếu dục của hành đã dứt hết thì dục của báo kia cũng đã dứt hết chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Từng có dục của hành đã dứt hết không phải là dục của báo kia đã dứt hết chăng?

Đáp: Có. Như người Tu-đà-hoàn kiến đế đã đoạn tận dục của hành, dục của báo kia chưa dứt hết.

Hỏi: Nếu hành có quả thì hành kia đều có báo chăng?

Đáp: Đúng vậy. Nếu hành có báo thì hành ấy đều có quả.

Hỏi: Từng có hành có quả, hành kia không có báo chăng?

Đáp: Có. Là hành vô lậu vô ký.

Hỏi: Nếu hành không có quả thì hành kia đều không có báo chăng?

Đáp: Không hành nào là không có quả.

Hỏi: Từng có hành không có báo chăng?

Đáp: Có. Là hành vô lậu vô ký.

Hỏi: Nếu hành bất thiện thì hành đó đều là điên đảo chăng?

Đáp: Hoặc có hành bất thiện, hành ấy không phải là điên đảo.

Thế nào là hành bất thiện, hành ấy không phải là điên đảo? Là cũng như có một người thấy quả thật, thấy như thế, nói như thế này: Có hành, có quả báo của hành. Nhưng người kia thân hành ác, miệng, ý hành ác. Cũng như có một người, không thấy khởi tướng có thấy, không nghe, không phân biệt, không nhận biết, khởi tướng có nghe, có phân biệt, có nhận biết. Người kia không do tướng này, không do nhãn này, không do kiến này, không do dục này, không do trí tuệ này, để nói: Tôi không thấy, không nghe, không phân biệt, không nhận biết. Cũng như có một người, thấy khởi tướng không

thấy, nghe, phân biệt, nhận biết, khởi tưởng không nghe, không phân biệt, không nhận biết. Người kia không do tưởng này, không do nhãn này, không do kiến này, không do dục này, không do trí tuệ này, để nói: Tôi thấy, nghe, phân biệt, nhận biết. Đây gọi là hành bất thiện, hành vi ấy không phải là điên đảo.

Thế nào là hành điên đảo, hành ấy không phải là bất thiện? Là cũng như có một người không thấy có quả thật, thấy như thế, nói như thế này: Không có hành, không có quả báo của hành. Nhưng người kia thân hành diêu, miệng ý hành diêu. Cũng như có một người, không thấy, khởi tưởng có thấy, không nghe, không phân biệt, không nhận biết, khởi tưởng có nghe, có phân biệt, có nhận biết. Người kia do tưởng này, do nhãn này, do kiến này, do dục này, do trí tuệ này, để nói: Tôi có thấy, nghe, phân biệt, nhận biết. Cũng như có một người, thấy khởi tưởng không thấy, nghe, phân biệt, nhận biết khởi tưởng không nghe, không phân biệt, không nhận biết. Người kia do tưởng này, do nhãn này, do kiến này, do dục này, do trí tuệ này, để nói: Tôi không thấy, không nghe, không phân biệt, không nhận biết. Đây gọi là hành điên đảo, hành ấy không phải là bất thiện.

Thế nào là hành bất thiện, hành ấy cũng là điên đảo? Là cũng như có một người không thấy không có quả thật, thấy như thế, nói như thế này: Không có hành, không có quả báo của hành. Nhưng người kia thân hành ác, miệng, ý hành ác. Cũng như có một người không thấy khởi tưởng không thấy, không nghe, không phân biệt, không nhận biết, khởi tưởng không nghe, không phân biệt, không nhận biết. Người kia không do tưởng này, không do nhãn này, không do kiến này, không do dục này, không do trí tuệ này, để nói: Tôi thấy, nghe, phân biệt, nhận biết. Cũng như có một người thấy khởi tưởng có thấy, nghe, phân biệt, nhận biết, khởi tưởng có nghe, phân biệt nhận biết. Người kia không do tưởng này, không do nhãn này, không do kiến này, không do dục này, không do trí tuệ này, để nói:

Tôi không thấy, không nghe, không phân biệt, không nhận biết. Đây gọi là hành bất thiện, hành ấy cũng là điên đảo.

Thế nào là hành không phải bất thiện, hành ấy cũng không phải là điên đảo? Là cũng như có một người thấy có quả thật, thấy như thế, nói như thế này: Có hành, có quả báo của hành. Nhưng người kia thân hành diệu, miệng, ý hành diệu. Cũng như có một người không thấy khởi tướng thấy, không nghe, không biện biệt, không nhận biết, khởi tướng không nghe, không phân biệt, không nhận biết. Người kia do tướng này, do nhãn này, do kiến này, do dục này, do trí tuệ này, để nói: Tôi không thấy, không nghe, không phân biệt, không nhận biết. Cũng như có một người thấy khởi tướng có thấy, nghe, phân biệt, nhận biết, khởi tướng có nghe, có phân biệt, có nhận biết. Người kia do tướng này, do nhãn này, do kiến này, do dục này, do trí tuệ này, để nói: Tôi có thấy, nghe, phân biệt, nhận biết. Đây gọi là hành không phải bất thiện, hành ấy cũng không phải là điên đảo.

Như hành bất thiện, hành không bất thiện cũng như vậy.

Hỏi: Nếu tạo thành hành bất thiện thì thành tựu hành nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Đúng vậy. Nếu tạo thành hành bất thiện thì thành tựu hành nơi cõi Sắc, Vô sắc.

Hỏi: Từng có thành tựu hành nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc không phải là tạo thành hành bất thiện chăng?

Đáp: Có. Như sinh nơi cõi Dục, ái dục đã hết, hoặc sinh nơi cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu hành thiện nơi cõi Dục thì thành tựu hành thiện nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc có thành tựu hành thiện nơi cõi Dục không phải là hành thiện nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Thế nào là thành tựu hành thiện nơi cõi Dục không phải là hành thiện nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc? Là như sinh nơi cõi Dục, không đoạn mất gốc thiện, không đạt được tâm thiện nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc. Đây gọi là thành tựu hành thiện nơi cõi Dục không phải là hành thiện nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Thế nào là thành tựu hành thiện nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, không phải là hành thiện nơi cõi Dục? Là như sinh nơi cõi Sắc, đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc. Đây gọi là thành tựu hành thiện nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, không phải là hành thiện nơi cõi Dục.

Thế nào là thành tựu hành thiện nơi cõi Dục cũng là hành thiện nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc? Là như sinh nơi cõi Dục, đạt được tâm thiện của cõi Sắc, cõi Vô sắc. Đây gọi là thành tựu hành thiện nơi cõi Dục cũng là hành thiện nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Thế nào là không thành tựu hành thiện nơi cõi Dục cũng không phải là hành thiện nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc? Là căn bản thiện đã đoạn dứt. Đây gọi là không thành tựu hành thiện nơi cõi Dục cũng không phải là hành thiện nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu hành nơi cõi Dục thì thành tựu hành nơi cõi Sắc chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu hành nơi cõi Sắc thì thành tựu hành nơi cõi Dục chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu hành nơi cõi Dục thì thành tựu hành nơi cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Từng có thành tựu hành nơi cõi Vô sắc không phải là thành tựu hành nơi cõi Dục chăng?

Đáp: Có. Như sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu hành nơi cõi Dục thì thành tựu hành vô lậu chăng?

Đáp: Hoặc có thành tựu hành nơi cõi Dục không phải là hành vô lậu.

Thế nào là thành tựu hành nơi cõi Dục không phải là hành vô lậu? Là như người phạm phu sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu hành nơi cõi Dục không phải là hành vô lậu.

Thế nào là thành tựu hành vô lậu không phải là hành nơi cõi Dục? Là như người vô cấu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là thành tựu hành vô lậu không phải là hành nơi cõi Dục.

Thế nào là thành tựu hành nơi cõi Dục cũng là hành vô lậu? Là như người vô cấu sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu hành nơi cõi Dục cũng là hành vô lậu.

Thế nào là không thành tựu hành nơi cõi Dục cũng không thành tựu hành vô lậu? Là như người phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không thành tựu hành nơi cõi Dục cũng không thành tựu hành vô lậu.

Hỏi: Nếu thành tựu hành nơi cõi Sắc thì thành tựu hành nơi cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Từng có thành tựu hành nơi cõi Vô sắc không phải là thành tựu hành nơi cõi Sắc chăng?

Đáp: Có. Là sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu hành nơi cõi Sắc thì thành tựu hành vô lậu chăng?

Đáp: Hoặc có thành tựu hành nơi cõi Sắc không phải là hành vô lậu.

Thế nào là thành tựu hành nơi cõi Sắc không phải là hành vô lậu? Là như người phạm phu sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu hành nơi cõi Sắc không phải là hành vô lậu.

Thế nào là thành tựu hành vô lậu không phải là hành nơi cõi Sắc? Là như người vô cấu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là thành tựu hành vô lậu không phải là hành nơi cõi Sắc.

Thế nào là thành tựu hành nơi cõi Sắc cũng là hành vô lậu? Là như người vô cấu sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu hành nơi cõi Sắc cũng là hành vô lậu.

Thế nào là không thành tựu hành nơi cõi Sắc cũng không thành tựu hành vô lậu? Là như người phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không thành tựu hành nơi cõi Sắc cũng không thành tựu hành vô lậu.

Hỏi: Nếu thành tựu hành nơi cõi Vô sắc thì thành tựu hành vô lậu chăng?

Đáp: Đúng vậy. Nếu thành tựu hành vô lậu thì thành tựu hành nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Từng có thành tựu hành nơi cõi Vô sắc không phải là hành vô lậu chăng?

Đáp: Có. Là như người phạm phu.

Hỏi: Nếu thành tựu hành nơi cõi Dục, hành nơi cõi Sắc, hành nơi cõi Vô sắc, hành vô lậu, thì người kia sau khi mạng chung sinh vào xứ nào?

Đáp: Hoặc nơi cõi Dục, hoặc nơi cõi Sắc, hoặc nơi cõi Vô sắc, hoặc vô xứ sở.

MỤC LỤC

SỐ 1541/12: LUẬN CHỨNG SỰ PHẦN A TỶ ĐÀM.....	5
Quyển 5.....	5
Phẩm 6: Phân Biệt Thâu Tóm, Phần 2.....	5
Quyển 6.....	34
Phẩm 6: Phân Biệt Thâu Tóm, Phần 3.....	34
Quyển 7.....	62
Phẩm 6: Phân Biệt Thâu Tóm, Phần 4.....	62
Quyển 8.....	84
Phẩm 7: Thiên Vấn Luận (Biện Về Ngàn Câu Hỏi), Phần 1.....	84
Quyển 9.....	121
Phẩm 7: Thiên Vấn Luận, Phần 2.....	121
Quyển 10.....	148
Phẩm 7: Thiên Vấn Luận, Phần 3.....	148
Quyển 11.....	180
Phẩm 7: Thiên Vấn Luận, Phần 4.....	180
Quyển 12.....	204
Phẩm 7: Thiên Vấn Luận, Phần 5.....	204
Phẩm 8: Lựa Chọn, Gồm Thâu.....	222
SỐ 1542/18: LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHẨM LOẠI TỨC.....	241
Quyển 1.....	241
Phẩm 1: Biện Về Năm Sự.....	241
Phẩm 2: Biện Về Các Trí, Phần 1.....	251
Quyển 2.....	261
Phẩm 2: Biện Về Các Trí, Phần 2.....	261
Phẩm 3: Biện Về Các Xứ.....	262
Phẩm 4: Biện Về Bảy Sự, Phần 1.....	275
Quyển 3.....	283
Phẩm 4: Biện Về Bảy Sự, Phần 2.....	283
Phẩm 5: Biện Về Tùy Miên, Phần 1.....	296
Quyển 4.....	310
Phẩm 5: Biện Về Tùy Miên, Phần 2.....	310

Quyển 5.....	335
Phẩm 5: Biện Về Tùy Miên, Phần 3	335
Phẩm 6: Biện Về Thâu Giữ, Phần 1	347
Quyển 6.....	356
Phẩm 6: Biện Về Thâu Giữ, Phần 2	356
Quyển 7.....	387
Phẩm 6: Biện Về Thâu Giữ, Phần 3	387
Quyển 8.....	408
Phẩm 6: Biện Về Thâu Giữ, Phần 4	408
Quyển 9.....	433
Phẩm 6: Biện Về Thâu Giữ, Phần 5	433
Quyển 10.....	461
Phẩm 6: Biện Về Thâu Giữ, Phần 6	461
Phẩm 7: Biện Về Ngàn Câu Hỏi, Phần 1	472
Quyển 11.....	490
Phẩm 7: Biện Về Ngàn Câu Hỏi, Phần 2	490
Quyển 12.....	512
Phẩm 7: Biện Về Ngàn Câu Hỏi, Phần 3	512
Quyển 13.....	535
Phẩm 7: Biện Về Ngàn Câu Hỏi, Phần 4	535
Quyển 14.....	562
Phẩm 7: Biện Về Ngàn Câu Hỏi, Phần 5	562
Quyển 15.....	584
Phẩm 7: Biện Về Ngàn Câu Hỏi, Phần 6	584
Quyển 16.....	608
Phẩm 7: Biện Về Ngàn Câu Hỏi, Phần 7	608
Quyển 17.....	632
Phẩm 7: Biện Về Ngàn Câu Hỏi, Phần 8	632
Quyển 18.....	653
Phẩm 8: Biện Về Quyết Trạch	653
SỐ 1543/30: LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ	676
Quyển 1.....	676
Phẩm 1: Pháp Thứ Nhất Thế Gian	676
Phẩm 2: Bàn Về Trí.....	683
Quyển 2.....	698
Phẩm 3: Bàn Về Người	698
Phẩm 4: Bàn Về Ái, Cung Kính.....	709
Phẩm 5: Bàn Về Vô Tâm Quý (Không Hồ Thẹn).....	720
Quyển 3.....	728
Phẩm 6: Bàn Về Sắc	728
Phẩm 7: Bàn Về Vô Nghĩa.....	731
Phẩm 8: Bàn Về Tư.....	737

Quyển 4.....	753
Phẩm 1: Bàn Về Bất Thiện	753
Quyển 5.....	779
Phẩm 2: Bàn Về Nhất Hành, Phần 1	779
Quyển 6.....	805
Phẩm 2: Bàn Về Nhất Hành, Phần 2.....	805
Quyển 7.....	827
Phẩm 3: Bàn Về Người.....	827
Quyển 8.....	852
Phẩm 4: Bàn Về Mười Môn.....	852
Quyển 9.....	910
Phẩm 1: Bàn Về Tám Đạo	910
Quyển 10.....	937
Phẩm 2: Bàn Về Năm Thứ.....	937
Phẩm 3: Biết Tâm Người Khác.....	950
Quyển 11.....	958
Phẩm 4: Bàn Về Tu Trí, Phần 1	958
Quyển 12.....	979
Phẩm 4: Bàn Về Tu Trí, Phần 2	979
Quyển 13.....	1000
Phẩm 5: Bàn Về Trí Tương Ứng, Phần 1	1000
Quyển 14.....	1026
Phẩm 5: Bàn Về Trí Tương Ứng, Phần 2.....	1026
Quyển 15.....	1056
Phẩm 1: Bàn Về Hành Ác.....	1056
Phẩm 2: Bàn Về Tà Ngữ.....	1067
Quyển 16.....	1080
Phẩm 3: Bàn Về Hại Chúng Sinh	1080

